

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
7
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

UNIV. OF MICH.
OCT 16 1991
CURRENT SERIALS

7
1990

Digitized by Google

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
Cơ quan lý luận và chính trị của
Trung ương Đảng cộng sản Việt nam

HÃY XỨNG ĐÁNG LÀ LỰC LƯỢNG XUNG KÍCH TRÊN MẶT TRẬN TƯ TƯỞNG*

NGUYỄN VĂN LINH
Tổng bí thư BCHTƯ ĐCS Việt nam

Các đồng chí thân mến,

Trong những ngày này, nhân dân Việt nam cùng nhân loại tiến bộ tiến hành nhiều hoạt động phong phú kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa lớn. Cùng với những hoạt động đó, những người làm báo Việt nam kỷ niệm ngày truyền thống báo chí, ngày ra đời tờ báo cách mạng đầu tiên cách đây 65 năm, tờ **Thanh niên**, do Bác Hồ kính yêu sáng lập. Chính từ tia lửa cách mạng do báo **Thanh niên** phát ra đã bùng lên ngọn lửa cách mạng cháy sáng trong tâm hồn thế hệ trẻ yêu nước, lan tỏa đến các giới công nhân, nông dân lao động và trí thức cả nước góp phần chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt nam. Như vậy, ngay từ đầu sự nghiệp báo chí cách mạng Việt nam gắn liền với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. 65 năm qua, từ ngày báo **Thanh niên** ra đời, cách mạng nước ta đã đi được một quãng đường dài hết sức vẻ vang. Đất nước ta được độc lập, thống nhất. Nhân dân ta được tự do, thoát khỏi ách áp bức bóc lột và tiến lên xây dựng cuộc sống mới. Đội ngũ những người làm báo cũng trưởng thành về nhiều mặt, cả về số lượng và chất lượng, đang cùng toàn dân hăng hái tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ

* Bài nói tại Hội nhà báo Việt nam nhân Ngày báo chí Việt nam (21-6) và Kỷ niệm lần thứ 65 ngày ra đời của báo *Thanh niên* — tờ báo cách mạng đầu tiên của nước ta (21-6-1925—21-6-1990)

60 21AA XL1 1930
01/94 02-013-01
Digitized by Google

nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Từ chỗ chỉ có một tờ **Thanh niên** phát hành bí mật với số lượng rất ít, kỹ thuật in thô sơ, ngày nay trên cả nước đã có mấy trăm tờ báo và tạp chí cùng các phương tiện phát thanh, truyền hình, nghe, nhìn đa dạng và tương đối hiện đại. Đó là những thành tựu rất to lớn và đáng tự hào.

Nhân cuộc gặp gỡ các đồng chí hôm nay thay mặt Trung ương Đảng, tôi thân ái gửi lời chào và chúc sức khỏe đến tất cả các đồng chí — phóng viên, biên tập viên, phát thanh viên, cán bộ nghiệp vụ, quản lý và đào tạo, giảng dạy báo chí có mặt ở đây cũng như đang công tác tại các cơ quan báo chí ở trung ương và địa phương.

Các đồng chí thân mến,

Những năm qua, nhất là từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng nước ta đạt được những tiến bộ mới, được bạn đọc, bạn nghe, bạn xem hoan nghênh và ủng hộ. Những tiến bộ đó thể hiện trên những mặt chủ yếu sau đây:

Một là, thông tin báo chí ngày càng phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu tinh thần nhiều mặt của nhân dân, từ những vấn đề chính trị quan trọng ở trong nước đến các vấn đề quốc tế nóng bỏng, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và các mặt đời thường của các tầng lớp nhân dân.

Hai là, trong khi mở rộng thông tin nhiều chiều cho bạn đọc, báo chí coi trọng việc đưa đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước đến nhân dân. Về mặt này, báo chí không chỉ truyền đạt đơn thuần, mà còn chú trọng phản ánh sự vận động của đường lối, chính sách trong thực tiễn và sự sáng tạo của nhân dân, qua đó góp phần bổ sung, hoàn chỉnh đường lối và chính sách, động viên nhân dân hăng hái xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tôi cho rằng đây là một hướng rất quan trọng cần được cổ vũ, khuyến khích.

Ba là, báo chí tham gia đắc lực vào cuộc đấu tranh chống tiêu cực cũng như đã chú ý nêu những gương sáng, những mô hình hay xuất hiện ở nhiều nơi và trên các lĩnh vực.

Bốn là, báo chí không chỉ là cơ quan ngôn luận của Đảng và đoàn thể mà ngày càng trở thành diễn đàn của nhân dân.

Tiếng nói của nhân dân lao động người sáng tạo của cải vật chất và tinh thần, người làm chủ thực sự xã hội ta ngày càng được phản ánh trực tiếp và rộng rãi trên báo chí. Đây là một mặt quan trọng thể hiện quyền làm chủ, quyền dân chủ về chính trị của nhân dân lao động trong xã hội ta, một đặc trưng khác với các chế độ chính trị — xã hội khác.

Năm là, báo chí đã cố gắng cải tiến về hình thức cũng như văn phong, tăng thêm tính hấp dẫn đối với người đọc, người nghe và người xem.

Điểm qua những kết quả tiến bộ chủ yếu kể trên, tôi muốn nói rằng những người làm báo Việt nam xứng đáng với sự tin cậy của Đảng và nhân dân ta, xứng đáng là lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng trong công cuộc đổi mới đất nước. Tôi nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương các đồng chí, mong các đồng chí làm tốt hơn nữa chức năng của người chiến sĩ cầm bút trên mặt trận thông tin.

Các đồng chí thân mến,

Chắc các đồng chí đồng ý với tôi rằng, chúng ta chưa thể bằng lòng với những gì chúng ta đã làm được. Cách mạng luôn luôn là sự nghiệp tìm tòi, sáng tạo và đổi mới không ngừng. Có những việc làm đối với ngày hôm qua là tiến bộ nhưng hôm nay đã trở thành lạc hậu. Có những việc đã bắt đầu làm nhưng chưa đủ, cần phải làm tốt hơn. Hướng hồ trong

Digitized by Google

công việc của chúng ta còn có những sai sót, khuyết điểm. Tự nhận thức lại mình, đánh giá đúng mình, đòi hỏi ở mình cao hơn nữa, nhất là so với nhiệm vụ cách mạng đặt ra hôm nay và sắp tới, là những yếu tố không thể thiếu để phát huy hơn nữa vai trò tích cực của báo chí cách mạng. Trên tinh thần đó, tôi muốn gợi ý một số vấn đề để chúng ta cùng nhau suy nghĩ.

Câu hỏi lớn nhất, bao trùm nhất đối với những người làm công tác báo chí là **cần phải tiếp tục đổi mới như thế nào** trên lĩnh vực của mình. Đứng về nguyên tắc chung, chúng ta dễ thống nhất với nhau rằng báo chí là một bộ phận của công tác tư tưởng đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mục tiêu của báo chí là phục vụ lợi ích Tổ quốc và nhân dân, thúc đẩy công cuộc đổi mới nhằm xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Sự nghiệp đổi mới nói chung cũng như đổi mới báo chí là thực hiện tốt hơn, có hiệu quả hơn mục tiêu và các nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, khắc phục cách suy nghĩ và cách làm cũ kỹ, lỗi thời hoặc sai trái.

Có một thời, báo chí ta nặng về nói một chiều, thiên về nói cái hay, cái tốt, không ít trường hợp tô hồng giản đơn. Đại hội Đảng lần thứ VI đòi hỏi nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật. Do đó, sau Đại hội VI, cùng với việc nêu ưu điểm, báo chí bắt đầu chú ý nêu cả khuyết điểm, mặt sai trái, hư hỏng. Nhiều vụ tiêu cực được báo chí phát hiện đưa ra ánh sáng công luận, giúp cho các cơ quan chức năng điều tra, xử lý, có tác dụng giáo dục, răn đe những người khác không đi vào con đường sai trái. Đó là việc đáng làm và cần tiếp tục làm tốt hơn. Nhưng gần đây, một số báo, đài có xu hướng một chiều nhấn mạnh khuyết điểm và tiêu cực, gây cho người ta cảm giác xã hội này toàn một màu đen. Nhân đây tôi muốn nói đến một xu hướng khác xuất hiện không chỉ trong báo chí mà cả trong văn học nghệ thuật, trong công tác lý luận là phủ định quá khứ. Những người theo xu hướng này cho rằng trước đây báo chí, văn học nghệ thuật và công tác lý luận của ta đơn thuần chỉ làm nhiệm vụ minh họa, thuyết minh đường lối chính trị. Theo tôi, đó không phải là toàn bộ sự thật của quá khứ. Hơn nữa, nếu từ bỏ nhiệm vụ giải thích, thuyết minh có căn cứ xác thực và sáng tạo các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước thì cũng không đúng. Trước đây, hiện nay và cả sau này, nhiệm vụ đó vẫn luôn luôn cần thiết. Vấn đề là làm thế nào cho hay, cho hấp dẫn, có sức thuyết phục.

Tôi nói như trên không có nghĩa là khuyên các nhà báo từ nay trở đi không nêu các mặt trái và tiêu cực nữa. Ngược lại cần phải làm và làm một cách kiên quyết hơn nữa. Chỉ có điều là cần xác định trọng tâm và mục tiêu, làm với động cơ trong sáng và thái độ trung thực, có trách nhiệm, đúng mức độ, không gặp đâu nói đó tràn lan, nêu vụ việc tiêu cực phải rõ địa chỉ, tránh thổi phồng, nói chung chung hoặc « vơ đũa cả nắm », gây mơ hồ lẫn lộn. Đồng thời, không nên quên một sự thật khác là trong cuộc sống luôn luôn có và ngày càng xuất hiện nhiều hơn những tấm gương tốt, những người tốt và việc tốt, những mô hình hay ở khắp nơi và trên các lĩnh vực. Những thành tựu đạt được trong hơn ba năm đổi mới vừa qua không thể tách rời việc ra đời và khẳng định trong cuộc sống những nhân tố mới. Việc này báo chí đã bắt đầu làm, nhưng chưa sâu và chưa có hệ thống, có báo còn phát hiện sai nhân tố mới. Các nhà báo cần tiếp tục đi sâu phát hiện, phân tích, trình bày một cách thuyết phục những

Digitized by Google

nhân tố mới (cả những mặt làm tốt và chưa tốt, những vấp váp và khó khăn, chỉ ra nguyên nhân và kinh nghiệm) để các nơi học tập, nhân lên trên diện rộng. Như Lê-nin đòi hỏi, chúng ta phải biết cách làm thế nào để cho kinh nghiệm thực tế muôn màu muôn vẻ, những kinh nghiệm địa phương nhưng có ý nghĩa toàn quốc « trở thành phổ biến và bắt buộc ».

Không nên nghĩ là trong đời thường hiện nay chỉ toàn là tiêu cực như một số đồng chí quan niệm. Đời thường còn có nhiều mặt tốt và mặt đẹp nữa chứ! Hơn nữa, về mặt phương pháp công tác, « chống » phải gắn liền với « xây », « chống » để « xây » và « xây » để « chống », đúng như câu thơ của Nguyễn Đình Chiểu: « Vì chưng hay ghét cũng là hay thương »!

Vấn đề nói trên có quan hệ chặt chẽ với nhiệm vụ của báo chí là quán triệt đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong các tầng lớp nhân dân. Ngoài lợi ích chung, mỗi tầng lớp nhân dân có lợi ích và mối quan tâm đặc thù. Tùy theo đối tượng người đọc, người nghe cụ thể mà báo chí có cách trình bày đường lối, chính sách một cách phù hợp. Quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống không chỉ là giới thiệu các văn bản, mà quan trọng hơn là phân tích sự vận động của đường lối, chính sách trong thực tiễn với tất cả sự phong phú, đa dạng của nó, cả mặt được và chưa được, những lệch lạc cần tránh và những mặt tốt cần phát huy, những bài học và kiến nghị. Qua đó, báo chí góp phần bổ sung, hoàn chỉnh đường lối, chính sách. Chúng ta cần chú trọng cả hai hướng: vừa có những bài phân tích tổng hợp những mặt của đường lối, chính sách thực hiện ở một địa phương, một ngành hoặc toàn quốc; vừa có những bài mổ tả sinh động thực tiễn hoạt động của các cơ sở với những con người và sự việc cụ thể, qua đó thể hiện những mối quan hệ và tính quy luật chung, phổ biến. Những bài viết hay có thể tập hợp lại, in thành những cuốn sách mỏng, phát hành rộng rãi trong nhân dân để mọi người cùng biết, cùng làm.

Các đồng chí đều biết hiện nay cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng ở nước ta có một ý nghĩa đặc biệt. Từ khi các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng, các thế lực thù địch quốc tế coi nước ta là một trọng điểm để chúng chống phá. Chúng ráo riết thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình bằng những thủ đoạn kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa rất thâm độc. Cùng với bọn phản động người Việt lưu vong, chúng mở nhiều chiến dịch tuyên truyền bằng đài phát thanh, báo chí, thư và truyền đơn đưa vào nước ta nhằm mục đích bôi nhọ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, đòi thực hiện đa nguyên chính trị và đảng đối lập; kích động các phần tử xấu, những người bất mãn và cơ hội nổi dậy, lừa bịp quần chúng nhẹ dạ, chia rẽ Đảng với nhân dân. Bọn phản động đủ loại và những kẻ xấu ở trong nước đang có mưu đồ tập hợp lực lượng để chống Đảng và Nhà nước. Thủ đoạn nham hiểm của chúng là mị dân, lợi dụng các chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về đổi mới, dân chủ hóa, đấu tranh chống tiêu cực để thực hiện âm mưu đen tối của chúng là xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng và lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa. Đáng tiếc là trên báo chí, đài phát thanh, các hoạt động thông tin, văn hóa, hội thảo... ở nước ta vừa qua cũng đã xuất hiện những bài viết, bài nói trắng trợn hoặc tinh vi phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng và thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội, bác bỏ chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đòi dân chủ cực đoan, vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước. Trên mặt báo và đài phát sóng, phát hình có những người lợi

Digitized by Google

đụng diễn đàn nhân dân, mạo danh là tiếng nói của nhân dân để đưa ra những bài chứa đựng các quan điểm sai trái hoặc có nội dung kích động chống Đảng và Nhà nước. Trong số người này, có những người trước đây đã mắc sai lầm và bị thi hành kỷ luật lâu nay im hơi lặng tiếng, nay tưởng thời cơ đã đến, vội nhảy ra rao giảng những tư tưởng và quan điểm độc hại mà có thời kỳ xã hội ta lên án. Tham gia vào « bản hòa tấu » này còn có một số người mơ hồ hoặc cơ hội chủ nghĩa. Các nhà báo chúng ta, trước hết là tổng biên tập và phóng viên, biên tập viên phải tỉnh táo cảnh giác, không để bị lôi kéo và phải ngăn chặn các hoạt động nói trên.

Đó là chưa nói đến một số nơi cho in những tài liệu dưới danh nghĩa phụ trương hoặc lưu hành nội bộ, những bài viết chuyền tay để loan truyền những quan điểm sai trái chống Đảng và chống chế độ.

Thực tiễn hơn ba năm đổi mới vừa qua ở nước ta làm sáng tỏ một bài học lớn: xã hội cần có sự ổn định chính trị để xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; việc cải cách hệ thống chính trị phải tiến hành từng bước vững chắc và phục vụ tích cực cho công cuộc phát triển kinh tế — xã hội. Trách nhiệm xã hội của những người làm báo nước ta là phải ủng hộ phương hướng đúng đắn đó. Kẻ thù không mong muốn gì hơn là tạo ra sự rối loạn trong nội bộ Đảng ta và xã hội ta để chúng dễ bề thực hiện âm mưu « đục nước béo cò ».

Trong việc đưa tin các sự kiện quốc tế, nhất là các sự kiện xảy ra ở một số nước xã hội chủ nghĩa, một số báo ở trung ương và địa phương không có quan điểm chính trị vững vàng, lấy các nguồn tin sai lệch, bóp méo sự thật từ một số báo, đài nước ngoài để thông tin, bình luận; về khách quan đã làm cái loa cho tuyên truyền tư sản phản động. Điều lạ lùng là trong khi các nhà báo tư sản có lương tâm và khách quan bác bỏ những tin xuyên tạc, thì một số báo chí chúng ta lại tiếp nhận một cách dễ dàng. Đến nay một số người đã thấy rõ sự ngộ nhận ban đầu của mình về các sự kiện xảy ra ở Đông Âu là ấu trĩ biết chừng nào. Tôi nói những điều trên không phải với mục đích cấm đoán việc đưa tin của nước ngoài, nhưng trong mỗi trường hợp cần phải xem xét thận trọng, phải tính đến tác dụng và hiệu quả nhận thức và tư tưởng đối với công chúng; khi cần thiết phải có những bình luận ngay sau đoạn tin để hướng dẫn người đọc và người nghe.

Trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước phức tạp hiện nay, tôi đề nghị báo chí của ta tăng cường hơn nữa công tác tư tưởng, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu trên mặt trận này. Cần xây dựng hệ thống các đề tài về từng chủ đề nhất định, tập hợp những anh chị em có khả năng nghiên cứu và viết để kịp thời giáng trả sắc bén những luận điệu xuyên tạc, bác bỏ những quan điểm sai lầm bất cứ từ đâu đến, bảo vệ có sức thuyết phục đường lối và quan điểm của Đảng ta, khẳng định niềm tin trong nhân dân vào công cuộc đổi mới và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Các đồng chí đều biết, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khai sinh nền báo chí cách mạng Việt nam, là một nhà báo lớn. Bác Hồ luôn luôn coi hoạt động báo chí là hoạt động cách mạng, « bài báo là tờ hịch cách mạng », « cán bộ báo chí cũng là cán bộ cách mạng ». Nhiều bài báo luận chiến của Bác giản dị mà sắc bén, lời lẽ không đao to búa lớn mà có sức công phá mạnh mẽ. Lúc này, chúng ta càng phải ra sức học tập Bác về mặt này.

Có mối quan tâm chung muốn cho mỗi tờ báo cũng như mỗi chương

Digitized by Google

trình phát thanh, truyền hình tăng thêm tính hấp dẫn đối với công chúng. Đặc biệt đối với các tờ báo và tạp chí, tính hấp dẫn có liên quan đến số lượng phát hành, đến bù đắp chi phí và tiền lãi. Đó là mong muốn chính đáng. Vấn đề là bằng con đường nào để thực hiện điều này. Tất nhiên là bằng cải tiến nội dung cũng như hình thức tờ báo, viết sao cho hay hơn, đề tài đáp ứng được nhu cầu chính đáng của bạn đọc, tờ báo trang nhã, in ấn rõ ràng, v.v. Điều đáng chê trách là có một số bài báo, tờ báo muốn tăng tính hấp dẫn bằng con đường khác không lành mạnh. Đó là việc câu khách bằng chuyện vụ án, tình yêu, tình dục, trình bày sự việc trần trụi, khêu gợi tò mò và kích thích những dục vọng thấp hèn. Thậm chí vừa rồi có tập san nói là để kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Bác Hồ, nhưng nội dung quảng cáo trên bìa trước và bìa sau là « hung thủ gây án đã bỏ trốn », « một cái chết hai bản án tử hình », « lá thư tình giám đốc gửi bồ nhí », « tiếng khóc trong ngày cưới » và còn nhiều đề mục khác tương tự. Có một số bài tít để mang tính chất giật gân, kích động. Một số bài khác thì để lộ bí mật quốc gia về tình hình quân sự, an ninh, về các số liệu kinh tế. Liệu chúng ta có đồng tình với những kiểu cách « hấp dẫn » trên mặt báo như vậy không? Những nhà báo đúng đắn, chính trực và họ chiếm số đông trong làng báo chắc chắn không thể chấp nhận.

Để tiếp tục đổi mới báo chí, làm cho báo chí ta ngày nay kế tục xứng đáng truyền thống tốt đẹp của báo chí cách mạng, một nhiệm vụ rất cơ bản là **thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ những người làm báo.** Đội ngũ đó không những đủ về số lượng mà phải mạnh về chất lượng, ngày càng có nhiều nhà báo xuất sắc, có thẩm quyền và uy tín trong dư luận. Chất lượng của nhà báo bao gồm nhiều mặt: từ vốn kiến thức chung và kiến thức chuyên môn, năng lực nghiệp vụ, khả năng nhanh nhạy nắm bắt tình hình và định hướng đúng đắn suy nghĩ, cho đến đạo đức, tác phong và phẩm chất chính trị. Là người có vai trò to lớn hướng dẫn dư luận xã hội, tác động hằng ngày và rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân, tôi muốn nhấn mạnh: các nhà báo trước hết phải là tấm gương sáng về phẩm chất chính trị. Đó cũng là lời căn dặn tâm huyết của Bác Hồ đối với những người làm báo. Bác nói: « Tất cả những người làm báo (người viết, người in, người sửa bài, người phát hành, v.v.) phải có lập trường chính trị vững chắc. Chính trị phải làm chủ. Đường lối chính trị đúng thì những việc khác mới đúng được ». Tôi nghĩ rằng, chính trị đúng quyết định những vấn đề rất cơ bản của nghề làm báo như viết cái gì, viết cho ai và viết như thế nào để có lợi nhất cho sự nghiệp cách mạng, có bản lĩnh vững vàng trong tình hình chính trị biến động phức tạp, có khả năng dự kiến chiều hướng vận động của các sự kiện, v.v. Dĩ nhiên, để trở thành một nhà báo giỏi, yếu tố chính trị phải gắn liền với yếu tố chuyên môn và nghiệp vụ. Vấn đề đạo đức của người làm báo cũng không kém phần quan trọng. Tôi muốn nhấn mạnh phẩm chất trung thực, nhất là trong việc đánh giá khen, chê. Vừa qua không phải không có hiện tượng trên một số báo « yêu ai nên tốt, ghét ai nên xấu », vì động cơ không trong sáng do nhiều nguyên nhân nên phản ánh sự việc thiếu chân thật. Chỉ cần ưu điểm nói quá lên một chút, còn khuyết điểm thì hạ thấp đi một chút, hoặc ngược lại, thì việc phản ánh của báo chí đã mất đi tính khách quan cần thiết. Việc phản ánh thiếu chân thật còn do tác phong làm việc không nghiêm túc, không đi sâu điều tra nghiên cứu kỹ càng hoặc do phương pháp công tác sai. Dù do

Digitized by Google

nguyên nhân nào thì tác hại cũng như nhau, đều gây hậu quả xấu đối với xã hội và làm giảm uy tín của báo chí.

Tôi biết Hội nhà báo Việt nam và các cơ quan báo chí đã có kế hoạch bồi dưỡng các nhà báo. Mong các đồng chí thực hiện tốt kế hoạch này. Tôi cho rằng điều cơ bản nhất vẫn là sự tự thân vận động, tự đòi hỏi vươn lên của các nhà báo. Tự học thêm qua sách vở, trong thực tiễn cuộc sống, học ở đồng nghiệp, rút kinh nghiệm nghiêm túc sau mỗi bài viết của mình, dần dần trình độ của nhà báo sẽ được nâng lên.

Cuối cùng, tôi muốn nói thêm đôi điều về sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước đối với báo chí. Điều đã được xác định là báo chí đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Điều đó có nghĩa là báo chí hoạt động theo định hướng đường lối, quan điểm của Đảng; Đảng tạo điều kiện cho báo chí nắm vững các chủ trương chính sách của Đảng trong từng thời kỳ; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán và kiểm tra hoạt động của báo chí trên góc độ chính trị tư tưởng nhằm biểu dương và thúc đẩy những mặt tốt, rút kinh nghiệm và uốn nắn những lệch lạc. Nguyên tắc là như vậy nhưng tôi biết vừa qua mối quan hệ giữa cấp ủy đảng và báo chí ở một số địa phương và cơ quan trung ương chưa thật tốt. Có tình trạng cấp ủy không quan tâm đến báo chí, khoán trắng cho anh em, khi báo chí xảy ra lệch lạc thì cấp ủy chỉ biết phê phán, thiếu sự giúp đỡ thường xuyên và chân tình. Cũng có những trường hợp cấp ủy can thiệp quá sâu vào nghiệp vụ báo chí. Một số đồng chí lãnh đạo ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, cơ quan chủ quản của báo, đài buông lỏng vai trò lãnh đạo và chỉ đạo. Về phía báo chí cũng có tình trạng thiếu tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy và cấp lãnh đạo chủ quản, thậm chí cá biệt có quan niệm báo chí độc lập đối với sự lãnh đạo của Đảng. Những lệch lạc từ hai phía kể trên đều phải được sớm khắc phục. Trong việc xử lý những vấn đề cụ thể có ý kiến khác nhau, phương pháp tốt nhất là lắng nghe nhau, thảo luận, thuyết phục trên tinh thần tôn trọng lẽ phải, tôn trọng sự thật và có lợi cho cách mạng. Có những vấn đề phức tạp đòi khi phải chờ đợi, thực tế dần dần sẽ cung cấp những căn cứ xác đáng để kết luận. Những vấn đề hệ trọng liên quan đến bí mật quốc gia và an ninh đất nước, báo chí nhất thiết phải tôn trọng sự chỉ đạo của cấp ủy và cơ quan chính quyền.

Chức năng của Nhà nước là quản lý hoạt động báo chí. Tôi đề nghị các cơ quan chức năng của Nhà nước từ trung ương đến địa phương tăng cường vai trò quản lý của mình, không buông lỏng như trước đây. Làm thế nào để sớm khắc phục tình trạng xuất bản không có giấy phép hoặc cấp giấy phép không đúng, làm sai tôn chỉ mục đích của tờ báo, tuyên truyền những tư tưởng, quan điểm sai trái có hệ thống, v.v. « Tiếng còi » của các cơ quan quản lý phải thổi đúng lúc và đúng chỗ. Có tuyên dương những báo chí làm tốt và phê phán, xử lý những báo chí làm sai. Chỉ như vậy mới lập lại được trật tự kỷ cương trên mặt trận thông tin.

Các đồng chí thân mến,

Trên đây là một số ý kiến tôi gợi ra để các đồng chí suy nghĩ. Đảng và Nhà nước tin cậy ở đội ngũ những người làm báo, hy vọng báo chí ta sẽ tiếp tục tự đổi mới để phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò tích cực của mình trong sự nghiệp đổi mới của toàn dân. Chắc chắn rằng truyền thống báo chí cách mạng Việt nam mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng sẽ được thế hệ những người làm báo Việt nam hiện nay tiếp tục giữ gìn và không ngừng bồi đắp thêm lên, xứng đáng với niềm tin yêu của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Chúc các đồng chí thành công!

Digitized by Google

Đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa quan liêu

TRẦN TRỌNG HỰU *

I

QUAN liêu vốn có nghĩa là quyền lực văn phòng (1) của bộ máy quản lý. Từ khi có nhà nước, thì nhà nước nào cũng cần có bộ máy quản lý của mình.

Chủ nghĩa quan liêu là một hiện tượng xã hội gắn liền với sự ra đời và tồn tại của bộ máy quản lý nhà nước. Mức độ và hình thức biểu hiện của chủ nghĩa quan liêu thay đổi tùy thuộc vào sự thay đổi của hình thái kinh tế — xã hội và cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước. Chủ nghĩa quan liêu là căn bệnh mà người ta đã phát hiện khá sớm và đấu tranh chống lại trong thời gian dài với mức độ khác nhau, nhưng không dễ gì xóa bỏ được.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, theo đà phát triển của chế độ quản lý, của chế độ dân chủ và tự quản, chủ nghĩa quan liêu sẽ mất dần cơ sở tồn tại. Ở nước ta, mới trong chặng đường đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, đương nhiên, chủ nghĩa quan liêu vẫn còn tồn tại và phát triển. Ở nước ta cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa khác, chủ nghĩa quan liêu được hiểu theo nghĩa là một hệ thống quản lý hoạt động trên cơ sở tách rời quyền lực, ý chí và lợi ích của nhân dân, xa rời dân chủ, công bằng và nhân đạo.

Khi nói đến chủ nghĩa quan liêu, chúng ta thường nhắc đến những dấu hiệu bên ngoài như: bộ máy cồng kềnh với nhiều tầng nấc và đầu mối trung gian không cần thiết, phô trương hình thức, hoạt động không theo những nhu cầu cần thiết của xã hội; cách làm việc nặng về giấy tờ, xa thực tế, xa quần chúng; thích dùng chỉ thị, mệnh lệnh hành chính, không nắm được thực trạng công việc, có khi lại can thiệp thô bạo và vụn vặt vào công việc của cấp dưới và hoạt động của các đối tượng quản lý; tạo ra những thủ tục phức tạp, gây phiền hà cho việc thực hiện công việc; nhiều khi vất vả mà công việc vẫn kém hiệu quả hoặc không nắm chắc công việc mà gây ra hậu quả xấu.

Song thực chất của chủ nghĩa quan liêu là gì? C. Mác đã vạch rõ: « Quan liêu biến những mục đích hình thức

---

* Giáo sư, phó tiến sĩ khoa học pháp lý

(1) « Quan liêu » tiếng Pháp là « bureaucratie », gồm « bureau » (tiếng Pháp) — văn phòng và « kratos » (tiếng Hy lạp) — quyền lực

Digitized by Google

của mình thành nội dung của mình, cho nên bất kỳ ở đâu nó cũng xung đột với những mục đích «hiện thực». Vì thế nó buộc phải coi hình thức là nội dung và coi nội dung là hình thức. Những nhiệm vụ của nhà nước biến thành những nhiệm vụ của bàn giấy, hay những nhiệm vụ của bàn giấy biến thành những nhiệm vụ của nhà nước» (2). Và, «đối với người quan liêu thì mục đích nhà nước biến thành mục đích cá nhân, thành việc **chạy theo chức tước**, thành việc **mưu danh cầu lợi**» (3).

V.I. Lê-nin nhấn mạnh mặt khác của bản chất chủ nghĩa quan liêu. Đó là sự tách rời quyền lực khỏi ý chí và các quyết định của đa số, có xu hướng biến bộ máy quan chức thành những người quan liêu, nghĩa là thành những nhân vật có đặc quyền, thoát ly khỏi quần chúng và đứng trên quần chúng. Người vạch rõ: «Chủ nghĩa quan liêu, tức là đem lợi ích của **sự nghiệp** phục tùng lợi ích của **tư tưởng danh vị**, tức là hết sức chú trọng đến địa vị mà không đếm xỉa đến công tác; tức là tranh giành nhau để được **bổ tuyển** khi mà đáng lẽ phải đấu tranh cho **những tư tưởng**» (4).

Đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh nhắc nhở: «Quan liêu là căn bệnh nguy hiểm mà Lê-nin nhiều lần lưu ý chúng ta phải cảnh giác và thường xuyên đấu tranh vì nó không chỉ là di sản của chế độ cũ để lại mà còn là sự «hồi sinh một phần chủ nghĩa quan liêu trong lòng chế độ xô viết» (5). Chủ nghĩa quan liêu không chỉ ăn sâu, bám rễ trong bộ máy nhà nước. Nó còn lây sang và thấm vào các cơ quan đảng, các tổ chức xã hội. V.I. Lê-nin nói: «Chủ nghĩa quan liêu trong bộ máy xô viết không thể không lan sang bộ máy của đảng, vì hai bộ máy này có quan hệ mật thiết với nhau» (6). Cuộc khủng hoảng xảy ra ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa hiện nay cho chúng ta thấy chủ nghĩa quan liêu đã gây tác hại cho cách mạng, cho nhân dân biết chừng nào. Chủ nghĩa quan liêu, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói, là «kẻ thù bên trong», «nằm trong các tổ chức của ta», «ngấm ngầm ngăn trở, ngấm ngầm phá hoại sự nghiệp xây dựng của cách mạng» (7).

Một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho chủ nghĩa quan liêu trong các nước xã hội chủ nghĩa có thể gây tác hại đến thế là do nó được «nuôi dưỡng» trong cơ chế kinh tế tập trung quan liêu bao cấp kéo dài hàng mấy chục năm, trong một cấu trúc thượng tầng cồng kềnh, hình thức, có một đội ngũ cán bộ đông đảo quen sống bao cấp, phần lớn nói nhiều hơn làm, kém năng lực hành động thực tế, ít đầu óc sáng tạo và có một sức ỳ lớn. Trên cơ sở kinh tế và chính trị như vậy, một «tầng lớp quan liêu» đã nảy sinh và phát triển. Tầng lớp này chỉ quan tâm đến lợi ích riêng, tạo ra và tìm cách hưởng đặc quyền, đặc lợi. Họ từ nhân dân mà ra nhưng đứng trên nhân dân, thoát ly nhân dân và trong những trường hợp nhất định, họ đối lập với nhân dân. Họ làm «tha hóa» bộ máy nhà nước, biến nó từ chỗ sinh ra để gánh vác việc chung «cho dân», «làm công bộc cho dân», vì lợi ích của xã hội, trở thành một bộ máy đứng trên nhân dân, trên xã hội, chống lại xã hội.

---

(2) C. Mác—Ph. Ăng-ghen: Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà nội, 1978, t. 1, tr. 360

(3) C. Mác—Ph. Ăng-ghen: Sách đã dẫn, tr. 361

(4) V.I. Lê nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t. 8, tr. 424

(5) Nguyễn Văn Linh: *Phát huy truyền thống cả rằng*.. Tạp chí Cộng sản, số 2-1990, tr. 9

(6) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 42, tr. 59

(7) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t. 6, tr. 266, 270

Digitized by Google

Chủ nghĩa quan liêu còn làm « tha hóa » các tổ chức xã hội. Nó « nhà nước hóa » hoạt động của các tổ chức xã hội, làm cho các mối liên hệ sinh động và đa dạng vốn có giữa các tổ chức ấy với các tầng lớp, các giới và các nhóm chức nghiệp khác nhau trong nhân dân, cũng như giữa các bộ phận nhân dân được tập hợp trong các tổ chức đó với đảng ngày càng nghèo nàn và xơ cứng. Chủ nghĩa quan liêu xem thường lợi ích, khả năng sáng tạo và tính tích cực của người dân. Nó làm cho họ trở nên thụ động, chỉ biết phục tùng, không còn khả năng tham gia công tác quản lý xã hội.

Ở nước ta, khi nói đến « cơ sở » tồn tại của chủ nghĩa quan liêu, còn phải kể đến ảnh hưởng và tác động của các tàn dư phong kiến, tàn tích của bộ máy nhà nước thực dân — phong kiến cũ và mới, trình độ văn hóa, khoa học và kỹ thuật thấp kém v.v.

Tất cả tình hình nói trên là « miếng đất » tốt cho chủ nghĩa quan liêu còn có thể bám rễ, đâm cành và gây nhiều tác hại.

Chủ nghĩa quan liêu là một hiện tượng xã hội hết sức phức tạp, có những cội rễ kinh tế, chính trị, văn hóa và tâm lý trong đời sống hiện thực của xã hội. Đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu, vì vậy, không thể là một công việc đơn giản có thể làm xong trong thời gian ngắn, mà là một quá trình lâu dài, đòi hỏi nghị lực và sự bền bỉ của toàn xã hội trong rất nhiều năm. « Đó không phải là vấn đề của một đại hội — đó là vấn đề của cả một thời đại » (8).

II

Để đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu có kết quả, cần tiến hành đồng bộ các biện pháp kinh tế, tư tưởng chính trị, tổ chức, xã hội, pháp luật, v.v

Xét về mặt pháp luật, nên đề ra phương hướng và biện pháp chủ yếu sau đây

1. Trước hết và quan trọng nhất là **thực hiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa.** « **Thực hành dân chủ** là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn » (9). Chỉ có thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, mới có thể khắc phục về căn bản sự tách rời bộ máy nhà nước với nhân dân, tách rời quyền lực chấp hành — thực hiện với quyền lực nhân dân, mới phát huy được cao độ tính tích cực, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ở đây, điều có ý nghĩa quyết định là bảo đảm vị trí, vai trò và thực quyền của hệ thống các cơ quan đại diện nhân dân — Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp, làm cho các cơ quan này thật sự là các cơ quan quyền lực của nhân dân. Mặt khác, cần xác lập một cơ chế tổ chức, pháp luật bảo đảm sự phụ thuộc trực tiếp và chặt chẽ của các cơ quan chấp hành — hành chính nhà nước vào các cơ quan quyền lực nhà nước (kiểm tra, giám sát, báo cáo, v.v.).

Bên cạnh việc bảo đảm hiệu lực và hiệu quả hoạt động thực tế của các cơ quan đại diện nhân dân, cần mở rộng mọi hình thức **dân chủ trực tiếp** để ngày càng thu hút đông đảo nhân dân tham gia trực tiếp vào việc quyết định những vấn đề quan trọng nhất của nhà nước, của xã hội. Đây là điều đảm bảo thực tế cho việc xóa bỏ tình trạng tách nhân dân khỏi hoạt động quản lý có tính chuyên nghiệp đối với những công việc chung của xã hội, xem quản lý nhà nước là

(8) V.I. Lê-nin : Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 42, tr. 203

(9) Hồ Chí Minh : Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t. 10, tr. 535

Digitized by Google

công việc riêng của bộ máy quản lý và những người quản lý chuyên nghiệp V.I. Lê-nin cho rằng: «Chỉ khi nào toàn thể nhân dân đều tham gia quản lý thì khi ấy mới có thể dã phá chủ nghĩa quan liêu đến cùng, đến thắng lợi hoàn toàn được» (10). Trong hoàn cảnh hiện nay, việc thực hiện những hình thức tự quản của nhân dân lao động trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội, cũng là một biện pháp góp phần chống chủ nghĩa quan liêu.

2. **Tiến hành sự kiểm tra thường xuyên, bền bỉ.** Việc không kiểm tra được sự thi hành quyền lực của bộ máy quản lý và những quyền lợi mà những người trong bộ máy quản lý được hưởng dễ tạo điều kiện và môi trường cho chủ nghĩa quan liêu tồn tại và phát triển. Chỉ có thực hiện thường xuyên và nhất quán sự kiểm tra của nhân dân **bằng nhiều cách, từ nhiều phía** và **dưới nhiều hình thức** phong phú, sinh động, mới có thể ngăn chặn được tình trạng biến dạng, tha hóa của bộ máy quản lý, mới khôi phục và giữ được trật tự và kỷ cương trong việc quản lý mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Sự kiểm tra của toàn thể nhân dân (trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức của mình) đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy quản lý từ dưới lên trên, là sự thể hiện và thực hiện trên thực tế dân chủ xã hội chủ nghĩa và là biện pháp hữu hiệu khắc phục chủ nghĩa quan liêu.

3. **Thực hiện dân chủ về kinh tế và công bằng xã hội.** Việc bảo đảm hoạt động của cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và đổi mới các hình thức sở hữu làm cho người lao động thật sự làm chủ đối với các tư liệu sản xuất và sản phẩm làm ra, là những nội dung quan trọng của dân chủ về kinh tế. Nó làm cho người lao động vừa phát huy khả năng của mình, vừa đồng thời là người chủ trực tiếp tài sản, gắn bó với việc quản lý các tài sản ấy. Một khi người lao động kiểm tra và đánh giá được hoạt động của những người thay mặt mình trực tiếp quản lý và định đoạt cụ thể các tài sản thì khi đó họ có đủ tư cách của người sở hữu thực tế đối với tài sản nhân dân.

Việc xóa bỏ cơ chế kinh tế tập trung quan liêu, xác lập cơ chế kinh tế mới trên cơ sở tập trung dân chủ, sẽ tạo ra khả năng thực tế khắc phục tình trạng tách rời bộ máy quản lý với quá trình kinh tế hiện thực, tách rời nhân dân lao động với khả năng ảnh hưởng thực tế đến các cơ quan quản lý được nhân dân tổ chức ra để thực hiện quyền lực kinh tế của mình. Mặt khác, thực hiện dân chủ và công bằng trong phân phối, gạt bỏ những đặc quyền, đặc lợi, bảo đảm thực sự những lợi ích của người lao động có tác dụng quan trọng làm mất dần những cơ sở xã hội của chủ nghĩa quan liêu.

4. **Hoàn thiện bộ máy quản lý.** Hướng hoàn thiện bộ máy quản lý là nhằm bảo đảm cho việc quản lý nhà nước thể hiện được và thực hiện được trên thực tế quyền lực nhân dân, chịu sự kiểm tra và giám sát trực tiếp của nhân dân; nhằm bảo đảm cho việc dân chủ hóa và công khai hóa sự quản lý nhà nước. Cơ cấu bộ máy cần được tổ chức gọn nhẹ với một đội ngũ cán bộ quản lý tinh thông nghề nghiệp, có chức trách và nhiệm vụ rõ ràng, nghiêm chỉnh thi hành pháp luật của nhà nước.

Việc tinh giản bộ máy quản lý và biên chế không chỉ đơn giản nhằm bỏ đi hoặc hợp nhất một số khâu, một số tổ chức, đơn vị, nhằm giảm bớt số người trong bộ máy đó. Điều quan trọng hơn, và cũng là cơ sở khách quan của sự bỏ đi, giảm bớt đó là

(10) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 38, tr. 205

Digitized by Google

phải có đủ luận chứng cho sự tồn tại của các cơ quan và các cán bộ ấy vì những nhu cầu thật sự của xã hội. Nếu không có nhu cầu xã hội cần thiết thì các cơ quan và cán bộ không thể biện minh cho sự ra đời và tồn tại của mình. Việc tổ chức lại các bộ, các ủy ban nhà nước, các tổng cục trong bộ máy nhà nước có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện cơ chế kinh tế mới, bảo đảm sự quản lý vĩ mô của nhà nước có hiệu quả và bảo đảm mở rộng thực sự quyền chủ động của địa phương và các đơn vị kinh tế cơ sở. Thực tế chứng minh rằng càng chia nhỏ các bộ thì sự can thiệp của nhà nước vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các địa phương và cơ sở càng sâu rộng, tính cục bộ, bản vị càng tăng, bệnh quan liêu càng nặng.

5. Sử dụng tốt pháp luật. Việc tạo ra một hệ thống pháp luật và thực hiện cơ chế bảo đảm thi hành pháp luật, có tác dụng quan trọng đặc biệt đối với việc thực hiện quyền lực nhân dân trong cuộc sống, gạt bỏ những hành vi đặt quyền lực nhà nước lên trên quyền lực nhân dân hoặc thoát ly quyền lực đó. Pháp luật bảo đảm cho các bộ phận của bộ máy quản lý được tổ chức và quan hệ với nhau như một hệ thống dưới sự kiểm tra và giám sát thực tế của các cơ quan quyền lực của nhà nước và của toàn dân, tạo tiền đề và bảo đảm hiệu quả cho sự tham gia thực tế của nhân dân vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Chỉ có thể thực hiện dân chủ hóa quản lý và xóa bỏ tình trạng độc đoán, chuyên quyền, đặc quyền, đặc lợi và bất công khi quản lý xã hội thật sự tuân theo pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, khi nhân dân và cán bộ có ý thức tôn trọng pháp luật, khi những hành vi vi phạm pháp luật được xử lý nghiêm minh. Và chỉ khi đó mới có thể xóa bỏ chủ nghĩa quan liêu.

6. Nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân. Nói đến trình độ văn hóa, cần chú ý đến cả văn hóa chính trị, văn hóa pháp lý của cán bộ và nhân dân. Đây là điều kiện không thể thiếu để mọi công dân có thể tham gia quản lý nhà nước, kiểm tra hoạt động của bộ máy quản lý, nêu cao ý thức và trách nhiệm công dân, có thể đấu tranh để bảo vệ những nguyên tắc dân chủ và pháp chế của xã hội, bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. V.I. Lê-nin đã nói: « Chúng ta cũng vẫn chưa đạt tới chỗ làm cho quần chúng lao động có thể tham gia quản lý. Ngoài pháp luật ra, còn có vấn đề trình độ văn hóa mà bất cứ một thứ pháp luật nào cũng không thể bắt buộc nó phải phục tùng được » (11).

(11) V.I. Lê-nin: Toàn tập. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 38, tr. 205

Digitized by Google

Mấy suy nghĩ về ngân hàng và nền kinh tế hàng hóa

VĂN TƯ *

TRONG điều kiện nước ta muốn phát triển kinh tế hàng hóa thì nhà nước xã hội chủ nghĩa cần sử dụng các công cụ điều hành vĩ mô như: lợi nhuận, thuế và tín dụng ngân hàng. Thời gian qua việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa có kế hoạch của Đảng và Nhà nước ta chưa đem lại hiệu quả mong muốn. Điều đó do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chúng ta chưa có một **hệ thống ngân hàng đủ mạnh** để thúc đẩy phát triển kinh tế hàng hóa, khơi dậy tính năng động của nền kinh tế, sử dụng tốt hơn các tiềm năng về lao động, đất đai, vật tư để sản xuất nhiều của cải cho xã hội và phục vụ đời sống nhân dân, góp phần tích cực vào quá trình chống lạm phát.

Sau khi đất nước được giải phóng, chúng ta đã xây dựng được một hệ thống ngân hàng có chi nhánh đến tận các tỉnh, huyện, nhưng nội dung hoạt động của nó còn nghèo nàn, vốn liếng khô cạn dần, tính chất bao cấp nặng nề, chủ yếu dựa vào nguồn tiền phát hành, chỉ mới làm được một phần vai trò quản lý nhà nước về mặt tiền tệ, còn vai trò kinh doanh tiền tệ rất yếu.

Điều đáng lưu ý là chúng ta chưa vận dụng được có hiệu quả kinh nghiệm của hệ thống ngân hàng thế giới và chưa tổ chức được một thị trường tiền tệ thống nhất trong cả nước. Vì vậy, hệ thống ngân hàng chưa giúp được nhiều trong việc phá bỏ nền kinh tế tự nhiên và chưa thể hiện được vai trò bà đỡ cho nền kinh tế hàng hóa ở nước ta phát triển. Trong nền kinh tế hàng hóa, một khi đã có thị trường hàng hóa thì phải có thị trường tiền tệ. Có cạnh tranh trên thị trường hàng hóa thì phải có cạnh tranh trên thị trường tiền tệ. Chính những cái đó tạo thành động lực thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển. Lâu nay, trong tư duy chúng ta thường thiên về kinh doanh hàng hóa mà coi nhẹ kinh doanh tiền tệ. Điều đó gây thêm khó khăn cho nền kinh tế nước ta.

Quá trình sản xuất kinh doanh bất kỳ loại hàng hóa nào cũng dẫn tới một trong ba hệ quả: một là hòa vốn (lúc đó sẽ không tiếp tục sản xuất, kinh doanh nữa), hai là thua lỗ (dẫn tới phá sản), ba là có lãi (sẽ kích thích tiếp tục tái sản xuất kinh doanh). Kinh doanh tiền tệ cũng vậy. Trên thị trường tiền tệ có người nắm vốn và người vay vốn. Cho vay vốn là «bán» tiền ra, còn huy động vốn là «mua» tiền vào. «Giá cả» trong trường hợp mua bán này chính là lãi

* Phó tiến sĩ kinh tế học

Digitized by Google

suất cho vay. Đặc điểm của thị trường tiền tệ là tiền vay được hoàn lại cùng với lãi suất cho vay. Còn đặc điểm của **kinh doanh tiền tệ** là việc cho vay vốn phải gắn với việc sử dụng vốn vay nhằm **tăng sản phẩm xã hội**. Lâu nay chúng ta thường xem nhẹ đặc điểm này, nghĩ rằng mọi khoản cho vay đều là kinh doanh tiền tệ, nên đã quá dễ dãi trong việc cho vay tiền: cho vay để trang trải nhu cầu phi sản xuất, để bù đắp thiếu hụt ngân sách, thậm chí để dùng vào những việc không đúng mục đích đã ấn định. Cho vay tiền mà không tuân thủ nguyên tắc kinh doanh tiền tệ thì chỉ làm **tăng phương tiện thanh toán**, không làm tăng của cải vật chất, như vậy chỉ gây ra hoặc làm trầm trọng thêm nạn lạm phát và dẫn đến chỗ mất vốn.

Nhìn lại chặng đường đã qua, chúng ta càng hiểu được căn bệnh không biết kinh doanh tiền tệ, không biết sử dụng đồng tiền để điều tiết vĩ mô nền kinh tế quốc dân. Đã đến lúc phải tổ chức lại hệ thống ngân hàng trên cơ sở vận dụng những tính quy luật và những thành tựu mà loài người đã đạt được về ngân hàng. Để chuyển hệ thống ngân hàng sang hạch toán kinh doanh, theo tôi, cần tập trung vào điểm sau đây:

Ngân hàng kinh doanh thực chất là ngân hàng thương mại. Nó được tổ chức là do nhu cầu tài trợ vốn và kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất kinh doanh. Nói cách khác: bên cạnh hệ thống thị trường sản xuất và lưu thông hàng hóa, cần có một hệ thống ngân hàng kinh doanh tiền tệ để cung ứng vốn, kiểm soát và thúc đẩy sản xuất, kinh doanh của các cơ sở kinh tế bằng các biện pháp kinh tế. Hệ thống ngân hàng thương mại ngày càng có xu hướng kinh doanh tổng hợp đa ngành. Hoạt động của ngân hàng kinh doanh gắn với hoạt động của thị trường. Nó không dựa vào địa giới hành chính để hình thành những tụ điểm thị trường, mà lan tỏa theo tiến trình phát triển kinh tế hàng hóa. Thời gian qua các ngân hàng kinh doanh của ta vẫn giữ nguyên các đơn vị chi nhánh quận, huyện theo đơn vị hành chính. Điều đó đã làm giảm hiệu quả kinh doanh tiền tệ – tín dụng; vì có những nơi cả ngành chỉ bó hẹp hoạt động ở một vài bút toán cho vay hoặc nhận tiền gửi, làm giảm ý thức và kỹ năng kinh doanh của cán bộ ngân hàng: Các đơn vị ngân hàng ở những nơi này không những không tác động vào phát triển kinh tế, mà đôi khi còn dùng vốn phát hành để trợ cấp cho ngân sách, nên tạo ra sự dựa dẫm của các đơn vị tài chính địa phương. Thành lập nhiều ngân hàng mà khối lượng giao dịch ít, có nghĩa là sẽ lỗ vốn, thậm chí có thể biến những ngân hàng đó thành nơi đầu cơ trục lợi, gây thêm khó khăn cho nền kinh tế.

Đã tổ chức ngân hàng kinh doanh, ngân hàng thương mại, thì phải có vốn. Trong khi vốn có hạn, lập ra nhiều ngân hàng mà dựa vào vốn phát hành của nhà nước thì như vậy sẽ gây thêm lạm phát tín dụng, làm cho đồng tiền thêm mất giá.

Trong điều kiện thiếu vốn như hiện nay, việc lập các ngân hàng cổ phần bên cạnh các ngân hàng quốc doanh là điều hợp lý. Chế độ cổ phần là sản phẩm tất yếu của nền kinh tế hàng hóa. Nó góp phần làm sống động hoạt động của hệ thống ngân hàng, cho phép thực hiện chủ trương tách biệt quyền sở hữu và quyền quản lý, hạn chế đáng kể sự can thiệp trực tiếp của chính quyền vào hoạt động kinh doanh của ngân hàng và do đó, tạo điều kiện để ngân hàng thực sự là chủ thể kinh doanh có hiệu quả. Ngân hàng cổ phần cho phép huy động và tập trung mọi nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội để phát triển sản xuất; biện pháp huy động vốn thông qua chế độ cổ phần có nhiều ưu điểm, bộ

Digitized by Google

sung có hiệu quả cho các biện pháp khác.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, ngân hàng cổ phần có nhiều khả năng thực hiện được quyền chủ động kinh doanh như: làm chủ vốn vay và thu hồi vốn theo hợp đồng tín dụng, làm tròn trách nhiệm bảo đảm vốn của khách hàng gửi vào, hạn chế đến mức thấp nhất nợ quá hạn của các đơn vị kinh tế. Ngân hàng cổ phần sẽ tạo thêm yếu tố «đua tranh» trong hệ thống ngân hàng để nâng cao chất lượng hoạt động và kỹ thuật nghiệp vụ ngân hàng. Các ngân hàng kinh doanh cạnh tranh trên thị trường không chỉ bằng con đường nâng cao hoặc hạ thấp lãi suất, mà còn thông qua con đường nâng cao chất lượng hoạt động và kỹ thuật nghiệp vụ ngân hàng. Chính điều này buộc các chuyên gia ngân hàng phải có tài nghệ kinh doanh, không những nắm bắt nhanh nhạy thông tin thị trường, năng động và thông thạo nghiệp vụ ngân hàng, mà còn phải hiểu biết khoa học kỹ thuật ở mức độ cần thiết, để làm tư vấn cho đối tượng kinh doanh. Có «đua tranh» mới mong sớm chấm dứt tình trạng yếu kém như hiện nay (muốn gửi một món tiền phải chờ đợi hàng giờ; muốn thanh toán tiền giao dịch hàng hóa nhanh nhưng chứng từ thanh toán gửi đi hàng tháng không thấy đến, hoặc đến không đúng địa chỉ).

Hoạt động của ngân hàng kinh doanh được cụ thể hóa dưới dạng ba loại nghiệp vụ: nghiệp vụ **nợ** (tức huy động vốn, nhận tiền gửi), nghiệp vụ **có** (tức cho vay) và nghiệp vụ **môi giới kinh doanh**, tư vấn cho các đơn vị sản xuất kinh doanh, bảo lĩnh, thông tin thị trường, giữ hộ chứng từ và vật quý giá v.v). Ba loại nghiệp vụ đó quan hệ mật thiết, hỗ trợ, thúc đẩy nhau phát triển, **tạo nên uy tín cho ngân hàng**. Có huy động được vốn thì mới có nguồn cho vay; cho vay có hiệu quả, phát triển kinh tế thì mới có nguồn vốn để huy động vào; đồng thời, muốn cho vay và huy động vốn tốt thì ngân hàng phải làm tốt nghiệp vụ môi giới trung gian của mình. Chính sự kết hợp đồng bộ đó đã trở thành tính quy luật trong hoạt động ngân hàng và tạo thành xu hướng kinh doanh tổng hợp, đa ngành của các ngân hàng thương mại. Các ngân hàng chuyên doanh của ta hiện nay được giới hạn hoạt động theo ngành kinh tế (công thương riêng, nông nghiệp riêng v.v.), hoặc theo lĩnh vực hoạt động (ngoại thương), nên không có điều kiện cạnh tranh (ngân hàng không chọn được bạn hàng, bạn hàng không chọn được ngân hàng phục vụ theo ý muốn), nghiệp vụ không phát triển, nội dung hoạt động nghèo nàn. Lâu nay, chúng ta chưa chú ý đúng mức đến kỹ thuật nghiệp vụ, tách rời ba loại nghiệp vụ ngân hàng một cách «ngây thơ», nên đã dẫn đến nhiều hậu quả tai hại. Ngân hàng sử dụng kỹ thuật nghiệp vụ để chi tiền dưới hình thức cho vay bút tệ ghi vào tài khoản cho vay và khoản chuyển vào tài khoản của đơn vị vay biến thành «tiền gửi tưởng tượng» (thay thế việc đưa tiền mặt cho người vay bằng hình thức ghi chép trên tài khoản mà chưa trực tiếp hình thành các nghiệp vụ **bên nợ**). Tình trạng cho vay tiền ghi sổ (chứ không phải cho vay vốn theo nghĩa đích thực của nó) đã tạo ra sự khan hiếm tiền mặt giả tạo. Sự bành trướng tín dụng vô hạn độ như thế chính là một nguyên nhân gây nên tình trạng trong tài khoản các đơn vị kinh tế còn rất nhiều tiền thừa nhưng lại luôn luôn khao khát tiền mặt, còn ngân hàng thì không có đủ tiền mặt để thỏa mãn yêu cầu của khách hàng. Ngay từ thế kỷ 19, khi phân tích mối quan hệ giữa ba loại nghiệp vụ ngân hàng, các nhà kinh tế đã rút ra kết luận: các nghiệp

Digitized by Google

vụ bên **nợ** là cơ sở để phát triển các nghiệp vụ bên **có**; về nguyên tắc, các nghiệp vụ bên **nợ** xuất hiện trước, và số lượng bên **có** phụ thuộc vào số lượng bên **nợ**. Từ đó mới bảo đảm khả năng thanh toán của ngân hàng, giữ vững uy tín của ngân hàng. Thực tế cho thấy ngân hàng của ta lâu nay lại làm ngược lại: các nghiệp vụ **có** xuất hiện trước so với các nghiệp vụ **nợ**, cho vay tạo ra tiền gửi tưởng tượng.

Hoạt động của ngân hàng kinh doanh thường kết hợp giữa cho vay và hùn vốn. Ngân hàng của ta hiện nay thường chỉ đơn thuần cho vay mà chưa hùn vốn vào các ngành kinh tế có tính chất chiến lược và các đơn vị sản xuất kinh doanh lớn. Khi đã hùn vốn, ngân hàng sẽ cùng có trách nhiệm, cùng lo liệu phấn đấu cho sự tồn tại và phát triển kinh tế, kỹ thuật và kinh doanh của những đơn vị này; nếu những đơn vị này làm ăn thua lỗ, phá sản thì ngân hàng cũng mất luôn cả vốn đầu tư. Việc kết hợp giữa cho vay và hùn vốn là tùy thuộc vào trình độ, nhất là khả năng nguồn vốn của ngân hàng. Nếu nguồn vốn ngân hàng cho phép, cán bộ ngân hàng làm ăn giỏi, thì hùn vốn vào những đơn vị sản xuất kinh doanh lớn sẽ tác động lớn hơn vào việc xây dựng cơ cấu kinh tế của đất nước.

Về mối quan hệ giữa ngân hàng nhà nước và các ngân hàng kinh doanh. Ngân hàng nhà nước sử dụng các công cụ đặc biệt để điều tiết vĩ mô chính sách tiền tệ, tín dụng và các hoạt động của các ngân hàng kinh doanh. Những công cụ chủ yếu của ngân hàng nhà nước bao gồm: việc phát hành giấy bạc ngân hàng, chính sách chiết khấu, chính sách thị trường mở, chính sách dự trữ tối thiểu, chính sách lưu ký. Đó là những công cụ quan trọng, tạo điều kiện chủ yếu hình thành thị trường tiền tệ, thị trường vốn (bao gồm thị trường những giấy tờ có giá như chứng khoán, cổ phiếu, v.v.) thống nhất trong cả nước thay thế các biện pháp truyền thống điều hành của ngân hàng nhà nước trước đây. Thông qua những công cụ này, ngân hàng nhà nước điều hành chính sách tiền tệ – tín dụng, điều hòa lãi suất và khả năng thanh toán của hệ thống ngân hàng, động viên có hiệu quả các nguồn tài chính của xã hội. Các công cụ này trong một thời gian dài không được sử dụng ở các nước xã hội chủ nghĩa, vì bị coi là các công cụ đặc trưng của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Thực ra, các công cụ kinh tế được sử dụng để đem lại lợi ích cho ai, còn tùy thuộc vào chế độ xã hội. Ngày nay chúng ta đã có những nhận thức mới về bản chất kinh tế của các công cụ này; chủ nghĩa xã hội khác về nguyên tắc với chủ nghĩa tư bản không phải ở hình thức, mà ở nội dung xã hội của các công cụ kinh tế. Tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá tác dụng của các công cụ kinh tế phải là lợi ích của nền kinh tế, lợi ích của xã hội. Còn các vấn đề khác, như vấn đề thu nhập và công bằng xã hội chẳng hạn, phải được giải quyết thông qua các phương tiện như chính sách thuế và hệ thống bảo hiểm xã hội. Chủ nghĩa xã hội có khả năng sử dụng có hiệu quả chúng để giải quyết những vấn đề tài chính – tín dụng và những vấn đề kinh tế cấp thiết như phân phối và phân phối lại nguồn vốn tài chính giữa các đơn vị sản xuất kinh doanh, kích thích phát triển các quan hệ hàng hóa – tiền tệ. Với hình thức đã được suy nghĩ chín chắn và với mức độ hợp lý, các công cụ này sẽ tạo điều kiện cho hệ thống ngân hàng đổi mới nội dung hoạt động của mình, giúp các đơn vị kinh tế thực hiện được nguyên tắc tự chủ kinh doanh và tự

(Xem tiếp trang 43)

Digitized by Google

Phân phối thu nhập quốc dân trong chặng đầu thời kỳ quá độ ở Việt nam

LÊ NHƯ BÁCH *

I

TRONG mấy năm qua, thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra những chủ trương điều chỉnh cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, xóa bỏ cơ chế bao cấp, chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, mở rộng quan hệ đối ngoại cùng với một số đổi mới trong quản lý kinh tế vĩ mô về kế hoạch hóa, về chính sách lưu thông tiền tệ... Những chủ trương đó đã thu được kết quả bước đầu quan trọng. Nền kinh tế đang phát triển theo hướng năng động và hiệu quả hơn, sản xuất hàng hóa có tăng hơn; kiềm chế được lạm phát; ổn định được sức mua của đồng tiền; giá cả không biến động lớn; và từng bước ổn định đời sống nhân dân. Trong tình hình như vậy, đáng lẽ chúng ta phải có sự thay đổi nhanh chóng về chính sách phân phối thu nhập quốc dân, nhưng tiếc rằng, chúng ta chưa làm được điều đó mà còn mắc những khuyết điểm nghiêm trọng:

Một là, không tính đủ khấu hao C1 và C2 trong giá thành sản phẩm dẫn đến ăn thâm cả vào vốn, tạo ra tình trạng « lãi giả, lỗ thật », làm tăng thu nhập quốc dân một cách giả tạo.

Hai là, trong khâu phân phối lần đầu, để lại « V » quá ít cho người lao động. Chế độ tiền lương mang nặng tính bình quân và bao cấp bằng hiện vật từ năm 1962 vẫn chưa thay đổi về cơ bản, nên không bảo đảm tái sản xuất sức lao động và không kích

* Chuyên viên cao cấp kinh tế

Digitized by Google

thích lao động có kỹ thuật, có năng suất và chất lượng. Mặt khác, nhà nước lại không có chính sách và biện pháp điều tiết những thu nhập quá cao và bất hợp lý, bất hợp pháp trong xã hội, nên công bằng xã hội không được bảo đảm, các hiện tượng tiêu cực phát triển.

Ba là, tiêu dùng xã hội tăng quá nhanh và mang nặng tính bao cấp. Chi phí quản lý ngày càng tăng do bộ máy quản lý quá lớn, những hiện tượng, đặc quyền đặc lợi, tham nhũng và lãng phí của cải xã hội còn nặng.

Bốn là, tích lũy kém hiệu quả.

Đầu tư xây dựng cơ bản cho sản xuất chủ yếu bằng vốn đi vay, hiệu quả lại rất kém do bố trí cơ cấu không hợp lý, quản lý lỏng lẻo, mất mát nhiều, gây tổn thất lớn cho ngân sách nhà nước.

Năm là, công tác kinh tế đối ngoại làm rất kém và có nhiều sơ hở sai sót, ngay từ khi ký kết... thu nhập quốc dân sử dụng tăng lên chủ yếu là do đi vay, do nhập siêu; phần ngoại thương mang lại rất ít hoặc không có. Số vay nợ nước ngoài ngày càng nhiều, trả lãi và nợ quốc tế ngày càng khó khăn.

Sáu là, động viên thu nhập quốc dân vào ngân sách ngày càng giảm. Thu từ kinh tế quốc doanh, chiếm 70% những năm 60, đến nay giảm còn khoảng 50% thu nhập quốc dân (nếu loại trừ các yếu tố thu chênh lệch giá, bù lỗ sản xuất kinh doanh, thì chỉ còn 30%); động viên từ khu vực thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp chỉ còn 10%, từ thương nghiệp, dịch vụ chỉ còn 20%, từ nông nghiệp chỉ được khoảng 7—8% sản lượng lương thực bình quân.

Đã đến lúc phải nghiên cứu xây dựng đường lối phân phối thu nhập quốc dân một cách toàn diện và đồng bộ cùng các chính sách cụ thể và các biện pháp có hiệu quả đưa đường lối đó vào cuộc sống, biến thành sức mạnh để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

II

Đường lối phân phối thu nhập quốc dân ở nước ta, trong chặng đầu của thời kỳ quá độ, cần quán triệt các quan điểm và nguyên tắc cơ bản sau đây:

1 — Phục vụ đắc lực cho việc thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, « làm cho mục tiêu đó thực hiện có hiệu quả, bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp » (1).

2 — Bảo đảm thực hiện chiến lược kinh tế — xã hội của Đảng.

3 — Thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển với năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, huy động mọi nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong nước vào sản xuất kinh doanh theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tranh thủ thu hút và sử dụng các nguồn vốn ngoài nước với hiệu quả cao, từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, bảo đảm thu nhập quốc dân **tăng nhanh hơn** tốc độ tăng số dân (hạn chế tăng số dân ở mức thích hợp), giải quyết nhanh chóng việc làm cho số lao động dư thừa.

4 — Giải quyết hợp lý quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng theo nguyên tắc:

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của BCH TƯ Đảng (khoa VI)

Digitized by Google

— Việc tăng quỹ tích lũy và tăng quỹ tiêu dùng **không thể** vượt quá mức tăng về thu nhập quốc dân sử dụng.

— Ưu tiên cho tích lũy theo đà ổn định và phát triển sản xuất, không ngừng nâng cao hiệu quả của tích lũy và tăng nguồn vốn tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, đồng thời xóa bỏ bao cấp trong tiêu dùng xã hội và điều tiết tiêu dùng cá nhân giữa các tầng lớp dân cư theo hướng có lợi cho nhân dân lao động và thực hiện công bằng xã hội; nói chung, mức tiêu dùng phải **tăng chậm hơn** mức tăng năng suất lao động và tăng thu nhập quốc dân sản xuất.

5 — Bảo đảm sự phát triển hài hòa của các ngành kinh tế, ưu tiên phát triển các ngành mũi nhọn và các ngành then chốt, bảo đảm quan hệ đúng đắn giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, trước mắt lấy nông nghiệp là **mặt trận hàng đầu** và sản xuất hàng xuất khẩu là mũi **đột phá** cực kỳ quan trọng, coi trọng việc nghiên cứu, ứng dụng và nhập khẩu các công nghệ và kỹ thuật tiên tiến, việc xây dựng các cơ sở hạ tầng và kế hoạch hóa số dân.

6 — Bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các vùng, các địa phương, phát huy triệt để thế mạnh của từng vùng, xây dựng các vùng kinh tế «mở» với bên ngoài và giải quyết tốt **quan hệ** giữa các đặc khu kinh tế và khu chế xuất với các vùng kinh tế trong nước, thu hẹp và xóa bỏ dần sự chênh lệch về kinh tế và đời sống giữa miền núi và miền xuôi, giữa thành thị và nông thôn.

7 — Bảo đảm **thống nhất** phân phối thu nhập quốc dân về hiện vật và phân phối thu nhập quốc dân **bằng giá trị**, tăng quỹ tích lũy phù hợp với khối lượng vật tư, thiết bị, nhân lực, hàng hóa... có thể có, tăng thu nhập bằng tiền của nhân dân phù hợp với tăng khối lượng hàng tiêu dùng trong xã hội, có biện pháp xử lý có hiệu quả khi xảy ra mất cân đối.

8 — Bảo đảm các chính sách **thống nhất** của các lĩnh vực tài chính, tín dụng, tiền lương, giá cả... **cùng tác động một cách đồng bộ** theo **mục tiêu thống nhất**, theo **các bước đi thích hợp** nhằm thực hiện sự phân phối hợp lý thu nhập quốc dân bảo đảm yêu cầu ổn định và phát triển kinh tế xã hội.

9 — Phát huy triệt để chức năng phân phối và phân phối lại, chức năng kiểm tra, kiểm soát bằng đồng tiền và chức năng đòn bẩy của **tài chính xã hội chủ nghĩa**, bảo đảm vai trò chi phối của ngân sách Nhà nước (mà ngân sách trung ương là chỉ đạo) trong việc kích thích phát triển sản xuất, phân phối cho tích lũy và tiêu dùng xã hội và điều tiết tiêu dùng cá nhân, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý.

10 — Phát động và tổ chức phong trào quần chúng thực hiện triệt **để tiết kiệm** trong sản xuất, tiêu dùng và đời sống, bảo vệ nghiêm ngặt tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, tăng cường công tác quản lý vĩ mô và công tác kiểm tra, kiểm soát, kiên quyết tiến hành chống tham ô, lãng phí, quan liêu, chống tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực khác, đề phòng và đập tan âm mưu phá hoại của địch.

Đường lối phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân của Đảng cần được cụ thể hóa thành các chính sách tích lũy, chính sách tiêu dùng, chính sách tài chính, giá cả, tiền lương, tiền tệ... và thể chế hóa thành pháp luật. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt các chính sách này là xử lý đúng đắn các lợi ích kinh tế để thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, nâng cao năng suất

Digitized by Google

lao động, giảm tiêu hao vật chất, tăng nhanh thu nhập quốc dân, tăng cường cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân lao động.

Phương hướng và biện pháp tăng nhanh nguồn tích lũy trong những năm tới gồm những điểm chính sau đây :

1 — Đẩy mạnh **tích tụ và tập trung vốn** của các thành phần kinh tế cho nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh đúng hướng, nhà nước có chính sách đồng bộ tạo môi trường sản xuất kinh doanh, thu hút nguồn vốn tiềm tàng trong dân cư vào tích lũy.

2 — Sử dụng vốn đầu tư của nhà nước một cách tập trung, dứt điểm và có hiệu quả cao nhằm xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý.

Trong kinh tế quốc doanh, trên cơ sở sắp xếp lại sản xuất, đầu tư chiều sâu để đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất, đổi mới công nghệ, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến.

Trong khu vực kinh tế tập thể, có chính sách thu hút vốn nhàn rỗi, phát triển ngành nghề, thu hút ngày càng nhiều lao động vào sản xuất.

3 — Coi trọng đầu tư cho khoa học — kỹ thuật và kế hoạch hóa số dân, thu hẹp tiến đến xóa bỏ khoảng cách về khoa học kỹ thuật giữa nước ta và thế giới, giảm dần tốc độ tăng số dân xuống dưới 2% hằng năm.

4 — Đẩy mạnh việc thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài (kể cả vốn của Việt kiều) làm nguồn bổ sung rất quan trọng cho đầu tư trong nước và là đòn bẩy để thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển với tốc độ cao, để tranh thủ kỹ thuật, công nghệ, cách quản lý tiên tiến và để giải quyết công ăn việc làm cho lao động trong nước ; thực hiện liên doanh với nước ngoài ngày càng có hiệu quả

Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả của kinh tế đối ngoại, nhất là về ngoại thương, gia công xuất khẩu, và các dịch vụ đối ngoại..., tăng các nguồn thu ngoại tệ và quản lý chặt chẽ nguồn vốn này theo hướng nhà nước trung ương tập trung và chi phối được số ngoại tệ ở mức cần thiết. Chấm dứt hiện tượng các ngành, các địa phương sử dụng tùy tiện và lãng phí nguồn ngoại tệ này.

5 — Mở rộng và tăng cường các mối quan hệ quốc tế để tranh thủ viện trợ và vay nợ của các nước và các tổ chức kinh tế với điều kiện bình đẳng, hai bên cùng có lợi, tính toán chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả các khoản được viện trợ và cho vay, bảo đảm khả năng trả nợ và lãi khi đến hạn.

6 — **Nâng cao hiệu quả vốn đầu tư** bằng cách xác định rõ phương hướng đầu tư và hiệu quả đầu tư từng công trình. Nhà nước thực hiện tốt chức năng hướng dẫn và khuyến khích đầu tư của tập thể và cá nhân theo phương hướng của kế hoạch nhà nước và chức năng quản lý, cân đối toàn bộ vốn đầu tư trong xã hội, chấm dứt tình trạng đầu tư tràn lan, không có hiệu quả.

7 — Dành phần lớn vốn tích lũy để dự trữ các vật tư kỹ thuật và hàng tiêu dùng cần thiết cho cả nước, tăng cường dự trữ nhà nước về các vật tư chiến lược, lương thực, vàng và ngoại tệ, tổ chức tốt công tác bảo quản và luân chuyển, chống hư hao, mất mát và ăn cắp ; tăng nhanh tốc độ luân chuyển vật tư, hàng hóa, phát hiện và giải quyết kịp thời tình trạng vật tư hàng hóa ứ đọng, kém phẩm chất.

Chính sách tiêu dùng cần xác định phương hướng và biện pháp đúng đắn để giải quyết các mâu thuẫn và mất cân đối hiện nay trong bản thân quỹ tiêu dùng theo các định hướng sau đây :

1 — Tốc độ tăng quỹ tiêu dùng phải **thấp hơn** tốc độ tăng năng suất lao

Digitized by Google

động và tốc độ tăng thu nhập quốc dân sản xuất, chấm dứt việc đi vay nợ nước ngoài để chi cho tiêu dùng, thực hiện các biện pháp có hiệu quả để thực hiện triệt để tiết kiệm trong tiêu dùng.

2 — Tốc độ tăng quỹ tiêu dùng xã hội phải tăng chậm hơn tốc độ tăng quỹ tiêu dùng cá nhân. Xóa bỏ bao cấp trong tiêu dùng xã hội, giảm mạnh biên chế và chi tiêu hành chính, giảm chi tiêu đến mức hợp lý trong quốc phòng, an ninh, chuyển các hoạt động sự nghiệp, văn hóa sang phương thức gắn thu bù chi, thể chế hóa phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm, thực hiện chính sách xã hội trực tiếp đối với các đối tượng được hưởng chính sách.

3 — Tiêu dùng xã hội phải bảo đảm phát triển đồng đều giữa các vùng, các địa phương, ưu tiên cho các vùng dân tộc ít người, cho miền núi, các vùng hẻo lánh và các vùng kinh tế mới. Chi cho tiêu dùng xã hội phải bảo đảm có hiệu quả và theo các định mức chi tiêu hợp lý.

4 — Tiêu dùng cá nhân cần quán triệt phương châm triệt để tiết kiệm, đề cao nếp sống giản dị, lành mạnh, chống xa hoa, lãng phí, **khuyến khích dùng hàng nội hóa**, bài trừ tệ sùng bái hàng ngoại, chống dùng hàng xa xỉ.

Quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động trong kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, cải cách về cơ bản chế độ tiền lương, tiếp tục tăng thu nhập cho người lao động. Khuyến khích mọi người làm giàu bằng các con đường làm ăn chính đáng, đi đôi với điều tiết thỏa đáng những thu nhập quá cao hoặc bất hợp lý.

5 — Nghiên cứu tổ chức bảo hiểm xã hội và bảo trợ xã hội thành quỹ riêng, thực hiện việc toàn dân đóng góp vào việc thực hiện các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước. Phát triển hệ thống bảo hiểm của nhà nước trong các lĩnh vực của đời sống.

III

Để bảo đảm thực hiện đường lối phân phối thu nhập quốc dân như trên đã trình bày, cần sử dụng các chính sách và biện pháp tài chính thích hợp, kết hợp chặt chẽ với chính sách giá cả, tiền lương, trả công lao động... theo những bước đi thích hợp để hình thành quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng hợp lý trong từng thời kỳ.

Xây dựng và ban hành sớm chính sách tài chính quốc gia và các chính sách cụ thể về động viên tài chính trong nước, động viên vốn ngoài nước, chính sách đầu tư, chính sách tín dụng, tiền tệ, trong đó quan trọng nhất là luật ngân sách, hệ thống thuế, chính sách thuế thu nhập dân cư (kể cả đối với các công dân nước ngoài làm việc ở nước ta và các công dân nước ta làm việc trong các công ty nước ngoài liên doanh với nước ta), chính sách thống nhất quản lý ngoại hối, chính sách thuế xuất nhập khẩu, chính sách lãi suất tín dụng và kinh doanh tiền tệ. Mặt khác, đổi mới cơ chế quản lý tài chính, quản lý tiền tệ và tín dụng, đổi mới hệ thống tổ chức tài chính, tăng cường cán bộ có phẩm chất và năng lực cho bộ máy tài chính ở trung ương, các ngành, các cấp và các cơ sở.

Về chính sách giá cả, tiếp tục xóa bỏ bao cấp trong giá thiết bị, vật tư, tài sản cố định, trong sản xuất kinh doanh, **gắn với giá thị trường quốc tế**. Chuyển từ cơ chế định giá trực tiếp sang cơ chế định giá gián tiếp. Nhà nước chỉ xác định giá một số sản

Digitized by Google

phẩm do nhà nước độc quyền sản xuất kinh doanh thật cần thiết cho kinh tế xã hội của cả nước, nhưng không bao cấp qua giá. Xác định tỷ lệ tối ưu giữa giá hàng công nghệ và hàng nông sản và áp dụng các biện pháp kinh tế để bảo hộ sản xuất.

Cải cách chế độ tiền lương theo hướng thực hiện phân phối theo lao động là chủ yếu, bảo đảm yêu cầu tái sản xuất sức lao động, xóa bỏ các hình thức cung cấp binh quân và « đặc quyền, đặc lợi », triệt để tiền tệ hóa tiền lương. Có chênh lệch hợp lý giữa lao động khoa học – kỹ thuật, nghiệp vụ cao với lao động giản đơn; đãi ngộ thỏa đáng những tài năng, những người có năng suất cao; áp dụng các hình thức trả lương gắn với kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Có cơ chế bảo đảm tiền lương tăng chậm hơn tốc độ tăng năng suất lao động; sớm chấn chỉnh và lập lại kỷ cương trong việc trả lương và thưởng (việc trả lương và thưởng bất chấp mọi nguyên tắc đang gây tác hại lớn đến tài chính và tài sản của nhà nước, và tạo điều kiện cho các hiện tượng tiêu cực phát triển).

Đối với khu vực nông nghiệp, tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán để nâng cao mức thu nhập cho nông dân trong hợp tác xã, sớm xây dựng quỹ bảo hiểm xã hội cho xã viên.

Đường lối phân phối thu nhập quốc dân và các chính sách tích lũy, tiêu dùng cần được định lượng bằng các phương án cụ thể cho từng kế hoạch 5 năm và hằng năm, trong đó việc xác định **quan hệ tỷ lệ giữa tích lũy và tiêu dùng** giữ vị trí **trung tâm**... cần được tiến hành trên cơ sở khoa học, có điều tra, nghiên cứu chu đáo, tránh lối làm chủ quan hoặc qua loa đại khái.

Việc tổ chức chỉ đạo thực hiện cần chặt chẽ, nhạy bén, đồng bộ và bảo đảm **thống nhất giữa phân phối thu nhập quốc dân bằng giá trị với phân phối thu nhập quốc dân bằng hiện vật**, xử lý kịp thời những sự mất cân đối khi xảy ra. Tăng cường công tác quản lý vĩ mô nền kinh tế quốc dân, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm kê và kiểm soát của nhà nước, tăng cường công tác thống kê, phân tích tình hình sản xuất phân phối và sử dụng thu nhập quốc dân hằng năm, để có biện pháp giải quyết kịp thời và có hiệu quả.

Digitized by Google

● Nghiên cứu

Văn hóa truyền thống trong chiến lược phát triển quốc gia

NGUYỄN VĂN HƯỜNG

I – Văn hóa truyền thống phải là một động lực cơ bản cho sự phát triển quốc gia

Một vấn đề cấp bách được đặt ra cho các nước đang phát triển trong các thập kỷ qua là: sau khi giành được độc lập dân tộc thì bằng con đường nào và dựa vào động lực gì để có thể phát triển nhanh nhất thành một quốc gia phồn vinh, hiện đại.

Trong quá trình mò mẫm tìm đường này, nhiều nước đã thành công nhưng cũng không ít nước chưa thành công, thậm chí thất bại nặng nề. Một số nước ở châu Phi, châu Mỹ la tinh và Trung Cận Đông chẳng hạn, trải qua những bước thăng trầm không ổn định, có nước ngày càng bị phụ thuộc về kinh tế, thậm chí cả về văn hóa và chính trị vào các nước đế quốc phương Tây. Tình trạng đó xảy ra là do một số nước trong chiến lược phát triển của mình chỉ một chiều nhấn mạnh phát triển kinh tế (chủ nghĩa kinh tế), du nhập kỹ thuật tiên tiến một cách không chọn lọc, không quan tâm đến yêu cầu thực sự của con người, nguyện vọng của nhân dân, coi nhẹ những yếu tố nội tại, tập quán dân tộc và nền văn hóa truyền thống. Kết quả là thành tích kinh tế dẫu đạt được phần nào đó cũng thường là què quặt, không vững chắc, đất nước ngày càng lệ thuộc vào nước ngoài, bị tràn ngập bởi các luồng văn hóa ngoại lai, dẫn đến tình trạng xã hội và chính trị không ổn định.

Gần đây trên thế giới, đặc biệt là ở nhiều nước thuộc thế giới thứ ba, đang có trào lưu quan tâm hơn đến khía cạnh văn hóa của sự phát triển nhằm xây dựng một xã hội phát triển cân đối về cả kinh tế, văn hóa và xã hội. Họ lấy việc xây dựng con người làm cơ sở, con người sống hài hòa trong một cộng đồng gắn bó với nhau bằng một nền văn hóa đồng nhất. Nền văn hóa truyền thống phát triển không ngừng phù hợp với thời đại được coi là một động lực nội tại quan trọng của sự phát triển. Nghĩa là, các yếu tố văn hóa, xã hội đã dần dần được thừa nhận là những yếu tố rất quan trọng, là hiệu quả cuối cùng phải đạt được của sự phát triển.

Digitized by Google

Mỗi xã hội, cũng như mọi cơ thể sống, phải phát triển theo những quy luật riêng của nó và trong quá trình phát triển phải làm sao không đánh mất bản sắc dân tộc của nó thì sự phát triển mới thật sự ổn định và vững chắc.

Mỗi xã hội phải tìm cho được mô thức phát triển riêng của mình, xuất phát từ tình hình thực tại về mọi mặt của mình, từ những tiềm năng vật chất, tinh thần cũng như các ràng buộc đặc thù về đặc điểm văn hóa truyền thống của mình.

Nền văn hóa truyền thống của một dân tộc, hiểu theo nghĩa rộng là tập hợp kết quả của tác động qua lại trong bước tiến hóa lâu dài giữa con người (với mọi nhu cầu và khả năng của mình) và môi trường (môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội) trong đó con người sống và phát triển. Đó là tất cả các kiến thức khoa học – kỹ thuật, mọi kinh nghiệm trong lao động sản xuất, trong đấu tranh để sinh tồn và phát triển. Đó là mọi giá trị tinh thần được cả cộng đồng chấp nhận gồm có tín ngưỡng – phong tục tập quán, nguyên tắc đối xử xã hội, văn hóa – nghệ thuật, nhân sinh quan, thế giới quan – triết học, v.v. Nền văn hóa truyền thống này bao gồm cả những dạng biến thiên từng bước cho thích ứng với thời đại, đã in sâu vào tập quán sống, nếp nghĩ, nếp làm của cả cộng đồng, đã trở thành chất keo tạo nên sự đoàn kết, sự đồng cảm trong cộng đồng, phải được biến thành một thực thể thuần nhất vững mạnh, đủ sức tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và chống lại những gì phương hại đến cốt cách dân tộc, cộng đồng của nó.

Tuy nhiên, để xây dựng một nền văn hóa dân tộc phát triển tốt đẹp, cũng cần phải tránh khuynh hướng lý tưởng hóa truyền thống. Phản đối chủ nghĩa kỹ thuật đơn thuần, chủ nghĩa hiện đại cực đoan, nhưng phải không ngừng tiếp thu các giá trị văn hóa tiên tiến của thế giới. Kỹ thuật cũng thường mang màu sắc văn hóa của xã hội tạo ra nó, nên tiếp thu phải có chọn lọc cho phù hợp với văn hóa, tập quán của dân tộc mình. Cần chú ý rằng văn hóa truyền thống thường không hoàn toàn đồng nhất trong cộng đồng đối với mọi thành phần, mọi lứa tuổi, mọi dân tộc (đối với các xã hội đa dân tộc), vậy phải có chủ trương mềm dẻo để vừa củng cố, xây dựng được cái chung đồng nhất, vừa phải tôn trọng đầy đủ các màu sắc, sở thích riêng của từng thành phần, lứa tuổi, dân tộc. Phải theo nguyên tắc cái riêng không mâu thuẫn với cái chung mà ngược lại, cái riêng làm phong phú cái chung, và cái chung làm cơ sở cho cái riêng phát triển.

II – Những nét đặc thù của nền văn hóa truyền thống Việt nam

Dân tộc Việt nam đã trải qua hơn 4 000 năm lịch sử tồn tại và phát triển trong một môi trường thiên nhiên khắc nghiệt của vùng nhiệt đới ẩm với gió bão, lụt lội, khô hạn v.v. ở một vị trí quan trọng trên con đường di dân quốc tế, nơi va chạm, hòa nhập các nền văn hóa lớn của xã hội loài người mà tượng trưng nhất là nền văn hóa các dân tộc Ấn độ và nền văn hóa các dân tộc Trung hoa. Vậy muốn tồn tại được, Việt nam tất nhiên đã phải có một nền văn hóa truyền thống phong phú, đa dạng, đầy tinh chiến đấu, đậm đà bản sắc dân tộc, đủ sức tự bảo tồn và phát triển trong sự va chạm liên tục với những luồng văn hóa đầy sức chinh phục – bành trướng của các xã hội chung quanh.

Nền văn hóa đó có bản sắc như thế nào, do đâu mà có được sức mạnh tồn tại và phát triển như vậy? Đó là những vấn đề cần nghiên cứu để

Digitized by Google

tìm ra những ưu thế của dân tộc ta. Chúng tôi muốn nêu lên một vài suy nghĩ ban đầu.

1. Văn hóa Việt nam qua các phong tục tập quán

Các hội hè của vùng đồng bằng Bắc bộ có nguồn gốc rất lâu đời và được duy trì cho đến ngày nay với những nét khá độc đáo, đậm màu sắc từng địa phương. Để ca ngợi các anh hùng dân tộc – lặp lại một cách tượng trưng các hành động giữ nước, chống ngoại xâm, có những hội như Hội đền Gióng, Hội đền Hai bà Trưng, Hội đền Hùng, Hội đền Kiếp bạc. Để cổ vũ và duy trì tinh thần thượng võ, có Hội vật Liễu đôi, hội võ các nơi, hội pháo v.v. Ngoài ra, còn rất nhiều hội mà nội dung chính là gặp gỡ, vui chơi, vừa mang màu sắc tôn giáo, vừa để thưởng ngoạn thiên nhiên tươi đẹp như: Hội Lim, Hội chùa Hương, Hội rằm tháng Tám, v.v

Mỗi hội hè thường có kèm theo **nghi thức – văn nghệ** (múa nhạc), tục lệ riêng rất đa dạng, phong phú, có tính truyền thống rất cao. Nói chung, bao giờ cũng có phần lễ (tức tôn giáo, nghi thức) và phần hội (văn nghệ – vui chơi).

2. Văn hóa Việt nam qua nền kiến trúc công trình

Vật liệu chính của kiến trúc Việt nam là gỗ và gạch. Kiến trúc bằng đá ít; đá chỉ dùng để trang trí hơn là để chịu lực. Các ưu thế và các hạn chế của kiến trúc bằng gỗ (hạn chế trong không gian do kích thước có hạn của cây gỗ, hạn chế trong thời gian do vật liệu gỗ dễ bị phá hủy do thiên nhiên nhiệt đới ẩm và bị cháy do chiến tranh) không thúc đẩy sử dụng nhiều kiến thức cơ học như các công trình bằng đá và kiến thức toán học làm cơ sở cho kiến thức cơ học. Do các hạn chế trên nên tuy đã có một nền kiến trúc rực rỡ qua các thời đại nhưng nay không còn được bao nhiêu để nghiên cứu.

Những thành tựu lớn cần ghi nhận là: kiến trúc sư của các lăng tẩm cung điện Trung quốc cận đại, ví dụ Cố cung và Thiên an môn ở Bắc kinh, là một người Việt nam: Nguyễn An. Người Việt nam đã sáng tạo ra kỹ thuật «âu thuyền» (đưa thuyền qua núi) từ những năm đầu của công nguyên, trước rất xa sự sáng tạo lại kỹ thuật này ở châu Âu.

3. Văn hóa Việt nam qua nghệ thuật quân sự chống ngoại xâm và giữ nước

Các sách binh pháp của các nhà quân sự lỗi lạc như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Đào Duy Tử v.v. là những kho tàng quý báu. Nghệ thuật trúc thành mà sáng tạo lớn nhất là dạng «Loa thành» bắt quân địch khi tấn công phải rải theo một hàng dọc giữa hai dãy tường cao để tiêu diệt chúng. Các loại võ nghệ từ tay không đến cung kiếm, gậy gộc, gươm giáo, phi ngựa, lăn khiên, v.v. là trình độ võ thuật ở mức rất cao kết hợp cả cương thuật, nhu thuật, cả gồng và điểm huyệt v.v. để thực hiện chiến lược «lấy ít thắng nhiều», «lấy đoản binh thắng trường trận» nổi tiếng. Vận tải quân sự: dùng voi, dùng ngựa (cách nuôi ngựa độc đáo của đồng bào Bình định, cách tập ngựa độc đáo của Việt nam: nước kiệu, v.v.). Các loại thuyền chiến, thuyền đua, các hệ kênh rạch liên hoàn với ao, hồ, vừa là hệ thống giao thông thời chiến cho chiến thuyền, thời bình cho vận tải, vừa là hệ thống phòng ngự chống bộ binh và kỵ binh. Trong việc chống vận tải quân sự và thủy quân của địch có sáng tạo lớn là dùng phương pháp đóng cọc (Bạch đằng), lợi dụng thủy triều và con nước (Rạch gầm – Xoài mút) để phá thuyền địch.

4. Văn hóa Việt nam qua nền y học dân tộc

Vì là một nước nhiệt đới ẩm nên được học Việt nam thiên về dùng các

Digitized by Google

loại lá tươi và rễ cây, dùng các loại vi sinh: quế (thường phải ủ để gây một môi trường vi sinh riêng), trầm kỳ, v.v. Vì là một nước hay bị xâm lược nên giỏi về chữa vết thương, chữa gãy xương, bấm huyệt, châm cứu v.v.

Lý luận y học dựa vào sự hài hòa giữa con người và ngoại giới, coi con người là một tổng thể khi chữa bệnh. Đó là khuynh hướng mà y học hiện đại đang hướng tới.

5. Văn hóa Việt nam qua nghệ thuật chế biến món ăn

Sử dụng rộng rãi các enzim sinh trưởng (măng, giá, nấm, trứng vịt lộn, chó bao tử, hươu bao tử...), các hệ men vi sinh để chế biến thức ăn: chế biến prôtit động vật (nước mắm các loại, mắm các loại). Chế biến các prôtit thực vật (tương, chao). Các món ăn trong ngày tết, ngày lễ thường là món ăn tổng hợp, hội tụ các chất dinh dưỡng cơ bản: prôtit, glucô, lipit. Ví dụ: bánh chưng (miền Bắc), bánh tét (miền Nam), bánh ồ (miền Nam Trung bộ), bánh giầy (miền Bắc), chè thịt quay (Huế) v.v.

6. Văn hóa Việt nam qua các ngành nghề mỹ nghệ

Thủ công: chạm trổ, khảm các loại, thêu dệt, sứ gốm (men thời Lý) sơn mài, đúc đồng (trống đồng), đúc đồng đen (các tượng), chứng tỏ những bàn tay nghệ nhân rất khéo léo tinh vi. Đã nắm được rất sớm kỹ thuật luyện kim, nhất là đúc đồng (các trống đồng nổi tiếng), nghề luyện sắt thép (mà có nhà khảo cổ cho là có từ thời Hùng vương) được tượng trưng hóa trong hình ảnh ngựa sắt, roi sắt của Thánh Gióng.

7. Văn hóa Việt nam qua âm nhạc, văn học nghệ thuật

Âm nhạc Việt nam thường gắn rất chặt chẽ với các động tác lao động, chứng tỏ là phát xuất chính từ nhân dân lao động: hát chèo đò (điệu đò dọc, đò ngang), hát phường vải (Nghệ tĩnh) theo nhịp xe vải kéo sợi, hát giã gạo (Huế – Tây nguyên) theo nhịp giã gạo, hò kéo gỗ, kéo lưới v.v.

Nhạc cụ rất độc đáo từ đàn bầu một dây đến đàn đá có âm thanh trong như ngọc v.v.

Các điệu múa, hát của các dân tộc.

Khả năng làm thơ, vè của Việt nam rất phong phú: mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi, mọi hoàn cảnh đều có thể phát biểu bằng thơ, vè, ca dao, ngạn ngữ, vì tiếng nói của Việt nam có 5 dấu nên bản thân tiếng nói đã mang âm điệu trầm bổng của thơ ca.

III – Làm gì để phát huy thế mạnh của nền văn hóa cổ truyền có chiều dày 4 000 năm lịch sử của Việt nam?

1. Chúng ta cần tìm tòi, khôi phục, sử dụng có chọn lọc để phát huy mặt mạnh và hạn chế mặt yếu, và không ngừng hiện đại hóa cho thích ứng với thời đại mà vẫn giữ được bản sắc của mình. Có giữ được bản sắc mới khỏi lai căng, mới có sức mạnh của truyền thống, sức mạnh hòa hợp được mọi người Việt nam. Có hiện đại hóa mới luôn luôn phù hợp với yêu cầu tiến lên của xã hội hiện đại, và mới thu hút được các tinh hoa của nền văn hóa tiến bộ của nhân loại.

2. Làm cho mọi người Việt nam từ già đến trẻ thấm nhuần nền văn hóa dân tộc

Muốn thế, mọi người phải được giáo dục từ bé.

– Trong nôi: qua những điệu ru hời của mẹ, của chị.

– Trên ghế nhà trường, nhất là trường phổ thông: phải có phần giáo dục những cái cơ bản nhất của văn hóa truyền thống trong chính khóa hoặc ngoại khóa. Học sinh phải biết

Digitized by Google

những điệu hát cổ, điệu múa truyền thống dân tộc (cò lả ở miền Bắc, vọng cổ ở miền Nam, các điệu hát miền Trung, các điệu hát dân tộc của các dân tộc ít người). Nữ thì phải học ru em, học nấu nướng các món ăn dân tộc trong ngày thường và lễ tết ; nam thì học võ trong giờ thể thao, chơi các trò chơi dân tộc (đá cầu, nhảy nụ, v.v.).

Dạy văn nên nặng về tính nghệ thuật dân tộc hơn nữa, không chỉ phân tích ý nghĩa chính trị trong văn chương cổ truyền một cách gò ép (học Kiều như thế nào ? học ca dao ngạn ngữ như thế nào ?).

— Trong gia đình : các thế hệ trong một gia đình (ông, bà, con cháu) hòa hợp được trong một nền văn hóa chung. Nhạc cổ truyền phải tìm cách hiện đại hóa để lớp trẻ chấp nhận được, nhưng phải giữ bản sắc của nó để có sức hấp dẫn đối với người già (ví dụ theo hướng nhạc kịch như **Cô gái làng chèo**). Phải giữ ở mức nhất định các hoạt động truyền thống của cả gia đình cùng tham gia — sự hòa hợp của cộng đồng gia đình — như ngày tết, ngày giỗ, cưới xin, ma chay, v.v., chỉ tước bỏ những chi tiết mang tính cách rườm rà, mê tín dị đoan, phản khoa học, không nên đơn giản hóa quá đáng hay tập thể hóa bừa bãi.

— Trong làng mạc, xã hội : giữ các phong tục của các hội hè ca tụng anh hùng dân tộc hoặc cổ vũ tinh thần thượng võ, tạo điều kiện cho sự gặp gỡ nam nữ trong những ngày xuân tại những di tích phong cảnh đẹp đẽ. Đó là những sinh hoạt văn hóa tập thể rất văn minh, độc đáo, tạo sự hòa hợp với tập thể, với thiên nhiên, quê hương làng mạc.

★

Để kết luận, chúng ta có thể khẳng định rằng nếu trong gần nửa thế kỷ đấu tranh giành lại nền độc lập, bí quyết chiến thắng của chúng ta là đã nắm vững hai ngọn cờ :

— Ngọn cờ dân tộc mà thực chất là **độc lập dân tộc**, và

— Ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, thì trong giai đoạn xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay, chúng ta vẫn phải kiên trì nêu cao hai ngọn cờ đó :

— Ngọn cờ xã hội chủ nghĩa mà ngày nay là « đổi mới xã hội chủ nghĩa », và

— Ngọn cờ dân tộc mà thực chất là **văn hóa dân tộc**. Dùng văn hóa dân tộc làm chất keo đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, mọi thế hệ, người trong nước và người Việt nam ở nước ngoài, đoàn kết bắc nam, đoàn kết mọi dân tộc, coi như một khối thuần nhất không gì phá vỡ nổi để xây dựng Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

Digitized by Google

● Trao đổi

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nhằm góp phần tạo thêm việc làm cho người lao động

ĐỒNG THẢO

Để tạo thêm việc làm cho người lao động và tiến tới toàn dụng lao động xã hội cần phải làm rất nhiều việc, nhưng có thể quy vào hai loại việc chính: chuyển đổi cơ cấu kinh tế và đổi mới chính sách kinh tế. Trong bài này tôi xin nêu lên một số suy nghĩ về chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

1 — Xây dựng nền kinh tế quốc dân theo « cơ cấu hai tầng »: kinh tế xã hội và kinh tế gia đình

Thực tiễn đã chỉ rõ, kinh tế gia đình do thống nhất được quyền sở hữu với quyền sử dụng (tức là quyền kinh doanh) nên đã đem lại hiệu quả to lớn về tận dụng tiềm năng đất đai lao động, làm ra nhiều hàng hóa cho xã hội và tăng thu nhập cho gia đình. Hiện nay, kinh tế gia đình ở nước ta đang cung cấp khoảng 90% rau, quả, thịt, trứng, cá; 20 — 30% quỹ lương thực; một phần hàng tiêu dùng và xuất khẩu và mang lại khoảng 50 — 60% thu nhập của xã viên hợp tác xã; 10 — 12% thu nhập của gia đình công nhân viên chức. Thực tế đã xuất hiện nhiều gia đình « triệu phú », nhiều làng « tỷ phú », các mô hình « xí nghiệp gia đình », « thị xã vườn »... Tỉnh Hà Sơn Bình có hơn 5 vạn người làm kinh tế gia đình giỏi có thu nhập hàng năm từ 2 — 3 triệu đồng đến hàng chục triệu đồng... Do vậy, mặc dù có ý kiến chưa tán thành, tôi vẫn cho rằng phát triển kinh tế gia đình là một giải pháp rất cơ bản nhằm tạo thêm việc làm cho người lao động và sớm làm cho dân giàu nước mạnh. Để có thể phát triển mạnh kinh tế gia đình, cần có những quan niệm và chủ trương mới như sau:

— Không nên coi kinh tế gia đình là kinh tế phụ và chỉ là kinh tế làm ngoài giờ của công nhân viên chức và xã viên hợp tác xã; mà nên quan niệm mỗi gia đình là một tổ chức kinh tế, một đơn vị kinh doanh tự chủ, được sử dụng lao động chính như các đơn vị kinh doanh khác. Mô hình của kinh tế gia đình không chỉ

Digitized by Google

là VAC mà là VACC (VAC + công nghiệp nhỏ).

– Kinh tế gia đình cần được coi là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hai tầng: kinh tế xã hội và kinh tế gia đình. Điều này có nghĩa là kinh tế sẽ phát triển theo một quá trình « kép » vừa xã hội hóa, vừa gia đình hóa. Việc gì làm ngoài xã hội tốt thì tổ chức làm ngoài xã hội, việc gì làm tại gia đình tốt thì tổ chức làm tại gia đình. Đất nước ta sẽ làm giàu, sẽ đi lên bằng hai chân: kinh tế xã hội và kinh tế gia đình.

– Cả nước sẽ dành khoảng 20% đất ruộng và đất rừng để cấp hoặc bán hẳn cho nông dân làm kinh tế gia đình. Không nên ngại rằng như vậy sẽ mất nhiều « thổ cư », vì trong số này chỉ 20 – 30% là thực sự thổ cư, còn lại vẫn là thổ canh, và như ta đã biết, « canh viên » so với « canh điền » hiệu quả cao hơn 5 – 10 lần.

– Cần có một quan niệm mới về nhà ở. Nhà ở có hai chức năng: vừa là chỗ để ở, vừa là nơi để làm kinh tế gia đình. Từ đó mà có chủ trương mới về xây dựng nhà ở, tính thêm diện tích để làm kinh tế gia đình. Ở thành thị có thể thiết kế kiểu nhà ở có hai không gian: không gian bếp, vệ sinh, không gian để ở và sản xuất chưa đặt vách ngăn. Các chủ hộ sẽ tự đặt và thay đổi vách ngăn phù hợp với yêu cầu sinh hoạt và sản xuất của mình. Ở nông thôn, nói chung nên làm nhà hai tầng để vừa tiết kiệm đất, vừa có nơi ở, nơi sản xuất thuận tiện.

– Điều rất quan trọng là nhà nước, kinh tế quốc doanh và tập thể phải hướng dẫn kinh tế gia đình phát triển theo quy hoạch chung của từng vùng; mặt khác, phải tổ chức tốt các dịch vụ đầu vào và đầu ra giúp cho kinh tế gia đình phát triển thuận lợi đúng hướng và trở thành kinh tế hàng hóa.

2 – Phát triển toàn diện kinh tế nông thôn bao gồm nông – lâm – ngư nghiệp và công nghiệp nông thôn

a) Phương hướng cơ bản là ưu tiên phát triển **nông nghiệp** theo hướng toàn diện, thâm canh và chuyên canh. Toàn diện là gồm 10 nhóm cây (lương thực, đậu đỗ, rau quả, cây có đường, cây có dầu, cây có sợi, cây làm thuốc, cây thức ăn gia súc, cây lấy gỗ củi, cây đặc sản), 6 nhóm con (trâu bò, lợn, gia cầm, thủy sản, ong, đặc sản) và 6 ngành nghề (chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất và sửa chữa nông cụ, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, vận tải, xây dựng cơ bản).

Chú ý phát triển các cây có thể sử dụng được nhiều lao động như dâu tằm, đay, cói... Có nơi đã tính toán cứ trồng 10 nghìn ha đay kết hợp với chế biến thì có thể tạo được việc làm cho 100 nghìn người. Tiến tới xây dựng cho được một số vùng chuyên canh nông nghiệp như vùng sản xuất lúa màu, vùng cây công nghiệp, vùng chăn nuôi, vùng đặc sản... Hết sức coi trọng thâm canh, tiến tới thực hiện phương châm « làm ruộng như làm vườn », « làm rừng như làm ruộng » để một ha đất có thể sử dụng 1 – 2 lao động.

b) Phát triển **lâm nghiệp** theo hướng chuyển từ lâm nghiệp nhà nước sang « lâm nghiệp xã hội » với những nội dung cơ bản như:

Đó là lâm nghiệp « do dân, vì dân », làm sao cho nhân dân gắn bó với rừng, coi rừng là tài sản của họ. Không chỉ gắn bó một vòng từ khâu trồng cây đến khâu chia sản phẩm cuối cùng, mà gắn bó lâu dài, từ vòng quay này đến vòng quay khác, từ đời cha đến đời con, rồi tiếp tục mãi...

Đối tượng của lâm nghiệp xã hội không chỉ là cán bộ công nhân lâm nghiệp, không chỉ là thợ rừng mà là

Digitized by Google

toàn dân : toàn dân làm rừng, cả nước trồng rừng.

Phương thức của lâm nghiệp xã hội là :

+ Tiếp tục thực hiện tốt chính sách giao đất, giao rừng nhằm sớm biến rừng vô chủ thành rừng « hữu chủ », hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân xây dựng tốt các « vườn rừng ». Tiến tới xây dựng các làng lâm nghiệp, các thị trấn lâm nghiệp.

+ Tiếp tục thực hiện « nông lâm kết hợp » nhằm sớm trải rộng thảm thực vật rừng trên toàn bộ lãnh thổ, góp phần bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái.

+ Đẩy mạnh phong trào trồng cây ở các thành phố, thị xã, thị trấn, tiến tới đạt chỉ tiêu mỗi người dân có $5m^2$ cây xanh.

+ Kết hợp đúng đắn giữa lâm nghiệp nhà nước và lâm nghiệp nhân dân. Các lâm trường quốc doanh nói chung nên chuyển thành các trung tâm dịch vụ khoa học kỹ thuật lâm nghiệp, phục vụ tốt đầu vào và đầu ra của nghề rừng.

c) Phát triển **công nghiệp nông thôn.** Hiện nay công nghiệp nông thôn của ta có gần 14 nghìn cơ sở sản xuất, thu hút hơn nửa triệu lao động và làm ra khoảng 10% sản lượng hàng tiêu dùng. Thực tiễn một số làng nghề ở các tỉnh Hà bắc, Hà sơn bình, Hà nam ninh, Đồng nai, Cửu long... cho thấy, ở đâu công nghiệp nông thôn hoạt động tốt thì ở đó hàng hóa phong phú, đời sống khá giả, làng xóm vui tươi. Kinh nghiệm ở Đài loan, Trung quốc cũng cho thấy, công nghiệp nông thôn có thể sử dụng 30 – 40% lao động nông thôn và làm ra giá trị hàng hóa lớn hơn giá trị hàng hóa nông nghiệp. Do vậy, để góp phần toàn dụng lao động nông thôn và đổi mới bộ mặt nông thôn, không thể không phát triển mạnh mẽ công nghiệp nông thôn.

Công nghiệp nông thôn chủ yếu và trước hết là phục vụ nông – lâm – ngư nghiệp, nhằm mở rộng giá trị sử dụng, nâng cao giá trị nông, lâm, thủy sản và phát triển kinh tế hàng hóa ở nông thôn. Cùng với việc củng cố và mở mang các ngành nghề (dưới các hình thức hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp chuyên nghiệp, lưa chuyên nghiệp và các đội ngành nghề), công nghiệp nông thôn cần được phát triển mạnh ở các gia đình nông dân, tiến tới xây dựng mỗi gia đình thành các xí nghiệp mi ni công nông nghiệp. Quy mô của công nghiệp nông thôn chủ yếu là quy mô nhỏ. Kỹ thuật của công nghiệp nông thôn là kỹ thuật truyền thống kết hợp với kỹ thuật hiện đại. Một số ngành nghề có thể đi vào kỹ thuật mới nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm phục vụ tốt tiêu dùng và xuất khẩu. Cần có chính sách khuyến khích nhiều cán bộ kỹ thuật công nghiệp về nông thôn để góp phần phát triển công nghiệp nông thôn.

3 – Phát triển công nghiệp và dịch vụ

Cùng với nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, cần ra sức phát triển công nghiệp và dịch vụ, vì đây là hai ngành (hay hai khu vực) sử dụng ngày càng nhiều lao động xã hội.

– Cần thực hiện một cơ cấu công nghiệp mềm theo hướng ưu tiên phát triển các ngành có nhiều lợi thế, lợi nhuận cao và thu hút được nhiều lao động. Sớm nghiên cứu xác định để tập trung phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn như công nghiệp sinh học, công nghiệp điện tử... Để tạo thêm việc làm, trước mắt cần chú ý phát triển những ngành, những xí nghiệp thu hút nhiều lao động sống như các ngành dệt, gia công may mặc xuất khẩu, gia công lắp ráp hàng điện tử... Cần phát triển mạnh mẽ tiểu, thủ công nghiệp theo hướng hiện đại, tinh xảo. Thực tiễn cho thấy phát triển tiểu, thủ công

Digitized by Google

nghiệp không đòi hỏi vốn đầu tư lớn của nhà nước (cái mà chúng ta đang rất thiếu), lại có thể thu hút được nhiều lao động (cái mà chúng ta đang rất thừa). Hiện nay khu vực tiểu, thủ công nghiệp đã sử dụng khoảng 2 triệu lao động, nếu chúng ta có chính sách khuyến khích phát triển mạnh mẽ, thì khu vực này thu hút thêm 1–2 triệu lao động nữa không phải là vấn đề khó khăn.

— Trong nền kinh tế hiện đại, ngoài công nghiệp và nông nghiệp ra, còn có dịch vụ là khu vực rất quan trọng. Dịch vụ không phải là khu vực « phi sản xuất » như cách hiểu lâu nay, mà chính là khu vực sản xuất « phi vật chất ». Nó bao gồm nội dung rất rộng: từ sản xuất ra các sản phẩm trí tuệ như khoa học, giáo dục,... từ các dịch vụ gắn với sản xuất như thương nghiệp, ngân hàng,... cho đến những dịch vụ về hành chính và sinh hoạt nhằm phục vụ tốt cho kinh tế và đời sống. Phát triển dịch vụ không đòi hỏi vốn đầu tư nhiều mà lại thu hút được nhiều lao động. Ở các nước kinh tế phát triển, khu vực dịch vụ thường chiếm 50–60% lao động xã hội và làm ra 50–60% tổng sản phẩm quốc dân. Ta cần hết sức coi trọng khu vực này và phát triển tương ứng với hai khu vực công nghiệp và nông nghiệp. Muốn vậy, cần làm cho mọi người lao động coi dịch vụ là « một nghề » không kém giá trị so với bất cứ một nghề nào, và nhà nước phải tổ chức quản lý dịch vụ như đối với một khu vực kinh tế chủ chốt của đất nước.

4—Xây dựng kết cấu hạ tầng

Kết cấu hạ tầng hiểu theo nghĩa rộng là điều kiện vật chất và tinh thần của tái sản xuất mở rộng. Ba lĩnh vực chủ yếu của kết cấu hạ tầng là: hệ thống giao thông vận tải, thông tin liên lạc; hệ thống năng lượng; và hệ thống cấp, thoát nước. Có thể nói, kết cấu hạ tầng với sản xuất cũng như nước với thuyền, nước có lên thì thuyền mới lên. Với kết cấu hạ tầng còn quá nhỏ bé và lạc hậu như ở nước ta hiện nay thì không thể mở mang kinh tế và toàn dụng lao động xã hội được. Cho nên, trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cần ưu tiên xây dựng và phát triển cơ cấu hạ tầng. Mấy vấn đề cấp bách và cơ bản của kết cấu hạ tầng là:

— Ngăn chặn tình trạng xuống cấp của giao thông và tiếp tục phát triển giao thông vận tải nhằm phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế và đời sống nhân dân. Chuẩn bị phát triển mạnh vận tải viễn dương và hàng không.

— Phát triển nhanh chóng hệ thống thông tin liên lạc cả nội địa và viễn thông, nâng cao chất lượng và từng bước mở rộng dịch vụ thông tin.

— Cân đối lưới điện và nguồn điện, tiếp tục phát triển thêm nguồn điện ở những nơi còn thiếu nhằm bảo đảm cho điện luôn luôn đi trước một bước.

— Khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn nước bảo đảm cho sản xuất và sinh hoạt, tổ chức tốt việc cấp, thoát nước, chú ý bảo vệ tài nguyên nước.

Cần làm sớm quy hoạch về kết cấu hạ tầng và tập trung xây dựng trước ở một số địa bàn trọng điểm, trước hết là tại các đặc khu kinh tế, các nơi có quan hệ nhiều với nước ngoài. Nhà nước cần dành 40–50% vốn ngân sách, đồng thời có chính sách huy động vốn trong dân và vốn nước ngoài vào công việc này.

5—Sử dụng rộng rãi các thành phần kinh tế

Cùng với chuyển đổi cơ cấu về lực lượng sản xuất, cần đặc biệt chú ý chuyển đổi cơ cấu về quan hệ sản xuất, tức là thực hiện nhất quán chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Đây là một chính sách lớn nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất và góp phần toàn dụng lao động xã hội.

— Quan điểm chung là sử dụng rộng rãi các thành phần kinh tế theo

Digitized by Google

nguyên tắc đi lên chủ nghĩa xã hội, kinh tế quốc doanh nắm những vị trí then chốt; thành phần nào làm việc gì có lợi hơn thì phát huy thành phần đó, không thay thế bằng thành phần khác. Đối xử bình đẳng với các thành phần kinh tế về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội. Thực hiện liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế vừa hợp tác với nhau vừa cạnh tranh với nhau.

– Bằng mọi cách nâng cao hiệu quả kinh tế quốc doanh để kinh tế quốc doanh có thể phát huy được vai trò chủ đạo của mình. Các giải pháp có thể là: củng cố một số doanh nghiệp lớn và tổ chức thành những công ty quốc gia để làm trụ cột cho nền kinh tế. Chuyển một số cơ sở kinh tế quốc doanh thành các công ty cổ phần hoặc xí nghiệp tư bản nhà nước. Cho tập thể hoặc tư nhân thuê một số cơ sở quốc doanh để kinh doanh và nộp thuế kinh doanh cho nhà nước. Đối với một số cơ sở quốc doanh làm ăn thua lỗ kéo dài, không có khả năng củng cố và phát triển, thì có thể sáp nhập vào cơ sở quốc doanh khác làm ăn tốt, tư nhân hóa hoặc giải thể, tùy theo điều kiện cụ thể.

– Củng cố kinh tế tập thể trên cơ sở phân biệt rõ hợp tác hóa và tập thể hóa tư liệu sản xuất. Tài sản của hợp tác xã có phần là sở hữu tập thể, có phần là sở hữu của xã viên. Thu nhập của hợp tác xã vừa phân phối theo lao động, vừa phân phối theo cổ phần. Việc tổ chức hoặc giải thể hợp tác xã cũng như việc xin ra, vào hợp tác xã của xã viên, phải thực sự xuất phát từ yêu cầu sản xuất và trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

– Công nhận sự tồn tại lâu dài của kinh tế tư nhân (bao gồm cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân) khi nó còn là một tất yếu kinh tế. Phát triển hình thức kinh tế tư nhân trong các lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải, lưu thông... mà pháp luật không cấm, nhằm góp phần toàn dụng lao động xã hội. Xóa bỏ mọi định kiến hẹp hòi và những phân biệt đối xử không hợp lý đối với kinh tế tư nhân.

6. Phát triển các vùng kinh tế

Cùng với việc phát triển các ngành kinh tế và các thành phần kinh tế, cần có chính sách phát triển các vùng kinh tế nhằm phân bố lại lao động xã hội trong cả nước một cách hợp lý. Mấy vấn đề cần chú ý là:

– Xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu long thành vùng sản xuất lương thực và nông sản hàng hóa lớn nhất trong cả nước trên cơ sở vừa thâm canh, vừa mở rộng diện tích gắn với phát triển kết cấu hạ tầng. Hình thành vùng lúa cao sản trên cơ sở khai thác hơn 1 triệu ha đất phù sa ngọt dọc theo sông Tiền và sông Hậu. Xây dựng các vùng cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày gắn với công nghiệp chế biến. Trồng 10 vạn ha rừng được ven biển kết hợp với nuôi tôm. Xây dựng thành phố Cần thơ thành trung tâm công nghiệp lớn của vùng...

– Xây dựng vùng đồng bằng sông Hồng thành vùng trọng điểm lương thực lớn thứ hai của cả nước. Ở đây cần giống mới, phân bón, thuốc trừ sâu và năng lượng... để thâm canh cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày. Phát triển mạnh công nghiệp nông thôn và dịch vụ để tạo thêm việc làm cho lao động. Tận dụng công nghiệp của các thành phố trong vùng để phục vụ nông nghiệp và mở rộng giao lưu hàng hóa giữa thành thị và nông thôn.

– Đầu tư đồng bộ để khai thác có hiệu quả vùng trung du – miền núi Bắc bộ. Phát triển cây công nghiệp dài ngày, cây đặc sản. Xây dựng kết cấu hạ tầng và thông qua xuất, nhập khẩu để phát triển nhanh kinh tế – xã hội ở vùng này, tạo điều kiện thuận lợi cho định canh, định cư và thu hút lao động từ các nơi khác đến.

Digitized by Google

— Trong những năm trước mắt, đối với vùng bắc Trung bộ, cần tập trung phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày và trồng rừng kinh tế. Thâm canh các vùng lúa để tự giải quyết vấn đề lương thực. Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng... Hợp tác với Lào khai thác và chế biến lâm sản, thạch cao.

— Đối với vùng duyên hải miền Trung, cần chú trọng phát triển nghề nuôi trồng thủy sản, đánh bắt cá, nâng cao năng suất các đồng muối. Đẩy mạnh thâm canh các vùng lúa và màu để bảo đảm nhu cầu lương thực trong vùng. Khai thác và tái sinh vốn rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng kinh tế. Xây dựng thành phố Đà nẵng thành khu trung tâm công nghiệp và du lịch của vùng.

— Lấy kinh tế rừng và cây công nghiệp dài ngày làm đối tượng chủ yếu để phát triển kinh tế Tây Nguyên. Đồng thời phát triển mạnh cây công nghiệp ngắn ngày, chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng và khai thác dược liệu. Phát triển công nghiệp khai thác và làm giàu quặng bốc xít trong điều kiện hợp tác được với nước ngoài. Tăng cường kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện cho việc phát triển và phân bố lại sản xuất trong vùng.

— Đông Nam bộ. Khai thác tiềm năng các thành phố và khu công nghiệp hiện có. Phát triển mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, đẩy nhanh xây dựng các khu công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí. Phát triển nông nghiệp toàn diện gắn với công nghiệp chế biến. Triển khai thực hiện chương trình hợp tác, gia công xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản, mở mang du lịch và dịch vụ.

Trong 7 vùng nói trên, có thể quy vào ba khu vực lớn để có kế hoạch phát triển cụ thể trong chiến lược đến năm 2000.

— Khu vực Hà nội — Hải phòng — Quảng ninh và hai phụ điểm Lạng sơn, Yên bái — Lào cai.

— Khu vực thành phố Hồ Chí Minh — Vũng tàu — Côn đảo.

— Khu vực Đà nẵng — Huế — duyên hải miền Trung.

7 — Về phát triển đô thị

Để cho nông thôn nhích lại gần thành thị, hạn chế dòng người chảy từ nông thôn về thành thị, và góp phần bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái, chúng ta sẽ đô thị hóa đất nước theo một mô hình mới với hai loại thành phố.

— Ở **thành thị**, ngoài thủ đô Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh, sẽ xây dựng khoảng 200 — 300 thành phố nhỏ và vừa ở các tỉnh lỵ, thị xã, thị trấn, các khu công nghiệp, các điểm dân cư tập trung... với quy mô 10 — 30 vạn dân. Các thành phố này sẽ được cải tạo và xây dựng theo kiểu mới nhằm bảo vệ tốt môi sinh.

— Ở **nông thôn**, sẽ xây dựng khoảng 2000 — 3000 « thành phố vườn » trên 2000 — 3000 điểm dân cư cơ bản với quy mô 1 — 3 vạn dân; tế bào của các thành phố này là các vườn và nhà, mỗi hộ có một mảnh vườn trên dưới 1000 m^2 và một nhà xây 1 — 2 tầng để ở và làm kinh tế gia đình. Trong các thành phố này, ngoài nông nghiệp, sẽ phát triển rộng rãi công nghiệp gia đình, công nghiệp nông thôn, làm cho thành phố dần dần có phong cách sản xuất công nghiệp và sắc thái sinh hoạt đô thị. Các thành phố này sẽ có hệ thống giao thông thuận tiện, và tương lai sẽ có hệ thống điện nước đến tận các gia đình.

Digitized by Google

Công việc viết văn và sự trung thực

BÙI HIỂN ★

« Sự thực » ! Có nhà văn đã nêu hai tiếng chắc gọn như thế làm đề từ cho cuốn tiểu thuyết của mình. Nhiều nhà viết tiểu thuyết khác cũng nêu đề từ với ý tương tự. Nó thể hiện ở tác giả một tham vọng, khát vọng, dựa chắc trên niềm tin; hay chỉ là mơ ước, mặc dù biết sẽ chẳng bao giờ đạt tới? Bởi vì, có lẽ sâu sắc hơn ai hết, người cầm bút cảm nhận được rằng cái hiện thực đời sống muôn mặt mà anh ta tự đặt cho mình nhiệm vụ quan sát, thể nghiệm và tái hiện, nó luôn biến động, luon bị phân chia, giằng xé bởi muôn ngàn mối quan hệ lại qua phức tạp. « Chân lý bên này dãy núi, sai lầm phía bên kia », như câu nói đã thành ngạn ngữ của một nhà văn ngày trước. « Kim thị tạc phi », lại một danh ngôn nữa của cổ nhân có nghĩa là: Hôm nay đúng, hôm qua sai. Đó là về mặt không gian, thời gian. Rồi lại còn yếu tố tâm lý cá nhân nữa chứ, rất dễ bị chi phối và thường xuyên chuyển động trong từng hoàn cảnh, môi trường nhất định. Chân lý khách quan? Đó là cái đích ta muốn vươn tới, nhưng hiển nhiên là phải thông qua sự suy nghiệm chủ quan của từng người. Ở đây ta thấy vừa là cái khó, vừa là cái trách nhiệm đẹp đẽ của mỗi người cầm bút.

Nhắc lại một chuyện cho vui. Giữa những ngày chống Mỹ ác liệt nhất, đọc sách, tôi bắt chợt mình đang thưởng thức, đang « khoái » một vài trang, một vài đoạn văn nào đó trong cuốn « Mùa hè đỏ lửa » của Phan Nhật Nam và cuốn « Mũ nồi xanh » của Rô-bin Mu-ơ (Robin Moore). Hai cây bút thật ra cũng chẳng tiếng tăm gì lắm, một là sĩ quan cấp thấp, phóng viên mặt trận của quân đội cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu, một có lẽ là nhà báo đi theo quân viễn chinh Mỹ; do kinh nghiệm nghề nghiệp, do bám sát « thực tế », lại cũng nhờ có « lập trường » vững vàng xác định nữa chứ, họ đã đạt được một số trang ký sự và truyện khá sinh động, có « văn », có hình ảnh và nhất là có nhiệt tình! Phải nghĩ rằng họ đã viết những trang ấy một cách hào hứng và « tâm huyết »! Họ đề cao, ca ngợi tinh thần chiến đấu của các « chiến hữu » của

★ Nhà văn

Digitized by Google

họ, họ chửi bới, mạt sát Việt cộng ư? Thì đó là cái lý, cái tình của riêng họ, đâu có gì đáng trách, họ quả đã đứng vững trên chỗ đứng của họ, phía bên kia trận tuyến; họ có niềm tin của họ, niềm tin ấy nằm trong một hệ tư tưởng mà với một thiện ý nào đó, ta có thể giả định họ coi là đúng đắn (loại trừ ra những động cơ khác thuộc quyền lợi vật chất). Tóm lại, có thể giả định họ tin đó là sự thực, đó là chân lý.

Tôi chợt nhớ lại chuyện này nhân vừa đây đọc những dòng càng chân thực, càng « tâm huyết » hơn của một nhà văn Mỹ (cũng có thể đã từng tham gia cuộc chiến ở Việt nam?) dịch đăng trên báo **Văn nghệ**:

« ...những người đi sang Việt nam — mãi cho đến cuối năm 1960 và trái với nhận thức của dân chúng — phần lớn là những thanh niên tình nguyện, hăng hái và « duy lý tưởng ». Tuổi trung bình của binh sĩ Mỹ ở Việt nam là 19 rưỡi (trong Đại chiến thế giới II là 26). Chúng ta đã lớn lên dưới bóng thế hệ ông cha chúng ta, những người đã chiến đấu trong « cuộc chiến tranh chính nghĩa » từ 1941 đến 1945. Đa số chúng ta đang học phổ thông hay trung học khi Giôn Kenno-đi tuyên bố rằng « chúng ta sẽ chịu đựng mọi gánh nặng, trả bất cứ giá nào », để bảo vệ tự do. Chúng ta còn trẻ, chưa có bất cứ kinh nghiệm thực tế nào, chúng ta đã tiếp thu toàn bộ giá trị của xã hội chúng ta và không hề có lý do thực tế nào trước khi tới Việt nam để hoài nghi chính phủ hoặc xã hội của chúng ta đã vui vẻ tán thành chúng ta ra đi.

« Tất cả những cái đó rồi ra sẽ biến đổi hẳn. Hết tháng này tháng khác trôi qua trong rừng rậm, trên các ruộng lúa và trong các thôn xóm của Việt nam mà hoàn toàn chẳng có gì chứng minh cho những cái đó ngoài những thương vong. Người ta chiến đấu và chết vì những ngọn đồi không tên, chỉ để rồi lại bỏ đi khi trận chiến đấu kết thúc. Những con người được giáo dục để tin rằng lính Mỹ luôn luôn cho trẻ con kẹo đã quay ra bắn giết và bị chính những đứa trẻ đó giết chết. Một dân tộc mà chúng ta nghĩ rằng chúng ta đến để giải phóng họ, đã đối xử với chúng ta với một thái độ lãnh đạm hoặc đối địch ra mặt. Sự tiến bộ được đo lường bằng những con số chính thức, rùng rợn « đếm các xác chết » và bất cứ người Việt nam nào chết cũng là Việt cộng. Tra tấn, hãm hiếp, hủy diệt, hằn học, giết người và cố ý làm cho người dân tàn tật để không còn sức chiến đấu hay tự vệ — chính những điều mà thanh niên Mỹ đã được dạy là chỉ có kẻ thù mới làm — chính những hành động đó là phổ biến trong binh sĩ Mỹ và được ngấm ngầm hoặc công khai khuyến khích. Tệ hơn cả là với thời gian trôi qua, ngay những thanh niên ngây thơ 18 tuổi cũng thấy rõ là cuộc chiến tranh này không đi đến đâu hết. » (1)

Vậy là, cùng ở một góc độ nhìn, thuộc cùng một trận tuyến phía bên kia, ít ra đã có hai cách nhìn, hai « sự thực », hai « chân lý ». Thiết tưởng cũng chẳng cần bình luận thêm là cách nhìn nào, suy cho cùng, chân thực đúng đắn hơn, phù hợp với chân lý khách quan, sự thực lịch sử hơn.

Sở dĩ thấy nên nhắc lại chuyện này vì trong bối cảnh vận động đổi mới hiện nay của đất nước, văn học của ta, bên cạnh những thành tựu đổi mới đáng ghi nhận, cũng bắt đầu xuất hiện những cách nhìn lẫn lộn, những quan điểm mơ hồ lệch lạc có khi nặng nề, núp dưới chiêu bài của tự do tư tưởng, giải phóng tư duy, của khuynh hướng văn học tự thú và sám hối, v.v. và v.v.

Điều đáng buồn là có một số cây bút, trước kia từng được bạn đọc yêu

(1) Xem báo *Văn nghệ* số 23, ngày 9-6-1990

Digitized by Google

thích vì miêu tả được vẻ đằm ấm của tình người, lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu hy sinh cao cả của dân tộc, nay bỗng nhiên lật ngược tất cả, cất lên giọng hoài nghi, chỉ chiết, có khi cay cú và hậm hực.

Không được phép phũ phàng mà suy luận rằng trước kia hóa ra họ chỉ toàn nói dối. Trái lại nữa, tôi có niềm tin vững chắc rằng một trong những đặc điểm lớn văn học ta thời cách mạng là đại đa số nhà văn chúng ta thật sự và hết lòng gắn bó với vận mệnh dân tộc, nhất là trong những bước hiểm nghèo lịch sử như chúng ta đã trải qua suốt gần năm chục năm nay.

Đó là nói về người sáng tác. Cả giới phê bình nữa, tôi tin rằng thời kỳ ấy họ cũng hết sức chân thành khi biểu dương những thành tựu của văn học cách mạng, văn học kháng chiến, khi họ «tôn xưng» một số nhà văn là «nhà văn — chiến sĩ». Không được phép phũ phàng mà suy đoán rằng làm việc ấy, họ chỉ đã vâng theo một mệnh lệnh cấp trên nào, một chỉ thị đường lối nào đó mà trong thâm tâm họ không hề chấp nhận.

Hàng chục năm liên tục, những người cầm bút, theo lời kêu gọi của Đảng và sự thúc giục của chính lòng mình, đã lao vào cuộc chiến đấu, cùng chia sẻ những gian nguy với đồng bào, đồng đội, dũng cảm đương đầu với công cuộc «hủy diệt hằn học» và hệ thống của một đối phương có, quá thừa phương tiện giết người không ít người đã ngã xuống vì một lý tưởng mà họ tin là cao đẹp. Nhờ sự sát cánh xông pha ấy, những trang viết của họ được đầy chất liệu sống và hiện thực, máu lửa và bùn đất, gian khổ và chết chóc. Làm sao có thể phủ nhận được tính chân thật máu thịt trong những trang văn thơ mà họ đã từng trả giá bằng ngần ấy hy sinh giữa những tháng năm tuổi trẻ hoặc tuổi sung sức nhất của đời mình, có khi bằng cả tính mệnh?

Ngày hôm nay, cái lý tưởng ấy bỗng dưng đã mất đi vẻ đẹp cao quý rồi chăng? Giờ này là giờ của tiếc nuối, của hối hận, của sám hối chăng? Sao lại thế được nhỉ? Đành rằng chiến tranh là một điều bất bình thường, đảo lộn đời sống mỗi con người vốn hướng tới an cư lạc nghiệp, hạnh phúc bình yên. Nhưng một cuộc chiến đấu trong đó ta bị bắt buộc phải cầm súng để bảo vệ đời sống yên ổn, nền độc lập tự do của dân tộc, thì đó là một cuộc chiến đấu thiêng liêng mà nếu ai khước từ hoặc phủ nhận (bằng cách này hoặc cách khác) sẽ phải hổ thẹn với chính mình. Lúc này, suy nghĩ lại, có người đòi nhà văn phải có quyền «bộc lộ chính kiến», có quyền «đối thoại với lịch sử». Họ có lý. Với điều kiện: càng đi vào những vấn đề nghiêm trang càng cần phải nghiêm túc và có trách nhiệm; chính kiến, sự đối thoại phải dựa trên sự am tường lịch sử và xã hội, bối cảnh của nó, với những hoàn cảnh cụ thể riêng biệt, nhiều khi nghiệt ngã, khắt khe. Cái nhìn lại của nhà văn Mỹ như vừa trích dẫn trên kia, tôi cho là cái đáng tôn trọng vì nó trung thực và có sự thấu tình đạt lý trước sau. Mặt khác, có đối thoại rồi, còn phải chấp nhận sự đối thoại lại nữa chứ. Quần chúng, bất kỳ ở đâu, đều có một bộ phận không nhỏ tỉnh táo, sáng suốt và công bằng. Hãy nhớ rộng ra một chút, về trường hợp «Mũ nồi xanh»: khi cuốn phim dựa trên tập truyện này ra đời, nó đã bị rất nhiều người có lương tri trên thế giới, mặc dù ở xa Việt nam ngàn vạn dặm, quyết liệt tẩy chay. Thật cảm động và đáng kính phục. Tòa án Bét-tơ-răng Rút-xen (Bertrand Russel) do nhà văn Giăng Pôn Xác-tơ-rơ (Jean Paul Sartre) chủ trì lại là một thí dụ sáng đẹp khác của sự thức tỉnh lương tâm nhân loại trước trách nhiệm chung đối với lịch sử. Về các lệch lạc hiện nay trong viết lách, tôi không dài lời ở đây: không ít anh em sáng tác và phê bình

Digitized by Google

đã lên tiếng mạnh mẽ phản đối một số thiên hướng không lành mạnh xuất hiện trong văn học nhằm bôi bác, lật ngược mọi sự, nói tiêu cực một chiều, vô tình hay cố ý tạo nên sự chán nản hoài nghi trong nhân tâm, đôi khi còn gây kích động, không giúp ích gì cho công cuộc đổi mới mà chúng ta đang tiến hành. Dĩ nhiên xã hội còn tồn tại biết bao ngổn ngang bề bộn. Thêm một lý do nữa để người cầm bút trung thực không thể tự cho phép mình khoét sâu thêm, làm cho nó thêm trầm trọng, thậm chí tạo đà cho bất ổn và tan vỡ, điều mà những lực lượng hắc ám thù địch với chúng ta đang hết lòng mong muốn hoặc đang góp sức vào.

Trong không khí cởi mở dân chủ mới bắt đầu, đời sống văn học cũng có những dấu hiệu sinh sắc. Thật hơn, tha thiết hơn, dũng cảm hơn. Nói được vui buồn, những ý nghĩ riêng tư. Bất bình trước những điều bất hợp lý, lạm dụng quyền hành, những cách sống buông thả, ích kỷ, cách điều hành công việc không đúng, cách làm ăn giả dối. Phẫn nộ lên án những bất công thời đã qua và những bất công đang tồn tại hoặc vừa mới nảy sinh. Khơi sâu thêm vào những tâm trạng, những nỗi éo le khắc khoải. Một số sáng tác có tìm tòi theo hướng suy tư khái quát : ý nghĩa cuộc đời, quan niệm về hạnh phúc, số phận cá nhân, đường đi của lịch sử. Những tiếng nói ấy chưa thật nhuần nhuyễn, nhưng đã bước đầu có tác dụng khơi dậy trong người đọc những nhận thức mới mẻ, đánh thức dậy trong họ năng lực đối thoại, tinh thần phê phán, và trong trường hợp tối ưu hiệu quả nhất, ý thức trách nhiệm của từng cá nhân đối với mọi mặt đời sống cộng đồng—một trách nhiệm không chút dễ dàng, lại càng chẳng chút giản đơn.

Trách nhiệm ấy trước hết ở người cầm bút. Vì vậy, càng không thể chấp nhận những cách nói, cách viết xô bồ nông cạn hoặc phũ phàng, vô ý thức.

Không nên quên rằng cuộc đổi mới trong văn học mà ta đang chứng kiến gắn liền mật thiết với công cuộc đổi mới hiện nay trong toàn xã hội về các mặt chính trị, xã hội và kinh tế. Có sự phát huy dân chủ mới có được sự mở rộng trọng văn học với những tiếng nói nhiều giọng điệu, những đề tài nhiều màu vẻ, những phong cách biểu hiện đa dạng. Đâu đó, nhất là ở ngoài nước, có những kẻ ác ý hy vọng có thể lợi dụng khai thác khẩu hiệu « dân chủ hóa » mà « Việt cộng đang thực thi » để tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại về tư tưởng, nhằm tiến tới những gì nữa, chúng ta đã biết. Văn nghệ sĩ cũng là một đối tượng chủ yếu mà chúng đặt cọc vào. Nhưng các nhà văn chúng ta vốn có truyền thống gắn bó với nhân dân, đã từng sống qua những chặng đường lịch sử khó khăn và vinh quang của dân tộc thời hiện đại, không dễ gì bị lung lạc. Trung thực với chính mình và trung thực với chân lý lịch sử đã từng được thể nghiệm, họ hiểu rằng văn học đổi mới, ngoài cái nhu cầu tự thân, còn có trách nhiệm góp phần tích cực và hiệu quả vào những gì mà xã hội đang cấp thiết đòi hỏi trên con đường cải cách dân chủ nhằm củng cố, hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, theo cách thức và đường đi nước bước của chúng ta.

Digitized by Google

Cải tiến tổ chức lưu thông tiền tệ

NGUYỄN HOÀNG THANH *

MẤY năm qua, ngân hàng chuyển sang cơ chế mới, bộ máy hoạt động của ngân hàng tách thành hai: ngân hàng nhà nước và các ngân hàng chuyên doanh. Đây là một sự kiện quan trọng của ngành ngân hàng. Điều đáng lưu ý là ngân hàng chuyển sang cơ chế mới, không phải chỉ đơn giản là sắp xếp lại cơ cấu tổ chức mà còn thay đổi bản chất hoạt động kinh tế của ngành.

Chuyển sang cơ chế mới, ngành ngân hàng trong những tháng đầu đạt được kết quả đáng phấn khởi, đã góp phần đưa nền kinh tế phát triển đúng hướng theo tinh thần đổi mới của Đại hội lần thứ VI của Đảng. Trong công tác cải tiến tổ chức lưu thông tiền tệ, ngân hàng đã chủ động tìm mọi biện pháp thu hút và quản lý vốn trong tất cả các thành phần kinh tế. Trên cơ sở đó, cho vay và phục vụ mọi đối tượng theo đúng những nguyên tắc quản lý và kinh doanh tiền tệ — tín dụng, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội. Thực tế cho thấy, khối lượng nguồn vốn ngân hàng tăng lên rất nhiều; có ngân hàng vốn tăng lên hàng chục lần.

Tuy nhiên, từ đầu năm 1990 đến nay, hoạt động của ngành ngân hàng có những biểu hiện phân tán và gần như tách khỏi hiệu quả kinh tế xã hội. Trước hết, người ta thấy sự phô trương hình thức của hầu hết các ngân hàng; có người đã gọi đây là «thời kỳ hoàng kim của ngân hàng». Nhiều ngân hàng cơ sở chưa quan tâm đúng mức tới việc tái tạo và bổ sung nguồn vốn đã tính ngay đến việc mua sắm phương tiện, tân trang trụ sở làm việc, không phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh chung hiện nay. Nhiều ngân hàng trở thành «cao ốc» trong khi nhiều ngành sản xuất kinh doanh muốn hoạt động mà không có vốn, đang có nguy cơ phá sản. Có ngân hàng cho vay không tính

* Ngân hàng nhà nước Cửu long

Digitized by Google

toán nên mất cả vốn, vì các đơn vị vay không còn khả năng trả nợ. Hàng loạt hợp tác xã tín dụng ở một số thành phố và đô thị lớn đã và đang đứng trước nguy cơ phá sản.

★

Sở dĩ có tình hình trên, theo tôi, là do các nguyên nhân sau đây :

1 — Hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng không phải là chân rết của hệ thống ngân hàng.

Trong tình hình kinh tế, đất nước còn nghèo, sản xuất chưa phát triển, cơ cấu kinh tế mất cân đối, thì công tác điều hòa và lưu thông tiền tệ tín dụng để điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa trên từng địa bàn trong cả nước, là hết sức quan trọng. Việc huy động các nguồn vốn dư thừa trong dân để tạo thêm hiệu quả kinh tế xã hội, là rất cần thiết. Tuy nhiên, muốn làm tốt công tác này thì cần phải có một mạng lưới rộng khắp từ thành thị đến nông thôn, từ tỉnh xuống huyện, xã, với một đội ngũ cán bộ hiểu biết sâu sắc về nghiệp vụ, nắm vững chế độ, chính sách, quy định của hệ thống ngân hàng và các cấp chính quyền. Công việc này đúng ra phải do các tổ chức ngân hàng nhà nước đảm nhiệm. Nhưng trong điều kiện hiện nay, khi ngân hàng chưa đủ khả năng làm được việc đó, thì cần có các tổ chức tín dụng ngoài ngân hàng hỗ trợ cho ngân hàng thu hút tiền gửi trong dân và cho vay với mọi đối tượng. Hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng gồm các hợp tác xã tín dụng, các ngân hàng cổ phần, các trung tâm thương tín, trung tâm tín dụng ngoài quốc doanh, các ngân hàng tư doanh và nhiều tổ chức tín dụng với các tên gọi khác. Sự ra đời của hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng trong thời gian đầu đã góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, giúp đỡ nhiều người lao động tăng gia sản xuất, ổn định đời sống. Nhưng từ cuối năm 1989 đến nay, do thực hiện kinh doanh tiền tệ tín dụng với nhiều mục đích khác nhau, các tổ chức này đã gây ra không ít khó khăn, tiêu cực cho xã hội. Để cạnh tranh với ngân hàng nhà nước trong việc thu hút nguồn vốn, các tổ chức này đã nâng lãi suất tiền gửi dưới mọi hình thức (quà biếu định kỳ, xổ số, thưởng) lên cao hơn lãi suất ngân hàng nhà nước từ 2% đến 4%, gây ra cuộc « chiến tranh lãi suất » giữa hệ thống tín dụng ngoài quốc doanh với hệ thống ngân hàng và giữa các tổ chức tín dụng ngoài ngân hàng với nhau. Lãi suất cao làm cho các cơ sở sản xuất kinh doanh không dám vay vốn, sợ giá thành sản phẩm cao, người mua không chấp nhận. Có lẽ chỉ có nghề buôn (mua đi, bán lại) mới chịu nổi lãi suất và thời gian quay vốn của các tổ chức tín dụng này. Việc điều tra và thanh tra các hợp tác xã tín dụng và hoạt động của các ngân hàng cơ sở năm 1989 cho thấy, hầu hết các đối tượng vay tiền tại các tổ chức này đều mua bán lòng vòng. Riêng thành phố Hồ Chí Minh có đến 150 tổ chức tín dụng dưới nhiều hình thức, do định lãi suất tùy tiện, không theo nguyên tắc nào, do cho vay không đúng mục đích (cho vay để sản xuất chỉ chiếm 5%, còn cho vay sinh hoạt là 10%, cho vay với các mục đích khác chiếm tới 80 — 85%) nên khả năng bảo đảm vốn cho người gửi đang là mối lo cho ngành ngân hàng và những ai có quan hệ tiền gửi ở các tổ chức này (hầu hết các tổ chức này đều có nợ quá hạn trong vốn sử dụng từ 30 — 50%, trong đó nợ không có khả năng trả được từ 15 — 20%, tính ra hàng chục tỷ đồng).

Nhìn lại hoạt động kinh doanh tiền tệ tín dụng của hệ thống tín dụng

Digitized by Google

ngoài ngân hàng, chúng ta thấy gì? Đây là một hiện tượng xã hội mà nền kinh tế đã sản sinh ra một cách tự phát, trái với lý luận Mác—Lê-nin về độc quyền của ngân hàng trong hoạt động tiền tệ tín dụng. Và kết quả phải chăng mất nhiều hơn được? Đến nay, nợ khó đòi trong hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng ở mỗi tỉnh, thành phố bình quân là trên 10 tỷ đồng. Nguyên nhân sâu xa của tình hình này là do không ít đơn vị trong hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng vì mục đích trục lợi, không đếm xỉa đến hiệu quả kinh tế chung, xa rời mục đích đăng ký kinh doanh. Phải chăng lãnh đạo các đơn vị này sẽ chịu vào tù nếu như không còn khả năng gánh nợ? Nhưng còn những người gửi tiền đến đập cửa trụ sở, ăn nằm ngày đêm tại trụ sở để đòi lại tiền gửi mỗi khi họ được biết các tổ chức này đã mất vốn hoặc người đứng đầu các tổ chức đó đã cuỗm hết tiền trốn đi nước ngoài? Vấn đề đặt ra là giải quyết như thế nào số tiền mà các tổ chức này nợ dân? Ai sẽ đứng ra « mua nợ » để trả lại cho dân? Nhà nước ư? Lấy đâu ra ngân sách? Ngân hàng ư? Lại càng vô lý. Chính người viết bài này làm trong ngành ngân hàng cũng không giải đáp được bài toán đó.

Hầu như chưa có một cơ sở tín dụng ngoài ngân hàng nào mà không bị mất vốn. Hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng đang đứng trước nguy cơ phá sản từng mảng lớn. Điều đáng chú ý là hệ thống tín dụng này gọi là hỗ trợ cho ngành ngân hàng và giảm bớt độc quyền của ngành ngân hàng, nhưng nó lại không có quan hệ trực tiếp hay gián tiếp với ngành ngân hàng (cá biệt có trường hợp ngân hàng không nhận cho các cơ sở tín dụng ký quỹ). Tóm lại, hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng thực tế chưa hỗ trợ được bao nhiêu cho hệ thống ngân hàng trong việc điều hòa lưu thông tiền tệ — hàng hóa, trong việc phục vụ sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao đời sống của nhân dân; trái lại, hoạt động của nó lại rối ren, phức tạp và không bảo đảm được uy tín.

2— Hệ thống ngân hàng buông lỏng nghiệp vụ quản lý trong ngành

Từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh nhằm phục vụ các cơ sở sản xuất kinh doanh làm ăn có hiệu quả cao, ngành ngân hàng đã phân chia thành hai hệ thống: **ngân hàng nhà nước và ngân hàng chuyên doanh**. Về chức năng hoạt động chủ yếu, ngân hàng nhà nước làm nhiệm vụ quản lý nhà nước, còn ngân hàng chuyên doanh làm nhiệm vụ kinh doanh và phục vụ kinh doanh dưới sự quản lý và giám sát của ngân hàng nhà nước. Thiết nghĩ, sự phân chia như vậy chưa thật hợp lý. Bởi vì, chúng ta đều biết, muốn kinh doanh tốt thì quản lý phải tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh; kinh doanh quyết định quản lý chứ quản lý không được ràng buộc kinh doanh. Ngân hàng muốn kinh doanh có hiệu quả, thì hoạt động phải gắn với mục tiêu vì lợi ích xã hội, đồng thời phương pháp quản lý phải sát và phục vụ có hiệu quả mục đích kinh doanh. Nói như vậy để khẳng định hoạt động kinh doanh và công tác quản lý cần do một chủ thể duy nhất thực hiện. Điều này không những giúp cho việc tập trung mọi năng lực của ngành phục vụ cho mục đích chung, nâng cao tinh thần trách nhiệm của mọi người trong ngành, mà còn giúp cho việc xóa bỏ mọi sự phân chia không đáng có khác, đặc biệt là sự phân chia trong phân phối thu nhập. Có như vậy, mới định được bước đi thích hợp cho mỗi chặng đường đổi mới của đất nước.

Cơ chế là vấn đề cơ bản quyết định hiệu quả hoạt động của bất cứ ngành nào. Tuy nhiên, cơ chế không phải là bất biến, không thể thay đổi;

Digitized by Google

lẫn thân cơ chế cần mang tính mềm dẻo, vì con người sắp xếp cơ chế trên cơ sở nắm thực tiễn và quy luật phát triển của xã hội. Cơ chế thoáng với bộ máy hoạt động linh hoạt, kết hợp hài hòa giữa các bộ phận nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, sẽ hơn hẳn cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, làm cho nền kinh tế không phát triển được. Thực tế cho thấy, do hai hệ thống ngân hàng nhà nước và ngân hàng chuyên doanh không thống nhất với nhau, nên đã dẫn đến hậu quả nghiêm trọng là cho vay không đúng đối tượng, làm thất thoát hàng tỷ đồng. Nhiều trường hợp cho vay không đúng tính chất nguồn vốn, trích lợi nhuận và mua sắm tài sản không đúng nguyên tắc, đã ảnh hưởng đến việc bội chi ngân sách. Các ngân hàng chạy theo lợi ích cục bộ, coi thường các nguyên tắc sử dụng vốn của nhà nước, làm trái các chế độ quản lý và chi tiêu tài chính, nên đã dẫn đến tình trạng cả hai hệ thống ngân hàng nhà nước và chuyên doanh đều không điều tiết nổi lưu thông tiền tệ và lưu thông hàng hóa trong từng địa bàn cũng như trên bình diện cả nước.

★

Để góp phần thúc đẩy nền kinh tế nước ta từng bước đi lên, theo tôi, ngành ngân hàng cần chỉnh đốn lại toàn bộ hoạt động tiền tệ, tín dụng theo hướng sau đây:

I — Về cơ chế hoạt động

Xin đề xuất hai phương án:

— **Phương án I**: Thống nhất thành một mối hoạt động của hệ thống ngân hàng và hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng có chức năng điều tiết lưu thông tiền tệ. Các tổ chức thuộc hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng sẽ trở thành các *đại lý của hệ thống ngân hàng tại cơ sở nhưng được hạch toán độc lập*, dưới sự hướng dẫn và chỉ đạo của hệ thống ngân hàng. Các ngân hàng chuyên doanh sáp nhập với ngân hàng nhà nước và gọi chung là *ngân hàng nhà nước*. Ngân hàng nhà nước phân công cụ thể nhiệm vụ quản lý phục vụ sản xuất kinh doanh các ngành cho từng bộ phận, trong đó bộ phận quản lý ở trung tâm thông tin và chỉ đạo giữ vai trò quyết định đối với hoạt động từng ngày (kể cả kết quả hoạt động) của toàn bộ hệ thống và chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc Ngân hàng nhà nước và trước Hội đồng bộ trưởng. Cần phân định chức năng, phạm vi hoạt động theo ngành giữa các ngân hàng chuyên doanh (như ngân hàng công thương, ngân hàng phát triển nông nghiệp, ngân hàng đầu tư xây dựng, ngân hàng ngoại thương, ngân hàng lương thực, ngân hàng phát triển nhà...) cùng tồn tại trên một địa bàn thành phố, đô thị lớn. Đối với những địa bàn nhỏ, các ngân hàng chuyên doanh nên đổi thành *ngân hàng tổng hợp* cho phù hợp với yêu cầu phục vụ mọi ngành.

— **Phương án II**: Thành lập ngân hàng dân cư.

a) Tập trung tất cả các tổ chức tín dụng ngoài ngân hàng thành một hệ thống *các đại lý tín dụng*, đó là ngân hàng dân cư. Hệ thống ngân hàng dân cư được quyền huy động vốn trong tất cả các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và nắm độc quyền cho vay phục vụ các ngành thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh như: kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, công tư hợp doanh, kinh tế việt kiều, kinh tế tư bản... Trường hợp đặc biệt cho kinh tế quốc doanh vay thì phải có sự đồng ý của giám đốc ngân hàng nhà nước. Ngân hàng dân cư được hạch toán kinh tế độc lập từng cấp theo kết quả hoạt động tín dụng của từng đại lý tín dụng cơ sở.

Digitized by Google

Về cách làm, theo tôi, cần theo các bước sau đây:

– Hệ thống ngân hàng nhà nước kiểm tra và nắm tình hình thực tế toàn bộ hoạt động của hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng.

– Ngân hàng nhà nước cùng với các tổ chức tín dụng ngoài ngân hàng triển khai thực hiện cơ chế mới – thành lập ngân hàng dân cư.

– Ngân hàng dân cư chịu trách nhiệm chỉ đạo mọi hoạt động của tất cả các đại lý tín dụng trong hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng và báo cáo thường xuyên cho ngân hàng nhà nước.

b) Sáp nhập các ngân hàng chuyên doanh vào ngân hàng nhà nước và lấy tên chung là *ngân hàng nhà nước*. Ngân hàng nhà nước chia ra hai bộ phận chính:

– *Bộ phận quản lý nhà nước* có trách nhiệm quản lý hoạt động phục vụ kinh doanh, chỉ đạo và giúp đỡ hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng nhà nước và hệ thống ngân hàng dân cư theo từng cấp. Bộ phận quản lý nhà nước của hệ thống ngân hàng nhà nước chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của hai hệ thống này trước Hội đồng bộ trưởng.

– *Bộ phận kinh doanh* của hệ thống ngân hàng nhà nước phân theo ngành phục vụ (các ngành sản xuất vật chất và không sản xuất vật chất) dưới sự chỉ đạo và giám sát của bộ phận quản lý nhà nước. Hệ thống ngân hàng nhà nước được hạch toán độc lập theo từng cấp. Việc phân phối lợi nhuận và các khoản thu nhập sẽ căn cứ vào kết quả công tác của từng người.

Như vậy, trong quá trình thiết lập cơ chế mới, sẽ có sự trao đổi khách hàng của hai hệ thống: *ngân hàng nhà nước* bàn giao các đối tượng ngoài quốc doanh có quan hệ từ trước cho ngân hàng dân cư; còn *ngân hàng dân cư* thì bàn giao các đối tượng có quan hệ tín dụng với các đại lý tín dụng cơ sở thuộc thành phần kinh tế quốc doanh cho ngân hàng nhà nước.

2. Về kiểm soát nghiệp vụ trong ngành.

Theo tôi, thực hiện cơ chế mới, ngân hàng phải lấy hiệu quả kinh tế chung làm mục tiêu hàng đầu, bởi vì sự tồn tại của ngân hàng tùy thuộc vào sự tồn tại và phát triển của các ngành kinh tế. Công tác cho vay của ngân hàng (kể cả ngân hàng dân cư) phải do chính ngành ngân hàng quyết định, chứ không thể do bất cứ một cấp trung gian nào quyết định. Nguồn vốn của ngân hàng là nguồn vốn của toàn dân, vì vậy nó phải được dùng vào mục đích có lợi chung cho nền kinh tế. Hơn nữa, ngân hàng dùng vốn của dân thì ngân hàng cũng phải chịu trách nhiệm trước dân, chứ không thể là ai khác. Chính vì vậy, ngân hàng phải thận trọng khi sử dụng vốn cho vay, phải nghiêm túc tuân theo những nguyên tắc quản lý và kinh doanh tiền tệ, tín dụng. Để bảo đảm trật tự kỷ cương, phát huy tính tự chủ trong kinh doanh tiền tệ của ngân hàng, cần có quy chế kiểm tra chặt chẽ của nhà nước đối với ngân hàng. Ngân hàng nhà nước cần sớm trình Hội đồng nhà nước ban hành Luật ngân hàng và trình Hội đồng bộ trưởng ban hành Điều lệ ngân hàng.

3. Về tổ chức lãnh đạo và điều hành công tác ngân hàng.

Cần kiện toàn việc tổ chức lãnh đạo và điều hành công tác ngân hàng phù hợp với yêu cầu đổi mới hoạt động ngân hàng. Sớm có cơ chế tuyển chọn cán bộ lãnh đạo các cấp thực sự có năng lực làm công tác ngân hàng. Quy định nhiệm kỳ thực hiện chức trách cán bộ các cấp ngân hàng, từ ngân hàng trung ương đến

Digitized by Google

ngân hàng cơ sở, là 5 năm. Sau mỗi nhiệm kỳ, cần thực hiện việc đổi mới hoặc tái cử nhằm không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ lãnh đạo. Chấm dứt hiện tượng để bạt cán bộ không xuất phát từ năng lực và đức độ mà theo « cánh hầu », chấm dứt việc vô hiệu hóa những cán bộ tài năng, trung thực. Nên tổ chức đào tạo, huấn luyện lại cán bộ để nâng cao trình độ nhận thức, trình độ nghiệp vụ của họ; chú ý sử dụng phương tiện kỹ thuật hiện đại trong công tác ngân hàng để quản lý tốt hơn nền kinh tế quốc dân. Quy định chức danh với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng cho từng loại cán bộ, nhân viên ngân hàng. Đối với hệ thống tín dụng ngân hàng, nên quy định các cơ sở ngân hàng có thể sử dụng cán bộ có nghiệp vụ ngân hàng đã về hưu. Mặt khác, cần quy định cho cơ sở được sử dụng cán bộ có nghiệp vụ ngân hàng do nhà nước đào tạo hoặc do mình cử đi đào tạo (kể cả ở nước ngoài).

MẤY SUY NGHĨ...

(Tiếp theo trang 16)

cấp tài chính, không ỷ lại vào nguồn cấp phát của ngân sách.

Trong điều kiện lãi suất vay quá thấp, việc cho vay tiền không tuân thủ nguyên tắc kinh doanh tiền tệ đã khuyến khích các xí nghiệp sử dụng vốn vay để tích trữ nguyên vật liệu và hàng hóa (giá trị của các nguồn dự trữ trong tất cả các đơn vị kinh tế là quá lớn, tổng giá trị các nguồn dự trữ tăng nhanh hơn so với sản xuất), thậm chí để « kinh doanh tiền tệ ». Và bằng « kinh doanh tiền tệ », có xí nghiệp đã kiếm lãi nhiều hơn và dễ dàng hơn cả đưa vốn vào sản xuất! Có thể nói, cho đến nay một số xí nghiệp quốc doanh tồn tại được là nhờ dựa vào vốn tín dụng ngân hàng hơn là dựa vào hoạt động sản xuất kinh doanh! Khả năng có thể sống yên ổn dựa vào vốn tín dụng ngân hàng mà không cần nỗ lực trong sản xuất, kinh doanh, đã làm hư hỏng nhiều nhà quản lý. Tiền được coi như là một « sức mạnh trời cho ». Với ý nghĩ ấy, có đồng chí ở cương vị lãnh đạo đảng và nhà nước đã tìm mọi cách tác động vào ngân hàng, đòi thật nhiều vốn tín dụng cho các xí nghiệp, các cơ quan và các vùng thuộc quyền mình quản lý. Cũng từ đấy, phần dư thừa phương tiện thanh toán cứ được tích lũy dần ở nước ta trong một thời gian dài, và số dư thừa đó hiện nay tới mức không thể dễ dàng xóa đi bằng cách loại bỏ một lần ra khỏi lưu thông. Điều đáng ngạc nhiên là cũng chưa ai trong họ bị phá sản cả! Nhưng đất nước ta vì thế mà nghèo thêm. Thói quen chuộng các hình thức kinh doanh mà thực chất không đem lại hiệu quả, thậm chí còn gây nhiều lãng phí, đã giáng một đòn mạnh vào sự ổn định của đồng tiền. Không thể có đồng tiền « tốt », nếu như các đơn vị kinh tế hoạt động sản xuất kinh doanh tồi. Đồng tiền chỉ ổn định, một khi nâng cao được tính hiệu quả của nền kinh tế và bảo đảm được sự cân bằng của ngân sách nhà nước.

Digitized by Google

NÔNG NGHIỆP VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN Ở VIỆT NAM

LÊ DOÃN DIỆN *

I

Mối quan hệ chặt chẽ giữa sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn là một nội dung quan trọng trong quá trình xây dựng kinh tế — xã hội của đất nước trong những thập kỷ tới. Kết quả của sản xuất nông nghiệp là cơ sở để xây dựng nông thôn phát triển, ngược lại, nông thôn phát triển toàn diện là nguồn lực chủ yếu và trực tiếp đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.

Trong bối cảnh đó, công đoạn sau thu hoạch của ngành nông nghiệp có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp phát triển nông thôn ở Việt nam.

1— Công nghệ sau thu hoạch là cửa mở của sản xuất nông nghiệp hiện nay, đồng thời cũng chính là ngành chủ lực của kỹ nghệ nông thôn Việt nam trong các thập kỷ tới.

Mấy chục năm qua, sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn ở nước ta đã thu được những kết quả đáng kể, làm thay đổi một bước tình hình sản xuất nông nghiệp và nông thôn ở nước ta. Các thành quả đó chủ yếu do hoạt động của công đoạn trước thu hoạch đem lại. Công đoạn sau thu hoạch với các công nghệ trước bảo quản (gặt, đập, phơi sấy, làm sạch, phân loại...), bảo quản, chế biến, quản lý chất lượng nông sản, v.v. chưa được quan tâm đúng mức. Do đó tiềm năng tăng trưởng về tổng sản lượng và hiệu quả kinh tế còn rất lớn ở công đoạn này. Đây chính là cửa mở của sản xuất nông nghiệp trong những năm tới. Hơn nữa, làm tốt công đoạn sau thu hoạch còn khai thông được những ách tắc cố hữu của công đoạn trước thu hoạch như vấn đề dư thừa các sản phẩm nông nghiệp không tiêu thụ được, vấn đề ép cấp ép giá nông sản, v.v gây thiệt hại cho người sản xuất và trong nhiều trường hợp, đã kìm hãm sản xuất. Làm tốt công đoạn sau thu hoạch sẽ kích thích được sản xuất, góp phần quyết định trong quá trình đa dạng hóa sản xuất ở công đoạn trước thu hoạch, làm phong phú cơ cấu cây trồng, cải thiện chế độ luân canh, mở ra khả năng thu hoạch kịp thời các loại cây trồng, giải phóng đất nhanh, nâng cao khả năng tăng vụ, v.v.

Hiện nay, khái niệm phát triển nông thôn đã được mở rộng, bao gồm

* Giáo sư tiến sĩ sinh học, Viện trưởng Viện công nghệ sau thu hoạch

Digitized by Google

nhiều hoạt động phong phú và đa dạng trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v. Tuy nhiên, không thể phát triển nông thôn một cách khép kín mà không có sự tiếp cận với công nghiệp, tức là xây dựng nền kỹ nghệ nông thôn với các ngành chủ lực phù hợp nhất.

Từ kinh nghiệm thực tế của các nước trong khu vực (mới được tổng kết gần đây) và thực tiễn phát triển nông nghiệp ở nước ta, tôi cho rằng công nghệ sau thu hoạch chính là cửa mở của sản xuất nông nghiệp hiện nay, đồng thời là ngành chủ lực của kỹ nghệ nông thôn Việt nam trong các thập kỷ tới. Đối với các chương trình kinh tế — xã hội của đất nước, công đoạn sau thu hoạch là thế mạnh, là tiềm năng lớn trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp cũng như phát triển nông thôn.

2— Công nghệ sau thu hoạch là điểm mở đầu một đường hướng chiến lược của đất nước nhằm sử dụng một cách hiệu quả mối quan hệ biện chứng giữa sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Đưa nội dung hoạt động của công đoạn sau thu hoạch vào địa bàn nông thôn rộng lớn là việc làm còn mới mẻ đối với chúng ta. Tới nay, chúng ta chưa xây dựng được những hình mẫu hoàn chỉnh, mới chỉ làm và triển khai từng bộ phận, chưa đồng bộ. Tiền vốn, thiết bị, vật tư, kỹ thuật, đặc biệt là năng lượng, còn rất thiếu. Để có thể phát triển kỹ nghệ nông thôn, yếu tố quan trọng hàng đầu là phải cung cấp đủ năng lượng cho việc thực hiện các quy trình công nghệ của công đoạn sau thu hoạch.

Chương trình phát triển nông thôn tổng hợp, lấy sản xuất làm nội dung vật chất, là hướng đi đúng để triển khai kỹ nghệ nông thôn. Thông qua chương trình này, các lĩnh vực kinh tế, giao thông, kiến thiết cơ bản, văn hoa xã hội, v.v. sẽ có một điểm quy tụ để phối hợp và phát huy đầy đủ chức năng và thế mạnh của mình. Việc đẩy mạnh các hoạt động của công đoạn sau thu hoạch, chính là bước mở đầu cho chương trình phát triển nông thôn tổng hợp. Và các hoạt động thuộc công đoạn sau thu hoạch sẽ xuyên suốt cả hai lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

II

Triển khai các hoạt động của công đoạn sau thu hoạch nhằm đạt 4 mục tiêu tổng quát sau đây:

1— Về các hoạt động trước bảo quản và bảo quản

Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, các công nghệ thích hợp trong các hoạt động từ khâu thu hoạch, vận chuyển, phơi sấy, làm sạch đến phân loại, bảo quản v.v., đặc biệt là khâu phơi sấy lúa hè thu ở đồng bằng sông Cửu long và nông sản vụ đông ở miền Bắc. Tu sửa, phục hồi và xây dựng cơ sở vật chất, kho tàng, bến bãi, sân phơi để hạ thấp dần mức tổn thất về lượng cũng như về chất ở các giai đoạn trước và trong quá trình bảo quản lương thực và nông sản khác ở khu vực quốc doanh, tập thể và gia đình. Trong những năm tới, phấn đấu giảm bớt từ 5 đến 6% hư hao mất mát, giành lại khoảng 1 triệu tấn lương thực quy thóc hằng năm. Phải cố gắng duy trì và nâng cao chất lượng nông sản từ sau thu hoạch đến tiêu dùng.

2— Về công nghiệp chế biến

Chúng ta cần chú ý một số vấn đề sau đây:

— Công nghiệp chế biến nông sản sau thu hoạch ở nước ta trong thời gian tới phải hướng vào việc mở rộng và đổi mới các quy trình công nghệ, nhất là công nghệ chế biến màu thành các sản phẩm hàng hóa có giá

Digitized by Google

trị thương phẩm cao và giá trị dinh dưỡng tốt, phục vụ kịp thời cho các yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Chỉ có thông qua công nghiệp chế biến nông sản thành hàng hóa mới tạo điều kiện cho ngành nông nghiệp phát triển được toàn diện và liên tục; mới giải quyết được những vấn đề kinh tế và xã hội ở nông thôn nước ta; mới tăng được thu nhập cho người sản xuất trong ngành nông nghiệp. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng, vì các nghị quyết của Đảng cũng đã nhiều lần nhấn mạnh phải biến nền nông nghiệp nước ta thành một nền nông nghiệp hàng hóa.

– Công nghiệp chế biến nông sản ở nước ta trong thời gian tới cần sử dụng một cách tổng hợp các nguyên liệu nông sản khác nhau nhằm tạo ra nhiều mặt hàng lương thực, thực phẩm (mặt hàng ăn và uống) đảm bảo tính cân bằng về năng lượng, về prô tê in cũng như về vi ta min, phục vụ thiết thực cho cơ cấu bữa ăn hàng ngày của nhân dân ta. Nói một cách khác, chúng ta phải **đa dạng hóa sản phẩm** chế biến nông sản sau thu hoạch. Sự đa dạng hóa này không những cần được thực hiện trên quy mô toàn xã hội, mà còn cần được thực hiện ngay trong một xí nghiệp, một cơ sở chế biến. Sự đa dạng hóa sản phẩm trong công nghiệp chế biến nông sản sau thu hoạch sẽ đưa lại hiệu quả kinh tế cao, giúp cho các xí nghiệp, các cơ sở thu hồi được vốn nhanh và kinh doanh có lãi, góp phần cải thiện đời sống của người sản xuất.

– Cần chọn các quy trình công nghệ chế biến nông sản thích hợp với việc sử dụng các thiết bị kiểu **mi ni**, nghĩa là ở quy mô nhỏ, quy mô gia đình, quy mô làng, xã, hợp tác xã, trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật truyền thống và kỹ thuật hiện đại, giữa thủ công và nửa cơ giới, cơ giới, giữa nhân dân và nhà nước, giữa sơ chế và chế biến công nghiệp, nhằm đem lại hiệu quả cao mà đầu tư không lớn về năng lượng, vật tư và tiền vốn.

– Công nghiệp chế biến nông sản sau thu hoạch ở nước ta trong thời gian tới phải gắn liền với thị trường để biết được nhu cầu của người tiêu thụ, từ đó, có được phương án sản phẩm thích hợp, kịp thời đáp ứng đòi hỏi của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Phải thương mại hóa các hoạt động thuộc phạm trù công nghiệp chế biến nông sản sau thu hoạch, kể cả chất xám.

– Áp dụng có chọn lọc một số lĩnh vực của công nghệ sinh học, trước hết là công nghệ vi sinh và công nghệ enzim, phục vụ thiết thực cho công nghiệp chế biến nông sản sau thu hoạch ở nước ta.

– Công nghiệp chế biến nông sản sau thu hoạch phải lấy việc **nâng cao chất lượng** và **hạ giá thành** sản phẩm làm thước đo, làm tiêu chuẩn cho các hoạt động của mình. Nếu các sản phẩm của công nghiệp chế biến nông sản có chất lượng ngày càng cao, giá thành ngày càng hạ, được người tiêu dùng và xã hội chấp nhận, thì sẽ tạo ra một cục diện mới trong việc sử dụng lương thực thực phẩm, khắc phục được dần dần tập quán trong bữa ăn nhất thiết phải có cơm, do đó giải phóng được phụ nữ khỏi nhiều công việc bếp núc, làm cho nhân dân ta quen dần với cách ăn uống theo lối công nghiệp.

Việc lấy chất lượng sản phẩm làm thước đo còn tạo cho công nghiệp chế biến nông sản có được nhiều mặt hàng lương thực, thực phẩm đặc sản có giá trị thương phẩm cao để phục vụ xuất khẩu nhằm tăng nhanh thu nhập của nông dân.

– Vấn đề bao bì và vấn đề vệ sinh trong công nghiệp chế biến nông sản sau thu hoạch cũng cần được quan tâm đúng mức. Kinh nghiệm các nước

Digitized by Google

chứng tỏ rằng bao bì đẹp và hấp dẫn sẽ thu hút khách hàng rất nhiều và đó là một yếu tố quan trọng trong thương mại. Thường thường bao bì chiếm khoảng 30 – 40% giá bán sản phẩm. Mặt khác, cần triệt để tuân thủ nội quy vệ sinh công nghiệp và các quy chế của bộ y tế và của nhà nước trong lĩnh vực lương thực thực phẩm (ví dụ quy định về việc sử dụng phẩm màu và hóa chất trong chế biến lương thực thực phẩm) nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng.

3 – Về công tác quản lý, kiểm tra chất lượng nông sản và tiêu chuẩn hóa

Đây là một công tác vô cùng quan trọng và bức thiết vì suy cho cùng, chất lượng sản phẩm nói chung và chất lượng nông sản nói riêng là thước đo của hiệu quả kinh tế, của quá trình hoạt động kinh doanh của một xí nghiệp cũng như của một địa phương, của một quốc gia. *Chất lượng trên hết, chất lượng trước hết* – đó là khẩu hiệu trong hoạt động xuất nhập khẩu của các nước hiện nay. Chính vì vậy, trong lĩnh vực này, chúng ta cần xây dựng các văn bản pháp quy nhằm đưa việc kiểm tra và quản lý chất lượng lương thực thực phẩm vào nền nếp. Phục hồi và mở rộng mạng lưới kiểm tra và quản lý chất lượng nông sản trong cả nước. Thống nhất công tác thiết kế, chế tạo và sử dụng các thiết bị, các dụng cụ về đo lường tiêu chuẩn và kiểm tra chất lượng trong ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm.

4 – Về phát triển nông thôn

Lấy hoạt động có tính chất công nghiệp của công đoạn sau thu hoạch làm nội dung vật chất, làm điểm quy tụ các hoạt động kinh tế (giao thông vận tải, kiến thiết, xây dựng cơ bản...), văn hóa giáo dục, y tế, xã hội cũng như các dịch vụ khác. Lập quy hoạch tổng thể và các đề án phát triển nông thôn cho từng đơn vị cư dân từ cấp huyện, xã đến hộ nông dân.

Xây dựng các mô hình về phát triển nông thôn tổng hợp cho từng vùng sinh thái, cho từng vùng kinh tế khác nhau của đất nước trên cơ sở phát triển kỹ nghệ nông thôn, trọng tâm là công nghệ sau thu hoạch, nhằm khai thác thế mạnh của từng địa phương về tài nguyên, ngành nghề và lao động cũng như tiền vốn; tranh thủ đưa nhanh những tiến bộ của nền văn minh công nghiệp vào nông thôn.

Kinh nghiệm các nước trong khu vực chứng tỏ rằng kỹ nghệ nông thôn có một vai trò hết sức quan trọng trong việc giải quyết việc làm và các vấn đề kinh tế, xã hội ở nông thôn. Ví dụ, theo thống kê của chính phủ Trung quốc thì đến cuối năm 1988, sau 10 năm thực hiện chính sách cải cách và mở cửa, Trung quốc đã có trên 18,8 triệu xí nghiệp nông thôn tạo công ăn việc làm cho gần 100 triệu người ở nông thôn. Năm qua, tổng thu nhập của các xí nghiệp này đã lên tới 175,54 tỷ đô la Mỹ. Một số chuyên gia lâu năm trong ngành nông nghiệp của Trung quốc đã đánh giá rằng các xí nghiệp nông thôn ở Trung quốc đã có những đóng góp lớn, đặc biệt là giải quyết những vấn đề kinh tế và xã hội lâu dài ở Trung quốc. Các xí nghiệp này đã tạo công ăn việc làm cho nông dân, làm cho họ trở nên giàu có, giúp họ giải quyết việc thiếu hụt các mặt hàng tiêu dùng và sự mất cân bằng trong nền kinh tế quốc dân giữa công nghiệp và nông nghiệp. Lẽ tất nhiên, bên cạnh các mặt tích cực này còn rất nhiều vấn đề tồn tại trong quá trình phát triển kỹ nghệ nông thôn ở Trung quốc, ví dụ: vấn đề thiếu kinh nghiệm trong sản xuất công nghiệp quy mô lớn, vấn đề quản lý các xí nghiệp nông thôn,

(*Xem tiếp trang 53*)

Digitized by Google

Mấy ý kiến về phương thức củng cố lâm trường quốc doanh

NGUYỄN ĐÌNH LUÂN *

TRONG những năm gần đây, nhờ đổi mới cơ chế quản lý, nghề rừng trong cả nước nói chung và hệ thống lâm trường quốc doanh (viết tắt: LTQD) nói riêng có những chuyển biến tích cực, khắc phục được tình trạng trì trệ kéo dài nhiều năm. Nghị quyết 10 của Bộ chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp đã tạo điều kiện để một số LTQD thực hiện việc khoán đất rừng, kinh doanh tổng hợp đạt hiệu quả hơn. Gần đây, các sở lâm nghiệp đã tiến hành khảo sát, phân loại LTQD. Kết quả khảo sát cho thấy: loại khá chiếm 30%, loại trung bình 50%, loại yếu kém 20%.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, hệ thống LTQD vẫn còn những tồn tại đáng kể: nhiều LTQD vẫn chưa được giao đất, giao rừng một cách cụ thể, chưa quy rõ trách nhiệm và quyền hạn trong việc quản lý đất rừng; diện tích rừng và tài nguyên rừng của các LTQD đang giảm sút nghiêm trọng cả về số lượng và chất lượng; cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống của các LTQD còn quá nghèo nàn; hiệu quả sử dụng vốn còn thấp (trong trồng rừng, diện tích thành rừng và năng suất thực tế trên mỗi ha chỉ đạt 50 — 60% theo thiết kế); việc đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn yếu; đời sống vật chất, tinh thần của công nhân và gia đình họ còn có quá nhiều khó khăn... Vì vậy, vấn đề đặt ra hiện nay là phải gấp rút củng cố các LTQD. Để làm việc đó cần có nghiên cứu tổng hợp liên ngành và có giải pháp đồng bộ. Trong phạm vi bài này tôi chỉ xin trình bày một số kiến giải bước đầu dưới góc độ triết học — xã hội học.

Lâm trường quốc doanh là gì? Nếu coi sản xuất không phải là mục đích tự thân mà chỉ là phương tiện để xây dựng các điều kiện cho con người được sống làm người và được phát triển tự do thì trước hết cần phải xem LTQD là một **tổ chức xã hội cơ**

* Phó tiến sĩ triết học, Học viện NAQ

Digitized by Google

sở có mục đích cuối cùng là xây dựng cho các thành viên của mình một cuộc sống ổn định, tốt đẹp, phù hợp với tình hình chung của đất nước. Với quan niệm như vậy thì không thể coi việc trồng rừng, khai thác, kinh doanh và bảo vệ rừng là mục đích tự thân, tách rời khỏi mục tiêu đáp ứng các nhu cầu đa dạng ngày càng tăng của người công nhân lâm nghiệp. Cần xem người công nhân lâm nghiệp như một chủ thể năng động, sáng tạo, có những nhu cầu nội tại và có lợi ích riêng. Do đó, cần phải có một cách tiếp cận hệ thống toàn diện về LTQD, xem nó như một **tổ chức kinh tế — xã hội cơ sở.**

Quan niệm LTQD như một tổ chức kinh tế — xã hội cơ sở đòi hỏi phải tìm một giải pháp đồng bộ nhằm tháo gỡ, cởi trói, tạo mọi điều kiện để LTQD có thể vận động và phát triển như một «cơ thể sống». Điểm mấu chốt của cách tiếp cận mới là chuyển từ loại hình kế hoạch chủ yếu theo các chỉ tiêu pháp lệnh sang phương pháp kế hoạch định hướng với đòn bẩy là hệ thống đồng bộ các chính sách nhằm tạo ra các điều kiện tối ưu cần thiết để LTQD tự điều chỉnh, tự vận động và phát triển. Đó là các điều kiện sau đây :

1 — Điều kiện vật chất

Quá trình chuyển từ cơ chế hành chính, mệnh lệnh, quan liêu bao cấp sang cơ chế hạch toán kinh tế, tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất trong các LTQD cần tính tới những nét đặc thù khác biệt trong tổ chức sản xuất kinh doanh lâm sản và tổ chức đời sống dân cư vùng **trung du, miền núi.** Cũng như mọi ngành kinh tế khác, sản xuất kinh doanh trong lâm nghiệp đòi hỏi phải có vốn đầu tư. Có thể nói, vốn đầu tư cho sản xuất và tổ chức đời sống LTQD là một trong những điểm nút then chốt cần tập trung tháo gỡ hiện nay. Chỉ riêng bản thân ngành lâm nghiệp không thể tự giải quyết được vấn đề này. Ở đây đòi hỏi phải có sự hợp lực và sự quyết định của liên ngành và cấp quản lý cao nhất về những vấn đề cơ bản sau :

— Cấp vốn qua ngân sách để trồng và bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn.

— Xác định lại lãi suất vay vốn ngân hàng để trồng rừng và bảo vệ rừng ; xây dựng đường sá phục vụ khai thác rừng ; kinh doanh phù hợp với chu kỳ phát triển của các loại cây rừng

— Hợp tác liên doanh với nước ngoài trong lĩnh vực trồng rừng, khai thác và chế biến lâm sản.

— Xem lại tỷ lệ đầu tư ngân sách văn hóa, y tế, giáo dục, giao thông giữa các vùng đồng bằng, đô thị và miền núi để có sự điều chỉnh thích hợp theo hướng cần phải ưu tiên cho trung du và miền núi.

Ngoài ra, có thể tìm cách huy động vốn của nhân dân bằng các hình thức liên doanh liên kết kinh tế v.v

2 — Điều kiện kinh tế

Việc giải quyết vốn đầu tư cho LTQD gắn liền với các chính sách kinh tế nhằm kết hợp hài hòa các lợi ích của các chủ thể kinh tế đang hoạt động, tạo thị trường rộng rãi trong nước và ngoài nước để tiêu thụ nhanh sản phẩm lâm nghiệp, thay đổi hướng kinh doanh, đáp ứng những nhu cầu mới trên thị trường.

Lợi ích của người công nhân lâm nghiệp chỉ được bảo đảm khi họ trở thành người chủ sở hữu **trên thực tế,** có nghĩa là người công nhân phải là người chủ thực sự của từng khu đất, khu rừng cụ thể, toàn quyền quản lý và kinh doanh, sử dụng theo những quy định chung, được hưởng thu nhập tương xứng với kết quả cuối cùng đã đạt được trên mảnh đất canh tác. Hiến pháp nước ta đã xác lập vị trí người chủ của mọi công dân nói chung đối với tài sản quốc gia, cũng

Digitized by Google

như của công nhân lâm nghiệp đối với đất rừng và rừng nói riêng. Tuy nhiên, địa vị trên pháp lý và địa vị trên thực tế không phải lúc nào cũng trùng hợp nhau. Vẫn có không ít người cho rằng rừng là của chung, mạnh ai nấy phá. Để người công nhân lâm nghiệp trở thành người chủ sở hữu trên thực tế cần có những hình thức kinh tế thích hợp. Hiện nay, chúng ta đã tìm thấy hình thức tương đối thích hợp, đó là giao khoán sử dụng lâu dài đất rừng cho các hộ gia đình (khoán hộ). Giám đốc lâm trường (thay mặt nhà nước) và thành viên của lâm trường (hộ độc thân và hộ gia đình) thỏa thuận cùng nhau ký kết hợp đồng giao và nhận đất rừng để quản lý, sản xuất, kinh doanh theo thời hạn, quy định chung về sản xuất, kỹ thuật và thuế. Hình thức này bảo đảm được vị trí chủ sở hữu thực sự của người công nhân trên mảnh đất rừng và rừng được nhận khoán; kết hợp chặt chẽ quan hệ sở hữu với quản lý và phân phối; gắn trách nhiệm với lợi ích; phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh của người công nhân; phát huy được khả năng tự tổ chức, huy động được sức lao động nhàn rỗi và vốn dầu tư trong nhân dân.

Phải chăng việc thực hiện «khoán hộ» trong lâm nghiệp là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, là làm xói mòn quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được thiết lập từ lâu trong các LTQD? Hoàn toàn không phải như vậy, bởi vì, quan hệ sản xuất không đồng nhất với quan hệ sở hữu. Quan hệ sản xuất là một tổng thể hữu cơ các mối quan hệ về sở hữu, quản lý và về phân phối sản phẩm, trong đó quan hệ sở hữu là nền tảng. Đồng thời, quan hệ sản xuất không thể hình thành, phát triển một cách biệt lập tách rời sự vận động của lực lượng sản xuất. Xét về tính chất và trình độ hiện nay của lực lượng sản xuất trong ngành lâm nghiệp, khả năng quản lý và yêu cầu của nguyên tắc phân phối theo lao động, có thể đi tới một kết luận là hình thức kinh tế «khoán hộ» chẳng những không làm xói mòn quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã thiết lập ở các LTQD mà còn là một hình thức thích hợp, xác lập vị trí chủ sở hữu thực sự cho người công nhân. Một khi đã trở thành người chủ thực sự mảnh đất rừng và rừng thì họ cũng có quyền thực sự trong quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh và phân phối sản phẩm lao động. Một thời, chúng ta đã đồng nhất quan hệ sản xuất với quan hệ sở hữu, tách rời quan hệ sở hữu với quản lý và phân phối, coi việc tuyên bố về phương diện pháp lý đất rừng và rừng thuộc về sở hữu công cộng như thế là đã thiết lập được về cơ bản quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa rồi, chỉ còn cần củng cố nó nữa mà thôi! Vì thế, đã bao năm chúng ta cố gắng tìm mọi cách củng cố LTQD nhưng kết quả đạt được thường trái với mong muốn. Sở hữu và chiếm hữu là hai khái niệm tương đồng, có liên hệ biện chứng. Quyền sở hữu về pháp lý mà tách khỏi việc chiếm hữu tư liệu sản xuất và kết quả của sản xuất, thì chỉ mang tính hình thức, không có nội dung kinh tế. Từ đây có thể rút ra một bài học là, cần có thái độ bình tĩnh, khách quan, khoa học, trước những hiện tượng kinh tế mới xuất hiện trái với «lẽ phải thông thường», và trên cơ sở định hướng lý luận đúng cần tìm những hình thức tổ chức kinh tế — xã hội từ chính phong trào thực tiễn của quần chúng, chứ không phải từ trong các cuộc luận chiến của lý tính với nhau.

Từ vấn đề khoán hộ trong các LTQD cũng có thể xuất hiện thêm các câu hỏi: phải chăng cách khoán này sẽ khôi phục lại tính tư hữu, cá thể, không hình thành ý thức tập thể của người công nhân, không tạo điều

Digitized by Google

kiện để đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất?

Để làm rõ vấn đề này, trước hết cần phân biệt ý thức cá nhân vị kỷ với cá nhân tự ý thức về bản thân mình, tự khẳng định mình như một nhân cách độc lập. Chính quan niệm cũ về sở hữu và cơ chế quản lý hành chính mệnh lệnh đã dẫn tới tình trạng «rừng không của ai cả», tình trạng tha hóa người lao động, biến người công nhân thành cái «đinh ốc» trong bộ máy, làm cho họ đánh mất bản thân mình, còn cái ý thức tập thể được coi như đã hình thành ở họ về thực chất chỉ mang tính hình thức mà thôi. Khoán hộ, theo tôi, đó là một **cơ chế xã hội** tuyển chọn và khẳng định vị trí và vai trò đích thực của người lao động. Được hưởng quyền sở hữu đất rừng và rừng, và trở thành người chủ thực sự mảnh đất nhận khoán là hai vấn đề khác nhau. Để công nhân LTQD trở thành người chủ đích thực, cần có những hình thức kinh tế xã hội phù hợp, mà hiện nay đó là khoán hộ. Quá trình khoán hộ cũng chính là quá trình thử thách năng lực có thực ở người lao động, khẳng định họ như một chủ thể độc lập có ý thức đầy đủ về bản thân mình, và như vậy thực chất là tạo tiền đề để hình thành ý thức tập thể. Bởi lẽ trước khi trở thành một bộ phận hữu cơ của một cỗ máy thống nhất, thì mỗi chi tiết đã phải hoàn toàn «ý thức» được về vị trí, vai trò, chức năng của riêng mình. Hơn nữa, nếu coi ý thức tập thể như một hợp lực của các lực thành phần, thì hợp lực này sẽ có nguy cơ bị triệt tiêu hoặc mang dấu (—) một khi các lực thành phần không theo một phương và hướng thống nhất. Mặt khác, xét về bản chất, ý thức chẳng qua là tồn tại được ý thức. Do đó, nếu không có một tồn tại được cố kết một cách «tập thể» bằng chất keo tất yếu kinh tế — kỹ thuật, tổ chức xã hội, thì ước vọng hình thành ý thức tập thể ở người lao động sẽ là không tưởng. Khoán hộ sẽ không tồn tại khi nó biến mỗi khu rừng thành một lãnh địa cấm, giới hạn đóng, tách biệt hoàn toàn với thế giới chung quanh. Lợi ích kinh tế và nhu cầu trở thành con người đích thực chính là chất keo kết dính những ông chủ rừng «cá biệt» lại với nhau trong hoạt động sản xuất. Chính qua đó mà ý thức tập thể, ý thức cộng đồng được hình thành, củng cố và hoàn thiện. Ngoài ra, chính cơ chế thị trường đòi hỏi họ phải liên kết thành các hiệp hội nhất định để tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Còn về kỹ thuật, phải chăng cứ lao động tập thể mới tiếp thu được kỹ thuật cao, còn lao động cá thể thì không? Lịch sử đã có lời giải đáp. Lợi ích kinh tế, các điều kiện để nâng cao trình độ dân trí, để tiếp xúc với thị trường, để lĩnh hội các thông tin kinh tế—kỹ thuật hiện đại thường xuyên, sẽ thúc đẩy các «chủ rừng» đến với khoa học kỹ thuật và áp dụng các thành tựu của nó, nếu như họ không muốn phá sản.

3 — Điều kiện tổ chức

Hộ gia đình trở thành đơn vị sản xuất kinh doanh đặt ra một loạt vấn đề về cơ chế tổ chức và pháp quyền. Cơ chế mới đòi hỏi một sự phân định **chức năng mới** của đội sản xuất, ban lãnh đạo lâm trường, sở lâm nghiệp và bộ lâm nghiệp; đòi hỏi một **phương thức hoạt động** mới trong sự phối hợp giữa ban giám đốc lâm trường, tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng; đòi hỏi một sự **phân định rõ rệt** chức năng quản lý và phối hợp hoạt động giữa ngành lâm nghiệp và vùng lãnh thổ; đòi hỏi một **quan niệm đầy đủ** về pháp luật bảo vệ quyền sở hữu cá nhân, quyền quản lý toàn bộ đất rừng được giao khoán, quyền chuyển nhượng và

Digitized by Google

thừa kế tài sản; đòi hỏi một **cơ chế thực hiện pháp luật thống nhất có hiệu lực** từ trung ương đến cơ sở, tránh tình trạng «phép vua thua lệ làng».

Thực tế ở nhiều LTQD cho thấy một xu hướng chung là, một khi hộ gia đình đã trở thành «chủ rừng» thì LTQD sẽ chuyển hóa dần thành một tổ chức quản lý **hành chính—kinh tế và dịch vụ sản xuất, thông tin, chế biến và tiêu thụ sản phẩm**. Rõ ràng là chức năng kiểm tra hành chính và kiểm tra kinh tế kỹ thuật đối với việc sử dụng và bảo vệ đất rừng và rừng theo thỏa thuận chung ghi trong hợp đồng của giám đốc lâm trường và các đội trưởng đối với các hộ thành viên không giảm đi, mà đòi hỏi phải được thực hiện nghiêm ngặt. Kiểm tra phải đi đôi với đánh giá khách quan và xử lý thích đáng các trường hợp vi phạm hợp đồng theo đúng pháp luật. Để làm tốt vấn đề này cần đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và tổ chức một hệ thống quản lý địa bàn thống nhất từ bộ lâm nghiệp xuống cơ sở. Như vậy, không giản đơn là xóa bỏ toàn bộ cơ chế hành chính; những yếu tố tích cực, phù hợp vẫn phải giữ lại và cải biến, đặt chúng vào đúng vị trí trong cơ chế mới.

Còn để thực hiện các chức năng như nêu ở trên, cần giải quyết một loạt vấn đề, cần có thời gian và những điều kiện cụ thể. Chẳng hạn vấn đề thông tin kinh tế và tiêu thụ sản phẩm. Làm thế nào để gắn LTQD với thị trường, trong khi các LTQD đóng ở các vùng núi xa xôi, giao thông đi lại không dễ dàng, mạng lưới thông tin liên lạc không thuận lợi, cán bộ do đã lâu sống và hoạt động trong cơ chế bao cấp, chưa quen tiếp cận thị trường, chưa có điều kiện để tích lũy các tri thức quản lý hiện đại và buôn bán văn minh. Để giải bài toán này phải có sự tập trung trí tuệ của nhiều ngành, nhiều cấp. Phải chăng các sở lâm nghiệp và bộ lâm nghiệp cần có những hình thức tổ chức mới để phục vụ thông tin cho cơ sở, tạo mọi điều kiện để các «chủ rừng» được tiếp xúc chặt chẽ bằng nhiều hình thức với thị trường trong và ngoài nước. Nếu như trong cơ chế cũ, người công nhân từ địa vị «người chủ» trở thành người phục vụ các cơ quan quản lý, thì trong cơ chế mới, một khi người công nhân đã trở thành «chủ rừng» thực sự, thì các cơ quan quản lý phải quay trở lại làm đúng chức năng của mình là phục vụ người lao động theo đúng nghĩa của từ này.

Trong quá trình chuyển đổi cơ chế cũng đang diễn ra sự sàng lọc cán bộ. Trong các ngành khác cũng như trong lâm nghiệp đã xuất hiện một số giám đốc có bản lĩnh và biết kinh doanh. Để có đội ngũ các giám đốc kinh doanh giỏi thì cần phải có một cơ chế tuyển lựa cán bộ kiểu mới, có một nội dung và một phương thức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kiểu mới. Tham khảo kinh nghiệm của một số nước ngoài thì tiêu chuẩn của một giám đốc kinh doanh giỏi phải là: có tầm suy nghĩ chiến lược; có khả năng «miễn dịch» đối với mọi phản ứng xung quanh, có khả năng kiên trì và biết thuyết phục đồng sự thực hiện bằng được mục đích đã đề ra; biết hy sinh lợi ích cá nhân đúng lúc... Có lẽ đấy cũng là những phẩm chất mà các giám đốc LTQD cần phải có.

Để cỗ máy vận hành được bình thường, phải có sự đồng bộ về quy trình và chất lượng của từng bộ phận. Cũng như vậy, để cơ chế «khoán hộ» phát huy tác dụng thì cần phải cải tổ lại toàn bộ guồng máy tổ chức. Sự cải tổ không chỉ bắt đầu từ trên xuống, mà cả từ dưới cơ sở lên.

4—Điều kiện tư tưởng

Đổi mới tổ chức quản lý không tách rời quá trình nhận thức, hình

Digitized by Google

thành tư tưởng mới, quan niệm mới. Các nhà nghiên cứu đã vạch ra lược đồ biểu thị của quá trình hoạt động của con người là : **chuẩn mực giá trị - lợi ích — nhu cầu — hành động.** Có thể thấy ở đây vai trò quan trọng như thế nào của các chuẩn mực giá trị đối với hoạt động của con người. Sở dĩ « khoán 100 » và sau đó « khoán 10 » được nông dân tiếp nhận dễ dàng, bởi vì những định hướng giá trị này đã gây được hứng thú từ bên trong, gắn liền với lợi ích và nhu cầu của người nông dân. Do đó để thực hiện việc khoán hộ có hiệu quả trong ngành lâm nghiệp, cùng với công tác tổ chức cần phải chú trọng tới công tác tư tưởng nhằm tác động hình thành ở người công nhân lâm nghiệp và nhân dân địa phương những định hướng giá trị mới về cơ chế quản lý mới trong ngành lâm nghiệp.

Thực tiễn cho thấy, công tác giáo dục tư tưởng chỉ mang lại hiệu quả khi tuân thủ các yêu cầu sau :

a) Định hướng các giá trị tinh thần phải dựa trên cơ sở các nhu cầu và lợi ích của cá nhân người lao động, kết hợp các lợi ích của cá nhân, tập thể, ngành, vùng và xã hội.

b) Định hướng các giá trị tinh thần phải hướng vào không chỉ một nhu cầu nào đó, mà cả một hệ thống các nhu cầu và lợi ích liên quan tới toàn bộ đời sống của người lao động, bao gồm các nhu cầu kinh tế, văn hóa, y tế, giải trí, nghỉ ngơi v.v. và cả nhu cầu đòi hỏi xã hội đánh giá cho đúng vai trò, vị trí, uy tín xã hội của người công nhân lâm nghiệp nữa.

c) Phải bảo đảm sự thống nhất giữa lời nói và hành động. Sự tuyên truyền về pháp luật bảo vệ rừng, về vai trò môi sinh của rừng sẽ không mang lại hiệu quả, khi chính các cán bộ có trách nhiệm và các cơ quan pháp luật không gương mẫu và thực hiện đúng chức năng của mình, khi không chỉ đời sống kinh tế, mà cả đời sống văn hóa, y tế, giáo dục v.v. của công nhân lâm nghiệp còn quá nghèo nàn, chưa được chú ý đầu tư đúng mức.

d) Trong quá trình giáo dục cần tác động tới ý thức và tình cảm của người công nhân lâm nghiệp một cách tinh tế, có nghệ thuật, phù hợp với đặc điểm nghề nghiệp, lứa tuổi, giới tính, dân tộc, truyền thống và tâm lý của từng nhóm người.

NÔNG NGHIỆP...

(Tiếp theo trang 47)

vấn đề lãng phí năng lượng và nguyên liệu, vấn đề nhiễm bẩn môi trường và chất lượng kém của các sản phẩm làm ra, v.v. Năm qua, theo nguồn tin của Bộ nông nghiệp Trung quốc, chỉ trong vòng 9 tháng đã có khoảng 1 triệu xí nghiệp nông thôn bị đóng cửa và hàng trăm ngàn xí nghiệp phải ngừng sản xuất hoặc thay đổi phương hướng sản xuất. Điều đó nói lên tính chất phức tạp của kỹ nghệ nông thôn trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn và đòi hỏi chúng ta phải có quan điểm, cách nhìn toàn diện khi thực hiện và triển khai kỹ nghệ nông thôn nước ta.

Từ sự phân tích trên đây, chúng tôi có thể khẳng định rằng: ngành nông nghiệp và kỹ nghệ nông thôn mà nòng cốt là công nghệ sau thu hoạch, là hai người bạn đồng hành đương nhiên, vừa có tính chiến lược, vừa có tính chiến thuật trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nông thôn mới xã hội chủ nghĩa ở Việt nam.

Digitized by Google

ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÀNH SINH HỌC

ĐÀO VĂN TIẾN

Sinh học và sự phát triển kinh tế — xã hội, phát triển toàn diện con người

Ở thời đại chúng ta, các khoa học tự nhiên có ý nghĩa lớn cho nhân loại do chúng không những cung cấp nhiều tri thức mới mà còn quyết định dần dần sự phát triển xã hội ở mỗi nước. Trong các khoa học tự nhiên, sinh học có vai trò đặc biệt đối với nhiều ngành kinh tế và văn hóa xã hội.

Hiện đang có nhiều lĩnh vực hoạt động cần tới sinh học — mà không khoa học tự nhiên nào thay thế được — như y học, dược học, thú y, nông học, lâm học, hải dương học, nghề cá, chế biến, bảo quản tài nguyên, v.v.

Nhiều ngành công nghiệp đang cần tới sinh học: thực phẩm, tinh dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, trừ nấm, diệt cỏ, dược liệu, chất kháng sinh, kích thích tố... Hiện đã thành hình ngành công nghiệp sinh học dựa trên kỹ thuật gen và kỹ thuật vi sinh học. Trong tương lai gần, các ngành công nghiệp quang học, công nghiệp sinh hóa, công nghiệp dầu khí và công nghiệp nguyên tử cũng sẽ đòi hỏi cán bộ sinh học.

Nhiều lĩnh vực trên, một mặt đang đóng góp quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta trong giai đoạn mới, mặt khác cũng góp phần giải quyết hiện nay và trong tương lai một số vấn đề lớn đặt ra cho loài người như vấn đề số dân tăng nhanh, vấn đề bảo vệ con người và môi trường sống, sinh học phóng xạ, sinh học không gian và vũ trụ, v.v. và trước mắt, vấn đề cung cấp cho số dân tăng nhanh ở nhiều nước một khẩu phần ăn uống đầy đủ, hợp lý. Về mặt này, ngành công nghiệp sinh học vừa hình thành trong thập kỷ qua đã có nhiều hứa hẹn.

Việc sử dụng các chuyên gia sinh học ngày càng mở rộng. Nhiều xí nghiệp ở một số nước tiên tiến đã yêu cầu được cung cấp cán bộ sinh học để làm công việc không phải khoa học (như hành chính, quản lý vật tư, v.v), vì hiểu biết của sinh viên sinh học rộng hơn sinh viên các ngành khoa học khác. Ở Anh hồi đầu chiến tranh thế giới thứ hai, khi thiếu cán bộ vật lý, trong quân đội, người ta đã nhanh chóng rút ra kinh nghiệm: giao việc

Digitized by Google

sử dụng ra đa cho cán bộ sinh học kết quả tốt hơn là giao cho cán bộ vật lý.

Trong khi tham gia các lĩnh vực kinh tế và xã hội của con người, sinh học đã góp phần lớn vào cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng quan hệ sản xuất. Tác động của sinh học tới cách mạng văn hóa và tư tưởng cũng không nhỏ.

Sinh học đã sáng tạo nhiều ngành khoa học mới có tầm quan trọng về lý luận và thực tiễn như di truyền học, tế bào học, sinh lý học, kích thích tố, sinh lý học phát triển, điện sinh lý học, sinh thái học, tập tính học và sau hết là tiến hóa luận với sự đi sâu vào quá trình và nguyên nhân của tiến hóa chưa được giải quyết đầy đủ bởi học thuyết Đác-uyn.

Sinh học là một khoa học bao trùm mọi mặt của đời sống và môi trường, đối tượng nghiên cứu của nó rất phong phú, đa dạng, cho nên hơn các khoa học tự nhiên khác, nó có điều kiện thuận lợi để giáo dục về phương pháp luận, bồi dưỡng một số thói quen của trí tuệ quan trọng cho tư duy khoa học, như: khả năng quan sát một cách khách quan và xét đoán hiện tượng thiên về định lượng; tinh nghi vấn các khẳng định không dựa trên dẫn chứng cụ thể; ý thức tổng hợp khi xem xét hiện tượng, là ý thức thường bị lãng quên ở nhiều ngành khoa học chính xác quen sử dụng phương pháp phân tích (như toán học, vật lý, hóa học...).

Sinh học còn có một giá trị nhân văn đáng kể mà các khoa học tự nhiên khác không có, vì nó là ngành khoa học luôn bám sát thực tế đời sống muôn màu muôn vẻ và cũng là ngành khoa học bắt nguồn từ nhu cầu sinh tồn của nhân loại, có sứ mệnh phục vụ lợi ích chủ yếu của con người.

Con người không thể hy vọng tìm hiểu bản thân mình và đặt vấn đề cải thiện số phận mình nếu như không nhận thức đầy đủ về bản chất sự sống nói chung và bản chất sự sống của con người nói riêng.

Khi nghiên cứu mối quan hệ giữa sinh vật với nhau và giữa sinh vật với môi trường, sinh học cung cấp những tri thức cần thiết cho việc đặt chương trình dài hạn để bảo vệ và sử dụng một cách khôn khéo các tài nguyên thiên nhiên.

Mặt khác, vì phải luôn tiến hành quan sát, thử nghiệm, phân tích và tổng hợp trên các đối tượng sống, kể cả người, các nhà sinh học có dịp trau dồi trí tuệ bách khoa, khả năng nhận thức và biểu hiện, khả năng sáng tạo tình yêu cuộc sống, yêu con người, yêu thiên nhiên đất nước..

Rõ ràng các mặt trên của sinh học không chỉ cung cấp cho con người những tri thức mới về bản thân nó, về quan hệ của nó với các sinh vật khác, với thế giới vật chất xung quanh, tạo cho con người sự phong phú về tinh thần và văn hóa, mà còn cho nó dịp tốt để trau dồi nhiều giá trị nhân văn cơ bản. Không phải không có lý do khi có nhà khoa học đã nói: sinh học hiện nay là bộ phận chủ yếu của nền nhân văn khoa học.

Đào tạo và bồi dưỡng các nhà sinh học

Trong khoảng 60 năm nay, sinh học đã tiến những bước nhảy vọt. Nếu các vấn đề nghiên cứu về cơ bản không thay đổi từ thời La-mác với định nghĩa sinh học là khoa học về sự sống và sinh vật, thì phương pháp nghiên cứu đã thay đổi rất nhiều, đối tượng nghiên cứu ngày càng mở rộng, lực lượng các nhà sinh học ngày càng tăng. Sự thay đổi lớn lao kể trên đã buộc sinh học phải thay đổi mục đích trước kia, từ chỗ « mô tả hiện tượng » chuyển sang « giải thích cấu trúc và cơ chế », do đó cũng đòi hỏi một sự thay đổi về tổ chức đào tạo cán bộ, về tổ chức nghiên cứu sinh học.

Digitized by Google

Một đặc điểm của cuộc cách mạng sinh học hiện nay là sự hình thành và phát triển ngày càng nhiều các khoa học liên ngành. Một mặt, những tri thức về toán học, vật lý học, hóa học, kỹ thuật, công nghệ học, rất cần cho các nhà sinh học hiện nay; mặt khác, các tri thức cơ bản về sinh học cũng rất cần cho các chuyên viên y học, dược học, nông — lâm học, nghề cá, chế biến, bảo quản nông phẩm và vật liệu khác.

Trên thế giới hiện nay, những thiết bị khoa học kỹ thuật hiện đại trở thành phổ biến trong nhiều phòng thí nghiệm sinh học. Vì vậy, hình ảnh một nhà sinh học, sinh học cơ bản hay ứng dụng, đã đổi khác so với trước. Anh ta là một kỹ sư thực thụ, biết sử dụng và quản lý tốt máy móc — cộng tác viên của anh ta. Hơn nữa, có lúc anh ta còn phải quản lý cả dây chuyền công nghệ liên quan tới sinh học. Một số nhà giáo dục học đã tiên đoán, sẽ tới lúc phải xây dựng khoa sinh học ở các trường đại học bách khoa hoặc thành lập các bộ môn khoa học quản lý, công nghệ học ở khoa sinh học tại trường đại học tổng hợp.

Quan hệ của sinh học với khoa học nhân văn ngày càng rõ nét. Sinh học đã mở rộng đối tượng nghiên cứu không những sang vi sinh vật mà sang cả quần thể loài người. Tiến bộ đạt được trong tế bào học và sinh hóa sẽ ảnh hưởng tới sinh lý học, tập tính học và sẽ giải thích được chức năng của não người và sự hình thành nhân cách. Tiến bộ của sinh học đang mở rộng tiền đồ cho các ngành khoa học nhân văn. Suy cho cùng có thể coi sinh học như khoa học về lịch sử hình thành và phát triển của nhân loại. Trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va (Liên xô) đã thêm các khoa học nhân văn vào chương trình đào tạo của các khoa khoa học tự nhiên, bao gồm cả sinh học; ngược lại, môn sinh học thuần lý cũng là một ngành của khoa học nhân văn. Nhìn chung, một lĩnh vực chuyên môn quá hẹp không chỉ có hại cho sự nảy nở của nhân cách mà còn ức chế khả năng sáng tạo. Sự phong phú của đời sống tình cảm, trí tưởng tượng nghệ thuật được bồi dưỡng bởi khoa học nhân văn, sẽ làm cho tư duy lô gíc thêm linh hoạt, dồi dào.

Hiện nay, người ta rất quan tâm tới việc cải thiện, bồi dưỡng kiến thức sinh học cơ bản ở các trường chuyên nghiệp. Theo quy tắc, tri thức khoa học cơ bản có giá trị sử dụng lâu dài hơn so với tri thức khoa học ứng dụng. Và chính tri thức cơ bản mới tạo cho sinh viên một thế giới quan vừa có tính triết học vừa có tính khoa học cụ thể. Kinh nghiệm cho biết là người sinh viên có tri thức cơ bản tốt sẽ dễ dàng thích nghi với điều kiện lao động của một cơ sở sản xuất và có thể tham gia tích cực vào sản xuất. Tỷ trọng giữa các môn khoa học cơ bản bảo đảm cho một thái độ khoa học tổng quát sẽ ngày càng tăng so với các môn khoa học ứng dụng quy định chuyên môn hẹp trong một lĩnh vực kinh tế.

Trình tự giảng dạy sinh học từ cấp 1 phổ thông với bài học về sự vật, qua cấp 2 với bài học về khoa học, tới cấp 3 và đại học về tư duy khoa học phổ thông và chuyên ngành, là trình tự theo đúng lôgic của nhận thức. Vì thế, cấu trúc kế hoạch học tập ở đại học cũng có thể theo trình tự trên. Các năm đầu dành cho những môn sinh học đại cương, năm giữa cho các môn sinh học thực nghiệm, và năm cuối cho các môn sinh học lý thuyết (tiến hóa luận, sinh học thuần lý...) và các chuyên đề hẹp. Trong mỗi môn sinh học, hay cả một bài giảng sinh học, cũng có thể đi từ quan sát thuần túy và sinh động, qua thực nghiệm đơn giản và trực tiếp để sau

Digitized by Google

hết, đạt tới sự tranh luận về ý niệm và phương pháp.

Ta nên lưu ý thêm sinh học là một khoa học cần nhiều loại khả năng: người có năng khiếu văn có thể phát triển khả năng diễn tả; người có bàn tay kỹ thuật có thể phát huy khả năng lắp ráp thiết bị thể nghiệm; người thích sưu tập có nhiều dịp để phân loại sắp xếp tiêu bản; người ưa thám hiểm cũng có nhiều dịp đi tìm hiểu bí ẩn trong những vùng thiên nhiên mới lạ; người có năng khiếu toán, tư duy trừu tượng, có thể hoạt động trong xây dựng các học thuyết sinh học.

Một điểm cần lưu ý là việc soạn chương trình và sách giáo khoa ở cấp phổ thông từ trước tới nay vẫn do các thầy giáo các trường phổ thông và sư phạm đảm nhiệm. Nên vận động các thầy giáo ở trường đại học tổng hợp tham gia công tác này. Mục đích của chương trình và sách giáo khoa không phải là tập hợp các khái niệm khoa học mà học sinh, sinh viên sẽ quên rất nhanh, mà là giúp sinh viên trau dồi được tinh thần khoa học và phương pháp khoa học, là cái sẽ còn lại và giúp ích họ suốt đời công tác.

Về ổn định mạng lưới các trường đại học liên quan tới sinh học (đại học tổng hợp, đại học sư phạm, đại học nông nghiệp, đại học lâm nghiệp, đại học thủy sản, đại học y khoa, đại học dược khoa...), phải nghĩ tới một số viện đại học gồm nhiều trường. Tất cả giáo trình cơ bản và cơ sở về sinh học sẽ do một nhóm thầy giáo cơ bản phụ trách, các phần chuyên ngành sẽ do các thầy giáo chuyên ngành từng trường phụ trách. Bằng cách này, trước hết ta có thể sử dụng chung thiết bị thử nghiệm và đội ngũ thầy giáo khoa học cơ bản giỏi, và sau sẽ có điều kiện thuận lợi để phân loại và hướng sinh viên theo các ngành thích hợp với sở trường và nguyện vọng của họ. Việc hợp tác nghiên cứu giữa các trường và bồ túc trên đại học cũng sẽ thuận lợi hơn.

Về nguyên tắc, chỉ trường đại học tổng hợp mới có một đội ngũ chuyên viên đồng bộ để giải quyết gọn một vấn đề khoa học. Nếu có thêm cơ sở thực nghiệm, sẽ có thể chuyển nhanh các kết quả nghiên cứu sang lĩnh vực ứng dụng mở đầu, thuận lợi cho nghiên cứu triển khai. Hiện nay, tổ chức của các trường đại học tổng hợp còn quá yếu để làm được việc chuyển tiếp này.

Nghiên cứu sinh học và bồi dưỡng kiến thức sinh học

Ta không quên rằng khoa học sự sống có thể ứng với nhiều mức độ. Ở các nước tiên tiến, với phương pháp hiện đại các nhà sinh học đang đạt kết quả kỳ lạ và thú vị ở mức đại phân tử của chất sống, cũng như ở mức độ quần thể, quần xã và hệ sinh thái. Riêng sinh học Việt nam, cũng đã đạt nhiều kết quả nghiên cứu ở mức độ cơ quan, cá thể và phần nào ở mức độ mô, tế bào. Trong giai đoạn tới, cần mở rộng đối tượng nghiên cứu ra hai cực: mức dưới tế bào (cơ quan tử, phân tử...) và mức trên cá thể (quần thể, quần xã, hệ sinh thái...). Thiết bị nghiên cứu hiện đã có ở một số cơ sở (kính hiển vi điện tử, máy siêu ly tâm, máy phân tích lý hóa chính xác...) cho phép sự mở rộng này

Thêm nữa, từ lâu các nhà hình thái học, sinh lý học và sinh hóa học làm việc tách rời nhau. Với kính hiển vi điện tử và các kỹ thuật phân tích lý hóa đặc biệt, các nhà sinh học hiện đã có thể đồng thời mô tả cơ quan tử nội bào và trao đổi sự hoạt động của chúng, tức nghiên cứu đồng thời cấu trúc và chức năng của chất sống. Tiếp đến khi giải thích các chức năng sinh học, người ta lại thấy tri thức sinh hóa và lý sinh chạm tới các quá trình tiếp diễn ở mức độ phân tử. Một tập hợp mới rộng rãi hơn trước của các

Digitized by Google

ngành sinh học khác nhau (hình thái, sinh lý, hóa sinh, lý sinh, toán sinh...) đã hình thành. Biểu hiện rõ nhất là ngành sinh học phân tử, trung tâm của sinh học hiện đại. Tính chất liên ngành trong nghiên cứu sinh học đáng được lưu ý trong việc xây dựng kế hoạch đề tài ở các trường, viện.

Trong tương lai, nên gắn chặt các cơ sở đào tạo sinh học với các cơ sở nghiên cứu khoa học cơ bản hoặc khoa học ứng dụng và các cơ sở sản xuất liên quan tới sinh học. Điều này không chỉ giúp cho khoa học tiếp xúc với sản xuất phát huy nhanh được hiệu quả nghiên cứu, mà còn cho phép sinh viên có hoàn cảnh tham gia trực tiếp vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của kinh tế, phát huy nhanh hiệu quả của đào tạo sau khi tốt nghiệp. Sinh viên các năm đầu có thể tham gia các hoạt động phổ biến khoa học hay thao tác kỹ thuật sơ đẳng ở các phòng thí nghiệm, trạm, trại thực nghiệm và cơ sở sản xuất; sinh viên các năm cuối sẽ tham gia nghiên cứu khoa học với thầy ở trong và ngoài trường.

Với sự phát triển mạnh mẽ của nghiên cứu sinh học hiện nay, việc bồi dưỡng kiến thức sinh học cần được duy trì lâu dài và cho tất cả mọi người. Đời sống hiện nay buộc mỗi người phải có hiểu biết nào đó về chức năng của sinh vật và các quy luật cơ bản trong sinh học. Thầy giáo đánh giá học trò, thủ trưởng đánh giá nhân viên, chỉ huy đánh giá chiến sĩ, muốn cho đúng đắn phải có những ý niệm chính xác về di truyền học người, về sinh lý kích thích tố, sinh lý thần kinh cao cấp, tập tính học... Thủ trưởng kinh tế và chính trị, để quyết định những biện pháp quy hoạch lãnh thổ, quy vùng kinh tế, phải có những ý niệm chính xác về sinh thái học và sinh học xã hội người, về cân bằng của hệ sinh thái trong thiên nhiên.

Hơn thế nữa, với cuộc cách mạng trong sinh học hiện nay, cứ sau năm năm, lại có nhiều tri thức không kịp thời nữa. Do đó, vốn tri thức phổ thông về sinh học của mỗi người cũng phải đổi mới luôn luôn. Đã tới lúc phải «quay vòng lại» đội ngũ thầy giáo các cấp. Từng thời kỳ nên có lớp bồi dưỡng ở trường đại học tổng hợp cho các thầy giáo phổ thông để họ được thông báo kịp thời về những tiến bộ nhanh chóng của khoa học. Nếu không, sự giảng dạy sinh học ở phổ thông sẽ lâm vào tình trạng cằn cỗi, lạc hậu. Cũng từng thời kỳ nên có lớp bồ túc về phương pháp nghiên cứu mới và luận thuyết mới trong sinh học, cho các thầy đại học. Ngoài ra cần mở lớp chuyên đề về sinh học cho các kỹ sư, lớp bồ túc định kỳ về tri thức cho các kỹ thuật viên sinh học trong các ngành giáo dục, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp nhẹ, v.v.

★

Nghị quyết VI của Trung ương Đảng đòi hỏi sự đổi mới của các ngành kinh tế, văn hóa xã hội. Cũng như các ngành khoa học khác, ngành sinh học cũng phải «tự chuyển hóa» trong hoạt động. Đây là nhiệm vụ mới nặng nề và khó khăn trong hoàn cảnh hiện nay.

Riêng đối với ngành giáo dục đại học và phổ thông, tiếp theo sự đổi mới trong các trường đại học và các viện khoa học, đổi mới trong tổng hội các ngành sinh học Việt nam, người viết bài này hy vọng sẽ có sự đổi mới trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các ngành sinh học, để sinh học thực sự trở thành ngành khoa học mũi nhọn của nước ta, phát huy ưu thế của điều kiện nhiệt đới phục vụ đắc lực cho nông nghiệp, nghề biển, y học, dược học...

Digitized by Google

Mấy vấn đề về công tác tổ chức và cán bộ hiện nay

VÕ TỬ THÀNH *

Từ Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đến nay, công tác tổ chức và cán bộ đã có những kết quả bước đầu đáng ghi nhận:

– Những quan điểm về công tác tổ chức và cán bộ của Đảng đã được khẳng định. Đó là những quan điểm mới về cải cách hệ thống chính trị, là việc xác định và phân biệt rõ hơn vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Đó là những quan điểm mới về việc xác định các tiêu chuẩn đánh giá cán bộ và việc lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ. Đó là những quan điểm mới về nội dung, phương pháp công tác tổ chức, cán bộ và đổi mới đội ngũ những người làm công tác tổ chức, cán bộ...

– Tổ chức bộ máy đảng, nhà nước... từ trung ương đến cơ sở đã được sắp xếp, chấn chỉnh một bước theo hướng tinh giản và gọn nhẹ hơn; nhiều tổ chức trung gian, trùng lắp, chồng chéo, phủ định lẫn nhau, được giảm bớt, nhất là ở các đơn vị trực tiếp sản xuất, kinh doanh. Tính đến cuối năm 1988, một nửa trong số các cơ quan đảng, đoàn thể trực thuộc trung ương (16/32) và các bộ, ủy ban, tổng cục trực thuộc Hội đồng bộ trưởng (34/69) đã được kiện toàn; 11 bộ, ủy ban, tổng cục và 199 cục, vụ, viện được giảm bớt. Ở các địa phương từ tỉnh, thành cho đến quận, huyện... đã cắt, giảm gần 50% số sở, ty, phòng, ban (1).

– Đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ trung ương đến địa phương đã từng bước được đổi mới. Gần như 100% số bộ trưởng, bí thư, chủ tịch tỉnh; 91% số thứ trưởng; 70% số bí thư và chủ tịch quận, huyện; 89% số giám đốc Liên hiệp xí nghiệp, tổng công ty... đã được thay thế hoặc được bố trí lại. Ở một số ngành và địa phương đã 5, 6 lần thay đổi người lãnh đạo cao nhất.

– Quan điểm và nhận thức về công tác tổ chức cán bộ; các cơ quan tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức từ trung ương đến cơ sở; phong cách, phương pháp công tác

* Vụ trưởng, Ban tư tưởng – Văn hóa trung ương

(1) Báo *Nhân dân*, ngày 9-1-1989 và ngày 24-2-1989

Digitized by Google

tổ chức, cán bộ cũng đều được đổi mới. Từ ban tổ chức trung ương cho đến vụ tổ chức các ban, bộ ở trung ương, ban tổ chức các tỉnh, thành... đã được chấn chỉnh và kiện toàn. Đã và đang diễn ra sự chuyển giao thế hệ của những người làm công tác tổ chức và cán bộ. Đội ngũ này ngày càng được bổ sung nhiều cán bộ trẻ, có phẩm chất chính trị, có bản lĩnh, có năng lực tổ chức thực tiễn. Các quy định, quy chế nhằm thể hiện tính dân chủ và công khai trong công tác tổ chức cán bộ cũng đang được xây dựng và thực hiện.

Những kết quả nói trên cần được khẳng định và trân trọng, cho dù đó mới chỉ là kết quả bước đầu và chưa đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu to lớn của công cuộc đổi mới trên đất nước ta.

Nhưng hiện nay, nhiều vấn đề đang đặt ra cần được trả lời rõ ràng, cụ thể, đầy trách nhiệm. Đó là, tại sao cho đến nay, đã hơn ba năm thực hiện nghị quyết Đại hội VI mà công tác tổ chức, cán bộ vẫn **chưa đạt được sự chuyển biến thật sự có chất lượng** như mong muốn? Tại sao công tác tổ chức, cán bộ lại chưa thật sự góp phần làm xoay chuyển cục diện tình hình đúng như vai trò và vị trí quan trọng của nó? Tại sao những khuyết điểm về công tác tổ chức, cán bộ mà Đại hội VI và các nghị quyết hội nghị trung ương sau đó nêu ra lại chậm được khắc phục? Tại sao hệ thống tổ chức bộ máy từ trung ương đến cơ sở thường xuyên được sắp xếp, chấn chỉnh nhưng cũng thường xuyên không ổn định, nếu không nói là vẫn còn đang lúng túng? Tại sao đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp đã **đổi khá nhiều** nhưng lại chưa **tạo được chất lượng mới** và vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ? Tại sao việc tinh giản bộ máy, giảm nhẹ biên chế ở không ít nơi chỉ là «đánh bùn sang ao», thậm chí có địa phương, đơn vị số lượng cán bộ lại phình ra hơn trước?

Nhìn vào thực tế, tôi thấy:

a) Công tác tổ chức, cán bộ là một khoa học, hơn nữa là một nghệ thuật. Nhưng nghiêm túc mà nói, chúng ta chưa thật sự coi trọng công tác này, hơn nữa trên thực tế lại chưa đối xử với nó như một khoa học. Chúng ta thường chỉ dừng lại hoặc có phần tự bằng lòng với những quan điểm, quan niệm đổi mới một cách khái quát mà chưa đi sâu vào chỉ đạo để tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung và nhất là để thể chế hóa thành các quy định cụ thể và thống nhất. Do đó, khi xử lý các vấn đề cụ thể thường lúng túng, thậm chí mâu thuẫn và trái ngược nhau. Một thí dụ: để xây dựng một hệ thống tổ chức phù hợp với sự nghiệp đổi mới của đất nước ta đáng lẽ phải xây dựng nhiều phương án thiết kế khác nhau phù hợp với dự định cải cách hệ thống chính trị theo quan điểm đổi mới đã được xác định để cân nhắc, chọn lựa bản thiết kế tối ưu (hoặc nói khiêm tốn hơn: bản thiết kế phù hợp) trước khi thi công. Nhưng hầu như chúng ta đã không làm như thế, hoặc chỉ mới thiết kế sơ sài, đại khái đã thi công; hoặc vừa thiết kế, vừa thi công; hoặc vừa thiết kế vừa thi công lại vừa tranh luận từ các vấn đề về quan điểm thuộc loại cơ bản, định hướng. Đó là chưa kể có nơi, có lúc lại thường tự bằng lòng với phương châm «sai đâu, sửa đấy». Kết quả là bộ máy luôn luôn bị xáo trộn, không ổn định do việc sắp đi, xếp lại, nhiều lần hoặc do việc tách nhập, bỏ tổ chức cũ, lập tổ chức mới... một cách thiếu căn cứ khoa học. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ — nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành trong nhiều trường hợp cũng không nhất quán với những quy định về tiêu chuẩn, tuổi tác, quy trình... đã đề ra.

Digitized by Google

Tình trạng thiếu đồng bộ, chắp vá, nề nang, thiếu dân chủ còn xảy ra khá phổ biến. Vẫn có những trường hợp không vì việc, vì tổ chức để chọn người, mà lại vì người để đặt thêm việc, thêm tổ chức. Do đó có nơi tuy đã đổi nhiều nhưng lại chưa mới.

b) Nói và làm không thống nhất, nói nhiều nhưng làm còn ít. Nghị quyết Đại hội VI (12/1986) đã chỉ rõ: « Vấn đề cấp bách là phải sắp xếp lại các bộ, ủy ban nhà nước, tổng cục và tinh giản bộ máy hành chính nhà nước của các bộ »... « giảm bớt các tổ chức trung gian... », « chuyển mạnh sang cách làm việc trực tiếp theo kiểu chuyên gia »... « thực hiện chế độ bãi miễn đối với cán bộ vô trách nhiệm, thiếu năng lực... » Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (tháng (6-1988) và lần thứ 6 (tháng 3/1989) nhấn mạnh thêm: « **Thực hiện cuộc cải cách về tổ chức bộ máy** của các cơ quan đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng từ trung ương đến cơ sở »... « **từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ, bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa trong cơ quan lãnh đạo mỗi cấp** »... « **Điều chỉnh, bố trí lại cán bộ một cách hợp lý** ». « Chấm dứt tình trạng bố trí cán bộ theo kiểu không làm được việc do kém năng lực hoặc bị kỷ luật ở nơi này lại chuyển sang nhận nhiệm vụ ở nơi khác mà vẫn nguyên chức, nguyên lương, thậm chí còn được lên chức, lên lương... ». « Những cán bộ đã đưa lên mà không đủ phẩm chất và năng lực thì kiên quyết đưa xuống ». « Thực hiện đúng chế độ hưu trí đối với cán bộ »... « Phấn đấu để trong ba năm tới đạt **được sự chuyển biến quan trọng** về công tác cán bộ ». Nhưng đáng tiếc là không phải lúc nào và ở đâu, chúng ta cũng đều làm như thế, thậm chí có khi còn làm ngược lại.

Thực tế đang đòi hỏi là: đã đến lúc phải sắp xếp và tổ chức lại các cơ quan xung quanh trung ương để thật sự phát huy vai trò là các ban **tham mưu tổng hợp và chiến lược** của trung ương. Nhưng sắp xếp và tổ chức các ban này theo nguyên tắc nào? Quan hệ giữa các ban của trung ương và các bộ quản lý nhà nước phải được quy định ra sao? Việc tuyển lựa cán bộ của các ban phải được xác định theo những tiêu chuẩn nào để thoát khỏi tình trạng « tiến vì bộ, thoái vì ban »... Hoặc như vấn đề cần sớm quy định là phân biệt rõ chức năng quản lý nhà nước của các bộ và chức năng quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh của các tổng công ty, liên hiệp xí nghiệp... Những vấn đề này đang được xúc tiến mạnh mẽ hay đang thực hiện một cách cầm chừng? Trong công tác cán bộ, một câu hỏi đang được đặt ra không kém phần gay gắt và đang đòi hỏi phải được trả lời một cách cụ thể, nghiêm túc là, bao giờ thì chấm dứt được hiện tượng nề nang, né tránh, không kiên quyết và dứt khoát trong việc xử lý cán bộ có chức, có quyền đã sai phạm, thậm chí đã phạm pháp rõ ràng? Bao giờ thì chấm dứt được hiện tượng trong xử lý kỷ luật: « nhẹ trên, nặng dưới », « dân thì chịu hình pháp, quan thì xử theo lễ »? Và điều quan trọng hơn là, bao giờ thì các cấp ủy mới thật sự quan tâm đúng mức đến công tác tổ chức và cán bộ để tạo ra những chuyển biến có ý nghĩa quyết định đối với lĩnh vực công tác quan trọng này như nhiều nghị quyết của Đảng đã đề cập và như mong muốn, chờ đợi của đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng?

c) Chúng ta thường dễ bằng lòng với những quy định chung trong phương pháp, kiểu cách làm công tác tổ chức — cán bộ mà chưa dấu tư thích đáng để xây dựng các quy chế, quy trình cụ thể, khoa học thống nhất.

Digitized by Google

Trung ương đã quy định: « Thực hiện đúng nguyên tắc tập thể, dân chủ và trách nhiệm của thủ trưởng trong công tác quản lý cán bộ... Trên cơ sở phát huy đầy đủ tập thể và dân chủ, thủ trưởng các cấp là người chịu trách nhiệm chính về thực hiện công tác quản lý cán bộ »... Nên hiểu những quy định trên đây như thế nào cho đúng và chính xác? Trong thực tế nếu có ý kiến khác nhau giữa thủ trưởng và tập thể (của tập thể lãnh đạo, của đảng ủy hoặc của thường vụ đảng ủy) thì sẽ xử lý như thế nào? Và cấp trên dựa vào đâu để quyết định? hay phải giải quyết bằng chờ đợi, thương lượng, thuyết phục để « vui vẻ cả »?

Ở nhiều nơi đã và đang áp dụng hình thức bầu người lãnh đạo cao nhất (hiệu trưởng trường đại học, giám đốc xí nghiệp...). Sau khi bỏ phiếu tín nhiệm, cơ quan chủ quản cấp trên đã chính thức bổ nhiệm người được tín nhiệm cao nhất. Nhưng khi chọn cấp phó thì sao? Người thủ trưởng được toàn quyền chọn cấp phó của mình hay phải được sự đồng tình của đảng ủy? Nếu cấp ủy không đồng tình với sự chọn lựa đó thì sẽ giải quyết như thế nào?

Trong thời đoạn của sự chuyển giao các thế hệ cán bộ như hiện nay, vấn đề **trẻ hóa và thực hiện đúng chế độ hưu trí** đối với cán bộ như Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5, lần thứ 6 (khóa VI) chỉ ra là rất kịp thời và đúng đắn. Nhưng tại sao khi thực hiện lại chỉ **tương đối thuận lợi** đối với cán bộ, nhân viên thường, còn đối với loại cán bộ quản lý và lãnh đạo cấp cao hoặc tương đối cao lại thường gặp khó khăn? Đâu là tính nguyên tắc và đâu là « có lý, có tình » khi giải quyết việc này? Phải chăng không thể có quy định cụ thể, công khai hoặc tuy đã có quy định cụ thể nhưng việc thực hiện lại phải tùy thuộc sự diễn biến « thời tiết » của từng cơ quan, đơn vị, và ở mức độ « thân sơ » đối với thủ trưởng trực tiếp hoặc của thủ trưởng cấp trên? Phải chăng ở đây đang còn có sự khác nhau về quan điểm, quan niệm do chưa được bàn bạc kỹ lưỡng, thống nhất hay chỉ là vì nể nang « dĩ hòa vi quý », « dễ người, dễ ta »?

d— Cơ quan tổ chức và đội ngũ những người làm công tác tổ chức tuy đã được kiện toàn, củng cố, thay đổi, bổ sung... nhưng nhìn chung hoạt động của cả guồng máy này còn có vẻ như đang ở giai đoạn « thử nghiệm »! Nói một cách nghiêm túc thì sự đổi mới công tác tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức chưa được thực hiện một cách cơ bản, đồng bộ, do đó mà chưa đáp ứng được đòi hỏi khá cao và gay gắt của cuộc sống, của sự nghiệp đổi mới.

Để khắc phục tình trạng nêu trên về công tác tổ chức, cán bộ, tôi nghĩ.

Trong khi chuẩn bị thực hiện cải cách cơ bản hệ thống chính trị và đang chọn lựa để có được bản thiết kế tối ưu về hệ thống tổ chức bộ máy phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm của đất nước và năng lực, trình độ thực tế của đội ngũ cán bộ trong thời đoạn có tính chất **giao điểm** giữa cơ chế quản lý cũ và cơ chế quản lý mới thì nên chăng chỉ tập trung thực hiện việc xóa bỏ hoặc tổ chức lại những chỗ quá bất hợp lý của bộ máy (các tổ chức trung gian, chồng chéo, phủ định lẫn nhau) mà không nên xáo trộn một cách tràn lan. Không nên kéo quá dài tình trạng không ổn định, hoặc thực hiện phương châm « cứ làm, sai đâu sửa đấy » trong công tác tổ chức, cán bộ, bởi vì điều đó dễ gây tâm lý « bất an », « đứng không yên ổn, ngồi không vững vàng » trong đội ngũ cán bộ, nhất là những cán bộ phụ trách.

Định thời gian xây dựng và ban hành những quy chế cụ thể về công

(Xem tiếp trang 67)

Digitized by Google

CÔNG TÁC TỔNG KẾT THỰC TIỄN TRONG ĐIỀU KIỆN ĐỔI MỚI

TRẦN HỮU TIẾN *

KHÓ có thể đánh giá hết tầm quan trọng của công tác tổng kết thực tiễn. Không có tổng kết thì không có lý luận; không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng. Như Lê-nin đã nói, bản thân học thuyết Mác là sự tổng kết kinh nghiệm đã được một quan niệm triết học sâu sắc và những kiến thức rộng rãi về lịch sử soi sáng. Những tổng kết lớn có thể tạo bước ngoặt về phát triển lý luận và thực tiễn cách mạng. Tổng kết ba năm thực hiện chính sách cộng sản thời chiến, Lê-nin đã rút ra kết luận vô cùng quan trọng: không thể đi con đường cũ nữa; không nên chỉ cụ thể hóa đường lối cũ mà cần thay đổi căn bản quan điểm về xây dựng chủ nghĩa xã hội. «NEP» đã ra đời như vậy. Đáng tiếc là từ khi Lê-nin mất, những biến đổi đặc biệt nhanh chóng của thời đại đã không được kịp thời tổng kết để rút ra những bài học cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều đó làm cho bệnh chủ quan, duy ý chí trở thành phổ biến, trầm trọng, các quan điểm ấu trĩ về chủ nghĩa xã hội chậm được khắc phục. Những đảo lộn đầy tính bất ngờ gần đây ở các nước Đông Âu càng chứng tỏ công tác tổng kết thực tiễn cần thiết biết chừng nào.

Tổng kết thực tiễn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa nước ta có tầm quan trọng đặc biệt. Đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, chúng ta không thể theo một khuôn mẫu định sẵn nào cả, mà phải vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin; chỉ có tổng kết thực tiễn một cách kịp thời và đúng đắn, chúng ta mới từng bước xác định được con đường và các bước đi phù hợp với mình. Thế nhưng, như Đại hội VI đã nói rõ, chúng ta «thiếu hiểu biết và ít kinh nghiệm quản lý, lại chưa chú trọng tổng kết kinh nghiệm» (1). Hơn nữa, trong nhiều năm, bệnh chủ quan, duy ý chí đã chi phối công tác tổng kết. Tổng kết thực tiễn mà nhiều khi lại không xuất phát từ thực tiễn. Có những kết luận lý luận, chủ trương lớn, lẽ ra là kết quả của tổng kết thực tiễn thì lại được đưa ra trước tổng kết; như vậy tổng kết chỉ là để thuyết minh những kết luận đã có sẵn. Một số bản tổng kết thực ra chưa phải là tổng kết thực tiễn, vì người tổng kết không dành chỗ cho tiếng nói của thực tiễn. Tổng kết chưa có tác dụng kiểm tra chủ trương, đường lối. Sau 5 năm thực

* Giáo sư, phó tiến sĩ triết học

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, tr. 24

Digitized by Google

hiện nghị quyết Đại hội IV, nhiều chủ trương không được thực tiễn xác nhận, nhưng khi tổng kết, chúng ta vẫn khẳng định rằng những chủ trương ấy «đã được cuộc sống chứng minh là đúng đắn». Chính vì vậy có những sai lầm kéo dài nhiều năm, tác dụng kìm hãm rất rõ, mà không được phát hiện. Nhược điểm thứ hai trong công tác tổng kết trước đây, nhất là tổng kết ở cấp vĩ mô, là còn nặng về phương pháp kinh nghiệm. Nhiều bản tổng kết thiên về báo cáo tình hình, tổng hợp tư liệu, kể lể thành tích, chưa thể hiện được quy trình tiếp xúc với các hoạt động thực tiễn, điều tra nghiên cứu, thống kê, tổng hợp tư liệu, phân tích tình hình thực tế cụ thể một cách khoa học, rút ra những kinh nghiệm và nhận định mang tính lý luận, định hướng, nhằm kiểm tra tính đúng đắn của đường lối, chính sách, bổ sung và phát triển lý luận.

Đến Đại hội VI, Đảng ta quyết tâm đổi mới cách tổng kết với phương châm «nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật». Sự nghiệp đổi mới đặt ra hàng loạt vấn đề lớn đòi hỏi phải được làm sáng tỏ về lý luận và có câu trả lời trong thực tiễn. Dương nhiên, mọi kết luận vội vàng, hấp tấp, thiếu căn cứ, đều không thể chấp nhận. Song mặt khác, lại không thể cầu toàn, bởi thực tiễn trong nước và quốc tế biến đổi nhanh chóng, nó không chờ đợi chúng ta. Ba năm tuy ngắn nhưng có giá trị kinh nghiệm bằng nhiều năm, đòi hỏi phải được tổng kết có hệ thống. Thông qua tổng kết, chúng ta có thể bước đầu làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và rút ra một số bài học kinh nghiệm cần thiết cho bước đi trước mắt và sắp tới của nước ta.

Vậy thế nào là tổng kết thực tiễn? Nó phải bảo đảm những yêu cầu gì?

Tổng kết thực tiễn là dùng tư duy khoa học với tư cách là phương pháp luận duy vật biện chứng để xem xét, phân tích một quá trình thực tiễn, **đánh giá** đúng thực trạng của nó, đối chiếu với mục tiêu chương trình kế hoạch mà chỉ ra **những nhiệm vụ nào đã hoàn thành, những nhiệm vụ nào chưa hoàn thành**, thành tựu và tồn tại chủ yếu, tìm **nguyên nhân** của thành công và thất bại, **kiểm tra** lại đường lối, chủ trương, kế hoạch, **phát hiện** những mâu thuẫn phải giải quyết, những nhân tố mới của phong trào, những vấn đề có tính quy luật. Toàn bộ kết quả tổng kết được dùng làm căn cứ cho việc đề ra những phương hướng, nhiệm vụ mới của các đơn vị, của ngành, của địa phương; nói rộng ra, làm cơ sở cho việc xây dựng đường lối, chủ trương chỉ đạo giai đoạn cách mạng tiếp theo. Nói vắn tắt, tổng kết là phân tích và khái quát thực tiễn để rút ra những bài học cho chỉ đạo phong trào cách mạng

Tổng kết phải bảo đảm yêu cầu cơ bản nhất là **tính chân thực**, phải «đánh giá đúng sự thật». Yêu cầu này xuất phát từ mục đích tổng kết là để hành động cách mạng ngày càng hợp quy luật, ngày càng có hiệu quả. Ta tổng kết không phải cho ai đó mà cho chính mình, không che giấu sự thật đối với chính mình. Tổng kết «tô hồng», bơm to thành tích, đánh giá tình hình một cách chủ quan, che đậy những vấn đề gai góc, sẽ nuôi dưỡng bệnh chủ quan, duy ý chí, bệnh quan liêu, chủ nghĩa thành tích và nhiều khi là chủ nghĩa cá nhân. Ngược lại, tổng kết theo kiểu «bôi đen» thực tế, không đánh giá đúng những thành tựu, không chú trọng phát hiện những nhân tố mới, thì cũng là một dạng chủ quan, duy ý chí, thiếu tính chất xây dựng

Tổng kết thiếu khách quan có thể do phương pháp tổng kết chưa khoa học, song còn có nguyên nhân tư tưởng. Có những cán bộ lãnh đạo thiếu dũng cảm nhìn thẳng vào sự

Digitized by Google

thật, sợ nói sự thật làm giảm uy tín lãnh dạo, ảnh hưởng đến niềm tin của quần chúng. Một tổng kết thiếu khách quan, cấp dưới và cấp trên đều có trách nhiệm, song trách nhiệm chính thuộc về chỉ đạo tổng kết, bởi cấp trên «đặt hàng» như thế nào, thường sẽ nhận được những loại hàng theo ý muốn!

Yêu cầu về tính khách quan, chân thực, hoàn toàn khác với «chủ nghĩa khách quan», chủ nghĩa tự nhiên, trong phản ánh hiện thực. Không thể trình bày các sự kiện thực tế một cách ngẫu nhiên, tùy tiện, nói chỉ để mà nói, không phân tích, không đánh giá, không định hướng. Sự thật không đơn thuần là một tập hợp những sự kiện, số liệu có thật; sự thật bao gồm toàn bộ các mặt, các hiện tượng của đời sống, tồn tại và phát triển trong mối liên hệ, quan hệ chặt chẽ giữa chúng với nhau. Sự thật mà chúng ta cần biết không chỉ là thực trạng kinh tế, xã hội, chính trị và tư tưởng. Đó còn là: những dự kiến của chúng ta có phù hợp hay không với sự phát triển của hiện thực và ngược lại, các chủ trương và biện pháp của bộ máy lãnh đạo và quản lý đã có tác dụng như thế nào đối với sự phát triển của hiện thực? Một sự kiện, một con số có thể nói lên tất cả, song có trường hợp chẳng nói lên cái gì. Một ví dụ thuộc về quá khứ: hợp tác xã Đ. ở huyện Y. là hợp tác xã điển hình của tỉnh T. Những con số về tăng sản lượng, và mức huy động nghĩa vụ lương thực, thật có sức thuyết phục. Song ý nghĩa của những con số đó hoàn toàn khác, nếu người ta biết «thêm» rằng: «điển hình» này được đặc quyền sử dụng tới sáu, bảy mươi phần trăm số xăng dầu, u rê, thuốc trừ sâu của cả một huyện! Ví dụ gần đây: báo đưa tin một nhà máy lớn, trong tổng kết cuối năm, nhấn mạnh thành tích của mình là đã nộp ngân sách nhiều tỷ đồng, nhưng lại không làm rõ số tỷ đồng đó có xứng với số vốn đầu tư hay không, nhất là không làm rõ số lợi nhuận thu được là từ nguồn nào, do cải tiến quản lý, đổi mới kỹ thuật, tiết kiệm đầu vào, v.v. hay do «C» «chuyển hóa» thành?

Lê-nin đã nói rằng «các hiện tượng trong đời sống xã hội cực kỳ phức tạp, nên bao giờ người ta cũng có thể tìm được, với một số lượng bao nhiêu cũng có, những ví dụ hoặc tài liệu lẻ tẻ để chứng minh cho bất cứ một luận điểm nào» (2). Lê-nin cho rằng không thể căn cứ vào các hiện tượng riêng lẻ mà phải nắm lấy toàn bộ các sự kiện, phân tích chúng một cách khách quan, khoa học.

Yêu cầu khách quan, chân thực của tổng kết gắn chặt với đòi hỏi về **tính khái quát cao**. Tổng kết không chỉ cần phản ánh đúng thực tế, mà còn phải có giá trị chỉ đạo cải tạo hiện thực vì lợi ích của nhân dân, của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, qua phân tích, khái quát các sự kiện, phải **chỉ ra được những vấn đề có tính quy luật**. Muốn vậy, phải làm rõ các mối liên hệ bản chất nhất của các hiện tượng trong đời sống xã hội, trong đó việc **tìm ra các mối liên hệ nhân quả** có ý nghĩa to lớn nhất. Đó là mối liên hệ nhân quả giữa các mặt của đời sống xã hội như kinh tế và chính trị, kinh tế và xã hội, lợi ích và tư tưởng, cơ chế quản lý và hậu quả kinh tế xã hội, v.v. Đặc biệt cần làm rõ mối quan hệ nhân quả giữa một bên là đường lối, chủ trương, chính sách, các hình thức quản lý với một bên là sự phát triển về kinh tế xã hội và đời sống vật chất tinh thần của nhân dân. Trước đây trong tổng kết thường nói nguyên nhân thắng lợi hay tồn tại một cách chung chung, đặc biệt khi đề cập đến những nguyên nhân chủ quan. Do đó, không làm rõ được nguyên nhân trực tiếp của khủng hoảng kinh tế xã hội

(2) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát xcơ-va, 1980, tập 27, trang 368

Digitized by Google

Đại hội VI đã phân tích một cách không tránh né, nói rõ những nguyên nhân chủ quan của khủng hoảng kinh tế xã hội là sai lầm, khuyết điểm trong hoạt động của Đảng và Nhà nước ta.

Muốn xác định quan hệ nhân quả, phải đặt vấn đề thật cụ thể: chúng ta tìm nguyên nhân cái gì? Ví dụ nếu đặt vấn đề vì sao nền kinh tế của ta còn lạc hậu, đời sống còn nhiều khó khăn, thì nguyên nhân phải kể sẽ rất nhiều và phức tạp. Nhưng nếu chỉ đặt vấn đề nguyên nhân chủ yếu nào dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội hiện nay thì câu trả lời sẽ đơn giản hơn nhiều: đó là do sai lầm trong lãnh đạo và quản lý.

Tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan là một trong những bài học lớn mà Đại hội VI đã tổng kết. Kết quả bước đầu của đổi mới chứng tỏ chúng ta đã bước đầu hành động theo quy luật. Nói bước đầu vì nắm được quy luật xã hội đặc thù của ta hiện nay không đơn giản chút nào. Vận dụng phương pháp luận Mác — Lê-nin để tổng kết quá trình đổi mới là biện pháp tốt nhất để tiếp cận quy luật. Muốn góp phần xây dựng mô hình lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội, công tác tổng kết thực tiễn **phải được định hướng bởi những quan điểm lý luận chung nhất, cơ bản nhất về chủ nghĩa xã hội**. Những quan điểm này xuất phát từ học thuyết của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin về chủ nghĩa xã hội, đồng thời phản ánh những kinh nghiệm lịch sử 70 năm qua từ khi có chủ nghĩa xã hội hiện thực đến nay và thực tiễn mới nhất của thời đại. Những quan điểm này đòi hỏi phân biệt:

— Cái gì là **bản chất** mà nếu từ bỏ thì không còn là chủ nghĩa xã hội (cả nội dung và hình thức cơ bản);

— Cái gì là những **hình thức quá độ** có thể và cần phải thay đổi tùy hoàn cảnh;

— Cái gì là những **hình thức biểu dạng**, do nhận thức sai lầm, đã gán ghép cho chủ nghĩa xã hội.

Điều đó thật không đơn giản. Chúng ta mới ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, khi các nhân tố của chủ nghĩa xã hội tồn tại xen kẽ với những nhân tố tư bản chủ nghĩa và tiền tư bản chủ nghĩa, thì sự phân định trên càng không dễ dàng. Qua tổng kết, chúng ta phải làm rõ được mối quan hệ giữa các nhân tố đó. Về thực chất của nền kinh tế nhiều thành phần, vẫn còn có những ý kiến khác nhau. Phải chăng, trong điều kiện chuyên chính vô sản, các thành phần kinh tế đã hòa làm một bản chất? Kết hợp hài hòa các lợi ích là thế nào: là xóa bỏ mâu thuẫn hay thực chất là tìm các hình thức kinh tế cho phép «điều khiển» các mâu thuẫn, từng bước giải quyết các mâu thuẫn để không dẫn đến xung đột xã hội và tạo ra động lực phát triển kinh tế và xã hội theo hướng xã hội chủ nghĩa? Hiện nay có không ít người đòi hỏi tìm ra những hình thức kinh tế (cả cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý) «lý tưởng», **không có mặt trái**. Cụ thể, họ muốn có một cơ chế kế hoạch hóa loại trừ được mọi nhân tố chủ quan, hoàn toàn làm chủ được thị trường; hoặc ngược lại, muốn có một nền kinh tế thị trường loại trừ được hoàn toàn các yếu tố tự phát tư bản chủ nghĩa. Với mong muốn đó, khi vận dụng vào thực tế, người tuyệt đối hóa kế hoạch thì hoảng sợ trước tình hình thị trường phát triển có nhiều mặt vượt ra ngoài ý muốn; ngược lại, người tuyệt đối hóa thị trường thì bất bình trước tình hình kế hoạch chưa thể loại trừ ngay những yếu tố phi thực tế, gây trở ngại cho sự phát triển kinh tế — xã hội, và đổ lỗi cho kế hoạch là nguyên nhân của mọi sự trì trệ. Với quan điểm «phi mâu thuẫn» và không xuất phát từ đặc điểm của chặng đường đầu thời kỳ quá độ, thì khó có thể tổng kết để tìm ra những hình thức kinh tế quá độ

Digitized by Google

thích hợp. Chúng ta không thể tìm ra một hệ thống lý luận cho phép loại trừ những mâu thuẫn không thể tránh khỏi của nền kinh tế nhiều thành phần cũng như những mâu thuẫn ngay trong bản thân thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chúng ta chỉ cố gắng từ tổng kết thực tiễn tìm ra những quan điểm lý luận cho phép «điều khiển» những mâu thuẫn nói trên, sao cho có thể khống chế được nhiều nhất mặt tiêu cực, không để mặt tiêu cực đe dọa những mục tiêu của chúng ta, đồng thời phát huy tối đa mặt tích cực.

Hiện nay có một vấn đề rất bức bách mà quần chúng đang hết sức quan tâm, đó là vấn đề khắc phục những tiêu cực lớn trong kinh tế và những tiêu cực lớn trong bộ máy đảng và nhà nước như thế nào cho có hiệu quả. Có thể có những tiêu cực lớn trong kinh tế với mức độ nghiêm trọng như hiện nay được không, nếu như không có những tiêu cực lớn trong hệ thống chính trị? Ba năm qua chúng ta đã có một số kinh nghiệm tốt về đấu tranh chống tiêu cực trong hoạt động kinh tế và trong bộ máy đảng và nhà nước, đặc biệt là có một số kinh nghiệm tốt về phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực nói trên. Những kinh nghiệm đó cần được tổng kết đồng thời với tổng kết về xây dựng và quản lý kinh tế.

MẤY VẤN ĐỀ...

(Tiếp theo trang 62)

tác cán bộ và các quy trình về quản lý cán bộ. Để cho Quyết định số 23/QĐTW ngày 24-11-1987 của Bộ chính trị về quy chế quản lý cán bộ được thực hiện đúng và thống nhất, cần sớm ban hành bản hướng dẫn cụ thể mà Ban tổ chức trung ương dự thảo, đã được các cơ quan và các địa phương góp ý kiến bổ sung.

Chỉ đạo để nhanh chóng xây dựng và ban hành điều lệ, nội quy hoạt động, công tác của tất cả các cơ quan, các đơn vị trong hệ thống tổ chức của Đảng, nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Xây dựng và ban hành các chức danh, tiêu chuẩn cụ thể của các loại cán bộ, kể cả tiêu chuẩn của các cấp ủy. Xúc tiến việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ. **Công khai hóa** tất cả các quy định trên đây (trong phạm vi có thể) để thực hiện đúng khẩu hiệu: «dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra».

Kịp thời đánh giá kết quả, đúc rút kinh nghiệm thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ của công tác tổ chức và cán bộ trong hơn ba năm qua, rà soát và đánh giá lại đội ngũ cán bộ thuộc lĩnh vực này để tuyển chọn, bổ sung, thay thế một cách đồng bộ và kịp thời, thực hiện đúng yêu cầu của Đại hội VI: trước hết phải đổi mới công tác tổ chức và đội ngũ những người làm công tác tổ chức, cán bộ. Đại bộ phận cán bộ làm công tác tổ chức, cán bộ hiện nay đều là những người được lựa chọn, được «đôn lên», hoặc «chuyển ngành» sang chứ không phải là những người đã được đào tạo một cách bài bản, hệ thống. Vì vậy, phải có kế hoạch cụ thể để trong một thời gian xác định, đào tạo được một đội ngũ làm công tác tổ chức, cán bộ vừa có phẩm chất chính trị, vừa có năng lực đảm đương được nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, rất dễ bị va chạm, rất dễ bị «mất lòng» người nhưng lại vô cùng quan trọng này.

Digitized by Google

Đảng bộ quận 3 phấn đấu nâng cao đời sống của nhân dân

HUỲNH VĂN THÀNH *

Mười lăm năm qua, nhất là từ sau hơn 4 năm thực hiện nghị quyết Đại hội VI của Đảng, cùng với bước chuyển mình trên tất cả các lĩnh vực kinh tế — xã hội của thành phố Hồ Chí Minh, quận 3 đã cố gắng phấn đấu, khắc phục khó khăn để có được những thay đổi trên nhiều lĩnh vực, nhằm từng bước nâng cao đời sống của nhân dân.

Với tinh thần đổi mới, đảng bộ quận 3 chúng tôi đã suy nghĩ, nghiên cứu và tìm ra được hướng đi đúng đắn, phù hợp với địa phương mình là . **Đẩy mạnh phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp và các loại hình dịch vụ.** Theo phương hướng đó, quận 3 đã nhanh chóng chuyển đổi cơ cấu sản xuất, lấy nguồn vốn tích lũy tập trung đầu tư cho sản xuất các mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu như: thực phẩm, thuốc lá, may mặc... động viên tối đa tiềm năng của tư nhân, của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật cho sản xuất. Công thức phát triển là: **vốn, kỹ thuật nước ngoài + chất xám và lao động của quận — sản phẩm có giá trị và chất lượng cao.** Nhờ vậy mà giá trị tổng sản lượng năm 1987 đạt 937 triệu đồng, năm 1988 đạt 1,2 tỷ đồng và năm 1989 là 1,5 tỷ đồng (theo giá cố định năm 1982), trong đó giá trị các mặt hàng xuất khẩu chiếm 27,7%.

Theo phương châm «nhà nước và nhân dân cùng làm», «quận và cơ sở cùng làm», nhiều xí nghiệp được cải tạo và đổi mới thiết bị, nhiều công trình được xây dựng mới, đã bước đầu phát huy được tác dụng như xí nghiệp hải sản, xí nghiệp Tân định, xí nghiệp đông lạnh, xí nghiệp điện tử, cầu Trần Quang Diệu, công trình hồ bơi, công trình điện nước, vệ sinh công cộng ở các phường... Khu vực kinh tế Dắc nông. Duyên hải trước đây gặp nhiều khó khăn, nay nhờ có sự đầu tư thích đáng đã thay đổi rõ rệt và có lãi.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảng bộ chúng tôi chủ trương kiên trì củng cố các xí nghiệp quốc doanh, cho những xí nghiệp hoạt động không có hiệu quả thay đổi mặt hàng sản xuất, được thuê giám đốc, cho đấu thầu hoặc cho tư nhân mua cổ phần. Từ đầu năm 1989 quận

* Bí thư quận ủy quận 3, TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

đã thực hiện khoán lãi, trao quyền tự chủ cho các xí nghiệp (tự huy động vốn, tự hoàn vốn, tự định giá, tự do mua bán, trao đổi sản phẩm, chỉ thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước theo quy định). Các xí nghiệp được quyền mở cửa hàng giới thiệu sản phẩm, tổ chức lưu thông và mua bán sản phẩm làm ra trên thị trường. Các xí nghiệp hợp doanh và các loại hình kinh tế tập thể nếu hoạt động kém hiệu quả cũng được chuyển sang hình thức khác thích hợp hơn hoặc trả về tư nhân. Đồng thời chúng tôi khuyến khích phát triển các loại hình xí nghiệp cổ phần và sản xuất tư nhân (trong quận, ngoài quận, với nước ngoài; không hạn chế thành phần, hình thức sở hữu, quy mô, tự sản xuất và tiêu thụ; chỉ có nghĩa vụ nộp thuế). Đó là các xí nghiệp kinh tế quốc doanh liên kết với tư nhân xây dựng thành công Công ty EPCO, Xí nghiệp hợp doanh chế biến nông và hải sản, Xí nghiệp hợp doanh trà. Đó là nhà hàng Đại dương, khách sạn Lục quốc được sửa chữa, nâng cấp (và bây giờ do tư nhân làm giám đốc), hiệu quả kinh doanh so với trước tăng 15 và 10 lần. Năm 1989, có trên 500 hộ tư nhân mở cửa hàng kinh doanh, tạo việc làm cho 5000 người lao động. Ngành thi công xây dựng càng phát triển mạnh, tiền lương cao (100 000 đồng/tháng) thu hút nhiều lao động, đã sửa chữa và xây dựng mới hơn 1 000 căn nhà, làm đẹp thêm bộ mặt của thành phố.

Đảng bộ quận 3 còn chủ trương mở rộng liên doanh, liên kết, hợp tác với các địa phương khác, **phát huy tiềm năng và thế mạnh của địa phương mình về xuất nhập khẩu**, bảo đảm tăng doanh số ngoại tệ hằng năm bình quân 15—20%. Hiện nay, quận đã có quan hệ với nhiều nước như Liên xô, Hung-ga-ri, Nhật-bản, Úc, Pháp, Hồng công, Xin-ga-po, Phi-líp-pin... để mua bán và hợp tác sản xuất. Tổng kim ngạch xuất khẩu mỗi năm một tăng, trong đó hàng sản xuất của quận chiếm 60% và hiện đứng thứ hai trong khối quận huyện của thành phố Hồ Chí Minh

Nhờ tất cả những cố gắng và thành quả đó trong sản xuất mà đời sống của nhân dân quận 3 được cải thiện và nâng cao hơn trước. Người dân quận 3 phấn khởi thấy mục đích của chủ nghĩa xã hội đang được thực hiện từng bước trong toàn quận và cho mỗi người dân lao động.

★

Chính sách kinh tế và chính sách xã hội là thống nhất, đảng bộ quận 3 nhận thức được điều đó và theo tinh thần Đại hội VI của Đảng cố gắng thể hiện sự thống nhất đó trong thực tế. Thực hiện khẩu hiệu « Tất cả vì con người, tất cả do con người », đảng bộ quận 3 đã đề ra những biện pháp cấp bách nhằm giải quyết việc làm cho người lao động. Trên cơ sở phát triển dịch vụ và sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong các thành phần kinh tế mà đến nay quận 3 đã giải quyết được việc làm cho 11 000 người lao động, trong đó có 5 661 người có việc làm ổn định. Quận chú ý ưu tiên giải quyết việc làm cho các chiến sĩ bộ đội và thanh niên xung phong xuất ngũ bằng cách liên doanh với các đơn vị quân đội mở thêm các cơ sở sản xuất và dịch vụ. Ngoài ra, trung tâm dạy nghề của quận còn tổ chức cho học sinh phổ thông thôi học học những nghề đang phát triển trong quận, giúp cho họ có việc làm ngay trên địa phương mình. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn về đời sống, quận 3 dành sự quan tâm đặc biệt đối với đội ngũ giáo viên, bảo đảm đủ 80kg gạo hằng tháng cho mỗi giáo viên, tạo mọi điều kiện cho họ thêm

Digitized by Google

yêu nghề và yên tâm giảng dạy. Nhờ đó đã ngăn chặn được sự xuống cấp của các cơ sở giáo dục, duy trì được số học sinh ở các ngành học. Giáo dục đã phát triển theo hướng đa dạng và thích hợp với các đối tượng theo học, đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng lớn trong nhân dân. Quận cũng đã trợ cấp cho mỗi cán bộ, công nhân, viên chức trong khu vực hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang, cán bộ về hưu mỗi tháng 5 ngàn đồng. Mặc dù có rất nhiều cố gắng, nhưng việc trả lương cho người về hưu vẫn còn chậm và đời sống của người về hưu vẫn còn nhiều khó khăn, quận đang đề nghị với thành phố cho giữ một phần thuế thu được để quận tự trả lương hưu cho cán bộ, tránh tình trạng vòng vèo như hiện nay.

Quận 3 cũng đã xây dựng được một mạng lưới y tế cơ sở, có thầy và thuốc phục vụ tại phường. Năm 1989 mỗi phường có thêm một bác sĩ đa khoa, năm nay có thêm một, hai bác sĩ chuyên khoa. Nhân dân quận 3 được khám và điều trị bệnh tại nhà, hoặc tại nơi gần nhất, theo nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nhờ đó đã hạ thấp được tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, đưa tỷ lệ phát triển dân số ở quận xuống dưới 1%. Để đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân, quận 3 đang xây dựng phòng khám đa khoa hoàn chỉnh với 50 giường lưu; thực hiện thu viện phí để giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện vật chất cho đội ngũ cán bộ y tế yên tâm và hăng say làm việc. Câu lạc bộ y học dân tộc cũng đang được củng cố và phát triển, có sự cộng tác của nhiều lương y giỏi.

Đảng bộ quận 3 chúng tôi coi lãnh đạo văn hóa cũng quan trọng như lãnh đạo kinh tế; hướng các hoạt động văn hóa văn nghệ vào việc xây dựng con người mới và đấu tranh cho cái mới thắng lợi. Mấy năm nay phong trào văn hóa ở quận phát triển phong phú và đa dạng. Nếp sống văn hóa mới góp phần ngăn chặn các tệ nạn mê tín, hủ tục và văn hóa đồi trụy phản động.

Công tác an ninh và quốc phòng toàn dân cũng được chú trọng. Tại 14 phường của quận đều có kế hoạch tác chiến phòng thủ cơ bản, thường xuyên huấn luyện và diễn tập, nâng cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt. Ở các trường phổ thông trung học Ma-ri Quy-ri, Lê Quý Đôn, Nguyễn Thị Minh Khai... học sinh được giáo dục truyền thống cách mạng, luật nghĩa vụ quân sự và thể dục thể thao quốc phòng. Ở các tổ dân phố đều thảo luận công khai và dân chủ việc thực hiện nghĩa vụ quân sự. Suốt 15 năm qua, quận 3 đều hoàn thành chỉ tiêu nghĩa vụ quân sự và làm tốt chính sách hậu phương quân đội, chăm sóc chu đáo các gia đình thương binh liệt sĩ, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

★

Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay của quận 3 là **quan tâm hơn nữa đến công tác xây dựng đảng, đưa năng lực lãnh đạo của đảng lên ngang tầm những nhiệm vụ mới.**

Quận 3 có 3 868 đảng viên thì 1 201 đảng viên đã nghỉ hưu, 1 295 đảng viên ở các cơ sở đảng của thành phố và trực thuộc trung ương; đảng viên từ nhiều nguồn, trình độ chênh lệch, nhưng phần lớn đều trải qua thử thách và rèn luyện trong thực tiễn. Đa số đảng viên đều nhất trí cao với đường lối đổi mới, những chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của đảng

Digitized by Google

trên các lĩnh vực kinh tế – xã hội. Tuy vậy, vẫn còn một bộ phận đảng viên bi quan, dao động, giảm sút nhiệt tình cách mạng, thiếu tiền phong gương mẫu. Có thể nêu một vài con số: năm 1987 – 1988 đã xử lý kỷ luật 122 đảng viên (có 2 quận ủy viên và 20 cấp ủy viên cơ sở), trong đó khiển trách 42, cảnh cáo 41, cách chức 13, khai trừ 26, ngoài ra còn xóa tên 8 đảng viên khác.

Trước những yêu cầu cấp bách của công tác xây dựng đảng, đảng bộ quận 3 đã có nhiều hình thức giáo dục và nâng cao trình độ cán bộ, đảng viên như mở các lớp tập trung sơ cấp, trung cấp và cao cấp tại quận về chính trị và quản lý kinh tế; đồng thời tổ chức thông tin đều đặn tình hình thời sự trong nước và quốc tế, tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên tiếp thu những quan điểm mới. Đảng bộ coi trọng việc nâng cao nhận thức của mỗi cán bộ, đảng viên; phê phán và uốn nắn kịp thời những lệch lạc, dao động, giảm sút lòng tin và ý chí chiến đấu, nêu cao lối sống lành mạnh, trung thực của người đảng viên.

Đảng bộ quận 3 coi **đổi mới công tác quần chúng của đảng, tăng cường mối quan hệ giữa đảng và nhân dân là khâu then chốt quyết định việc thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế – xã hội.** Chúng tôi hiểu rõ rằng công tác vận động và tổ chức nhân dân chỉ có thể thành công nếu đáp ứng được trên thực tế lợi ích thiết thân của mỗi người dân. Cho nên đã thường xuyên có kế hoạch tìm hiểu đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và có những chủ trương, biện pháp giải quyết đúng đắn, kịp thời. Để củng cố niềm tin và sự gắn bó mật thiết của nhân dân đối với đảng, đảng bộ quận 3 đã xử lý nghiêm khắc những phần tử thoái hóa, biến chất, ức hiếp quần chúng, lợi dụng chức quyền vi phạm lợi ích của nhân dân. Đảng bộ thực hiện chế độ lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân trong việc sắp xếp tổ chức và bố trí cán bộ, nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp quận và cơ sở có đủ phẩm chất và năng lực tổ chức thực tiễn.

Qua nhiều năm phấn đấu, đảng bộ và nhân dân quận 3 chúng tôi đã đạt được một số kết quả đáng mừng. Song, khuyết điểm và khó khăn vẫn còn nhiều. Các vấn đề kinh tế, đời sống, việc làm, nhà ở và công bằng xã hội chưa phải đều đã được giải quyết. Nhưng những thành quả bước đầu trong công cuộc đổi mới đang củng cố niềm tin của chúng tôi vào chủ nghĩa xã hội, động viên chúng tôi đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội trên thành phố mang tên Bác.

MỘT NƯỚC LÀO...

(Tiếp theo trang 80)

nhiều xí nghiệp quốc doanh làm ăn thua lỗ, kém hiệu quả. Tuy vậy, qua mấy năm thực hiện đổi mới, nền kinh tế của Lào đã sống động, thị trường ngày thêm phong phú, đời sống nhân dân đã đỡ khó khăn.

Thực tế những biến đổi về đời sống kinh tế xã hội ở Lào đã chứng minh đường lối đổi mới của Đảng nhân dân cách mạng Lào là đúng đắn và sáng tạo. Đây là một sự nghiệp có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, là một quá trình lâu dài, là một con đường mới khai phá, do vậy khó khăn và ngay cả vấp váp, là điều khó tránh khỏi.

« Khắc đi, khắc đến », đúng như lời đồng chí Mun kẹo, Phó trưởng Ban tuyên huấn trung ương, Tổng biên tập tạp chí **A-lu-may** đã nói. Đảng và nhân dân Lào đã xác định được hướng đi, đổi mới một cách tự tin, tin tưởng vào công cuộc đổi mới, tiến dần từng bước vững chắc trên những chặng đường hướng tới tương lai.

Digitized by Google

Việc xây nhà của một ông quan và việc chọn nhà ở của một cán bộ

NGUYỄN ĐỨC MƯU

Ở nước ta, chuyện liêm khiết của sĩ phu ngày xưa và của cán bộ ngày nay không hiếm. Nhân chính sách nhà cửa đang là vấn đề, tôi xin kể hai câu chuyện:

Cái nghèo của một ông quan...

Hà nội có phố Nguyễn Khắc Cần. Sống lâu ở Hà nội, ai hỏi đường phố tôi có thể chỉ ngay, nhưng nếu có ai hỏi Nguyễn Khắc Cần là ai thì thú thật mãi đến gần đây tôi mới biết. Một người thân, cán bộ nghỉ hưu năm nay 86 tuổi, dòng họ Phan Huy (Sài sơn — Sơn tây), chắt ngoại của Nguyễn Khắc Cần, kể lại cho tôi một chuyện về ông Cần:

Sau khi Hoàng Diệu tử tiết thì một số các bậc khoa bảng có danh tiếng được triều đình nhà Nguyễn giao trọng trách làm tổng đốc Hà nội; hoàng giáp Nguyễn Khắc Cần, người làng Trung hà, huyện Vĩnh lạc tỉnh Vĩnh phú hiện nay, là một.

Trở thành quan đầu tỉnh Hà nội, ông mang theo đến nhiệm sở cái nghèo gia truyền, nghèo đến mức làm quan to mà không có cả điều kiện đem vợ con đi theo.

Một năm sau, khi mùa màng đã xong, bà vợ từ Trung hà xuôi Hà nội thăm chồng và ở lại khá dài ngày.

Nhưng càng gần ngày bà về thì ông càng có vẻ ưu tư, suy nghĩ.

Nha lại có người đón ý thăm hỏi thì được ông cho biết: Ông có trót hẹn với bà là khi bà ra chơi Hà nội trở về, thì sẽ để bà đem về ít nhiều xây mấy gian nhà từ đường thờ cúng tổ tiên. Nay mai bà về mà tiền thì không sao có được.

Ý kiến đi vay tạm của một người trong nha môn được quan chấp thuận. Hôm sau người đó mang về 300 nén bạc. Ông phàn vàn: số bạc nhiều, lấy đâu để trả? Tham ô, hối lộ thì quốc pháp không dung, gia phong không cho phép. Trước yêu cầu được biết rõ xuất xứ của những nén bạc và lập luận nghiêm túc của bà, ông đành cho gọi người đi vay để bà hỏi.

Thì ra đó là của các khách trú xây nhà trái phép, bất chấp chỉ giới ở phố Hàng Buồm. Họ góp nhau để đưa vào đình mong cụ Thượng ngơ đi cho việc làm nhà lấn chiếm đất công của họ.

Digitized by Google

300 nén bạc được đem trả ngay tức khắc. Và hôm sau, rất thanh thản, quan ông tiễn quan bà lên đường về quê. Việc xây nhà thờ gác lại. Nhiều năm về sau, nhà thờ họ Nguyễn ở Trung hà vẫn còn lợp lá. Và gần đây con cháu cụ, những công dân, cán bộ của chế độ này, đã «ngói hóa» cho nó.

Gương của một cán bộ

Xin kể tiếp chuyện băn khoăn về nhà ở của một cán bộ cách mạng lão thành đã giữ chức phó chủ tịch nước: đồng chí Nguyễn Lương Bằng.

Sau khi thôi giữ chức đại sứ về nước, khoảng năm 1960 gia đình anh Bằng được đến ở nhà số 5 Thuyền Quang, một trong mấy ngôi nhà mà quỹ đất tậu được qua một cơ sở nội thành trước ngày giải phóng Thủ đô.

Được ở nhà rộng, nhưng Anh không khỏi băn khoăn: nhà phân cho Anh vượt tiêu chuẩn chức vụ mà Anh đang giữ. Anh đề nghị đổi nhà.

Ít năm sau, khi anh Bằng được giao chức vụ phó chủ tịch nước thì lại có chuyện mới. Đội bảo vệ Anh tăng thêm người, vấn đề nơi ở và làm việc của các chiến sĩ được đặt ra. Xây một gian nhà mới thì tốn kém, Anh đề nghị với đơn vị bảo vệ tìm cách khác. Phương án đặt ra: đục tường góc vườn lấy một buồng nhỏ tăng trệt nhà bên cạnh; điều một hộ đi nơi khác. Anh không đồng tình, vì thuận cho đồng chí phó chủ tịch nước mà dân phải chuyển đi nơi ở khác. Về sau, công tác bảo vệ cũng được bố trí ổn thỏa theo ý kiến của Anh, không ai phải chuyển và cũng không tốn phí.

Tôi còn được biết, sau khi anh Nguyễn Lương Bằng mất, bác gái đã nhiều lần trực tiếp hoặc làm đơn báo cáo lên các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, xin được trả bớt diện tích, hoặc đổi đến một căn hộ trong một khu tập thể nào đó, sống với hai con. Bác gái muốn Đảng dùng căn nhà này cho các đồng chí đang làm việc có tiêu chuẩn sử dụng.

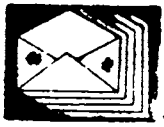
Cùng với bác trai, bác gái đã nêu cao một tấm gương liêm khiết.

Mới đây, đến thăm lại ngôi nhà ở lúc sinh thời của anh Bằng, tôi được bác gái chỉ cho cái bàn đá, cái sập, bộ bàn ghế mây đan, bộ tràng kỷ và nhất là chiếc ghế chao... mà bác gái đã sắm dần để thay thế, trả dần cho cơ quan những gì được trang bị từ trước, trừ một số ít cho nhu cầu tối thiểu.

Chào biệt bác gái ra về, tôi bùi ngùi suy nghĩ: Không kể những công lao khác, chỉ riêng nết giữ mình trong sạch quý dân, Anh Cả đỏ xứng đáng người học trò của Bác Hồ và đủ để nhân dân Thủ đô dành cho một tên phố. Phố Nguyễn Lương Bằng đã được đặt thay cho phố Nam đồng cũ.

Kể lại hai chuyện trên mà lòng tôi không khỏi bồn chồn: ở Thủ đô này, một đạo đã nổi lên vấn đề «đặc quyền đặc lợi» về nhà cửa của một số cán bộ cấp cao. Mà việc đâu đã được giải quyết xong!

Digitized by Google



Thư gửi Bộ biên tập

BẠN ĐỌC NHẬN ĐỊNH VÀ GÓP Ý VỚI TẠP CHÍ

NĂM 1989 và nửa đầu năm nay, qua những lần gặp gỡ tiếp xúc giữa Ban bạn đọc Tạp chí Cộng sản với bạn đọc gần xa, chúng tôi đã nhận được những ý kiến nhận xét, đánh giá và yêu cầu của bạn đọc về nội dung và hình thức Tạp chí Cộng sản.

Đặc biệt, Bộ biên tập nhận được nhiều thư và bài của các bạn từ những miền xa xôi của Tổ quốc như Điện biên (Lai châu), Đồng tháp, Sông Bé và cả Tây nguyên. Ngoài phản ánh tình hình địa phương, cơ sở, bạn đọc còn thể hiện mối quan tâm sâu sắc và tình cảm chân thành đối với cơ quan ngôn luận của Đảng.

Bộ biên tập được tiếp đón nhiều bạn đọc tại tòa soạn. Các bạn đã nhiệt tình trao đổi ý kiến, tỏ lời khen những bài hay, bài tốt, phê bình những bài chưa đạt yêu cầu, hoặc nêu ra những vấn đề, những nội dung còn chưa nhất trí với ý kiến của tác giả các bài báo.

Thông tin nhận được là phong phú. Ban bạn đọc Tạp chí Cộng sản xin hệ thống hóa những ý kiến chính đã thu thập được trong thời gian gần đây (chủ yếu từ năm 1989).

Đánh giá khái quát về Tạp chí Cộng sản, rất nhiều bạn đọc cho rằng, những năm gần đây Tạp chí đã bước đầu có sự đổi mới rõ nét cả về nội dung và hình thức. Từ chất lượng nội dung các bài viết xét trên các mặt tính lý luận và tính chiến đấu, cho đến các thể loại, các chuyên mục, cách viết và hình thức trình bày, Tạp chí đã thể hiện rõ có sự tìm tòi, trăn trở, sự cố gắng cải tiến và rút kinh nghiệm để có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu của bạn đọc, phát huy tốt hơn tác dụng đối với cuộc sống.

Bầu không khí dân chủ công khai mở ra từ sau Đại hội VI của Đảng, thể hiện khá rõ trong các bài viết. Nhiều vấn đề trên các lĩnh vực kinh tế – xã hội, văn hóa, giáo dục, xây dựng Đảng, triết học v.v. đã được các tác giả tiếp cận từ nhiều góc độ với những tìm tòi, nghiên cứu công phu. Việc đăng tải những ý kiến khác nhau chung quanh một vấn đề hoặc những ý kiến chưa nhất trí với bài viết nào đó đăng trên Tạp chí, đã làm cho những vấn đề lý luận và thực tiễn mà Tạp chí đề cập thêm phong phú, không xuôi chiều. Bạn đọc thừa nhận một số bài viết đăng ở mục « Nghiên cứu – Trao đổi » hiện được nhiều bạn đọc quan tâm nhất, đã vươn lên mang tính dự báo khoa học (dù chưa cao).

Cũng vì vậy, bạn đọc ở nhiều ban, ngành, địa phương, tuy cương vị và tính chất công tác khác nhau, đều nhất trí cho rằng : Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

trở nên bổ ích hơn, hấp dẫn hơn. Tạp chí đã nắm bắt được quan điểm, tư tưởng mới của Đảng ta, đã lý giải, phân tích và làm sáng rõ được cơ sở khoa học, lý luận và thực tiễn của các nghị quyết, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Một số bạn đọc còn nhận xét: Tạp chí đã vượt ra ngoài khuôn khổ minh họa một chiều mà vẫn bảo đảm được việc tuyên truyền, khẳng định những quan điểm cơ bản của Đảng.

Cùng với những nhận xét trên, bạn đọc còn xác nhận tính chiến đấu của các bài viết cao hơn, rõ nét hơn; các bài viết đã đề cập và giải quyết được một số khía cạnh phức tạp của cuộc sống. Tạp chí đã đề cập tới các vấn đề, các lĩnh vực, dù chưa hoàn chỉnh song cũng giải quyết được những trọng tâm, trọng điểm. Do vậy, Tạp chí thực tế được coi là tài liệu cơ bản cho công tác tuyên huấn, chỉ đạo tư tưởng và giảng dạy lý luận. Đặc biệt, đối với các địa phương, Tạp chí còn có tác dụng nhất định trong chỉ đạo thực tiễn.

Thường xuyên đọc Tạp chí, nhiều bạn đọc quan tâm và hoan nghênh việc Bộ biên tập tổ chức các cuộc hội thảo khoa học và thông tin trên tạp chí. Bạn đọc vui mừng trước kết quả của các cuộc hội thảo; đánh giá cao các bài tổng thuật của Bộ biên tập sau các cuộc hội thảo về «Chống lạm phát», «Vai trò nhân tố con người», «Môi trường và điều kiện của kinh tế quốc doanh». Tham luận của các nhà khoa học và quản lý trong hội thảo được nhiều bạn đọc quan tâm. Tuy nhiên, theo bạn đọc, một số cuộc hội thảo cần được chuẩn bị công phu hơn, nhất là cần được chú ý hơn về mặt phương pháp luận, bảo đảm tốt tính chỉ đạo, hướng dẫn dư luận.

Ngoài ra, bạn đọc thừa nhận Tạp chí đã đáp ứng được yêu cầu tuyên truyền nhân các dịp kỷ niệm lớn, các sự kiện trọng đại trong và ngoài nước. Thông tin quốc tế tuy còn chậm song vẫn được bảo đảm ở một mức độ cần thiết qua các bài trong mục «Thế giới: vấn đề, sự kiện» và «Qua sách báo nước ngoài».

Về công tác tổ chức biên tập, bạn đọc ghi nhận sự đổi mới rõ nét của Tạp chí thể hiện ở sự phong phú, đa dạng của các thể tài, chuyên mục trên tạp chí. Mặc dù ranh giới chưa thật rõ rệt, các chuyên mục cũng đáp ứng được yêu cầu nhất định và thể hiện được tính chất riêng. Các mục được đông đảo bạn đọc ưa thích là: «Nghiên cứu — Trao đổi», «Sinh hoạt tư tưởng», «Chuyện ngày thường». Các nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm chuyên mục «Chủ nghĩa xã hội: nhìn lại và đổi mới». Các đồng chí làm công tác quản lý bám rất sát các cuộc hội thảo khoa học do Tạp chí tổ chức. Nhiều đồng chí lãnh đạo ở địa phương, cơ sở lại thích mục «Thư gửi Bộ biên tập», vì chủ đề đa dạng, bài viết ngắn gọn, dễ hiểu.

Các bài viết nói chung biên tập khá chặt chẽ, hình thức trình bày nghiêm túc, ít có sai sót về in ấn, bạn đọc coi đấy là biểu hiện tôn trọng người đọc.

Bạn đọc hoan nghênh việc Bộ biên tập coi trọng và thường xuyên tổ chức thu thập thông tin bạn đọc; cho đấy là biểu hiện thái độ thực sự cầu thị của những người làm báo Đảng. Việc trả lời trực tiếp hoặc bằng thư cho những bạn có bài vở, thư từ gửi đến tòa soạn, cũng tăng cường thêm mối quan hệ hiểu biết giữa Bộ biên tập và bạn đọc.

Hiểu rõ chức năng của Tạp chí là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, bạn đọc đòi hỏi tính lý luận của các bài viết phải đậm hơn, cao hơn, thậm chí phải ngang tầm thời đại, nhất là ở mục «Nghiên cứu — Trao đổi».

Digitized by Google

Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, trước những biến động chính trị — xã hội phức tạp ở Đông Âu và hiện tượng khủng hoảng về lý luận, bạn đọc mong muốn sao cho bài viết của Tạp chí vừa mang tính lý luận, vừa mang tính chỉ đạo rõ ràng hơn.

Bạn đọc băn khoăn vì sao mục «Sinh hoạt tư tưởng» trước đây và mục «Chuyện ngày thường» gần đây với những bài viết ý nhị sâu sắc, những bài viết «không địa chỉ mà ai cũng giật mình, cũng sờ tay lên gáy xem có phải nói mình không», lại vắng bóng ở những số gần đây. Bạn đọc muốn biết phải chăng các cây bút «đi vắng», «đổi gu» hay «Tạp chí né tránh, sợ động»?. Bạn đọc chờ đợi Tạp chí trả lời tốt nhất bằng cách cho xuất hiện trở lại mục này với những bài viết dí dỏm thâm trầm, đại tính chiến đấu cao.

Các bạn ở các địa phương, nhất là ở phía nam, phê bình Tạp chí ít bài viết về địa phương, cơ sở, nhất là địa phương, cơ sở phía nam; cho đó là Tạp chí chưa thể hiện rõ vai trò chỉ đạo và tổng kết thực tiễn, chưa thể hiện rõ tính chất phạm vi cả nước của Tạp chí. Bạn đọc băn khoăn vì sao tòa soạn có những cây bút tốt, bài viết lý luận tốt, lại không có và không tổ chức được những bài điều tra điển hình có giá trị, những bài tổng kết tốt. Bạn đọc yêu cầu: Tạp chí cần phản ánh được cuộc sống sinh động đa dạng ở các miền đất nước và cần có tỷ lệ thích đáng giữa bài nghiên cứu lý luận và bài phản ánh thực tiễn.

Bạn đọc nhắc nhở Tạp chí cần chuẩn bị để có những bài tổng kết những vấn đề lý luận và thực tiễn của đất nước từ sau Đại hội VI, những bài làm sáng tỏ cơ sở khoa học và thực tiễn của cương lĩnh mới của Đảng sắp tới sẽ được công bố để lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, những bài về vai trò và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, về phẩm chất và uy tín của đảng viên v.v. thiết thực tham gia chuẩn bị Đại hội VII của Đảng.

Bạn đọc phê bình Tạp chí vẫn còn những bài dài nhưng lượng thông tin ít. Bạn đọc muốn có nhiều bài ngắn, sinh động. Theo bạn đọc, do tính chất của Tạp chí, bài thường khô khan, nếu lại viết dài nữa thì đọc sẽ rất mệt, khó có khả năng đọc hết số báo. Nếu có thể, Tạp chí nên đổi màu bìa thường xuyên và thêm tranh để giảm độ căng khi đọc. Tuy nhiên, có một số bạn lại muốn bìa Tạp chí vẫn giữ nguyên màu đỏ như trước đây.

Bạn đọc thân mến!

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các bạn đã có những ý kiến nhận xét, đánh giá và đòi hỏi cao đối với Tạp chí.

Những vấn đề các bạn nêu lên cũng là những vấn đề đang được Tạp chí quan tâm nghiên cứu, tìm cách cải tiến. Những yêu cầu của các bạn đối với Tạp chí càng cho thấy rõ nhiệm vụ cấp bách đối với Bộ biên tập Tạp chí lúc này là phải ra sức tăng cường chất lượng đội ngũ biên tập viên và cộng tác viên để sớm đáp ứng được đòi hỏi của các bạn.

Đối với những ý kiến xuất phát từ nhu cầu nào đó không phù hợp với chức năng lý luận — chính trị của Tạp chí mà chúng tôi không đáp ứng được, cũng mong bạn đọc thông cảm.

Chắc chắn những ý kiến tập hợp trên đây chưa phản ánh được hết những suy nghĩ của các bạn về Tạp chí. Chúng tôi rất mong nhận được thêm những ý kiến và thông tin mới của các bạn.

Ban bạn đọc
Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

Một nước Lào tự tin. Một nước Lào đang đổi mới

VŨ HIỀN

Ở Lào, khởi điểm của một năm được tính từ mùa hạ. Chúng tôi đến thăm đất nước Lào vào những ngày đầu năm, khi nhân dân ở đây vừa vui tết Pi mày. Vẫn còn dư âm của không khí năm mới. Ở thành phố và ở những bản làng, trong nhà máy, cơ quan xí nghiệp và trên đồng ruộng, nương rẫy, — những nơi chúng tôi đến, ở đâu cũng chung một niềm vui. Vui hiện trên những gương mặt không vương nét ưu tư, trong sự êm đềm của những dòng người, dòng xe trật tự trên đường phố. Vui trong mê mải của người nông dân đang kỳ thu hoạch lúa chiêm, trong ồn ào rộn ran của trẻ nhỏ đến trường và ẩn cả trong sự thâm nghiêm tĩnh lặng chùa chiền được bảo tồn, gìn giữ.

Năm 1989 được coi là năm thắng lợi, vì nhân dân Lào thu hoạch được 1,4 triệu tấn thóc, đạt bình quân 350kg thóc đầu người. Cũng thời điểm này, sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp tăng hơn 5 lần so với năm 1976. Đường lối đổi mới của Đảng nhân dân cách mạng Lào được nhân dân ủng hộ, được triển khai trong cả nước và đã bước đầu đem lại hiệu quả thiết thực. Tình hình kinh tế, xã hội Lào từng bước ổn định và đã có bước phát triển.

Cái hay tính cách. Cái hay truyền thống

Trên đất Lào, người Lào thật khiêm nhường, giản dị mà lại có lắm điều hay, đã làm không ít những ai tới đây phải ngạc nhiên, thán phục. Một đất nước với nền kinh tế còn lạc hậu, thu nhập bình quân đầu người ở mức thấp nhất thế giới (khoảng 150 đô la/năm), mà sao không khí xã hội lại rất thanh bình, lành mạnh; mà sao con người lại thoải mái vô tư, lại tin yêu và lạc quan đến thế? Chỉ có thể tìm được câu trả lời trong cái dẹp tiềm ẩn của người Lào, trong bề dày tính cách và chiều sâu truyền thống của họ.

Digitized by Google

Mối quan hệ bản chất muôn thuở của con người là quan hệ với tự nhiên. Ở Lào, điều này càng được hiện ra rõ nét. Núi rừng, sông suối không gian dãy nắng là những yếu tố rất gần gũi với người Lào. Cái tết vui nhất là tết té nước. Con người quý nước, trân trọng nước, vui sướng và thỏa thuê vì nước. Cái thú nhất của người Lào là được tụ hội với nhau ở trong rừng, ven sông, ven suối. Ở đó con người cứ việc tin cẩn, cởi mở với thiên nhiên. Con người quý trọng nhau. Nguồn vui của người Lào là nguồn vui cộng đồng, là múa hát tập thể, là vui chơi tập thể.

Tới thăm Luông Pra-băng, chúng tôi đã được đến thác nước Cuông-xi. Chúng tôi đã hòa vào dòng người dự buổi dạ hội nhân ngày sinh Lê-nin bên bờ suối rộng Kéng-khun. Không có giăng đèn, kết hoa. Chỉ có nam nữ thanh niên với một dàn nhạc dân tộc, mà vui. Nhảy múa, vui chơi, cứ thế và xuống suối tắm mát và lại lên, lại múa. Đã tới đây là có ấn tượng. Ấn tượng về rừng về suối, về nét mộc mạc dịu lành tự nhiên của con người. Tới đây sẽ hết ưu tư phiền muộn. Ở đây thiên nhiên và con người, con người với con người gần gũi, cởi mở và hào phóng.

Luông Pra-băng là thành phố thu hút khách thăm không chỉ vì đó là cố đô có cung vua, có tháp núi Phu-xi, mà đó -- như các bạn Lào vẫn gọi là thành phố có dâu. Duyên dáng và mộc mạc, kín đáo, ấp e và hiền dịu — những đức tính đẹp đẽ ấy của phụ nữ Lào được khắc họa ngay cả trong màu hoa văn trên những bộ váy dân tộc của họ. Chính người phụ nữ Lào với bộ váy độc đáo cổ truyền đó, là người có công rất lớn trong việc gìn giữ vẻ đẹp truyền thống của dân tộc.

Thăm Lào, tới đâu chúng tôi cũng gặp chùa chiền. Chỉ riêng Viêng-chăn đã có khoảng 200 chùa lớn nhỏ. Ở Luông Pra-bàng cũng có con số tương tự. Trong hầu khắp làng xã Lào đều có chùa. Đó là ngôi nhà đẹp nhất vùng và được xây cất ở nơi trang trọng nhất. Đó là nơi gặp gỡ, hội họp của nhân dân. Chùa ở đây vẫn giữ được sự tôn nghiêm, không hề có kinh doanh, dịch vụ, không hề có việc lợi dụng tín ngưỡng của nhân dân để làm điều sai trái.

Mới đây, khi thăm Lào, công chúa Thái lan hỏi « Vì sao chùa ở Lào đẹp thế »? Các bạn Lào trả lời rằng nhà chùa không có gì mâu thuẫn với sự nghiệp của dân tộc. Chùa là nơi làm phúc. Mục tiêu của sự nghiệp cách mạng cũng là đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Điều đặc biệt ở Lào là đã lôi cuốn và vận động được sư sãi tham gia hoạt động xã hội. Đồng chí Vông Phết, ủy viên Trung ương Đảng, bí thư Tỉnh ủy Luông Pra-băng cho biết về những đóng góp của nhà chùa. Các nhà sư đã tích cực tham gia các việc như giữ gìn của cải nhà chùa, góp phần dạy học cho các cháu nhỏ và những người mù chữ, góp phần vào việc vệ sinh phòng bệnh và chữa bệnh cho dân, tham gia giáo dục nhân dân chống tham nhũng, chống trộm cắp.

Cùng với việc bảo tồn, giữ gìn những truyền thống và phong cách quí của các bộ tộc Lào, điều đáng quan tâm hiện nay, — như đồng chí Xi-xa-na,, chủ tịch Ủy ban khoa học xã hội khẳng định, — là việc gây được ý thức quốc gia, giáo dục ý thức dân tộc và hòa hợp dân tộc. Theo số thống kê gần đây nhất, hiện ở Lào có 48 dân tộc và bộ tộc. Do tính chất của nền sản xuất tự nhiên phân tán, tinh thần quốc gia của các bộ tộc Lào còn yếu. Để nâng tầm ý thức quốc gia điều cơ bản là phải phát triển sản xuất và tăng cường giao lưu văn hóa. Thực hiện điều này trong bối cảnh chung của sự nghiệp cách mạng hiện nay, các bạn Lào đang tính đến mối quan hệ giữa việc phát triển nền sản

Digitized by Google

xuất hàng hóa với nhiệm vụ bảo vệ, củng cố những truyền thống dân tộc và phát triển ý thức quốc gia.

Để tự biết mình. Để khẳng định hướng đi

Thắng lợi vĩ đại năm 1975 với việc giải phóng cả nước và khai sinh ra nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (2-12-1975), đánh dấu một bước ngoặt lịch sử, đưa cách mạng Lào chuyển sang giai đoạn mới – đất nước độc lập tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Mười lăm năm qua, đất nước Lào đã giành được những thành tựu to lớn trên tất cả các mặt chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, xã hội và đời sống. Đó cũng là những năm tháng mà Đảng nhân dân cách mạng Lào không ngừng tìm tòi, không ngừng sáng tạo để nhận rõ mình hơn và để khẳng định hướng đi cho dân tộc.

Đại hội lần thứ IV Đảng nhân dân cách mạng Lào đã xác định Lào vẫn là một nước nghèo và chậm phát triển. Lực lượng sản xuất còn ở trình độ thấp, cơ bản vẫn là một nền kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên, tự cấp tự túc. Trong các nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, có nguyên nhân chủ quan, duy ý chí, nóng vội, rập khuôn máy móc trong việc định ra đường lối chính sách; có nguyên nhân thuộc về cơ chế quản lý hành chính, quan liêu, bao cấp. Tại cuộc mít tinh kỷ niệm ngày thành lập Đảng nhân dân cách mạng Lào, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hăn đã khẳng định: « Trong xây dựng chế độ mới, chúng ta cũng đã phạm sai lầm chủ quan, nôn nóng, muốn tiến nhanh, chưa tính toán hết khả năng thực tế của đất nước ».

Đảng nhân dân cách mạng Lào đã xác định tính chất của giai đoạn cách mạng hiện nay là giai đoạn củng cố, phát triển và hoàn thiện chế độ dân chủ nhân dân, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mâu thuẫn cơ bản nổi lên hàng đầu của Lào hiện nay là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất còn quá lạc hậu với yêu cầu của việc phát triển sản xuất và đáp ứng nhu cầu của nhân dân, của xã hội. Do vậy, mục tiêu kinh tế cơ bản và cấp bách nhất hiện nay là chuyển nền kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên thành nền kinh tế sản xuất hàng hóa, phát triển lực lượng sản xuất, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Để thực hiện mục tiêu đó, Đảng nhân dân cách mạng Lào chủ trương kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang cơ chế hạch toán kinh doanh, thực hiện chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, thông qua con đường tư bản nhà nước, áp dụng rộng rãi quan hệ hàng hóa – tiền tệ, mở rộng quan hệ với nước ngoài nhằm phát triển lực lượng sản xuất, phân công lại lao động xã hội. Mục tiêu lâu dài của cách mạng Lào vẫn là chủ nghĩa xã hội, song trước mắt sẽ tập trung vào việc củng cố và hoàn thiện chế độ dân chủ nhân dân, vừa tiếp tục giải quyết một số vấn đề còn lại của nhiệm vụ dân tộc, dân chủ, vừa tạo tiền đề và điều kiện thực hiện sự chuyển biến dần dần từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội thông qua nhiều bước trung gian.

Mục tiêu cách mạng và những chính sách, giải pháp của Đảng nhân dân cách mạng Lào đã được nhân dân ủng hộ và thực hiện từng bước vững chắc. Tuy nhiên, công cuộc xây dựng đất nước Lào hiện nay gặp phải không ít khó khăn: khó khăn trước hết là âm mưu phá hoại của kẻ địch. Trước tình hình diễn biến phức tạp ở các nước Đông Âu, các thế lực phản động ở Lào ráo riết hoạt động để chống phá cách mạng. Chúng đã không từ các thủ đoạn nào miễn

Digitized by Google

là gây được hoang mang trong nhân dân, gây sự hỗn loạn trong xã hội. Từ những thủ đoạn chiến tranh tâm lý, như gửi thư có nội dung xấu từ nước ngoài về, đến những hoạt động ngang nhiên như chặn xe trên đường, gây mất trật tự trị an ở nông thôn và cả ở thành phố. Chúng kích động, lôi kéo một số ít trong giới trí thức, trong cán bộ đòi thay đổi thể chế chính trị, đòi đa nguyên, đa đảng. Đảng và nhân dân Lào đã nhận rõ kẻ địch, nắm chắc tình hình để có những biện pháp giải quyết kịp thời. Đó là những biện pháp đồng bộ cả về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và vấn đề dân tộc. Từ đặc điểm đó, nhiệm vụ của cách mạng Lào trong giai đoạn hiện nay đã được xác định là bảo vệ và xây dựng đất nước, thực hiện chế độ dân chủ nhân dân.

Đổi mới — tự tin. Tự tin — đổi mới

Đồng chí Xồm-lắc, bí thư Trung ương Đảng, đã nói với chúng tôi rằng công cuộc đổi mới của đất nước Lào còn gặp nhiều khó khăn trở ngại, nhưng Đảng và nhân dân quyết tâm đổi mới, tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới. Ngay từ Đại hội IV, Đảng nhân dân cách mạng Lào đã định ra phương hướng đổi mới. Các hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng nhân dân cách mạng Lào, đặc biệt là các hội nghị thứ 5, 6, 7, và 8 đã từng bước cụ thể hóa đường lối đổi mới. Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng đã nêu rõ: «Công cuộc đổi mới phải được tiến hành toàn diện, đồng bộ, kể cả tư duy, cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị nhưng phải bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế nhằm phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân ngày một tốt hơn. Đổi mới phải được tiến hành từng bước vững chắc, chống mọi biểu hiện chủ quan, nôn nóng, duy ý chí, «mồm to hơn bụng», sao chép, rập khuôn kinh nghiệm của nước khác» Trong quá trình thực hiện đổi mới, phải sử dụng nhiều giải pháp uyển chuyển, linh hoạt và mềm dẻo, nhưng phải dựa vào những nguyên tắc cơ bản. Đó là mục tiêu chủ nghĩa xã hội, là nền tảng lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin, là vai trò lãnh đạo của Đảng, là nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường hiệu lực của hệ thống chuyên chính dân chủ nhân dân và nguyên tắc quốc tế vô sản, quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế của Lào cơ bản là nền kinh tế nông nghiệp với tuyệt đại bộ phận cư dân là nông dân. Vì vậy, giải pháp để chuyển nền kinh tế tự nhiên sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa phải xuất phát từ người nông dân, bắt đầu từ hộ gia đình nông dân, biến mỗi gia đình từ kinh tế gia trưởng tự cấp tự túc thành đơn vị sản xuất hàng hóa nhỏ. Nhà nước tác động vào sản xuất nông nghiệp và nông thôn bằng dịch vụ hai đầu, bằng chính sách đầu tư vốn và khoa học kỹ thuật.

Về cơ chế quản lý, Đảng nhân dân cách mạng Lào chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu cũ, chuyển hẳn sang cơ chế tự chủ kinh doanh hạch toán, cố gắng xây dựng một thị trường dân tộc thống nhất gắn với thị trường thế giới. Điều có ý nghĩa quan trọng là nhà nước chuyển từ quản lý kinh tế hiện vật sang quản lý kinh tế hàng hóa thông qua thị trường. Nhà nước phải tác động vào thị trường, điều chỉnh thị trường bằng sức mạnh kinh tế.

Trong quá trình thực hiện đổi mới kinh tế, Đảng và nhân dân Lào còn gặp rất nhiều khó khăn: mất cân đối về ngân sách và xuất nhập khẩu, còn phụ thuộc nhiều vào hàng công nghiệp tiêu dùng của nước ngoài.

(Xem tiếp trang 71)

Digitized by Google

Qua các cuộc bầu cử ở Đông Âu

NGUYỄN TRỌNG THỤ

BẦU cử là thể hiện của dân chủ, nhưng tự nó chưa nói lên nền dân chủ chân chính. Vấn đề là dân chủ của ai và cho ai. Vấn đề còn là tổ chức bầu cử có đảm bảo được bình đẳng và dân chủ hay không?

Cho đến nay, hầu hết các nước Đông Âu đã tiến hành xong các cuộc bầu cử quốc hội. Một số nước đã bước sang bầu cử các cơ quan quyền lực địa phương.

Qua các cuộc bầu cử ở Đông Âu, chúng ta bước đầu có thể rút ra một số nhận định:

Dân chủ của ai và cho ai? Vấn đề giành quyền lực.

Ở các nước Đông Âu, một khi đảng cộng sản suy yếu hoặc mất vai trò lãnh đạo, thì mặc dù quốc hội chưa hết nhiệm kỳ, các thế lực chính trị chống đối đảng cộng sản vẫn đấu tranh đòi tiến hành bầu cử nhằm hợp pháp hóa việc đẩy những người cộng sản ra khỏi các cơ quan quyền lực. Cũng qua bầu cử, các thế lực đó hy vọng sẽ nắm quyền một cách hợp hiến. Đây là một khâu quan trọng trong toàn bộ quá trình «diễn biến hòa bình» của họ. Qua bầu cử, họ hy vọng ngang nhiên bước ra chính trường với nhãn hiệu «đại diện cho nhân dân».

Để chắc chắn giành được thắng lợi, họ cân nhắc rất kỹ thời gian tiến hành bầu cử, cố chọn thời điểm thuận lợi nhất cho họ. Có thế lực muốn bầu cử sớm khi nhân dân đang trong tình trạng bồng bột, mất phương hướng, khi Đảng cộng sản đang trong thế lúng túng. Có thế lực — đặc biệt là các đảng phái, các tổ chức chính trị mới được thành lập, còn mỏng về số người, non về tổ chức thì lại chưa muốn bầu cử ngay, để cho họ có thời gian «trưởng thành», đủ sức cạnh tranh với các đối thủ. Vì lẽ đó mà ở Cộng hòa dân chủ Đức, cuộc bầu cử đã dự định vào tháng 5/1990, đã phải tổ chức vào tháng 3/1990. Còn ở Ru-ma-ni, thì cho đến những ngày chót của đợt vận động bầu cử, các đảng đối lập và hai ứng cử viên tổng thống (từ nước ngoài về) là R. Cam-pi-a-nu và I. Ra-xi-u vẫn khăng khăng đòi hoãn ngày bầu cử.

Digitized by Google

Với mục đích bầu cử như trên, các đảng, các tổ chức chính trị, chớp thời cơ chạy đua vào quốc hội, đã mọc lên như nấm trước bầu cử và ồ ạt đối tranh cử. Ở Cộng hòa dân chủ Đức, 21 đảng phái và tổ chức chính trị đã tham gia tranh cử. Ở Hung-ga-ri, con số đó là 12, ở Ru-ma-ni là 82, ở Cộng hòa liên bang Séc và Xlô-va-ki-a là 22, ở Bun-ga-ri là 38. Số ứng cử viên cũng khá đông. Ở Cộng hòa liên bang Séc và Xlô-va-ki-a, để giành 300 ghế đại biểu quốc hội, 200 ghế đại biểu Hội đồng dân tộc Séc và 150 ghế đại biểu Hội đồng dân tộc Xlô-va-ki-a, có tới 3601 ứng cử viên. Ở Bun-ga-ri, 3098 ứng cử viên đã ra tranh cử 400 ghế trong quốc hội v.v.

Các cuộc bầu cử ở Đông Âu thực chất là cuộc chạy đua để nắm quyền lực, vì vậy, nhiều đảng phái tranh cử, nhiều ứng cử viên đã tiến hành chiến dịch vận động bầu cử một cách « ác liệt » với những thủ đoạn mà ngay báo chí phương Tây cũng phải cho là « thô bỉ », « ghê tởm ». Để hy vọng giành được cử tri, các đảng phái, các tổ chức chính trị tìm mọi cách moi móc nhau, chửi bới nhau, dùng cả bạo lực chế ngự nhau nhằm hạ thấp các ứng cử viên của đối phương. Nhiều tranh cổ động, truyền đơn, ảnh của các ứng cử viên thuộc tổ chức này đã bị các tổ chức khác xé rách hoặc bôi bẩn. Ở Pra-ha, vào chiều 3/6, một cuộc vận động bầu cử đã bị phá rối bằng vụ nổ một quả bom tự tạo làm 18 người bị thương, trong đó có 5 trẻ em. Trước đó, vào tối 1/6, tại một cuộc hòa nhạc vận động bầu cử ở thành phố Ô-xtơ-ra-va cũng đã xảy ra vụ nổ làm 1 người bị thương nặng.

Điều đặc biệt đáng lưu ý là ở tất cả các nước, mũi nhọn tiến công nhằm trước hết vào đảng cộng sản, vào những người cộng sản. Ở Ba-lan, các lực lượng đối lập, với sự viện trợ về tiền nong và phương tiện kỹ thuật của Mỹ và nhà thờ, đã ra báo, in truyền đơn tung khắp mọi nơi, từ thành thị đến nông thôn, nói xấu, lăng nhục Đảng công nhân thống nhất Ba-lan và những ứng cử viên của đảng. Ở Cộng hòa dân chủ Đức, trước bầu cử, đã có mưu toan kích động dư luận xã hội đòi đặt đảng cộng sản ra ngoài vòng pháp luật. Ở Cộng hòa liên bang Séc và Xlô-va-ki-a, trước bầu cử, đã có các cuộc vận động lấy chữ ký, mít tinh, biểu tình, thậm chí tuyệt thực đòi quốc hữu hóa tài sản của đảng cộng sản, lăng nhục các đảng viên của đảng. Ngày 16/5, bốn đảng bao gồm đảng dân chủ xã hội, đảng xã hội chủ nghĩa, đảng nhân dân và đảng dân chủ Xlô-va-ki-a đã ngang nhiên ra tuyên bố chung đòi cấm đảng cộng sản hoạt động. Ngay trước ngày bầu cử, người ta đã không ngớt kêu gào « Hãy bầu cho ai dã dấu tranh công khai chống lại chế độ cộng sản ». Họ làm như vậy vì họ biết rằng Đảng cộng sản Tiệp khắc tuy có phạm sai lầm thiếu sót trong lãnh đạo, nhưng trong đảng vẫn có nhiều người cộng sản chân chính được nhân dân thật sự tin yêu và sẽ là đối thủ đáng gờm của họ trong bầu cử. Điều này đã được chính ông Chan-pha, thủ tướng Cộng hòa liên bang Séc và Xlô-va-ki-a công khai thừa nhận.

Không ít đảng phái, tổ chức chính trị đã được sự tiếp tay của các thế lực Mỹ và phương Tây trong vận động bầu cử. Trước ngày bầu cử ở Ba-lan, Nhà trắng đã tung tin sẽ viện trợ một số tiền khổng lồ cho Ba-lan nếu Công đoàn đoàn kết thắng cử. Ngày 7-3-1990, thứ trưởng ngoại giao Mỹ I-glơ-bơ-giơ, trong bài điều trần trước Tiểu ban đối ngoại Hạ nghị viện Mỹ, đã nói toạc rằng Mỹ sẽ « cấp viện trợ ủng hộ quá trình bầu cử ở Bun-ga-ri và Ru-ma-ni. Nếu các cuộc bầu cử này thành công, chúng ta (Mỹ) sẽ cần mở rộng phạm vi viện trợ và dùng viện trợ làm động cơ để thúc

Digitized by Google

dẫy quá trình dân chủ hóa và những cải cách theo hướng thị trường». Về sự dính líu của Mỹ vào quá trình bầu cử ở Cộng hòa liên bang Séc và Xlô-va-ki-a, tờ Thời báo Niu Oóc ngày 10/6/1990 cho biết: Viện dân chủ toàn quốc của Mỹ đã chi 400 nghìn đô la cho các đảng gần gũi nhất với tổng thống V. Ha-ven để «thúc đẩy dân chủ». Cũng theo tờ báo, việc làm này bị chính nhân dân Cộng hòa liên bang Séc và Xlô-va-ki-a phản đối, coi đó là sự can thiệp không công bằng.

Ở Cộng hòa dân chủ Đức thì cuộc vận động bầu cử, về thực chất, do các đảng cầm quyền ở Cộng hòa liên bang Đức chỉ đạo. Đích thân thủ tướng H. Kôn và nhiều chính khách hàng đầu của Đảng cầm quyền ở Cộng hòa liên bang Đức đã đến Cộng hòa dân chủ Đức can thiệp thô bạo vào cuộc bầu cử. Họ đã bỏ ra hàng triệu mác cung cấp cho «Liên minh vì nước Đức», một tổ chức chính trị ở Cộng hòa dân chủ Đức do họ đỡ đầu, để tổ chức này có điều kiện vận động ồ ạt cho các ứng cử viên của mình. Được cách làm của H. Kôn bật đèn xanh, nhiều đảng phái khác ở Cộng hòa liên bang Đức cũng đã cử người sang Cộng hòa dân chủ Đức hỗ trợ các đảng mà họ đỡ đầu trong vận động bầu cử. Báo *I-đơ-ve-xchi-a* của Liên xô ngày 18/3/1990 đã nhận xét rằng «các chính đảng của Tây Đức đã quá nhiệt tình trong cuộc vận động bầu cử ở Cộng hòa dân chủ Đức. Các đảng ở Tây Đức đang ủng hộ các đảng đàn em của họ ở Đông Đức, tạo ra ấn tượng cuộc bầu cử này đang được tổ chức không phải ở trong một nước có chủ quyền mà là ở một phần của Tây Đức».

Cần nói thêm rằng Giáo hội thiên chúa cũng đã can thiệp khá sâu vào các cuộc bầu cử. Trên tờ Niu uých, số ra ngày 5-6-1989, Mi-sen Mây-ơ đã viết về vận động bầu cử ở Ba-lan: «Nhà thờ đã cho Công đoàn đoàn kết mạng lưới ở vùng nông thôn, cái mà Công đoàn đoàn kết không có. Các ứng cử viên của Công đoàn đoàn kết còn nhận được sự giúp đỡ tài chính từ ngân khố của giáo hội... Một quan chức của Công đoàn đoàn kết đã kể lại một giáo sĩ có phẩm cấp cao đã tập trung các giáo sĩ của ông lại và đưa ra tối hậu thư. Ông ta nói với họ: Cuộc bầu cử này là phận sự của các vị. Nếu như chúng ta thất bại thì bản thân tôi và các vị phải chịu trách nhiệm».

Đảng cộng sản nói chung ở thế kém, nhưng kết quả có ý nghĩa lớn

Kết quả bầu cử ở từng nước có khác nhau tùy theo tình hình cụ thể từng nước, trong đó phải kể đến thực trạng quan hệ giữa đảng cộng sản và nhân dân ở từng nước.

– Ở Ba-lan, 99% số ghế thượng nghị viện vào tay Công đoàn đoàn kết. Đảng công nhân thống nhất Ba lan chỉ chiếm 173 ghế trong số 160 ghế ở hạ nghị viện.

– Ở Cộng hòa dân chủ Đức, Liên minh vì nước Đức, một liên minh tranh cử dưới sự chỉ đạo trực tiếp của thủ tướng Cộng hòa liên bang Đức, gồm 3 đảng thiên hữu được hơn 48% số phiếu, giành 193 ghế trong quốc hội. Đảng của chủ nghĩa xã hội dân chủ (đảng lãnh đạo chính quyền trước đây) được 16% số phiếu, chiếm 65 ghế.

– Ở Hung-ga-ri, Diễn đàn dân chủ, một liên minh của những người dân chủ thiên chúa giáo, dân túy và dân tộc chủ nghĩa, chủ trương kinh tế thị trường, tư nhân hóa dầu ngành công nghiệp quốc gia, đã chiếm 165 ghế trong 386 ghế đại biểu quốc hội. Đảng xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri được 33 ghế.

– Ở Ru-ma-ni, Mặt trận dân tộc cứu nước, được coi là một đảng có tổ chức nhất trong số các đảng phái và tổ chức chính trị ra đời sau biến

Digitized by Google

động 12/1989, đã giành thắng lợi lớn trong tổng tuyển cử. Chủ tịch Mặt trận dân tộc cứu nước L-ơn I-li-e-xcu trúng cử tổng thống với 85,16% số phiếu bầu. Về kết quả bầu quốc hội, Mặt trận dân tộc cứu nước giành thắng lợi lớn, chiếm 66,70% số ghế ở hạ nghị viện và 67,1% số ghế ở thượng nghị viện.

– Ở Cộng hòa liên bang Séc và Xlô-va-ki-a, Diễn đàn công dân và Công luận chống bạo lực (một liên minh gồm 10 đảng phái và tổ chức chính trị, có tổng thống Ha-ven tham gia) chiếm 170 ghế trong tổng số 300 ghế đại biểu quốc hội liên bang. Đảng cộng sản đứng thứ hai, được 47 ghế. Có khoảng 15 đảng không đạt đủ 5% số phiếu bầu, cho nên theo luật quy định, không có đại biểu tham gia quốc hội liên bang.

– Ở Bun-ga-ri, Đảng xã hội chủ nghĩa (trước đây là Đảng cộng sản) thắng lớn, giành 211 ghế trong 400 ghế đại biểu quốc hội. Liên minh các lực lượng dân chủ được 144 ghế.

Kết quả các cuộc bầu cử cho thấy ở nơi nào mà đảng cộng sản giữ được thế chủ động, tích cực sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, tiến hành cải cách theo quan điểm đúng đắn, nhằm mục tiêu dân chủ, ổn định và phát triển, củng cố và tăng cường sự gắn bó giữa đảng và quần chúng, thì ở đó đảng vẫn giành được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân. Kết quả bầu cử ở Bun-ga-ri đã chứng minh rất rõ điều đó. Hãng AFP (Pháp) đã nhận định: «Người Bun-ga-ri vẫn tin vào những người cộng sản», và «ở Bun-ga-ri, các đảng viên cộng sản đã dịch thân tiến hành những cải cách dân chủ, và những nỗ lực này của họ khẳng định rằng họ vẫn là một lực lượng lãnh đạo quá trình khôi phục kinh tế và bảo vệ những thành quả của xã hội».

Ở một số nước tuy chính quyền đã về tay phái hữu và các lực lượng chính trị khác, đảng cộng sản và công nhân bị đẩy lùi và trở thành lực lượng đối lập, phải hoạt động trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, điều kiện tranh cử hết sức hạn chế, nhưng một bộ phận không nhỏ trong nhân dân, bất chấp mọi sự lừa mị, mua chuộc, đe dọa của các thế lực cầm quyền, vẫn dũng cảm biểu thị lòng tin của họ đối với những người cộng sản chân chính. Điều đó được khẳng định trong kết quả bầu cử ở Cộng hòa dân chủ Đức và đặc biệt ở Cộng hòa liên bang Séc và Xlô-va-ki-a. Nhiều nhà bình luận phương Tây đã cho rằng với 65 ghế giành được ở Quốc hội Cộng hòa dân chủ Đức, Đảng của chủ nghĩa xã hội dân chủ (đảng lãnh đạo chính quyền trước đây) đã thu được thắng lợi ít ai ngờ tới. Về kết quả bầu cử ở Cộng hòa liên bang Séc và Xlô-va-ki-a, Đài tiếng nói Hoa kỳ đã nhận định: «Điều đáng ngạc nhiên là phe cộng sản vẫn còn tỏ ra khá mạnh!». Và tờ **Bưu điện Oa-sinh-tơn** đã viết: «Kết quả bầu cử mà Đảng cộng sản Tiệp-khắc giành được là đáng kinh ngạc!». Với kết quả bầu cử đó, Đảng cộng sản Tiệp-khắc đã có được quyền đại diện xứng đáng trong quốc hội. Sự tồn tại, vai trò và vị trí của đảng được lá phiếu của nhân dân khẳng định, điều đó đã làm thất bại thảm hại mọi âm mưu nhằm loại đảng ra khỏi đời sống chính trị của đất nước.

Còn ở Ru-ma-ni, nơi đảng cộng sản cũ tan rã, thì nhân dân đã dành sự tin cậy của mình cho các thế lực chính trị yêu nước, tiến bộ, có mục tiêu, hướng đi đúng trong cải cách.

Điều chứng minh khá rõ dã tâm chính trị, tính chất cay cú và sự trắc trở của các thế lực cực hữu ở Đông Âu và cả của Mỹ và các thế lực phương Tây là nơi nào mà đảng cộng sản và những người cách mạng chân chính giành được thắng lợi trong bầu cử thì ngay lập tức chúng to miệng rêu rao là ở nơi đó có sự gian

Digitized by Google

lận và tìm mọi cách, kể cả dùng bạo lực, nhằm phủ định kết quả bầu cử. Ở Ru-ma-ni, sau bầu cử, các thế lực cực hữu, phản động đã tổ chức biểu tình, gây rối trong đêm 13 rạng ngày 14/6 nhằm lật đổ chính quyền hợp pháp vừa được bầu ra. Chúng đã tràn vào trụ sở các cơ quan chính phủ, bộ nội vụ, đài phát thanh và đài truyền hình, đập phá, tiến công lực lượng cảnh sát và quân đội được điều đến để lập lại trật tự. Đã xảy ra dụng độ giữa những kẻ gây rối và lực lượng bảo vệ làm nhiều người chết và bị thương. Tiếp tay cho các thế lực cực đoan ở Ru-ma-ni, Nhà trắng đã cao giọng chỉ trích chính quyền mới ở Ru-ma-ni và không cho đại diện sứ quán Mỹ ở Bu-ca-rét tham dự lễ nhậm chức của tổng thống I. I-li-e-xcu ngày 20/6. Mỹ cũng đã tuyên bố hoãn các viện trợ không có tính chất nhân đạo cho Ru-ma-ni. Cộng đồng châu Âu cũng tuyên bố hoãn việc phê chuẩn hiệp định hợp tác mậu dịch với Ru-ma-ni mới được ký ngày 8/6.

Ở Bun-ga-ri, khi biết kết quả bầu cử không có lợi cho chúng, các thế lực đối địch cũng lại cao giọng rêu rao «có gian lận trong bầu cử». Mỹ cũng phụ họa theo và còn vu cáo «đã có sự hăm dọa và bất hợp lệ trong quá-trình bầu cử». Mỹ còn đe sẽ có ý kiến cụ thể hơn về cuộc bầu cử đó. Nhưng sự thật ra sao? Ở Bun-ga-ri, cuộc bầu cử đã diễn ra dàng hoàng trước đông đảo quan sát viên quốc tế, trong đó có đại biểu quốc hội các nước Áo, Anh, I-ta-li-a, Tây-ban-nha, Liên xô, Phần-lan, Pháp, Nhật-bản v.v. Đại diện đoàn đại biểu Hội đồng nghị viện của Hội đồng châu Âu đã tuyên bố với các nhà báo là sau khi quan sát kỹ, họ thấy rằng cuộc bầu cử ở Bun-ga-ri là cuộc bầu cử tự do.

★

Qua các cuộc bầu cử ở Đông Âu, các thế lực chính trị cực hữu và phản động đã bộc lộ rõ dã tâm chính trị và những mưu đồ xảo trá của chúng. Ở những nơi mà đảng cộng sản bị đẩy khỏi chính quyền, trở thành đảng đối lập, thì cuộc đấu tranh cho những mục tiêu dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội mà đảng theo đuổi tất nhiên sẽ là quá trình đầy phức tạp khó khăn. Ngay ở những nước mà đảng cộng sản giành được thắng lợi, tiếp tục lãnh đạo chính quyền, cuộc đấu tranh cho những mục tiêu của đảng vẫn sẽ gặp không ít khó khăn do sự chống phá của các thế lực đối địch, trong đó có sự can thiệp, chống phá của các lực lượng phản động quốc tế. Song những gì mà các đảng cộng sản ở Đông Âu đạt được qua bầu cử cho phép khẳng định rằng: chủ nghĩa xã hội, một khi đã bám rễ sâu trong nhân dân thì dù có trải qua sóng gió, thử thách, vẫn là sức mạnh không dễ gì đảo ngược được.

DÂN CHỦ XÃ HỘI...

(Tiếp theo trang 88)

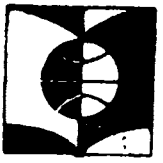
khác nhau về chính trị – tâm lý: người công dân dân chủ, người công dân bị tha hóa, người công dân bị áp bức.

Quan niệm đổi mới xã hội do đảng đề ra có thể được xem là sự trở lại học thuyết mác xít-lê nin nít về xây dựng một xã hội có công bằng xã hội, văn minh hóa những con người tự do và bình đẳng.

VŨ TIẾN

(Viết theo tài liệu hội thảo của các nhà khoa học Liên xô, đăng trên tạp chí Liên Xô **Khoa học xã hội** *số 1-1989)*

Digitized by Google



Qua sách báo nước ngoài

Dân chủ xã hội chủ nghĩa và tự quản của nhân dân

1 — Công cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới đòi hỏi phải nghiên cứu sâu rộng và có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về dân chủ xã hội chủ nghĩa và tự quản của nhân dân. Trước hết, phải đề ra được những luận điểm xuất phát, xây dựng một chương trình nghiên cứu tổng hợp, sau đó, đi sâu vào các đề tài. Đây là một công cuộc lâu dài đi đôi với tiến trình cải tổ, cải cách, đổi mới.

Dân chủ và tự quản liên quan đến tất cả các lĩnh vực then chốt của đời sống xã hội. Quá trình đổi mới sẽ không thành đạt nếu trong ý thức xã hội không gạt bỏ được những quan niệm thô thiển, thậm chí lệch lạc, về chính quyền của nhân dân đã hình thành và bám rễ trong những năm dài trước đây.

Dân chủ là gì? Nó biểu hiện cụ thể như thế nào? Đánh giá như thế nào những ví dụ về dân chủ từ trong công tác cụ thể, trong thực tiễn cuộc sống? Đối với những câu hỏi đó, không phải mọi người đều có thể trả lời chính xác, nhất trí. Qua một cuộc điều tra xã hội học ở Liên xô trước đây, 31% những người được hỏi trả lời: dân chủ là sự tự do phát biểu ý kiến mà không sợ hậu quả; 13,2% hiểu dân chủ là sự tự do suy nghĩ, cư xử và lựa chọn người, 8,7% cho dân chủ là sự bình đẳng của con người không kể cương vị ra sao; 7% coi dân chủ là quan hệ công bằng giữa người và người; 6,1% hiểu dân chủ là cả người lãnh đạo lẫn người bị lãnh đạo đều tham gia công việc quản lý. Chỉ có 5% hiểu dân chủ là chính quyền của nhân dân. Chỉ có 1,1% gắn dân chủ với việc không có chủ nghĩa quan liêu.

Từ đó, thấy rõ một vấn đề cấp bách là phải **khôi phục quan niệm mác xít — lê nin nít về dân chủ xã hội chủ nghĩa**, tạo ra một cơ chế mới về chất của chính quyền nhân dân, một hệ thống gồm những bảo đảm về chính trị — pháp luật cho công cuộc đổi mới. Thực chất là phải xây dựng một lý luận mới về chính trị, về nhà nước và pháp luật, bảo đảm mối tương quan đúng đắn giữa chính trị và kinh tế phù hợp với nhu cầu phát triển ngày nay của xã hội. Những nhiệm vụ cơ bản của công cuộc nghiên cứu này là:

— Cung cấp căn cứ khoa học cho quá trình xây dựng và hoàn thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát triển tự quản của nhân dân trong tất cả các lĩnh vực;

— Nghiên cứu những phương hướng và tiến trình cải cách hệ thống chính trị bao gồm: xây dựng một cơ chế

Digitized by Google

mới về chất của chính quyền nhân dân; phân công quyền lực theo tinh thần xã hội chủ nghĩa; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phi quan liêu hóa xã hội;

– Nghiên cứu trên cơ sở đó mô hình kinh tế – xã hội của việc quản lý xã hội, mô hình này kết hợp tối ưu nguyên tắc nhà nước và nguyên tắc xã hội trong cơ chế quản lý; nêu ra những nét giống nhau và khác nhau trong bản chất, chức năng và hình thức của các thiết chế tự quản xã hội chủ nghĩa;

– Xác định những tiêu chuẩn chất lượng mới của hệ thống chính trị, những giai đoạn và tốc độ phát triển của hệ thống đó; phân tích sự tiến hóa lịch sử của mối quan hệ giữa xã hội và nhà nước dưới chủ nghĩa xã hội; luận chứng phương hướng đi tới chất lượng mới của nhà nước xã hội chủ nghĩa (khôi phục đầy đủ quyền lực của các cơ quan đại diện nhân dân, dân chủ hóa và hợp lý hóa bộ máy chính quyền nhà nước và quản lý, củng cố pháp chế, cải cách pháp luật); hoàn thiện cơ cấu quốc gia – dân tộc;

– Nghiên cứu những nhân tố phát huy ý thức chính trị và văn hóa của quần chúng, tạo ra những bảo đảm pháp lý chắc chắn để các công dân tham gia các quá trình chính trị một cách tích cực và an toàn.

2 – Trong công cuộc nghiên cứu này các nhà khoa học đã định hình được các nhiệm vụ cơ bản:

– Bước đầu nêu ra được nhiều luận điểm có tính nguyên tắc của lý luận chủ nghĩa xã hội về chính trị, nhà nước và pháp luật. Theo lập trường của phương pháp luận và lý luận mới, đang xem xét những vấn đề mấu chốt của cải cách chính trị trong điều kiện chế độ một đảng: cải tiến vai trò của đảng cộng sản; sự tiến hóa của mối quan hệ giữa xã hội, nhà nước và đảng cộng sản trong khi thực hiện phân công quyền lực theo tinh thần xã hội chủ nghĩa; phát triển nền văn hóa chính trị mới.

– Đã đề ra quan niệm dùng làm điểm xuất phát về tự quản xã hội chủ nghĩa của nhân dân. Có sự thống nhất biện chứng giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và tự quản. Dân chủ phát triển thông qua tự quản. **Tự quản được định nghĩa là sự kết hợp lao động có năng suất** (trong sản xuất vật chất và tinh thần) **với lao động quản lý** (quản lý sản xuất, tập thể, xã hội). **Tự quản, với tính cách một phạm trù khoa học, được nêu ra là sự thống nhất giữa tự tổ chức, tự hoạt động, tự điều chỉnh, tự kiểm tra,** nghĩa là một phương thức hành động tập thể và đoàn kết con người. Tự quản cho phép đi tới chất lượng mới của thiết chế dân chủ trong sản xuất, ở đơn vị lãnh thổ, trong các đoàn thể bằng con đường: thông tin đầy đủ về tiềm năng để tập thể xác định ưu tiên sử dụng chúng như thế nào; thảo luận rộng rãi những vấn đề then chốt mà tập thể quan tâm; bảo đảm về vật chất cho quyền tự chủ về kinh tế của tập thể; dân chủ hóa cơ chế bầu cử và đề cử người lãnh đạo. Tự quản cho phép khắc phục sự tha hóa của ý thức xã hội, làm cho người công dân chuyển nhanh sang lập trường cùng tham gia quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội. Nó cho phép kết hợp một cách dân chủ lợi ích của cá nhân, tập thể, xã hội. Tự quản phản ánh chất lượng ngày càng tăng của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa theo mức độ ngày càng dân chủ hóa của nó, theo mức độ chuyển từ quản lý vì lợi ích của người lao động sang quản lý do người lao động tự chủ thực hiện. Nó không đối lập với nhà nước, xã hội chủ nghĩa, nhà nước này vẫn là thiết chế quản lý cơ bản của xã hội, vấn đề chỉ là mối quan hệ mới về chất giữa yếu tố chuyên nghiệp và yếu tố xã hội trong việc điều hành

Digitized by Google

các quá trình kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa... Vị trí trung tâm trong tự quản là sự tham gia của những người không chuyên nghiệp vào việc soạn thảo, thảo luận, thông qua, thực hiện các giải pháp. Cái trục của toàn bộ hệ thống tự quản là vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản, nội dung mới về chất của chủ nghĩa tập trung dân chủ. Việc triển khai tự quản trong cấu trúc thượng tầng phải đồng thời phản ánh trình độ phát triển của dân chủ trong sản xuất và tích cực thúc đẩy mở rộng nó.

Những tiền đề để dân chủ và tự quản phát triển là mở rộng về mặt pháp lý các quyền và các tự do chính trị, đồng thời nâng cao ý thức giác ngộ, ý thức trách nhiệm, ý thức kỷ luật của người công dân.

3 – Sự phát triển của dân chủ và tự quản đi đôi với **chất lượng mới của hệ thống chính trị**. Chất lượng mới này lại từ trình độ phát triển mới của xã hội mà ra. Cách nhìn vấn đề này trong bối cảnh mối quan hệ giữa bộ phận và toàn thể là phương hướng phương pháp luận và lý luận để suy nghĩ các vấn đề về mục tiêu, phương hướng, thành phần và nhân tố phát triển của chất lượng mới của hệ thống chính trị. Những tiêu chuẩn của chất lượng mới là :

– Hiệu quả xã hội cao hơn hiện nay của các thiết chế chính trị – quản lý nhằm kích thích sự tăng trưởng kinh tế, sự tiến bộ xã hội và văn hóa ;

– Bảo đảm hài hòa lợi ích của toàn dân và từng khu vực, lợi ích của tập thể và cá nhân trên cơ sở sự tiến bộ toàn diện và cân đối của cá nhân cũng như của toàn xã hội ;

– Công dân, các tập thể và đoàn thể tham gia với mức cao hơn việc thông qua các nghị quyết, nghĩa là chuyển từ dân chủ kiểu ủng hộ và tín nhiệm sang dân chủ kiểu tự quản, trên cơ sở đó khắc phục chủ nghĩa quan liêu (đang là một nguy cơ xã hội, với tính cách là hệ thống các quan hệ quyền lực thay thế dân chủ và tự quản) ;

– Phân chia quyền hành có căn cứ khoa học và có hiệu quả về xã hội giữa các hình thức quản lý chuyên nghiệp, xã hội (phi nhà nước) và hỗn hợp (xã hội – nhà nước) ; tương quan tối ưu giữa tập trung và tự trị ;

– Tự do chính trị của cá nhân ở mức độ cao, mở rộng số lượng và chất lượng các quyền công dân cùng với nâng cao trách nhiệm xã hội của họ ;

– Trạng thái mới của pháp luật và pháp chế, cân bằng tối ưu giữa các hình thức điều hành bằng pháp luật, đạo đức, sự kiểm tra của xã hội, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

4 – Sự phát triển của dân chủ và tự quản không phải là mục đích tự thân, mà là nhằm tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất về kinh tế, xã hội, chính trị, pháp luật, văn hóa, đạo đức cho **sự phát triển hài hòa của cá nhân**. Cá nhân (người công dân) là « tế bào » của cơ thể xã hội, là tiêu điểm của mọi vấn đề và mọi mâu thuẫn của sự phát triển xã hội. Theo ý nghĩa ấy, sự khuyếch đại những hình thức hoạt động bằng bộ máy của xã hội, sự tập trung hóa quá mức dưa đến tình trạng nhà nước hóa cá nhân. Việc tăng thêm những chức năng hình thức (của nhà nước và xã hội) trút lên người công dân một cách giả tạo đã dẫn đến chỗ thực tế làm cho số đông trong xã hội thêm tê liệt về chính trị, khiến cho họ trở thành người thụ động chấp hành những quyết định của cơ quan quản lý. Kết quả là ngày càng phân hóa các công dân thành những kiểu người

(*Xem tiếp trang 85*)

Digitized by Google

ТАПТИ КОНГШАН № 7-1990

НГУЕН ВАН ЛИНЬ – Бутьте достойны ударной силы на идеологическом фронте. ЧАН ЧОНГ ХЫУ – Решительно бороться против бюрократизма. ВАН ТЫ – Размышления о банке и товарном хозяйстве. СОЦИАЛИЗМ: ОГЛЯДЫВАЯСЬ И ОБНОВЛЯЯСЬ (исследования) ☆ ЛЕ НЬЫ БАТЬ – Распределение национального дохода на первом этапе переходного периода во Вьетнаме. ИССЛЕДОВАНИЯ ☆ НГУЕН ВАН ХЬОНГ – Традиционная культура в стратегии развития государства. ОБМЕН МНЕНИЯМИ ☆ ДОНГ ТХАО – Изменить экономический механизм в целях создания новых рабочих мест. БУЙ ХЬЕН – Труд писателя и честность. ОПЫТ РАБОТЫ ☆ НГУЕН ХОАНЬ ТХАНЬ – Совершенствовать систему денежного обращения. ЛЕ ЗОАН ЗЬЕН – Сельское хозяйство и проблема развития села во Вьетнаме. НГУЕН ДИНЬ ЛУАН – О методах укрепления лесхозов. ДАО ВАН ТЬЕН – Обновлять деятельность биологических отраслей. ВО ТЫ ТХАНЬ – Организационная проблема и работа с кадрами в настоящее время. ЧАН ХЫУ ТЬЕН – Обобщение практической работы в новых условиях. ХЮНЬ ВАН ТХАНЬ – Парторганизация 3-го района борется за подъем уровня жизни народа. ЖИЗНЬ И ИДЕОЛОГИЯ ☆ НГУЕН ДЫК МЫУ – Строительство дома чиновника и выбор жилья работника. ПИСЬМА В РЕДАКЦИЮ ☆ Предложения читателей относительно нашего журнала. В МИРЕ: ПРОБЛЕМЫ И СОБЫТИЯ ☆ ВУ ХЬЕН – Лаос верит в себя и обновляется. НГУЕН ЧОНГ ТХУ – О чем говорят выборы в Восточной Европе? ПО СТРАНИЦАМ ЗАРУБЕЖНЫХ ИЗДАНИЙ. Социалистическая демократия и самоуправление народа.

REVIEW OF COMMUNISM No. 7-1990

NGUYỄN VĂN LINH – Worthy of being the vanguard force in the ideological front. TRẦN TRỌNG HỰU – Resolutely fighting against red tape. VĂN TỰ – Some reflections on the bank and the commodity economy. **Socialism: Retrospect and Renewal (Studies)** ☆ LÊ NHỰ BÁCH – Distribution of the national income in the first stage of the transitional period in Vietnam. **Research – Exchange** ☆ **Research** – NGUYỄN VĂN HƯỜNG – Traditional culture in the strategy of the national development. **Exchange** – ĐỖNG THẢO – Converting economic structure with a view to contributing to giving more jobs to working people. BÙI HIỀN – Literary career and the truth. **Opinions and Experience** ☆ NGUYỄN HOÀNG THANH – Improvement in organizing monetary circulation. LÊ DOÃN DIỄN – Agriculture and the problem of rural development in Vietnam. NGUYỄN ĐÌNH LUẬN – Some opinions on consolidating State lumber yards in Vietnam. ĐÀO VĂN TIẾN – Renewals in the activities of the biological branch. VÕ TỰ THÀNH – Some problems on the work of organization and cadre at present. TRẦN HỰU TIẾN – Summing up the results of activities in the condition of renewal. HUỲNH VĂN THÀNH – The party-cell organization in Prefect 3 trying to improve the people's living standards. **Activities and thoughts** ☆ NGUYỄN ĐỨC MẬU – The construction of a house for a high-ranking cadre and the choice of accommodation for a cadre. **Letters to the Editors** ☆ Readers opinions to the REVIEW OF COMMUNISM. **The World: Problems and Events** ☆ VŨ HIỀN – A self-confident Laos. A renewing Laos. NGUYỄN TRỌNG THỰ – Through the elections in Eastern Europe. **Through foreign publications** ☆ Democracy in socialist countries and the people's autonomy.

Digitized by Google

REVUE DU COMMUNISME N° 7-1990

NGUYÊN VĂN LINH – Soyons dignes d'être l'avant-garde sur le front idéologique. TRẦN TRỌNG HỮU – Lutter résolument contre le bureaucratisme. VÁN TỬ – Quelques réflexions sur la banque et l'économie de marchandises. **Le socialisme : regard rétrospectif et renouveau (Études)** ☆ LÊ NHƯ BÁCH – Répartition du revenu national dans l'étape initiale de la période de transition au Vietnam. **Etudes – Echanges** ☆ **Etudes** – NGUYÊN VĂN HƯƠNG – La culture traditionnelle dans la stratégie de développement national. **Echanges** – ĐỒNG THẢO – Transformer la structure économique en vue de créer de nouveaux emplois. BÙI HIỀN – Le travail de l'écrivain et la loyauté **Opinions et expériences** ☆ NGUYÊN HOÀNG THANH – Améliorer l'organisation de la circulation monétaire. LÊ DOÃN DIÊN – Agriculture et développement rural dans notre pays. NGUYÊN ĐÌNH LUÂN – Quelques idées sur la consolidation des fermes sylvicoles d'Etat. ĐÀO VĂN TIẾN – Rénover les activités des branches biologiques. VÕ TỬ THÀNH – Quelques problèmes sur le travail d'organisation et le travail en direction des cadres à l'heure actuelle. TRẦN HỮU TIẾN – La récapitulation de la pratique dans les conditions du renouveau. HUỲNH VĂN THÀNH – L'organisation du Parti du 3e arrondissement s'emploie à élever le niveau de vie de la population. **Vie et idéologie** ☆ NGUYÊN ĐỨC MỰU – La construction de la maison d'un « mandarin » et le choix du logement d'un cadre. **Lettres à la Rédaction** ☆ Avis et suggestions des lecteurs. **Le monde : problèmes et événements** ☆ VŨ HIỀN – Un Laos confiant. Un Laos en voie de renouveau. NGUYÊN TRỌNG THỤ – A travers les élections en Europe orientale. **A travers la presse et les livres étrangers** ☆ Démocratie socialiste et auto-gestion du peuple.

REVISTA DEL COMUNISMO Nº 7-1990

NGUYÊN VĂN LINH – A merecer fuerzas de vanguardia en el frente ideológico. TRẦN TRỌNG HỮU – Luchar resueltamente contra el burocratismo. VÁN TỬ – Algunas reflexiones sobre el banco y la economía de mercancías. **El socialismo : retrospección y renovación (Estudios)** ☆ LÊ NHƯ BÁCH – Repartición de la renta nacional en la etapa inicial del período de transición en Vietnam. **Investigaciones – Intercambios** ☆ **Investigaciones** – NGUYÊN VĂN HƯƠNG – La cultura tradicional en la estrategia del desarrollo nacional. **Intercambios** – ĐỒNG THẢO – Transformar la estructura económica con el fin de crear nuevos trabajos a los trabajadores. BÙI HIỀN – El trabajo del escritor y la lealtad **Opiniones y experiencias** ☆ NGUYÊN HOÀNG THANH – Mejorar la organización de la circulación monetaria. LÊ DOÃN DIÊN – La agricultura y el desarrollo rural en Vietnam. NGUYÊN ĐÌNH LUÂN – Algunas ideas sobre la consolidación de las granjas silvícolas del Estado. ĐÀO VĂN TIẾN – Renovar las actividades de las ramas biológicas. VÕ TỬ THÀNH – Algunos problemas sobre el trabajo de la organización y el trabajo en dirección de cuadros en la actualidad. TRẦN HỮU TIẾN – La recapitulación de la práctica en las condiciones de renovación. HUỲNH VĂN THÀNH – La organización del Partido del 3er municipio se esfuerza por elevar la vida del pueblo. **Vida e ideología** ☆ NGUYÊN ĐỨC MỰU – La construcción de la casa de un « mandarín » y el escogimiento de vivienda de un cuadro. **Cartas a la Redacción** ☆ Aviso y sugerencias de los lectores. **El mundo : problemas y acontecimientos** ☆ VŨ HIỀN – Un Laos confiado. Un Laos en vía de renovación. NGUYÊN TRỌNG THỤ – A través de las elecciones en Europa Oriental. **A través de la prensa y los libros del extranjero** ☆ Democracia socialista y auto-gestión del pueblo.

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

7 - 1990
NAM THỨ XXXVI (415)

NGUYỄN VĂN LINH – Hãy xứng đáng là lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng 1

TRẦN TRỌNG HỰU – Đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa quan liêu 8

VĂN TƯ – Mấy suy nghĩ về ngân hàng và nền kinh tế hàng hóa 13

Chủ nghĩa xã hội: nhìn lại và đổi mới (nghiên cứu)

LÊ NHƯ BÁCH – Phân phối thu nhập quốc dân trong chặng đầu thời kỳ quá độ ở Việt nam 17

Nghiên cứu – Trao đổi

Nghiên cứu – NGUYỄN VĂN HƯỜNG – Văn hóa truyền thống trong chiến lược phát triển quốc gia 23

Trao đổi – ĐỒNG THẢO – Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nhằm góp phần tạo thêm việc làm cho người lao động 28

BÙI HIỀN – Công việc viết văn và sự trung thực 34

Ý kiến và kinh nghiệm

NGUYỄN HOÀNG THANH – Cải tiến tổ chức lưu thông tiền tệ 38

LÊ DOÃN DIÊN – Nông nghiệp và vấn đề phát triển nông thôn ở Việt nam 41

NGUYỄN ĐÌNH LUÂN – Mấy ý kiến về phương thức củng cố làm trưởng quốc doanh 48

ĐÀO VĂN TIẾN – Đổi mới hoạt động các ngành sinh học 54

VÕ TỬ THÀNH – Mấy vấn đề về công tác tổ chức và cán bộ hiện nay 59

TRẦN HỮU TIẾN – Công tác tổng kết thực tiễn trong điều kiện đổi mới 63

HUỲNH VĂN THÀNH – Đảng bộ quận 3 phấn đấu nâng cao đời sống nhân dân 69

Sinh hoạt và tư tưởng

NGUYỄN ĐỨC MƯU – Việc xây nhà của một ông quan và việc chọn nhà ở của một cán bộ 72

Thư gửi Bộ biên tập

Bạn đọc nhận định và góp ý với Tạp chí 75

Thế giới: vấn đề, sự kiện

VŨ HIỀN – Một nước Lào tự tin. Một nước Lào đang đổi mới 77

NGUYỄN TRỌNG THỤ – Qua các cuộc bầu cử ở Đông Âu 81

Qua sách báo nước ngoài

Dân chủ xã hội chủ nghĩa và tự quản của nhân dân 86

Trụ sở Bộ biên tập:
1. Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói: 52061 – 52062
Trụ sở cơ quan thường trú ở miền Nam:
19. Phạm Ngọc Thạch – Q. 3. T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 – 22010

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN
Chỉ số : 12651 ISSN 0866 - 7276

Digitized by Google

Giá : 8000đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

UNIV. OF MICH.
OCT 16 1991
CURRENT SERIALS

8
1990

Digitized by Google

Digitized by Google

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Cơ quan lý luận và chính trị của
Trung ương Đảng cộng sản Việt nam

Nhân kỷ niệm lần thứ 45 Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9

TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

MỘT khi cách mạng thành công, nhiệm vụ cấp bách hàng đầu là thiết lập nhà nước. Tính chất và nhiệm vụ của nhà nước do tính chất và nhiệm vụ của cách mạng quyết định. Nhà nước ta được thiết lập sau Cách mạng Tháng Tám 1945 là **nhà nước của dân, vì dân, do dân,** *lấy liên minh công nông và trí thức làm nền tảng dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam.*

Sau thắng lợi mùa xuân 1975, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới. Thực hiện đường lối của Đảng, nhà nước xã hội chủ nghĩa thống nhất trong cả nước được thiết lập.

Trong những hình thái kinh tế — xã hội khác nhau, tính chất giai cấp của nhà nước khác nhau, nhưng đã là nhà nước, thì bất cứ nhà nước nào cũng phải làm chức năng quản lý đất nước. Quản lý đất nước là lý do tồn tại của nhà nước.

Digitized by Google

Ở nước ta, không kể những năm chiến tranh, chức năng quản lý của nhà nước không được xác định rõ ràng. Tình trạng yếu kém trong công việc quản lý của nhà nước ta là do nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân bao trùm là do chúng ta thiếu những nhận thức lý luận đúng và đầy đủ về chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, về hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong chủ nghĩa xã hội : chúng ta đã không vận dụng đúng đắn quy luật về mối quan hệ giữa cơ sở kinh tế và cấu trúc thượng tầng chính trị. Tình trạng không phân biệt giữa chức năng lãnh đạo của đảng và chức năng quản lý của nhà nước kéo dài dẫn đến hiện tượng phổ biến là các cơ quan đảng bao biện làm thay các công việc của các cơ quan nhà nước, tạo nên sự thụ động, ỷ lại của các cơ quan nhà nước và thực tế là hạ thấp cả vai trò lãnh đạo của đảng và vai trò quản lý của nhà nước. Tình trạng này hiện nay tuy có phần giảm bớt, nhưng vẫn cần lưu ý để giải quyết tốt hơn, trước hết về cơ chế, thể chế và phương pháp điều hành.

Về nhận thức và hành động, cần khẳng định dứt khoát công việc quản lý đất nước là của nhà nước ; chỉ có nhà nước mới có chức năng quản lý. Đảng lãnh đạo nhà nước bằng đường lối, bằng kiểm tra thực hiện đường lối đó, bằng giới thiệu cán bộ có năng lực tham gia công việc quản lý của nhà nước, chứ không làm thay chức năng quản lý của nhà nước.

Công việc quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là một khoa học, vừa là một nghệ thuật. Nó là một công việc rất mới mẻ, phải trải qua thử nghiệm, làm đi làm lại nhiều lần mới hy vọng tìm ra được phương án quản lý có hiệu quả, cách thức quản lý tốt. Quản lý là phải tác động đến xã hội và đem lại hiệu quả mong muốn. Quản lý biểu hiện khả năng của nhà nước trong việc tổ chức và điều chỉnh có ý thức đời sống xã hội, đặt mỗi người trong mối quan hệ với sản xuất và với những người khác, tạo ra và xây dựng các mối quan hệ qua lại giữa người với người hoạt động theo một mục đích nhất định. Quyền lực mà nhân dân giao phó cho nhà nước, cho cán bộ và nhân viên nhà nước, là để quản lý xã hội, quản lý đất nước, đem lại lợi ích cho mỗi người lao động, mọi người dân, tuyệt đối không được sử dụng để phục vụ cho lợi ích cục bộ hay lợi ích cá nhân. Phương tiện quan trọng nhất trong quản lý, là quyền lực. Quyền lực của nhà nước biểu hiện tập trung ở các hệ thống pháp luật. Chỉ khi các hệ thống pháp luật này được thực hiện trong cuộc sống thì mới có quản lý. Cuộc sống luôn luôn nảy sinh những vấn đề mới, những mâu thuẫn mới ; chúng cần được giải quyết đúng đắn, kịp thời theo hướng xã hội chủ nghĩa. Cho nên, quản lý là công việc không lúc nào được buông lỏng hay ngừng trệ.

Quản lý của nhà nước với nội dung như trên, rõ ràng là khác với sự lãnh đạo của đảng. Song vì sao đến nay vẫn còn hiện tượng các cơ quan đảng « bao biện » làm thay công việc của các cơ quan nhà nước ? Điều này không phải chỉ do hiểu sai hoặc lẫn lộn hai khái niệm lãnh đạo và quản lý, mà còn do chưa phân biệt rõ phạm vi quyền lãnh đạo của đảng với phạm vi quyền lực của nhà nước do nhân dân giao phó ; hơn nữa, còn do hoàn cảnh đặc thù của nước ta : chiến tranh kéo dài mấy chục năm liền dường như đã tạo nên một thói quen là lãnh đạo của đảng bao trùm và thay thế nhiều công việc quản lý của nhà nước, các tổ chức đảng có phần lấn át các tổ chức chính quyền, xã hội được tổ chức và điều chỉnh chủ yếu không phải bằng các luật pháp của nhà nước mà bằng các chủ trương, chính sách, chỉ thị và nghị quyết của đảng. Vì thế việc, phân định rõ

Digitized by Google

ràng và tách biệt trong hoạt động thực tế chức năng lãnh đạo của đảng và chức năng quản lý của nhà nước, là yêu cầu hàng đầu để công việc quản lý đất nước thật sự đi vào quỹ đạo của nó.

★

Nhà nước quản lý bằng pháp luật. Pháp luật của nhà nước là những tiêu chuẩn, khuôn mẫu thống nhất để mọi người, mọi tổ chức dựa vào đó hành động, điều tiết hoạt động của mình. Trong hoạt động kinh tế, tuy những biện pháp kinh tế và hành chính là rất quan trọng, nhưng vẫn cần phải có một hệ thống pháp luật về kinh tế; và ngay cả việc thực hiện các biện pháp kinh tế và hành chính cũng vẫn phải dựa vào các hình thức pháp lý. Cơ chế kinh tế nhiều thành phần trong chế độ xã hội chủ nghĩa không thể tồn tại và phát triển nếu thiếu pháp luật và không được tổ chức, điều chỉnh theo pháp luật. Pháp luật đóng vai trò không gì thay thế được là làm cho các thành phần kinh tế vừa kết hợp với nhau, vừa đua tranh với nhau trong sự vận động, phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa. Pháp luật được coi là chất kết dính trong tổng thể các bộ phận, các yếu tố của cơ chế kinh tế.

Nhìn vào thực trạng hoạt động của nền kinh tế nhiều thành phần và đời sống xã hội ở nước ta hiện nay, một vấn đề nổi lên là việc quản lý theo pháp luật của nhà nước còn nhiều yếu kém và hạn chế. Ở đây, cần chú ý cả hai mặt. **Một mặt**, *việc xây dựng pháp luật tuy gần đây có tiến bộ, nhưng nhìn chung vẫn còn chậm, không ít lĩnh vực hoạt động của xã hội chưa có pháp luật, một số chính sách quan trọng của Đảng chưa được thể chế hóa thành pháp luật, cán bộ làm luật thông thạo không phải là nhiều. Điều khó khăn nhất trong việc làm luật hiện nay là tình hình kinh tế, xã hội còn diễn biến phức tạp, chưa ổn định; vậy mà mỗi đạo luật được ban hành vẫn phải bảo đảm có tính hiện thực và tính khoa học ở mức độ nhất định thì mới có thể trở thành công cụ để nhà nước tác động tới cuộc sống. Muốn tăng nhịp độ làm luật, điều cơ bản là phải đổi mới công tác lập pháp.*

Mặt khác, *và đây là điều rất quan trọng, cần phải chấm dứt tình trạng luật pháp đã có bị vi phạm hoặc không được thi hành nghiêm chỉnh. Tình trạng này phổ biến ở mọi nơi; nhiều nơi kéo dài nghiêm trọng. Đáng chú ý là việc vi phạm pháp luật trong các cơ quan nhà nước (dưới nhiều hình thức: cá nhân, tập thể, tổ chức trên, dưới, cơ quan này với cơ quan kia...) và sự thông đồng móc ngoặc giữa trong và ngoài cơ quan nhà nước, có chiều hướng ngày càng tăng. Trong tình hình như vậy, việc xử lý ở nhiều nơi lại không nghiêm, không kịp thời, có những vụ việc vi phạm bị bỏ qua, không xử lý. Chúng ta đều biết rằng, có pháp luật mà không thi hành, có vi phạm mà không xử lý, thì pháp luật sẽ trở thành vô nghĩa, và ý chí của nhà nước do pháp luật biểu hiện, trở thành trống rỗng: người ta sẽ nhờn với pháp luật, xã hội sẽ trở lên lộn xộn, vô chính phủ, kẻ địch và những phần tử xấu chắc chắn sẽ lợi dụng ngay cơ hội ấy để thực hiện mưu đồ của chúng.*

Digitized by Google

Đối với các cơ quan nhà nước, quản lý theo pháp luật không phải là công việc đơn giản, dễ làm, và thực tế chưa phải là công việc đã quen thuộc, thông thạo. Để việc quản lý theo pháp luật của nhà nước đi vào cuộc sống, cần chú ý mấy vấn đề sau:

— Bản thân các cơ quan nhà nước phải nghiêm chỉnh tuân theo pháp luật biết sử dụng công cụ pháp luật và hướng dẫn mọi người tuân thủ pháp luật. Ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm khắc mọi hành vi vi phạm pháp luật — bất kể là của ai; chống mọi bao che đối với hành vi phạm pháp.

— Nâng cao trình độ hiểu biết và vận dụng pháp luật; có sự kiểm tra về mặt này đối với cán bộ và nhân viên nhà nước, nhất là ở các ngành có hoạt động kinh tế—xã hội phức tạp, liên quan nhiều đến lợi ích vật chất. Đồng thời, có những hình thức và nội dung tuyên truyền giáo dục về pháp luật thích hợp với từng đối tượng trong dân cư để mọi người có những hiểu biết cần thiết về pháp luật, làm điều kiện cho họ tiếp nhận và tham gia công việc quản lý của nhà nước.

— Mỗi cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời có sự phối hợp với các cơ quan có liên quan, tạo nên tác động đồng bộ và sức mạnh tổng hợp trong công tác quản lý, nhằm đạt được những yêu cầu chung của xã hội. Những tư tưởng và cách làm tùy tiện, cục bộ, địa phương chủ nghĩa, tự ý đặt ra luật lệ riêng, đã và đang gây tác hại lớn đến tính thống nhất của pháp chế xã hội chủ nghĩa nước ta.

— Biết sử dụng và phát huy biện pháp quản lý theo pháp luật trong mối quan hệ với các biện pháp quản lý khác: hành chính, kinh tế, tư tưởng, tâm lý xã hội. Phải làm sao cho biện pháp quản lý theo pháp luật trở thành biện pháp chủ đạo xuyên suốt quá trình quản lý; đồng thời, phát huy tác dụng của các biện pháp quản lý khác, tạo nên tác động nhiều mặt, nhịp nhàng của quản lý. Việc chú trọng tổng kết công tác quản lý, rút ra kinh nghiệm cần thiết để nâng cao kiến thức quản lý về mọi mặt, có tác dụng thiết thực đáp ứng yêu cầu nói trên.

★

Phải cải cách bản thân bộ máy nhà nước một cách tích cực hơn nữa, dựa trên một phương án có những luận chứng khoa học và thực tiễn đầy đủ. Việc cải cách phải thật sự xuất phát từ những yêu cầu khách quan của cuộc sống, của sự phát triển kinh tế — xã hội, của sự vận dụng các quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ, và của cả những nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa ở nước ta; chứ không phải xuất phát từ những suy nghĩ, mong muốn chủ quan. Đồng thời, cần quan tâm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình cải cách, để những cái được đổi mới sớm phát huy tác dụng. Vừa qua, việc sắp xếp, chấn chỉnh một số cơ quan nhà nước nhằm tiến tới xây dựng một bộ máy gọn nhẹ và có hiệu lực, mới chỉ là một trong nhiều công việc phải làm trong thời gian tới. Mỗi việc làm như vậy đều cần rút kinh nghiệm cho việc làm sau.

Digitized by Google

Để tiếp tục nâng cao chất lượng bộ máy nhà nước, theo chúng tôi cần tập trung giải quyết mấy việc sau :

1 – Kiên quyết làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và nhân viên các cơ quan nhà nước. Hiện nay có một tình hình đáng lo ngại là số cán bộ, nhân viên nhà nước vi phạm pháp luật chiếm một tỷ lệ cao và ngày càng tăng. Vì mục đích vụ lợi, những người này đã phạm các tội như tham ô, hối lộ, vơ vét tài sản của nhà nước và người khác ; một số người đã bỏ nhiệm vụ, chạy trốn. Ở đây, cần thấy cả tinh thần vô trách nhiệm lẫn sự yếu kém của những người quản lý họ.

Cần thấy rằng cùng với bệnh quan liêu và bệnh phô trương hình thức đã bám rễ trong nhiều người và gây tác hại không nhỏ, tệ tham nhũng diễn ra ngày càng nặng, đã xâm phạm nghiêm trọng tài sản của nhà nước và của công dân, gây nên sự bất bình và căm phẫn chính đáng trong các tầng lớp xã hội, làm giảm rất lớn uy tín của các cơ quan nhà nước. Đấu tranh chống các tệ hại nói trên là công việc khó khăn, phức tạp và lâu dài. Song về mặt tổ chức và cán bộ, cần chấn chỉnh, rà soát lại chặt chẽ đội ngũ cán bộ, nhân viên ; kiên quyết xử lý những người vi phạm pháp luật, thay thế họ bằng những người tin cậy, đảm đương được công việc ; dứt khoát không để những người không còn đủ tư cách quản lý làm việc trong các cơ quan nhà nước, nhất là trong các cơ quan có liên quan nhiều đến của cải, tài sản của nhà nước. Đồng thời, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo lại cán bộ, nhân viên nhà nước, nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của công tác quản lý.

2 – Nâng cao vai trò quản lý của Quốc hội và của Hội đồng bộ trưởng. Bộ máy nhà nước có quản lý công việc của đất nước theo pháp luật hay không, điều đó phụ thuộc rất lớn vào vai trò của Quốc hội và của Hội đồng bộ trưởng. Chỉ có Quốc hội và Hội đồng bộ trưởng mới có tầm quản lý vĩ mô. Song về mặt này, rõ ràng là có tình trạng buông lỏng nhiều việc, đặc biệt là đối với nền kinh tế đang chuyển thành nền kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa nhiều thành phần và đối với lĩnh vực văn hóa, tư tưởng. Về quản lý vĩ mô, chúng ta cũng còn nhiều sơ hở và lúng túng.

Thời gian qua, Quốc hội đã có phần thúc đẩy công tác lập pháp và tăng cường công tác giám sát hoạt động của Hội đồng bộ trưởng. Song nhìn chung, Quốc hội ta chưa thật sự là một quốc hội hành động, có đủ điều kiện về các mặt để bàn bạc và quyết định những việc lớn của đất nước, đáp ứng những yêu cầu vừa cấp thiết, vừa đòi hỏi trình độ về nhiều mặt của công tác lập pháp và công tác giám sát. Điều đó càng rõ nét trong tình hình đang đòi hỏi phát huy vai trò của Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước, người đại diện cao nhất quyền làm chủ của nhân dân. Vì thế, cần tiếp tục cải tiến hoạt động của Quốc hội về các mặt cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn đại biểu, nội dung và phương thức làm việc.

Hội đồng bộ trưởng với tư cách là cơ quan điều hành cao nhất, tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng hiệu lực quản lý còn thấp. Lúc này, cần đề ra và thực hiện các biện pháp có hiệu quả chống những hiện tượng tiêu cực nổi cộm trong các cơ quan nhà nước, như : tham nhũng, quan liêu, phô trương hình thức gây lãng phí lớn, buôn lậu, tùy tiện cấp giấy phép nhập khẩu ; đồng thời, xử lý kịp thời và nghiêm khắc những hành động vi phạm pháp luật, chế độ quy định của

Digitized by Google

nhà nước trong các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương. Trong tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội đang có những đổi mới, đồng thời có những diễn biến phức tạp, cần chú trọng tổng kết công tác quản lý của mình về các mặt, kịp thời uốn nắn những lệch lạc, chỉ ra phương hướng, mục tiêu, cách thức quản lý đúng đắn, rút ra những kinh nghiệm bổ ích cho việc nâng cao kiến thức quản lý.

3 — Bảo đảm và thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý để vừa không tập trung quan liêu, mất dân chủ, vừa không dân chủ quá trớn, buông lỏng tập trung. Đó là công việc rất khó khăn, khi thực hiện dễ bị lệch sang phía này hoặc sang phía kia. Điều khó khăn nhất là làm sao xác định thỏa đáng « liều lượng » giữa tập trung và dân chủ nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan và chủ quan của công tác quản lý trong từng thời kỳ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước; phân biệt chức năng quản lý nhà nước và chức năng quản lý chuyên môn của từng ngành, phân biệt quản lý hành chính và quản lý kinh doanh, v.v. đồng thời lập được các « hàng rào » che chắn, ngăn chặn lệch lạc về cả các phía. Nội dung và sự vận dụng nguyên tắc này có thể khác nhau tùy theo trình độ tiến bộ của xã hội về các mặt và trình độ quản lý của bộ máy nhà nước. Ngoài việc phê phán quan điểm cực đoan sai lầm muốn phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ, cần nghiên cứu làm sáng tỏ những nhận thức mới về nguyên tắc tập trung dân chủ trong điều kiện nhìn lại và đổi mới chủ nghĩa xã hội. Trong thực tế, muốn vận dụng đúng nguyên tắc này, còn cần giải quyết tốt việc phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương, thực hiện một sự phân cấp, phân quyền hợp lý hơn, bảo đảm tính tự chủ, năng động sáng tạo của địa phương và sự tập trung cần thiết của trung ương.

★

Quản lý công việc của đất nước trong tình hình hiện nay đã khó khăn lại có nhiều điều mới mẻ. Bộ máy nhà nước ta từ Quốc hội, chính phủ cho đến các bộ các ngành, các ủy ban nhân dân các cấp theo đường lối đổi mới của Đại hội VI của Đảng, cần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, cố gắng nâng cao vai trò quản lý của mình, góp phần đưa đất nước đi vào thế ổn định về các mặt, tạo bước tiến mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Digitized by Google

Đổi mới công tác vận động quần chúng

VŨ OANH
Bí thư BCHTƯ Đảng

1 – Đổi mới công tác vận động quần chúng đang là **đòi hỏi khách quan và bức thiết**, bởi vì:

– Sau khi giành được độc lập và thống nhất Tổ quốc, Đảng ta lãnh đạo chính quyền đã không khắc phục được tình trạng quan liêu, xa rời quần chúng. Một số cán bộ, đảng viên chỉ thấy sức mạnh của quyền lực, không thấy sức mạnh của nhân dân, lại sa vào vũng bùn đặc quyền đặc lợi, tham nhũng, hối lộ, thoái hóa biến chất. Trong lãnh đạo kinh tế – xã hội, Đảng đã mắc một số sai lầm, khuyết điểm, dẫn đến kinh tế suy thoái, lòng dân không yên. Để khắc phục tình trạng đó, Đảng ta đã và đang lãnh đạo tiến hành công cuộc đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI. Chúng ta đã thu được kết quả bước đầu quan trọng về nhiều mặt, nhưng vẫn chưa thoát ra khỏi những khó khăn kinh tế – xã hội: sản phẩm ứ đọng, thiếu hụt ngân sách, người lao động thiếu việc làm, đời sống khó khăn, tệ nạn xã hội phát triển, chưa thực hiện tốt dân chủ và công bằng xã hội. Công cuộc đổi mới còn nhiều khó khăn, đòi hỏi Đảng phải dày công tìm tòi sáng tạo, phát huy sức mạnh làm chủ của quần chúng, tập hợp được tài năng trí tuệ, động viên được tiềm năng vật chất của toàn dân, thì mới giành được thắng lợi.

– Công tác vận động quần chúng hiện nay nếu chỉ dừng lại ở những kinh nghiệm cũ thì không có hiệu quả. Bởi vậy Đảng phải chủ động đổi mới sự lãnh đạo, tổ chức và tập hợp quần chúng, đổi mới cả nội dung và phương pháp vận động quần chúng, phù hợp với nhiệm vụ cách mạng mới và trình độ ngày càng cao của mọi tầng lớp nhân dân.

– Tình hình quốc tế diễn biến phức tạp đã tác động vào nước ta, làm nảy sinh trong nhân dân tâm trạng lo lắng, băn khoăn, hoài nghi về tiền đồ của đất nước và của chế độ xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa đế quốc câu kết với các thế lực phản động khác (cả trong và ngoài nước) đang ráo riết hoạt động, mở chiến dịch phản kích điên cuồng vào chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực nhằm kích động, lôi kéo quần chúng, chia rẽ nội bộ đảng, loại trừ sự lãnh đạo của đảng cộng sản, lật đổ chính quyền công nông, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa. Đứng trước tình hình đó, Đảng phải sáng suốt, tỉnh táo; một mặt tiếp tục phát huy bản chất tốt đẹp của mình; mặt khác kiên quyết sửa chữa sai lầm khuyết điểm,

Digitized by Google

kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc mà nhân dân đang đòi hỏi, vạch trần bản chất xấu xa của chủ nghĩa đế quốc, làm thất bại mọi âm mưu thâm độc của chúng.

2 – Đổi mới công tác vận động quần chúng là đổi mới về đường lối tổ chức và phương pháp vận động quần chúng. Vì vậy quá trình đổi mới công tác vận động quần chúng là một quá trình khoa học, có định hướng chủ động, có lựa chọn cân nhắc thận trọng. Quá trình ấy đòi hỏi phải giữ vững các quan điểm cơ bản:

– Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân. Đảng phải chủ động phát huy mọi khả năng to lớn của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh của cộng đồng dân tộc, phấn đấu xây dựng nước Việt nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước phải nhằm thực hiện và bảo đảm bằng được quyền làm chủ của nhân dân; động viên, dẫn dắt nhân dân để nhân dân coi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng Đảng và Nhà nước vững mạnh là sự nghiệp của chính mình.

– Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng chính là đáp ứng những lợi ích thiết thực của nhân dân, kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi và nghĩa vụ công dân. Công tác vận động quần chúng trong giai đoạn mới chính là quan tâm tới lợi ích toàn diện của mỗi con người, từ đó mà lôi cuốn các thành viên của xã hội vào tất cả các hoạt động tư tưởng, chính trị, đạo đức, kinh tế, xã hội... với ý thức tự giác cao nhất, với hành động khoa học và dũng cảm nhất.

– Công tác vận động quần chúng trong giai đoạn mới phải làm cho mỗi người dân phát huy hết tính năng động xã hội chính trị của mình. Vì thế, các hình thức tập hợp quần chúng phải phong phú, đa dạng, đáp ứng đúng nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời sống của nhân dân, hướng các hoạt động của nhân dân theo hướng ích nước, lợi nhà, tương thân, tương ái. Các tổ chức quần chúng phải được tổ chức trên nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải về tài chính. Các đoàn thể chính trị – xã hội phải chủ động xây dựng và tham gia với vai trò nòng cốt, tích cực.

– Công tác vận động quần chúng không chỉ là trách nhiệm của các đoàn thể mà còn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước đều phải làm công tác vận động quần chúng theo chức trách của mình.

3 – Trên nền tảng nhận thức đó, công tác vận động quần chúng cần được đổi mới theo các phương hướng sau đây:

– **Tích cực đổi mới về tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức quần chúng.** Đảng ta luôn xác định Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò to lớn trong việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, nhưng lâu nay vai trò này bị mờ nhạt. Các đoàn thể sa vào quan liêu, hành chính hóa, hoạt động không gắn với lợi ích của đoàn viên, hội viên. Các cấp ủy đảng hoặc buông lỏng lãnh đạo, hoặc mệnh lệnh áp đặt đối với các đoàn thể, có quan điểm hẹp hòi, thiếu linh hoạt trong tổ chức tập hợp quần chúng...

Các tổ chức đảng và nhà nước cần nâng cao trách nhiệm, phát huy đúng vai trò, chức năng của các tổ chức quần chúng; mặt khác, tự thân các tổ chức quần chúng phải ra sức đổi

Digitized by Google

mới về tổ chức và hoạt động, khẳng định trong thực tế chức năng và vai trò của mình trong sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp đổi mới.

Ở cơ sở, Mặt trận, Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội nông dân, Hội phụ nữ, tùy theo hoàn cảnh có thể thu hút quần chúng bằng các hình thức như : tổ, nhóm, câu lạc bộ, quỹ... và hoạt động theo từng nội dung chuyên đề thích hợp, bao gồm cả người trong và ngoài đoàn thể tự nguyện tham gia.

Ngoài các đoàn thể chính trị theo nhu cầu của quần chúng, chúng ta khuyến khích và tạo điều kiện phát triển rộng rãi các tổ chức quần chúng khác mang tính nghề nghiệp, hữu nghị, nhân dạo, nhưng các tổ chức đó phải hoạt động theo điều lệ, theo luật pháp, chịu sự quản lý của nhà nước. Phải nghiêm cấm những tổ chức lập ra không chính thức, hoạt động «chui», hoạt động sai điều lệ.

Mặt trận và các đoàn thể cần khắc phục tình trạng chỉ chú ý tới các hoạt động quốc tế và các hoạt động ở cấp trung ương, còn ở địa phương và đặc biệt là ở cơ sở thì rời rạc, im lìm. Cơ sở phải chủ động xây dựng chương trình công tác, không thụ động chờ chỉ thị văn bản của cấp trên. Cấp trên có kế hoạch thiết thực giúp đỡ các cơ sở phấn đấu vững mạnh, thu hẹp diện yếu kém. Để đáp ứng nguyên tắc tự quản, tự trang trải về tài chính, các đoàn thể phải tháo gỡ hai vấn đề quan trọng là cán bộ và kinh phí. Cán bộ phải là người ưu tú trong phong trào, có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín với quần chúng, có trình độ chính trị, chuyên môn và biết vận động quần chúng. Tổ chức đảng lãnh đạo công tác nhân sự theo phương thức dân chủ, nghĩa là coi trọng, tìm hiểu chu đáo người mà quần chúng tín nhiệm, nếu thấy đủ tiêu chuẩn thì giới thiệu để quần chúng xem xét và dân chủ bầu cử lựa chọn. Mọi sự ép buộc, áp đặt về cán bộ sẽ gây hậu quả xấu về lòng tin, về xây dựng tổ chức và thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Cần sắp xếp và tinh giản bộ máy cán bộ chuyên trách đoàn thể, khuyến khích họ đi cơ sở và về công tác hẳn ở cơ sở. Tăng cường sử dụng cán bộ không chuyên trách và cộng tác viên. Có chế độ, chính sách thỏa đáng, để cán bộ có đủ điều kiện hoạt động và yên tâm công tác.

Quỹ hoạt động thì ngoài phần ngân sách cấp, các đoàn thể cần tổ chức xây dựng quỹ bằng sự đóng góp của đoàn viên và bằng việc tổ chức sản xuất, kinh doanh theo luật định. Tiến tới tự chủ về ngân sách hoạt động.

— Đổi mới và tăng cường công tác quần chúng của cơ quan chính quyền. Sau khi có chính quyền, sức mạnh của nhân dân còn là sức mạnh của chính quyền do nhân dân lập ra. Và tất yếu chính quyền phải có trách nhiệm đối với công tác quần chúng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám BCHTU Đảng (khóa VI) đã nêu nhiều việc làm cần thiết để tăng cường công tác quần chúng của cơ quan nhà nước.

Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chế độ chính sách về các quyền và nghĩa vụ công dân. Pháp luật thể hiện đường lối, chính sách của Đảng và ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Các dự án luật phải được nhân dân tham gia xây dựng. Từ các văn bản pháp quy của nhà nước và tùy vào hoàn cảnh cụ thể, cần vận động nhân dân xây dựng và thực hiện các quy chế, quy ước ở từng cơ sở về những vấn đề có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của nhân dân như tuyển dụng, sa thải, kỷ luật lao động, bảo vệ của công, tuyển quân, tuyển sinh, nâng bậc lương, phân phối nhà ở, tài chính công khai, sử dụng quỹ phúc lợi...

Bộ máy chính quyền ở cơ sở là nơi tiếp xúc hằng ngày với dân, do đó

Digitized by Google

cần có quy định cụ thể về trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, nhân viên chính quyền. Chú trọng bồi dưỡng họ về kiến thức hành chính nghiệp vụ và công tác vận động quần chúng. Chính quyền các cấp phải làm tốt công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời, đúng đắn các đơn, thư khiếu tố của nhân dân. Các đại biểu dân cử phải có trách nhiệm với cử tri; tuyên truyền, giải thích đường lối chính sách, pháp luật của nhà nước; lắng nghe, tiếp thu ý kiến của họ; phản ảnh ý kiến đó đến cơ quan nhà nước và thúc đẩy việc giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của nhân dân.

Việc phối hợp giữa cơ quan chính quyền các cấp với Mặt trận và các đoàn thể có ý nghĩa quan trọng nhiều mặt, bảo đảm cho các đoàn thể có điều kiện hoạt động.

Cần xây dựng quy chế phối hợp hành động giữa cơ quan chính quyền với các đoàn thể cùng cấp. Cơ quan chính quyền phải thực hiện chế độ định kỳ báo cáo công việc của mình trước nhân dân, nhất là việc tiếp thu ý kiến phê bình của nhân dân.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật phải làm đúng theo pháp luật, chống tùy tiện, thiếu công minh, nể nang, ăn hối lộ.

— Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động quần chúng. Điều quan tâm hàng đầu trong đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng là việc nghiên cứu và ban hành các chính sách kinh tế xã hội đúng. Chính sách đúng là chính sách phù hợp với đường lối phát triển kinh tế xã hội của Đảng, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, trước nhất là nguyện vọng về dân sinh, dân chủ, dân trí. Để có chính sách đúng, các cấp lãnh đạo từ trung ương đến cơ sở phải nắm vững đường lối chung, khảo sát, điều tra thực tế và tranh thủ ý kiến của mọi tầng lớp dân cư ở mọi địa bàn, tận dụng trí tuệ của các chuyên gia giỏi và của những người lăn lộn trong thực tiễn. Khi đã thấy rõ chính sách sai phải kiên quyết sửa; khi thấy chính sách bị vi phạm thì kiên quyết ngăn chặn.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động quần chúng cần tập trung ở việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng với các thành viên khác trong hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo bằng đường lối chính trị, bằng chính sách cán bộ, bằng công tác kiểm tra của Đảng. Đảng không bao biện làm thay và cũng không áp đặt, can thiệp vào những công việc cụ thể của chính quyền, đoàn thể và các hội quần chúng, kiểm tra nội dung hoạt động, xem xét hiệu quả hoạt động của các tổ chức ấy là trách nhiệm của các tổ chức đảng. Các đảng đoàn và đảng viên có vai trò quan trọng trong việc giúp cấp ủy lãnh đạo các tổ chức quần chúng, vì vậy cần có quy chế và thông qua quy chế để lãnh đạo hoạt động của đảng đoàn và các đảng viên. Các cấp ủy phải phân công người trực tiếp lãnh đạo công tác quần chúng.

Chỉnh đốn đảng, xây dựng đảng vững mạnh là yêu cầu cấp bách, nhằm nâng cao uy tín của Đảng với quần chúng. Trọng tâm của nhiệm vụ này là nâng cao vai trò lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng và của đảng viên. Muốn cơ sở đảng vững mạnh, phải củng cố đội ngũ cốt cán, kiện toàn đảng ủy, chi ủy. Đối với các cơ sở yếu kém kéo dài phải chấn chỉnh bằng được. Tổ chức cơ sở đảng thường xuyên nắm chắc tình hình đời sống và tư tưởng các tầng lớp nhân dân. Nội dung sinh hoạt đảng nhất thiết phải đề cập tới tình hình quần chúng, hoạt động của các tổ chức quần chúng. Tổ chức cơ sở đảng lãnh đạo nhân dân phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao văn hóa,

Digitized by Google

giữ gìn trật tự kỷ cương, xây dựng con người mới, xây dựng và bảo vệ chính quyền của dân, do dân, xây dựng các đoàn thể của mình, tham gia xây dựng và bảo vệ đảng.

Từng thời gian, các tổ chức cơ sở đảng có nội dung và nhiệm vụ cụ thể về công tác vận động quần chúng. Đồng thời phân công, đôn đốc, kiểm tra đảng viên thực hiện công tác vận động quần chúng. Đảng viên phải nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu, gần bó với dân như lời Bác Hồ dạy: «Đảng viên đi trước, làng nước theo sau». Phải thường xuyên bồi dưỡng và nâng cao trình độ công tác quần chúng cho cán bộ, đảng viên bằng tổng kết và trao đổi học tập kinh nghiệm của những điển hình tiên tiến.

Lâu nay một bộ phận không nhỏ đảng viên tha hóa, biến chất, tiêu cực, đã làm mất uy tín của Đảng. Cần tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCHTƯ Đảng (khóa VI) và Nghị quyết 04 của Bộ chính trị, đồng thời cần tiến hành thường xuyên tự phê bình và phê bình trong mỗi cơ sở đảng. Những trường hợp tiêu cực của cán bộ có chức có quyền mà cơ sở chưa giải quyết được, cấp trên phải hỗ trợ. Cần thực hiện định kỳ chi bộ, đảng bộ lấy ý kiến quần chúng nhận xét, phê bình đảng viên và xây dựng đảng. Những đảng viên thoái hóa biến chất, ức hiếp nhân dân thì dù ở cương vị nào cũng phải đấu tranh cương quyết, xử lý nghiêm minh, Đảng viên vi phạm pháp luật phải được xử lý bằng pháp luật, không bao che, xử lý nội bộ. Đồng thời, phải biểu dương, khen thưởng những đảng viên tốt, gương mẫu. Đảng viên phải được bồi dưỡng có đủ kiến thức và năng lực đi đầu trong công cuộc đổi mới, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

Cán bộ dân vận và phong cách làm việc của cán bộ dân vận phải được đổi mới. Để làm tốt việc này cần chú trọng việc giảng dạy, huấn luyện và đào tạo cán bộ dân vận. Cán bộ dân vận phải là người trưởng thành trong thực tiễn công tác vận động quần chúng, có đức và có tài. Các cấp ủy đảng cần tăng cường lãnh đạo Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, nâng cao chất lượng đoàn viên và cán bộ đoàn, trên cơ sở ấy, nắm chắc nguồn cán bộ để đào tạo cho lâu dài. Phong cách công tác của cán bộ dân vận là sâu sát cơ sở, nhạy bén trước mọi tình hình, vững vàng trước mọi thử thách, gần gũi và biết thuyết phục nhân dân.

4 – Để xây dựng lại lòng tin của quần chúng đối với Đảng, trước mắt, Đảng phải lãnh đạo thực hiện bằng được **một số nhiệm vụ cấp bách** sau đây:

– Nhiệm vụ hàng đầu hiện nay là phát động phong trào quần chúng tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh sản xuất – kinh doanh; làm chuyển biến một bước tình hình kinh tế xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Các cấp lãnh đạo cần khai thác hết mọi tiềm năng, phát huy mọi thành phần kinh tế, động viên mọi tầng lớp nhân dân đầu tư vốn và công sức cho sản xuất. Các đơn vị kinh tế quốc doanh phải tìm phương án sản xuất kinh doanh hợp lý, mở rộng và áp dụng cơ chế khoán sản phẩm, chăm lo lợi ích người lao động, khắc phục tình trạng thiếu việc làm. Các đơn vị thuộc kinh tế tập thể và các thành phần kinh tế khác, tùy điều kiện từng vùng, từng đơn vị mà phát huy sáng kiến, mở rộng sản xuất dịch vụ, mở mang nhiều ngành nghề, tạo việc làm cho người lao động, vừa phát huy nghề truyền thống, vừa ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao có thể cạnh tranh được với thị trường thế giới. Các hợp tác xã nông nghiệp phải thực hiện tốt cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp

Digitized by Google

theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, có phát triển và bổ sung thêm. Hợp tác xã và các đơn vị kinh tế nhà nước thực hiện tốt công tác dịch vụ đầu vào, đầu ra cho các hộ nông dân. Hợp tác xã lấy hộ nông dân làm đơn vị kinh tế cơ sở, khuyến khích họ chủ động trong phân công lao động, xây dựng phương án sản xuất và tổ chức sản xuất. Cần mở rộng ngành nghề, phát triển mạnh kinh tế gia đình cả trong nông thôn, thành phố và gia đình cán bộ. Khuyến khích nhân dân làm giàu chính đáng, thu hẹp diện những gia đình nghèo túng.

Nhà nước cần bổ sung, hoàn chỉnh các chính sách khuyến khích sản xuất như chính sách trợ giá cho nông dân, chính sách thuế mà khẩn cấp là sửa đổi thuế nông nghiệp cho phù hợp với tình hình thực tế của nông dân. Nhà nước cần giải quyết kịp thời những vấn đề nóng bỏng khác như thất thu thuế, bội chi ngân sách, khan hiếm tiền mặt, điều chỉnh lãi suất ngân hàng, vốn cho sản xuất, vốn để xuất nhập khẩu, vốn để ổn định giá cả, tiêu thụ sản phẩm, ngăn ngừa những dấu hiệu lạm phát đang trở lại...

Phấn đấu giải quyết vấn đề xã hội theo phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm". Trước mắt, cần ngăn chặn tình trạng xuống cấp của các cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin khoa học; nhất là ở những vùng có khó khăn như miền núi, vùng căn cứ cách mạng cũ và nơi bị thiên tai nghiêm trọng.

Để khắc phục tình trạng phân phối không công bằng, nhà nước cần xây dựng, bổ sung các chính sách điều tiết thu nhập và phân phối; chăm sóc thiết thực đời sống người về hưu, gia đình có công với cách mạng, thương binh và gia đình liệt sĩ; giải quyết những yêu cầu chính đáng của trí thức và sinh viên, tạo điều kiện để họ phát huy tài năng, đóng góp có hiệu quả vào sự ổn định và phát triển của đất nước; sớm thực hiện cải tiến chế độ tiền lương.

– Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tiêu cực, nhất là chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước. Đây là công việc khó khăn, phải kết hợp sức mạnh của cơ quan chức năng nhà nước với sức mạnh của các đoàn thể và phong trào quần chúng. Cuộc đấu tranh cần có trọng điểm và bước đi thích hợp; trước hết, tập trung vào những ngành, những cơ quan nắm giữ tiền, hàng và những vụ tiêu cực lớn đã được phát hiện. Cần khẩn trương xét xử nghiêm minh những vụ tiêu cực đó rồi thông báo công khai cho dân biết. Phải gắn chặt cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng, nhà nước, các đoàn thể với cuộc đấu tranh ngoài xã hội, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Song song với cuộc đấu tranh này cần đẩy mạnh cuộc vận động thực hành tiết kiệm, coi đó là quốc sách; lên án và xử phạt mọi hành vi lãng phí xa hoa trong sản xuất và tiêu dùng, coi đó là một tội lỗi chứ không phải là khuyết điểm thông thường.

– Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội. Trước hết là tổ chức lấy ý kiến nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chính sách và pháp luật. Trên quy mô cả nước, trong năm 1990, tổ chức lấy ý kiến của nhân dân vào dự thảo cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ và chiến lược kinh tế–xã hội. Đây là cuộc sinh hoạt dân chủ rộng lớn, có tác dụng nhiều mặt, tập trung được trí tuệ của nhân dân giải quyết các vấn đề quốc kế dân sinh, xây dựng được sự nhất trí về chính trị trong nhân dân đối với vấn đề trọng đại của đất nước. Cần có nhiều hình thức lấy ý kiến của nhân dân tham gia vào công việc quản lý đất nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đặc biệt phải coi trọng lấy ý kiến

Digitized by Google

các nhà khoa học, các chuyên gia, các nhà hoạt động thực tiễn tham gia vào các dự án lớn, những quyết định liên quan đến quần chúng.

Cấp ủy và đảng viên cần thường xuyên tiếp xúc với nhân dân, tiếp thu ý kiến và giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống hằng ngày, hoặc phản ánh lên cấp trên và cơ quan chức năng những yêu cầu chính đáng của quần chúng. Đó là cách thiết thực thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa ở mọi cơ sở.

Thực hiện dân chủ còn được thể hiện ở quyền kiểm tra của nhân dân đối với mọi công việc của đất nước. Vì thế, cùng với việc củng cố, kiện toàn, phát huy chức năng hệ thống thanh tra nhà nước, cần thiết lập, xây dựng và phát huy tác dụng của hệ thống thanh tra nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân có thể kiểm tra xem cán bộ và bộ máy chính quyền thi hành pháp luật và các chính sách của nhà nước ra sao. Trên cơ sở đó, phát hiện, xử lý và ngăn ngừa những hành động tiêu cực của cán bộ, đảng viên và của những phần tử xấu trong nhân dân.

– Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong đảng, trong dân. Hiện nay, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cần tập trung vào những vấn đề: kiên định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Bác Hồ, Đảng ta và nhân dân ta đã chọn; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản; quán triệt và thực hiện chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đập tan mọi âm mưu và thủ đoạn chống phá nước ta của bọn đế quốc và phản động; đập tan mọi mưu đồ và hành động chia rẽ nội bộ Đảng ta, nội bộ nhân dân ta, muốn xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và đạo đức cách mạng: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của Bác Hồ; xây dựng con người mới, nếp sống mới xã hội chủ nghĩa. Chống lối sống thực dụng và các tệ nạn xã hội. Coi trọng tuyên truyền, thông tin đúng đắn, kịp thời. Các phương tiện thông tin đại chúng có vai trò, trách nhiệm lớn trong việc phản ánh chính xác tình hình đất nước ta và tình hình thế giới, hướng dẫn đúng đắn dư luận xã hội. Cần tổ chức để các tầng lớp nhân dân được phát biểu ý kiến, phê bình, kiến nghị, nêu sáng kiến trên các phương tiện thông tin đại chúng. Hướng dẫn nhân dân đấu tranh chống lại những quan điểm lệch lạc, sai trái nhằm phá hoại sự nghiệp cách mạng.

– Cần nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa mà tích cực chăm lo xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Lực lượng vũ trang cần phát huy truyền thống tốt đẹp của mối quan hệ quân – dân; vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, tích cực giúp đỡ nhân dân trong sản xuất và đời sống.

Digitized by Google

Kiểm sát nhân dân trong sự nghiệp đổi mới

TRẦN QUYẾT *

Từ sau Đại hội VI của Đảng tới nay, ngành kiểm sát đã có những chuyển biến đáng kể trong hoạt động kiểm sát; Tập trung phục vụ ba chương trình kinh tế lớn; trong đó chú trọng kiểm sát việc tuân thủ pháp luật trong các đơn vị kinh tế trọng điểm hoặc có nhiều vấn đề mắc mứu và kiểm sát việc giải quyết các tội phạm kinh tế. Hiện nay toàn ngành đang tập trung kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, quản lý thị trường, thuế công thương nghiệp, một khâu quan trọng của ngân sách nhà nước, từ đấy đã phát hiện ra được những thiếu sót, sơ hở về quản lý hành chính trong sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức tập thể và tư nhân. Về phương thức hoạt động, ngành kiểm sát đã chú ý chọn trọng tâm trọng điểm, coi trọng hiệu quả, tránh tràn lan.

Tuy nhiên, so với chức năng, nhiệm vụ mà hiến pháp quy định thì hoạt động kiểm sát cho đến nay vẫn chưa phát huy được mạnh mẽ tác dụng trong việc góp phần làm cho kỷ cương, pháp luật được thực hiện có nền nếp. Bản thân ngành kiểm sát phải nỗ lực hơn nữa, vận dụng đồng bộ các phương thức kiểm sát, chú ý đi vào những ngành kinh tế quan trọng đang có nhiều vụ việc vi phạm pháp luật, tích cực, chủ động góp phần cùng các ngành kinh tế tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp các ngành hoạt động đúng pháp luật, đấu tranh chống lợi dụng sự năng động, đổi mới để gây thiệt hại cho nhà nước và nhân dân. Về phương thức hoạt động, cần chú ý làm nhanh, gọn, dứt điểm từng vụ, việc. Tăng cường công tác tổng hợp, nghiên cứu, phân tích tìm nguyên nhân, điều kiện của vi phạm, tội phạm để có biện pháp phòng ngừa trên một phạm vi rộng và cơ bản hơn. Công tác lập pháp, lập quy của nhà nước hiện nay đang trở nên cấp thiết, ngành kiểm sát phải tăng cường công tác kiểm sát văn bản pháp quy do các ngành và chính quyền địa phương ban hành để bảo đảm sự nhất quán từ trên xuống dưới, đồng thời tích cực góp phần vào việc xây dựng pháp luật ở cấp trung ương.

Để làm tốt các việc trên, ngành kiểm sát phải tự đổi mới trên cả ba mặt: tư duy, phương thức hoạt động, xây dựng đội ngũ cán bộ và phải xoay quanh mấy vấn đề then chốt sau đây:

* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Digitized by Google

1 — Nhận thức rõ yêu cầu pháp chế thống nhất và vị trí, trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong việc bảo vệ pháp chế.

Hiến pháp đã ghi rõ trách nhiệm của kiểm sát là bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Bảo vệ pháp chế thống nhất là một đòi hỏi khách quan xuất phát từ tính chất và mục đích của nhà nước xã hội chủ nghĩa, bảo đảm cho nguyên tắc tập trung dân chủ, một nguyên tắc đặc thù về tổ chức và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa, được thực hiện nghiêm chỉnh. Tình trạng tự do vô chính phủ, bệnh cục bộ địa phương hiện đang là một cản trở lớn cho việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

Phải tăng cường kiểm tra, kiểm sát, đó là yêu cầu không thể thiếu của hoạt động quản lý nhà nước, nhất là nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Trước đây trong chiến tranh, Đảng và Nhà nước ta đã tăng cường và củng cố tổ chức thanh tra, sớm khôi phục lại cơ quan thanh tra của Chính phủ song song với hoạt động kiểm sát. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, các hoạt động thanh tra, kiểm sát lại càng cần phải được chú ý hơn. Khuynh hướng muốn hạn chế hoạt động thanh tra, kiểm sát là hoàn toàn trái với những điều mà các nghị quyết của Trung ương đã khẳng định. Phải tăng cường công tác kiểm tra. Lời vì lãnh đạo mà buông lỏng kiểm tra thì cũng như không có lãnh đạo.

Đi đôi với việc tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm sát, cần tổ chức hệ thống viện kiểm sát theo nguyên tắc tập trung, thống nhất trong ngành. Có như vậy mới bảo đảm cho các viện kiểm sát địa phương hoàn thành tốt trách nhiệm của mình, bảo vệ được pháp chế thống nhất.

2 — Sự lãnh đạo của Đảng đối với viện kiểm sát các cấp là vấn đề có tính nguyên tắc và là nhân tố hàng đầu bảo đảm sự phát triển toàn diện và vững chắc của hoạt động kiểm sát.

Pháp chế xã hội chủ nghĩa là ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đảng lãnh đạo để pháp chế đó có hiệu lực là tất yếu. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng chính là tăng cường cho nguyên tắc tập trung thống nhất của ngành có hiệu quả. Sự lãnh đạo của Đảng là sự lãnh đạo về chính trị, bảo đảm đầy đủ các điều kiện để pháp chế được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Đảng không bao biện, can thiệp vào các mặt nghiệp vụ và làm thay công tác kiểm sát, mà quan tâm hàng đầu tới tính chính trị của công tác kiểm sát.

Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, nhiều mối quan hệ mới nảy sinh, có cái đã có thể xác định dứt khoát, có cái còn đang trong quá trình thử nghiệm và từng bước được củng cố bằng pháp luật, vì vậy chưa thể hình thành đầy đủ ngay một hệ thống pháp luật trên nhiều lĩnh vực. Mặt khác, tuy có những luật đã được ban hành nhưng vì còn nhiều điểm chưa thật cụ thể, nên trong quá trình kiểm sát đi đôi với việc lấy pháp luật làm căn cứ, phải quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng để làm kim chỉ nam cho hành động. Xây dựng các tổ chức đảng trong ngành kiểm sát trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với nhiệm vụ chính trị được giao, là trách nhiệm nặng nề của Đảng. Chủ động chăm lo công tác cán bộ, trước nhất là cán bộ chủ chốt của ngành, cũng là việc làm thường xuyên trong công tác lãnh đạo của Đảng.

Đề cao vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác kiểm sát, không có nghĩa là các cấp kiểm sát dựa dẫm vào cấp ủy và né tránh trách nhiệm. Độc lập thực hiện

Digitized by Google

quyền hạn theo luật định, nhưng nếu không vững vàng về chính trị và lập trường quan điểm, thì ngành kiểm sát sẽ không tránh khỏi những sai lầm, nhất là trong tình hình phức tạp hiện nay.

3 — Quán triệt quan điểm « lấy dân làm gốc », Viện kiểm sát phải quan tâm bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ các quyền hợp pháp của công dân, nhất là quyền được bảo vệ thân thể và quyền được bảo vệ tài sản, đồng thời phát huy vai trò tích cực của quần chúng trong đấu tranh chống, phòng ngừa tội phạm và các hành vi phạm pháp.

Dân chủ là bản chất của chế độ ta, là mục tiêu và sức mạnh của pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đảng và Nhà nước ta coi trọng việc mở rộng dân chủ. Trong quá trình thực hiện dân chủ, dây đó đã xuất hiện những hiện tượng dân chủ cực đoan, vô chính phủ vô nguyên tắc, nặng về đòi hỏi dân chủ, nhẹ về tôn trọng kỷ cương, pháp luật, đi đến hành hung cán bộ thi hành nhiệm vụ, cá biệt có nơi bắt giữ, đánh đập cả cán bộ công an — kiểm sát, hành hung cả hội đồng xử án. Bọn phản động trong nước và ngoài nước lại lợi dụng những thiếu sót, sơ hở của ta, kích động những khuynh hướng dân chủ cực đoan nói trên để chống phá chế độ ta. Hơn lúc nào hết, chúng ta phải bình tĩnh, sáng suốt, phân biệt rõ đâu là nguyện vọng chính đáng của người dân, đâu là âm mưu phá hoại của kẻ địch. Quan tâm đến việc giải quyết kịp thời các khiếu tố của nhân dân ở từng khâu công tác và bảo đảm tốt mối quan hệ thường xuyên với báo, đài trên hai mặt: **một mặt**, nắm thông tin và công khai hóa hoạt động kiểm sát trong phạm vi quy định của luật pháp để phát huy tác dụng tuyên truyền giáo dục pháp luật là điều mà viện kiểm sát các cấp hiện nay cần lưu tâm hơn bao giờ hết; **mặt khác**, phải nắm vững quan điểm: chính quyền của ta là chính quyền của giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và nhân dân lao động; một mặt nó thể hiện quyền làm chủ của nhân dân, nhưng mặt khác nó phải thực hiện chuyên chính với bọn phản cách mạng, mưu toan chống Đảng, chống nhà nước xã hội chủ nghĩa, xâm phạm tính mạng và quyền lợi của nhân dân. Phải xử lý nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân, đồng thời không lơ là mất cảnh giác, hữu khuynh trong việc đối phó với kẻ xấu, kẻ địch lợi dụng tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do báo chí và xuất bản để chống phá chế độ ta. Đồng thời, cần thông qua hoạt động kiểm sát, nghiên cứu và đề xuất với Đảng và Nhà nước ta bổ sung, hoàn thiện và xây dựng mới các thiết chế và cơ chế dân chủ, nhằm xác định rõ quyền hạn và nghĩa vụ của người dân trên các lĩnh vực hoạt động.

4 — Phối hợp chặt chẽ với các ngành, các tập thể lao động, nhất là với các cơ quan bảo vệ pháp luật, thông qua các hình thức hoạt động của từng phương thức kiểm sát.

Viện kiểm sát các cấp phải thể hiện tính tích cực và chủ động trong việc này. Phải có kế hoạch và biện pháp đồng bộ chống và phòng ngừa mọi tội phạm và hành động vi phạm pháp luật theo đúng chức năng của từng ngành. Tránh xuê xoa, gia đình chủ nghĩa. Sự khác nhau về nhận thức trong quá trình phát hiện và xử lý các vụ, việc, là điều bình thường, song cần tránh tình trạng trống đánh xuôi, kèn thổi ngược trong việc xử lý các án trọng điểm: phải vừa bảo đảm khách quan, vừa bảo đảm tốt yêu cầu chính trị của việc xét xử

Digitized by Google

Hiện nay sự phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật từ trung ương tới địa phương nói chung là tốt, nhưng cũng có nơi, có lúc chưa tốt. Để khắc phục tình trạng này, ngoài nguyên nhân chủ quan của mỗi ngành phải giải quyết cả một số vấn đề liên quan đến trách nhiệm của nhiều ngành. Kẻ phạm tội hoạt động ngày càng tinh vi xảo quyệt, tình hình tội phạm diễn ra ngày càng phức tạp, đòi hỏi phải nâng cao trình độ tổ chức đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm. Vì vậy, cần tổ chức nghiên cứu sâu các vấn đề như tội phạm học, hình pháp học, giám định tư pháp, khoa học hình sự. Đó là những vấn đề hiện đang ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng và hiệu quả công tác của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

5 — Vấn đề có ý nghĩa quyết định trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm sát, là yếu tố con người.

Phải có một đội ngũ cán bộ kiểm sát vững về chính trị, thành thạo về nghiệp vụ, trong sáng về đạo đức và đủ số lượng cần thiết ở mỗi cấp, trong đó vai trò của người viện trưởng kiểm sát có tầm quan trọng hàng đầu. Đội ngũ cán bộ này phải có tri thức hiện đại về các lĩnh vực liên quan đến công tác kiểm sát. Đó là tri thức về nhà nước và pháp quyền, tri thức về chính trị và pháp lý, thích ứng với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trong điều kiện chuyên chính vô sản. Người cán bộ kiểm sát ngoài lập trường kiên định, trung thực, dũng cảm dấu tranh bảo vệ chân lý, chịu đựng gian khổ, còn phải có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Phải tích cực xây dựng cho được một đội ngũ đông đảo cán bộ kiểm sát chuyên sâu về từng mặt, và phải có nhiều viện trưởng kiểm sát giỏi.

Bác Hồ đã đề ra năm đức tính của người cán bộ kiểm sát: công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn. Phấn đấu để có được năm đức tính đó là kết quả tổng hợp của cả quá trình: đào tạo tại trường lớp; sử dụng và tiếp tục bồi dưỡng qua thực tiễn công tác; sự phấn đấu rèn luyện của bản thân mỗi người. Phải làm sao có những biện pháp tích cực để phát huy hết thế mạnh của cả quá trình đó.

Digitized by Google

Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với khoa học và công nghệ

ĐẶNG HỮU *

CHÚNG ta đang sống trong thời đại sôi động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Những thành tựu mới của khoa học cùng với bước tiến kỳ diệu của công nghệ, đặc biệt là vi điện tử và tin học, vật liệu mới, công nghệ sinh học, đã tác động hết sức sâu sắc đến mọi mặt phát triển của xã hội loài người. Lực lượng sản xuất và năng suất lao động nhờ đó tăng nhanh chưa từng thấy, cơ cấu kinh tế của từng nước và toàn thế giới đang chuyển dổi căn bản, các quan hệ quốc tế đang thay đổi sâu sắc. Ở nước ta, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đó đang chi phối ngày càng mạnh mẽ cuộc sống của hàng triệu con người.

Thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, mấy năm qua lực lượng khoa học đã tham gia cùng với các cơ quan tham mưu của Đảng chuẩn bị các quyết định về các chính sách đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội, các biện pháp xử lý giá — lương — tiền, kìm lạm phát, chuẩn bị căn cứ cho cương lĩnh và chiến lược kinh tế — xã hội nước ta đến năm 2000.

Trên mặt trận nông nghiệp, nhiều tiến bộ kỹ thuật và công nghệ đã được ứng dụng rộng rãi, góp phần tạo ra bước chuyển biến tích cực về sản xuất lương thực và thực phẩm. Thực hiện chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, một số công nghệ mới đã được đưa vào ứng dụng kịp thời góp phần tạo ra sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng kim ngạch xuất khẩu.

Trong các lĩnh vực vật liệu, năng lượng, thông tin liên lạc v.v. cũng đã có nhiều thành tựu khoa học và công nghệ được áp dụng thành công.

Một số chính sách đổi mới quản lý công tác khoa học và công nghệ đã được ban hành và phát huy tác dụng tích cực. Đã xuất hiện nhiều mô hình liên kết, gắn khoa học với sản xuất—kinh doanh, làm cho phần lớn các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ thoát khỏi tình trạng hành chính hóa và thích nghi tích cực với nền kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa nhiều thành phần đang được hình thành.

Tuy nhiên, nhìn chung, khoa học và công nghệ nước ta còn yếu kém và gặp nhiều khó khăn, chưa phát huy được hết tiềm lực, không đáp ứng được các yêu cầu bức xúc của kinh tế — xã hội. Các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật chậm được triển khai vào sản xuất.

* Chủ nhiệm Ủy ban khoa học nhà nước

Digitized by Google

Năng suất lao động của toàn xã hội còn rất thấp, trình độ công nghệ nói chung lạc hậu, phần lớn vẫn dựa vào lao động thủ công trong khi công suất thiết bị chỉ sử dụng được 50 – 60%. Trong sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, kỹ thuật và công nghệ chậm đổi mới, chất lượng sản phẩm thấp, bị hàng ngoại nhập chèn ép và mất tín nhiệm trên thị trường quốc tế.

Khoa học xã hội còn chậm trễ, chưa giải đáp được nhiều vấn đề lý luận của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, của tổ chức và quản lý kinh tế–xã hội. Chủ nghĩa giáo điều, kinh viện, xa thực tế cũng như sự thiếu dân chủ trong học thuật đã hạn chế khả năng sáng tạo khoa học. Một thời gian dài, chúng ta đã mắc phải sai lầm duy ý chí, xem thường các quy luật khách quan. Nhiều chính sách, chủ trương chưa dựa vào kết quả nghiên cứu khoa học.

Nhận thức của một bộ phận không nhỏ đảng viên và cấp ủy đảng về vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp xây dựng đất nước nhìn chung chưa theo kịp trào lưu tiến bộ của văn minh nhân loại sắp bước vào thế kỷ 21. Quan niệm về khoa học và công nghệ như một lĩnh vực riêng của những người trí thức vẫn còn ngự trị trong tiềm thức của không ít đảng viên đang giữ những trọng trách trong guồng máy quản lý kinh tế–xã hội.

Nguyên nhân sâu xa của tình trạng yếu kém về khoa học và công nghệ còn nằm ở cơ chế quản lý kinh tế – xã hội. Cơ chế quan liêu bao cấp làm triệt tiêu mọi động lực của người lao động và tập thể lao động trong việc sử dụng khoa học và công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của công việc. Đó cũng là nguyên nhân làm cho khoa học tách rời sản xuất; các khoa học tự nhiên, kỹ thuật và xã hội không liên kết được trong quan hệ giữa khoa học với toàn bộ hệ thống kinh tế–xã hội.

Bởi vậy, đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với khoa học và công nghệ để nhanh chóng khắc phục những tồn tại trên đây là một yêu cầu bức thiết, khách quan. Trước hết, cần đổi mới chính sách khoa học và công nghệ trên cơ sở đổi mới nhận thức về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của nước ta.

1–Chủ nghĩa Mác – Lê-nin là một khoa học, Đảng ta không ngừng phát triển học thuyết Mác–Lê-nin với tư cách là khoa học, vận dụng sáng tạo nó vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước mình. Trải qua bao thử thách của cuộc đấu tranh cách mạng, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Ngày nay, Đảng càng phải vươn lên để có thể tiếp tục giữ vai trò là đội tiên phong của dân tộc trong cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Muốn thế, Đảng phải nâng cao trí thức khoa học, phải nhận thức được đầy đủ các quy luật khách quan về sự vận động của xã hội, của tự nhiên, để có thể vạch ra cương lĩnh, đường lối, chiến lược đúng, tránh những sai lầm nghiêm trọng do chủ quan, duy ý chí.

Bản lĩnh vững vàng của Đảng trong thời kỳ mới tùy thuộc vào tính khoa học của Đảng cao hay thấp. Đảng không chỉ cần có những đảng viên am hiểu khoa học và cầu thị mà còn phải thực sự trở thành nơi tụ hội trí tuệ khoa học của toàn dân tộc.

Thời đại ngày nay là thời đại của trí tuệ. Sức mạnh của một nước, một dân tộc là sức mạnh kinh tế, khoa học và công nghệ, dựa vào sức sáng tạo to lớn của con người. Để có thể đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thắng lợi cuối cùng, Đảng nhất thiết phải nắm lấy khoa học và công nghệ, phải có chính sách nhất quán phát

Digitized by Google

triển khoa học và công nghệ, coi khoa học và công nghệ là cơ sở và động lực của sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Khoa học và công nghệ là chìa khóa tháo gỡ các khó khăn trong phát triển kinh tế – xã hội, là yếu tố quyết định nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của sản xuất, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chỉ có vận dụng tốt các thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ mới có thể rút ngắn được khoảng cách giữa nước ta với các nước khác, nâng cao vị trí của nước ta trên trường quốc tế. Ngược lại, nếu để lỡ cơ hội, kéo dài tình trạng lạc hậu về khoa học và công nghệ, thì nguy cơ đối với đất nước khó tránh khỏi. Hơn lúc nào hết, các cấp, các ngành, từng đảng viên phải coi việc lãnh đạo công tác khoa học và công nghệ là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất trong toàn bộ hoạt động thực tiễn của mình.

2 – Cách mạng, trong đó kể cả cách mạng khoa học và công nghệ là sự nghiệp của quần chúng. Chỉ có gây được một phong trào quần chúng tham gia tích cực vào các hoạt động khoa học và công nghệ thì sự nghiệp khoa học mới có thể phát triển nhanh chóng. Kinh nghiệm phát triển khoa học và công nghệ trên phạm vi toàn thế giới cũng khẳng định điều đó. Động lực sâu xa của phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học là lợi ích kinh tế. Chính lợi ích kinh tế thôi thúc họ tìm đến với khoa học và công nghệ. Do đó, Đảng không chỉ dừng lại ở những hình thức vận động tuyên truyền, mà phải thông qua chính sách kinh tế với những cơ chế thích hợp, tác động trực tiếp đến hàng triệu con người. Chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần của Đảng ta đã tạo ra một luồng gió mới thúc đẩy quần chúng ứng dụng khoa học và công nghệ. Những giá trị vật chất và tinh thần do việc ứng dụng đó mang lại, được quần chúng hưởng thụ, cảm nhận, tự nó thôi thúc sự phát triển khoa học mạnh hơn nữa.

Để tạo điều kiện thiết thực cho quần chúng đi vào khoa học, Đảng phải chú trọng nâng cao dân trí, nhất là ở nông thôn, tăng cường đầu tư vào giáo dục và văn hóa. Đây không chỉ là giải quyết vấn đề phát triển xã hội một cách hài hòa mà chính là khâu then chốt trong chiến lược phát triển dựa vào nhân tố con người, bằng con người, vì con người. Xây dựng xã hội mới, phát triển khoa học và công nghệ đặt lên vai tầng lớp trẻ có tri thức, có sức sáng tạo to lớn, mà việc đó tùy thuộc vào nền giáo dục hiện nay đang cần phải được thay đổi một cách sâu sắc.

3 – Đại hội lần thứ VI của Đảng có một bước đổi mới về chất trong quan điểm của Đảng nhằm phát huy vai trò động lực của khoa học và kỹ thuật đối với sự phát triển kinh tế – xã hội. Đảng chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, kết hợp các công cụ kế hoạch hóa với việc vận dụng các quan hệ hàng hóa – tiền tệ, sử dụng các công cụ điều tiết thị trường trong một cơ chế hỗn hợp. Đó là một bước phát triển quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn trong việc vận dụng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trong điều kiện cụ thể nước ta.

Tác dụng của cơ chế thị trường đối với phát triển khoa học và công nghệ đã được nghiên cứu, tổng kết ở những nơi mà nó đã có lịch sử phát triển hàng trăm năm. Những kết quả do hoạt động khoa học và công nghệ mang lại đều có thể được mua bán, nếu nó mang lại hiệu quả và lợi nhuận. Như vậy có thể dùng cơ chế

Digitized by Google

thị trường để điều tiết hoạt động khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, ngày nay khó có thể tìm thấy những nước mà ở đó có cơ chế thuần khiết theo kiểu thị trường mô tả trên đây. Bởi vì, người ta cũng đã phát hiện ra những khuyết tật cố hữu của cơ chế thị trường đối với tiến bộ khoa học — kỹ thuật. Cơ chế thị trường, theo các học giả phương Tây, tự nó không thể giải quyết thỏa đáng được mọi vấn đề điều tiết hoạt động khoa học và kỹ thuật.

Kế hoạch hóa phát triển khoa học và công nghệ là rất cần thiết cho các nước đang phát triển để nhanh chóng xây dựng nền khoa học của nước mình. Đảng và Nhà nước cần có kế hoạch định hướng phát triển khoa học và công nghệ, tập trung các nguồn lực cần thiết để phát triển các lĩnh vực ưu tiên, đồng thời dùng các công cụ kinh tế thích hợp dựa vào cơ chế thị trường để điều tiết sự phát triển khoa học và công nghệ theo những hướng ưu tiên ấy.

Để phát triển nhanh khoa học và công nghệ, cần vận dụng tổng hợp các công cụ kế hoạch hóa và cơ chế thị trường, không thể phó mặc cho thị trường thao túng sự phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, cũng như không thể chỉ dừng lại ở cách kế hoạch hóa cứng nhắc, kém linh hoạt và nhạy cảm với nhu cầu sôi động của thị trường xã hội.

Trước đây, đã có thời những phương thức mua bán, ký kết hợp đồng trong khoa học và công nghệ đã bị thành kiến ở nước ta. Thực tiễn cuộc sống dần dần đã khẳng định tính hợp lý của nó, nhất là từ sau Đại hội VI. Nhưng hiện nay cần đề phòng một khuynh hướng khác: lạm dụng các biện pháp này, buông lỏng sự điều tiết vĩ mô của nhà nước, không chăm lo việc xây dựng năng lực khoa học và tạo dự trữ khoa học cho sự phát triển kinh tế — xã hội mai sau, làm tổn thất nhiều nguồn lực to lớn. Sự đầu tư của nhà nước cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng theo những hướng khoa học và công nghệ có tính chiến lược chưa đạt mức tối hạn, đã làm chậm sự phát triển của khoa học và công nghệ.

4 — Sự lãnh đạo của Đảng phải bảo đảm cho khoa học thực hiện được ba chức năng cơ bản: làm căn cứ cho các quyết định từ định hướng chiến lược phát triển đến giải quyết những vấn đề cụ thể của tất cả các cấp lãnh đạo của Đảng và Nhà nước; tạo cơ sở kỹ thuật và công nghệ trong các ngành kinh tế quốc dân; nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài, phát triển trí tuệ và năng lực sáng tạo của con người.

Trong những năm trước mắt, khoa học và công nghệ tập trung vào những nhiệm vụ vừa cấp bách vừa cơ bản sau đây:

a) Tập trung sức nghiên cứu các vấn đề về thời đại, về sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện đại, nhất là nghiên cứu về đặc điểm xã hội, kinh tế, con người và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

b) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và áp dụng các thành quả khoa học và tiến bộ kỹ thuật, nhanh chóng nâng cao trình độ công nghệ và trình độ tổ chức quản lý trong nền kinh tế quốc dân, làm tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao vật chất, khai thác tối đa các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, nhằm thực hiện có hiệu quả ba chương trình kinh tế lớn và các mục tiêu phát triển kinh tế — xã hội khác. Khoa học và công nghệ phải góp phần đắc lực vào việc khai thác hợp lý tài nguyên, tạo ra nhiều ngành nghề, giải quyết tốt vấn đề sử dụng lao động xã hội, bố trí dân cư, xây dựng nông thôn mới, phát triển

Digitized by Google

những lĩnh vực sản xuất, dịch vụ mới có hàm lượng trí tuệ và hiệu quả kinh tế cao.

c) Tiếp tục xây dựng và phát triển nền khoa học và công nghệ của đất nước, đủ sức giải quyết những vấn đề khoa học được đặt ra, có khả năng nhanh chóng nâng cao trình độ kỹ thuật và công nghệ của nền kinh tế quốc dân, hình thành những tập thể khoa học đồng bộ, vững mạnh theo những hướng khoa học được chọn lựa.

Trong khoa học xã hội, cần phát triển nhanh các ngành kinh tế học, triết học, luật học, xã hội học. Trong khoa học tự nhiên và kỹ thuật cần chú trọng xây dựng và phát triển các ngành điện tử và tin học, công nghệ sinh học, vật liệu mới và công nghệ mới.

5 — Trong sáng tạo khoa học, tư duy độc lập của cá nhân có ý nghĩa quyết định. Vì vậy, dân chủ là một điều kiện rất cơ bản để phát triển khoa học và công nghệ. Không có dân chủ thì sẽ không có miếng đất cho tư duy khoa học thực sự. Nội dung quan trọng nhất của nguyên tắc dân chủ trong lãnh đạo khoa học và công nghệ là bảo đảm quyền làm chủ của người lao động khoa học đối với hoạt động sáng tạo cũng như đối với kết quả của hoạt động sáng tạo đó. Với tư cách công dân, mỗi người có khả năng sáng tạo phải được quyền đóng góp sáng kiến vào công việc chung của các cơ quan đảng và nhà nước.

Những năm gần đây, với việc ban hành những chính sách mới tăng cường quyền chủ động của các cơ quan khoa học — kỹ thuật trong việc đáp ứng nhu cầu của các thành phần kinh tế thông qua cơ chế hợp đồng, thi tuyển, các tập thể và cá nhân các nhà khoa học đã có thêm những điều kiện thuận lợi để làm chủ hoạt động của mình, lựa chọn những đối tượng phục vụ thích hợp nhất với khả năng hiện có. Các kết quả của hoạt động sáng tạo, phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, được pháp luật bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

Tuy nhiên, nhiều văn bản cần thiết ở tầm luật và dưới luật có thể bảo đảm cho người cán bộ khoa học khi vào nghề tìm được việc làm ở những nơi phù hợp với khả năng chuyên môn của mình, hoặc khi cần dễ dàng xin chuyển công tác đến một cơ quan thích hợp hơn, còn chưa được ban hành. Việc chưa sử dụng đầy đủ những hình thức tổ chức hội đồng khoa học và lấy ý kiến tư vấn cho các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, việc chỉ dựa vào ý kiến cá nhân của một số cán bộ khoa học, dễ đưa tới những quyết định lệch lạc.

6 — Trong lãnh đạo công tác khoa học và kỹ thuật, việc quán triệt bài học của Đảng ta về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới là cực kỳ quan trọng. Chỉ có thể rút ngắn con đường công nghiệp hóa nếu biết tận dụng sức mạnh của thời đại, đặc biệt là tận dụng các thành tựu của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trên thế giới. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ theo phương thức « tự làm một số, mua một số » do các cơ quan chuyên môn Liên hợp quốc kiến nghị, có ý nghĩa phổ biến, không loại trừ nước nào.

Do những đổi thay sâu sắc trong môi trường kinh tế — chính trị thế giới, một loạt các vấn đề quan hệ quốc tế đã có những nội dung mới. Một mặt, chúng ta thừa nhận sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia mặt khác chúng ta không lãng quên di huấn của Bác Hồ: « Không có gì quý hơn độc lập, tự do ». Chúng ta phải xây dựng thế độc lập, tự chủ của nước nhà trong mối quan hệ ràng buộc qua lại giữa các quốc gia trên thế giới.

Digitized by Google

Tư tưởng Lê-nin về chế độ hợp tác và sự ra đời nền kinh tế mới ở nước ta

ĐÀO XUÂN SÂM *

1 — Sự ra đời của nền kinh tế mới

Lê-nin qua đời đã gần 70 năm. Điều đó đòi hỏi những người kế tục phải tiếp thu di sản tư tưởng lớn, không được câu nệ từng câu chữ, thậm chí cả từng bộ phận của học thuyết. Chính Lê-nin — một người mác xít chân chính — qua phân tích sự kiểm nghiệm của thực tế lịch sử, đã sửa nhiều luận điểm cơ bản của Mác — Ăng-ghen về cách mạng vô sản và chủ nghĩa xã hội với tư cách thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản; đề xướng luận điểm về cách mạng vô sản có thể thành công ở một nước như nước Nga; đề xướng chính sách kinh tế mới; phát hiện và đề xướng con đường phát triển xã hội chủ nghĩa không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa... Do điều kiện lịch sử hạn chế và do chỉ hoạt động quá ít năm cho công cuộc xây dựng xã hội mới, Lê-nin đã không thể làm nhiều hơn để loại trừ khả năng tái hiện chủ nghĩa cộng sản thời chiến dưới hình thức chủ nghĩa xã hội hành chính nhà nước. Ngày nay, công cuộc đổi mới đòi hỏi chúng ta nhận thức lại, xây dựng lại học thuyết về cách mạng xã hội chủ nghĩa thực sự mác xít — lê nin nít, nhất quán từ kinh tế đến chính trị xã hội; khắc phục tư duy cũ giáo điều, ấu trĩ, giản đơn, với những luận điểm nhân danh Mác — Lê nin nhưng thực chất chỉ là sự luận chứng cho mô hình chủ nghĩa xã hội hành chính nhà nước.

Điều cực kỳ quan trọng, và cũng là sơ đẳng trong nhận thức luận mác xít, là luận điểm nói rằng: thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, chứ không phải sách vở là tiêu chuẩn của chân lý. Từ đó, phải nói rõ mọi vĩ nhân như Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Hồ Chí Minh là vĩ nhân trước hết ở những tư tưởng lớn, đồng thời có thể phạm sai lầm, mà thực tiễn lịch sử là người phán xét. Sự kế thừa đúng đắn phải là sự kế thừa những tư tưởng định hướng lớn, đồng thời phát triển sáng tạo, thậm chí sửa sai để phù hợp với lô gích khách quan của lịch sử, làm cho chủ nghĩa Mác — Lê-nin tiếp tục sống, đâm chồi nảy lộc, không bị sự kế tục giáo điều làm hóa thạch, thậm chí trở thành cơ sở lý luận sai lầm,

(*) Giáo sư — Học viện Nguyễn Ái Quốc

Digitized by Google

dẫn tới khủng hoảng kinh tế xã hội như đã từng xảy ra.

Công cuộc xây dựng nền kinh tế mới ở nước ta đã có quá trình lịch sử ít nhất 35 năm từ khi miền Bắc được giải phóng đến nay. Đó là quá trình vừa làm vừa tìm tòi, quá trình từ những ấu trĩ, bắt chước máy móc, sai lầm và sửa chữa, tất yếu dẫn đến quan điểm kinh tế của Đại hội VI và thực trạng kinh tế 1989. Từ thực tiễn lịch sử 35 năm đó, có 3 kết luận lớn nhất về lý luận và đường lối phát triển.

1) Về điểm xuất phát của sự phát triển kinh tế, nước ta chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa (nhiều lắm mới có tư bản sơ kỳ), do đó không thể trực tiếp áp dụng học thuyết về cách mạng vô sản và thời kỳ quá độ mà Mác – Ăng-ghen xây dựng cho sự phát triển hậu tư bản.

2) Chính sách kinh tế ở ta cho đến trước Đại hội VI, xét về mặt chế độ kinh tế, là chính sách công cộng hóa và hiện vật hóa gắn với cơ chế hành chính tập trung. Là sự áp dụng máy móc học thuyết phát triển kinh tế hậu tư bản trên tất cả các lĩnh vực cải tạo, hợp tác hóa, công nghiệp hóa và quản lý, chính sách đó đã trở thành một cơ chế kìm hãm, dẫn tới khủng hoảng.

3) Sự ra đời và phát triển của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần sau khi xóa bỏ các giai cấp bóc lột với tư cách các giai cấp, đã diễn ra trước hết như một tất yếu kinh tế với sức mạnh hồi sinh kinh tế sau chiến tranh, sức mạnh tự phát tìm kế sinh sống của đông đảo quần chúng, một tất yếu được Đảng và Nhà nước ta chấp nhận từng bước và được Đại hội VI chấp nhận triệt để như sự trở lại tư tưởng Lê-nin trong chính sách kinh tế mới (NEP).

2—Những ý kiến đánh giá, nhận dạng, dự báo và định hướng

Trước thực trạng phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần được chấp nhận như một quốc sách để phát triển nền kinh tế đi lên chủ nghĩa xã hội, đã có những cách nhìn nhận, đánh giá, dự báo và định hướng khác nhau, trước hết xoay quanh vấn đề bản chất nền kinh tế và từ đó, định hướng chính sách phù hợp.

Có thể phân ra hai loại ý kiến khác nhau. Ý kiến thứ nhất coi nền kinh tế ở nước ta hiện nay là nền kinh tế của thời kỳ quá độ ngoài chủ nghĩa xã hội (gọi là nền kinh tế dân chủ nhân dân hoặc nền kinh tế quá độ). Đây là ý kiến của số đông người tham gia nghiên cứu tranh luận. Ý kiến thứ hai xem nền kinh tế nước ta hiện nay về nguyên tắc đã là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở bước sơ khởi của chủ nghĩa xã hội.

Trong những ý kiến coi nền kinh tế nước ta hiện nay còn là nền kinh tế của thời kỳ quá độ nằm ngoài chủ nghĩa xã hội, có điểm nhất quán ở chỗ giữ quan điểm kinh điển của học thuyết mác xít về cách mạng xã hội chủ nghĩa và mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa trên cơ sở đã có chủ nghĩa tư bản phát triển cao, có lực lượng sản xuất đã phát triển cao. Từ đó, nhìn nhận nền kinh tế mới ở nước ta hiện nay chưa thể là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, mà tất yếu vẫn là nền kinh tế dân chủ nhân dân hoặc nền kinh tế quá độ nằm ngoài chủ nghĩa xã hội, có nhiệm vụ tạo lực lượng sản xuất, cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Tương ứng với chế độ kinh tế như vậy, cơ cấu kinh tế sẽ là cơ cấu hai thành phần công hữu và tư hữu, trong đó chấp nhận sự ra đời của giai cấp hoặc thành phần tư sản. Từ đó, cơ cấu giai cấp xã hội sẽ là cơ cấu gồm bốn giai cấp: công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tư sản; và tầng lớp trí thức.

Cùng quan điểm cho rằng nền kinh tế nước ta hiện nay là nền kinh tế của thời kỳ quá độ nằm ngoài chủ nghĩa xã hội, lại có hai hướng suy nghĩ khác nhau rất cơ bản.

Digitized by Google

Hướng thứ nhất, coi đã là nền kinh tế dân chủ nhân dân thì tất yếu phải kinh qua giai đoạn cách mạng dân chủ nhân dân thay cho giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Hướng suy nghĩ này gần như muốn trở lại với lý luận về cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, tức là muốn thay đổi chiến lược (từ chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa lùi về chiến lược cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới). Hướng thứ hai, về cơ bản vẫn giữ quan điểm trong học thuyết về thời kỳ quá độ là quan điểm chính thống trước đây, nhưng trở lại áp dụng chính sách kinh tế mới như một sự thay đổi sách lược, một bước lùi sách lược. Nhìn chung, cả hai hướng suy nghĩ trên đều chưa đủ để lý giải và định hướng cho sự phát triển của nền kinh tế mới ở nước ta, một nền kinh tế cực kỳ mới mẻ, khác lạ và đang tiến hóa. Điều quan trọng hơn nữa là cả hai hướng suy nghĩ đó đều chưa giúp được gì cho việc luận chứng và triển khai chính sách của Đảng ta về phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; cho việc luận chứng và triển khai quan điểm dân chủ bình đẳng, quan điểm hợp tác kinh tế theo tư tưởng Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác gắn liền với quan điểm liên minh chính trị, như một chiến lược lâu dài trong toàn bộ công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Sau cùng, việc đặt nền kinh tế nước ta trong thời kỳ quá độ ngoài chủ nghĩa xã hội lại vấp phải vấn đề: lẽ nào nước ta trong một thời kỳ lịch sử khá lâu dài lại không thuộc về một hình thái kinh tế xã hội nào, tức là không có một trật tự kinh tế xã hội nhất quán nào?

Với những lý do trên, tôi xin đề xướng cách nhìn nhận khác: xem nền kinh tế mới ở nước ta hiện nay, về nguyên tắc, đã là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở bước đầu.

3—Nhận dạng nền kinh tế nước ta theo tư tưởng Lê-nin về chế độ kinh tế hợp tác

Ở nước ta hiện nay, nhà nước cách mạng do Đảng cộng sản lãnh đạo, đã xóa bỏ các giai cấp bóc lột, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với công hữu là nhân tố mới và chủ đạo. Đó là nền kinh tế mới về chất, mới về nguyên tắc, đã mang tính chất xã hội chủ nghĩa. Trong nền kinh tế ấy, các thành phần không tồn tại biệt lập, đối lập với nhau như hai phía trong cuộc đấu tranh «ai thắng ai», mà ngày càng mở rộng sự liên kết, liên doanh, hợp tác với nhau, đồng thời có đấu tranh với nhau để cùng phát triển. Các thành phần làm ăn hợp pháp đều ít nhiều mang tính chất mới. Nền kinh tế ấy tất yếu có thể tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bằng con đường hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa, không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đó là con đường mà Lê-nin đã phát hiện, đã khởi xướng trong NEP với tư tưởng về chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác (tôi quy ước gọi chung là tư tưởng về chế độ kinh tế hợp tác). Ở nước ta, với tư cách phương thức sản xuất, nền kinh tế theo chế độ hợp tác như vậy không phải là nền kinh tế hậu tư bản; nó tương đương với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nếu xét về mặt quá trình phát triển lực lượng sản xuất, nhưng lại khác về cơ bản với phương thức sản xuất đó nếu xét về mặt quan hệ kinh tế xã hội. Bởi vậy, các yếu tố tư hữu tồn tại trong nền kinh tế theo chế độ hợp tác tất yếu phải được định hướng phát triển theo con đường hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa. Trong nền kinh tế này, tính tự phát tư bản chủ nghĩa của người sản xuất hàng hóa nhỏ vẫn còn là một khả năng khách quan, nhất là trong bước đầu, nhưng không

Digitized by Google

phải là khả năng chủ yếu, cho nên có thể loại trừ.

Theo tôi dự báo, thực tế đã không có và sẽ không có khả năng tái xuất hiện một giai cấp tư sản trong điều kiện chế độ kinh tế và chế độ chính trị mới. Chỉ có khả năng có thành phần tư bản nhà nước xã hội chủ nghĩa với tư cách một thành viên bình đẳng trong đội quân xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, đã xuất hiện xu hướng không còn cơ cấu bốn giai cấp. Đó là vì, với NEP, hiện tượng tư hữu hóa và phân hóa giàu nghèo đang diễn ra như một tất yếu tiến bộ ngay trong công, nông và trí thức thuộc thành phần công hữu, vốn trước đây bị vô sản hóa triệt để; với NEP, các đơn vị kinh tế thuộc sở hữu khác nhau có xu hướng ngày càng đan kết gắn bó với nhau. Sự phát triển của các xí nghiệp và công ty cổ phần càng làm cho sự đan kết về sở hữu mạnh thêm. Do đó, không thể dựa vào nền kinh tế mới những công thức về phân định thành phần giai cấp cũng như những phạm trù về quan hệ giai cấp vốn có trong xã hội cũ, là xã hội đặt trên cơ sở chế độ tư hữu thống trị và có giai cấp đối kháng.

Chưa thể đưa ra những công thức và phạm trù mới, nhưng có thể nêu hai đặc trưng về cơ cấu và quan hệ giai cấp xã hội trong nền kinh tế mới. Trước hết, trong hệ thống kinh tế mới, mọi phần tử làm ăn hợp pháp đều ít nhiều mang chất của hệ thống mới và ngày càng gắn bó với nhau. Thứ hai, cơ cấu giai cấp xã hội trong nền kinh tế mới là cơ cấu giai cấp nội bộ nhân dân; các giai cấp còn mâu thuẫn và đấu tranh với nhau, song giữa họ không tất yếu tồn tại mâu thuẫn đối kháng, mà xu hướng liên minh hợp tác là chủ yếu. Từ hai đặc trưng trên có thể đi tới kết luận: tư tưởng Lê-nin về chế độ kinh tế hợp tác là quan điểm cơ bản của học thuyết về phát triển kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Từ kết luận đó, trong những bài nghiên cứu đã công bố, tôi đã nêu một số luận đề: Chế độ kinh tế hợp tác là hình thức giải quyết mâu thuẫn cơ bản trong nội bộ nhân dân, mâu thuẫn giữa yêu cầu giải phóng, phát triển cá nhân với yêu cầu bảo đảm công bằng xã hội nhằm tạo ra động lực và hợp lực phát triển. Chế độ kinh tế hợp tác, về bản chất, cũng là chế độ kinh tế dân chủ, và nhà nước cộng hòa dân chủ, xã hội chủ nghĩa của chúng ta cần phải có và thực tế đã bắt đầu có cái nền móng là chế độ kinh tế hợp tác. Với sự ra đời của chế độ kinh tế hợp tác và chế độ dân chủ tương ứng, hình thái kinh tế – xã hội mới mang bản chất xã hội chủ nghĩa đã ra đời ở nước ta, mặc dù còn non yếu. Khi chúng ta nói nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam hiện đang còn ở bước đầu thời kỳ quá độ, thì cần và có thể hiểu đó là bước đầu của chủ nghĩa xã hội. Thậm chí, có thể nói gọn là đã ở bước đầu của xã hội xã hội chủ nghĩa, không cần dùng đến phạm trù thời kỳ quá độ.

Thiếu sự nhận thức lại như vậy thì không thể thực hiện chính sách kinh tế mới gắn với quá trình dân chủ hóa; không thể tạo ra động lực và hợp lực mạnh; không thể tìm ra và phát huy tính ưu việt của nền kinh tế mới và chế độ xã hội mới ngay từ thời điểm này; không thể tìm lời giải đầy đủ cho bài toán phát triển mà Đại hội VI đã đặt nền móng.

Vấn đề đặt ra hiện nay ở nước ta là tiếp tục công cuộc đổi mới. Từ sự đổi mới chủ yếu trong chính sách kinh tế bước đầu có thành công, nhất quán triển khai đổi mới chính sách giai cấp xã hội và thể chế chính trị. Ở đây,

(Xem tiếp trang 32)

Digitized by Google

● Nghiên cứu

Vùng hồ sông Đà — Tiềm năng và triển vọng

LÊ HỒNG TÂM *

1 — Những vấn đề và tiềm năng phát triển

Việc xây dựng thủy điện Hòa bình trên sông Đà đã phải cho ngập nước một phần diện tích của 9 huyện thuộc 2 tỉnh Sơn la và Hà sơn bình, trong đó có: hơn 11 nghìn ha ruộng nước và nương bãi màu mỡ gieo trồng cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, bãi chăn thả và rừng trồng; nhiều công trình thủy lợi và gần 600km kênh mương, đường sá với nhiều cầu cống; hơn 150 nghìn m^2 công trình kiến trúc của kinh tế quốc doanh và tập thể, của các cơ quan nhà nước và các ngành giáo dục, y tế, văn hóa... Hơn 8000 hộ với trên 50 nghìn người đã phải di chuyển nhà cửa, mồ mả ra khỏi vùng bị ngập nước để xây dựng lại từ đầu những cơ sở sản xuất và đời sống ở nơi khác. Đặt trong những điều kiện đặc thù của miền núi Tây Bắc thì đó là những tài sản to lớn và quan trọng nhất đã phải bỏ ra nhiều công sức và tiền của trong nhiều năm mới tạo lập được. Nhân dân các dân tộc ít người phải rời bỏ bản làng, vườn tược vốn là nơi cư trú đã nhiều đời, là sự hy sinh không thể tính được bằng giá trị vật chất.

Ngay từ khi bắt đầu khởi công xây dựng thủy điện Hòa bình, Nhà nước đã giao nhiệm vụ lập kế hoạch giải phóng lòng hồ sông Đà cho các ngành và địa phương, cấp những khoản kinh phí lớn và bổ sung nhiều chính sách nhằm bảo đảm chuyển dân ra khỏi vùng bị ngập nước an toàn và kịp thời, đền bù tài sản của nhân dân và của tập thể, hỗ trợ việc xây dựng mới những cơ sở sản xuất nông nghiệp, thủy lợi, giao thông vận tải, trường học, bệnh xá... ở những nơi sẽ chuyển dân đến. Song công tác giải phóng lòng hồ còn có nhiều khó khăn, trong đó có cả những khuyết điểm trong quy hoạch và tổ chức chỉ đạo nên còn phải bỏ ra nhiều công sức và có sự trợ giúp của

* Chuyên viên kinh tế cấp cao, chủ nhiệm chương trình khoa học về « Phối hợp nghiên cứu và xúc tiến phát triển kinh tế — xã hội vùng hồ sông Đà ».

Digitized by Google

Nhà nước mới có thể ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân. Trước những hy sinh lớn lao của đồng bào trong vùng, trước hết là đồng bào các dân tộc, điều đáng tiếc là đến nay chưa thực hiện tốt chủ trương của Nhà nước đền bù cho nhân dân.

Việc xây dựng thủy điện Hòa Bình trên sông Đà đã tạo ra một thủy vực lớn ở Tây Bắc. Bao quanh thủy vực này là một vùng đồi núi rộng lớn, địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, giao thông vận tải rất khó khăn; thảm thực vật rừng đã bị tàn phá, độ che phủ chỉ còn dưới 6%, làm tăng thêm tính khắc nghiệt của chế độ khí hậu thủy văn ở vùng này. Nhân dân các dân tộc địa phương vẫn sinh sống chủ yếu dựa vào canh tác nương rẫy và khai thác lâm sản tự nhiên, gây ra nạn xói mòn nghiêm trọng, sản xuất và đời sống ngày càng khó khăn. Những nỗ lực để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, để bảo vệ và trồng rừng trong nhiều năm qua, chỉ có kết quả rất hạn chế. Vấn đề bức xúc hiện nay là phải có những giải pháp hữu hiệu để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống của nhân dân và khắc phục tình trạng suy thoái của môi trường sinh thái đang đe dọa hiệu ích của thủy điện Hòa bình.

Những nghiên cứu tổng quát bước đầu cho thấy việc xây dựng thủy điện Hòa bình trên sông Đà đã tạo ra những yếu tố mà xét theo những nguyên tắc phương pháp luận về phát triển một vùng lãnh thổ, thì phải được coi là những tài nguyên mới do đầu tư xây dựng thủy điện Hòa bình đem lại, và phải được tính đến trong các quan hệ với những tài nguyên vốn có trong vùng để xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế — xã hội tối ưu. Trên những nét lớn, đó là:

1. Thủy vực hồ sông Đà với cao trình mặt nước 115m, diện tích mặt nước khoảng 185km^2, chu vi khoảng 770 km, có trữ lượng gần 10 tỷ m^3 nước, và theo chế độ vận hành của thủy điện Hòa bình thì hằng năm có một chu kỳ mực nước hồ từ cao trình 115m hạ xuống cao trình 80m trong khoảng 6 tháng, tạo ra một dải đất lớn ngập ở ven hồ. Với những đặc điểm này, thủy vực hồ sông Đà là một dự trữ nước rất lớn, ổn định và phân bố rất rộng, đồng thời cũng là tác nhân của những biến đổi trong chế độ khí hậu thủy văn với những biểu hiện là mực nước ngầm, độ ẩm trong đất và trong không khí, nhiệt độ đều tăng lên... Nó có tác dụng cải thiện môi trường sinh thái đối với vùng đồi núi bao quanh thủy vực quy mô khoảng 4000 km^2 và một số địa phương lân cận còn hàng nghìn héc ta đất có khả năng phát triển nông nghiệp nhưng bị thiếu nước nghiêm trọng và khí hậu khắc nghiệt trong mùa khô lạnh. Do đó, cần và có thể tính đến việc khai thác tích cực tài nguyên đất đai rộng lớn của vùng này để phát triển nông nghiệp mà cho đến nay mới chỉ sử dụng được một phần nhưng còn kém hiệu quả và làm cho đất đai bị thoái hóa ngày càng nghiêm trọng.

2. Thủy vực hồ sông Đà có chiều dài khoảng 200km tính từ nhà máy thủy điện về thượng lưu với nhiều nhánh hồ dài từ 3 đến 5 km, từ 10 đến 15km, có chu vi khoảng 770km và độ sâu trên dưới 80m, là cơ sở hạ tầng rất thuận lợi cho việc phát triển giao thông vận tải thủy ở một vùng đồi núi có địa hình chia cắt mạnh. Phát triển giao thông vận tải thủy trên thủy vực hồ sông Đà sẽ nối liền được với các tuyến đường bộ hiện có, tạo thành một hệ thống giao thông vận tải thủy bộ rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế — xã hội vùng Tây Bắc và đặt sự phát triển này trong tổng thể phát triển của miền Bắc.

3. Nguồn năng lượng dồi dào của thủy điện Hòa bình chỉ tính trong

Digitized by Google

khoảng cách 200km, đã có thể điện khí hóa để ứng dụng phổ biến các công nghệ và kỹ thuật tiến bộ vào việc phát triển các lĩnh vực sản xuất và cải thiện đời sống vật chất, văn hóa, xã hội của gần toàn bộ tỉnh Hòa bình cũ và tỉnh Sơn la.

Do những đặc điểm trên, vùng hồ sông Đà và một số địa phương lân cận thuộc tỉnh Hòa bình cũ và tỉnh Sơn la có những tiềm năng phát triển với quy mô lớn và trình độ thâm canh cao các lĩnh vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp gắn liền với các ngành công nghiệp chế biến; phát triển các ngành công nghiệp khai thác và chế biến những tài nguyên khoáng sản đã biết gồm một số khoáng sản kim loại quý và khoáng sản nguyên liệu của ngành công nghiệp hóa chất, than và vật liệu xây dựng... Điều cần lưu ý là, trong những lĩnh vực phát triển này thì lâm nghiệp sẽ chỉ là một lĩnh vực hợp thành; các nhiệm vụ rất quan trọng như bảo vệ rừng, trồng rừng phòng hộ và rừng kinh tế... sẽ có những điều kiện kinh tế, xã hội và sinh thái thuận lợi để thực hiện.

II — Ý tưởng phát triển kinh tế—xã hội và bảo vệ môi trường

Từ nhận định trên đây về tiềm năng và triển vọng phát triển của vùng hồ sông Đà, vận dụng quan điểm phát triển kinh tế hàng hóa trước hết là theo 3 chương trình kinh tế lớn và Nghị quyết 22 của Bộ chính trị về phát triển kinh tế và xã hội miền núi, có thể đề xuất một số ý tưởng như sau:

1—Với những yếu tố thuận lợi mới về khí hậu thủy văn, cần sử dụng ngay quỹ đất đai còn màu mỡ có độ dốc, quy mô hàng vạn héc ta của vùng đồi núi bao quanh hồ sông Đà, để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa.

Ở đây sẽ phải áp dụng phổ biến phương thức canh tác trên đất dốc như đã làm ở nhiều địa phương miền núi nước ta là kiến thiết ruộng bậc thang, áp dụng chế độ canh tác thích hợp và một cơ cấu trồng trọt, chăn nuôi, kết hợp nông, lâm nghiệp tối ưu. Cũng có thể tính đến các giải pháp thủy lợi, cơ khí hóa, do sẵn có nguồn nước và nguồn năng lượng điện để tưới nước. Với phương thức canh tác này sẽ có thể thực hiện định canh và thâm canh với hiệu quả kinh tế—xã hội cao, bảo vệ và nâng cao được độ màu mỡ của đất đai, khôi phục được cân bằng sinh thái.

Qua khảo sát thực địa cũng đã bước đầu xác định được khả năng khai thác nguồn nước ngầm và sử dụng trữ lượng nước của hồ sông Đà để tăng thêm nguồn nước cho hệ thống thủy lợi ở một số địa phương lân cận vùng hồ. Do đó, có thể thực hiện thâm canh tăng vụ và mở rộng thêm diện tích canh tác với quy mô hàng nghìn héc ta ở các địa phương này.

Trong nền sản xuất tự túc, tự cấp của nhân dân địa phương đã có những sản phẩm thuộc loại nhu cầu tiêu dùng trực tiếp về lương thực, thực phẩm, về nguyên liệu của một số nghề thủ công, về chất đốt và vật liệu xây dựng thực vật. Quan điểm phát triển có ý nghĩa thực tiễn là sẽ dựa vào cơ cấu truyền thống này để chọn lựa và thực hiện thâm canh những đối tượng sản xuất mà sản phẩm có chất lượng tiêu dùng cao, đáp ứng được vững chắc những nhu cầu tại chỗ của nhân dân, đồng thời có một số sản phẩm hàng hóa phù hợp với những đòi hỏi của thị trường trong nước và thế giới. Cơ cấu sản xuất này sẽ gắn liền với phát triển công nghiệp chế biến trên cơ sở ứng dụng công nghệ và kỹ thuật thích hợp; không loại trừ một số công nghệ và kỹ thuật tiên tiến, để nâng cao giá trị của những sản phẩm tiêu dùng tại chỗ

Digitized by Google

và đáp ứng tiêu chuẩn về sản phẩm hàng hóa có thể cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

2— Phát triển nuôi trồng và chế biến thủy sản trong thủy vực hồ sông Đà. Quan điểm phát triển có ý nghĩa thực tiễn là phổ biến trong nhân dân những nghề đánh bắt trên mặt nước lớn và ứng dụng những công nghệ và kỹ thuật nuôi trồng thâm canh ở ven hồ như đã được ứng dụng ở một số địa phương nước ta ; cũng không loại trừ nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật của nước ngoài. Thủy sản sẽ được chế biến theo công nghệ và kỹ thuật thích hợp để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hằng ngày của nhân dân miền núi đang rất thiếu những thực phẩm có giá trị dinh dưỡng, đồng thời cũng sẽ chọn lựa để phát triển một số thủy đặc sản được chế biến theo công nghệ và kỹ thuật hiện đại phù hợp với những tiêu chuẩn về hàng hóa xuất khẩu.

3— Trong điều kiện các nguồn lâm sản tự nhiên đã bị cạn kiệt, việc trồng lại rừng chưa thể đáp ứng sớm những sản phẩm dùng làm chất đốt và vật liệu xây dựng mà nhu cầu không ngừng tăng lên ở địa phương, **công nghiệp vật liệu xây dựng cần được ưu tiên phát triển** trên cơ sở các tài nguyên sẵn có ở địa phương theo công nghệ và kỹ thuật thích hợp của Viện nghiên cứu vật liệu thuộc Bộ xây dựng. Như vậy sẽ có thể hạn chế được việc tàn phá rừng tự nhiên và rừng trồng chưa kịp tái sinh ; giảm bớt được chi phí lao động nặng nhọc trong việc khai thác lâm sản dùng làm vật liệu xây dựng và trong việc thường xuyên phải tu bổ nhà cửa, cải thiện được về cơ bản điều kiện ở đang ngày càng xuống cấp của nhân dân địa phương.

4— Đồng thời với phát triển cơ cấu kinh tế hàng hóa, **cần phát triển giao thông vận tải trên thủy vực hồ sông Đà** với việc xây dựng các bến cảng nối liền với các tuyến đường bộ để tạo thành một hệ thống giao thông vận tải thủy bộ cho phép sử dụng các phương tiện cơ giới trọng tải lớn. Tuy nhiên, cần ưu tiên phát triển các **phương tiện vận tải thủy thủ công và cơ giới nhỏ** trong nhân dân và tập thể mà thực tiễn đã cho thấy rất có tác dụng đối với sản xuất, giao lưu hàng hóa, đi lại ở vùng hồ.

5— Cơ cấu kinh tế đề xuất trên đây là căn cứ vào những điều kiện kinh tế và sinh thái mới được tạo ra do xây dựng thủy điện Hòa bình, cho phép chuyển nền kinh tế truyền thống của các dân tộc địa phương (với đặc trưng là tự cấp, tự túc, dựa vào canh tác nương rẫy và khai thác lâm sản đang làm suy thoái môi trường sinh thái) thành nền kinh tế hàng hóa phồn thịnh.

Để thực hiện sự chuyển biến này sẽ phải **phân bố lại dân cư** để tạo lập những khu vực sản xuất và cư trú trên những địa bàn có đất đai màu mỡ ở ven hồ, có điều kiện phát triển thủy sản, có thuận lợi về cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, về giao thông vận tải... Ở những khu vực này sẽ **xây dựng những tổ chức kinh tế — xã hội cơ sở, có thể theo loại hình nông trại gia đình hợp thành các cụm nông trại.** Mỗi nông trại sẽ có một diện tích ruộng bậc thang để thâm canh và gieo trồng nhiều vụ và một diện tích rừng có các giải pháp kỹ thuật chống xói mòn tương ứng với khả năng lao động của hộ gia đình để sản xuất kinh doanh theo cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp và một số ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp. Mỗi cụm nông trại đều có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng để đáp ứng những nhu cầu chung của sản xuất kinh doanh và những cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội... Mỗi cụm có thể được điện khí hóa và cơ khí hóa với những trình độ và quy mô thích hợp. Việc đề xuất loại hình nông trại

Digitized by Google

gia đình và cụm nông trại là căn cứ vào thực tiễn truyền thống: mỗi hộ gia đình thực chất là một tổ chức kinh tế, trong đó các thành viên thường gồm từ 2 đến 3 thế hệ gắn bó chặt chẽ về lợi ích, các hoạt động kinh tế có sự điều hành thống nhất từ việc xác định nhiệm vụ và mục tiêu sản xuất, phân công lao động và hưởng thụ đến những chuẩn bị để thực hiện những ý định phát triển trong tương lai... Truyền thống này đã tạo nên sức mạnh của hộ gia đình, cần được phát huy trong quá trình chuyển biến từ các hoạt động kinh tế truyền thống thành các hoạt động kinh tế hàng hóa của nông trại. Việc xây dựng các cụm nông trại cũng cần tôn trọng và phát huy các quan hệ thân tộc truyền thống của các hộ gia đình. Các quan hệ này vốn có ý nghĩa tương trợ trong các hoạt động kinh tế và trong đời sống vật chất, văn hóa, xã hội, làm tăng thêm sức mạnh của cộng đồng trong quá trình phát triển cụm nông trại gia đình. Những ý tưởng phát triển được trình bày trên đây có thể coi là **nội dung chủ yếu của loại hình kinh tế sinh thái nhân văn đặc thù của vùng hồ miền núi.**

6— Xét theo quy mô của các tiềm năng thì nguồn nhân lực hiện có của vùng hồ sông Đà sẽ không đủ để phát triển. Do đó, vùng này **có thể tiếp nhận** một bộ phận quan trọng dân cư đang còn sinh sống dựa vào canh tác nương rẫy ở các địa phương lân cận và cũng **là địa bàn xây dựng vùng kinh tế mới,** thực hiện phân bố lao động và dân cư đang thiếu việc làm ở các thành phố và một số vùng đồng bằng miền Bắc trong những điều kiện kinh tế và sinh thái thuận lợi hơn nhiều địa phương miền núi khác.

Với việc thực hiện những ý tưởng phát triển được trình bày trên đây, vùng hồ sông Đà sẽ có thể trở thành một vùng kinh tế hàng hóa quy mô lớn và phồn thịnh ở miền núi Tây Bắc. Nền kinh tế quốc dân sẽ tăng thêm được đáng kể các lực lượng sản xuất vật chất và những khối lượng hàng hóa có giá trị; chuyển được các hoạt động kinh tế truyền thống của nhân dân các dân tộc địa phương dựa chủ yếu vào canh tác nương rẫy và khai thác lâm sản tự nhiên, hao tốn nhiều sức lực, thu nhập bấp bênh, chưa đáp ứng được những nhu cầu tối thiểu và là tác nhân làm suy thoái môi trường sinh thái, thành các hoạt động kinh tế hàng hóa có hiệu quả và thu nhập cao, cải thiện được rõ rệt đời sống vật chất và văn hóa, xã hội; đáp ứng được những yêu cầu về khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái có quan hệ mật thiết với hiệu ích của thủy điện Hòa bình. Với sự phát triển như vậy, vùng hồ sông Đà mới có thể trở thành một môi trường du lịch có giá trị. Và **nhân dân các dân tộc địa phương sẽ thực sự làm chủ công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ vùng lãnh thổ quan trọng này của Tây Bắc nước ta.**

III— Một số quan điểm về đầu tư

Sự trình bày trên đây về tiềm năng, triển vọng và những ý tưởng phát triển kinh tế — xã hội của vùng hồ sông Đà có thể chứng minh cho sự cần thiết và tính hiệu quả của những đầu tư để phát triển vùng này. Cũng xin lưu ý rằng nếu **so với các vùng kinh tế trọng điểm ở Đồng tháp mười thì vùng hồ sông Đà có nhiều thuận lợi** vì sẵn có nguồn nước ngọt dồi dào tại chỗ và chế độ khí hậu thủy văn đã được cải thiện, có quỹ đất đai màu mỡ rộng lớn và nhiều khoáng sản có giá trị; có sẵn cơ sở hạ tầng để phát triển hệ thống giao thông vận tải thủy bộ và rất gần nguồn năng lượng dồi dào của thủy điện Hòa bình.

Tuy nhiên, vì ngân sách của địa phương rất eo hẹp, còn phải dựa vào trợ cấp của trung ương, vì sức lao

Digitized by Google

động của nhân dân địa phương hằng ngày còn phải sử dụng với cường độ cao để sản xuất tự cấp, tự túc, nên đầu tư để phát triển vùng hồ sông Đà cần huy động từ nhiều nguồn, có thể là :

+ Tập trung các nguồn vốn Nhà nước cấp cho các ngành để phát triển kinh tế và văn hóa, xã hội đang được sử dụng rất phân tán và kém hiệu quả ở các địa phương vùng hồ sông Đà.

+ Phối hợp đầu tư giữa các địa phương vùng hồ với các thành phố và địa phương đồng bằng, trước hết là với thủ đô Hà nội, thông qua các dự án liên kết, liên doanh mà hiệu quả phù hợp với nhu cầu và lợi ích của các bên tham gia.

+ Sử dụng quỹ phát triển vùng của ngân sách nhà nước được tạo lập từ việc huy động một phần thu nhập tăng lên của các ngành, các địa phương, do được hưởng những lợi ích của thủy điện Hòa bình.

+ Xây dựng các dự án có thể huy động nguồn tài trợ và đầu tư của nước ngoài.

+ Huy động lực lượng thanh niên xung phong và lực lượng vũ trang làm kinh tế theo chế độ hạch toán. Các lực lượng này sẽ xây dựng các nông trại và cụm nông trại để sau đó các thành viên trong đội ngũ và gia đình họ sẽ là người làm chủ sản xuất kinh doanh hoặc nhượng lại cho nhân dân địa phương và các hộ sẽ được chuyển từ nơi khác đến.

+ Trong tình hình hiện nay cũng có thể tính đến sử dụng lao động của phạm nhân vào việc xây dựng các nông trại để sau thời gian cải tạo, họ và các thành viên trong gia đình có thể trở thành người chủ sản xuất kinh doanh, hoặc nhượng lại cho nhân dân địa phương và các hộ được chuyển từ nơi khác đến.

Quỹ phát triển vùng của ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ và đầu tư của nước ngoài sẽ được cấp dưới các hình thức tín dụng ưu đãi cho việc thực hiện các dự án liên kết, liên doanh và các lực lượng tham gia xây dựng vùng hồ sông Đà.

TƯ TƯỞNG LÊ-NIN...

(Tiếp theo trang 26)

cần đặc biệt lưu ý bài học sau NEP của Liên xô : mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa theo tư tưởng Lê-nin trong NEP (mô hình kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với công hữu là chủ đạo phát triển theo con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác) đã bị xóa bỏ (xem như một bước lùi sách lược tạm thời) là vì Liên xô lúc đó chưa đổi mới đồng bộ các chính sách giai cấp xã hội và thể chế chính trị, không chuyển sang xây dựng cơ cấu xã hội công dân tự do, xây dựng nhà nước pháp quyền dân chủ xã hội chủ nghĩa, trong đó Đảng là đội tiền phong, hạt nhân lãnh đạo chứ không trực tiếp cầm quyền. Nói cách khác, một mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa mang tính thần dân chủ chỉ có thể tồn tại và phát triển với một nhà nước pháp quyền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Không thể có mô hình đó trong chủ nghĩa xã hội hành chính nhà nước.

Digitized by Google

Chiến lược kinh tế của các nước Đông — Nam Á

ĐỖ ĐỨC ĐỊNH *

XEM xét tình hình và đặc điểm quá trình phát triển kinh tế — xã hội của các nước Đông — Nam Á trong mấy thập kỷ qua, có thể rút ra một số nét chung như sau:

1 — Quá trình công nghiệp hóa ở các nước chủ yếu của ASEAN trải qua ba giai đoạn khá rõ rệt. Giai đoạn thứ nhất: bắt đầu công nghiệp hóa từ một nền nông nghiệp hoặc công nghiệp lạc hậu. Giai đoạn thứ hai: xây dựng một cơ cấu công — nông nghiệp trong đó vai trò công nghiệp ngày càng tăng và vượt lên trên nông nghiệp, nhưng nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng tương đối lớn. Giai đoạn thứ ba: công nghiệp phát triển chiếm vị trí chi phối nền kinh tế và tiến vào hàng ngũ những nước công nghiệp mới. Trong số các nước ở Đông — Nam Á, Miến-điện và Bru-nây đang ở giai đoạn khởi đầu. Ma-lai-xi-a, Thái-lan, Phi-lip-pin và In-đô-nê-xi-a đang ở giai đoạn thứ hai, còn Xin-ga-po đã vào giai đoạn thứ ba.

2 — Về quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, trong thời kỳ đầu công nghiệp hóa hầu như tất cả các nước có nhiều tiềm năng nông nghiệp như In-đô-nê-xi-a, Thái-lan, Miến-điện, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin đều coi trọng nông nghiệp hơn công nghiệp. Nhưng về sau, họ đều nhận ra rằng sự quan tâm quá mức đến nông nghiệp đã làm cho tiến trình công nghiệp hóa, đặc biệt là quá trình thay đổi cơ cấu nền kinh tế từ nông nghiệp sang công — nông nghiệp, bị chậm lại. Điều này dễ hiểu vì cả năng suất và giá cả sản phẩm nông nghiệp, hai yếu tố quan trọng nhất trong tính toán hiệu quả kinh tế, đều kém hơn công nghiệp. Hơn nữa, lúc đầu người ta tưởng nông nghiệp là nơi thu hút việc làm tốt nhất, nhưng thực ra nông nghiệp không tạo thêm được nhiều việc làm mới, mà chỉ là nơi chứa số lao động chưa có việc làm bị tồn đọng, trong khi đó chính công nghiệp, nhất là các ngành công nghiệp dùng nhiều lao động và các ngành dịch vụ là nơi tạo ra nhiều việc làm hơn cả. Có thể cách tốt nhất về mặt này là phát triển công nghiệp nhỏ và các ngành phi nông nghiệp ở

* Chuyên viên kinh tế Viện kinh tế thế giới

Digitized by Google

nông thôn. Tại các nước Đông – Nam Á đã diễn ra quá trình di chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, làm cho tỷ trọng số lao động công nghiệp ngày càng tăng lên, trong khi tỷ trọng lao động nông nghiệp ngày càng giảm.

Một hai thập kỷ gần đây một số nước đã chuyển sang coi trọng công nghiệp, điển hình là Thái-lan. Nhờ đó đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao.

3 – Trong các nước Đông – Nam Á đã hình thành hai loại mô hình công nghiệp hóa: một loại coi trọng vai trò công nghiệp nặng ngay từ lúc khởi đầu. Loại khác bắt đầu từ chú trọng các ngành truyền thống, các ngành có giá trị tăng trưởng cao và các ngành dùng nhiều lao động. Chỉ đến thời kỳ gần đây, khi nền kinh tế đã phát triển khá hơn, khả năng tích lũy, tiềm năng công nghệ và cơ sở hạ tầng đã được cải thiện nhiều, họ mới bắt đầu phát triển một số ngành công nghiệp nặng một cách có lựa chọn. Thực tế cho thấy tốc độ tăng trưởng của loại thứ nhất chậm hơn loại thứ hai. Các nước thuộc loại thứ nhất đã đầu tư quá nhiều cho các ngành đòi hỏi vốn lớn, trình độ kỹ thuật cao, thu nhập và năng suất thấp, trong khi nền kinh tế còn quá nghèo nàn và lạc hậu không đủ sức đáp ứng những nhu cầu như vậy.

4 – Mức độ tích lũy và huy động vốn của phần lớn các nước trong khu vực đều khá cao. Việt nam đang phấn đấu để đạt mức tích lũy bằng 23% thu nhập quốc dân. Ấn-độ 25%, trong khi phần lớn các nước ASEAN đã đạt 30%, Xin-ga-po đạt 35% (ngang với Đài-loan, Hồng-công, Nam Triều-tiên). Đây là kết quả của chính sách quản lý năng động cả ở tầm vĩ mô và vi mô, đặc biệt là chính sách kế thừa và phát triển mọi thành phần kinh tế kể cả các thành phần kinh tế tiền tư bản chủ nghĩa, huy động các thành phần này góp phần xây dựng đất nước. Hơn nữa, họ không những huy động ở mức cao các tiềm lực trong nước, mà còn mở cửa rộng rãi, tranh thủ những nguồn vốn to lớn từ bên ngoài.

5 – Mức độ mở cửa và tham gia vào sự phân công lao động quốc tế có xu hướng ngày càng tăng ở tất cả các nước trong vùng, kể cả Miến-điện. Ở các nước ASEAN, xuất khẩu và đầu tư nước ngoài được coi là «đầu tầu» của sự tăng trưởng kinh tế. Đặc điểm của khu vực này là nước nhỏ, thị trường trong nước không lớn, kể cả In-đô-nê-xi-a, sức mua của dân chúng còn thấp. Nhìn chung các nước này có lực lượng lao động dồi dào với giá tương đối rẻ, nhưng thiếu nhiều vốn và kỹ thuật tiên tiến. Có nước còn nghèo về tài nguyên. Trong điều kiện đó, cách tốt nhất là thực hiện chiến lược phát triển một nền kinh tế mở, nhằm tranh thủ những lợi thế trong phân công lao động quốc tế hiện đại để vực nền kinh tế đi lên nhanh chóng. Nhiều nước tập trung cao cho việc phát triển một số mặt hàng chủ lực mạnh, đi đôi với việc đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu. Đồng thời, vận dụng hệ thống thuế quan để bảo vệ thị trường nội địa cho công nghiệp và nông nghiệp trong nước. Đó là những hướng chính trong chiến lược kinh tế đối ngoại.

6 – Coi trọng cơ sở hạ tầng và dịch vụ là một trong những bí quyết mang lại thành công. Việc phát triển các ngành này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành khác phát triển mà bản thân chúng cũng là những ngành mang lại hiệu quả to lớn. Thu nhập từ các ngành này ngày càng tăng nhanh, nhất là ngành du lịch và các ngành dịch vụ hiện đại như thông tin liên lạc, ngân hàng, điện tử... Ở một số nước, dịch vụ đã

Digitized by Google

chiếm tới khoảng 1/2 tổng thu nhập trong nước.

7 – Cơ chế kinh tế của hầu hết các nước khu vực này dựa trên nền tảng kinh tế thị trường. Ngay cả những nước đề cao công tác kế hoạch hóa và có khu vực kinh tế quốc doanh lớn như In-đô-nê-xi-a, việc lập kế hoạch chung cho toàn bộ nền kinh tế cũng như hoạt động của mỗi xí nghiệp quốc doanh đều tuân theo những quy luật của thị trường như quan hệ cung – cầu, cạnh tranh... Quan hệ giữa nhà nước và kinh tế ở đây giống như quan hệ giữa thuyền và gió, nhà nước cần điều hành như thế nào để có thể tạo được sức gió đẩy thuyền đi chứ không phải kéo thuyền lại.

8 – Cơ chế thị trường giúp nền kinh tế tăng trưởng nhanh, nhưng đồng thời cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội trầm trọng như sự chênh lệch lớn về thu nhập, sự xâm nhập của giá trị đạo đức phương Tây và sự xói mòn xã hội truyền thống.

9 – Đẩy mạnh sự hợp tác giữa các nước trong khu vực là một nhân tố quan trọng trong các chương trình phát triển của các nước ASEAN. Tuy sự hợp tác này chưa tác động mạnh tới sự phát triển của mỗi thành viên ASEAN, nhưng nó cũng đã có những đóng góp bước đầu và đã được triển khai trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế – xã hội của các nước này, mặc dù đó mới chỉ là sự phát triển theo chiều rộng hơn là chiều sâu. Buôn bán giữa các nước thành viên ASEAN đạt khoảng 15 – 17% tổng giá trị ngoại thương của họ, tương đương mức buôn bán của họ với các nước thị trường chung châu Âu (EEC). Trong ngoại giao kinh tế, các nước này đã xây dựng được một lập trường thương lượng tập thể với một số nước và nhóm nước như với Mỹ, Nhật, Ca-na-đa, Ô-xtơ-rê-li-a. EEC. Lập trường này chưa mang lại kết quả lớn, nhưng những đối tượng nói trên bước đầu đã phải có một số nhượng bộ nhất định, như có một số ưu đãi ngoại thương, tăng phần nào viện trợ phát triển v.v.

10 – Một yếu tố hết sức quan trọng để duy trì mức tăng trưởng cao và lâu bền là sự ổn định chính trị – xã hội, cho dù đó là chế độ nhà vua như ở Thái-lan, chế độ đa đảng ở phần lớn các nước ASEAN hay chế độ một đảng như ở Xin-ga-po. Thực tế bốn thập kỷ qua chứng minh rằng những nước đạt tốc độ tăng trưởng cao liên tục trong những thời kỳ dài như Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a là những nước tương đối ổn định về mặt chính trị và xã hội.

★

Về số dân, về tiềm lực kinh tế, Việt nam là một thành viên rất quan trọng trong khu vực Đông – Nam Á. Trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực hiện nay, sự hợp tác với các nước trong khu vực là một nhu cầu khách quan không thể coi nhẹ trong chiến lược kinh tế xã hội của nước ta.

Hiện nay, nền kinh tế nước ta còn nhiều khó khăn to lớn: vốn thiếu, cơ sở hạ tầng kém, mức tích lũy thấp, thị trường trong nước nhỏ bé, trình độ công nghệ thấp, tình trạng xí nghiệp làm ăn thua lỗ còn nhiều, luật pháp nói chung và luật kinh tế nói riêng còn rất thiếu, bộ máy hành chính quan liêu, cồng kềnh và cách chỉ đạo không nhất quán. Những yếu kém đó chưa tạo ra được một bầu không khí đầu tư, kinh doanh năng động. Những đổi mới kể từ Đại hội VI của Đảng, tuy đã mở ra một số hướng có triển vọng, nhưng những giải pháp đã có một phần vẫn bị khuôn khổ cũ trói buộc, một phần tuy đã vượt ra khỏi khuôn khổ cũ, nhưng vươn tới mô hình mới nào thì chưa thật rõ. Sự quyết tâm từ bỏ cơ

Digitized by Google

chế hành chính quan liêu, bao cấp đã được khẳng định, nhưng có áp dụng các biện pháp của cơ chế thị trường hay không, áp dụng đến đâu, vị trí của kinh tế tư nhân và các loại thị trường vốn, tiền tệ, lao động... như thế nào, còn đang trong quá trình nghiên cứu, thử nghiệm, thậm chí có việc còn dẫn đo, không dứt khoát. Thực tiễn của những nền kinh tế năng động, hiệu quả và phồn vinh đều cho thấy, chỉ có khẳng định và xử lí tốt các vấn đề nói trên, mới thực hiện được việc hợp tác kinh tế ở khu vực và trên thế giới có lợi cho mình. Do vậy, việc tìm kiếm một mô hình kinh tế thích hợp cho nước ta đang là một nhu cầu bức thiết của công cuộc đổi mới.

Cho đến nay, nhiều nước đang phát triển đã tìm ra được mô hình tương đối thích hợp và phát huy tác dụng khá tốt trong hoàn cảnh của họ. Đó là mô hình công nghiệp mới của « bốn con rồng » châu Á. Mô hình kinh tế hỗn hợp của Ấn độ. Mô hình nông — công nghiệp mới của Thái-lan. Đối với Việt nam, một nước đi sau trong quá trình công nghiệp hóa và theo đuổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, thì hai đòi hỏi lớn nhất là thực hiện công nghiệp hóa nhanh chóng và thực hiện công bằng xã hội. Trong điều kiện đó, mô hình thích hợp với nước ta có thể là mô hình nông — công nghiệp mới xã hội chủ nghĩa. Cái « mới » của mô hình này là ở chỗ nó không chỉ coi trọng sản xuất lương thực, mà chú ý hơn tới nông sản hàng hóa và chế biến nông sản, chuyển trọng tâm từ công nghiệp nặng sang các ngành công nghiệp có giá trị tăng trưởng cao và thực hiện công bằng xã hội thông qua chính sách nhà nước phúc lợi của người lao động (lấy nhà nước điều tiết thu nhập thay cho nhà nước sở hữu đại trà).

Yếu tố có tính nguyên tắc và chi phối của mô hình này là hiệu quả kinh tế. Chính xuất phát từ nguyên tắc hiệu quả kinh tế mà quan niệm về cơ cấu kinh tế và cơ chế kinh tế cần được thay đổi. Trước đây do quá thiếu lương thực, cần đảm bảo đủ lương thực cho dân bằng mọi giá mà phải đưa nông nghiệp (chủ yếu là các ngành sản xuất lương thực) lên thành « mặt trận hàng đầu ». Sau khi đã bảo đảm chắc chắn có thể tự túc được lương thực và có dư lương thực để xuất khẩu, nên chăng cần đưa công nghiệp, trước hết là công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, xuất khẩu và các ngành dịch vụ lên hàng đầu. Đó là những ngành có hiệu quả cao hơn nông nghiệp, xét cả về mặt năng suất lao động, giá cả sản phẩm và tạo việc làm. Hơn nữa bản thân nông nghiệp cũng cần đổi mới theo hướng không nên đầu tư mọi giá cho sản xuất lương thực như mô hình tự cấp tự túc trước đây, mà chỉ nên sản xuất lương thực ở những vùng đảm bảo có hiệu quả cao. Còn nơi nào dầu tư cao mà năng suất lao động và sản lượng lương thực thấp như các vùng trung du, miền núi, thì cần chuyển thành các vùng chuyên canh cây nông sản hàng hóa theo điều kiện thích hợp của mỗi vùng, như phát triển chè, cao su, lạc, đỗ tương, cà phê...

Về mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế, nên có một cơ cấu bổ sung cho nhau trong khuôn khổ chính sách điều tiết của nhà nước và cạnh tranh tự do trên thị trường. Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh cần được xác định như một công cụ có hiệu lực và có kết quả cụ thể trong việc điều tiết vĩ mô. Phạm vi của kinh tế quốc doanh là những ngành quan trọng nhất mang ý nghĩa chiến lược, chứ không phải sở hữu quốc doanh đại trà, hình thức, không có hiệu quả kinh tế. Với mô hình này, cùng với quá trình tìm tòi những công cụ kinh tế mới của chủ nghĩa xã hội, chúng ta có thể sử dụng những công cụ kinh tế của chủ nghĩa tư bản nhà nước để phục vụ mục tiêu của chúng ta.

Digitized by Google

● Trao đổi

THỊ TRƯỜNG – NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH MỞ CỬA

NGUYỄN THẾ UẨN *

CHÚNG ta thường nói nhiều đến chính sách mở cửa, nhưng lại không quan tâm đúng mức đến chính sách thị trường. Thật ra mở cửa và thị trường là hai vấn đề có liên quan chặt chẽ với nhau. Đối với một nước, nếu không có một chính sách thị trường đúng đắn thì không thể có một chính sách mở cửa chủ động và hoàn chỉnh.

Trong nhiều năm, chúng ta đã áp dụng một chính sách mở cửa không kèm theo những mục tiêu và điều kiện rõ ràng, cho nên đã gây nên những hậu quả nghiêm trọng:

Thứ nhất là mở cửa theo lối phó mặc cho nhiều ngành, nhiều địa phương và nhiều công ty tự điều tiết thị trường không những trong nước mà cả ngoài nước. Với một hệ thống giao dịch đối ngoại đa trung tâm mà nhà nước không kiểm tra, kiểm soát được, thì làm sao có thể nói đến một chính sách mở cửa lành mạnh.

Thứ hai là manh mún hóa ngoại thương đến mức độ mà hai yếu tố hàng–tiền trong lĩnh vực này bị xé ra nhiều phần bé nhỏ, không còn đủ sức cạnh tranh với thị trường bên ngoài. Mở cửa mà lại chia năm xẻ bảy như vậy thì thật sự không có lợi gì. Bởi vì, với buôn bán quy mô nhỏ, chúng ta chỉ có thể có quan hệ với thương nhân nhỏ, không thể có quan hệ với thương nhân lớn qua đó tranh thủ lợi thế về thương mại, về đầu tư và tín dụng. Buôn bán với thương nhân nhỏ theo lối cò con, bấp bênh và bị động thì khó có thể xây dựng được một thị trường đối ngoại lâu dài và ổn định.

Thứ ba là nạn tranh mua, tranh bán từ phía ta (do có quá nhiều tổ chức được phép trực tiếp xuất, nhập khẩu và xuất, nhập khẩu tổng hợp và tự chủ kinh doanh, nhà nước không đủ sức kiểm tra, kiểm soát) đã làm cho thị trường đối ngoại vốn đã khó khăn lại càng khó khăn thêm. Trong thực tế chỉ có một thương nhân nước ngoài nào đó nhưng lại có hàng chục

* Phó tiến sĩ kinh tế học

Digitized by Google

tổ chức xuất nhập khẩu trong nước bám theo để tranh mua, tranh bán một mặt hàng thì làm gì còn có thể mạnh và không tránh khỏi bị chèn ép, lừa bịp và bao vây, làm thiệt hại không nhỏ đến lợi ích chung của đất nước. Còn cái gọi là lợi nhuận chênh lệch giá trong nước « thường được đốt pháo ăn mừng » chỉ là lợi nhuận giả tạo.

Hiện nay, do mở cửa tràn lan, nên những tác động tiêu cực của thị trường ngoài nước đang dồn dập tấn công vào thị trường nội địa: hàng ngoại loại bỏ hàng nội, sản xuất mất thị trường đang lâm vào tình trạng đình đốn, thất nghiệp tăng và thu nhập của người lao động giảm, sức mua có khả năng thanh toán của xã hội bị thu hẹp, hàng hóa ế ẩm. Đời sống của người lao động ngày càng khó khăn hơn. Và đến lượt hàng ngoại nhập vào cũng ế ẩm và khó bán.

Thứ tư là mâu thuẫn giữa hai khu vực thị trường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa (thực chất là mâu thuẫn giữa hai cơ chế kế hoạch và thị trường) ngày càng gay gắt. Để cho cơ chế kế hoạch hóa đơn phương chống đỡ với thị trường tự do đang được khuyến khích thì khó có thể giải quyết được vấn đề. Kết quả trong cuộc đọ sức đó, đồng USD thông qua thị trường tự do gây sức ép ngày càng mạnh đối với đồng rúp (bởi vì đồng rúp chỉ là tiền tệ ghi sổ bị trói buộc vào việc trao đổi hàng hóa theo kế hoạch mà hiện đang « kẹt » về cơ chế).

★

Để có thể tăng cường các quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm sử dụng đến mức cao nhất những lợi thế của phân công lao động quốc tế phục vụ cho nền kinh tế quốc dân phát triển cân đối và có hiệu quả, chúng ta cần làm sáng tỏ một số vấn đề quan trọng sau:

1—Mối quan hệ biện chứng giữa thị trường trong nước và thị trường ngoài nước.

Chúng ta thường xem xét tách bạch giữa thị trường trong nước và thị trường ngoài nước. Điều đó hoàn toàn không đúng, vì thị trường trong nước và ngoài nước có quan hệ chặt chẽ với nhau. Sản xuất và tiêu thụ trong một nước không chỉ liên quan đến thị trường trong nước mà còn liên quan đến thị trường ngoài nước. Ngoại thương thực ra chỉ là cầu nối giữa thị trường trong nước và ngoài nước. Cầu nối này mở rộng hay thu hẹp là do mục tiêu và điều kiện phát triển kinh tế của mỗi nước quyết định. Vai trò của thị trường trong nước rất quan trọng. Nó phải là điểm xuất phát của mọi chiến lược xuất nhập khẩu. Thị trường ngoài nước dù có mở rộng đến đâu thì cũng chỉ là lực lượng bổ sung, chứ không thể là nhân tố quyết định. Do nhận thức mối quan hệ biện chứng nói trên không đúng, cho nên đã không tránh khỏi sai lầm như:

Thả nổi thị trường trong nước để cho nó phát triển một cách tự phát, đơn phương chống chọi với thị trường ngoài nước. Một số người cho rằng: cứ để mặc cho các yếu tố cạnh tranh từ bên ngoài tác động vào thì sản xuất trong nước mới đi lên được (tức là mới cải tiến được chất lượng và hạ được giá thành). Ý kiến đó mới nghe qua tưởng như đúng. Song sự thực không phải như vậy, bởi vì chưa có một nước kinh tế lạc hậu nào có thể đi lên sản xuất lớn bằng con đường để cho yếu tố cạnh tranh từ bên ngoài tự do tác động vào.

Thực tế cho thấy, chừng nào chưa có một nền công nghiệp mạnh và có

Digitized by Google

hiệu quả thì chưa thể có đủ sức để cạnh tranh với thị trường ngoài nước. Để cho nền công nghiệp non trẻ tự đương đầu với sự chống phá của thị trường bên ngoài có nghĩa là để cho thị trường bên ngoài bóp chết nền công nghiệp non trẻ trong nước. Tiếng kêu cứu của sản xuất trong nước trước tai họa hàng ngoại xâm nhập trong những năm gần đây đã chứng minh điều đó.

– Thị trường nội địa của ta có nhiều đặc điểm chưa được khai thác. Đó là thị trường của hơn 65 triệu dân mà đại bộ phận sống bằng lao động nông nghiệp và thủ công nghiệp. Trên thị trường đó có nhiều mặt hàng thiết yếu mà về số lượng và chất lượng đều chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của quảng đại quần chúng. Nếu có những biện pháp và chính sách tích cực và có hiệu lực để điều tiết lại thu nhập quốc dân có lợi cho người sản xuất, thì có thể tăng sức mua của xã hội lên. Để có được một nền sản xuất hàng hóa đa dạng và có hiệu quả, chúng ta cần sử dụng có chọn lọc các lợi thế xuất, nhập khẩu, để thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, đáp ứng nhu cầu thị trường rộng lớn trong nước.

2 – Thực hiện chính sách mở cửa theo quan điểm nào?

Các quan hệ kinh tế đối ngoại mang tính chất quốc gia rõ rệt, bởi vì các chủ thể quan hệ là các quốc gia riêng lẻ và có lợi ích độc lập với nhau. Các lợi ích quốc gia này được phân chia thông qua cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa các nước, và kết quả cuối cùng là do so sánh lực lượng quyết định.

Mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài, trước hết phải bảo đảm được lợi ích quốc gia. Đó là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất đối với mọi hoạt động kinh tế đối ngoại, trong đó nhà nước luôn giữ vai trò là trung tâm điều tiết vì lợi ích quốc gia. Để thực hiện được vai trò này, nhà nước cần chú trọng mấy điểm sau đây:

– Vạch chiến lược ngoại thương dài hạn cho đất nước và kiên trì chiến lược đó (tất nhiên, không loại trừ những điều chỉnh và bổ sung để chiến lược đó luôn luôn có sức sống).

– Xây dựng một hệ thống luật pháp đủ mạnh để có thể quản lý thống nhất các hoạt động kinh tế đối ngoại trong cả nước.

– Hình thành một hệ thống tổ chức có đủ khả năng và trình độ thực hiện tốt nhất các khâu nghiệp vụ của kinh tế đối ngoại.

– Nắm quyền kiểm tra, kiểm soát đối với toàn bộ các hoạt động kinh tế đối ngoại, đặc biệt là đối với các khâu giao dịch đối ngoại, khâu tập trung mọi phức tạp của mối quan hệ trong nước và ngoài nước.

Trong những năm gần đây, chúng ta đã phân tán ngoại thương trên một bình diện quá rộng. Có hàng mấy trăm đơn vị lớn bé. Nhiều đơn vị được thành lập rất tùy tiện, không đủ điều kiện so với các văn bản pháp quy của nhà nước, đặc biệt là Quyết định 217 và Nghị định 61 HĐBT. Các đơn vị kinh tế được quyền trực tiếp xuất, nhập khẩu thì hoạt động gần như độc lập, nhà nước không kiểm tra kiểm soát được, gây lộn xộn trong kinh doanh. Hàng và ngoại tệ phân tán, chạy vòng vèo. Ngoại tệ thu được do xuất khẩu sang khu vực thị trường tư bản chủ nghĩa, nhà nước không chế được rất ít (ví dụ năm 1988, nhà nước chỉ nắm được không quá 10% kim ngạch xuất sang khu vực đó). Ngược lại, đối với khu vực thị trường xã hội chủ nghĩa, mặc dù xuất 1 nhập 3, 4 và nhà nước nắm gần như toàn bộ xuất nhập khẩu, nhưng do cơ chế kế hoạch hóa cũ chưa được tháo gỡ nên việc huy động hàng xuất khẩu gặp nhiều khó khăn và bế tắc (ví dụ năm 1988 trong lúc nhập từ khu vực

Digitized by Google

này là 1922 triệu rúp thì xuất sang khu vực này chỉ có 571 triệu rúp). Rõ ràng, những yếu tố tập trung trong kinh tế đối ngoại của nước ta không còn hiệu lực, bởi vì hàng — tiền, sức mạnh vật chất đó đã bị phân tán, và trong nhiều năm qua, cán cân mậu dịch của trung ương thì thâm hụt, còn của địa phương thì dư thừa.

«Mở cửa» mà trung ương không nắm và điều hành được hoạt động xuất, nhập khẩu thì sẽ dẫn đến tình trạng vô chính phủ, xé rào trong công tác đối ngoại.

«Hoạt động xuất, nhập khẩu phải chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương, trung ương thống nhất quản lý xuất, nhập khẩu theo kế hoạch, pháp luật và chính sách» (1).

Để thực hiện nhiệm vụ nói trên, không có con đường nào khác là áp dụng một chính sách mở cửa theo quan điểm nhà nước độc quyền ngoại thương, trung ương thống nhất quản lý, như Đại hội VI đã nêu rõ.

3 — Mục tiêu cơ bản của việc áp dụng chính sách mở cửa.

Đối với một nước, quan hệ kinh tế đối ngoại phải trực tiếp và gián tiếp thúc đẩy toàn bộ quá trình tái sản xuất trong nước, không những trước mắt mà cả về lâu dài. Đối với nước ta, tác động đó có thể thực hiện thông qua các mặt sau:

— Góp phần cân đối các quá trình tái sản xuất trên quy mô hiện có. Đây là nhiệm vụ trước mắt nhưng rất quan trọng, vì có khai thác hết cái hiện có, mới tạo được điều kiện để đi lên.

— Bằng con đường vay để nhập, ngoại thương phải góp phần đắc lực để thực hiện nhiệm vụ tích lũy ban đầu của thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn — sản xuất hàng hóa hiện đại.

— Bổ sung quỹ hàng hóa tiêu dùng, đặc biệt là hàng hóa tiêu dùng thiết yếu đã ổn định, và phát triển thị trường trong nước đủ sức cân đối sản xuất và nội tiêu.

Những mục tiêu nói trên có quan hệ chặt chẽ với nhau. Tuy nhiên, việc phục vụ phát triển sản xuất trước mắt và cả lâu dài, có ý nghĩa quyết định.

4 — Chính sách mở cửa dành cho ai?

Bất kỳ nước nào, nếu có chính sách thị trường đúng đắn, có cơ cấu thương khách ổn định, đều có thể thực hiện thành công các quan hệ kinh tế đối ngoại. Đối với nước ta, chính sách đó đã được định hình trên cơ sở lấy khu vực I (gồm các nước xã hội chủ nghĩa) làm thị trường chủ lực, đồng thời mở rộng quan hệ buôn bán với các nước khu vực II (gồm các nước ngoài xã hội chủ nghĩa). Trước tình hình buôn bán với các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng khó khăn như hiện nay, chính sách thị trường đối ngoại của ta có thay đổi gì không? Theo tôi, về cơ bản không thay đổi, bởi vì các quan hệ kinh tế đối ngoại của một nước không chỉ thuần túy mang tính chất kinh tế — thương mại, mà còn chịu sự chi phối không nhỏ của các yếu tố chính trị và ngoại giao. Là một nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta không thể không lấy việc hợp tác kinh tế và buôn bán với các nước xã hội chủ nghĩa làm chỗ dựa. Trước mắt, có thể có khó khăn, nhưng về lâu dài (một khi tình hình ổn đẹp trở lại) thì thuận lợi sẽ nhiều. Chúng ta không thể ảo tưởng chỉ dựa vào thị trường các nước tư bản chủ nghĩa mà có thể xây dựng thành công một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phồn vinh và hiện đại. Đương nhiên, không thể không tranh

(1) Văn kiện Đại hội VI của Đảng. *Tạp chí Cộng sản* số 1-1987, tr. 55

Digitized by Google

thủ các lợi thế của thị trường này để bổ sung cho quá trình đi lên của đất nước.

Để xác định cơ cấu thị trường đối ngoại cho một thời kỳ, nhà nước căn cứ vào các yếu tố:

+ Khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu của nước ta. Có khả năng làm hàng xuất khẩu đến đâu thì mở rộng đến đấy, không phô trương và dàn mỏng lực lượng xuất khẩu.

+ Tùy theo khả năng thanh toán đối ngoại đối với hàng nhập khẩu, lựa chọn các mặt hàng và thị trường phù hợp với yêu cầu của mình để có thể tranh thủ điều kiện có lợi. Chỉ tập trung cao độ, nhập khẩu mới tranh thủ được điều kiện ưu đãi.

+ Chính sách phát triển kinh tế căn dựa trên chiến lược kinh tế — xã hội, và từ đó sẽ xác định bước đi của sản xuất hàng xuất khẩu và nội tiêu của đất nước.

+ Đường lối đối ngoại đối với các khu vực và các nước khác nhau, thuận lợi hay không thuận lợi cho việc mở rộng mạng lưới thương nhân.

Hiện nay, do tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, đặc biệt do sản xuất đang trong tình trạng "kẹt sỏ" chưa gỡ được, chúng ta cần chọn thị trường cho kỹ để có thể tranh thủ được thuận lợi từ bên ngoài gỡ bí cho sản xuất trong nước. Với phương châm "buôn có bạn, bán có phường", trong công tác kinh doanh xuất nhập khẩu, chúng ta phải năng động lấy hiệu quả kinh tế làm cứu cánh để đưa đất nước ta từng bước đi lên. Một trong những phương án lựa chọn có tính khả thi lớn, là tiếp tục tăng cường và mở rộng các quan hệ hợp tác kinh tế và trao đổi hàng hóa với Liên xô và khai thác có trọng điểm các thị trường gần như Nhật-bản, Hồng-công, Xin-ga-po, Nam Triều-tiên, Đài-loan và Thái lan...

Về cơ cấu cụ thể, cần chú ý tăng cường tỷ lệ buôn bán với các thương nhân lớn có tiềm năng để có thể ổn định được thị trường lâu dài. Tất nhiên, muốn làm ăn với thương nhân lớn thì cần có khả năng về hàng — tiền đến một mức độ nhất định, và phải gây được tín nhiệm trong buôn bán và hợp tác. Hiện nay, mạng lưới thương nhân nhỏ còn cần thiết, vì nó phù hợp với tình trạng ngoại thương manh mún của ta. Nếu thực hiện đúng chủ trương tập trung đầu mối trong giao dịch đối ngoại thì rõ ràng phải thu hẹp dần mạng lưới thương nhân nhỏ.

Nói tóm lại, mở cửa cho ai là vấn đề rất quan trọng. Điều đó chỉ có nhà nước đứng trên giác độ tổng hợp của nhiều yếu tố khách quan về chính trị, kinh tế, xã hội, ngoại giao, v.v. của đất nước, mới có thể xác định chính xác. Nếu tùy tiện, một chiều sẽ không tránh khỏi thất bại.

Digitized by Google

Quan điểm lý luận — thực tiễn về kinh doanh tiền tệ

TRẦN NGỌC HIÊN *

KINH doanh tiền tệ là lĩnh vực kinh doanh khó khăn nhất và phức tạp nhất. Chỉ khi nào giải quyết thành công vấn đề này thì kinh tế hàng hóa mới đi vào hoạt động lành mạnh và phát triển.

Ở nước ta, đây là vấn đề cấp bách cần giải quyết để góp phần tăng thêm tính ổn định mới đạt được, giảm dần những nhân tố gây nên nguy cơ rối loạn kinh tế vẫn còn rất lớn trong nền kinh tế nước ta. Muốn vậy, ít nhất cũng phải làm rõ một số quan điểm lý luận — thực tiễn và phương hướng của vấn đề này, nhất là hệ thống kinh doanh tiền tệ ngoài quốc doanh.

1 — Kinh doanh tiền tệ là sự phân công xã hội

Cách đây nhiều thế kỷ, cùng với sự phát triển kinh tế hàng hóa, đã xuất hiện **nghề buôn tiền**, hay còn gọi là nghề kinh doanh tiền tệ.

Nghề buôn tiền ra đời do nhu cầu hai mặt: lưu thông hàng hóa và lưu thông tiền tệ. Quy mô của nghề buôn tiền phụ thuộc vào nhu cầu lưu thông hàng hóa và lưu thông tiền tệ. Trong nền kinh tế hàng hóa phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, nghề kinh doanh tiền tệ giải quyết những yêu cầu chủ yếu của sự phát triển kinh tế sau đây:

— Giải quyết yêu cầu **thao tác kỹ thuật** của lưu thông tiền tệ từ đó đáp ứng yêu cầu lưu thông hàng hóa bằng cách làm đơn giản hóa, tập trung những thao tác kỹ thuật của nhiều khâu giao dịch, nhờ đó rút ngắn thời gian cần thiết trong việc đi vay, cho vay, kế toán, thanh toán trên phạm vi xã hội.

— Thu hút vốn nhàn rỗi, phân tán trong nhân dân, điều hòa vốn, tạo ra một nguồn tích lũy ban đầu cho sản xuất, giảm nguồn tích trữ trong nhân dân.

— Kinh tế hàng hóa càng phát triển, nghề kinh doanh tiền cũng có vị trí quan trọng đặc biệt khi nó trở thành một **chủ đầu tư**, kiểm soát chi phối quá trình tái sản xuất xã hội. Lúc đó, nó trở thành một bộ máy kinh doanh to lớn.

* Giáo sư, phó tiến sĩ kinh tế học — Học viện Nguyễn Ái Quốc

Digitized by Google

Giải quyết những yêu cầu nói trên, kinh doanh tiền tệ, cả hệ thống ngân hàng quốc doanh và hệ thống ngoài quốc doanh, trở thành một nghề riêng biệt. Do đó, nó là **một khâu của phân công lao động xã hội**, nằm trong cơ cấu kinh tế.

Mấy năm qua, nghề kinh doanh tiền tệ nước ta đã bắt đầu phát triển. Tuy nhiên, nhiều nơi đã không đi đúng tính quy luật nói trên. Ở mức độ lớn, kinh doanh tiền tệ (cả một bộ phận quốc doanh và bộ phận ngoài quốc doanh) đã tách rời yêu cầu sản xuất và lưu thông đúng đắn. Có khi nó **bất chấp** yêu cầu đó và hành động như những kẻ cho vay nặng lãi tàn ác. Vì vậy, trình độ nghiệp vụ tín dụng, ngân hàng rất thấp và lạc hậu, đã kìm hãm kinh tế hàng hóa phát triển đúng hướng. Điều đó cắt nghĩa vì sao rất nhiều người kinh doanh tiền tệ giàu lên nhanh chóng, trong khi sản xuất xã hội lâm vào tình trạng khó khăn.

2 — Hiệu quả kinh doanh tiền tệ là một bộ phận của hiệu quả tái sản xuất xã hội

Nghề kinh doanh tiền tệ một khi đã là sự phân công xã hội thì nó được « trả công » tỷ lệ với đóng góp của nó làm lợi cho lưu thông tiền tệ, lưu thông và sản xuất hàng hóa.

Trong sản xuất hàng hóa nhỏ, hiệu quả kinh doanh tiền tệ chủ yếu nhờ cho vay nặng lãi. Tác dụng của phương thức cho vay nặng lãi là thúc đẩy sự tan rã của phương thức sản xuất cũ chứ không xây dựng phương thức mới. Vì vậy, sự phát triển của cho vay nặng lãi **tỷ lệ nghịch** với quá trình tái sản xuất mở rộng kinh tế hàng hóa.

Phương thức kinh doanh tiền tệ lỗi thời này hiện đang tái hiện ở nước ta (ở cả một bộ phận cơ quan ngân hàng và hợp tác xã tín dụng), đã gây ra tác dụng phá hoại nghiêm trọng.

Trong sản xuất hàng hóa lớn, đồng vốn sinh lợi phải trải qua quá trình sản xuất hàng hóa (T—H—Sx—H'—T') và lưu thông hàng hóa (T—H—T'). Trên cơ sở vận động của tái sản xuất xã hội tạo ra tổng lợi nhuận mà có hiệu quả kinh doanh tiền tệ. Kinh doanh tiền tệ đang được thể hiện ở bề mặt là T—T', nhưng hiệu quả của nó chỉ là một bộ phận trong tổng lợi nhuận của xã hội. Hiệu quả đó càng lớn khi trình độ hợp lý hóa càng cao về nghiệp vụ và chiến lược đầu tư đúng. Đây là yêu cầu cần thiết của kinh doanh tiền tệ hiện đại, mà trình độ của nước ta còn khoảng cách rất lớn.

3 — Xác định chủ thể kinh doanh tiền tệ

Cũng như các chủ thể kinh doanh lĩnh vực khác, người kinh doanh tiền tệ là một chủ thể, có mọi quyền pháp nhân và trách nhiệm đối với xã hội.

Người kinh doanh tiền tệ nắm trong tay vốn xã hội, phục vụ chung cho toàn bộ giới kinh doanh, để bảo đảm rút ngắn thời gian lưu thông, thời gian thanh toán, thời gian sinh lợi và giảm vốn dự trữ của xã hội, so với mỗi nhà kinh doanh tự làm lấy.

Vì vậy, chủ thể kinh doanh tiền tệ có một vai trò về hai mặt: **thứ nhất**, phục vụ cho toàn bộ các nhà kinh doanh trong tất cả các thành phần kinh tế; **thứ hai**, kinh doanh tiền tệ nhằm xây dựng **phương thức sản xuất mới**. Người kinh doanh tiền tệ phải là đại biểu cho quan hệ sản xuất tiến bộ, có trách nhiệm phát huy tiềm lực các thành phần kinh tế gắn liền với yêu cầu xây dựng và củng cố vị trí kinh tế của giai cấp lãnh đạo và nền tài chính quốc gia.

Vai trò hai mặt đó là vai trò của những người lãnh đạo ngân hàng và người kinh doanh tiền tệ ngoài quốc doanh.

Ngân hàng — chủ thể kinh doanh tiền tệ rất lớn, phải xây dựng **chiến lược**

Digitized by Google

vốn của nhà nước và triển khai chiến lược đó dưới hình thức kinh doanh tiền tệ, nhằm thúc đẩy cơ cấu kinh tế mới ra đời và phát triển.

Người kinh doanh tiền tệ ngoài quốc doanh dưới hình thức hợp tác xã tín dụng, công ty cổ phần tín dụng, hay ngân hàng cổ phần, là loại hình kinh doanh mang tính nhân dân. Đó là những tổ chức hợp tác mà **người sở hữu là hội đồng quản trị**, nhằm hỗ trợ thúc đẩy kinh tế hợp tác, tư nhân và cá thể phát triển theo hướng có lợi cho kinh tế quốc dân. Công ty cổ phần tín dụng là biện pháp **lưu thông vốn** mà nhờ đó có thể xây dựng những công trình vượt xa quy mô tích lũy, với thời gian sớm hơn nhiều thời gian cần thiết để có số vốn tương tự.

Hiện nay, có những hoạt động kinh doanh tiền tệ không phải hình thức cổ phần, thường đi vào xu hướng cho vay nặng lãi đã lỗi thời, rất có hại.

4—Vai trò quản lý nhà nước đối với kinh doanh tiền tệ

Vai trò này đặc biệt quan trọng trong mọi giai đoạn, nhất là giai đoạn đầu của công cuộc xây dựng kinh tế. Hệ thống ngân hàng nước ta ra đời từ nhiều năm, nhưng rất lạc hậu, cả về bố trí hệ thống tổ chức, về nghiệp vụ và tư tưởng chiến lược. Nguyên nhân cơ bản là do trình độ quản lý nhà nước còn non yếu. Trong điều kiện kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và mở cửa, sự lạc hậu của lĩnh vực ngân hàng, tài chính là một nhân tố kìm hãm lớn nhất và tạo ra nguy cơ lớn ngay từ lĩnh vực tài chính quốc gia. Sự lạc hậu đó kéo theo sự lạc hậu trong công tác kế hoạch hóa, sử dụng các đòn bẩy, công tác kiểm soát thanh tra, hoạt động kinh tế đối ngoại. Nếu không sớm khắc phục tình trạng này thì không thể nói đến định hướng đúng của nền kinh tế trên thực tế.

Để cho hoạt động kinh doanh tiền tệ đúng hướng và có hiệu quả, Nhà nước phải tìm ra đề án đổi mới **có tính cách mạng** trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ. Trong đó, việc tổ chức lại **hệ thống ngân hàng** phải theo yêu cầu kinh tế chứ không phải yêu cầu hành chính. Ngân hàng là một hệ thống hoàn chỉnh, hữu cơ, có nhiệm vụ cơ bản nhất là triển khai **chiến lược vốn** cho nhu cầu xây dựng thành công **cơ sở kinh tế ban đầu** của chủ nghĩa xã hội, từ một nền nông nghiệp lạc hậu. Đó là quan điểm chiến lược chỉ đạo mọi nội dung kinh tế và nghiệp vụ ngân hàng. Hãy hướng tới xây dựng một hệ thống như ngân hàng tư bản hiện đại nhưng nhằm mục tiêu chủ nghĩa xã hội và phù hợp với chặng đường đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Muốn vậy, phải có những cán bộ có tầm chiến lược, vượt khỏi chủ nghĩa nghiệp vụ và chủ nghĩa giáo điều, có đủ bản lĩnh học hỏi, nắm vững kinh doanh ngân hàng tư bản và vận dụng vào nước ta.

Hoạt động ngân hàng có liên quan chặt chẽ đến hoạt động tài chính. Do đó, công cuộc đổi mới có tính cách mạng phải dựa trên chiến lược tài chính quốc gia (bao trùm phạm vi rộng hơn chiến lược vốn).

Đổi mới lĩnh vực ngân hàng, tài chính là điều kiện để thực hiện cổ phần hóa hoạt động kinh doanh tiền tệ ngoài quốc doanh. Cần nghiên cứu các thể chế về mối quan hệ giữa ngân hàng với các công ty cổ phần kinh doanh tiền tệ, về vốn, quản lý nhà nước, bồi dưỡng nghiệp vụ và quản lý. Nghiên cứu xây dựng điều lệ thành lập công ty cổ phần tín dụng nhằm bảo đảm các hoạt động kinh doanh dân chủ, đúng hướng và tạo kích thích đối với các giám đốc có đầu óc sáng tạo.

Để công ty cổ phần kinh doanh tiền tệ hoạt động tốt, điều đáng quan tâm nhất là những điều kiện xây dựng và hoạt động của nó như: đăng ký vốn,

(Xem tiếp trang 51)

Digitized by Google

Nhân tố con người và những chính sách xã hội ở nông thôn hiện nay

NGUYỄN QUANG DU *

MUỐN cho nhân tố con người được phát huy phải có những chính sách xã hội tích cực. Chỉ khi nào những điều kiện sống và làm việc của con người được cải thiện và con người thấy được lợi ích của chính mình trong hoạt động kinh tế xã hội thì bản thân họ mới tích cực lao động, thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển.

Ở nước ta hiện nay, nhất là ở khu vực nông thôn, những vấn đề nói trên chưa phải đã được giải quyết ổn thỏa. Trên thực tế, còn có tình trạng thiếu đồng bộ nghiêm trọng trong các chương trình, kế hoạch xây dựng và phát triển nông thôn, trong các chính sách đối với nông thôn, nông dân và cả trong hoạt động điều hành thường ngày của các cơ quan có trách nhiệm. Biểu hiện cụ thể của tình trạng đó là: trong kết cấu kinh tế – xã hội nông thôn, trong xây dựng cơ sở hạ tầng, mở rộng và phát triển quy mô sản xuất, đầu tư tiến bộ khoa học kỹ thuật v.v. chưa chú ý phát huy nhân tố con người và việc phục vụ con người. Có lẽ, do muốn có nhanh chủ nghĩa xã hội, cho nên chúng ta đã dốc sức vào việc thực hiện khẩu hiệu « tất cả cho sản xuất » mà coi nhẹ các vấn đề thuộc về chính sách xã hội. Có lúc, có nơi người lao động chỉ được quan niệm như « yếu tố lao động ». Chính sách xã hội chưa được xem là một trong những bộ phận hợp thành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm tác động vào con người, tích cực hóa yếu tố con người; mà nhiều khi nó được coi như những hoạt động có tính chất từ thiện, ban ơn từ trên đội xuống.

Chính sách xã hội mà trung tâm của nó là sự quan tâm đến con người, phục vụ con người, nếu được làm tốt chẳng những làm cho vai trò nhân tố con người được phát huy mà còn thúc đẩy sản xuất phát triển. Vì vậy, phải thống nhất giữa chính sách kinh

* Cán bộ nghiên cứu, Viện Mác – Lênin

Digitized by Google

tế với chính sách xã hội, gắn chặt mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội.

Chính sách xã hội không phải là hoạt động từ thiện, ban ơn hoặc chỉ là những việc cụ thể như trợ cấp khó khăn, chăm sóc gia đình thương binh liệt sĩ v.v... mà là một hướng hoạt động cơ bản của Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội xuất phát từ bản chất của chủ nghĩa xã hội, coi việc thỏa mãn những nhu cầu không ngừng tăng lên của con người là mục tiêu cao nhất. Chính vì vậy, để phát huy nhân tố con người, phải bắt đầu từ việc trả lại giá trị chân chính cho con người, trước hết là lao động. Nghị quyết 10 của Bộ chính trị về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp đã đi vào cuộc sống, được nông dân chấp nhận và hoan nghênh. Điều đó có nhiều nguyên nhân. Song, một nguyên nhân hết sức cơ bản là Nghị quyết 10 đã mở ra phương hướng giải phóng mọi năng lực sản xuất, sử dụng và phát huy hết tiềm năng của các thành phần kinh tế để vừa phát triển kinh tế vừa giải quyết một vấn đề xã hội bức xúc là tạo công ăn việc làm cho người lao động.

Hiện nay ở nông thôn, số hộ nông dân làm kinh tế gia đình và tư nhân là 10 triệu. Theo dự báo, trong 10 – 15 năm tới sẽ tăng lên khoảng 19 – 20 triệu. Đây là một lực lượng lao động lớn, muốn phát huy nó, bên cạnh những chính sách kinh tế đúng phải có chính sách xã hội đúng. Sự quan tâm đến người lao động, vì lợi ích của người lao động là điều kiện quan trọng đầu tiên tác động đến thái độ lao động tích cực, sáng tạo ở mỗi người, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của kinh tế. Vì vậy, suy cho cùng, nó cũng chính là phương thức quản lý hay hơn cả, tiết kiệm hơn cả.

Ở nông thôn hiện nay, tại một số cơ sở, người nông dân lao động vẫn còn bị đối xử thô bạo, bất công. Chỉ mới hôm qua, trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, người nông dân còn được coi là « quần chủ lực », là « bạn đồng minh đáng tin cậy » của giai cấp công nhân, thì hôm nay, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhiều cán bộ hầu như coi nông dân chỉ là « yếu tố tự phát tư bản chủ nghĩa » Cách nhìn thiên lệch đó (không thấy mặt tích cực của nông dân là chủ yếu) trên thực tế đã làm triệt tiêu tính tự giác của nông dân.

Thực hiện công bằng xã hội trên lĩnh vực lợi ích, phân phối là yêu cầu bức xúc của chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Tư tưởng bình quân trong phân phối thu nhập, vin cớ phải đặt lợi ích của tập thể, của xã hội lên trên mà coi nhẹ lợi ích cá nhân, thậm chí không dám thừa nhận lợi ích cá nhân... rõ ràng là không đúng. Hiện nay ở nông thôn, bước đầu người nông dân lao động đã phấn khởi. Do thực hiện cơ chế quản lý mới, nhiều nơi người lao động được hưởng từ 35 đến 40% sản lượng khoán (trước : 15 — 20%). Những hộ có lao động, có vốn, biết làm ăn còn được hưởng cao hơn, tới 60 – 70% Song, nhiều cơ chế, chính sách về phân phối lưu thông, tiền tệ, giá cả, cung ứng vật tư, đặc biệt là chính sách thuế đối với nông nghiệp, nông dân chưa hợp lý, vừa gây thất thu cho nhà nước vừa không khuyến khích người lao động. Người nông dân lao động « một nắng hai sương » làm ra sản phẩm cần trao đổi, nhà nước lại thiếu tiền mặt, vật tư, hàng hóa hoặc thu mua với giá quá rẻ không đủ bù lại chi phí sản xuất và sức lao động của họ. Và còn biết bao điều phi lý khác mà người nông dân lao động đang phải gánh chịu.

Đối với nông thôn hiện nay, vẫn còn tình trạng coi trọng đầu tư cho nguyên vật liệu, năng lượng và thiết bị kỹ thuật... hơn là đầu tư cải thiện điều kiện lao động sản xuất, đầu tư bảo đảm nhu cầu sống của người lao

Digitized by Google

động. Ở nhiều vùng nông thôn, việc phát triển văn hóa giáo dục, thanh toán nạn mù chữ, xây dựng đường sá, cầu cống, điện nước cho sinh hoạt v.v. hầu như không được chú ý. Đầu tư công sức cho những việc đó đâu phải là sự «lãng phí, xa xỉ» hoặc những gì cao xa phải chờ đợi khi nào sản xuất phát triển, có nhiều của cải vật chất mới làm được. Trái lại, thực sự đây là những nhu cầu thiết yếu của con người. Bởi lẽ người lao động không thể tồn tại như một công cụ lao động mà trước hết phải tồn tại như một con người với tất cả những nhu cầu từ ăn, mặc, ở, đi lại, khám, chữa bệnh, học hành... đến những toan tính riêng tư, niềm vui, nỗi buồn cần được chia sẻ.

Sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, điều đó cũng có nghĩa là một chính sách xã hội phải dựa trên một trình độ kinh tế nhất định. Trong điều kiện quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, ở nông thôn nước ta nền kinh tế chủ yếu vẫn là sản xuất nhỏ, chưa phát triển, năng suất lao động còn thấp chưa đủ thỏa mãn nhu cầu của người lao động thì việc đề ra và thực hiện những chính sách xã hội phù hợp là việc làm hết sức cần thiết.

Những năm gần đây, sự biến đổi của kinh tế, xã hội và sự tác động của cơ chế chính sách... đã làm cho cơ cấu giai cấp xã hội ở nông thôn có nhiều đổi thay và diễn biến rất phức tạp. Bản thân giai cấp nông dân không còn thuần nhất mà đang có sự phân hóa. Không ít người có vốn đã «thoát ly» sản xuất để trở thành nhà kinh doanh hoặc đứng ra bao thầu, cho thuê máy móc, công cụ sản xuất v.v. Một số hộ gia đình nông dân giàu lên nhanh chóng. Song bên cạnh đó ở nông thôn hiện nay vẫn còn khoảng 5 – 10% số hộ nghèo và rất nghèo. Đặc biệt phải kể đến khó khăn của các đối tượng thuộc diện chính sách như người già cô đơn, người nghỉ hưu, gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình bộ đội... Vừa qua, nhiều địa phương đã cố gắng giải quyết theo tinh thần Nghị quyết 10, nhưng khó khăn còn nhiều, không ít địa phương lúng túng, nhất là những xã, huyện có nhiều đối tượng này. Vì vậy, nhiệm vụ của chính sách xã hội không chỉ nhằm cải thiện điều kiện sống và làm việc của con người mà còn phải có tác dụng hướng dẫn, điều tiết lợi ích của các giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội khác nhau làm cho các giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội xích lại gần nhau hơn.

Xuất phát từ những yêu cầu nói trên, phải có nghiên cứu, điều tra cơ bản mới phát hiện đúng và giải quyết đúng những vấn đề về chính sách xã hội. Đó phải chăng cũng là một đòi hỏi cấp bách nhằm thực hiện lý tưởng của chủ nghĩa nhân đạo mác xít về con người và để những ý tưởng của Đảng ta về con người mới xã hội chủ nghĩa Việt nam sớm trở thành hiện thực.

Digitized by Google

Một số biện pháp cấp bách bảo vệ rừng và môi trường

VŨ XUÂN KIỀU

NƯỚC ta nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Trong suốt mấy ngàn năm lịch sử của dân tộc, cũng như từ nay về sau, rừng luôn luôn phát huy tác dụng to lớn và toàn diện trong việc cung cấp lâm sản phục vụ sản xuất và tiêu dùng, luôn luôn là một yếu tố cực kỳ quan trọng của môi trường sống.

Trong những năm qua, nghề rừng ở nước ta đã có bước phát triển quan trọng: chúng ta đã từng bước xây dựng và phát triển nghề rừng theo hướng lấy công tác bảo vệ và xây dựng vốn rừng làm trung tâm, thực hiện phương thức nông — lâm kết hợp, có chính sách khuyến khích nhân dân làm nghề rừng theo chủ trương giao đất rừng và giao rừng cho nhân dân quản lý và sản xuất. Cả nước đã trồng trên 1,9 triệu héc ta rừng tập trung và trên 5,5 tỷ cây phân tán; mỗi năm đã khai thác trên dưới 3 triệu mét khối gỗ và nhiều loại lâm sản khác phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

Trên thế giới, rừng nhiệt đới bao phủ 10% diện tích quả đất, là kho tàng giàu có nhất của con người về động, thực vật.

Các nhà khoa học trên thế giới tính rằng: diện tích rừng nhiệt đới đã giảm tới 2/3. Nếu như không có biện pháp cấp bách ngay từ bây giờ thì đến năm 2010, rừng nhiệt đới sẽ biến khỏi hành tinh chúng ta.

Ở nước ta, do nạn phá rừng triền miên trong nhiều năm, tài nguyên rừng đã giảm sút nghiêm trọng. Trong 30 năm qua, diện tích rừng so với toàn bộ diện tích đất đai tự nhiên đã giảm từ 41% xuống còn 28%. So với năm 1945, rừng ở nước ta đã giảm gần 5 triệu héc ta. Trong hơn 9 triệu héc ta rừng còn lại, chỉ có hơn 3 triệu héc ta rừng có trữ lượng khá và trung bình. Tỷ lệ rừng che phủ trong cả nước chỉ còn 28% (riêng miền Bắc chỉ còn 21%). Tài nguyên rừng giảm sút nhiều không chỉ hạn chế khả năng cung cấp lâm sản cho nền kinh tế, mà còn gây hậu quả rất nặng nề cho môi trường sinh thái. Năng lực phòng hộ của rừng như giữ đất, giữ nước, phòng và chống bão lụt, hạn hán... giảm sút ở mức đáng lo ngại. Do nạn phá rừng

Digitized by Google

đầu nguồn, mỗi lần mưa lũ thường cuốn theo hàng chục vạn tấn đất màu, làm cho các lòng sông lớn bị tôn cao, hai bên triền sông hẹp lại, chẳng những gây khó khăn cho giao thông vận chuyển mà nguy hại hơn nữa, còn phá vỡ đê điều, gây úng lụt cho sản xuất nông nghiệp.

Nhiều nhà nghiên cứu khoa học về rừng nhiệt đới trên thế giới đã khẳng định rằng: nhịp độ phá rừng nhiệt đới hiện nay đang diễn ra ở mức độ cao nhất, mỗi năm gần 20 triệu héc ta rừng bị chặt phá, gần 10 ngàn giống động vật và thực vật bị tuyệt chủng.

Người ta còn tính rằng nếu không có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu, thì đến một lúc nào đó rừng nhiệt đới sẽ bị hủy diệt, 1 tỷ người sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp, trong đó gần 200 triệu người mà nguồn sống chủ yếu dựa vào rừng, sẽ phải di chuyển đi nơi khác kiếm ăn. Ở nước ta nạn phá rừng tuy đã được chú ý ngăn chặn, song tính chất nghiêm trọng của nó, theo tôi, chưa thoát khỏi tình trạng chung của thế giới. Do vậy, cần có những biện pháp hữu hiệu hơn nữa để cứu lấy rừng, cũng tức là cứu lấy môi trường sinh thái, cứu lấy sản xuất, cứu lấy đời sống của hàng chục vạn người.

Việc ngăn chặn nạn phá rừng, bảo vệ rừng tự nhiên hiện có, tái sinh và trồng mới rừng trên hàng triệu héc ta đất trống đồi trọc phải được coi là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu vì sự ổn định và phát triển của kinh tế rừng, vì sự cần thiết phải hạn chế tới mức thấp nhất những thiệt hại do bão, lũ, gió mùa, cát bay, nắng hạn gây ra, bảo đảm ổn định nguồn nước cho các công trình thủy lợi, thủy điện, cho sự ổn định và phát triển sản xuất nông nghiệp. Hậu quả của nạn phá rừng trong những năm qua càng khẳng định vị trí quan trọng của rừng đối với nông nghiệp. Muốn phát triển nông nghiệp một cách ổn định thì không thể không coi trọng việc bảo vệ rừng đầu nguồn cũng như trồng nhanh các hệ thống cây xanh bảo vệ đồng ruộng.

Tiềm năng rừng nhiệt đới ở nước ta rất phong phú, đa dạng và độc đáo. Nếu biết khai thác thế mạnh này thì ngay những năm trước mắt, cũng như về lâu dài, chúng ta có thể tạo ra được một khối lượng hàng lâm sản xuất khẩu dồi dào và biến sản phẩm rừng nhiệt đới thành một trong những mũi nhọn xuất khẩu.

Theo tài liệu của Bộ lâm nghiệp, cả nước ta có khoảng 19 triệu héc ta rừng và đất rừng (gần bằng 60% diện tích đất đai của cả nước), trong đó có khoảng 9,3 triệu héc ta rừng và 10 triệu héc ta đất trống đồi trọc. Hiện nay chúng ta mới khai thác được khoảng 2 triệu m^3 gỗ/năm. Nếu tổ chức và sử dụng tốt quỹ đất rừng này thì mỗi năm chúng ta có thể khai thác hàng chục triệu mét khối gỗ và một khối lượng lớn lâm, nông sản khác.

Tài nguyên rừng nhiệt đới ở nước ta rất phong phú, điều kiện thiên nhiên căn bản thuận lợi cho cây rừng phát triển, sức lao động của nước ta dồi dào, chính sách đổi mới kinh tế của Đảng đã tạo khả năng thuận lợi cho việc phát triển nghề rừng thành một ngành kinh tế quan trọng. Vấn đề đặt ra đối với chúng ta là làm sao chấm dứt được nạn phá rừng, làm giàu vốn rừng, khai thác gắn với chế biến có hiệu quả sản phẩm rừng.

Để bảo vệ tài nguyên rừng và thực hiện kinh doanh rừng có hiệu quả, tôi xin nêu 10 kiến nghị sau đây:

1) Trên cơ sở hoạch định quốc gia về một tỷ lệ và một cơ cấu hợp lý, tiến hành điều tra cơ bản về rừng và đất rừng làm cơ sở cho việc quy hoạch tổng thể và định hướng chiến lược phát triển nghề rừng từ nay đến năm 2000 nhằm đáp ứng nhu cầu lâm sản và phòng hộ môi trường.

Digitized by Google

2) Cần có hệ thống biện pháp đồng bộ, kiên quyết và mạnh mẽ nhằm thiết lập một trật tự mới trong công tác tổ chức, quản lý bảo vệ và sử dụng có hiệu quả vốn rừng. Trong hệ thống biện pháp đó, không chỉ chú ý các biện pháp hành chính có tính chất ngăn chặn, các biện pháp động viên, giáo dục, mà còn phải hết sức coi trọng các biện pháp khuyến khích lợi ích kinh tế đối với người lao động, thể hiện sự thực sự quan tâm đến đời sống của đồng bào các dân tộc.

3) Thực hiện phương thức nông – lâm kết hợp là một biện pháp quan trọng để khai thác và sử dụng rừng và đất rừng một cách có hiệu quả nhất. Như chúng ta đã biết, sản phẩm của rừng không chỉ có gỗ mà còn có lương thực và nhiều đặc sản khác. Việc khai thác tiềm năng đất rừng theo phương thức nông – lâm kết hợp không thể tiến hành một cách tùy tiện mà phải tính toán khoa học, theo quy trình kỹ thuật và quản lý nghiêm túc trên cơ sở quy hoạch tổng thể hợp lý và toàn diện. Tùy theo điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội từng địa phương, từng vùng lãnh thổ mà xác định phương thức kết hợp cụ thể, nơi này thì kết hợp trồng rừng với cây lương thực, cây công nghiệp, nơi khác thì kết hợp trồng rừng với chăn nuôi hoặc với trồng cây dược liệu và cây đặc sản quý... Mục đích cuối cùng là làm thế nào trên mỗi khu đất, mỗi cánh rừng có thể tạo ra một khối lượng sản phẩm lớn, có giá trị kinh tế cao, đồng thời tăng thêm được màu mỡ đất đai, bảo vệ được môi trường sinh thái, tạo nên cảnh quan đẹp, nâng cao được mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

4) Thực hiện rộng rãi chính sách giao đất, giao rừng cho các tập thể và hộ gia đình quản lý kinh doanh là phương hướng đúng đắn nhằm đa dạng hóa hình thức sở hữu rừng và đất rừng ở nước ta. (Do đặc điểm của nghề rừng chu kỳ sản xuất dài, có thể giao rừng và đất rừng ổn định hàng trăm năm). Điều này chẳng những mở ra khả năng huy động được tiềm lực về vốn và sức lao động của nhân dân mà còn mở ra khả năng thủ tiêu mọi sự thờ ơ, bàng quan của người lao động đối với rừng và đất rừng, thu hút họ tham gia quản lý, bảo vệ rừng.

5) Trên cơ sở quy hoạch tổng thể về rừng và đất rừng, sắp xếp lại nghề rừng theo hướng củng cố và phát triển các xí nghiệp quốc doanh ở những nơi địa hình khó khăn, có những cánh rừng và đất rừng mà tập thể và tư nhân không muốn đầu tư hoặc không có khả năng đầu tư; kiên quyết thu hẹp các đơn vị kinh tế quốc doanh làm rừng thua lỗ kéo dài bằng cách hạ cấp sở hữu, giao cho tập thể hoặc gia đình kinh doanh; mạnh dạn khuyến khích tư nhân đầu tư xây dựng vốn rừng và khai thác, chế biến sản phẩm rừng theo quy hoạch chung và chịu sự kiểm soát, điều tiết của nhà nước.

6) Đa dạng hóa hình thức sở hữu tất yếu dẫn đến việc phân chia lợi ích, bảo đảm thu nhập của mỗi hình thức sở hữu. Nói đến sở hữu là nói đến lợi ích, đến thu nhập, trong đó lợi ích cá nhân, thu nhập của mỗi cá nhân do lao động của họ mang lại, bao giờ cũng là động lực trực tiếp rất quan trọng thúc đẩy sản xuất phát triển.

Cần mở rộng việc khuyến khích các thành phần kinh tế thuộc các sở hữu khác nhau làm giàu bằng sức lao động, bằng tài quản lý để tạo nên những thu nhập lớn hơn, nhưng cũng cần có chính sách điều tiết hữu hiệu các khoản thu nhập do sở hữu mang lại. Cần phải kiềm chế những khoản thu nhập không do lao động trực tiếp mang lại và loại trừ những thu nhập bất chính

Digitized by Google

7) Nhà nước phải có chính sách đầu tư thích đáng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nghề rừng, mở mang hệ thống đường sá, phương tiện giao thông, vận tải, chế biến gỗ, lâm sản, đặc sản. Đặc biệt, đối với việc bảo vệ rừng, trồng rừng, nuôi dưỡng rừng... là những hoạt động đòi hỏi cao về khoa học kỹ thuật, cần được đầu tư thỏa đáng.

8) Xây dựng mới và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật về bảo vệ, kinh doanh rừng; xử lý nghiêm minh những cá nhân, tập thể bất kể thuộc cấp nào, thành phần kinh tế nào, vi phạm pháp luật, tham ô, móc ngoặc, phá hoại tài sản quốc gia.

9) Cần thành lập ngay một ủy ban quốc gia để điều tra về tình trạng phá rừng và ảnh hưởng của nó đối với môi trường, từ đó nêu ra những kiến nghị và giải pháp cấp bách trước mắt để kịp thời ngăn chặn.

10) Sắp xếp lại bộ máy quản lý lâm nghiệp theo tinh thần đổi mới, gọn nhẹ có hiệu lực. Tổ chức tốt việc lưu thông lâm, nông sản, bảo đảm yêu cầu lương thực và củi đốt cho đồng bào các dân tộc miền núi.

QUAN ĐIỂM LÝ LUẬN...

(Tiếp theo trang 44)

những tiêu chuẩn lựa chọn giám đốc (khác với lựa chọn các giám đốc xí nghiệp), quy định giới hạn tối đa cho lãi suất thỏa thuận. Phương hướng hoạt động của công ty cổ phần này phải bám sát nhu cầu vùng lãnh thổ, thúc đẩy sự trưởng thành cơ cấu vùng lãnh thổ và thị trường.

Công ty cổ phần tín dụng chẳng những là biện pháp **lưu thông vốn**, mà còn là biện pháp thúc đẩy tái sản xuất mở rộng nhanh chóng. Nhờ đó cho phép giải quyết những mâu thuẫn giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng thuận lợi hơn.

Cổ phần hóa nguồn vốn tích tụ có những ưu điểm rõ rệt như:

— Quyết định đầu tư là do xí nghiệp (chứ không phải do nhà nước hay ngân hàng, nên linh hoạt và có hiệu quả nhanh.

— Thông qua lợi tức cổ phần, có thể thu hút và hướng các khoản tiền nhàn rỗi trong xã hội đầu tư vào nơi có hiệu quả cao.

— Góp phần không nhỏ vào việc tập trung vốn và bố trí hợp lý vốn xã hội, tạo ra một cơ cấu kinh tế ban đầu hợp lý, cho phép nền kinh tế quốc dân sớm chuyển vào quỹ đạo tích tụ — tập trung ngày càng lớn.

Đổi mới thật sự hoạt động tài chính và ngân hàng nhà nước đi đôi với phát triển đúng hướng các công ty cổ phần tín dụng nhân dân, chắc chắn sẽ là mọi đòn bẩy rất mạnh mẽ để phát triển nền kinh tế hàng hóa phù hợp với yêu cầu quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Digitized by Google

Suy nghĩ từ một vùng lâu đời theo đạo

VŨ HUY ANH *

GIỮA cái êm ả của chiều hè, vang lên hồi chuông nhà thờ. Những hồi chuông rộn rã, lan tỏa vào thinh không. Vẫn những hồi chuông ấy, nhiều năm tháng đã đi qua...

Mùa lúa vàng năm nay (1990), tôi trở về Phát diệm.

Địa phận Thiên Chúa giáo này đang chuẩn bị kỷ niệm một trăm năm thành lập (1891 – 1991). Những người thợ mộc, thợ đá từ các xứ họ tụ tập về đây để sửa sang nhà thờ. Đây là đợt trùng tu lớn thứ hai. Lần trước, vào đầu những năm thập kỷ bảy mươi, bà con Phát diệm dưới sự lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền địa phương đã dựng lại toàn bộ khu Thánh đường bị máy bay giặc Mỹ ném bom phá hoại. Lần này, sau khi được Bộ văn hóa xếp hạng (khu di tích lịch sử và thắng cảnh), việc tu tạo nhà thờ chủ yếu làm tôn lên vẻ đẹp độc đáo, hấp dẫn của những họa tiết, hoa văn, đường nét chạm khắc trên gỗ, trên đá...

Trong câu chuyện hôm nay, người già ở Phát diệm nói với tôi: «Một trăm năm trôi qua, kể từ ngày giáo phận thành lập, có đến nửa thời gian người công giáo sống cùng cách mạng, cùng chế độ mới. Hồi đầu (1954), có người xấu bụng dụ dỗ: «Ở lại với cộng sản rồi sẽ mất đạo, nhà thờ sẽ bị phá, con cái Chúa sẽ bị ép buộc bỏ đạo...». Nhưng giờ đây, chỉ cần nhìn lên ngôi nhà thờ vẫn đẹp đẽ, nguy nga, giữa hàng chục ngôi nhà thờ khác trong huyện, chúng tôi đủ yên tâm với sự sống đạo của mình».

Tôi thì nghĩ hơi khác các cụ. Người dân Phát diệm chắc hẳn không chỉ để ý đến ngôi nhà thờ mà còn nhìn rộng hơn, xa hơn, thấy cả một miền quê yên ả, một miền quê trù phú, một cuộc sống ngày càng đi lên, khá giả...

Trước cách mạng, huyện lớn như Kim sơn, chỉ vẻn vẹn có hai trường tiểu học. Nay huyện đã sừng sững hai trường trung học; xã nào cũng có trường phổ thông cơ sở; xóm thôn còn có cả lớp bổ túc dành cho người lớn. Nơi trước đây là đinh lũy, đồn bốt của Pháp, nay đã mọc lên xưởng

* Nhà văn

Digitized by Google

chiếu cói, xí nghiệp đóng thuyền. Mặt hàng chiếu cói không ngừng cải tiến chất lượng, phục vụ yêu cầu tiêu dùng trong nước, còn mở rộng xuất khẩu ra nước ngoài.

Ngay từ năm 1965, Kim Sơn đã là huyện đạt năng suất lúa bình quân năm tấn. Sự đổi thay rõ nét ở đây còn phải kể đến trình độ nhận thức chính trị của người dân. Kháng chiến chống Pháp, người công giáo Phát diệm đi bộ đội có thể đếm trên đầu ngón tay. Những năm chống Mỹ, xã nào cũng có hàng chục hàng trăm con em ra trận. Mỗi xứ đạo vùng Phát diệm thực sự đã là một pháo đài chống chiến tranh phá hoại của giặc. Dân quân các xứ Văn hải, Thượng kiệm, Kim đài bắn rơi máy bay Mỹ; các linh mục cùng giáo dân làm lễ về đêm, làm lễ dưới hầm.

Từ đầu những năm sáu mươi, nông dân Phát diệm tự nguyện vào hợp tác xã; bên lương bên giáo tham gia bình dẳng vào các cấp chính quyền, các cơ quan kinh tế, văn hóa, xã hội. Huyện đông giáo dân như Kim sơn thường xuyên là cơ sở mạnh về an ninh chính trị.

Khi bắt đầu cuộc sống trong chế độ mới, ở Phát diệm không phải không có người mặc cảm, lo ngại. Thẳng hoặc, còn có người tỏ vẻ không đồng tình hoặc chống đối ra mặt. Song với thời gian, cuộc sống đã chứng minh. Rằng, ở đây việc thờ phụng vẫn diễn ra bình thường; tín ngưỡng được tự do, được tôn trọng; ngày chủ nhật, ngày lễ trọng, nhà thờ Phát diệm cũng như mọi nhà thờ khác đều rất đông người đi dự lễ. Hồng y Rô-giê Et-sơ-ga-rê (phái viên tòa thánh Va-ti-căng) trong chuyến viếng thăm Việt nam đã về tận Bùi chu, Phát diệm. Ông tỏ ý khâm phục lòng sùng đạo của hàng vạn giáo dân và rất xúc động cùng các giám mục, linh mục cử hành thánh lễ.

Mấy chục năm lại đây, riêng Phát diệm đã có tới bốn giám mục được tòa thánh Va-ti-căng tấn phong. Đó là các vị Bùi Chu Tạo, Lê Quý Thanh, Nguyễn Thiện Khuyến, Nguyễn Văn Yến.

Về Phát diệm, tôi bắt gặp nét chung của nhiều xứ đạo khác. Đó là sự hòa hợp giữa đời sống phần hồn và phần xác của người dân; sự thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp sau mấy chục năm trong chế độ mới. Ở tỉnh Hà nam ninh ngoài Phát diệm, còn bao nhiêu xứ đạo phát triển khá được nhiều nơi biết tiếng: xã Xuân tiến có xứ Kiên lao; xã Xuân phương có xứ Phú nhai. Hai xã sớm đạt năng suất lúa năm tấn, tám tấn rồi chín tấn. Hằng năm, mỗi xã làm nghĩa vụ với nhà nước trên dưới ngàn tấn lương thực. Kiên lao, Phú nhai còn là nơi chăn nuôi giỏi, xây dựng làng xóm sạch đẹp, khang trang. Nghi diên (có tòa giám mục xã Đoài) là một trong những xã thâm canh giỏi, tổ chức tốt làng xã của tỉnh Nghệ tĩnh; xã Quảng phúc (Quảng bình) trong chiến tranh chống Mỹ, chiến đấu anh dũng, xứng đáng với tên gọi «Lũy thép bờ bắc sông Gianh»; giáo dân Mạo khê (Hòn gai) vừa đánh giặc vừa khai thác than cho Tổ quốc, tự hào vì có Nguyễn Văn Vợi (người công nhân theo đạo) được phong danh hiệu anh hùng.

Có thể nói, không phải chỉ ở vùng Phát diệm, mà ở nhiều vùng khác có đồng bào theo đạo, đều thấy bước tiến đi lên cùng đà tiến chung của dân tộc, của đất nước. Người dân Phát diệm vẫn giấu kín một niềm kiêu hãnh: năm 1954 họ không di cư vào Nam, dứt khoát ở lại xây dựng quê hương. Trong niềm vui hôm nay, có người bộc bạch: «Đó quả là một sự chọn lựa rất khắc nghiệt, và đội ơn Chúa, chúng tôi đã chọn lựa đúng». Nghe nói thế, giờ ai chẳng mừng. Mừng vì sự chọn lựa này nằm trong mối quan hệ giữa đạo Thiên Chúa nói riêng,

Digitized by Google

các tôn giáo nói chung với chủ nghĩa xã hội, giữa người có tín ngưỡng và người cộng sản vô thần. Mối quan hệ mang tính không thuận ấy đã nảy sinh và tồn tại hàng trăm năm nay. Cả một thời gian dài, tôn giáo đã bị các thế lực phản động và các giai cấp bóc lột xuyên tạc lợi dụng để chống phá cách mạng và chủ nghĩa xã hội. Ngay cả ở những người thiện chí và trung thực, phía tín ngưỡng lẫn phía vô thần, không phải không có những cách nhìn phiến diện, thiếu công bằng, sáng suốt và không ít điều ngộ nhận. Nghĩ về chủ nghĩa xã hội, nhiều người có tín ngưỡng một thời bị ám ảnh bởi mục tiêu vô thần hóa xã hội, ít thấy hoặc cố tình quên đi yếu tố cải tạo và xây dựng xã hội, bản chất tốt đẹp ở mục tiêu kinh tế, chính trị của nó.

Nhìn vào thực tế đời sống của những người theo đạo đang sống yên ấm trong chế độ mới, chúng tôi thấy bản thân những người theo đạo và đạo mà họ theo có không ít cái có thể dung hòa với những yêu cầu phát triển của dân tộc, của Tổ quốc.

Sau khi nước nhà thống nhất, nhiều người công giáo Việt nam có ý nhấn mạnh yếu tố dân tộc bên cạnh yếu tố tôn giáo. Thay vì gọi theo lối cũ là « người công giáo Việt nam », nhiều linh mục, tu sĩ và giáo dân ưa gọi : « người Việt nam công giáo ». Đây không phải chỉ là vấn đề từ ngữ mà còn hàm ý sâu xa, muốn nhắc nhở, nhấn mạnh yếu tố dân tộc, yếu tố Việt nam trong lòng những người công giáo. Giờ đây bà con giáo dân cũng thường gọi « người anh em cộng sản ». Họ đã tìm thấy điểm chung trước hết giữa mình và người cộng sản ở nghĩa đồng bào, con Lạc cháu Hồng, từ cái bọc trăm trứng của bà Âu Cơ. Phải có một cái nhìn rất thực tế trong sự phân chia đó. Ở đây, nếu niềm tin của những người theo đạo được thật sự tôn trọng thì giữa người Việt nam cộng sản và người Việt nam công giáo càng có điều kiện cùng nhau xây dựng đất nước giàu mạnh.

Là người thờ chúa Ki tô, người công giáo không tin ở thuyết vô thần và họ mong đừng ai ép buộc họ phải tin như vậy. Nhưng là người Việt nam yêu nước, họ muốn cùng đồng bào cả nước đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một sự nghiệp đã và đang do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo. Họ tán thành chủ nghĩa xã hội vì trên bình diện kinh tế — xã hội, nó không trái gì với tinh thần phúc âm.

Chính trong tinh thần đề cao nghĩa lớn mà người công giáo Việt nam kể từ tu sĩ Mai Lão Bạng, các linh mục Đậu Quang Linh, Nguyễn Thần Đồng, nhà nho yêu nước mang chí hướng cải cách Nguyễn Trường Tộ đến các linh mục Phạm Bá Trực, Vũ Xuân Kỷ, Hồ Thành Biên, Nguyễn Thế Vịnh đã tham gia ngày một tích cực và đông đảo vào sự nghiệp yêu nước và cách mạng. Ở một địa phương như Phát diệm, rộng ra là cả nước, đã và đang hiển hiện một thực tế : người công giáo hoàn toàn có thể sống tốt đời, đẹp đạo trong chủ nghĩa xã hội và mặt khác, những người Việt nam cộng sản đã và đang có thể cùng chung sống tốt đẹp với những người theo đạo Thiên Chúa trong sự tôn trọng nhau thực sự.

Theo đà phát triển của phong trào yêu nước trong đồng bào công giáo, từ thực tiễn đời sống và bằng cách nhìn thích nghi, đổi mới, giáo hội Thiên Chúa ở Việt nam đã khẳng định được đường hướng « gắn với vận mệnh dân tộc, Tổ quốc » được ghi nhận trong Thư chung Đại hội giám mục Việt nam năm 1980. Thư chung thừa nhận « Lịch sử luôn luôn pha lẫn ánh sáng và bóng tối ». Vấn đề chủ yếu là ngăn cho bóng tối của quá khứ không trở lại, là phải tham khảo từ những việc trong quá khứ để đừng tái phạm trong hiện tại và tương lai. Song

Digitized by Google

không nhìn nhận một cách nặng nề những vấn đề của quá khứ rồi sinh mặc cảm, thành kiến...

Trong công cuộc đổi mới của đất nước, tôi nghĩ cần có cách nhìn công bằng, vô tư hơn; cần phân biệt giữa tín ngưỡng tôn giáo và giáo hội. Tín ngưỡng tôn giáo là niềm tin vào một đấng siêu nhiên ngoài trần thế, ngoài con người. Người cộng sản vô thần không tin vào sự tồn tại siêu nhiên đó, vậy vì lẽ gì không để cho người hữu thần tin vào các đấng tối cao (Trời, Phật, Chúa...) của họ mà trong đời thường, họ vẫn vươn tới cuộc sống tốt đẹp hơn? Tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng, tôn trọng niềm tin của người khác, phải thật sự trở thành một điều bình thường và được bảo đảm trong xã hội ta. Việc tuyên truyền, phổ biến học thuyết vô thần là cần thiết, nhưng không vi phạm sự tự do đó.

Trong chừng mực nào đó và ở hoàn cảnh cụ thể, những tư tưởng tôn giáo kêu gọi tình yêu thương giữa những con người, khuyên dạy con người làm điều lành, tránh điều dữ không phải không có ích cho việc làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Nhiều hình thức nghệ thuật được tôn giáo bảo tồn hay phát triển cũng góp phần vào những giá trị văn hóa của nhân loại.

Thực tế cuộc sống cho thấy, những vấn đề chính trị nảy sinh không phải tự bản thân các hoạt động thuần túy tôn giáo, mà là từ những hoạt động lợi dụng tôn giáo với ý đồ xấu của một số người trong giáo hội. Vì vậy hoạt động của giáo hội phải tuân thủ pháp luật của nhà nước nhằm bảo đảm tôn giáo được tự do, không đối lập với đời, với xã hội. Đây đó, có người rêu rao: Tôn giáo không làm chính trị, không dính dáng gì đến chính trị, thậm chí họ cấm tín đồ và giáo sĩ làm chính trị. Song trong hoạt động thực tế, họ lại lợi dụng tôn giáo để làm chính trị chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa.

★

Từ một vùng đạo gốc, qua lần về thăm vừa rồi, một suy nghĩ bao trùm trong tôi là giữa người Việt nam công giáo và người Việt nam cộng sản tuy có sự khác nhau về niềm tin mai hậu, Nhưng đó là chuyện sau khi chết. Còn khi sống trên thế gian này, giữa quê hương đất nước Việt nam, chúng ta có bao nhiêu điểm chung: chung dân tộc, chung Tổ quốc, chung ngôn ngữ, chung nền văn hóa, chung lịch sử dựng nước, giữ nước, chung nghĩa vụ xây dựng đất nước. Đó thật sự là cơ sở đoàn kết để người theo đạo và người không theo đạo cùng nhau chung sức chung lòng xây dựng chủ nghĩa xã hội trên Tổ quốc thân yêu của chúng ta.

Digitized by Google

ĐỔI MỚI VĂN HỌC QUAN NIỆM VÀ THỰC TIỄN

NGUYỄN VĂN LƯU

1 — Những ý kiến thảo luận, tranh luận về đổi mới văn học trong mấy năm qua tốn nhiều thời gian và giấy mực mà chưa đi thẳng vào việc tìm lấy con đường phát triển tốt nhất. Nó còn dừng lại ở những chuyện khẳng định và phủ định, đưa ra những danh từ thuật ngữ đại ngôn, tính học thuật thì ít mà tính mất đoàn kết, bè phái thì nhiều (chia phe bình ra phe bình xu phụ và quyền uy, theo chân lý cấp trên và độc lập suy nghĩ, hai mặt trận văn học...). Giữa giới sáng tác và giới phê bình cũng như trong nội bộ giới phê bình có hiện tượng đun đi dẩy lại đồ lỗi cho nhau. Đã có một vài hiện tượng không lành mạnh khi phát ngôn, khi công bố những vấn đề có quan hệ đến đời sống văn học chung. Có những người tự xưng đổi mới, kêu gào tự do dân chủ, đoàn kết, nhưng ai không cùng ý kiến thì quy cho là bảo thủ, là xu phụ, là lại đao bút..., cảnh tượng cứ như hai làng đứng hai bên bờ sông mà cãi vã, tranh nhau bến đò, không nghĩ đến chuyện bắc một cây cầu gặp nhau cùng bàn luận cho ra nhẽ...

2 — Một số ý kiến có ý thức bàn luận nghiêm túc nhưng thường chia cắt vấn đề. Bàn đến nguyên lý chung mà tách khỏi quan hệ với những nguyên lý triết học và chính trị. Đánh giá hiện trạng văn học không chỉ ra nguyên nhân lịch sử của nó, hoặc chỉ nhấn mạnh những mặt, những hiện tượng có lợi cho lập luận của mình. Chẳng hạn dặt văn nghệ cao hơn hoặc ít ra cũng ngang bằng, bình dẳng với chính trị, hai bên chỉ có quan hệ chứ không chi phối được nhau, đòi tự do sáng tác, tự do tư tưởng một cách tuyệt đối, đồng nhất tự do sáng tác, tự do tư tưởng với tự do sản xuất hàng hóa tư nhân. Mọi non yếu của văn học quá khứ đều quy cho quan hệ chính trị lấn át văn nghệ, cho sự lãnh đạo quản lý của Đảng đối với văn nghệ, coi văn nghệ từ năm 1945 đến nay chỉ là văn nghệ minh họa chính trị, tuyên truyền chính trị. Đề cao một cách ồ ạt, quá mức một số tác giả, tác phẩm mới xuất hiện, coi đấy mới là văn học đích thực, là sản phẩm của thời kỳ đổi mới. Mượn các thuật ngữ của phương Tây để đề cao một vài tác giả, tác phẩm thực chất nghệ thuật non yếu, tư tưởng lệch lạc (phản tiểu thuyết, phản lịch sử, hình tượng ký hiệu, soi văn bản, siêu nhân vật, thông điệp S.O.S, đổ vỡ của thần tượng quyền lực tàn bạo).

Digitized by Google

3 — Đã manh nha ở một vài tác giả muốn quay lại với quan niệm hiện sinh, quan niệm con người siêu nhân, muốn lấy tư tưởng của Nít-sơ và Xác-tơ-rơ làm nền tảng lý luận. Có sự quay về với quan niệm thô sơ cổ đại, muốn cân bằng, hòa hợp giao duyên duy vật với duy tâm, văn hóa với chính trị như quy luật sinh học hồn nhiên, thô thiển mà không nghĩ rằng, về khách quan có thể làm trung hòa, yếu đuối thế giới quan duy vật, làm xa mờ tác dụng của hệ tư tưởng chính trị giữa một thế giới đấu tranh giai cấp không phải dịu nhạt mà đang trở nên sôi sục, gay gắt dưới những hình thức khác, tinh vi hơn, hiểm hóc hơn.

4 — Quan niệm **định hướng rộng** và xem **tự do** (sáng tác và phê bình) như một yếu tố **quan trọng nhất** trong đổi mới văn học là quan niệm sai lầm. Những hậu quả nặng nề trong đời sống văn học chứng tỏ điều đó. Nhưng vấn đề này chưa được phân tích rõ, vẫn còn những người tiếp tục bảo vệ. Trước mỗi bước ngoặt của đời sống và lịch sử, việc định hướng có ý nghĩa quyết định. Đối tượng của định hướng là **hướng, phương hướng** chứ không phải mặt bằng tính từ tọa độ xuất phát. **Định hướng lớn** có nội dung của nó. Vừa có **hướng**, vừa có **tính quy mô vĩ mô**, như hình ảnh **con đường lớn... Định hướng rộng không có nội dung xác định.** Hoặc là **không có phương hướng** hoặc có thể **mở rộng đến vô cùng**, nếu gọi là khái niệm thì đó là khái niệm mơ hồ. Ảnh hưởng của quan niệm **định hướng rộng** trong thực tiễn văn học mấy năm qua như thế nào, trong lý luận, trong phê bình, trong sáng tác, trong xuất bản sách và báo, trong sản xuất và du nhập phim ảnh, băng nhạc, băng hình v.v. thiết tưởng mọi người đều có thể kiểm chứng dễ dàng. Với định hướng như thế, người ta có thể mở rộng tiếp thu cả đến Khổng Tử, Xác-tơ-rơ và Nít-sơ, đến phê bình mới, đến phản tiểu thuyết, phản lịch sử và siêu nhân vật, đến âm dương ngũ hành, đến những sách võ hiệp giang hồ, sách hướng dẫn và kích thích tình dục, đến hô hào xóa bỏ chuyên chính vô sản và giã từ chủ nghĩa xã hội, v.v.

Tự do sáng tạo là bản chất của nghệ thuật. Không có tự do thì nghệ sĩ không thể sáng tác được hoặc sáng tác không hết tấc lòng. Nếu nghệ sĩ không hết tấc lòng thì tác phẩm không thể đến được lòng người, hoặc nếu có, chỉ nằm hờ ở cạnh, sẽ nhanh rơi rụng, lãng quên. Con cá bơi trong bể không bao giờ hay đẹp bằng giữa sông biển và đại dương. Nhưng tự do sáng tác nằm trong quy luật **tự do là tất yếu đã được nhận thức.** Chỗ này không cần phân tích. Tự do chỉ có giá trị và ý nghĩa khi đã xác định được phương hướng, khi đứng vững trên nền tảng tư tưởng nghệ thuật—xã hội, như vận động viên trên đường chạy, tha hồ vận sức lao tới đích; như cầu thủ trên sân cỏ, tha hồ đá hay đá giỏi theo luật chơi, nhưng giữa đường giữa chợ có thêm đá cũng đành chịu vậy. Chưa xác định những yếu tố tiên quyết mà đã đặt tự do sáng tác lên trên hết thì khác gì đặt đời sống văn học lên mũi tên của Thần Ái tình, cái mũi tên bay không cần định hướng về đâu! Câu nói của văn hào Sô-lô-khốp luôn luôn đúng: ngòi bút và trái tim với nhân dân và lý tưởng, với Đảng của mình, là thống nhất và tự nguyện

Phải có tự do cho sáng tác, tự do thật sự, nhưng về lý luận cũng như thực tiễn, không thể nói tự do chung chung mà không đặt nó sau những yếu tố tiên quyết như phương hướng và cơ sở nhận thức. Cần phải xem xét nền văn học cách mạng có tự do không, tự do đến mức nào, bị hạn chế, hiểu sai, làm sai đến mức nào, sự can thiệp của quản lý lãnh đạo như thế nào, bây giờ cần phải sửa

Digitized by Google

phải bổ sung hay phải làm lại từ đầu? Không thể xem toàn bộ nền văn học vừa qua như bị giam giữ, trói buộc, nay cần phải được giải phóng hoàn toàn. Tự do sáng tác có phải là **chìa khóa** cho đổi mới văn học hay không? Điều này liên quan đến nội dung thật sự của **định hướng đổi mới văn học**. Người ta chỉ đổi hướng khi lạc hướng hoặc hướng cũ có khả năng kém ưu việt so với hướng mới. Vậy hướng cũ của nền văn học như thế nào? Định hướng mới nên như thế nào? Hướng đi của nền văn học tiến bộ trong một xã hội bao giờ cũng thống nhất với hướng đi của nền Chính trị tiến bộ trong xã hội đó. chính trị và nghệ thuật cách mạng của ta cùng hướng, cùng mục đích vì con người, vì nhân dân lao động, nhằm xây dựng xã hội và con người theo những nguyên lý nhân đạo cộng sản. Văn học ta không phải đổi hướng nhưng cần phải đổi mới những yếu tố nội tại của nó cũng như phương thức lãnh đạo nó, để đi đến một nền văn học lớn, đáp ứng được những đòi hỏi của công chúng và thời đại.

Đặc điểm của văn học ta từ 1945 đến 1975 và còn kéo dài về sau, là **tính mục đích nặng hơn tính phương tiện**. Đấy là hiện tượng hợp quy luật chứ không phải do nghệ sĩ không có tự do hay vì chính trị lấn át, vì phải tuyên truyền minh họa... Chúng ta đã có thành tựu đáng tự hào, có những bài thơ, truyện ngắn không kém gì thiên hạ. Nhưng tỷ lệ chưa nhiều. Nhất là truyện dài, tiểu thuyết thì chưa đạt được đỉnh cao. Còn rất nhiều tác phẩm, tác giả rất trong sáng về tư tưởng nhưng nghệ thuật còn non. Vì sao? Nền văn học giải phóng, mục tiêu tối thượng là chiến thắng, là phải làm được, giải quyết được sự việc cần thiết trước mắt. Trong chiến tranh, tính mục đích cao hơn tính phương tiện. Giết được giặc, quả tên lửa và mũi chông đều quý. Không dủ thì giờ trau chuốt nghệ thuật ở đây được. Trong những thời kỳ chuyển biến cách mạng, tư duy chính trị bao giờ cũng chiếm ưu thế, chi phối toàn bộ, đến cả tư duy xã hội cũng như tư duy cá nhân. Đối với đất nước nông nghiệp lâu đời như nước ta, tính chất này càng mạnh. Từng người dân bình thường cũng như các văn nghệ sĩ, thường dễ có trạng thái **thái quá, máy móc, giáo điều**, hòa nhập vào toàn thể một cách hăng say nhiệt tình. Nhà văn chưa đến ngay được vị trí cần thiết của chủ thể sáng tạo, chưa đến được cao nguyên tinh thần của thời đại. Phải qua trạng thái **định thần lại**. Do những nguyên nhân trên, văn học quá khứ quan tâm đến hoàn cảnh, sự việc, hiện thực nhiều hơn con người. Sự lãnh đạo, về lý luận có chỗ hạn hẹp, nhấn quá mạnh chức năng phục vụ chính trị cụ thể; quan tâm về đề tài hơn đối tượng; yêu cầu phản ánh hiện thực và con người trên cơ sở bám sát chính trị. Khi chính trị còn có chỗ, có lúc, có việc ấu trĩ, sai lầm thì văn học cũng bị ảnh hưởng theo. Về thực tiễn chỉ đạo, lãnh đạo, quản lý, có sự can thiệp thô bạo, nóng vội, áp đặt, đặt hàng quá cụ thể. Cán bộ quản lý, lãnh đạo văn nghệ chưa có trình độ hiểu biết cần thiết về văn nghệ. Nền văn học ít được tiếp xúc thông tin. Phần đông các nhà văn quan niệm lao động nghệ thuật một cách quá hồn nhiên vui vẻ, tài tử, lao vào **viết nhanh, viết nhiều, viết khỏe** như đổ viết, không còn thời gian để **viết hay**, không đủ sức tách mình ra khỏi cảm hứng chung, giọng điệu chung. Sách báo, tài liệu tham khảo học tập thiếu, đặc biệt đời sống vật chất thấp kém làm cho chất lượng sáng tác cũng xuống theo. Sinh hoạt triết học tẻ nhạt như là việc riêng của ngành triết học, nhà văn ít quan tâm đến cho nên tác phẩm non yếu về tính triết học, như bông hoa đẹp cắm trong lọ chứ không phải mọc từ cây

(Xem tiếp trang 84)

Digitized by Google

Đôi điều về sách văn học hôm nay

VŨ TÚ NAM *

Ở đây, tôi không đề cập các khâu xuất bản, in ấn, phát hành sách văn học hiện đang có nhiều lộn xộn. Tôi chỉ xin phép nói đôi điều về nội dung và chất lượng sách mà thôi.

Ai cũng dễ dàng nhận thấy từ Đại hội Đảng lần thứ VI đến nay, sách văn học (cả sách viết và sách dịch) đã phát triển về số lượng khá mạnh. Nghị quyết 05 của Bộ chính trị về văn hóa, văn nghệ thực sự đã khuyến khích tự do sáng tác. Những tích lũy, ấp ủ từ lâu được dịp kết tụ thành tác phẩm. Đề tài, chủ đề được mở rộng hơn nhiều. Phong cách viết cũng thêm phần đa dạng. Một số cây bút lớn tuổi như trẻ lại. Lứa nhà văn nhà thơ xuất hiện từ thời chống Mỹ và sau 1975 ra sách ào ạt. Đặc biệt, một số cây bút mới vào nghề chỉ trong vài năm đã cho ra mắt bốn, năm cuốn sách.

Khó có thể đọc hết các sáng tác mới xuất bản mấy năm gần đây. Ngoài một số « sách đen », sách cấm mà công luận đã kịch liệt lên án và những cuốn sách chạy theo thương mại — tạm gọi là **văn học tiêu dùng**, nhìn chung chiều hướng văn học hiện nay có các mặt tốt: mạnh dạn đi thẳng vào các vấn đề nóng bỏng đang được đặt ra trong đời sống, trong cuộc đấu tranh cho sự nghiệp đổi mới mà Đảng ta đề xướng; đi sâu vào nhiều khía cạnh trong quan hệ giữa con người và con người, trong công tác cũng như đời riêng; tiếp tục các đề tài truyền thống với con mắt nhìn mới mẻ... Cái nền chung, điểm xuất phát của các cây bút mới xuất hiện cao hơn trước. Đó là những điều đáng mừng và có nhiều hứa hẹn.

Tuy vậy, đánh giá một cách chặt chẽ, các tác phẩm thật sự có chất lượng chưa nhiều. Điều này thật dễ hiểu, vì dăm bảy năm đối với sự phát triển văn học là một thời gian quá ngắn. Thêm nữa, tác phẩm chân chính có những yêu cầu nghiêm khắc của nó.

Theo ý riêng tôi, một số tác phẩm hay đã xuất hiện là do những nguồn gốc sau đây: — tác giả thực sự gắn bó với đời sống nhân dân, là người từng trải, có tâm huyết; — tác phẩm toát lên tinh thần quý trọng con

(*) Tổng thư kí Hội nhà văn Việt nam

Digitized by Google

người, thương yêu con người, vì con người; — dù viết về đề tài nào cũng không xa rời phương hướng chung **vì Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội**; — tác giả thực sự có tài năng, hiểu biết sâu sắc những vấn đề mình đề cập, và lao động nghệ thuật công phu.

Có thể coi đó là những điều kiện cần có để nhà văn sáng tạo được những tác phẩm có giá trị.

Công chúng hôm nay có những thị hiếu khác nhau. Có người trầm trồ khen những cuốn sách chỉ một chiều phê phán các nhân vật có chức có quyền; họ thích, vì sách «chửi đã quá!». Có người tìm đọc mấy cuốn truyện này nọ, vì nghe nói sách ám chỉ đến ai đó ở ngoài đời. Có người thích ly kỳ, đuổi bắt, giật gân. Có người tung hô thứ văn chương có «cứt đái» trong đó và ưa sự phanh phui ở con người những cái thấp hèn. Cũng không phải không có loại người «mê» những sách pha mùi dâm loạn...

Nhưng điều mà chúng ta cần, chúng ta mong muốn, chúng ta chờ đợi là những tác phẩm thực sự có chất lượng, theo hướng xã hội chủ nghĩa. Các thứ «văn học thời thượng» viết vội viết ẩu sẽ mau chóng bị lãng quên và chẳng đóng góp được gì vào hành trang tinh thần con người Việt nam hôm nay đang dũng cảm đấu tranh cho sự nghiệp đổi mới đất nước. Căn bệnh một chiều, công thức, sơ lược đã tái phát dưới những dạng mới.

Do vậy, dù muốn hay không, cần đặt lại vấn đề chỗ đứng và trách nhiệm của nhà văn. Và những câu hỏi tưởng như đã cũ vẫn giữ nguyên ý nghĩa thời sự: Viết về ai? Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết thế nào trong lúc này?...

Có tác giả đã đứng ngoài cuộc để phê phán những sự kiện đã qua một cách thiếu hiểu biết và vô trách nhiệm. Có người hạ thấp sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân ta xuống ngang với một cuộc «chiến tranh» vô nghĩa nào đó. Họ làm tưởng như vậy là «dũng cảm nói hết sự thực»! Trong một số cuốn sách, ở mức độ khác nhau, các đảng viên, cán bộ bị bôi nhọ, bị gán ghép với những cái xấu một cách cố tình, bất chấp lô gích phát triển tính cách và quy luật tâm lý của nhân vật. Tác giả đã có cái nhìn định kiến, hẹp hòi, thiếu khách quan. Nếu trong thực tế chỉ có toàn những cán bộ, đảng viên hư hỏng trăm phần trăm thì làm sao họ có thể lãnh đạo nhân dân lập nên những kỳ tích mang tầm thời đại trong suốt mấy chục năm qua, và đã tạo được những biến chuyển ban đầu tốt đẹp trong xã hội sau mấy năm đổi mới, làm sao giữ được tình hình ổn định cho đến hôm nay?

Đã xuất hiện dây dó khuynh hướng miệt thị công nông, khinh rẻ những người nghèo khổ. Có tác giả đay đi đay lại thành phần «ba đời ăn mày», «ba đời làm mõ» của nhân vật. Đấy chính là biểu hiện của «chủ nghĩa thành phần mới»!

Có người cho rằng kẻ «vô học» thì không sao hiểu được nghệ thuật! Phải là những «siêu độc giả», với những **mã**, những **cốt** chuyên môn, mới **mở** và **thưởng thức** được những tác phẩm hay v.v. Những luận điểm có vẻ khoa học đó thực sự đã đi quá đà, trở thành lầm lẫn.

Công việc phê bình văn học còn nhiều thiếu sót: chậm chạp, né tránh, tùy tiện, hoặc khen chê theo cánh hẩu, võ đoán. Tự do sáng tác chưa đi đôi với tự do phê bình. Người sáng tác — và cả người phê bình — thiếu bình tĩnh tiếp thu những ý kiến đóng góp. Nên coi trọng ý kiến của công chúng bạn đọc nhiều hơn nữa.

Chắc chắn là các nhà phê bình chưa đọc hết, chưa đánh giá hết những cái hay cái mới đã nảy nở đây đó trên các cuốn sách đã xuất bản. Mặt khác, những cách nhìn cực đoan lệch lạc

Digitized by Google

dẫng cản trở sự phát triển lành mạnh, đa dạng của văn học, làm lẫn lộn đúng sai, hay dở, không khuyến khích được chiều hướng tốt phát triển. Vì lẽ đó, cần có sự trao đổi, đấu tranh để cùng nhau khắc phục những cách nhìn này.

Chúng ta phải chống cực đoan và cơ hội cả hai phía. Đấu tranh về quan điểm mà xen vào chủ nghĩa cá nhân, tinh thần bè cánh thì sẽ trở thành « đấu đá », sẽ đẩy những suy diễn và quy chụp nặng nề. Chúng ta gắng sao để việc đấu tranh tư tưởng được tiến hành một cách thực sự dân chủ, có đi có lại, thẳng thắn, chân thành, có chứng cứ cụ thể, đi sâu vào nghề văn, với tinh thần tôn trọng lẫn nhau, lắng nghe nhau, chờ đợi nhau, từ đó mà đi đến nhất trí, đoàn kết với nhau hơn. Chúng ta đã từng có kinh nghiệm là cái cách « lên án » ào ạt, giản đơn, không bao giờ giải quyết được tận gốc các vấn đề quan điểm, mà chỉ gây chia rẽ hoặc làm nhụt những tìm tòi sáng tạo.

★

Nhìn chung, tự do sáng tác do Đảng ta khuyến khích đã đem lại cho văn học một bước phát triển đáng quý. Tuy nhiên, đối với các nhà văn, việc thực hiện quyền tự do sáng tác có cái khó thực sự của nó. Giống như con thuyền từ dòng sông hẹp lao ra biển cả, nhà văn có thể bị choáng ngợp, ngỡ ngàng, hoặc chủ quan, mất phương hướng. Bên cạnh đó là đủ các thứ « nhiễu » của đời sống thường ngày.

Chúng ta phải ân cần tìm đọc của nhau, thẳng thắn chân tình giúp đỡ và lắng nghe nhau. Có làm như vậy mới dần dần khắc phục được những thiếu sót, thu hẹp khoảng cách về quan điểm, cùng nhau tiếp tục xây dựng một nền văn học xứng đáng với đòi hỏi của nhân dân và thời đại.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ...

(Tiếp theo trang 65)

chủ thể sáng tạo nó: họ thiếu cơ sở vật chất, thiếu sự thông tin đầy đủ về thế giới bên ngoài để có thể sáng tạo những tác phẩm không những phản ánh được bản chất những vấn đề trong cuộc sống hiện nay mà còn vươn tới tính hiện đại trong sự phát triển đa dạng của văn hóa nghệ thuật thế giới. Phải chăng có một lý do là con người hiện nay đang phát triển nhận thức mạnh mẽ do tiếp xúc với nhiều thông tin hiện đại mà văn học nghệ thuật của chúng ta chưa theo kịp?

Tóm lại, những vấn đề đề cập trong bài viết này, bên cạnh những ý kiến nhận định và đánh giá tình hình đời sống văn hóa thẩm mỹ trong xã hội hiện nay, nêu những biện pháp khắc phục, những kiến nghị, còn có những ý kiến chỉ mang tính chất xới vấn đề, đòi hỏi tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu. Mong rằng sự nghiệp đổi mới đang diễn ra trong đời sống xã hội nói chung và đời sống văn hóa thẩm mỹ nói riêng, sẽ là điều kiện để thúc đẩy công tác giáo dục con người mới xã hội chủ nghĩa ở nước ta đi đúng hướng và có hiệu quả tốt hơn.

Digitized by Google

Nâng cao hiệu quả giáo dục thẩm mỹ của văn hóa nghệ thuật

ĐỖ KIM THỊNH*

PHÁT huy tính tích cực của con người, nhằm mục đích xây dựng những nhân cách phát triển toàn diện và hài hòa, có ý thức trách nhiệm công dân cao đối với Tổ quốc, là một trong những mục tiêu chiến lược hiện nay của Đảng và Nhà nước ta. Để tiếp cận mục tiêu này, có nhiều hình thức giáo dục khác nhau, trong đó giáo dục thẩm mỹ là một thành tố không thể thiếu vắng trong hệ thống giáo dục trí, đức, thể, mỹ.

Giáo dục thẩm mỹ nhằm làm cho con người có khả năng cảm thụ đúng đắn cái đẹp trong cuộc sống và trong nghệ thuật. Nó khơi dậy những xúc cảm và nhu cầu thẩm mỹ, bồi dưỡng quan điểm và thị hiếu thẩm mỹ trong sáng, lành mạnh, đồng thời hướng những hoạt động của con người vươn tới cái đẹp, theo « quy luật của cái đẹp ».

Hiện nay, vai trò của giáo dục thẩm mỹ và hiệu quả to lớn của nó trong việc xây dựng nhân cách, xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa ở nước ta ít được chú ý trên bình diện thực tế, ở mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Tình trạng « thả nổi » giáo dục thẩm mỹ đã dẫn đến những tác hại đáng kể, đã làm cho môi trường văn hóa thẩm mỹ của xã hội bị xuống cấp và bị ô nhiễm nặng nề. Những giá trị thẩm mỹ truyền thống được xây dựng trong mấy chục năm qua trên cơ sở những giá trị tinh thần, giá trị thẩm mỹ, vốn được chắt lọc và tích lũy qua nhiều thế hệ, đang bị chen lấn và xói mòn. Có tình trạng lượng thông tin thẩm mỹ ngược chiều đã cuốn hút và làm tha hóa một số người thuộc các tầng lớp khác nhau, đặc biệt là trong thanh niên, lôi kéo họ sa đà vào « mốt » chuộng lạ lố lăng, vô liêm sỉ, in đậm dấu ấn bản năng thú tính, thói hưởng lạc và tâm lý vị kỷ.

Biểu hiện tiêu cực của đời sống thẩm mỹ được bộc lộ đậm nét ở lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Những biểu hiện tiêu cực này phải nhìn nhận từ hai phía. Một là tác động phá hoại của các thế lực xấu từ bên ngoài thông qua việc lén lút tuyên truyền văn hóa đồi trụy. Hai là bản thân hoạt động văn hóa của chúng ta có

* Phó tiến sĩ mỹ học

Digitized by Google

những nhận thức sai lệch về chức năng và nhiệm vụ của văn hóa trong giai đoạn hiện nay. Thêm nữa là sự mở rộng hoạt động tư nhân về lĩnh vực « dịch vụ » văn hóa, tạo ra những kẽ hở cho nhiều loại sản phẩm văn hóa thấp kém lưu truyền trong xã hội.

Tình trạng xuất bản bừa bãi các tác phẩm văn học, nghệ thuật, các loại đặc san, phụ trương báo chí thiếu định hướng, đã làm tăng sự nhiễu loạn về thông tin thẩm mỹ. Nhiều tác phẩm có giá trị về nội dung và nghệ thuật, vốn là kết quả của sự tìm tòi sáng tạo nghiêm túc, bị dẹp chỗ trong các quầy sách, thay vào đó là la liệt những loại truyện dịch Tây, Tàu mà phần lớn là truyện trinh thám, truyện vụ án hoặc ái tình lâm ly... Mục đích lợi nhuận đã khiến cho nhiều nhà xuất bản hướng vào đánh thức tâm lý « chuộng lạ », « chuộng ngoại » của độc giả. Đáng lo ngại hơn là có những cuốn sách đi ngược lại quan điểm tư tưởng, quan điểm đạo đức, thẩm mỹ của chúng ta, nhưng vẫn được xuất bản với khối lượng lớn. Nhiều tác phẩm có những tít đề nhằm vào tính tò mò của độc giả như « Tình trong khói lửa », « Giọt máu chung tình », « Giải mối oan tình », « Truyện tình của các vua chúa » rồi « Tiếng kêu trong máu », « Ninh Kiều nhuộm máu », « Cành ban nhỏ máu », « Máu tuôn xóm liễu », « Hoàng hôn màu máu », « Bộ áo cà sa nhuộm máu », vv. Thậm chí còn có những tác phẩm được tái bản với tít mới và kiểu bìa trang trí khác đi để đánh lừa độc giả. Những hiện tượng này thể hiện quan niệm thô thiển coi nghệ thuật cũng là hàng hóa, nhằm phục vụ cho sự giải trí đơn thuần. Có lẽ cũng vì vậy mà nhiều nhà xuất bản, nhà hát đã « đặt hàng » cho các tác giả những tác phẩm nông cạn, dễ dãi, miễn sao trong đó có lồng các pha chưởng ác liệt, có tình yêu éo le, có cù cười, v.v. Chính sự nghèo nàn của những vấn đề phản ánh ở đây đã làm chật hẹp và hạ thấp thang giá trị thẩm mỹ vốn phong phú và đa dạng của đời sống xã hội chúng ta.

Ai cũng biết văn hóa nghệ thuật thông qua sự thụ cảm thẩm mỹ của công chúng mà thông tin về lối sống, điều chỉnh hành vi ứng xử, giao tiếp của con người. Nhưng sách đen và vi đê ô đen đã thông tin những gì? Nếu như sách đen nhằm vào bản năng, khơi dậy những cảm xúc cấp thấp ở con người thì vi đê ô đen kích thích « tàn khốc » hơn nữa tính tàn bạo và ham muốn nhục cảm. Sự gia tăng tình trạng phạm pháp ở lứa tuổi thanh thiếu niên cũng như những tệ nạn xấu của xã hội là hậu quả trực tiếp của cơn hồng thủy vi đê ô này.

Một mâu thuẫn xuất hiện ở đây là, trong khi ở các diễn đàn khoa học, trên báo chí có tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận về tính chuẩn mực của đạo đức, lối sống, tình yêu, hôn nhân, v.v. thì nhiều phương tiện thông tin văn hóa khác lại liên tiếp được tung ra, hay cũng có những trường hợp chính bản thân báo chí lại đăng tải những mô típ sống, hành vi không dẹp với quan điểm không rõ ràng. Chẳng hạn như giới thiệu chân dung các ngôi sao điện ảnh, sân khấu của các nước tư bản với đời sống tình cảm « bốc lửa », hoặc những hiện tượng kỳ quái trong lối sống tư bản mà không có lời bình luận đúng đắn. Thậm chí có báo còn đăng quảng cáo hàng của một nước tư bản trong đó có hình phụ nữ khỏa thân, và kèm theo lời bình thiếu văn hóa. Những biểu hiện như vậy dễ làm suy giảm niềm tin cậy của độc giả đối với báo chí. Hơn thế nữa, trong điều kiện lộn xộn về đời sống thẩm mỹ hiện nay, nếu thiếu sự định hướng trong báo chí sẽ gây nên trong độc giả nhận thức sai lệch về cái

Digitized by Google

đẹp, nhất là ở lứa tuổi thanh, thiếu niên. Nhiều kết quả điều tra xã hội học và dư luận báo chí đã vạch ra những dấu hiệu sa sút của lối sống xã hội. Những quan điểm truyền thống đạo đức, thẩm mỹ tốt đẹp đang bị chen lấn bởi các quan điểm sống buông thả, ích kỷ và thực dụng. Nét đẹp truyền thống trong mối quan hệ cha mẹ và con cái, vợ chồng, anh em cũng có nhiều biểu hiện bị suy giảm...

Rõ ràng, văn hóa nghệ thuật đang đứng trước một thời kỳ mà trách nhiệm rất nặng nề là củng cố và xây dựng những phẩm chất đẹp của lối sống hôm nay. Nếu nhận thức về vai trò giáo dục cái đẹp của nghệ thuật bị coi là thứ yếu sau mục đích kinh tế thì hiệu quả xã hội khó mà lường hết.

Nâng cao hiệu quả thẩm mỹ của văn hóa nghệ thuật phải xuất phát từ sự nắm bắt đối tượng. Đối tượng của giáo dục thẩm mỹ hiện nay là hết sức đa dạng, phong phú, kết quả của sự đổi mới trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội. Ngoài nhu cầu về vật chất thì nhu cầu về tinh thần và nhu cầu về cái đẹp cũng đang đòi hỏi được đáp ứng. Mặc dù có những biểu hiện chưa đúng hướng, nhưng phải nhận thấy rằng bộ mặt xã hội hôm nay đa dạng hơn, con người ăn mặc đẹp hơn, họ có sự tìm tòi tiếp thu các giá trị thẩm mỹ từ nhiều hướng làm cho cuộc sống thêm phong phú. Chuẩn mực về một lối sống đẹp, một mẫu hình lý tưởng của con người hôm nay không giống như thời gian trước đây (thời gian chiến tranh), con người đẹp của xã hội được thừa nhận là con người có sự kết hợp giữa sự hiểu biết và hành động. Con người làm kinh tế giỏi nhưng phải có kiến thức với phong thái lịch sự dàng hoàng. Khuynh hướng này cũng đã bộc lộ trong các chuẩn mực lựa chọn hoa hậu: đẹp — thông minh — có kiến thức khoa học và biết cách ứng xử trong cuộc sống. Trong lao động con người cũng phải biểu lộ khả năng cảm thụ và sáng tạo cái đẹp. Như vậy, con người hình mẫu của cái đẹp hôm nay phải kết hợp được vẻ đẹp của thể chất và tinh thần, trí tuệ và tình cảm. Những phản ánh hời hợt về hình ảnh con người với thế giới nội tâm nghèo nàn trong các tác phẩm nghệ thuật không những bộc lộ sự không theo kịp đời sống, mà còn kéo lùi trình độ nhận thức thẩm mỹ của nhân dân.

Sự mở rộng trao đổi, giao lưu văn hóa giữa phương Đông và phương Tây, giữa các nước xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa làm cho thông tin về văn hóa, tư tưởng đa hướng và phong phú hơn, đời sống văn hóa thẩm mỹ xã hội cũng đa dạng hơn, nên khi tiếp nhận các phương tiện hoạt động mới, chẳng hạn như vi đê ô, cần có sự chuẩn bị, dự báo, phòng ngừa và phát huy, để vừa đáp ứng được nhu cầu tiếp cận các hình thức sinh hoạt phong phú, vừa tránh được sự bị động, lúng túng, thậm chí là buông lỏng quản lý để xảy ra những tác hại đáng kể.

Định hướng thẩm mỹ ở mảng hoạt động văn hóa tư nhân, tránh quan niệm giải trí đơn thuần, cũng là một nhiệm vụ quan trọng của ngành văn hóa. Ngay những năm 50 sau khi đất nước giành được hòa bình, quan tâm tới nội dung hoạt động văn hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở các cán bộ văn hóa về trách nhiệm nâng cao dân trí trong phong trào hoạt động văn hóa quần chúng. Người nhấn mạnh cần phải khắc phục thiếu sót của «phong trào văn hóa có bề rộng, chưa có bề sâu; nặng về mặt giải trí mà còn nhẹ về mặt nâng cao trí thức của quần chúng» (1). Như vậy, chỉ chú ý đến nhu cầu giải trí tầm thường,

(1) *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật Hà nội, 1958, t. IV, tr. 65

Digitized by Google

chiều theo thị hiếu dễ dãi của một vài nhóm xã hội mà không tính đến nhu cầu và thị hiếu nghệ thuật đa dạng của nhiều thành phần xã hội, nghề nghiệp, trình độ văn hóa và đặc điểm vùng dân cư, sẽ làm cho hoạt động sáng tác và tuyên truyền văn hóa nghệ thuật trở nên đơn điệu, phiến diện, làm đời sống văn hóa thẩm mỹ chung của toàn xã hội không phát triển lên được.

Để khắc phục tình trạng không ổn định của đời sống văn hóa thẩm mỹ, đồng thời tạo điều kiện cho việc phát huy hiệu quả giáo dục thẩm mỹ của văn hóa nghệ thuật, trước hết cần có sự nhận thức, xác định trở lại chức năng cải tạo xã hội, cải tạo và xây dựng con người bằng hoạt động của văn hóa nghệ thuật với hiệu quả mà không có hình thức hoạt động tư tưởng nào thực hiện được, để tránh việc tính lãi kinh tế đơn thuần trong định giá hoạt động nghệ thuật. Cần có chính sách bao cấp riêng cho lĩnh vực này.

Một yêu cầu quan trọng đặt ra đối với các cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan văn hóa nghệ thuật, là phải nâng cao hiểu biết về mỹ học Mác — Lê-nin, về lý luận và lịch sử nghệ thuật, để có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động ở lĩnh vực này, khả năng nhạy cảm và đánh giá các hiện tượng lệch lạc nảy sinh trong môi trường văn hóa xã hội để kịp thời uốn nắn, sửa đổi và định hướng tốt cho các hoạt động. Các hoạt động sáng tác và phổ biến văn hóa nghệ thuật phải xuất phát từ tình hình thực tế, từ nhu cầu và thị hiếu đang ngày càng đa dạng hóa của nhiều thành phần xã hội.

Cần tìm tòi các hình thức và biện pháp, góp phần định hướng và nâng cao trình độ nhận thức thẩm mỹ của nhân dân. Muốn như thế, vai trò của các cơ quan giám định, các hội đồng khoa học văn hóa nghệ thuật phải thực sự được củng cố và tăng cường. Ở những vị trí này phải là các nhà chuyên môn có năng lực thực sự, mới thẩm định, đánh giá được chất lượng nghệ thuật, tránh cho xã hội phải tiếp nhận những sản phẩm văn hóa kém. Kết hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các nhà lý luận văn học nghệ thuật, các nhà chuyên môn về lĩnh vực này nên có các chuyên đề phổ biến thường thức về nghệ thuật, nâng cao kiến thức nghệ thuật và trình độ cảm thụ nghệ thuật cho công chúng. Hướng dẫn họ lựa chọn những món ăn tinh thần bổ ích trong thị trường văn hóa dầy ắp những thông tin ngược chiều nhau.

Các cán bộ hoạt động văn hóa tương lai như học sinh các ngành lý luận, sáng tác, soạn nhạc, diễn viên, v.v. cần phải được học chương trình bắt buộc về mỹ học Mác — Lê-nin, bởi họ sẽ là những người trực tiếp tổ chức và thực hiện nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ cho xã hội thông qua nghề nghiệp của bản thân.

Tuy nhiên, vấn đề cội rễ của tất cả những vấn đề đã nêu ở trên là cần phải có một chính sách nhà nước về công tác giáo dục nghệ thuật, giáo dục thẩm mỹ. Đảng và Nhà nước cần quan tâm đến việc tạo điều kiện xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo cán bộ trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Nhân tố rất quan trọng với tính cách lực lượng chủ đạo của hoạt động văn hóa xã hội là các cán bộ nghiên cứu văn hóa nghệ thuật, các cán bộ giảng dạy đào tạo, tầng lớp văn nghệ sĩ. Vì họ chưa có điều kiện để phát huy hết khả năng của mình, nên trong đời sống văn hóa hiện nay thiếu những tác phẩm văn học, những bản nhạc hay, những cuốn phim, băng vi đê ô đặc sắc, v.v. có đủ sức mạnh để cạnh tranh và thu hút công chúng. Lý do cho ra các tác phẩm kém hiệu quả, phải tính đến sự thiệt thòi của các

(Xem tiếp trang 61)

Digitized by Google

Nam định với hơn một ngàn ngày đổi mới

PHẠM QUANG NHƯỢNG *

Tiềm năng và những mục tiêu

Nằm trong lưu vực sông Hồng, thành phố Nam định (Hà nam ninh) là một trong những đầu mối giao lưu quan trọng của đất nước: đường thủy lên—xuống, tới—lui: Thái bình, Hải phòng, Hải hưng; đường sắt, đường bộ phân lối vào Nam ra Bắc, cơ động, thuận lợi ba mặt bốn bề, mà tất cả chỉ quẩn tụ vẻn vẹn trên gần một km^2.

Vốn là một thành phố cổ của vùng phù sa châu thổ lâu đời, Nam định đẹp thế đất, dáng sông và giàu của quý, sản vật với hàng chục ngành nghề truyền thống có bề dày hàng thế kỷ: dệt lụa tơ, làm gốm sứ, đúc kim loại... Cùng với thời gian, nhiều tiềm năng đã được đánh thức, song bao thế mạnh vẫn còn đó, ẩn tàng, chưa được nghiên cứu, khai thác và sử dụng có hiệu quả, như mong muốn. Chẳng hạn: Nam định đâu chỉ có nhà máy dệt lụa, xí nghiệp đóng tàu 1-5, xí nghiệp dệt kim Thắng lợi, xí nghiệp may xuất khẩu, xí nghiệp chế biến lương thực... với tốc độ phát triển tăng bình quân 5,1% qua suốt hai năm 1987 — 1988, mà còn có nhiều xí nghiệp mới với nhiều ngành nghề đã tỏ rõ ưu thế: may, da giày xuất khẩu sản xuất bột nhẹ, xi măng, phèn chua, thuốc lá. Song, nói chung các xí nghiệp trên vẫn nằm trong tình trạng khó khăn. Bên cạnh nhiều mặt hàng có giá trị và sản xuất tương đối ổn định như: khăn bông, khăn ăn xuất khẩu, thép cán, giả da cao cấp, lốp xe đạp, đất đèn..., vẫn còn không ít mặt hàng xã hội đòi hỏi, Nam định có thể với tới trong tầm tay, nhưng vẫn chưa sản xuất được nhiều như: sành sứ, thủy tinh, nhựa, văn phòng phẩm. Về sản xuất hàng xuất khẩu, bên cạnh các mặt hàng truyền thống như mành tranh, thảm len, thăm đay, may mặc..., còn bao sản phẩm xuất khẩu có giá trị như đay, lạc, thịt lợn hơi, long nhãn, dược liệu quý, vẫn chưa được khai thác với hiệu quả cao, v.v.

Vì sao vậy? Phải chăng, Nam định chưa hiểu hết mình, chưa tìm được lối đi riêng, đúng cho mình? Và phải chăng, Nam định chưa tìm thấy «quả đấm chủ lực», cửa «đột phá» để đi lên? Thực sự, đây là

(*) Bí thư Thành ủy Nam định, Hà nam ninh

Digitized by Google

những câu hỏi, những thách thức đặt ra trước đảng bộ và 23 vạn dân thành phố chúng tôi. Chừng nào chưa trả lời đúng đắn những câu hỏi ấy, chừng đó Nam định còn dậm chân tại chỗ, còn tụt hậu, và nghèo trên những tiềm năng; nhân dân vẫn thiếu thốn, khó khăn trên những thế mạnh. Và, như thế cũng có nghĩa là đảng bộ thành phố đã tự hạ thấp mình, tự tước bỏ dần vai trò lãnh đạo của mình.

Với tinh thần thẳng thắn, dân chủ, Đại hội đại biểu lần thứ 9 (năm 1986) của đảng bộ thành phố chúng tôi tập trung thảo luận, tranh luận các vấn đề đó. Trên cơ sở phân tích những thuận lợi, khó khăn một cách tỉnh táo, với thái độ tự phê phán nghiêm túc, phương hướng hành động của đảng bộ và nhân dân Nam định trên con đường đổi mới được xác lập với bốn **mục tiêu** chủ yếu:

Một là, về kinh tế: Xây dựng thành phố có cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi nhằm khuyến khích và phát triển sản xuất ở tất cả các ngành và các thành phần kinh tế. Tranh thủ mọi nguồn vốn, vật tư để mở rộng sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất. Tổ chức lại mạng lưới thương nghiệp, mở rộng kinh doanh dịch vụ, quản lý tốt thị trường, bảo đảm phục vụ đời sống và kinh doanh có lãi.

Hai là, về đời sống: Tập trung giải quyết đời sống cho cán bộ và nhân dân cả về vật chất và tinh thần. Trước hết, là giải quyết việc làm, tiến tới bảo đảm việc làm ổn định cho người lao động; cung ứng đủ lương thực, bảo đảm tiền mặt để chi tiêu. Đồng thời, cải thiện từng bước đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, quan tâm thực hiện chính sách xã hội, thực hiện công khai, dân chủ và công bằng xã hội. Thực hiện nghiêm chỉnh quyết định 182 của Hội đồng bộ trưởng về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Ba là, về quản lý đô thị: Giải quyết các vấn đề: điện, đường, hè đường, cấp, thoát nước. Nâng cao và đưa phong trào xây dựng nếp sống mới, giữ gìn vệ sinh vào nền nếp, kiên quyết tạo sự chuyển biến mới về giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Bốn là, về công tác xây dựng Đảng: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ tương xứng với nhiệm vụ chính trị và đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Đổi mới công tác tư tưởng, công tác tổ chức, xây dựng bộ máy và đội ngũ cán bộ, nâng cao chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng. Tập trung xây dựng cấp phường, xã. Phấn đấu xây dựng đảng bộ thành phố vững mạnh.

Để thực hiện những mục tiêu trên, chúng tôi thực hiện bốn **chương trình**:

– Phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp để sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và vật liệu xây dựng.

– Phát triển sản xuất nông nghiệp.

– Giải quyết vấn đề cấp, thoát nước, điện, vệ sinh đô thị.

– Lao động và dân số.

Phương hướng: một; tổ chức thực hiện: hai; biện pháp: ba; kiểm tra: bốn

Nói và làm, làm một cách kiên quyết và có hiệu quả cao – đó là phương châm hành động của đảng bộ chúng tôi. Chỉ có như vậy, các nghị quyết mới được thực hiện nhằm thiết thực xây dựng thành phố về mọi mặt, nâng cao đời sống và củng cố niềm tin của nhân dân đối với đảng bộ.

Đối với các xí nghiệp công nghiệp và ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp do thành phố quản lý, trên cơ sở khảo sát cụ thể, một mặt chúng tôi tiếp tục xây dựng, mở rộng và hoàn

Digitized by Google

chỉnh các cơ sở sản xuất theo phương châm vừa xây dựng vừa sản xuất, «lấy ngắn nuôi dài»; mặt khác, từng bước thực hiện đổi mới quản lý xí nghiệp theo Quyết định 217 của Hội đồng bộ trưởng, tổ chức sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, thực hành tiết kiệm, giải quyết hài hòa ba lợi ích. Phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng, công cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến lương thực, thực phẩm. Sản phẩm phải có sức cạnh tranh lớn. Mở rộng liên kết, liên doanh trong và ngoài ngành, thực hiện cả hai hình thức gia công và khai thác nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất, chăm lo đời sống của người lao động, giúp các cơ sở yếu kém tổ chức lại sản xuất cho phù hợp. Ngành chủ quản giữ vai trò chủ đạo giúp đỡ các phường, xã tổ chức sản xuất và đưa một số ngành nghề thích hợp vào các hợp tác xã nông nghiệp ngoại thành. Khuyến khích các tổ sản xuất, các hợp tác xã và cả tư nhân phát triển sản xuất. Khuyến khích việc thành lập các xí nghiệp tư nhân và xí nghiệp cổ phần.

Do đó, tới tháng 3-1990, dù còn nhiều khó khăn, các nhà máy, xí nghiệp: dệt lụa Nam định, dệt kim Thắng lợi, may xuất khẩu 1-7, đóng tàu 1-5... đã có thêm hàng chục mặt hàng mới, trong đó có mặt hàng được cấp dấu chất lượng nhà nước nhiều lần. Thành phố cũng đã tổ chức thêm các xí nghiệp mới: may, da giày xuất khẩu, thuốc lá, phèn chua, xi măng... với tổng số vốn đầu tư hơn 3,5 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho hơn 3000 người. Nhiều tổ sản xuất, nhiều hợp tác xã có xu thế vươn lên, như: Diên hồng, Chúc sơn, Cộng lực, Đồng tâm, Ánh thép, Sao đỏ... Chỉ riêng năm 1988, thành phố đã có thêm 120 tổ sản xuất, 600 gia đình và gần 1000 tư nhân tự bỏ vốn tổ chức sản xuất các mặt hàng: dệt, cơ khí, đúc kim loại, sành sứ, thủy tinh... làm sống lại nhiều ngành nghề thủ công truyền thống, tạo thêm việc làm cho hàng nghìn người. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp (do thành phố quản lý trực tiếp) năm 1989, tăng 2,5 lần so với năm 1988.

Để phát triển kinh tế nông nghiệp với hai mũi nhọn là sản xuất lương thực và thực phẩm, thành phố đã tự mình vươn lên làm kinh tế hàng hóa, hoàn thiện cơ chế khoán gọn, huy động các điều kiện vật chất kỹ thuật, nâng cao trình độ thâm canh trong trồng trọt và chăm nuôi, đưa các giống vật nuôi và cây trồng có năng suất cao vào sản xuất, làm tốt công tác phòng trừ bệnh dịch; chỉ đạo các ngành cung ứng vật tư, thủy lợi, dịch vụ nông nghiệp... cải tiến phương thức kinh doanh, phục vụ phù hợp với cơ chế khoán mới; đưa một số ngành nghề thủ công vào các hợp tác xã, như: dệt, may, cơ khí nhỏ... góp phần nâng cao thu nhập cho xã viên và thu hút lực lượng lao động dôi thừa, v.v. Do vậy, năm 1989, tổng sản lượng lương thực đạt 11 843 tấn, tăng 18,9% so với năm 1988 (năm có sản lượng lương thực cao nhất suốt mười năm gần đây); đàn gia súc, gia cầm vượt kế hoạch từ 20 – 30%. Nhìn chung, nhân dân ở nông thôn phấn khởi, ngày càng chú ý áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; hàng hóa trên thị trường phong phú, đa dạng, giá cả một số mặt hàng chủ yếu khá ổn định. Đời sống của nhân dân được cải thiện một bước, kể cả những thời điểm giáp hạt.

Thực hiện phương châm «nhà nước và nhân dân, trung ương và địa phương, tỉnh và thành phố, cùng làm», trong công tác xây dựng cơ bản và quản lý công trình, giao thông vận tải và thông tin liên lạc, phân

Digitized by Google

phối lưu thông và xuất khẩu..., thành phố đã huy động vốn xây dựng các công trình trọng điểm theo hướng đầu tư dứt điểm, đưa nhanh vào sử dụng; nâng cao chất lượng thiết kế và thi công; đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng ở cả ba khu vực quốc doanh, tập thể và tư nhân. Từng bước lập lại trật tự trong phân phối lưu thông, cải tiến phương thức kinh doanh, mở rộng mạng lưới thương nghiệp và dịch vụ: tăng cường công tác quản lý thị trường, sắp xếp lại các chợ, hướng dẫn tư nhân kinh doanh các mặt hàng nhà nước cho phép...

Song đáng tiếc, trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện các chủ trương, chúng tôi gặp không ít khó khăn, cản trở, thậm chí cả những tiêu cực không nhỏ. Làm thế nào để khắc phục? Chúng tôi xác định: không ngừng tăng cường **công tác kiểm tra, thanh tra.** Cùng với việc tiếp tục củng cố hệ thống kiểm tra, kiểm sát nhà nước, chúng tôi chú trọng xây dựng và đưa hệ thống thanh tra nhân dân vào hoạt động có nền nếp. Bởi vậy, chúng tôi đã đấu tranh có hiệu quả trên một số mặt. Về bảo vệ kinh tế, đã phát hiện và xử lý một số vụ tham ô, hối lộ nghiêm trọng, một số vụ đầu cơ buôn lậu, làm hàng giả, thu về cho nhà nước hàng chục triệu đồng. Công tác kiểm tra, thanh tra nhà và đất được triển khai thực hiện, bước đầu có kết quả tốt, tạo điều kiện cho công tác quản lý nhà đất và quản lý đô thị theo kế hoạch đi vào thế ổn định và chủ động. Đẩy lùi từng bước tệ nạn tiêu cực trong nội bộ các ngành lưu thông phân phối và xuất khẩu. Chúng tôi kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục với việc xử lý nghiêm minh bằng biện pháp kinh tế và hành chính. Các ngành trong khối nội chính, theo chức năng của mình, tăng cường giáo dục pháp luật, nắm chắc và quản lý chặt đối tượng, đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực, chống tội phạm hình sự, giữ gìn trật tự, trị an.

Chúng tôi đặc biệt chú trọng uốn nắn kịp thời những lệch lạc như chỉ nặng về kiểm tra xử lý sai phạm mà coi nhẹ kiểm tra để ngăn ngừa, xử lý chưa kịp thời và chưa đúng lúc; khắc phục tình trạng kiểm tra, kiểm sát gây khó khăn, phiền hà cho cơ sở và sản xuất.

Sức mạnh khởi nguồn từ cơ sở, bởi nhân dân

Quan tâm thiết thực tới cơ sở là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của chúng tôi, mà trực tiếp là, **làm chuyển biến đời sống mọi mặt** về dân sinh, dân trí, dân quyền và dân chủ của nhân dân.

Việc có ý nghĩa quan trọng trước hết là, tiếp tục xây dựng, triển khai quy hoạch tổng thể kinh tế – xã hội và quy hoạch ngành, phân định địa giới phường, xã. Thành phố đã huy động nhiều nguồn vốn để xây dựng các công trình thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Trong cơ cấu đầu tư hằng năm, chúng tôi dành từ 30 – 35% tổng số vốn đầu tư cho sản xuất và ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình thoát nước, điện, hè đường, trường học, y tế và một số công trình văn hóa, phúc lợi công cộng khác.

Năm 1989, tổng số vốn đầu tư cho sản xuất và phục vụ đời sống đạt 3 tỷ đồng, tăng hơn 220% so với năm 1987. Số lượng công trình hằng năm tăng 2,4 lần. Bình quân hai năm 1987 – 1988, đầu tư cho sản xuất: 36%; thoát nước: 33%; các công trình vệ sinh phân rác: 11%; sửa chữa trường học, nhà trẻ và công trình phúc lợi công cộng: 20%. Nhiều công trình xây dựng cơ bản quan trọng đã được đưa vào sử dụng hoặc đang được khai triển.

Ở khu vực ngoại thành, thành phố ban hành các chính sách cụ thể về

Digitized by Google

thu mua, trao đổi sản phẩm trên cơ sở hợp đồng kinh tế hai chiều, bảo đảm có lợi cho người nông dân. Hệ thống thủy lợi, thủy nông thường xuyên được tu bổ. Công tác cung ứng vật tư, dịch vụ bảo hiểm vật nuôi, cây trồng được chấn chỉnh, gắn sát hơn với đồng ruộng. Vấn đề được quan tâm hàng đầu và đã mang lại kết quả khá là cải tạo bộ giống cây lương thực. Kết quả này đã tạo niềm tin, kích thích xã viên ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Nhiều điển hình thâm canh xuất hiện, như: Hồng long, Kênh thượng, Mỹ trung, với năng suất lúa bình quân đạt từ 36,8 – 40,79 tạ/ha/vụ. Đầu tư vốn xây dựng cơ sở vật chất cho vùng thực phẩm, trọng tâm là vùng cá Lộc vượng, vùng rau Mỹ tân, Mỹ xá, Mỹ phúc... Các xã đều dành những vùng đất thích hợp để trồng cây dược liệu, tiến hành chế biến, trao đổi, bảo đảm một số loại thuốc thông thường phục vụ nhân dân và cung ứng cho nội thành. Khuyến khích phát triển kinh tế gia đình với các loại hình chủ yếu: vườn, ao, chuồng, đàn ong...

Trong công tác phát triển văn hóa – xã hội, với quan điểm lấy **phường, xã làm trung tâm**, một mặt hạn chế sự giảm sút chất lượng của các ngành học, thực hiện phổ cập đến lớp 6, củng cố cấp I và dạy tốt lớp 1; mặt khác, phấn đấu không còn tình trạng học ba ca, quan tâm đời sống giáo viên một cách cụ thể. Năm 1988, trong lúc tình hình lương thực gay gắt, thành phố đã chủ động tổ chức mua gạo ở các tỉnh phía nam, ưu tiên số một bán cho ngành giáo dục và y tế, không để tình trạng đáng tiếc xảy ra. Mạng lưới dịch vụ và cơ sở vật chất của ngành y tế từ thành phố đến phường, xã tiếp tục được củng cố và mở rộng, kết hợp y học dân tộc với y học hiện đại trong khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, kịp thời phát hiện và dập tắt dịch bệnh... Mạng lưới truyền thanh và các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, thể dục, thể thao ở các phường, xã và một số cơ quan xí nghiệp được mở rộng. Phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới được phát động thường xuyên và được đông đảo nhân dân thực hiện. Đối với công tác thương binh xã hội, các chế độ, chính sách được tổ chức thực hiện kịp thời, nhất là tiền lương và trợ cấp xã hội. Đời sống của cán bộ, viên chức hưu trí, các gia đình hưởng chính sách được quan tâm thiết thực hơn trước. Hàng năm, giải quyết việc làm cho từ 4000 – 5000 người, chủ yếu là việc làm tại chỗ. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...

Đảng bộ đổi mới – tiền đề để thành phố đổi mới

Yêu cầu bức bách đặt ra là, muốn thành phố đổi mới, trước hết đảng bộ phải tự đổi mới mình một cách đúng hướng, thiết thực và phù hợp. Sự chuyển động phải bắt đầu và thể hiện cụ thể ở đội ngũ cấp ủy, 176 chi bộ, đảng bộ cơ sở, với 12 000 đảng viên, không chỉ ở lời nói mà cả ở hành động có hiệu quả cao.

Tăng cường công tác tư tưởng là việc làm có ý nghĩa khởi đầu của chúng tôi trong cuộc đổi mới của mình. Phát triển các hình thức thông tin, tiếp xúc với quần chúng. Các ngành chức năng làm công tác tư tưởng thường xuyên nắm bắt dư luận, đổi mới hoạt động phù hợp với trình độ của đảng viên, quần chúng. Các cấp ủy đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý, trước hết là các đồng chí bí thư đảng và thủ trưởng đơn vị, phải đích thân chỉ đạo và làm công tác tư tưởng.

Để bảo đảm thực hiện đường lối đổi mới, chúng tôi xác định **khâu mấu chốt có ý nghĩa quyết định là phải cải**

Digitized by Google

tiến công tác tổ chức bộ máy và cán bộ. Từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ cấp phường, xã, lấy đây làm nguồn chính để quy hoạch đào tạo cán bộ lãnh đạo cho thành phố. Hai năm 1987 – 1988, chúng tôi đã mở 45 lớp sơ cấp, trung cấp chính trị cho 3200 cán bộ chủ chốt cơ sở, và nhiều lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho 1800 đảng viên mới, đoàn viên ưu tú. Phổ cập văn hóa cấp phổ thông cơ sở cho đội ngũ cán bộ phường, xã. Ở cấp thành phố, số cán bộ có trình độ đại học tăng 2,3%, có trình độ chính trị trung cấp tăng 7,6% so với năm 1986.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên; tiếp tục cuộc vận động xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh là việc làm thường xuyên trong thời gian qua. Giải quyết dứt điểm tình hình mất đoàn kết kéo dài ở một số đơn vị. Xây dựng chi bộ, đảng bộ thật sự là hạt nhân lãnh đạo, giáo dục rèn luyện đảng viên về phẩm chất, lối sống, tinh thần đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực. 15 trong 23 cơ sở yếu kém đã được củng cố và kiện toàn, có chuyển biến khá. So với năm 1986, số cơ sở đảng yếu kém giảm 0,3% và diện vững mạnh tăng gần 200%.

Công tác phân loại chất lượng đảng viên được cải tiến một bước. Qua khảo sát ở một số cơ sở, số đảng viên phấn đấu tốt đạt 33%. Công tác kiểm tra đảng viên chấp hành có tác dụng tốt trong việc giáo dục đảng viên, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực. Việc thi hành kỷ luật đảng viên được tiến hành khẩn trương, thận trọng, bảo đảm chính xác. Trong hai năm 1987, 1988, xử lý 165 đảng viên sai phạm, trong đó khai trừ: 39 và đưa ra bằng các hình thức khác: 27. Song song với việc đó, chúng tôi hoàn chỉnh quy hoạch phát triển đảng ở cơ sở, kịp thời phát hiện, bồi dưỡng và đưa vào đảng những người ưu tú. Ba năm qua, 80% cơ sở đảng xây dựng quy hoạch phát triển đảng và đã kết nạp được 200 người vào đảng.

Xây dựng các đoàn thể quần chúng vững mạnh, tăng cường hiệu lực của các cấp chính quyền. Một mặt chúng tôi yêu cầu các cấp ủy đảng phải thường xuyên quan tâm đến công tác vận động quần chúng, dành thời gian thích đáng để nghe và chỉ đạo thiết thực; đồng thời, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các đoàn thể hoạt động tốt. Mặt khác, yêu cầu bản thân các đoàn thể quần chúng phải phát huy tính chủ động, sáng tạo, phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; củng cố kiện toàn tổ chức cơ sở đủ mạnh, thực sự là nơi đại diện cho quyền lợi và bảo vệ quần chúng.

Chính quyền các cấp phát huy hiệu lực quản lý nhà nước, đưa việc quản lý xã hội bằng pháp luật vào nền nếp. Cải tiến nội dung hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp, mở rộng dân chủ, tạo điều kiện để các đại biểu hội đồng nhân dân thực hiện trọn vẹn quyền hạn của mình theo luật định. Giải quyết kịp thời đơn thư khiếu tố, làm tốt công tác thanh tra. Tổ chức giáo dục pháp luật trong nhân dân. Tổ chức gọn nhẹ các cơ quan chức năng giúp việc hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân trong công tác quản lý kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa phương mình.

Digitized by Google

ĐẶC QUYỀN ĐẶC LỢI

TUẤN MINH

NHIỀU người không thích nói «đặc quyền đặc lợi» cũng như không muốn nói đến «cửa quyền», đến «cường hào mới». Họ cho rằng nói như vậy là làm chạnh lòng những cán bộ tốt, liêm khiết, tận tụy.

Dĩ nhiên chúng ta không «vơ dũa cả nắm», nhưng lẽ nào lại lẩn tránh một căn bệnh có thật hiện đang tồn tại, đang lây lan và đang đi sâu vào mọi ngõ ngách của đời sống xã hội hôm nay.

Sự tồn tại của bệnh đặc quyền đặc lợi là điều rất khó tránh, bởi lẽ khi đã có tổ chức quyền lực thì rất dễ sinh ra sự lạm dụng quyền lực.

Tuy vậy, chúng ta không coi mọi quyền và lợi đều là biểu hiện của tệ đặc quyền đặc lợi.

Khi còn giai cấp và đấu tranh giai cấp thì quốc gia nào cũng phải có một bộ máy quyền lực để bảo vệ đất nước và quản lý xã hội. Bản chất giai cấp của bộ máy đó có thể khác nhau, song tính chất quyền lực của nó đều giống nhau. Muốn cho bộ máy quyền lực làm được chức năng của mình thì mỗi thành viên của nó phải được trao những quyền hành nhất định tùy theo nhiệm vụ và vị trí của từng thành viên. Luật pháp cũng đòi hỏi mọi công dân phải tôn trọng quyền hành đó của họ.

Phê phán tệ đặc quyền không có nghĩa là phủ nhận quyền hành chính đáng và hợp pháp nói trên mà là phê phán sự lạm dụng quyền hành để làm điều phi pháp, biến quyền hành được luật pháp thừa nhận thành quyền lực cá nhân, biến quyền hành được trao cho để phục vụ nhân dân thành quyền hành gây phiền hà, hoạnh họe, thậm chí đè nén, áp bức, trù dập nhân dân.

Phê phán tệ đặc lợi không có nghĩa là phủ nhận đãi ngộ vật chất theo kết quả cống hiến trên cơ sở nguyên tắc phân phối theo lao động mà là phê phán sự lạm dụng quyền hành để giành phần hưởng thụ quá đáng.

Đặc quyền đặc lợi rõ ràng là căn bệnh của những kẻ có chức quyền tìm cách giành cho mình những quyền đặc biệt và từ đó giành những lợi lộc đặc biệt.

Biểu hiện nghiêm trọng nhất của tệ đặc quyền là sử dụng triệt để quyền hành được giao để mưu lợi cá nhân, lạm dụng quyền hành để làm điều sai trái, kể cả ban phát chân lý và dạy bảo người khác. Do vậy, kẻ đặc quyền cũng là kẻ lộng quyền, lộng hành, thích tâng bốc, xu nịnh, tạo cho mình có nhiều vây cánh. Họ đứng trên luật pháp, hành động trái với luật pháp, bẻ cong luật pháp theo ý muốn riêng. Nhiều kẻ đặc quyền thời nay khôn ngoan, xảo quyệt che đậy cái

Digitized by Google

«đặc quyền của tôi» bằng cách núp sau cái vỏ: tất cả mọi việc họ làm đều nhân danh tập thể, nhân danh tổ chức. Kẻ đặc quyền cũng là kẻ độc tài, độc đoán, phá hoại dân chủ.

Cái đích của kẻ đặc quyền thường là để giành đặc lợi. Cái phần mà họ được hưởng phải hơn hẳn người khác rất nhiều lần. Nhà ở của họ ư? Đó không phải là «vi la» thì cũng phải là căn hộ đặc biệt với diện tích và những tiện nghi sang trọng vượt xa tiêu chuẩn mà họ được phép hưởng. Họ giành nhiều diện tích ở không chỉ cho mình, mà còn cho con cháu nữa. Đã không ít lời phàn nàn rằng giờ đây ở địa phương nào cũng có những khu nhà khang trang, những ngôi nhà đàng hoàng dành riêng cho những cán bộ đặc quyền đặc lợi, trong đó có cả những người giữ chức chưa cao và chưa lâu.

Kẻ đặc quyền tất nhiên có thu nhập thực tế rất cao, tuy về danh nghĩa họ cũng chỉ nhận được đồng lương không đủ chi ba bữa ăn hằng ngày cho riêng họ. Đó là những của biếu xén, những món quà nhân ngày lễ, tết, những «phần thưởng», những thứ cấp phát, thứ bán nhượng theo giá nội bộ. Đó là chưa kể những trường hợp họ giành quyền tự chi cho mình và cho bè cánh trái với các quy định về tài chính nhưng đã có nhân viên kế toán dưới quyền khôn khéo hợp pháp hóa, không ai bắt bẻ được.

Đã đặc quyền đặc lợi thì tất nhiên «một người làm quan cả họ được nhờ». Vì thế, ở đâu có thủ trưởng đặc quyền đặc lợi thì ở đó có hàng loạt con cháu, người thân của họ được nhận vào làm việc, được giao các công việc nhàn hạ, béo bở, cho dù có khả năng chuyên môn hay không. Những người này còn được hưởng quyền ưu tiên đi học, đi nghiên cứu ở nước ngoài, hết nước xã hội chủ nghĩa đến nước tư bản phát triển, học vị không ngừng được nâng cao, mà không nhất thiết có tài năng, trí tuệ hơn người. Tất cả những sự việc này đều diễn ra dưới chiêu bài «thực hiện chính sách», «chiếu cố cán bộ»!

Không thể không nói đến những cách giành đặc lợi cho mình của các tập thể nhỏ, to với việc bung ra đủ loại công ty dịch vụ, tổ chức cải thiện đời sống, tổ chức kinh tế — tài chính của nhiều cơ quan, đoàn thể. Các tổ chức này tha hồ «làm ăn», mỗi vụ thu được hàng chục, hàng trăm triệu đồng để chia nhau, nhờ trốn thuế, miễn thuế, ăn chênh lệch giá. Đó là một thứ chủ nghĩa tập thể ích kỷ, thu lợi riêng, đứng ngoài luật pháp, ngoài sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng.

Trên đây là chưa nói đến những đặc quyền đặc lợi trước nay đã được hợp pháp hóa, coi như việc dĩ nhiên.

Rõ ràng, đặc quyền đặc lợi diễn ra ở nhiều cấp, ở cả tập thể và cá nhân, ở cả những người chức quyền cao và chức quyền thấp. Mỉa mai thay, không thiếu những kẻ đặc quyền đặc lợi hơn ai hết nhưng lại lớn tiếng lên án tệ đặc quyền đặc lợi, làm như thể chính họ đang là nạn nhân của tệ đặc quyền đặc lợi.

Tất nhiên, chỉ có những người không chịu tu dưỡng rèn luyện, đi đến thoái hóa, biến chất mới dễ mắc bệnh đặc quyền đặc lợi. Nhưng liệu chỉ việc xử phạt thật nghiêm những kẻ đó, chỉ việc mở những đợt sinh hoạt chính trị, giáo dục phẩm chất, có đi đến chấm dứt được căn bệnh này không? Làm như thế, tôi nghĩ, chỉ có thể giảm được một chút chứ không thể chấm dứt được căn bản tệ nạn này, một tệ nạn mà nếu không được triệt tận gốc thì nó như một thứ «dầu Phạm Nhan», chặt đầu này dầu khác lại mọc ra.

Một nhà báo tư sản, nhiều lần đến Việt nam đã nói với tôi: «Ở nước tôi có tiền là có tất cả. Ở nước ông,

Digitized by Google

thì trước hết phải có chức quyền, có chức quyền thì sẽ có tất cả. Về danh nghĩa, người có chức quyền chẳng có của riêng gì đáng kể, tất cả là của nhà nước, của tập thể, nhưng thực tế người đó lại có tất cả, không thiếu thứ gì».

Tôi nghĩ, gốc rễ của cái bi kịch này chủ yếu là do xã hội ta còn mang nặng di sản phong kiến, đẳng cấp. Quyền lực thực tế thuộc về cá nhân có chức quyền. Đã thế, cơ chế lãnh đạo, quản lý lại không khoa học. Còn có sự lẫn lộn giữa lãnh đạo với quản lý, giữa thừa hành luật pháp với quyền lực cá nhân. Một cơ chế mang danh nghĩa tập thể song quyền lực lại thuộc về cá nhân; cá nhân được tùy ý hành động nhưng không chịu trách nhiệm. Một cơ chế chưa được luật pháp hóa để vừa bảo đảm cho mọi tổ chức, mọi viên chức chính quyền đều có đủ quyền lực thực hiện chức trách, vừa bảo đảm cho không một quyền lực nào không bị nhân dân khống chế và giám sát một cách có hiệu quả.

Trong tình hình chính trị xã hội phức tạp, không thể tránh khỏi tình trạng có những kẻ lợi dụng việc phê phán tệ đặc quyền đặc lợi để công kích Đảng, công kích bộ máy nhà nước. Nhưng đó chỉ là số rất ít, và động cơ xấu xa của họ không thể lọt qua con mắt tinh tường của nhân dân. Cần thấy nhiều người có tâm huyết rất băn khoăn, day dứt về tệ đặc quyền đặc lợi hiện nay. Tệ này đang gieo rắc tai họa. Chẳng những nó làm hư hỏng cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước, mà nó còn làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với các cơ quan đảng và nhà nước. Và điều rất đáng lưu ý là, chừng nào còn tệ đặc quyền đặc lợi trong bộ máy đảng và nhà nước thì chừng ấy khó mà làm cho đảng và nhà nước trong sạch, vững mạnh, bởi lẽ nó là mảnh đất tốt cho những kẻ cơ hội có thể chui vào cơ quan đảng và nhà nước mưu cầu lợi ích cá nhân.

Bệnh đặc quyền đặc lợi tất nhiên phải bị lên án mạnh mẽ. Nhưng điều mà mọi người quan tâm hơn là liệu chúng ta có thể diệt trừ được bệnh này không và bằng cách nào? Liệu có kẻ đặc quyền đặc lợi nào lại thật thà tự phê bình, tự xưng «tôi ở bụi này» để rồi tự giác từ bỏ các việc làm xấu xa? Xóa bỏ đặc quyền đặc lợi không thể là việc giản đơn, dễ dàng. Nó sẽ chỉ giảm đến mức thấp nhất với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, với việc xây dựng một cơ chế lãnh đạo quản lý xã hội phù hợp và một nhà nước luật pháp dựa trên cơ sở phát huy mạnh mẽ dân chủ.

Trước mắt nên tập trung vào các việc sau đây:

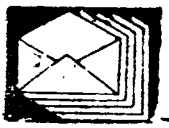
— **Một là**, xây dựng một cơ chế lãnh đạo quản lý đúng đắn theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đảng lãnh đạo chứ không phải đảng quyền lực; nhà nước quản lý bằng luật pháp; quyền làm chủ của nhân dân phải được tôn trọng, được luật pháp hóa.

— **Hai là**, công khai hóa tiêu chuẩn hưởng thụ, đãi ngộ của mọi cấp. Những gì đúng là đặc quyền đặc lợi thì phải công khai chỉ ra và kiên quyết ngăn cấm. Nhân dân có quyền được biết và tham gia kiểm tra thực hiện các quy định này.

— **Ba là**, tiền tệ hóa lương và các tiêu chuẩn đãi ngộ, hưởng thụ khác. Lương và đãi ngộ phải xứng đáng với cống hiến. Cần xóa bỏ kiểu lương hình thức hiện nay, cũng như xóa bỏ mọi thứ cấp phát, phân phối, bán nhượng, mọi thứ «chính sách» tùy tiện đặt ra.

— **Bốn là**, một khi quần chúng tố cáo những kẻ đặc quyền đặc lợi thì các cơ quan luật pháp, các tổ chức kiểm tra kỷ luật, phải điều tra kết luận rõ ràng và xử lý kịp thời nghiêm túc.

Digitized by Google



Thư gửi Bộ biên tập

THAM NHŨNG VÀ VÔ LƯƠNG TÂM. HÃY ỦNG HỘ BÁO CHÍ ĐẤU TRANH CHỐNG THAM NHŨNG!

THÁI VĂN
(Hà nội)

THAM nhũng là một tệ nạn làm thối rữa xã hội, một tệ nạn mà bất cứ xã hội nào cũng lên án. Tham nhũng thường gắn liền với quyền lực, với những người có chức có quyền trong xã hội nên có sức ỳ, chống đỡ rất lớn, và thường được che đậy bởi «trăm phương nghìn kế» của người có quyền đã bị tha hóa. Nguy cơ tha hóa bởi «có quyền lực trong tay» tạo điều kiện cho tham nhũng, dang rất lớn ở nước ta. Nó dễ dàng biến con người từ chỗ là người cán bộ tốt thành những con «sâu mọt», thậm chí thành những kẻ vô lương tâm, kẻ thù của nhân dân. Nếu chúng ta không tiến hành các biện pháp và đấu tranh kiên quyết, kịp thời và liên tục để ngăn chặn nạn tham nhũng, sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng không lường trước được.

Thời gian gần đây, một số báo chí đã phanh phui nhiều vụ làm ăn phi pháp, tham ô hối lộ lớn của một số cá nhân và tập thể trong cả nước, đã đưa ra những tình tiết cụ thể, những số liệu về việc làm phạm pháp của một số người có chức có quyền. Tệ đặc quyền đặc lợi, tệ ô dù của những «ông quan cách mạng» không phải là ít. Tuy nhiên, vấn đề xử lý về trách nhiệm, việc kết tội và khung hình phạt đối với những việc làm và các cá nhân vi phạm pháp luật, lại chưa thỏa đáng, thậm chí chỉ là hình thức, gây nên sự bất bình, phẫn uất của nhân dân.

Điều mà bạn đọc, những người có trách nhiệm và lương tâm, thực sự quan tâm không chỉ là nội dung, tình tiết của các vụ việc, mà còn là thái độ và cách xử lý, giải quyết các vụ việc còn nhiều yếu tố tiêu cực, xử không đúng với tội danh, không công bằng trước pháp luật. Kẻ phạm tội là những người có chức, có quyền còn lọt lưới, thường hay bị «quên» một cách rất đáng ngờ trong sự im lặng đáng sợ. Người ta đã nhân danh bảo vệ «uy tín của Đảng» để khỏi phải xét xử công khai hoặc chỉ rõ chức danh, tên họ cụ thể không ít kẻ phạm tội là cán bộ chủ chốt thừa hành ở các cấp các ngành.

Chỉ xin điểm lại một số vụ điển hình mà báo chí nêu lên trong thời gian gần đây.

Sau khi các phương tiện thông tin đại chúng phát hiện có nhiều tiêu cực nghiêm trọng ở Chi cục dự trữ lương

Digitized by Google

thực Hải hưng (A34 Hải hưng), chúng ta thấy các báo **Lao động, Đại đoàn kết**.. liên tiếp đăng các bài phản ánh và tố cáo những tiêu cực tương tự ở không ít Chi cục dự trữ lương thực quốc gia nằm ở các tỉnh khác: **Bê bối của Chi cục dự trữ lương thực Thanh hóa** của Hoài Giang (**Đại Đoàn kết**, số 26, ra ngày 26-6 đến 2-7-1990) **Tiêu cực nghiêm trọng tại Chi cục dự trữ lương thực Hà sơn bình** của Tổ phóng viên kinh tế báo **Đại đoàn kết** (số 18, từ 1-5 đến 6-5-1990); **Hậu quả không lường!** của Bình Sơn, phản ánh những tiêu cực ở Chi cục dự trữ quốc gia Thái bình (**Lao động**, số 23, ngày 7-6-1990); **Một số người ở Hà nam ninh lợi dụng hoạt động của Chi cục dự trữ lương thực quốc gia để kiếm lời hàng tỷ đồng** (**Nhân dân**, số 13052, ra ngày 29-5-1990), **1280 lạng vàng biến đi đâu?** của Gia Bình, phản ánh những tiêu cực xung quanh vụ cho vay thóc dự trữ quốc gia ở Hà nam ninh (**Lao động**, số 25, ra ngày 21-6-1990)v.v.

Mặc dù, phần lớn các bài viết mới chỉ công bố một phần tài liệu điều tra, nhưng chỉ như vậy thôi, chúng ta cũng đã thấy tình hình tiêu cực ở các chi cục nói trên là rất nghiêm trọng. Thật đáng tiếc, chỉ vì kỷ cương bị buông lỏng mà lãnh đạo chi cục dự trữ quốc gia ở không ít tỉnh đã có thể lợi dụng một chủ trương đúng đắn của nhà nước để bòn rút tiền của của nhân dân, làm giàu bất chính. Thế nhưng cho đến nay, trước những vụ việc bê bối kể trên, chưa hề thấy bộ chủ quản và cấp kiểm tra, kiểm soát, thanh tra nào có ý kiến gì trước công luận.

Tham nhũng đã là phạm tội, nhưng việc tham nhũng nói trên còn mang tính chất rất nghiêm trọng. Đó là những việc làm vô nhân đạo, kinh doanh, trục lợi trên mồ hôi, nước mắt, trên sự đói khổ, bần cùng của người nông dân. Đó là những hành động tàng tận lương tâm, ăn chặn và «hớt» tay trên số tiền mà người nông dân một sương hai nắng đáng lý được hưởng. Họ đã lợi dụng tiền của của nhà nước, lợi dụng lúc bức bách, túng quẫn của người nông dân để kiếm lời cho bản thân. Nhưng tai hại hơn là ở chỗ họ đã lợi dụng, «kinh doanh» cả lòng tin của người nông dân đối với Đảng. Theo tôi, phải coi đây là một trọng tội và phải xử lý thật nghiêm khắc. Cần đưa những kẻ phạm tội ở các chi cục dự trữ lương thực ra xử trước pháp luật, đồng thời cần quy trách nhiệm về hình sự đối với các cơ quan quản lý cấp trên như Cục dự trữ quốc gia, tỉnh ủy và UBND các tỉnh v.v. đã để xảy ra những vụ việc tiêu cực như vậy.

Sau khi đọc bài điều tra **Chung quanh việc đền bù dời dân, giải phóng lòng hồ sông Đà** của Trần Khâm trên báo **Nhân dân** số 13090 ra ngày 25-5-1990, tôi cảm thấy vô cùng công phẫn trước thái độ hết sức vô trách nhiệm của lãnh đạo hai ban công tác sông Đà của Sơn la và Hà sơn bình đã để xảy ra tình trạng bớt xén thậm tệ phần nhà nước đền bù cho những người dân phải di chuyển khỏi vùng lòng hồ sông Đà. Những người dân này đã vì lợi ích to lớn của đất nước mà chịu hy sinh, thiệt thòi, lại bị một nhóm tiêu cực, những kẻ bất nhân, vô lương tâm ở hai ban trên làm cho cuộc sống càng thêm điêu đứng, cơ cực.

Những số liệu, những tình tiết cụ thể nêu trong bài báo đã quá rõ ràng, đủ để kết luận và quy trách nhiệm. Trách nhiệm, tội lỗi này trước hết và trực tiếp thuộc về hai ban công tác sông Đà của hai tỉnh trên, cùng các cai dầu dài xây dựng đang hưởng nhà cửa to nhất vùng với đầy đủ tiện nghi sinh hoạt xa hoa.

Tôi không đi vào đánh giá mức độ phạm tội, đúng sai của các vụ việc

Digitized by Google

đó, cũng không đề ra một khung hình phạt cụ thể cho đối tượng nào. Điều tôi muốn nói ở đây là: Ai, người nào ở trên những kẻ phạm pháp đó? Và hình phạt về trách nhiệm với những người này như thế nào? Số phận của hàng chục vạn công dân mà phần lớn là người dân tộc không phải là chuyện nhỏ, chỉ là chuyện của một đơn vị, của địa phương. Nó là chuyện của quốc gia.

Đã đến lúc phải quy trách nhiệm cụ thể, chỉ đúng chức danh, tên gọi của kẻ phạm tội (dù là ai) để quy tội và luận tội (trực tiếp hay gián tiếp). Và, cũng đã đến lúc, nên chấm dứt việc kết tội «tập thể» chung chung, như chúng ta thường gặp hiện nay (khi kẻ phạm tội là người có chức có quyền); lại càng không nên mượn danh nghĩa tập thể để bưng bít, che chắn, bảo vệ cho nhau, đỡ vấy cho nhau theo kiểu «hòa cả làng». Tập thể là một tổ chức, có trên, có dưới, có người đứng đầu, chỉ huy, có người chỉ là nhân viên thừa hành; chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ và hưởng thụ của mỗi người mỗi khác, vì vậy trách nhiệm của mỗi người không thể giống nhau. Người có tội phải được xử lý, đúng với tội danh và khung hình phạt tương ứng, dù người đó ở cương vị nào. Chức năng, quyền hạn càng lớn thì trách nhiệm càng phải cao. Người đứng đầu, chỉ huy phải chịu trách nhiệm khi cấp dưới, nhân viên thuộc quyền phạm tội. Có như vậy mới đề cao được vai trò, trách nhiệm quản lý của người lãnh đạo, chỉ huy. Đó là đạo lý, là công bằng xã hội.

Trở lại các vụ việc nêu trên, tôi đề nghị phải xử lý thích đáng những cán bộ chủ chốt, đầu ngành ở các chi cục dự trữ lương thực quốc gia các tỉnh trên. Đối với những người ở ban công tác sông Đà hai tỉnh Sơn la và Hà sơn bình đã tham ô, ăn chặn, bớt xén, gây thất thoát lớn tiền của nhà nước dền bù cho những người dân phải di chuyển khỏi vùng lòng hồ sông Đà, thì các cơ quan có trách nhiệm không những cần nhanh chóng làm sáng tỏ mọi vấn đề liên quan trước công luận, mà còn phải nhanh chóng có hình thức xử lý thích đáng đối với những kẻ phạm pháp nói trên về kinh tế, về hành chính, và cả về hình sự nếu cần. Mặt khác, Ban quản lý công trình thủy điện Hòa bình, các cấp chính quyền ở hai tỉnh Sơn la và Hà sơn bình, và các bộ có liên quan, hơn nữa Hội đồng bộ trưởng cũng phải chịu trách nhiệm về vấn đề này. Trách nhiệm và hình thức xử lý cần được công khai trước công luận. Và việc làm khẩn cấp là phải bảo đảm cuộc sống bình thường cho những gia đình đã vì sự nghiệp chung của đất nước mà phải chịu đựng, hy sinh.

Cái gây nên sự phẫn uất và làm mất lòng tin của nhân dân hiện nay là sự bất bình đẳng trước pháp luật giữa người dân thường với người có chức, có quyền. Đối với không ít người có chức, có quyền hiện nay, luật pháp là cái không phải để họ tuân thủ, mà để răn đe, trừng phạt người khác. Họ đứng trên pháp luật và ngoài vòng pháp luật; họ tự cho mình có quyền làm tất cả: kết án, kỷ luật người này, hay ưu ái, thậm chí bao che tội lỗi cho người kia. Ai được lòng họ, hầu với họ, thì dù có khuyết điểm, tội lỗi nặng đến đâu, vẫn được cất nhắc; thậm chí đang từ kẻ có tội bỗng trở thành người có công, đang từ kẻ phạm tội bỗng trở thành người phán xét!

Đó là trường hợp thứ trưởng Bộ lâm nghiệp Thân Trung Hiếu — nguyên tổng giám đốc Liên hiệp lâm sản 3, người đáng nhẽ phải chịu trách nhiệm chính của nhóm tiêu cực trong vụ «thanh lý» 20 055m^3 gỗ để chia nhau (khoảng 2000 cây vàng), lại là người chủ trì, phán xử của chính vụ việc này qua phản ánh của Nguyễn Quang

(*Xem tiếp trang 88*)

Digitized by Google



Đảng cộng sản Liên xô – Những mốc lịch sử

TRONG gần một thế kỷ tồn tại và phát triển, ĐCS Liên xô đã trải qua nhiều mốc lịch sử quan trọng.

Đại hội thứ I, đại hội thành lập Đảng (lúc đó lấy tên là **Đảng công nhân dân chủ xã hội Nga** *), được tiến hành bí mật từ ngày 2 đến ngày 3-3-1898 tại Min-xcơ. Đại hội này chỉ có 9 người tham dự và đã bầu ra UBTU gồm 3 người (sau đại hội, các ủy viên bị bắt và thực tế Đảng cũng không hoạt động). Tuy nhiên, đại hội này đã làm được việc quan trọng là tuyên bố thành lập Đảng và nhân danh đại hội đưa ra Tuyên ngôn kêu gọi giai cấp vô sản đứng lên đấu tranh cách mạng.

Đại hội thứ II, diễn ra vào năm 1903, đã thông qua Cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Ngay ở đại hội này đã diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt giữa các quan điểm khác nhau dẫn đến việc hình thành phái bôn sê vích và men sê vích. Bôn sê vích là phái của Lê-nin, họ chiếm đa số và là những người cách mạng chân chính. Cũng chính từ đại hội này đã bắt đầu cuộc đấu tranh dai dẳng và quyết liệt giữa phái bôn sê vích và phái men sê vích. Trong cuộc đấu tranh này đã có những lúc phái men sê vích thắng thế, như ở **Đại hội thứ IV** (1-1906) họ chiếm đa số và tạm thời áp đặt được quan điểm của mình. Thậm chí họ đã biến báo **Tia lửa**, vốn do Lê-nin thiết lập, thành phương tiện tuyên truyền chống lại chính Lê-nin. Trong tình hình như vậy, phái bôn sê vích vẫn kiên trì và tích cực hoạt động theo quan điểm của mình và dần dần quan điểm của họ được đa số ủng hộ. Do mâu thuẫn trở nên hết sức gay gắt, tại hội nghị toàn đảng tháng 1-1912, những người men sê vích bị khai trừ ra khỏi đảng, chấm dứt tình trạng hai phái có quan điểm trái ngược nhau tồn tại trong một đảng. Phái bôn sê vích từ một nhóm chính trị đã trở thành một đảng độc lập. Tháng 5-1912, theo chỉ

* Tiếng Nga là РСДРП (Российская социал – демократическая рабочая партия), trước đây có lúc đã dịch là *Đảng công nhân xã hội – dân chủ Nga*.

Digitized by Google

thị của Lê-nin, báo **Sự thật** đã được thành lập và trở thành cơ quan ngôn luận của Đảng từ đó cho đến ngày nay.

Dưới sự lãnh đạo của những người bôn sê vích, nhân dân lao động Nga đã tiến hành thắng lợi Cách mạng Tháng Mười. Cuộc cách mạng này đã làm thay đổi cơ bản vị trí và tính chất hoạt động của Đảng: Đảng đã trở thành đảng cầm quyền và là lực lượng duy nhất lãnh đạo sự nghiệp cách mạng. Vào thời điểm Cách mạng Tháng Mười thắng lợi, Đảng có khoảng 350 nghìn đảng viên.

Đại hội thứ VII (3-1918) là đại hội đầu tiên sau Cách mạng Tháng Mười thắng lợi, đã quyết định đổi tên từ Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga (bôn sê vích) thành Đảng cộng sản Nga (bôn sê vích). Cũng chính ở đại hội này đã xuất hiện nguy cơ chia rẽ Đảng: những người phái tả có hành động phá hoại, họ tuyên bố không tham gia bầu cử và không tham gia Ủy ban trung ương. Nhưng với quyết tâm bảo vệ sự thống nhất của Đảng, Lê-nin và những người đồng tư tưởng đấu tranh quyết liệt nhưng đúng mực và đầy sức thuyết phục, nên cuối cùng những người cánh tả đã công khai nhận sai lầm của mình và tích cực tham gia các hoạt động của Đảng. Sau Đại hội thứ VII, UBTU Đảng và chính phủ chuyển từ Pê-tô-grát về Mát-xcơ-va, từ đây Mát-xcơ-va trở thành thủ đô của Nhà nước xô viết.

Vào cuối năm 1918 và đầu năm 1919, các đảng cộng sản của các nước cộng hòa U-crai-na, Bê-lô-ru-xi-a, Lát-vi-a, E-xtô-ni-a... đã được thành lập. Đến năm 1920, những tổ chức bôn sê vích ở A-déc-bai-gian, Gru-di-a, Ác-mê-ni-a đã chuyển thành những đảng cộng sản.

Đại hội thứ VIII, diễn ra vào tháng 3-1919, đã thông qua Cương lĩnh thứ hai của Đảng.

Đồng chí Xta-lin được bầu làm Tổng bí thư UBTU tại **Đại hội thứ XI** (từ 27-3 đến 2-4-1922).

Hội nghị Trung ương tháng 10-1922 đã thông qua Nghị quyết thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết.

Tháng 1-1924, Lê-nin, người sáng lập ra Đảng từ trần. Trong những ngày đau thương này, có trên 240 nghìn công nhân gia nhập Đảng.

Tháng 12-1925 **Đại hội thứ XIV** họp, Đảng cộng sản Nga (bôn sê vích) đổi tên thành Đảng cộng sản toàn liên bang (bôn sê vích)*. Từ đây, về danh nghĩa, những người cộng sản Nga không có tổ chức đảng của mình ở cấp nước cộng hòa, tổ chức đó hòa nhập trong ĐCS toàn liên bang.

Từ năm 1925 đến năm 1940 là thời kỳ ĐCS toàn liên bang (bôn sê vích) lãnh đạo toàn dân thực hiện công nghiệp hóa và tập thể hóa. Trong giai đoạn này, nền kinh tế Liên xô phát triển rất nhanh và đã biến Liên xô thành cường quốc. Ngành công nghiệp nặng đã đạt được những thành tựu to lớn, có khả năng đáp ứng mọi nhu cầu phát triển sản xuất cũng như củng cố quốc phòng. Trong quá trình này, Đảng đã lớn mạnh lên rất nhiều, có thêm kinh nghiệm trong việc lãnh đạo xây dựng kinh tế, phát triển trong phong trào quần chúng và xây dựng đảng. Đội ngũ của Đảng được tăng cường, đến Đại hội thứ XVIII (3-1939) số đảng viên chính thức có trên một triệu rưỡi người. Tuy nhiên, cũng chính trong thời kỳ này, đồng chí Xta-lin – ở đỉnh cao quyền lực – đã lạm dụng quyền lực,

---

* Tiếng Nga là ВКП (б) (Всесоюзная коммунистическая партия), phân biệt với КПСС (Коммунистическая партия Советского Союза) tên gọi của Đảng từ sau Đại hội thứ XIX (họp từ 5 đến 14-10-1952) mà ta dịch ra tiếng Việt rất đúng là Đảng cộng sản Liên xô.

Digitized by Google

coi thường nguyên tắc của Đảng và luật pháp của Nhà nước xô viết, làm cho đảng phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng. Đã xảy ra việc đàn áp, bắt bớ và ám hại nhiều người vô tội, trong số đó có những cán bộ lãnh đạo rất có năng lực.

Mặc dù vậy, ở thời điểm trước khi xảy ra cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại, đại bộ phận nhân dân vẫn tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Và ĐCS Liên xô đã tỏ ra xứng đáng với niềm tin của nhân dân: Đảng đã lãnh đạo một cách tài tình, mưu trí và đưa cuộc chiến tranh tới chỗ thắng lợi hoàn toàn. Công lao to lớn của ĐCS Liên xô trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đã được toàn nhân loại ghi nhận.

Sau chiến tranh, ĐCS toàn liên bang không triệu tập đại hội ngay. Mãi đến tháng 10-1952, **Đại hội thứ XIX** của Đảng mới được tiến hành. Như vậy Đại hội thứ XVIII và thứ XIX của Đảng cách nhau tới 14 năm. Trong lịch sử tồn tại gần một thế kỷ của ĐCS Liên xô, đây là khoảng cách dài nhất giữa hai đại hội. Trong thời gian này, nhiều nguyên tắc sinh hoạt đảng bị vi phạm nghiêm trọng. Do đó, nhiều hiện tượng tiêu cực đã xảy ra trong nội bộ đảng và trong toàn xã hội. Tại Đại hội thứ XIX, ĐCS toàn liên bang (bôn sê vích) đổi tên thành *Đảng cộng sản Liên xô* (không cần có chữ « bôn sê vích » đi kèm như trước nữa).

Ngày 5-3-1953, đồng chí Xta-lin từ trần.

Tháng 9-1953, đồng chí Khơ-rút-sốp được bầu làm Bí thư thứ nhất ĐCS Liên xô.

Đại hội thứ XX của ĐCS Liên xô được tiến hành vào tháng 2-1956. Đại hội đã phê phán tệ sùng bái cá nhân và những hậu quả của nó.

Tháng 10-1961 **Đại hội thứ XXII** của ĐCS Liên xô thông qua Cương lĩnh thứ ba của Đảng.

Tại hội nghị toàn thể của Trung ương Đảng tháng 10-1964, đồng chí Brê-giơ-nép được bầu vào chức vụ Bí thư thứ nhất UBTU ĐCS Liên xô.

Từ năm 1965 đến giữa năm 70 là thời kỳ Liên xô phát triển ổn định và đạt được những thành tựu đáng kể. Cuối những năm 70 và đầu những năm 80, tình hình phát triển kinh tế – xã hội của Liên xô chững lại, và bắt đầu xuất hiện những khó khăn, những hiện tượng tiêu cực.

Tháng 11-1982 đồng chí Brê-giơ-nép từ trần, đồng chí An-đrô-pốp được bầu làm Tổng bí thư UBTU ĐCS Liên xô.

Tháng 2-1984 đồng chí An-đrô-pốp từ trần, đồng chí Trec-nen-cô được bầu làm Tổng bí thư UBTU ĐCS Liên xô.

Tháng 3-1985 đồng chí Trec-nen-cô từ trần và đồng chí Goóc-ba-trốp được bầu làm Tổng bí thư UBTU ĐCS Liên xô.

Hội nghị toàn thể Trung ương ĐCS Liên xô tháng 1 năm 1985 đề ra chính sách cải tổ.

Đại hội thứ XXVII (cuối tháng 2, đầu tháng 3-1986) là một bước phát triển tiếp theo của chính sách cải tổ. Cương lĩnh thứ ba của Đảng đã được biên tập lại, được sửa chữa. Tại đại hội này, đồng chí Goóc-ba-trốp được bầu lại làm Tổng bí thư.

Trong thành phần của ĐCS Liên xô cho đến tháng 12-1989, chỉ có 14 trong số 15 nước cộng hòa có ĐCS của nước cộng hòa. Riêng Cộng hòa liên bang Nga thì chưa có, vì người ta quan niệm rằng ĐCS Liên xô đã thể hiện đầy đủ quyền lợi cho những người cộng sản Nga rồi. Trước những yêu cầu mới, Hội nghị toàn thể Trung ương ĐCS Liên xô tháng 12-1989 đã thành lập trong UBTU Đảng một văn phòng phụ trách nước Nga. Nhưng do yêu cầu của sự phát triển, Hội nghị

Digitized by Google

đại biểu các đảng viên cộng sản toàn Liên bang Nga (trúng cử đại biểu Đại hội thứ XXVIII của ĐCS Liên xô) tháng 6-1990 tuyên bố thành lập ĐCS của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết liên bang Nga. Nhưng đây không phải là một đảng mới được thành lập độc lập, mà vẫn là một bộ phận hữu cơ của ĐCS Liên xô. ĐCS Cộng hòa liên bang Nga hiện nay có hơn 11 triệu đảng viên, chiếm 58% tổng số đảng viên của ĐCS Liên xô. Tuy nhiên, hiện nay ở các nước cộng hòa vùng Ban-tích có hai đảng cộng sản song song tồn tại, một đảng độc lập hoàn toàn với ĐCS Liên xô và một đảng thuộc thành phần ĐCS Liên xô (theo Cương lĩnh ĐCS Liên xô).

Từ sau Cách mạng Tháng Mười, ĐCS Liên xô là tổ chức chính trị duy nhất giữ vai trò lãnh đạo trên đất nước xô viết. Điều này đã được các hiến pháp kế tiếp nhau của Liên xô thừa nhận. Nhưng ngày 13-3-1990, Đại hội đại biểu nhân dân Liên xô lần thứ ba (bất thường) đã thông qua việc sửa lại điều 6 và điều 7 Hiến pháp hiện hành của Liên xô, xác nhận từ nay ĐCS Liên xô là một trong các đảng tham gia vạch chính sách, tham gia quản lý các hoạt động đối nội, đối ngoại của Nhà nước xô viết. Và chính ĐCS Liên xô cũng đã tuyên bố không cố giữ độc quyền và sẵn sàng tham gia đối thoại chính trị và hợp tác với tất cả những ai ủng hộ đổi mới xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay ĐCS Liên xô có khoảng 19 triệu đảng viên.

Trước tình hình khó khăn và phức tạp của đất nước, và trước nguy cơ bị chia rẽ của Đảng, UBTU Đảng cộng sản Liên xô đã quyết định triệu tập sớm Đại hội thứ XXVIII. Có 1657 đại biểu tham dự trong tổng số 4683 đại biểu được bầu. Số đại biểu công nhân là 543 (chiếm 11,6%), nông trang viên là 255 (chiếm 5,4%). Đại hội đã diễn ra từ 2-7 đến 13-7-1990 trong không khí đấu tranh gay gắt. Đại hội thứ XXVIII của ĐCS Liên xô đã thông qua Tuyên bố mang tính chất cương lĩnh « Tiến tới chủ nghĩa xã hội dân chủ, nhân đạo », Điều lệ mới của Đảng và một loạt nghị quyết : « Về báo cáo chính trị của UBTU trước Đại hội ĐCS Liên xô và những nhiệm vụ của Đảng »; « Về tình trạng giai cấp nông dân và việc thực hiện chính sách nông nghiệp của Đảng »; « Về đường lối tiến hành cải cách kinh tế và chuyển sang những quan hệ thị trường » ; « Về những phương hướng cơ bản của chính sách quân sự của Đảng trong giai đoạn hiện nay »; « Về ngân quỹ và tài sản của Đảng »; « Về đường lối của Đảng trong giáo dục, khoa học và văn hóa »; « Về các phương tiện thông tin đại chúng của Đảng »; « Về chính sách đối với thanh niên »; « Về sự đánh giá chính trị đối với tai họa ở nhà máy điện nguyên tử Trec-nô-bưn và tiến trình công việc loại trừ những hậu quả của nó »; « Về bảo vệ các quyền dân chủ, chống truy bức các đảng viên cộng sản » (ở Đông Âu).

Đại hội bầu trực tiếp tổng bí thư và phó tổng bí thư. Đồng chí Goóc-ba-trốp được bầu lại làm Tổng bí thư và đồng chí I-va-scô được bầu làm Phó tổng bí thư. Đại hội đã cử một ủy ban soạn thảo Cương lĩnh mới của Đảng. Đại hội đã bầu UBTU gồm 412 ủy viên, và Ủy ban kiểm tra gồm 168 đồng chí. Hội nghị UBTU đã bầu Bộ chính trị gồm 24 người (tổng bí thư, phó tổng bí thư, 15 bí thư thứ nhất các ĐCS các nước cộng hòa và 7 đồng chí khác). 11 bí thư Trung ương và 5 ủy viên Ban bí thư.

Digitized by Google

Sự biến động của các đảng cộng sản ở các nước Đông Âu

VŨ HIỀN

NHỮNG cơn bão táp chính trị mùa thu 1989 đã làm biến dạng Đông Âu. Tại đây đã và đang hình thành — ở các mức độ khác nhau — những thực thể chính trị mới. Các đảng cộng sản ở đây nguyên là đảng cầm quyền mấy chục năm nay, hầu hết trở nên đảng đối lập. Tình hình các đảng này đang có nhiều biến động. Có thể xem xét sự biến động ấy trên một số khía cạnh :

Một là, đời sống kinh tế — chính trị — xã hội ở các nước Đông Âu đang ở bước phát triển không bình thường. Bước nhảy nguy hiểm ấy biểu hiện rõ nhất ở sự phẫn nộ của quần chúng không được định hướng trong khi các đảng cộng sản bị mất uy tín nghiêm trọng và ở nhiều nơi, thực tế đã mất quyền lực ; trong khi các lực lượng đối lập nhảy lên chiếm quyền chưa có cơ sở vững chắc trong xã hội. Chính điều này dẫn tới tình trạng hỗn loạn vô chính phủ và đó là mảnh đất màu mỡ để các loại đảng phái và tổ chức chính trị thực hư mọc lên như nấm. Chỉ trong vòng hơn nửa năm qua, ở Cộng hòa dân chủ Đức đã xuất hiện gần 150 « đảng phái » và « tổ chức chính trị, ở Hung-ga-ri : gần 100, ở Tiệp khắc : trên 60, ở Ru-ma-ni : trên 80, và ở Bun-ga-ri : trên 50. Các loại đảng phái và tổ chức này đều tuyên bố mình là « người của nhân dân » để mưu toan giành giật sự ủng hộ của các tầng lớp quần chúng, nhưng thực tế trong số ấy lại có nhiều lực lượng lạc hậu, cặn bã xã hội, phản lại lợi ích của nhân dân và dân tộc. Vì vậy, việc xuất hiện nhanh chóng nhiều « chính đảng » ở các nước này không phải là sự biện minh cho chế độ dân chủ mà trong nhiều trường hợp lại là những hành động và mưu toan của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội, muốn lái xã hội theo chiều hướng khác.

Hai là, bên cạnh việc xuất hiện nhiều đảng phái mới mà hầu hết là lực lượng chống đối đảng cộng sản, bản thân các đảng cộng sản ở Đông Âu đã bị chia rẽ và phân liệt nghiêm trọng, có nơi từ một đảng tách ra thành những đảng khác nhau. Hầu hết các đảng cộng sản đều đã thay đổi tên gọi :

Digitized by Google

— Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức sau Đại hội bất thường tháng 12-1989 đã đổi tên thành « Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức — đảng của chủ nghĩa xã hội dân chủ » và sau Đại hội bất thường tháng 2-1990 lại đổi tên thành « Đảng chủ nghĩa xã hội dân chủ ».

— Đảng cộng sản Tiệp khắc tháng 3-1990 bị phân liệt, một nhóm khoảng 3000 người đã tách ra và thành lập « Diễn đàn dân chủ Tiệp khắc ». Họ tuyên bố sẵn sàng hợp tác với các đảng phái khác, trừ đảng cộng sản.

— Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri cũng đã bị phân liệt. Đại hội XIV của Đảng họp vào tháng 10-1989 đã tuyên bố giải tán đảng và lập đảng mới là « Đảng xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri ». Một bộ phận lớn đảng viên không thừa nhận nghị quyết của đại hội này và tuyên bố giữ nguyên tên gọi cũ của đảng. Như vậy, ở Hung-ga-ri hiện nay tồn tại hai đảng.

— Đảng công nhân thống nhất Ba-lan sau Đại hội XI đã kết thúc hoạt động và bị thay bằng « Đảng dân chủ — xã hội Cộng hòa Ba-lan ».

— Đảng cộng sản Bun-ga-ri cũng đã đổi tên thành « Đảng xã hội chủ nghĩa Bun-ga-ri ».

Ba là, số lượng đảng viên của các đảng cộng sản ở Đông Âu đã giảm sút nghiêm trọng. Nếu trước đây, tổng số đảng viên của các đảng này là hơn 8 triệu thì nay chỉ còn khoảng gần 5 triệu. Ở nơi nào đảng cộng sản còn uy tín và còn giữ được chính quyền thì số lượng đảng viên biến động rất ít (ví dụ: Đảng xã hội chủ nghĩa Bun-ga-ri (đảng cộng sản) trước kia có 985 nghìn đảng viên, nay còn 984 nghìn; Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư trước kia có 2,2 triệu đảng viên, nay còn 2 triệu). Ngược lại, ở một số nước mà đảng cộng sản mắc sai lầm nghiêm trọng, phe chống đối đã nắm chính quyền, hiện tượng chống cộng, trả thù những người cộng sản xuất hiện thì số lượng đảng viên cộng sản giảm sút rất lớn: Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri trước kia có 720 nghìn đảng viên, nay phân liệt thành hai đảng với số đảng viên tổng cộng chỉ còn 130 nghìn; Đảng công nhân thống nhất Ba-lan trước có 2 triệu đảng viên, nay đảng mới là « Đảng dân chủ — xã hội Cộng hòa Ba-lan » chỉ còn 17 nghìn. Đảng cộng sản Tiệp-khắc từ 1,7 triệu còn gần 1 triệu...

Bốn là, điều cuốn hút nhân dân không phải là các đảng phái, tổ chức chính trị với cương lĩnh của họ, mà là các nhân vật chính trị này nọ chuyên « bới lông tìm vết » những lỗi lầm của ai đó. Ở nhiều nước Đông Âu đã dấy lên làn sóng phê phán, đả kích, thậm chí dựng lên bằng chứng giả để kết tội những người lãnh đạo đảng cộng sản trước kia.

Năm là, trong điều kiện những giá trị tinh thần trước đây bị khủng hoảng thì tư tưởng dân tộc chủ nghĩa phát triển nhanh chóng, khuynh hướng ly tâm cũng tăng lên. Trong số 60 đảng mới ở Nam-tư, không có đảng nào mang tính chất toàn Nam-tư cả. Ở Tiệp-khắc và các nơi khác, tuy mức độ có ít hơn, nhưng cũng có tình trạng như vậy. Tâm lý ly tâm còn thể hiện ở sự mong muốn thoát khỏi những gò ép khuôn mẫu, nó cũng thể hiện thành tư tưởng tự do vô chính phủ.

Sáu là, chế độ đa nguyên ở Đông Âu là một nghịch lý. Sự giống nhau về cương lĩnh chính trị và chương trình kinh tế của các chính đảng chủ chốt đáng lý phải đưa họ tới chỗ hợp tác chặt chẽ với nhau thì trên thực tế lại thấy: đảng này không chịu nghe ý kiến đảng kia, các lãnh tụ đả kích lẫn nhau, làm tăng thêm tình trạng đối đầu trong xã hội. Đa nguyên ở đây chẳng qua là những thủ đoạn giành quyền lực, núp sau một nền dân chủ giả hiệu, hậu quả của nó thật nặng nề.

Digitized by Google

Bảy là, thuật ngữ dân chủ – xã hội đã làm siêu lòng nhiều đảng cộng sản ở Đông Âu khi họ đang tìm cách thoát khỏi khủng hoảng. Nhiều người cộng sản đã nhượng bộ trên tất cả các mặt chính trị, pháp lý và tới nay, nhiều đảng đã đi trệch quá xa khỏi lý tưởng của mình. Khi nhiều người còn đang lóa mắt bởi mô hình dân chủ – xã hội thì chính các nước thực thi mô hình này đang gặp nhiều vấn đề nan giải; các đảng dân chủ – xã hội đang tìm cách điều chỉnh đường lối của mình.

Tám là, những cơ sở về tư tưởng, chính trị và kinh tế được xây dựng trong hơn 40 năm ở Đông Âu, không thể một lúc tiêu tan hết. Các lực lượng đối lập đã ra sức lợi dụng sự mất uy tín và sự tan rã hàng ngũ của các đảng cộng sản để tiến công. Song vấn đề rốt cuộc lại do nhân dân quyết định. Họ đã bình tâm lại sau cơn phẫn nộ, đã tỉnh giấc sau những hoan hỉ quá ngắn ngủi so với những khó khăn và gánh nặng kinh tế quá to lớn và dồn dập mà các phần tử đối lập bắt họ phải chịu đựng. Đó chính là nguyên nhân làm cho chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động không làm được những điều chúng muốn, chúng đang tự bộc lộ là những thế lực chống nền dân chủ chân chính, phá hoại quyền tự quyết của nhân dân các nước khác. Kết quả bầu cử vừa qua ở các nước Đông Âu đã khẳng định điều đó: ở Ru-ma-ni, hơn 60% phiếu bầu cho Mặt trận dân tộc cứu nước; ở Bun-ga-ri hơn 50% phiếu bầu cho Đảng xã hội chủ nghĩa (đảng cộng sản); ở Tiệp-khắc, số phiếu bầu cho đảng cộng sản được xếp thứ hai.

★

Các đảng cộng sản ở Đông Âu đang đứng trước một thực tế vô vàn khó khăn, phức tạp. Vấn đề đặt ra hôm nay – như khẳng định của nhiều người cộng sản ở đây – là kiên trì theo đuổi lý tưởng cộng sản, là phải nhận thức được trách nhiệm, tổ chức lại đội ngũ, tự đổi mới và khôi phục lại uy tín đối với nhân dân. Mọi hành vi xu thời, thỏa hiệp, từ bỏ lý tưởng của mình đều không tránh khỏi thất bại. Trong cuộc thử thách quyết liệt, những người cộng sản ở các nước Đông Âu, và cả quần chúng theo họ đang đúc rút kinh nghiệm từ những bài học đã qua và cả từ những bài học mới ngày hôm nay, để từng bước vượt qua thử thách.

ĐỔI MỚI VĂN HỌC...

(Tiếp theo trang 58)

trồng vào đất, chưa xuất phát từ quan niệm triết học về con người để sáng tạo hình tượng con người.

Nhìn như vậy, vấn đề cơ bản của đổi mới văn học không phải là định hướng rộng một cách mơ hồ; càng không phải coi tự do sáng tác chung chung là chìa khóa; mà là trong những điều kiện đã bình thường, cần trở lại quy luật bình thường của sáng tác văn học, chú trọng đầy đủ đến đặc trưng của văn học. Tự nhà văn tìm đường trở lại. Lãnh đạo tạo điều kiện tốt nhất cho sự trở lại đó. Nhưng quy luật đó là gì? Đó là văn học phải xuất phát từ quan niệm về con người để nghiên cứu thực tại nhằm sáng tạo những hình tượng con người làm vật liệu kiến trúc con người theo lý tưởng xã hội mà mình lựa chọn.

Digitized by Google



Qua sách báo nước ngoài

Về sự tha hóa của lao động dưới chủ nghĩa xã hội*

Cuộc khủng hoảng về động cơ lao động làm phương hại đến nền kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa trong những năm 60 và 70, và đặc biệt trở nên gay gắt trong những năm 80, đã chứng tỏ: **sự tha hóa của lao động không phải là phạm trù riêng có của các xã hội có giai cấp, nhất là của chủ nghĩa tư bản.** *Nó còn là* **một trong những vấn đề gay gắt nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa xã hội** *mà các nhà lý luận mác xít — lê nin nít đang nghiên cứu để có những biện pháp khắc phục hữu hiệu.*

Biểu hiện và nguyên nhân của tha hóa dưới chủ nghĩa xã hội

Việc giải quyết những vấn đề xã hội và kinh tế đặt ra trước chủ nghĩa xã hội hiện nay, rốt cuộc tùy thuộc vào chỗ có động viên được tối đa khả năng của mỗi người hay không, có nâng cao được rõ rệt tính tích cực của mỗi người với tư cách là người lao động, là thành viên trong tập thể những người sở hữu, là người chủ của đất nước mình hay không. Thế nhưng chủ nghĩa xã hội hiện thực lại đang vấp phải những thiếu sót chính trong những vấn đề vừa nói. Nguyên nhân của tình hình đó là do đâu? Chính là do sự tha hóa của lao động.

Sự tha hóa của lao động là sự tách người lao động ra khỏi những điều kiện, quá trình và kết quả hoạt động lao động của bản thân người đó, và là sự tái tạo những điều kiện nói trên như tái tạo những lực lượng đối lập, thù địch. Hình thức chủ quan của sự tha hóa của lao động là nhận thức tiêu cực của người lao động về quá trình lao động của mình, còn cơ sở chung, tiền đề khách quan của sự tha hóa của lao động là quá trình phân công lao động. Phân công lao động biểu hiện ở các loại hình lịch sử cụ thể của nội dung và tính chất lao động, và cả dưới các hình thức

(*) Xem bài «Sự tha hóa của lao động trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa» của Ia. Cu-đơ-mi-nốp, E. Na-bi-u-li-na, V. Ra-đa-ép và T. Xúp-hô-ti-na đăng trên tạp chí *Khoa học xã hội* (Liên xô), số 2-1989, tr. 177–188

Digitized by Google

gắn chặt người lao động vào những dạng nhất định của quá trình lao động, rốt cuộc, đang dẻ ra những hình thức muôn vẻ về sự tha hóa của lao động.

Có thể phân sự tha hóa của lao động (và sản phẩm của lao động) thành hai dạng cơ bản: tha hóa của lao động với tính cách là **hoạt động** và tha hóa của lao động với tính cách là **đối tượng sở hữu**. Phân như vậy là do chỗ: một mặt, lao động là một quá trình hoạt động hợp lý, là vũ đài phát triển của con người, là lĩnh vực thực hiện năng lực của con người; mặt khác, lao động — ở trạng thái vật hóa của nó — là cơ sở vật chất của sở hữu, còn với tính cách là quá trình, lao động đồng thời là đối tượng điều tiết từ phía những người chủ các tư liệu sản xuất.

Cơ sở khách quan của sự tha hóa của lao động với tính cách là hoạt động, là trạng thái những điều kiện môi trường sản xuất và nội dung lao động, là tác động của chúng đối với sức khỏe của người lao động và sự phát triển của những tiềm năng sáng tạo của người lao động. Sự lạc hậu tương đối của lực lượng sản xuất trong xã hội xã hội chủ nghĩa là nguyên nhân khiến cho phân công lao động ở đây còn duy trì những dạng hoạt động lao động khác nhau đáng kể về mặt kỹ thuật và kinh tế—xã hội. Với việc tách riêng các mặt lao động khác nhau—sáng tạo và tái tạo, quản lý và chấp hành—đang nảy sinh nhiều dạng lao động mà những dạng lao động này không thể tạo ra được những khả năng thực tế cho việc phát triển con người một cách toàn diện và hài hòa. Việc gán những dạng hoạt động như thế vào những người lao động riêng lẻ, cũng đang trở thành nguyên nhân của sự tha hóa của lao động; cùng với những hình thức phân công lao động cổ truyền, sự tha hóa này đang tiếp tục được tái hiện trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội.

Hình thức đặc biệt của sự tha hóa của lao động với tính cách là hoạt động, là sự tách đa số những người lao động ra khỏi việc quản lý sản xuất, là việc biến họ thành những người chấp hành đơn thuần các quyết định của các nhóm tương đối hẹp làm công việc hành chính. Sự tha hóa của hoạt động quản lý biểu hiện ở việc một bộ phận những người lao động bị tách ra khỏi các tư liệu sản xuất, ở việc họ không có khả năng ảnh hưởng thực sự tới kết quả sản xuất của tập thể và xã hội, do đó biểu hiện ở việc người lao động bị «loại ra» khỏi các quan hệ sở hữu thực tế được hình thành trong quá trình lao động.

Mặc dù có một số giống nhau bề ngoài với các hình thái trước đây, việc những người lao động bị tách ra khỏi công việc quản lý và bị tách ra khỏi các quan hệ sở hữu xã hội chủ nghĩa, nói chung, là những hình thức tha hóa đặc thù, do chủ nghĩa xã hội phát triển trên cơ sở kinh tế—xã hội của chính nó sinh ra. Việc thực hiện không đầy đủ các quan hệ sở hữu xã hội chủ nghĩa, những vi phạm tương đối thường xuyên đối với sự phù hợp trong điều kiện lịch sử cụ thể giữa quan hệ sản xuất và sự phát triển của lực lượng sản xuất, đang trở thành nguyên nhân tương đối độc lập tái tạo những nhân tố khiến cho những người lao động bị tách ra khỏi các điều kiện và kết quả lao động của họ. Tha hóa gắn liền với **sùng bái hóa các quan hệ sản xuất**. Nó được duy trì dưới những hình thức sùng bái kế hoạch và sùng bái hàng hóa, tùy theo tính chất của những điều kiện vật chiếm địa vị thống trị đối với người sản xuất.

Tha hóa hợp quy luật và không hợp quy luật dưới chủ nghĩa xã hội

Dĩ nhiên, sự tha hóa của lao động không bắt nguồn từ bản chất, từ

Digitized by Google

những cơ sở gốc rễ của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa. Trong khuôn khổ giai đoạn cao nhất của phương thức sản xuất đó, việc « loại bỏ » mọi hình thức tha hóa của lao động hẳn sẽ diễn ra. Nhưng điều đó không có nghĩa là, đối với chủ nghĩa xã hội, sự tha hóa là một cái gì đó trái quy luật mang tính chất thuần túy bề ngoài. Bên cạnh những hình thức tha hóa **trái quy luật** của chủ nghĩa xã hội, những hình thức gắn với những cực đoan trong việc phát triển các hình thức chuyển hóa về thực hiện các quan hệ sản xuất và về quản lý kinh tế — xã hội (ví dụ những hình thức thô bạo nhất về điều tiết mang tính chất hành chính và về chủ nghĩa quan liêu; ưu thế của chủ nghĩa bình quân trong phân phối và quy mô rộng lớn của những khoản thu nhập không lao động), là một loạt những hình thức tha hóa **hợp quy luật** của chủ nghĩa xã hội. Tùy theo những điều kiện lịch sử cụ thể của nước này hay nước khác, những hình thức tha hóa hợp quy luật này có thể khác nhau, nhưng dù thế nào đi nữa chúng vẫn là sản phẩm phụ của sự phát triển kinh tế — xã hội của chủ nghĩa xã hội.

Ranh giới giữa các hình thức tha hóa hợp quy luật và trái quy luật trong chủ nghĩa xã hội, thông thường khá linh hoạt. Dù có được kinh nghiệm lịch sử khá lớn của nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chúng ta vị tất đã có thể khẳng định một cách chắc chắn là không hợp quy luật những gì đang xuất hiện không đúng với cơ sở gốc rễ của sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Bản thân sự xuất hiện của những yếu tố phân phối bình quân và của những khoản thu nhập không lao động, sự sống lại của chủ nghĩa quan liêu trong bộ máy quản lý, rõ ràng cũng là hợp quy luật đối với trình độ và tính chất phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất vốn có của chủ nghĩa xã hội. Những hình thức chuyển hóa này lại trở thành trái quy luật khi chúng bắt đầu làm biến dạng cơ cấu kinh tế — xã hội của chủ nghĩa xã hội. Những mâu thuẫn của sự tha hóa, thể hiện ở sự không phù hợp giữa những nhu cầu ngày càng tăng của người lao động trong công cuộc sáng tạo và tổ chức kinh tế với những khả năng thực tế để thực hiện những nhu cầu đó, được quần chúng nhận thức như một động lực mạnh mẽ của sự phát triển kinh tế — xã hội của chủ nghĩa xã hội. Còn nếu những mâu thuẫn này lại chuyển hóa thành hình thức trái quy luật, làm biến dạng cơ cấu kinh tế — xã hội của chủ nghĩa xã hội, tạo nên ở chủ thể quan niệm khách quan những mâu thuẫn nói trên là không sao sửa chữa được, thì những mâu thuẫn đó lại trở thành những yếu tố kìm hãm, khiến cho xã hội ắt phải trì trệ.

Phương hướng và phương pháp khắc phục sự tha hóa dưới chủ nghĩa xã hội

Việc thừa nhận những hình thức tha hóa của lao động là hợp quy luật đối với chủ nghĩa xã hội, tuyệt nhiên không có nghĩa tất yếu phải cam chịu với sự tồn tại của vấn đề này. Trái lại, việc giải quyết vấn đề này cần được đặt vào trung tâm chính sách kinh tế — xã hội của chúng ta. Việc khắc phục sự tha hóa trong điều kiện chủ nghĩa xã hội bao gồm **hai phương hướng cơ bản**: loại bỏ không chậm trễ những hình thức tha hóa rõ rệt nhất do những quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa bị biến dạng và ngăn ngừa không để những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa xã hội chuyển thành hình thức xung đột; giảm nhẹ và tính đến những hình thức tha hóa tái hiện trong cơ chế kinh tế hiện hành.

Các **phương pháp** để khắc phục sự tha hóa của lao động dưới chủ nghĩa xã hội cũng bao gồm **hai loại** quá trình.

Digitized by Google

Một là, xóa bỏ dần những hình thức mang tính nô dịch của phân công lao động, sử dụng việc trang bị lại kỹ thuật hàng loạt cho sản xuất để cải thiện điều kiện lao động, để nâng cao tính sáng tạo của lao động. Và hai là, tạo điều kiện cho người lao động tham gia thực sự và tham gia toàn diện vào việc quản lý công việc xã hội, phổ biến những hình thức mới kết hợp người lao động với tư liệu sản xuất, nâng cao trình độ nghiệp vụ và trình độ văn hóa chung của mọi tầng lớp dân cư. Việc cải tổ hệ thống quản lý sản xuất xã hội chủ nghĩa đóng vai trò quyết định trong giai đoạn hiện nay.

Phù hợp với điều nói trên, cái đích mà việc « xóa bỏ » mọi hình thức tha hóa theo đuổi, cũng mang tính chất hai mặt. Một mặt, việc « xóa bỏ » đó mở rộng những khả năng kinh tế thuần túy của chủ nghĩa xã hội, là một phương tiện mạnh mẽ để củng cố kỷ luật lao động, là một nguồn để nâng cao trên cơ sở tự nguyện cường độ và năng suất lao động của người lao động, để tiết kiệm tư liệu sản xuất. Mặt khác, có khắc phục được sự tha hóa thì mới thực hiện được mục đích cao nhất của sản xuất xã hội chủ nghĩa là bảo đảm sự phát triển hài hòa, tự do của mọi thành viên trong xã hội.

THANH MY *lược thuật*

THAM NHŨNG...

(*Tiếp theo trang 77*)

Anh. tác giả bài **Họ làm thế nào để thanh lý trót lọt 20 055m^3 gỗ ?** đăng trên báo *Lao động* (số 21, ngày 21-5-1990).

Mọi người muốn được biết, đằng sau và bên trên thứ trưởng Thân Trung Hiếu là ai? Có gì khuất tất, mờ ám trong vụ này?

Tôi chỉ được biết các vụ việc này trên báo chí. Có thể có một số tình tiết còn cần làm sáng tỏ, nhưng các vụ việc về căn bản là rõ ràng. Việc điều tra, kết luận, khởi tố là trách nhiệm của các cơ quan có chức năng. Điều tôi muốn nói ở đây là: mọi người cần phải « được » công bằng trước pháp luật; pháp luật là của chung mọi người, dành cho mọi người. Tệ ô dù, bao che cho nhau, cần phải được coi như một trọng tội và phải có khung hình phạt thật nặng. « Thượng bất chính, hạ tắc loạn ».

Còn rất nhiều điều chưa biết, nhiều việc chưa làm; biết bao vụ tham ô, đặc quyền đặc lợi của những địa phương và những ngành khác, biết bao nỗi oan ức của người dân còn chìm trong bóng tối, trong « sự im lặng đáng sợ ». Chính những cái đó, giữa những sai lầm, thủ đoạn, thậm chí cả sự nhục nhã nữa, có thể giết chết không những một con người cụ thể, mà quan trọng hơn còn là làm mất đi niềm tin ở hàng triệu người đối với xã hội, đối với luân lý, đạo đức xã hội. Một nhà văn Pháp viết: « Sống — có nghĩa là làm sáng tỏ » Tự bản thân phải sáng tỏ; mọi người, mọi vấn đề phải sáng tỏ. Đó là đạo lý, là lẽ sống chân chính.

Hãy vì công lý, vì sự đổi mới của đất nước mà giải quyết dứt điểm những vụ tiêu cực, phạm pháp, không được bỏ lửng để cho kẻ có tội cứ nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật. Hãy ủng hộ báo chí đấu tranh chống tham nhũng!

Digitized by Google

ТАПТИ КОНГШАН № 8-1990

☆☆☆ – Усиливать управленческую роль государства под руководством партии. ВУ ОАНЬ – Обновлять работу по мобилизации масс. ЧАН КУЕТ – Народная прокуратура в деле обновления. ДАНГ ХЫУ – Усиливать и обновлять партийное руководство наукой и технологией. СОЦИАЛИЗМ: ОГЛЯДЫВАЯСЬ И ОБНОВЛЯЯСЬ (исследования) ☆ ДАО СУАН ШАМ – Ленинские идеи о кооперации и рождение новой экономики в нашей стране. ИССЛЕДОВАНИЯ ☆ ЛЕ ХОНГ ТАМ – Водохранилище на Чёрной реке: Потенции и перспективы. ДО ДЫК ДИНЬ – Экономическая стратегия стран ЮВА. ОБМЕН МНЕНИЯМИ ☆ НГУЕН ТХЕ УЛИ – Рынок – основное содержание политики открытых дверей. ЧАН НГОК ХЬЕН – Теоретико-практическая концепция о денежном предпринимательстве. ОПЫТ РАБОТЫ ☆ НГУЕН КУАНГ ЗУ – Человеческий фактор и социальная политика на селе в настоящее время. ВУ СУАН КЬЕУ – Срочные меры по охране леса и окружающей среды. ВУ ХЮЙ АНЬ – Размышления о многовековом приходе католиков. НГУЕН ВАН ЛЫУ – Обновлять литературу: концепции и практика. ВУ ТУ НАМ – Немного о сегодняшней литературе. ДО КИМ ТХИНЬ – Повышать эффективность художественной культуры в эстетическом воспитании. ФАМ КУАНГ НЬЬЮНГ – Намдинь и более тысячи дней обновления. ЖИЗНЬ И ИДЕОЛОГИЯ – ТУАН МИНЬ – Прерогативы. ПИСЬМА В РЕДАКЦИЮ ☆ ТХАЙ ВАН – Коррупция и бессовестность. Поддерживайте печать в борьбе против коррупции. В МИРЕ: ПРОБЛЕМЫ И СОБЫТИЯ ☆ КПСС – Исторические вехи. ВУ ХЬЕН – Потрясения в коммунистических партиях Восточно-европейских стран.

REVIEW OF COMMUNISM N$_o$. 8-1990

☆☆☆ – Strengthen the managerial role of the State under the Party's leadership. VŨ OANH – Renewal in mass mobilization. TRẦN QUYẾT – Renewal in the work of the People's Prosecutor's Office. ĐẶNG HỮU – Strengthening and renewal of the Party's leadership over science and technology. **Socialism: Retrospect and Renewal (Studies)** ☆ ĐÀO XUÂN SÂM – Lenin's thought on cooperation, and the coming into being of our new economy. **Research – Exchange of Views** ☆ **Research** – LÊ HỒNG TÂM – The area of the reservoir on the Da River – Potential and prospects. ĐỖ ĐỨC ĐỊNH – Economic strategy of the Southeast Asian countries. **Exchange** – NGUYỄN THẾ UẨN – The market – The fundamental content of the open-door policy. TRẦN NGỌC HIÊN – Money trading: theory and practice. **Opinions and Experiences** ☆ NGUYỄN QUANG DU – The human factor and social policies in the countryside at present. VŨ XUÂN KIỀU – Some urgent measures to protect forests and the environment. VŨ HUY ANH – Reflections on an old Catholic region. NGUYỄN VĂN LƯU – Renewal in literature – Conception and reality. VŨ TÚ NAM – A few words on today's literary production. ĐỖ KIM THỊNH – Raising the level of aesthetic education in culture and the arts. PHẠM QUANG NHƯƠNG – Nam Dinh after more than a thousand days of renewal **Life and ideology** ☆ TUẤN MINH – Privileges and prerogatives. **Letters to the Editors** ☆ THÁI VÂN – Corruption and unscrupulousness. Support the press in the struggle against corruption. **The World: Problems and Events** ☆ The Soviet Communist Party – Historical landmarks. VŨ HIỀN – Upheavals in the Communist Parties of Eastern Europe.

Digitized by Google

REVUE DU COMMUNISME N° 8-1990

☆☆☆ – Renforçons la gestion étatique sous la direction du Parti. VŨ OANH – Rénover le travail de mobilisation des masses. TRẦN QUYẾT – Le parquet populaire dans l' oeuvre de renouveau. ĐẶNG HỮU – Renforcer et rénover la direction du Parti vis-à-vis des sciences et technologies. **Le socialisme : regard rétrospectif et renouveau (Études)** ☆ ĐÀO XUÂN SÂM – La pensée de Lénine sur le régime de coopération et la naissance de la nouvelle économie dans notre pays. **Etudes – Echanges** ☆ **Etudes** – LÊ HỒNG TÂM – Le lac-réservoir de la Rivière Da – potentialités et perspectives. ĐỖ ĐỨC ĐỊNH – La stratégie économique des pays de l'Asie du Sud – Est. **Echanges** – NGUYỄN THẾ UÂN – Le marché – contenu essentiel de la politique d'ouverture. TRẦN NGỌC HIÊN – Le point de vue théorique-pratique sur les opérations monétaires. **Opinions et expériences** ☆ NGUYỄN QUANG DU – Le facteur humain et les politiques sociales dans la campagne actuelle. VŨ XUÂN KIỀU – Quelques mesures urgentes de protection des forêts et de l'environnement. VŨ HUY ANH – Réflexions sur une des premières régions converties au catholicisme. NGUYỄN VĂN LƯU – Renouveau littéraire – conception et pratique. VŨ TÚ NAM – Quelques réflexions sur les livres littéraires d'aujourd'hui. ĐỖ KIM THỊNH – Elever l'efficacité de la culture et des arts dans l'éducation esthétique. PHẠM QUANG NHƯỢNG – La ville de Nam Dinh après plus de mille jours de renouveau. **Vie et idéologie** ☆ TUẦN MINH – Privilèges et prérogatives. **Lettres à la Rédaction** ☆ THÁI VÂN – Corruption et malhonnêteté. Soutenons la presse dans la lutte contre la corruption. **Le monde : problèmes et événements** ☆ Le Parti communiste de l' Union soviétique – les jalons historiques. VŨ HIỀN – Bouleversements au sein des partis communistes des pays de l' Est.

REVISTA DEL COMUNISMO Nº 8-1990

☆☆☆ Reforzar la gestión del Estado bajo la dirección del Partido. VŨ OANH – Renovación en el trabajo de movilizar a las masas. TRẦN QUYẾT – La fiscalía popular en la obra de renovación. ĐẶNG HỮU – Reforzar y renovar la dirección del Partido para con las ciencias y tecnologías. **El socialismo : retrospección y renovación** ☆ **(Estudios)** – ĐÀO XUÂN SÂM – La idea de Lenin sobre el régimen de cooperación y el nacimiento de la nueva economía en nuestro país. **Investigaciones – Intercambios** ☆ **Investigaciones** – LÊ HỒNG TÂM – El lago depósito del rio Da – potencialidades y perspectivas. ĐỖ ĐỨC ĐỊNH – La estrategia económica de países del sureste de Asia. **Intercambios** – NGUYỄN THẾ UÂN – El mercado-contenido especial de la política abierta. TRẦN NGỌC HIÊN – El punto de vista teórica-práctica sobre las operaciones monetarias. **Opiniones y experiencias** ☆ NGUYỄN QUANG DU – El factor humano y las políticas sociales en el campo de hoy. VŨ XUÂN KIỀU – Algunas medidas urgentes de las selvas y del ambiente. VŨ HUY ANH – Reflexiones sobre una de las primeras regiones convertidas al catolismo. NGUYỄN VĂN LƯU – Renovación literaria – concepción y práctica. VŨ TÚ NAM – Algunas reflexiones sobre los literarios de hoy. ĐỖ KIM THỊNH – Elevar la eficacia de la cultura y de artes en la educación estética. PHẠM QUANG NHƯỢNG – La ciudad de Nam Dinh después de más de mil días de renovación. **Vida e ideología** ☆ TUẦN MINH – Privilegios y prerogativas. **Cartas a la Redacción** ☆ THÁI VÂN – Corrupción y ruindad. Sostenemos la prensa en la lucha contra la corrupción. **El mundo: problemas y acontecimientos** ☆ El Partido comunista de la Unión Soviética – los hitos históricos. VŨ HIỀN – Trastornos en elseno de los partidos comunistas de los paises europeos orientales

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

8 - 1990

NĂM THỨ XXXVI (416)

☆☆☆ — Tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng 1

VŨ OANH — Đổi mới công tác vận động quần chúng 7

TRẦN QUYẾT — Kiểm sát nhân dân trong sự nghiệp đổi mới 14

ĐẶNG HỮU — Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với khoa học và công nghệ 18

Chủ nghĩa xã hội: nhìn lại và đổi mới (nghiên cứu)

ĐÀO XUÂN SÂM — Tư tưởng Lê-nin về chế độ hợp tác và sự ra đời nền kinh tế mới ở nước ta 23

Nghiên cứu — Trao đổi

Nghiên cứu — LÊ HỒNG TÂM — Vùng hồ sông Đà — Tiềm năng và triển vọng 27

ĐỖ ĐỨC ĐỊNH — Chiến lược kinh tế của các nước Đông — Nam Á 33

Trao đổi — NGUYỄN THẾ UẨN — Thị trường — Nội dung cơ bản của chính sách mở cửa 37

TRẦN NGỌC HIÊN — Quan điểm lý luận — thực tiễn về kinh doanh tiền tệ 42

Ý kiến và kinh nghiệm

NGUYỄN QUANG DU — Nhân tố con người và những chính sách xã hội ở nông thôn hiện nay 45

VŨ XUÂN KIỀU — Một số biện pháp cấp bách bảo vệ rừng và môi trường 48

VŨ HUY ANH — Suy nghĩ từ một vùng lâu đời theo đạo 52

NGUYỄN VĂN LƯU — Đổi mới văn học — Quan niệm và thực tiễn 56

VŨ TÚ NAM — Đôi điều về sách văn học hôm nay 59

ĐỖ KIM THỊNH — Nâng cao hiệu quả giáo dục thẩm mỹ của văn hóa nghệ thuật 61

PHẠM QUANG NHƯỢNG — Nam định với hơn một ngàn ngày đổi mới 66

Sinh hoạt và tư tưởng

TUẤN MINH — Đặc quyền đặc lợi 72

Thư gửi Bộ biên tập

THÁI VĂN — Tham nhũng và vô lương tâm. Hãy ủng hộ báo chí đấu tranh chống tham nhũng! 75

Thế giới: vấn đề, sự kiện

☆ Đảng cộng sản Liên xô — Những mốc lịch sử 78

— VŨ HIỀN — Sự biến động của các đảng cộng sản ở các nước Đông Âu 82

Qua sách báo nước ngoài

— Về sự tha hóa của lao động dưới chủ nghĩa xã hội 85

Trụ sở Bộ biên tập:

1. Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062

Trụ sở cơ quan thường trú ở miền Nam:

19. Phạm Ngọc Thạch — Q. 3, T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22010

Digitized by Google

In tại Nhà in NHÂN DÂN HÀ NỘI II
Chỉ số : 12651 ISSN 0866 - 7276

Digitized by Google

Giá : 800đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

UNIV. OF MICH.
OCT 16 1991
CURRENT SERIALS

9
1990

Digitized by Google

Digitized by Google

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
Cơ quan lý luận và chính trị của
Trung ương Đảng cộng sản Việt nam

HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

THÔNG BÁO

HỘI nghị lần thứ chín Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VI) đã họp từ ngày 16 đến ngày 28-8-1990, tại Hà nội.

Đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã phát biểu ý kiến khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Hội nghị đã thảo luận về:

– Bản dự thảo Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ.

– Bản dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000 và phương hướng chủ yếu kế hoạch 5 năm 1991 – 1995.

– Một số vấn đề kinh tế – xã hội cấp bách.

1 – Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Trưởng Tiểu ban dự thảo Cương lĩnh đã báo cáo trước Hội nghị Trung ương dự thảo Cương lĩnh và phát biểu một số vấn đề cơ bản về nội dung của Cương lĩnh. Từ đầu năm 1987 đến giữa năm 1990, Tiểu ban đã tám lần dự thảo Cương lĩnh. Trong thời gian đó, Bộ chính trị đã nhiều lần thảo luận và góp ý kiến vào bản dự thảo. Nhiều cuộc hội thảo đã được tổ chức để trao đổi ý kiến về một số đề tài nêu trong dự thảo. Bản dự thảo lần thứ tám đã được gửi đến các đồng chí Ủy viên Trung ương các khóa III, IV, V, VI, các ban, ngành ở trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, đặc

Digitized by Google

khu ủy, các cơ quan nghiên cứu lý luận và nhiều nhà khoa học để thảo luận góp ý kiến. Sau đó, Tiểu ban đã sửa hai lần nữa và trình Hội nghị Trung ương bản dự thảo lần thứ mười.

Đồng chí Đỗ Mười, Trưởng Tiểu ban dự thảo Chiến lược kinh tế – xã hội đã báo cáo trước Hội nghị Trung ương dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000 và phương hướng chủ yếu về kế hoạch 5 năm 1991 – 1995. Trong nhiều tháng qua, Tiểu ban đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo quốc gia ở nhiều vùng khác nhau để tham khảo ý kiến của các đồng chí lãnh đạo các ban, ngành ở trung ương và ở các tỉnh, thành phố, các cán bộ lão thành cách mạng, các nhà quản lý kinh tế và nhiều nhà khoa học tiêu biểu trong cả nước về nội dung « Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của nước ta đến năm 2000 ».

Ban chấp hành trung ương đã thảo luận, tranh luận sôi nổi, cho nhiều ý kiến quan trọng, có chất lượng cao, cả về thực tiễn cũng như về lý luận để sửa và bổ sung hai bản dự thảo nói trên.

Ban chấp hành trung ương ủy nhiệm Bộ chính trị và Tiểu ban dự thảo Cương lĩnh, Tiểu ban dự thảo Chiến lược kinh tế – xã hội, căn cứ vào các ý kiến của Ban chấp hành trung ương, sửa lại hai bản dự thảo rồi quyết định thời gian, phương thức công bố hai văn kiện nói trên để lấy ý kiến trong Đảng và trong nhân dân, trên cơ sở đó sửa thêm trước khi trình Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

2 – Về một số vấn đề kinh tế – xã hội cấp bách, Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành trung ương Đảng đã nhất trí nhận định:

Từ đầu năm 1990 đến nay, trong hoàn cảnh tình hình quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nhiều mặt đến nước ta, toàn Đảng, toàn dân ta đã có những cố gắng lớn giữ vững ổn định chính trị, phát huy những tiến bộ đạt được trong năm 1989, **tiếp tục thu được những kết quả tích cực trên một số mặt kinh tế – xã hội.**

Sản xuất lương thực vụ chiêm xuân và hè thu đạt xấp xỉ cùng kỳ năm 1989, cơ bản đáp ứng nhu cầu lương thực trong cả nước và tiếp tục xuất khẩu gạo. Công nghiệp đang được sắp xếp lại, một số ngành công nghiệp quốc doanh trung ương quan trọng như điện, dầu khí, xi-măng, giấy, chế biến nông sản thực phẩm... phát triển khá. Một số xí nghiệp quốc doanh sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Giao thông vận tải phục vụ tốt hơn việc đi lại và vận chuyển hàng hóa. Hệ thống thông tin liên lạc được cải thiện một phần. Việc mua bán của nhân dân thuận tiện hơn. Xuất khẩu bảy tháng

Digitized by Google

đầu năm 1990 tăng khá so với cùng kỳ năm trước.

Song, mấy tháng gần đây tình hình kinh tế – xã hội có những **diễn biến phức tạp và có những khó khăn mới.**

Hội nghị Trung ương chỉ rõ tình hình kinh tế – xã hội nói trên có **những nguyên nhân khách quan và chủ quan.**

Những nguyên nhân khách quan là: Nền kinh tế mất cân đối nặng, đất nước chưa thoát khỏi lạm phát và khủng hoảng. Quá trình chuyển sang cơ chế thị trường có nhiều điều mới mẻ về quản lý nhà nước và quản lý kinh doanh mà ta chưa có nhiều kinh nghiệm, còn lúng túng khi xử lý. Những biến động của tình hình quốc tế có mặt không thuận cho ta.

Những nguyên nhân chủ quan là: Công tác quản lý, điều hành của các cấp, các ngành có nhiều thiếu sót (điều hành cung ứng phân bón, lương thực, quản lý xuất khẩu gạo, quản lý tài chính, thu thuế, xuất nhập khẩu, chống hàng nhập lậu, quản lý hoạt động ngân hàng, quỹ tín dụng, dự trữ quốc gia, thực hiện pháp luật, v.v.). Việc nghiên cứu, xem xét, xử lý những vấn đề về vốn, chính sách tín dụng có những điểm chưa phù hợp với yêu cầu của sản xuất kinh doanh. Tổ chức quản lý và biên chế bộ máy còn cồng kềnh, quan liêu, kém hiệu lực; năng lực đội ngũ cán bộ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng vô kỷ luật, không tôn trọng kỷ cương, luật pháp, đặc biệt trên các lĩnh vực kế hoạch, tài chính, tiền tệ, tín dụng, giá cả, xuất nhập khẩu, thị trường, v.v. là nghiêm trọng. Tư tưởng cục bộ, bản vị khá nặng nề, vì lợi ích cá nhân, đơn vị, ngành và địa phương mà không chấp hành đúng chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Tệ tham nhũng, hối lộ, lãng phí chậm được khắc phục, việc trừng trị không nghiêm.

Hội nghị Trung ương nhấn mạnh phải có những biện pháp cấp bách và có hiệu lực để giải quyết những vấn đề kinh tế – xã hội nói trên nhằm tiếp tục làm chuyển biến tốt tình hình kinh tế – xã hội, giữ vững ổn định chính trị, xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1991 – 1995 và chuẩn bị tốt Đại hội lần thứ VII của Đảng.

Tư tưởng chỉ đạo giải quyết những vấn đề kinh tế – xã hội cấp bách là:

– Kiên định thực hiện chủ trương đổi mới cơ chế quản lý kinh tế do Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đề ra, đưa mọi hoạt động kinh tế đi vào hạch toán kinh doanh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu nâng cao hiệu quả, thích ứng với những điều kiện của nền kinh tế thị trường có điều tiết và những đòi hỏi mới của quan hệ kinh tế đối ngoại.

Digitized by Google

– Toàn Đảng, toàn dân **nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế**, xây dựng ý chí làm cho dân giàu, nước mạnh, phát huy trí thông minh và óc sáng tạo, khai thác tốt nhất mọi khả năng sẵn có và tiềm tàng, **chủ động có những phương án khác nhau để thích ứng với tình hình mới.** Cố gắng tạo nhiều việc làm cho người lao động, mọi người phải lao động có năng suất cao, hiệu quả tốt.

– Các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và mọi công dân phải **nêu cao ý thức tiết kiệm xây dựng đất nước;** chống xa hoa, lãng phí. Thực hành tiết kiệm là một chính sách có ý nghĩa chiến lược trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần có những chế độ và luật pháp bảo đảm.

– **Thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân, nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, giữ vững kỷ cương, tôn trọng luật pháp** trong các hoạt động kinh tế – xã hội, xử lý nghiêm minh những cá nhân và đơn vị có hành vi phạm pháp.

Tình hình kinh tế–xã hội đang có một số thuận lợi mới nhưng vẫn còn nhiều khó khăn gay gắt, nếu không được khắc phục kịp thời, chẳng những sẽ gây hậu quả xấu trong năm 1991 mà còn ảnh hưởng không tốt đến việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1991–1995 và Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội dài hạn. Trong các biện pháp cấp bách, **việc chống nhập hàng lậu lan tràn đi đôi với đẩy mạnh sản xuất và bảo vệ hàng sản xuất trong nước, việc sử dụng hợp lý nguồn ngoại tệ, việc chấn chỉnh quản lý tài chính, tiền tệ, việc chống tham nhũng là những việc có tính thời sự nóng bỏng, có ý nghĩa quyết định,** cần làm ngay và làm tốt.

Ban chấp hành trung ương Đảng nhấn mạnh ý thức trách nhiệm và vai trò quan trọng của tất cả các đồng chí Ủy viên Trung ương ở các cấp, các ngành và của Hội đồng bộ trưởng trong việc chỉ đạo và điều hành theo kết luận này của Hội nghị trung ương.

Ban chấp hành trung ương Đảng yêu cầu toàn thể cán bộ, đảng viên, tất cả các cấp ủy đảng và cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể nghiêm chỉnh tổ chức thực hiện kết luận của Hội nghị Trung ương chín về một số vấn đề kinh tế – xã hội cấp bách, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành trung ương (khóa VI) tin tưởng rằng, với sự đồng tâm nhất trí và ý thức trách nhiệm cao đối với đất nước, toàn Đảng, toàn dân ta sẽ giải quyết thành công những vấn đề kinh tế – xã hội cấp bách, bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới tiếp tục phát triển và thắng lợi.

Digitized by Google

NGHỊ QUYẾT

Về dự thảo Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ và dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế — xã hội đến năm 2000

1 — Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VI) họp từ ngày 16 đến ngày 28-8-1990 đã thảo luận về bản dự thảo Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ và bản dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế — xã hội đến năm 2000.

Hội nghị Trung ương đã cho nhiều ý kiến quan trọng bổ sung vào hai bản dự thảo nói trên.

2 — Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VI) ủy nhiệm Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng và Tiểu ban dự thảo Cương lĩnh, Tiểu ban dự thảo Chiến lược kinh tế — xã hội, căn cứ vào những ý kiến của Trung ương hoàn chỉnh hai bản dự thảo.

3 — Ban chấp hành trung ương ủy nhiệm Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng quyết định thời gian và phương thức công bố hai văn kiện nói trên để lấy ý kiến trong Đảng và trong nhân dân trước khi trình Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

Digitized by Google

TIẾP TỤC SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI...

ĐỖ MƯỜI
Ủy viên Bộ chính trị
Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng

. . . . . .

45 năm qua là một thời kỳ đấu tranh vô cùng oanh liệt, một thời kỳ phát triển rực rỡ trong lịch sử lâu dài của dân tộc ta. Chặng đường lịch sử vinh quang đó được mở đầu bằng thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, khai sinh ra nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

Cách mạng Tháng Tám đã chấm dứt thời kỳ nô lệ tăm tối ngót một thế kỷ trên đất nước ta, mở ra kỷ nguyên mới cho sự phát triển của dân tộc, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta từ chỗ là kẻ nô lệ đã trở thành người dân một nước độc lập, tự do, làm chủ non sông đất nước.

Để giữ vững thành quả của Cách mạng Tháng Tám, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ mà đỉnh cao là chiến thắng Điện biên phủ và chiến dịch Hồ Chí Minh. Đó là những thiên anh hùng ca bất diệt, mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc ta như những mốc son chói lọi, nâng dân tộc Việt nam lên tầm cao của thời đại.

Với những thắng lợi đó nhân dân ta đã giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới, nhất là góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa.

Từ năm 1975 đất nước Việt nam hoàn toàn độc lập và thống nhất, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới, cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta đã nêu cao chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không ngừng phấn đấu vượt mọi khó khăn và đã đạt được những thành tựu đáng kể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

15 năm qua, tuy là thời kỳ có nhiều biến động và thử thách lớn, nhiều khó khăn chồng chất, nhưng chúng ta đã cố gắng hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục nền kinh tế bị tàn phá nặng nề, từng bước xác lập quan hệ sản xuất mới; bước đầu xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; phát triển sự nghiệp văn hóa, khoa học, giáo dục, y tế, thiết lập và củng cố chính quyền nhân dân trong cả nước.

Năm 1989 so với năm 1976, sản xuất có bước phát triển khá, tổng sản phẩm xã hội tăng 80%; thu nhập quốc dân tăng 52,9%; giá trị sản lượng công nghiệp tăng 102,5%, giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 62,8%; 1989 sản xuất được 21,44 triệu tấn lương thực (quy thóc) tăng 7,95 triệu tấn, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 717,2%... Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ

★ Trích diễn văn đọc tại lễ kỷ niệm lần thứ 45 Quốc khánh 2-9

Digitized by Google

thuật và quản lý so với năm 1975 tăng 32 vạn người có trình độ đại học, 4 800 người có trình độ trên đại học, 50,3 vạn người có trình độ trung học chuyên nghiệp, 1,4 triệu công nhân kỹ thuật.

Thành tựu là to lớn. Nhưng Đảng ta và Nhà nước ta đã mắc một số sai lầm trong chủ trương và chỉ đạo chiến lược như : nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, muốn xóa bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần ; đẩy mạnh công nghiệp hóa trong khi chưa có đủ những tiền đề cần thiết ; chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ; những cuộc tổng điều chỉnh giá cả, tiền lương, tiền tệ tiến hành thiếu thận trọng, đã gây thêm những khó khăn to lớn cho đời sống kinh tế, xã hội nước ta.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã tự phê bình nghiêm khắc về những sai lầm khuyết điểm nói trên và đề ra chủ trương đổi mới toàn diện sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Ba năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu bước đầu nhưng rất quan trọng trong công cuộc đổi mới. Tình hình kinh tế — xã hội có những chuyển biến đáng kể : huy động thêm được nhiều tiềm năng sản xuất, nhất là trong nông nghiệp ; hạn chế được lạm phát, cơ chế quản lý kinh tế mới đang hình thành và bắt đầu phát huy tác dụng ; đời sống của đông đảo nhân dân được nâng lên một bước. Việc phát huy quyền dân chủ của nhân dân trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa tư tưởng đã tạo nên bầu không khí mới trong xã hội. Lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước từng bước được khôi phục. Quốc phòng và an ninh được giữ vững.

Thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới trong ba năm qua đã khẳng định con đường mà chúng ta đang đi là đúng đắn. Song chúng ta không chủ quan, thỏa mãn. Những kết quả và tiến bộ đạt được còn chưa thật sự vững chắc. Tình hình kinh tế, xã hội vẫn còn nhiều khó khăn gay gắt ; cùng với những khó khăn cũ chưa khắc phục hết, lại thêm những khó khăn mới phát sinh.

Tiến lên chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của cách mạng Việt nam. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là hai mục tiêu gắn liền với nhau của cuộc chiến đấu 60 năm qua cũng như từ nay về sau của nhân dân ta. Con đường mà Bác Hồ đã vạch ra và nhân dân ta lựa chọn phù hợp với trào lưu tiến hóa chung của thời đại.

Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bắt đầu từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ tự cấp, tự túc, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đất nước trải qua nhiều cuộc chiến tranh tàn phá với những hậu quả nặng nề. Những tàn tích văn hóa thực dân, phong kiến, gia trưởng chưa được xóa bỏ hết.

Tình hình quốc tế đang diễn biến rất phức tạp. Cuộc khủng hoảng rất nghiêm trọng của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu có ảnh hưởng không nhỏ đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Các thế lực thù địch đang tiến hành nhiều hoạt động phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

Nhưng quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng có những thuận lợi cơ bản : nước nhà đã độc lập, thống nhất, đi vào giai đoạn xây dựng hòa bình. Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, nhân dân ta có truyền thống cần cù lao động, thông minh sáng tạo và giàu lòng nhân nghĩa. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ và xu thế quốc tế hóa nền kinh tế thế giới đang mở ra cho dân tộc ta những khả năng phát triển to lớn. Đảng ta là Đảng vững vàng về chính trị, có đường lối đổi mới đúng đắn.

Digitized by Google

Từ điểm xuất phát rất thấp về trình độ kinh tế, với những hậu quả nặng nề của chiến tranh, lại thêm những sai lầm về chính sách và chủ trương kinh tế trong nhiều năm, nên kinh tế của ta đến nay vẫn hết sức khó khăn và chưa ổn định. Hiện nay, chúng ta đang đứng trước một sự thật là: **trình độ phát triển kinh tế và mức sống của nhân dân ta quá thấp.** Đó là một thực trạng gay gắt, là một thách thức lớn đối với cả dân tộc ta.

Chúng ta quyết tâm khắc phục mọi khó khăn để tiến lên bằng con đường đổi mới. Tư tưởng chỉ đạo sự nghiệp đổi mới là phát huy tinh thần tự lực tự cường cần kiệm xây dựng đất nước giải phóng mọi lực lượng, huy động mọi tiềm năng, tạo ra sự ổn định và phát triển nhanh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Rõ ràng, tiếp tục sự nghiệp đổi mới là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với nước ta. Chúng ta thực hiện đổi mới có nguyên tắc, nghĩa là vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta; kế thừa và phát triển sáng tạo tư tưởng, đạo đức và tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đổi mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội có hiệu quả hơn chứ không phải để từ bỏ chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, trong quá trình đổi mới, cần đấu tranh với những quan điểm xa rời mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đã lựa chọn, bác bỏ thái độ phủ nhận quá khứ, phủ nhận những thành tựu vĩ đại trước đây mà nhân dân ta đã giành được bằng cuộc đấu tranh cách mạng cực kỳ gian khổ đầy hy sinh.

Đổi mới là một quá trình phát hiện và giải quyết kịp thời, đúng đắn những mâu thuẫn nảy sinh trong cuộc sống, bảo đảm sự phát triển hài hòa, cân đối giữa kinh tế, xã hội và chính trị, dân chủ và pháp luật, Đảng lãnh đạo và quyền làm chủ của nhân dân. Đổi mới để ổn định và phát triển; ổn định và phát triển càng đẩy mạnh công cuộc đổi mới tiến lên.

Đổi mới kinh tế—xã hội phải đồng thời xác lập cơ chế mới, áp dụng cơ chế mới trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội với hiệu quả ngày càng cao.

Chúng ta chủ trương đổi mới toàn diện, đồng bộ, nhưng có bước đi thích hợp, có trọng tâm, có khâu chính từng thời gian. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Yêu cầu đổi mới của nước ta bắt đầu trước hết từ đời sống kinh tế. Chỉ có thông qua đổi mới kinh tế, đời sống nhân dân được từng bước cải thiện thì mới có niềm tin vào công cuộc đổi mới. Đổi mới kinh tế có hiệu quả sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới hệ thống chính trị. Nhưng không phải chờ cho kinh tế đổi mới xong mới bắt đầu đổi mới chính trị, mà phải từng bước đổi mới hệ thống chính trị để vừa thúc đẩy đổi mới kinh tế, vừa tăng cường sự đoàn kết, thống nhất về chính trị và tinh thần của nhân dân ta, của xã hội ta.

Không thể nói đổi mới mà không nói đến phát huy dân chủ, bảo đảm cho nhân dân thật sự là người chủ trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Nền dân chủ thật sự không chỉ phục vụ lợi ích chung của nhân dân, của đất nước nói chung, mà còn phục vụ từng người, bảo vệ quyền lợi chính trị và xã hội của từng công dân. Dân chủ được thực hiện tốt là điều kiện quyết định để khai thác mọi tiềm năng, sức lực và trí tuệ của nhân dân vào sự nghiệp xây dựng chế độ mới, thực hiện dân giàu, nước mạnh. Dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển của xã hội mới. Nhưng dân chủ phải gắn liền với kỷ cương và pháp luật, dân chủ không tách rời tập trung. Chúng ta chống tập trung quan liêu chứ không chống tập trung trên cơ sở dân chủ.

Thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn

Digitized by Google

dân, toàn quân. Với những kết quả bước đầu và những kinh nghiệm thực tiễn phong phú trong thời gian vừa qua, nhân dân ta nhất định sẽ thu được những thành tựu to lớn hơn nữa trong công cuộc đổi mới.

Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo càng được triển khai trên quy mô toàn xã hội, thì việc nâng cao vai trò và hiệu lực của nhà nước càng được đặt ra như một yêu cầu cấp bách.

Chúng ta đang xây dựng một **chính quyền nhà nước của dân, do dân, vì dân,** thực hiện mọi quyền lực thuộc về nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước đó phải đáp ứng được yêu cầu phát triển mọi mặt của đời sống xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế, nhằm xây dựng sự phồn vinh của đất nước, cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Chúng ta phải phấn đấu rất nhiều để xây dựng được một nhà nước vững mạnh, thể hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Chúng ta hiểu rõ rằng nhà nước ta hiện nay còn nhiều nhược điểm và khuyết điểm chưa đáp ứng kịp yêu cầu của nhiệm vụ mới.

Trước hết, đó là những tác động tiêu cực của chủ nghĩa quan liêu, của cơ chế quản lý quan liêu và bao cấp đã xâm nhập vào tổ chức bộ máy và hoạt động của nhà nước ta trong một thời gian dài. Tệ quan liêu đã làm cho cơ quan nhà nước nhiều khi không thể hiện được quyền lực của nhân dân và không bảo vệ được những lợi ích chính đáng của công dân. Đặc quyền đặc lợi, tham nhũng ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, nhân viên nhà nước các cấp, nhất là trong các tổ chức và cơ quan kinh tế, đang gây nên những tổn thất nặng nề về kinh tế và văn hóa, ảnh hưởng xấu về chính trị, tinh thần và đạo đức trong xã hội ta.

Vì vậy, đấu tranh chống quan liêu và tham nhũng trong lúc này trở thành một nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nhằm làm trong sạch bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Pháp luật chưa thực sự trở thành công cụ chính của nhà nước để quản lý kinh tế, xã hội và bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân. Trong khi chúng ta chủ trương phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hóa, khuyến khích các thành phần kinh tế ra sức sản xuất, kinh doanh một cách năng động, bằng những hình thức đa dạng, phong phú nhằm tăng nhanh sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội... thì lại chậm có những quy định pháp lý cụ thể để hướng dẫn và kiểm soát các hoạt động ấy, làm cho xã hội phát triển năng động, nhưng đúng chính sách, đúng pháp luật, không lộn xộn. Chính sự chậm trễ và những thiếu sót trong lĩnh vực thể chế và pháp luật đã tạo ra kẽ hở trong sản xuất, kinh doanh và các mặt hoạt động khác làm nảy sinh ra những hiện tượng tiêu cực, để bọn đầu cơ, buôn lậu, trốn thuế và bọn tham nhũng khai thác những sơ hở trong quản lý của nhà nước mà vơ vét tài sản của nhân dân, của nhà nước.

Để khắc phục những yếu kém, xây dựng nhà nước ta vững mạnh, cần phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

Một là, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của nhà nước. Không thể nói đến nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ mà lại thiếu sự lãnh đạo của Đảng. Đảng thực hiện chức năng lãnh đạo của mình trong khuôn khổ pháp luật. Đảng đề ra cương lĩnh, đường lối, chiến lược và sách lược nhằm định hướng cho nhà nước xây dựng pháp luật và chính sách. Thông qua các

Digitized by Google

đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Đảng thể hiện các quan điểm và đường lối chính trị của mình. Đảng lãnh đạo nhà nước, nhưng không bao biện, làm thay công việc của các cơ quan quản lý, điều hành của nhà nước.

Hai là, nhà nước ta quản lý xã hội bằng pháp luật, luật pháp phải trở thành công cụ có hiệu lực để nhà nước quản lý mọi công việc xã hội, bảo đảm thực hiện và bảo vệ dân chủ, tự do cho nhân dân, duy trì và điều chỉnh các mối quan hệ xã hội. Luật pháp phải được thi hành bình đẳng với mọi người, không có bất cứ một ngoại lệ nào. Đảng phải nêu gương về tôn trọng pháp luật, tôn trọng hoạt động của các cơ quan nhà nước, các cơ quan pháp luật. Đảng kiên quyết đấu tranh với những hiện tượng sai trái, lợi dụng chức quyền để can thiệp tùy tiện vào công việc của chính quyền, của các cơ quan tư pháp.

Ba là, phải tổ chức bộ máy chính quyền nhà nước gọn nhẹ, hợp lý. Khắc phục tình trạng bộ máy nhà nước ta quá cồng kềnh, hoạt động kém hiệu quả và tình trạng quan liêu trong cán bộ, nhân viên nhà nước với những biểu hiện xa dân, xa thực tế, công việc trì trệ, đùn đẩy cho nhau, thiếu trách nhiệm với dân, coi thường pháp luật, kỷ cương của nhà nước. Xuất phát từ yêu cầu của công việc mà xây dựng bộ máy, bố trí, sử dụng cán bộ sao cho có hiệu quả nhất. Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, sắp xếp lại các cơ quan nhà nước ở trung ương, ở địa phương, sớm ổn định tổ chức tăng cường công tác kiểm tra, giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh, không gây nên những xáo động lớn ảnh hưởng tới sản xuất, công tác và đời sống.

Cần đào tạo một đội ngũ cán bộ nhân viên nhà nước thành thạo nghiệp vụ quản lý, am hiểu sâu sắc nghề nghiệp, chuyên môn, lại phải có phẩm chất, đạo đức trong sạch, liêm khiết, vô tư, có tinh thần tận tụy trong công việc và trách nhiệm cao trước nhân dân.

Bốn là, từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế xã hội nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa kinh tế hàng hóa phát triển, khai thác mọi tiềm năng và sự đóng góp tích cực của các thành phần kinh tế, củng cố và phát huy vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế quốc doanh. Phân định rõ chức năng quản lý hành chính nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh. Xúc tiến hình thành cơ chế quản lý mới trong các lĩnh vực kế hoạch, tài chính, ngân hàng, giá cả, nâng cao vai trò điều hành vĩ mô của nhà nước nhằm tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở sản xuất — kinh doanh.

Nhà nước phải chăm lo đến sự phát triển giáo dục — y tế — văn hóa — xã hội, nâng cao trình độ dân trí, đào tạo và trọng dụng nhân tài, xây dựng các quan hệ xã hội tốt đẹp, lối sống lành mạnh.

Kịp thời tổng kết việc áp dụng các chế độ, chính sách mới ban hành từ sau Đại hội VI đến nay, phát hiện những vấn đề bất hợp lý, không phù hợp với thực tiễn, dễ gây ra những sơ hở trong quản lý, và từ đó phát sinh rò rỉ, tiêu cực trong các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, để có biện pháp bổ sung, chấn chỉnh kịp thời.

Năm là, Nhà nước ta phải thật sự thấm nhuần tinh thần dân chủ và thể hiện tính nhân dân sâu sắc, thật sự phục vụ nhân dân, gần dân, trọng dân, nghe dân và tin dân. Cần có quy định những tiêu chuẩn cụ thể về trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, nhân viên nhà nước, công bố để nhân dân biết và kiểm tra thực hiện. Tổ chức tốt việc tiếp dân và

Digitized by Google

giải quyết kịp thời những yêu cầu và kiến nghị chính đáng của nhân dân.

Nhà nước ta làm hết sức mình để bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đấu tranh ngăn chặn những hành vi vi phạm quyền tự do, dân chủ của công dân, đồng thời ngăn ngừa và khắc phục những khuynh hướng dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan; đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa quan liêu, thói lạm quyền, tự do vô chính phủ; khắc phục mọi lệch lạc tách rời dân chủ với kỷ luật và pháp luật, tách rời quyền lợi với nghĩa vụ công dân, tách rời dân chủ với chuyên chính.

Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa thực chất là xây dựng các thiết chế quyền lực thật sự dân chủ để chăm lo cho dân, bảo vệ dân và tạo mọi điều kiện để nhân dân tham gia quản lý mọi công việc của đất nước.

Sáu là, Nhà nước ta ra sức xây dựng quốc phòng và an ninh vững mạnh nhằm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Sự nghiệp xây dựng đất nước ta đang đứng trước những thách thức lớn với không ít khó khăn, trở ngại. Cuộc sống đang đặt ra trước Đảng, Nhà nước và nhân dân ta những nhiệm vụ nặng nề, phức tạp.

Nhiệm vụ quan trọng nhất, vừa cơ bản vừa cấp bách của toàn Đảng, toàn dân ta là ra sức phát huy mọi thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, ổn định và phát triển mọi mặt nền kinh tế — xã hội, đẩy mạnh sản xuất thực hành tiết kiệm; động viên mọi tiềm năng vật chất và tinh thần của xã hội nhằm đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế với năng suất chất lượng và hiệu quả kinh tế cao hơn.

Căn tập trung mọi cố gắng của cả nước vào việc thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế — xã hội năm 1990. Trước hết phải phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là lương thực và thực phẩm. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế — cả quốc doanh và tập thể — phải bảo đảm các điều kiện vật chất cho sản xuất nông nghiệp, nhất là phân bón, thuốc trừ sâu, biện pháp thủy lợi. Cần phải chấn chỉnh gấp việc kinh doanh lương thực, tổ chức tốt việc tiêu thụ lương thực hàng hóa và cung ứng lương thực trong cả nước, chỉ đạo và quản lý chặt chẽ việc xuất khẩu lương thực, bảo đảm vững chắc nhu cầu lương thực của nhân dân trong cả nước.

Vấn đề cấp bách đối với công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp là giải quyết vốn cho sản xuất, kể cả vốn lưu động và vốn đầu tư chiều sâu. Các ngành, các địa phương phải hết sức giúp cho cơ sở giải tỏa vốn lưu động, trước hết là tiết kiệm chi phí, tăng nhanh vòng quay đồng vốn, giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, bằng mọi cách bảo đảm cung ứng các loại vật tư cho sản xuất công nghiệp. Thực hiện các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ hàng sản xuất trong nước.

Tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp lại sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp địa phương và tiểu, thủ công nghiệp. Thực tế cho thấy, những xí nghiệp đã đổi mới công nghệ, biết tổ chức sản xuất và quản lý tốt thì sản xuất vẫn phát triển và kinh doanh có hiệu quả. Cơ chế mới về quản lý kinh tế không cho phép kéo dài tình trạng xí nghiệp làm ăn thua lỗ, trì trệ, dựa vào sự bao cấp của nhà nước. Đối với những xí nghiệp không có khả năng thích ứng với cơ chế mới, không dũ sức vượt nổi khó khăn trước mắt để vươn lên, thì phải điều chỉnh về tổ chức, về cán bộ, thậm chí phải giải thể.

Coi trọng việc củng cố quan hệ sản xuất mới, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, củng cố và

Digitized by Google

phát triển kinh tế tập thể, khuyến khích các thành phần kinh tế khác, mở rộng sản xuất – kinh doanh theo pháp luật. Khắc phục các hiện tượng «khoán trắng» trong các cơ sở sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp quốc doanh và tập thể.

Trong lĩnh vực lưu thông, trước hết là củng cố thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, tổ chức lại toàn bộ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ nhằm ổn định thị trường, giá cả. Tăng cường quản lý nhà nước đối với thương nghiệp ngoài quốc doanh bảo đảm hoạt động đúng hướng và đúng pháp luật. Động viên nhân dân đầu tư vốn để mở rộng sản xuất tạo ngày càng nhiều của cải cho xã hội, không nên đua nhau buôn bán. Khuyến khích việc kinh doanh và dịch vụ có lợi cho phát triển sản xuất và đời sống nhân dân. Ngăn chặn tình trạng hàng ngoại tràn ngập thị trường nội địa, nhất là hàng nhập lậu, trốn thuế, lậu thuế. Kiên quyết chống đầu cơ buôn lậu, làm ăn phi pháp của bất cứ cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào thuộc tất cả các thành phần kinh tế.

Mở rộng và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại. Đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời phải đẩy mạnh sản xuất trong nước để thay thế hàng nhập khẩu. Chấn chỉnh tổ chức hoạt động xuất nhập khẩu, bổ sung, sửa đổi cơ chế xuất nhập khẩu và quản lý ngoại tệ; nghiên cứu thị trường và tích cực hỗ trợ các cơ sở làm hàng xuất khẩu giải quyết khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Khắc phục tình trạng tổ chức xuất nhập khẩu đang quá phân tán và kinh doanh chồng chéo, tranh mua trong nước và tranh bán ngoài nước.

Tài chính, tiền tệ vẫn đang là lĩnh vực rất khó khăn. Quản lý chặt chẽ tài chính và ngân sách, chấp hành chế độ thu nộp cho ngân sách nhà nước trở thành yêu cầu bức thiết, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của các cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế ở các cấp. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thường xuyên giám sát, kiểm tra sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế, quốc doanh cũng như tập thể và tư nhân, để tận thu các nguồn còn bỏ sót, còn tồn đọng.

Đồng thời, nhà nước phải soát xét lại việc chi tiêu để sử dụng đúng và có hiệu quả nguồn tài chính đang rất hạn chế và khó khăn. Phải tập trung vốn, vật tư vào các công trình trọng điểm của nhà nước, các công trình mau phát huy hiệu quả. Kiên quyết đình hoãn thi công các công trình xây dựng ngoài kế hoạch và chưa cần thiết.

Hiện nay, nền kinh tế nước ta chưa vượt qua được khó khăn, lạm phát còn ở mức cao. Một trong những biện pháp chủ yếu để chống lạm phát là cùng với phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế khai thác và huy động tốt các nguồn thu cho ngân sách, phải thực hành chính sách tiết kiệm nghiêm ngặt trong chi tiêu, kể cả trong sản xuất, xây dựng và đời sống. Giảm đến mức thấp nhất chi tiêu hành chính, bỏ những khoản chi có tính chất phô trương, hình thức. Tăng cường kiểm tra, thanh tra và có thái độ kiên quyết với các hành vi tham ô, lãng phí, chi tiêu sai chế độ, chính sách.

Cần phải chấn chỉnh gấp hoạt động ngân hàng. Lập lại trật tự về sử dụng và quản lý tiền mặt trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế. Nhanh chóng giải quyết tình trạng các đơn vị sản xuất, kinh doanh chiếm dụng vốn của nhau, nợ nần dây dưa kéo dài. Tích cực giải quyết hậu quả tình trạng thua lỗ và vỡ nợ của quỹ tín dụng ngoài quốc doanh ở các địa phương. Ngân hàng nhà nước phải tổ chức tốt việc điều hòa tiền mặt trong

Digitized by Google

cả nước, bảo đảm cung ứng đủ tiền cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, áp dụng các hình thức thích hợp để huy động khả năng vốn và tiền mặt trong nhân dân. Cải tiến việc quản lý và kinh doanh ngoại tệ, bảo đảm nhà nước thống nhất quản lý ngoại tệ thông qua ngân hàng. Tiết kiệm từng đồng ngoại tệ, không để chi tiêu lãng phí, tập trung sử dụng ngoại tệ thu được cho những nhu cầu thiết yếu về quốc kế dân sinh

Một số hoạt động văn hóa, xã hội đang trong tình trạng khó khăn. Khó khăn khách quan có một phần, nhưng khuyết điểm chủ quan là đã có thời gian xem nhẹ chỉ đạo và quản lý các hoạt động này. Gần đây, Nhà nước ta đã có những quyết định cụ thể để cải thiện tình hình, tạo được một số chuyển biến trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, báo chí và xuất bản. Tới đây, Nhà nước ta phải cố gắng hơn rất nhiều trong lĩnh vực này, tích cực giải quyết các vấn đề về ngân sách, đầu tư, về chính sách, về tổ chức và quản lý để sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa của nước ta phát triển tốt hơn.

Cải tiến chính sách phân phối thu nhập và phúc lợi nhằm khuyến khích mọi người phát triển tài năng sáng tạo, lao động cần cù và có hiệu quả. Xúc tiến nhanh việc cải tiến cơ bản chế độ tiền lương, làm cho tiền lương thật sự là một động lực thúc đẩy lao động tích cực, có hiệu quả cao. Trước mắt, thực hiện việc trợ cấp đắt đỏ cho cán bộ, nhân viên hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang, cán bộ về hưu và các đối tượng chính sách xã hội để giảm bớt một phần khó khăn trong đời sống. Chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, gia đình có công với cách mạng, cán bộ về hưu.... giúp đỡ đời sống những người già không nơi nương tựa, người tàn tật và trẻ em mồ côi.

Thực hiện những nhiệm vụ kinh tế xã hội cấp bách nói trên phải gắn với cuộc đấu tranh chống tham nhũng, trước hết, tập trung vào chống tệ đầu cơ, buôn lậu, tham ô, hối lộ, cố ý làm trái chính sách, pháp luật để mưu lợi riêng và sử dụng lãng phí tiền bạc, tài sản của nhà nước và của nhân dân.

Chống tham nhũng là cuộc đấu tranh phức tạp, đòi hỏi kết hợp các biện pháp giáo dục, hành chính, kinh tế, kết hợp chặt chẽ việc kiểm tra, thanh tra xử lý của nhà nước với hoạt động giáo dục, giám sát, kiểm tra của các đoàn thể, với phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân. Các cơ quan nhà nước phải soát xét và hoàn chỉnh cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội, khắc phục các sơ hở có thể bị kẻ xấu lợi dụng.

Cần xử ngay và xử nghiêm những vụ đầu cơ buôn lậu, tham ô, hối lộ, lãng phí lớn đã được phát hiện, kiểm tra và kết luận. Tội trạng đã rõ đến đâu thì xử lý đến đó không chờ dợi, và xử lý công khai để làm gương giáo dục cho mọi người. Mọi hành vi đầu cơ buôn lậu, tham nhũng, tham ô, hối lộ, gây tổn hại đến lợi ích của nhân dân và của xã hội đều phải được xem là tội ác, đều phải được xử lý nghiêm khắc theo luật pháp nhà nước và phải bị lên án về mặt đạo đức.

Tình hình và nhiệm vụ trước mắt đòi hỏi các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải nâng cao hơn nữa ý thức trách nhiệm, hết sức chủ động, năng động trong sự lãnh đạo và quản lý, đồng thời phải đề cao kỷ luật, kỷ cương, chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đảng, các quyết định của nhà nước, phê phán và khắc phục những khuynh hướng và hành động tùy tiện, tự do chủ nghĩa, vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích cục bộ mà vi phạm các chủ trương, chính sách chung, làm trái với pháp luật của nhà nước.

• • • • • •

Digitized by Google

Phong cách lý luận Hồ Chí Minh

SONG THÀNH *

Có một số người thường dựa vào đặc điểm ngôn ngữ và cách diễn đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lập luận rằng Người không hề có ý định viết lý luận, không hề có ý định làm lý luận. Theo họ, Người là một nhà chính trị thiên tài, một nhà tổ chức thực tiễn lỗi lạc, nhưng không phải là nhà lý luận.

Phần lớn những bài viết của Người là thư từ, lời kêu gọi, các bài nói chuyện cụ thể về kinh tế, chính trị, xã hội và đạo đức... cho đồng bào và chiến sĩ, thanh niên và nhi đồng, v.v. Tất cả đều giản dị, những khái niệm lý luận hiện đại đều được thay thế bằng những từ ngữ thông thường... Có người – như J. La-cu-tuya – viết rằng: đọc những áng văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh người ta bắt gặp ở đó một vị linh mục nông thôn, một ông giáo làng, một thân hào nhỏ ở xứ Huế... Cách liên tưởng đó có phần đúng xét trên bình diện về đạo đức giản dị, tác phong quần chúng ở một vị lãnh tụ của nhân dân. Nhưng nếu từ phong cách ngôn ngữ đó để đi tới phủ nhận tư cách nhà lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì lại là một nhận thức thiển cận, một quan điểm sai lầm.

Ở đây, có hai khía cạnh cần được làm sáng tỏ: quan niệm về lý luận và phong cách diễn đạt lý luận. Lý luận được đề ra trên nền tảng thực tiễn, là kết quả của sự khái quát kinh nghiệm thực tiễn; không có thực tiễn cách mạng thì không có lý luận cách mạng, nhưng ngược lại, không có lý luận cách mạng thì cũng không có phong trào cách mạng. Bác Hồ đã lấy câu đó của Lê-nin làm đề tựa cho cuốn **Đường kách mệnh** của mình.

Mặt khác, đối với chủ nghĩa Mác, không có thứ lý thuyết tự thân, tự lập. Lý luận nào cũng nảy sinh từ **nhu cầu** giải đáp thực tiễn. Nhu cầu của thực tiễn có tác dụng quyết định đối với sự phát triển của lý luận.

Tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh có giá trị lý luận to lớn vì nó đã khái quát và giải đáp được nhu cầu của thực tiễn cách mạng Việt nam:

– Làm thế nào để giải phóng cho dân tộc Việt nam khỏi ách thuộc địa của thực dân Pháp trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thế giới?

– Làm thế nào để xây dựng được một chính đảng mác xít – lê nin nít của giai cấp công nhân ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, công nghiệp chưa phát triển, giai cấp công nhân còn nhỏ bé?

* Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh trực thuộc Viện Mác—Lê-nin

Digitized by Google

– Làm thế nào để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa trải qua chủ nghĩa tư bản, lại bị mấy chục năm chiến tranh tàn phá ? v.v. và v.v.

Đó là những con đường chưa hề có tiền lệ trong lịch sử, phải xông pha, lặn lội, khai phá, tìm tòi. Và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thành công trong việc đề ra một hệ thống lý luận cách mạng phù hợp với hoàn cảnh và đặc điểm nước ta, do đó đã đưa cách mạng Việt nam đi tới những thắng lợi huy hoàng, làm thay đổi tận gốc cuộc sống trên đất nước ta, và góp phần tác động to lớn đến tiến trình lịch sử thế giới.

Cống hiến lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, như đồng chí Phạm Văn Đồng viết : « vừa có tính thời sự thiết thực, đáp ứng những nhu cầu đương thời của cách mạng, vừa có giá trị lâu dài, là những gợi ý quan trọng và nguồn cảm hứng cho các thế hệ cách mạng về sau » (1).

Thử hỏi : Làm sao có thể hoàn thành được một sự nghiệp vĩ đại như vậy nếu như ai đó vẫn nghĩ rằng, chỉ là nhờ vào sự « khéo tay », « hay làm », chỉ là do biết « tổ chức giỏi », chứ không phải do nắm vững những quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, không phải do nắm vững và vận dụng sáng tạo lý luận ?

Lý luận có nhiều cách diễn đạt. Nó có thể được diễn đạt một cách trừu tượng, theo lối suy tưởng triết học. Nó cũng có thể được diễn đạt một cách giản dị, có đọng, hàm súc, trong sáng, dễ hiểu, dễ nhớ, mà vẫn thể hiện được cái bản chất, cái cốt lõi của sự vật và hiện tượng.

Cần nói ngay rằng Bác Hồ viết giản dị không phải vì Người thiếu uyên bác. Xuất thân trong một gia đình khoa bảng, từ nhỏ Người đã được hấp thụ một nền Hán học uyên thâm. Trong những năm bôn ba tìm đường cứu nước, Người đã sống, học tập và hoạt động lý luận ở giữa những trung tâm văn hóa, khoa học và cách mạng của châu Âu, đã gần gũi và làm việc bên cạnh những chính khách hàng đầu của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế... Một người có trí tuệ lỗi lạc và học vấn uyên thâm như Chủ tịch Hồ Chí Minh, muốn viết theo lối uyên bác, hàn lâm không phải là chuyện khó.

Chúng ta từng thấy, khi cần, Người cũng đã từng viết theo lối rất uyên bác. Đó là những bức thư, bài báo, luận văn, bút chiến danh thép và sắc sảo mà Người viết vào đầu những năm 20 tại Pháp nhằm chống lại ngôn luận xảo trá của bọn chính khách tư sản phương Tây và lên án tội ác của chủ nghĩa thực dân.... Đó là những bài tham luận, phát biểu, tranh luận về các vấn đề lý luận phức tạp được trình bày tại diễn đàn các đại hội ở Pa-ri, ở Mát-xcơ-va...

Nhưng từ các lớp huấn luyện ở Quảng châu, nhất là từ sau khi về nước, Người không dùng cách nói, cách viết hàn lâm xa lạ, cốt làm cho lý luận trở nên gần gũi với tất cả mọi người. Thức tỉnh lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng ở hàng chục triệu người lao động vốn mù chữ và thất học, quen sống yên phận nay vùng dậy đấu tranh đòi giải phóng – đó là một sự nghiệp gian nan và phi thường. Phải nói và viết sao cho họ hiểu dễ làm được – đó là mục tiêu, là cứu cánh của lý luận. Đối với Người, « lý luận cốt để áp dụng vào thực tế ». Do đó, Người khẳng định : viết dài dòng khó hiểu và rỗng tuếch, là quyết không muốn cho quần chúng xem.

Bác Hồ không bao giờ quên lời khuyên của Lê-nin với các nhà cách

(1) Phạm Văn Đồng : ***Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp***, Nxb Sự thật, Hà nội, 1990, tr. 35

Digitized by Google

mạng phương Đông: « Nhiệm vụ đề ra trước mắt các đồng chí là tiếp tục quan tâm làm sao cho việc tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản được tiến hành trong mỗi nước, và tuyên truyền sao cho nhân dân có thể hiểu được...; phải đem học thuyết cộng sản chân chính dành cho những người cộng sản ở các nước tiên tiến hơn, dịch ra tiếng nói của mỗi dân tộc » (2). Điều đó cắt nghĩa vì sao người cộng sản Á Đông Hồ Chí Minh đã « tìm được cách diễn tả và làm sinh đông học thuyết đó bằng những dạng truyền thống tương tự », trong kho tàng ngôn ngữ của dân tộc mình.

Có hiểu được mục đích và quan điểm về cách viết lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh mới hiểu được phong cách lý luận Hồ Chí Minh, một sự thống nhất, hòa hợp đến lạ thường với lý tưởng, đạo đức và nếp sống của Người.

Phong cách lý luận Hồ Chí Minh nổi bật ở **tính nhất quán giữa tư duy và hành động, lý luận và thực tiễn, nói và làm**; ở sự gặp gỡ và nhất trí giữa người nói và người nghe, giữa lãnh tụ và quần chúng.

Như Người đã chỉ rõ: « Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là **lý luận suông**. Dù xem được hàng ngàn, hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách.

Xem nhiều sách để mà **lòe**, để làm ra **ta đây**, thế không phải là biết lý luận..., phải ra sức thực hành mới thành người biết lý luận » (3).

Vì vậy, khi bắt đầu truyền bá lý luận Mác — Lê-nin vào Việt nam, Người đã không làm một cách sách vở, giáo điều, ộ ạt như dịch và giới thiệu những pho sách đồ sộ của các nhà kinh điển. Theo Người, điều đó chưa cần thiết, chưa cấp bách và cũng chưa có điều kiện, mà một khi đã thoát ly hoàn cảnh thực tế thì chỉ là lý luận suông. Người đã giới thiệu và truyền bá một cách có chọn lọc, theo phương châm: kết hợp cái cấp bách và cái lâu dài, cái thiết thực và cái hệ thống, rồi từng bước nâng cao dần lên cùng với sự trưởng thành và phát triển của cán bộ và phong trào.

Trong tác phẩm **Đường kách mệnh**, cuốn sách vỡ lòng về lý luận cho các chiến sĩ cách mạng lớp đầu, ta thấy tác giả đề cập những vấn đề hết sức cụ thể và thiết thực, mới xem qua tưởng chừng không có mấy lý luận, chẳng hạn như: Vì sao phải làm cách mệnh? Cách mệnh do ai làm? Ai là bạn, ai là thù? Cách mệnh thì phải làm thế nào?... Như đoán biết được ý nghĩ của một số người, trong lời đầu sách, tác giả đã nói rõ chủ kiến của mình: « Sách này muốn nói cho vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ. Chắc có người sẽ chê rằng văn chương cụt quẩn. Vâng! Đấy nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn, như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ, trang hoàng gì cả... Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Cách mệnh! Cách mệnh!! Cách mệnh!!! » (4).

Toàn bộ hoạt động lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh đều nhằm đáp ứng nhu cầu của thực tiễn cách mạng, ứng biến sáng tạo trước mọi thay đổi của tình hình cách mạng, nhằm cái đích cuối cùng là cải tạo xã hội, cải tạo con người. Đối với Người, nói để mà làm, cần phải làm và làm được thì mới nói. Mục tiêu đó quy định nét đặc sắc thứ hai trong phong cách lý luận Hồ Chí Minh: không dài dòng, trừu tượng, khuôn sáo, mà luôn luôn **ngắn gọn, cô đọng, giản dị, cụ thể và sinh động**.

---

(2) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t. 39, tr. 373

(3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t. 4, tr. 445

(4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t. 2, tr. 181

Digitized by Google

Bác Hồ thường viết ngắn, có khi rất ngắn: «Nước lấy dân làm gốc», «Dĩ bất biến ứng vạn biến», «Không có gì quý hơn độc lập, tự do», «Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người», v.v. Ai bảo đó không phải là lý luận? Đó là những chân lý của lịch sử, của thời đại đã được Người cô đúc lại, chặt chẽ như châm ngôn, mà vẫn mang bản sắc Hồ Chí Minh không trộn lẫn được. Đặc trưng nổi bật của lý luận là tính khái quát cao. Nhiều câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ điều đó. Nó ngắn, gọn, dễ thuộc, dễ nhớ, nhưng có nội dung bao quát của một học thuyết, một nguyên lý, một chiến lược về xã hội và con người. Có lẽ, đó cũng là ước muốn chung của các nhà tư tưởng, nhà triết học của mọi thời, nhưng không phải ai cũng làm được.

Tính lý luận trong các bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải được thể hiện một cách uyên bác, khó hiểu, mà được thể hiện một cách giản dị, cụ thể, luôn luôn hướng tới quần chúng, mong muốn tìm một sự đồng cảm trong cách nhìn, cách nghĩ giữa chủ thể và đối tượng. Người biết lựa những lời cần thiết và thích hợp để động viên quần chúng, khơi gợi sáng kiến, cổ vũ chủ nghĩa anh hùng của họ. Đó chính là «những lời nói giản dị, đúng mức, không văn hoa, nhưng khắc sâu vào trái tim, khối óc của từng người, bởi vì Người nói những lời nói đó chỉ là diễn đạt điều mà mọi người cảm thấy sâu xa nhất trong lòng mình, nhưng chưa diễn đạt được» (5).

Bác Hồ nói và viết giản dị không có nghĩa là Người đã đơn giản hóa những điều phức tạp. Lý luận về cách mạng, về Đảng, về nhà nước... vốn rất phức tạp, nhưng đọc lý luận của Người, quần chúng thấy dễ hiểu, dễ nắm, vì Người đã thu tóm được tất cả phần tinh hoa, cốt yếu của sự vật vào trong tiếng nói của quần chúng, để thông báo cho quần chúng. Sự giản dị như vậy, như một nhà văn Pháp đã nói: «Đó là cái khó nhất ở trên đời. Đó là giới hạn tột cùng của sự từng trải và là nỗ lực cuối cùng của thiên tài».

Để làm cho lý luận vốn phức tạp trở nên gần gũi, dễ hiểu đối với quần chúng, Bác Hồ đã vận dụng cách tư duy và diễn đạt của quần chúng mà theo Người là «rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực mà lại rất giản đơn».

Một trong những đặc điểm của tư duy phương Đông là thường suy nghĩ và diễn đạt bằng hình ảnh hơn là bằng khái niệm. Một sự vật và hiện tượng dù trừu tượng và phức tạp đến đâu, khi đã nắm được nội dung của nó rồi, người ta chỉ cần chọn lấy một hình ảnh thật đắt để so sánh là có thể nói lên bản chất của nó một cách sinh động và sâu sắc hơn cả nhiều trang lý luận dài lời. Vận dụng ưu thế của đặc điểm tư duy này, Bác Hồ thường hay dùng cách so sánh bằng hình ảnh trong diễn đạt lý luận. Hình ảnh «con đỉa hai vòi» mà Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng để nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc sở dĩ có sức thuyết phục kỳ lạ vì tác giả đã chọn được một hình ảnh tiêu biểu cả về nghĩa đen và nghĩa bóng, vừa cụ thể, sinh động vừa có giá trị tượng trưng, khái quát cao, lại vẫn có tính hiện đại cho dù ngày nay chủ nghĩa đế quốc có thay hình đổi dạng và biến hóa đến đâu thì cái bản chất hút máu của nó ở cả hai đầu chính quốc và thuộc địa (nay là thế giới thứ ba) vẫn không thay đổi.

Tương tự như vậy, chúng ta có thể tìm thấy rất nhiều hình ảnh so sánh, ví von gần gũi, quen thuộc với đời sống của nhân dân trong các bài nói,

(5) Báo *An-nát* (An-giê-ri), số ra ngày 5-9-1969

Digitized by Google

bài viết của Bác Hồ. Người ví « lý luận như cái kim-chỉ nam » và lý luận Mác—Lê-nin như « cái cẩm nang thần kỳ », « có kinh nghiệm mà không có lý luận cũng như một mắt sáng, một mắt mờ ». Người coi những ai đọc nhiều lý luận mà không biết đem thực hành, vận dụng, chỉ là « cái hòm đựng sách ».

Trong tư duy lý luận, lý giải mối quan hệ biện chứng giữa các phạm trù là một điều không dễ dàng, nhất là để nói với quần chúng và cán bộ cơ sở, làm sao cho vừa dễ hiểu lại vừa chính xác. Ví von bằng hình ảnh cụ thể vốn đã khó **song lập luận, lý giải bằng hình ảnh** còn khó hơn nhiều. Bác Hồ đã rất thành công trong cách làm này.

Về mối quan hệ biện chứng giữa **lý luận và thực hành**, Người viết : « Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên » (6).

Giữa **dân chủ** và **chuyên chính** có một mối quan hệ nghịch lý, khó mà giải thích cho thật thông suốt nếu chỉ thuần túy dựa vào lối gích hình thức. Với cách lý giải bằng hình ảnh so sánh của Bác, một vấn đề rất khó đã trở nên dễ hiểu với mọi người : « Như cái hòm đựng của cải thì phải có cái khóa. Nhà thì phải có cửa. Khóa và cửa cốt để phòng kẻ gian ăn trộm. **Dân chủ** là của quý báu nhất của nhân dân, **chuyên chính** là cái khóa, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khóa, nhà không có cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên có cửa phải có khóa, có nhà phải có cửa. Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ » (7).

Lý luận được thể hiện qua ngôn ngữ (nói hoặc viết), nhưng lý luận cũng còn được thể hiện qua việc làm, qua cách làm. Đây là một hướng phương pháp luận rất cơ bản để nghiên cứu tư tưởng, lý luận Hồ Chí Minh. Bác Hồ thường giải thích lý luận bằng lời nói giản dị, cụ thể, có hình ảnh. Trong những trường hợp nhất định, Người cũng **giải thích, bằng việc làm**. Một lần, Người hẹn đến thăm một hội nghị cán bộ do Bộ tổng tư lệnh triệu tập để chuẩn bị cho chiến dịch Tây Bắc năm 1952. Hôm đó, chẳng may trời mưa to, suối lũ dâng cao, hai bên bờ mọi người đều ngồi chờ nước rút. Bác đã hẹn đến vào 9 giờ, Người không thể bỏ lỡ cuộc nói chuyện. Khi các đồng chí bảo vệ còn đang lúng túng thì Bác đã lấy ra một cuộn dây thừng, bảo một người lội sang trước buộc dây vào một gốc cây to, Bác chống gậy vịn vào dây mà lội sang. Kết quả, noi gương Bác, mọi người đều theo sang và học được một bài học : chủ động và quyết tâm thì việc gì cũng làm được.

Tại hội nghị nêu trên, Bác nói : Các chú đã quyết tâm thì phải làm bằng được. Quyết tâm một, kế hoạch hai, biện pháp phải mười thì mới giành được chủ động. Sau đó, Người kể lại câu chuyện qua suối, và nói : Bác đến được hội nghị đúng giờ vì đã chủ động chuẩn bị trước. Về quân sự cũng vậy, nếu các chú biết dự kiến tình hình và có chuẩn bị trước thì sẽ luôn luôn giành được quyền chủ động.

Văn phong lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những ngắn, gọn, cô đọng, giản dị, dễ hiểu mà còn rất **sinh động**. Bút pháp của Người luôn luôn biến hóa, nhất quán mà thật đa dạng : danh thép trong tố cáo, sôi nổi trong tranh luận, thiết tha trong kêu gọi, nhiệt thành trong đón tiếp, ân cần và bình dị trong giảng giải, thuyết phục... Tuy viết lý luận nhưng Người không bao giờ chỉ biện luận một cách thuần

(*Xem tiếp trang 24*)

(6) Hồ Chí Minh : Toàn tập, Nxb Sự thật Hà nội, 1984, t. 4, tr. 447

(7) Hồ Chí Minh : Toàn tập, Nxb Sự thật Hà nội, 1987, t. 7, tr. 548—549

Digitized by Google

Kinh tế Việt nam sau 45 năm cách mạng thành công

NGUYỄN QUÁN *

45 năm tồn tại và phát triển của nước Việt nam xã hội chủ nghĩa là 45 năm chiến đấu kiên cường của cả dân tộc nhằm giải phóng đất nước khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Trong 45 năm ấy, nhân dân ta đã vượt qua biết bao khó khăn gian khổ và đã giành được những thành tựu đáng tự hào.

Trước Cách mạng Tháng Tám, hơn 90% số dân của nước ta sống ở nông thôn nhưng 2/3 diện tích canh tác của cả nước lại tập trung trong tay bọn thực dân phong kiến. Nguyện vọng chủ yếu của người nông dân lúc bây giờ là thực hiện người cày có ruộng.

Chính vì vậy, từ sau Cách mạng Tháng Tám đến 1953, chính quyền cách mạng đã ban hành luật cải cách ruộng đất. Và ở miền Bắc, đến năm 1958, về cơ bản đã hoàn thành cải cách ruộng đất. Còn ở miền Nam, sau thắng lợi năm 1975, đã tiến hành điều chỉnh lại ruộng đất, xóa bỏ sự bóc lột của phú nông và các phần tử tư sản khác ở nông thôn.

Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cũng được tiến hành ngay sau khi miền Bắc được giải phóng. Bên cạnh các thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể, những năm gần đây chính phủ đã có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế cá thể, tư nhân phát triển, và đã hình thành cơ cấu tổng sản phẩm xã hội gồm nhiều thành phần.

Cơ cấu tổng sản phẩm xã hội theo thành phần kinh tế (%)

	1976	*1980*	*1988*
Tổng số	100	100	100
Quốc doanh	39,7	30,9	31,1
Tập thể	22,2	26,3	45,7
Tư nhân, cá thể	38,1	42,8	23,2

Tuy nhiên, trong từng ngành kinh tế, từng ngành sản phẩm, vai trò các thành phần kinh tế có khác nhau. Nếu thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể chiếm trên 4/5 tổng sản lượng công nghiệp, thì thành phần kinh tế tập thể và tư nhân cá thể lại chiếm trên 9/10 tổng sản lượng nông nghiệp, chiếm quá nửa trong hoạt động thương nghiệp. Trong các ngành như năng lượng, khai thác nhiên liệu, cơ khí chính xác, luyện kim, đóng tàu biển, vận tải biển, hàng không, đường sắt, ngoại thương..., thành phần kinh tế quốc doanh chiếm từ 90% đến 100% giá trị sản lượng.

Từ năm 1986 lại đây, nền kinh tế nước ta phát triển theo hướng sản

* Chuyên viên kinh tế

Digitized by Google

xuất hàng hóa nhiều thành phần, do đó cơ cấu tổng sản phẩm xã hội cũng có sự thay đổi với sự tham gia ngày càng nhiều của các thành phần kinh tế khác (ngoài quốc doanh và tập thể).

Đi đôi với việc khuyến khích phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ sở vật chất kỹ thuật cũng được chú ý tăng cường một bước. Việc tăng cường cơ sở vật chất—kỹ thuật chủ yếu dựa vào đầu tư của nhà nước; còn lại là đầu tư của kinh tế tập thể. Tuy nhiên, từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, nhà nước đã khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân, cá thể, các tổ chức kinh tế nước ngoài đầu tư vào nhiều lĩnh vực hoạt động kinh tế quốc dân (cho đến nay chính phủ ta đã ký với nước ngoài gần 120 dự án đầu tư kinh tế với trị giá hơn 1 tỷ đô la). Từ năm 1980 đến nay, riêng đầu tư của nhà nước vào nền kinh tế quốc dân, trung bình mỗi năm là trên 16 tỷ đồng (theo giá năm 1982), hướng đầu tư chính vẫn là khu vực sản xuất vật chất.

Nhờ xác định hướng đầu tư đúng và kịp thời khắc phục những nhược điểm về cơ cấu đầu tư (tràn lan không có hiệu quả), chúng ta đã tạo dựng được một cơ sở vật chất đáng kể làm tiền đề cho sự phát triển toàn diện nền kinh tế vào những năm của thập kỷ 90.

Năng lực mới tăng thuộc vốn đầu tư của nhà nước

	1976—1980	*1980—1985*	*1986—1989*	*1990 (dự kiến)*
— Công suất các nhà máy điện (nghìn kW)	116,0	456,5	1290,0	43,9
Trong đó: Thủy điện		348,7	890,7	33,9
— Đường dây dẫn điện (km)		2198	3054,7	1520,5
— Than nguyên khai (nghìn t/năm)	2000	1545	287,0	
— Phân hóa học (—)	69,2	275,7	4,7	
— Xi măng (nghìn t/năm)	573,0	2440,4	18,7	1000
— Sợi —	16,3	33,1	4,6	
— Giấy —	28,9	58,4	3,5	
— Diện tích tưới (nghìn ha)	608,3	309,8	310,7	40,0
— Diện tích tiêu —	244,6	186,3	167,0	14,0
— Diện tích khai hoang —	708,6	275,8	254,6	120,0
— Đường sắt (km)	259,0	128,5	35,6	
— Đường bộ —	1482,0	3003,3	3092,6	1200
— Nhà ở (nghìn m^2)	6250	2384	764,6	105
— Bệnh viện, bệnh xá (nghìn giường)	17,5	26,9	11,5	
— Trường phổ thông (nghìn học sinh)	237,8	218,5		

Nếu kể cả những công trình do nhân dân làm, hoặc nhân dân và nhà nước cùng làm, thì năng lực mới tăng rất lớn, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp (hệ thống tưới tiêu cấp II, cấp III; hệ thống đê; diện tích khai hoang, trồng rừng, trồng cây lâu năm,...), trong giao thông (đường liên xã, liên huyện), trong xây dựng nhà ở, trong y tế, giáo dục...

Với các công trình đã và sẽ đưa vào hoạt động như thủy điện Trị an, Hòa bình, Đắc linh,..., nhiệt điện Phả lại... chắc chắn sẽ đáp ứng tương

Digitized by Google

đủ các nhu cầu tiêu dùng điện năng trong thập kỷ này. Nếu lắp đặt và bảo vệ tốt hơn hệ thống đường dây tải điện thì điện sẽ sớm tới các vùng, đặc biệt các tỉnh miền Trung (tháng 8 này, điện Hòa bình đã vào tới Đà nẵng). Với các nhà máy xi măng Hoàng thạch, Bỉm sơn, Hà tiên... tiềm năng đáp ứng nhu cầu xây dựng rất lớn. Với các dàn khoan đã có dầu ở ngoài khơi Vũng tàu và các vùng khác đang thăm dò, khả năng khai thác dầu trong những năm tới sẽ tăng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng trong nước và trả nợ nước ngoài. Cùng với việc sửa chữa, nâng cấp đường giao thông, việc thông cầu Bến thủy (Vinh) sẽ mở ra một khả năng lớn cho việc giao lưu kinh tế giữa các vùng trong nước và đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân.

Nguồn lao động dồi dào là một khả năng lớn của nước ta. Theo tài liệu tổng hợp mẫu tổng điều tra dân số 1-4-1989, cả nước có đến 11,2 triệu người ở độ tuổi 13 trở lên. Năm 1989, số người làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân được phân bố như sau: 70,9% trong nông nghiệp; 11,7% trong công nghiệp; 6,5% trong thương nghiệp... Số người làm việc trong khu vực nhà nước là 1051,7 nghìn người. Lao động trong khu vực nhà nước dôi thừa nhiều, hiệu quả và năng suất lao động thấp. Nhà nước đã có chủ trương giảm biên chế và sắp xếp lại việc làm. Năm 1988 so với năm 1987 đã giảm được 39,2 nghìn người. Ngành giảm nhiều nhất là ngành quản lý nhà nước (giảm 13 nghìn người). Một số ngành như xây dựng, công nghiệp,... có giảm, nhưng mức giảm ít hơn. Tuy nhiên, có ngành không giảm mà lại tăng, như ngành giáo dục.

Đội ngũ cán bộ khoa học—kỹ thuật tiếp tục tăng, nhờ tích cực đào tạo trong và ngoài nước. Theo tài liệu của Tổng cục thống kê, tính đến 1-4-1989 nước ta có 1 267 276 người tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp, 740 967 người tốt nghiệp cao đẳng, đại học và trên đại học. Dân trí đã được nâng lên. Số người tốt nghiệp phổ thông cơ sở chiếm gần 30% số dân từ 5 tuổi trở lên.

Về nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng ở nhiều lĩnh vực khoa học—kỹ thuật quan trọng, chúng ta đã đạt được những thành tích nhất định. Chúng ta đã tự khảo sát, thiết kế, thi công được các công trình xây dựng lớn; đã sản xuất được nhiều sản phẩm công nghiệp mới có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Những người làm cầu Việt nam có quyền tự hào với nhiều nước trong khu vực; những người làm thủy điện có nhiều kinh nghiệm trong thiết kế và thi công. Những tài năng về khoa học kỹ thuật là vốn quý của đất nước. Vấn đề đặt ra là phải có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng như thế nào cho có hiệu quả nhất.

Về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chúng ta đã đạt được thành tựu nổi bật là từng bước xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế mới phù hợp với sự phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Chúng ta đã đạt được kết quả bước đầu trong việc ổn định sản xuất, ổn định giá cả và ổn định đời sống nhân dân. Đặc biệt, chúng ta đã kiềm chế được tốc độ lạm phát, mức độ tăng giá bán lẻ hằng tháng (năm 1988 mức này là 14,2% thì năm 1989 chỉ còn 2,5%).

Năm 1989, tổng sản phẩm xã hội đạt 32 966 tỷ đồng, thu nhập quốc dân đạt 15 995 tỷ đồng. Nhịp độ phát triển kinh tế của nước ta từ 1978 đến nay đều tăng tuy không ổn định.

Tốc độ tăng bình quân hằng năm (theo giá 1982) (%)

	Tổng sản phẩm xã hội	*Thu nhập quốc dân*
1976 – 1980	1,4	0,4
1981 – 1985	7,3	6,4
1986 – 1989	4,6	3,5

Digitized by Google

Trong toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất của đất nước trong mấy năm gần đây, nông nghiệp vẫn giữ vai trò quyết định (chiếm trên dưới 50% thu nhập quốc dân), sau đến công nghiệp (chiếm khoảng 23,1%), tiếp đó là thương nghiệp (trên 15%).

Mặc dù vậy, mức sản xuất của nước ta còn rất thấp (1), chưa bảo đảm được mức tiêu dùng trong nước. Trong những năm 1986 – 1989, thu nhập quốc dân sản xuất trong nước mới bảo đảm được 91,7% thu nhập quốc dân sử dụng (riêng năm 1989 là 92,5%).

Sản xuất nông nghiệp năm 1989 bằng 1,63 lần năm 1976, bằng 3,84 lần năm 1939. Từ năm 1980 đến nay, giá trị sản lượng nông nghiệp tăng liên tục nhưng không đều. Trong nông nghiệp, trồng trọt vẫn chiếm trên 3/4; chăn nuôi chỉ chiếm chưa đầy 1/4. Trong trồng trọt, cây lương thực chiếm khoảng 3/4; còn trong chăn nuôi, gia súc chiếm tới 60%.

Năm 1989 là năm đầu tiên sản lượng lương thực (quy thóc) vượt qua ngưỡng cửa 20 triệu tấn (đạt 21 triệu 459 nghìn 700 tấn). Riêng thóc đạt 18,9 triệu tấn, bằng 3,25 lần năm 1940. Bình quân lương thực đạt trên 339 kg/người. Năng suất lúa cả năm đạt 32,2 tạ/ha (năm 1940 : 12,1 tấn/ha). Sản lượng cây công nghiệp lâu năm (cao su, cà phê, chè) liên tục tăng, năm 1989 đạt 32,2 nghìn tấn chè, 40,5 nghìn tấn cà phê, 50,9 nghìn tấn cao su. Sản lượng cây công nghiệp hàng năm không ổn định, mức đạt các năm 1988 – 1989 thấp hơn mức đạt các năm trước đó. Năm 1989 cũng là năm chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt được số đầu con cao nhất từ năm 1976. Trâu : 2871,3 nghìn con (bằng 2,1 lần năm 1945); bò : 3198,7 nghìn con (bằng 3,19 lần năm 1945); lợn : 12,2 triệu con (bằng 3,37 lần năm 1945), gia cầm : 103,7 triệu con.

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp đã đạt được kết quả quan trọng góp phần ổn định đời sống nhân dân, bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp và nông sản cho xuất khẩu. Điều đáng lưu ý là trước năm 1989 nước ta còn nhập khẩu lương thực thì đến năm 1989 đã xuất khẩu được 1 triệu 450 nghìn tấn gạo.

Về công nghiệp, giá trị sản lượng năm 1989 bằng gần 2 lần so với năm 1980, hơn 2 lần so với năm 1976 và 15,5 lần so với năm 1939. Mặc dù năm 1989, sản xuất công nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, sản lượng không bằng năm 1988 (cả ở nhóm A và nhóm B, cả ở thành phần quốc doanh, tập thể và cá thể), nhưng có nhiều sản phẩm công nghiệp quan trọng lại đạt mức cao nhất từ trước tới nay, như điện : hơn 8 tỷ kWh (bằng 3,3 lần năm 1975, 84,3 lần năm 1940); thép : 75 nghìn tấn (bằng 2,1 lần năm 1975); xi măng : 1975 nghìn tấn (bằng 3,6 lần năm 1975 và 7,1 lần năm 1940); đường : 377 nghìn tấn (bằng 8,2 lần năm 1975); cá biển : 636 nghìn tấn (bằng 1,16 lần năm 1975 và 5,3 lần năm 1940). Nhiều sản phẩm công nghiệp mới, chất lượng cao, thuộc các ngành cơ khí, điện tử, hóa chất... đã được sản xuất ra trong những năm gần đây. So với năm 1989, năm 1990 mức tăng của ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp là từ 6 đến 8%, mức tăng hàng tiêu dùng là từ 8 đến 10%; việc phấn đấu giảm giá thành và thay đổi cơ cấu mặt hàng... đang mở ra triển vọng mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước.

Trên lĩnh vực giao thông vận tải, khối lượng chuyên chở hàng hóa, hành khách (chủ yếu bằng đường sắt, đường hộ, đường sông) năm 1989 đạt 12754,9 triệu tấn/km, 11 640 triệu

(1) Theo chúng tôi tính toán, mức bình quân đầu người năm 1989 chỉ khoảng 240 đô la (thuộc nhóm nước thu nhập thấp của thế giới).

Digitized by Google

hành khách/km. Riêng vận tải đường biển năm 1989 đạt 8 533,5 triệu tấn/km, bằng 1,38 lần năm 1980, bằng 5 lần năm 1975 và bằng 104 lần năm 1940.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội năm 1989 đạt 13 401,3 tỷ đồng. Các thành phần ngoài quốc doanh vẫn giữ vị trí cao: 58,1%; đặc biệt trong ngành ăn uống công cộng: chiếm trên 83%. Chỉ số giá bán lẻ tăng nhanh nhưng đến năm 1989, đã giảm mạnh.

Chỉ số giá bán lẻ (năm trước = 100%)

1985	191,6%
1986	587,2
1987	416,7
1988	410,9
1989	176,0

Chương trình xuất khẩu được xác định là một trong ba chương trình kinh tế lớn, đã thu được những thắng lợi đáng kể. Nguyên nhân một phần do sản xuất trong nước tăng, nhưng chủ yếu do tổ chức tốt hơn việc sản xuất hàng xuất khẩu và công tác xuất khẩu, chính vì thế nhịp độ tăng xuất khẩu gấp nhiều lần nhịp độ tăng sản xuất.

Nhịp độ tăng bình quân hàng năm (%)

	Tổng sản phẩm xã hội	*Tổng trị giá xuất khẩu*
1976 – 1980	1,4	11,0
1980 – 1985	7,3	15,6
1986 – 1989	4,6	27,0

Chúng ta còn nhớ, năm năm sau ngày thống nhất đất nước, mỗi năm xuất khẩu chưa đạt 300 triệu rúp–đô la, và chúng ta cứ mong đến bao giờ vượt qua con số 1 tỷ. Năm 1988, xuất khẩu đạt hơn 1 tỷ và năm 1989 đạt 1,8 tỷ rúp – đô la (trong đó có gần 1 tỷ đô la). Dự kiến năm 1990 này, xuất khẩu có thể vượt 2 tỷ rúp–đô la. Bên cạnh một số mặt hàng xuất khẩu truyền thống, chúng ta đã cố gắng nâng mức than đá xuất khẩu lên 643 nghìn tấn năm 1989 (so với 291 nghìn tấn mức trung bình trong hai năm 1987 — 1988). Cùng với mặt hàng xuất khẩu mới (dầu thô), nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản xuất khẩu năm 1989 đạt 350 triệu rúp–đô la (gấp gần 6 lần năm 1988 và gần 8 lần năm 1987). Đặc biệt, nông sản xuất khẩu năm 1989 đạt 725 triệu rúp–đô la, nhiều hơn tổng trị giá xuất khẩu của cả nước từ 1985 về trước.

Tuy còn mất cân đối giữa xuất-nhập khẩu, nhưng mức nhập siêu đã giảm đáng kể, chủ yếu do ta đẩy mạnh xuất khẩu và phần nào do ta giảm bớt nhập khẩu (chủ yếu giảm nhập thiết bị toàn bộ và hàng tiêu dùng). Năm 1989 chỉ nhập siêu 623,7 triệu rúp — đô la (bằng 36% mức nhập siêu năm 1988). Điều đáng lưu ý là năm 1989, lần đầu tiên nước ta xuất khẩu sang các nước không phải xã hội chủ nghĩa được 976 triệu đô la, cao hơn mức nhập khẩu từ các nước này (có nghĩa là xuất siêu).

Đời sống nhân dân về các mặt ăn, ở, mặc, đi lại được cải thiện rõ so với những năm bốn mươi. Trong những năm gần đây (nhất là từ 1986 — 1988) do lạm phát đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Từ năm 1989, đời sống nhân dân đã bớt khó khăn hơn, một bộ phận nhân dân đời sống cải thiện hơn. Xe đạp, xe máy, máy khâu,

Digitized by Google

máy thu thanh, máy thu hình đã đi vào đời thường. Phong trào «ngói hóa» phát triển ngày càng nhiều ở các vùng nông thôn. Năm 1988–1989, số người đi học là 12,8 triệu, trong đó học sinh phổ thông: 12,2 triệu, học sinh trung học chuyên nghiệp: 138,6 nghìn, sinh viên: 128 nghìn. Nếu so với năm 1939 – 1940, số người đi học là 556,9 nghìn (trong đó học sinh phổ thông: 551 nghìn, học sinh trung học chuyên nghiệp: 2,3 nghìn, sinh viên: gần 600) thì những con số đạt được của năm 1988 – 1989 là vượt bậc. Ngành y tế phấn đấu ổn định về số giường bệnh số bác sĩ, y sĩ, y tá và nhân viên phục vụ. Năm 1989, chúng ta có 223,5 nghìn giường bệnh và 21,5 nghìn bác sĩ (năm 1975: 141,6 nghìn giường bệnh, và 8,4 nghìn bác sĩ). Bình quân 10 000 dân năm 1940 chỉ có 0,3 bác sĩ, y sĩ và 6,6 giường bệnh, thì năm 1989 đã có 10,5 bác sĩ, y sĩ và 34,6 giường bệnh.

Ở nước ta số dân tính đến 1-4-1989 là 64,4 triệu người (năm 1939 mới có 19,6 triệu người). Trong năm mươi năm, từ 1939 tới 1989, đã có hàng triệu người hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, hàng triệu người rời bỏ đất nước ra đi vì nhiều lý do... Lưu ý điểm này, để thấy số dân nước ta tăng quá nhanh, và điều đó không thể không làm giảm nhịp độ tăng sản xuất, hạn chế việc nâng cao đời sống nhân dân. Sau nhiều năm, vận động kế hoạch hóa gia đình, chúng ta vẫn chưa đạt được kết quả mong muốn: nhịp độ tăng số dân tự nhiên hiện nay tuy đã giảm nhưng vẫn còn ở mức 2,2 – 2,1% năm.

Trong những sai lầm, khuyết điểm mà Đảng và Nhà nước ta phạm phải, sai lầm và khuyết điểm về xây dựng đường lối kinh tế, về chủ trương, biện pháp thực hiện là chủ yếu. Tuy vậy, nhìn lại 45 năm, ta có thể tự hào và khẳng định những kết quả đạt được trong nền kinh tế quốc dân nước ta là to lớn. Đó là những cơ sở cho những bước đổi thay đang diễn ra trên đất nước ta theo phương hướng đã được vạch ra từ Đại hội VI và các Hội nghị Trung ương tiếp theo của Đảng.

PHONG CÁCH LÝ LUẬN...

(Tiếp theo trang 18)

túy mà thường kết hợp với **kể chuyện**, dan xen đúng lúc, đúng chỗ những **đoạn thơ, câu ca** có văn điệu... và bao trùm lên tất cả, từ bài viết ngắn đến những luận văn trang trọng như Báo cáo chính trị hay Di chúc... đều phảng phất đâu đó một nụ cười hóm hỉnh của một trí tuệ thông minh và tâm hồn lạc quan yêu đời.

Ngày nay, cùng với sự phát triển dân trí, trình độ lý luận và tư duy lý luận của cán bộ và nhân dân ta đã được nâng cao, nghĩa là đã có thể nghĩ, nói và hiểu được nhiều vấn đề trừu tượng và phức tạp. Tuy nhiên, những đặc điểm cơ bản trong phong cách lý luận Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên tính khoa học và hiện đại của nó, vẫn là những bài học quý báu đối với tất cả mọi người, nhất là những người trực tiếp làm công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục lý luận... cho đại chúng, nếu chúng ta còn mong muốn thực hiện lời dạy của Bác Hồ: «Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết, phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng» (8).

(8) Hồ Chí Minh: Toàn tập. Nxb Sự thật, Hà nội, 1984: t. 4, tr. 530

Digitized by Google

Ổn định và phát triển trong tình hình hiện nay

PHAN ĐÌNH DIỆU *

CHÚNG ta đang sống trong một thời kỳ của những biến đổi sôi động trên thế giới và cả trên đất nước ta. Thế giới đang đi vào thập kỷ cuối cùng trước khi sang thế kỷ thứ 21, tiếp tục những bước phát triển to lớn trong một quá trình chuyển biến sâu sắc đã được bắt đầu từ mấy thập kỷ gần đây. Những thành tựu kỳ diệu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang thực sự đưa thế giới đi vào một kỷ nguyên mới của nền văn minh nhân loại với những bước tiến to lớn và cơ bản của lực lượng sản xuất, kéo theo nhiều thay đổi về tính chất và cơ cấu của nền kinh tế – xã hội. Đặc điểm cơ bản là thế giới – mà đại diện là các nước phát triển – đang chuyển biến nhanh chóng từ nền văn minh «công nghiệp» sang nền văn minh «hậu công nghiệp», từ một nền sản xuất công nghiệp cơ khí hóa sang một nền sản xuất tự động hóa và tin học hóa, một nền kinh tế của thông tin và trí tuệ. Sự chuyển biến từ *xã hội công nghiệp* sang *xã hội thông tin* cũng đồng thời là sự chuyển biến từ các nền kinh tế nặng tính chất quốc gia sang một nền kinh tế có tính chất liên kết toàn cầu, từ cách tổ chức và quản lý nặng về tập trung hóa sang xu thế phi tập trung hóa, từ chỗ lấy việc khai thác tài nguyên và năng lượng trong tự nhiên làm nguồn của cải chính sang xu thế lấy việc khai thác thông tin và trí tuệ làm nguồn của cải chủ yếu, v.v. Về tổ chức xã hội, đó là sự chuyển biến từ cấu trúc thứ bậc với các loại quan hệ trên – dưới là chủ yếu sang cấu trúc có nhiều loại quan hệ ngang hàng phong phú hơn, từ kiểu dân chủ đại diện sang kiểu dân chủ nhiều tính chất trực tiếp hơn, từ những đòi hỏi về tính tập thể chặt chẽ sang những yêu cầu phát huy tự do cá nhân nhiều hơn, v.v.

Đã từ lâu, cách tổ chức và quản lý kinh tế – xã hội trước đây ở Liên xô và các nước Đông Âu không còn đáp ứng được các yêu cầu phát triển nhanh chóng của sự biến chuyển thời đại nói trên, nên các biến động vừa qua ở các nước đó đều có *một trong*

* Giáo sư, tiến sĩ toán học, Phó viện trưởng Viện khoa học Việt nam

Digitized by Google

nhiều nguyên nhân chủ yếu: những yêu cầu khách quan đòi phải thay đổi trật tự cũ đã trở thành cản trở, bằng một trật tự mới, tạo điều kiện cần thiết cho sự phát triển. Trong sự biến chuyển đó, ở một vài trường hợp, sự phủ định một cực đoan này đã dẫn đến khả năng của một cực đoan khác; cùng với những phủ định hợp lý cũng đã có cả những phủ định quá khích. Nhưng chắc chắn rằng, sau những xáo động của một tình thế bước ngoặt, các nước đó sẽ dần dần tạo được một tình thế ổn định mới cho sự phát triển theo hướng biến chuyển của thời đại.

Nước ta còn là một nước nghèo và lạc hậu; về mọi mặt kinh tế, xã hội, khoa học, kỹ thuật,... còn ở trình độ rất thấp so với trình độ của nền văn minh hiện đại. Vì vậy, có thể có những vấn đề hiện là bức thiết đối với các nước phát triển nhưng chưa phải đã là cấp bách trước mắt đối với chúng ta. Nói đúng hơn, chúng ta còn phải giải quyết trăm điều ngổn ngang khác trước khi vươn tới những vấn đề hiện là thời sự của các nước phát triển. Nhưng trong xu thế «toàn cầu hóa» hiện nay, ta cũng không thể có thì giờ để tuần tự lo chuyện này rồi mới sang chuyện khác, từ thấp đến cao, nếu không muốn mãi mãi ở vị trí tụt hậu. Vì vậy, trong một chừng mực nào đó, những vấn đề của thế giới cũng *đã là* vấn đề của ta.

Từ Đại hội VI của Đảng đến nay, trên đất nước ta, công cuộc đổi mới đã mang lại nhiều thay đổi, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Chúng ta vui mừng với những kết quả nổi bật trong năm qua: nạn lạm phát bị đẩy lùi, giá cả tương đối ổn định, sản xuất lương thực tăng, có gạo xuất khẩu, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần được bước đầu phát triển, v.v. Tuy nhiên, những yếu tố tiến bộ đó chưa phải đã hoàn toàn vững chắc, những khó khăn to lớn về kinh tế, xã hội vẫn còn nguyên vẹn trước mặt chúng ta. Nạn lạm phát đang được kìm hãm, nhưng để duy trì được khả năng tiếp tục chống lạm phát còn đòi hỏi nhiều biện pháp mạnh mẽ tiếp tục; thị trường hàng hóa được mở rộng, nhưng nền sản xuất xã hội vẫn trì trệ, thậm chí trong nhiều khu vực là đình đốn; trong mọi mặt của đời sống kinh tế – xã hội vẫn còn nhiều hỗn loạn, vừa thiếu dân chủ vừa thiếu kỷ cương; tệ nạn xã hội vẫn trầm trọng; nền giáo dục – yếu tố quyết định khả năng của dân tộc vươn lên trình độ của nền văn minh hiện đại – đang xuống cấp nghiêm trọng, v.v.

Trong tình hình đó, Đảng đã khẳng định phải tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Đổi mới để tiếp tục *phát triển* sản xuất, kinh tế và văn hóa, làm cho đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu và vươn lên giàu có, hiện đại. Và để đổi mới, để phát triển, thì cần thiết có một hoàn cảnh *ổn định*, trước hết là ổn định về chính trị. Về nguyên tắc, đó là điều hoàn toàn rõ ràng khi xu thế đổi mới đã được khẳng định. Tuy nhiên, đi sâu vào nội dung thì đây là những vấn đề rất phong phú. *Phát triển* là mục tiêu, *ổn định* là điều kiện cho phát triển, vậy nội dung của phát triển là gì, và thế nào là ổn định để thực sự tạo điều kiện cho phát triển? Trong các phần dưới đây, tôi xin tham gia một vài ý kiến về các vấn đề quan trọng đó.

★

Sự phát triển nhanh chóng của thế giới ngày nay tạo ra nhiều thách thức và cũng nhiều cơ hội cho sự phát triển của mỗi nước. Tuy nhiên, đối với từng dân tộc thì xét đến cùng, có vươn lên được hay không, chủ yếu phải dựa

Digitized by Google

vào năng lực của chính mình. Trong điều kiện hiện nay, năng lực của một dân tộc thể hiện trước hết ở chỗ: có hay không có khả năng tạo ra một môi trường xã hội thuận lợi cho việc phát huy đầy đủ mọi sức mạnh tiềm tàng của dân tộc để làm ra của cải vật chất và văn hóa, cho việc giao lưu rộng rãi với nền văn minh thế giới để chọn lọc và tiếp thụ những thành tựu về mọi mặt mà loài người đã đạt được.

Trong công cuộc đổi mới, về mặt kinh tế, ta đã khẳng định cần phát triển nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần với sự điều tiết ở tầm vĩ mô của nhà nước. Tuy nhiên, chuyển từ một nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường có biết bao nhiêu vấn đề chưa có lời giải đáp thỏa đáng, từ quan điểm lý luận cho đến các chính sách, chế độ, các qui định pháp luật, v.v. Phát triển sản xuất hàng hóa là để phát huy mọi năng lực làm giàu cho cá nhân và xã hội; còn sự can thiệp có tính chất điều tiết của nhà nước là để bảo đảm cho những cân đối lớn của nền kinh tế, tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển có định hướng và tránh được khủng hoảng, v.v. Tuy nhiên, để đạt được các mục tiêu đó, thì phải giải quyết thỏa đáng hàng loạt vấn đề quan trọng, như vấn đề về quyền sở hữu tài sản, về các hình thức tổ chức kinh doanh, về vai trò và vị trí thực sự của khu vực quốc doanh, về nội dung, mức độ và giới hạn của các biện pháp điều tiết vĩ mô của nhà nước, v.v., nói tóm lại, cần có một hệ thống đầy đủ các luật pháp kinh tế bảo đảm một trật tự đáng tin cậy cho sự phát triển. Nếu không có một hệ thống đầy đủ các luật như vậy, thì nhiều khi cái đáng phát huy không phát huy được, mà những lợi dụng để phá phách theo kiểu tiêu cực lại để phát triển. Do đó, khẳng định những quan điểm rõ ràng phù hợp với các qui luật kinh tế khách quan của một nền sản xuất hàng hóa, hay đúng hơn, một nền kinh tế thị trường ở nước ta, và ban hành nhanh chóng một hệ thống đầy đủ các luật pháp về hoạt động kinh tế, là những điều cấp bách trong đổi mới kinh tế của ta hiện nay.

Điều thứ hai là phát triển kinh tế theo những hướng nào? Ta đã, đang, và chắc sẽ còn thảo luận nhiều về vấn đề này. Dĩ nhiên, trước hết cần phát huy đầy đủ những năng lực vốn có trong sản xuất nông, công nghiệp để đảm bảo các nhu cầu cơ bản – đặc biệt về lương thực thực phẩm – cho xã hội, đó là điều rõ ràng. Điều ta phải suy nghĩ nhiều là trong nền kinh tế toàn cầu mà sớm muộn ta cũng sẽ hòa nhập vào, ta có những tiềm năng nào cần được phát huy một cách có hiệu quả nhất, và do đó, cần có những chính sách, biện pháp gì để khai thác các nguồn tiềm năng đó. Như đã trình bày ở trên, nền kinh tế thế giới đang chuyển dần đến một nền kinh tế của thông tin và trí tuệ, trong đó các sản phẩm và dịch vụ thuộc khu vực thông tin ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong thu nhập quốc dân, và cùng với quá trình tin học hóa, các lĩnh vực công nghệ đòi hỏi nhiều hàm lượng trí tuệ, các hoạt động giao lưu văn hóa, đặc biệt các sản phẩm văn hóa và nghệ thuật dân tộc,... sẽ ngày càng có ý nghĩa kinh tế quan trọng. Như vậy, chính là để phát triển kinh tế có hiệu quả cho hiện tại và tương lai mà ta cần phải đặc biệt quan tâm đến việc bồi đắp nguồn của cải trí tuệ cho dân tộc, không chỉ là nâng cao trình độ trí tuệ cho một tầng lớp mà ta thường gọi là trí thức, mà phải là nâng cao trình độ trí tuệ cho toàn dân tộc. Ta thường nói dân tộc ta thông minh, điều đó đúng xét về mặt *tiềm năng*. Nhưng có nhìn rõ tình trạng yếu kém của ta trong mọi lĩnh vực khoa học (tự nhiên, xã hội, kinh tế, quản lý, kỹ thuật), tình trạng xuống cấp nghiêm trọng trong lĩnh

Digitized by Google

vực giáo dục, điều kiện lạc hậu và thiếu thốn của các cơ sở đào tạo đại học và nghiên cứu khoa học, thì ta mới thấm thía hết nỗi đau của sự chậm phát triển. Do ta còn nghèo dã đành, nhưng còn do những gì nữa khi bên cạnh biết bao trường sở hư hỏng vẫn còn không ít những phô trương lãng phí. Để dân tộc ta vươn lên được trình độ của thế giới văn minh, việc tăng cường đầu tư để đẩy mạnh và hiện đại hóa công tác giáo dục, đào tạo và phát triển khoa học, phải được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của nhà nước, một quốc sách cho sự phát triển.

★

Để phát triển đúng hướng một cách lành mạnh thì cần ổn định, một khi xu thế phát triển đã được khẳng định. Ổn định là điều kiện cho sự phát triển, chứ tự nó không phải là mục tiêu. Vì vậy, ổn định phải là *ổn định trong phát triển*, ổn định động, chứ không phải ổn định tĩnh, ổn định của nguyên trạng, trì trệ và bất biến. Ổn định là đối lập với hỗn loạn, không thể phát triển bình thường trong hỗn loạn; nhưng ổn định không đối lập với những đổi thay cần thiết cho sự phát triển, mà chính là phải chủ động nhìn thấy trước các yêu cầu khách quan để thực hiện các đổi thay cần thiết đó. Nếu không có một cách hiểu biện chứng về ổn định, thì ta dễ rơi vào mâu thuẫn. Thí dụ ta cần hiểu như thế nào khi nói kiên trì chủ nghĩa Mác — Lê-nin và con đường xã hội chủ nghĩa? Học thuyết Mác — Lê-nin rất rộng, có những nguyên tắc cơ bản mà ta cần hiểu sâu sắc hơn để nhận thức đúng về thực tiễn, nhưng có những kết luận cụ thể thích hợp với thời đại của Mác và Lê-nin mà nay điều kiện đã thay đổi, nếu các ông còn sống chắc các ông cũng sẽ có những kết luận khác, thì chính chúng ta phải biết vận dụng sáng tạo các nguyên tắc cơ bản để chủ động rút ra các kết luận thích hợp với điều kiện mới. Mô hình chủ nghĩa xã hội với chế độ sở hữu công cộng về mọi tư liệu sản xuất chủ yếu và với một nền kinh tế quản lý tập trung theo kế hoạch cứng nhắc của nhà nước, đã chứng tỏ là không có hiệu quả, chính chúng ta từ mấy năm nay đang thay đổi cả những yếu tố cơ bản đó, vậy nói kiên trì chủ nghĩa xã hội thì nên hiểu là kiên trì các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội, chứ không phải là giữ nguyên một mô hình đã không còn thích hợp. Quả là có nhiều vấn đề cần được nghiên cứu công phu, chứ không thể chỉ hô khẩu hiệu là xong. Trong tình hình hiện nay, có lẽ thái độ khoa học cần phải có là Đảng và Nhà nước ta động viên mọi năng lực trí tuệ của dân tộc cùng suy nghĩ tìm con đường thích hợp cho đất nước ta, một *chủ nghĩa xã hội* đổi mới mà ta hướng tới, phù hợp với hoàn cảnh của ta và với hướng tiến lên nền văn minh của nhân loại, rồi cùng toàn dân chủ động thực hiện những biến chuyển theo con đường đó. Phải chăng đó chính là điều ta kỳ vọng về một tình thế ổn định để phát triển, và ổn định trong phát triển?

Điều thứ hai cần được chú ý là xã hội hiện đại ngày càng đa dạng. Đa dạng là một thực tế khách quan, đa dạng cũng là biểu hiện về sự phong phú, giàu có của xã hội. Ổn định trong một xã hội đa dạng không chỉ là chấp nhận sự đa dạng mà còn cần tìm cách khai thác cái phong phú của đa dạng để làm giàu cho xã hội, và từ đó luôn luôn nâng sự ổn định lên những tầm cao mới của phát triển. Thế giới và đất nước hiện nay đang đặt ra biết bao vấn đề phức tạp, cần

Digitized by Google

được nhận thức và lý giải một cách thỏa đáng, trong khi hiểu biết của từng người, từng nhóm người thì thường chỉ là tương đối và phiến diện. Nếu có được sự trao đổi ý kiến, tư tưởng và tranh luận thẳng thắn thì các « chân lý tương đối » sẽ được cọ xát nhau, bổ sung nhau, và kết quả chắc chắn sẽ được những « chân lý » với chất lượng trí tuệ cao hơn, mang nhiều hơi thở sinh động của sự sống hơn, và do đó sẽ hữu ích hơn cho đất nước.

Ổn định trong đa dạng cũng có nghĩa là ổn định trong nền dân chủ. Nền dân chủ mà ta phấn đấu xây dựng cần bảo đảm cho người dân thật sự có quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và báo chí, tự do trao đổi ý kiến và tranh luận về mọi vấn đề của đất nước, tự do ứng cử và bầu cử để thật sự lựa chọn được những người xứng đáng quản lý đất nước.

Và cuối cùng, tất cả những điều nói trên về ổn định phải được bảo đảm bằng pháp luật. Ta còn thiếu rất nhiều luật pháp, đặc biệt là luật về hoạt động kinh tế. Đồng thời, đối với những luật đã có cũng rất thiếu ý thức chấp hành. Tình trạng coi thường pháp luật là một đặc trưng cho trình độ chậm tiến của xã hội ta, mà ta cần phải kiên trì khắc phục. Xã hội phải được thể chế hóa bằng pháp luật. Trong xã hội, mọi người dân phải tuân theo pháp luật, và cũng được bảo vệ bởi pháp luật, ngoài những ràng buộc do pháp luật qui định, người dân không có nghĩa vụ tuân theo các kỷ luật khác nếu mình không tự nguyện cam kết. Do đó, hoàn thiện nhanh chóng hệ thống luật pháp của xã hội ta là một yêu cầu cấp bách để bảo đảm điều kiện ổn định cho sự phát triển.

★

Chúng ta chân thành mong muốn trên đất nước ta, mọi người dân đều có điều kiện được tự do phát huy mọi năng lực làm giàu cho mình về của cải vật chất và trí tuệ, và trên cơ sở làm giàu cho mình mà góp phần làm giàu cho đất nước. Do những hoàn cảnh khắt khe của lịch sử, đất nước ta đã phải trải qua nhiều phân chia, và cũng đã bị tách rời quá nhiều với thế giới bên ngoài. Mong rằng đã đến lúc nối lại những phân chia, cùng hợp sức làm giàu đất nước trong một tình thế ổn định của hòa hợp và của tinh thần trách nhiệm đối với dân tộc, và cũng là trong sự hòa nhập vào thế giới ; xây dựng một nước Việt nam văn minh trong văn minh thế giới.

Digitized by Google

Sự phân định chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước

HOÀNG VĂN HẢO *

NHU cầu phân định chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước đã xuất hiện ngay từ khi Nhà nước xã hội chủ nghĩa mới ra đời. V.I. Lê-nin đã phát hiện ra sự lẫn lộn hai chức năng ấy và phê phán gay gắt hiện tượng «mỗi một việc cụ thể, vụn vặt đều đưa đến tận Bộ chính trị». Trong thư viết ngày 23-3-1922 gửi Đại hội XI của Đảng, Người viết: «cần phân định một cách rõ ràng hơn nữa những nhiệm vụ của Đảng (và của Ban chấp hành trung ương của nó) với nhiệm vụ của Chính quyền xô viết; tăng thêm trách nhiệm và tính chủ động cho các cán bộ xô viết và các cơ quan xô viết»(1).

Đến nay, như kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, việc phân định rõ chức năng của Đảng và chức năng của Nhà nước quả thật không đơn giản tí nào. Từ sau Đại hội VI của Đảng, chúng ta đã cố gắng phân biệt hai chức năng đó. Và theo tôi, đã có những nhận thức mới về hai chức năng này, đã phác họa được những nét cơ bản nhất về nội dung chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước. Ở đây, tôi muốn làm rõ thêm một vài vấn đề có tính nguyên tắc.

Mục đích của Đảng và Nhà nước là thống nhất, nhưng chức năng của Đảng và Nhà nước lại khác nhau. Như chúng ta đều biết, Đảng cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân, còn Nhà nước xã hội chủ nghĩa là «bạo lực có tổ chức» (2), là công cụ của giai cấp công nhân. Vì vậy, **xét về mục đích**, Đảng và Nhà nước trong các nước xã hội chủ nghĩa đều có mục đích chung là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Như vậy, tách rời hoặc đối lập giữa Đảng và Nhà nước ở đây là không có căn cứ khoa học, và nhất định sẽ dẫn đến sai lầm trong thực tiễn.

Nhưng, xét về **chức năng** của Đảng và Nhà nước, xét về nội dung và phương pháp tác động cụ thể của các chủ thể này đối với xã hội, thì chúng

---

* Phó tiến sĩ luật học

(1) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 45, tr 75

(2) C. Mác, F. Ăng-ghen: Tuyển tập, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980 tập I, tr. 569

Digitized by Google

ta lại thấy giữa Đảng và Nhà nước có sự khác nhau về nguyên tắc, không thể lẫn lộn. Về nội dung tác động, Đảng — với tư cách là đội tiên phong của giai cấp công nhân — là người lãnh đạo chính trị, còn Nhà nước — với tư cách là cơ quan quyền lực của nhân dân — là người tổ chức điều hành các quá trình kinh tế xã hội. Đảng không can thiệp vụn vặt vào quá trình tổ chức điều hành ấy, mà thực hiện sự lãnh đạo chung, tức là hướng dẫn, định hướng công tác cho tất cả các cơ quan nhà nước. Phân biệt chức năng của Đảng với chức năng của Chính quyền xô viết, V.I. Lê-nin đã nói: «... Đảng thì **giành quyền lãnh đạo chung** công tác của tất cả các cơ quan nhà nước **gộp chung lại**» (3).

Để làm rõ quan điểm này, cần bàn thêm những khía cạnh khác nhau trong nội dung lãnh đạo.

Đảng cộng sản có nắm quyền lực không? Theo tôi, Đảng không nắm quyền lực, dù là quyền lực chính trị, do đó, tổ chức đảng không phải là tổ chức quyền lực.

Ở đây, trước hết, cần phân biệt **ý thức về quyền lực** và **có quyền lực**. Hai mặt này tưởng như giống nhau, nhưng thật ra lại khác nhau. Là người lãnh đạo cách mạng, Đảng cộng sản hơn ai hết ý thức rõ rệt về giành và giữ quyền lực, bởi chính quyền là «vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng», là công cụ tổ chức hùng mạnh của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thế nhưng, Đảng không giành quyền lực cho mình, mà là lãnh đạo nhân dân đấu tranh để giành quyền lực cho chính họ, vì vậy «quyền lực là thuộc về nhân dân», không thể của một nhóm người nào khác.

Như vậy, Đảng cộng sản có quyền lãnh đạo xã hội là do sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đem lại; quyền này không thể chia sẻ cho ai; dù trong hoàn cảnh đa đảng, cũng không thể có cái gọi là «đồng hành, hợp tác» được! Nhưng Đảng cộng sản vốn không nắm quyền lực; quyền lực trong xã hội xã hội chủ nghĩa là thuộc về nhân dân, nó được thực hiện trong cơ quan quyền lực nhà nước là cơ quan được nhân dân ủy thác, trao cho nắm quyền lực chung, quyền lực này trong xã hội có giai cấp là quyền lực chính trị. **Đảng không nên thực hiện quyền lực chính trị theo nghĩa thực hiện «bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác». Bởi lẽ, nếu thực hiện quyền lực chính trị như vậy thì Đảng phải được tổ chức khác, nghĩa là giống như một bộ máy nhà nước.** Rất tiếc là vấn đề này trong nhiều thập kỷ đã không được nhận thức rõ, cho nên đến nay cần được nhận thức lại và gỡ cho ra. Ở góc độ nào đó chúng ta có thể phân biệt:

— Đảng cộng sản — chủ thể lãnh đạo
— Nhân dân — chủ thể quyền lực
— Nhà nước — chủ thể quản lý

Dĩ nhiên, sự phân biệt đó là tương đối, bởi chúng có mối liên hệ nội tại và cùng chung mục đích.

Cũng có ý kiến cho rằng Đảng lãnh đạo bằng **uy tín**. Nhưng «cái tín» và «cái uy» ở đây cũng không phải là «uy quyền» (4). Uy tín của Đảng cộng sản chỉ có thể giành được do phẩm chất và trí tuệ của Đảng. Phẩm chất và trí tuệ ấy được thể hiện thông qua việc đề ra quan điểm đường lối chính trị đúng đắn và khoa học, thông qua việc lãnh đạo nhà nước, làm cho nhà nước thực sự là của dân, làm cho quyền lực của nhân dân được thực hiện trong thực tế, không phải «nhân dân của nhà nước» mà là «nhà nước của nhân dân» (Các Mác). Quá trình đổi mới ở nước ta đi theo hướng đó, bảo đảm cho cơ quan dân

(3) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 75. Những chỗ in đậm là do tôi nhấn mạnh — H.V.H.

(4) Uy quyền hay quyền uy, theo Ăng-ghen là sự điều hành cụ thể. H.V.H. Chú thích

Digitized by Google

cử có thực quyền và toàn quyền, Đảng chỉ là người lãnh đạo, không nắm quyền lực. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu BCH TƯ Đảng (khóa VI) viết: **«Đổi mới một cách căn bản tổ chức và hoạt động của các cơ quan dân cử**, làm cho Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp thật sự là cơ quan quyền lực của nhân dân, hoạt động có hiệu quả dưới sự lãnh đạo của Đảng».

Còn một vấn đề nữa trong nội dung lãnh đạo của Đảng cần làm rõ. Đó là: **Thế nào là lãnh đạo chính trị?**

Chính trị, theo V.I. Lê-nin, «là lĩnh vực những mối quan hệ giữa tất cả các giai cấp, các tầng lớp, với nhà nước và chính phủ, lĩnh vực những mối quan hệ giữa tất cả các giai cấp» (5). Lãnh đạo chính trị, theo tôi, có đặc trưng cơ bản nhất là định hướng về đường lối cho sự phát triển của xã hội, là sử dụng và bảo vệ chính quyền nhà nước nhằm phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Trong xã hội, quan hệ giữa các giai cấp với nhà nước biểu hiện rất phức tạp và có nhiều cấp độ khác nhau. Đó là quan hệ giữa nội bộ các cơ quan nhà nước với nhau; giữa các cơ quan nhà nước với công dân; giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức xã hội đại diện cho lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc; giữa nhà nước này với các nhà nước khác... Làm sao để các quan hệ này phát triển đúng hướng, vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội? Điều đó đòi hỏi có lãnh đạo, có định hướng của tư tưởng tiên phong, được thể hiện trong đường lối chính trị của Đảng cộng sản. Đối với các cấp ủy địa phương, vấn đề cũng đặt ra tương tự như vậy. Trong điều kiện đổi mới, sự lãnh đạo của các tổ chức đảng càng phải đáp ứng yêu cầu mở rộng quyền chủ động cho cơ sở và cấp dưới.

Sự lãnh đạo chính trị không phải là sự lãnh đạo chung chung, lơ lửng trên không, bởi vì các quan hệ xã hội nói trên là các quan hệ hiện thực luôn biến động, biểu hiện cụ thể hằng ngày trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng... Sự lãnh đạo chính trị chỉ có thể đúng, nếu xuất phát từ thực trạng của các mối quan hệ ấy và hướng mọi hoạt động vào mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Chính trị không phải là khẩu hiệu chung chung mà liên quan chặt chẽ với mọi mặt đời sống xã hội. V.I. Lê-nin đặc biệt chú ý đến mối quan hệ biện chứng giữa chính trị và kinh tế. Khi giai cấp vô sản đã giành được chính quyền rồi, thì chính trị «chuyển trung tâm sang chính trị trong lĩnh vực kinh tế», nghĩa là chính trị hướng vào mục tiêu trực tiếp xây dựng nền kinh tế. Nhưng đó không chỉ là chăm lo giải quyết những vấn đề cụ thể trên lĩnh vực kinh tế. Muốn giải quyết những vấn đề kinh tế trên quy mô toàn xã hội, theo phương thức sản xuất mới, thì chính trị phải bao quát các quan hệ, phải thâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Bất kể vấn đề kinh tế nào đã trở thành chính sách thì đều là chính trị rồi! Giải quyết vấn đề kinh tế được nâng lên trình độ và quy mô chính trị như thế, là một quá trình phức tạp, phải tự giác vận dụng sáng tạo các quy luật khách quan để làm cho «chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế» (6). Chính trị trên các lĩnh vực khác cũng như vậy. Chức năng của Đảng cộng sản biểu hiện tập trung ở quá trình hình thành đường lối chính trị trong từng giai đoạn cách mạng và thuyết phục quần chúng tự giác đi theo đường lối chính trị ấy.

Chức năng lãnh đạo của Đảng khác với chức năng quản lý của Nhà nước,

(5) V.I. Lê-nin: Toàn tập. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 6, tr. 101

(6) V.I. Lê-nin: Toàn tập. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 12, tr. 349

Digitized by Google

do đó, **phương pháp thực hiện chức năng của Đảng cũng khác với phương pháp thực hiện chức năng của Nhà nước.** Là người lãnh đạo chính trị, Đảng chỉ có thể dùng phương pháp dân chủ, giáo dục và thuyết phục; không thể và không được dùng phương pháp cưỡng bức, mệnh lệnh.

Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản trong nhiều thập kỷ qua đã có sự lẫn lộn cả về chức năng và phương pháp. Đến nay, cuộc sống thực tế đã không chấp nhận kiểu lãnh đạo cũ làm cho tổ chức đảng và đảng viên gắn với quyền lực và lợi lộc, với đặc quyền đặc lợi. Chính kiểu lãnh đạo ấy, rút cục, đã hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, làm giảm và làm mất uy tín của Đảng cộng sản ở nhiều nước. Vì vậy, phải phân định rõ chức năng của Đảng với chức năng của Nhà nước. Trên cơ sở đó, tổ chức lại bộ máy của Đảng và của Nhà nước, đào tạo mới hoặc đào tạo lại đội ngũ cán bộ có khả năng thực thi đúng chức năng của Đảng và của Nhà nước.

Sự phân định chức năng của Đảng và của Nhà nước là vấn đề có tính nguyên tắc. Nhưng, theo tôi, đây là sự phân định có tính tương đối. Bất cứ sự phân định nào dẫn tới tách rời hoặc đối lập giữa Đảng và Nhà nước, đều không tránh khỏi phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản trong thực tế.

Có người đặt Nhà nước cao hơn Đảng. Cách đặt vấn đề như thế là tách rời hoặc đối lập giữa Đảng và Nhà nước. Đó là quan niệm không được kinh nghiệm lịch sử xác nhận, không phản ánh đúng bản chất mối quan hệ giữa Đảng cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, và thực ra, không hiểu và phân biệt được chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước.

Ngay từ thời Lê-nin, những người theo phái song luận đã đặt vấn đề: «hoặc là đảng, hoặc là các xô viết». Lúc đó, V.I. Lê-nin đã lập luận: «Theo tôi, không thể đặt vấn đề như vậy, và giải quyết vấn đề đó **nhất thiết** chỉ có thể là: **vừa cần có** Xô viết đại biểu công nhân, **vừa cần có** Đảng. Vấn đề — và **là vấn đề hết sức quan trọng** — chỉ là ở chỗ làm thế nào **phân rõ và kết hợp** những nhiệm vụ của Xô viết và những nhiệm vụ của Đảng công nhân dân chủ — xã hội Nga» (7).

Đương nhiên, điều quan trọng hơn cả là vai trò lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước, đối với xã hội, phải được thừa nhận trong thực tế. Uy tín của Đảng chỉ có thể giành được từ cuộc sống thực tế, từ lòng dân, từ việc đưa lại «bát cơm, manh áo» cho người lao động. Kinh nghiệm của Đảng ta trong một thời gian dài là như vậy.

---

(7) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 12, tr. 73—74. Những chỗ in đậm trong câu hai là do tôi nhấn mạnh — H.V.H.

Digitized by Google

Vai trò của hệ thống cơ quan quyền lực trong quản lý nhà nước về kinh tế

HOÀNG THẾ LIÊN *

Là người thay mặt toàn dân thực hiện quyền sở hữu, là đại diện lợi ích của toàn xã hội và là thiết chế chủ yếu của quyền lực nhân dân, nhà nước có trách nhiệm và quyền lực to lớn trong việc quản lý nền kinh tế quốc dân: bảo đảm cho sự phát triển cân đối và nhịp nhàng, kích thích, điều tiết và kiểm soát được mọi hoạt động kinh tế. «Vấn đề mấu chốt hiện nay là khẩn trương **đổi mới cơ chế quản lý của nhà nước về kinh tế**» (1). Xóa bỏ bao cấp đi đôi với giải thoát mọi hoạt động kinh tế khỏi sự điều khiển theo lối hành chính quan liêu bao cấp của nhà nước, là phương hướng chủ yếu của đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế. Mục đích đó đặt ra nhiệm vụ bao trùm của quản lý nhà nước về kinh tế là, bằng pháp luật và các chính sách kinh tế, «tạo môi trường và hành lang cho các đơn vị kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh năng động, có trật tự; hướng các hoạt động kinh tế đi theo quỹ đạo của kế hoạch vĩ mô, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển cân đối; giải quyết đúng đắn các mối quan hệ về lợi ích» (2)

Những nhiệm vụ to lớn và sâu sắc như vậy của quản lý nhà nước về kinh tế trong giai đoạn hiện nay chỉ có thể được thực hiện thông qua hoạt động tổ chức có kế hoạch, tự giác và ổn định của **toàn bộ hệ thống các cơ quan nhà nước**. Nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế với tư cách là một hệ thống hoàn chỉnh. Dù một cơ quan nhà nước nào có tác động trực tiếp đối với quá trình kinh tế — xã hội cụ thể thì đằng sau nó, vẫn là một hệ thống phức tạp những mối quan hệ qua lại giữa nó với các bộ phận khác của hệ thống các cơ quan nhà nước. Với tư cách là một bộ phận của một hệ thống hoàn chỉnh, mỗi loại cơ quan nhà nước có mức độ

* Phó tiến sĩ luật học

(1), (2) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 BCH TƯ Đảng (khóa VI)

Digitized by Google

trách nhiệm, quyền hạn và mức độ tác động trực tiếp hay gián tiếp khác nhau trong quản lý kinh tế. Không có việc giao hẳn chức năng quản lý nhà nước về kinh tế cho một loại cơ quan nào

Đã có thời, trong khoa học pháp lý và thực tiễn quản lý, vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế được hiểu theo nghĩa hẹp. Đó chỉ là hoạt động của một nhóm cơ quan nhà nước: các cơ quan chấp hành và hành chính nhà nước. Sự khoán trắng cho một loại cơ quan nhà nước như vậy đã hạ thấp ý nghĩa và phạm vi quản lý nhà nước về kinh tế. Trên thực tế, hoạt động và các quan hệ kinh tế được điều chỉnh chủ yếu bằng các nghị quyết của Đảng, bằng các văn bản dưới luật, bằng các chỉ thị, mệnh lệnh hành chính. Người ta không chú trọng dùng luật và xây dựng luật về quản lý kinh tế. Các cơ quan quản lý kinh tế ở trung ương (thuộc chính phủ) thường loay hoay với những công việc cụ thể, riêng lẻ, mà không tập trung vào việc hoạch định các chính sách lâu dài có tính chiến lược. Các cơ quan này, một mặt, can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở; mặt khác, lại hầu như buông lỏng việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế ở tầm vĩ mô. Do đó, vừa làm xơ cứng môi trường tồn tại và phát triển của kinh tế, hạn chế dân chủ, hạn chế sáng tạo, hạn chế các động lực lợi ích; vừa tạo ra nguy cơ phá rào, vượt rào, vô tổ chức, vô kỷ luật.

Khi nhận ra khuyết điểm đó, với ý muốn trở lại làm đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở, chúng ta đã chủ trương « phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính kinh tế với chức năng sản xuất kinh doanh ». Tuy nhiên, một thời gian dài chúng ta vẫn lúng túng trong việc xử lý mối quan hệ này.

Trong vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế, chúng ta thường coi nhẹ vai trò của các cơ quan quyền lực ở trung ương và địa phương. Hiến pháp đã quy định: việc phê chuẩn kế hoạch nhà nước, và thông qua ngân sách nhà nước đặc biệt là việc ban hành các thứ thuế và thông qua các chủ trương lớn về kinh tế là thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Như vậy, trên văn bản chính thức, Quốc hội có vai trò rất quan trọng trong quản lý nhà nước về kinh tế. Nhưng trên thực tế, quy định trên chưa được nhìn nhận theo đúng thực chất của nó, dẫn đến chỗ cơ quan quyền lực bị tách khỏi chức năng này. Những thông tin về hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế vẫn là lĩnh vực riêng của các cơ quan quản lý. Cơ quan quyền lực vẫn bị động, chạy theo cơ quan chấp hành, hành chính. Trong lĩnh vực quản lý kinh tế quốc dân, quyền lực nhân dân thực chất vẫn bị hạ thấp.

Vì vậy, đã đến lúc phải khẳng định: quản lý kinh tế là chức năng chung của mọi cơ quan nhà nước. Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp không chỉ là các cơ quan nắm quyền lực chính trị chung chung, mà còn là các cơ quan thực hiện cả chức năng quản lý kinh tế. Dĩ nhiên, chức năng quản lý kinh tế của quốc hội và hội đồng nhân dân phải phù hợp với tính chất của mình là các cơ quan quyền lực, không trùng với chức năng quản lý kinh tế của chính phủ. Đặc trưng của chức năng quản lý kinh tế của các cơ quan quyền lực là tăng cường công tác lập pháp về kinh tế; kiểm tra và giám sát việc thực hiện luật pháp về kinh tế đã ban hành.

Lâu nay, do chưa khẳng định dứt khoát vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quyền lực trong quản lý kinh tế, do nhiều hạn chế của bản thân các cơ quan quyền lực trong lĩnh vực

Digitized by Google

này, nên các cơ quan chấp hành thường vượt quá chức năng của mình, lấn át các cơ quan quyền lực. Các cơ quan quyền lực (cao nhất là quốc hội) thường bị đặt trước nhiều việc đã rồi, thường không được thông tin đầy đủ, và thường không có sự kiểm tra, giám sát đầy đủ đối với hoạt động của các cơ quan chấp hành. Vì vậy, việc các cơ quan quyền lực thông qua những chủ trương hoặc những luật nào đó nhiều khi mang tính hình thức.

Vấn đề đặt ra là làm sao để các cơ quan quyền lực từ trung ương đến địa phương có quyền lực thực sự và chịu trách nhiệm thực sự, chịu trách nhiệm cao nhất đối với tình hình phát triển kinh tế, xã hội. Các cơ quan đó có quyền thì cũng phải có trách nhiệm đối với những quyết định của mình. Những vấn đề lớn nhất liên quan đến kế hoạch kinh tế, đến các chương trình kinh tế, các thứ thuế... là những biện pháp điều tiết kinh tế lớn nhất ở tầm vĩ mô, phải thuộc về quốc hội. Đối với những gì giao cho chính phủ cụ thể hóa thêm, thì phải có điều kiện ràng buộc, phải có qui định về thời gian, phải có quy định báo cáo, kiểm tra...

★

Một trong những nội dung quan trọng của hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế là ra các quyết định về quản lý kinh tế. Đối với quốc hội, đó là quyền lập pháp — làm luật và sửa đổi luật về kinh tế. Đối với hội đồng nhân dân các cấp, đó là ra các nghị quyết về kinh tế thuộc phạm vi chức năng do luật định. Quản lý kinh tế bằng pháp luật, như lý luận và thực tiễn chứng tỏ, có ưu thế lớn. Trong điều kiện kinh tế hàng hóa phát triển, dân chủ hóa về kinh tế được mở rộng, quyền tự chủ của đơn vị kinh tế tăng lên, thì tình trạng thiếu pháp luật hoặc pháp luật không đồng bộ, thống nhất, là nguyên nhân đầu tiên dẫn đến tình trạng vô chính phủ trong hoạt động kinh tế, và gây thiệt hại nghiêm trọng cho nhà nước. Trong thời gian qua, trên lĩnh vực quản lý kinh tế, quốc hội chưa thực hiện đầy đủ quyền lập pháp của mình. Nhiều vấn đề quan trọng về quốc kế dân sinh chưa phải do luật điều chỉnh, mà chủ yếu vẫn do các văn bản dưới luật điều chỉnh. Chẳng hạn, theo thống kê, trong số 348 văn bản pháp lý hiện hành trên lĩnh vực lao động — thương binh và xã hội, thì 117 văn bản là do Hội đồng bộ trưởng ban hành, 231 văn bản còn lại là do Bộ lao động — thương binh và xã hội hoặc do liên bộ ban hành, không thấy có một văn bản nào do cơ quan quyền lực cao nhất ban hành cả.

Gần đây, việc lập pháp được đẩy mạnh hơn, nhưng vẫn chưa khắc phục được tình trạng trên. Điều đó khiến cho cơ chế kinh tế mới khó hình thành đầy đủ và khó phát huy tác dụng đồng bộ về các mặt; làm cho cơ chế tập trung quan liêu bao cấp còn có chỗ dựa để tồn tại dai dẳng.

Trong tình hình hiện nay, pháp luật trong quản lý kinh tế cần được ban hành dưới hình thức nào là thích hợp? Có quan điểm cho rằng, trước mắt, nên ban hành các văn bản dưới luật là thích hợp hơn cả, vì nó đáp ứng nhanh nhu cầu của cuộc sống, và khi cần điều chỉnh, bổ sung thì cũng nhanh. Điều đó có phần đúng. Nhưng, xét về mặt khoa học và chủ trương chung, thì điều thích hợp lúc này là tích cực ban hành luật, đặc biệt là luật về kinh tế.

Về mặt lý luận, tích cực ban hành luật lúc này không chỉ có ý nghĩa nâng cao giá trị pháp lý của các văn bản, mà chính là để nâng cao vai trò của các cơ quan quyền lực — dân cử, qua đó, nâng cao quyền lực và ý chí

Digitized by Google

chung của nhân dân trong quản lý kinh tế. Nếu chỉ do nền kinh tế chưa ổn định, do mọi quan hệ xã hội còn đang chuyển biến, đang trong thời kỳ « quá độ », mà « nhường » quyền lập pháp cho các cơ quan chấp hành, thì không nên. Nó trái với chức năng và vị trí của mỗi loại cơ quan trong hệ thống các cơ quan nhà nước, trái với khuynh hướng dân chủ và thống nhất trong quản lý kinh tế. Đương nhiên, làm luật là điều khó, cần có thời gian, nhưng chắc chắn đây không phải điều gì ngoài khả năng chúng ta. Vấn đề là có kế hoạch, chương trình cụ thể, có tổ chức tốt và biết sử dụng « chất xám » của các chuyên gia luật pháp và kinh tế, kể cả của những người có kinh nghiệm thực tiễn về quản lý, tránh tình trạng lập các tiểu ban trong đó có quá nhiều các thành viên danh dự, mang tính đại diện hình thức. Đương nhiên, điều này cũng đòi hỏi các đại biểu quốc hội có năng lực hơn, có trách nhiệm hơn, và hoạt động của quốc hội cũng phải khác đi : thường xuyên hơn, có thông tin và có phương tiện tốt hơn.

Về mặt thực tiễn, tích cực ban hành luật lúc này là do tình hình thực tế đòi hỏi. Tình hình càng phức tạp thì quốc hội càng phải tăng cường công tác lập pháp, ban hành luật để vạch ra những nguyên tắc, điều chỉnh tốt những quan hệ kinh tế quan trọng nhất, bảo đảm cho mọi hoạt động kinh tế đa dạng phức tạp gồm nhiều chủ thể đi theo « đường ray » được định hướng trước : một mặt, phát huy được dân chủ trong kinh tế ; mặt khác, tránh được tình trạng hỗn loạn, vô chính phủ, làm ăn gian dối, gây thiệt hại cho nhà nước và toàn xã hội.

Trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần, ta đang chủ trương khuyến khích tư nhân nước ngoài và tư nhân trong nước đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh, thì việc Nhà nước ban hành luật pháp liên quan tới chủ trương trên, là điều không thể thiếu để mọi người có thể yên tâm đầu tư, tin tưởng vào chủ trương nói trên của Nhà nước ta.

Tóm lại, quốc hội và các cơ quan quyền lực địa phương cần phát huy vai trò quan trọng nhất của chủ thể quản lý thống nhất về kinh tế, trước hết cần giành quyền chủ động lập pháp nhằm đáp ứng yêu cầu của quản lý nhà nước về kinh tế, chấm dứt tình trạng cơ quan hành pháp làm luôn chức năng lập pháp về mặt này. Đấy là một hướng quan trọng để nâng cao quyền lực nhân dân trong quản lý kinh tế.

Digitized by Google

Mấy vấn đề lý luận và sáng tác văn học gần đây

PHAN CỰ ĐỆ *

CÔNG cuộc đổi mới tuy chỉ là bước đầu nhưng đã tạo nên một khởi sắc rõ rệt trong đời sống văn học, nhất là trên hai mặt trận sôi động: lý luận phê bình và văn xuôi. Văn xuôi đang cố gắng khắc phục những hạn chế của một nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa hình thành trong khói lửa chiến tranh. Truyện và tiểu thuyết đi sâu hơn vào cuộc sống «thế tục», cuộc sống bình thường hằng ngày của con người với nhiều vấn đề xã hội ngổn ngang, phức tạp; giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa số phận cá nhân và cộng đồng, con người công dân, con người xã hội và con người tự nhiên.

Nhà văn đã tạo được một quan hệ «bằng vai», dân chủ và bình đẳng, cởi mở và tin cậy giữa người viết với nhân vật và bạn đọc. Nhiều cuốn tiểu thuyết có khuynh hướng nhìn lại, đánh giá lại con đường đi của mỗi người trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động; nhiều tác phẩm thiên về «hướng nội» nhằm giúp cho người đọc thức tỉnh, tự vấn lương tâm giữa một cuộc sống cộng đồng đang có nguy cơ xuống cấp về đạo đức và nhân cách, tham gia vào cuộc hành trình tinh thần bên trong nhằm hoàn thiện đạo đức và nhân cách xã hội chủ nghĩa của con người. Quá trình đổi mới trong văn xuôi đã thể hiện rất rõ trong tác phẩm những năm gần đây của Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Lê Lựu, Mai Ngữ, Đỗ Chu, Khuất Quang Thụy, Nguyễn Trí Huân, Trần Thanh Giao, Trung Trung Đỉnh, Nguyễn Mạnh Tuấn, Nhật Tuấn, Hữu Mai, Nam Hà, Bùi Hiền, Nguyễn Kiên, Chu Văn, Nguyễn Thị Ngọc Tú...

Quá trình đổi mới nền văn học không diễn ra suôn sẻ, một chiều. Ngoài khuynh hướng bảo thủ là lực lượng cản trở cần phải đấu tranh thì những khuynh hướng cực đoan, cơ hội chủ nghĩa cũng như sự tăng âm ồn ào với định hướng xấu từ bên ngoài, nếu không bị phê phán cũng dễ có khả năng làm cho phong trào bị xoay chiều, lệch hướng.

Vẫn cái khuynh hướng phủ định thành tựu đã cũ kỹ được lặp lại trên một số tờ tạp chí,

* Giáo sư văn học

Digitized by Google

Trước Đại hội nhà văn lần thứ tư, chúng ta đã đấu tranh chống lại khuynh hướng muốn phủ định sạch trên nền văn học từ sau Cách mạng Tháng Tám. Nào là « văn học phải đạo, văn chương minh họa thô thiển cần phải đọc lời ai điếu, văn học tuyên truyền bị đồng nhất vào chính trị, văn học một nửa cái bánh mì... với một nền phê bình quyền uy, phê bình hướng thượng, phê bình ninh bợ »... Sau Đại hội nhà văn, cũng vẫn cái giọng phủ định đó được lắp lại trên hai tờ tạp chí **Sông Hương** và **Cửa Việt** :

« Văn học, nghệ thuật trở thành công cụ của tuyên truyền, một sự hỗ trợ cho thói sính rao giảng đạo đức sống sượng » (**Sông Hương**, số 3 năm 1990, tr. 81).

« Nhân dân đã chán ngấy những cuốn sách thuyết giảng thứ đạo đức giả... Đã đến lúc văn học phải bước những bước chính xác trong cuộc hành trình gian khổ của nó » (Nguyễn Huy Thiệp — « Khoảng trống ai lấp được trong tư tưởng nhà văn » — **Sông Hương**, số 3, tr. 61).

Lại có người cho rằng văn học ta trước 1945 nặng về « âm tính » từ 1945 đến 1975 nặng về « dương tính », từ 1975 đến nay mới có sự hài hòa giữa « âm tính » và « dương tính » « Dương tính là triết học duy vật, âm tính là triết học duy tâm... Lẩn tránh đối thoại với triết học duy tâm, chủ nghĩa duy vật của chúng ta dễ bị nông cạn, hời hợt, « đại dột ». Với một cơ sở triết học như vậy, văn học khó mà có một nội dung tư tưởng sâu sắc, phong phú » (« Thời kỳ văn học vừa qua và xu thế phát triển » — **Văn nghệ**, chuyên, san tháng tư 1990).

Sự thực là như thế nào ? Văn học cách mạng của chúng ta bước đầu đã được đặt vào quỹ đạo **chính xác** ngay từ năm 1943 với **Đề cương văn hóa** của Đảng. Lúc bấy giờ văn học công khai, dưới ách của phát xít Nhật và thực dân Pháp, có chiều hướng ngày càng suy đồi, bế tắc với các nhóm Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, **Xuân thu nhã tập**, với các khuynh hướng duy tâm, siêu hình (**Thanh Đức** của Khái Hưng; **Cách ba ngàn năm** của Cung Khanh...). Cách mạng Tháng Tám đã cứu sống cả dân tộc, cứu sống một thế hệ nhà văn, mang lại sự hồi sinh cho một nền văn học. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, qua 30 năm chiến tranh, chúng ta đã xây dựng được một nền văn học, nghệ thuật « xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay ». Sức mạnh của nền văn học mới của chúng ta không phải là sự minh họa chính trị một cách thô thiển mà là sự gắn bó máu thịt với cuộc sống lao động và chiến đấu anh hùng của nhân dân, không phải là sự rao giảng đạo đức giả mà là sự rung động chân thành và nhiệt tình yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của các nhà văn chiến sĩ, không phải là triết học duy vật « đại dột » mà là thế giới quan mác xít và phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa. Triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chúng ta không phải là « ngoảnh lưng với chủ nghĩa duy tâm, lẩn tránh sự đối thoại với các học thuyết duy tâm » mà luôn luôn đối mặt với học thuyết duy tâm, ngày càng trở nên sắc bén hơn qua các cuộc đấu tranh với triết học và mỹ học duy tâm, với các khuynh hướng suy đồi và phản động của văn hóa tư sản, văn hóa thực dân mới.

Nền văn học mới từ 1975 đến nay đang tìm tòi, trăn trở để có những bước phát triển mới về chất trong hoàn cảnh lịch sử sôi động hiện nay và trong không khí đổi mới phương pháp tư duy cả về triết học lẫn mỹ học. Nhưng đổi mới nền văn học không có nghĩa là thay máu, đổi dòng, cũng không có nghĩa là tìm một sự hài hòa giữa âm tính và dương

Digitized by Google

tính, « bổ âm » và « tiếp dương » để tạo nên một sự cân bằng, chiết trung giữa duy tâm và duy vật, giữa cách nhìn « chính trị » nhấn mạnh lập trường giai cấp, lập trường quốc gia với cách nhìn « văn hóa » quan tâm đến « sự thống nhất giữa những giai cấp khác nhau », « cuối cùng đi đến cơ sở tính người và những giá trị nhân loại phổ biến » ! Trong thực tế thì không có một nền văn hóa, một cách nhìn « văn hóa » như thế khi ta nhớ lại luận điểm của Lê-nin về hai nền văn hóa trong một nền văn hóa dân tộc, khi ta nhận rõ bản chất phản động của văn hóa thực dân cũ và văn hóa thực dân mới. Đổi mới phương pháp tư duy, phương thức phản ánh và sáng tạo không có nghĩa là gửi « lời chào buồn » tới triết học Mác — Lê-nin và chủ nghĩa xã hội.

Trở lại vấn đề Đảng lãnh đạo và tự do sáng tác của văn nghệ sĩ.

Trước Đại hội nhà văn lần thứ tư, có người làm công tác phê bình cho rằng « khá nhiều nhà lãnh đạo văn nghệ... xem văn nghệ như trò giải trí », « lãnh đạo khinh bỉ sâu sắc văn nghệ sĩ », coi văn nghệ sĩ « như con nít ». Lại có người gọi nền văn nghệ của ta là « na ná tao đàn của văn nghệ quan phương » thời Lê Thánh Tông, là « văn chương cung đình » (**Sông Hương**, số 31, năm 1988). Họ đưa ra một thứ lý luận kỳ quặc về hai thứ « bá quyền » chính trị và văn nghệ, về những xung đột nội tại « giữa hai thứ « bá quyền » ấy (**Sông Hương**, số 5-3-1988). Giờ đây, cũng chính trên tờ **Sông Hương**, người ta lắp lại gần như nguyên xi các luận điểm trên. Văn nghệ bị xem là trò « giải trí, tiêu khiển », còn văn nghệ sĩ là kẻ « mua vui cho một xã hội được tiếng là « dân chủ » » (**Sông Hương** số 3, tr. 81). Nguyễn Huy Thiệp trong bài « Một góc sơ suất trong thế giới nội tâm nhà văn » cũng đưa ra nhận định : « Các nhà văn vướng vào các ta bu, các quy định kiêng kị như gà mắc tóc. Nhìn chung, thân phận nhà văn giống như anh hề là ở chỗ này đây : khi gà đã mắc tóc rồi thì mọi cử động của chú gà dễ bật cười lắm » (**Đất Quảng**, số 62, tháng 3, 4-1990).

Nguyễn Huy Thiệp còn rút ra một quy luật về sự lãnh đạo văn nghệ sĩ ở các nước phương Đông : « Khác với phương Tây, truyền thống chính trị phương Đông chưa bao giờ có sự tôn trọng đúng mức các nhà văn, các nhà tư tưởng. Truyền thống ấy được bảo toàn cho đến bây giờ » (**Sông Hương**, số 3, tr. 60). Nguyễn Huy Thiệp có thể đúng nếu anh muốn nói đến những ngược đãi của một số vương triều phong kiến Trung quốc và Việt nam đối với văn nghệ sĩ. Chúng ta có thể dẫn ra những bài thơ từ của Lạc Tân Vương hay của Lý Thái Bạch khi bị đày ở Giạ lang, của Văn Thiên Tường khi bị cầm cố ở Yên kinh. Đó là chưa kể đến văn chương trong ngục Đảng cố nhà Hán, ngục Thanh lưu đời Đường, án Ngụy học đời Tống, án Đồng làm Phục xá đời Minh... Ở Việt nam chúng ta không quên **tờ khai** của Đoàn Trưng và những lời « tuyệt mệnh » của Cao Bá Quát, Hoàng Phan Thái... Nhưng vấn đề không phải là « truyền thống chính trị » của phương Đông hay phương Tây, mà là chính sách văn hóa của chính quyền nào, giai cấp nào ? Ở phương Tây, các nhà văn tiến bộ vẫn không ngừng đấu tranh chống lại chính sách chuyên chế của bọn phong kiến và chính sách độc tài của bọn tư bản độc quyền. Chúng ta chưa quên những tác phẩm **Lịch sử tội ác** (1851) và **Trừng phạt** (1853) trong đó Vích-to Huy-gô tố cáo tên độc tài Lu-i Bô-na-pác, kẻ bóp chết nền Cộng hòa và thiết lập Đế chế thứ hai năm 1851, cũng chưa quên tập sách **Những nhà ngục giam tôi** của Xyn-vi-ô Pe-li-cô bên Ý ; chúng ta cũng

Digitized by Google

không quên vở kịch Giu-li-út và Ê-ten của nhà văn Ba-lan Cru-côp-xki viết năm 1953 tố cáo chính quyền phát xít Mỹ đã kết án tử hình trên ghế điện hai nhà trí thức Mỹ dũng cảm và trung thực: vợ chồng Rô-dân-bơ. Không thể xem chính sách chuyên chế của các chính quyền phong kiến và tư sản đối với văn nghệ sĩ tiến bộ là một «truyền thống được bảo toàn cho đến bây giờ» ở Việt nam; cũng không thể nói xằng bậy như Dương Thu Hương là «chế độ phong kiến cực quyền dán nhãn hiệu xã hội chủ nghĩa» ở Việt nam tất yếu đẻ ra lũ văn nghệ sĩ «gia nô», «những con cừu ngoan ngoãn» đã từ bỏ bản chất trí thức trung thực của mình!

Đảng cộng sản Việt nam đánh giá rất cao vai trò của văn học nghệ thuật, xem văn nghệ là một mặt trận văn hóa tư tưởng và văn nghệ sĩ là người chiến sĩ trên mặt trận ấy, là người kỹ sư tâm hồn của thời đại. Những người đưa ra các lập luận về một thứ «văn chương cung đình», văn nghệ sĩ là những anh hề mua vui, những gia nô ngoan ngoãn, về sự đối trọng giữa văn nghệ sĩ và chính quyền, đã phạm sai lầm cơ bản khi họ lắp nguyên xi cái thực tế và những quy luật trong xã hội có giai cấp đối kháng vào xã hội xã hội chủ nghĩa. Do đó, họ không hiểu nổi mối quan hệ giữa Đảng cộng sản và những văn nghệ sĩ cách mạng, không hiểu nổi những phẩm chất tốt đẹp của người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa. Nguyễn Huy Thiệp đã phạm sai lầm như thế khi anh cho rằng «xét đến tận cùng, đa số nhà văn thuộc về loại người thất bại chủ nghĩa», họ mang «tinh thần bi quan» và «vẻ buồn man mác». Điều đó có thể đúng với những nhà văn mang nỗi «đau đời» trong các thế kỷ trước như Khuất Nguyên, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát... Và cũng có thể đúng đối với phương Tây, chẳng hạn Bô-đơ-le thấy mình với Lê-ô-na đơ Vanh-xi, Răm-brăng, Mi-ken Lan-giơ, Đơ-la-croa... gặp nhau ở một «tiếng nức nở nồng nàn vang từ đời này sang đời khác» (**Những bài đăng**). Nhưng tiếng khóc, nỗi đau đời, «vẻ buồn man mác» không nhất thiết phải là quy luật đối với những nhà văn cách mạng trước và sau 1945, những người có thế giới quan mác xít và giữ vững niềm tin vào lý tưởng cộng sản. Mặc dù trên thế gian này vẫn chưa hết những bi kịch của cộng đồng và cá nhân, nhưng chủ nghĩa lạc quan vẫn được xem là một trong những phẩm chất của nền văn học mới. Như thế làm sao Nguyễn Huy Thiệp có thể kết luận rằng «sự hớn hở của nhà văn» thường mang «vẻ tội nghiệp» vì nhà văn bị «tha hóa» bởi «cơ chế chính trị xã hội đương thời», «nhà văn bỗng dưng biến hóa thành nhân vật chính trị lúc nào mà không hay nữa» (**Sông Hương** số 3, tr, 59).

Một số tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp và Dương Thu Hương đã mang màu sắc bi quan, tuyệt vọng, thái độ phủ định mọi thành tựu của cách mạng và hạ bệ các thần tượng trong quá khứ. Trước đây Nguyễn Huy Thiệp mượn ngôn ngữ nhân vật hoặc ngôn ngữ người kể chuyện để làm cái việc «hạ bệ» thần tượng Quang Trung, tung ra những ý kiến lập lửng nhưng ít nhiều có thái độ lăng nhục nền văn hóa dân tộc (**Phẩm tiết, Vàng lửa**). Còn giờ đây chính là lời Nguyễn Huy Thiệp nhận định về dân tộc trong tiểu luận của mình: «Chúng ta cần phải tỉnh táo nhận ra rằng tình trạng hiện nay của dân tộc ta là thê thảm. Những ràng buộc nặng nề của các tư tưởng lạc hậu cũ kỹ khiến cho hàng triệu số phận con người đau khổ. Họ mê man trong các công sở và trong các tổ quỷ gia đình, trong các lũy tre xanh và các khu tập thể đông hộ» (**Sông Hương**, số 3,

Digitized by Google

tr. 61). Trên tờ Cửa Việt (số 2-1990), Dương Thu Hương cũng viết : « Cuộc đời đầy rẫy những ngộ nhận, những mặc cảm, những day dứt. Những ngộ nhận, những mặc cảm lẫn day dứt ấy không chỉ chi phối cả cộng đồng dân tộc mà còn in dấu lên từng số phận riêng lẻ ».

Chúng ta không rõ cả cộng đồng dân tộc đang mê man trong các « tư tưởng lạc hậu cũ kỹ », đang bị những ngộ nhận, những mặc cảm day dứt khổ sở hay chính đó là tình trạng của những người cầm bút đang bị hoang mang mất phương hướng trước những hiện tượng tiêu cực trong xã hội đương thời, trước tình hình quốc tế có những biến động phức tạp, đang thiếu tỉnh táo trước những tiếng tăng âm ồn ào, phỉnh nịnh của các lực lượng thù địch từ bên ngoài ? Nhà văn chỉ có thể tấn công vào bóng tối, vào các hiện tượng tiêu cực nếu trong tâm hồn họ thắp sáng lên một ngọn đèn, một niềm tin. Công cuộc đổi mới sẽ đi lên mạnh mẽ và đúng hướng nếu ta biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, biết kế thừa những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

« Định hướng rộng » và nhiệm vụ của nhà phê bình, nhà quản lý.

Trên tờ Cửa việt (số 2-1990), nhà văn Trần Độ đặt lại một số vấn đề, trong đó có vấn đề « định hướng rộng » mà đồng chí tự cho mình là đúng, nhưng vì bị thiểu số nên đồng chí đành phải chấp nhận sự phê phán. « Quản lý bằng định hướng rộng » theo đồng chí là « nắm tư tưởng, nắm đường lối », đặc biệt chú ý « khâu lý luận, khâu thuyết phục ». Nếu có hiện tượng văn nghệ « sôi nổi », « hào hứng » (trong hào hứng có lộn xộn), thì « cứ để cho người sản sinh ra nó là nhà hát, nhà xuất bản, chịu trách nhiệm trước công chúng ». Nếu thấy tác phẩm « có vấn đề » mà ra công cấm là « vi phạm quy định về tự do sáng tác ». (« Về mối quan hệ giữa quản lý và tự do sáng tác trong văn học nghệ thuật » — Nhân dân, số 19-3-1988).

Tôi hiểu cái thiện ý của anh muốn bảo đảm một phạm vi rộng rãi cho tự do sáng tác. Nhưng cách đặt vấn đề của anh vẫn chưa chặt chẽ, còn phiến diện, một chiều. Công tác quản lý không thể chỉ « nắm tư tưởng, nắm đường lối » hoặc chỉ thuyết phục bằng lý luận. Vẫn cần phải có những quy định, những chế độ, những « hàng rào » và lúc cần cũng phải có những « lệnh cấm » để bảo đảm quyền tự do sáng tạo cho đại đa số văn nghệ sĩ. Tình trạng sách báo đồi trụy trước 1975 ở Sài gòn gần đây được tung ra bừa bãi ở TP Hồ Chí Minh đã chứng minh rằng không thể để mặc cho các nhà xuất bản « chịu trách nhiệm trước công chúng » mà phải có công tác quản lý, chỉ đạo chặt chẽ. Người chăm sóc vườn hoa sáng tạo không thể không làm cái việc nhổ cỏ dại, trừ sâu bệnh để bảo đảm « chuông của trăm hoa lắc cái nhị vàng giữa dài cánh thắm » (Xuân Diệu).

Tự do sáng tác đi đôi với tự do phê bình. Anh chủ trương « định hướng rộng », ra sức khuyến khích tự do sáng tác, nhưng lại không bảo đảm tự do phê bình và tự do của người quản lý. Anh cho rằng « có lúc chúng ta để rơi vào tình trạng hình như chúng ta có hai đảng : **Đảng làm** và **Đảng duyệt** ! ». Mà trong cái « Đảng duyệt » đó phần lớn lại là « người không làm, ít hiểu biết, phán xét, duyệt, phê ? » (« Đôi điều tâm sự » — Văn nghệ, số 43, ngày 24-10-1987). Đối với phê bình chuyên nghiệp, anh viết : « Tự do phê bình còn cần giải quyết nhiều vấn đề phức tạp hơn. Cần loại bỏ hẳn khái niệm « tác phẩm có vấn đề » với ý nghĩa là phải kiểm tra, phải xem xét » (Cửa việt số 2-1930). Tại sao các nhà quản lý, các nhà phê bình lại không có quyền « xem xét » những

Digitized by Google

«tác phẩm có vấn đề» bị dư luận quần chúng và báo chí lên án như **Phẩm tiết, Quỷ ở với người** của Nguyễn Huy Thiệp, **Thiên đường mù** của Dương Thu Hương, **Nhìn từ xa... Tổ quốc** của Nguyễn Duy, **Ly thân** của Trần Mạnh Hảo, **Những mảnh đời đen trắng** của Nguyễn Quang Lập... Tất nhiên các nhà quản lý, các nhà phê bình phải tôn trọng quyền tự do sáng tác của văn nghệ sĩ và quyền thưởng thức của quần chúng. Tôi thấy cần nói thêm là phát huy tự do dân chủ nhưng phải có định hướng, có lãnh đạo, chứ không thể buông lỏng khâu quản lý cho ai muốn làm gì thì làm, theo cái quan điểm để cho nhân dân «tự chọn lấy món ăn» cho mình. Như vậy là buông lỏng trách nhiệm của nhà phê bình, buông lỏng trách nhiệm của người quản lý. Người sáng tác có quyền tự do sáng tác nhưng đồng thời cũng phải bảo đảm tự do cho nhà phê bình và nhà quản lý, phát hành. Tình trạng buông lỏng khâu quản lý và chỉ đạo đã làm cho thị trường sách báo lộn xộn và nạn vi đề ô đen lan tràn, dư luận quần chúng đã lên án! Buông lỏng khâu quản lý, cho mở ra tùy tiện mà không có định hướng, không phê phán các quan điểm sai lầm, thực chất là chúng ta đã rơi vào cái mà báo chí các nước anh em gọi là «khuynh hướng mị dân» trong quản lý và phê bình văn nghệ, là chúng ta đã ứng dụng nguyên xi thuyết chọn lọc tự nhiên của Đác-uyn trong lãnh đạo văn nghệ. Hoạt động của con người trong chế độ xã hội chủ nghĩa có Đảng lãnh đạo là một hoạt động tự giác, có ý thức, chứ không phải là những hoạt động tự phát, không có định hướng. Khuyến khích và cổ vũ những sáng tạo, đổi mới trong sáng và lành mạnh, uốn nắn những quan điểm và những khuynh hướng lệch lạc, không có nghĩa là hạn chế và cản trở đổi mới, mà chính là mở đường cho tự do sáng tác, cho sự nghiệp đổi mới trong văn học đi đúng hướng và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Digitized by Google

Hợp tác lao động với nước ngoài — Vấn đề và triển vọng

BÙI NGỌC THANH *

HAI năm 1980 – 1981, chính phủ ta đã ký các hiệp định về hợp tác lao động với Liên xô, Cộng hòa dân chủ Đức, Bun-ga-ri và Tiệp-khắc. Ta đã đưa 21 vạn người sang các nước này làm việc và đã thu được những kết quả nhất định. Nhưng từ cuối quý IV – 1989 đến nay, tình hình ở các nước này có những biến đổi nhanh chóng, phức tạp, đã tác động trực tiếp đến người lao động Việt nam.

Ta biết, những hiệp định về hợp tác lao động nói trên là những **hiệp định chính phủ**. Mối quan hệ pháp lý ở đây là mối quan hệ nhà nước. Không những các xí nghiệp sử dụng lao động Việt nam có trách nhiệm, mà các chính phủ đã ký hiệp định cũng hoàn toàn có trách nhiệm với người lao động Việt nam. Hiện nay mối quan hệ này đã có những thay đổi lớn, theo hướng nhà nước thuê lao động giảm dần hiệu lực đối với các cơ sở sản xuất của họ. Trong cải tổ, cải cách, hàng loạt xí nghiệp đã và đang chuyển từ chế độ sở hữu nhà nước sang chế độ sở hữu tập thể hoặc tư nhân, làm cho quan hệ ở những xí nghiệp này từ nay chủ yếu là quan hệ giữa chủ xí nghiệp và thợ.

Trước đây, nhà nước lấy tiền từ ngân sách chi mọi khoản phí tổn cho việc thuê lao động nước ngoài và phân phối số lao động đó cho các xí nghiệp. Bây giờ, xóa bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh, xí nghiệp nào thấy cần thuê lao động nước ngoài thì tự trang trải lấy mọi khoản chi phí. Sự thay đổi này đã làm cho nhiều xí nghiệp chẳng những không muốn nhận thêm lao động nước ngoài mà còn rà soát lại để thải bớt những ai làm việc kém. Trong cuộc cạnh tranh theo cơ chế thị trường đương đầu với hàng hóa phương Tây, nhiều xí nghiệp không đứng vững được, đã phải thu hẹp sản xuất hoặc đóng cửa.

Tình hình nói trên đã dẫn đến, hậu quả xã hội là xuất hiện và tăng nhanh số người thiếu hoặc không có việc làm ở các nước này (kể cả người nước ngoài lẫn người sở tại). Chỉ riêng 300 xí nghiệp ở CHDC Đức 6 tháng đầu năm nay đã dôi thừa 18 ngàn người lao động nước ngoài.

Với hơn 8 vạn ở Liên xô, 6 vạn ở CHDC Đức, 2,1 vạn ở Bun-ga-ri, và 1,4

* Cục trưởng Cục hợp tác quốc tế về lao động, Bộ lao động–thương binh và xã hội

Digitized by Google

vạn ở Tiệp-khắc, lao động Việt nam trong « thời điểm lịch sử này » đã gặp hàng loạt khó khăn. Khoảng 10 đến 25% không đủ việc làm, thu nhập rất thấp. Ngay những người có việc, thu nhập thấp, cũng gặp khó khăn do giá cả tăng nhanh. Hơn nữa, dù giá cao, nhiều thứ hàng họ cần mua, cũng không mua được, hoặc có mua được cũng không có cách nào chuyển được về nước để giúp đỡ gia đình. Đây là khó khăn lớn nhất, cho cả người lao động lẫn cho công tác quản lý.

Ngoài khó khăn nói trên, người lao động Việt nam còn gặp không ít khó khăn về điều kiện ăn ở và sinh hoạt. Ở nhiều nơi, an toàn xã hội cho họ không được bảo đảm. Các vụ xô xát giữa người sở tại với họ xảy ra thường xuyên. Ở một vài nước, phạm nhân chưa hết hạn tù được thả ra đã gây nhiều vụ trấn lột, cướp giật, có trường hợp gây thương tích, thương vong cho người lao động Việt nam. Ngay giữa người lao động Việt nam với nhau, cũng xảy ra không ít chuyện tiêu cực.

Trong khi đó, công tác quản lý không quán xuyến nổi. Tới giữa năm nay chúng ta còn 18 vạn người làm việc ở bốn nước kể trên (hơn 6 vạn hết hạn hợp đồng đã về nước). Đội quân lao động đông đảo này gồm phần lớn là những thanh niên rất năng động, được rải ra trên một địa bàn rất rộng. Ngay ở Tiệp-khắc, nước tiếp nhận số lao động Việt nam ít nhất, việc phân bố cũng rải ra tới 260 xí nghiệp. Còn ở Liên xô, nước có số lao động Việt nam làm việc đông nhất thì việc phân bố rải ra tới 900 xí nghiệp. Có đơn vị làm việc cách thủ đô Mát-xcơ-va trên một vạn ki lô mét. Trong hoàn cảnh đó, các cơ quan quản lý của ta với biên chế ít, không đủ điều kiện nắm đến từng người, từng đội lao động, và cũng không đủ khả năng, đủ điều kiện để xử lí nhanh nhạy từng vụ việc xảy ra hằng ngày, bởi phần lớn những vụ việc ấy không nằm trong **quan hệ lao động** mà thuộc **quan hệ xã hội của lao động**, thuộc những vấn đề về lãnh sự. Hằng ngày, quan hệ lao động chỉ diễn ra trong 8 giờ làm việc, còn quan hệ xã hội của lao động lại diễn ra tới 16 giờ. Cơ quan quản lý lao động mà phải giải quyết hoặc tham gia giải quyết những vấn đề xã hội của lao động như xung đột, xích mích, buôn bán, ly hôn, kết hôn, cư trú, đi lại v.v. thì vừa không phù hợp với chức năng, vừa không đủ cán bộ và thời gian để thực hiện.

Như vậy, những vấn đề đặt ra cho người lao động Việt nam làm việc ở nước ngoài liên quan đến rất nhiều lĩnh vực: có loại liên quan đến **hiệp định gốc giữa các chính phủ**; có loại liên quan trực tiếp đến **người lao động và các xí nghiệp, địa bàn cư trú**; có loại liên quan đến **cơ chế quản lý của ta về lao động**. Chúng ta đã và sẽ phải giải quyết những vấn đề này như thế nào?

Ngay từ cuối năm 1989, căn cứ vào thực trạng nêu trên, chính phủ ta đã chủ trương chủ động đàm phán với các chính phủ liên quan để thỏa thuận trong năm 1990 không đưa thêm lao động Việt nam sang làm việc ở các nước này, mặc dù có nước vẫn có nhu cầu tiếp nhận với số lượng lớn. Thực tiễn cho thấy chủ trương này là đúng đắn. Chúng ta cũng đã chủ động đàm phán với các nước để ký nghị định thư sửa đổi, bổ sung hiệp định, nhằm bảo đảm quyền lợi cho người lao động Việt nam dù ở lại tiếp tục làm việc hay về nước.

Các nghị định thư do bộ trưởng Bộ lao động – thương binh và xã hội, thay mặt chính phủ ta ký với đại diện chính phủ CHDC Đức ngày 13-5-1990, với đại diện chính phủ Bun-ga-ri ngày 23-5-1990, cũng như nghị định thư giữa ta và Liên xô vừa ký trong tháng 7-1990 (đã được công

Digitized by Google

bố trên các phương tiện thông tin đại chúng), nổi bật ba vấn đề lớn:

1 – Tiếp tục khẳng định giá trị pháp lý của các hiệp định liên chính phủ về hợp tác lao động đã ký các năm 1980 – 1981.

2 – Bảo đảm thời gian lao động và lợi ích kinh tế của người lao động Việt nam, như các văn bản nhà nước và các hợp đồng đã ghi.

3 – Bảo đảm an toàn lao động và an toàn xã hội cho người lao động Việt nam trong suốt thời gian làm việc và cư trú tại các nước.

Chẳng hạn, đối với CHDC Đức, nghị định thư xác định: thời gian làm việc của người lao động Việt nam ở các xí nghiệp nước này vẫn là 5 năm, và được đối xử bình đẳng như người lao động CHDC Đức về pháp lý lao động và bảo hiểm xã hội. Theo hiệp định gốc, khi làm việc ở CHDC Đức, người lao động Việt nam không được mang theo gia đình; nay theo nghị định thư điểm này được hủy bỏ.

Các xí nghiệp CHDC Đức sử dụng lao động Việt nam nếu vì lý do bất khả kháng phải giảm lao động trước thời hạn hợp đồng thì người lao động Việt nam được xí nghiệp trả 70% lương thực tế trung bình, tối thiểu 3 tháng; được bố trí nơi ở tại ký túc xá của xí nghiệp cho tới khi về nước; được xí nghiệp trợ giúp trong việc bao gói và gửi tài sản cá nhân về Việt nam; được xí nghiệp trả tiền vé và tổ chức chuyến bay về nước; được một khoản tiền bồi thường một lần do phải kết thúc hợp đồng trước thời hạn v.v.

Nghị định thư ký với Bun-ga-ri và Liên xô cũng có những điểm tương tự. Với Liên xô, nghị định thư còn đề cập đến việc chuyển số lao động Việt nam làm việc ở vùng gần Trec-nô-bưn (nơi xảy ra sự cố điện nguyên tử) đến những nơi khác an toàn trong năm 1990. Hai bên cũng thống nhất nhận định: cần có những biện pháp giải quyết có hiệu quả tình hình lộn xộn, căng thẳng ở sân bay quốc tế Sê-rê-mê-chi-ê-vô 2 – Mát-xcơ-va. Các cơ quan được ủy quyền của hai bên ký kết hiệp định sẽ phối hợp chặt chẽ với các tổ chức có thẩm quyền hữu quan của các bên thực hiện những công việc cần thiết để bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản chính đáng, hợp lý của công dân Việt nam trong thời gian họ cư trú và làm việc ở Liên xô cũng như khi họ rời Liên xô qua sân bay Sê-rê-mê-chi-ê-vô 2..

Về cơ bản, các nghị định thư đã đáp ứng yêu cầu của phía ta, nhưng thực tế còn diễn biến phức tạp, phải theo dõi để xử lý kịp thời những vấn đề cụ thể. Mặt khác, phải nghiên cứu mở rộng và đổi mới lĩnh vực hoạt động này, để đáp ứng nhu cầu về việc làm, góp phần thực hiện các chương trình kinh tế – xã hội.

★

Sau năm 1990, triển vọng hợp tác lao động với nước ngoài sẽ thế nào? Có người tỏ ra bi quan, nhưng trong thực tế, nhiều khả năng còn tiềm ẩn mà ta có thể khai thác và phát huy được. Lao động của ta phần đông cần cù và khéo léo. Đặc biệt, nhiều người tiếp thu rất nhanh kỹ thuật mới, công nghệ mới, nên được các nước bạn hàng ưa thích.

Năm, mười năm tới, ta chưa thể tiếp nhận lao động nước ngoài vào làm việc ở nước ta (trừ lao động chuyên gia), nhưng ta **vẫn có thể đưa người lao động Việt nam đi làm việc ở các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác có nhu cầu**, với ý nghĩa đầy đủ của thuật ngữ « xuất khẩu lao động » – một thuật ngữ mà mấy năm trước đây ta cứ phân vân khi sử dụng. Song, để việc xuất khẩu từ nay trở đi đạt hiệu quả cao như mong muốn, chúng

Digitized by Google

ta phải đổi mới mạnh mẽ hoạt động này.

Trước hết, phải đổi mới mục tiêu và quan niệm. Sức lao động, dưới chế độ tư bản, là loại hàng hóa đặc biệt, bởi khi tiêu dùng thì nó tạo ra giá trị lớn hơn giá trị của nó. Nhưng vì sức lao động bao giờ cũng tồn tại ở những con người cụ thể, nên trong thời đại mới, nhất là ở các nước xã hội chủ nghĩa, tính chất đặc biệt của nó vừa thể hiện ở chỗ tạo ra giá trị mới (giá trị thặng dư), lại vừa thể hiện ở nhân cách, phẩm giá con người. Cho nên, xuất khẩu lao động vừa phải đạt hiệu quả kinh tế, vừa phải bảo vệ được mặt nhân cách và phẩm giá con người của người lao động. Phía người lao động và gia đình cũng cần có quan niệm mới về vấn đề này, chuẩn bị cho mình một tâm thế mới: đi xuất khẩu lao động là tự nguyện đi lao động vất vả, nặng nhọc, phải cố gắng rất nhiều mới đạt hiệu quả trong cơ chế cạnh tranh; khắc phục quan niệm «đi xuất dương», «đi ngoại quốc» để «trúng quả» một cách dễ dàng.

Phải đổi mới căn bản về mặt quản lý của nhà nước. Cũng như nhiều lĩnh vực khác, hoạt động của lĩnh vực này phải có sự lãnh đạo quản lý của nhà nước và sự tổ chức thực hiện cụ thể của các đơn vị kinh tế.

Phía nhà nước, có loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của chính phủ; có loại việc chính phủ giao cho cơ quan chức năng giải quyết. Chính phủ quyết định các chủ trương, phương hướng lớn như: Có cho xuất khẩu lao động hay không? Xuất cho những thị trường nào? Duyệt và ban hành quy chế, điều lệ về xuất khẩu lao động và cho phép các đơn vị kinh tế trực tiếp xuất khẩu trên cơ sở thực hiện đúng đắn quy chế, điều lệ của nhà nước. Giao nhiệm vụ cho các ngành chức năng giải quyết các vấn đề có liên quan ở tầm vĩ mô như việc đưa hàng hóa, ngoại tệ về nước, việc sử dụng tiền xuất khẩu lao động để thanh toán nợ của nhà nước v.v. để các cơ sở kinh tế có thể thực hiện được. Bộ chủ quản, cơ quan chức năng được chính phủ giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về xuất khẩu lao động, phải xây dựng các chủ trương phương hướng, giải pháp lớn, xây dựng quy chế, điều lệ của nhà nước trình chính phủ và hướng dẫn thực hiện sau khi được chính phủ phê duyệt. Bộ chủ quản cũng có trách nhiệm ký kết các hiệp định khung, hiệp định nguyên tắc về xuất khẩu lao động; nghiên cứu các hình thức xuất khẩu và cơ chế quản lý; xây dựng các chế độ, chính sách; thường xuyên kiểm tra và tổng kết rút kinh nghiệm từ hoạt động thực tiễn của các cơ sở kinh tế. Còn các cơ sở kinh tế thì căn cứ vào quy chế, điều lệ nhà nước mà **tiến hành thăm dò thị trường và trực tiếp ký kết các hợp đồng cụ thể về xuất khẩu lao động, và tổ chức thực hiện theo nguyên tắc hạch toán kinh tế, tự chịu trách nhiệm.** Các cơ sở kinh tế này phải tổ chức việc tuyển chọn người đi và quản lý họ trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng ở nước ngoài. Tổ chức thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với họ trước khi đi, trong thời gian làm việc và sau khi về nước. Tổ chức thu, sử dụng, thanh toán ngoại tệ từ kết quả xuất khẩu lao động, làm nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước, v.v.

Đổi mới căn bản về quan niệm, mục tiêu và công tác quản lý theo hướng phân cấp trên đây sẽ tạo sự thông thoáng để mở rộng các hình thức xuất khẩu lao động nhằm đạt hiệu quả kinh tế lớn trong thị trường lao động đang rất nhộn nhịp trên thế giới ngày nay.

Do khó khăn về cơ sở vật chất kỹ thuật, năm, mười năm tới chúng ta chưa thể nhận thầu «trọn gói» bằng lao động + vật tư + máy móc của

Digitized by Google

mình. Dẫu vậy, hình thức nhận thầu cũng có thể rất phong phú. Tùy thực tế sản xuất của từng nơi, có thể áp dụng hình thức **nhận thầu việc** giữa hai tổ chức kinh tế của hai nước. Xí nghiệp nước thuê lao động, theo khối lượng công việc chuẩn bị vật tư, nguyên liệu, nơi ăn ở, đi lại... Còn xí nghiệp nào đó của ta chỉ đưa người sang làm việc. Hình thức này yêu cầu việc ký kết về điều kiện sản xuất phải hết sức chặt chẽ. Xí nghiệp của ta phải tự quản lấy người mình đưa đi xuất khẩu.

Có thể áp dụng hình thức **khoán việc, khoán công đoạn có tính chất độc lập.** Thí dụ, ta có thể nhận công việc cưa xẻ gỗ thành khí, hoặc dập khung máy, khung xe v.v. Tất nhiên, muốn dủ việc làm trong một thời gian thích hợp thì phải tìm ký những hợp đồng có khối lượng công việc lớn. Cũng giống như hình thức thầu « trọn gói », bên thuê phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc làm thường xuyên, còn phía xí nghiệp của ta phải đảm bảo đúng chất lượng sản phẩm.

Cũng có thể áp dụng **hình thức vừa khoán vừa xen ghép.** Phía các công ty, xí nghiệp xuất khẩu lao động không nhất thiết làm một công đoạn, một chi tiết sản phẩm, mà có thể làm nhiều công đoạn, thậm chí làm một sản phẩm hoàn chỉnh như may quần áo trọn bộ. Hoặc cũng có thể đưa người của ta làm xen kẽ với công nhân nước sở tại, như đang làm với một số nước Đông Âu.

Để giúp các xí nghiệp của ta tìm chọn khách hàng và tổ chức tốt việc xuất khẩu lao động theo hình thức mới, có thể thành lập một **tổng công ty** hoặc **công ty trung ương** làm đầu mối ký kết hợp đồng với những đơn vị không có điều kiện đi ký. **Nhưng việc tuyển chọn, việc quản lý người lao động của ta ở nước ngoài, các xí nghiệp có lao động xuất khẩu vẫn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.**

Khi việc xuất khẩu lao động đã được đổi mới, các đơn vị kinh tế của ta trực tiếp ký hợp đồng lao động với các đơn vị kinh tế nước ngoài, thì việc thanh toán giữa các xí nghiệp sẽ rất đa dạng, vì vậy **phải cải tiến việc chuyển trả, sử dụng và thanh toán.** Trường hợp bên thuê lao động trả cho ta bằng ngoại tệ mạnh thì vấn đề sẽ rất đơn giản. Nếu họ thanh toán bằng tiền nước họ, thì phía ta sẽ chỉ nhận phần tiền nội địa đủ chi tiêu cho sinh hoạt hằng ngày của công nhân ta; phần còn lại phải là đồng tiền mậu dịch để có thể chuyển về nước được. Mọi khoản tiền về xuất khẩu lao động đều phải có vật tư, hàng hóa bảo đảm, phải trả đúng, đủ, kịp thời và thanh toán sòng phẳng với người lao động. Để bảo đảm việc thanh toán giữa hai nhà nước (cụ thể là giữa hải quan, ngoại thương, ngân hàng ngoại thương và cơ quan tài chính hai nước), phải có nghị định thư thỏa thuận cụ thể về việc chuyển đưa ngoại tệ, hàng hóa vật tư về nước, vì việc này các đơn vị kinh tế cơ sở trực tiếp ký hợp đồng không thể làm được.

Dù đã qua thể nghiệm gần 10 năm, đến nay việc hợp tác quốc tế về lao động đối với chúng ta vẫn còn mới mẻ. Các chế độ, chính sách đã có trong lĩnh vực này còn đơn giản, không đồng bộ, chưa nói là vì được xây dựng trong thời kỳ bao cấp nên nay không còn thích hợp. Chúng ta đang khẩn trương xây dựng một hệ thống chính sách mới đồng bộ, phù hợp với quan điểm, mục tiêu và hình thức tổ chức mới. Các chế độ, chính sách mới vừa phải tạo điều kiện cho việc hạch toán kinh tế, vừa phải kích thích sự đổi mới, phát triển xuất khẩu lao động đúng hướng và đạt hiệu quả ngày càng cao. Có thể tin rằng, thời kỳ sau năm 1990, lĩnh vực hoạt động này không bế tắc, mà mở ra những triển vọng mới.

Digitized by Google

THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI– NHỮNG TỒN TẠI VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

CAO DUY HẠ *

THỊ trường là tổng thể những điều kiện để thực hiện sản phẩm xã hội, là sức chứa của nền sản xuất hàng hóa, là môi trường để phát triển sản xuất hướng vào mục đích trao đổi mua bán. Thị trường còn là « tín hiệu » nhạy cảm của các hiện tượng kinh tế, xã hội. Nó là một nhân tố không thể thiếu của quá trình tái sản xuất hàng hóa. Muốn đánh giá đúng một thực trạng thị trường cần phải nhìn vào sự chuyển biến của tổng thể các mặt nói trên.

Từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng và đặc biệt từ Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 6 của BCH TƯ Đảng, Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương đổi mới về quản lý kinh tế ở lĩnh vực lưu thông và thị trường như : chủ trương một thị trường xã hội thống nhất theo cơ chế một giá ; các thành phần kinh tế tham gia thị trường được bình đẳng trên cơ sở pháp luật nhà nước ; thừa nhận sự cạnh tranh ; xóa bỏ sự ngăn sông cấm chợ để giải tỏa lưu thông, đảm bảo cho hàng hóa vận động thông suốt trong cả nước... Những chủ trương đó đã tạo ra một số chuyển biến đáng khích lệ trên thị trường xã hội : quỹ hàng hóa cung ứng cho tiêu dùng ngày một tăng ; chất lượng sản phẩm tốt dần lên ; kiểu, mốt, mẫu mã thêm phong phú, đa dạng ; giá cả phải chăng ; đáp ứng được nhu cầu nhiều hình nhiều vẻ của người tiêu dùng. Đặc biệt, có những mặt hàng trước đây thiếu nghiêm trọng, quan hệ cung–cầu thường xuyên căng thẳng gay gắt trên thị trường (như lương thực, thực phẩm, đồ dùng gia đình, một số vật liệu xây dựng...), nay nhờ có chính sách kinh tế đúng, kích thích sản xuất phát triển và điều phối hợp lý trong lưu thông, nên không những đủ để trang trải cho nhu cầu tiêu dùng trong toàn xã hội, mà còn thừa để xuất khẩu với số lượng đáng kể. Giá cả nhiều mặt hàng trên thị trường không còn tình trạng leo thang hằng tháng với tốc độ quá cao như trước đây. Chỉ số tăng giá thị trường hai năm qua bình quân hằng tháng chỉ từ 2% đến 2,5%. Lạm phát được hạn chế, hoạt động của tín dụng ngân hàng đã bước đầu phát huy tác dụng đối với sản xuất và đời sống. Thị trường hoạt động nhộn nhịp hơn và đi theo chiều hướng ngày một tốt lên, đã kích thích sản xuất phát triển và góp phần ổn định dần đời sống nhân dân.

* Học viện Nguyễn Ái Quốc

Digitized by Google

Tuy nhiên, sự chuyển biến của thị trường xã hội ở một số mặt nói trên, mới chỉ là kết quả bước đầu của quá trình chuyển từ một thị trường bị chia cắt làm nhiều mảng và điều hành bằng biện pháp hành chính là chủ yếu, sang một thị trường thống nhất trong cả nước và được điều hành bằng các biện pháp kinh tế là chính. Vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại, nổi cộm cần được tiếp tục giải quyết.

I—Những vấn đề của thị trường xã hội hiện nay

Một, những mặt hàng chiến lược phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống xã hội như gạo, đường, xi măng, phân đạm... vẫn chưa qua khỏi những « cơn sốt » về giá. Giá gạo và xi măng trên thị trường có lúc đột biến tăng tới trên 50%; giá thịt lợn trên thị trường xã hội từ đầu tháng 4-1990 đến nay cũng tăng 20%... Một vấn đề đáng chú ý là sau mỗi « cơn sốt » về giá, kéo giá xuống rất khó khăn: giá gạo, xi măng, phân đạm hiện nay vẫn ở mức cao hơn đầu quý 1 năm 1990 từ 40% đến 50%.

Hai, thị trường nông thôn—một bộ phận lớn của thị trường xã hội—có sức tiêu thụ lớn về tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng, nhưng lại chưa được lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cầm chốt để phục vụ, thực hiện vai trò chủ đạo, điều tiết và hướng dẫn các lực lượng khác theo quỹ đạo xã hội chủ nghĩa. Ở đây, lực lượng tư thương và lực lượng giả danh liên doanh này, liên kết kia, đang hoạt động khá nhộn nhịp. Khi mua hàng của nông dân và thợ thủ công thì họ ép giá, còn khi bán hàng cho nông dân và thợ thủ công thì họ lại nâng giá hoặc tráo loại. Trong khi phải bán thóc và một số nông sản khác cho tư thương với giá quá rẻ, thì nông dân lại phải mua phân đạm và một số vật tư khác của tư thương với giá đắt gấp rưỡi, thậm chí gấp đôi, so với giá nhà nước bán. Như vậy, thực tế một phần thu nhập chính đáng của nông dân và thợ thủ công ở nông thôn hiện nay, đang bị tư thương hoặc một nhóm người giả danh công ty liên doanh này xí nghiệp liên kết nọ, chiếm đoạt bằng thủ đoạn mua rẻ bán đắt.

Ba, hàng nhập lậu từ nước ngoài vào đang tràn ngập thị trường, lấn át hàng nội địa, bóp chết một số ngành sản xuất thủ công trong nước mới ở bước đầu khởi sắc, phát triển chưa đủ sức cạnh tranh với hàng ngoại. Hàng ngoại do nhập lậu, trốn thuế, nên giá bán lại rẻ hơn hàng nội, điều đó càng làm cho hàng nội không thể cạnh tranh với hàng ngoại. Hàng nhập lậu đã làm đình đốn hoạt động của nhiều cơ sở kinh tế quốc doanh chưa quen với cơ chế sản xuất hạch toán kinh doanh và cạnh tranh thị trường. Do nhập lậu bừa bãi, không tính đến quan hệ cung—cầu của xã hội, nên đã dẫn tới hậu quả cả hàng ngoại lẫn hàng nội đều ứ đọng. Chỉ tính riêng thị trường Hà nội số hàng khó tiêu thụ đã lên tới 25 tỷ đồng, một con số không thể chấp nhận được. Nói như vậy, tất nhiên chúng ta không phủ nhận mặt tích cực của hàng nhập khẩu vừa qua là đã làm dịu mâu thuẫn gay gắt giữa cung và cầu, buộc các nhà sản xuất trong nước phải tìm mọi biện pháp để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, giảm phí lưu thông, tạo mốt và tạo dáng các mặt hàng khá hơn.

Bốn, số người mới ra buôn bán và làm dịch vụ lưu thông quá đông. Qua điều tra mới đây ở thị trường Hà nội, số người này so với đầu năm 1989 đã tăng gần 30%; có tới 500 cơ quan đoàn thể tham gia buôn bán ở nhiều lĩnh vực. Tình trạng trên đã gây thêm sự lộn xộn; nạn lừa đảo, cướp giật và các tệ nạn khác trong xã hội có xu hướng tăng thêm.

Năm, trước tình hình pháp quy, quy trình và quy phạm về lưu thông hàng

Digitized by Google

hóa (như kinh doanh phải đăng ký, phải nộp thuế doanh thu cho nhà nước...) không được thực hiện nghiêm túc, các cơ quan quản lý hành chính và luật pháp chưa có biện pháp giải quyết tích cực.

Nguyên nhân của những vấn đề nói trên là do :

1 – Chúng ta chưa xây dựng được quỹ hàng hóa « bảo hiểm » lưu thông, nhà nước cũng chưa quan tâm chỉ đạo vấn đề này. Thương nghiệp quốc doanh thì lo tránh hàng tồn kho để khỏi phải trả lãi ngân hàng nhiều. Còn ngân hàng tín dụng thì chưa có chính sách ưu đãi lãi suất đối với vốn cho vay để dự trữ hàng hóa « bảo hiểm » lưu thông. Vì vậy, mỗi khi giá những mặt hàng chiến lược phục vụ sản xuất và đời sống tăng đột biến, chúng ta đối phó rất bị động và hiệu quả rất thấp. Hiện nay, trên thị trường xã hội, giá một số mặt hàng chiến lược vẫn bấp bênh.

2 – Những quy trình và quy phạm về lưu thông hàng hóa **chưa được chế định thành văn bản pháp quy một cách đầy đủ và đồng bộ**, cho nên mỗi vùng, mỗi địa phương có thể hiểu và thực hiện theo kiểu khác nhau, ai đúng, ai sai không rõ ràng. Các cơ quan hành chính được nhà nước giao cho việc quản lý và thi hành luật pháp lưu thông thì chưa kiên quyết ; thậm chí có trường hợp cán bộ quản lý và thi hành luật pháp bị bọn gian thương mua chuộc đã làm ngơ cho chúng tự do hoạt động.

3 – Trong quá trình đổi mới các hoạt động lưu thông hàng hóa, ngành thương nghiệp ở một số lĩnh vực, một số khâu thường nhấn mạnh mặt hạch toán, kinh doanh để thu lợi nhuận cao, chưa chú ý đúng mức mặt phục vụ sản xuất và đời sống theo mục đích, yêu cầu của kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

4 – Nhiều cơ quan, đoàn thể không có chức năng buôn bán đã tham gia buôn bán bất chấp mọi luật lệ về lưu thông, tìm cách trốn thuế, tranh mua, tranh bán, tranh xuất, tranh nhập, gây lộn xộn trên thị trường và khó khăn cho các cơ quan quản lý, thi hành luật pháp.

II — Những biện pháp để khắc phục tình hình trên

1 – Nhà nước phải cho ngành thương nghiệp xây dựng quỹ hàng hóa dự trữ « bảo hiểm » lưu thông, đặc biệt là đối với những mặt hàng chiến lược phục vụ sản xuất và đời sống ; và phải cấp đủ vốn cho sự hình thành quỹ đó. Đồng thời, nhà nước cũng là người quản lý vĩ mô đối với quỹ đó, kịp thời sử dụng quỹ đó để ngăn chặn và giải quyết những « cơn sốt » giả đối với những mặt hàng chiến lược.

Trong nền kinh tế hàng hóa với cơ chế « thị trường – kế hoạch – cạnh tranh » và sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, hơn nữa nền kinh tế đó lại đang trong quá trình vận động từ nhỏ lên lớn, thì sự biến động đột xuất của giá cả những mặt hàng mà cung chưa theo kịp cầu là khó tránh khỏi. Bài học rút ra từ những « cơn sốt » giả gạo, đường, xi măng, phân đạm thời gian qua đã cho thấy rõ nếu mậu dịch quốc doanh có quỹ hàng hóa dự trữ kịp thời tung ra thị trường thì có thể nhanh chóng kéo được giá xuống và đưa nó về thế ổn định tương đối. Kinh nghiệm cũng đã cho thấy, sử dụng biện pháp hành chính trong trường hợp này là không hiệu nghiệm.

Nhà nước cần thường xuyên kiểm tra quỹ hàng hóa dự trữ « bảo hiểm » lưu thông trong ngành thương nghiệp, không để xảy ra tình trạng có cấp vốn mà không có quỹ đó vì vốn cấp đã bị sử dụng vào việc khác. Thực tế cho thấy, có những huyện đã xuất

Digitized by Google

hàng ngàn tấn lương thực dự trữ ra bán lấy tiền gửi tiết kiệm thu lời bất chính; có tỉnh đã đem hàng tỷ đồng vốn nhà nước cấp để mua lương thực dự trữ, chia cho các cơ quan để họ kinh doanh hoặc gửi tiết kiệm lấy lãi tiêu xài bừa bãi. Tôi đề nghị thể chế hóa việc đảm bảo quỹ hàng hóa dự trữ « bảo hiểm » lưu thông và sử dụng quỹ đó đúng lúc, đúng chỗ, thành một điều khoản trong luật pháp lưu thông của nhà nước đối với ngành thương nghiệp.

2 — Ngành thương nghiệp (bao gồm cả thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán) cần phân công lực lượng cắm chốt ở thị trường nông thôn để vừa phục vụ, vừa đóng vai trò chỉ đạo, điều tiết và định hướng phát triển của thị trường. Đặc biệt, cần củng cố lực lượng hợp tác xã mua bán để sức làm thay mậu dịch quốc doanh, đảm đương tốt nhiệm vụ đại lý mua và bán tuyệt đại bộ phận nhu cầu bán và mua của nông dân và thợ thủ công ở nông thôn, đồng thời, tự khai thác hàng địa phương và mở rộng kinh doanh, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Hợp tác xã mua bán phải trở thành một « thương gia » có đủ kinh nghiệm và đủ sức tham gia thị trường nông thôn để không chỉ phục vụ sản xuất và đời sống, mà còn đóng vai trò chủ thể, chi phối và hướng hoạt động của tư thương và các lực lượng thương nghiệp khác theo quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

3 — Trong quá trình đổi mới, các hoạt động của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải xóa bỏ bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh, gắn mua và bán với nhu cầu thị trường, nhưng vẫn phải quán triệt đầy đủ quan điểm kết hợp kinh doanh với phục vụ, không thể coi trọng mặt này xem nhẹ mặt kia.

Kinh doanh phải có lãi, nhưng không thể chạy theo lãi mà bất chấp những quy tắc của thị trường, trốn thuế, nhập lậu, tăng giá... Phục vụ là bản chất của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, nhưng phục vụ không có nghĩa là bao cấp. Người tiêu dùng không đòi hỏi thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải lỗ vốn vì phục vụ họ, mà họ yêu cầu được phục vụ trên cơ sở có sự trao đổi, mua bán sòng phẳng theo yêu cầu của quy luật giá trị. Phục vụ có nghĩa là thương nghiệp phải cố gắng thỏa mãn mọi nhu cầu của xã hội trong điều kiện sản xuất cho phép; đảm bảo chất lượng hàng hóa tốt, giá cả hợp lý; đảm bảo kịp thời, mua bán được thuận tiện, văn minh. Hạch toán kinh doanh chính là để phục vụ tốt; phục vụ tốt lại tạo điều kiện để phát triển hạch toán kinh doanh và phát huy tính ưu việt của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Kết hợp tốt kinh doanh với phục vụ trong các hoạt động mua và bán của thương nghiệp là để đảm bảo cho lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa thực sự trở thành nòng cốt, chi phối và điều khiển mọi hoạt động của thị trường xã hội diễn ra một cách trật tự và văn minh, tạo môi trường tốt cho sản xuất hàng hóa phát triển. Đồng thời, đảm bảo cho các lực lượng thương nghiệp tham gia thị trường, cũng như người sản xuất và người tiêu dùng, có được phần lợi ích chính đáng thông qua trao đổi mua bán.

Vừa qua, trong đổi mới hoạt động kinh doanh, nhiều công ty và xí nghiệp thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chỉ nặng về mặt hạch toán để thu nhiều lãi, chưa quán triệt đầy đủ mặt phục vụ. Vì vậy, nhiều công ty và xí nghiệp thương nghiệp đã khoán trắng cho cửa hàng, cửa hàng lại khoán trắng cho nhân viên mua bán, chỉ cốt sao hằng tháng mỗi nhân viên đó thu về cho công ty và cửa hàng một số tiền nhất định. Trong khi đó ở vỉa hè, trên đường phố, ngã

Digitized by Google

ba, bến bãi, đâu đâu người ta cũng có thể chen lấn nhau căng lều, bạt, giải chiếu manh bày bán la liệt đủ loại mặt hàng. Thật mất mỹ quan, đâu còn là văn minh thương nghiệp! Cần khẩn trương xóa bỏ ngay những nghịch cảnh đó trên thị trường xã hội.

Tôi nghĩ, dù hoàn cảnh nào, thương nghiệp quốc doanh cũng không được khoán trắng. Khoán trắng thực chất là «tư nhân hóa» thương nghiệp quốc doanh, biến bộ máy quản lý — từ công ty đến cửa hàng — thành người đi đốc thuế, thu thuế trái ngành trái nghề. Cần nghiên cứu cơ chế khoán trong thương nghiệp quốc doanh thế nào để vừa phù hợp với thực tế thị trường, vừa bảo đảm cho nhà nước vẫn quản lý và định hướng được hoạt động của thương nghiệp quốc doanh trên thị trường xã hội. Muốn vậy, khoán phải dựa trên cơ sở kế hoạch và đi đôi với hạch toán; khoán phải gắn kinh doanh với phục vụ. Đối với thương nghiệp quốc doanh là lực lượng nòng cốt trên thị trường xã hội, khoán là để đạt hiệu quả kinh doanh cao, nhưng không được vì hiệu quả kinh doanh cao mà làm yếu vai trò chủ đạo của thương nghiệp quốc doanh trên thị trường xã hội. Cần rà soát lại toàn bộ các khâu (từ việc tổ chức mua bán, cơ chế quản lý trong thương nghiệp và quan điểm thu lời cho đến việc phân bố mạng lưới cửa hàng, trạm bán buôn, bán lẻ, dịch vụ, chuyên doanh tổng hợp, cố định hay lưu động) để có thể chủ động tạo ra một thị trường xã hội trật tự, văn minh trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

4 — Nhà nước quy định chặt chẽ việc nhập khẩu và kiên quyết chống nhập lậu.

Trong thời đại ngày nay, khi phân công lao động và sản xuất hàng hóa ở nhiều lĩnh vực đã mang tính chất đa quốc gia, thì việc xuất nhập khẩu hàng hóa ở mỗi nước là một tất yếu khách quan. Nhưng nhập bao nhiêu, nhập hàng gì, vào lúc nào, phải được tính toán đầy đủ, coi như một nguyên tắc, không thể tùy tiện hành động theo kiểu tự phát, vô chính phủ. Tình trạng nhập lậu hàng ngoại bừa bãi ở nước ta vừa qua đã gây ra nhiều lộn xộn trên thị trường xã hội và gây cho chúng ta không ít khó khăn về kinh tế và xã hội. Để khắc phục tình trạng này, theo tôi, cần tuân thủ những nguyên tắc sau đây về nhập hàng ngoại:

— **Một là**, những hàng trong nước không thể sản xuất được và xã hội có nhu cầu tiêu dùng thật sự không thể bỏ qua, thì có thể nhập 100% nhu cầu xã hội đòi hỏi.

— **Hai là**, những hàng trong nước sản xuất được và đã cố gắng khai thác đến mức tối đa nhưng vẫn không bảo đảm được nhu cầu tiêu dùng hợp lý của xã hội, thì có thể nhập phần còn thiếu hụt; tuy nhiên, cần tính toán giá bán sao để không dẫn đến chỗ: người tiêu dùng không muốn dùng hàng nội.

— **Ba là**, những hàng trong nước có đủ khả năng sản xuất để thỏa mãn nhu cầu xã hội, thì kiên quyết không nhập để kích thích sản xuất trong nước phát triển và tiết kiệm chi tiêu ngoại tệ. Tư nhân hay cơ quan, đoàn thể nếu nhập lậu hàng ngoại, sẽ bị xử lý cả về kinh tế và hành chính. Nghĩa là vừa bị tịch thu toàn bộ số hàng nhập lậu (để nộp vào ngân sách nhà nước) vừa bị thi hành kỷ luật về mặt hành chính.

— **Bốn là**, không nên có nhiều đầu mối làm nhiệm vụ nhập khẩu hàng ngoại. Ở nước ta hiện nay đầu mối có thể là bộ thương nghiệp.

(Xem tiếp trang 68)

Digitized by Google

Hoàn thiện hệ thống tổ chức ngân hàng

LÊ VĂN *

THỰC hiện quá trình đổi mới hệ thống ngân hàng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, đầu năm 1988, Hội đồng bộ trưởng ban hành Nghị định 53 chuyển ngân hàng sang hoạt động kinh doanh tiền tệ. Mô hình hệ thống ngân hàng này nhằm đưa hoạt động tiền tệ – tín dụng ra khỏi cơ chế cũ, đi vào hạch toán kinh doanh, phù hợp với nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, giảm bớt mức độ độc quyền trong công tác ngân hàng. Cũng như trong các lĩnh vực khác, sự độc quyền trong công tác ngân hàng không những đã làm mất đi những kích thích nội tại để các ngân hàng tự hoàn thiện, mà còn gây tác hại cho nền kinh tế quốc dân. Chỉ cần ban lãnh đạo ngân hàng nhà nước thông qua một quyết định không thích hợp về tiền tệ – tín dụng là không chỉ một vài đơn vị kinh tế, mà cả nền kinh tế quốc dân đều bị ảnh hưởng xấu. Cải cách ngân hàng theo mô hình Nghị định 53 có nghĩa là tách riêng hai chức năng phát hành và kinh doanh của ngân hàng. Chức năng phát hành vẫn do ngân hàng nhà nước đảm nhiệm như trước đây, còn chức năng kinh doanh trước đây cũng do ngân hàng nhà nước đảm nhiệm thì nay chuyển sang cho các ngân hàng chuyên doanh đảm nhiệm. Tuy nhiên, mô hình này cũng chỉ là mô hình quá độ, có những yếu tố mới, đồng thời cũng còn nhiều yếu tố cũ: sự giảm dần mức độ độc quyền của ngân hàng sẽ tạo điều kiện cho việc hình thành và phát triển thị trường tiền tệ, thị trường vốn; nhưng sự bùng nổ về hoạt động ngân hàng (các quỹ tín dụng mọc lên rất nhiều...) lại là vấn đề cần được xem xét, uốn nắn kịp thời.

Trong quá trình thảo luận về xây dựng mô hình hệ thống ngân hàng theo hướng **tập trung toàn bộ công tác ngân hàng vào một hay nhiều loại ngân hàng**, có nhiều ý kiến cho rằng: nên chọn **mô hình hệ thống ngân hàng hai cấp** (ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại), vì mô hình này cho phép giải quyết có hiệu quả những vấn đề thứ bậc trong quản lý

* Phó tiến sĩ kinh tế học

Digitized by Google

các quan hệ tiền tệ – tín dụng phù hợp với tính đa dạng và phức tạp của nền sản xuất hàng hóa, bảo đảm hiệu lực quản lý vĩ mô nền kinh tế.

Theo mô hình này, hệ thống ngân hàng sẽ được thiết kế lại theo hướng sau đây:

1 – **Ngân hàng nhà nước** là ngân hàng thực hiện sự quản lý nhà nước đối với các loại ngân hàng và tổ chức tín dụng, cũng như đối với các hoạt động tiền tệ, tín dụng và thanh toán trong cả nước. Ngân hàng nhà nước có quan hệ trực tiếp với các loại ngân hàng và tổ chức tín dụng về các hoạt động tiền tệ, tín dụng và thanh toán, thông qua luật pháp của nhà nước và các công cụ kinh tế (lãi suất, chiết khấu, thị trường vốn, thị trường tiền tệ...). Ngân hàng nhà nước không trực tiếp cho các đơn vị kinh tế – xã hội và dân cư vay, nhưng có nghiệp vụ chuyên môn để thu lãi thông qua các công cụ quản lý đối với các ngân hàng thương mại, các ngân hàng đầu tư và phát triển, các tổ chức tín dụng.

Ngân hàng nhà nước không trực tiếp chỉ huy các loại ngân hàng khác. Tác động của ngân hàng nhà nước đối với các loại ngân hàng khác được thực hiện thông qua các biện pháp kinh tế, thông qua việc thu lãi các nguồn vốn cấp cho họ. Đồng thời, ngân hàng nhà nước phối hợp hoạt động với các loại ngân hàng khác trong những vấn đề quan trọng nhất của chính sách tiền tệ, trong lĩnh vực tín dụng và chính sách lãi suất. Ngân hàng nhà nước phối hợp chủ yếu với các ngành kinh tế tổng hợp để thực hiện tốt các biện pháp quản lý và thúc đẩy kinh tế phát triển ở tầm vĩ mô, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội do Đảng và Nhà nước đề ra.

2 – **Các ngân hàng thương mại** là các ngân hàng hoạt động theo nguyên tắc tự chủ tài chính, hạch toán kinh tế độc lập và kinh doanh về tín dụng (chủ yếu là tín dụng ngắn hạn) và dịch vụ ngân hàng đối với mọi tổ chức kinh tế – xã hội và dân cư. Ngân hàng thương mại được thành lập dưới nhiều hình thức khác nhau (quốc doanh, hợp doanh, cổ phần...), với những quy mô và trình độ nghiệp vụ thích ứng với các loại hình sản xuất, kinh doanh trên các địa bàn kinh tế của cả nước, số lượng không hạn chế mà tùy thuộc vào nhu cầu tín dụng và thanh toán ở các tụ điểm kinh tế – xã hội.

Ngân hàng thương mại **quốc doanh** được ngân sách nhà nước cấp vốn ban đầu và được bổ sung trong quá trình hoạt động. Loại ngân hàng này, phải làm đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách như một xí nghiệp quốc doanh.

Ngân hàng thương mại **hợp doanh và cổ phần** được hình thành trên cơ sở tự nguyện góp vốn và chia lãi. Các ngân hàng thương mại hoạt động theo nguyên tắc hạch toán kinh tế và tự chủ tài chính, thực hiện bình đẳng trong sản xuất kinh doanh giữa ngân hàng với các đơn vị kinh tế (khách hàng có thể lựa chọn ngân hàng, và ngân hàng có thể lựa chọn khách hàng). Quan hệ giữa người cho vay và người đi vay đã hoàn toàn thay đổi so với trước. Nếu trước kia, ngân hàng đóng vai trò giám sát, còn các xí nghiệp (là người đi vay) phải báo cáo, giải trình..., thì nay cơ chế này đã thay đổi. Lần đầu tiên trong lịch sử phát triển hệ thống ngân hàng Việt nam, chúng ta thấy ngân hàng không còn đóng vai trò giám sát mà đóng vai trò **bạn hàng** hay **bạn kinh doanh** của các xí nghiệp.

Trách nhiệm về kinh tế và cả về mặt luật pháp đối với các hoạt động của ngân hàng thương mại, đều hoàn toàn thuộc về những người sáng lập và những cổ đông (các ngân hàng cổ phần và cổ phiếu cũng là bạn hàng

Digitized by Google

của khách hàng của mình). Điều này kích thích họ quan tâm tới việc loại trừ những khả năng cho vay vượt quá nguồn vốn (còn gọi là cho vay **tự động**, cho vay **tạo ra tiền gửi tưởng tượng**), quan tâm tới kết quả cuối cùng của việc cho vay: nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực tín dụng của khách hàng. Nguyên tắc tự chịu trách nhiệm đòi hỏi những người lãnh đạo các ngân hàng thương mại và các cộng sự của họ phải có bản lĩnh nghề nghiệp cao, không chỉ có học vấn về kinh tế mà còn phải có kinh nghiệm về công tác ngân hàng. Tiếc rằng, gần 10 năm qua, đội ngũ cán bộ ngân hàng ở nước ta chỉ có kinh nghiệm về các hoạt động ngân hàng nhà nước (vì ngoài ngân hàng nhà nước, chúng ta không có loại ngân hàng nào khác). Do đó, cần thay đổi cách đào tạo cán bộ ngân hàng trong các trường đại học và trung học, kể cả việc đào tạo lại cán bộ ngân hàng dưới các hình thức khác nhau.

; Việc tổ chức các ngân hàng thương mại dưới nhiều hình thức khác nhau (quốc doanh, trên cơ sở cổ phần và cổ phiếu...) là bước đầu tiên để tạo lập thị trường tiền tệ, thị trường vốn, dẫn tới sự cạnh tranh trong công tác ngân hàng. Do đó, phải bảo đảm cho các ngân hàng đó khả năng ngang nhau trong việc huy động và phân bổ nguồn vốn nhàn rỗi, bảo đảm sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các thành phần kinh tế, theo đúng pháp luật của nhà nước. Các ngân hàng thương mại có thể chủ động quy định mức lãi suất, cho cả vốn huy động và cho vay.

Các ngân hàng thương mại quy mô nhỏ và vừa, mang tính địa phương là chủ yếu, có khả năng giải quyết kịp thời những nghiệp vụ phát sinh hàng ngày ở mỗi địa phương (người dân có thể gửi tiền vào và rút tiền ra tại các ngân hàng nơi họ cư trú), góp phần quan trọng vào việc ổn định lưu thông tiền tệ.

Các ngân hàng thương mại đủ phát triển đến mức cao, cũng không thể lấn át hay xóa bỏ các hợp tác xã tín dụng. Xóa bỏ hợp tác xã tín dụng có nghĩa là thu hẹp trên thực tế các quan hệ hàng hóa—tiền tệ, làm giảm khả năng sử dụng tín dụng của những người lao động cá thể. Cần duy trì và phát triển các hợp tác xã tín dụng theo đúng luật pháp quy định để có thể tích tụ vốn tiền tệ của dân cư, cho các xã viên vay được thuận tiện, góp phần dân chủ hóa công tác ngân hàng ở mức độ lớn hơn.

Tất nhiên, việc thành lập các ngân hàng thương mại đặt ra những vấn đề mới trong việc kế hoạch hóa tín dụng ở tầm vĩ mô và kế hoạch hóa tín dụng theo lãnh thổ, trong công tác thanh toán, phân bổ quỹ cho vay. Kế hoạch hóa tín dụng và công tác thanh toán là những vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải thường xuyên có được những số liệu về người bán và người mua, về số vốn vay mượn (hiện nay chưa có được những thông tin như vậy). Các ngân hàng chuyên doanh cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý sản xuất kinh doanh và với từng đơn vị kinh tế là khách hàng của mình, để đầu tư tín dụng có hiệu quả, phát huy được vai trò quản lý và kiểm soát bằng đồng tiền của ngân hàng.

3 — **Các ngân hàng đầu tư và phát triển** là các ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và phát triển, có chức năng chủ yếu là cho vay vốn trung hạn và dài hạn. Các ngân hàng đầu tư và phát triển kinh doanh về dịch vụ ngân hàng đối với các tổ chức kinh tế—xã hội và dân cư; góp phần thực hiện chính sách cơ cấu kinh tế của nhà nước; có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán kinh tế; được tổ chức theo các hình thức quốc doanh, hợp doanh, cổ phần...

Digitized by Google

Ngân hàng đầu tư và phát triển quốc doanh được ngân sách nhà nước cấp vốn và được vay vốn của ngân hàng nhà nước, vay vốn của nước ngoài để đầu tư vào các dự án phát triển theo lãi suất tài trợ.

Ngân hàng đầu tư và phát triển cổ phần hoạt động bằng vốn cổ phần đóng góp và vốn huy động, có thể vay vốn của ngân hàng nhà nước và của nước ngoài theo quy định của ngân hàng nhà nước.

Các ngân hàng đầu tư và phát triển phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân hàng nhà nước, tuân thủ luật pháp và các quy định của ngân hàng nhà nước.

★

Nền kinh tế nước ta có nhiều yếu tố thuận lợi để có thể nhanh chóng vượt qua các khó khăn trước mắt. Sẽ thành công trong quá trình đổi mới quản lý kinh tế, nếu chúng ta không phạm phải những thiếu sót về chính sách tiền tệ và mô hình hệ thống ngân hàng. Xây dựng mô hình hệ thống ngân hàng trong điều kiện nước ta, không phải là một vấn đề đơn giản có thể giải quyết trong thời gian ngắn. Không thể giải quyết tốt vấn đề này chỉ bằng trí tuệ và kinh nghiệm của một dân tộc hoặc của một nhóm dân tộc đang xây dựng chủ nghĩa xã hội với «điểm xuất phát» và hoàn cảnh rất khác nhau. Thật ra, trong mô hình hệ thống ngân hàng nêu trên, có một số yếu tố tương đồng trong một chừng mực, một phạm vi nào đó với hệ thống ngân hàng hiện nay trong các nước tư bản, bởi vì ngành ngân hàng luôn luôn chứa đựng nhiều yếu tố «quốc tế hóa» hơn so với các ngành khác. Nói như vậy, đương nhiên không có nghĩa chúng ta sẽ từ bỏ chủ nghĩa xã hội để đi sang phía chủ nghĩa tư bản. Hiện nay, chưa có mô hình hệ thống ngân hàng nào chỉ có ưu điểm mà không có thiếu sót. Để có một mô hình hệ thống ngân hàng thích hợp với điều kiện cụ thể của nước ta, chúng ta không có cách nào khác là vận dụng một cách sáng tạo và hoàn thiện không ngừng những mô hình đã có.

Digitized by Google

« Bộ đội cụ Hồ » — Khái niệm và « vấn đề »

P.C.

45 năm chính quyền nhân dân đã khắc sâu trong tâm khảm người dân Việt nam hình ảnh « Anh bộ đội Cụ Hồ ».

Có lẽ không ai hiểu rõ khái niệm « Bộ đội Cụ Hồ » hơn nhân dân — bởi chính nhân dân trìu mến tặng cho những cán bộ, chiến sĩ con em của mình danh hiệu cao quý đó.

Lời nói súc tích, ngắn gọn về « Bộ đội Cụ Hồ » là lời của Bác trong dịp kỷ niệm lần thứ 20 Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt nam (22-12-1964) mà chúng ta luôn luôn nhắc đến:

« Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng ».

Đó là lời tuyên dương quân đội ta, là sự tổng kết bản chất cách mạng và truyền thống tốt đẹp của quân đội ta, cũng là tư tưởng của Bác về xây dựng quân đội nhân dân Việt nam.

Song, trong quá khứ và cả hiện nay, nhận thức về khái niệm « Bộ đội Cụ Hồ » không phải không có « vấn đề ».

1 — Chúng ta còn nhớ có một thời kỳ chúng ta đã vô tình (hay cố ý — muốn cho gọn chăng?) cắt mất một đoạn quan trọng trong khái niệm rất súc tích về « Bộ đội Cụ Hồ » vừa nêu trên. Đoạn quan trọng bị cắt là « sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội ».

Nên hiểu cả đoạn nói súc tích của Bác Hồ về quân đội ta — bộ đội Cụ Hồ — như thế nào?

Ở Trường lục quân Trần Quốc Tuấn từ năm 1946, Bác Hồ đã nói: « Trung với nước, hiếu với dân ». Như vậy, đối với quân đội ta, trung với Đảng, trung với nước là một. Không thể chỉ nói trung với Đảng mà không nói trung với nước; ngược lại không thể nói trung với nước mà lại không trung với Đảng. Đương nhiên, điều đó không có nghĩa tất cả mọi người yêu nước đều phải là đảng viên cộng sản; nhưng đã là đảng viên cộng sản thì nhất định phải là người yêu nước.

Digitized by Google

Vấn đề này vẫn còn nóng bỏng tính thời sự. Trong công cuộc cải tổ, đổi mới, đã có khuynh hướng đòi xét lại vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản đối với đất nước nói chung và đối với quân đội nói riêng; đã có ý kiến cho rằng trung với Đảng là vấn đề của đảng viên thôi, còn đối với quân đội thì chỉ là trung với nước, với dân tộc! Đồng thời, cũng có quan niệm chỉ muốn nói đến sự lãnh đạo của Đảng, mà không nói đến quyền lực của Nhà nước đối với quân đội.

Đảng ta cho rằng nói giữ vững nguyên tắc về sự lãnh đạo của Đảng không phải vì cái gì khác, không phải vì những cái ghế của một số đảng viên nào đó, mà chính là vì lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân, của dân tộc, của Tổ quốc. Đó là giải quyết vấn đề dân tộc, Tổ quốc, nhân dân, trên lập trường đúng đắn của giai cấp công nhân. Bởi lẽ, trong thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chỉ có Đảng cộng sản mới là đại biểu chân chính của dân tộc, đại biểu lợi ích của nhân dân. Nhân danh dân tộc và nhân dân để phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, gạt bỏ sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, đòi « phi chính trị hóa » quân đội, thực chất là muốn đưa nhân dân và dân tộc đi vào quỹ đạo khác, sớm hay muộn cũng làm biến chất quân đội nhân dân thành quân đội của giai cấp khác. Ta cần đề phòng và nghiêm trị những phần tử xấu và các thế lực thù địch chống Đảng, chống chế độ, phản bội Tổ quốc, nhưng lại nhân danh dân chủ và đổi mới, mang chiêu bài nhân dân và dân tộc.

Mặt khác, có cá nhân đảng viên hay tổ chức đảng nào đó phạm khuyết điểm, sai lầm, bị quần chúng phê phán một cách chính đáng; hoặc có chủ trương, chính sách nào đó của Đảng và Nhà nước ta chưa phản ánh đúng đắn lợi ích của nhân dân và dân tộc, được nhân dân phê bình một cách xây dựng, thì không nên và vội cho như thế là chống Đảng, là phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng! Để tiếp tục lãnh đạo dân tộc, để nhân dân tiếp tục chấp nhận sự lãnh đạo của Đảng một cách tự nguyện, thì Đảng ta phải tự đổi mới trước tiên trong công cuộc đổi mới chung của đất nước, như đã thể hiện bước đầu từ Đại hội VI của Đảng đến nay.

Theo tư tưởng của Bác Hồ, Đảng với nhân dân, với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, gắn bó với nhau làm một. **Bản chất cách mạng của Bộ đội Cụ Hồ là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội.**

Nay lại có người muốn đặt lại vấn đề quan hệ giữa Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, cho rằng: đi theo chủ nghĩa tư bản, như các nước công nghiệp mới (NIC$_s$), vẫn có độc lập và phát triển?! Họ không thấy mặt trái của các nước NIC$_s$. Họ muốn giải quyết vấn đề dân tộc không phải trên lập trường của giai cấp công nhân và vì lợi ích của nhân dân lao động, mà là trên lập trường tư sản, theo định hướng tư bản chủ nghĩa. Họ còn cho rằng: quân đội đứng ngoài chính trị, quân đội chỉ là của dân tộc! Như vậy là phủ nhận bản chất giai cấp của quân đội, của nhà nước. Thực chất là họ muốn quân đội ta đứng ngoài chính trị xã hội chủ nghĩa, quân đội chỉ là của dân tộc theo nghĩa tư sản. Họ cũng phủ nhận bản chất giai cấp của vấn đề dân tộc, thực chất là phủ nhận dân tộc theo quan điểm vô sản và — có ý thức hay không — đẩy xuống dân tộc theo quan điểm tư sản.

Nâng cao bản chất cách mạng, nâng cao giác ngộ chính trị của bộ đội Cụ Hồ, trước hết là nhận thức và giải quyết đúng đắn mấy vấn đề cơ bản nêu trên đây trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong công cuộc đổi mới hiện nay. Không phải cái gì khác: Đảng và nhân dân, Tổ quốc và chủ

Digitized by Google

nghĩa xã hội, độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân — đó chính là **lý tưởng** cách mạng của cán bộ và chiến sĩ ta, là **mục tiêu phấn đấu** của quân đội ta.

2 — Trong khái niệm « Bộ đội Cụ Hồ », người ta thường nói nhiều về bản chất cách mạng của nó — như đã nêu ở trên. Điều đó đương nhiên là đúng, nhưng e rằng chưa đủ, rất không đủ. Bản chất cách mạng không phải là mục đích tự thân, không phải là cái gì tốt đẹp chỉ để ngưỡng mộ, ngắm nhìn và tôn thờ! Bản chất cách mạng phải thể hiện thành hành động cách mạng và phải đạt được mục đích của cách mạng. Hành động cách mạng và kết quả đạt được lặp đi lặp lại trong thực tiễn lịch sử từ năm này qua năm khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác, trở thành **truyền thống cách mạng**.

Vì vậy, có lẽ trong khái niệm « Bộ đội Cụ Hồ » mà Bác Hồ khái quát, cần phải hiểu có **hai vế thống nhất**:

— **Một**, là **bản chất cách mạng**: « trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội ».

— **Hai**, là **truyền thống cách mạng**: « nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng ». Có thể nói gọn đó là **truyền thống quyết chiến quyết thắng, truyền thống vô địch, truyền thống chiến thắng**. Đương nhiên, để tạo nên truyền thống chung đó, có nhiều truyền thống cụ thể (đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn...).

Khái quát lại, bộ đội Cụ Hồ phải là **một đội quân cách mạng và chiến thắng**.

Làm thế nào để luôn luôn là đội quân chiến thắng? Chắc chắn phải giải quyết nhiều vấn đề về tổ chức, trang bị, cách đánh, lãnh đạo và chỉ huy... trong đó luôn luôn **phải lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở**.

Đây là một **nguyên tắc xây dựng** quân đội cách mạng, không bao giờ được buông lỏng, cần được **vận dụng một cách rất sáng tạo, rất khoa học**, phù hợp với từng đối tượng cán bộ và chiến sĩ, với cơ sở vật chất kỹ thuật của quân đội, với tình hình trong nước và thế giới của mỗi thời kỳ.

Đã qua rồi thời kỳ mà nói đến bộ đội cụ Hồ là nói đến người nông dân mặc áo lính, đến anh « vệ túm » hiền lành, mũ nan, áo trấn thủ, dép cao su và bao gạo, súng trường... Trên các nẻo đường chống Mỹ, đã có rất nhiều người lính của chúng ta là học sinh trung học, sinh viên đại học, con em của công nhân, nông dân, trí thức xã hội chủ nghĩa... Ngày nay quân đội ta lại có thêm những giáo sư và phó giáo sư, tiến sĩ và phó tiến sĩ, và không phải không thể có cả những nhà bác học đội mũ deo sao... Còn vũ khí và phương tiện chiến tranh như thế nào thì chúng ta cũng đã biết. Nhu cầu về vật chất và tinh thần, về tình cảm và trí tuệ của những đối tượng này — tuy tất cả **vẫn là « Anh bộ đội Cụ Hồ »**, nhưng đã khác xa anh « vệ túm » ngày xưa (hoặc phải nói thêm là anh « vệ túm » ngày xưa đã khác xa ngày nay); và giữa từng đối tượng cụ thể ấy cũng rất khác nhau. Đặc biệt, những biến động lớn hiện nay ở đất nước ta, ở Liên xô, các nước Đông Âu và trên toàn thế giới, đang tác động thường xuyên và mạnh mẽ đến đời sống nội tâm của họ, đến tư duy của họ, và luôn luôn làm nảy sinh trong họ những nhu cầu mới cần được đáp ứng. Không chỉ nhu cầu vật chất mà cả nhu cầu trí tuệ; cả nhu cầu được đối xử một cách dân chủ, thân ái, bình đẳng, được tôn trọng nhân cách, và nhu cầu được thông tin về những tiến triển mới nhất trong nước và trên cả hành

Digitized by Google

tinh... Nếu cán bộ và chiến sĩ ta không chỉ đói bụng mà đói cả thông tin – một loại thực phẩm cao cấp của trí tuệ – thì họ không thể phát triển năng lực và nhân cách một cách toàn diện, và do đó, cũng khó có thể xây dựng được một lập trường chính trị thật khoa học, thật kiên định, một bản lĩnh chính trị vừa vững vàng vừa sắc bén trong mọi tình huống phức tạp hiện nay.

Cần xem xét và giải quyết việc xây dựng quân đội nói chung, xây dựng quân đội về chính trị nói riêng, gắn với toàn xã hội, với tất cả các tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Chúng ta nhận thức quân đội là một tổ chức chặt chẽ, có tính riêng và tương đối hoàn chỉnh: chúng ta phải phát huy cao độ nỗ lực chủ quan để xây dựng quân đội. Quân đội phải tích cực tham gia đời sống xã hội, tham gia vận động quần chúng chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước, xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng kinh tế, góp phần chống tiêu cực xã hội. Quân đội là một đội quân chính trị đặc biệt. Mặt khác, quân đội là **một bộ phận của cơ thể xã hội**, không thể không mang những ưu điểm và khuyết tật của xã hội. Những đúng đắn và thiếu sót của các tổ chức trong hệ thống chính trị nhất định tác động và in dấu ấn trong quân đội. Vì vậy trong xây dựng quân đội nói chung, xây dựng quân đội về chính trị nói riêng, chúng ta không ỷ lại và đổ tại khách quan, đồng thời cũng không ảo tưởng muốn nhanh chóng thanh toán những hiện tượng tiêu cực này khác trong quân đội. Bài học trông thấy là: nếu sự lãnh đạo của Đảng cộng sản bị suy yếu, chính quyền nhà nước lung lay, đất nước khủng hoảng cả về kinh tế và chính trị, thì quân hùng tướng mạnh cũng bị vô hiệu hóa.

Chúng ta lại trở lại một nguyên lý rất cũ nhưng cũng rất mới: xây dựng quân đội, phát huy bản chất và truyền thống « Bộ đội Cụ Hồ », chỉ có thể là và phải là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân dưới sự lãnh đạo của Đảng. **Có « Đảng Cụ Hồ », có « dân Cụ Hồ » mới có thể có « Bộ đội Cụ Hồ »**

Digitized by Google

Dân chủ hóa nhà trường

NGUYỄN ĐỨC MINH *

DÂN chủ hóa nhà trường là cơ sở của dân chủ hóa nền giáo dục quốc dân — một bộ phận hợp thành quan trọng của dân chủ hóa toàn bộ đời sống xã hội theo tinh thần Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VI).

Dân chủ hóa nhà trường và sự nghiệp giáo dục không phải là chủ trương và việc làm hoàn toàn mới mẻ. Nó đã được đặt ra và thực hiện ngay từ những ngày đầu sau Cách mạng Tháng Tám 1945, khi Đảng và Nhà nước ta đề ra chính sách « diệt giặc dốt » song song với « diệt giặc ngoại xâm » và « diệt giặc đói », phấn đấu thực hiện mong muốn tột bực của Bác Hồ là làm sao cho « ai nấy đều có cơm ăn áo mặc, đều được học hành ». Về dân chủ hóa giáo dục, một nền giáo dục dân chủ mới của dân, do dân và vì dân, đã hình thành ngay trong khói lửa cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Từ chỗ là đặc quyền của một thiểu số dân cư thuộc tầng lớp trên của xã hội, việc đi học đã trở thành quyền của mọi công dân được ghi rõ trong Hiến pháp, và một màng lưới trường lớp rộng khắp đã được xây dựng trên mọi miền của đất nước, tạo điều kiện học tập cho trẻ em thuộc mọi tầng lớp nhân dân. Một trong những thành tựu to lớn của dân chủ hóa giáo dục là trẻ em và thanh niên không phân biệt nam hay nữ, không phân biệt dân tộc thiểu số hay đa số, đều được đối xử bình đẳng trong giáo dục. Đối với trẻ em chịu thiệt thòi, đặc biệt là trẻ em bị tật nguyền như câm điếc, mù lòa, chậm phát triển trí tuệ... Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương xây dựng hệ thống trường đặc biệt để các em được học tập văn hóa và học nghề, nhằm đưa các em trở lại với cuộc sống bình thường và bình đẳng với mọi thành viên khác trong xã hội. Việc phấn đấu bảo đảm cho hầu hết trẻ em ở độ tuổi đi học và phần lớn những người lao động dưới 40 tuổi đạt được trình độ học vấn cơ bản (trước mắt là trình độ cấp I phổ thông) thể hiện một cố gắng lớn của xã hội ta trong việc dân chủ hóa nền giáo dục.

Riêng về dân chủ hóa nhà trường, những cố gắng và kết quả đáng kể đã được thể hiện rõ nét trong việc xây dựng và thực hiện mục tiêu, nội

* Giáo sư, Phó viện trưởng Viện khoa học giáo dục Việt nam

Digitized by Google

dung, phương pháp giáo dục và dạy học, trong việc tổ chức và quản lý nhà trường hơn 40 năm qua. Mặc dầu còn rất nhiều vấn đề, song các hoạt động giáo dục và dạy học của nhà trường chúng ta đều nhằm mục tiêu đào tạo thế hệ trẻ thành những người lao động kiểu mới cho tương lai, đặt cơ sở ban đầu cho việc hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa, trong đó ý thức và năng lực làm chủ của người công dân được coi trọng. Đông đảo giáo viên có kinh nghiệm, nhất là những thầy giáo, cô giáo dạy giỏi, đã không ngừng cải tiến **phương pháp giáo dục và dạy học** theo phương hướng hiện đại hóa, nhân văn hóa và dân chủ hóa nhằm phát huy cao độ tính tích cực, tính chủ động và tinh thần làm chủ của học sinh trong quá trình học tập và rèn luyện, đồng thời điu dắt học sinh theo nguyên tắc tâm lý — sư phạm « tôn trọng nhân cách của học sinh đi đôi với yêu cầu cao đối với các em ». Về mặt dân chủ hóa công tác tổ chức và quản lý nhà trường, tuy còn có mặt hạn chế, nhà trường của chúng ta hiện nay nói chung vẫn là một trong những thiết chế xã hội thể hiện được tương đối rõ tinh thần dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Tuy vậy, bên cạnh những cố gắng và thành tựu nhất định trong việc dân chủ hóa nhà trường và nền giáo dục, không ít vấn đề tồn tại đang ngày càng bộc lộ rõ rệt. Thực chất của dân chủ hóa nhà trường, dân chủ hóa giáo dục, là bảo đảm quyền được học tập, quyền được giáo dục và đào tạo của thế hệ trẻ, của nhân dân lao động trong cả nước, nhưng hơn bốn chục năm qua, chúng ta vẫn chưa tạo ra được những điều kiện cần thiết và đủ để thu hút hết trẻ em đi học đúng độ tuổi ; tình trạng lưu ban và bỏ học vẫn còn khá phổ biến và đáng lo ngại (trên dưới 20% hằng năm, ở nhiều nơi chỉ còn 50% học sinh học hết lớp 5, v.v.). Mục tiêu của nhà trường là đào tạo thế hệ trẻ thành những người lao động kiểu mới tương lai, có đủ ý thức và năng lực làm chủ đất nước, đáp ứng được những yêu cầu của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng trong quá trình đào tạo còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại nên chưa thực hiện được đúng như mong muốn của xã hội. Trước hết, về trình độ kiến thức văn hóa, học sinh phần lớn mới đạt mức trung bình, chủ yếu là về mặt nhớ kiến thức, thực chất là chưa nắm vững kiến thức cơ bản. Tình hình học tập như vậy tất yếu dẫn đến sự yếu kém về các phẩm chất trí tuệ như năng lực trừu tượng hóa, khái quát hóa, phân tích, tổng hợp, tính linh hoạt và tính sáng tạo. Về mặt đạo đức, tư tưởng, một bộ phận đáng kể học sinh chưa chăm học, chưa có tinh thần kỷ luật tự giác, chưa đạt yêu cầu « con ngoan, trò giỏi », nhiều em còn nói tục và hay gây gổ, đánh nhau, làm mất trật tự ở nơi công cộng, một số em đã có hành vi phạm pháp nghiêm trọng. Còn về sức khỏe, thể lực, trẻ em ta nói chung ở dưới mức trung bình về phát triển của trẻ em trên thế giới, còn mắc nhiều bệnh như giun sán, cong vẹo cột sống, bàn chân bẹt, kém thị lực, v.v. Trẻ em bị tật nguyền như điếc câm, mù lòa, chậm phát triển trí tuệ, v.v với mức độ nặng nhẹ khác nhau, chiếm tới 0,61% số dân ở độ tuổi chưa trưởng thành và đang ở trong hoàn cảnh bị thất học. Thêm vào đó, nội dung, phương pháp giáo dục và dạy học đang còn trên đường đổi mới theo yêu cầu của cải cách giáo dục nhằm khắc phục một số nhược điểm đang tồn tại như quá tải, thiếu thực hành, chưa chuẩn bị tốt cho thế hệ trẻ thành người lao động mới năng động, sáng tạo, người công dân có tinh thần làm chủ xã hội, có năng lực xây dựng và bảo vệ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Công tác quản lý nhà trường chưa chuyển mạnh theo hướng phân cấp, mở rộng

Digitized by Google

quyền tự chủ cho cơ sở. Ngay trong phạm vi nội bộ trường học, các hoạt động tự quản của học sinh chưa được quan tâm đúng mức, năng lực tự quản của học sinh chưa được đánh giá đầy đủ và do đó chưa được phát huy mạnh mẽ. Chế độ thi và tuyển sinh chưa được cải tiến theo hướng đánh giá toàn diện và khách quan thực chất trình độ của học sinh, công khai hóa việc chấm thi, v.v. do đó, chưa thể hiện được đầy đủ sự công minh và dân chủ trước yêu cầu của xã hội, khiến cho nhiều học sinh chán nản, mang nặng tâm lý «thất bại chủ nghĩa» trước ngưỡng cửa cuộc đời. Đây là chưa kể đến tình trạng yếu kém về cơ sở vật chất và thiết bị trường học đã ảnh hưởng xấu đến chất lượng đào tạo con người mới: trường sở xây dựng bán kiên cố khá phổ biến, lớp học thiếu nên sĩ số học sinh mỗi lớp quá đông, trường học ít nhất là «2 ca» mỗi ngày, không tổ chức được việc chăm sóc, giáo dục học sinh cả ngày. Học sinh đến trường khoảng 4 giờ hàng ngày, còn lại 20 giờ sống với gia đình và xã hội, song hai môi trường giáo dục này còn nhiều vấn đề tồn tại, chưa có tác dụng giáo dục tích cực đối với thế hệ trẻ.

Như vậy, rõ ràng do những thiếu sót và nhược điểm của bản thân công tác giáo dục trong thời gian qua, với những điều kiện vật chất và kỹ thuật rất hạn hẹp của nhà trường, chất lượng giáo dục và đào tạo những người chủ tương lai của đất nước đang trở thành mối lo chung của toàn xã hội. Có rất nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan đã và đang gây nên tình trạng này, song xét đến cùng là do vai trò và vị trí của nhà trường và giáo dục trong chiến lược con người và trong sự nghiệp phát triển kinh tế — xã hội chưa được mọi người nhận thức đầy đủ, và do đó, việc đầu tư cho sự nghiệp bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau theo Di chúc của Bác Hồ chưa được tất cả các cấp, các ngành có trách nhiệm quan tâm đúng mức, giải quyết kịp thời và cơ bản theo đúng quan điểm của Đảng ta về chiến lược con người — tiền đề của chiến lược kinh tế và xã hội. Nếu dân chủ hóa giáo dục và nhà trường được hiểu đúng và bảo đảm cho mỗi người quyền được học, học tốt và có chất lượng cao, thì chính đây là một trong những vấn đề quan trọng nhất, cấp bách nhất của cải cách xã hội — một sự nghiệp lớn của toàn xã hội.

★

Phương hướng chung của quá trình dân chủ hóa nhà trường trong những năm trước mắt nhằm vào mấy điểm sau đây:

1— Trên cơ sở giáo dục cho học sinh có ý thức về trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, ý thức sống và làm việc theo pháp luật, nhà trường sẽ chỉ đạo cho học sinh biết thực hiện quyền dân chủ của mình trong học tập và rèn luyện bản thân, trước hết là biết phát huy tính tích cực, tính chủ động, tính năng động và sáng tạo trong các giờ học trên lớp và ngoài lớp, đề cao tinh thần tự học, tự rèn luyện để trở thành chủ thể tự giác của quá trình giáo dục và đào tạo.

2— Thực hiện quyền dân chủ của giáo viên, cán bộ giáo dục trong công tác giáo dục và dạy học đi đôi với việc đề cao ý thức trách nhiệm của công dân và nghĩa vụ của người thầy giáo trong nhà trường xã hội chủ nghĩa. Phát huy tính sáng tạo trong công tác giáo dục và dạy học, tính năng động và quyền làm chủ trong công việc nhà trường của giáo viên để huy động mọi tiềm năng sư phạm

Digitized by Google

của đội ngũ giáo viên, cán bộ giáo dục vào việc hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã đề ra cho năm học theo yêu cầu của cải cách giáo dục nhằm đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế—xã hội.

3— Tăng cường quyền chủ động của nhà trường, thực hiện dân chủ và công khai trong việc quản lý nội bộ trường học, kết hợp chế độ thủ trưởng với nguyên tắc tập trung dân chủ. Nâng cao vai trò của tổ chức công đoàn và tổ chức đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức quần chúng tự quản khác trong việc quản lý nhà trường dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng. Thu hút các lực lượng xã hội, đặc biệt là cha mẹ học sinh, tham gia các hoạt động của nhà trường nhằm quản lý và giáo dục tốt con em.

4— Tăng cường thể chế hóa mọi mặt hoạt động của nhà trường nhằm đặt cơ sở pháp lý cho việc thực hiện dân chủ hóa nhà trường và giáo dục. Sớm ban hành luật phổ cập giáo dục cấp I phổ thông, ban hành các quy chế điều lệ về nhà trường và công tác quản lý giáo dục theo tinh thần dân chủ xã hội chủ nghĩa và kết hợp mở rộng dân chủ với giữ gìn kỷ luật, bảo đảm kỷ cương trong nhà trường, tiến thêm một bước trong việc xã hội hóa nhà trường và giáo dục nhằm từng bước làm cho nhà trường và giáo dục thực sự là sự nghiệp chung của nhà nước và toàn dân.

Dân chủ hóa nhà trường đang đặt ra nhiều vấn đề mới cho công cuộc cải cách giáo dục ở nước ta. Trước hết, trong mục tiêu giáo dục thế hệ trẻ của nhà trường chúng ta sẽ nổi lên một yêu cầu mới là coi trọng việc đào tạo thanh thiếu nhi thành những người lao động và công dân có tinh thần dân chủ xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là có ý thức trách nhiệm và năng lực làm chủ xã hội, làm chủ đất nước. Nhằm đáp ứng yêu cầu đó, toàn bộ nội dung giáo dục của nhà trường đang được đổi mới theo hướng bảo đảm tính cơ bản, tính hiện đại và tính phù hợp với thực tế đất nước. Đây chính là cốt lõi của dân chủ hóa quá trình đào tạo (giáo dục và dạy học) của nhà trường thuộc các ngành học như giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục bổ túc và đào tạo, bồi dưỡng giáo viên. Lấy ngành học phổ thông làm ví dụ, có thể thấy rõ nội dung chương trình, sách giáo khoa mới, nội dung bài giảng của giáo viên hiện nay đã bước đầu có những đổi mới quan trọng nhằm thực hiện dân chủ hóa việc dạy và học. Tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa nhân văn cộng sản, niềm tin vào cách mạng, vào đường lối đổi mới của Đảng ta, vào sức mạnh và năng lực sáng tạo của nhân dân là những vấn đề được đặc biệt coi trọng trong các môn học xã hội. Môn giáo dục công dân mới được xây dựng, trong đó có bộ phận quan trọng là giáo dục pháp luật đi đôi với giáo dục tinh thần dân chủ xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị cho thế hệ trẻ biết sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Chương trình giáo dục lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông được đề cao hơn trước và có vị trí xứng đáng trong kế hoạch đào tạo của nhà trường.

Trong hệ thống kiến thức khoa học xã hội và tự nhiên, một số lĩnh vực học vấn mới đã hình thành nhằm bồi dưỡng cho những người lao động và công dân tương lai ý thức và năng lực làm chủ của mình. Đó là giáo dục bảo vệ môi trường sống, giáo dục dân số và chất lượng cuộc sống, giáo dục đời sống gia đình và giới tính. Các môn khoa học tự nhiên đều được đổi mới theo hướng hiện đại hóa nhằm giúp cho những người chủ tương lai của đất nước nắm bắt kịp thời những thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện đại của thế giới như công nghệ sinh học, điện tử và tin học...

Digitized by Google

Phương pháp giáo dục và dạy học của giáo viên cũng đang được cải tiến từng bước theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong giờ học và kích thích các em tự học, tự rèn luyện ngoài giờ lên lớp. Nguyên tắc sư phạm «càng tôn trọng nhân cách học sinh bao nhiêu thì càng yêu cầu cao đối với các em bấy nhiêu» đã được phần đông giáo viên thực hiện, đặc biệt là các giáo viên giỏi của nhà trường trong cả nước. «Tất cả vì học sinh thân yêu», vai trò gương mẫu của nhà giáo... là những đòi hỏi cách mạng đối với những người làm nhiệm vụ của «kỹ sư tâm hồn thế hệ trẻ» trong việc tự hoàn thiện nhân cách nhà giáo. Đây cũng là một nhân tố quan trọng góp phần đẩy mạnh dân chủ hóa quá trình đào tạo của nhà trường xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Về dân chủ hóa công tác **quản lý nhà trường**, một số không ít những yêu cầu mới đang được đặt ra, đã bắt đầu và đang được giải quyết từng bước. Trước mắt nhà trường cần phấn đấu để thực hiện tốt việc quản lý theo phương pháp dân chủ, công khai và công bằng đi đôi với việc giữ vững nền nếp và kỷ cương. Đẩy mạnh phong trào thi đua «dạy tốt, học tốt» theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và quyền làm chủ của giáo viên trong quá trình giáo dục và dạy học. Tổ chức tốt mối quan hệ thầy trò trong nhà trường và giữa nhà trường với các lực lượng xã hội tham gia giáo dục học sinh. Từng bước thực hiện quyền tự chủ của nhà trường về kế hoạch giáo dục và dạy học ngắn hạn, dài hạn, về tài chính và cơ sở vật chất — thiết bị, về tổ chức, cán bộ, đây là vấn đề rất mới và cũng là vấn đề khó nhất vì muốn thực hiện thì phải thực sự đổi mới tư duy về quản lý giáo dục và quản lý kinh tế.

★

Để bảo đảm cho việc dân chủ hóa nhà trường được thực hiện một cách có hiệu quả, cần tạo ra những nhân tố cơ bản và cần thiết trong quá trình tiếp tục triển khai và điều chỉnh cải cách giáo dục hiện nay cũng như sau này.

Vấn đề cơ bản của dân chủ hóa nhà trường và giáo dục là thực hiện quyền **được học** của thế hệ trẻ và người lao động trong cả nước. Về mặt này, biện pháp trước mắt cũng như lâu dài là phổ cập giáo dục : giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non, giáo dục bổ túc. Phải đặc biệt coi trọng phổ cập giáo dục phổ thông và trước mắt nhanh chóng phổ cập giáo dục cấp I trong những năm cuối thế kỷ này. Ở những vùng xa xôi hẻo lánh, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cần triển khai chương trình cấp I rút ngắn (100 tuần và 120 tuần) cho học sinh lớn tuổi. Đa dạng hóa các loại hình trường lớp, từng bước mở rộng các lớp hệ «B» và cho mở các trường dân lập theo quy chế ban hành nhằm thỏa mãn nhu cầu học tập của thế hệ trẻ. Những trường lớp «không chính quy» này, mặc dù chỉ có tính giai đoạn, nhưng rất phù hợp với nguyện vọng mở rộng giáo dục của nhân dân. Các trường chuyên, lớp chọn cần được cải tổ và mở rộng dần để thu hút ngày càng nhiều trẻ em có khuynh hướng hoặc năng khiếu riêng, phục vụ đắc lực cho chiến lược nhân tài của đất nước. Cần gấp rút xây dựng các trường lớp đặc biệt cho trẻ em bị khuyết tật như điếc câm, mù lòa, chậm phát triển trí tuệ... thành một hệ thống giáo dục, một ngành học mới nhằm tạo điều kiện cho trẻ bị khuyết tật được hưởng quyền đi học và được đào tạo thành người lao động và sống bình đẳng trong cộng đồng xã hội. Thực trạng xã hội cũng đang đòi hỏi phải củng cố các trường đặc biệt để giáo dục các trẻ em chưa trưởng thành nhưng đã phạm tội,

Digitized by Google

đây là biểu hiện của chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa cao đẹp của chế độ ta. Dạy nghề phổ thông và tiến tới phổ cập dạy nghề cho thanh niên, thiếu niên là chuẩn bị thiết thực cho thế hệ trẻ thực hiện quyền dân chủ của mình. Từ nay đến năm 2000, cần ra sức phấn đấu chống nạn mù chữ, thực hiện tốt việc xóa nạn mù chữ trong thiếu niên và những người lao động còn sung sức. Nói chung quyền **được học** là một vấn đề không đơn giản. Nó phải được thực hiện trên cơ sở đạt được mục tiêu giáo dục bằng con đường giáo dục toàn diện, giúp cho mọi người thích ứng được với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, cho thế hệ trẻ không bỡ ngỡ khi bước vào đời, sớm làm chủ được bản thân, làm chủ được xã hội.

Quyền **được học** phải gắn liền với khả năng **học được**. Không tạo điều kiện cho trẻ em **học được** thì quyền **được học** chỉ là khẩu hiệu suông về dân chủ. Biện pháp cấp bách trước mắt là ra sức loại trừ tình trạng « quá tải » của việc dạy và học ở nhà trường hiện nay. Phải gấp rút « tinh giản » chương trình, sách giáo khoa, bài giảng của giáo viên theo hướng « ít mà tinh ». Đồng thời kiên quyết đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong việc lĩnh hội kiến thức, tăng cường tự học và tự rèn luyện trong thế hệ trẻ. Cần dành từ 20 đến 30% nội dung dạy học và giáo dục cho những hiểu biết về địa phương để học sinh hiểu rõ quê hương mình, vì phần lớn học sinh ra trường sẽ ở lại xây dựng quê hương, cần có năng lực và ý thức làm chủ chính quê hương mình. Trên thực tế, không thể tuyệt đối « cào bằng » trình độ học vấn phổ thông trong cả nước, mà phải chấp nhận, dù chỉ trong một giai đoạn lịch sử tương đối ngắn, nhiều trình độ học vấn phổ thông khác nhau theo sự phân vùng khác nhau, để rồi tiến tới sự thống nhất hoàn toàn về trình độ học vấn theo một chiến lược giáo dục lâu dài. Để thế hệ trẻ **học được**, xã hội đang đòi hỏi ngành giáo dục phải xem xét lại chế độ thi cử hiện hành, kiên quyết cải tiến nó theo hướng dân chủ hóa và công khai hóa, công bằng, hợp lý, chống nạn lưu ban và bỏ học hàng loạt như hiện nay.

Việc dân chủ hóa công tác **quản lý nhà trường** cũng đang đòi hỏi phải có những biện pháp mạnh mẽ và thiết thực. Điều cơ bản nhất là phải từng bước mở rộng quyền tự chủ cho nhà trường theo hướng phân cấp rõ ràng, dứt khoát cho cơ sở, khắc phục tình trạng tập trung quan liêu, võ đoán và áp đặt đối với nhà trường còn tương đối phổ biến ở nhiều nơi. Các lực lượng xã hội, cả môi trường giáo dục xã hội và gia đình, đặc biệt là hội cha mẹ học sinh, có vị trí quan trọng trong việc xã hội hóa giáo dục và nhà trường, tích cực giúp nhà trường và giáo dục thoát khỏi thế « đơn thương độc mã » trong sự nghiệp đào tạo thế hệ trẻ. Cần thể chế hóa hoạt động của nhà trường, xây dựng lại và ban hành thêm một số điều lệ, quy chế về nhà trường với những yêu cầu mới về dân chủ hóa. Luật phổ cập giáo dục cấp I cần sớm được ban hành. **Học được, được học** và **được sử dụng** sau khi học xong là ba mặt của quyền dân chủ trong giáo dục đối với thế hệ trẻ.

Với nhận thức mới về sự nghiệp đào tạo thế hệ trẻ, cần coi học sinh trong nhà trường của chúng ta không chỉ là đối tượng tiếp thu các tác động giáo dục, mà còn là chủ thể tích cực của toàn bộ quá trình đào tạo con người mới. Cuộc vận động dân chủ hóa nhà trường là nhân tố rất quan trọng để biến khả năng « tự vận động » đó của học sinh thành hiện thực. Biện pháp cơ bản nhất là đổi mới cơ chế

Digitized by Google

quản lý nhà trường theo hướng phát huy cao độ năng lực tự quản của học sinh, nâng cao vai trò của các tổ chức tự quản của thanh niên và thiếu nhi trong nhà trường, động viên thế hệ trẻ phát huy mạnh mẽ tính tích cực, năng động và tự chủ của bản thân trong quá trình học tập và rèn luyện.

Không thể nâng cao được chất lượng giáo dục, dân chủ hóa được nhà trường, nếu không chăm lo tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật của quá trình giáo dục và dạy học, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhà giáo. Bởi vậy, **tăng cường đầu tư** cho giáo dục, cho nhà trường là điều tất yếu. Ngoài việc tăng thêm đầu tư của nhà nước cho giáo dục khoảng 12 – 15% ngân sách, cần quy định lại và thể chế hóa các nguồn đầu tư khác từ các lực lượng kinh tế – xã hội trong nước cũng như ngoài nước.

Sau cùng, không thể không nhấn mạnh một điều quan trọng là dân chủ hóa nhà trường và giáo dục do **dân chủ hóa xã hội** quy định. Nhà trường không thể tự mình đơn độc thực hiện dân chủ hóa được nếu không có môi trường dân chủ xung quanh nó. Bởi vậy, việc chống tiêu cực trong đời sống xã hội nói chung, đặc biệt trong quản lý kinh tế – xã hội nói riêng, làm trong sạch môi trường xã hội và gia đình, ra sức đấu tranh để lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, v.v. là cơ sở vững chắc và tiền đề không thể thiếu được của việc dân chủ hóa nhà trường và giáo dục.

THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI...

(Tiếp theo trang 53)

5 – Tập trung chức năng buôn bán và nhiệm vụ tổ chức quản lý thị trường xã hội vào một đầu mối.

Toàn bộ khâu lưu thông, từ bán buôn, bán lẻ, dịch vụ cho đến xuất, nhập khẩu, phải được tổ chức và quản lý thống nhất theo quy luật kinh tế khách quan và luật pháp hành chính của nhà nước. Kiên quyết không để các cơ quan hành chính, đoàn thể... không có chức năng buôn bán lại buôn bán ở ngoài vòng quản lý và kiểm soát của luật pháp lưu thông hàng hóa. Cần tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát của ngân hàng, tài chính, hải quan đối với các tổ chức và cá nhân làm nghề buôn bán, không trừ một ai. Bất cứ ai vi phạm luật pháp, quy trình và quy phạm lưu thông hàng hóa, đều bị xử lý theo đúng pháp luật.

6 – Nhà nước, với tư cách là người quản lý hành chính – kinh tế ở tầm vĩ mô của xã hội, cần sớm hoàn thiện « bộ luật » về công tác tổ chức và quản lý thị trường xã hội áp dụng thống nhất trong cả nước. « Bộ luật » này phải bao gồm những điều khoản tương đối cụ thể, phù hợp với một thị trường đang còn có nhiều lực lượng kinh tế khác nhau cùng tham gia, và theo tôi nghĩ, phải là « công cụ » để nhà nước có thể quản lý và hướng thị trường xã hội hoạt động một cách trật tự, văn minh, theo đúng quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

HÃY COI CHỪNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI

NGUYỄN PHÚC ÂN
(T.P. Hồ Chí Minh)

TRONG tất cả các hiện tượng tiêu cực hiện nay, thì những biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội là vấn đề bức xúc, nổi cộm và ám ảnh nặng nề hơn cả. Không phải ngẫu nhiên mà đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã lưu ý chúng ta rằng: «Phải hết sức tỉnh táo, đề phòng chủ nghĩa cơ hội có chiều hướng phát triển» (1).

Chủ nghĩa cơ hội tuy chưa phải là một thực thể chính trị có tổ chức, thậm chí đôi khi nó rất mơ hồ, vô hình, vô ảnh, nhưng lại xuất hiện ở khắp nơi, trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, và thực sự nó có một sức mạnh ma quái làm đảo điên biết bao số phận, tạo ra biết bao oan khúc, làm vẩn đục bầu không khí đạo đức và tâm lý xã hội, làm rỉ máu lương tâm và tạo ra vết đen trong tâm khảm con người.

Chủ nghĩa cơ hội là một thứ giặc nội xâm, một thứ ung nhọt nằm sẵn trong cơ thể xã hội, hằng ngày, hằng giờ vừa gặm nhấm, dục khoét, vừa tạo ra sự lây lan ô nhiễm bởi những độc tố mang mầm bệnh hoạn, làm khánh kiệt tài nguyên vật chất, làm tan rã sức mạnh tinh thần, làm hủy hoại nhân cách và xói mòn niềm tin, làm triệt tiêu động lực cách mạng và đào hố ngăn cách giữa Đảng với quần chúng.

Chủ nghĩa cơ hội vừa là bạn đồng minh vừa là cái cớ để các thế lực chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội bôi bẩn và báng bổ sự lãnh đạo của Đảng ta và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tác hại của chủ nghĩa cơ hội là nghiêm trọng, nguy cơ của chủ nghĩa cơ hội là rõ ràng. Nhưng việc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội lại hết sức khó khăn, khó khăn hơn nhiều so với truy quét bọn tội phạm hình sự. Bởi vì, kẻ cơ hội giống hệt những con lươn, có tài luồn lách, lẩn tránh pháp luật.

Mặc dù vậy, bản chất xấu xa của kẻ cơ hội vẫn bộc lộ qua những nét đặc trưng cơ bản sau đây:

— **Một là:** họ sống rất cá nhân, ngạo ngược. Chủ nghĩa cá nhân ở con người cơ hội là một thứ chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cực đoan. Họ có tham vọng rất lớn không phải chỉ trong ý nghĩ mà còn biểu hiện rất

(1) Bài nói của đồng chí Tổng bí thư với cán bộ hưu trí trung, cao cấp trong dịp xuân Canh Ngọ

Digitized by Google

quyết liệt bằng hành động. Họ làm bất cứ việc gì cũng xoay quanh động cơ vụ lợi. Họ kiếm chác, hà lạm, đục khoét để làm giàu cho cá nhân và phe nhóm, không chú ý gì tới lợi ích của Đảng và của nhân dân. Tiền không phải do lao động của họ làm ra, nên họ tha hồ phung phí. Một số thì lao vào con đường ăn chơi phè phỡn, sa đọa trụy lạc. Một số thì tỏ ra khôn ngoan lõi đời theo kiểu đóng kịch đạo đức, chôn giấu hàng trăm lượng vàng mà miệng vẫn ngậm thuốc rê chờ thời như trong vụ án Đồng nai mà chúng ta đều biết.

— **Hai là**: gian ngoan xảo quyệt. Do có tham vọng lớn nên kẻ cơ hội thường dùng mọi thủ đoạn để đạt được mục đích. Họ biết cách đi sâu vào ngõ ngách tâm lý, biết lợi dụng những điểm yếu, sơ hở, mất cảnh giác của con người để lường gạt. Họ thường dối trên, lừa dưới, làm ăn theo kiểu mua giáo, lọc lừa, biến lận. Trong mọi quan hệ đều mang tính chất mờ ám. Họ là những kẻ đầu cơ trong tất cả các lĩnh vực; biến cuộc đời thành cái chợ mà trong đó mọi quan hệ đều theo kiểu « tiền trao cháo múc », cái gì cũng có giá, càng khó khăn thì giá càng cao.

— **Ba là**: kẻ cơ hội biết tận dụng cơ hội, biết khai thác tối đa cơ hội. Cơ hội đó chính là kẽ hở trong quản lý, sự yếu kém của cán bộ lãnh đạo, tệ quan liêu, sự lỏng lẻo của pháp luật, sự buông lơi công tác tư tưởng và tổ chức... Kẻ cơ hội không bao giờ muốn tình hình ổn định, không bao giờ muốn có nền nếp kỷ cương và cũng không bao giờ muốn rõ ràng sòng phẳng. Họ chỉ muốn xới tung mọi việc, mọi vấn đề lên, để đục nước béo cò; vẽ vời bày đặt ra đủ trò, đủ chuyện, cái dễ biến thành khó, cái tốt biến thành xấu, cái hợp lý biến thành bất hợp lý; xiết chặt chỗ này, buông lỏng chỗ kia, xoay như chong chóng, tạo ra cảnh vòng vo, xô bồ, hỗn loạn để dễ bề thao túng.

— **Bốn là**: họ luôn luôn thù ghét, đố kị với những người trung thực. Ở đâu mà chủ nghĩa cơ hội thắng thế thì ở đó người tốt không còn đất sống. Họ chỉ muốn đè đầu cưỡi cổ người khác, không muốn cho ai được ngóc đầu dậy, đố kỵ với trí tuệ và tài năng. Bọn cơ hội thường xem những người thẳng thắn, cương trực là những cái gai làm cản đường chúng trong việc thực hiện những đam mê tàn nhẫn. Bọn cơ hội luôn luôn tìm cách chèn ép, ám hại, tạo ra sự đối kháng vô hình với những người lương thiện. Đặc biệt, đối với những người căm ghét tận đáy bất lương và dám mạnh dạn đấu tranh với những việc làm sai trái, bọn cơ hội tìm cách chống trả quyết liệt bằng mọi thủ đoạn hèn hạ. Nếu không đẩy họ đi được, bọn chúng sẽ kiếm cách vô hiệu hóa họ, để họ « ngồi chơi xơi nước ».

Tội ác lớn nhất của kẻ cơ hội là kìm hãm không cho những người còn có sức lực và tài năng được làm việc và cống hiến. Ai đã một lần là nạn nhân của bọn cơ hội sẽ thấy thấm thía về sự thâm hiểm đến ghê người. Bọn chúng thực sự là những tên biết hành hạ khổ chủ bằng sự thông hiểu cái ác.

Hãm hại người trung thực và lương thiện, kẻ cơ hội thực sự đã đánh thẳng vào đội ngũ cán bộ và quần chúng trung kiên của Đảng. Đôi khi chúng ta chứng kiến những cảnh tượng thật đau lòng: có những hạt giống đỏ mà dành chịu héo khô, có những cây ngay mà dành chịu chết đứng...

— **Năm là**: bọn cơ hội luôn luôn gây chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết. Ở đâu mà tổ chức đảng yếu thì ở đó bọn cơ hội hoành hành, nội bộ luôn ở trong tình trạng mất ổn định. Môi trường sống của bọn cơ hội không chỉ là sự rối ren trong kỷ cương, nền nếp, mà còn là sự rối ren trong quan

Digitized by Google

hệ con người. Ở đâu mà người thủ trưởng yếu cả về phẩm chất và năng lực, thì ở đó, bọn cơ hội thường thao túng, lũng đoạn. Bọn chúng thường kéo bè, kéo cánh, hình thành liên minh ma quỷ theo kiểu ê kíp khép kín, phường hội, không ai có thể kiểm tra kiểm soát được. Vừa hợp tác với nhau, bọn chúng vừa tháu cáy lẫn nhau, khi thì tô lục chuốt hồng, khi thì gièm pha bới móc, nâng người này, hạ người kia, đâm bị thóc chọc bị gạo, ném đá giấu tay, đội trên đạp dưới. Chúng kích động người này chống lại người kia, nhóm này chống lại nhóm khác bằng kiểu rỉ tai, xì xào bàn tán, thêu dệt bịa chuyện, thọc gậy bánh xe, thông tin nhiễu loạn để « tọa sơn quan hổ đấu ». Còn bọn cơ hội thì lãnh đạo còn bị phân hóa, nội bộ còn lâm vào cảnh phe phái, đấu đá triền miên.

— **Sáu là:** họ sống bạc tình, bạc nghĩa, vô thủy, vô chung. Khi cần thì xun xoe, nịnh bợ, ca ngợi, tâng bốc, hối lộ, lấy lòng... Nhưng khi hết « tuần trăng mật », họ lập tức thay đổi lòng dạ bằng những thái độ bạc bẽo vô ơn, qua sông dìm đò. Khi xuất hiện một mục tiêu tham vọng nào, họ dùng trăm phương ngàn kế, lì lợm đeo bám thực hiện cho kỳ được bằng những lời lẽ đường mật, những thiết kế bùi tai, dẫn dắt mọi người đi vào trận đồ bát quái đã giăng đầy cạm bẫy của chúng. Không ít cán bộ bản chất tốt, nhưng do mất cảnh giác và thiếu nghị lực, đã để cho bọn cơ hội dẫn lối đưa đường đi vào mê lộ được lát bằng giả trị giả, không có lối ra. Khi tay đã trót nhúng tràm, trở thành con tin, thì há miệng mắc quai, lâm vào tình thế « đâm lao phải theo lao », đánh mất cả bản thân mình, làm việc bằng cái đầu của người khác.

Kể sao cho hết những biểu hiện xấu xa, lắt léo trong hành vi của bọn người cơ hội...

Hơn lúc nào hết, chúng ta phải hết sức cảnh giác với chủ nghĩa cơ hội. Phải bằng mọi cách, nhanh chóng loại trừ những con sâu mọt, những thứ ung nhọt ra khỏi cơ thể của Đảng ta.

Digitized by Google

Cùng bạn đọc

CHÚNG tôi đã nhận được thư của các bạn: Hoàng Lượng, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*; Hoàng Diễu, 8 Nguyễn Quyền, Hà nội; Ngô Đăng Lợi, Hội khoa học lịch sử Hải phòng và một số bạn đọc khác góp ý về nhân vật và tên phố Nguyễn Khắc Cần trong bài «Việc xây nhà của một ông quan và việc chọn nhà ở của một cán bộ» của Nguyễn Đức Mưu, đăng trên *Tạp chí Cộng sản*, số 7-1990.

Chúng tôi đã gặp tác giả bài báo trên và đã kiểm tra lại các tài liệu lịch sử có liên quan đến vấn đề này, thấy rằng ý kiến các bạn đề cập trong thư là đúng. Chúng tôi cũng thấy có một số nhân vật mang tên Nguyễn Khắc Cần được sử sách ghi lại hoặc được lưu truyền trong nhân dân.

Theo cuốn **Danh nhân Hà nội** do Hội văn nghệ Hà nội xuất bản năm 1973 thì ông Nguyễn Khắc Cần (1875 – 1913) – người được đặt tên cho một phố ở Hà nội hiện nay – quê ở thôn Yên viên, huyện Gia lâm, ngoại thành Hà nội. Ông tham gia phong trào Đông du, gia nhập Việt nam Quang phục hội, có sang Trung quốc cùng Phan Bội Châu. Năm 1912, ông cùng Phạm Văn Tráng nhận nhiệm vụ đem tạc dạn về nước để trừng trị bọn việt gian và thực dân. Ngày 26-4-1913, tạc đạn được ném vào khách sạn Hà nội (Hà nội Hôtel), nơi tập trung nhiều sĩ quan cao cấp Pháp. Có thể Nguyễn Khắc Cần không phải là người trực tiếp ném tạc đạn nhưng khi bị bắt ông tự nhận là người gây ra vụ nổ để cứu đồng đội. Nguyễn Khắc Cần đã bị xử tử hình ngày 21-9-1913.

Trong cuốn **Đại Nam thực lục chính biên** do Nhà xuất bản khoa học xã hội xuất bản năm 1973, tập XXVIII, quyển XVII cũng có nói đến một nhân vật mang tên Nguyễn Khắc Cần, giữ chức lang trung dưới triều vua Dực Tông Anh.

Như vậy, nhân vật Nguyễn Khắc Cần được Nguyễn Đức Mưu đề cập đến trong bài viết của mình là một nhân vật khác. Có thể do một sự nhầm lẫn nào đó mà một người trong dòng họ Phan Huy (ở Sài sơn – Sơn tây), chắt ngoại của một nhân vật cùng tên Nguyễn Khắc Cần, nghĩ rằng cụ tổ của dòng họ mình là nhân vật Nguyễn Khắc Cần được mang tên phố ở Hà nội.

Đăng bài «Việc xây nhà của một ông quan...», chúng tôi chỉ muốn nêu một tấm gương liêm khiết của sĩ phu yêu nước ngày xưa và của cán bộ ta ngày nay. Những tấm gương sáng ấy tiêu biểu cho phẩm chất, đạo đức của dân tộc ta, là di sản văn hóa quý báu mà mỗi chúng ta đều trân trọng, giữ gìn.

Dù sao sự nhầm lẫn trong bài báo cũng là điều cần rút kinh nghiệm. Tác giả bài báo và chúng tôi nhận thiếu sót và xin lỗi bạn đọc. Chân thành cảm ơn các bạn đã có thư góp ý

BAN BẠN ĐỌC

Digitized by Google

Tìm lại bản chính TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ngày 2-9-1945

NGUYỄN THÀNH

TUYÊN ngôn Độc lập năm 1945 là một văn kiện lịch sử vô cùng quan trọng, đánh dấu dân tộc ta bước vào thời đại độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ ra đời năm 1776 là bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên trong lịch sử chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng thuộc địa trong thời cận đại, do những người đại diện giai cấp tư sản Mỹ thảo ra và công bố.

Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh viết năm 1945 là **Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên do một lãnh tụ cộng sản viết** nhân danh dân tộc, « khi giai cấp vô sản đã trở thành dân tộc ».

Nhiều nước trên thế giới đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành được độc lập dân tộc, tuyên bố với nhân dân trong nước và thế giới về nền độc lập của mình, định ngày quốc khánh, nhưng không có Tuyên ngôn Độc lập với tính cách một văn kiện lịch sử.

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 chẳng những đi vào lịch sử của dân tộc ta, mà còn đi vào lịch sử đấu tranh giành độc lập của các dân tộc bị áp bức trên khắp thế giới và lịch sử cách mạng vô sản thế giới như một văn kiện bất hủ, mãi mãi sáng ngời.

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 gắn với tên tuổi Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta, của Đảng ta.

Một văn kiện lịch sử quan trọng như vậy, hầu như ai cũng đọc, cũng nghe, các trường phổ thông đều học, mà đặt vấn đề « Tìm lại bản chính **Tuyên ngôn Độc lập** do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ngày 2-9-1945 » thì kể cũng lạ! Phải chăng văn bản in trong nhiều cuốn sách được in đi, in lại nhiều lần, kể cả trong **Tuyển tập** và **Toàn tập Hồ Chí Minh**, đều không phải là bản chính?

Xin trả lời : **đúng như vậy.**

Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ được in lại không biết bao nhiêu lần trong các từ điển và các sách, đã qua trên 200 năm, thế mà không sửa **một chữ**, thậm

Digitized by Google

chỉ một dấu, và còn nguyên chữ ký của người chịu trách nhiệm trước lịch sử dưới bản Tuyên ngôn được chụp lại từ bản chính.

Ở Việt nam thì sao? Chúng ta sửa chữa nhiều lần quá. Càng sửa nhiều lần thì số điểm sửa chữa càng tăng lên và càng xa với bản chính. Vì thế, khôi phục lại bản chính **Tuyên ngôn Độc lập** do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ngày 2-9-1945, sẽ có giá trị về nhiều mặt. Nó làm cơ sở tin cậy cho nghiên cứu lịch sử chính trị, văn học, ngôn ngữ, giáo dục, cho trưng bày bảo tàng, cho tuyên truyền trong nước và quốc tế.

Tôi căn cứ vào 14 bản in của các cơ quan có trách nhiệm của Đảng và Nhà nước ta và lời nói của Bác trước máy ghi âm năm **1955** để đối chiếu, so sánh. Những văn bản đó là:

1) Sách mỏng, 4 trang, có bìa, do Chính phủ công bố ngày 3-9-1945.

2) Áp phích do Chính phủ công bố ngày 3-9-1945.

3) Báo **Cứu quốc** số 36, ngày 5-9-1945.

4) Báo **Cờ giải phóng** số 16, ngày 12-9-1945.

5) **Chặt xiềng**, in lần đầu 1946, Nxb Sự thật; đã tái bản 4 lần.

6) **Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch** của Trần Dân Tiên, Nxb Sự thật và Nxb Văn học in đi in lại nhiều lần.

7) **Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội**, Nxb Sự thật, 1970

8) **Văn kiện Đảng 1939 — 1945**, xuất bản lần đầu 1963, tái bản 1977.

9) Hồ Chí Minh: **Tuyển tập**, Nxb Sự thật, 1960.

10) Tạp chí **Học tập**, số 8-1973.

11) **Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt nam dân chủ cộng hòa**, Phạm Văn Đồng giới thiệu, Nxb Sự thật, 1975.

12) Hồ Chí Minh: **Tuyển tập**, Nxb Sự thật, 1980, tập 1.

13) Hồ Chí Minh: **Toàn tập**, Nxb Sự thật, 1983, tập 3.

14) Hồ Chí Minh: **Toàn tập**, Nxb Sự thật, 1984, tập 4.

Nhìn chung lại, có bốn thời kỳ văn bản bị sửa chữa, tất cả 22 điểm:

— Ngay năm 1945, giữa sách mỏng và áp phích sai nhau một điểm, có lẽ do áp phích in thiếu; nhưng báo **Cứu quốc** khác 4 điểm so với sách mỏng; báo **Cờ giải phóng** khác sách mỏng 3 điểm, nhưng khác báo **Cứu quốc** 4 điểm, trong tổng số 22 điểm.

— Bản in trong **Tuyển tập Hồ Chí Minh** xuất bản năm 1960, sửa nhiều nhất: 12 điểm trên tổng số 22 điểm.

— Bản in trong **Văn kiện Đảng 1939 — 1945** xuất bản năm 1963, sửa một chữ so với bản in trong **Tuyển tập Hồ Chí Minh**, xuất bản năm 1960.

— Bản in trong tạp chí **Học tập** số 8-1973 sửa 3 chữ so với bản in trong **Tuyển tập Hồ Chí Minh**, xuất bản năm 1960.

Có 10 bản chênh nhau như vậy trong khi không còn bản Bác cầm tay đọc, vì thế xác định bản chính thật khó. Song phân tích trên cơ sở các văn bản đã dẫn thì thấy cuốn **sách mỏng công bố ngày 3-9-1945 là có giá trị văn bản gốc hơn cả**. Vì sao? Ngày 3-9-1945 ta công bố hai bản: **sách mỏng** và **áp phích**. Hai bản này chỉ khác nhau một điểm: Ở đoạn thứ hai, câu trong **sách mỏng**: «Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới sinh ra đều bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do»; còn trong **áp phích** thì câu này thiếu 6 chữ: «**quyền sống, quyền sung sướng và**». Các bản in trong khoảng thời gian gần với sự kiện ra đời bản Tuyên ngôn (các bản in trên báo **Cứu quốc**, **Cờ giải phóng** và bản dịch ra tiếng Pháp để phát trên sóng điện của **Thông tấn xã Việt nam** từ Bạch mai ngày 15-9-1945) đều viết đủ như trong cuốn **sách mỏng**. Về sau, tất cả các bản

Digitized by Google

mặc dù khác nhau chỗ này chỗ khác nhưng đều viết đủ như cuốn **sách mỏng**.

Đề nghị Trung ương Đảng và Nhà nước nên ban hành quyết định sử dụng chính thức một văn bản **Tuyên ngôn Độc lập**, từ nay về sau in lại phải đúng như thế, dịch ra tiếng nước ngoài phải lấy bản đó làm căn cứ, không nên tùy tiện lấy bản nào để in lại cũng được, như nhiều năm qua chúng ta đã làm.

Dưới đây là nguyên văn **Tuyên ngôn Độc lập** in trong cuốn **sách mỏng** phát hành ngày 3-9-1945. Và để bạn đọc hình dung được những điểm khác với các bản in sau này, tôi so văn bản này với văn bản được công bố trong tập 4 **Toàn tập Hồ Chí Minh** do Nxb Sự thật in năm 1984, và đặt những điểm khác ấy trong dấu ngoặc đơn.

(Lời đồng bào cả nước.)

« Tất cả mọi người đều sinh ra (có quyền) bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc ».

Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói;

« Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi ».

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị – chúng tuyệt đối không cho (nhân) dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những **pháp luật** (luật pháp) dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản **dân** (dân tộc) ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế – chúng bóc lột dân ta đến **tận** xương tủy (đến xương tủy), khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, **rừng mỏ** (hầm mỏ), nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta **được giàu** (ngóc đầu) lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng trị đến Bắc kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Digitized by Google

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc bỏ chạy, hoặc đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không « bảo hộ » được ta, trái lại trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt minh hơn **trước** (nữa). Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên báy (bái) và Cao bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho (nhiều) người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật, bảo vệ tính mạng và tài sản **cho** (của) họ.

Sự **thực** (thật) là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy **đành** (giành) (1) chính quyền, lập nên nước **VIỆT NAM CỘNG HÒA DÂN CHỦ** (Việt nam Dân chủ Cộng hòa).

Sự **thực** (thật) là dân ta đã lấy lại nước Việt nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để **gây** (xây dựng) nên nước Việt nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa.

Bởi thế cho nên, chúng tôi — Lâm thời Chính phủ của nước Việt nam mới — đại biểu cho toàn dân Việt nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt nam.

Toàn dân Việt nam, trên dưới một lòng **quyết liệt** (kiên quyết) chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Tê-hê-răng và Cựu-Kim-sơn, quyết không thể không **nhận** (công nhận) quyền độc lập của dân Việt nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về **phe** (phía) Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi — Chính phủ Lâm thời của nước Việt nam dân chủ cộng hòa — trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:

« Nước Việt nam có quyền (hưởng) tự do và độc lập, và sự **thực** (thật) đã thành một nước **tự do và độc lập** (tự do độc lập). Toàn thể **dân** (dân tộc) Việt nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền **tự do và độc lập** (tự do độc lập) ấy.

Hồ Chí Minh (chủ tịch), Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp, Chu Văn Tấn, Dương Đức Hiền, Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Mạnh Hà, Cù Huy Cận, Phạm Ngọc Thạch, Phạm Văn Đồng, Đào Trọng Kim, Vũ Đình Hòe, Lê Văn Hiến (cả đoạn này trong **Toàn tập** không có).

Trở lại bản chính **Tuyên Ngôn độc lập** do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ngày 2-9-1945 là một vấn đề khoa học, một yêu cầu lịch sử, đồng thời là một vấn đề có ý nghĩa chính trị cần được xem xét nghiêm túc.

---

(1) Bản áp phích viết « giành chính quyền » (gi — không phải d), cuốn sách mỏng in « *đành* chính quyền ». Theo chúng tôi, viết *giành* đúng hơn. Nhưng để tôn trọng văn bản lịch sử chúng tôi vẫn giữ nguyên là « *đành* »

Digitized by Google



Cơ cấu xã hội — giai cấp dưới chủ nghĩa tư bản hiện đại

TUẤN LOẠN

Từ những năm 60 trở lại đây, các nhà triết học và xã hội học tư bản đã cho ra đời những quan điểm về sự hình thành một tầng lớp mới trên cơ sở «biến mất» của hai giai cấp đối kháng là giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Đó là tầng lớp kỹ trị và kỹ thuật viên. Theo họ, tầng lớp này sẽ đưa loài người vượt qua mọi đối kháng giai cấp để hòa nhập và hội tụ với nhau trong một xã hội «hậu công nghiệp».

I — Cơ cấu đối kháng giữa tư sản và vô sản

Trong những thập kỷ gần đây, chủ nghĩa tư bản hiện đại — mà đặc trưng là tập trung tư bản ở quy mô quốc gia và quốc tế trong các ngành công nghiệp và dịch vụ mũi nhọn nhằm thu lợi nhuận cao — đã hạn chế, thậm chí phủ định quyền tư hữu tư bản tại một số xí nghiệp nhỏ hoặc vừa không còn sinh lợi, trên cơ sở thành lập các hợp tác xã công nhân. Chẳng hạn ở Anh, hợp tác xã công nhân được coi là phương án của «những hình thức mới của sở hữu xã hội». Khoảng 10 năm trở lại đây, số người kinh doanh nhỏ dưới các hình thức kinh tế hợp tác ở nước này đã tăng lên, hiện chiếm 10% số người có việc làm. Nói chung, trong điều kiện kinh tế — xã hội thường xuyên biến động và các tổ chức độc quyền giữ địa vị thống trị, thì hợp tác xã công nhân chỉ là một hình thức để giải quyết nạn thất nghiệp, một thứ «vệ tinh» hoặc «chân rết» của các công ty độc quyền. Còn trong khu vực tập trung tư bản, đặc biệt, trong các công ty đa quốc gia và các tổ hợp quân sự — công nghiệp, thì tư bản lại không biểu hiện dưới dạng cụ thể là sở hữu trực tiếp của một hay nhiều chủ nhân, mà biểu hiện dưới dạng tín phiếu, cổ phần, v.v. Như vậy, giai cấp tư sản vừa có thể

Digitized by Google

che giấu dễ hơn sự bóc lột, vừa có thể tách công việc lãnh đạo và quản lý xí nghiệp ra khỏi sở hữu tư bản tuy công việc đó vẫn do sở hữu tư bản chi phối. Dù tách riêng chức năng kinh doanh và quyền sở hữu, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa không có nghĩa chỉ tuân theo yêu cầu của công nghệ hiện đại, mà trên hết, vẫn tuân theo quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản. Đó là sự tìm kiếm lợi nhuận siêu ngạch. Công việc quản lý của các nhà kỹ trị và công việc phục vụ sản xuất của các kỹ thuật viên đều phải phục vụ mục đích ấy. Thực tế đó khiến cho giai cấp tư sản không hề biến mất mà trái lại, tiếp tục tồn tại trong những điều kiện mới của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật; nó không những giữ nguyên bản chất, mà hơn nữa, còn độc quyền chiếm giữ phần lớn của cải ở các nước tư bản phát triển. Ở Mỹ chẳng hạn, hiện nay một nhóm chừng 4500 nhà tư bản, chiếm khoảng 0,002% số dân, nắm tới 50% của cải cả nước.

Trong bối cảnh trên, giai cấp công nhân cũng không biến mất. Ngày nay, phải đặt giai cấp công nhân hiện đại trong xu hướng phát triển tự nhiên của tư bản là biến mọi lao động thành lao động làm thuê. Việc áp dụng kỹ nghệ hiện đại, phát triển cơ cấu sản xuất... càng làm tăng và tăng nhanh số lao động làm thuê. Không được coi giai cấp công nhân chỉ gồm những người lao động chân tay. Giai cấp công nhân hiện nay bao gồm không chỉ những người lao động chân tay, có nghề hay không có nghề, mà cả những người lao động trí óc. Bởi vì, nếu khẳng định giai cấp công nhân là những người duy nhất sản xuất ra giá trị thặng dư, nếu định nghĩa giai cấp công nhân dựa vào tiêu chuẩn sản xuất, thì đương nhiên phải gắn giai cấp công nhân hiện đại với các hình thức sản xuất tư bản hiện đại. Cơ cấu giai cấp công nhân hiện đại không thể không thay đổi cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại. Giai cấp công nhân ở các nước tư bản phát triển hiện nay là đội quân 285 triệu người, chiếm gần 82% số dân ở tuổi lao động. Nhìn chung, về cơ cấu xã hội của giai cấp công nhân ở các nước tư bản phát triển, chúng ta thấy nổi lên hai vấn đề như sau:

Một là, «công nhân áo xanh» (công nhân lao động chân tay) đang giảm đi một cách đáng kể. Tại các nước tư bản phát triển, họ chỉ chiếm 12% tới 15% đội quân làm thuê. Thay dần vị trí của họ trong các xí nghiệp, là những «công nhân áo trắng» (những người chế tạo, lắp ráp các phương tiện tự động...) và những «công nhân áo vàng» (những công nhân có trình độ nghiệp vụ cao, phục vụ kỹ thuật máy tính điện tử và tự động hóa,...). Tuy số công nhân «áo trắng» và «áo vàng» ngày càng tăng, song họ chưa thể thay thế hoàn toàn vai trò của những «công nhân áo xanh».

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, ví dụ chế độ cổ phần, việc hình thành các hợp tác xã công nhân, việc áp dụng các hình thức trả lương và tiền thưởng khác nhau, v.v. nên nhiều công nhân «áo trắng» và «áo vàng» không ủng hộ các tổ chức chính trị của giai cấp công nhân, không tán thành việc gia nhập các công đoàn của công nhân công nghiệp, không muốn tham gia các cuộc bãi công và đình công. Ở Anh chẳng hạn, do các luật chống công đoàn của chính quyền Thát-chơ, số đoàn viên công đoàn tụt xuống, nay còn bằng 54% so với năm 1979. Với việc tăng cường bán cổ phần của các công ty thuộc sở hữu nhà nước cho thanh niên trong 10 năm qua, số cổ đông trong thanh niên nước này đã tăng từ 9% lên

Digitized by Google

12%; và đương nhiên, phần lớn số đó đông thanh niên không gia nhập các tổ chức công đoàn. Họ gắn với giới chủ, vì dự phần chia lợi nhuận tư bản.

Hai là, trong lực lượng cơ bản của giai cấp công nhân, nhiều người không có việc làm, nhiều người phải nhận việc làm tại nhà, làm «kinh tế ngầm», hoặc chỉ có việc làm từng phần, lĩnh lương hạn chế theo tuần hay theo hợp đồng. Những người này hầu như không được luật pháp và xã hội bảo vệ. Họ không được sự ủng hộ của công đoàn, luôn phải sống trong tình trạng bấp bênh, không dám đấu tranh đòi quyền lợi, bởi lẽ giản đơn là họ không có điều kiện về tổ chức, pháp lý... để làm việc đó.

Sự phân hóa sâu sắc trong nội bộ giai cấp công nhân, một mặt, do sự khác nhau về trình độ nghề nghiệp, mặt khác, do sự khác nhau về điều kiện văn hóa, phúc lợi xã hội và ngành nghề. Những khác biệt này, ở mức độ đáng kể, đã đưa họ vào trận tuyến này hoặc trận tuyến kia của cuộc đấu tranh giai cấp. Tất nhiên, ý thức chính trị của họ không đơn thuần xuất phát từ sự cùng cực hay sự khác biệt về xã hội, mà còn chịu ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng – chính trị.

Ngày nay, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân vẫn tiếp diễn. Thế nhưng, từ đầu những năm 80 trở lại đây, phong trào đấu tranh của công nhân thường thiếu quy mô và thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị vì nhiều nguyên nhân: nạn thất nghiệp lớn và thường xuyên; luật chống công đoàn ngày càng phản động và khắc nghiệt; chế độ tư bản cổ phiếu được mở rộng; sự đàn áp khốc liệt của cảnh sát, v.v. Đặc biệt, các công đoàn cải lương và các đảng dân chủ – xã hội mà như chúng ta biết, hiện đang nắm quyền ở nhiều nước tư bản phát triển, ra sức tuyên truyền và hứa hẹn thực hiện một phần yêu sách của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, cần thấy: trong khi số người đấu tranh vì mục đích kinh tế có phần giảm đi, thì số người đấu tranh vì dân chủ lại tăng lên. Trong những năm 1980 – 1985, số người tham gia các cuộc bãi công kinh tế trong các ngành công nghiệp ở các nước tư bản phát triển giảm xuống còn 114 triệu (so với 127 triệu trong những năm 1975–1979) thì số người tham gia vào các cuộc đấu tranh với những yêu sách về chính trị và xã hội lại tăng lên 221 triệu (so với 155 triệu trong những năm 1975 – 1979). Cũng cần nói thêm rằng, các cuộc đấu tranh vì dân chủ không chỉ do giai cấp công nhân có tổ chức tiến hành, mà còn có sự tham gia tích cực của sinh viên, trí thức và đại diện giới trung lưu ở các đô thị. Vấn đề nổi lên hiện nay là: liệu giai cấp công nhân có khả năng lãnh đạo phong trào đấu tranh chung của tất cả các lực lượng dân chủ hay không? Rõ ràng, giai cấp công nhân không thể đạt được mục đích đấu tranh của mình, nếu không được sự ủng hộ rộng rãi của các tầng lớp nhân dân chống các giới lãi phiệt, tư bản độc quyền nhà nước, đòi cải thiện đời sống, đòi việc làm, đòi bảo vệ môi trường, đòi bình đẳng chủng tộc, chống chiến tranh hạt nhân của chủ nghĩa đế quốc, v.v.

II – Thực chất của cái được gọi là «sự chuyển giao quyền hành từ tư bản sang trí tuệ có tổ chức»

Với những thay đổi sâu sắc trong cơ cấu xã hội – giai cấp tại các nước tư bản phát triển, đã xuất hiện nhiều tầng lớp trung gian và giáp ranh. Trong đó các tầng lớp lao động trí óc khác nhau – trí thức và viên chức – đóng vai trò ngày càng quan trọng, bởi vì khoa học kỹ thuật ngày nay đã trở thành lực lượng sản xuất

Digitized by Google

trực tiếp. Tầng lớp trí thức với số lượng ngày càng đông, lại được sự hỗ trợ của các tầng lớp giáp ranh như trí thức — công nhân, công nhân — trí thức, viên chức chuyên gia, đã tạo ra không chỉ các giá trị tinh thần mà cả các giá trị vật chất, do đó, đã trực tiếp tạo ra lợi nhuận tư bản. Chính từ thực tế này đã dẫn đến quan niệm tư sản cho rằng: ngày nay, do những yêu cầu về công nghệ và kế hoạch hóa xí nghiệp, giới chủ tư sản nắm nhiều cổ phiếu và có thế lực nhất đã phải chuyển giao quyền hành cho các nhà quản lý và kỹ thuật viên — nói chung là tầng lớp kỹ trị — thông thạo các công việc nói trên. Và cũng theo quan niệm đó, tại các nước tư bản phát triển đang diễn ra một sự chuyển giao quyền hành ngay trong các xí nghiệp công nghiệp « từ tư bản sang trí tuệ có tổ chức » Sự chuyển giao này, theo các nhà tư tưởng tư sản, cũng được phản ánh cả trong cơ cấu quyền hành của xã hội tư bản.

Cần đánh giá các quan điểm nói trên như thế nào? *Thứ nhất*, khoa học và kỹ thuật không bao giờ phát triển ở bên ngoài và bên trên các quan hệ xã hội trong điều kiện lịch sử cụ thể. Vì thế, không chỉ bản thân khoa học kỹ thuật, mà cả các nhà khoa học cũng phải được xem xét trong khuôn khổ các quan hệ xã hội đó. Nghiên cứu khoa học ngày nay không còn là sự nghiệp của cá nhân hay một vài cá nhân riêng lẻ, mà là sự nghiệp của tập thể. Thành công của nó không phải chỉ do tài năng, do tổ chức, v.v. mà còn phụ thuộc vào các nguồn tài chính, thông tin, thiết bị và cơ sở nghiên cứu, v.v. Điều này vừa nói lên tính chất đẳng cấp trong việc nghiên cứu khoa học, tùy theo sự gắn bó của các nhà khoa học với nhà nước tư sản và các công ty tư bản; vừa nói lên tính chất giai cấp trong việc ứng dụng các thành tựu khoa học. Như vậy, trí thức khoa học phải phục tùng quyền lực tư sản, khoa học và các nhà khoa học phải phục tùng lợi ích và lợi nhuận tư sản. Trong điều kiện sở hữu cổ phần, quyền chiếm hữu và quyền kinh doanh tư bản ở chừng mực nào đó tách rời nhau, thì hình như các nhà khoa học, kỹ thuật viên, các nhà quản lý trở thành những người tượng trưng cho quyền hành. Thực ra, với điều kiện như vậy, giai cấp tư sản dễ che giấu sự bóc lột hơn; không những thế, nhờ tách công việc lãnh đạo và quản lý xí nghiệp ra khỏi sở hữu tư bản, giai cấp tư sản còn vừa có thể thực hiện quyền chiếm hữu giá trị thặng dư, vừa có thể sử dụng những thành tựu của cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện đại thúc đẩy sản xuất không ngừng phát triển.

Thứ hai, khi xem xét quá trình sản xuất trực tiếp trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, không thể không thấy cơ cấu sản xuất thay đổi thì kiểu người phục vụ sản xuất cũng thay đổi. Vai trò của khoa học trong sản xuất ngày càng lớn thì đương nhiên, số người hiểu biết chuyên môn tham gia sản xuất, cũng ngày càng nhiều. Hiện nay, gần 90% công nhân Nhật-bản có trình độ đại học hoặc tương đương. Còn Pháp thì đặt chương trình đến năm 2000 phải nâng tỷ trọng người có học vấn đại học trong công nhân lên 80%. Tuy nhiên, dù số lượng ngày càng đông và nắm vững khoa học và công nghệ, tầng lớp kỹ trị và kỹ thuật viên không bao giờ có thể làm chủ được điều kiện và mục đích phát triển công nghệ và sản xuất. Những cái đó tùy thuộc giai cấp tư sản, mà giai cấp này thì bao giờ cũng vì lợi ích của nó, chứ không phải vì lợi ích tự thân của khoa học và công nghệ.

Thực tế đó đập tan huyền thoại về sự chuyển giao quyền hành từ giai

Digitized by Google

cấp tư sản sang tầng lớp kỹ trị. Trên thực tế, tầng lớp này chỉ là sản phẩm có tính chất chức năng, được sản sinh từ nhu cầu sản xuất và quản lý của giai cấp tư sản trong điều kiện khoa học kỹ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Họ và sự hiểu biết của họ, đều thuộc quyền chi phối của giai cấp tư sản. Họ và sự hiểu biết của họ, không hề làm cho giai cấp tư sản « biến mất », mà trái lại, còn giúp cho giai cấp đó tồn tại trong điều kiện cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại, với những biểu hiện mới nhưng bản chất giai cấp thì vẫn giữ nguyên. Dưới sự tác động của tư bản, tầng lớp kỹ trị tất nhiên cũng phân hóa sâu sắc như các giai cấp và tầng lớp khác. Đại bộ phận lao động trí óc lớp trên, do địa vị xã hội, do mức thu nhập cao, nên về lối sống, khuynh hướng chính trị – xã hội..., rất gần với giai cấp tư sản, chưa nói bản thân họ thực hiện chức năng xã hội phục vụ giai cấp tư sản. Còn lao động trí óc lớp dưới là những người làm thuê bị áp bức và có mức sống rất thấp. Số công nhân « áo trắng », nhìn chung, là bạn đồng minh của giai cấp vô sản.

III — Thay lời kết luận

Với sự phát triển của kinh tế – xã hội gắn liền với cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại, trong các giai cấp và tầng lớp vốn có của xã hội tư sản đã diễn ra một số thay đổi đáng kể về đặc điểm cũng như về số lượng và chất lượng. Nhưng điều đó hoàn toàn không có nghĩa là xã hội tư sản đã biến thành một xã hội khác về chất, một xã hội chỉ bao gồm các tầng lớp trung gian mà thôi. Đội quân lao động làm thuê mà bạt nhân của nó là giai cấp công nhân trong các nước tư bản phát triển, vẫn gia tăng trong ba thập kỷ gần đây. Đầu thập kỷ 80, tổng số người làm thuê tăng hơn 73% so với đầu thập kỷ 50. Số lượng công nhân đã tăng gần 76% trong ba thập kỷ qua. Nếu đầu những năm 50 giai cấp công nhân chỉ chiếm 58%, thì nay đã chiếm 82% số dân ở tuổi lao động. Trong đội quân lao động làm thuê, giai cấp công nhân đầu những năm 50 mới chiếm 84% thì nay đã chiếm 85,2%. Như vậy, nếu trong đội quân lao động làm thuê, tỷ trọng giai cấp công nhân gần như không thay đổi, thì trong số dân ở tuổi lao động, tỷ trọng giai cấp công nhân đã tăng rất đáng kể. Điều đó có nghĩa là sự phát triển của lực lượng sản xuất trong xã hội tư bản không những không làm giảm mà ngược lại, còn làm tăng số lượng công nhân. Cũng do đó, vị trí của công nhân trong sản xuất được tăng cường, vai trò chính trị và xã hội của họ được mở rộng. Do quá trình tích lũy và tập trung tư bản diễn ra không ngừng, do ngày càng có thêm các tầng lớp làm thuê mới gần gũi hoặc hòa nhập vào giai cấp công nhân, nên số lượng công nhân sẽ ngày càng đông. Lao động sản xuất ngày càng hiện đại và phức tạp, cũng đòi hỏi giai cấp công nhân, gồm cả lao động trí óc và chân tay, ngày càng phải nâng cao trình độ văn hóa và kỹ thuật, và cũng vì vậy, trình độ nhận thức chính trị – xã hội của họ cũng không ngừng được nâng cao. Giai cấp công nhân – lực lượng đối trọng của giai cấp tư sản – không thể biến mất. Vì vậy, cuộc đấu tranh giai cấp vẫn tiếp tục diễn ra, và nguy cơ diệt vong của chủ nghĩa tư bản vẫn còn đó.

Digitized by Google

5 THẬP KỶ, 3 CHIẾN LƯỢC CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG THẾ GIỚI

PHAN LANG

NHIỀU nhà quan sát trên thế giới đã có những đánh giá chính xác về ý nghĩa bài diễn văn ông Bu-sơ đọc ngày 12-5-1989 tại lễ phát bằng tốt nghiệp ở trường cao đẳng nông nghiệp bang Tếch-dát. Thực chất đây là bản phác thảo chiến lược "Vượt trên ngăn chặn" chống phá các nước xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên xô, và các phong trào cách mạng khác trên thế giới. Cũng nên nói thêm, trước khi đương kim tổng thống Mỹ cho ra đời tác phẩm này thì những ý tưởng cơ bản chứa đựng trong đó đã được nhiều chính khách Mỹ, nhất là cựu tổng thống Nich-xơn, từng phát biểu trên nhiều diễn đàn.

Như vậy là, trong vòng 5 thập kỷ nay, đã có 3 chiến lược chống phá cách mạng lần lượt ra đời.

★

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, các thế lực đế quốc cho rằng chúng đang ở trong một thời điểm **cần phải** và **có thể** theo đuổi chiến lược "trả đũa ồ ạt hạt nhân", chĩa thẳng mũi nhọn vào Liên xô.

"Cần phải" là vì chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành hệ thống thế giới, và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc thì đã bắt đầu bùng lên trên hầu khắp các châu lục, ngày càng thu hẹp thêm địa của các thế lực đế quốc. Muốn thoát ra khỏi tình thế trên, Nhà trắng tính toán rằng, nếu xóa bỏ được dinh lũy của cách mạng thế giới là Liên xô thì Mỹ có thể đảo được thế cờ, làm cho phong trào cách mạng trên thế giới do mất chỗ dựa, sớm muộn gì cũng sẽ theo nhau sụp đổ theo kiểu bài đô mi nô.

Còn "có thể" là vì Nhà trắng cho là họ đang đứng trước một so sánh lực lượng lý tưởng. Liên xô, thành trì của cách mạng thế giới góp phần quyết định cứu loài người khỏi thảm họa phát xít, đã phải chịu những tổn thất nặng nề trong chiến tranh: 20 triệu 3 trăm nghìn người chết, 1 phần 3 tài sản quốc dân (2 nghìn 6 trăm tỷ rúp) bị hủy hoại, 1780 thành phố và thị trấn, 96 nghìn nông trang, 32 nghìn xí nghiệp bị triệt phá...

Trong thế giới tư bản, các nước đế quốc tham chiến, dù thua hay thắng trận cũng đều kiệt quệ (một số nước bị tàn phá từ một nửa đến 2 phần 3

Digitized by Google

số cơ sở công nghiệp). Vì vậy, hầu hết các quốc gia này đều phải phụ thuộc vào Oa-sinh-tơn với các mức độ khác nhau, hoặc dưới cái ô bảo trợ kinh tế (kế hoạch Mác-san), hoặc bảo trợ quân sự (hiệp ước an ninh Nhật–Mỹ).

Riêng nước Mỹ đế quốc thì ngược lại, chẳng những vẹn toàn mà còn giàu bốc lên nhờ chiến tranh và nắm độc quyền vũ khí hạt nhân.

Nói «trả đũa» chẳng qua là Nhà trắng muốn tránh búa rìu dư luận. Thật ra, phải gọi đây là chiến lược đánh trước, đòn hạt nhân.

Liệu có thể đưa ra những bằng cớ gì để thuyết minh những điều nói trên không?

Tiến sĩ Pi-chi-ô Kê-ku, giáo sư môn vật lý hạt nhân tại trường đại học Niu-Óóc, người gốc Nhật, đã phanh phui trước dư luận, trên báo **Diễn đàn** (19-11-1986) rằng, đã có tất cả 4 kế hoạch của Lầu năm góc nhằm triển khai đánh trước đòn hạt nhân:

– Kế hoạch mang mật danh JIC 329/I được vạch ra ngay khi chiến tranh thế giới lần thứ hai vừa kết thúc, dự định sẽ dùng bom plu tô ni mác 3 chở trên các pháo đài bay B 29 oanh tạc 20 địa điểm ở Liên xô (Mát-xcơ-va, Goóc-ki, Quy-bư-sép...).

Tài liệu JCS 1691/7 của Lầu năm góc viết: «Trước đây, Mỹ vẫn chờ đợi cuộc tiến công trước rồi mới sử dụng sức mạnh quân sự. Qua kinh nghiệm Hi-rô-si-ma và Na-ga-da-ki, chính sách tương lai của Mỹ phải là đánh đón hạt nhân phủ đầu với tính bất ngờ và sức mạnh tiến công ở mức cao nhất».

– Kế hoạch **«Gọng kìm»** (tháng 3-1946) phát triển trên cơ sở JIC 329/I, chủ trương tiến công bằng vũ khí nguyên tử vào Liên xô xuất phát từ ba quốc gia lân cận, và tiếp liền đó là tiến công 3 mũi trên bộ qua Bắc Âu, Trung Âu và Thổ-nhĩ-kỳ.

Kế hoạch **«Dao quắm»** với giả định sau khi **«Gọng kìm»** thành công, sẽ sử dụng 10 sư đoàn cai quản Mát-xcơ-va, 5 sư đoàn chốt ở Đông Âu.

– Kế hoạch **«Cuộc hành quân kẻ gây gổ»** (mùa hè 1948, khi có cuộc khủng hoảng Béc-lin) dự định sẽ dùng 50 quả bom nguyên tử đánh đồng loạt vào các mục tiêu chiến lược trên đất Liên xô.

Các kế hoạch trên mãi mãi nằm trên giấy là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân kho bom nguyên tử lúc này của Mỹ không đáp ứng được yêu cầu của kế hoạch, về số lượng cũng như chất lượng.

Vào cuối thập kỷ 50 và đầu thập kỷ 60 tình hình thế giới có những biến đổi mới, rất bất lợi cho đế quốc Mỹ.

Về phía cách mạng, Liên xô nhanh chóng phục hồi tiềm lực mọi mặt và cũng đã có vũ khí hạt nhân (theo tài liệu mang mật danh NSC 68 của CIA đánh giá, thì đến năm 1954, Liên xô đã có trong kho ít nhất 200 quả bom nguyên tử). Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ, khoảng 100 nước thuộc địa và phụ thuộc giành được độc lập với các mức độ khác nhau, khiến cho hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc tan rã từng mảng lớn.

Việc mất độc quyền vũ khí hạt nhân đã làm bàng hoàng giới quân sự Mỹ. Khi biết tin Liên xô công bố việc cho nổ thí nghiệm thành công các quả bom nguyên tử vừa chế tạo, trong một cơn tuyệt vọng, hoang mang cực độ, bộ trưởng quốc phòng Mỹ đã nhảy từ trên lầu cao xuống đất tự sát. Tiếp đó, còn một loạt sự kiện nữa làm Nhà trắng càng choáng váng.

– Liên xô trở thành nước đầu tiên đi vào vũ trụ, có trong tay những phương tiện chuyên tải đòn giáng trả hạt nhân đến bất cứ nơi nào trên trái đất.

Digitized by Google

— Thế cân bằng chiến lược Xô — Mỹ dần dần được xác lập và đã trở thành không thể đảo ngược.

— «55% số dân thế giới sống dưới chế độ cộng sản», trong khi đó, chỉ có «16% sống trong thế giới tự do» (số liệu của Ních-xơn). Nhiều «phần trăm» khác hướng về chủ nghĩa xã hội hoặc chọn con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa. Nhiều chính khách tư sản là nguyên thủ quốc gia một số nước dân tộc chủ nghĩa cũng gửi con cái đến Mát-xcơ-va học tập và tuyên bố sẽ đưa đất nước họ «đi theo con đường của nước Nga».

Còn trong thế giới tư bản thì đã xuất hiện thêm hai trung tâm kinh tế mới — Tây Âu và Nhật-bản — cạnh tranh ngày càng gay gắt với Mỹ. Cái gậy chỉ huy của Mỹ không còn có thể thả sức vung vẩy như trước và chứng cớ là, trong số các đồng minh của Mỹ ở châu Âu, đã có nước tuyên bố thẳng thừng đứng ra ngoài khối NATO do Mỹ khống chế.

Trước so sánh lực lượng mới, nước Mỹ đế quốc không thể không chấp nhận một bước lùi, phải điều chỉnh lại chiến lược cũ.

Chiến lược **«phản ứng linh hoạt»** ra đời, được hoàn chỉnh và định hình hẳn dưới thời Ken-nơ-đi, có những đặc trưng sau đây:

1 — Gác lại chủ trương «xóa sổ bằng đòn phủ đầu hạt nhân» phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên xô, và thay vào đó là chủ trương «kiềm chế», «ngăn chặn». Theo thuyết minh của các nhà chiến lược Mỹ thì «ngăn chặn» nói ở đây là «ngăn chặn sự bành trướng ảnh hưởng của Liên xô và của các nước xã hội chủ nghĩa» đối với «thế giới thứ ba», nhằm phá sự hợp lưu của hai phong trào cách mạng, trước bỏ người đồng minh tự nhiên của các nước xã hội chủ nghĩa là các nước dân tộc chủ nghĩa. Nếu làm được như vậy — vẫn theo Nhà trắng tính toán — thì tuy chưa thanh toán được «thế giới cộng sản» nhưng cũng «ngăn chặn vây cánh», làm cho nó nếu không yếu đi thì cũng không thể tiếp tục đà lớn mạnh như trước.

2 — Cùng với việc kiềm chế, ngăn chặn các phong trào cách mạng thế giới, Nhà trắng chủ trương tập trung lực lượng, chĩa thẳng mũi nhọn sức mạnh vào phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, nhằm giữ cho được các trận địa còn lại, hoặc nếu phát hiện có thời cơ, thì phản kích giành giật lại những địa bàn đã mất.

Để thực hiện chủ trương trên, nước Mỹ đế quốc đã chuẩn bị «hai cuộc chiến tranh rưỡi». Trong cuốn **Tiếng kèn ngập ngừng**, Tay lo viết:

«... Trong chiến lược phản ứng linh hoạt, chiến tranh lớn bằng vũ khí hạt nhân (chống Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa) từ nay đóng vai trò cái mộc che đỡ; còn chiến tranh bằng vũ khí thông thường là lưỡi gươm đâm chém».

Cách thức đế quốc Mỹ điều hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam giúp người ta hình dung được diện mạo chiến lược chống phá cách mạng thế giới thời kỳ này. Trong khi múa «lưỡi gươm đâm chém», đưa cuộc chiến tranh lên đỉnh cao về sử dụng sức mạnh, cho B.52 ném bom rải thảm thủ đô Hà nội, Ních-xơn đồng thời tong tả chạy tới thủ đô hai nước xã hội chủ nghĩa. Ông ta hy vọng có thể cách ly được hai nước này khỏi đội hình chiến đấu chung và nếu làm được điều đó thì sẽ có thể cô lập, tiến tới bóp chết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Thất bại của Mỹ trên chiến trường Việt nam và tiếp đó kéo theo thất bại dây chuyền trên nhiều trận địa khác, đã giáng một đòn nặng vào chiến lược «phản ứng linh hoạt» của Mỹ.

Digitized by Google

Mọi người hẳn còn nhớ, trong những năm đầu thời kỳ « nước Mỹ sau Việt nam », Nhà trắng đã phải tính tới cả phương án rút quân Mỹ khỏi Nam Triều-tiên, bỏ các căn cứ trong đất liền, rút ra củng cố tuyến phòng thủ ngoài hải đảo. Thậm chí, một nhóm chiến lược gia Mỹ có tên là « phái cô lập mới », còn đề nghị đưa tất cả lực lượng quân sự từ nước ngoài về đóng trong lãnh thổ Mỹ.

Những năm cuối thập kỷ 80, các nước xã hội chủ nghĩa bắt tay tiến hành cải tổ, cải cách, đổi mới và nhiều nước đã sa vào một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng nhất từ trước tới nay. Tính chất nghiêm trọng đó là ở chỗ, cuộc khủng hoảng lần này không diễn ra trong phạm vi cục bộ mà trên hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa và không phải ở một mà nhiều mặt : chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng.. Tính chất nghiêm trọng còn ở chỗ, ở một số nước xã hội chủ nghĩa, chính đảng của giai cấp công nhân đã mất vai trò lãnh đạo chính quyền, mà chính quyền thì lại là « vấn đề số 1 của mọi cuộc cách mạng ».

Đối với các thế lực đế quốc thì đây là « một cơ hội lớn nhất » — lớn đến nỗi ông Bu-sơ tuyên bố « cho phép chính quyền đương nhiệm có thể theo đuổi những tham vọng chưa một tổng thống Mỹ nào trước đây dám mơ tưởng tới ».

Đáp lại lời kêu gọi đầy phấn khích của ông trùm Nhà trắng, các nhà chiến lược Mỹ đã xúm vào, « xắn áo lên, bắt tay vào hành động ngay lập tức » và chiến lược « **Vượt trên ngăn chặn** » đã được thảo ra.

Tuy nhiên, khác với chủ trương « trả đũa ồ ạt », « đánh gục Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa bằng đòn phủ đầu hạt nhân, chiến lược « Vượt trên ngăn chặn » cho rằng cần tìm kiếm một kiểu chiến thắng khác. Bởi lẽ, như Nich-xơn viết, « sự xuất hiện vũ khí hạt nhân đã làm cho chiến tranh trở thành lỗi thời nếu dùng nó làm phương tiện giải quyết xung đột Đông — Tây ». Kiểu chiến thắng khác mà các thế lực đế quốc nói đây, là « chiến thắng mà không cần chiến tranh », chiến thắng bằng cách làm cho đối phương tự thất bại và đó là con đường thực hiện thầm thấu hòa bình, diễn biến hòa bình, chống « thế giới cộng sản ».

Các thế lực đế quốc đã lập tức ra quân trên mọi mặt trận chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng, thông tin đại chúng... Chúng vừa tung mồi nhử « viện trợ », hứa « sẽ giúp đỡ ngay tức khắc » các nước xã hội chủ nghĩa vượt qua những khó khăn về kinh tế, vừa ra sức tô vẽ cho « tính ưu việt » của chủ nghĩa tư bản, và khoét sâu thêm những điểm chưa hoàn thiện mà các nước xã hội chủ nghĩa đang ra sức khắc phục qua cải tổ, cải cách, đổi mới. Kêu gọi đa nguyên về chính trị, « phi chính trị hóa » các công cụ quan trọng bậc nhất của chính quyền vô sản — cơ cấu nhà nước, công an, quân đội ; tiếp tay, nuôi dưỡng các phần tử chống đối chế độ ; khuyến khích các dân tộc, sắc tộc trong các nước xã hội chủ nghĩa « đứng lên tự giải phóng » ... — đó là những thủ đoạn đang được các thế lực đế quốc thực hiện. Chúng cho rằng có thể làm ruỗng nát và đẩy « thế giới cộng sản » đến chỗ tự sụp đổ (?). Các thế lực đế quốc đã làm như thế ở khu vực Đông Âu, nơi mà Nich-xơn cho là có rất nhiều khả năng « Phân lan hóa ». Sau công phá ngoại vi, chúng chuyển lâu, đưa cuộc « chiến tranh không có tiếng súng » vào khu cấm địa — chĩa thẳng mũi nhọn vào Liên xô. Tiếp đó, là các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, trong đó Việt nam là đối tượng được Nhà trắng rất chú ý.

Nói « chiến thắng bằng thầm thấu hòa bình » không hề có nghĩa là nói

Digitized by Google

Nhà trắng đã xếp xó chính sách « cái gậy ». Nich-xơn biện luận rằng: « Không thể gạt bỏ một thực tế hiển nhiên là vũ khí hạt nhân sẽ không bao giờ bị loại bỏ ». Theo các hiệp nghị Xô – Mỹ, đúng là một số lượng vũ khí hạt nhân đã bị thủ tiêu, thế nhưng sự ráo riết hoàn thiện nhằm nâng cao chất lượng để đạt tới hiệu quả tối đa, lại cũng đang được Nhà trắng thực hiện đối với các loại vũ khí hạt nhân còn lại. Tuyệt đối không nên quên rằng, ngân sách quân sự Mỹ hiện nay vẫn duy trì ở mức 4% thu nhập quốc dân (trên 300 tỷ đô la vào năm 1994), tức gấp 10 lần so với ngân sách quân sự Nhật. Dĩ nhiên, chính sách « cái gậy hạt nhân » hiện nay được trao nhiệm vụ có khác trước – chủ yếu đóng vai trò lực lượng răn đe, làm cơ sở sức mạnh cho « diễn biến hòa bình », không trực tiếp làm đòn bẩy nhưng là « điểm tỳ của đòn bẩy ».

Nói Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa là đối tượng phản kích chủ yếu của các thế lực đế quốc, không có nghĩa là nói các thế lực đế quốc đã bỏ qua phong trào cách mạng dân tộc. Rõ ràng, khi phát hiện thấy có sơ hở, chúng đã nhảy bổ vào các nước dân tộc chủ nghĩa, kể cả bằng « cái gậy » LIC (xung đột cường độ thấp), can thiệp vũ trang bằng vũ khí thông thường, kiểu như Nhà trắng làm ở Pa-na-ma.

★

5 thập kỷ là một quãng thời gian đủ dài để có thể nhìn lại và rút ra những kết luận xác đáng về chủ nghĩa đế quốc. Mặc dù có những biến dạng này khác trong cung cách các thế lực đế quốc chống phá cách mạng thế giới qua từng giai đoạn lịch sử, song mục tiêu của chúng nhằm thanh toán chủ nghĩa xã hội và các phong trào cách mạng khác thì trước sau vẫn tuyệt đối bất biến.

Bè lũ đế quốc đang hí hửng, phấn chấn chưa hề thấy, đã chuẩn bị từ bây giờ khúc khải hoàn kết thúc toàn thắng cuộc chiến đấu chống cộng sản và cách mạng thế giới vào cuối thế kỷ này. Ấy thế mà, trong lúc này, lại có một số người tự xưng là cộng sản, tung ra thuyết « hòa nhập » (còn được gọi là thuyết « hội tụ » hoặc « đồng quy »). Thuyết này « chứng minh » rằng, giống như hai dòng sông tuy chảy riêng rẽ nhưng đều hướng ra biển cả và đến một khúc nào đó sẽ hợp lưu, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đến một thời điểm nào đó cũng sẽ tự động hòa nhập thành một dòng chảy, mở ra một « kỷ nguyên cực kỳ ưu việt » mà lịch sử nhân loại chưa từng biết tới (!).

« ... Một thế giới không có xung đột là ảo tưởng – Nich-xơn viết. Cuộc xung đột Đông – Tây sẽ còn trải qua nhiều thế hệ. Hòa bình không phủ nhận xung đột mà là phương tiện tồn tại cùng với xung đột... ».

Với câu đó của Nich-xơn, chiến lược gia của chủ nghĩa đế quốc Mỹ, thiết tưởng không cần phải bình luận gì thêm về mức độ sai lầm và nguy hại của thuyết « hòa nhập » nói trên!

Digitized by Google

BÓC LỘT CỦA CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC ĐỐI VỚI CHÂU MỸ LA TINH*

MỘT thực tế đã được các nhà sử học và kinh tế học thừa nhận : sự phát triển của châu Âu và của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới là dựa vào sự cung cấp tài chính của các nước thuộc địa ở châu Mỹ cũng như ở châu Á và châu Phi. Vì vậy, các chính quốc cũ phải chịu trách nhiệm về tình trạng chậm phát triển hiện nay ở các nước này và phải có nghĩa vụ đối với các dân tộc mà của cải đã bị họ cướp đoạt trong nhiều thế kỷ.

Để thấy rõ hơn sự bóc lột của các nước đế quốc, chúng ta hãy đi vào trường hợp cụ thể của châu Mỹ và thử tính xem số vàng bạc ở đây đã bị bọn thực dân lấy đi là bao nhiêu.

Từ năm 1503 đến năm 1660, gần 200 tấn vàng và khoảng 17 000 tấn bạc đã được đưa từ châu Mỹ về Tây-ban-nha. Nếu tính giá vàng hồi đó đắt gấp 11 lần giá bạc thì khối lượng vàng tinh mà bọn thực dân chiếm đoạt của châu Mỹ từ đầu thế kỷ 16 tới giữa thế kỷ 17 là khoảng 2 000 tấn. Đó là con số chính thức. Còn con số thực tế, chắc cao hơn nhiều. Theo nhà sử học và kinh tế học Mỹ E.J. Ha-min-tơn, số kim loại quý nằm trong tay bọn buôn lậu phải chiếm khoảng từ 10 đến 50% con số nói trên. Đấy là chưa kể số vàng bạc không nhỏ bị mất do các vụ đắm tàu, do các cuộc tiến công của bọn cướp thường xảy ra hồi đó.

Giờ chúng ta thử tính giá trị 2 000 tấn vàng nói trên. Năm ngoái, giá vàng trên thị trường quốc tế biến động từ 350 tới 412 đôla/ một ôn-xơ. Giá vàng cuối tháng 3 năm nay khoảng 368 đôla/một ôn-xơ. Nếu chọn một giá trung gian là 380 đôla/một ôn-xơ để tính, thì ta sẽ có con số sau: khối lượng vàng mà bọn thực dân cướp đoạt của châu Mỹ từ năm 1503 tới 1660, tức hơn một thế kỷ rưỡi, lên tới... 28 tỷ đô la.

Không chỉ trước kia mà hiện nay châu Mỹ la tinh vẫn phải tiếp tục

* Xem bài « Họ đã lấy cắp bao vàng bạc ở châu Mỹ ? » của Ô-xca Pi-nô Xan-tốt đăng trên *Gran-ma*, bản tóm tắt bằng tuần bằng tiếng Pháp, số ra ngày 6-5-1990

Digitized by Google

cung cấp tài chính cho các nước tư bản chủ nghĩa phát triển.

Mọi người đều biết, hiện nay hằng năm các nước Mỹ la tinh vẫn phải nộp cho thế giới tư bản chủ nghĩa phát triển khoảng 30 tỷ đô la để trả lãi chỗ các khoản vay và các khoản khác. Giả dụ 30 tỷ đô la ấy không phải nộp cho các nước đế quốc mà đem đầu tư vào các nước đó thì trong khoảng thời gian từ 1982 tới 1990 tính ra có thể thu được một số lãi ròng khoảng hơn 200 tỷ đô la. Với giá 1 tấn vàng hiện nay là khoảng 10 triệu đô la thì 200 tỷ đô la trên có thể mua được 20 000 tấn vàng. Nói cách khác : chỉ trong một thập kỷ qua, châu Mỹ la tinh đã bị các nước đế quốc lấy đi 20 000 tấn vàng.

Như vậy, mỗi năm hiện nay châu Mỹ la tinh bị các nước đế quốc lấy đi 2 000 tấn vàng. Cũng có nghĩa : điều mà bọn thực dân hồi thế kỷ 16 và thế kỷ 17 phải mất **hơn một thế kỷ rưỡi** mới thực hiện được, thì nay chủ nghĩa đế quốc chỉ cần **một năm**.

LÊ DUNG

22 CÁN BỘ *Tạp chí Cộng sản* ĐƯỢC TẶNG HUY CHƯƠNG « VÌ SỰ NGHIỆP BÁO CHÍ VIỆT NAM »

Nhân dịp kỷ niệm 45 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, Ban thư ký Hội nhà báo Việt nam đã quyết định tặng Huy chương « Vì sự nghiệp báo chí Việt nam » cho các nhà báo chuyên nghiệp có từ 25 năm làm báo trở lên và có những đóng góp thiết thực vào sự nghiệp báo chí cách mạng.

Trong số các nhà báo được tặng huy chương, có 22 đồng chí là cán bộ *Tạp chí Cộng sản*:

Phạm Thị Hải Âu, Trần Hồng Chương (truy tặng), Trịnh Cư, Nguyễn Xuân Dung, Nguyễn Văn Đặng, Đỗ Hữu Hạnh, Lê Thị Tâm Hương, Nguyễn Quý Lệ, Nguyễn Văn Lộc, Trương Quốc Minh (Tô Quyên), Nguyễn Thiện Nhân, Nguyễn Minh Quảng, Nguyễn Tử Tấn, Hoàng Chí Thân, Nguyễn Trọng Thụ, Vũ Tiên, Lê Tòng, Võ Xuân Tống, Lê Trì, Hà Xuân Trường, Lê Trung Việt, Lê Xuân Vũ.

Digitized by Google

ТАПТИ КОНГШАН № 9-1990

☆ IX пленум ЦК КПВ. ДО МЫОЙ – Продолжаем обновление... ПЮНГ ТХАНЬ – Теоретический стиль Хо Ши Мина. НГУЕН КУАН – Вьетнамская экономика после 45 лет победы революции. ИССЛЕДОВАНИЯ ☆ ФАН ДИНЬ ЗЬЕУ – Стабильность и развитие в нынешних условиях. ХОАНГ ВАН ХАО – Разграничение руководящих функций партии и управленческих функций государства. ХОАНГ ТХЕ ЛЬЕН – Роль системы органов власти в государственном управлении экономикой. ФАН КЫ ДЕ – О некоторых вопросах теории и творчества в области литературы в последнее время. ОБМЕН МНЕНИЯМИ И ОПЫТОМ ☆ БУЙ НГОК ТХАНЬ – Сотрудничество в области трудовых ресурсов с зарубежными странами – Проблемы и перспективы. КАО ЗЮЙ ХА – Общественный рынок – Перешенные проблемы и их решение. ЛЕ ВАН – Совершенствовать систему банковских организаций. П.К. «Солдаты Хо Ши Мина» – Понятия и «проблемы». НГУЕН ДЫК МИНЬ – Демократизация школы. ПИСЬМА В РЕДАКЦИЮ ☆ НГУЕН ФУК АН – Берегитесь оппортунизма. Отвечаем читателям. ИСТОРИЧЕСКИЕ ДОКУМЕНТЫ ☆ НГУЕН ТХАНЬ – Найти оригинал Декларации независимости, зачитанной президентом Хо Ши Мином 2-го сентября 1945 г. В МИРЕ: ПРОБЛЕМЫ И СОБЫТИЯ ☆ ТУАН ЛОАН – Социально – классовая структура при современном капитализме. ФАН ЛАНГ – 5 десятилетий – 3 стратегии против мировой революции. ПО СТРАНИЦАМ ЗАРУБЕЖНЫХ ИЗДАНИЙ ☆ Эксплуатация Латинской Америки империалистическими странами.

REVIEW OF COMMUNISM No. 9-1990

☆ The 9th Plenum of the CPV Central Committee. ĐỖ MƯỜI – Keeping the renovation ahead... SONG THÀNH – Ho Chi Minh's argumentative style. NGUYỄN QUÁN – Vietnamese economy 45 years after the success of the revolution. **Research – Exchange of Views** ☆ PHAN ĐÌNH DIỆU – Stabilization and development in the present situation. HOÀNG VĂN HẢO – Defining the Party's leading function and the State's managing function. HOÀNG THẾ LIÊN – The role of the system of the authoritative organs in economic management of the State. PHAN CỰ ĐỆ – Some problems on the theory and creation of literary works in recent years. **Opinions and Experience** ☆ BÙI NGỌC THANH – Labour co-operation with foreign countries, its problems and prospects. CAO DUY HẠ – Social market – its outstanding problems and solutions. LÊ VĂN – Perfecting the organizational work of the system of banks. P.C. – «Old Ho's Soldiers» – concept and «problem». NGUYỄN ĐỨC MINH – Democratization in schools. **Letters to the Editors** ☆ NGUYỄN PHÚC ÂN – Beware of opportunism. Replies to readers. **Historical Document** ☆ NGUYỄN THÀNH – Searching for the original of the *Declaration of Independence* proclaimed by President Ho Chi Minh on 2 September 1945. **The World: Problems and Events** ☆ TUẤN LOAN – Society – class structure under modern capitalism. PHAN LANG – Five decades and three strategies against the world revolution. **Through Foreign Publications** ☆ Imperialist exploitation towards Latin America.

Digitized by Google

REVUE DU COMMUNISME N° 9-1990

☆ — 9e Plénum du Comité central du PCV. ĐỖ MƯỜI — Poursuivre la rénovation... SONG THÀNH — Le style théorique de Ho Chi Minh. NGUYỄN QUÁN — L'économie vietnamienne 45 ans après la victoire de la Révolution d' Août. **Etudes — Echanges** ☆ PHAN ĐÌNH DIỆU — Stabilisation et développement dans le contexte actuel. HOÀNG VĂN HẢO — Distinction entre fonction de direction du Parti et fonction de gestion de l' Etat. HOÀNG THẾ LIÊN — Le rôle des organes du pouvoir dans la gestion étatique de l' économie. PHAN CỰ ĐỆ — Quelques problèmes théoriques et de création littéraires ces derniers temps. **Opinions et expériences** ☆ BÙI NGỌC THANH — La coopération dans le travail avec l'étranger : problèmes et perspectives. CAO DUY HẠ — Le marché social : problèmes à résoudre et solutions. LÊ VĂN — Perfectionner l' organisation du système bancaire. P.C. — « Le combattant de l' Oncle Hồ » — le concept et les « problèmes ». NGUYỄN ĐỨC MINH — Démocratiser l'école. **Lettres à la Rédaction** ☆ NGUYỄN PHÚC ÂN — Prenons garde à l'opportunisme. Réponses aux lecteurs. **Documents historiques** ☆ NGUYỄN THÀNH — A la recherche de l'original de la *Déclaration de l' Indépendance* lue par le Président Ho Chi Minh le 2 septembre 1945. **Le monde : problèmes et événements** ☆ TUẤN LOAN — La structure société-classe du capitalisme moderne. PHAN LANG — 5 décennies, 3 stratégies contre la révolution mondiale. **A travers des livres et presses étrangers** ☆ L'exploitation de l' Amérique latine par les pays impérialistes.

REVISTA DEL COMUNISMO Nº 9-1990

☆ — Noveno Pleno del Comité central del Partido. ĐỖ MƯỜI — Proseguir la renovación.... SONG THÀNH — El estilo teórico de Ho Chi Minh. NGUYỄN QUÁN — La economía vietnamita 45, años después de la victoria de la Revolución de Agosto. **Investigaciones — Intercambios** ☆ PHAN ĐÌNH DIỆU — Estabilización y desarrollo en la situación actual. HOÀNG VĂN HẢO — Distinción entre la función de dirección del Partido y la función de gestión del Estado. HOÀNG THẾ LIÊN — El papel de los órganos del poder en la gestión estatal de la economía. PHAN CỰ ĐỆ — Algunos problemas teóricos y de creación literarios en los últimos tiempos. **Opiniones y experiencias** ☆ BÙI NGỌC THANH — La cooperación en el trabajo con el extranjero: problemas y perspectivas. CAO DUY HẠ — El mercado social — problemas a resolver y soluciones. LÊ VĂN — Perfeccionar la organización del sistema bancario. P.C. — « El combatiente del Tío HO » — el concepto y « problemas ». NGUYỄN ĐỨC MINH — Democratizar la escuela. **Cartas a la Redacción** ☆ NGUYỄN PHÚC ÂN — Tengamos cuidado al oportunismo. Respuestas al lector. **Documentos históricos** ☆ NGUYỄN THÀNH — A la busca del original de la « Declaración de la independencia » leida por el Presidente Ho Chi Minh el 2 de septiembre de 1945. **El mundo: problemas y acontecimientos** ☆ TUẤN LOAN — La estructura sociedad — clase del capitalismo moderno. PHAN LANG — 5 decenios, 3 estrategias contra la revolución mundial. **A través de los libros y prensas extranjeros** ☆ La explotación de los países capitalistas para con la América latina.

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

9 - 1990
NĂM THỨ XXXVI (417)

☆ Hội nghị lần thứ chín BCHTƯ Đảng
Thông báo 1
Nghị quyết về dự thảo Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ và dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000 5

ĐỖ MƯỜI – Tiếp tục đổi mới... 6

SONG THÀNH – Phong cách lý luận Hồ Chí Minh 11

NGUYỄN QUÁN – Kinh tế Việt nam sau 45 năm cách mạng thành công 19

Nghiên cứu – Trao đổi

PHAN ĐÌNH DIỆU – Ổn định và phát triển trong tình hình hiện nay 25

HOÀNG VĂN HẢO – Sự phân định chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước 30

HOÀNG THẾ LIÊN – Vai trò của hệ thống cơ quan quyền lực trong quản lý nhà nước về kinh tế 34

PHAN CỰ ĐỆ – Mấy vấn đề lý luận và sáng tác văn học gần đây 38

Ý kiến và kinh nghiệm

BÙI NGỌC THANH – Hợp tác lao động với nước ngoài – Vấn đề và triển vọng 44

CAO DUY HẠ – Thị trường xã hội – Những tồn tại và giải pháp khắc phục 49

LÊ VĂN – Hoàn thiện hệ thống tổ chức ngân hàng 54

P.C. – «Bộ đội Cụ Hồ» – Khái niệm và «vấn đề» 58

NGUYỄN ĐỨC MINH – Dân chủ hóa nhà trường 63

Thư gửi Bộ biên tập

NGUYỄN PHÚC ÂN – Hãy coi chừng chủ nghĩa cơ hội 69

Trả lời bạn đọc 72

Tư liệu lịch sử

NGUYỄN THÀNH – Tìm lại bản chính *Tuyên ngôn độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ngày 2-9-1945 73

Thế giới: vấn đề, sự kiện

TUẤN LOAN – Cơ cấu xã hội – giai cấp dưới chủ nghĩa tư bản hiện đại 77

PHAN LANG – 5 thập kỷ, 3 chiến lược chống phá cách mạng thế giới 82

Qua sách báo nước ngoài

Bóc lột của các nước đế quốc đối với châu Mỹ la tinh 87

Trụ sở Bộ biên tập:
1. Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói: 52061 – 52062
Trụ sở cơ quan thường trú ở miền Nam:
19. Phạm Ngọc Thạch – Q. 3 T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 – 22010

Digitized by Google

In tại Nhà in NHÂN DÂN HÀ NỘI II
Chỉ số : 12651 ISSN 0866 - 7276
Digitized by Google
Giá : 800đ

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

UNIV. OF MICH.
OCT 16 1991
CURRENT SERIALS

10
1990

Digitized by Google

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
Cơ quan lý luận và chính trị của
Trung ương Đảng cộng sản Việt nam

MẤY VẤN ĐỀ CẤP BÁCH Ở CÁC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ NƯỚC TA

NÔNG ĐỨC MẠNH *

TRONG hoàn cảnh khó khăn chung, mấy năm qua, các dân tộc thiểu số đã có nhiều cố gắng trong sự nghiệp đổi mới đất nước và đã đạt được một số tiến bộ. Song những tiến bộ đó nhìn chung còn chưa là bao so với tiềm năng vốn có và yêu cầu phát triển của miền núi, của bản thân các dân tộc và của cả nước. Trình độ phát triển kinh tế xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số còn rất thấp. Kinh tế tự nhiên, di liền với nạn du canh du cư, còn chiếm tỷ trọng lớn. Kinh tế hàng hóa thực sự chưa có tiền đề để xây dựng và phát triển. Nghèo đói, bệnh tật, thất học và mù chữ đang là thực trạng nhức nhối ở không ít địa phương. Gần đây, những tiêu cực xã hội như cờ bạc, nghiện hút, hủ tục lại có cơ tái phát. Các thế lực phản động và thù địch lợi dụng những sơ hở trong việc thực hiện chính sách dân tộc đã len sâu vào cơ sở của ta, chống phá tinh vi và quyết liệt.

Đồng bào các dân tộc thiểu số đang đứng trước thử thách lớn: từ một nền kinh tế tự nhiên, tự túc, tự cấp lạc hậu, phải chủ động, vươn lên xác lập từng bước nền kinh tế hàng hóa với cơ chế quản lý mới. Ngay đối với miền xuôi và dân tộc đa số, kinh tế hàng hóa còn đang là bài toán khó giải, huống hồ các vùng dân tộc lại mang những đặc điểm riêng (thói quen, nếp nghĩ, phong tục, tập quán, tâm

* Trưởng Ban dân tộc trung ương

Digitized by Google

lý...) phức tạp và nặng nề. Xưa nay, trong chủ trương chính sách giải quyết các vấn đề của vùng dân tộc, thường quá tham nhiều việc. Nhưng do lực bất tòng tâm, biện pháp không đồng bộ, có lúc có nơi làm nửa vời, không triệt để hoặc nói mà không làm, thành thử văn bản thì nhiều nhưng hiệu quả thực tế thường rất hạn chế.

Hiện nay, đối với các vùng dân tộc, theo tôi, cần tập trung sức giải quyết mấy vấn đề sau đây :

Một là, nên sớm thống nhất nhận thức và kế hoạch thực hiện các chủ trương chính sách, nhất là phương hướng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các vùng dân tộc, coi đây là việc chung của cả nước, nằm trong chiến lược chung xây dựng và phát triển kinh tế — xã hội của đất nước. Đồng thời, mỗi dân tộc sống trên đất nước ta, dù nhỏ hay lớn, dù đa số hay thiểu số, đều phải coi đó là sự nghiệp của chính mình.

Đất đai, tài nguyên tổ quốc trải trên các vùng, vừa là sở hữu toàn dân, vừa thuộc quyền trực tiếp sử dụng, quản lý của từng dân tộc, của từng người lao động. Điều quan trọng nhất ở đây là tìm ra cách khai thác tốt nhất đất đai, tài nguyên đó để trực tiếp đem lại lợi ích cho đồng bào các dân tộc và lợi ích toàn xã hội. Về phía nhà nước, cần sớm có văn bản pháp luật, những hướng dẫn cụ thể, quy định quyền hạn, trách nhiệm trên lĩnh vực này, chống những khuynh hướng lệch lạc, sai lầm dẫn tới không bảo đảm các lợi ích một cách thỏa đáng, vắt kiệt đất đai, tài nguyên, gây lãng phí lớn... Đồng thời, cần có chính sách đầu tư đúng mức (vốn, vật tư, kỹ thuật, cán bộ...) cho miền núi và các vùng dân tộc ; không coi đây là ban ơn, là bao cấp, là chiếu cố.

Còn các vùng dân tộc cũng phải thật sự phát huy tinh thần tự lực tự cường, năng động, sáng tạo, vươn lên làm chủ đất đai, tài nguyên, khai thác thế mạnh của mình, không trông chờ, ỷ lại, không tự ti và thụ động, tranh thủ và sử dụng tốt sự giúp đỡ của nhà nước. Từng địa phương cần xây dựng một cơ cấu kinh tế thích hợp ; từng bước phát triển kinh tế hàng hóa theo hướng động viên nhiều thành phần trong xã hội tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông, dịch vụ...

— **Về nông, lâm nghiệp.** Một mặt các địa phương cần thâm canh tăng vụ trên những địa bàn chắc ăn, mặt khác khuyến khích mọi đối tượng, mọi tổ chức (cơ quan, trường học, đơn vị quân đội, cơ sở kinh tế, hộ gia đình...) nhận đất, nhận rừng hoặc tự nguyện khai thác những vùng đất trống, đất đồi trọc ; cải tạo những vùng sình lầy, chua mặn, tạo ra hình thức sản xuất đa dạng (vườn rừng, trại rừng, trại chăn nuôi...) với nhiều loại cây, con thích hợp. Có như vậy mới nhanh chóng tăng thêm sản phẩm hàng hóa. Đặc biệt, cần giải quyết cho được khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo vốn tái sản xuất mở rộng, có tiền mua lương thực, hàng tiêu dùng, bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của đời sống

Định canh định cư hơn một triệu dân, thực sự là một vấn đề lâu dài, gian khổ, có nhiều công việc liên quan với nhau phải làm đồng bộ. Cần chú ý những nguyên nhân làm cho định canh định cư ít có kết quả, và đề ra những biện pháp thật thiết thực, có thể làm ngay, để khắc phục tình trạng trì trệ. Lâu nay ở những vùng định canh định cư, ta chỉ chú ý nhiều đến mặt phát triển sản xuất, ít lo đến nhu cầu tối thiểu của con người, chưa nói đến việc nâng cao phúc lợi xã hội. Trước mắt, đối với đồng bào các dân tộc có số dân ít ỏi (như đồng bào Rục, Cà ho, La hủ, Si la, Mảng ư, Brâu, Rơ-măm...), nhà nước cần có biện pháp đặc biệt, sử dụng cả vốn định cư lẫn

Digitized by Google

vốn xây dựng kinh tế mới để trong một thời gian ngắn, có thể tạo lập cho họ một địa bàn sinh sống tương đối ổn định, phù hợp với hoàn cảnh sống của họ (nhà ở, đất canh tác, công cụ sản xuất và những dụng cụ sinh hoạt tối thiểu...). Nơi đất quá ít, đồng bào có nguyện vọng di chuyển, thì cũng cần xem xét, giải quyết theo chính sách, như đối với đồng bào ở miền xuôi đi xây dựng vùng kinh tế mới.

— Về công nghiệp, thương nghiệp và kết cấu hạ tầng. Hướng chính trong công nghiệp là phát triển ngành chế biến với quy mô nhỏ và vừa, phù hợp với khả năng đầu tư của hộ và liên hộ gia đình. Cần tổ chức chặt chẽ khâu sơ chế tại các gia đình, đồng thời chú ý đầu tư trang bị kỹ thuật hiện đại, nâng giá trị sản phẩm hàng hóa, phục vụ tốt yêu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

Trong kinh doanh, vấn đề quan trọng là phải làm tốt khâu dịch vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Ở đây phải kể đến vai trò của thương nghiệp nhà nước. Nên tổ chức rộng khắp mạng lưới đại lý mua bán tận bản làng, tận các chợ, trên các trục giao thông; khuyến khích quốc doanh, tập thể, tư nhân đăng ký kinh doanh (kể cả kinh doanh đường dài) tất cả các mặt hàng mà luật pháp không cấm, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tự do đi lại, giao lưu hàng hóa. Xây dựng các chợ ở huyện, xã và liên xã; biến chợ thành nơi tụ họp các dân tộc, nơi giới thiệu, trao đổi, mua bán các mặt hàng và ký kết các hợp đồng kinh doanh, nơi kết hợp với các hoạt động văn hóa, phù hợp với truyền thống của các dân tộc, để tuyên truyền và giáo dục nếp sống mới, lành mạnh. Bên cạnh các chợ, cần xây dựng các trung tâm liên kết, giao dịch kinh tế giữa các cơ sở công nghiệp lớn của trung ương, các cơ sở công nghiệp quốc phòng với các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của địa phương, tạo ra môi trường hoạt động sản xuất, giao lưu hàng hóa, cải thiện bộ mặt các vùng dân tộc.

Đối với kết cấu hạ tầng của các vùng dân tộc, cần tập trung vào ba việc:

+ Làm cho đường sá giao thông có bước tiến rõ rệt. Nâng cấp và xây dựng một số trục đường giao thông, chủ yếu là các tuyến nối liền các trung tâm kinh tế quan trọng. Tăng thêm các phương tiện vận tải cơ giới, phát triển mạnh phương tiện vận tải thô sơ, khai thác thêm vận tải thủy; không hạn chế các hình thức vận tải tư nhân.

+ Xây dựng mạng lưới điện, nhất là mạng lưới thủy điện quy mô nhỏ và vừa để sớm cung cấp điện cho nhân dân (nhất là đồng bào gần các nhà máy thủy điện); coi trọng các dạng năng lượng khác. Các cơ sở năng lượng này, nên xây dựng theo phương châm: kết hợp vốn và công sức của nhà nước, tập thể, đơn vị sản xuất và các hộ gia đình.

+ Giải quyết cho được khâu cung cấp nước sinh hoạt, nước sản xuất. Đầu tư, khai thác có hiệu quả những hồ đập lớn sẵn có; đắp các đập nhỏ, khai tìm và xây các cột nước ở vùng ngập mặn, xây bể chứa ở vùng núi đá, núi cao...; gắn thủy lợi với thủy điện, với công tác trồng rừng, bảo vệ rừng.

Hai là, đi đôi với việc phát triển từng bước nền kinh tế thị trường, nhà nước — mà hiện nay tổ chức có trách nhiệm lớn nhất là **Bộ công tác dân tộc** — cần có sự nhìn nhận lại toàn bộ công việc trước đây, để xây dựng một kế hoạch thiết thực từng bước phát triển đồng bộ các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng.

Trước hết, căn cứ vào hiệu quả kinh tế, mạnh dạn điều chỉnh lại quan hệ sản xuất cho phù hợp với

Digitized by Google

tính chất và trình độ lực lượng sản xuất; thật sự tôn trọng quyền tự quyết định và lựa chọn các hình thức kinh tế phù hợp với đặc điểm, điều kiện và khả năng của mỗi vùng, mỗi dân tộc, kiên quyết chống lối rập khuôn máy móc, hình thức và áp đặt. Theo hướng đó, rà soát lại các tổ chức kinh tế quốc doanh theo tiêu chuẩn năng suất, chất lượng, hiệu quả; áp dụng rộng rãi các hình thức kinh tế quá độ thích hợp, đi từ thấp đến cao, đặc biệt coi trọng việc củng cố, xây dựng mô hình phát triển kinh tế gia đình, coi đây là một trong những hướng chiến lược quan trọng, tạo cơ sở phân công lại lao động ngay trong từng tế bào xã hội, từng bước thoát ra khỏi nền kinh tế tự nhiên, góp phần khắc phục nạn tranh chấp ruộng đất, xác lập quyền làm chủ thật sự của người lao động trên mảnh đất, khoảnh rừng của mình.

Trong khâu kế hoạch, để có bước phát triển nhanh, nhà nước cần ưu tiên đầu tư một số mặt sau đây:

+ Hoàn thiện công tác thăm dò, điều tra cơ bản các vùng dân tộc, để có cơ sở đánh giá tổng hợp và tương đối chính xác các điều kiện tự nhiên, xã hội của các vùng đó, nhằm xây dựng quy hoạch tổng thể các mặt cả trước mắt và lâu dài.

+ Bên cạnh các cơ sở hiện có, mở rộng thêm các trung tâm chăn nuôi, trồng trọt, tổ chức dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất (tạo giống mới, thuần hóa giống nhập ngoại, ứng dụng công nghệ hiện đại trong chế biến lâm sản, đặc sản...); chú trọng đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ khai thác, chế biến các tài nguyên thiên nhiên.

+ Có biện pháp cụ thể bảo đảm cung ứng một số mặt hàng thiết yếu như muối ăn, dầu thắp sáng, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng dịch, giấy học sinh... (nhất là những nơi đặc biệt khó khăn).

+ Bằng mọi cách thực hiện chương trình cấp nước sinh hoạt cho các điểm dân cư ở vùng cao biên giới, các đồn biên phòng, vùng sâu, nước mặn, phấn đấu trong một thời gian ngắn nhất (khoảng năm 1995) giải quyết cơ bản nhu cầu nước sinh hoạt cho nhân dân các vùng đó.

Ba là, xác định phương hướng và cách thức mới xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc.

Nhân tố quyết định sự phát triển lâu dài và vững chắc của các dân tộc, cuối cùng vẫn là con người. Xây dựng cho mỗi dân tộc một đội ngũ cán bộ cốt cán vững vàng, đó là mong ước của Đảng ta, của các dân tộc ở nước ta từ lâu nay. Song, đây là vấn đề hết sức khó khăn. Bởi lẽ nó quan hệ đến toàn bộ sự nghiệp phát triển giáo dục, văn hóa của cả nước, và toàn dân ta nói chung, của miền núi và đồng bào các dân tộc nói riêng; đến việc nâng cao vững chắc mặt bằng dân trí ở mỗi dân tộc. Nó phụ thuộc rất nhiều vào những chủ trương chính sách sát hợp, vào các điều kiện, phương tiện vật chất nhằm bồi dưỡng, đào tạo có kết quả hệ thống đội ngũ cán bộ, trí thức các dân tộc.

Theo tôi, những việc cần làm ngay là:

— Tăng vốn đầu tư (dù có phải giảm đầu tư ở việc khác) cho việc xây dựng các trường, lớp đào tạo giáo viên phổ thông; bảo đảm đủ giáo viên, nhất là những giáo viên tại chỗ, đào tạo xong là có thể phục vụ ngay, không phải chuyển vùng.

— Tổ chức lại hệ thống trường phổ thông cơ sở, đặc biệt ở vùng cao, nơi dân cư thưa thớt. Nên có lớp học ở ngay thôn bản, ở liên gia đình (có thể mở lớp dân lập).

— Cùng với chương trình tối thiểu, xóa nạn mù chữ, phấn đấu phổ cập giáo dục cấp I cho lứa tuổi thanh

Digitized by Google

thiếu niên theo chương trình cải cách phù hợp với từng dân tộc.

– Miễn học phí cho học sinh là con em các dân tộc miền xuôi lập nghiệp ở miền núi, có nhiều khó khăn.

– Trong khi không ngừng phổ cập tiếng phổ thông, cần tôn trọng và tạo điều kiện cho các dân tộc có nhu cầu duy trì tiếng mẹ đẻ.

– Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của miền núi nói chung, của từng vùng dân tộc và từng dân tộc nói riêng, mở rộng và củng cố hệ thống trường phổ thông nội trú, trường vừa học vừa làm, trường dạy nghề, các lớp dự bị đại học, chuyên nghiệp...

– Đối với những dân tộc có số dân quá ít, cần có chế độ đào tạo, ưu đãi đặc biệt (trong tuyển sinh, lựa chọn, học bổng, phương tiện đi lại...), tạo mọi điều kiện đưa con em các dân tộc này vào trường học.

– Mở rộng chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn ngày đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật ứng dụng, nhất là ở cấp huyện, xã.

– Khôi phục các lớp dành riêng cho cán bộ miền núi và cán bộ dân tộc tại các trường đảng, trường hành chính, trường quản lý kinh tế, trường của các đoàn thể quần chúng (cả ở trung ương và địa phương); có chế độ ưu tiên thỏa đáng đối với học viên các loại trường này.

★

Các vùng dân tộc nước ta đang đứng trước những yêu cầu cấp thiết phải giải quyết để bảo đảm và ổn định đời sống bình thường của các dân tộc, giữ vững mối quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc, không làm nảy sinh những vấn đề mới phức tạp. Đáp ứng những đòi hỏi đó không dễ. Nhưng theo tôi, điều quan trọng hàng đầu là xác định cho được những công việc thiết thực, có thể làm ngay, tránh viển vông, nói nhiều làm ít, hoặc nói mà không làm. Đặc biệt, cần làm cho mọi người trong xã hội hiểu rõ việc giải quyết tốt các công việc nói trên là một nhiệm vụ chiến lược lâu dài, gắn liền với lợi ích của từng dân tộc, với tương lai, hạnh phúc của mỗi người.

Digitized by Google

Đổi mới chính sách bảo trợ xã hội góp phần ổn định xã hội

TRẦN ĐÌNH HOAN *

BẢO trợ xã hội là bộ phận hợp thành của tổng thể các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta, bao gồm ba mặt công tác lớn: chính sách đối với những người có công với cách mạng, chính sách bảo hiểm xã hội, và chính sách cứu trợ xã hội. Thuộc diện người có công với cách mạng, tính đến cuối năm 1989 cả nước có khoảng 36 vạn thương binh (trong đó 1,1 vạn thương binh nặng), hơn 18 vạn liệt binh, gần 98 vạn liệt sĩ với 1,8 triệu thân nhân chủ yếu (trong đó có hơn 1 triệu người đang hưởng trợ cấp hằng tháng, và 3,3 vạn người hưởng sinh hoạt phí nuôi dưỡng), 1,8 vạn người có công giúp đỡ cách mạng. Thuộc diện bảo hiểm xã hội, hiện có trên 60 vạn người hưu trí, 30 vạn người nghỉ mất sức lao động. Hàng năm, có thêm khoảng 8—12 vạn người về nghỉ hưu, mất sức (riêng 6 tháng đầu năm 1990, diện này tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ năm 1989). Thuộc diện cứu trợ xã hội, có số người thiếu đói (hiện nay ở nông thôn hằng năm có khoảng 1,5 triệu người, trong đó có những người thiếu đói liên tục từ 3 tháng trở lên, phải nhận cứu trợ xã hội; riêng năm 1988, do thiên tai, số người này lên tới 12 triệu); có số người tàn tật (khoảng 2 — 2,5 triệu người, chiếm khoảng 3—5% số dân); và số người thuộc các diện cứu trợ khác (trẻ em mồ côi, người già neo đơn không nơi nương tựa, người nghiện hút, gái lỡ làm, thương, phế binh ngụy...).

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn chậm phát triển, ngân sách nhà nước hạn hẹp, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI trên lĩnh vực bảo trợ xã hội đã đạt được một số kết quả bước đầu theo hướng: **Làm cho các thành viên hưởng chính sách được yên ổn về vật chất, vui vẻ về tinh thần.**

Để đảm bảo đời sống cho những người có công với cách mạng, cùng với các giải pháp chung về tiền lương, trong mấy năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có những quyết định sửa đổi, bổ sung một số chính sách trợ cấp. Song, nhìn chung, đời sống của số người này đang hết sức khó khăn. Theo kết quả điều tra trên 4000 hộ gia đình ở 5 tỉnh thành phố trong năm 1989, có khoảng 60—65% số gia đình thuộc diện này có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của nhân dân xã, phường nơi sinh sống. Đối với diện về nghỉ hưu, mất sức, Nhà nước ta cũng đã có sửa đổi, bổ sung một số chính sách nhằm ngăn chặn sự giảm

* Bộ trưởng Bộ lao động, thương binh và xã hội

Digitized by Google

thu nhập thực tế. Tuy vậy, trong hơn 60 vạn người đã về hưu, gần 50% hưởng mức lương hưu dưới 22 500 đ/tháng, 40% hưởng mức lương dưới 30 000 đ/tháng, chỉ 10% có mức lương hưu trên 30 000đ/tháng, cho nên nhiều người vẫn phải tìm việc làm thêm, để có thu nhập bảo đảm cuộc sống.

Đối với diện cứu trợ xã hội, thực hiện chủ trương chăm sóc trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn, công tác này đã được các địa phương chú ý hơn. Nhà nước đã dành một lượng lớn lương thực, tiền và hàng hóa, tranh thủ viện trợ nhân đạo để cứu trợ cho số người thiếu đói, số người cô đơn, gặp rủi ro. Hiện có khoảng trên 8 vạn người được nhận trợ cấp thường xuyên, trên 20 vạn người được các địa phương, cơ sở, giúp đỡ điều kiện để tổ chức cuộc sống. Tuy nhiên, công tác này còn nhiều hạn chế, nhất là đối với những người tàn tật. Đại đa số những người thuộc diện này đang sống dưới mức tối thiểu của cộng đồng cùng địa phương xã, phường.

Những kết quả bước đầu đạt được trong công tác bảo trợ xã hội gắn chặt với đường lối đúng đắn do Đại hội VI đề ra. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, Đảng và Nhà nước ta đã tìm ra bước đi đúng đắn, bắt đầu từ đổi mới kinh tế, thực hiện ổn định tình hình xã hội để tạo điều kiện thiết yếu cho công cuộc đổi mới toàn diện và sâu sắc. Đã chú ý giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, giảm lạm phát, tạo công ăn việc làm cho lao động nói chung, cho diện chính sách nói riêng. Đã chú ý phát huy tổng hòa vai trò và trách nhiệm của Nhà nước, của cộng đồng và của bản thân đối tượng. Thế « kiềng ba chân » trở thành giải pháp hiệu quả trong thực tiễn.

Những tồn tại trong công tác bảo trợ xã hội có nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về mặt khách quan, phải kể tới các nhân tố địa lý, lịch sử và cơ sở kinh tế. Với cấu tạo tự nhiên « tam sơn, tứ hải, nhất phần điền », lại thuộc vùng nhiệt đới gió mùa, đất nước ta có những vùng thường xuyên bị thiên tai hạn hán, bão lụt. Diện cứu trợ ở các vùng này năm nào cũng có. Sau nhiều năm chiến tranh, số người thuộc diện thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội rất lớn trong khi nền kinh tế lại chưa phát triển. Những khó khăn đó là khó tránh. Về mặt chủ quan, có lúc có nơi ta chưa thấy hết vị trí của lĩnh vực công tác này; một số chính sách chưa kịp sửa đổi phù hợp với cơ chế kinh tế mới; trong chỉ đạo thực hiện, có nơi còn « khoán trắng » cho ngành lao động – thương binh xã hội...

★

Thực tiễn cụ thể hóa đường lối Đại hội VI của Đảng trên lĩnh vực công tác xã hội và bước đầu tổng kết công tác bảo trợ xã hội của nước ta cho thấy: các lĩnh vực công tác xã hội này, **về thực chất, là các bảo đảm về vật chất, về cơ chế và chính sách** đối với con người thuộc toàn bộ hay một bộ phận lớn cộng đồng dân tộc, **nhằm phòng ngừa, khắc phục, bù đắp sự « hẫng hụt và sụt nền »** trong đời sống vật chất, tinh thần của các đối tượng chính sách, góp phần tạo thế ổn định về mặt xã hội, củng cố an toàn và an ninh xã hội.

Diện đối tượng chính sách ưu đãi, trải qua quá trình đấu tranh cách mạng, đã hy sinh to lớn về xương máu, sức lao động, tài sản, khi hòa nhập vào đời sống kinh tế – xã hội mới, gặp phải sự « hẫng hụt » về mức sống so với cái nền chung của xã hội. Chính sách xã hội ở đây là sự bù đắp đối với sự « hẫng hụt » đó, theo đạo lý vừa là nghĩa vừa là tình.

Digitized by Google

Người lao động sau khi ra khỏi quá trình lao động, về nghỉ hưu, mất sức, gặp cảnh «sụt nền» về thu nhập và mức sống so với thời kỳ trước đó. Chính sách xã hội ở đây góp phần khắc phục, bù đắp một phần sự «sụt nền» đó.

Những người tàn tật, neo đơn, rủi ro, trong xã hội nào cũng có. Do nhiều hoàn cảnh khác nhau, mức sống của họ cũng bị «sụt nền» so với cái nền chung của cộng đồng. Chính sách xã hội ở đây tạo ra sự hỗ trợ, tạo cho họ «cái thích ban đầu» để họ có điều kiện hòa nhập với cộng đồng. Tình đồng bào, trách nhiệm xã hội là đạo lý trong công tác này.

Từ bản chất của các hiện tượng và quá trình con người – xã hội này, từ thực chất của công tác bảo trợ xã hội, và quán triệt quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta trong sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội thời kỳ tới, **mục tiêu tổng quát của một số lĩnh vực công tác xã hội là xác lập thế cân đối giữa xã hội với kinh tế, ngăn chặn sự xuống cấp của một số lĩnh vực xã hội, chống tham nhũng và thực hiện công bằng xã hội, tạo ra thế ổn định vững chắc về xã hội, an ninh và an toàn xã hội.**

Mục tiêu tổng quát đó được thể hiện trên các điểm chủ yếu sau đây: Phấn đấu tới năm 2000 diệt xong «giặc đói», giảm căn bản số hộ nghèo, nhất là ở nông thôn, miền núi, vùng có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. Bảo đảm cho diện hưởng chính sách ưu đãi có mức sống vật chất và tinh thần không thấp hơn mức trung bình của cộng đồng cùng xã, phường. Bảo đảm cho người về hưu, mất sức giữ được thu nhập thực tế, ổn định cơ bản cuộc sống. Bảo đảm cho diện thuộc chính sách cứu trợ có mức sống không thấp hơn mức tối thiểu của cộng đồng cùng xã, phường. Giảm mạnh các tệ nạn xã hội.

Những mục tiêu nêu trên bắt nguồn từ quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta là đặt con người vào vị trí trung tâm của mọi quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước, đồng thời bắt nguồn từ nguyện vọng sâu xa và chính đáng của nhân dân ta là người lao động có việc làm, với thu nhập thích đáng, và được sống trong ổn định và an toàn xã hội.

Việc thực hiện những mục tiêu trên đòi hỏi phải xác lập và thống nhất những quan điểm cơ bản về bảo trợ xã hội. Trước hết, cần đặt đúng tầm lĩnh vực công tác này trong Cương lĩnh của Đảng, trong Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, trong kế hoạch 5 năm và hằng năm của nhà nước, trong chương trình công tác của các ngành và các cấp. Đó cũng là một bước đổi mới nhận thức của các cấp, các ngành đối với lĩnh vực xã hội nói chung, công tác bảo trợ xã hội nói riêng, coi đây là mặt trận xung yếu, là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa cơ bản, có quan hệ mật thiết tới sự thành công của toàn bộ sự nghiệp đổi mới.

Phương thức cơ bản để thực hiện công tác bảo trợ xã hội là phát huy cao độ sức mạnh của «thế kiềng ba chân». Nhà nước, từ trung ương tới địa phương, là người quản lý chung các lĩnh vực công tác xã hội, có trách nhiệm về các bảo đảm cơ chế, chính sách, chế độ và một phần về bảo đảm vật chất. Do ngân sách nhà nước còn có hạn, và chủ yếu do đặc trưng của các lĩnh vực công tác này như đã phân tích ở trên, việc thực hiện các mặt công tác này không thể chỉ do nhà nước đảm nhiệm, càng không thể chỉ «khoán trắng» cho ngành lao động, thương binh và xã hội. Toàn thể cộng đồng xã hội, từ làng, xã, phường xóm tới cả nước, đều có trách nhiệm tạo ra môi trường vật chất và tinh thần cho sự sinh sống và hoạt động xã hội của các diện đối

Digitized by Google

tượng chính sách với những hình thức tổ chức phù hợp. Các tổ chức vì các đối tượng xã hội là các cơ quan lao động – thương binh – xã hội từ trung ương đến phường, xã; là các hội từ thiện vì các đối tượng xã hội; là các tổ chức của những người có công và của những đối tượng xã hội, như các hội cựu chiến binh, hội người tàn tật, hội người mù, hội người điếc câm... Cần phát động các phong trào rộng rãi của nhân dân, các đoàn thể và tổ chức xã hội vì các đối tượng là người có công hoặc đối tượng xã hội (như phong trào đón thương binh nặng về sống với gia đình, phong trào ngôi nhà tình nghĩa, phong trào đỡ đần con liệt sĩ hoặc chăm sóc bố mẹ liệt sĩ cô đơn, phong trào xây dựng quỹ xã hội). Điều này không chỉ bắt nguồn từ trách nhiệm xã hội, trách nhiệm cộng đồng, mà còn là quy luật khách quan của sự tồn tại và vận động của từng con người cụ thể trong cộng đồng. Cùng với trách nhiệm của nhà nước, trách nhiệm của xã hội là trách nhiệm của bản thân những người thuộc diện chính sách trong việc tự khẳng định mình và chủ động hòa nhập với cộng đồng.

Để thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội, còn phải tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế, nhất là các hoạt động từ thiện, nhân đạo đối với người tàn tật, trẻ mồ côi, người già neo đơn, người gặp rủi ro do thiên tai...

Cùng với các quan điểm nêu trên, điều quan trọng là dựa vào cuộc sống thực tiễn quan điểm có tính định hướng, xuyên suốt hàng loạt hiện tượng và quá trình kinh tế – xã hội, **là « bù đắp đầu thấp, điều tiết đầu cao, tạo ra hợp lực nâng toàn bộ cộng đồng »**. Theo cách đó, điều hành vĩ mô kinh tế–xã hội vạch ra hành lang luật pháp, tạo lập các động lực phát triển để nâng dần mức sống của bộ phận dân cư còn nghèo, khổ (trong đó có số thuộc diện chính sách xã hội), khuyến khích bộ phận dân cư có điều kiện làm giàu hợp pháp, từ đó, từng bước nâng cao mức sống của toàn dân.

★

Những điều kiện và giải pháp nào đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trên đây?

Về các bảo đảm vật chất. Cần tính toán, bố trí các bảo đảm vật chất cho lĩnh vực xã hội nói chung, cho bảo trợ xã hội nói riêng, cân đối, tương xứng với các nhiệm vụ kinh tế. Điều này phải được thể hiện cụ thể từ trong bố trí cơ cấu kinh tế (theo ngành, lãnh thổ), trong cơ cấu đầu tư, cơ cấu ngân sách nhà nước và cơ cấu tài chính quốc gia. Trong hàng chục năm qua, tổng quỹ tiêu dùng xã hội thường chỉ chiếm khoảng từ 3,5 đến 5% tổng nguồn sử dụng thu nhập quốc dân, tức xấp xỉ với quỹ bù đắp hao hụt tổn thất của toàn bộ nền kinh tế. Nếu không sớm điều chỉnh, tăng tỷ lệ cơ cấu này, thì khó có cơ sở vật chất thực tế để ngăn chặn sự xuống cấp của nhiều lĩnh vực xã hội, kể cả y tế, giáo dục, văn hóa, tư tưởng...

Đồng thời, cần sớm hoạch định và triển khai thực hiện một số chương trình, dự án tầm quốc gia về lĩnh vực này, trước hết là chương trình chống đói nghèo và chương trình về người tàn tật. Chương trình chống đói nghèo nhằm tập trung nguồn lực vật chất cho các vùng và các đối tượng trọng điểm, bao gồm vùng « cần xoong », ven biển miền trung, vùng núi phía bắc, vùng chiêm trũng; các đối tượng chính là gia đình thương binh, liệt sĩ, có công giúp đỡ cách mạng, các hộ thiếu sức lao động, thiếu vốn, đồng bào dân tộc ít người... Cùng với việc trợ giúp về vốn, kỹ thuật và kinh

Digitized by Google

nghiệm làm ăn cho các hộ nghèo ở nông thôn, nhà nước có các chính sách ưu đãi đối với các vùng và các đối tượng nghèo, về đầu tư, tín dụng, thuế, lập một số quỹ dự phòng quốc gia và quỹ xã hội ở các địa phương dùng cho việc cứu trợ khi có thiên tai, mất mùa.

Chương trình quốc gia về người tàn tật nhằm tập trung nguồn lực trong nước và ngoài nước, thông qua việc thành lập các tổ chức của người tàn tật và tổ chức vì người tàn tật (bao gồm các loại hội từ thiện, nhân đạo) để trợ giúp các đối tượng chính sách có điều kiện tham gia hoạt động xã hội và hội nhập với cộng đồng. Đồng thời, nhà nước có những chính sách ưu tiên như chính sách miễn giảm thuế đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của người tàn tật.

Một biện pháp quan trọng khác là thực hiện các cơ chế tạo nguồn vật chất – tài chính cho công tác bảo trợ xã hội. Chế độ bảo hiểm xã hội cần được đổi mới theo cách mở rộng ra tất cả các thành phần kinh tế (bao gồm 31 triệu lao động), phân rõ bảo hiểm xã hội trong và sau quá trình lao động, với trách nhiệm tay ba: nhà nước, người sử dụng lao động và người lao động; tách bảo hiểm xã hội ra khỏi ngân sách nhà nước, lập quỹ bảo hiểm xã hội với nguyên tắc bảo đảm sự bảo trợ của nhà nước, bảo đảm tính cộng đồng xã hội, và đưa nguồn vốn bảo hiểm xã hội vào hoạt động kinh doanh nhằm bảo toàn vốn và sinh lời. Cùng với quỹ trên, lập ra quỹ xã hội dưới nhiều hình thức, như quỹ dự phòng, các loại quỹ nhân đạo, từ thiện, từ các nguồn đóng góp trong nước và nguồn kinh phí của các tổ chức từ thiện, nhân đạo quốc tế.

Về các bảo đảm cơ chế và chính sách. Cần rà soát lại, sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới các cơ chế, chế độ về tiền lương, bảo hiểm xã hội, ưu đãi xã hội, trợ cấp và cứu tế... cho phù hợp với cơ chế kinh tế và tình hình mới. Sớm ban hành bộ luật lao động, chính sách mới đối với các đồng chí lão thành cách mạng, chính sách đối với thương, bệnh binh và gia đình liệt sĩ, gia đình có công giúp đỡ cách mạng, chính sách đối với các loại người tàn tật, và các chính sách liên quan khác.

Cùng với các điều kiện và giải pháp trên, thực tiễn mấy năm qua cho thấy, điều có tính chất quyết định đối với việc đổi mới công tác bảo trợ xã hội trong thời kỳ tới, là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, từ trung ương tới cơ sở, đối với công tác này; tăng cường công tác quản lý và chỉ đạo, tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp, tăng cường và kiện toàn hệ thống tổ chức, cán bộ của cơ quan lao động, thương binh và xã hội cùng cấp; tạo ra phong trào rộng rãi của quần chúng chăm lo, giúp đỡ diện đối tượng chính sách.

Nhận rõ trách nhiệm được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó, ngành lao động – thương binh và xã hội đang tiếp tục đề cao tinh thần trách nhiệm, tiếp tục quá trình tự đổi mới theo đường lối của Đảng, ngày càng bám chắc vào thực tiễn cuộc sống của các đối tượng chính sách xã hội, để khắc phục những thiếu sót và tồn tại, tham mưu cho Đảng và Nhà nước ta đưa lĩnh vực công tác bảo trợ xã hội tiến lên một bước mới, góp phần tích cực vào việc ổn định đời sống nhân dân, góp phần tạo thế ổn định của đất nước để đưa sự nghiệp đổi mới của nước ta tiếp tục tiến lên.

Digitized by Google

Nguyên tắc tập trung dân chủ

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

NHIỀU thập kỷ qua, các nhà tư tưởng chống cộng liên tục tấn công vào sự lãnh đạo của đảng cộng sản, tìm mọi cách đánh vào nguyên tắc tập trung dân chủ nhằm phá vỡ sự đoàn kết thống nhất của đảng, làm tan rã hoặc phân liệt đảng về mặt tổ chức. Những năm gần đây, cùng với việc tiếp tục đánh vào chủ nghĩa Mác—Lê-nin là cơ sở tư tưởng của đảng, họ cũng dồn tới phản kích quyết liệt vào nguyên tắc tập trung dân chủ là cơ sở tổ chức của đảng. Họ phê phán các đảng cộng sản là chuyên quyền, độc tài; tán dương, cổ xuý các đảng thực hiện đa nguyên chính trị, dân chủ cực đoan, trong đảng có nhiều phe phái khác nhau, có nhiều nhóm đối lập.

Trong công cuộc cải tổ, cải cách và đổi mới hiện nay, nhân việc xem xét lại các quan điểm nhận thức, các nguyên lý lý luận, có một số người trong đội ngũ chúng ta cũng muốn đặt lại vấn đề, phê phán, lên án nguyên tắc tập trung dân chủ, thậm chí có người đòi xóa bỏ nguyên tắc này. Họ cho rằng nguyên tắc tập trung dân chủ nay đã lỗi thời, nó chỉ thích hợp với hoạt động của đảng khi chưa giành được chính quyền, còn hoạt động bí mật, hoặc lãnh đạo chiến tranh; rằng thực hiện tập trung dân chủ là nguyên nhân gây ra độc đoán, chuyên quyền, trong đảng và trong xã hội sẽ không có dân chủ, không có nhân đạo.

Điều đó đúng hay không đúng? Chúng ta có cần giữ vững và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không? Làm thế nào để thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong điều kiện đổi mới hiện nay?

★

Trước hết phải thừa nhận rằng, tất cả những người phê phán, đòi xóa bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ, dù đó là các nhà tư tưởng tư sản chống cộng, những phần tử bất mãn, cực đoan, hay những người kém hiểu biết, mơ hồ, họ đều có một phần căn cứ thực tế. Đó là tình trạng mất dân chủ ở không ít đảng cộng sản và không ít nước xã hội chủ nghĩa trong suốt một thời gian dài trước đây. Thậm chí có nơi có lúc mất dân chủ rất nghiêm trọng. Một số người lãnh đạo trên thực tế đã quan liêu, xa dân, độc đoán, gia trưởng; có người rơi vào vũng bùn của chủ nghĩa phong kiến quân phiệt, gần như biến thành một ông vua đầy quyền lực và tham vọng. Những hiện tượng cán bộ lãnh đạo trù dập, ức hiếp quần chúng, là có thật. Những hiện tượng ở nơi này

* Phó tiến sĩ khoa học lịch sử

Digitized by Google

nơi khác nội bộ đấu đá nhau, tranh giành quyền lực, mưu hãm hại nhau, đối xử tàn tệ với nhau, là có thật. Nhiều trường hợp quyền dân chủ của đảng viên, của nhân dân không được tôn trọng và phát huy; hoạt động của nhà nước nhiều khi rất hình thức, không có thực quyền. Trong quản lý kinh tế thì nhấn mạnh một chiều tập trung thống nhất (mà thực chất là tập trung quan liêu), coi nhẹ dân chủ; nhấn mạnh một chiều tính kế hoạch, coi nhẹ tính năng động, chủ động của cơ sở; nhấn mạnh một chiều quan hệ dọc, coi nhẹ quan hệ ngang, do đó không phát huy được tính đa dạng, tính phong phú, sáng tạo của các thành phần kinh tế, các quan hệ kinh tế, các cơ sở kinh tế, làm cho kinh tế phát triển chậm chạp, trì trệ.

Tất cả những cái đó là có thật.

Nhưng có phải đó là hậu quả của việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không? Phải chăng đó là «tội» của chính bản thân nguyên tắc tập trung dân chủ?

Mọi người đều biết, trong điều lệ của các đảng cộng sản đã ghi rõ những nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ như sau:

— Cơ quan lãnh đạo các cấp của đảng đều do bầu cử dân chủ mà lập ra theo nguyên tắc bỏ phiếu kín. Cơ quan lãnh đạo các cấp phải báo cáo và chịu trách nhiệm trước đại hội cấp mình, trước cơ quan lãnh đạo cấp trên và trước đảng bộ cấp dưới.

Cơ quan lãnh đạo các cấp phải thực hiện lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy trách nhiệm cá nhân, thường xuyên tự phê bình và phê bình.

— Các công việc của đảng đều phải tùy theo tính chất quan trọng của từng vấn đề mà do những cơ quan có đủ thẩm quyền của đảng giải quyết. Ví dụ: Những vấn đề về đường lối, chính sách cơ bản của đảng, những vấn đề có tầm quan trọng chung trên phạm vi cả nước đều phải do cơ quan lãnh đạo toàn quốc của đảng (tức là đại hội đại biểu toàn quốc, ban chấp hành trung ương) quyết định. Những vấn đề thuộc trách nhiệm và quyền hạn của địa phương thì các tổ chức đảng ở địa phương giải quyết không trái với đường lối, chính sách chung và các quyết định của cấp trên.

— Nghị quyết các hội nghị của đảng đều phải được biểu quyết theo đa số. Trước khi biểu quyết, các đảng viên được thảo luận, trình bày hết ý kiến của mình. Sau khi có nghị quyết, mọi đảng viên đều phải chấp hành; nếu có điểm nào đảng viên không đồng ý thì được quyền bảo lưu ý kiến hoặc đề đạt ý kiến của mình lên các cơ quan cấp trên cho đến đại hội đại biểu toàn quốc, nhưng vẫn phải chấp hành nghị quyết của đảng.

— Mọi đảng viên được thảo luận một cách dân chủ, thẳng thắn các công việc của đảng; bầu cử, ứng cử hoặc được đề cử vào các cơ quan lãnh đạo các cấp của đảng; có quyền phê bình, chất vấn về công việc của đảng; được trình bày hết ý kiến khi tổ chức đảng quyết định kỷ luật đối với mình.

— Cá nhân đảng viên phải phục tùng tổ chức và kỷ luật của đảng; thiểu số phục tùng đa số, tổ chức cấp dưới phục tùng tổ chức có thẩm quyền cấp trên, toàn đảng phục tùng trung ương.

Như vậy, nguyên tắc tập trung dân chủ **là sự kết hợp chặt chẽ hài hòa giữa hai mặt tập trung và dân chủ** trong một mối quan hệ hữu cơ biện chứng, chứ không phải chỉ là **tập trung** hoặc chỉ là **dân chủ**. Dân chủ là điều kiện, là tiền đề của tập trung; cũng như tập trung là cái bảo đảm cho dân chủ được thực hiện. **Dân chủ không phải là «tính từ» của tập trung.** Tuyệt đối hóa một mặt nào đều có thể dẫn đến những sai lầm nguy hiểm có hại cho sự lãnh đạo và sức mạnh của đảng.

Digitized by Google

Lê-nin, ngay từ những ngày đầu đấu tranh để thành lập Đảng công nhân dân chủ xã hội Nga (tiền thân của Đảng cộng sản (b) Nga sau này) đã nêu ra yêu cầu phải kết hợp chặt chẽ tính tập trung, kỷ luật thống nhất của đảng với tinh thần dân chủ rộng rãi, tức là phải thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Lê-nin một mặt khẳng định rằng «toàn bộ tổ chức của đảng hiện nay được xây dựng **một cách dân chủ**... có nghĩa là **toàn thể** đảng viên bầu ra những người lãnh đạo, những ủy viên các ban chấp hành, v.v.. rằng **toàn thể** đảng viên thảo luận và **quyết định** vấn đề vận động chính trị của giai cấp vô sản, rằng **toàn thể** đảng viên **xác định** phương hướng sách lược của các tổ chức đảng» (1). Mặt khác, Người đòi hỏi trong đảng phải thực hiện kỷ luật tập trung, mọi đảng viên phải phục tùng kỷ luật của tổ chức đảng; sự thống nhất tư tưởng của đảng phải được bảo đảm và củng cố bằng sự thống nhất vật chất về tổ chức. Không thể hình dung được một tổ chức chính trị mà lại tồn tại ngoài tổ chức, không có sự cố kết, ràng buộc về tổ chức. Lê-nin nhấn mạnh: «tôi muốn và tôi đòi Đảng, đội tiền phong của giai cấp, phải hết sức **có tổ chức**, rằng Đảng chỉ nên thu nhận những phần tử **ít nhất cũng phải chấp nhận một tính tổ chức tối thiểu**» (2). Kẻ nào từ chối không chịu phục tùng kỷ luật của Đảng, làm yếu kỷ luật của Đảng «tức là từ chối không muốn làm đảng viên, tức là phá hoại Đảng» (3). Người nói rõ hơn: «Ở đây chúng ta đi đến một nguyên tắc rất quan trọng trong toàn bộ tổ chức Đảng và hoạt động của Đảng: nếu trong việc **lãnh đạo** phong trào và cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản về mặt tư tưởng và thực tiễn cần có chế độ **tập trung càng mạnh càng tốt** thì về phương diện làm cho Trung ương Đảng (và như vậy là toàn Đảng nói chung) **nắm lấy** tình hình phong trào, về phương diện **trách nhiệm** trước đảng, cần có **chế độ «phân cấp càng rộng rãi càng tốt»** (4). Thống nhất hành động phải luôn luôn đi liền với tự do thảo luận và phê bình; dân chủ rộng rãi phải kết hợp chặt chẽ với kỷ luật tập trung. Sau này, khi vạch ra nhiệm vụ cấp bách của Chính quyền xô viết, nhiệm vụ tổ chức và quản lý nước Nga sau cách mạng Tháng Mười, Lê-nin lại nêu công thức phải kết hợp chặt chẽ tinh thần dân chủ tràn trề như nước lũ mùa xuân với kỷ luật tập trung thống nhất. Tại Đại hội X của Đảng cộng sản (b) Nga (tháng ba — 1921) chính Lê-nin đã thảo ra nghị quyết «Về sự thống nhất của Đảng», bắt phải giải tán ngay tất cả các nhóm có tính chất bè phái trong Đảng; Người còn đề nghị Đại hội giao cho BCH TƯ được quyền áp dụng các biện pháp tích cực, kể cả việc khai trừ các ủy viên trung ương nào phá hoại kỷ luật của Đảng hoặc để xảy ra tình trạng bè phái trong Đảng. Như vậy, Lê-nin chưa lúc nào chủ trương để cho đảng viên hoạt động một cách thụ động, ỷ lại, hoặc vô tổ chức, vô kỷ luật; chưa lúc nào cho phép trong Đảng tồn tại những phe nhóm bè phái đối lập (như gần đây có người xuyên tạc).

Nguyên tắc tập trung dân chủ chính là điều kiện bảo đảm cho tổ chức đảng cố kết về mặt tổ chức, thống nhất ý chí, thống nhất hành động; đồng thời phát huy sáng kiến và tính tích cực sáng tạo của mọi đảng viên, mọi tổ chức đảng.

Những người đòi xóa bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ chứng tỏ họ hiểu không đúng hoặc cố tình xuyên

(1) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t. 13, tr.214
(2) Sách đã dẫn, t. 8, tr. 286
(3) Sách đã dẫn, t. 8, tr. 424
(4) Sách đã dẫn, t. 7, tr. 23

Digitized by Google

tạc nội dung và bản chất của nguyên tắc này. Họ tưởng dàu như nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ là kỷ luật, là tập trung, mà quên mất nội dung rất căn bản và quan trọng của nguyên tắc này là dân chủ. Họ dẫn ra những ví dụ (chưa nói là có phần thổi phồng) về sai lầm quan liêu, độc đoán, mất dân chủ của một số người lãnh đạo như Xta-lin, Xê-au-xe-xcu... để phê phán và kết tội nguyên tắc tập trung dân chủ, mà không biết rằng dấy chính là hậu quả của việc vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ.

Có người cho rằng nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ đúng trên lý thuyết, chỉ ghi trên giấy tờ, chứ trong thực tế không được thực hiện. Đúng là cuộc sống đã chứng kiến không ít những hiện tượng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, thậm chí có những trường hợp vi phạm nghiêm trọng dẫn đến những hậu quả tai hại. Ngay những quy định cụ thể bảo đảm thực hiện nguyên tắc này cũng còn rất chưa đầy đủ. Nhưng chẳng lẽ vì trong thực tế chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt mà xóa bỏ đi cả một nguyên lý, một nguyên tắc, mặc dù đó là nguyên lý, nguyên tắc đúng đắn và cần thiết? Ở đâu và lúc nào không thực hiện đúng tập trung dân chủ, để xảy ra những hiện tượng gia trưởng, độc đoán, quan cách hoặc vô tổ chức, vô kỷ luật, thì phải kiên quyết đấu tranh khắc phục những thói tệ đó, thực hiện bằng được nguyên tắc tập trung dân chủ, chứ sao lại đại dột xóa bỏ nguyên tắc đó đi. Làm như thế thì có khác gì "đổ chậu nước tắm đỗ luôn cả đứa bé trong đó" như Lê-nin từng phê phán, hoặc «đập con chuột nhắt đập luôn cả bình hoa» như Bác Hồ đã từng phê bình.

Một số người lập luận rằng nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ đúng và thích hợp với hoạt động của đảng trong điều kiện bí mật hoặc trong thời kỳ chiến tranh. Trong hoàn cảnh đó phải có kỷ luật chặt chẽ, phải có tập trung thống nhất cao độ, còn trong hoàn cảnh hòa bình xây dựng, kẻ thù không còn, nhân dân đã làm chủ, cần gì phải thực hiện chế độ tập trung, kỷ luật và chuyên chính. Lúc này mà còn thực hiện tập trung dân chủ là không thức thời, là vi phạm dân chủ, là tạo điều kiện để quay về chế độ phong kiến cực quyền (!).

Cả lập luận trên cũng không đúng. Bởi vì như trên đã nói, nguyên tắc tập trung dân chủ không phải chỉ nhằm tạo ra kỷ luật thống nhất, mà còn nhằm phát huy mọi sáng kiến, sáng tạo, khai thác trí tuệ của đảng viên, của cơ sở. Trong thời kỳ hoạt động bí mật, hoặc trong điều kiện lãnh đạo chiến tranh, một mặt tổ chức đảng phải rất chặt chẽ, đảng viên và cán bộ phải có kỷ luật nghiêm minh; nhưng mặt khác cũng rất cần phát huy dân chủ. Điều kiện hoạt động bí mật, hoàn cảnh chiến tranh đòi hỏi các cán bộ, đảng viên trên mỗi cương vị công tác, trong từng nhiệm vụ cụ thể của mình phải rất chủ động, sáng tạo, linh hoạt, chứ không thể chỉ thụ động ngồi chờ lệnh cấp trên. Thực tế cuộc đấu tranh lâu dài gian khổ của Đảng ta, nhân dân ta, cuộc chiến tranh nhân dân thần thánh của Việt nam đã có biết bao ví dụ cụ thể sinh động về sự sáng tạo, tinh thần chủ động, linh hoạt, khôn khéo của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Và chính đây là một trong những nguyên nhân quan trọng làm nên sức mạnh to lớn của Đảng ta và chiến thắng kỳ diệu của dân tộc ta.

Còn trong điều kiện hòa bình xây dựng ngày nay, chúng ta chẳng những phải phát huy mạnh mẽ dân chủ, mở rộng dân chủ (vì dân chủ là bản chất, là nội dung, là động lực của xã hội mới), mà còn phải giữ gìn kỷ

Digitized by Google

luật thống nhất, tinh tập trung cao. Không thể quan niệm một tổ chức chiến đấu và lãnh đạo như đảng cộng sản mà lại chỉ chặt chẽ về tổ chức trong hoàn cảnh này, còn trong hoàn cảnh khác thì lỏng lẻo cũng được. Thực tế vừa qua có những đảng tuy có lịch sử mấy chục năm đấu tranh anh dũng, kiên cường, nhưng do trong chốc lát buông lỏng kỷ luật, tinh tập trung, nhấn mạnh một chiều vấn đề dân chủ, để cho các phần tử cơ hội, cực đoan tự do hoạt động, đã dẫn đến vô tổ chức, vô chính phủ, nội bộ bị chia rẽ, tổ chức rối loạn, thậm chí tan rã thành từng mảng.

Vả chăng, trong điều kiện hòa bình quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đã hết đâu những yếu tố tự phát, những khuynh hướng tự do vô chính phủ, những âm mưu và thủ đoạn chia rẽ, phá hoại ở cả trong nước và từ nước ngoài. Nhất là ở một nước sản xuất nhỏ còn phổ biến, lại bị bao vây về nhiều mặt như ở nước ta, có biết bao nhiêu những yếu tố tự phát, phức tạp, mà chúng ta không thể buông lỏng kỷ luật, kỷ cương. Thực tế gần đây cho thấy, nếu phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với sự đa dạng hóa về sở hữu, chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh, sử dụng cả thành phần cá thể và tư nhân tư bản, mà không làm tốt công tác quản lý vĩ mô, vừa sử dụng vừa cải tạo, vừa hợp tác vừa đấu tranh, buông lỏng kế hoạch, pháp luật, không kiểm tra, không điều tiết, thì nhất định không tránh khỏi những hiện tượng phân tán, cục bộ, vô tổ chức, thậm chí hỗn loạn. Chúng ta giải thích thế nào những hiện tượng tiêu cực xảy ra gần đây như tình trạng đổ bể trong ngành tín dụng ngân hàng, tranh chấp đất đai, nhập hàng lậu vô tội vạ, xuất khẩu gạo tràn lan, giá cả thất thường..., nhiều khi nhà nước không kiểm soát được? Chẳng lẽ đó không phải là hậu quả của việc dân chủ không đi liền với kỷ luật và pháp luật, buông lỏng kiểm tra, quản lý vĩ mô?

Rõ ràng, trong tình hình hiện nay, chúng ta vừa phải mở rộng dân chủ, vừa phải giữ gìn kỷ luật kỷ cương, kết hợp chặt chẽ hai mặt tập trung và dân chủ, thực hiện thật tốt nguyên tắc tập trung dân chủ.

Thực ra, những «lý lẽ» mà các nhà tư tưởng chống cộng và các phần tử cơ hội, cực đoan nêu ra chẳng có gì mới. Đó chỉ là sự nhắc lại, nhai lại những điều cũ rích mà các phần tử chống cộng, cơ hội lặp đi lặp lại hàng mấy chục năm nay rồi. Có «mới» chăng chỉ là ở chỗ ngày nay người ta giả trá, nguỵ biện một cách thâm hiểm và táo tợn hơn; người ta núp dưới chiêu bài đổi mới, nhân danh đổi mới, hoặc khai thác và lợi dụng triệt để những sai lầm của các đảng cộng sản để phản kích một cách quyết liệt hơn.

★

Tất cả những điều đã nói trên đây cho phép rút ra kết luận: Nguyên tắc tập trung dân chủ đến nay chưa lỗi thời; chúng ta không thể và không nên từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh mới ngày nay, chúng ta phải hiểu và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ một cách đúng đắn, theo tinh thần mới của thời đại, không máy móc, giáo điều, càng không được đi theo vết xe đổ của thời kỳ trước đây.

Hiểu đúng bản chất, nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ đã khó. Nhưng khó hơn và **điều quyết định là phải có cơ chế đúng, có những quy định cụ thể, và phải có tinh thần đấu tranh kiên quyết để việc thực hiện** nguyên tắc đó đạt hiệu quả cao.

Digitized by Google

Phải chăng có một nền dân chủ thuần túy không có tính từ?

THÁI NINH *

DÂN chủ là chủ đề vĩnh cửu của khoa học xã hội, là vấn đề gắn bó chặt chẽ với quyền sống của con người, là nhu cầu không thể thiếu của mọi lĩnh vực hoạt động trong chủ nghĩa xã hội. Song, dân chủ không phải là hiện tượng bẩm sinh, cũng không phải là sản phẩm tự động, tự phát của hoạt động xã hội. Dân chủ với tính cách là một phạm trù khoa học, một khái niệm chính trị, được nảy sinh và hình thành trong mối quan hệ đối lập với áp bức, chuyên chế, với những hiện tượng độc tài, độc đoán, chuyên quyền. Vì là khái niệm mang tính lịch sử, cho nên dân chủ không xuất hiện tức khắc và cũng không tồn tại bất biến. Nó được phát triển trong tiến trình lịch sử nhân loại và trong quá trình đấu tranh giai cấp, thể hiện chủ yếu ở các mặt đối lập giữa tự do và nô lệ, giữa dân chủ và chuyên chế, độc tài.

Xét về mặt lịch sử, khái niệm dân chủ xuất hiện rất sớm, từ thời cổ đại. Ở Hy-lạp cổ đại, dân chủ là từ nguyên Démos Kratos có nghĩa là quyền lực của nhân dân. Khái niệm này ra đời trong cuộc đấu tranh của phái chủ nô dân chủ chống phái chủ nô quý tộc.

Xét về mặt nhận thức, khái niệm này chỉ có thể hình thành khi con người nhận thức được các mặt đối lập nói trên. Như vậy, dân chủ vừa là kết quả của quá trình phát triển tư duy, quá trình nhận thức giá trị, vừa là và chủ yếu là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp chống áp bức, bóc lột, chống mọi ách thống trị độc tài, chuyên chế trong lịch sử.

Thành tựu của dân chủ gắn liền với thành tựu khoa học, kỹ thuật, với đấu tranh cho tiến bộ xã hội. Trình độ dân chủ, quy mô dân chủ, nội dung và hình thức dân chủ... phụ thuộc chặt chẽ vào kết quả của cuộc đấu tranh đó. Thành tựu đó luôn luôn được phát huy, phát triển và bổ sung trong quá trình chinh phục tự nhiên và đấu tranh để giải phóng loài người khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, làm cho xã hội văn minh, tiến bộ.

(*) Phó trưởng Ban tư tưởng – văn hóa trung ương

Digitized by Google

Tuy nhiên, đạt được những thành tựu về dân chủ không phải đơn giản, dễ dàng, không phải bằng cách cầu xin, van vỉ, mà phải bằng đấu tranh cách mạng bền bỉ, lâu dài. Nhiều khi chỉ thêm được một vài « hạt » giá trị vào thành tựu dân chủ mà loài người tiến bộ đã phải trả giá đắt, bằng mồ hôi, xương máu. Chỉ riêng việc lật đổ chế độ phong kiến – chế độ quân chủ ở châu Âu với toàn bộ hệ thống chính quyền, cường quyền, thần quyền của nó, loài người đã phải trải qua cuộc đấu tranh trường kỳ toàn diện hơn một nghìn năm. Kết quả thu được về mặt dân chủ trong cuộc đấu tranh đó thật là to lớn, đã xóa bỏ chế độ quân chủ, chế độ do một người làm chủ (vua), thiết lập nên chế độ dân chủ dầu tiên với những thiết chế mới mẻ, hơn hẳn chế độ phong kiến. Bài học lịch sử sâu sắc ở đây là: dân chủ là một trong những mục tiêu của mọi cuộc cách mạng, là biểu hiện quan trọng của tiến bộ xã hội và là một thước đo của nền văn minh nhân loại.

Như vậy, dân chủ không phải là cái được sinh ra mà là cái trở thành (devenir). Nó không xuất hiện tức khắc mà được hình thành, phát triển trong quá trình lịch sử gắn liền với tiến bộ xã hội, với cuộc đấu tranh để xây dựng nền văn minh của loài người. Con người không thể đạt tới chân lý tuyệt đích hay đỉnh cao tận cùng của dân chủ. Sự phát triển của dân chủ là không có giới hạn, là quá trình phát triển từ thấp lên cao. Do đó, loài người không thể có ngay một nền dân chủ hoàn thiện, mỹ mãn.

Mỗi bước tiến của dân chủ là một cuộc đấu tranh lâu dài. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, chỉ riêng việc đấu tranh để giảm giờ làm, nhằm đạt được mục tiêu ngày làm 8 giờ, giai cấp vô sản ở nhiều nước đã phải đấu tranh bền bỉ, kiên trì, từ tự phát đến tự giác trong một thời gian dài, tính bằng thế kỷ. Những quyền dân chủ hạn hẹp mà nhân dân lao động được hưởng trong chế độ tư bản, tuyệt nhiên không phải do lòng từ thiện của các nhà tư bản. Có loại quyền dân chủ là thành quả đấu tranh của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động, buộc giai cấp thống trị phải chấp nhận; có loại quyền dân chủ do giai cấp tư sản « ban » cho, nhưng hoàn toàn không phải vì nhân dân lao động, mà chỉ vì lợi ích của chính giai cấp này.

Trong hai thập kỷ qua, cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập trên thế giới, giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa, diễn ra rất gay gắt và quyết liệt. Trong cuộc đấu tranh này, trước làn sóng phản đối của quần chúng lao động, một số nước tư bản phát triển đã vận dụng một số kinh nghiệm có sức hấp dẫn lớn, có tính thuyết phục cao của các nước xã hội chủ nghĩa về chính sách xã hội, về sử dụng phúc lợi công cộng (như y tế, giáo dục, thể thao...), để một mặt, xoa dịu cuộc đấu tranh giai cấp ở trong nước và mặt khác, hạ thấp tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội về những phương diện này. Có nước tư bản đã vận dụng và sử dụng những kinh nghiệm thuộc lĩnh vực nói trên làm vũ khí phản kích lại chủ nghĩa xã hội và phong trào công nhân, nhằm xóa bỏ ranh giới giai cấp, ranh giới của cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa hai hệ thống xã hội đối lập. Đó cũng là ý đồ của thuyết hội tụ nhằm hòa nhập, hòa tan chủ nghĩa xã hội vào chủ nghĩa tư bản, xóa bỏ ranh giới giai cấp của hai nền dân chủ này. Vậy làm thế nào để phân biệt? Lê-nin chỉ rõ: để phân biệt dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa, trước hết phải căn cứ vào lợi ích giai cấp và mục đích giai cấp của dân chủ, cũng như để đánh giá đạo đức không thể chỉ căn cứ vào lời tuyên bố về đạo đức mà phải thấy

Digitized by Google

đằng sau lời tuyên bố về đạo đức là lợi ích của ai, của giai cấp nào.

Nền dân chủ tư sản được thiết lập sau thắng lợi của cách mạng tư sản trong thế kỷ XVII – XVIII, là bước nhảy vọt lớn trong lịch sử loài người. Nhưng về thực chất, nền dân chủ ấy chưa phải là nền dân chủ đầy đủ, chưa phải là nền dân chủ của đa số nhân dân lao động, càng không phải là nền dân chủ của dân, vì dân, do dân, mà chỉ là nền dân chủ của giai cấp tư sản, vì giai cấp tư sản, do giai cấp tư sản.

Có người lầm tưởng rằng nền dân chủ tư sản, nhất là dân chủ kiểu Mỹ, là nền dân chủ không có chuyên chính. Đó là một sự mơ hồ tai hại. Chuyên chính không phải là hiện tượng ngẫu nhiên. Đó là yêu cầu tất yếu khách quan của mọi giai cấp thống trị xã hội : là công cụ để bảo vệ quyền thống trị của một giai cấp. Từ xã hội chiếm hữu nô lệ đến nay, có thể nói, lịch sử của các chế độ xã hội chính là lịch sử của sự thay thế, kế tiếp nhau của các nền chuyên chính của các giai cấp thống trị. Đó là nền chuyên chính của giai cấp chủ nô đối với nô lệ ; của giai cấp phong kiến đối với nông nô ; của giai cấp tư sản đối với vô sản ; của giai cấp vô sản đối với bọn áp bức, bóc lột nhân dân lao động. Không có chính quyền nào mà không thực hiện chuyên chính. Chuyên chính chỉ khác nhau ở mục đích, vì thế chuyên chính là yêu cầu tất yếu, khách quan của mọi giai cấp thống trị xã hội. Chuyên chính vô sản, do đó cũng là một vấn đề có tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, chứ không phải là sản phẩm của ý thức chủ quan, của tư duy tư biện. Vấn đề quan trọng có tính chất cốt tử là các đảng cộng sản không được lạm dụng mà phải biết sử dụng, vận dụng chuyên chính một cách đúng đắn, khách quan, khoa học.

Nhân dân ta, hơn ai hết, càng nhận rõ bản chất tàn bạo của nền chuyên chính kiểu Mỹ, càng thấy rõ bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của bọn người đã nhân danh « thế giới tự do » để đưa hơn nửa triệu quân xâm lược nước ta, đã dội hàng triệu tấn bom đạn trên đất nước thân yêu của chúng ta. Không thể để cho những bọn người ấy lên mặt « dạy đời » về dân chủ. Đế quốc Mỹ thôn tính Grê-na-đa, xâm lược Pa-na-ma, ngang nhiên ném bom Li-bi, bao vây kinh tế Cu-ba, Việt nam,... phải chăng đó là nền dân chủ phi giai cấp ? Hiện nay, chính phủ Mỹ bỏ ra rất nhiều tiền để nuôi 600 000 cảnh sát. Phải chăng hơn nửa triệu cảnh sát này cùng với hàng triệu quân đóng dày đặc trong hàng trăm căn cứ quân sự của Mỹ trên thế giới chỉ là đi « du hí » ? Nhiều nhà tư tưởng tư sản thường biện hộ cho dân chủ tư sản là « thuần túy », là phi giai cấp, phi chuyên chính, nhưng trên thực tế, ở nhiều nước tư bản, nền « dân chủ » đó là nền « dân chủ » chống cộng rất quyết liệt, những kẻ thống trị đàn áp không thương tiếc những lực lượng đối lập, chúng nấp sau chiêu bài bảo vệ tự do, dân chủ, dân quyền để xâm lược nhiều nước, gây ra những cuộc chiến tranh đẫm máu. Luật pháp của Mỹ chứa đựng đầy rẫy những điều cấm đoán dân chủ, những hình phạt nặng nề đối với những ai đòi quyền dân chủ. Nhà cầm quyền Mỹ thường rêu rao ở Mỹ không có tù chính trị. Nhưng tờ báo Mỹ **Chính trị, kinh tế và tư tưởng** số 6 năm 1990, đã vạch rõ Mỹ đã bỏ tù nhiều người tham gia phong trào chống đối chính phủ. Tờ báo này còn tố cáo nhà tù Mỹ hiện đang giam 14 chiến sĩ cách mạng đấu tranh giải phóng Pu-éc-tô Ri-cô. Họ bị kết án từ 55 đến 90 năm tù. Mỹ đã cấm vận, bao vây kinh tế Việt nam, Cu-ba... và cấm cả công dân Mỹ đi du lịch ở Việt nam, ở Cam-pu-chia và Bắc Triều-tiên. Một số chính khách Mỹ còn đang đòi truy tố nhóm cựu

Digitized by Google

chiến binh Mỹ, đe dọa phạt mỗi người 5 000 đô la chỉ vì họ đã đi du lịch ở Việt nam. Phải chăng đó là những biểu hiện của nền dân chủ thuần túy, không có chuyên chính?

Chính vì thế, Lê-nin khẳng định: trong xã hội có giai cấp, không có và tuyệt đối không thể có một nền dân chủ chung chung, phi giai cấp, ngoài giai cấp, siêu giai cấp. Càng không thể có nền «dân chủ thuần túy». Theo Lê-nin, bọn Sai-đê-man và bọn Cau-xky nói «dân chủ thuần túy» hay «dân chủ nói chung» để lừa bịp quần chúng và che giấu — không cho họ thấy tính chất của nền dân chủ. Người nhấn mạnh: «"Chế độ dân chủ thuần túy" chẳng qua chỉ là một câu nói giả dối của một kẻ thuộc phái tự do tìm cách lừa bịp công nhân» (1).

Các nhà lý luận tư sản chống cộng đang ra sức cổ vũ cho chế độ dân chủ đa nguyên, đa đảng đối lập. Nhưng mỉa mai thay, nhiều nước tư bản chủ nghĩa ở Đông Nam Á, Đông Á vẫn đặt đảng cộng sản ra ngoài vòng pháp luật!

Gần đây, ở một số nước Đông Âu đã thực hiện chế độ đa nguyên, đa đảng, nhưng cũng ở những nước đó, đã xuất hiện những lực lượng chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội một cách hằn học. Chúng đả kích chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ «cửa quyền», nhưng ngay ở những nước này, cũng không thoát khỏi sự «cửa quyền», cũng chuyên chính quyết liệt. Chúng ráo riết chống cộng sản, bỏ tù và sa thải đảng viên cộng sản, xử án một loạt cán bộ cộng sản mà chúng gán cho tội «vi phạm hiến pháp». Có nước giải tán bộ máy an ninh, thay toàn bộ cán bộ chủ chốt ngành tòa án, kiểm sát. Có nước còn sa thải tất cả 2 000 cán bộ nhân viên của đài truyền hình trung ương... Phải chăng đó là nền dân chủ thuần túy, phi bạo lực? Vì thế, Lê-nin dòi hỏi người mác xít phải biết phân biệt dân chủ của ai và vì ai? Tự do đối với ai? và vì ai? Tự do đối với bọn bóc lột có nghĩa là nô lệ đối với người bị bóc lột. Dưới chế độ tư sản, theo Lê-nin, không thể có bình đẳng giữa người bị bóc lột và kẻ đi bóc lột.

Đó là tiêu chí để xem xét tính giai cấp của dân chủ, nhưng không vì tiêu chí đó mà chúng ta đi đến sai lầm là tạo ra ranh giới tuyệt đối, không thể vượt qua giữa dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Xem xét dân chủ không phải chỉ căn cứ vào tính giai cấp mà còn phải đứng trên quan điểm lịch sử và phải có thái độ biện chứng, khoa học đối với những thành tựu dân chủ với tính cách là những giá trị liên tục mà loài người đã đạt được trong tiến trình lịch sử.

Sự thâm nhập lẫn nhau về những hình thức của dân chủ là khó tránh khỏi. Chủ nghĩa xã hội đã vận dụng những kinh nghiệm quản lý kinh tế và một số hình thức, thiết chế dân chủ của chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng như chủ nghĩa tư bản những thập kỷ qua đã vận dụng những kinh nghiệm về chính sách xã hội của chủ nghĩa xã hội để thích nghi với điều kiện mới của thời đại. Điều quan trọng là khi xem xét sự thâm nhập lẫn nhau của những hình thức dân chủ, không bao giờ được quên hoặc coi nhẹ sự đấu tranh của các mặt đối lập về nội dung chính trị và tư tưởng, về mặt lợi ích giai cấp và mục đích giai cấp của việc sử dụng những hình thức dân chủ đó. Đảng dân chủ và Đảng cộng hòa ở Mỹ tuy là hai đảng nhưng vẫn cùng một bản chất giai cấp tư sản. Vì thế cả hai đảng này tuyệt nhiên không kết nạp người lao động trực tiếp như nông dân, công nhân. Cái gọi là chế độ bầu cử tự do ở những nước tư bản chủ nghĩa, nếu không gọi là dân chủ mị dân thì cũng là dân chủ không thực

(1) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 37, tr. 304

Digitized by Google

chất. Trong lưỡng viện (hạ nghị viện và thượng nghị viện) của Quốc hội Mỹ từ trước đến nay chưa hề có một nghị sĩ nào là người lao động chân tay trực tiếp. Người lao động chân tay trực tiếp bị coi rẻ và cũng không có điều kiện ứng cử. Có nước, người nào muốn ra tranh cử ít ra cũng phải có tài sản trị giá một triệu đô la. Có nước, người ứng cử phải nộp khoản lệ phí tương đương với 500 xtéclinh. Ở miền Nam nước ta trước đây, Ngô Đình Diệm lập ra đảng « Cần lao nhân vị », Nguyễn Văn Thiệu lập ra đảng « Dân chủ » và xây dựng nhiều tổ chức gọi là « vì dân », nhưng tất cả những cái đó cũng chỉ là những thủ đoạn, che giấu bản chất phản dân, hại nước của chúng mà thôi. Tình hình ấy đòi hỏi chúng ta phải sáng suốt, nhạy cảm về chính trị để xem xét, phân tích bản chất của dân chủ và để đấu tranh, phê phán những tư tưởng, quan điểm sai trái về dân chủ.

Dân chủ là khái niệm phong phú về nội dung, đa dạng về tính chất, muôn vẻ về hình thức. Trong cuộc đấu tranh giai cấp thời kỳ hiện đại đã xuất hiện nhiều loại, nhiều thuyết dân chủ: dân chủ tư sản, dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ nhân dân, dân chủ tiến tiến, dân chủ hạn chế, dân chủ không bờ bến, dân chủ thuần túy, dân chủ quản lý, dân chủ hình thức, dân chủ không tính từ... Giai cấp tư sản luôn luôn che giấu tính giai cấp của nền dân chủ tư sản, coi dân chủ là khái niệm chung cho mọi giai cấp, nhưng về thực chất, thì ai cũng thấy nền dân chủ đó chỉ dành riêng cho giai cấp tư sản và nhằm bảo vệ chế độ tư sản. Lê-nin quả quyết rằng dân chủ tư sản có nghĩa là « bảo hộ phe thiểu số » tức là thiểu số giai cấp tư sản. Chế độ tư sản chỉ thực hiện dân chủ đầy đủ cho một số rất ít các nhà tư bản: ở Pháp là 100 gia đình; ở CHLB Đức là 200 gia đình; ở Mỹ là 4500 nhà tư bản, trong đó có 4 tập đoàn tư bản lớn, chiếm 0,002% dân số nhưng lại nắm trong tay 50% của cải cả nước.

Gần đây, trên thế giới có những người đề xuất quan niệm « dân chủ không có tính từ ». Họ cho rằng, khi nói về dân chủ thì không cần có thêm tính ngữ hay tính từ gì hết. Bởi vì dân chủ, bản thân nó đã mang đầy đủ ý nghĩa không cần phải thêm tính từ « tư sản » hay « xã hội chủ nghĩa »... Theo họ, đã là dân chủ thì bất luận nền dân chủ nào cũng mang nội dung cốt lõi của nó là « quyền lực nhân dân »

Thật ra, cái quyền lực mà họ nêu trên không phải ở bất kỳ chế độ xã hội nào cũng thực hiện được, không phải bất cứ giai cấp thống trị nào cũng có thể bảo đảm được. Giai cấp tư sản chỉ tôn trọng và bảo vệ quyền lực của giai cấp mình. Dân chủ đế quốc dù có đội lốt gì thì vẫn là dân chủ kiểu đế quốc. Ngày 18-2-1990, tại phòng thương mại Mỹ, thứ trưởng ngoại giao Mỹ L.I-gơn-bơ-giơ đã không úp mở, đặt ra bốn điều kiện viện trợ kinh tế để « dân chủ hóa », « tự do hóa » đối với các nước xã hội chủ nghĩa. Bốn điều kiện đó là:

— Tiến tới đa nguyên chính trị, chấm dứt sự độc quyền của đảng cộng sản.

— Làm xuất hiện nền kinh tế thị trường, với một khu vực tư nhân quan trọng.

— Tôn trọng hơn nữa các quyền con người, kể cả quyền đi cư, phát biểu và đi lại tự do.

— Có thái độ sẵn sàng xây dựng quan hệ hữu nghị với Mỹ.

Phải chăng đó là nền dân chủ thuần túy, không có tính từ hay là nền dân chủ để xâm lược, nô dịch?

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là thành quả của đấu tranh giai cấp,

Digitized by Google

vừa là công cụ để bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động. Đó là nền dân chủ như Bác Hồ đã khẳng định «lấy dân làm gốc». Vì thế, để có dân chủ thật sự, dân chủ của dân, do dân và vì dân, phải đấu tranh để bảo vệ dân chủ, nghĩa là dân chủ phải gắn liền với chuyên chính vô sản. Không chuyên chính thì xã hội sẽ lâm vào tình trạng vô chính phủ, rối loạn trật tự, kỷ cương, và quyền dân chủ sẽ bị vi phạm.

Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản duy trì sự tồn tại của nó bằng bóc lột giá trị thặng dư, bằng hệ thống bạo lực khổng lồ nhằm đàn áp các lực lượng cách mạng. Chế độ Pi-nô-chê được Mỹ dựng lên ở Chi-lê, phải chăng đó là nền dân chủ thuần túy, không có tính tử, không có bạo lực mà chỉ toàn là những biểu hiện dân chủ, nhân đạo? Nhân dân Chi-lê đều biết rất rõ Pi-nô-chê là đứa con nuôi của Mỹ; họ đều chưa quên cảnh đầu rơi, máu chảy do chế độ phát xít tàn bạo của y trong 16 năm dài. Chỉ tính từ năm 1973 đến năm 1981, chế độ tàn bạo này đã gây ra 15 nghìn vụ giết người, hơn 2 200 người mất tích, 161 nghìn người bị đày đi biệt xứ, hơn 155 nghìn tù chính trị. Trong nền dân chủ tư sản, chỉ có quyền lực tư sản chứ không có quyền lực nhân dân, chỉ có dân chủ tư sản chứ không có dân chủ nhân dân. Giai cấp tư sản đã sử dụng bộ máy bạo lực của mình để trấn áp nhân dân lao động, những người yêu nước, dân chủ, đấu tranh cho công bằng xã hội, chống áp bức, bóc lột.

Chủ nghĩa xã hội, xét về bản chất, là chế độ có khả năng bảo đảm và phát huy đầy đủ quyền lực của nhân dân. Có điều cần làm rõ: những biểu hiện vi phạm quyền dân chủ, chưa tôn trọng đầy đủ quyền lực của nhân dân, đó là sai lầm, khuyết điểm của những người thực hiện chứ không phải là khuyết tật, cố hữu của chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa, dân chủ là một quá trình phát triển từ thấp đến cao, phải có điều kiện khách quan và chủ quan về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, mới có thể thực hiện và phát huy được tác dụng tích cực của nó. Nâng cao dân trí, dân sinh, là những điều kiện quan trọng để thực hiện dân chủ; và thực hiện dân chủ, bảo đảm dân quyền, lại là động lực để nâng cao dân sinh, dân trí trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Một số vấn đề quan trọng của nền kinh tế Việt nam trong thập kỷ 90

PHẠM VĂN NGHIÊN.*

Tuy đã đạt được một số kết quả bước đầu về sản xuất lương thực, kiềm chế tốc độ lạm phát, ổn định giá cả, từng bước ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân,.. nhưng nền kinh tế nước ta vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn to lớn, đòi hỏi phải giải quyết nhiều vấn đề, nhất là về đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý, thực hiện những nhiệm vụ kinh tế—xã hội quan trọng, nhằm tạo ra sự chuyển biến cơ bản của nền kinh tế trong thập kỷ 90 này.

1. **Chống lạm phát.** Thời gian qua, Nhà nước ta đã có những biện pháp giảm chi ngân sách, như từng bước xóa bao cấp qua vốn, tín dụng, bãi bỏ phần lớn việc bù lỗ cho các xí nghiệp quốc doanh, giảm việc bù giá vào lương, bãi bỏ hệ thống hai giá, tăng lãi suất tín dụng nhằm thu hút tiền nhàn rỗi trong dân, cho phép lưu thông hàng hóa, v.v. Tuy nhiên, năm 1989 vẫn bội chi ngân sách 26% (năm 1988 là 17,7%), bội chi tiền mặt năm 1989 gấp 1,7 lần năm 1988. Lượng tiền trong lưu thông năm 1988 gấp 2,8 lần năm 1987, năm 1989 gấp 2,5 lần năm 1988, v.v. Như vậy, những nguyên nhân trực tiếp gây ra lạm phát vẫn tồn tại. Công tác xây dựng cơ bản vẫn chưa được quản lý tốt, những căn bệnh vốn có của ngành này chậm được cứu chữa. Đặc biệt, ở trung ương và địa phương, vẫn tiếp tục xây dựng những công trình chưa thật cần thiết như trụ sở, hội trường, v.v. Ngân sách chi cho xây dựng cơ bản năm 1989 bằng 79,3% năm 1986 (giá so sánh năm 1982); số tiền chi cho ngành này năm 1989 là 1789 tỷ đồng, trong đó phần lớn đưa vào khâu lưu thông, nên không thể không ảnh hưởng đến giá cả.

Như vậy, một trong những biện pháp quan trọng nhất để chống lạm phát, là quản lý chặt công tác đầu tư xây dựng cơ bản. Nhà nước chỉ bỏ vốn đầu tư vào những công trình thật quan trọng, xây dựng cơ sở hạ tầng cho nền kinh tế và xã hội. Để đỡ gánh nặng cho ngân sách nhà nước, cần khuyến khích tư nhân bỏ vốn xây dựng trường học, bệnh viện, v.v. Các đơn vị kinh tế tự tạo vốn để thực

(*) Giáo sư, tiến sĩ khoa học kinh tế.

Digitized by Google

hiện việc kinh doanh của mình. Các xí nghiệp quốc doanh làm ăn thua lỗ, cần được cổ phần hóa tài sản hoặc bán cho tư nhân hay người nước ngoài để họ trang bị lại kỹ thuật, đổi mới công nghệ, tổ chức lại sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

Để thu hút khối lượng tiền nhàn rỗi trong nhân dân, trong chính sách tiền tệ, cần áp dụng lãi suất linh hoạt, bảo đảm lãi suất gửi tiết kiệm bao giờ cũng cao hơn tỷ lệ tăng giá. Phát hành công trái cũng là một biện pháp động viên nguồn vốn của dân. Tuy nhiên, để việc phát hành công trái thật sự có kết quả, cần bảo đảm giá trị tiền mà nhân dân cho nhà nước vay, có quan hệ sòng phẳng giữa nhà nước và nhân dân.

Cân đối thu chi ngân sách, là biện pháp quan trọng trực tiếp khắc phục lạm phát. Bên cạnh việc giảm chi, cần tăng thu, và thuế là nguồn thu quan trọng nhất. Trốn thuế, lậu thuế, là căn bệnh kinh niên của mọi thời đại, mọi xã hội. Vấn đề quan trọng là nhà nước ban hành một hệ thống thuế hợp lý, vừa tạo được nguồn thu quan trọng cho ngân sách nhà nước, vừa khuyến khích được việc phát triển sản xuất, kinh doanh. Đi đôi với việc ban hành luật thuế, cần có cơ chế chặt chẽ về thu thuế. Ở nước ta, cả hai yêu cầu đó đều chưa đạt: hệ thống thuế chưa hoàn chỉnh, chưa hợp lý; tình trạng thất thu thuế nghiêm trọng ở tất cả các ngành kinh tế.

Nâng cao hiệu quả nền sản xuất của xã hội là biện pháp tuy không giải quyết tức thời nạn lạm phát, nhưng là biện pháp cơ bản, lâu dài của mọi nền kinh tế trong việc chống lạm phát, chống trì trệ, chống suy thoái. Vấn đề đặt ra là cần nâng cao hiệu quả đầu tư trong nền kinh tế. Tình hình kinh tế nước ta chịu ảnh hưởng quan trọng của hiệu quả đầu tư và hiệu quả sử dụng tài sản cố định, trong các ngành sản xuất. Trong thời kỳ 1980–1989, hệ số huy động tài sản cố định năm cao nhất (năm 1 80) chỉ đạt 59,8% và năm thấp nhất (năm 1988) chỉ đạt 41,6%, bình quân đạt dưới 50%. Như vậy, với số vốn nhà nước bỏ ra chỉ chưa đầy một nửa trở thành tài sản cố định. Mặt khác, với tài sản cố định của nền kinh tế, trong một thời gian dài lại chỉ sử dụng được khoảng 40–60% công suất thiết kế, bình quân là 50%. Như vậy, chỉ 25% số vốn đầu tư bỏ ra là được sử dụng để làm ra của cải vật chất và dịch vụ. Đó là sự lãng phí to lớn nguồn vốn của ngân sách (trong đó có viện trợ, vay của nước ngoài). Đó là sự mất mát, hao hụt dưới nhiều dạng và sử dụng với hiệu quả thấp số tiền 10 tỷ rúp và đô la Mỹ trong thời gian trước đây, khi nước ta được bạn bè giúp đỡ một cách hào phóng. Thời gian gần đây, nhà nước đã thay đổi cơ cấu đầu tư, tập trung vốn cho việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn. Đổi mới cơ chế đầu tư, xóa bao cấp trong đầu tư, trên cơ sở ai kinh doanh thì người đó bỏ vốn, trực tiếp quản lý vốn từ khâu đầu đến khâu cuối, có quyền hạn và trách nhiệm về đồng vốn của mình. Đối với những công trình lớn thuộc cơ sở hạ tầng, để tránh xây dựng những công trình rất tốn kém và hiệu quả thấp, trước khi người có thẩm quyền cao nhất quyết định, cần có luận chứng kinh tế — kỹ thuật đúng với ý nghĩa của nó; có sự tham khảo ý kiến các chuyên gia giỏi của ngành có liên quan.

Cần thực hiện một vấn đề được xem là quốc sách: tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng. Tiết kiệm là một vấn đề được nêu ra rất nhiều, nhưng chưa được thực hiện một cách triệt để nên đã gây lãng phí nghiêm trọng cho nền kinh tế.

Các biện pháp chống lạm phát, bên cạnh mặt tích cực, còn có những ảnh hưởng tiêu cực không tránh khỏi

Digitized by Google

Việc giảm chi ngân sách nhà nước cho ngành xây dựng cơ bản, giảm vốn đầu tư trong ngành đó, chắc chắn gây nhiều khó khăn về công việc làm cho hàng vạn người lao động trong ngành đó. Việc xóa bao cấp qua vốn, không bù lỗ, thương mại hóa vật tư... đã làm cho các xí nghiệp quốc doanh gặp nhiều khó khăn, một số công nhân mất việc làm. Biện pháp chống lạm phát và biện pháp chống thất nghiệp có khi mâu thuẫn nhau và tạo thành cái vòng luẩn quẩn. Chống lạm phát làm tăng thất nghiệp, chống thất nghiệp làm tăng lạm phát. Từ thế kỷ 19, các nhà kinh tế đã nghiên cứu hai vấn đề nói trên và cho đến nay không có cách nào khác là dung hòa hai biện pháp nói trên: chấp nhận một tỷ lệ thất nghiệp và một tỷ lệ lạm phát nào đó mà nền kinh tế có thể chấp nhận.

2— **Giải quyết việc làm cho người lao động.** Hiện nay, chưa có số liệu thống kê chính thức về số người thất nghiệp, nhưng theo ước lượng của một số cơ quan nghiên cứu kinh tế thì số người không có việc làm và thiếu việc làm lên đến trên 5 triệu người. Như vậy, từ nay đến cuối thập kỷ 90, cần tạo ra khoảng 15 triệu chỗ làm việc (mỗi năm thêm hơn 1 triệu người đến tuổi lao động). Cần xem xét vài đặc điểm trong tình hình lao động ở nước ta:

— Lao động tăng chủ yếu ở nông thôn (từ 1980 đến 1988, thành thị tăng 2,36 triệu người, nông thôn tăng 7,65 triệu người, chiếm 76,4% số dân tăng trong thời kỳ). Diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người ở nước ta rất thấp (0,1 ha), đặc biệt ở các vùng trọng điểm lúa (đồng bằng sông Hồng — 0,06 ha, đồng bằng sông Cửu Long — 0,17 ha). Như vậy, khó có thể thêm lao động vào sản xuất nông nghiệp vốn đã dư thừa sức lao động. Mặt khác, xét về cơ cấu lao động trong nền kinh tế, năm 1980 lao động nông nghiệp chiếm gần 71% tổng số lao động trong cả nước, năm 1988 là 72,2%, nghĩa là phát triển ngược lại với quy luật thay đổi cơ cấu lao động trong quá trình công nghiệp hóa.

— Nhiều ý kiến cho rằng Việt nam có ưu thế về nguồn lao động dồi dào và giá nhân công rẻ. Tuy nhiên, cần thấy một nhược điểm lớn là đại bộ phận lao động chưa được đào tạo về kỹ thuật và thiếu những công nhân lành nghề. Nhược điểm này đã ảnh hưởng đến việc tiếp thu kỹ thuật và công nghệ mới, hạn chế việc thu hút vốn đầu tư của nước ngoài.

— Trong cuộc cách mạng công nghệ, có sự cạnh tranh về sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa trên thị trường quốc tế và trong nước. Hàng hóa chỉ có thể bán được, nếu có chất lượng tốt và giá hạ. Điều đó đòi hỏi phải áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới. Ngày nay, không thể trang bị lao động bằng công cụ thô sơ như những thập kỷ trước đây, dù là trong ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Như vậy, phải có vốn đầu tư để tạo ra cơ sở hạ tầng (năng lượng, đường sá, phương tiện vận tải...) và trang bị tư liệu sản xuất, dù chỉ ở trình độ kỹ thuật trung bình so với trình độ hiện nay trên thế giới. Nguồn vốn to lớn đó chủ yếu dựa vào nhân dân, vào các thành phần kinh tế, do đó, nhà nước phải có một cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất, tạo việc làm.

Việc bố trí lao động trong các ngành kinh tế, tùy thuộc mô hình phát triển kinh tế trong thời gian tới. Cần ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng của nền kinh tế (năng lượng, giao thông vận tải, bưu điện), một số ít ngành công nghiệp nặng then chốt, các ngành nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp nhẹ, tiểu công nghiệp. Trong hoàn cảnh nước ta rất thiếu vốn và thừa lao động, nên chú trọng những ngành sản xuất, dịch vụ nào

Digitized by Google

đòi hỏi vốn tương đối ít và nhiều nhân công. Chẳng hạn như các ngành may mặc (*), dệt, thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, gia công lắp ráp thiết bị điện tử, cơ khí v.v.

Để thu hút hàng triệu lao động, không có con đường nào khác là phát triển các ngành dệt, may mặc, chế biến nông sản, sản xuất cơ khí, vật liệu xây dựng, sành, sứ, thủy tinh v.v. Cần có quy hoạch phát triển công nghiệp nông thôn, thu hút nguồn lao động dư thừa trong nông nghiệp vào sản xuất công nghiệp được hình thành tại chỗ. Phát triển ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp theo hướng xây dựng nền công nghiệp vi mô, hiện đại hóa ngành tiểu công nghiệp và một số ngành thủ công nghiệp bằng cách trang bị kỹ thuật mới, sử dụng công nghệ tiên tiến để sản phẩm có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế và trong nước. Biện pháp then chốt để giải quyết vấn đề lao động và ngành nghề trên quy mô toàn xã hội, là chính sách kinh tế của nhà nước khuyến khích dân bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất và dịch vụ, bảo đảm cho người bỏ vốn quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, được thuê lao động không hạn chế (miễn là thực hiện pháp luật hiện hành về lao động), quyền thừa kế tài sản, quyền giao dịch với tư nhân và tổ chức nước ngoài để tìm vốn, kỹ thuật và thị trường, bãi bỏ những thủ tục phiền hà, tạo lòng tin trong dân về chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước.

Vừa qua, nhà nước chỉ mới ban hành một số chính sách kinh tế khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phát triển sản xuất kinh doanh, mà đã thấy nền kinh tế có những chuyển biến rõ rệt. Chỉ riêng khu vực kinh tế gia đình đã có hàng nghìn lạng vàng, hàng trăm tỷ đồng được bỏ ra để kinh doanh. Tuy nhiên, cần nói thêm: tiềm năng về vốn và khả năng tổ chức của các tầng lớp nhân dân, của các thành phần kinh tế, còn rất lớn. Tiếc rằng chưa có điều tra xã hội học để xác định mức độ vốn người dân bỏ ra so với tiềm năng kinh tế của họ. Mức độ vốn người dân bỏ ra tùy thuộc lòng tin của họ đối với chính sách, luật pháp của nhà nước, tùy thuộc **mức độ ổn định của các chính sách** đối với các thành phần kinh tế. Hiện nay vẫn còn một số người làm chính sách, nhà quản lý và nhà khoa học coi kinh tế tư nhân và cá thể như một hiện tượng « bất đắc dĩ » phải chấp nhận, một thứ tế bào lạ ghép vào một cơ thể sống. Tư tưởng đó ít nhiều đã gây tâm lý hoài nghi trong nhân dân, khiến những người có vốn, có tài kinh doanh chưa dám mạnh dạn đầu tư cho sản xuất kinh doanh.

3 — Đổi mới cơ cấu kinh tế theo hướng tạo nên kinh tế năng động, sản xuất hàng hóa phát triển.

Nền kinh tế là một hệ thống lớn và những hệ thống con gồm các ngành, các vùng kinh tế, các khu vực kinh tế (như sản xuất và tiêu dùng). Đương nhiên, các hệ thống con này lại có thể là tập hợp của những hệ thống cấp thấp hơn. Nghiên cứu một hệ thống kinh tế là xác định các mối quan hệ chủ yếu và ổn định giữa các hệ thống con, và qua đó, có thể thấy trình độ phát triển của nền kinh tế. Chẳng hạn, chúng ta xét hệ thống nông, lâm, ngư nghiệp. Trong phạm vi cả nước, trừ một số ít vùng có sản phẩm lương thực dồi dào, có sản phẩm dư thừa bán trên thị trường, còn phần lớn các vùng nông, lâm, ngư, nghiệp, nhất là ở các vùng trung du và miền núi, đều ở tình trạng tự cấp tự túc. Người dân làm ra sản phẩm chủ yếu cho nhu cầu của

(*) Quần áo may sẵn là một trong những mặt hàng công nghiệp xuất khẩu của Thái lan, hàng năm thu hơn 20 tỷ bạt (800 triệu đô la Mỹ), bằng kim ngạch xuất cảng gạo của Thái lan

Digitized by Google

mình, còn dư thừa thì bán ở chợ địa phương để mua hàng hóa cho nhu cầu khác. Các mối quan hệ kinh tế với các vùng khác là không đáng kể. Vì vậy, có thể xem đó là những **hệ thống kinh tế biệt lập**. Đặc điểm của nền sản xuất hàng hóa kém phát triển là nền kinh tế nửa tự nhiên. Giữa nông nghiệp và các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chưa có mối quan hệ chặt chẽ. Sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu chủ yếu dưới dạng thô: mủ cao su, gỗ tròn, cà phê hạt, sắn lát, lạc nhân, hải sản đông lạnh, tơ tằm, da muối v.v. Sản phẩm nông nghiệp, nếu được chế biến, sẽ làm tăng giá trị hàng hóa và tạo việc làm cho người lao động. Tính chất các mối quan hệ nói lên trình độ phát triển của nền sản xuất hàng hóa. Một sản phẩm của một ngành sản xuất khi được bán ra thị trường cho người tiêu dùng thì kết thúc chu trình: sản xuất—tiêu thụ. Nếu sản phẩm đó được dùng làm nguyên liệu, bán thành phẩm cho một ngành sản xuất khác, thì chu trình vẫn tiếp tục: sản xuất—tiêu thụ—sản xuất... Một sản phẩm của ngành này nên là nguyên liệu của một ngành khác, nghĩa là đầu ra của một hệ thống kinh tế này nên là đầu vào của một hệ thống kinh tế khác. Cần thiết lập mối quan hệ chặt chẽ, đa dạng và ổn định giữa các ngành công nghiệp có trình độ kỹ thuật, quy mô sản xuất khác nhau (các mối quan hệ về cung cấp nguyên liệu, bán thành phẩm, thiết bị, công nghệ, gia công phụ tùng, chi tiết v.v.). Các mối quan hệ có tính chất bổ sung cho nhau giữa các ngành công nghiệp, là chìa khóa cho sự phát triển công nghiệp ở các nước kinh tế phát triển. Một xí nghiệp lớn có mối quan hệ với hàng nghìn cơ sở, xí nghiệp nhỏ; thậm chí sử dụng nhân công gia đình để gia công những chi tiết mà công việc đó làm tại nhà máy không có hiệu quả bằng.

Tóm lại, chỗ yếu của nền kinh tế nước ta là sản xuất hàng hóa kém phát triển, chưa có đầy đủ các mối quan hệ ngang cần thiết giữa các ngành sản xuất, giữa các vùng, giữa các đơn vị kinh tế. Tình hình đó có nguyên nhân ở cơ chế quản lý. Nền kinh tế trước đây hoạt động theo hệ thống dọc, từ các khâu sản xuất, vốn, vật tư, thiết bị, giá cả, khách hàng v.v. đều do lệnh của cấp trên, và cơ sở chỉ biết thi hành. Cơ chế đó làm triệt tiêu cạnh tranh, hạn chế phát huy sáng kiến và làm cho nền kinh tế thiếu năng động. Chuyển sang cơ chế mới, các mối quan hệ trong nền kinh tế cần được thiết lập trên cơ sở tự nguyện liên doanh, liên kết giữa các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế theo sự hướng dẫn của nhà nước.

Digitized by Google

VỀ ĐỔI MỚI KẾ HOẠCH HÓA Ở NƯỚC TA

NGUYỄN THÀNH BANG *

1 — Kế hoạch hóa trong nền kinh tế hiện vật

1 — Trong nền kinh tế hiện vật xây dựng theo mô hình xã hội chủ nghĩa truyền thống, chỗ dựa nền tảng của **kế hoạch hóa tập trung cao độ từ một trung tâm** (mà trong những phần tới ta sẽ gọi là **kế hoạch hóa trực tiếp**) là chế độ công hữu đối với tư liệu sản xuất, trong đó người ta đồng nhất sở hữu toàn dân với sở hữu nhà nước và coi nhà nước là người chủ sở hữu lớn nhất (đại gia trưởng) đối với mọi tài sản và nguồn vốn quốc gia, người «cầm cân, nảy mực» có trách nhiệm trực tiếp quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn xã hội.

Nhà nước cử ra các giám đốc (ông chủ con) thay mặt đại gia trưởng (ông chủ bố) để quản lý các xí nghiệp, và người ta cho rằng do việc xã hội hóa các tư liệu sản xuất đã loại trừ sự trao đổi hàng hóa trực tiếp giữa các xí nghiệp độc lập với nhau, cho nên các xí nghiệp quốc doanh chỉ phải lo tổ chức sản xuất để hoàn thành các chỉ tiêu pháp lệnh do cấp trên giao, còn mọi yếu tố đầu vào — đầu ra của quá trình sản xuất đã có những ông chủ con khác thay mặt nhà nước lo hộ rồi. Tình hình ấy, dương nhiên làm cho sản xuất tách rời kinh doanh, không gắn với thị trường.

Do không có tự do trao đổi hàng hóa giữa các xí nghiệp độc lập với nhau, cho nên cũng không thể có tự do hình thành giá cả. Giá cả mọi hàng hóa đều do nhà nước ấn định, vì vậy không phản ánh được giá trị cũng như các quan hệ cung cầu; không làm được chức năng truyền đạt thông tin, kích thích hoạt động kinh tế và phân phối thu nhập; và càng không thể giúp cho việc phân tích một cách có lý mối quan hệ giữa chi phí và lợi nhuận. Cũng vì vậy, lãi của xí nghiệp thì nhà nước thu tất, còn lỗ thì nhà nước bù, và nếu xí nghiệp hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do cấp trên giao thì sẽ được thưởng lãi định mức theo giá thành sản phẩm. Giá thành càng cao thì lãi định mức xí nghiệp được thưởng sẽ càng lớn, bất chấp xí nghiệp có phải bù lỗ hay không. Trong điều kiện như vậy, không một giám đốc nào lại ra sức phấn đấu để hạ giá thành sản phẩm.

* Tiến sĩ kinh tế học

Digitized by Google

Điều đó giải thích vì sao các tiến bộ khoa học và công nghệ rất khó đưa vào áp dụng trong nền kinh tế kế hoạch hóa trực tiếp và vì sao sản xuất chỉ phát triển theo chiều rộng mà không phát triển theo chiều sâu.

Ngoài ra, việc quản lý kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ, trên thực tế, đã dẫn đến sự chia cắt quyền sở hữu đối với mọi tài sản và mọi nguồn vốn của quốc gia, và gắn liền với sự chia cắt này là cuộc đấu tranh dưới nhiều hình thức tinh vi và tế nhị, song không kém phần quyết liệt, để bảo vệ và duy trì lợi ích cục bộ của từng ngành, từng địa phương, thậm chí của từng đơn vị sản xuất kinh doanh, làm cho những cân đối giá trị theo kế hoạch trên giấy bị biến dạng và méo mó đi nhiều qua các tầng nấc trung gian và khác xa so với cân đối hiện vật trong thực tế. **Nền kinh tế kế hoạch hóa trực tiếp vì lẽ đó không chỉ mất đi « sức trời » của một chỉnh thể, mà còn bị lâm vào tình trạng mất cân đối thường xuyên do sức ép bành trướng hết sức nặng nề của từng tế bào, của từng bộ phận trong nền kinh tế, và do tình trạng cộng sinh giữa bộ máy quản lý nhà nước với các đơn vị sản xuất kinh doanh gây ra.**

Từ đây mới đẻ ra các khái niệm « kinh tế trung ương », « kinh tế địa phương », « nhà nước trung ương », « nhà nước địa phương » (tỉnh, thành, huyện quận, xã phường), và trên cơ sở đó, người ta xây dựng một hệ thống quản lý nhà nước nhiều cấp, nhiều tầng nấc trung gian với xu hướng ngày càng phình to theo đà phát triển của sản xuất, **hình thành những khối u cộng sinh trên cơ thể kinh tế.** Bất kỳ ai có chức quyền trong hệ thống nói trên cũng đều có thể nhân danh nhà nước để gây trở ngại, thậm chí có thể can thiệp trực tiếp vào các hoạt động sản xuất kinh doanh để trục lợi cá nhân, song không hề chịu trách nhiệm gì về hậu quả của những hành động đó, làm nảy sinh nạn tham ô, móc ngoặc để bòn rút ngân sách nhà nước và các nguồn của cải quốc gia, gây ra những tổn thất nặng nề, những lãng phí ghê gớm trong khai thác sử dụng các nguồn lực của đất nước.

2 — Như vậy, kế hoạch hóa trực tiếp có mấy đặc trưng cơ bản sau đây:

Một là, kế hoạch hóa trực tiếp về thực chất là lối quản lý « **áp đặt hành vi** » bằng các chỉ tiêu pháp lệnh từ phía nhà nước với tư cách là người đưa ra sáng kiến đối với các đơn vị kinh tế trong sản xuất kinh doanh, làm cho các doanh nghiệp thụ động, ỷ lại, sống nhờ vào cấp phát và ban thưởng của cấp trên, phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, không có sức sống riêng; làm triệt tiêu mọi động lực của sự phát triển.

Hai là, kế hoạch hóa trực tiếp đồng nghĩa với **sự cân đối hiện vật toàn bộ nền kinh tế quốc dân từ A đến Z**, từ những chi tiết nhỏ nhặt nhất cho đến mọi mặt đời sống kinh tế — xã hội.

Điều đó chứng tỏ kế hoạch hóa trực tiếp bao trùm toàn bộ và đồng thời xuyên suốt đến từng bộ phận, từng tế bào của nền kinh tế **bằng những liên kết cứng**, làm **tăng sức ì** của hệ thống và làm cho nó càng ngày càng trở nên **kém năng động.**

Ba là, kế hoạch hóa trực tiếp đã **chia cắt nền kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ để quản lý, mà về thực chất là chia cắt quyền sở hữu đối với mọi tài sản và mọi nguồn lực của quốc gia**, dẫn đến tình trạng vì lợi ích cục bộ của ngành, của địa phương, thậm chí của từng đơn vị kinh tế, người ta có thể làm phương hại đến lợi ích của đất nước, làm trầm trọng thêm sự mất cân đối và sự thiếu hụt trong nền kinh tế

Digitized by Google

Bốn là, kế hoạch hóa trực tiếp đòi hỏi phân phối mọi sản phẩm do xã hội làm ra với giá cả do nhà nước ấn định theo các kênh xác định, đến các địa chỉ định trước trong các kế hoạch 5 năm và hằng năm. Ngoài ra, kế hoạch hóa trực tiếp dựa vào hệ thống các chỉ tiêu hiện vật để kiểm tra việc thực hiện. Cho nên, kế hoạch hóa trực tiếp về thực chất là sự **cân đối và phân phối hiện vật.**

Thế nhưng, do sức ép bành trướng của từng đơn vị kinh tế, từng địa phương, từng ngành, do sức cản, sự rò rỉ trong các kênh lưu thông rất lớn, do phải trải qua nhiều cửa ải quyền lực trong bộ máy quản lý nhà nước quan liêu bao cấp, việc phân phối hiện vật trên thực tế bị biến dạng, méo mó đi nhiều, khác xa với những cân đối theo kế hoạch trên giấy, dẫn đến một nghịch lý : **càng cân đối theo phương pháp kế hoạch hóa trực tiếp bao nhiêu thì nền kinh tế càng mất cân đối và thiếu hụt nặng nề bấy nhiêu**

Như vậy, tồn tại một khuôn khổ thể chế trong đó có cơ chế kế hoạch hóa trực tiếp, dựa trên những quan niệm không tưởng về chế độ sở hữu, về chủ thể sở hữu, về các hình thức tổ chức kinh doanh, tổ chức bộ máy... Chính do những quan niệm không tưởng này, chứ không chỉ do sai lầm của những cá nhân có chức quyền, đã làm nảy sinh những khuyết tật về thể chế nói trên. Tất nhiên, sai lầm của những cá nhân có chức quyền có thể góp phần làm cho những khuyết tật đó thêm trầm trọng

Muốn sửa chữa những khuyết tật nói trên, không có cách nào khác là phải thay đổi căn bản các quan niệm không tưởng về cấu trúc của hệ thống. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng, cách quản lý kinh tế theo phương pháp kế hoạch hóa trực tiếp với những đặc trưng đã được khái quát trên đây, có thể được áp dụng khi tiến hành xây dựng nền kinh tế với quy mô lớn và có thể thu được những thành tựu kỳ diệu trong một thời gian lịch sử tương đối ngắn trong những điều kiện và **hoàn cảnh đặc biệt** nào đó, chẳng hạn như trong thời kỳ hàn gắn các vết thương chiến tranh để khôi phục và phát triển kinh tế, trong hoàn cảnh bị bao vây, cô lập với thế giới bên ngoài, v.v.: song cách quản lý kinh tế, đó dù sao cũng không thể nào tạo được sức sống nội tại bền bỉ, liên tục cho từng tế bào, từng bộ phận, cũng như cho cả cơ thể sống của nền kinh tế, do đó, cũng không thể nào tạo được năng suất lao động cao hơn, trong những điều kiện bình thường của cuộc sống con người.

II — Kế hoạch hóa trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội

1 — Chấp nhận nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có nghĩa là chúng ta thừa nhận sự tồn tại nhiều hình thức sở hữu trong thực tế cuộc sống. Căn cứ vào các đặc điểm lịch sử và hoàn cảnh cụ thể của nước ta, chế độ sở hữu trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội gồm ba loại sở hữu cơ bản sau đây: **sở hữu công cộng** (lâu nay ta vẫn quen gọi là **sở hữu toàn dân**), **sở hữu tập thể** và **sở hữu tư nhân**, trong đó **chế độ công hữu là nền tảng.**

Ngoài ba loại hình sở hữu cơ bản kể trên, có thể tồn tại những loại sở hữu khác. Chẳng hạn, ruộng đất vốn thuộc sở hữu cộng đồng, nếu nhà nước giao cho các hộ nông dân quyền được sử dụng lâu dài, được chuyển nhượng và được kế thừa ruộng đất theo những quy định của luật pháp, nghĩa là tách quyền sử dụng ruộng đất ra khỏi quyền sở hữu ruộng đất, thì rõ ràng, đây là một loại sở hữu khác, không trọn vẹn.

Digitized by Google

Từ ba loại sở hữu cơ bản đã nói trên sẽ hình thành nhiều loại hình **tổ chức kinh doanh** đa dạng, trong đó ngày càng phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh dựa trên sự lồng ghép, hỗn hợp nhiều loại sở hữu.

Khái niệm **thành phần kinh tế** trong cơ cấu mới của chế độ sở hữu, cần được hiểu theo nghĩa là **một bộ phận cấu thành của nền kinh tế bao gồm một số loại hình tổ chức kinh doanh ứng với một loại sở hữu chủ yếu và gắn với cách quản lý và phân phối thu nhập thích hợp.**

Với các nhận thức trên đây, ta thấy trong nền kinh tế nước ta hiện nay có các thành phần kinh tế sau đây: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế hộ gia đình, kinh tế tư nhân (xí nghiệp tư nhân, xí nghiệp cổ phần tư nhân) và kinh tế hỗn hợp (xí nghiệp cổ phần hỗn hợp, xí nghiệp liên doanh tư bản nhà nước, xí nghiệp quốc doanh cho thuê...). Ngoài ra, hiện nay ở một số vùng của đất nước còn có thành phần kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc, mang tính chất cộng đồng thị tộc, song thành phần kinh tế này đang trong quá trình chuyển hóa sang kinh tế hộ gia đình.

Quá trình xã hội hóa sản xuất và đưa các thành phần kinh tế đi lên chủ nghĩa xã hội gắn liền với quá trình tích tụ, tập trung vốn không dựa vào tước đoạt hoặc gò ép tập thể hóa tư liệu sản xuất, mà **thông qua con đường tự nguyện lồng ghép, hỗn hợp các loại hình sở hữu** trên cơ sở hiệu quả kinh doanh bằng cách phát triển các doanh nghiệp cổ phần, hợp tác xã và các xí nghiệp liên doanh tư bản nhà nước, đi tới hình thành các tập đoàn lớn có vai trò chi phối trong nền kinh tế quốc dân và **thông qua các chính sách điều tiết của nhà nước.**

Để tạo điều kiện và môi trường cho sự phát triển lành mạnh nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trước hết cần **ban hành ngay một số đạo luật cơ bản, như luật về quyền sở hữu tài sản của công dân, luật về tự do thân thể và luật về tự do kinh doanh**; trên cơ sở đó, xây dựng và hoàn chỉnh dần bộ luật kinh tế (luật kinh doanh, luật phá sản, luật thuế, luật ngân hàng, v.v.). Đồng thời, tổ chức lại bộ máy quản lý nhà nước sao cho đủ sức thực hiện chức năng giám sát, kiểm soát và điều tiết hoạt động kinh doanh của mọi thành phần kinh tế; tách ngay dự toán tài chính của các đơn vị kinh tế ra khỏi ngân sách nhà nước và trên cơ sở đó, tiến hành một cuộc đại phẫu thuật, tách bộ máy chính quyền các cấp ra khỏi lĩnh vực kinh doanh.

2— Với sự tồn tại và phát triển của các thành phần kinh tế theo các định hướng về cấu trúc như trên, việc quản lý kinh tế ngay trong giai đoạn phát triển ban đầu của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, không thể dựa vào kiểu kế hoạch hóa trực tiếp như trước đây, mà phải chuyển sang tối **kế hoạch hóa gián tiếp** là chủ yếu, với các nội dung sau đây:

Một là, kế hoạch hóa trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là **sự thăm dò** từ phía nhà nước với tư cách người đưa ra sáng kiến về **khả năng phát triển kinh tế** thông qua các định hướng chiến lược cùng với các chính sách cụ thể để **hướng dẫn hành vi** của các đơn vị kinh tế trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, trên cơ sở các thông tin phản hồi của thị trường, nhà nước sẽ **điều chỉnh** hoặc **thay đổi** các chính sách và các biện pháp điều tiết nhằm đạt tới các mục tiêu đề ra. Các đơn vị kinh tế phải chủ động tiếp cận thị trường để vạch ra chiến lược kinh doanh, và trong quá trình thực hiện, phải tự điều chỉnh các hoạt động của mình sao cho phù hợp với các định hướng chiến

Digitized by Google

lược và các chính sách cụ thể của nhà nước.

Như vậy, kế hoạch hóa phải chuyển từ lối quản lý « áp đặt hành vi » bằng các chỉ tiêu pháp lệnh sang lối quản lý « hướng dẫn hành vi » bằng cách điều chỉnh chính sách và các biện pháp điều tiết của nhà nước kết hợp với sự tự điều chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế thông qua tác động của cơ chế thị trường, tức chuyển sang **kế hoạch hóa gián tiếp.**

Hai là, kế hoạch hóa phải chuyển từ **cân đối cứng toàn bộ** nền kinh tế quốc dân từ A đến Z sang **cân đối động dựa vào lợi thế** so sánh của nước ta và cân đối toàn cục giữa tổng cung và tổng cầu, giữa thu và chi trong ngân sách nhà nước, giữa xuất và nhập, giữa hàng và tiền... bằng các chính sách và các đòn bẩy kinh tế.

Rõ ràng, phát triển có kế hoạch nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phải **tập trung vào một số ngành nghề mà ta có lợi thế, và phần lớn vốn đầu tư phải thông qua thị trường vốn để phân phối, chứ không phải chỉ dựa vào ngân sách nhà nước như lâu nay ;** lấy tích lũy từ những ngành nghề này để giải quyết cân đối toàn cục và góp phần thúc đẩy sự phát triển của những ngành nghề khác, tăng thêm khả năng cạnh tranh với thế giới trong tương lai, **không ngừng tạo ra những lợi thế so sánh mới.**

Ba là, kế hoạch hóa gián tiếp đòi hỏi sự thống nhất quản lý kinh tế vĩ mô trong phạm vi cả nước (cả nước chỉ có một chính sách giá cả, một chính sách thuế, một chính sách tín dụng, một luật kinh doanh, một luật phá sản...) Chính quyền các cấp có chức năng giám sát, kiểm tra thực hiện các chính sách và các luật lệ nói trên; còn việc quản lý nhà nước về các lĩnh vực kinh tế – kỹ thuật, cũng phải xuyên suốt các tổ chức kinh doanh trong mọi thành phần kinh tế trên phạm vi cả nước.

Như vậy, sẽ không còn kinh tế trung ương, kinh tế địa phương, do đó cũng không còn xí nghiệp trung ương, xí nghiệp địa phương; và hoạt động kinh doanh của các đơn vị kinh tế sẽ không còn bị hạn chế bởi địa giới hành chính. Sự liên kết giữa các đơn vị kinh tế sẽ thông qua các hình thức tự nguyện liên doanh, hùn vốn, góp cổ phần,...; tức chuyển từ **liên kết cứng** trước đây sang **liên kết mềm,** tạo ra **sự năng động và đa dạng** trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời bảo đảm **tính nhất thể hóa** trong nền kinh tế của một quốc gia.

Bốn là, kế hoạch hóa gián tiếp đòi hỏi gắn liền sản xuất với thị trường thông qua cơ chế thị trường và cơ chế cạnh tranh trên thị trường, các tổ chức kinh doanh sẽ đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của con người.

Đối với các hàng hóa xã hội trong các ngành giáo dục, y tế, an ninh, quốc phòng..., nhà nước có thể thông qua các đơn đặt hàng bằng cách đấu thầu công khai, bằng cách trợ giá trực tiếp cho người tiêu dùng để giải quyết.

Năm là, ngoài các chính sách và các đòn bẩy kinh tế đã nói trên, trong điều kiện nền kinh tế còn phụ thuộc nặng nề vào các yếu tố tự nhiên, thị trường dân tộc còn chưa hoàn chỉnh, muốn ổn định đời sống kinh tế – xã hội, nhà nước cần dấy mạnh hoạt động của các công ty bảo hiểm, tăng cường các nguồn dự trữ quốc gia, để đủ sức can thiệp vào thị trường trong những tình huống đột biến nhằm ổn định sản xuất, giá cả và giá trị của đồng tiền.

Rõ ràng, kế hoạch hóa gián tiếp trong giai đoạn phát triển ban đầu của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội, không loại trừ khả năng nhà nước **can thiệp**

Digitized by Google

trực tiếp vào hoạt động của thị trường trong những trường hợp đặc biệt cần thiết để **điều hòa các mặt lợi ích** trong xã hội (lợi ích trước mắt và lâu dài, lợi ích cục bộ và toàn cục, lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội...). Chính vì lẽ đó, **cần tiếp tục củng cố và phát triển thành phần kinh tế quốc doanh ở những vị trí then chốt trong nền kinh tế sao cho đủ sức chi phối các yếu tố tự phát của thị trường.**

3 – Đổi mới kế hoạch hóa theo phương hướng trên đây nhằm sửa chữa những khuyết tật về cấu trúc của kế hoạch hóa trực tiếp trong nền kinh tế hiện vật, sẽ tạo ra sự mềm dẻo, linh hoạt trong quá trình thực hiện kế hoạch, trả lại sức sống và sự tự chủ cho từng đơn vị tế bào của nền kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm điều hòa các mặt lợi ích trong xã hội thông qua các chính sách và các đòn bẩy kinh tế, tạo ra các động lực cho sự phát triển và hướng chúng vào thực hiện các mục tiêu toàn cục của quốc gia để đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Rõ ràng, kế hoạch hóa gián tiếp không những không đối lập kế hoạch với thị trường, mà ngược lại, **gắn chặt kế hoạch với thị trường.** Thông tin của thị trường là căn cứ để hoạch định kế hoạch, và thông qua kế hoạch (các chính sách và các biện pháp điều tiết, các cân đối toàn cục), nhà nước sẽ điều tiết các hoạt động của thị trường. Trong quá trình điều tiết, nhà nước lại thông qua thông tin phản hồi của thị trường mà điều chỉnh kế hoạch định hướng ban đầu, thậm chí có thể thay đổi các chính sách và các biện pháp cụ thể, nhằm đạt các mục tiêu đề ra.

Như vậy, **kế hoạch hóa gián tiếp gắn liền với việc hoạch định các chính sách kinh tế và hệ thống các đòn bẩy kinh tế (giá cả, thuế, tín dụng), đồng thời gắn chặt với việc xây dựng hệ thống luật pháp kinh tế.**

Những nhận thức trên đây về đổi mới kế hoạch hóa trong cấu trúc mới của hệ thống kinh tế, tất yếu dẫn đến những thay đổi cơ bản trong nhận thức về thị trường và cơ chế thị trường, về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước. Đây là những vấn đề cực kỳ hệ trọng trong tiến trình đổi mới, chúng tôi sẽ trình bày trong những công trình nghiên cứu tiếp theo.

ĐỔI MỚI TỔ CHỨC...

(Tiếp theo trang 61)

chức, nó đã phạm những sai lầm đáng tiếc. Đã xảy ra trường hợp giám đốc sở tư pháp ra quyết định bổ nhiệm thẩm phán tòa án nhân dân thay vì hội đồng nhân dân bầu ra. Và như chúng ta đã biết, tòa án cấp trên đã phải hủy hàng chục vụ án do những thẩm phán này ngồi xét xử.

Giao cho Bộ tư pháp quản lý các tòa án địa phương về mặt tổ chức là do chúng ta học tập kinh nghiệm của một số nước xã hội chủ nghĩa anh em. Song qua thực tiễn, thấy những kinh nghiệm đó không phù hợp với điều kiện nước ta, thì cũng không nên cố giữ. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của BCHTU Đảng (khóa VI) chỉ rõ: «Việc kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước phải xuất phát từ yêu cầu đối tượng quản lý, từ trình độ đội ngũ cán bộ, và phải gắn liền với việc bố trí, sắp xếp hợp lý cán bộ; tránh tình trạng giản đơn, máy móc, sắp xếp lại bộ máy một cách hình thức».

Giao cho Tòa án nhân dân tối cao quản lý các tòa án địa phương như trước khi thành lập Bộ tư pháp là hợp lý nhất. Điều đó phù hợp với tinh thần đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước hiện nay.

Digitized by Google

Cơ chế thị trường và những điều cần báo động

VŨ HIỀN

VẤN đề muôn thuở trong quá trình sản xuất vật chất để loài người tồn tại và phát triển là làm sao huy động được đến mức cao nhất và thực hiện có hiệu quả nhất sự kết hợp giữa lao động và đối tượng lao động. Hay nói như Uy-li-am Pét-ti, nhà kinh tế học cổ điển Anh: lao động là cha, đất đai là mẹ của của cải.

Nền sản xuất hàng hóa ngày càng phát triển là thành tựu tuyệt vời của con người, vì nó huy động với mức cao độ mọi tiềm năng lao động và đối tượng lao động vào quá trình sản xuất. Cơ chế điều hành nền sản xuất ấy — cơ chế thị trường — cho tới hôm nay vẫn được thừa nhận là hữu hiệu hơn cả.

Cơ chế thị trường là một hình thái tổ chức kinh tế trong đó người tiêu dùng và người sản xuất tác động lẫn nhau thông qua thị trường để xác định ba vấn đề cơ bản: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai. Đó là một cơ chế tinh vi được điều khiển bởi quy luật giá trị và quy luật cung cầu, là sự phối hợp một cách tự nhiên giữa người sản xuất và người tiêu dùng thông qua giá cả và thị trường. Đó cũng là cơ chế phạt và thưởng, thua và được, lỗ và lãi. Cơ chế ấy đã trở thành phương tiện để tập hợp tri thức và hành động của hàng triệu cá nhân khác nhau.

Không ai thiết kế ra cơ chế thị trường. Nó tự xuất hiện, tự biến đổi và đang biến đổi.

Ở nước ta, qua bốn năm thực hiện công cuộc đổi mới, với tư duy kinh tế khoa học hơn, chúng ta đã dần dần thoát khỏi những định kiến về cơ chế thị trường, ngày càng hiểu hơn về nó, tìm cách vận dụng nó để phát triển kinh tế.

Từ việc hướng tới, tiếp cận cơ chế thị trường tới chỗ vận dụng những giải pháp tự nhiên của nó, chúng ta đã đạt được những kết quả bước đầu. Thị trường đã dần được hình thành, thông thoáng trong phạm vi cả nước và hướng ra bên ngoài nhiều hơn; khối lượng hàng hóa trao đổi trên thị trường bên trong và với thị trường bên ngoài đã tăng lên đáng kể. Hệ thống giá cả tự nhiên đã được xác lập trong cả nước. Tính tự chủ của người sản xuất, kinh doanh đã được phát huy và khích lệ. Hai «ông vua» của nền kinh tế thị trường là **người tiêu dùng** và **kỹ thuật** dần được định vị. Thị trường và dịch vụ đang xâm nhập ngõ ngách các khu dân cư, chi phối mọi lĩnh vực đời sống con người. Sản xuất và lưu thông hàng hóa biến chuyển đáng kể. Nền kinh tế nhiều

Digitized by Google

thành phần đang hình thành có nhiều khởi sắc. Đặc biệt, chúng ta bước đầu tìm ra những nút bấm để điều tiết thị trường. Thành công của việc chuyển đổi từ hệ thống nhiều giá sang một giá, kết quả thu được qua việc thực hiện những giải pháp chống lạm phát, đã cho ta những kinh nghiệm quý.

★

Thị trường luôn tạo ra những điều kỳ diệu. Thị trường cuốn hút và hấp dẫn, nhưng thị trường cũng nghiệt ngã khôn lường. Không nên quá say mê «vẻ đẹp» của cơ chế thị trường mà cho nó là hoàn hảo. Đi vào cơ chế thị trường, nền kinh tế có thể sôi động lên, nhưng chắc chắn cũng phức tạp thêm. Chỉ mới đi vào cơ chế thị trường, bên cạnh cái hay ta đã gặp khó khăn không ít. Những vấn đề mới nảy sinh từ cơ chế thị trường đã cần báo động.

Những «ông chủ mới»

Người chủ sản xuất là người tổ chức điều hành quá trình sản xuất và quyết định phương án phân phối.

Trong thành phần kinh tế quốc doanh của ta hiện nay, khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của giám đốc theo tinh thần Quyết định 217 của Hội đồng bộ trưởng, đã nảy sinh một số vấn đề. **Một mặt**, cần khẳng định việc trao cho các giám đốc những quyền hạn lớn là cần thiết, bởi chỉ như vậy, họ mới có thể tổ chức sản xuất, kinh doanh một cách chủ động, năng động và có hiệu quả hơn. Thực tế cũng đã cho thấy, nhờ có quyết định trên, nhiều xí nghiệp quốc doanh đã làm ăn có hiệu quả hơn trước, nhiều giám đốc đã tỏ rõ được tài năng của mình.

Mặt khác, cũng cần thấy rằng với những quyền hạn lớn, các giám đốc rất có thể trở thành những «ông chủ mới» nếu nhà nước không có những biện pháp kiểm tra, giám sát có hiệu quả. Thực tế cho thấy, ở không ít xí nghiệp quốc doanh, người công nhân chỉ còn là người chủ trên danh nghĩa khi giám đốc nắm hết quyền lực trong tay, từ việc tuyển chọn đến sa thải công nhân, từ việc sắp xếp công việc đến tự quy định tiền lương... Giám đốc trở thành «ông chủ» nhưng vì bản thân không phải tự bỏ vốn nên cũng rất «khác» với ông chủ tư sản xưa nay chuyên kì cóp tích lũy, tiết kiệm để có thể đứng vững trước đối thủ cạnh tranh. Không phải ngẫu nhiên mà trong danh sách những người hùng hay có mặt ở «Dưỡng sơn quán», có không ít giám đốc của các công ty có đuôi EX, MEX. Với mức tiền lương, tiền thưởng hàng triệu mỗi tháng do mình tự quy định, những «ông chủ mới» này mặc sức tiêu hoang xài phí tiền của của nhân dân, không cần biết tương lai của xí nghiệp ra sao.

Những trò ảo thuật

Sự vận động phức tạp và lắt léo của các thành phần kinh tế, những sơ hở khó tránh của các chính sách kinh tế, đó là cơ sở khách quan cho sự nảy sinh những trò ảo thuật trong kinh tế. Có thể kể ra một số dạng.

— **Giả danh liên doanh, liên kết.** Kinh tế muốn phát triển theo chiều sâu và chiều rộng, chiều dọc và chiều ngang, nhất thiết phải có liên doanh, liên kết. Nhưng vừa qua đã có không ít kiểu liên kết ma, để chiếm dụng vốn của nhà nước, làm ăn phi pháp, «dánh quả». Có kẻ giả danh liên kết để lừa đảo: Thị Xuân ở Việt trì lừa 21 cơ quan gần 3 tỷ đồng; Phạm Thị Hồng Thúy ở Hậu giang lừa trên 9 tỷ đồng; ngân hàng Thái bình mắc quả lừa 1,3 tỷ đồng do hám lợi.

— **«Treo đầu dê, bán thịt chó».** Thủ đoạn trí trá này đã lây sang nhiều lĩnh vực. Không ít công ty, xí nghiệp, cửa hàng đăng ký kinh doanh một đường, nhưng thực tế kinh doanh lại

Digitized by Google

khác. Có công ty nông sản chuyên mua bán hàng điện tử; có cửa hàng bán phụ tùng xe máy đi buôn mỹ chính; có xí nghiệp vật liệu xây dựng chuyên kinh doanh tủ lạnh, hàng nhôm...

— **Dịch vụ tràn lan.** Đúng là dịch vụ đang tăng đột biến. Chức trách là phải làm, nhưng rồi người ta cũng chuyển luôn thành « dịch vụ » để kiếm thêm tiền. Dịch vụ ào cả vào nơi cửa Phật. Độc đáo nhất là các kiểu dịch vụ « chỉ trỏ », « môi giới », « hoa tiêu », chỉ bán nước bọt mà có khi được « thưởng » rất to.

— **Chuyển hướng sản xuất.** Thoáng nghe tưởng đây là cách làm ăn linh hoạt, nhưng không phải. Lợi dụng chính sách miễn thuế trong một thời hạn để khuyến khích sản xuất, nhiều nơi đã trốn thuế bằng cách cứ hết thời hạn được ưu đãi miễn thuế, họ lại chuyển hướng kinh doanh với các biện pháp tự giải thể, đổi tên, đổi con dấu.

Quan hệ tiền... tệ

Trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, đã nổi lên nhiều vấn đề đáng lưu ý:

— **Lợi dụng chênh lệch lãi suất ngân hàng để thu lợi riêng.** Việc ngân hàng nhà nước quyết định mức lãi suất cho vay để sản xuất thấp hơn lãi suất tín dụng đã có tác dụng khuyến khích sản xuất kinh doanh, nhưng cũng đã tạo ra kẽ hở: có ngành kinh tế vay của ngân hàng 3 tỷ đồng làm nhiệm vụ xuất khẩu, nhưng thực tế lại đem gửi tiết kiệm để mỗi tháng thu 210 triệu tiền lãi.

— **Dư nợ tín dụng lớn và tăng nhanh.** Dựa vào cơ chế lãi suất ưu đãi, không ít tổ chức kinh tế quốc doanh đã « tận dụng vay » của ngân hàng. Kết quả là hàng nghìn tỷ đồng của ngân hàng hiện còn đọng lại ở các đơn vị vay không có khả năng trả. Vì bị chiếm dụng quá nhiều vốn, ngân hàng hoạt động kém hiệu quả và có khả năng mất không ít vốn.

— **Trốn thuế, lậu thuế và miễn thuế.** Kinh doanh dịch vụ « bùng » ra rất mạnh, nhưng nhà nước chẳng thu được bao nhiêu cho ngân sách. Tình trạng trốn thuế diễn ra ở cả các đơn vị kinh tế của các cơ quan bảo vệ luật pháp. Bên cạnh đó, việc cho miễn thuế một cách tùy tiện đã xảy ra không ít. Có trường hợp chỉ một chữ ký cho miễn thuế đã làm nhà nước thất thu hàng tỷ đồng. Kết quả là ngân sách nhà nước bị thâm hụt lớn, không có tiền để chi cho ngay cả một số nhu cầu thiết yếu.

Mở... không có cửa

Chính sách mở cửa đã làm chuyển biến nền kinh tế. Thị trường trong nước phong phú, đa dạng hơn. Lượng hàng hóa nhập từ nhiều nguồn đã góp phần ổn định giá cả, tăng giá trị của đồng tiền, kích thích các đơn vị kinh tế cải tiến kỹ thuật, thay đổi mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành.

Tuy nhiên, việc « mở » mà « không có cửa » đã phát sinh nhiều vấn đề gay gắt. Một là, hàng ngoại tràn vào quá nhiều (lại thường có chất lượng tốt hơn và giá rẻ hơn) đã bóp nghẹt nhiều ngành sản xuất trong nước. Hai là, đa số hàng nhập (thu hút rất nhiều ngoại tệ, vàng, kim loại, vật liệu quý) lại là hàng tiêu dùng, hàng xa xỉ. Ba là, tranh mua để xuất, tranh bán để nhập. Các biện pháp quản lý xuất, nhập khẩu thiếu chặt chẽ, thống nhất. Cô-ta xuất nhập khẩu được cấp tràn lan. Có lúc cô-ta đã trở thành một thứ hàng hóa đặc biệt, có thể mua đi bán lại ngầm giữa các đơn vị.

★

Ta mới làm quen với thị trường nên chưa thể « khôn » hơn thị trường. Những vấn đề nảy sinh từ cơ chế thị trường có nhiều nguyên nhân, tựu trung có mấy nguyên nhân chính:

Về mặt nhận thức: Do chưa hiểu hết về cơ chế thị trường và thị trường,

Digitized by Google

nên chúng ta khi thì lo sợ, bị động chạy theo nó, lúc lại ảo tưởng cho rằng có thể dễ dàng bắt nó thuần phục theo ý muốn của ta. Vì thế, trong việc hoạch định và thực hiện chính sách thường có hai xu hướng: hoặc buông thả, phó mặc cho thị trường tự phát vận động điều tiết; hoặc can thiệp thô bạo bằng những mệnh lệnh và biện pháp phi kinh tế.

Về phía khách quan: Điều dễ nhận thấy là thực trạng nền kinh tế của ta còn rất nghèo nàn, mất cân đối nghiêm trọng và còn ở trình độ thấp, nên những trục trặc xảy ra là không tránh khỏi. Mặt khác, bản thân cơ chế thị trường lại rất phức tạp, có mặt tiêu cực, luôn có khả năng gây ra sự mất ổn định. Nhưng sự mất ổn định do cơ chế thị trường gây ra hiện nay có lẽ còn ít hơn so với sự mất ổn định do cơ chế thị trường chưa phát triển gây ra. Chính sự phát triển chưa đầy đủ của thị trường và cơ chế thị trường đã làm biến dạng và méo mó các hoạt động kinh tế.

Để khắc phục tình trạng không ổn định và giải quyết những vấn đề nêu trên, bước đầu có thể nêu ra một vài suy nghĩ.

Về mặt phương pháp:

1 — Cách hiểu như của A-đam Xmít tuyệt đối hóa vai trò của cơ chế thị trường, coi cơ chế thị trường tự do như một «bàn tay vô hình» dẫn dắt tới kết quả của một trật tự kinh tế, là không đúng với tình hình thực tế. Không ở đâu có một cơ chế thị trường thuần túy không có sự can thiệp nào đó với mức độ khác nhau. Đối với nước ta đang trong giai đoạn chuyển đổi cơ chế, vai trò điều tiết của chính phủ càng quan trọng.

2 — Các biện pháp dùng lý trí, tình cảm, đạo đức hoặc các mệnh lệnh hành chính có tác dụng rất hạn chế đối với tình hình kinh tế. Chỉ có thể điều tiết kinh tế thị trường bằng các giải pháp kinh tế. Những công cụ chính để điều tiết thị trường là: **chính sách tài chính** bao gồm chi tiêu của chính phủ và thuế khóa, chính sách tiền tệ, chính sách thu nhập, chính sách kinh tế đối ngoại.

3 — Cần chú trọng tính hai mặt của các chính sách kinh tế. Không có một chính sách nào là chìa khóa vạn năng mở được tất cả các cửa. Bởi vậy, khi đề ra chính sách kinh tế hoặc thực hiện nó, phải hết sức chú ý đến những sơ hở và những khía cạnh tiêu cực có thể xảy ra để điều chỉnh kịp thời.

Về các giải pháp cụ thể:

1 — Động viên và thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh sản xuất, tạo nhiều công ăn việc làm, làm ra nhiều sản phẩm. Đối với thành phần kinh tế quốc doanh, cùng với việc giao quyền cho giám đốc xí nghiệp, cần có biện pháp giám sát hữu hiệu của nhà nước đi đôi với việc tăng cường vai trò của các tổ chức đảng, công đoàn và đoàn thanh niên.

2 — Sớm hoàn thành các bộ luật về sản xuất và đầu tư, giữ vững kỷ cương pháp luật; kiên quyết trừng trị bọn lừa đảo, tham nhũng và những hành vi vi phạm pháp luật.

3 — Cải cách hoạt động tài chính ngân hàng, chuyển hoạt động của ngân hàng theo hướng hạch toán kinh doanh tiền tệ: kiên quyết chống hành vi trốn thuế, lậu thuế hoặc cho miễn thuế vô nguyên tắc; quản lý chặt chẽ việc phát hành và cấp phát tiền tệ; chỉ đạo lãi suất tiết kiệm một cách linh hoạt; điều chỉnh tỷ giá vàng và đô la sát với thị trường thế giới, kiên quyết thu hồi những khoản nợ; chấn chỉnh hoạt động của các quỹ tín dụng ngoài quốc doanh.

4 — Quản lý chặt chẽ công tác xuất nhập khẩu; thu gọn đầu mối cấp cô-ta xuất, nhập; nghiêm trị bọn buôn lậu.

5 — Làm tốt công tác thông tin, dự báo về tình hình kinh tế, để từ đó tiến hành nghiên cứu và xây dựng phương án kinh tế — xã hội phù hợp.

Digitized by Google

Con đường đi lên của các dân tộc Lạng sơn

LA THĂNG *

ĐẠI hội VI của Đảng ta đã mở ra trang sử mới về đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư, đổi mới cơ chế quản lý, chính sách kinh tế đối ngoại và nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác, cũng như mở rộng sinh hoạt dân chủ trong Đảng và toàn dân nhằm khai thác thế mạnh và khắc phục thế yếu, gắn nền kinh tế độc lập tự chủ của nước ta với kinh tế thế giới.

Hơn 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Lạng sơn tuy mới đạt được một số kết quả bước đầu nhưng đã thấy rõ con đường đi lên của mình, một tỉnh biên giới phía bắc có nhiều dân tộc ít người sinh sống.

1 – Tập trung phát triển kinh tế nông lâm hàng hóa, gắn chặt với thị trường trong và ngoài nước, đẩy mạnh phát triển giao thông vận tải, thông tin liên lạc và năng lượng, phát triển công nghiệp khai thác và chế biến nông lâm sản, nâng cao khối lượng và giá trị nông lâm sản hàng hóa.

Cũng như các tỉnh miền núi khác, diện tích tự nhiên Lạng sơn rộng nhưng phần lớn là đồi núi có độ dốc lớn và bị chia cắt mạnh. Diện tích ruộng đất canh tác không nhiều và khó thủy lợi hóa; bình quân đầu người từ trên 2000m^2 năm 1956 giảm xuống chỉ còn trên 730m^2 năm 1990. Nguồn sống chủ yếu của đồng bào các dân tộc từ trước vốn dựa vào hai ngành sản xuất chính là nông nghiệp và lâm nghiệp. Ruộng đất canh tác chủ yếu là trồng cây lương thực để bảo đảm cái ăn, và tùy từng nơi, có trồng thêm cây công nghiệp ngắn ngày như đỗ tương, lạc, thuốc lá... Để tăng thêm thu nhập bằng tiền, chủ yếu phải hướng vào đất đồi rừng, từ hái lượm tự nhiên như khai thác gỗ rừng, thu hái lâm sản phụ, tiến lên khoanh nuôi rừng, trồng cây đặc sản (hồi, chè, sở, trầu, quế...), cây ăn quả (lê, mận, mơ, đào, hồng, cam, quít, dứa...), cây lấy gỗ củi và lợi dụng núi đồi chăn thả trâu bò. Trồng dâu nuôi tằm cũng là hướng có ý nghĩa kinh tế và xã hội quan trọng.

Hơn mười năm qua, nhờ đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông lâm

* Bí thư tỉnh ủy Lạng sơn

Digitized by Google

nghiệp, tích cực thâm canh cây lương thực, phát triển cây công nghiệp ngắn ngày và rau màu trên đồng ruộng, đồng thời phát triển mạnh cây đặc sản, cây ăn quả, cây lấy gỗ, củi, chăn nuôi gia súc trên đất đồi rừng và ao vườn, nên mặc dù dân số tăng nhanh, diện tích canh tác bình quân đầu người giảm xuống (chỉ bằng 37% trước đây), Lạng sơn vẫn bảo đảm được đời sống nhân dân ở nông thôn ; một số gia đình thu nhập khá, có thể giàu lên.

Qua nghiên cứu những gia đình khấm khá ở nông thôn, chúng tôi thấy số người giàu lên bằng thâm canh trên đồng ruộng ít hơn số người giàu lên nhờ biết làm kinh tế vườn. Vườn rừng và chăn nuôi đã mở ra hướng mới cho các dân tộc Lạng sơn. Ngoài việc sử dụng có hiệu quả đồng ruộng, Lạng sơn phải chuyển mạnh sang sử dụng có hiệu quả đất vườn. Vườn rừng và đồi cỏ là khả năng to lớn để phát triển kinh tế nông lâm sản hàng hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh.

Trong 5 — 10 năm tới, ngoài việc nâng cao khả năng sử dụng ruộng đất, chỉ cần sử dụng 1/3 diện tích đất lâm nghiệp (khoảng trên 21 vạn ha) vào kinh doanh có hiệu quả, là Lạng sơn có thể nâng giá trị tổng sản phẩm xã hội lên khoảng 4 đến 5 lần so với hiện nay.

Muốn vậy, phải xóa đi nếp nghĩ theo cách sản xuất tự cung tự cấp. Chỉ nhìn vào hai sào ruộng làm lương thực thì không bao giờ đủ ăn, dẫn tới hậu quả anh em ruột cũng sinh ra tranh chấp đánh nhau. Phải nâng cao hiểu biết về cách làm ăn mới, **chuyển sang phát triển kinh tế hàng hóa bằng làm vườn, vườn rừng, chăn nuôi và ngành nghề khác** sẵn có điều kiện thuận lợi.

Trên thực tế, nông nghiệp và lâm nghiệp tự nó đã dan xen vào nhau. Bây giờ cần có kế hoạch cụ thể để nó phát triển theo hướng hàng hóa phong phú, đa dạng, nhiều cây, nhiều con, phù hợp với điều kiện tự nhiên của mỗi vùng và nhu cầu của thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao, giữ gìn và khôi phục môi trường sống. Cần xóa đi khái niệm cũ vô nghĩa về ranh giới giữa đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp, hãy để cho hai loại đất đó dan xen vào nhau, hỗ trợ nhau cùng phát triển

Trước hết, bằng sức mạnh của chính mình, mỗi gia đình đồng bào các dân tộc xứ Lạng có trách nhiệm phấn đấu trở thành **một đơn vị kinh tế tự chủ có hiệu quả và văn minh**, phát triển phong trào hợp tác xã, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh. Còn Nhà nước thì quan tâm giúp đỡ mở mang giao thông vận tải, thông tin liên lạc và năng lượng, đẩy nhanh phát triển công nghiệp khai thác và chế biến nông lâm sản hàng hóa, tận dụng nguồn nguyên liệu, để tăng nhanh khối lượng và nâng cao giá trị hàng hóa nông lâm sản lên nhiều lần so với hiện nay.

2 — Xây dựng tư duy mới « mỗi gia đình là một đơn vị kinh tế tự chủ ».

Không thể theo lối cũ mãi là chỉ muốn phát triển kinh tế quốc doanh và tập thể, coi thường vị trí và khả năng của kinh tế gia đình, quản lý theo kiểu mệnh lệnh, đánh kẻng ra đồng, ghi công theo buổi; dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp, nhiều gia đình lén đi khai hoang để trồng thêm ngô, khoai, sắn. Rút kinh nghiệm từ thực tiễn cuộc sống, những năm trước đây Đảng và Nhà nước ta đã sửa một số điểm: cho phép hộ xã viên được làm thêm vài ba sào đất trồng màu, được nuôi thêm vài con trâu bò sinh sản và được trồng cây đặc sản... Bây giờ đã có những hộ làm ăn thu nhập khá nhưng vẫn im lặng, vì sợ bị xã hội và cơ quan quản lý coi là người tư tưởng tư lợi, chỉ lo làm giàu

Digitized by Google

cá nhân, không lo cho kinh tế tập thể và không yêu chủ nghĩa xã hội (!), sợ hợp tác xã thu hồi đất đai và Nhà nước đánh thuế cao. Từ khi có Chỉ thị 100 của Ban bí thư, Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, người nông dân thấy chính sách của Đảng và Nhà nước thoáng hơn trước, nhưng cũng chưa phải tất cả mọi người, kể cả cán bộ đảng viên, hiểu được đúng vấn đề.

Sau hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Hội nghị lần thứ 6 BCHTƯ Đảng (khóa VI) đã xác định: «Gia đình xã viên trở thành đơn vị kinh tế tự chủ», ngoài việc nhận khoán, sử dụng ruộng đất, thực hiện các hợp đồng với hợp tác xã, còn chủ động phát triển kinh doanh dưới nhiều hình thức khác... Qua nghiên cứu và rút kinh nghiệm, cán bộ, nhân dân Lạng sơn hiểu đầy đủ hơn về vị trí mỗi gia đình là một tế bào của xã hội. **Nó là đơn vị kinh tế tự chủ** sử dụng có hiệu quả ruộng đất, đồi rừng, vườn, chuồng, sức lao động và vốn liếng của mỗi gia đình; **là nơi nuôi dưỡng con cái khôn lớn; và là môi trường đầu tiên và thường xuyên giáo dục rèn luyện nên con người mới.** Thực tiễn cho thấy, những gia đình làm ăn khấm khá **thường là** những gia đình có lối sống văn hóa, văn minh; phấn đấu để mỗi gia đình trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ có hiệu quả và văn minh là yếu tố quyết định bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu **dân giàu nước mạnh** tiến lên chủ nghĩa xã hội.

3— Xây dựng mỗi gia đình thành một đơn vị kinh tế tự chủ có hiệu quả và văn minh, đi đôi với việc đổi mới nội dung, hình thức, cung cách quản lý hợp tác xã nông lâm nghiệp và phát huy vai trò của các cơ sở dịch vụ quốc doanh nhằm phát triển kinh tế hàng hóa nông lâm nghiệp.

Chúng ta không sợ mỗi gia đình khi trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ thì sẽ tách khỏi, thậm chí đối lập với kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh. Thực tế cho thấy, gia đình nào trở thành đơn vị kinh tế tự chủ khép kín, thì không thể phát huy được hiệu quả tối đa, vì không sử dụng được sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội. Một đơn vị kinh tế tự chủ chỉ thật sự có hiệu quả khi **tự thân nó làm nảy sinh những nhân tố mới đòi hỏi phải có sự hợp tác, liên kết, liên doanh với các đơn vị khác** trong cùng thành phần hoặc thuộc thành phần khác. Những nhân tố mới ấy thúc đẩy người lao động từ chưa tự giác đến tự giác hợp tác, liên kết, liên doanh với nhau để đạt tới hiệu quả kinh tế cao và đạt tới văn minh.

Hoạt động kinh tế xã hội diễn ra ở nông thôn Lạng sơn hiện nay đủ chứng minh cho nhận định trên: những gia đình biết thâm canh, muốn cấy giống lúa ngắn ngày năng suất cao, thường rủ những gia đình xung quanh họ cùng cấy giống lúa ấy để cùng chống chim, chuột và sâu bệnh phá hoại; những gia đình muốn chăn nuôi gà vịt đạt hiệu quả cao, thường chủ động rủ những gia đình trong đội sản xuất hoặc thôn xóm cùng mua thuốc tiêm phòng dịch bệnh, và chính họ là người đi mua thuốc tiêm phòng cho những gia đình liên kết; những gia đình nuôi cá lồng trên sông, thường tự liên kết với nhau để cùng tìm mua giống và giúp nhau bảo vệ, giảm chi phí sản xuất; những hợp tác xã trồng cây lấy gỗ quy mô lớn như ở xã Nhượng bạn, cũng như những hộ trồng vài ba héc ta rừng, đều có nhu cầu quan hệ với lâm trường, xí nghiệp chế biến lâm sản để khai thác, tiêu thụ sản phẩm...

Do nhu cầu phát triển kinh tế hàng hóa có hiệu quả cao, một người nào đó nhạy cảm và am hiểu sớm hơn, thường đứng ra vận động một nhóm hay nhiều nhóm cùng hợp tác, liên kết, liên doanh với nhau, theo những

Digitized by Google

hình thức và mức độ khác nhau. Cũng xuất phát từ lợi ích thiết thực, các đơn vị kinh tế khác có thể tự nguyện tham gia và chấp nhận trả công xứng đáng cho người đứng ra tổ chức, điều hành.

Từ các thành phần kinh tế phát triển đan xen vào nhau và với mục đích phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao, đã xuất hiện những nhân tố mới về nội dung kinh tế (chuyên canh, thâm canh trên đồng ruộng, làm vườn, làm rừng, chăn nuôi, thả cá, ngành nghề khác); về các hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết với mức độ khác nhau; về cung cách quản lý thích hợp và có hiệu quả. Cũng từ đó, bộ máy quản lý hợp tác xã phải được tinh giản, ban quản lý phải là người nắm vững định hướng phát triển sản xuất trong vùng và thị trường, am hiểu tiến bộ kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật, biết liên kết với đơn vị bạn, quản lý và điều hành hợp tác xã bằng biện pháp kinh tế và thuyết phục. Các cơ sở sản xuất và dịch vụ quốc doanh cũng đổi mới cách hợp tác, liên kết, liên doanh sao cho phù hợp với kinh tế nhiều thành phần, đặc biệt là gắn chặt với mỗi gia đình là một đơn vị kinh tế tự chủ. Có bảo đảm được dịch vụ, vật tư kỹ thuật, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất có hiệu quả, kinh tế quốc doanh mới đóng được vai trò chủ đạo. Có giải quyết tốt và đồng bộ cả ba lực lượng (gia đình, tập thể và quốc doanh), mới phát huy được sức mạnh tổng hợp để đạt hiệu quả kinh tế cao. Đấy cũng là con đường hợp tác đúng đắn để đi lên chủ nghĩa xã hội.

4 — Tổng kết tốt kinh nghiệm của những « gia đình làm ăn giỏi và có nếp sống văn hóa mới », và phát động phong trào học tập, làm theo những gia đình ấy.

Để đạt tới mỗi gia đình là một đơn vị kinh tế tự chủ có hiệu quả và văn minh, củng cố và phát huy tính ưu việt của kinh tế tập thể cùng vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội làm ra nhiều nông lâm sản hàng hóa, Lạng sơn cần tổng kết kinh nghiệm của những « gia đình làm ăn giỏi và có nếp sống văn hóa mới » và phát động phong trào học tập, làm theo những gia đình đó.

Như đã trình bày, trong điều kiện một nền kinh tế chậm phát triển, để mặc cho mỗi gia đình tự đi lên thì nó khó mà trở thành đơn vị kinh tế tự chủ có hiệu quả và văn minh được. Cần làm sao để mỗi gia đình có thể nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, khả năng tư duy kinh tế và lao động thực tiễn. Muốn vậy, cần tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm những gia đình làm ăn giỏi để phổ biến cho những gia đình khác cùng làm theo. Ở Lạng sơn, bước đầu chúng tôi thấy gia đình làm ăn giỏi là gia đình có những ưu điểm sau.

Một, họ biết sử dụng ruộng đất, đồi rừng, vườn, chuồng sao cho có hiệu quả, biết từng mùa, vụ nên trồng cây gì, nuôi con gì, biết bằng cách nào thì đạt năng suất cao và đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường. So với các gia đình trong vùng có điều kiện tương đương, họ có thu nhập cao hơn khoảng 5 — 10 lần tính trên đơn vị diện tích. Thực tế cho thấy, cùng loại đất thổ canh vùng khô hạn, nếu chỉ chạy theo hai bữa ăn, mỗi năm trồng hai vụ ngô thì năng suất mỗi sào đạt không quá 100 kg, còn nếu biết tính toán, trồng mía, trồng cây ăn quả thì mỗi sào có thể thu được từ 500 đến 1500 ngàn đồng, tương đương với 600 — 1800 kg gạo. Chưa kể thu nhập càng cao nếu biết tận dụng đất đồi rừng, trồng xen cây lấy gỗ với cây đặc sản, cây ăn quả...

Hai, họ biết sử dụng lao động chính phụ, già trẻ trong gia đình phù hợp với từng loại công việc, biết khuyến khích lao động có hiệu quả.

Digitized by Google

Họ biết việc gì gia đình nên tự làm, việc gì cần đổi công với gia đình khác (như gánh phân, gặt lúa, làm guồng nước), việc gì thì thuê khoán có lợi hơn (thuê máy đào ao, san đất làm vườn trồng cây, nền nhà...)

Ba, họ biết sử dụng vốn liếng và thu nhập hằng năm sao cho hợp lý và có hiệu quả. Họ biết lo đúng mức việc ăn, mặc, chữa bệnh, học hành... cho con cái trong nhà. Họ bao giờ cũng dành dụm vốn để mở mang sản xuất, xây nhà ở và lo cho con cái khi trưởng thành. Họ biết dự phòng cho khi mùa màng thất bát, làm ăn khó khăn cũng như lúc ốm đau.

Bốn, từ mong muốn làm ăn có hiệu quả, họ rất quan tâm đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Tuy nhiên, do trình độ khác nhau, nên cách làm và hiệu quả còn có sự chênh lệch. Nói chung, họ quan tâm đọc báo, nghe đài, đi tham quan và học hỏi kinh nghiệm những người làm ăn giỏi hơn mình.

Nghiên cứu những gia đình làm giỏi, còn có thể thấy thêm những ưu điểm khác về mặt văn hóa và xã hội: họ thường là những gia đình sống hòa thuận, biết bảo ban và khuyến khích con cái học hành và tham gia lao động; có ý thức thực hiện kế hoạch hóa gia đình; có thái độ tốt và đúng đắn với xóm làng, biết tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau; có gì sai trái biết lấy lời hay lẽ phải để dàn xếp và xây dựng mối quan hệ tốt với nhau. Gia đình làm ăn giỏi cũng thường là gia đình chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; nếu họ có sai thì cũng thường là do hiểu chưa đúng, và khi đã biết sai thì họ sửa ngay. Vì vậy, ít có hiện tượng tiêu cực trong các gia đình làm ăn giỏi. Đã **làm ăn giỏi thì thường có lối sống văn hóa, văn minh.** Hai mặt đó tác động qua lại và làm tiền đề cho nhau cùng phát triển. Vì vậy, cần xây dựng mỗi gia đình thành một gia đình « làm ăn giỏi và có nếp sống văn hóa mới », để mỗi gia đình thực sự là một tế bào hoàn thiện của xã hội.

Số gia đình làm ăn giỏi và có nếp sống văn hóa mới ở Lạng sơn hiện nay chưa nhiều, mới chiếm khoảng từ một đến vài phần trăm gia đình. Số đông thuộc loại gia đình cần cù lao động tạm đủ ăn đủ mặc, mới lo được việc học cho con cái (phần lớn học hết cấp I và cấp II), mới lo được nhà ở cho con cái khi chúng trưởng thành, họ chưa thể giàu lên được. Còn lại là những gia đình làm ăn kém, túng thiếu, chiếm khoảng 10 — 15% (ở một số xã, tới 20 — 30%) gia đình. Hy vọng việc tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm những gia đình làm ăn giỏi và có nếp sống văn hóa mới để phổ biến cho những gia đình khác làm theo, sẽ giúp Lạng sơn, trong vài ba năm tới, đưa số gia đình làm ăn giỏi lên khoảng 20 — 30% gia đình trong tỉnh. Có tổng kết tốt thực tiễn mới làm rõ được nội dung lãnh đạo của các cấp bộ đảng, nội dung quản lý của các cấp chính quyền, nội dung công tác của các cấp đoàn thể, bảo đảm tốt việc chăm lo sức khỏe và phúc lợi xã hội cho mọi tầng lớp nhân dân, bảo đảm tốt việc xây dựng nếp sống mới, giữ gìn an ninh trật tự xã hội và bảo vệ biên cương của Tổ quốc.

5 — Mỗi cán bộ, đảng viên và gia đình ở nông thôn đăng ký phấn đấu trở thành « gia đình làm ăn giỏi và có nếp sống văn hóa mới ». Đây là yêu cầu bức thiết để đổi mới và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, đổi mới công tác quản lý và điều hành của các cơ quan nhà nước, đổi mới công tác vận động quần chúng của các đoàn thể.

Theo điều tra, tỷ lệ gia đình làm ăn giỏi và làm ăn kém trong cán bộ, đảng viên, không khác trong xã hội bao nhiêu. Thực trạng đó cho thấy, cán bộ, đảng viên chưa có sức lôi cuốn quần chúng. Vì vậy, mỗi gia đình cán

(Xem tiếp trang 58)

Digitized by Google

NGƯỜI ĐẢNG VIÊN CỘNG SẢN TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

TIẾN HẢI

THẾ nào là người đảng viên cộng sản? Mẫu hình người đảng viên cộng sản trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là trong thời kỳ hiện tại — thời kỳ mà toàn Đảng, toàn dân ta đang tiến hành công cuộc đổi mới — phải như thế nào? Hay nói một cách khác, những tiêu chuẩn để xác định vai trò tiên phong của người đảng viên cộng sản là gì? Vấn đề này cần được làm rõ.

Điều lệ Đảng đã xác định: đảng viên cộng sản phải là người giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa; trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội; gương mẫu và phát huy tác dụng trong lao động sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập; liên hệ chặt chẽ với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm. Nhưng vấn đề đặt ra hiện nay là những tiêu chuẩn chung đó cần được cụ thể hóa như thế nào cho phù hợp với yêu cầu rất cao của công cuộc đổi mới? Theo tôi, đó là những điểm sau đây:

1 — Đảng viên phải là người vững vàng về chính trị; quyết tâm phấn đấu cho sự nghiệp đổi mới và lý tưởng xã hội chủ nghĩa; bảo vệ những nguyên tắc cơ bản của đường lối đổi mới, bảo vệ Đảng, tích cực góp phần vào việc củng cố và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng; không dao động, không mất cảnh giác trước âm mưu chống phá cách mạng của bọn đế quốc và phản động. Nói tóm lại, đảng viên trước hết phải vững vàng về chính trị, có thái độ đúng đắn, tích cực đối với công cuộc đổi mới mà Đảng ta và nhân dân ta đang tiến hành.

Đổi mới là một tất yếu khách quan. Đổi mới đúng đắn chính là nhằm khắc phục những thiếu sót trong đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy nhanh quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hợp quy luật và đạt hiệu quả cao.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới. Cho đến nay, thực tế đã chứng minh đường lối đó là đúng đắn, hợp quy luật, hợp lòng dân cho nên nó được nhân dân đón nhận và hưởng ứng tích cực; phong trào hành động cách mạng của nhân dân đã được khơi dậy. Tuy nhiên, chúng ta không thể thỏa mãn, chủ quan, bởi vì đó mới chỉ là thắng lợi bước đầu và chưa vững chắc; các nhân tố chưa ổn định còn nhiều. Vả lại, đổi mới

Digitized by Google

là một quá trình, một cuộc vận động cách mạng đầy khó khăn, gian khổ. Trong quá trình thực hiện đổi mới, nhất định sẽ nảy sinh những mâu thuẫn mới, và sự vấp váp, sai lầm cũng là điều khó tránh. Thái độ đúng đắn nhất của người đảng viên cộng sản lúc này là một mặt, phải quyết tâm phấn đấu cho sự thắng lợi của công cuộc đổi mới; mặt khác, phải kiên quyết chống các hiện tượng và khuynh hướng sai lầm: bảo thủ, tri trệ và nóng vội, chủ quan, khinh suất. Không thể chấp nhận tình trạng: đảng viên mà lại không tán thành đường lối và không chấp hành nghị quyết của Đảng. Tuy nhiên, Đảng không khuyến khích sự tán thành và chấp hành một cách mù quáng. Trách nhiệm của người đảng viên là phải luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi, hiến kế, góp phần bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối của Đảng. Nhưng khi Đảng đã có nghị quyết thì nhất thiết đảng viên phải nghiêm chỉnh chấp hành. Phẩm chất, năng lực, vai trò tiền phong gương mẫu của người đảng viên cộng sản lúc này phải được biểu hiện cụ thể như vậy

2 – Đảng viên phải là người công dân gương mẫu; người lao động giỏi, trung thực và tận tụy.

Nhân dân ta là chủ thể tiến hành công cuộc đổi mới. Sự thành bại của công cuộc đổi mới phụ thuộc rất lớn vào chất lượng của chủ thể quản lý này. Người đảng viên cộng sản cũng là công dân. Nhưng người công dân đảng viên nhất thiết phải có giác ngộ chính trị cao hơn người công dân bình thường. Nếu trước đây, trong cách mạng dân tộc dân chủ, người đảng viên phải nêu gương trong cuộc đấu tranh giữa cái sống và cái chết, phấn đấu hy sinh để giải phóng đất nước, giành chính quyền thì ngày nay, người đảng viên phải nêu gương trong việc chấp hành đường lối, chính sách, pháp luật, kỷ cương của Đảng và Nhà nước; nêu gương trong lao động, học tập, công tác và chiến đấu; đồng thời phải biết lãnh đạo và tổ chức quần chúng phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân, cống hiến hết mình cho sự nghiệp đổi mới nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Trong điều kiện hiện nay, Đảng ta khuyến khích mọi đảng viên nỗ lực phấn đấu, làm hết sức mình, lao động sáng tạo và có chất lượng cao để góp phần xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, làm giàu cho đất nước, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời bản thân cũng có thu nhập cao một cách chính đáng. Đảng khuyến khích người lao động (kể cả đảng viên) phát triển kinh tế gia đình theo đúng chính sách để tăng thêm thu nhập. Đảng cho phép những đảng viên là cán bộ hưu trí được đứng ra tổ chức các tập thể lao động sản xuất, dịch vụ và được hưởng thụ theo nguyên tắc phân phối theo lao động ở các tập thể đó. Đảng còn cho phép những đảng viên có vốn được đóng góp cổ phần vào các tập thể lao động, các đơn vị kinh tế quốc doanh và được hưởng lãi suất theo chính sách của nhà nước. Song đã là đảng viên thì nhất thiết không thể là người bóc lột.

Có đồng chí nói rằng, cho đảng viên làm kinh tế gia đình, cho đảng viên được hùn vốn kinh doanh và được hưởng lợi nhuận mà lại cấm bóc lột là «chưa mở đã đóng». Ở đây có vấn đề cần được trao đổi: Thế nào là bóc lột? Vấn đề này nếu không được làm rõ sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới việc xác định tiêu chuẩn đảng viên trong giai đoạn hiện nay. Theo tôi, một cá nhân nào đó (kể cả đảng viên) có vốn, có kỹ thuật, đứng ra

Digitized by Google

làm một ngành nghề nào đó và thuê mướn nhân công để bảo đảm cho quá trình sản xuất được thực hiện. Anh ta trả lương cho công nhân tương xứng với giá trị sức lao động và những cống hiến thực tế của họ; ngoài tiền lương, người lao động còn được hưởng thêm các khoản thu nhập khác như tiền thưởng, tiền thăm hỏi khi ốm đau, tiền trợ cấp khi có việc hiếu, hỷ hoặc gặp tai nạn; quan hệ giữa anh ta và người lao động là quan hệ bình đẳng, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau và có trách nhiệm đối với nhau; anh ta lại sản xuất, kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật cho phép và bản thân anh ta cũng trực tiếp tham gia lao động... Nếu như thế thì không nên, hay nói đúng hơn, không thể gọi là bóc lột.

3 — Đảng viên phải là chiến sĩ tiên phong trong phong trào quần chúng; có khả năng lãnh đạo, giáo dục, thuyết phục quần chúng; có quan hệ mật thiết với quần chúng, nhưng không mị dân hoặc theo đuôi quần chúng.

Đảng liên hệ với quần chúng và lãnh đạo quần chúng thông qua các đảng viên của mình. Sức mạnh của Đảng và nguồn gốc tạo nên mọi thắng lợi của cách mạng là mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Vì thế, Đảng yêu cầu mọi đảng viên phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của quần chúng; thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của quần chúng; lắng nghe ý kiến quần chúng; chăm lo đời sống hằng ngày và bảo vệ lợi ích chính đáng của quần chúng; kiên quyết đấu tranh chống lại những hành vi có thể làm tổn thương đến mối quan hệ tốt đẹp giữa Đảng với quần chúng...

Những năm gần đây, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân đã bị rạn nứt; lòng tin của nhân dân đối với Đảng và các đảng viên của Đảng bị xói mòn nghiêm trọng. Vài ba năm nay, cùng với những thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới, lòng tin của quần chúng đối với Đảng bước đầu được khôi phục, nhưng hình ảnh người đảng viên dưới con mắt của quần chúng vẫn chưa được đẹp như trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ. Vì thế, hơn lúc nào hết, lúc này người đảng viên cộng sản phải giành lại bằng được lòng tin của nhân dân, thật sự sống trong lòng dân, không xa dân, đứng trên nhân dân hoặc đứng ngoài nhân dân. Mức độ gắn bó giữa người đảng viên với nhân dân và hiệu quả của sự gắn bó đó phải được coi là thước đo phẩm chất và năng lực của người đảng viên cộng sản. Trong lúc này, không thể gọi là đảng viên cộng sản khi người đó xa lánh dân hoặc bị dân xa lánh, coi thường, hay oán trách.

4 — Đảng viên phải là người có tinh thần tích cực học tập và rèn luyện để không ngừng nâng cao năng lực trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn. Nói cách khác, đảng viên phải có năng lực thực hiện công cuộc đổi mới

Đổi mới là một công cuộc đầy **khó khăn gian khổ**. Khó khăn, gian khổ trước hết vì nó phải đối đầu với những cái cũ lạc hậu đã tồn tại quá lâu, đã ăn sâu, bám rễ vào cơ thể xã hội đến mức trở thành thói quen và được thể chế hóa thành chính sách, thành cơ chế. Khó khăn, gian khổ vì nó bao chứa một nội dung toàn diện và sâu sắc, có liên quan đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và đụng chạm tới tất cả: từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng. Khó khăn, gian khổ còn vì nó chưa có một mô hình định sẵn nào cả. Các nước tiến hành công cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới đều vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, vì thế thành công cũng có nhưng thất bại cũng nhiều. Thực tế hiển nhiên này tác động rất mạnh vào nước ta gây ra những diễn biến tâm

Digitized by Google

lý hết sức phức tạp: hoặc hoang mang, lo ngại, dẫn đến bảo thủ, trì trệ; hoặc nôn nóng, khinh suất, dẫn đến làm ẩu, làm liều.

Thấy rõ tính phức tạp của công cuộc đổi mới, Đảng ta chủ trương đổi mới một cách thận trọng, đổi mới từng bước, đổi mới có nguyên tắc, và đã đổi mới là phải đạt hiệu quả, kiên quyết không để xảy ra tình trạng vì đổi mới mà những thành tựu của cách mạng bị sụp đổ.

Rõ ràng, với yêu cầu đó, nếu cán bộ, đảng viên không có năng lực thì không thể thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới. Đòi hỏi về năng lực đối với người đảng viên lúc này rất toàn diện. Đó là những yêu cầu cao về tất cả các mặt: trình độ văn hóa, lý luận, khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế, pháp luật; khả năng suy nghĩ, tư duy, xử lý thông tin để có thể vươn tới nhận thức được hiện thực khách quan, nắm bắt được các quy luật khách quan và biết hành động theo các quy luật ấy; trình độ tổ chức thực tiễn, v.v.

Chắc sẽ có người cho rằng, trong hoàn cảnh hiện nay mà đòi hỏi về năng lực của người đảng viên như thế là ảo tưởng. Tất nhiên, Đảng không đòi hỏi mọi người đảng viên và mọi loại đảng viên đều phải có trình độ và năng lực cao như nhau. Tùy từng đảng viên và tùy từng loại đảng viên mà có thể nhấn mạnh yêu cầu về mặt này hay mặt khác. Đảng viên là trí thức, đảng viên là nông dân, công nhân... tùy từng môi trường công tác và tùy tính chất từng công việc mà có những yêu cầu khác nhau. Nhưng một yêu cầu chung, bất di bất dịch là mọi đảng viên đều phải có ý chí rèn luyện nâng cao một cách toàn diện năng lực của mình để có thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

5 — Đảng viên, dù ở bất kỳ cương vị công tác nào đều phải tôn trọng và chấp hành đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt và hoạt động của Đảng; đề cao ý thức tổ chức kỷ luật; bảo vệ và xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Trong sinh hoạt đảng, đảng viên có quyền thảo luận, tranh luận một cách bình đẳng, thẳng thắn; được trình bày rõ quan điểm và ý kiến riêng của mình về mọi vấn đề, nhưng khi đã có nghị quyết của tập thể thì đảng viên phải thực hiện nghiêm túc. Đảng viên có quyền bảo lưu ý kiến, nhưng trong khi bảo lưu ý kiến, không được tự ý làm trái hoặc trì hoãn không thi hành quyết định của tập thể, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Đảng viên phải chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức, không phát ngôn bừa bãi hoặc truyền bá những nhận thức, quan điểm, ý kiến riêng của mình trái với đường lối, quan điểm của Đảng. Đảng viên còn phải chăm lo xây dựng và giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Trên đây là những yêu cầu cụ thể đối với người đảng viên cộng sản trong giai đoạn cách mạng hiện nay, trong công cuộc đổi mới. Trên cơ sở những yêu cầu như thế, các cấp, các ngành có thể cụ thể hóa và định rõ thêm một bước nữa yêu cầu đối với từng loại cán bộ, đảng viên. Đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên thường, đảng viên trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, trong các lực lượng vũ trang, trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh; đảng viên là cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ kinh tế, cán bộ khoa học kỹ thuật, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, cán bộ làm công tác văn hóa văn nghệ, v.v. mỗi loại đều có những yêu cầu về phẩm chất và năng lực tương ứng.

★

Digitized by Google

Xác định đúng tiêu chuẩn đảng viên cộng sản trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ của cuộc đấu tranh cách mạng, là rất quan trọng và cần thiết. Song quan trọng và cần thiết hơn là làm thế nào để người đảng viên giữ vững được những tiêu chuẩn đó.

Ở đây, tất nhiên phải nhắc tới nhân tố chủ quan là sự tu dưỡng, rèn luyện của bản thân người đảng viên cộng sản. Song những nhân tố khách quan cũng tác động rất lớn và toàn diện đến người đảng viên

Tiêu chuẩn đảng viên có mối quan hệ rất chặt chẽ với đường lối chính trị của Đảng. Về vấn đề này, có lẽ không cần phân tích nhiều. Đường lối của Đảng sai thì dương nhiên không thể có đội ngũ đảng viên tốt, Đường lối sai sẽ làm cho đảng viên mất phương hướng và dẫy hàng loạt đảng viên vào chỗ sai lầm. Tình hình thực tế của các đảng cộng sản ở Đông Âu đã chứng minh điều đó.

Tiêu chuẩn đảng viên có quan hệ khá sâu sắc với tổ chức, trước hết là các tổ chức cơ sở đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói: Đảng mạnh là do chi bộ mạnh, chi bộ mạnh là do đảng viên hăng hái và gương mẫu. Từ đó cũng có thể nói: chi bộ mạnh, cấp ủy mạnh thì đảng viên mạnh. Ở đâu chi bộ, cấp ủy rệu rã thì ở đó đảng viên tê liệt sức chiến đấu, dễ trở thành hư hỏng, thoái hóa, vì mối quan hệ giữa đảng viên với tổ chức là mối quan hệ nhân — quả. Thực tiễn công tác xây dựng đảng ở nước ta đã cho thấy rõ điều đó.

Tiêu chuẩn đảng viên có quan hệ cả với cơ chế quản lý kinh tế — xã hội. Thí dụ, nếu chúng ta xây dựng được một cơ chế quản lý thật sự khoa học, phù hợp với quy luật phát triển kinh tế xã hội thì đó sẽ là điều kiện rất quan trọng buộc người cán bộ, đảng viên phải quan tâm đến hiệu quả kinh tế của sản xuất, phải đi sâu nắm vững cơ cấu và quá trình sản xuất, do đó, phải nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần làm chủ, trình độ hiểu biết và khả năng quản lý...Nhiều năm qua, vì chúng ta cứ mò mẫm, lúng túng mãi trong cơ chế mang nặng tính hành chính, quan liêu, bao cấp, do đó đã hình thành một cách hết sức tự nhiên lớp cán bộ, đảng viên quan liêu, làm ăn tùy tiện, được đến đâu hay đến đó. Hiện nay, trong nông nghiệp, với việc đổi mới cơ chế quản lý, lấy hộ xã viên làm đơn vị kinh tế tự chủ, nhiều biểu hiện tiêu cực của cán bộ đảng viên gắn liền với cơ chế cũ như tham ô công điểm, tham ô quỹ đội... không còn nữa, nhưng lại nảy sinh những tiêu cực mới như tranh chấp, lấn chiếm ruộng đất, lợi dụng chia thưởng trong liên doanh liên kết, đấu thầu xây dựng trạm bơm, đường dây điện,v.v. Trong khu vực kinh tế quốc doanh cũng vậy, việc xóa bỏ cơ chế bao cấp đã làm giảm hẳn những căn bệnh cửa quyền, ăn chênh lệch giá, phân phối hàng rẻ trong nội bộ..., nhưng do cơ chế mới **chưa hoàn chỉnh**, còn có những kẽ hở, cho nên lại nảy sinh những tiêu cực khác như phân phối thu nhập, lương, thưởng không công bằng, lợi dụng thưởng lẫn cho nhau trong mua bán, đấu thầu, v.v. Điều đó cho thấy, để đảng viên có thể giữ vững được tính tiên phong gương mẫu của mình, phải hết sức chú ý hoàn thiện và khắc phục những sơ hở trong cơ chế quản lý kinh tế — xã hội.

Cũng không thể đặt tiêu chuẩn đảng viên ra ngoài mối quan hệ với pháp luật. Hiến pháp của Nhà nước ta quy định rất rõ: Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Song, rất đáng chú ý là thực tế ở nước ta hiện nay nhiều khi lại khác. Có nhiều trường hợp **quan** thì được xử theo « lễ », còn **dân** thì phải chịu hình pháp. Nếu cứ như

(Xem tiếp trang 52)

Digitized by Google

MỘT CÁCH TIẾP CẬN MỚI VỀ VẤN ĐỀ TIỀN LƯƠNG

ĐẶNG ĐỨC ĐẠM *

Những yêu cầu có tính nguyên tắc

Thực tế đòi hỏi phải đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ chính sách tiền lương, tiền công và thu nhập; xác định rõ vai trò điều tiết ở tầm vĩ mô của nhà nước trên lĩnh vực này cũng như chức năng quản lý trực tiếp đối với hệ thống tiền lương thuộc khu vực nhà nước. Trên cơ sở nhận thức lại vấn đề tiền lương, tiền công và thu nhập dưới ánh sáng của công cuộc đổi mới, trên cơ sở đúc rút các bài học kinh nghiệm thời gian qua, quá trình đổi mới trên lĩnh vực này không thể không quán triệt một số yêu cầu có tính nguyên tắc.

Một là, vấn đề tiền lương phải được đặt trong tổng thể quá trình phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân theo các định hướng của chiến lược phát triển kinh tế — xã hội và ăn khớp với cơ chế quản lý được đổi mới. Phải xuất phát từ các chủ trương đổi mới và trên cơ sở đổi mới căn bản các lĩnh vực hoạt động kinh tế—xã hội mà đề xuất các giải pháp về tiền lương cho phù hợp; và đến lượt nó, tiền công, tiền lương và phân phối thu nhập được giải quyết hợp lý sẽ có tác dụng thúc đẩy quá trình đổi mới.

Hai là, vấn đề tiền lương và thu nhập của cán bộ, công nhân viên trong khu vực nhà nước phải được giải quyết trong mối quan hệ với tiền công và thu nhập của lực lượng lao động ngoài khu vực nhà nước, nghĩa là trên cơ sở chính sách tiền lương, tiền công và thu nhập chung của xã hội. Mục tiêu trực tiếp là giải quyết vấn đề tiền lương, nhưng đối tượng của chính sách tiền lương, tiền công và thu nhập do vậy không chỉ là 6 triệu công nhân viên chức, mà là toàn bộ lực lượng lao động xã hội hoạt động trong mọi lĩnh vực thuộc các thành phần kinh tế.

Ba là, không áp đặt, gò ép một chế độ tiền lương duy nhất cho toàn bộ lực lượng lao động xã hội mà cần có sự phân biệt đối với các bộ phận khác nhau trong cái gọi là vấn đề tiền lương, tiền công hiện nay. Ở tầm chung nhất, có thể hình dung các lĩnh vực chủ yếu cần có chính sách, chế độ tiền lương, tiền công thích ứng, như chế độ tiền lương cho bộ máy hành

* Phó tiến sĩ kinh tế học

Digitized by Google

chính và lực lượng vũ trang, chế độ tiền lương cho các đơn vị sự nghiệp, chính sách tiền công đối với khu vực kinh tế quốc doanh và chính sách tiền công nói chung trong xã hội.

Bốn là, không nửa vời trong chủ trương chính sách, song cũng không thể cực đoan, nóng vội trong tổ chức thực hiện. Tư tưởng chính sách phải rõ ràng, phương hướng đổi mới phải dứt khoát, chủ trương cải cách phải triệt để; nhưng đồng thời phải có bước đi thích hợp với các giải pháp đồng bộ nhằm khắc phục dần những bất hợp lý trong chế độ tiền lương đã tồn đọng hàng mấy chục năm nay.

Tiền lương — giá cả sức lao động!

Quá trình đổi mới đang đưa nền kinh tế nước ta phát triển theo hướng mở rộng sản xuất hàng hóa, sử dụng cơ chế thị trường có điều tiết của nhà nước ở tầm vĩ mô, đòi hỏi phải nhận thức lại bản chất các phạm trù kinh tế và thiết kế lại hệ thống chính sách kinh tế—xã hội. Phạm trù tiền lương, tiền công và chính sách tiền lương, tiền công, tất yếu cũng phải được đặt trong quá trình nhận thức lại đó.

Với tư duy cũ cho rằng hễ cái gì đúng với chủ nghĩa tư bản thì không thể dùng cho chủ nghĩa xã hội, người ta đã phủ nhận một cách duy ý chí vai trò và tác dụng của các quy luật kinh tế khách quan của sản xuất hàng hóa nói chung trong điều kiện chủ nghĩa xã hội. Xuất phát từ quan niệm dưới chủ nghĩa xã hội sức lao động không còn là hàng hóa và thị trường sức lao động chỉ là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản, chúng ta đã thiết kế một chế độ tiền lương chỉ nhằm giải quyết vấn đề phân phối chứ không phải là yếu tố của sản xuất, và càng không phải là một loại giá được hình thành và quyết định trong quá trình trao đổi trên thị trường. Bằng hệ thống kế hoạch hóa tập trung, chúng ta đã cố tạo ra một cơ chế điều tiết các quan hệ lao động và một hệ thống tiền lương chi tiết và cứng nhắc. Nhưng những việc làm đó, cũng như một loạt việc làm trong các lĩnh vực khác của cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, đã không mang lại kết quả mong đợi.

Cùng với quá trình đổi mới, chuyển từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có điều tiết ở tầm vĩ mô của nhà nước, chúng ta đã từng bước thừa nhận và khẳng định vị trí của thị trường hàng hóa tiêu dùng, thị trường tư liệu sản xuất, thị trường vốn, thị trường tiền tệ trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Nhưng thị trường hàng hóa sức lao động thì dường như vẫn còn là điều cấm kỵ, là cái "ngưỡng" cần phải vượt qua trong tư duy kinh tế cũng như trong khi hoạch định cơ chế quản lý.

Mặc dù không được chính thức thừa nhận, thị trường sức lao động trên thực tế đã hình thành từ lâu ở nước ta, và hiện vẫn đang tồn tại. Nó tồn tại bền bỉ, dai dẳng ngay cả trong thời hoàng kim của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, khi mà phạm vi kế hoạch hóa tập trung bao trùm gần như toàn bộ các hoạt động chủ yếu của nền kinh tế quốc dân. Quan hệ thuê mướn lao động, nhất là lao động mùa vụ (cày cấy, gặt hái...), lao động kỹ thuật (thợ mộc, thợ nề...) đang tồn tại khá phổ biến ở nhiều vùng đất nước. Các quan hệ thuê mướn đó là hình thức cụ thể của thị trường sức lao động, và tiền công chính là giá cả sức lao động mà người sử dụng lao động trả cho người làm thuê.

Như vậy, xét cả về mặt lý luận và thực tiễn, đều đã chín muồi để nhận thức lại bản chất tiền lương và tiền công, để khẳng định rằng **sức lao động dưới chủ nghĩa xã hội là hàng hóa, và tiền công nói chung cũng như tiền lương nói riêng, chẳng phải gì khác là giá cả sức lao động.** Theo Mác,

Digitized by Google

« tiền công là giá cả của một hàng hóa nhất định — của sức lao động. Cho nên tiền công cũng được quyết định bởi những quy luật quyết định giá cả của tất cả mọi hàng hóa khác,... bởi quan hệ của cầu với cung, của cung với cầu » (1).

Cũng như các giá khác, giá cả sức lao động là biểu hiện bằng tiền của giá trị sức lao động và được hình thành trên thị trường, chủ yếu do tương quan cung—cầu về sức lao động quy định.

Khẳng định tiền công và tiền lương là giá cả sức lao động được hình thành trên thị trường sức lao động, hoàn toàn không có nghĩa phủ định vai trò điều tiết ở tầm vĩ mô của nhà nước đối với tiền công và thu nhập trong toàn xã hội; lại càng không có nghĩa phủ định trách nhiệm của nhà nước xã hội chủ nghĩa, với tư cách một « hộ » sử dụng lao động, đối với việc xây dựng, thực hiện và quản lý hệ thống tiền lương thống nhất cho lực lượng lao động trong khu vực nhà nước.

Sức lao động là một loại hàng hóa đặc biệt, và thị trường sức lao động — ngay ở các nước có nền kinh tế hàng hóa phát triển — cũng vốn là một thị trường cạnh tranh không hoàn hảo, cho nên sự can thiệp ở tầm vĩ mô của nhà nước là điều không thể thiếu. Tính chất cạnh tranh không hoàn hảo của thị trường sức lao động có nguồn gốc từ sự độc quyền cả của người bán lẫn người mua. Về phía người bán, sự độc quyền xảy ra khi sức lao động thuộc loại xuất chúng, siêu việt, hiếm hoi. Còn sự độc quyền của người mua thì thể hiện rõ nhất trong khu vực nhà nước, vì nhà nước vừa là « hộ » sử dụng nhiều nhất sức lao động, vừa là người duy nhất « mua » sức lao động sử dụng trong các ngành thuộc sở hữu nhà nước.

Trong điều kiện cụ thể nước ta hiện nay, có nhiều việc, trong đó có việc xác định giá cả sức lao động, tức tiền công và tiền lương, lẽ ra thuộc chức năng của thị trường sức lao động, nhưng vì nó chưa làm được nên nhà nước phải làm thay; cũng giống như đối với giá cả các hàng hóa khác trong quá trình chuyển từ hệ thống giá nhà nước sang hệ thống giá kinh doanh, nhà nước chỉ có thể từng bước chuyển giao việc định giá cho thị trường, và cho đến nay vẫn phải tiếp tục tính đủ các yếu tố đầu vào để giá cả phù hợp với tương quan cung—cầu trên thị trường trong nước và với giá cả thế giới.

Nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật giá trị

Việc nhận thức lại bản chất tiền lương và tiền công, khẳng định sức lao động là hàng hóa, và tiền lương, tiền công là giá cả sức lao động, đã « châm ngòi » cho cuộc tranh luận về mối quan hệ giữa nguyên tắc (hay quy luật) phân phối theo lao động và quy luật giá trị dưới chủ nghĩa xã hội.

Có người cho rằng, khi đã thừa nhận sức lao động là hàng hóa, thừa nhận tiền lương, tiền công (giá cả sức lao động) là do tương quan cung — cầu trên thị trường sức lao động quy định, thì điều đó cũng có nghĩa phủ nhận việc lấy nguyên tắc phân phối theo lao động làm căn cứ để xây dựng hệ thống tiền lương, tiền công. Theo tôi, quan niệm như vậy là không đúng. Mác đã xử lý hết sức tài tình mối tương quan biện chứng này khi Người nghiên cứu và phân tích giá trị và giá cả của hàng hóa nói chung. Theo Mác, giá trị của hàng hóa là lượng lao động kết tinh trong hàng hóa đó, còn giá cả thì xoay quanh giá trị và chủ yếu do tương quan cung — cầu trên thị trường quy định. Xét trường

(1) Mác — Ăng-ghen: Tuyển tập Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t. 1, tr. 736—737

Digitized by Google

hợp cụ thể của hàng hóa sức lao động, thì nguyên tắc phân phối theo lao động đòi hỏi tiền công nói chung và tiền lương nói riêng, phải phù hợp với số lượng và chất lượng lao động; nhưng lao động đó phải là lao động xã hội cần thiết, do đó phải được xã hội chấp nhận thông qua thị trường.

Ở một số ý kiến khác, quy luật phân phối theo lao động và quy luật giá trị tồn tại song song và tác động bổ sung, hỗ trợ nhau. Thực chất loại ý kiến này cho rằng quy luật giá trị chỉ tác động ở tầm vĩ mô, còn trong các doanh nghiệp thì do quy luật phân phối theo lao động chi phối; nói cách khác: tiền lương trong khu vực nhà nước thì dựa trên cơ sở nguyên tắc phân phối theo lao động, còn tiền công ngoài xã hội thì chịu tác động của quy luật cung — cầu.

Theo tôi quan niệm, khi sức lao động là hàng hóa thì **quy luật phân phối theo lao động và quy luật giá trị chỉ là một, quy luật phân phối theo lao động chính là quy luật giá trị của hàng hóa sức lao động**; không có chuyện quy luật phân phối theo lao động nằm ngoài quy luật giá trị, và càng không có chuyện quy luật này phủ định quy luật kia. Sở dĩ hiện nay ta thấy có một quy luật phân phối theo lao động tách riêng, là vì sức lao động trong chủ nghĩa xã hội lâu nay không được công nhận là hàng hóa cho nên không thể chịu tác động của quy luật giá trị, và cũng do đó, người ta đã phải đi tìm (như trong mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội) một quy luật thích hợp để điều tiết mối quan hệ giữa lao động và thu nhập, giữa « làm » và « ăn ». Hiện nay, trong điều kiện chủ nghĩa xã hội đã được nhận thức lại, sức lao động được coi là hàng hóa và tiền lương, tiền công được coi là giá cả sức lao động, thì sự gặp gỡ, hòa nhập vào nhau của quy luật phân phối theo lao động và quy luật giá trị là điều tất nhiên và dễ hiểu.

Tiền lương trên cơ sở nguyên tắc phân phối theo lao động là tiền lương tương ứng với số lượng và chất lượng lao động mà mỗi người đóng góp. « Cùng một số lượng lao động mà anh ta đã cung cấp cho xã hội dưới một hình thức này thì anh ta lại nhận trở lại của xã hội dưới một hình thức khác » (2). Như vậy cũng tức là: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít; có sức lao động mà không làm thì không hưởng. « « Ai không làm thì đừng ăn » !... Cơ sở của chủ nghĩa xã hội, nguồn sức mạnh vô tận của nó, sự bảo đảm chắc chắn cho thắng lợi cuối cùng của nó là ở trong chân lý đơn giản, hết sức sơ đẳng và hiển nhiên đó » (3). Cái chân lý thật giản dơn và dễ hiểu, nhưng tới nay chưa được quán triệt từ trong nhận thức cho đến thiết kế chính sách và tổ chức thực hiện. Phải chăng chúng ta còn vướng mắc giữa yêu cầu phân phối theo lao động với bảo đảm công bằng xã hội? Và vì vậy, đã giao cho tiền lương, tiền công cả các chức năng bảo trợ xã hội vượt quá sức nó và thoát ly trình độ phát triển của nền kinh tế? Cần khẳng định rằng, công bằng xã hội trong điều kiện phân phối theo lao động và sức lao động là hàng hóa, chỉ có thể bao hàm nội dung: lấy lao động làm thước đo chung để đánh giá phần đóng góp cũng như xác định phần hưởng thụ của người lao động. Không thể có công bằng trong phân phối theo nghĩa mọi người hưởng thụ ngang nhau, vì theo Mác, « đòi hỏi một **sự thù lao ngang nhau hay thậm chí một sự thù lao công bằng nữa** trên cơ sở chế độ lao động làm thuê thì chẳng khác gì đòi hỏi tự do dưới chế độ nô lệ » (4).

(2) Mác — Ăng-ghen: Tuyển tập. Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t. 4, tr. 478

(3) V. I. Lê-nin: Toàn tập. Nxb tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 36, tr. 443

(4) Mác — Ăng-ghen. Tuyển tập. Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, t. 3, tr. 132

Digitized by Google

Nói như vậy không có nghĩa phủ nhận các yêu cầu của chính sách bảo trợ xã hội. Vấn đề đặt ra ở đây là cần tách chính sách tiền lương, tiền công ra khỏi chính sách bảo trợ xã hội, bởi hai chính sách đó chịu sự chi phối của hai loại yêu cầu và nguyên tắc khác nhau. Để nhập cục, lẫn lộn như hiện nay, cả hai chính sách đó đều không có hiệu quả. Trong quá trình giải quyết vấn đề tiền lương, cần tránh hai khuynh hướng: hoặc quá nhấn mạnh yêu cầu công bằng xã hội, giao cho tiền lương những chức năng vốn không phải của nó; hoặc nóng vội, giản đơn, không chú ý đầy đủ chức năng toàn diện vốn có của vấn đề tiền lương, tiền công và thu nhập...

Tiền lương tối thiểu hay tiền lương trung bình?

Để đổi mới cơ bản chính sách tiền lương, tiền công và thu nhập, cần làm rõ một vấn đề thuộc phương pháp luận là: phải tiếp cận hệ thống tiền lương nhà nước từ phía nào, bằng con đường nào? Cho đến nay, qua những lần cải cách tiền lương vào năm 1960 và năm 1985, chúng ta đều tiếp cận hệ thống tiền lương thông qua tiền lương tối thiểu được hình thành theo kiểu cộng dồn các nhu cầu tối thiểu. Cách tiếp cận đó đã bộc lộ những nhược điểm hết sức cơ bản và là một trong các ví dụ điển hình về sự sao chép kinh nghiệm một cách máy móc, thiếu hẳn sự nghiên cứu cơ bản và nghiêm túc, không có sự tìm tòi, đề xuất và thử nghiệm để lựa chọn phương pháp luận phù hợp, nhất là khi yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ kinh tế – xã hội đã có nhiều thay đổi.

Phương pháp xác định tiền lương tối thiểu theo kiểu cộng dồn các nhu cầu tối thiểu, là cách làm rập khuôn máy móc theo cơ chế cũ, trong đó chức năng định giá thuộc độc quyền nhà nước. Trong quá trình đổi mới, chuyển từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có điều tiết ở tầm vĩ mô của nhà nước, về cơ bản nhà nước đã chuyển giao chức năng định giá cho các doanh nghiệp và cho thị trường, từng bước từ bỏ phương pháp lập giá trên cơ sở cộng dồn các yếu tố giá thành đối với hầu hết các sản phẩm hàng hóa. Như vậy, cũng có nghĩa là trong cơ chế mới, không còn chỗ đứng cho phương pháp xác định giá cả sức lao động theo kiểu «truyền thống» nữa.

Phương pháp xác định tiền lương tối thiểu theo kiểu cộng dồn các nhu cầu tối thiểu, là cách tiếp cận tiền lương theo quan niệm thiên lệch về bản chất và vai trò của phạm trù đó, chỉ thấy yêu cầu bảo đảm mức sống, tức là khía cạnh **xã hội** của tiền lương, mà coi nhẹ **nội dung kinh tế** và chức năng kích thích của nó. Việc cố định mức lương tối thiểu rồi căn cứ vào khả năng của ngân sách nhà nước để xác định bội số tiền lương là cách làm ngược, theo kiểu «đặt cái cày trước con trâu», đã dẫn đến hậu quả vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc phân phối theo lao động, không những vô hiệu hóa tác dụng kích thích của tiền lương mà còn gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực.

Phương pháp xác định tiền lương tối thiểu theo kiểu cộng dồn các nhu cầu tối thiểu, là cách tiếp cận vấn đề tiền lương đơn độc, không đặt tiền lương ngay từ đầu trong mối tương quan gắn bó với tiền công nói chung của xã hội.

Rõ ràng phương pháp tiếp cận cũ không còn phù hợp nữa, cần tiếp cận hệ thống tiền lương nhà nước theo con đường khác. Đó là con đường không phải thông qua tiền lương tối thiểu như trước vẫn làm, mà là thông qua **tiền lương trung bình**. Tiền lương trung bình của hệ thống tiền

Digitized by Google

lương nhà nước được xác định trên cơ sở: thu nhập quốc dân; tiền công phổ biến trên thị trường sức lao động; thu nhập của các gia đình có mức sống trung bình trong xã hội. Tiền lương trung bình sẽ là «cột mốc» để thiết kế hệ thống thang lương, bảng lương; xác định tiền lương tối thiểu, tiền lương tối đa.

Phương pháp luận tiền lương trung bình như vậy là hợp lý và hiện thực xét trên nhiều phương diện. **Một là**, cách tiếp cận vấn đề tiền lương từ thu nhập quốc dân bảo đảm yêu cầu: chỉ tiêu dùng trong phạm vi sản xuất, không phân phối vượt quá mức làm ra. **Hai là**, tiền lương trung bình phù hợp với tiền công trung bình, điều đó bảo đảm ngay từ đầu sự tương quan hợp lý về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội. **Ba là**, phương pháp luận tiền lương trung bình mở ra khả năng bố trí hệ số tiền lương và xây dựng các thang lương, bảng lương phù hợp với số lượng và chất lượng lao động, tạo điều kiện thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân phối theo lao động. **Bốn là**, tiền lương trung bình trên cơ sở thu nhập quốc dân là tiền lương hiện thực, có các nguồn tài chính trong nền kinh tế mà ngân sách nhà nước có thể và cần phải điều tiết để trả lương ở mức đó, chứ không phải đặt vấn đề phát hành tiền giấy để tăng lương. Cách tiếp cận thông qua tiền lương trung bình không những khắc phục được các nhược điểm căn bản của phương pháp tính tiền lương tối thiểu, mà về phương pháp luận, còn là cách tiếp cận duy nhất phù hợp với điều kiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và cơ chế thị trường có điều tiết ở tầm vĩ mô của nhà nước. Đó là vì mức tiền lương trung bình trong khu vực nhà nước, phù hợp với mức tiền công trung bình trong nền kinh tế, cũng chính là mức giá cả sức lao động phổ biến trên thị trường sức lao động xã hội.

NGƯỜI ĐẢNG VIÊN...

(Tiếp theo trang 46)

vậy, không thể nào hạn chế được những biểu hiện tiêu cực nảy sinh trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Tiêu chuẩn đảng viên còn có mối quan hệ khăng khít với việc phát triển đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi đảng. Đảng là một cơ thể sống. Nó luôn luôn vận động và phát triển. Nó phải được tăng thêm sức mạnh bằng cách thường xuyên thu nạp vào đảng những người ưu tú trong quần chúng nhân dân và thường xuyên đưa ra khỏi đảng những phần tử thoái hóa biến chất. Phát triển đảng một cách ồ ạt, thiếu thận trọng, sẽ dẫn đến tình trạng đưa vào đảng cả những phần tử ngay từ đầu đã không đủ tư cách đảng viên. Chậm trễ trong việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi đảng, tức là lưu giữ trong đảng những người không hơn gì, thậm chí còn thua kém cả người ngoài đảng. Đảng phải là một tổ chức chỉ bao gồm những người tiên tiến, ưu tú. Nếu trong đảng còn có cả những phần tử tầm thường, thậm chí xấu, thì những người tiên tiến, ưu tú, ít nhiều cũng sẽ bị ảnh hưởng và bị tầm thường hóa. Vì vậy, muốn để cho đảng viên luôn luôn giữ gìn được tư cách của mình, thì việc phát triển đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi đảng phải được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc và có chất lượng cao.

Digitized by Google

Người về hưu — Một vấn đề xã hội cấp bách

NGUYỄN VĂN LỘC

THEO Bộ lao động, thương binh và xã hội, đến đầu năm nay (tính từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945), nước ta có hơn 1 triệu người nghỉ hưu, bao gồm cán bộ, công nhân viên và quân nhân, trong đó có một bộ phận là những người nghỉ mất sức.

Ở nước ta có người nghỉ hưu từ năm 1951 nhưng lúc ấy còn rất lẻ tẻ. Những năm sau 1960 số người về hưu dần dần tăng lên nhưng cũng chưa đông. Số người về hưu tăng nhanh là từ năm 1975 lại đây, và theo quy luật chung, sẽ ngày càng đông hơn nhiều. Do đó vấn đề người về hưu đã thực sự trở thành một vấn đề có tính chất xã hội—chính trị quan trọng.

Các chỉ thị của Đảng và Chính phủ đối với người nghỉ hưu đã đề cập tới một số chính sách như: chăm sóc tốt đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe người về hưu; có chế độ đối với các đồng chí về hưu từ trần; có chính sách phát huy tác dụng và sử dụng người về hưu; giao trách nhiệm cho một số bộ có chức năng chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, bảo đảm việc thực hiện.

Trong hoàn cảnh khó khăn chung của đất nước, rất nhiều cơ quan và đơn vị đã có những cố gắng to lớn trong việc chăm lo những người về hưu theo những yêu cầu mà Đảng và Chính phủ đề ra, phù hợp với điều kiện cụ thể của mình. Song phải thừa nhận rằng có một số chủ trương chưa được các cơ quan có trách nhiệm quán triệt và tổ chức thực hiện đến nơi đến chốn. Điều đó có nguyên nhân là trong khoảng 10 năm lại đây, số người về hưu tăng lên quá nhanh, các cơ quan chức năng không theo kịp tình hình. Đất nước ta lại đứng trước nhiều khó khăn gay gắt, có những việc muốn làm nhưng không có điều kiện. Mặt khác, trong không ít cán bộ, đảng viên, trước hết là những cán bộ có trách nhiệm, đang có những nhận thức không đầy đủ về vấn đề này, nên chưa thật quan tâm hoặc chưa thật quyết tâm.

Hiểu đúng cán bộ về hưu về quá trình hoạt động của các đồng chí ấy đã là vấn đề không đơn giản, nhất là đối với lớp cán bộ trẻ tuổi. Đã thế, điều vướng mắc nổi cộm hiện nay là ở nhận định về những con người

Digitized by Google

ấy trong hiện tại. Trong nhiều cán bộ, đảng viên, đang có những ý kiến cho rằng, dù trước đây đã từng có quá trình hoạt động cống hiến vẻ vang, người về hưu chỉ là sự vang bóng của một thời, một thứ « lao động quá khứ », không còn ý nghĩa bao nhiêu đối với xã hội. Một số người lập luận: trước tình hình khó khăn hiện nay, lo cho người đang làm việc chưa xong, còn nói gì đến việc lo cho người về hưu! Có người còn căn cứ vào một vài hiện tượng nào đó để rút ra nhận xét khái quát rằng dường như các cán bộ hưu trí chỉ biết nói mà không làm và hay gây khó khăn cho công tác lãnh đạo của địa phương, cơ sở. Có những người cảm thấy người về hưu như là một gánh nặng đối với xã hội. Có lẽ cũng từ những nhận định ấy mà nhiều người thiếu hẳn sự quan tâm, sự trân trọng cần thiết đối với người về hưu. Việc đối xử với người về hưu đang rất tùy tiện, mỗi nơi mỗi khác, may ai người ấy được, cứ như một sự ban ơn.

Bởi vậy, vấn đề rất quan trọng hiện nay là cần làm cho mọi người, nhất là những cơ quan, những cán bộ, nhân viên có trách nhiệm, có nhận thức đúng, có thái độ đúng đối với những người về hưu. Đây là một yêu cầu khách quan của sự phát triển xã hội thể hiện trình độ đạo đức và văn minh, chứ không chỉ xuất phát từ tình cảm, dù là những tình cảm cách mạng trong sáng.

Nhìn chung, lớp người về hưu là cả một thế hệ cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức đi theo lý tưởng của Đảng từ những ngày cách mạng còn ở thời kỳ dầy thử thách, hy sinh, đã cống hiến cả tuổi xuân, cả cuộc đời mình cho sự nghiệp cách mạng. Những người hoạt động trước cũng như sau Cách mạng Tháng Tám đều trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhiều đồng chí đã trải qua từ nhà tù này đến nhà tù khác của các loại kẻ thù và đã có những cống hiến lớn đối với sự nghiệp cách mạng.

Trong những người về hưu và những người đã nghỉ công tác để chuẩn bị về hưu, có một số đồng chí đã từng giữ những chức vụ rất quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước... Số đồng chí là cán bộ cao cấp, trung cấp, chiếm tỷ lệ không nhỏ trong số những người về hưu. Rất nhiều đồng chí đã được Đảng và Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý như Huân chương, Huy hiệu 50 năm, 40 năm tuổi Đảng, v.v. Không chỉ góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước, nhiều đồng chí còn góp phần quan trọng vào việc làm nghĩa vụ quốc tế, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Cách đây ít lâu, Câu lạc bộ Thăng long Hà nội — câu lạc bộ hưu trí của cán bộ lão thành, cán bộ cao cấp, trung cấp của các cơ quan trung ương và Hà nội — có tổ chức một cuộc hội thảo về chuyên đề người về hưu. Trong tham luận của mình, nhiều đồng chí đã phân tích mặt mạnh và những nhược điểm của những người về hưu, chứng minh cán bộ hưu trí không phải là gánh nặng cho xã hội mà chính là một lực lượng xã hội và chính trị đáng tin cậy của Đảng và Nhà nước, một tiềm năng, vốn quý của cách mạng.

Là những người được tôi luyện trong bão táp cách mạng, trong chiến tranh, có giác ngộ chính trị, cán bộ hưu trí rất gắn bó và trung thành với Đảng, với chế độ xã hội chủ nghĩa và là lực lượng sẵn sàng bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ trong bất cứ tình huống nào. Trước những diễn biến chính trị phức tạp ở một số nước xã hội chủ nghĩa gần đây, cán bộ hưu trí đều tỏ ra vững vàng về chính trị, tỏ rõ sự nhất trí cao với các nghị quyết của Đảng.

Digitized by Google

Trên mọi lĩnh vực hoạt động, nhiều cán bộ hưu trí tích lũy được nhiều kiến thức, nhiều kinh nghiệm, có chất xám đáng kể. Những người còn sức khỏe, có điều kiện làm việc, vẫn tiếp tục công việc trong hoàn cảnh mới và mong muốn được tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp của Đảng, làm cho chuỗi thời gian còn lại của đời mình có thêm ý nghĩa tốt đẹp. Trên thực tế ở các địa phương hiện nay, lực lượng hưu trí đang làm nòng cốt đảm nhiệm nhiều trọng trách ở cơ sở, là chỗ dựa cho đảng bộ, chính quyền cơ sở.

Mặc dù tuổi cao sức yếu, vai trò người về hưu đối với gia đình vẫn rất quan trọng; một số người còn phải giúp đỡ con cháu cả về kinh tế. Người về hưu trở thành trung tâm đoàn kết trong mỗi gia đình, tạo nên không khí đầm ấm hạnh phúc trong gia đình.

Trân trọng người về hưu và người già nói chung, là một yêu cầu không thể thiếu nhằm bảo đảm sự nối tiếp, sự kế thừa hài hòa giữa các thế hệ. Xã hội nào, dân tộc nào cũng là sự cấu thành những người thuộc các lứa tuổi, cũng cần kế thừa các giá trị chân chính về tinh thần, tư tưởng, đạo đức, văn hóa... của thế hệ trước mà người về hưu là lớp người có nhiều phẩm chất tốt đẹp cần phát huy. Không phải ngẫu nhiên mà trong lịch sử, qua các thế hệ, đều có sự kính trọng người già, đưa người già lên vị trí cao trong xã hội. Bác Hồ của chúng ta lúc sinh thời luôn luôn biểu thị thái độ trọng lão, yêu trẻ. Trước Cách mạng Tháng Tám, trong những năm kháng chiến và cả trong bản **Di chúc** trước ngày Bác từ giã chúng ta, Bác không bao giờ quên nói đôi lời với các cụ phụ lão. Bác ân cần thăm hỏi, nhắc nhở các cụ già «lão lai mà tài không tận». Bác động viên các cụ hăng say việc nước việc nhà. Bác gửi tặng áo lụa cho các vị lão thành cao niên. Ở Bác toát lên truyền thống tốt đẹp của dân tộc: trọng lão đắc thọ, bài học của lòng nhân đạo ấm tình người.

Vấn đề người về hưu, người già, là vấn đề được nhiều nước quan tâm. Tổ chức UNESCO của Liên hợp quốc cũng nêu quan điểm không nên coi người già chỉ đơn giản là một nhóm người phụ thuộc phải thỏa mãn những nhu cầu của họ mà nên coi họ là những người có đóng góp cho các hoạt động xã hội, văn hóa, kinh tế của cộng đồng, và UNESCO kêu gọi cần làm cho vai trò tích cực của họ đóng góp cho xã hội được công nhận và khuyến khích.

Tất nhiên, người già có những nhược điểm do tuổi tác, và mỗi người cũng có những nhược điểm và khuyết điểm cụ thể. Thực tế ở một số nơi cũng có những hiện tượng cán bộ hưu trí chỉ nói không làm, nói nhiều làm ít, thậm chí gây khó khăn cho công tác lãnh đạo và quản lý ở địa phương. Nhưng đó chỉ là những hiện tượng lẻ tẻ, thứ yếu, không phải mặt cơ bản của toàn bộ đội ngũ những người về hưu.

★

Dã từ nhiều năm nay, không ai không biết những người về hưu đứng trước thực tế phũ phàng là nếu chỉ trông vào tiền lương hưu thì đời sống hết sức khó khăn, nhất là những người sống cô đơn không có nơi nương tựa. Những người do hoàn cảnh riêng, có cuộc sống khá giả, ổn định, chỉ là số ít. Thông cảm với tình hình khó khăn chung, những người về hưu đã cố gắng chịu đựng, cố gắng bằng mọi cách tự lo liệu cho cuộc sống của mình. Nhưng không thể không nói tới vai trò của các cơ quan có trách nhiệm.

Digitized by Google

Mặc dù rất thông cảm với những khó khăn của người về hưu, một số đồng chí có trách nhiệm thường thanh minh :

— Lương hưu được thiết kế trên cơ sở chế độ tiền lương, khó khăn do tiền lương thấp là khó khăn chung của mọi cán bộ công nhân viên, không chỉ riêng với cán bộ hưu trí.

— Lương hưu của ta có tính chất ưu đãi những người hoạt động cách mạng, những người lao động. Ở một số nước xã hội chủ nghĩa, lương hưu chỉ bằng 50% đến 95% lương khi đang làm việc. Ở ta, lương hưu bằng 75% đến 95%. Riêng đối với những cán bộ đã hoạt động ở chiến trường miền Nam hoặc làm nghĩa vụ quốc tế, đem quy đổi thời gian công tác để tính thâm niên, thì có những đồng chí đã hưởng trên 100% lương khi còn làm việc.

— Muốn tăng thu nhập cho người về hưu, vấn đề quyết định là phải có tiền, nhưng trong tình hình khó khăn hiện nay, lấy đâu ra tiền để giải quyết.

Đúng là lương hưu dựa trên cơ sở chế độ tiền lương và đúng là nhiều cán bộ công nhân viên cũng đang có khó khăn, nhưng không thể đồng nhất khó khăn, của người về hưu với những người đang làm việc. Ai cũng biết, do tiền lương quá bất hợp lý nên đã từ nhiều năm nay, các cơ quan, xí nghiệp đều tìm mọi cách xoay xở để hằng tháng có thêm thu nhập cho cán bộ công nhân của mình, hoặc ít ra thì cũng tạo điều kiện cho cán bộ công nhân tự xoay xở để có thêm thu nhập. Theo văn bản nhà nước, lương tháng của một bộ trưởng mới có gần 80 nghìn đồng, nhưng bây giờ ở nhiều nơi, cán bộ công nhân viên lĩnh mỗi người mỗi tháng mấy trăm nghìn đồng; có giám đốc công ty, xí nghiệp lĩnh lương tháng cả triệu đồng. Ngoài ra, còn tiền thưởng, còn trợ cấp phúc lợi xã hội, còn phụ cấp theo nghề nghiệp, còn quà cáp vào những dịp lễ tết... Một số người thỉnh thoảng còn có tặng phẩm, phong bao, đi công tác nước ngoài. Đó là chưa nói một số cán bộ lợi dụng chức quyền đang có những hưởng thụ quá sức tưởng tượng bình thường. Trong khi đó người về hưu chỉ có thu nhập duy nhất là mấy chục phần trăm lương, và không phải bao giờ cũng được lĩnh lương đúng kỳ hạn. (Riêng những người hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám được hưởng một khoản trợ cấp thâm niên ít ỏi).

Đúng là nếu so với một số nước thì tỷ lệ lương hưu của ta cao hơn. Nhưng điều đó chỉ đúng về hình thức, về danh nghĩa mà thôi. Bởi một lẽ đơn giản là với 50% tiền lương ở những nước ấy trước khi xảy ra những biến động phức tạp, người về hưu đã có thể sống khá. Mặt khác, ở những nước ấy, người về hưu được chăm sóc về nhiều mặt. Ở Liên xô có 60 triệu người về hưu, tính chung cứ 5 người dân có một người về hưu. Ở nước ta khoảng 60 người dân mới có một người về hưu. Theo tài liệu đăng trên báo chí Liên xô cách đây mấy năm, Chính phủ Liên xô quan tâm giải quyết những nguyện vọng chính đáng của người về hưu. Những người còn sức khỏe, muốn làm việc, được tạo điều kiện; trước khi đến tuổi về hưu, được dành mỗi tuần một số giờ học một nghề mới hợp với tuổi già của mình, để khi về hưu có công việc làm được ngay. Ở Liên xô có hình thức lao động tại nhà: người ta đem các nguyên liệu đến tận nhà cho những người về hưu, sau đó lại đến tận nhà nghiệm thu các thành phẩm và chở đi. Riêng ở nước Cộng hòa liên bang Nga có 180 nghìn người về hưu tham gia lao động sản xuất tại nhà. Tính chung ở Liên xô cứ 3 người về hưu thì một người tiếp tục làm việc. Liên xô có khoảng 2 nghìn nhà dưỡng lão. Với những người về

Digitized by Google

hưu sống cô đơn, mọi yêu cầu của các cụ đều được phục vụ như lo việc ăn uống, đi mua hàng, đi lĩnh tiền, dắt các cụ đi chơi phố nhất là trong mùa đông có tuyết. Để đề phòng bất trắc, thỉnh thoảng những người có trách nhiệm lại gọi điện thoại hỏi thăm sức khỏe: (Theo tài liệu tổng kết cuộc hội thảo chuyên đề về người về hưu của Câu lạc bộ Thang long, Hà nội).

Những khó khăn của đất nước ta, chúng ta đều biết. Nhưng khó khăn của số đông người về hưu cũng rất gay gắt, không thể không quan tâm giải quyết. Cán bộ hưu trí không đòi hỏi được hưởng đặc quyền đặc lợi gì mà chỉ mong rằng sau mấy chục năm cống hiến cho cách mạng, đến cuối đời mình có một cuộc sống ổn định, không phải ăn bữa nay lo bữa mai, nhất là khi ốm đau. « Ước vọng » ấy chẳng lẽ là quá cao, không thể đáp ứng được? Mặt khác, cần chỉ ra rằng đó chính là một yêu cầu thuộc về chiến lược con người của Đảng ta, một yêu cầu của sự công bằng xã hội, một yêu cầu về sự tôn trọng phẩm giá con người.

Sau nhiều lần trao đổi ý kiến với một số cán bộ về hưu cũng như với một số cán bộ đương chức, xin nêu một số kiến nghị dưới đây nhằm góp một tiếng nói với những cơ quan có trách nhiệm:

1 — Trong khi chưa cải tiến chế độ tiền lương, ngoài các chế độ chung đối với mọi cán bộ, công nhân viên, biện pháp cấp bách trước mắt là cần có thêm trợ cấp ngay cho những người về hưu. Trợ cấp bao nhiêu là do Nhà nước xem xét và quyết định, nhưng theo ý kiến tôi, thì nên vào khoảng 15—20% tiền lương của mỗi người mỗi tháng. Lương hưu hiện nay phổ biến là khoảng dưới 40 nghìn đồng một tháng. Như vậy, mỗi năm Nhà nước phải chi khoảng trên dưới 60 tỷ đồng. Trong tình hình hiện nay, phải chi ra món tiền như vậy quả là khó khăn. Nhưng khi đã có quan điểm đúng, đã thấy sự cấp thiết của vấn đề, chắc rằng các cơ quan có trách nhiệm và các đồng chí lãnh đạo sẽ có được phương án giải quyết. Chúng ta đều biết Liên xô đang đứng trước rất nhiều khó khăn, vậy mà ngày 15-5-1990 vừa qua, Xô viết tối cao Liên xô đã quyết định hằng năm Nhà nước trích từ ngân sách 35 tỷ rúp để trợ cấp cho những người về hưu (xem báo **Nhân dân**, ngày 17-5-1990). Và theo dự thảo đạo luật mới của Liên xô về tiền lương hưu trí, thì trong 2—3 năm tới, lương hưu sẽ tăng trung bình 40%; đến thời điểm đạo luật mới bắt đầu có hiệu lực (ngày 1-1-1991), ước tính lương hưu tối thiểu sẽ là 80 rúp (xem tạp chí **Thông tin lý luận**, số 6-1990, trang 47).

Cũng cần nói thêm rằng việc trợ cấp 15 — 20% này mới chỉ là biện pháp vá víu trước mắt. Nên tính tới một giải pháp có tính chất cơ bản hơn nhằm tạo điều kiện cho những người về hưu có cuộc sống ổn định. Với những người hoạt động từ trước Cách mạng Tháng Tám và những người có cống hiến lớn, cần có chính sách ưu đãi.

2 — Trước yêu cầu kiện toàn tổ chức, đổi mới công tác cán bộ, vài năm gần đây hầu hết cán bộ, kể cả một số cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, đều nghỉ hưu đúng tuổi. Trong đó có những đồng chí còn sức khỏe, có trình độ, còn có thể làm việc và muốn tiếp tục được cống hiến. Đảng và Chính phủ cần có chính sách sử dụng hợp lý nhằm phát huy tiềm năng của những cán bộ ấy. Việc sử dụng đi đôi với việc đãi ngộ thỏa đáng về vật chất.

3 — Hiện nay số người về hưu đã lên tới hàng triệu, sẽ rất khó có điều kiện chăm sóc chu đáo tất cả mọi người. Nhưng việc đó có thể thực hiện được tốt hơn, nếu Đảng và Nhà nước

Digitized by Google

đạt thành trách nhiệm rõ ràng với các cơ quan, đơn vị có người nghỉ hưu. Với tinh thần thương yêu đùm bọc, có nghĩa cộ tình và với cả tinh thần trách nhiệm, các cơ quan, đơn vị cần quan tâm giúp đỡ người về hưu, nhất là những khi họ ốm đau, gia đình gặp khó khăn hoạn nạn, những dịp lễ tết, kể cả việc lo toan, giúp đỡ khi họ từ trần. Trên thực tế, nhiều cơ quan, đơn vị đã làm tốt việc này.

4 — Với số lượng hàng triệu người về hưu như hiện nay, có bao nhiêu vấn đề đặt ra đối với những người về hưu. Trên tinh thần đổi mới tư duy, có thể có những chủ trương, chế độ, chính sách cần đặt ra khác trước cho phù hợp với tình hình mới, yêu cầu mới, hoặc ít ra thì cũng phải được bổ sung, hoàn chỉnh, chứ không thể giải quyết một cách tùy tiện, chắp vá như hiện nay. Bởi vậy, đề nghị Đảng và Nhà nước cho thành lập **Hội những người hưu trí Việt nam** với hệ thống từ trên xuống trong cả nước, để cùng lo toan những công việc có liên quan tới những người về hưu. Hội những người hưu trí Việt nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt nam.

5 — Với tất cả tầm quan trọng của vấn đề như đã trình bày ở trên, đề nghị Nhà nước ta sẽ ban hành **Luật hưu trí** trong thời gian càng sớm càng tốt.

Trước mắt, đề nghị Hội đồng bộ trưởng ban hành các chính sách cần thiết để thể hiện rõ sự quan tâm thật sự của Đảng và Nhà nước ta đối với những người về hưu, uốn nắn những nhận thức sai trái và những biểu hiện vô trách nhiệm đang tồn tại trong không ít cán bộ, đảng viên hiện nay.

CON ĐƯỜNG ĐI LÊN...

(Tiếp theo trang 41)

bộ, đảng viên cần học tập, làm theo những gia đình làm ăn giỏi và có nếp sống văn hóa mới. Tự mình trở thành **một đơn vị kinh tế tự chủ có hiệu quả và văn minh**, điều đó không những có lợi thiết thực cho mỗi gia đình cán bộ, đảng viên, mà còn là điều kiện không thể thiếu để mỗi cán bộ, đảng viên rèn luyện cách làm ăn và quản lý kinh tế cần thiết cho công tác lãnh đạo quần chúng. Xuất thân từ gia đình nông thôn miền núi, đội ngũ cán bộ, đảng viên Lạng sơn hiện nay thực tế chưa trải qua giai đoạn kinh tế hàng hóa phát triển. Việc học hỏi để bản thân gia đình mình trở thành gia đình làm ăn giỏi và có nếp sống văn hóa mới, theo tôi, là bước đi ban đầu cần thiết để mỗi cán bộ, đảng viên Lạng sơn từng bước nâng cao tư duy kinh tế, trình độ tổ chức sản xuất và kinh doanh, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và quản lý kinh tế, xã hội...

Phong trào thi đua học tập, làm theo những gia đình làm ăn giỏi và có nếp sống văn hóa mới, phấn đấu để gia đình mình trở thành **một đơn vị kinh tế tự chủ có hiệu quả và văn minh** ở Lạng sơn, đã và sẽ tiếp tục làm nảy sinh những nhân tố mới về hợp tác, liên kết, liên doanh giữa các hộ với nhau, giữa các hộ với kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh, từ đó dần tới yêu cầu bức thiết phải đổi mới nội dung, hình thức và cung cách quản lý hợp tác xã, phải phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh. Vì vậy, theo tôi, đây chính là con đường thiết thực và có hiệu quả làm cho dân giàu nước mạnh ở tỉnh miền núi Lạng sơn. Nắm lấy và phát triển rộng khắp phong trào này là nắm được khâu quan trọng nhất để nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới ở nông thôn Lạng sơn.

Digitized by Google

Đổi mới tổ chức và hoạt động của các tòa án địa phương

ĐINH VĂN QUẾ *

DƯỚI sự lãnh đạo của Đảng, những năm qua, các tòa án đã góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, so với yêu cầu của công cuộc đổi mới mà Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đề ra thì các cơ quan pháp luật nói chung, trong đó có tòa án, chưa thật sự đổi mới. Một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho tòa án, đặc biệt là các tòa án địa phương, chậm đổi mới về tổ chức và hoạt động là do có sự nhận thức chưa thống nhất về chức năng nhiệm vụ của hệ thống tòa án từ trung ương đến địa phương.

Vấn đề đặt ra là: Hoạt động xét xử có cần quản lý không? Các tòa án có nên tổ chức thành hệ thống không? Tòa án có phải là chủ thể quản lý hoạt động xét xử không? Ai quản lý tòa án địa phương thì hợp lý?... Tất cả những vấn đề trên nếu được nhận thức đúng đắn thì các việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các tòa án sẽ không còn bị cản trở.

Theo nghĩa chung nhất, quản lý là điều khiển một hệ thống hay một quá trình theo những yêu cầu nhất định, nhằm đạt một mục đích đã xác định. Hoạt động xét xử cũng là một quá trình và người điều khiển quá trình này, chủ yếu và trực tiếp là tòa án. Nằm trong hệ thống các cơ quan nhà nước, tòa án phải có chức năng quản lý nhà nước. Tất nhiên, việc quản lý của tòa án được thực hiện bằng những phương pháp, hình thức riêng, không giống các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước. Khi nói về tòa án cách mạng, Lê-nin chỉ rõ: « Tòa án chính là một cơ quan có trách nhiệm làm cho tất cả những người nghèo khổ, không trừ một ai, đều có thể tham gia việc quản lý nhà nước (vì hoạt động của các tòa án là một trong những chức năng của việc quản lý nhà nước) » (1) và « Tòa án là một cơ quan chính quyền của giai cấp vô sản và của nông dân nghèo » (2). Nếu cho rằng tòa án không phải là chủ thể quản lý và hoạt động xét xử không cần quản lý, là nhầm lẫn giữa khái niệm quản lý nhà nước và khái niệm quản lý hành chính nhà nước. Quản lý hành chính nhà nước chỉ là một bộ phận của quản lý nhà nước.

---

* Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

(1), (2) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 36, tr. 241

Digitized by Google

Theo quy định của pháp luật nước ta thì chủ thể quản lý hành chính nhà nước cao nhất là Hội đồng bộ trưởng (Điều 1 Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng), còn chủ thể quản lý nhà nước cao nhất là Quốc hội mà trực tiếp là Hội đồng nhà nước. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Hội đồng bộ trưởng là ba cơ quan nhà nước do Quốc hội bầu ra để thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực dưới sự quản lý của Quốc hội. Trong thời gian Quốc hội không họp thì Hội đồng nhà nước thay mặt Quốc hội quản lý ba cơ quan trên.

Tòa án nhân dân có chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xét xử. Mỗi cấp tòa án có nhiệm vụ quản lý hoạt động xét xử của tòa án mình và chịu sự quản lý của tòa án cấp trên. Vấn đề này được thể hiện rõ ở nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh án tòa án các cấp trong việc điều hành công việc ở tòa án mình và trong quan hệ với tòa án cấp trên, quy định trong Luật tổ chức tòa án nhân dân (các điều 35 và 36).

Quan hệ pháp luật tố tụng không thể điều chỉnh các hành vi thuộc lĩnh vực quản lý mà chỉ có thể điều chỉnh các hành vi thuộc lĩnh vực xét xử. Quản lý xét xử và hoạt động xét xử là hai lĩnh vực khác nhau, không thể lấy cái này thay cái kia được.

Để thực hiện chức năng quản lý, bộ máy tòa án được tổ chức thành hệ thống mà người đứng đầu là Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là chủ thể quản lý nhà nước cao nhất về hoạt động xét xử trong hệ thống tổ chức bộ máy tòa án. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phải báo cáo trước Quốc hội về công tác tòa án và phải trả lời các chất vấn của đại biểu Quốc hội về tất cả các vụ án đã xét xử trong phạm vi cả nước, chứ không riêng các vụ án do Tòa án nhân dân tối cao xét xử. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phải chịu trách nhiệm về chất lượng hoạt động xét xử của tất cả các cấp Tòa án, chứ không riêng của Tòa án nhân dân tối cao. Các chánh án tòa án các cấp cũng là chủ thể quản lý tùy theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình mà Luật tổ chức đã quy định.

Hoạt động xét xử là một hoạt động mang tính chất đặc thù, nên người đứng đầu (chánh án) vừa là cán bộ xét xử, vừa là cán bộ quản lý. Do đó, trong bộ máy tổ chức tòa án các cấp, không chỉ có các thẩm phán và chuyên viên hoặc thư ký mà còn có các chức danh quản lý như: chánh án và phó chánh án, chánh tòa và phó chánh tòa, vụ trưởng và phó vụ trưởng, trưởng phòng và phó trưởng phòng, v.v. Quản lý nhà nước về hoạt động xét xử không bằng mệnh lệnh mà bằng hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra. Tuy nhiên, trong nội bộ một cấp tòa án cũng có một vài lĩnh vực vẫn phải dùng mệnh lệnh như: thẩm phán phải chịu sự phân công của chánh án. Đó là mệnh lệnh mà người thẩm phán phải chấp hành.

Hiện nay, do nhận thức không thống nhất về mối quan hệ biện chứng giữa chủ thể quản lý và đối tượng quản lý, nên có xu hướng muốn tách một phần hoặc toàn bộ những quan hệ xã hội thuộc đối tượng quản lý của tòa án sang cho chủ thể khác không có liên quan gì đến đối tượng quản lý, nhằm loại trừ chức năng quản lý của tòa án và tạo ra một «vùng cấm» những quan hệ xã hội không cần phải quản lý. Không thể hình dung nổi, trong điều kiện nhà nước còn tồn tại, lại có một lĩnh vực hoạt động quan trọng của nhà nước không cần quản lý. Hoạt động xét xử là một trong những lĩnh vực rất quan trọng trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện nhà

Digitized by Google

nước chuyên chính vô sản. Nó là công cụ sắc bén của nhà nước chuyên chính vô sản. Lê-nin đánh giá rất cao vị trí vai trò của tòa án. Người viết: «Đến khi nhiệm vụ cơ bản của chính quyền không còn là nhiệm vụ trấn áp bằng quân sự nữa, mà là nhiệm vụ quản lý, thì lúc bấy giờ tòa án, chứ không phải là hình phạt xử bắn tại chỗ, sẽ trở thành hiểu hiện điển hình của sự trấn áp và cưỡng bức» (3). Lẽ nào một công cụ quan trọng, biểu hiện điển hình của sự trấn áp và cưỡng bức như Lê-nin nói, lại không phải là một hệ thống có sự quản lý chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Phủ nhận sự quản lý đối với hoạt động xét xử sẽ dẫn tới phủ nhận sự lãnh dạo của Đảng cộng sản đối với tòa án của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đồng thời sẽ dẫn tới không thừa nhận nguyên tắc tập trung dân chủ trong việc tổ chức bộ máy nhà nước mà tòa án là một hệ thống cơ quan xét xử.

Quản lý tòa án là điều khiển hoạt động của hệ thống tổ chức tòa án (hoạt động xét xử) theo những yêu cầu nhất định, nhằm làm cho các tòa án (kể cả tòa án quân sự) từ trung ương đến địa phương thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

Quản lý tòa án, điều khiển hoạt động của tòa án, thực chất là quản lý con người, vì tòa án cũng là một cơ quan nhà nước do con người tạo nên. Tòa án, cán bộ tòa án và hoạt động xét xử là những phạm trù khác nhau, nhưng liên quan mật thiết với nhau trong một thể thống nhất. Muốn tòa án thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của mình thì không những phải có một cơ cấu tổ chức hợp lý và những con người có khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, mà đồng thời còn phải quản lý sao để những con người đó có thể hoàn thành nhiệm vụ. Do vậy, quản lý tòa án cũng như quản lý các lĩnh vực khác, đòi hỏi chủ thể quản lý phải hiểu cán bộ, phải đánh giá được năng lực, phẩm chất của từng cán bộ, để sắp xếp họ vào đúng vị trí thích hợp. Năng lực, phẩm chất của cán bộ tòa án phải được thể hiện ở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Nếu là thẩm phán thì năng lực, phẩm chất của họ phải được thể hiện ở những quyết định của các bản án. Không thể đánh giá cán bộ tòa án một cách chính xác, nếu không hiểu được công việc họ làm. Thông qua hoạt động xét xử là cách tốt nhất để đánh giá cán bộ tòa án. Quản lý cán bộ mà không quản lý công việc họ làm thì sẽ dẫn đến việc bố trí cán bộ không đúng, và đó cũng là «nguyên nhân của mọi nguyên nhân» làm cho tòa án địa phương chậm đổi mới. Nhận thức được sự bất hợp lý này, Hội nghị lần thứ năm BCHTU Đảng (khóa VI) đã chỉ rõ: «Quản lý cán bộ gắn với quản lý thực hiện nhiệm vụ chính trị, quản lý công việc gắn với quản lý con người». Đáng tiếc là cho đến nay, việc quản lý các tòa án địa phương vẫn chưa được đổi mới theo tinh thần nêu trên. Do đó, Hội nghị lần thứ sáu BCHTU Đảng (khóa VI) lại một lần nữa nêu rõ trong nghị quyết: «Làm rõ và đổi mới một số vấn đề về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của hệ thống tư pháp, tòa án...»

Hiện nay, vấn đề quản lý các tòa án địa phương về mặt tổ chức, vẫn do bộ trưởng Bộ tư pháp đảm nhiệm. Bộ tư pháp là cơ quan trực thuộc Hội đồng bộ trưởng, nằm trong hệ thống các cơ quan chấp hành, không có chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xét xử. Do đó, không tránh khỏi gặp khó khăn trong việc đánh giá cán bộ. Mặt khác, do nhận thức không đầy đủ những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tòa án, nên trong quá trình quản lý tòa án địa phương về mặt tổ

(Xem tiếp trang 32)

(3) V.I. Lê-nin. Toàn tập. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1977, t. 36, tr. 241

Digitized by Google

Đảng với trí thức

LÊ TRUNG NGUYỆT *

Có thể khẳng định rằng, thiếu đội ngũ trí thức cách mạng thì không thể có Đảng cộng sản. Bởi vì, Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa lý luận cách mạng với phong trào công nhân (ở nước ta, với cả phong trào yêu nước); mà lý luận cách mạng lại do những người trí thức chân chính, cách mạng, tiến bộ sáng tạo ra và truyền bá vào phong trào công nhân, chứ giai cấp công nhân, tự nó không sáng tạo ra lý luận cách mạng được. Nhất là ở nước ta, đội ngũ công nhân vốn ít ỏi về số lượng và thấp kém về trình độ văn hóa, thì càng không thể nói tới việc sáng tạo ra lý luận.

Hiện nay, trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, việc **trí thức khoa học hóa Đảng, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp của Đảng, và việc xây dựng mối quan hệ hữu cơ giữa Đảng với tầng lớp trí thức, đã trở thành một đòi hỏi khách quan, cấp bách. Chủ nghĩa xã hội thiếu trí thức sẽ bị biến dạng, còn Đảng thiếu trí thức khoa học tất sẽ không giữ được vai trò lãnh đạo của mình.** Phải chăng như thế là quá đề cao trí thức và phủ nhận sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân? Không phải như vậy. Trong lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử vĩ đại là giai cấp công nhân công nghiệp tập trung ở các đô thị lớn. Thử hỏi, giai cấp công nhân ấy hiện nay là ai, nếu không phải là giai cấp công nhân đã và đang trí thức hóa theo yêu cầu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, theo đòi hỏi tất yếu của thế giới đã bước vào ngưỡng cửa của nền văn minh thứ ba? Trong điều kiện hiện nay, thiếu trí thức, khoa học, thì không thể nói đến tiến bộ xã hội được.

Để xây dựng mối liên hệ hữu cơ giữa Đảng và trí thức, theo tôi, cần chú ý tới một số vấn đề cơ bản sau:

1 — Cần có một quan niệm khoa học và đúng đắn về trí thức.

Phải nhanh chóng thanh toán quan niệm giản đơn, thô thiển, chủ quan, phản khoa học: coi trí thức chỉ là một tầng lớp bấp bênh đứng giữa, ngả nghiêng, không vững vàng về tư tưởng.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, sự xuất hiện giới trí thức là do sự phân công lao động xã hội thành lao động chân tay và lao

* Phó tiến sĩ triết học

Digitized by Google

động trí óc. Lê-nin đã chỉ rõ, trí thức bao hàm không chỉ các nhà trước tác mà còn bao hàm tất cả mọi người có học thức, các đại biểu của những người làm nghề tự do nói chung, của những người lao động trí óc. Lê-nin còn chỉ rõ, trí thức không hợp thành một giai cấp độc lập về kinh tế, mà là một tầng lớp, xã hội gồm những người xuất thân từ nhiều giai cấp. Thành phần xuất thân của giới trí thức cũng bộc lộ rõ rệt như thành phần của cái xã hội sản xuất ra những giá trị vật chất. Bản chất giai cấp của trí thức là điều không thể phủ nhận được. Thế nhưng, trí thức lại luôn luôn bị coi là lớp người trung gian, bấp bênh, mâu thuẫn. Dĩ nhiên, quan điểm này có nguồn gốc lịch sử của nó, vì trong xã hội tư bản một phần thì giới trí thức gắn với giai cấp tư sản xét về những mối liên hệ của họ, và phần khác thì họ gần với những người lao động làm thuê.

Khi xem xét ở một tầng bản chất sâu hơn, địa vị của giới trí thức rõ ràng là « địa vị của các giai cấp đã đẻ ra giới đó và đã truyền sức mạnh cho họ » (1). Bản thân người trí thức bao giờ cũng gắn với giai cấp mà họ xuất thân. Thế nhưng, ở một tầng bản chất khác, yếu tố tri thức trong giới trí thức lại mang tính quyết định. Lê-nin viết: « Sở dĩ giới trí thức được gọi là trí thức chính vì nó phản ánh và thể hiện sự phát triển của các lợi ích giai cấp và của các nhóm phái chính trị trong toàn bộ xã hội một cách có ý thức hơn cả, kiên quyết hơn cả, và chính xác hơn cả » (2).

Sở dĩ trí thức thể hiện được sự phát triển của toàn bộ xã hội (toàn nhân loại) một cách có ý thức, kiên quyết và chính xác hơn cả, chính là vì trí thức, học vấn đã làm cho người trí thức thấu rõ quy luật vận động và phát triển của xã hội. Trí thức làm cho người trí thức trở nên tự do và tích cực, có năng lực cải tạo thế giới và có năng lực sử dụng những lực lượng của thiên nhiên để mưu cầu hạnh phúc cho toàn nhân loại.

Chính **yếu tố giai cấp và yếu tố tri thức đan xen vào nhau đã tạo nên bản chất của người trí thức.** Do đó, theo tôi, khi xem xét bản chất của tầng lớp trí thức phải nhìn nhận kỹ trên cả hai phương diện: tính chất giai cấp và tính chất lao động của họ.

2 – Xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa chính trị và khoa học.

Chính trị có quan hệ chặt chẽ với khoa học, nhưng không thể đồng nhất chính trị với khoa học. Để thông qua những quyết định chính trị đúng đắn, cùng với sự tính toán chính xác, lô gích, hợp lý, còn phải có sự nhạy bén chính trị, sự linh cảm và trực giác.

Tiếp nữa, có những vấn đề, chẳng hạn như, việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chỉ có thể áp dụng được trong sinh hoạt đảng, chứ không thể sử dụng trong sinh hoạt khoa học. Không thể dùng ý kiến đa số để bác bỏ ý kiến cá nhân của nhà khoa học về một vấn đề nào đó. Sự phát triển của khoa học, **một mặt**, nằm trong sự tác động qua lại với chính trị; **mặt khác**, đi theo những quy luật riêng của nó. Khoa học chân chính, đích thực, chỉ khuất phục trước chân lý, chứ không khuất phục trước cường quyền và bạo lực. Khoa học không tương dung với chỉ huy và mệnh lệnh hành chính.

Do đó, cả nhà khoa học lẫn nhà chính trị phải luôn luôn bình tĩnh, thận trọng, tự kiềm chế, để tránh mắc bệnh « cuồng si trở thành vĩ đại », muốn « đứng lên trên nhau », một căn

(1) V. I. Lê-nin *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 1, tr. 554

(2) Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t. 7, tr. 416

Digitized by Google

bệnh đã và còn đang gây nhiều tai hại không lường hết được.

Khoa học không thể là «tôi đòi» của chính trị, như trong thời trung cổ, triết học là «tôi đòi» của thần học. Nhưng, khoa học chân chính không đứng ngoài chủ nghĩa nhân đạo, và lịch sử đã chứng tỏ mọi cuộc phục hưng về văn hóa đều đòi hỏi một chủ nghĩa nhân văn. **Khoa học đích thực phải là tri thức có định hướng nhân đạo rõ ràng**, là phương tiện phản ánh và cải tạo thế giới vì lợi ích của người lao động. Chính trị quyết định số phận của con người, cho nên chính trị có vai trò định hướng nhân đạo cho tri thức. Các chất hóa học có thể dùng để trừ sâu, diệt chuột, làm thuốc chữa bệnh, nhưng cũng có thể bị đem dùng để chế tạo ra vũ khí giết người. Ở nước ta hiện nay, cũng có không ít những tri thức có trình độ và kinh nghiệm quản lý kinh tế. Nhưng, việc họ sử dụng tri thức ấy để tháo gỡ khó khăn cho kinh tế quốc doanh hay để phát triển kinh tế tư nhân, thì điều đó **một mặt**, do cơ chế chung chi phối, **mặt khác**, trong nhiều trường hợp, do định hướng chính trị quyết định.

Khoa học đòi hỏi các nhà chính trị phải tự đổi mới hoạt động lãnh đạo chính trị. Còn ngược lại, chính trị cũng đòi hỏi các nhà khoa học nâng cao tầm trí tuệ và xứng đáng với chức năng khoa học của mình. Nhưng hiềm một nỗi, các nhà khoa học (không nói là tất cả) chưa đủ tầm trí tuệ để đáp ứng nhu cầu của Đảng và của dân tộc, chưa đủ bản lĩnh để tự khẳng định mình là nhà khoa học, chưa đủ đức độ và trí tuệ để công nhận nhau trên diễn đàn khoa học mà thường còn đố kỵ và hẹp hòi kiểu tiểu nông trong cách đánh giá các công trình khoa học của nhau... Thử hỏi, còn ai ngoài giới triết học có thể đánh giá được chính xác công trình triết học này hay công trình triết học khác, nếu chính bản thân các nhà triết học không biết tôn trọng sự sáng tạo của nhau? Với các khoa học khác cũng tương tự như vậy. Đặng đặt niềm tin vào các nhà khoa học, trước hết, bởi kết quả của những công trình mà họ cống hiến; và sau nữa, bởi **sự tự tôn** của chính giới khoa học. Nếu chính các nhà khoa học không tự tìm kiếm và xây dựng cho mình các giáo sư đầu ngành và những trường phái trong nghiên cứu khoa học, thì làm sao họ có được sức mạnh? Cho dù giỏi, một nhà khoa học hẳn cũng sẽ thấy đơn độc nếu không có đồng nghiệp tương giao, và điều đó không thể không ảnh hưởng tới khả năng sáng tạo khoa học. Đây rõ ràng không phải là lỗi của các nhà chính trị và không thể nói rằng chính trị không chú ý đến khoa học, không tôn trọng khoa học...

Nhìn lại quá khứ, ở ta cũng có hiện tượng chính trị bắt khoa học làm «tôi đòi». Nhưng điểm lại các công trình nghiên cứu khoa học đã công bố trên sách, báo, tạp chí khoa học, thì thấy nổi lên một vấn đề khác nữa là giá trị khoa học của những «chân lý tương đối» không nhiều. Phần lớn còn giáo điều, sức sáng tạo không cao, có trường hợp cơn chạy theo minh họa, tán tụng ý kiến của một người lãnh đạo nào đó một cách lố bịch. Vậy, do đâu có tình trạng đó? Có nhiều nguyên nhân. Theo tôi, cái chính là do thiếu trí tuệ, thiếu sự lao động khoa học thật sự công phu, độc lập và nghiêm túc. Mặt khác, không thể không tính đến để nhận dạng: một thứ chủ nghĩa cơ hội chính trị «gió chiều nào che chiều ấy». Khoa học không chấp nhận mọi thứ cơ hội — nghĩ một đằng, nói và viết một nẻo. Khoa học luôn, luôn đòi hỏi sự sáng suốt, dũng cảm, trung thực, không vụ lợi, dám nói lên chính kiến của mình và biết tự phê phán.

Digitized by Google

3 — Có chính sách đúng đối với trí thức.

Để có chính sách đúng đối với trí thức nhằm phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của họ, theo tôi, trước hết **cần có sự phân định thật rõ về trí thức.** Nếu coi trí thức là những người lao động trí óc thì ở nước ta hiện nay, có thể chia trí thức làm ba nhóm:

Nhóm 1: gồm những người thường gọi là nhân viên (hay còn gọi là viên chức, không phải cán bộ chuyên môn). Đó là những người lao động trí óc ít chuyên môn, không đòi hỏi phải có trình độ đại học, thậm chí trung học (như nhân viên kế toán, thủ quỹ, đánh máy...). Những nhân viên như thế thường làm những công việc tương đối đơn giản, rõ ràng, do đó, chỉ cần một trình độ học vấn đại loại như công nhân lành nghề.

Nhóm 2: gồm những người là cán bộ chuyên môn, những người có trình độ trung học chuyên nghiệp hay đại học và trên đại học (như cán bộ nghiên cứu khoa học, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, giáo viên, bác sĩ, nhà văn, nhà báo...). Đây là một tập đoàn xã hội lớn, gồm những người lao động chuyên làm lao động trí óc, có trình độ học vấn cao.

Trong nhóm trí thức chuyên môn lại được chia ra: trí thức khoa học kỹ thuật; trí thức khoa học cơ bản; trí thức khoa học xã hội.

Nhóm 3: gồm những cán bộ quản lý là những người vừa có trình độ chuyên môn cao, vừa có trình độ quản lý. Trong nhóm trí thức quản lý, có thể chia thành hai nhóm nhỏ: quản lý nghiệp vụ đối với sản xuất (trí thức kỹ sư làm việc trong lĩnh vực này); quản lý nghiệp vụ đối với các tổ chức và các cơ quan nhà nước và xã hội (trí thức khoa học cơ bản và trí thức khoa học xã hội làm việc trong lĩnh vực này).

Khi khái quát cơ cấu giai cấp xã hội và khi nói đến sự phân công lao động xã hội, lâu nay chúng ta thường gộp chung các nhóm lao động trí óc lại thành một tầng lớp gọi là «tầng lớp trí thức». Nhưng, để kích thích lao động sáng tạo của họ, cần thấy những khác biệt căn bản về tính chất lao động giữa các nhóm lao động trí óc. Bởi vì, những khác biệt đó giúp ta có thể phân tích chính xác quá trình phân hóa trong phân công lao động xã hội. Chỉ có phân tích chính xác quá trình này, chúng ta mới có thể:

— thực hiện tốt nguyên tắc công bằng xã hội trong xã hội xã hội chủ nghĩa;

— khuyến khích tinh thần làm việc thật sự, phát huy những tiềm năng trí tuệ;

— giảm bớt số «trí thức viên chức» và những ưu tiên đối với «nghề bàn giấy» (cũng là trí thức, nhưng thủ lao giữa trí thức viên chức và trí thức sáng tạo phải khác nhau).

— giảm tối đa các khoản ngân sách nhà nước đã tiêu tốn để vỗ béo một bộ máy hành chính cồng kềnh tồn tại dưới cái tên gọi rất mập mờ: «trí thức viên chức».

Ở nước ta, do nhiều nguyên nhân khác nhau, lâu nay vẫn tồn tại những thiên kiến cho rằng **trí thức không phải là những người trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, là tầng lớp không cơ bản, ngại lao động chân tay.** Hệ quả là tầng lớp này chưa được xã hội đối xử đúng với vị trí, vai trò và chức năng của nó trong xã hội. Các ngành giáo dục, y tế và một số cơ quan nghiên cứu khoa học (đặc biệt là khoa học xã hội và khoa học cơ bản) thường bị xếp vào khu vực hành chính sự nghiệp, và chỉ nhận được nguồn đầu tư ít ỏi của «phần còn lại». Thí dụ, đầu tư cho giáo dục ở nước ta chỉ chiếm 3,5% ngân sách. Chính vì thế, giáo dục càng xuống cấp nghiêm trọng, nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi xa xôi. Hiện nay

Digitized by Google

cả nước có 8,5 triệu người mù chữ. Tỷ lệ hoàn thành cấp I từ năm 1976 đến năm 1988 chỉ xấp xỉ 60%; đặc biệt, ở đồng bằng sông Cửu long tỷ lệ này chỉ đạt 39%.

Lao động phức tạp, vốn là bội số của lao động giản đơn, nhiều khi bị trả công thấp hơn nhiều lần so với lao động giản đơn. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, đại đa số trí thức khoa học kỹ thuật đang sống và làm việc trong những điều kiện hết sức khó khăn. Thí dụ:

— Điều kiện làm việc quá thiếu: 87,1%.

— Đơn vị công tác không tạo điều kiện đủ để phát huy sức sáng tạo: 79,8%.

— Chính sách cán bộ (sử dụng, đào tạo, đề bạt, xếp lương) không thỏa đáng: 79,8%.

— Thu nhập vật chất quá thiếu thốn: 75%.

— Lãnh đạo cơ quan không hiểu rõ nội dung và công việc người cán bộ đang làm: 61%.

— Không hài lòng với phương hướng công tác của cơ quan: 53,8%.

— Không hài lòng với quan hệ nội bộ và mức độ đoàn kết trong tập thể cơ quan: 52%.

Tất nhiên, nếu bàn đến chất lượng của đội ngũ trí thức nước ta hiện nay, thì còn nhiều vấn đề. Không ít người mang danh là trí thức, giữ chức này chức kia, có học hàm, học vị này học hàm, học vị kia, nhưng hiệu quả lao động của họ, xét trong điều kiện chung hiện nay, thật không xứng đáng với các chức danh ấy.

Tôi xin nêu thêm một số vấn đề nữa **có liên quan đến chính sách với trí thức**:

— Khoa học chỉ có thể phát triển trong bầu không khí tự do dân chủ. Tính biện chứng của sự phát triển cho thấy, một khoa học nào mà không có những quan điểm đối lập và đấu tranh với nhau thì tức là nó đang đi đến chỗ tự chôn vùi mình. Vì thế đã đến lúc cần bàn một cách nghiêm túc "quyền của thiểu số" để các nhà khoa học có điều kiện (chứ không bị kỳ thị, cấm đoán) phát triển, bảo vệ tư tưởng của mình. Bởi vì, nhiều khi trong khoa học, chân lý không thuộc về đa số, mà lại thuộc về một người, chẳng hạn như trường hợp Cô-péc-nich hoặc như Anh-xtanh. Ở đây, ý kiến của Lê-nin về việc xuất bản «Chuyên san tranh luận» trong hội nghị của Bộ chính trị Đảng cộng sản (b) Nga ngày 26-10-1920 về vấn đề «Tình hình tư tưởng trong Đảng», vẫn giữ nguyên ý nghĩa thời sự.

— Từ những chức năng đặc biệt đã nêu ở trên của trí thức, cần xem đầu tư cho các ngành nghiên cứu **khoa học, y tế, giáo dục là đầu tư cơ bản**, bởi vì đó cũng là những ngành **sản xuất cơ bản** của xã hội, thậm chí còn giữ vị trí quan trọng nhất, vì chúng góp phần trực tiếp tái sản sinh ra con người và sáng tạo ra các lý thuyết khoa học.

— Xác định đúng mức tỷ lệ đầu tư giữa các ngành khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật. Cần đấu tranh xóa bỏ quan niệm coi nhẹ khoa học xã hội, nhất là các bộ môn lý luận. Trong tình hình quốc tế hiện nay, cần đặc biệt chú ý vào việc phát triển lý luận. Bởi vì, nếu Đảng không giữ được vị trí tiên phong về lý luận, thì sẽ không giành được thắng lợi trong công cuộc đổi mới vì mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Lịch sử đã xác nhận rằng, mọi công cuộc phục hưng dân tộc đều cần có một **chủ thuyết triết học, một đường lối chính trị và một lực lượng lãnh đạo tiên phong.**

— Căn cứ vào khả năng của đất nước, vào tính chất và hiệu quả lao động của từng loại trí thức để định

(Xem tiếp trang 75)

Digitized by Google



ĐIỀU TRA

Vấn đề giải quyết việc làm ở thành phố Hồ Chí Minh

CHU THÁI THÀNH

THÀNH phố Hồ Chí Minh là một trong những thành phố có số dân và mật độ dân số lớn nhất ở nước ta. Hiện nay số dân thành phố là 3 934 000 người, chưa kể số người không có hộ khẩu sống lang thang nơi công cộng khoảng 8500, số học sinh lưu trú trong các trường đại học và cao đẳng cộng số cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước thuộc các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn thành phố khoảng gần 26 000 và số người trong lực lượng vũ trang. Từ đầu năm nay, sức ép về việc làm ở thành phố càng mạnh. Trong số 230 000 người chưa có việc làm, 80 đến 90% thuộc lứa tuổi thanh niên. Hằng năm, số lao động mới bổ sung thêm khoảng 20.000 người. Đây là vấn đề xã hội gay gắt từ nhiều năm nay của thành phố.

Những năm qua, thành phố Hồ Chí Minh đã cố gắng tạo công ăn việc làm cho người thất nghiệp bằng nhiều hình thức: phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; tuyển thanh niên xung phong, điều lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới; hợp tác lao động với nước ngoài... Nhờ đó, hằng năm đã bố trí được công ăn việc làm cho khoảng trên 100 000 người.

Xóa bỏ hình thức tuyển lao động theo chỉ tiêu từ trên dội xuống, nhiều quận huyện của thành phố Hồ Chí Minh đã thành lập **Văn phòng giới thiệu việc làm**. Các văn phòng này không chạy theo kiểu cung ứng lao động để bảo đảm chỉ tiêu đơn thuần như trước, mà chú trọng chất lượng nghề nghiệp của người lao động. Vừa giới thiệu việc làm cho người đến tìm việc, văn phòng vừa tổ chức đào tạo họ thành thạo một nghề. Nhờ đó mà khi được nhận về làm ở một xí nghiệp nào đó, họ có thể phát huy ngay được tác dụng: nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mặt hàng, hạ giá thành, làm giàu cho bản thân và xí nghiệp. Những người lao động đã được đào tạo nghề, khi bố trí nghề

Digitized by Google

nghiệp thì ổn định hơn. **Trung tâm dịch vụ và cung ứng lao động** cũng là một mô hình mới, có nhiệm vụ: nắm nguồn việc làm theo ngành nghề, trình độ chuyên môn và thành phần kinh tế; nắm các đối tượng cần giải quyết việc làm theo từng loại cụ thể; giới thiệu và đào tạo nghề cho người chưa có việc làm phù hợp với các cơ sở sản xuất có nhu cầu tuyển dụng. Hai năm qua, mô hình này đã khẳng định được vị trí của mình: giới thiệu trên 20 000 lượt người đến xin việc làm và học nghề; tổ chức đào tạo hơn 5 400 bộ đội xuất ngũ, 11 300 lao động nữ với các ngành nghề cơ khí, hóa chất, dệt, may mặc và dịch vụ du lịch.

Trước những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, các cơ sở quốc doanh có xu hướng giảm bớt lao động. Vì vậy, giải quyết việc làm đang là một bài toán khó. Tuy nhiên, không phải không có lời giải cho bài toán này.

Thực tế cho thấy việc **cho tư nhân mở rộng sản xuất kinh doanh** có thể thu hút hàng vạn lao động. Hơn 200 xí nghiệp, công ty tư nhân vừa được thành phố cấp giấy phép hoạt động, đã tạo việc làm cho 34 000 người.

Hình thức **liên kết liên doanh** giữa các đơn vị sản xuất trong thành phố và giữa thành phố với nước ngoài cũng có thể góp phần không nhỏ giải quyết việc làm cho người lao động. 50 cơ sở liên doanh có vốn đầu tư của nước ngoài đã tuyển hơn 10 000 người vào làm việc. Tùy theo công việc, các xí nghiệp có thể nhận hợp đồng dài hạn, ngắn hạn hay mùa vụ. Với cách làm này, Công ty kỹ nghệ súc sản Việt nam thu hút 2800 lao động, Xí nghiệp Legamex 2 900, Xí nghiệp thuốc lá Hoa cúc 250, Xí nghiệp mỹ phẩm Như ngọc 150 lao động. Ngoài ra, Tổ hợp sản xuất Minh phụng, Xí nghiệp đông lạnh Hùng vương... qua việc hợp tác lao động tại chỗ với nước ngoài, đã nhận hàng ngàn người vào làm việc. Mức thu nhập ở các công ty, xí nghiệp này khá cao, bình quân mỗi người 150 000 – 200 000 đồng/tháng. Nhờ có thu nhập cao, chế độ khuyến khích lợi ích vật chất thích đáng, các cơ sở sản xuất nói trên đã thu hút được một đội ngũ lao động có trình độ kỹ thuật cao, tay nghề vững.

Việc từng bước đô thị hóa các huyện ngoại thành, mở rộng các điểm phục vụ thương nghiệp, phát triển các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp trong nông thôn, cũng tạo không ít công ăn việc làm cho người lao động. Bằng việc khai thác tiềm năng và thế mạnh về thương nghiệp, dịch vụ du lịch, chế biến hàng xuất khẩu v.v. nhiều quận nội thành đã giải quyết tốt vấn đề việc làm cho nhân dân trong quận. Nhiều quận trong hai năm 1988, 1989 đã giải quyết công việc làm cho từ 6 000 đến gần 10 000 người.

Thông qua việc giúp đỡ phát triển kinh tế gia đình như chăn nuôi bò sữa, lợn, gà, làm hàng mỹ nghệ xuất khẩu, mây, tre, mộc, thêu... nhiều phường xã đã tạo thêm công ăn việc làm cho không ít gia đình có người thuộc đối tượng giảm biên chế, già yếu, tàn tật... Để giải quyết việc làm cho người tàn tật, thành phố còn tổ chức xí nghiệp cho người tàn tật. Xí nghiệp người tàn tật của thành phố hiện có 60 lao động thì 75% là người tàn tật. Năm 1989, xí nghiệp này đã đóng góp cho xã hội 19 640 mét chiếu, 6 800 000 chiếc măng mủ cao su, 115 bộ bàn ghế mộc và mây xuất khẩu. Hiện nay xí nghiệp đã tự nuôi sống được mình và đang tiếp tục nhận thêm người vào làm.

Đưa dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở Duyên hải, Đắc nông, Sông bé, và Tây nguyên, cũng là một hướng quan trọng để giải quyết việc làm cho nhân dân thành phố. Năm 1989 số hộ sống trên hè đường được đưa đi xây dựng vùng kinh tế mới là 309 hộ, 1414 nhân khẩu, đạt 123% kế

Digitized by Google

hoạch. Tuy nhiên đến nay vẫn còn 2/3 số dân sống trên hè đường chưa được tổ chức đưa đi. Để tiếp tục đưa thanh niên và người dân chưa có việc làm đến vùng kinh tế mới, thành phố đang đầu tư xây dựng thêm các công trình công cộng, nhà ở, nhà trẻ, mẫu giáo, đường giao thông và cấp một phần kinh phí phục vụ khai hoang. Hình thức này vừa giải quyết được việc làm cho người lao động, vừa đưa được dân từ nội thành ra ngoại thành, làm cho mật độ dân số phù hợp với từng vùng, gắn lao động với đất đai, tạo ra sản phẩm ngày càng nhiều cho xã hội. Tuy nhiên, thành phố phải đầu tư khá lớn (năm 1988: 82 triệu đồng; năm 1989: 186 triệu đồng). Để một hộ định cư, bám trụ được ở vùng kinh tế mới cần khoảng 3,6 triệu đồng. Giải quyết việc này quả không dễ trong điều kiện ngân sách nhà nước hết sức eo hẹp như hiện nay.

Chất lượng nghề nghiệp của lực lượng lao động thành phố đang giảm sút nghiêm trọng. 95% lao động là thanh niên chưa có nghề nghiệp chuyên môn. Đây là con số báo động, là gánh nặng và nỗi trăn trở của thành phố. Kinh nghiệm thực tế cho thấy **muốn giải quyết tốt vấn đề việc làm cho người lao động thì công tác đào tạo, dạy nghề phải đi trước một bước**. Thành phố đang chỉ đạo các quận huyện củng cố cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên ở các trung tâm dạy nghề, xây dựng nội dung giáo án gắn liền với thực tế, đào tạo theo phương châm: **thời gian ngắn, chi phí giảm, bổ sung ngay vào dây chuyền sản xuất**. Cũng có trung tâm **vừa cho học nghề vừa kết hợp với sản xuất** để nhanh chóng nâng cao tay nghề và có thêm điều kiện vật chất cho người học. Các trung tâm dạy nghề đang được giao quyền chủ động như một đơn vị sản xuất kinh doanh độc lập và hạch toán riêng. Các trường lớp dạy nghề của tư nhân, của các hội và câu lạc bộ đang được xóa bỏ dần, thay vào đó xây dựng thêm các trường do địa phương và trung ương quản lý. Đó là con đường tránh các hiện tượng tiêu cực, tránh đào tạo trùng lắp, chồng chéo nhau. Đồng thời, hướng được các trường vào việc đào tạo những ngành nghề mà thành phố đang có nhu cầu: chế biến nông, hải sản; may mặc; dày da; dịch vụ; ngoại ngữ; tin học; đóng và sửa chữa tàu... Bên cạnh việc đào tạo theo yêu cầu của thực tiễn sản xuất và đời sống, các trung tâm dạy nghề của thành phố đang tích cực hướng nghiệp và dạy nghề cho những người trước tuổi lao động. Đây là việc làm hết sức quan trọng, chuẩn bị cho một đội ngũ lao động mới xã hội chủ nghĩa, nắm vững khoa học kỹ thuật và làm chủ phương tiện sản xuất, đưa đất nước đi vào quỹ đạo của thế giới văn minh.

Năm nay thành phố Hồ Chí Minh phấn đấu sắp xếp việc làm cho 91 000 người lao động, trong đó 62 000 người có việc làm ổn định. Mục tiêu đạt tới thật không dễ dàng. Trước hết, thành phố đang **tập trung giải quyết việc làm cho các đối tượng ưu tiên**: bộ đội xuất ngũ; thanh niên và học sinh phổ thông thôi học; số lao động hợp tác từ nước ngoài trở về; số người dôi ra từ khu vực nhà nước. Có thể nêu một vài con số. Hiện nay thành phố có 62,4 nghìn bộ đội xuất ngũ thì 17 nghìn chưa có việc làm ổn định; 65 nghìn học sinh phổ thông thôi học; 17 nghìn công nhân viên chức thôi việc; 26,5 nghìn người đạp xích lô; 15 nghìn người chữa xe đạp; hàng nghìn người bán vé số, xôi, chè... Đa số lực lượng lao động này còn trẻ. Tuổi dưới 30: 72%, dưới 35: 85%. Đặc biệt, có hơn 10 nghìn trẻ em từ 13 – 14 tuổi đăng ký xin việc làm.

Trong khó khăn phức tạp, nhiều quận huyện đã có biện pháp tốt về tổ chức, giải quyết việc làm. Đáng chú

Digitized by Google

ý là quận 10 đã huy động được nhiều nguồn vốn để tạo thêm công ăn việc làm như: đóng góp của nhân dân, trích ngân sách địa phương, tranh thủ sự chi viện của các đơn vị, phường xã và bản thân người được đào tạo. Quận đã chủ động liên kết với trung tâm dạy nghề và các cơ sở sản xuất để đào tạo xong là có thể đưa vào làm việc ngay. Kết quả là chỉ trong mấy tháng đầu năm nay, đã đào tạo được 95 thợ may, 100 thợ da giày bố trí vào làm việc ngay tại các xí nghiệp do quận quản lý. Tâm lý chung của các đối tượng ưu tiên là muốn làm việc ở những nơi có thu nhập cao, nhưng nhu cầu ở những nơi ấy lại có hạn, trình độ văn hóa và nghề nghiệp của một số người lại không đáp ứng được. Để giải quyết mâu thuẫn này, quận chú trọng công tác giáo dục, xác định ý thức chọn ngành nghề. Nhờ vậy mà một số người lúc đầu cho là chưa bố trí phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của mình, sau đó đã thật sự yên tâm và làm việc tốt.

Từ bài học và kinh nghiệm của quận 10, các quận huyện khác trong thành phố cũng đang giải quyết có kết quả việc làm cho các đối tượng ưu tiên. Trung tâm cung ứng và dịch vụ lao động, ngoài nhiệm vụ dạy nghề miễn phí cho hơn 500 bộ đội xuất ngũ, đã bố trí được việc làm cho hơn 1000 người và hỗ trợ trên 20 triệu đồng cho các quận huyện và trung tâm dạy nghề. Khó khăn và thử thách còn nhiều, nhưng bước đầu của năm 1990 này, cùng với 300 triệu đồng quyên góp của các quận huyện, thành phố đã chi 600 triệu đồng để tăng thêm cơ sở vật chất cho các trung tâm dạy nghề, đào tạo và giải quyết việc làm tốt hơn cho các đối tượng ưu tiên.

Hiện nay, các quận huyện trong thành phố đang tổ chức điều tra, nắm lại số lượng, cơ cấu, tuổi đời, trình độ văn hóa, nghề nghiệp của bộ đội, thanh niên xung phong xuất ngũ. Từ đó phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch đào tạo, bố trí việc làm cho họ ngay trên địa phương mình.

Mặc dù thành phố Hồ Chí Minh đã rất cố gắng trong việc giải quyết vấn đề việc làm cho nhân dân thành phố, nhưng đây vẫn là một vấn đề xã hội gay gắt, chỉ có thể giải quyết hoàn toàn khi tình hình kinh tế – xã hội chung của đất nước có sự cải thiện căn bản. Trước mắt, với sự nỗ lực của các cấp ủy đảng và chính quyền thành phố, với sự quan tâm chung của toàn xã hội, việc giải quyết việc làm cho nhân dân thành phố có thể có những chuyển biến mới, đáp ứng tốt hơn nguyện vọng của người dân lao động thành phố Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

CẤP ỦY ĐI ĐÂU ?!

NHỊ LÊ

— CẤP ủy đi đâu ?

Một câu hỏi có thể là sự bắt đầu cho một cuộc tranh luận. Nhưng theo tôi, vẫn cứ phải đặt ra, phải hỏi, hỏi cho ra nhẽ, chứ không thể ngoảnh mặt làm ngơ hoặc phủi áo khoanh tay. Bởi đó đây đã từng xảy ra những chuyện thật, khẩn thiết kêu gọi sự có mặt của cấp ủy (và dĩ nhiên, của tất cả những ai quan tâm), song rất đáng buồn và đáng trách, trong một số trường hợp như thế, cấp ủy lại cố tình... vắng mặt.

Tấm thẻ đảng viên của một... « người ngoài đảng »

Chuyện bắt đầu từ tháng 3-1989. Có **một đảng viên** ở chi bộ 8, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba đình, **Hà nội, đi kiện.**

Anh đã kiện bảy tám trăm ngày, khắp từ thành xuống quận và gõ cửa cầu cứu cả những tờ báo — theo anh — là có « tầm cỡ » và « có thẩm quyền », « đáng tin cậy ». Người đảng viên đi kiện ấy đã **bị khai trừ ra khỏi đảng và trở thành một « người ngoài đảng »** kể từ ngày 14-11-1989, ngày công bố quyết định kỷ luật do đồng chí ủy viên thường vụ, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra quận ủy Ba đình, ký (?!).

Người đảng viên nêu trên kiện đúng hay sai, và quyết định khai trừ anh ra khỏi đảng là sai hay đúng, tôi không có ý định bàn tới trong bài viết này, ở đây chỉ muốn lưu ý bạn đọc một chuyện rất thật mà cứ như đùa trong công tác xây dựng đảng.

Ngày 21-2-1990, tôi lại tiếp (sau nhiều lần gặp) người đảng viên từng đi kiện ấy tại tòa soạn. Chưa kịp nói câu thăm hỏi, anh vào chuyện ngay :

— Anh đi công tác xa lâu, chắc chưa biết tôi vừa bị khai trừ ra khỏi đảng, ngày 14-11-1989 vừa qua.

— Dạ, tôi biết đã hơn hai tuần nay.

— Nhưng, anh có tin không ? — chẳng đợi tôi nói câu thứ hai, anh xin lỗi xen ngang. — Thế mà tôi vẫn giữ tăm « Thẻ đảng viên » đấy ! Đây, xin mời anh xem !

Tôi sửng sốt :

— Sao lại thế hở anh ? Làm gì có chuyện kỳ cục vậy !?

Anh ấy thản nhiên :

— Phiên họp cuối cùng của tôi trong đảng là nghe quyết định khai trừ tôi ra khỏi đảng. Thú thật, lúc bấy giờ tôi suýt bật khóc và... uất lắm. Nhưng thôi, nhắc lại làm gì. Sau đó ít hôm, tôi lên quận ủy, xin gặp đồng chí bí thư, trao trả thẻ đảng cho đồng chí ấy. Nhưng, anh biết không, đồng chí ấy nói : « Thôi anh cứ giữ lấy, chúng tôi sẽ xem xét lại ». Thế là tôi tiếp tục giữ. Đơn giản vậy. Đã trở thành một « người ngoài đảng » nhưng lại vẫn được giữ thẻ đảng viên. Tôi rất buồn và thấy rất lạ. Buồn nhất là

Digitized by Google

cho đến nay tôi vẫn chưa biết vì sao mình bị khai trừ ra khỏi đảng.

Ngừng giây lát như để lấy lại sự trấn tĩnh, anh trầm xuống:

— Tôi cũng đã đến gặp đồng chí bí thư thành ủy tới hai lần. Đồng chí ấy hứa: « Tôi sẽ quan tâm việc này của đồng chí ». Tôi yên lòng trở về và chờ đợi ở lời hứa ấy.

Bẵng đi, gần bảy tháng sau, ngày 12-9-1990 mới đây, tôi đến thăm anh. Vừa rót nước mời tôi, anh vừa cười lớn:

— Không rõ các đồng chí bí thư thành ủy và bí thư quận ủy có nhớ lời hứa của mình không. Hơn hai trăm ngày vẫn im lìm. Báo **Pháp luật** đã gửi tới Quận ủy Ba đình công văn số 60/PL, ngày 24-10-1989, đề nghị đồng chí bí thư quận trả lời trước bạn đọc. Song thật im lìm. À mà lần trước tôi quên nói với anh, báo **Quân đội nhân dân**, số ra ngày 22-1-1990, cũng đã đăng bài nói về việc của tôi, với đầu đề « Dùng tổ chức để trù dập cán bộ, đảng viên ». Người ta cũng im lìm nốt.

Tôi hỏi:

— Thế anh vẫn giữ tấm thẻ đảng viên chứ?

— Thì nào có ai đến thu đâu mà tôi chả giữ. Anh chờ tôi một phút.

Đoạn anh bê ra cả một hộp nhỏ đầy ắp giấy tờ, và rút ra tấm thẻ đảng viên:

— Anh xem giúp thử xem có đúng không? Chắc không phải là của rởm đâu!

Tôi đón hai tay và mở tấm thẻ:

— Vàng! Đúng! Rất đúng! Số thẻ: 1403691 — tôi nhẩm đọc từng con số cho chắc nhớ. — Chà, chữ nghĩa còn rõ lắm. Tôi bao quát một lượt: Họ và tên: Đỗ Gia Cường; sinh ngày 16-4-1944; quê quán: Phương hưng, Tứ lộc, Hải hưng; vào Đảng ngày 12-2-1968; chính thức ngày 30-1-1969; cấp lại: Hai Bà Trưng, thành phố Hà nội, ngày 2-9-1981.

Và một người ngoài đảng... điều khiển cuộc họp đảng

Chuyện xảy ra ở một miền quê, cách thủ đô ta không xa lắm, chưa đầy 50 km. Hai thôn Bằng giã và Tân hưng (thuộc xã Tân việt, huyện Cẩm bình, Hải hưng), chỉ vì bất đồng trong điều chỉnh, chia chác đất đai, mà xảy ra xô xát lớn, đài báo đưa tin từ nhiều ngày nay, vẫn chưa dứt. Dân tình hai thôn thiệt hại không nhỏ, xem ra chẳng sót một phương diện nào: hao người, tổn của, sứt mẻ nghĩa tình truyền thống, chưa biết đến bao giờ mới bù đắp, hàn gắn nổi! Tổn thất càng không nhỏ, nếu xét về phương diện đảng: chung quanh vụ xô xát, 38 trong số 92 đảng viên của chi bộ thôn Tân hưng bị khai trừ. Vì sao? Đúng chăng? Và đã thật hết chưa? Về những điều này, xin khoan chưa bàn tới ở đây.

Những tưởng rằng, kỷ luật như trên đã chuẩn, là xong. 38 đảng viên ra khỏi đảng. Nghĩa là, chi bộ thôn Tân hưng kia chỉ còn 54 đảng viên thôi...

Nhưng ai dè, chẳng biết cái quyết định kỷ luật kia của huyện ủy Cẩm bình có hiệu lực tới mức nào, chỉ thấy: ba ngày sau đó, 38 đảng viên đã bị khai trừ vẫn cùng với 54 đảng viên còn lại họp... chi bộ, rất bình thường và điềm nhiên. Và càng không dè, mặc dù đã không còn là đảng viên, người vừa bị khai trừ nguyên là bí thư chi bộ, lại được chi bộ bầu lại làm bí thư trong chính phiên họp ấy và tiếp tục điều khiển cuộc họp của chi bộ, như không có chuyện gì xảy ra cả! (*).

(*) Khi tôi viết đến đây thì hay tin, ở Tân hưng, vấn đề này đã được xử lý. Nhưng dù sao tôi vẫn thấy cứ cần nêu ra, với hy vọng đừng bao giờ để tái diễn những chuyện kiểu này nữa.

Digitized by Google

TỪ KIÊN GIANG THẤY CÌ QUA MỘT VỤ ÁN BUÔN LẬU

LÊ TỊNH

GỌI cho đúng tên là vụ án buôn lậu hàng ngoại qua biên giới do Huỳnh Bỉnh Phước (còn gọi là Bỉnh Hoạt) và Nguyễn Việt Quang cầm đầu. Thực ra đây là hai vụ buôn lậu gộp làm một để xét xử, vì chúng có liên quan chặt chẽ với nhau về tiền, vàng, về tính chất và con người.

Chỉ trong một thời gian ngắn, Huỳnh Bỉnh Phước, một tư thương cỡ bự, có nhiều mánh lới gian manh, và Nguyễn Việt Quang, một cán bộ nguyên thường vụ huyện ủy, bỏ ra khoảng 4 triệu đô la, 545 lượng vàng và 8 ki lô gam vàng, đã vượt biên mua lậu về 3,54 triệu bao thuốc lá ngoại; 12 265 thùng bia lon ngoại, 1919 đầu máy viđêô, 3 858 cát xét, 1301 máy thu hình, 27 000 băng viđêô... Qua « phi vụ » này, Bỉnh Hoạt và Việt Quang cùng đồng bọn đã thu về cho cá nhân hàng tỷ đồng gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Tội của chúng đã bị tòa án tỉnh Kiên giang trừng trị đích đáng, đúng người, đúng tội.

Không chỉ ở phía nam mà dư luận cả nước quan tâm theo dõi vụ án. Đó là vì việc này được coi là đột phá khẩu đầu tiên mở màn cho chiến dịch đấu tranh chống buôn lậu trong cả nước. Tỉnh Kiên giang đã cố gắng và khẩn trương tiến hành chuẩn bị và đưa vụ án ra xét xử công khai. Điều này đáp ứng chỉ thị của Hội đồng bộ trưởng và lòng mong đợi của nhân dân cả nước.

Vụ buôn lậu nói trên mặc dù là vụ án lớn nhất được đem ra xét xử công khai, song đó chỉ là một trong hàng nghìn vụ buôn lậu hàng ngoại trong vài năm qua. Hầu hết những vụ này đều không bị phát hiện và xử lý. Chúng ta đều biết, Kiên giang có hàng trăm kilômét biên giới trên bộ và trên biển với nước láng giềng. Hoạt động buôn lậu trên bộ đã khó kiểm soát, trên mặt biển trải dài hai trăm dặm lại càng khó kiểm soát gấp bội ! Đó cũng là điều kiện tự nhiên khiến vùng này trở thành nơi buôn lậu hàng ngoại nhộn nhịp, quy mô lớn.

Tư nhân buôn lậu đã phức tạp rắc rối. Cơ quan đoàn thể buôn lậu càng phức tạp hơn, vì người ta có đủ giấy tờ, ô dù làm bùa hộ mệnh. Ngay tại kỳ họp Quốc hội tháng 6 năm 1989, đã có một bản báo cáo về thực trạng buôn lậu của các cơ quan, đoàn thể, bao gồm quân, dân, chính, đảng. Như vậy, chúng ta đã sớm phát hiện buôn lậu hàng ngoại là một hiểm họa, là quốc nạn. Cơ quan quyền lực cao nhất đã chính thức lên án. Vậy mà một năm sau, tại kỳ họp Quốc hội tháng 6 năm 1990, các đại biểu lại phải đau lòng xác nhận sự gia tăng

Digitized by Google

dữ dội của việc buôn lậu trong các cơ quan đoàn thể. Riêng tại thành phố Hồ Chí Minh, số hàng ngoại nhập lậu 6 tháng đầu năm 1990 đã tăng gấp 9 lần so với 6 tháng cuối năm 1989! Thậm chí sau khi có lệnh cấm nhập thuốc lá ngoại, bọn buôn lậu ở Tây ninh còn trắng trợn mang theo cả vũ khí. Ngay những văn kiện chính thức được trình bày tại phiên tòa Kiên giang cũng cho thấy, tư nhân núp bóng cơ quan đoàn thể hoặc cơ quan đoàn thể buôn lậu, là hiện tượng phổ biến và nghiêm trọng. Nhưng tòa án Kiên giang đã không xử lý nghiêm túc tất cả những người và tổ chức có liên quan đến vụ án. Điều này khiến dư luận không đồng tình. Hy vọng sau phiên tòa sẽ có những biện pháp kiên quyết.

Buôn lậu hàng ngoại bao giờ cũng phải dùng đô la và vàng. Đó là những phương tiện quan trọng để bảo vệ và phát triển kinh tế. Nước nào cũng vậy cả. Trong lúc nước ta còn đang rất thiếu vàng và ngoại tệ mạnh, thì riêng Kiên giang mỗi ngày đã để chảy máu vàng hàng trăm lượng! Vụ án Bình Họt nói trên là một bằng chứng. Thử hỏi vàng và đô la (đô la cũng chuyển đổi thành vàng) ấy từ đâu ra? Có thể nói chắc chắn rằng phần lớn số vàng và đô la buôn lậu ở những nơi như Kiên giang, là có liên quan tới một số vụ việc từ nhiều năm trước. Chúng ta không nhắc lại cái gọi là « phương án II ». Nhưng không thể phủ nhận một sự thật: việc dùng vàng và đô la để buôn lậu tùm lum vừa qua là do hậu quả của việc quản lý vàng một cách quá lỏng lẻo, vô trách nhiệm và dây rẫy sơ hở thiếu sót của các cấp trong thời gian trước đây. Cái nguy hại của nạn buôn lậu hàng ngoại hiện nay hẳn có liên quan tới những người đã chiếm dụng bất hợp pháp những số lượng lớn vàng trước đây! Không đáng truy cứu trách nhiệm hay sao?

Buôn lậu thường kèm theo tham nhũng. Chỉ có hối lộ, tham nhũng mới qua mắt được mọi khâu chức năng, mới trốn thuế lậu thuế. Nhờ buôn lậu, một số người giàu sụ, thừa thãi tiền vàng, lũng đoạn quyền lực. Bất công xã hội bắt nguồn từ đó. Một số ít người có thể ăn nhậu một lần cả triệu đồng, quà biếu cả chục triệu đồng, để ngoài sổ sách cả trăm triệu đồng. Trong khi đa số người lao động chắt chiu từng đồng, ăn bát cháo trắng 100 đồng, mua vài nhánh hành 50 đồng! Nhiều cán bộ ở Kiên giang đã đi vào con đường sa ngã. Vừa qua, 12 tỉnh ủy viên và một loạt huyện ủy viên bị xử lý kỷ luật. Đây là kết quả bước đầu của cuộc đấu tranh nội bộ. Tuy nhiên, sự mất mát về cán bộ trong thời gian qua là sự trả giá lớn nhất của địa phương từ trước tới nay. Ngay thời chống Mỹ ác liệt nhất cũng không đến nỗi mất mát như thế. Mất cán bộ và mất lòng tin trong nhân dân. Đây là bài học lớn nhất của Kiên giang. Phải chăng đó cũng không chỉ ở Kiên giang?

Vụ án Bình Họt, Việt Quang đã được xét xử. Cái nhọt bọc đã được mổ xẻ. Chúng ta đã dám đưa con dao mổ vào nơi nguy hiểm chết người. Nhưng phẫu thuật xong chưa phải là hết việc. Mà đây chỉ mới là bắt đầu những công việc cần thiết hơn. Đó là làm gì đây để chặn đứng hoạt động buôn lậu, trong khi buôn lậu vẫn là miếng mồi cuốn hút nhiều người? Buôn lậu vẫn dễ kiếm tiền hơn là sản xuất! Cả nước đều biết Kiên giang là tỉnh có nhiều thế mạnh: lúa, biển, rừng, khoáng sản, cây công nghiệp, du lịch... Hiếm có nơi nào lại nhiều thế mạnh như thế. Nhiều đồng chí có trách nhiệm của tỉnh nói: tỉnh có xác định cơ cấu sản xuất, nếu quyết tâm đầu tư, đúng hướng, khai thác được thế mạnh của tỉnh, thì tình hình không thể bi đát như hiện nay.

Digitized by Google

Một lần nữa, đây cũng không chỉ là vấn đề của Kiên giang. Đành rằng một số địa phương rất thiếu vốn, ngân sách thâm hụt, đời sống cán bộ, công nhân, giáo viên rất khó khăn, từ đó lấy buôn lậu làm cứu cánh! Nhưng buôn lậu để xây dựng ngân sách thì khác nào uống thuốc độc để trị bệnh! Cũng có trường hợp, nhờ buôn lậu mà nơi nào đó, người nào đó giàu lên. Nhưng nền sản xuất cả nước thì điêu đứng! Không đâu bằng ở đây, lợi ích cục bộ, địa phương đang xung đột gay gắt với lợi ích cả nước.

Chừng nào không chặn đứng được hàng ngoại nhập lậu thì hàng trăm xí nghiệp, hàng nghìn tổ sản xuất, hàng vạn người lao động không có việc làm, ngân sách nhà nước vẫn thâm hụt, kinh tế đất nước vẫn không thoát khỏi khủng hoảng. Quan trọng hơn, buôn lậu không còn chỉ mang tính chất kinh tế đơn thuần. Buôn lậu đang làm tha hóa đội ngũ cán bộ từ thấp chí cao, vô hiệu hóa ngay cả hệ thống cơ quan cán bộ chống buôn lậu! Buôn lậu đang tạo kẽ hở nghiêm trọng trên mặt trận an ninh quốc phòng. Buôn lậu đang gây nhiều phức tạp cho hoạt động bình thường của kinh tế đối ngoại. Đã đến lúc cần kết hợp đồng bộ các biện pháp hành chính, pháp luật, tổ chức, kinh tế, chính trị, quân sự từ trung ương đến địa phương. Quan trọng là làm sao có sự chuyển biến căn bản trong các cơ quan đảng và chính quyền nhà nước các cấp, nhất là các tỉnh biên giới đường bộ và ven biển ở phía bắc cũng như ở phía nam.

ĐẢNG VỚI TRÍ THỨC...

(Tiếp theo trang 66)

lại quy chế, chế độ, chính sách đối với trí thức về tất cả các mặt: tiền lương, nhà ở, nhuận bút, cung cấp thông tin, bảo đảm các điều kiện làm việc, xuất bản công trình, sinh hoạt và trao đổi khoa học ở trong nước và quốc tế... để họ yên tâm làm việc và phát huy hết tài năng của mình. Ở đây cần tránh ba khuynh hướng sau: **Thứ nhất**, tư tưởng bình quân, cào bằng giữa lao động trí óc và lao động chân tay, không thấy được chức năng đặc biệt của trí thức. **Thứ hai**, tư tưởng bình quân hóa ngay trong đội ngũ trí thức, không thấy được sự khác nhau về tính chất lao động giữa các nhóm trí thức. Thông thường trong cách đánh giá về chính sách đãi ngộ, trí thức sáng tạo vẫn bị đồng nhất với trí thức viên chức nên không kích thích được tiềm năng sáng tạo ở họ. **Thứ ba**, tư tưởng đẳng cấp phong kiến trong hoạt động và sinh hoạt khoa học. Không ít hội nghị khoa học vẫn được tổ chức theo kiểu « triều đình »; các vị « chức sắc » được phát biểu trước, nếu còn thời gian thì mới đến lượt « dân chúng ». Khi cử người đi trao đổi, hội thảo ở nước ngoài, nhiều trường hợp chỉ căn cứ vào chức vị chứ không dựa vào nội dung khoa học của đề tài để xem ai xứng đáng.

– Xây dựng một cơ chế tự đào thải, tự đổi mới đội ngũ trí thức. « Khoán 10 » chính là cơ chế tuyển lựa người làm nghề nông giỏi. Qua thực hiện khoán 10, mới biết rõ, có nhiều người tuy mang danh là nông dân nhưng không biết làm ruộng. Theo tôi, cần xây dựng một « cơ chế khoán » tương tự đối với trí thức, nhằm thực hiện trên thực tế nguyên tắc « làm theo năng lực, hưởng theo lao động ». Cần định rõ tiêu chuẩn nghiên cứu khoa học đối với các chức danh khoa học (thí dụ như tiêu chuẩn về số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu của các giáo sư và phó giáo sư hằng năm).

Digitized by Google

Chủ nghĩa xã hội dân chủ trước tấm gương lịch sử

XUÂN ANH *

CHỦ nghĩa xã hội dân chủ (democratic socialism), hay còn gọi là chế độ dân chủ xã hội (social democracy), đang được dư luận quốc tế chú ý, coi như một mốt mới trên trường chính trị. Thậm chí có người còn tô vẽ, gán cho nó bao điều tốt đẹp: nào là «con đường thứ ba để thoát khỏi cuộc khủng hoảng của thế giới hiện đại», nào là «niềm hy vọng thực sự của chủ nghĩa xã hội», nào là đang có «sự hội tụ» giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội dân chủ, v.v. và v.v.

Để góp phần làm sáng tỏ thực chất của chủ nghĩa xã hội dân chủ hiện đại, chúng ta cần xem nét nó trong thực tiễn của lịch sử, với thái độ khách quan và khoa học.

1 — Chủ nghĩa xã hội dân chủ, một trào lưu tư tưởng, một phong trào rộng lớn.

Chủ nghĩa xã hội dân chủ ra đời từ nửa cuối thế kỷ 19, giữa lúc phong trào công nhân ở các nước châu Âu phát triển mạnh mẽ chống sự thống trị hà khắc của chủ nghĩa tư bản. Nhiều đảng xã hội chủ nghĩa và dân chủ xã hội lần lượt được thành lập, trong đó đảng dân chủ xã hội Đức đóng vai trò lớn. Lát-xan, Béc-xtanh, Cau-xky là những lãnh tụ chính của phong trào này.

Lúc đầu, phong trào này ít nhiều chịu ảnh hưởng tích cực của chủ nghĩa Mác, song dần dần chủ nghĩa cải lương, thỏa hiệp đã chiếm vai trò thống trị trong phong trào này cũng như trong Quốc tế thứ hai sau khi Ăng-ghen mất. Lê-nin là người đóng vai trò quan trọng nhất trong cuộc đấu tranh phê phán tính chất cải lương của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Đặc biệt, Người đã lên án những người dân chủ xã hội tán thành chính sách của các thế lực đế quốc gây ra cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, dẫn đến sự tan rã của Quốc tế thứ

(*) Vụ trưởng, Ban đối ngoại Trung ương Đảng

Digitized by Google

hai. Cánh tả trong các đảng xã hội chủ nghĩa và dân chủ xã hội đã tách ra thành lập các đảng cộng sản, sau này tập hợp trong Quốc tế thứ ba do Lê-nin lãnh đạo. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, trước hiểm họa chủ nghĩa phát xít, nhiều người dân chủ xã hội đã hợp tác với những người cộng sản trong mặt trận chống phát xít, số ít còn lại thỏa hiệp với thế lực phát xít.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào dân chủ xã hội khôi phục và phát triển thành một lực lượng lớn. Năm 1951, Quốc tế xã hội chủ nghĩa, tổ chức quốc tế của các đảng xã hội chủ nghĩa và dân chủ xã hội, được thành lập, tuyên bố phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội, song trên thực tế, trong thời gian dài của thập kỷ 50 và 60, họ phụ họa với chính sách chiến tranh lạnh của chủ nghĩa đế quốc, chống chủ nghĩa cộng sản và hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Từ thập kỷ 70, trước những thay đổi lớn trên thế giới (sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật ; sự hình thành thế cân bằng mới về lực lượng giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ; sự lớn mạnh của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào vì hòa bình, dân chủ ; sự xuất hiện những vấn đề nóng bỏng toàn cầu ; sự khủng hoảng của các thể chế chính trị...), Quốc tế xã hội chủ nghĩa có bước chuyển mới, đánh dấu bằng « chính sách phương Đông » do Uy-li Bren, chủ tịch Quốc tế xã hội chủ nghĩa, đề xướng.

Hiện nay, Quốc tế xã hội chủ nghĩa gồm 77 đảng thành viên, có khoảng 16 triệu đảng viên, thu hút khoảng 200 triệu cử tri, nắm nhiều công đoàn và các tổ chức quần chúng khác ở nhiều nước tư bản phát triển. Nhiều đảng xã hội chủ nghĩa và dân chủ xã hội tham gia chính quyền, đóng vai trò quan trọng trong đời sống chính trị ở một số vùng như Bắc Âu, Tây Âu..

2—Chủ nghĩa xã hội dân chủ hiện đại và bản chất cải lương của nó.

Chủ nghĩa xã hội dân chủ theo « thuyết đa nguyên chính trị », « thuyết đề ngỏ », nên không thuần nhất và nhất quán. Nó rất đa dạng và phức tạp, pha trộn nhiều xu hướng từ tả sang hữu, có nhóm đại diện cho lợi ích của các tầng lớp lao động và trung gian, lại có nhóm đại diện cho giai cấp tư sản. Tính chất cơ hội, cải lương, là đặc trưng xưa nay của trào lưu này. Dẫu cho chủ nghĩa xã hội dân chủ hiện đại có những điều chỉnh tích cực phù hợp với xu thế của thời đại mới, tính chất cải lương của nó vẫn thể hiện rất rõ: **không xóa bỏ chủ nghĩa tư bản mà chỉ cải lương chủ nghĩa tư bản**, làm cho chủ nghĩa tư bản có bộ mặt dân chủ và nhân đạo hơn, bằng những cải cách hòa bình, thỏa hiệp giai cấp, từ bỏ đấu tranh giai cấp, đấu tranh cách mạng nhằm thiết lập chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là chỗ khác nhau cơ bản giữa chủ nghĩa xã hội dân chủ và chủ nghĩa cộng sản khoa học. Do đó, không thể có « sự hội tụ » giữa hai chủ nghĩa đó. Tuy rằng, trong hoàn cảnh quốc tế hiện nay, giữa những người cộng sản và những người dân chủ xã hội có nhiều điểm gần gũi, có thể phối hợp với nhau trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Theo những người dân chủ xã hội, từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, thế giới chia làm hai hệ thống : chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản. Hai hệ thống đó đấu tranh gay gắt, gây nên tình hình căng thẳng. Và cả hai hệ thống đều gặp khủng hoảng nghiêm trọng, không giải quyết nổi những vấn đề mâu thuẫn của thời đại. Chủ nghĩa tư bản, với kinh tế

Digitized by Google

thị trường, tỏ ra rất năng động, nhưng vẫn không sao thoát khỏi khủng hoảng chu kỳ, không sao khắc phục nổi tình trạng thất nghiệp, bất công trong xã hội. Còn chủ nghĩa cộng sản, dựa trên nền kinh tế kế hoạch, tập trung quan liêu, cũng vấp phải khủng hoảng kinh tế, và mất dân chủ về chính trị. Theo họ, chủ nghĩa xã hội dân chủ là « con đường thứ ba », giải pháp duy nhất để thoát khỏi khủng hoảng. Tuyên ngôn của Quốc tế xã hội chủ nghĩa năm 1983 viết : « Trong thời đại biến động của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, hệ tư tưởng dân chủ xã hội là hệ tư tưởng duy nhất có thể mang lại niềm hy vọng cho các dân tộc trong thế giới thứ ba và các nước công nghiệp hóa ».

Những người dân chủ xã hội hiện đại chủ trương xây dựng một thế giới hòa bình, một xã hội công bằng, tự do, tôn trọng nhân quyền của mọi người trên cơ sở kết hợp điểm trội của chủ nghĩa tư bản với chế độ xã hội chủ nghĩa, kết hợp « chủ nghĩa tư bản có nền kinh tế mạnh » với « phong trào công đoàn mạnh », như một chính khách dân chủ xã hội Thụy điển từng nói.

Chúng ta có thể hình dung trên những nét lớn mô hình chủ nghĩa xã hội dân chủ mà Quốc tế xã hội chủ nghĩa nêu lên, như sau :

Về **đối ngoại**, thực hiện chính sách hòa bình, hợp tác giữa các nước ; từng bước giải trừ quân bị ; giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp chính trị ; chống sự thống trị của các siêu cường ; quan tâm đến nguyện vọng độc lập dân tộc của thế giới thứ ba ; cải thiện quan hệ kinh tế Bắc – Nam ; bảo vệ môi trường sống...

Về **đối nội**, duy trì nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa với nhiều thành phần hỗn hợp, trong đó thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa đóng vai trò chính ; thi hành sự điều tiết lớn của nhà nước ở tầm vĩ mô, như chính sách đầu tư, xuất nhập khẩu, tiền tệ, thuế, đào tạo, nghiên cứu... ; thiết lập chế độ phúc lợi xã hội phổ cập ; nhà nước đóng vai trò trung gian hòa giải trong tranh chấp lao động và tư bản nhằm ổn định trật tự xã hội.

Tùy theo tình hình cụ thể ở mỗi nước, mỗi đảng, mà chủ nghĩa xã hội dân chủ có những màu sắc riêng.

3 — Chủ nghĩa xã hội dân chủ, không phải là lối thoát.

Chúng ta không phủ nhận những đóng góp tích cực của một số lãnh tụ nổi tiếng của Quốc tế xã hội chủ nghĩa như Uy-li Bren, Ô-lốp Pan-mơ ; chúng ta cũng không phủ nhận những đóng góp tích cực của những người xã hội chủ nghĩa và dân chủ xã hội ở nhiều nước trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, an ninh, hợp tác quốc tế cũng như trong sự nghiệp xây dựng kinh tế và quản lý xã hội ở một số nước mà họ có ảnh hưởng lớn. Chủ nghĩa xã hội dân chủ hiện đại không chỉ dừng ở mặt lý luận mà còn in dấu ấn sâu sắc trong xã hội ở không ít nơi. Không phải ngẫu nhiên, hiện nay chúng ta thường nghe nói tới mô hình chủ nghĩa xã hội dân chủ Thụy điển, Phần lan, Áo, Tây Đức, Pháp... Ai cũng biết đấy là những nước có nền kinh tế phát triển cao, có chế độ phúc lợi xã hội tương đối phổ cập, có khá nhiều quyền dân chủ mà quần chúng lao động được hưởng, có chính sách đối ngoại tích cực... Nhưng có điều cần lưu ý là những thành tựu đó không chỉ là công lao riêng của những người xã hội chủ nghĩa và dân chủ xã hội. Đó là công lao chung của cả phong trào đấu tranh kiên trì, rộng lớn của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước ấy ; chưa kể tác động khách quan rất lớn của thời đại.

Digitized by Google

Hơn nữa, không nên quên **mặt hạn chế của chủ nghĩa xã hội dân chủ.** Với bản chất cải lương, không động chạm đến những cơ sở chủ yếu trong cơ chế kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội dân chủ không thể giải quyết những mâu thuẫn đối kháng của chủ nghĩa tư bản. Thực tế cho thấy, ở các nước do những người xã hội chủ nghĩa và dân chủ xã hội cầm quyền, giai cấp tư sản không hề suy yếu đi mà còn mạnh và giàu thêm, trong khi đó giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiếp tục bị bóc lột và chịu thiệt thòi về nhiều mặt, không có tiếng nói quyết định trong những vấn đề quốc kế dân sinh. Ở Thụy điển, sau nửa thế kỷ cầm quyền hầu như liên tục của những người dân chủ xã hội, 1% gia đình giàu chiếm 16% của cải cả nước. Ở Pháp, sau 8 năm cầm quyền của đảng xã hội chủ nghĩa, tổng thống Mít-tơ-răng thú nhận: khoảng cách giữa người giàu và người nghèo càng rộng thêm; trên 2 triệu người thất nghiệp, hàng chục triệu người sống dưới mức tối thiểu.

Chính sách của các chính phủ thuộc các đảng xã hội chủ nghĩa và dân chủ xã hội luôn luôn chịu hai sức ép: một của giai cấp tư sản đòi bảo đảm lợi nhuận tối đa; một của nhân dân lao động đòi bảo đảm các quyền dân sinh dân chủ, đòi bảo đảm công bằng xã hội. Trong hoàn cảnh như vậy, để duy trì ảnh hưởng của mình, các chính phủ đó khó có thể thi hành biện pháp nào khác ngoài biện pháp thỏa hiệp, cố gắng dung hòa đòi hỏi của hai bên. Nhưng làm sao có thể dung hòa được. Kết quả là, như thực tế cho thấy, các chính phủ đó thường khuất phục trước sức ép của giai cấp tư sản, hy sinh lợi ích của quần chúng lao động. Lâu nay, mô hình Thụy điển được xem như một thành công của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Thế nhưng, hiện nay nó đang đứng trước thử thách lớn. Chính phủ của những người dân chủ xã hội Thụy điển đang phải đối phó với những vấn đề rất nan giải: năng suất lao động giảm sút, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế thấp, ngân sách và cán cân thương mại tiếp tục thâm hụt... Trước sức ép của bộ phận có thế lực nhất trong giai cấp tư sản, chính phủ Thụy điển hiện nay đã phải thi hành chính sách thắt lưng buộc bụng, cải cách chế độ thuế có lợi hơn cho giới chủ, giảm bớt phúc lợi xã hội, kiềm chế bãi công và tăng lương... Chính sách đó đang gây bất bình lớn trong công đoàn và nhân dân lao động, vốn là cơ sở của Đảng dân chủ xã hội Thụy điển. Nhận xét về tình hình này, báo Pháp Lếch-xprét (L'Express) ngày 23-3-1990 có đăng bài với nhan đề «Ảo tưởng dân chủ xã hội» viết: «Cuộc khủng hoảng Thụy điển đang đe dọa ngấm ngầm toàn châu Âu, cho dù chính phủ mang màu sắc chính trị gì đi nữa... Những người xã hội chủ nghĩa cầm quyền ở từng nước, ở nhiều nước và ở tất cả các nước, đã không thay đổi được gì». Ở đó, chủ nghĩa tư bản vẫn tồn tại, sự bất công xã hội không hề mất đi.

Cũng như lý luận, thực tiễn lịch sử chứng tỏ rằng chủ nghĩa xã hội dân chủ ngày nay dù có mang màu sắc mới của chủ nghĩa cải lương, cũng không thể là thứ thuốc đặc trị đối với mọi thảm họa của chủ nghĩa tư bản, và càng không thể là thứ thuốc đặc trị đối với cuộc khủng hoảng hiện nay ở một số nước xã hội chủ nghĩa. Nói là «con đường thứ ba để thoát khỏi cuộc khủng hoảng của thế giới hiện đại», chủ nghĩa xã hội dân chủ thật ra trước sau vẫn luẩn quẩn trong quỹ đạo chủ nghĩa tư bản hiện đại. Muốn vượt khỏi quỹ đạo đó, không có con đường nào khác: tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác—Lê-nin

Digitized by Google



Qua sách báo nước ngoài

CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG CỦA CÁC DÂN TỘC TRÊN THẾ GIỚI LÀ CHIỀU HƯỚNG CƠ BẢN CỦA THỜI ĐẠI HIỆN NAY

Lời BBT : *Đại hội bất thường ĐCS Bồ-đào-nha họp từ 18 đến 20 tháng 5-1990 ở Lu-ro, ngoại thành Li-xboa, với chương trình thảo luận gồm 3 điểm :*

1 — Tình hình Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

2 — Tình hình chính trị và các triển vọng dân chủ ở Bồ-đào-nha.

3 — Lý tưởng cộng sản và sự thống nhất của ĐCS Bồ-đào-nha.

Chúng tôi trích một số đoạn trong bài phát biểu khai mạc của đồng chí **An-va-rô Cu-nhan,** *Tổng bí thư ĐCS Bồ-đào-nha, đăng trên báo* **Ăng-gô-la,** *cơ quan của MPLA — Đảng lao động Ăng-gô-la, số ra ngày 1-7-1990.*

Chủ nghĩa xã hội trong một thế kỷ biến đổi cách mạng

Trước sự rung chuyển lớn lao và thất bại nghiêm trọng của thế giới xã hội chủ nghĩa, không chỉ các đảng viên của Đảng ta, mà cả những người lao động, nhân dân, các lực lượng tiến bộ cũng tự đặt cho mình một câu hỏi cơ bản : triển vọng của sự phát triển tình hình thế nào, thế giới đi đến đâu ?

Từ câu hỏi ấy nảy ra nhiều câu hỏi khác. Các sự kiện đó phải chăng, như một số người tuyên bố, có nghĩa là sự sụp đổ hoàn toàn và vĩnh viễn của công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ? Có nghĩa là chủ nghĩa tư bản đã nổi lên như một hệ thống cao hơn, và một lần nữa, lại thiết lập quyền bá chủ trên quả đất ? Có nghĩa là « chủ nghĩa cộng sản cáo chung » ? Và, như vậy thì phải chăng cũng chẳng cần xem lại toàn bộ lịch sử của thế kỷ này, chẳng cần « suy nghĩ lại thế kỷ này », chẳng cần kiểm tra lại bằng hình thức mới các sự kiện và kết luận rằng việc xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa qua là không tưởng và sai lầm ? Rằng như vậy thì cũng là không tưởng và sai lầm cả những cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đã thắng lợi ? cả những cuộc cách mạng dân chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa ?

Digitized by Google

Và thậm chí — như một số người đã có ý kiến — cả cuộc Cách mạng Tháng Tư của nước ta nữa?

Trái với các quan niệm và mong muốn của một số đảng viên và của chiến dịch đang phát triển chống lại Đảng, **Đảng ta bác bỏ những câu hỏi như vậy.**

Đảng ta bác bỏ và lên án những tình huống, phương hướng và thực tiễn tiêu cực đã đưa các nước xã hội chủ nghĩa đến khủng hoảng và thất bại. Chúng ta hiểu là phải đổ đi nước bẩn của những sự lạm quyền, bất hợp pháp, bất công. Nhưng trái với điều mà ở một số nước, các đảng khác đã làm, ĐCS Bồ-đào-nha (như trong một số dịp đã nói), nghĩ rằng **đổ thùng nước đã tắm mà đổ luôn cả đứa trẻ trong đó là sai lầm.**

Chúng ta không quên và các dân tộc không được chút nào quên rằng, với Cách mạng Tháng Mười và các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa khác, lần đầu tiên sau hàng nghìn năm sống trong xã hội người bóc lột người, các dân tộc tiến lên xây dựng một xã hội trong đó loại trừ phân biệt đối xử và bất công xã hội. (...)

(...) Chúng ta không quên và các dân tộc không được chút nào quên cống hiến quyết định của Liên xô, và sau đó của các nước xã hội chủ nghĩa khác (bằng tấm gương, các thành tựu, cuộc đấu tranh, sự giúp đỡ, đoàn kết của họ) đối với bước tiến của phong trào công nhân và các phong trào tiến bộ trên thế giới, đối với việc đánh bại phát xít đã man trong chiến tranh thế giới thứ hai, đối với thắng lợi lịch sử của phong trào giải phóng dân tộc, đối với thất bại của chủ nghĩa thực dân và việc giành độc lập của các dân tộc và quốc gia trên phần lớn thế giới. (...)

(...) Và nếu như chúng ta không quên và các dân tộc cũng không thể chút nào quên chủ nghĩa xã hội ở thế kỷ XX và trong lịch sử nhân loại là gì, cũng như chúng ta không quên và các dân tộc cũng không được quên chủ nghĩa tư bản là gì, và ngày nay hệ thống thế giới là gì.

Trong thảo luận chuẩn bị cho Đại hội, đa số các đồng chí quan tâm tới việc phân tích không đầy đủ các luận đề về chủ nghĩa tư bản, về bản chất bóc lột và áp bức của nó, về các ung nhọt và cùng khốn xã hội của nó, về trách nhiệm của nó đối với những tai họa to lớn gây cho nhân loại, về sự bóc lột đối với thế giới thứ ba, và cả về bản chất xâm lược của nó là mối đe dọa chính đối với an ninh của các dân tộc và đối với hòa bình thế giới

Và chắc chắn là sự tiến hóa của thế giới làm cho các quan hệ hợp tác quốc tế mới giữa tất cả các nước không phân biệt chế độ xã hội trở nên cần thiết, thậm chí bắt buộc, xét về mặt khách quan. Vì ba lý do căn bản: sự mở rộng của phân công lao động quốc tế và của các quá trình hòa nhập như là hệ quả của sự phát triển; việc bảo vệ hòa bình như là nhiệm vụ trung tâm của toàn nhân loại; và những cái gọi là vấn đề toàn cầu như bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, nạn đói, bệnh tật, tình trạng kém phát triển.

Nhưng từ những thực tế mới đó, không thể kết luận (như một số người nghĩ) rằng thế giới tất yếu sẽ đi tới chỗ hòa nhập thành một hệ thống duy nhất (không nhầm với trật tự kinh tế thế giới mới), ở đó cái gì hay của từng hệ thống cũ sẽ hòa nhập vào; và đi tới một phương pháp mới và toàn cầu (đứng trên các nước và giai cấp) để hiểu được sự cần thiết phải cùng nhau giải quyết hòa bình mọi vấn đề.

Có thể không có một chính sách đối đầu giữa các nhà nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trong các quan hệ quốc tế. Nhưng về khách quan, sự đối đầu vẫn tồn tại, biểu hiện ở các hình thức mới. Cũng như

Digitized by Google

vẫn tồn tại các mâu thuẫn và xung đột về lợi ích. Cũng như vẫn tồn tại bóc lột, áp bức, đấu tranh giai cấp.

Cuộc đấu tranh giải phóng của những người lao động và của các dân tộc trên thế giới vẫn tiếp tục. Không đều, phức tạp và chậm chạp so với dự kiến của những người đi trước, nhưng **cuộc đấu tranh đó tạo nên chiều hướng cơ bản của thời đại hiện nay**

« Pê-rê-xtơ-rôi-ka » và sự biến triển ở các nước khác

(...) Từ khi « pê-rê-xtơ-rôi-ka » bắt đầu, chúng ta giữ một thái độ đoàn kết với ĐCS Liên xô và nhân dân xô viết. Không phải vì cái mà bọn tuyên truyền của chủ nghĩa đế quốc và phản động hoan hô, hoặc những cái mà chúng coi là thất bại của Liên xô và của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, và không bởi sự trình bày toàn bộ quá khứ chủ nghĩa xã hội như một lịch sử của sai lầm và tội ác.

Mà bởi chúng ta coi các mục tiêu được tuyên bố là có tầm quan trọng cách mạng. Mục tiêu sửa chữa, khắc phục sai lầm, lạc hậu, ngừng trệ, lên án lạm quyền, các phương pháp chỉ huy quan liêu, sự vi phạm luật pháp, các đặc quyền, hối lộ, suy thoái đạo đức. Mục tiêu lập lại việc thực hành có hiệu quả quyền lực chính trị của nhân dân, đặc biệt là chỉnh đốn lại chính quyền xô viết. Mục tiêu thiết lập có hiệu quả dân chủ của nhà nước, trong đảng và trong xã hội. Mục tiêu phát triển kinh tế — xã hội trên cơ sở áp dụng kỹ thuật tiên tiến do cách mạng khoa học kỹ thuật đem lại. Và mục tiêu thỏa mãn nhu cầu tăng thêm của nhân dân phù hợp với các tiềm lực của hệ thống xã hội chủ nghĩa

Và như một số người nói, trong việc đánh giá « pê-rê-xtơ-rôi-ka », chúng ta nghiêm khắc loại trừ ra khỏi « pê-rê-xtơ rôi-ka » một số hiện tượng mới mà những người khác hoan nghênh, và chúng ta đang loại trừ các lực lượng chống chủ nghĩa xã hội núp dưới bóng nó để nảy nở. Đúng vậy, họ nói có lý về những cái mà chúng ta loại trừ. Bởi vì chúng ta là cộng sản, chúng ta đoàn kết với « pê-rê-xtơ-rôi-ka » là do nó nhằm đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và chắc chắn chúng ta sẽ không đoàn kết với nó nếu nó không nhằm xây dựng, mà phá chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của « pê-rê-xtơ-rôi-ka » là lợi ích không chỉ của các dân tộc xô viết, mà của cả tất cả các dân tộc trên thế giới. Bởi vì nó sẽ tạo ra một bước tiến mới và lực mới cho lý tưởng cộng sản và cho cuộc đấu tranh của những người cộng sản và của tất cả các lực lượng tiến bộ trên thế giới Bởi vì một thất bại có thể xảy ra của « pê-rê-xtơ-rôi-ka » và một tiến trình chính trị có thể xảy ra ở Liên xô giống như đã xảy ra ở các nước Đông Âu, với việc các lực lượng chống chủ nghĩa xã hội lên nắm chính quyền, sẽ có nghĩa là có nguy cơ chủ nghĩa đế quốc lại trở thành bá chủ thế giới, sẽ có nghĩa là, ngoài những nguy hiểm mới cho hòa bình thế giới, có những trở ngại mới, rất lớn cho cuộc đấu tranh giải phóng của những người lao động và các dân tộc.

Thái độ của Đại hội chúng ta là đoàn kết anh em với ĐCS Liên xô và nhân dân xô viết vì thắng lợi của « pê-rê-xtơ-rôi-ka »

Các cuộc khủng hoảng ở các nước xã hội chủ nghĩa khác bùng nổ với các hình thức khác. Các đảng cầm quyền, như ĐCS Liên xô, chịu trách nhiệm lớn trong việc tạo ra một tình hình xa rời lý tưởng cộng sản, làm cho đảng ngày càng xa cách nhân dân

Nhưng, trong lúc ĐCS Liên xô nhận thấy khủng hoảng tới gần, đã phản ứng chống lại những nguy hiểm của tình hình, tiến hành những biện pháp sửa chữa sai lầm và đề ra cải tổ, thì ở các nước khác, các đảng cầm quyền

Digitized by Google

lại không chịu kiểm tra những sai lầm của mình, cố áp đặt một sự duy trì tình hình không thể chịu đựng nổi. Họ đã đẩy nhân dân chống lại mình, họ đã bị các sự kiện vượt qua và dẫn đến thất bại. Thất bại của các đảng. Thất bại của chủ nghĩa xã hội.

Khi chúng ta nói khủng hoảng và các thay đổi diễn ra chứng tỏ thất bại nghiêm trọng của chủ nghĩa xã hội và một sự quay ngược của tiến trình lịch sử cải tạo xã hội, thì điều đó không có nghĩa Đảng ta bênh vực việc trở lại tình hình trước mà Đảng ta đã lên án một cách đúng đắn. Tình hình là không hay, cần khẩn cấp sửa ngay. Cần tìm những con đường mới để cải tổ và đổi mới xã hội. Đó sẽ là tiến lên trong cải tạo xã hội. Thực ra, sau đó sự việc diễn ra không phải như vậy. Điều diễn ra sau đó là các lực lượng chống chủ nghĩa xã hội nắm chính quyền, và đưa các nước theo con đường tư bản chủ nghĩa (...)

Chúng ta đã nói « các nước xã hội chủ nghĩa ». Bây giờ nhiều khi chúng ta nói « các nước Đông Âu ». Bởi vì lúc này khó mà xếp loại hệ thống kinh tế – xã hội hiện có ở các nước này. Tình hình không còn ổn định, và trên một số mặt không rõ ràng. Nhân dân các nước này không lâu nữa sẽ đánh giá cái mà chủ nghĩa xã hội đưa lại cho họ tốt hơn. Tình hình có thể còn đưa lại ngạc nhiên. Việc vứt bỏ các thực tế khách quan của hệ thống xã hội chủ nghĩa và thay thế bằng các quan hệ tư bản chủ nghĩa sẽ không phải là một quá trình dễ dàng. **Cuộc sống đã chỉ ra rằng quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội không dễ dàng. Chúng ta tin rằng cuộc sống sẽ chứng minh điều ngược lại cũng đúng.** Còn hơn nữa, bởi vì nó trái với chiều hướng lịch sử.

Những hậu quả sâu sắc và mâu thuẫn

Hậu quả của « pê-rê-xtơ-rôi-ka » ở Liên xô và các sự kiện, diễn biến và thay đổi ở các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu khác là làm biến dạng sâu sắc tình hình thế giới, các quan hệ quốc tế, cuộc đấu tranh của những người lao động và các dân tộc, và rất rõ ràng, phong trào cộng sản. (...)

(...) Những hậu quả và biến dạng ấy không cùng chiều. Chúng mâu thuẫn nhau. Và vì mâu thuẫn nên gây ra những câu hỏi, những điều nghi ngờ và lưỡng lự.

Những hậu quả và biến dạng ấy biểu hiện trong so sánh lực lượng thế giới như thế nào? Ảnh hưởng của chúng đối với bảo vệ hòa bình, an ninh và hợp tác quốc tế ra sao?

So sánh lực lượng giữa chủ nghĩa đế quốc với các lực lượng tiến bộ xã hội và độc lập dân tộc (tất nhiên bao gồm cả các lực lượng của chủ nghĩa xã hội) **là một cơ sở khách quan, trên mức độ rộng lớn quyết định các quan hệ quốc tế và sự tiến triển của tình hình thế giới.**

Và chắc chắn rằng những bước quan trọng đạt được trong những năm vừa qua trong giảm căng thẳng, trên con đường đối thoại, thương lượng và thỏa thuận, trong giảm vũ khí, trong an ninh và hợp tác, trong giải quyết bằng chính trị các xung đột khu vực – những bước đi ấy phần quyết định là do yếu tố chủ quan, bao gồm chính sách, các đề nghị và các sáng kiến hòa bình của Liên xô dưới sự thúc đẩy của « pê-rê-xtơ-rôi-ka ». Nhưng điều kiện cơ bản có tính chất khách quan là sự cân bằng quân sự chiến lược giữa chủ nghĩa đế quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, điều đó cũng đòi hỏi không có sự mất cân bằng chiến lược trong các tài nguyên, trong phát triển kinh tế, trong công nghệ, trong nghiên cứu khoa học, cũng như trong ổn định chính trị.

Không nghi ngờ là « pê-rê-xtơ-rôi-ka » làm nổi bật trên thế giới uy tín, cảm tình, ảnh hưởng, khả năng thương

Digitized by Google

lượng của Liên xô. Nhưng đồng thời, các cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội, chính trị và dân tộc ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, sự suy yếu và đổ vỡ các mối quan hệ hợp tác và liên minh giữa các nước này, việc các lực lượng chống chủ nghĩa xã hội lên cầm quyền ở một số nước và một sự xích lại gần các nước tư bản như vậy (ví dụ việc chấp nhận nước Đức thống nhất có thể gia nhập khối NATO) – những điều đó biểu hiện một sự suy yếu đáng kể của các lực lượng chủ nghĩa xã hội trên thế giới, một thắng lợi đáng kể của chủ nghĩa đế quốc.

Một sự suy sụp đột xuất của cân bằng lực lượng có lợi cho chủ nghĩa đế quốc có thể đẩy nó tới các biện pháp mới, nấc thang mới, nhúng tay can thiệp và xâm lược, gây nên những yếu tố mới của can thiệp quốc tế, đụng đầu và nguy cơ cho hòa bình thế giới.

Chiều hướng các quan hệ quốc tế hiện nay không phải như thế. Chiều hướng hiện nay là nhằm mở rộng hợp tác giữa tất cả các nhà nước, bất kể hệ thống xã hội và chế độ chính trị.

Nhưng tình hình không ổn định và đang vận động, các yêu sách xét lại các đường biên giới sau chiến tranh thế giới thứ hai, và quan niệm đã đến giờ chấm dứt chủ nghĩa cộng sản, một mặt chỉ ra **tầm quan trọng của việc bảo vệ chủ nghĩa xã hội, củng cố và đổi mới chủ nghĩa xã hội sao cho đáp ứng được tình hình mới, những vấn đề mới và thực tế mới, và để đảm bảo một tương quan lực lượng không khuyến khích chủ nghĩa đế quốc đi tới những phiêu lưu mới và tư tưởng thập tự chinh mới.**

Mặt khác cũng chỉ ra sự cần thiết phải **mở rộng cuộc đấu tranh vì hòa bình và đấu tranh để phát triển các mối quan hệ hợp tác giữa tất cả các nhà nước và tất cả các dân tộc.**

Một vấn đề khác là phải xem **các hậu quả của tình hình và những thay đổi ở Liên xô và Đông Âu đối với cuộc đấu tranh giải phóng của những người lao động và của các dân tộc.**

Các hậu quả cũng rất mâu thuẫn. Tức thời, những sai lầm nghiêm trọng và tình hình nói trên, thất bại nặng nề của các đảng, các chính phủ và các chế độ, con đường mà một loạt nước đang chọn, những vấn đề cực kỳ nghiêm trọng hiện nay ở Liên xô còn chưa được giải quyết, sự rơi tõm của tình đoàn kết quốc tế, tất cả đang làm rung chuyển các lực lượng tiến bộ, kích thích chủ nghĩa cơ hội xuất hiện một cách phổ biến, kích thích chủ nghĩa tư bản tiến công vào quyền của những người lao động, gây nhiều khó khăn mới cho công cuộc xây dựng xã hội tiến bộ ở các nước đã thoát khỏi chủ nghĩa thực dân, và tạo thuận lợi cho những hình thức can thiệp và xâm lược mới của chủ nghĩa đế quốc.

Nhìn triển vọng rộng hơn, **một khi khắc phục được những khó khăn và trở ngại hiện nay và đạt được những mục tiêu cách mạng của mình, « pê-rê-xtơ-rôi-ka » sẽ tạo ra trên toàn thế giới một nhân tố hấp dẫn của các tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.**

Vì vậy, chúng ta đoàn kết với cuộc đấu tranh của ĐCS Liên xô nhằm thực hiện « pê-rê-xtơ-rôi-ka ». Chúng ta đoàn kết với những người cộng sản và các lực lượng tiến bộ khác trong hoàn cảnh đặc biệt phức tạp ở các nước Đông Âu, đang đấu tranh để đưa các nước nói trên theo con đường của chủ nghĩa xã hội đổi mới.

Và trái với những ai coi chủ nghĩa quốc tế của những người cộng sản đã chết, **chúng ta, những người cộng sản Bồ-đào-nha, khẳng định rằng những người lao động và các dân tộc trên thế giới, hiện nay hơn bao giờ hết, vô cùng cần thiết phải thắt chặt các sợi dây hữu ái, hợp tác và đoàn kết.**

Người dịch: **HỒ VĂN KHUÊ**

Digitized by Google

CHỈ SỰ THẬT MỚI CÓ LỢI CHO LÊ-NIN*

NA-TA-LI-A MÔ-RÔ-DÔ-VA

GHÊ tởm! Thảm họa! Tôi không biết từ đâu đẻ ra cái tai biến ấy, cơn bão táp ấy: từ khắp các phía, nào đá, nào đạn, nào tên tẩm thuốc độc, nào bom tới tấp bay về phía... Lê-nin. Các bạn sẽ hỏi: còn bạn, điều đó liên quan gì đến bạn? Bởi tôi yêu Lê-nin mà! Tôi cảm thấy thân xác mình như một trong những chiếc bia cho đủ loại hỏa lực nói trên. Những mũi tên bắn vào Người cũng xuyên thủng cả trái tim tôi, mà nó lại đang đau, đang sắp vỡ ra...

Điều gì đang diễn ra vậy? Sự kinh hoàng chăng? Thành thật mà nói, đúng. Khỏi phải nói, chúng tôi yêu Lê-nin, chúng tôi cảm thấy mình hạnh phúc hơn trước kia, hồi người ta — trừ khi không nói gì — chỉ có thể nói tốt về Người. Như đối với những người đã chết. Và điều đó đã diễn ra, mặc dù có những tấm biển luôn luôn nhắc nhở: «Lê-nin ngày nay còn sống hơn mọi người đang sống!» Vả chăng, người ta từ lâu đã quen không mấy tìm hiểu những khẩu hiệu, nhất là những khẩu hiệu đã được thi vị hóa: các nhà thơ ấy luôn luôn phóng đại mà. Chúng ta đã sống như thế này: chúng ta ca ngợi Lê-nin, chúng ta treo ảnh Người khắp nơi, chúng ta tô điểm các báo cáo bằng cách trích dẫn Người. Thực ra, một số lớn trong chúng ta thờ ơ với Lê-nin và di sản lý luận của Người. Nhưng họ lại lớn tiếng chỉ có Người mới xứng đáng với những từ cao quý nhất, những từ rập khuôn không thay đổi: «bậc thiên tài», «người hướng dẫn giai cấp vô sản», «người có tính người nhất»..

Và đột nhiên, con đê bị vỡ, làn sóng công khai dồn dập tràn vào những vùng xưa nay vẫn khép kín đối với sự phê bình, tới tận vùng đất thánh, tới Lê-nin của chúng ta. Và nó đã bắt đầu phá hủy. Chỉ trong nháy mắt, trong đầu óc nhiều đồng bào chúng ta, Lê-nin từ «bậc thiên tài» đã trở thành một kẻ tầm thường, từ «người hướng dẫn giai cấp vô sản thế giới» đã trở thành thủ lĩnh của một nhúm kẻ mưu phản, từ «người có tính người nhất» đã trở thành nhà tư tưởng của chủ nghĩa khủng bố...

Con người quen với mọi thứ. Tôi cũng đã từng quen với việc người ta công kích mạnh mẽ Lê-nin. Quen, nhưng tuyệt nhiên không cam chịu. Trong ba năm gần đây, tôi không những đã làm dịu đau trái tim tôi

* Xem cuốn *Bằng cách tham khảo Lê-nin* ra nhân kỷ niệm lần thứ 120 ngày sinh Lê-nin, Nxb APN, Mát-xcơ-va, 1990

Digitized by Google

bằng những thứ thuốc an thần, mà còn chuẩn bị cho mình những lý lẽ chống lại. May mắn thay, trong thời kỳ trì trệ: tôi đã có thời gian để tiêm phòng tốt cho mình: Tôi đã đọc toàn bộ tác phẩm gồm 55 tập của Lê-nin. Ngay từ hồi đó, việc đọc này đã là chỗ dựa tốt cho tôi trên dặm lấy xã hội. Hơn nữa, việc hiểu rõ con người thật Lê-nin đã cứu tôi thoát khỏi sự thất vọng, đã khiến tôi tin vào sự phục hưng tinh thần của xã hội, bởi vì tôi thấy nó đã được xây dựng trên một nền móng rất vững chắc.

Sự «tiêm phòng» ấy còn cho tôi sức mạnh để chống lại sức ép của những cuộc tấn công hiện nay đã làm chao đảo những kẻ từng ca ngợi Lê-nin do bị bắt buộc hoặc do thói quen. Bởi vì họ chỉ biết Lê-nin qua những bức chân dung, những tác phẩm điêu khắc và độ chục câu trích dẫn đúng với mọi trường hợp cần minh họa. Và thế là có người thông báo cho họ rằng Lê-nin hình như từng là một kẻ độc đoán, một tên khủng bố, một người không tưởng, v.v. Một khi không hiểu biết, một khi sự kính trọng chỉ dựa vào lòng tin mù quáng, những dấu cộng phút chốc có thể trở thành những dấu trừ, thì con người thiêu hủy dễ dàng đến kỳ lạ những gì hôm qua họ còn tôn thờ.

. . . . . .

Hiển nhiên, có những làn sóng chỉ trích từ phương Tây tới. Cũng cần phải nói là ở phương Tây người ta thực tế đã viết nhiều điều ác ý về Lê-nin. Nhưng ở đấy người ta cũng đã cho xuất bản hơn cả ở đây những công trình nghiên cứu nghiêm túc về lịch sử cuộc Cách mạng Tháng Mười của chúng ta (!), về tiểu sử chính trị của các nhà cách mạng nổi tiếng nhất của chúng ta (!). Thế nhưng, chúng ta lại không được phép biết và nói đến những công trình ấy. Và kết quả là một trong những điều ngược đời hiện nay: giờ đây có thể nói tất cả, nhưng một số người lại chẳng có gì để nói cả! Trong đầu chỉ rặt những mẩu trích dẫn cũ rích và đánh giá không chắc chắn.

Nhưng làm sao im lặng được khi mọi người chung quanh đều nói! Thế là người thì buộc tội Xta-lin, người lại bảo vệ ông; người này coi Xta-lin là phần tử chống Lê-nin, người kia lại xem ông là người thừa kế trực tiếp của Lê-nin. Một cuộc tranh luận khoa học nghiêm túc đang diễn ra đâu đấy, trong các cuốn sách và tạp chí khoa học chuyên sâu. Nhưng thông thường nhất, sự tranh cãi diễn ra mà thực tế chẳng có lý lẽ gì cả trong các cuộc thảo luận và các cuộc mít tinh, trên đài truyền hình và trên báo chí. Cũng khỏi phải ngạc nhiên, bởi vì trong những năm dài hay nói chính trị, nhiều người đã quên — đơn giản thế thôi — thế nào là lập luận một ý.

Chúng ta hãy nhớ lại, chẳng hạn, trong thời kỳ trì trệ, người ta đã «thuyết phục» chúng ta từ những diễn đàn các đại hội rằng «chủ nghĩa xã hội phát triển» của chúng ta đã đi lên với những bước khổng lồ. Phấn khởi và không chút ngượng nghịu, người ta đã nói với chúng ta về những thành tích chưa từng có mà chẳng bận tâm đưa ra những dẫn chứng. Đối với những người hoài nghi, người ta tuyên bố: chúng ta theo con đường duy nhất đúng, con đường của Lê-nin. Mà đã là con đường của Lê-nin rồi thì khỏi phải bàn cãi gì nữa, người hoài nghi chỉ còn việc xua đuổi mọi điều còn nghi ngờ ra khỏi đầu óc.

Như thế là người ta đã làm cho mọi người quên đi những điều đã học là phải đi vào bản chất sự việc, phải nghi ngờ, phải tìm những chứng cớ... Như thế là người ta đã dạy họ điều ngược lại; phải chấp nhận tất cả, không cần bằng chứng gì cả... Và giờ đây mọi người tiếp tục tin tất cả. Một số hô «Đả đảo!» ngay cả đối với

Digitized by Google

Lê-nin, người mà mới hôm qua họ còn không ngớt « Hoan hô! ».

. . . . .

Các nhà sử học còn đang phải nghiên cứu một cách nghiêm túc xem vào lúc nào và bằng cách nào người ta đã đánh tráo Lê-nin sống động bằng một khuôn đúc quảng cáo, và đã đánh tráo di sản sáng tạo sống động của Lê-nin bằng một lô khẩu hiệu và câu hoa mỹ. Nhưng ngay cái việc đánh tráo ấy cũng không làm tôi hoài nghi. Tôi đã đọc Toàn tập Lê-nin, tôi đã thấy con người thật Lê-nin. Và thế là tôi lao ngay vào khi thì trong các trận đấu trên tạp chí, khi thì trong các cuộc tranh luận bằng miệng, khi thì ngay trong các cuộc mít tinh, bằng cách kêu lên : « Các người đâu phải chống con người thật Lê-nin, các người đang chống cái khuôn đúc ông do những kẻ mị dân nặn ra đấy! ». Người ta thường buộc tội tôi là yêu Lê-nin một cách cuồng nhiệt, người ta gán cho tôi đủ mọi thứ tên bởi vì tôi không thừa nhận ai có quyền phê phán Lê-nin. Nhưng tuyệt nhiên không phải như vậy! Cứ việc phê phán ông, nếu như các bạn muốn. Nhưng trước hết, hãy nghiên cứu ông đã.

Và ở điểm này, xin các bạn hiểu đúng tôi. Tôi xin nhắc lại : tôi không coi Lê-nin như một ông thánh. Cũng như mọi người đang sống, ông cũng lầm lẫn, phạm những sai lầm. Đúng, có thể tranh luận với Lê-nin. Đúng, có thể phê phán Lê-nin. Nhưng với một điều kiện. Phải biết ông đã! Người ta sẽ vặn tôi : lấy đâu thời gian, bởi vì chỉ riêng đọc một lần 55 tập đã phải mất hai hoặc ba năm. Đúng là khó, tôi đồng ý. Nhưng rốt cuộc phải hiểu : không có cách nào khác để biết chủ nghĩa Lê-nin. Mà liệu người ta có thể phán xét những điều người ta không biết không?

Vả lại, khi tôi nói tới việc « phán xét » thì về phần tôi, đó là một sự phỉnh phờ hiển nhiên đối với những kẻ gièm pha. Bởi vì những tình cảm tiêu cực đối với Lê-nin (xin nói rõ là những tình cảm!) không nảy sinh một mình, mà được kích thích bởi những xuất bản phẩm chống Lê-nin. Xưa kia, ảnh hưởng của những xuất bản phẩm này giới hạn trong phạm vi hẹp những người có thể kiếm được « sách tự xuất bản ». Ngày nay, những rào chắn đã bị dỡ bỏ, những ranh giới đã bị quét đi, « sách tự xuất bản » tràn ngập trong quần chúng. Ngoài ra, một số xuất bản phẩm của chúng ta lại đua nhau thu thập hồ sơ có thể làm hại thanh danh Lê-nin nhiều nhất. Vậy nên mùa xuân năm nay, báo **Hòa hợp** của Lít-va đã thích thú đăng lại bài « Lê-ni-ni-át bé nhỏ của tôi », một bài văn dã kích kinh tởm của Vê-nê-dích Ê-rô-phê-ép đăng trên tạp chí Pháp **Lục địa (Continent)**. Tác giả đã thu thập một lô trích dẫn chủ yếu lấy từ thư từ riêng của Lê-nin. Ông ta đặc biệt tuyển chọn những câu có những từ « bần bỏ », « bỏ tù », ông ta giả mạo những trích dẫn để các bạn có được chân dung của một tên khủng bố trọn vẹn.

Tôi đã nhận thấy cứ sau mỗi xuất bản phẩm như vậy là lại có một làn sóng thù địch, thậm chí căm thù Lê-nin, dâng lên ở Mát-xcơ-va. Tôi thường đến quảng trường Pu-skin, nơi thường xuyên có mít tinh. Ở đấy thực sự cảm thấy mạch đập của công luận. Không phải công luận được tạo ra trên cơ sở một sự nghiên cứu sâu sắc vấn đề ; mà là công luận được hình thành trong một giờ và không phải không có sự giúp đỡ của những xuất bản phẩm như trên.

Tạp chí **Thế giới mới** đã bắt đầu đăng trong số 8-1989 cuốn sách của Xôn-giê-nít-xưn : **Quần đảo Gu-lắc**. Tôi thực sự sửng sốt khi thấy không có một lời bình nào trên tạp chí! Thế nhưng từ lâu người ta đã biết cuốn sách sắp được xuất bản. Và đã không có một ai, kể cả các chuyên gia ở Viện Mác—Lê-nin, nghĩ tới việc chuẩn bị một lời bình khoa học. Cá nhân tôi

Digitized by Google

đã đọc toàn bộ cuốn sách của Xôn-giê-nít-xưn xuất bản bằng tiếng Pháp, và tôi không thể không nhận thấy những trích dẫn Lê-nin trong đó đều sai. Một vài ngày sau khi ra tạp chí, tôi đã tới quảng trường Pu-skin. Điều tôi nghe thấy ở đấy vượt quá những gì tôi e sợ nhất. « Thảo luận mà làm gì, — các diễn giả trịnh trọng nói, — Lê-nin cũng vậy, ông ta cũng có tội đối với tất cả những gì đã diễn ra ở nước ta dưới thời Xta-lin. Bởi vì bản thân ông ta cũng tàn bạo, ông ta đã không ngừng tìm cách đưa người ta ra bắn ».

Trời, tất cả những điều nói đó che giấu mới vụng về làm sao! Cả những đoạn dài của các diễn giả đều rút từ tác phẩm của Xôn-giê-nít-xưn đăng trên tạp chí **Thế giới mới**. Đối với tôi, bác bỏ các diễn giả này chẳng có gì là khó cả, nếu như họ chịu nghe một lý lẽ nào đó. Nhưng người ta đã không nghe tôi nói. Thế mà chỉ cần đem những trích dẫn ra kiểm tra chúng một cách bình tĩnh, đối chiếu chúng với các nguồn...

Vài năm nữa có thái độ như vậy đối với các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác — Lê-nin thôi, tôi sợ rằng, xã hội sẽ quên hẳn Mác, Ăng-ghen, Lê-nin là ai... Học thuyết của các ông thế nào, các ông kêu gọi gì, các ông dạy gì... Và có thể là trong ba mươi hoặc bốn mươi năm nữa, chúng ta sẽ phát hiện ra Lê-nin của chúng ta (!) khi đọc cuốn **Tiểu sử chính trị của V.I. Lê-nin** do Xtê-phen Cô-hen viết cho chúng ta, cầu Trời để ông khỏe và sống lâu!

* * *

Có thể lịch sử chẳng dạy chúng ta điều gì chăng? Trước kia, chúng ta hát những bài ca ngợi Lê-nin. Hiện nay, người ta ném đá vào Lê-nin. Chúng ta là dân tộc gì mà kỳ quái thế: hoặc là « Hoan hô! » hoặc là « Đả đảo! ». Đã tới lúc chúng ta tất cả phải đi vào nghiên cứu di sản lý luận của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Đã tới lúc phải lấy toàn bộ tác phẩm gồm 55 tập của Lê-nin từ trên giá sách xuống, rồi cá nhân tự tìm hiểu lấy, không nhờ bất cứ ai giải thích.

Tôi muốn nói thêm: tôi yêu Lê-nin, nhưng tôi không kêu gọi ai trong các bạn hãy yêu Người ngay tức thì. Tôi coi chủ nghĩa Lê-nin là cơ sở tư tưởng của công cuộc cải tổ, nhưng tôi không kêu gọi ai hãy tin lời tôi và ca ngợi Lê-nin.

Song tôi kêu gọi mỗi người, kể cả những người tán thành lẫn những người chống đối Lê-nin, hãy đọc Lê-nin, hãy nghiên cứu di sản lý luận của Người. Không có một sự hiểu biết sâu sắc thì cũng không thể có những lý lẽ tán thành hay phản đối có sức thuyết phục.

Hết mực chân thành, tôi xin thú thực: dù sao từ đáy lòng, tôi cũng hy vọng rằng người ta càng đọc Lê-nin nghiêm túc thì Người càng có những người thật sự tin theo mình. Bởi vì những ai tìm cách bôi nhọ Lê-nin thì không thể làm điều đó mà không xuyên tạc, bóp méo những sự kiện lịch sử, giả mạo những trích dẫn Lê-nin. Và đó không phải là một sự ngẫu nhiên. Trái lại, những người bảo vệ Lê-nin, ít ra là hiện nay, đang tìm hiểu sự thật. Chỉ sự thật mới có lợi cho Lê-nin, đó là điều rõ ràng.

Người dịch: **NGỌC KHANH**

Digitized by Google

ТАПТИ КОНГШАН № 10-1990

НОНГ ДЫК МАНЬ – Некоторые актуальные проблемы в районах национальных меньшинств нашей страны. ЧАН ДИНЬ ХОАН – Обновлять политику социального обеспечения, содействуя стабилизации общества. НГУЕН ФУ ЧОНГ – Демократический централизм. ИССЛЕДОВАНИЯ И ОБМЕН МНЕНИЯМИ ☆ ТХАЙ НИНЬ – Существует ли чистая демократия без прилагательных к ней? ФАМ ВАН НГИЕН – Важные вопросы вьетнамской экономики в десятилетии 90 – хгодов. НГУЕН ТХАНЬ БАНГ – Размышления об обновлении планирования в нашей стране. ВУ ХЬЕН – Рыночный механизм и тревожные признаки. ОПЫТ РАБОТЫ ☆ ЛА ТХАНГ – Путь, ведущий вперед народности, проживающие в Лангшоне. ТЬЕН ХАЙ – Член партии в деле обновления. ДАНГ ДЫК ДАМ – Новый подход к вопросу по зарплате. НГУЕН ВАН ЛОК – Пенсионеры – злободневная социальная проблема. ДИНЬ ВАН КЮЭ – Обновлять организацию и работу местных судов. ЛЕ ЧУНГ НГУЕТ – Партия и интиллегенция. ОБСЛЕДОВАНИЯ. ТЮ ТХАЙ ТХАНБ – Решение вопроса занятости в Хошимине. ЖИЗНЬ И ИДЕОЛОГИЯ ☆ НИ ЛЕ–Где партком? ПИСЬМА В РЕДАКЦИЮ ☆ ЛЕ ТИНЬ – Что прослеживается в контрабандном деле в пров. Кьенжанг? В МИРЕ: ПРОБЛЕМЫ И СОБЫТИЯ ☆ СУАН АНЬ – Демократический социализм перед зеркалом истории. ПО СТРАНИЦАМ ЗАРУБЕЖНЫХ ИЗДАНИЙ ☆ Освободительная борьба народов мира – основная тенденция современности. Только правда приносит пользу ленину.

REVIEW OF COMMUNISM No. 10-1990

NÔNG ĐỨC MẠNH – Some urgent problems in regions inhabited by ethnic minorities. TRẦN ĐÌNH HOAN – Renewal in the policy of social security contributes to social stability. NGUYỄN PHÚ TRỌNG – The principle of democratic centralism. **Research – Exchange of Views** ☆ THÁI NINH – Is there pure democracy without any epithet? PHẠM VĂN NGHIÊN – Some important problems of Vietnam 's national economy in the 1990s. NGUYỄN THÀNH BANG – Some reflections on the renewal of planning in Vietnam. VŨ HIỀN – The market mechanism and some alarming problems. **Opinions and Experiences** ☆ LA THĂNG – The way forward for ethnic minorities in Lang Son. TIẾN HẢI – The Communist in renewal. ĐẶNG ĐỨC ĐẠM – A new approach to the problem of salaries and wages. NGUYỄN VĂN LỘC – Retired people – An urgent social problem. ĐINH VĂN QUẾ – Renewal in the organization and activities of local law-courts. LÊ TRUNG NGUYỆT – The Communist Party and the intelligentsia. **Investigation** ☆ CƯ THÁI THÀNH – The problem of employment in Ho Chi Minh City. **Life and ideology** ☆ NHỊ LÊ – Whither the Party committees? **Letters to the Editorial board** ☆ LÊ TỊNH – What have we seen in the trial of smugglers in Kien Giang? **The World: Problems and Events** ☆ XUÂN ANH – Democratic socialism before the mirror of history. **Through Foreign Publications** ☆ – The struggles for national liberation are part of an essential trend in our times. – The truth alone will benefit Lenin.

Digitized by Google

REVUE DU COMMUNISME N° 10-1990

NÔNG ĐỨC MẠNH – Quelques problèmes urgents dans les régions des ethnies minoritaires du Vietnam. TRẦN ĐÌNH HOAN – Rénover les politiques d' assistance sociale pour contribuer à stabiliser la vie de la société. NGUYỄN PHÚ TRỌNG – Le principe du centralisme démocratique. **Etudes – Echanges** ☆ THÁI NINH – Peut-il y avoir une simple démocratie sans epithète? PHẠM VĂN NGHIÊN – Quelques problèmes importants de l'économie vietnamienne dans la décennie 90 NGUYỄN THÀNH BANG – Quelques réflexions sur le renouveau dans le travail de planification de notre pays. VŨ HIỀN – Le mécanisme du marché et les phénomènes alarmants **Opinions et expériences** ☆ LA THĂNG – L'avance des ethnies au Lang Son. TIỄN HẢI – Le communiste dans l' oeuvre du renouveau. ĐẶNG ĐỨC ĐẠM – Une nouvelle approche de la question des salaires. NGUYỄN VĂN LỘC – Un problème social urgent: Les retraités. ĐINH VĂN QUẾ – Rénover l'organisation et le fonctionnement des tribunaux régionaux. LÊ TRUNG NGUYỆT – Le Parti et les intellectuels. **Enquête** ☆ CHU THÁI THÀNH – Ho Chi Minh – ville résoud la question de l' emploi. **Vie et idéologie** ☆ NHỊ LÊ – Où vont les responsables des Comités et des cellules du Parti? **Lettres à la Rédaction** ☆ LÊ TỊNH – De Kien Giang, que voit – on à travers un procès de contrebandiers? **Le monde: problèmes et événements** ☆ XUÂN ANH – Le socialismedémocratique face à l' Histoire. **A travers la presse et les livres des pays étrangers** ☆ La lutte pour la libération nationale dans le monde est la tendance fondamentale de l'époque actuelle. – Seule la vérité plaide en faveur de Lénine.

REVISTA DEL COMUNISMO Nº 10-1990

NÔNG ĐỨC MẠNH – Algunos problemas urgentes en las zonas de las nacionalidades étnicas en Vietnam. TRẦN ĐÌNH HOAN – Renovar las políticas de asistencia social por contribuir a estabilizar la vida de la sociedad. NGUYỄN PHÚ TRỌNG – El principio del centralismo democrático. **Investigaciones – Intercambios** ☆ THÁI NINH – ¿ Existe en realidad una simple democracia sin epíteto? PHẠM VĂN NGHIÊN – Algunos problemas improtantes de la economia vietnamita en el decenio 90. NGUYỄN THÀNH BANG – Algunas reflexiones sobre la renovación en el trabajo de planificación de nuestro país. VŨ HIỀN – El mecanismo del mercado y los fenómenos alarmantes. **Opiniones y experiencias** ☆ LA THĂNG – El avance de los étnicos en Lang Son. TIỄN HẢI – El comunista en la obra de renovación. ĐẶNG ĐỨC ĐẠM – Una nueva aproximación de la cuestión de salarios. NGUYỄN VĂN LỘC – Un problema social urgente: los retirados. ĐINH VĂN QUẾ – Renovar la organización y el funcionamiento de los tribunales regionales. LÊ TRUNG NGUYỆT – El partido y los intelectuales. **Investigaciones** ☆ CHU THÁI THÀNH – La solución del problema de empleo en la ciudad Ho Chi Minh. **Vida e ideologia** ☆ NHỊ LÊ – ¿ Dónde están los responsables de los Comites de células del Partido? **Cartas a la Redacción** ☆ LÊ TỊNH – ¿ Qué se vee en Kien Giang a través de un proceso de contrabandistas? **El mundo: problemas y acontecimientos** ☆ XUÂN ANH – El socialismo democrático ante la historia. **A través de los libros y prensas extranjeros** ☆ – La lucha por la liberación nacional en el mundo es la tendencia fundamental de la época actual. – Sólo la verdad aboga al favor de Lenin.

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

10 - 1990
NĂM THỨ XXXVI (418)

NÔNG ĐỨC MẠNH – Mấy vấn đề cấp bách ở các vùng dân tộc thiểu số nước ta 1

TRẦN ĐÌNH HOAN – Đổi mới chính sách bảo trợ xã hội góp phần ổn định xã hội 6

NGUYỄN PHÚ TRỌNG – Nguyên tắc tập trung dân chủ 11

Nghiên cứu – Trao đổi

THÁI NINH – Phải chăng có một nền dân chủ thuần túy không có tính từ? 16

PHẠM VĂN NGHIÊN – Một số vấn đề quan trọng của nền kinh tế Việt nam trong thập kỷ 90 22

NGUYỄN THÀNH BANG – Mấy suy nghĩ về đổi mới kế hoạch hóa ở nước ta 27

VŨ HIỀN – Cơ chế thị trường và những điều cần báo động 33

Ý kiến và kinh nghiệm

LA THĂNG – Con đường đi lên của các dân tộc Lạng sơn 37

TIẾN HẢI – Người đảng viên cộng sản trong công cuộc đổi mới 42

ĐẶNG ĐỨC ĐẠM – Một cách tiếp cận mới về vấn đề tiền lương 47

NGUYỄN VĂN LỘC – Người về hưu – Một vấn đề xã hội cấp bách 53

ĐINH VĂN QUẾ – Đổi mới tổ chức và hoạt động của các tòa án địa phương 59

LÊ TRUNG NGUYỆT – Đảng với trí thức 62

Điều tra

CHU THÁI THÀNH – Vấn đề giải quyết việc làm ở thành phố Hồ Chí Minh 67

Sinh hoạt và tư tưởng

NHỊ LÊ – Cấp ủy đi đâu ? ! 71

Thư gửi Bộ biên tập

LÊ TỊNH – Từ Kiên giang thấy gì qua một vụ án buôn lậu? 73

Thế giới: vấn đề, sự kiện

XUÂN ANH – Chủ nghĩa xã hội dân chủ trước tấm gương lịch sử 76

Qua sách báo nước ngoài

– AN-VA-RÔ CU-NHAN – Cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thế giới là trên chiều hướng cơ bản của thời đại ngày nay 80

– NA-TA-LI-A MÔ-RÔ-DÔ-VA – Chỉ sự thật mới có lợi cho Lê-nin 85

Trụ sở Bộ biên tập:
1. Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói: 52061 – 52062
Trụ sở cơ quan thường trú ở miền Nam:
19. Phạm Ngọc Thạch – Q. 3 T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 – 22040

Digitized by Google

In tại Nhà in NHÂN DÂN HÀ NỘI II
Chỉ số : 12651 ISSN 0866 - 7276
Digitized by Google
Giá : **800đ**

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

UNIV. OF MICH.
OCT 16 1991
CURRENT SERIALS

11
1990

Digitized by Google

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
Cơ quan lý luận và chính trị của
Trung ương Đảng cộng sản Việt nam

KỶ NIỆM CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NĂM 90 CỦA THẾ KỶ XX

HÀ XUÂN TRƯỜNG

Đừng quên và không bao giờ quên

Thập niên cuối cùng sẽ kết thúc thế kỷ XX.

Thế kỷ XX chưa thể chứng minh được đầy đủ lý tưởng của Mác, nhưng đã là một cuộc kiểm nghiệm sâu sắc thế nào là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, và chủ nghĩa xã hội khoa học phải thế nào theo những nhận định thiên tài của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin. Chủ nghĩa tư bản đã tạo nên một lực lượng sản xuất khổng lồ bằng của cải bao nhiêu thế kỷ trước nó cộng lại, đồng thời cũng chính chủ nghĩa tư bản đã gây ra hai cuộc chiến tranh thế giới mà sự tàn khốc của chúng đã vượt rất xa tất cả các cuộc chiến tranh dưới thời đại phong kiến và phá hoại môi sinh một cách ghê gớm. Có áp bức thì phải có đấu tranh ; kẻ gieo gió thì tất yếu phải gặt bão. Sau đêm tối là buổi bình minh. Cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc đồng thời với sự bùng nổ của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga báo hiệu mở đầu kỷ nguyên mới của xã hội loài người. Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc thì hệ thống xã hội chủ nghĩa ra đời. Sự hy sinh của nhân loại cùng sự hy sinh của nhân dân xô viết, của ĐCS Liên xô, của giai cấp công nhân và các đảng cộng sản trên thế giới cho hòa bình và tiến bộ là vô cùng to lớn.

Việt nam và các dân tộc bị áp bức đã và sẽ như thế nào nếu không có Cách mạng Tháng Mười, nếu không có chiến thắng của Liên xô đối với chủ nghĩa phát xít. Lúc Cách mạng Tháng Mười bùng nổ, Việt nam còn trong đêm tối dày đặc của chủ nghĩa

Digitized by Google

thực dân và phong kiến. Độc lập và quyền sống con người còn là ảo tưởng. Những trí thức yêu nước và tiến bộ của nước ta lúc bấy giờ không thấy con đường nào khác ngoài chủ nghĩa dân tộc hoặc chủ nghĩa cải lương, và đã thất bại. Nguyễn Ái Quốc sống giữa thủ đô nước Pháp, một trung tâm văn minh chói lọi của châu Âu mà vẫn phân vân tìm đường, cho đến khi gặp Lê-nin trong **Sơ thảo lần thư nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa** đăng trên báo **Nhân đạo** (1920). Hồ Chí Minh nhớ lại : « Bản luận cương đó làm cho tôi cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi xúc động đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo : « Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta ». Thời cơ cho Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là do quân đội xô viết đánh bại chủ nghĩa phát xít Đức và Nhật tạo nên ; tài tình của Đảng ta là kịp thời nắm lấy thời cơ đó. Cách mạng Tháng Mười, sự tồn tại của Liên xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa đã là một yếu tố quyết định sự chiến thắng của Việt nam đối với đế quốc Mỹ – một sự kiện lịch sử vang dội của thế kỷ XX, đánh dấu một bước ngoặt trong phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới. Ngày nay, bao nhiêu sự phân tích chứng minh tình trạng thiếu hiệu quả trong viện trợ kinh tế của Liên xô cho Việt nam cũng không thể làm lu mờ được hàng trăm công trình lớn nhỏ do Liên xô giúp Việt nam đang là cơ sở và làm thay đổi bộ mặt kinh tế của nước ta.

Những ai đó, đừng vì những sự kiện trước mắt mà quên mất nguồn gốc của chiến thắng và sự nghiệp lâu dài của ĐCS Việt nam và dân tộc Việt nam. Những ai đó, đừng vì những xáo trộn, những khó khăn của Liên xô hiện nay mà quên sự cống hiến vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười và Liên xô trên 70 năm qua đối với sự nghiệp hòa bình và nhân đạo thế giới. Cải tổ, đổi mới là yêu cầu của sự phát triển, và chính vì những mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội mà phải kiên quyết bảo vệ sự thật của lịch sử và những thành tựu đã đạt được mấy thập kỷ qua của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa hư vô và chủ nghĩa vô chính phủ là anh em sinh đôi bao giờ cũng chỉ tạo nên sự hỗn loạn và thảm họa.

Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trước khi bước vào thập niên cuối của thế kỷ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa lâm vào tình trạng khủng hoảng toàn diện, đảng cộng sản mất quyền lãnh đạo, các lực lượng chống cộng sống lại, hoạt động điên cuồng nắm chính quyền bằng các thủ đoạn. Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết, con đẻ của Cách mạng Tháng Mười, đã từng là thành trì của cách mạng thế giới, chỗ dựa của các dân tộc bị áp bức ngày càng đi sâu vào khủng hoảng, nhiều mặt chính trị – xã hội bị rối loạn Cả một hệ thống xã hội chủ nghĩa bỗng chốc bị tan rã, những người cộng sản chân chính từ Đông sang Tây sững sờ trước những biến cố quá bất ngờ, những người ở ngay trong các nước đó hôm qua phẫn nộ xuống đường biểu tình chống đảng cộng sản, chống nhà nước xã hội chủ nghĩa, hôm nay thấy thực tế phũ phàng. Tương quan lực lượng kinh tế, chính trị, quân sự thế giới đang nghiêng về chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội đang bị mất đi sức hấp dẫn ban đầu. Chủ nghĩa tư bản lợi dụng sự suy thoái của nhiều nước xã hội chủ nghĩa, tiến công liên tục bằng các thủ đoạn độc ác nhất, gian giảo nhất, hy vọng ngày xóa bỏ chủ nghĩa xã hội sắp đến.

Digitized by Google

Phải chăng chủ nghĩa xã hội là «đứa con dị dạng của lịch sử»? Phải chăng con đường tiến lên của xã hội chỉ có một là chủ nghĩa tư bản? Lịch sử đã chứng minh là không phải. Những diễn biến của cuộc sống hiện tại cũng đủ để trả lời: không phải.

Trước hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đang tan rã, chủ nghĩa tư bản có một thời cơ quá sức mong ước của mình để tuyên truyền cho «sức sống bất tận» của chúng, song vẫn không tạo được sức hấp dẫn thay thế chủ nghĩa xã hội. Bản chất bóc lột và áp bức (áp bức giai cấp và áp bức dân tộc) của các nước tư bản chủ nghĩa đã từng thống trị hay đang thống trị thế giới dù được che đậy khôn khéo dưới nhãn hiệu «nhân đạo», «dân chủ» «nhân quyền» vẫn bộc lộ trắng trợn. Gần đây, những hành động xâm lược của Mỹ ở Grê-na-đa, Pa-na-ma, chống và đe dọa Cu-ba, tăng cường quân sự ở vùng Vịnh Pec-xích, bao che cho tội ác của I-xra-en, tiếp tục cô lập và thù địch với Việt nam, việc Mỹ và nhiều nước đồng minh của Mỹ công khai ủng hộ và giúp đỡ những thế lực chống chủ nghĩa xã hội ở các nước Trung, Đông Âu và ngay cả ở Liên xô... là biểu thị điển hình nhất của chủ nghĩa đế quốc thời đại ngày nay.

Loài người vẫn tiến lên theo quy luật của nó. Phép biện chứng duy vật lịch sử vẫn tác động khách quan. Sau chủ nghĩa tư bản phải là chủ nghĩa xã hội. Giai cấp tư sản và những thế lực phản động chửi rủa chủ nghĩa xã hội, nhưng không thể phủ nhận lý tưởng của một xã hội công bằng, nhân đạo. Cách mạng tư sản đã đưa lại tự do cho cá nhân nhưng không giải phóng được con người khỏi áp bức, bóc lột, cuối cùng để tự do cá nhân phụ thuộc vào đồng tiền. Chủ nghĩa tư bản xóa bỏ chế độ chuyên chế, độc tài phong kiến, nhưng chỉ thực hiện dân chủ cho giai cấp tư sản trên sự chiếm đoạt quyền dân chủ của công nhân và nhân dân lao động. Chủ nghĩa tư bản xác lập dân tộc và quốc gia, nhưng chính nó lại áp bức dân tộc và nô dịch quốc gia. Chính vì những lẽ đó, mục tiêu của loài người hướng tới phải là một chế độ được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, thực hiện công bằng, dân chủ cho mọi người, một thế giới trong đó các dân tộc sống độc lập, bình đẳng và hữu nghị. Chính trong cuộc đấu tranh cho mục tiêu đó mà chủ nghĩa xã hội ra đời.

Chủ nghĩa xã hội đã lắt đầu không theo như dự kiến của Mác, do sự thôi thúc của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất. Chủ nghĩa xã hội ra đời từ một nước lạc hậu về kinh tế, bị áp lực về xã hội; do đó cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tự nó phải tạo ra những tiền đề cần thiết cho xã hội mới mà không qua sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Trong điều kiện lịch sử cụ thể như vậy, phát huy bản chất ưu việt của mình, từ sau Cách mạng Tháng Mười cho đến thập kỷ 60 và 70, chủ nghĩa xã hội đã đạt được những thành tựu vĩ đại. So với thời gian hàng thế kỷ của chủ nghĩa tư bản, trong một thời gian ngắn nhất, lại bị bao vây, Liên xô đã đạt được những thành tựu vĩ đại, cứu loài người khỏi thảm họa phát xít, và tiếp đó sự hình thành hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã làm thay đổi cán cân lực lượng thế giới, có lợi cho các khuynh hướng độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu đó đã bắt buộc các nước tư bản phải có những thay đổi trong chiến lược đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở nước họ, đối với các nước đã hoặc đang đấu tranh thoát khỏi ách thống trị của họ. Tác động to lớn của trào lưu xã hội chủ nghĩa, của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và các đảng cộng

Digitized by Google

sản, của phong trào độc lập dân tộc trong những biến đổi ở các nước tư bản hiện đại (để phân biệt với chủ nghĩa tư bản cổ điển) theo chiều hướng dân chủ, nhân đạo là hiển nhiên. Nói một cách khác, những biến đổi đó giành được do đấu tranh của nhân dân lao động, chứ không phải từ bản chất của chủ nghĩa tư bản.

Lê-nin tìm một mô hình xã hội chủ nghĩa cho nước Nga

Trong cuộc tranh luận về Cương lĩnh của ĐCS (b) Nga tháng 3-1918, Lê-nin nói: «...chủ nghĩa xã hội sẽ như thế nào khi nó đạt tới những hình thức hoàn chỉnh của nó, điều đó chúng ta không biết, không thể nói lên được... Những viên gạch dùng để xây dựng chủ nghĩa xã hội còn chưa làm xong. Chúng ta không thể nói gì hơn và chúng ta cần phải hết sức thận trọng và chính xác» (1). Lê-nin rất quan tâm đến sự thận trọng và tính chính xác trong các bước đi để đạt tới mục tiêu. Trong khi phê phán quan điểm của Béc-xtanh «phong trào là tất cả, mục tiêu cuối cùng không là cái gì», Lê-nin yêu cầu mục đích phải rõ ràng, con đường dẫn đến mục đích đó phải được quan niệm đúng đắn, phải có sự hình dung chính xác về tình hình thực tế trong một thời kỳ nhất định và về những nhiệm vụ trước mắt của thời kỳ ấy (2).

Để tìm ra một mô hình cho chủ nghĩa xã hội ở nước Nga, Lê-nin đã vận dụng sáng tạo tư duy của mình trong quá trình tiếp cận và nhận thức thực tế rất phức tạp của nước Nga hồi đó. Nghiên cứu sự phát triển của chủ nghĩa Lê-nin, chúng ta thấy từ tháng 4-1917 đến tháng 11-1920, Lê-nin vẫn chưa thoát khỏi định đề của Mác «phá vỡ chủ nghĩa tư bản» «chờ cách mạng thế giới». Ngày 3-4-1917, Lê-nin đưa ra khẩu hiệu «Cách mạng thế giới muôn năm». Tháng 11-19.0, Lê-nin còn nhận định «... Chúng ta bắt đầu sự nghiệp của mình một cách đặc biệt có tính đến cách mạng thế giới». Nhưng trước những khó khăn do «chủ nghĩa cộng sản thời chiến» gây nên, tại Đại hội II toàn Nga các ban giáo dục chính trị, Lê-nin tuyên bố dứt khoát: «Vì trình độ văn hóa của chúng ta thấp kém, chúng ta không thể tiêu diệt chủ nghĩa tư bản bằng một cuộc tấn công chính diện được» (3). Khác với quan điểm của Mác về phi hàng hóa, phi tiền tệ trong xã hội mới, Lê-nin chủ trương: làm sống lại thương nghiệp, kinh doanh nhỏ, chủ nghĩa tư bản... bắt chúng chịu sự điều tiết của nhà nước trong một chừng mực mà chúng vẫn hoạt động có hiệu quả (4).

Vấn đề đặt ra trước Lê-nin là «nước Nga chưa đạt tới trình độ phát triển những lực lượng sản xuất cần thiết để xây dựng chủ nghĩa xã hội». Như vậy danh hiệu «nhà nước xã hội chủ nghĩa» có thích hợp không? Lê-nin trả lời: «Có lẽ cũng không có người cộng sản nào lại phủ nhận điều sau đây: dành từ «nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết» có nghĩa là chính quyền xô viết quyết tâm thực hiện bước chuyển lên chủ nghĩa xã hội, chứ hoàn toàn không có nghĩa là đã thừa nhận chế độ kinh tế hiện nay là chế độ xã hội chủ nghĩa.

«Vậy thì danh từ quá độ có nghĩa là gì?. Vận dụng vào kinh tế, có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội không? Bất cứ ai cũng đều thừa nhận là có» (5).

(1) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 36, tr. 82–83

(2) Xem V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t.6, tr. 491

(3) Sách đã dẫn, t. 44, tr. 210

(4) Xem Sách đã dẫn, t. 44, tr 194–219

(5) Sách đã dẫn, t. 43, tr 248

Digitized by Google

Và cuối cùng trong cuộc đời (1-1923) của mình, Lê-nin thoát khỏi tư duy cũ về chủ nghĩa xã hội. Người khẳng định: «Ngày nay... chúng ta buộc phải thừa nhận là toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản. Sự thay đổi căn bản đó là ở chỗ: trước đây chúng ta đã đặt và không thể không đặt trọng tâm công tác của chúng ta vào đấu tranh chính trị, vào cách mạng, vào việc giành lấy chính quyền, v.v... Ngày nay, trọng tâm ấy đã chuyển sang công tác hòa bình tổ chức «văn hóa».. Cuộc cách mạng văn hóa ấy, đối với chúng ta, có những khó khăn không thể tưởng tượng được, về mặt thuần túy văn hóa (chúng ta bị mù chữ), cũng như về mặt vật chất (bởi vì muốn trở thành những người có văn hóa thì tư liệu vật chất để sản xuất phải phát triển tới một mức độ nào đó, chúng ta phải có một cơ sở vật chất nhất định nào đó)» (6).

Trong bối cảnh lịch sử đầu những năm 20, để thực hiện chính sách kinh tế mới «khôi phục chủ nghĩa tư bản trên một mức độ lớn. Khôi phục đến mức độ nào chúng ta chưa thể biết được? (7), Lê-nin đặt vấn đề «ai thắng ai?»:

«Toàn bộ vấn đề là ở chỗ ai sẽ vượt ai? Hoặc là bọn tư bản sẽ tổ chức nhau được trước, chúng sẽ đuổi những người cộng sản đi, và như thế thì còn nói gì được nữa. Cần nhìn những cái đó một cách tỉnh táo: ai sẽ thắng ai? Liệu chính quyền nhà nước vô sản, dựa vào nông dân, có sẽ tỏ ra có khả năng khống chế được các ngài tư bản một cách thích đáng; để hướng chủ nghĩa tư bản đi theo đúng phương hướng mà nhà nước đã vạch ra và tạo ra một thứ chủ nghĩa tư bản phục tùng nhà nước và phục vụ nhà nước không? Cần đặt vấn đề này một cách tỉnh táo. Về phương diện này, mọi hệ tư tưởng, mọi nghị luận về các quyền tự do chính trị đều là những nghị luận mà ta có thể thay rất nhiều... Tất cả những cái đó chỉ là ba hoa rỗng tuếch. Cần biết vứt bỏ những lời ba hoa rỗng tuếch đó đi» (8). Lê-nin đặc biệt quan tâm đến vấn đề quản lý: «Cứ việc hội họp thảo luận, nhưng quản lý thì không hề được mảy may dao động, hãy quản lý một cách kiên quyết hơn bọn tư bản trước kia» (9).

«Hãy nhớ rằng câu hỏi mà hiện nay cần phải giải đáp dứt khoát là: chúng ta có biết cách làm việc cho chính chúng ta được không? Nếu không – tôi xin nhắc lại – nước cộng hòa của ta sẽ bị diệt vong...

«Tất cả các đồng chí đều phải làm kinh tế. Bên cạnh các đồng chí sẽ có các nhà tư bản, cũng sẽ có các nhà tư bản nước ngoài, những người được tô nhượng và những nhà trung thầu; họ sẽ quơ của các đồng chí những món lợi nhuận lên tới hàng trăm phần trăm; họ sẽ làm giàu bên cạnh các đồng chí. Cứ để cho họ làm giàu, còn các đồng chí thì sẽ học được ở bọn họ cách quản lý kinh tế, chỉ có như thế, các đồng chí mới xây dựng được nước cộng hòa cộng sản chủ nghĩa» (10). Và để chiến thắng, Lê-nin nêu ba kẻ thù chính:

«Kẻ thù thứ nhất – tính kiêu ngạo cộng sản chủ nghĩa»

«Kẻ thù thứ hai – nạn mù chữ»

«Kẻ thù thứ ba – nạn hối lộ» (11).

Để chiến thắng, Lê-nin chủ trương «cả một loạt bước quá độ có thể có. Còn có thể làm cho «sợi dây» chùng hơn, không làm đứt nó, «thả chùng»

(6) Sách đã dẫn, t. 45, tr. 428–429
(7) Sách đã dẫn, t. 44, tr. 200
(8) Sách đã dẫn, t. 44, tr. 202
(9) Sách đã dẫn, t. 44, tr. 208
(10) Sách đã dẫn, t. 43, tr. 208–209
(11) Sách đã dẫn, t. 44, tr. 217–218

Digitized by Google

cho « dễ hơn » (12). Nhưng chính vì « cần có sự mềm dẻo tối đa » mà « bộ máy nhà nước phải cứng rắn ». Đảng phải thống nhất và kỷ luật, « tăng cường sự đoàn kết (và kỷ luật) trong nội bộ đảng » (13).

Chính sách kinh tế mới là những bước đi thích hợp rút kinh nghiệm từ « chủ nghĩa cộng sản thời chiến », Lê-nin đã tự phê bình coi là sai lầm khi tuyên bố chiến tranh với quan hệ hàng hóa, đồng nhất quan hệ hàng hóa với chủ nghĩa tư bản, chống tự do buôn bán v.v.

Theo dõi nghiệm túc tư duy của Lê-nin trong thời điểm 1917 – 1921 thì thấy những mâu thuẫn đã bộc lộ ngay trong tư duy của Lê-nin từ năm 1918. Trong khi Lê-nin cố giữ mô hình cổ điển xã hội chủ nghĩa do Mác đề ra một cách chung chung thì Lê-nin bắt đầu đã có suy nghĩ khác. Trong tác phẩm « Nhiệm vụ trước mắt của chính quyền xô viết » (1918), chúng ta thấy những bước đi quá độ mà Lê-nin tìm tòi không loại trừ sử dụng tất cả những kiến thức và văn hóa tư bản chủ nghĩa, và đặc biệt nhấn mạnh chủ nghĩa tư bản nhà nước để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lê-nin không sợ mình mâu thuẫn với mình, không sợ từ bỏ quan điểm cũ lỗi thời. Những trăn trở, những mâu thuẫn trong tư duy của Lê-nin và những người bôn sê vích vẽ một mô hình cho chủ nghĩa xã hội ở nước Nga có thể xem như là điều tất yếu, vì trước đó, vấn đề chủ yếu đặt ra là giành chính quyền, quan niệm về một xã hội mới (không phải là tư bản chủ nghĩa) còn là trừu tượng. Nắm vững mục tiêu, nhưng thực tiễn, chỉ có thực tiễn mới từng bước giúp cho họ những quan niệm đúng đắn về quá trình xây dựng một xã hội mới.

« Ai thắng ai » không phải là coi mọi thành tựu của chủ nghĩa tư bản là kẻ thù, đối lập với chúng, thủ tiêu chúng, « phá vỡ chúng » mà trái lại, phải và biết sử dụng chúng để phục vụ cho mục tiêu của mình. « Ai thắng ai » thực chất là nắm chắc chính quyền vô sản, biết sử dụng mọi kiến thức của chủ nghĩa tư bản, mọi của cải do nó tạo ra với sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, mau chóng nắm lấy những kiến thức, những thành tựu đó, luôn luôn sáng tạo, mạnh dạn đổi mới, kiên quyết từ bỏ những quan niệm lỗi thời, tạo tiền đề kinh tế – xã hội cho chủ nghĩa xã hội, tạo sự vững chắc cho chính quyền vô sản.

Sau khi Lê-nin mất, chính sách kinh tế mới chấm dứt vào năm 1929, và chủ nghĩa xã hội tiếp tục được xây dựng ở Liên xô theo khuynh hướng tập trung toàn bộ vào quản lý của nhà nước, ngày nay người ta gọi đó là « chủ nghĩa xã hội nhà nước ». Ở ngay Liên xô, không ít người, kể cả một số nhà khoa học, khi phê phán những sai lầm trong quá khứ, đặc biệt là những sai lầm của Xta-lin, đã phủ nhận hoàn toàn chủ nghĩa xã hội ở Liên xô, thậm chí coi « chủ nghĩa xã hội nhà nước » là « chủ nghĩa xã hội trại lính », là một thứ dị dạng của lịch sử. Phải nói ngay rằng, quan điểm hư vô chủ nghĩa, phi lịch sử đó đã đóng góp vào sự chống đối chủ nghĩa xã hội, chống xô viết, chống đảng cộng sản, bôi nhọ Lê-nin ở Liên xô (và không chỉ ở Liên xô). Những nhà khoa học chân chính, những người cộng sản chân chính, những công dân xô viết, nhất là những người thuộc thế hệ đã làm nên Cách mạng Tháng Mười và đã hy sinh lớn lao bảo vệ đất nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, đã chống lại quan điểm phi lịch sử và phi mác xít đó.

Lịch sử đã chứng minh Liên xô đã bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội

(12) Sách đã dẫn, t. 43, tr. 415
(13) Sách đã dẫn, t. 43, tr. 444

Digitized by Google

vì những thành tựu của nó hơn nửa thế kỷ qua là không thể phủ nhận, chúng gắn bó không chỉ với cuộc sống của người dân xô viết, mà còn với phong trào cách mạng thế giới, với văn minh nhân loại, biểu thị tính ưu việt hẳn của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa có từ thời cổ đại, nhưng chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ xuất hiện từ khi có chủ nghĩa Mác. Nó trở nên hiện thực từ sau Cách mạng Tháng Mười với Lê-nin và DCS Liên xô. Sai lầm, xuyên tạc không thể làm mất bản chất của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội được gọi là « chủ nghĩa xã hội nhà nước » phải được đổi mới, nhưng xét trên lịch sử cụ thể, không phải là một mô hình hoàn toàn khô cứng. Nó đã tạo được những bước nhảy vọt và góp phần quan trọng làm thay đổi bộ mặt thế giới, trong cuộc cạnh tranh với chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới. Tất nhiên, ngày nay nhìn lại, chúng ta thấy những thành tựu lớn lao của mô hình đó, đồng thời cũng thấy nó đã gây nên tổn thất lớn cho những lĩnh vực quan trọng khác của nền kinh tế trước hết là nông nghiệp. « Chủ nghĩa xã hội nhà nước » đã lợi dụng quá mức sự hăng hái của quần chúng lao động, và việc áp dụng chế độ bắt buộc, phương pháp mệnh lệnh phi kinh tế, làm mất tính chủ động và sức sáng tạo của người lao động, gây cản trở cho sự phát triển khoa học và kỹ thuật, khuyến khích phát triển kinh tế bề rộng hơn là chiều sâu, v.v. nguyên nhân của sự trì trệ và lạc hậu mà ngày nay các nước xã hội chủ nghĩa đã phải trả giá quá đắt.

« Chủ nghĩa xã hội nhà nước » đã vấp phải những mâu thuẫn không thể tránh khỏi, nó đã đẩy chế độ xã hội chủ nghĩa vào cơn khủng hoảng từ cục bộ đến toàn diện. Đổi mới chủ nghĩa xã hội trở nên tất yếu. Nhưng đổi mới chủ nghĩa xã hội không có nghĩa là thay đổi chủ nghĩa xã hội bằng chủ nghĩa tư bản hay bằng một con đường thứ ba. Đổi mới chủ nghĩa xã hội là trả lại cho nó tính khoa học và cách mạng, trả lại cho nó bộ mặt dân chủ và nhân đạo. Đó là sự tạo nên một mô hình xã hội chủ nghĩa mới phù hợp với tiến hóa của lịch sử. Đó là cả một quá trình, phải từng bước kiên quyết, nhưng thận trọng và chắc chắn. Từ một mô hình có nhiều khuyết tật, mà muốn chuyển sang một mô hình mới, phải có nhiều thời gian. Khủng hoảng kéo dài đã dẫn tới mất chủ nghĩa xã hội, hay dẫn tới hỗn loạn triền miên ở một số nước xã hội chủ nghĩa, bắt nguồn từ sự nóng vội, thiếu những bước đi thận trọng và chắc chắn, thiếu kiên định những tiêu chuẩn và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Thực chất, đó còn là một cuộc đấu tranh « ai thắng ai ? ». Và trong cuộc đấu tranh đó, không phải lấy chủ nghĩa xã hội đối đầu với chủ nghĩa tư bản (14), không phải là tạo nên một xã hội thuần khiết không bao giờ có, mà là khai thác và biết khai thác những thành tựu của chủ nghĩa tư bản phục vụ cho chủ nghĩa xã hội. Chính sách kinh tế mới của Lê-nin không phải là một mô hình, mà là một chiến lược để tạo ra một mô hình. Tinh thần đó của Lê-nin, tư duy đó của Lê-nin phải được sống lại. Nói như một số người xô viết hiện nay, phải để cho chủ nghĩa xã hội sống « một cuộc đời thứ ba » của Lê-nin (15). Những yếu tố quyết định

(14) Trong lúc những kẻ cầm quyền ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa luôn luôn đối đầu và tìm mọi cách tiêu diệt chủ nghĩa xã hội, tiêu diệt những người cộng sản, đó là hành động đi ngược lại quy luật phát triển lịch sử, chứng tỏ sự hung hãn thuộc bản chất của giai cấp tư sản, cuộc đấu tranh giai cấp còn quyết liệt trong thời đại ngày nay.

(15) Cuộc đời thứ nhất : khi Lê-nin còn sống, cuộc đời thứ hai : sau khi Lê-nin mất, sự dụng lại lịch sử của Người bằng mọi cách, cuộc đời thứ ba : tư tưởng, phong cách, phương pháp Lê-nin phải được sống lại chân thật trong cuộc cải tổ hiện nay.

Digitized by Google

cho cuộc sống đó là: sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nhân dân, sự vững vàng của nhà nước vô sản, và quyền lãnh đạo đúng đắn của Đảng cộng sản.

Chủ nghĩa xã hội không chỉ có một mô hình

Chỉ có một chủ nghĩa xã hội mà theo Mác, đặc trưng nổi bật nhất là trên cơ sở lực lượng sản xuất phát triển cao, sản xuất được **xã hội hóa** bằng sự thay thế sở hữu tư nhân bởi sở hữu xã hội với mục đích thủ tiêu bóc lột, và những quan hệ kinh tế – xã hội được **nhân đạo hóa** với sự phát triển của vai trò cá nhân theo phương châm «tự do cá nhân là điều kiện của tự do toàn xã hội» – mục đích cuối cùng của sự phát triển nền sản xuất đã được xã hội hóa. Những đặc trưng đó được thể hiện trong vai trò làm chủ xã hội của nhân dân lao động và sự phân phối của cải vật chất thặng dư theo lao động. Đó là ranh giới giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội, đó là sự gắn gũi đồng thời là sự khác biệt giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa xã hội dân chủ hay dân chủ xã hội. Ở các nước theo chế độ dân chủ xã hội, những phúc lợi xã hội do đấu tranh của nhân dân lao động mà có, cũng chính là những mục tiêu xã hội mà nhiều nước xã hội chủ nghĩa chưa đạt tới, có thể nói là những yếu tố xã hội chủ nghĩa trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa. Ở những nước này, có nhiều điều chúng ta cần nghiên cứu học tập, nhưng các nước đó vẫn là các nước tư bản chủ nghĩa, không phải là con đường tiến tới của nước ta. Vì ở những nước này, tư liệu sản xuất chủ chốt vẫn nằm trong tay tư bản, từ đó giai cấp tư sản nắm những yết hầu của nền kinh tế quốc dân, chi phối đường hướng chính trị của đất nước, giai cấp công nhân và nhân dân lao động vẫn ở địa vị người làm thuê, mâu thuẫn giữa tư bản và lao động không hề giảm bớt. Không thể vì khủng hoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa mà trở lại với chủ nghĩa tư bản hay chế độ dân chủ xã hội, mà ngược lại phải vượt lên khỏi chế độ dân chủ xã hội, xây dựng cho được chủ nghĩa xã hội. Đó là con đường mà lịch sử thắng lợi của phong trào mác xít đã chứng minh. Liên minh với những người dân chủ xã hội, với các tổ chức phái tả khác là cần thiết, nhưng không thể đồng nhất cách mạng với cải lương. Một xã hội xã hội chủ nghĩa phải đạt tới các mục tiêu: – kinh tế, văn hóa phát triển cao; mọi người đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, công bằng xã hội và dân chủ được luật pháp đảm bảo; các dân tộc trong nước sống trong quan hệ anh em, bình đẳng, và hữu nghị với các dân tộc khác trên thế giới.

Chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ có một, nhưng có nhiều con đường đến với nó, có nhiều mô hình thể hiện nó. Sự khác biệt giữa các con đường tiếp cận với chủ nghĩa xã hội, sự đa dạng về mô hình cũng như sự khác nhau về các bước đi là do đặc điểm lịch sử và xã hội của mỗi nước, mỗi dân tộc quyết định. Sự rập khuôn, máy móc theo một mô hình nhất định, dù mô hình đó đã đạt tới sự phát triển cao, đều đưa đến những tổn thất nặng nề.

Có ý kiến cho rằng không nên quy thành mô hình này, mô hình kia. Ý kiến này không phải không có cơ sở. Trải qua hơn nửa thế kỷ, chưa có một mô hình xây dựng chủ nghĩa nào là không có sai lầm, không phát sinh những mâu thuẫn từ bản thân các mô hình đó. So với các chế độ trước, chế độ xã hội chủ nghĩa là mới mẻ. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, một chế độ mới thay được chế độ cũ không phải là công cuộc vài ba mươi năm, mà là một quá trình trải dài hàng thế kỷ. Tuy hơn 70 năm, kể từ

Digitized by Google

ngày Cách mạng Tháng Mười thành công, chủ nghĩa xã hội khoa học cũng đang ở thời kỳ đầu. Vừa xây dựng, vừa tìm tòi, phát hiện những cái mới, vừa rút kinh nghiệm, sửa chữa, điều chỉnh, hoàn thiện.

Vấn đề chính là nắm vững tiêu chuẩn và mục tiêu đề ra cho từng giai đoạn; trên những tiêu chuẩn và mục tiêu đó, phác ra cương lĩnh, chiến lược và kế hoạch cụ thể. Cuộc sống sẽ chứng minh sự đúng đắn hay sai lầm của đường lối, chính sách và phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo của chúng ta. Điều quan trọng là phải làm cho đúng, quyết tâm thực hiện cái đúng, sớm phát hiện cái sai, kiên quyết và mau chóng sửa chữa, không để cho cái mụn nhỏ trở thành cái ung lớn.

Vai trò của cương lĩnh và chiến lược là đánh giá đúng thực trạng của xã hội và tìm ra được những định hướng phát triển phù hợp với trình độ, điều kiện đất nước, có tính đến những yếu tố tích cực và tiêu cực của thời đại tác động đến con đường phát triển của nước ta. Mâu thuẫn cơ bản của nước ta là mâu thuẫn giữa con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội với trạng thái xã hội kém phát triển và những lực lượng cản trở con đường đó. Với tinh thần chủ động, Đảng ta đang tích cực chuẩn bị Cương lĩnh thứ hai của Đảng: «Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ», nhằm giải quyết mâu thuẫn cơ bản đó, đưa nước ta tiến lên sánh với các nước tiên tiến trên thế giới.

Năm 90 chuyển bước vào thập niên 90. Với cách mạng mới của khoa học – kỹ thuật đang như bão tố, mười năm sắp tới là mười năm sôi động, lay chuyển dữ dội, thay đổi lớn lao bộ mặt thế giới. Nhưng con người là quyết định. Chủ nghĩa xã hội lấy phục vụ con người làm mục đích cao cả. Đảng ta lãnh đạo nhân dân ta kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, nắm chắc chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, biết tiếp thu mọi trí tuệ của nhân loại, biết tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp, nhận biết sai lầm và kiên quyết sửa chữa sai lầm. Đã quyết đi, tất phải đến. Nói như Lê-nin trong dịp kỷ niệm lần thứ tư Cách mạng Tháng Mười: «... không sợ phải làm lại nhiều lần những cái chúng ta đã bắt đầu, không sợ phải sửa chữa sai lầm; chính là nhờ hiểu sâu ý nghĩa của những sai lầm đó, – mà chúng ta sẽ lên những lớp cao hơn» (16).

Chủ nghĩa xã hội là tương lai của loài người. Chủ nghĩa xã hội sẵn sàng đón nhận thử thách mới của thời đại với tinh thần, ý chí và trí tuệ của những người làm nên Cách mạng Tháng Mười vĩ đại.

11-1990

(16) Sách đã dẫn t. 44; tr. 191

Digitized by Google

Về vị trí và chức năng lịch sử của chủ nghĩa xã hội

MAI HIỀN *

TRONG phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã nảy sinh những quan niệm rất khác nhau về chủ nghĩa xã hội. Đã có những xu hướng muốn từ bỏ chủ nghĩa xã hội để theo con đường xã hội dân chủ, từ bỏ phong trào cộng sản để gia nhập Quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Tình hình đó có nhiều nguyên nhân. Bên cạnh những nguyên nhân sâu xa thuộc lĩnh vực quan điểm lịch sử, quan điểm triết học, lợi ích giai cấp, còn có nguyên nhân trực tiếp bắt nguồn từ sự khác nhau trong việc đánh giá chủ nghĩa xã hội hiện thực, chủ nghĩa tư bản hiện đại và nhiều vấn đề lớn khác của thời đại ngày nay. Nhưng nếu xét riêng lĩnh vực nhận thức thì cuộc tranh luận đang diễn ra xoay quanh một thực tiễn lịch sử liên quan trực tiếp đến sự ra đời, vị trí và chức năng lịch sử của chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội đã ra đời vào một thời điểm mà trình độ phát triển sức sản xuất của xã hội loài người còn thấp. Và đến nay đã gần một thế kỷ, sức sản xuất vẫn chưa vượt được trình độ của chủ nghĩa tư bản.

Năm 1917 — năm ra đời của chủ nghĩa xã hội, mới chỉ là thời điểm nằm giữa hai cuộc cách mạng trong công nghiệp. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đến nay mới bắt đầu. Chắc chắn là cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật này sẽ tạo nên một bước nhảy vọt mới của sức sản xuất. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy rằng, mỗi bước nhảy vọt của sức sản xuất đều tất yếu kéo theo nó những biến đổi ở tầm cỡ cách mạng trên các lĩnh vực xã hội và chính trị. Tuy vậy, lúc này cũng chưa đủ dữ kiện để dự đoán đến bao giờ thì sức sản xuất sẽ đạt đến trình độ cần thiết cho sự ra đời xã hội cộng sản chủ nghĩa, một xã hội cao hơn hẳn xã hội tư bản chủ nghĩa về mọi mặt; như Mác đã nêu ra.

Trong khi đang phải tìm tòi về mặt lý luận, chủ nghĩa xã hội lại vấp phải những khó khăn không nhỏ trong thực tiễn xây dựng. Đổi mới, cải tổ chủ nghĩa xã hội được đặt ra, những khó khăn và vấp váp mới lại càng làm cho lĩnh vực lý luận thêm phức tạp, thậm chí hỗn loạn. Từ đó, ngay trong đội ngũ cộng sản, ở nhiều người đã xuất hiện quan điểm từ bỏ chủ nghĩa xã hội. Họ coi việc Lê-nin lựa chọn chủ nghĩa xã hội là một sai lầm lịch sử, coi chủ nghĩa xã hội là một nhánh cụt, cần phải quay trở về với dòng chính của lịch sử là chủ nghĩa tư bản. Họ cho rằng không có

* Chuyên viên Ban đối ngoại trung ương

Digitized by Google

con đường đổi mới chủ nghĩa xã hội, mà chỉ có con đường từ bỏ chủ nghĩa xã hội. Lập luận của họ là: khi chưa có cơ sở khách quan (sức sản xuất xã hội) để xây dựng một xã hội cao hơn hẳn xã hội tư bản chủ nghĩa, thì không thể tồn tại một xã hội nào khác ngoài xã hội tư bản chủ nghĩa.

Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải đặt chủ nghĩa xã hội vào bối cảnh tồn tại khách quan của nó (trình độ phát triển của sức sản xuất hiện nay), xác định một cách rõ ràng vị trí và chức năng lịch sử của chủ nghĩa xã hội. Việc làm đó không chỉ nhằm bảo vệ chủ nghĩa xã hội trên lĩnh vực nhận thức, mà còn có ý nghĩa quyết định đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thực tiễn. Một chế độ xã hội chỉ có thể tồn tại nếu trên thực tế nó có chức năng lịch sử của nó, nếu sự tồn tại của nó cần thiết cho nhân loại.

★

Chủ nghĩa xã hội hiện tại có thể được coi là phương án tổ chức xã hội của giai cấp công nhân thực hiện chức năng lịch sử giải phóng người lao động trong điều kiện con đường phát triển của sức sản xuất còn dài, trước khi đạt đến trình độ làm cho sự tiêu vong của chủ nghĩa tư bản và việc thay thế chủ nghĩa tư bản bằng một hình thái kinh tế xã hội cao hơn trở thành một tất yếu kinh tế.

Con người là chủ thể sáng tạo lịch sử. Lịch sử nhân loại là lịch sử của quá trình con người vừa đấu tranh với thiên nhiên, vừa tiến hành đấu tranh xã hội để tự giải phóng mình. Những thành tựu vật chất và tinh thần mà loài người đã đạt được, là phương tiện con người tạo ra với qui mô ngày càng lớn để tự giải phóng mình.

Quá trình nối tiếp nhau của các hình thái kinh tế xã hội như chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa, là quá trình từng bước mở đường cho sức sản xuất phát triển, đồng thời cũng là quá trình con người từng bước được giải phóng. Các chế độ nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa đều là những xã hội do giai cấp bóc lột thống trị. Bóc lột lao động cũng là chiếm đoạt sức lao động của người khác, nhưng các giai cấp bóc lột khác nhau thì có những cách bóc lột khác nhau. Để có thể chiếm đoạt sức lao động của người nô lệ, giai cấp chủ nô đã chiếm đoạt cả thể xác người nô lệ; để mua bán sức lao động, người ta đã mua bán cả con người, bản thân con người đã trở thành hàng hóa. Trong chế độ phong kiến, giai cấp chúa đất chỉ cần chiếm đoạt ruộng đất và buộc chặt người nông dân vào lãnh địa của mình. Trong chủ nghĩa tư bản, nền sản xuất hàng hóa phát triển cao đã tạo cho giai cấp tư sản khả năng: chỉ cần nắm tư bản là đủ để chiếm đoạt, sử dụng toàn bộ sức lao động xã hội. Trên thị trường sức lao động, người lao động trở thành người tự do bán sức lao động của mình.

Từ số phận người nô lệ đến số phận người vô sản tự do bán sức lao động trên thị trường đã là một bước tiến lớn trong quá trình giải phóng con người. Tuy vậy, người lao động vẫn là người làm thuê. Trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản, sự nghiệp giải phóng con người không thể nào đi xa hơn thế được.

Việc giai cấp vô sản xuất hiện như là một lực lượng xã hội độc lập, có học thuyết xã hội của mình, có đội tiền phong của mình, là một bước phát triển về chất của quá trình giải phóng con người. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, những thành tựu giải phóng con người là những kết quả phụ, mang tính phương tiện phục vụ nhu cầu

Digitized by Google

phát triển sức sản xuất và lợi ích của giai cấp bóc lột. Nhưng cũng tại đó đã xuất hiện giai cấp vô sản; giai cấp này ngày càng lớn mạnh, nhận thức được mình và tổ chức ra đội tiền phong để tự giải phóng. Sự nghiệp đó được thực hiện một cách tự giác. Theo ý nghĩa đó, Cách mạng Tháng Mười Nga là một bước ngoặt lịch sử, mở ra thời đại giải phóng con người, giải phóng xã hội, thời đại người lao động làm chủ xã hội.

Những sự kiện trên không phải là ngẫu nhiên mà là kết quả tất yếu của một quá trình phát triển lịch sử cụ thể. Giai cấp vô sản, chủ nghĩa Mác — Lê-nin chỉ có thể ra đời trên cơ sở một trình độ phát triển nhất định của sức sản xuất xã hội. Việc chủ nghĩa xã hội ra đời và đảm nhiệm sứ mạng giải phóng của mình từ những cơ sở kinh tế xã hội lạc hậu cũng là kết quả tự nhiên của quá trình phá vỡ hệ thống thống trị của chủ nghĩa tư bản từ những mắt xích yếu nhất của nó.

Thắng lợi của giai cấp vô sản đã diễn ra không như Mác dự tính. Thắng lợi đó đã diễn ra không phải từ một xã hội tư bản chủ nghĩa phát triển đã đến độ chín muồi, không phải từ sự phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa không còn chứa đựng nổi lực lượng sản xuất phát triển quá lớn mạnh. Giai cấp vô sản đã giành quyền làm chủ quá trình phát triển xã hội theo một kiểu khác.

Vào cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, sức sản xuất đã có một bước nhảy vọt về chất. Bước nhảy vọt này tạo ra hai hệ quả xã hội — chính trị quan trọng:

Một là, giai cấp tư sản, nhờ sức sản xuất mới, đã đánh bại hoàn toàn chế độ phong kiến, và một thế kỷ sau, đã thống nhất thế giới dưới quyền thống trị của nó.

Hai là, giai cấp vô sản đại công nghiệp đã ra đời. Suốt thế kỷ 19, giai cấp đó đã trưởng thành và trở thành một lực lượng xã hội độc lập, có học thuyết xã hội của mình, có tổ chức chính trị của mình. Cũng một thế kỷ sau, ở nước Nga, giai cấp đó đã nắm quyền lãnh đạo và đã lãnh đạo thành công cuộc cách mạng lật đổ chế độ phong kiến Xa hoàng, trở thành giai cấp cầm quyền, làm chủ quá trình phát triển xã hội và đã tìm ra một phương án mới để tổ chức xã hội của mình. Chủ nghĩa xã hội đã ra đời, một xã hội của người lao động, không có chế độ người bóc lột người, đã được xây dựng.

Chủ nghĩa xã hội đã ra đời và phát triển trên 70 năm. Từ một quốc gia đơn độc, chủ nghĩa xã hội đã rộng lớn ra, trở thành một lực lượng hùng mạnh, đóng vai trò quyết định trong việc giải phóng nhân loại khỏi những tai họa mà chủ nghĩa tư bản đã trút lên đầu các dân tộc: chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa thực dân.

Cũng như sau Cách mạng Tháng Mười giai cấp vô sản Nga phải tìm cho mình một phương án tổ chức xã hội, ngày nay các dân tộc sau khi thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc cũng phải tìm cho mình một phương án tổ chức xã hội phù hợp.

Ngọn cờ giải phóng của giai cấp vô sản đã đưa nhiều dân tộc, nhiều lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc đến với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đến với chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội đã mở rộng địa bàn sang các nước thuộc địa cũ, nơi mà trình độ phát triển sức sản xuất, phát triển xã hội còn lạc hậu hơn nhiều so với nước Nga năm 1917.

Lịch sử cụ thể là như vậy. Không chờ điều kiện khách quan, lực lượng sản xuất phát triển đến độ làm cho sự tiêu vong của chủ nghĩa tư bản và sự thay thế nó bằng một hình thái kinh tế xã hội cao hơn trở thành một tất yếu kinh tế.

Digitized by Google

Trình độ phát triển còn thấp của lực lượng sản xuất không hề phủ định khả năng lựa chọn một phương án tổ chức xã hội khác với phương án tư bản chủ nghĩa. Nhưng muốn làm được việc đó, chúng ta phải xuất phát từ bối cảnh khách quan, nhìn nhận một cách rõ ràng chức năng lịch sử của chủ nghĩa xã hội, từ đó đánh giá chủ nghĩa xã hội trên thực tế, xác định nội dung bên trong của chủ nghĩa xã hội, đổi mới nhận thức lâu nay về chủ nghĩa xã hội.

Từ hoàn cảnh ra đời như vậy, chủ nghĩa xã hội tất yếu đòi hỏi một phương án tổ chức xã hội thế nào để có thể **một mặt**, cho phép theo kịp và vượt chủ nghĩa tư bản về phát triển sức sản xuất, và **mặt khác**, cho phép thực hiện giải phóng người lao động. Việc giải phóng người lao động, biến người lao động thành người chủ của xã hội, là sự khác biệt cơ bản giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Với tư cách là phương án sản xuất hàng hóa của giai cấp tư sản, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa vẫn cho phép sức sản xuất phát triển mạnh mẽ trong lòng nó. Nhờ đó, mức sống vật chất của người lao động vẫn được nâng cao. Cơ chế bóc lột sức lao động của chủ nghĩa tư bản cho phép giai cấp tư sản thiết lập nhà nước pháp quyền. Khuôn khổ pháp quyền tư sản vẫn có thể dành cho người lao động những quyền tự do nhất định. Chỉ có điều là giai cấp tư sản đã làm việc đó trên cơ sở đặt người lao động vào vị trí người làm thuê. Số phận của họ trước sau vẫn là: chỉ có thể sống nếu bán được sức lao động, và chỉ có thể bán được sức lao động nếu sức lao động đó đem lại lợi nhuận cho giai cấp tư sản.

Lợi nhuận của giai cấp tư sản là mục tiêu của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, là động lực phát triển của xã hội tư bản chủ nghĩa. Và cũng chính từ động lực đó đã đẻ ra những tai họa mà nhân loại phải chịu đựng suốt mấy thế kỷ nay: áp bức dân tộc và chiến tranh xâm lược.

Chủ nghĩa xã hội cũng phải phát triển sức sản xuất, nhưng khác với chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội làm việc đó trên cơ sở xác lập vị trí người lao động làm chủ nền kinh tế, làm chủ xã hội.

Chủ nghĩa xã hội, tuy chưa thể là một xã hội phi hàng hóa, phi giai cấp và phi chính trị, chưa phải là một bước ngoặt đưa nhân loại từ "vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do", nhưng chủ nghĩa xã hội đã là một xã hội do người lao động lập ra, một xã hội của người lao động và vì người lao động. Đó là lý do tại sao người lao động lựa chọn chủ nghĩa xã hội chứ không lựa chọn chủ nghĩa tư bản, và cũng chỉ có người lao động mới lựa chọn chủ nghĩa xã hội. Và cũng chính vì thế, chủ nghĩa xã hội chỉ có thể tồn tại, chỉ có thể đứng vững trước mọi sóng gió, nếu người lao động thực sự là người chủ của xã hội. Người lao động làm chủ là động lực của xã hội xã hội chủ nghĩa, là đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, đứng về chức năng giải phóng con người, chủ nghĩa xã hội là một xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản. Còn về chức năng phát triển lực lượng sản xuất, thì việc lựa chọn chủ nghĩa xã hội là một sự bác bỏ phương án sản xuất tư bản chủ nghĩa.

★

Chủ nghĩa xã hội đang lâm vào khủng hoảng. Lối thoát khỏi cuộc khủng hoảng này là sự đổi mới chủ nghĩa xã hội cả trong nhận thức và trong thực tế. Chủ nghĩa xã hội được đổi mới sẽ có đầy đủ khả năng để vừa thực hiện chức năng giải phóng

Digitized by Google

người lao động vừa phát triển mạnh mẽ sức sản xuất, đem lại cho người lao động một cuộc sống tốt đẹp trên lĩnh vực vật chất cũng như tinh thần.

Khi khẳng định chủ nghĩa xã hội với một nội dung lịch sử cụ thể như vậy, chúng ta không hề đối lập với khái niệm của Mác về hình thái kinh tế xã hội. Chúng ta chỉ xử lý một hiện tượng lịch sử cụ thể xuất hiện trong một thời kỳ lịch sử cụ thể. Ở đây, chúng ta xem chủ nghĩa xã hội là một biểu hiện lịch sử cụ thể của khái niệm mác xít—lê nin nít về phép biện chứng giữa cái chủ quan và cái khách quan của quá trình lịch sử. Chúng ta hiểu rằng, tính tất yếu lịch sử khách quan không hề loại trừ việc lựa chọn mang tính lịch sử. Mỗi giai cấp, mỗi lực lượng xã hội đều tìm cách thực hiện cái tất yếu khách quan theo cách của mình, vì lợi ích của mình. Do đó, tính tất yếu lịch sử khách quan được thực hiện một cách khác nhau, nó mang hình thức cụ thể nào đó là tùy thuộc vào cuộc đấu tranh giữa các giai cấp, vào thắng lợi của một giai cấp nào đó.

Quá trình phát triển của lịch sử phụ thuộc vào những quy luật khách quan độc lập với ý thức và ý chí của con người. Nhưng quá trình đó lại do chính bản thân con người sáng tạo ra. Sự phát triển của xã hội sẽ không thể có được nếu thiếu sự kết hợp giữa hoạt động tự giác của con người với quá trình xã hội tự phát. Không xử lý một cách thích đáng mối quan hệ biện chứng giữa cái chủ quan và cái khách quan, đứng trước những hiện tượng lịch sử mới xuất hiện, người ta dễ rơi vào tình trạng dao động trong nhận thức, từ cực này sang cực khác, từ chủ quan duy ý chí đến khách quan định mệnh, từ lập trường giai cấp cực đoan đến cường điệu giá trị nhân loại phi giai cấp, hoặc ngược lại.

ĐỂ BẢO ĐẢM...

(Tiếp theo trang 19)

hiện tượng tiêu cực trong đảng và trong xã hội. Lê-nin đã từng nói, tính công khai trong đấu tranh phê bình là thanh bảo kiếm để chữa lành các vết thương.

Trong quá trình đấu tranh thực hiện dân chủ, cũng cần kịp thời phê phán, uốn nắn những biểu hiện cực đoan, lệch lạc, những hoạt động cơ hội, mị dân, những hành vi vẻ vuốt lấy lòng quần chúng, làm ra vẻ ta đây là người dân chủ. Đồng thời sớm chấm dứt những việc làm mang tính dân chủ hình thức, kiểu như: cấp ủy hoặc người có thẩm quyền đã quyết định đề bạt cán bộ rồi mới hỏi ý kiến của quần chúng và cấp dưới, cấp ủy cấp trên giới thiệu cấp ủy viên của mình về các địa phương và cơ sở ứng cử để đại hội đảng ở đó bầu làm đại biểu đi dự đại hội cấp trên... Thời buổi bây giờ mà còn giữ cách làm kiểu ấy thì quần chúng không thể chấp nhận được.

Digitized by Google

Để bảo đảm dân chủ trong đảng

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

THỰC hiện dân chủ là yêu cầu nội tại trong sự phát triển của đảng cộng sản, là nguyện vọng chính đáng của đông đảo cán bộ, đảng viên, và là sự phản ánh xu thế phát triển của thời đại. Nội bộ đảng không dân chủ thì mọi sáng kiến và trí tuệ trong đảng không được phát huy, tổ chức đảng không có sinh khí và không thể cường tráng. Trong tình hình hiện nay, mở rộng dân chủ trong đảng còn là một nội dung cơ bản để đổi mới đảng và thúc đẩy công cuộc dân chủ hóa toàn xã hội.

Nhưng làm thế nào để trong đảng thật sự có dân chủ? Đây là vấn đề rất đáng suy nghĩ, rất cần tổng kết.

Thực tế nhiều năm qua đã cho thấy, không phải cứ hô khẩu hiệu dân chủ, nói nhiều về dân chủ là tự nhiên có dân chủ. Điều quyết định, cái bảo đảm cho dân chủ được thực hiện là phải giải quyết tốt ba loại vấn đề chủ yếu sau đây:

1 — Hiểu đúng và có nhận thức thống nhất vấn đề dân chủ trong đảng.

Trên vấn đề này lâu nay có rất nhiều cách hiểu khác nhau. Gần đây, ở một số nước cũng có người muốn đặt lại vấn đề hoặc bổ sung những nội dung mới về dân chủ trong đảng.

Có người hiểu dân chủ là đảng viên muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm; đảng viên có thể không chấp hành cả nghị quyết của đảng, có thể tuyên truyền công khai quan điểm riêng của mình ở mọi nơi, kể cả trên các phương tiện thông tin đại chúng; đảng viên được tự do liên kết lập ra nhóm này, nhóm khác trong đảng hoặc hoạt động trái với quan điểm đường lối chung của đảng; tổ chức đảng cấp dưới không cần phục tùng quyết định của tổ chức đảng cấp trên. Thậm chí có người còn muốn đảng chỉ nên là một tổ chức giống như câu lạc bộ, tha hồ bàn cãi, tranh luận; muốn trong đảng có những phe nhóm đối lập để kiềm chế lẫn nhau. Và người ta coi đấy là tiêu chí quan trọng để đánh giá trình độ dân chủ của một đảng, cũng giống như trong một nước phải có nhiều đảng lãnh đạo hoặc nhiều tổ chức đối lập mới là có dân chủ.

Lại có khuynh hướng hiểu dân chủ trong đảng một cách cứng nhắc, cũ kỹ. Dân chủ đường như phải theo một khuôn khổ nhất định, dân chủ như là phương tiện để đạt đến sự tập trung; không muốn đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới độc lập suy nghĩ, tìm tòi sáng tạo; đồng nhất khoa học với chính trị, đồng nhất ý kiến nghiên cứu với quan điểm

Digitized by Google

đường lối của đảng. Vì thế, ai nói khác ý kiến lãnh đạo liền bị thành kiến hoặc bị quy chụp là chống lãnh đạo, chống đảng.

Một số người đối lập dân chủ với tập trung, tách rời việc phát huy sáng kiến, sáng tạo của đảng viên với việc thực hiện kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất của đảng. Họ vin vào những sai lầm quan liêu, độc đoán, mất dân chủ của một số người lãnh đạo nào đó để phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ, cho rằng thực hiện tập trung dân chủ là nguyên nhân gây ra sự độc đoán, độc tài trong đảng. Mọi sự phê bình, xử lý đảng viên đều bị họ quy cho là vi phạm dân chủ trong đảng, độc đoán độc tài, phong kiến quân phiệt...

Những cách hiểu trên đây là phiến diện, cực đoan, do đó có hại cho việc phát huy dân chủ trong đảng. Cả lý luận và thực tiễn đều chứng minh rằng, tính chất và mức độ dân chủ của một đảng không phải biểu hiện ở chỗ trong đảng có ít hay nhiều phe phái đối lập, có ít hay nhiều quan điểm khác nhau, cũng không phải ở chỗ nội bộ có sự đấu đá, chống đối, bắt bẻ hay răm rắp phục tùng... Mấu chốt quyết định tính chất và mức độ dân chủ của một đảng là **ở chỗ đảng đó phát huy đến mức nào trí tuệ và quyền bình đẳng của các đảng viên**, cũng giống như tính chất và mức độ dân chủ của một xã hội được quyết định bằng việc thực hiện đến mức nào lợi ích và ý chí của nhân dân lao động.

Dân chủ trong đảng thể hiện cụ thể trên các mặt cơ bản sau đây:

— Bảo đảm thật sự tự do tư tưởng trong sinh hoạt đảng, khuyến khích và tôn trọng sự suy nghĩ độc lập, sáng tạo, thảo luận, tranh luận thẳng thắn, nhằm phát huy trí tuệ của toàn đảng, của từng cán bộ, đảng viên trong việc chuẩn bị các quyết định, ra quyết định và thực hiện quyết định. Trong các hội nghị đảng, mọi đảng viên đều có quyền bàn bạc và tham gia quyết định các công việc của đảng, phê bình, chất vấn các cán bộ, đảng viên khác, được trình bày hết ý kiến của mình, và khi cần có thể được bảo lưu ý kiến hoặc đề đạt ý kiến lên các cơ quan cấp trên cho đến đại hội đại biểu toàn quốc của đảng. Các quyết định của tổ chức đảng được thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số.

— Cơ quan lãnh đạo của đảng ở tất cả các cấp phải được bầu cử một cách dân chủ theo nguyên tắc bỏ phiếu kín, không gò ép, áp đặt. Trong quá trình chuẩn bị bầu cử cấp ủy và trong công tác cán bộ, tổ chức đảng tôn trọng và lắng nghe ý kiến của đảng viên và quần chúng, kết hợp sự giới thiệu chuẩn bị của cơ quan có thẩm quyền với sự đề cử, ứng cử của đảng viên. Mọi đảng viên đều có quyền đề cử, ứng cử và bầu cử. Khuyến khích đảng viên ứng cử.

— Sự lãnh đạo của đảng theo nguyên tắc tập thể kết hợp với phân công trách nhiệm cá nhân. Cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy phải báo cáo công việc và chịu trách nhiệm trước tập thể bầu ra mình. Tập thể và quần chúng giám sát, kiểm tra các hoạt động của cơ quan lãnh đạo.

— Trong đảng thường xuyên tự phê bình và phê bình, bảo đảm kỷ luật tự giác và đoàn kết thống nhất.

— Việc đề bạt, khen thưởng và thi hành kỷ luật đảng viên là do tập thể bàn bạc, đảng viên được trình bày hết ý kiến khi tổ chức đảng quyết định kỷ luật đối với mình. Mọi đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của đảng.

— Phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc sâu sát cơ sở, sâu sát quần chúng. Cán bộ lãnh đạo gần gũi và thường xuyên đối thoại với đảng viên và quần chúng...

Rõ ràng, nếu thực hiện tốt những nội dung trên đây sẽ phát huy được

Digitized by Google

dân chủ trong đảng, khai thác được trí tuệ và sức mạnh của toàn đảng.

Từ Đại hội VI của Đảng đến nay, Đảng ta đã có bước tiến mới về thực hiện dân chủ trong sinh hoạt đảng, trong việc chuẩn bị các quyết định của đảng, trong việc bầu cử cấp ủy và đánh giá, đề bạt cán bộ, trong quan hệ và lề lối làm việc giữa cấp trên và cấp dưới, giữa cấp ủy đảng với chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Đợt tự phê bình và phê bình, đấu tranh thẳng thắn, chân tình của Bộ chính trị, Ban bí thư và BCH TƯ trong các dịp Hội nghị trung ương 8 và Hội nghị trung ương 9 vừa qua là một ví dụ về sự chuyển biến trong phong cách làm việc của các cơ quan lãnh đạo đảng. Nhưng phải thừa nhận rằng những tiến bộ đó còn rất hạn chế, trình độ dân chủ trong đảng còn xa mới đạt yêu cầu. Những hiện tượng mất dân chủ, dân chủ hình thức, cùng những tư tưởng ngôi thứ, gia trưởng trong đảng, độc đoán, thành kiến.... còn khá nặng nề. Không ít cán bộ lãnh đạo ở các cấp, các ngành gần như đã thành « vua con », « ông tướng », « bà tướng », sống rất quan cách, lộng quyền, xa dân. Không ít những người dân và đảng viên thường phải chịu oan ức, đau khổ. Đồng thời cũng xuất hiện những hiện tượng dân chủ quá trớn, dân chủ cực đoan, dẫn đến tự do vô tổ chức, cục bộ bản vị, mất đoàn kết, vi phạm kỷ luật thống nhất của đảng.

Tình hình đó có những nguyên nhân khách quan, nhưng cái chính là do trong đảng chưa có sự nhận thức đầy đủ và thống nhất về vấn đề dân chủ, và quan trọng hơn là chưa có một cơ chế hợp lý bảo đảm thực hiện dân chủ trong đảng.

2 — Có quy chế, quy định cụ thể về dân chủ trong đảng.

Thực tế cũng cho thấy, muốn thực hiện được dân chủ trong đảng, nhất thiết phải **có cơ chế đúng, có những quy định cụ thể**, tức là nội dung tư tưởng dân chủ phải được « thể chế hóa », « pháp luật hóa » buộc các đảng viên và tổ chức đảng phải thi hành.

Điều lệ Đảng ta đã quy định nhiều điều cụ thể để thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ trong đảng. Nhiều chỉ thị, nghị quyết, quy chế công tác cũng đã nói rõ những điểm cần thiết. Nhưng đến nay, trước bước phát triển mới, trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, rõ ràng còn phải bổ sung, phát triển và cụ thể hóa rất nhiều.

Xin nêu một số ví dụ : trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ phát triển ào ạt như hiện nay, thế giới biến chuyển rất nhanh, lượng thông tin rất phong phú và đa dạng, để phát huy sáng kiến và sự suy nghĩ độc lập của cán bộ, đảng viên, cần có quy chế về cung cấp thông tin thường xuyên cho cán bộ và đảng viên. Cấp ủy đảng phải bảo đảm quyền được thông tin của đảng viên.

Các cấp ủy đảng, trước hết là BCH TƯ Đảng, cần tăng cường hơn nữa vai trò và trách nhiệm trong việc chuẩn bị các đề án công tác của đảng. Trên mỗi lĩnh vực, khi cần, có thể thành lập tiểu ban chuyên đề gồm một số cấp ủy viên để trực tiếp nghiên cứu chuẩn bị đề án. Các dự thảo đề án tùy theo tính chất và phạm vi đều phải được tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên tham gia ý kiến. Đối với những vấn đề mới và khó hoặc còn nhiều ý kiến khác nhau, phải chuẩn bị vài ba phương án để cân nhắc hoặc thực hiện chế độ làm thử trước khi kết luận và đi đến nghị quyết.

Quy định thành chế độ Bộ chính trị báo cáo công việc và hoạt động của mình trước mỗi kỳ họp BCH TƯ ; Ban thường vụ báo cáo công việc và hoạt động của mình trước mỗi kỳ họp cấp ủy ; cấp ủy báo cáo trước tổ chức

Digitized by Google

đảng hoặc cơ quan bầu ra mình. Quy định thời gian tiến hành tự phê bình và phê bình, tổ chức để quần chúng phê bình và bỏ phiếu tín nhiệm cán bộ, đảng viên, từ cơ quan cao nhất đến tổ chức cơ sở. Chẳng hạn, mỗi năm một lần, từng ủy viên Bộ chính trị tự phê bình; Bộ chính trị báo cáo tự kiểm điểm về hoạt động của mình trước hội nghị BCH TƯ; ban chấp hành các cấp tự phê bình, lấy ý kiến phê bình của quần chúng và cấp dưới; bí thư, phó bí thư và các ủy viên thường vụ tự phê bình trước ban chấp hành; ủy viên ban chấp hành tự phê bình ở chi bộ nơi công tác. Xử lý nghiêm khắc những người có thái độ trấn áp, trù dập người phê bình hoặc lợi dụng phê bình để đả kích, vu cáo người khác, gây chia rẽ, mất đoàn kết.

Quy định thời hạn xem xét ý kiến bảo lưu của đảng viên. Hết thời hạn, cấp ủy phải có kết luận rõ về những ý kiến bảo lưu đó. Trường hợp cần thiết có thể tổ chức nghiên cứu, thảo luận hoặc cho thử nghiệm. Những ý kiến được thực tế chứng minh là đúng thì phải tiếp thu để bổ sung và hoàn chỉnh nghị quyết của đảng.

Để tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng đối với hoạt động của cấp ủy, kịp thời bổ sung, điều chỉnh chủ trương chính sách, kịp thời thay thế những cán bộ không đảm đương được nhiệm vụ, kiện toàn cấp ủy, cần quy định dứt khoát: giữa hai kỳ đại hội, tổ chức hội nghị đại biểu đảng ở các cấp. Khi cần thiết hoặc có 2/3 số tổ chức đảng trực thuộc yêu cầu thì triệu tập đại hội bất thường. Nghị quyết của hội nghị đại biểu không cần phải do cấp ủy triệu tập thông qua.

Trong công tác cán bộ, cần quy định cụ thể tiêu chuẩn cho từng chức danh cán bộ, cơ cấu ba độ tuổi ở mỗi cấp ủy. Bí thư cấp ủy từ cấp trên trực tiếp cơ sở đến tổng bí thư không làm liên tục quá hai nhiệm kỳ (10 năm). Việc giới thiệu người để bầu vào cấp ủy phải tiến hành từ cơ sở; cấp ủy triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do cấp dưới bầu lên. Việc bổ nhiệm cán bộ phải hỏi ý kiến của cơ sở và phải lấy phiếu tín nhiệm từ cơ sở; ai không được đa số phiếu tín nhiệm thì không đề bạt. Thực hiện rộng rãi chế độ sát hạch, thi tuyển cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, nhân viên nhà nước. Giữa nhiệm kỳ công tác cần đánh giá lại cán bộ, ai không đủ tiêu chuẩn thì kiên quyết thay, không chờ hết nhiệm kỳ. Việc đánh giá cán bộ nhất thiết phải hỏi ý kiến cấp quản lý cán bộ, hỏi ý kiến quần chúng và cấp dưới, cùng những người có quan hệ, có hiểu biết về cán bộ đó, trực tiếp đối thoại với cán bộ đó. Có chế độ khen thưởng thích đáng những người phát hiện, tiến cử những cán bộ thật sự có đức có tài; xử lý nghiêm minh những người có thái độ gia trưởng, độc đoán, bè phái, cố tình vi phạm nguyên tắc dân chủ tập thể trong công tác cán bộ.

Kỷ luật đối với đảng viên phải được xem xét từ chi bộ. Kỷ luật khai trừ đảng viên ra khỏi đảng phải được hội nghị chi bộ biểu quyết với ít nhất 2/3 số đảng viên đồng ý. Sau khi hình thức kỷ luật đã được quyết định hoặc chuẩn y, nếu đảng viên hoặc tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật không đồng ý thì trong vòng 1 tháng có quyền yêu cầu xem xét lại và được khiếu nại lên cấp trên. Khi nhận được thư khiếu nại, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên phải báo cho người gửi thư biết, chậm nhất trong vòng 1 tháng phải tổ chức điều tra, trong vòng 6 tháng phải xem xét giải quyết và trả lời cho người khiếu nại.

Trường hợp bị khai trừ ra khỏi đảng nếu đương sự không đồng ý thì có thể khiếu nại lên các cơ quan có

Digitized by Google

thẩm quyền ở cấp trên cho đến tận BCH TƯ. Các quyết định của cấp trên thi hành kỷ luật cán bộ và cấp ủy viên thuộc diện cấp trên quản lý phải thông báo đến chi bộ nơi đảng viên đó sinh hoạt. Trường hợp đảng viên bị bắt, bị xử lý sai, tổ chức đảng phải minh oan và khôi phục mọi quyền lợi chính đáng của đảng viên đó, đồng thời yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm phải kiểm tra và xử lý nghiêm khắc cá nhân hoặc tập thể nào xử lý sai.

Quy định thành chế độ cán bộ lãnh đạo các cấp đi làm việc trực tiếp ở cơ sở, tiếp xúc với dân, đối thoại với quần chúng và cấp dưới, giải quyết kịp thời và dứt khoát những công việc cấp bách.

V.v.

3 — Có cơ chế giám sát, kiểm tra, đấu tranh bảo đảm thực hiện dân chủ trong đảng.

Không phải cứ có quy chế, quy định là mọi việc về dân chủ được thực hiện. Thực tế đã có không ít những điều khoản ghi trong điều lệ đảng mà không được đảng viên và tổ chức đảng thực hiện nghiêm túc, thậm chí còn vi phạm nghiêm trọng. Muốn thực hiện được quy chế, điều lệ, trước hết cán bộ cấp trên, cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu. Điều đó là hiển nhiên. Nhưng vấn đề cực kỳ quan trọng là phải có sự giám sát kiểm tra chặt chẽ của các cơ quan có thẩm quyền, kết hợp với sự giám sát thường xuyên của quần chúng, có sự đấu tranh mạnh mẽ của công luận.

Ủy ban kiểm tra của đảng ở các cấp phải được tăng thêm quyền hạn và trách nhiệm, nhất là trong việc kiểm tra thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, quy chế làm việc của ban chấp hành, kiểm tra tư cách đảng viên và cấp ủy viên, xem xét và xử lý kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới. Vì vậy, theo tôi, nên quy định để đại hội (chứ không phải cấp ủy) bầu ủy ban kiểm tra. Trường hợp vẫn để cấp ủy bầu thì cần quy định rõ quyền hạn và chức năng của ủy ban kiểm tra

Thi hành kỷ luật nghiêm minh những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của đảng và pháp luật của nhà nước. Xử lý thích đáng những người tham nhũng, độc đoán chuyên quyền, trù dập, ức hiếp quần chúng.

Phát động quần chúng đấu tranh mạnh mẽ chống tiêu cực. Trong điều kiện đảng cầm quyền, đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực của những đảng viên có chức có quyền mà không sử dụng vũ khí công luận, không phát động được quần chúng thì không thể có hiệu quả.

Nói đến công luận là nói đến **tính công khai**. Tính công khai là biện pháp rất có hiệu nghiệm bảo đảm thực hiện dân chủ trong đảng. Tùy từng vấn đề và ở những mức độ, phạm vi thích hợp, phải thực hiện công khai các hoạt động của đảng, của cấp ủy đảng, của những người lãnh đạo các cấp. Đặc biệt chú trọng công khai tài chính, công khai chế độ đãi ngộ, công khai các ý kiến khác nhau, công khai xử lý kỷ luật... chấm dứt tình trạng « giữ bí mật » những vấn đề không cần bí mật, « xử lý nội bộ » những trường hợp mười mươi đã rõ là phạm pháp.

Trong vấn đề này, báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng khác giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Không nên thành kiến với một số việc làm sai lệch của nhà báo nào đó hay tờ báo nào đó, dẫn đến nghi ngờ hoặc phủ nhận cả sức mạnh dây hiệu lực của công luận. Cũng đừng sợ báo chí, nếu lòng mình thật sự trong sáng, khách quan. Kinh nghiệm đã chỉ rõ, chỉ có mở rộng tinh công khai, sử dụng đúng công luận mới phát huy được dân chủ, phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả chống các

(Xem tiếp trang 14)

Digitized by Google

Quản lý và sử dụng hợp lý nguồn vốn ngoại tệ

NGUYỄN THẾ UẨN *

HIỆN nay, một trong những vấn đề quan trọng nhất có liên quan đến chiến lược phát triển kinh tế—xã hội của đất nước, là vấn đề vốn. Không giải quyết đúng vấn đề vốn, không thể có một chiến lược kinh tế hiện thực. Vậy vốn là gì? Làm thế nào để tạo ra vốn và sử dụng vốn một cách có lợi nhất cho nền kinh tế quốc dân?

Trong nền sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, vốn cũng được biểu hiện dưới hình thái tiền. Nhưng bản thân tiền không phải là vốn, và không phải bất kỳ một khối lượng tiền nào cũng trở thành vốn. Tiền trở thành vốn khi nó đạt đến một mức độ nhất định đủ để bỏ vào mục đích sản xuất và kinh doanh để lấy lợi nhuận.

Vốn có thể chuyển hóa thành tư liệu sản xuất và sức lao động, và xét về góc độ sử dụng (hay quay vòng), người ta chia vốn thành vốn **cố định** và vốn **lưu động**.

Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nhà tư bản dùng tư bản của mình mua tư liệu sản xuất và sức lao động để tiến hành các hoạt động sản xuất và kinh doanh nhằm săn đuổi lợi nhuận. Sau khi mua, nhà tư bản có quyền làm chủ cả hai yếu tố tư liệu sản xuất và sức lao động, bởi vì vốn mua thuộc sở hữu của họ.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, hai yếu tố nói trên của vốn tách rời nhau: yếu tố tư liệu sản xuất thuộc phạm trù sở hữu cộng cộng; còn yếu tố sức lao động thuộc phạm trù «làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa»(?). Do khái niệm không rõ ràng, cho nên quá trình hình thành và sử dụng vốn nảy sinh không ít mâu thuẫn, rất khó điều hòa.

Tình trạng vốn kinh tế quốc dân ở nước ta trong những năm qua như thế nào?

Một là, thu nhập quốc dân sản xuất không đủ tiêu dùng. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, trong thời gian 1976—1986, thu nhập quốc dân sản xuất trong nhiều năm bị thâm hụt so với quỹ tiêu dùng. Ví dụ: năm 1976 bị thâm hụt 13 tỷ đồng; năm 1980 bị thâm hụt 4,5 tỷ... Những năm 1985—1986, tình hình cũng không khá hơn bao nhiêu.

Điều này nói lên một thực tế đáng lo ngại là nguồn tích lũy tự thân của nền kinh tế quốc dân rất yếu. Vốn do sản xuất tạo ra ở trong nước không đáng kể.

Hai là, hiệu quả vốn quá thấp, làm cho tình hình kinh tế vốn đã khó khăn càng khó khăn thêm. Cũng theo

* Phó tiến sĩ kinh tế học

Digitized by Google

số liệu của Tổng cục thống kê, năm 1986 và 1987 hao phí vật tư trên một đồng thu nhập quốc dân quá lớn. Tính bình quân, hao phí đó năm 1986 là 0,92, và năm 1987 là 0,94. Riêng đối với công nghiệp là 1,89 và 1,08; đối với nông nghiệp là 0,45 và 0,44; đối với xây dựng là 2,42 và 2,43; đối với vận tải bưu điện là 1,19 và 1,20; đối với thương nghiệp và cung ứng vật tư là 0,41 và 0,40; đối với các ngành dịch vụ khác là 0,14 và 0,14.

Theo tính toán của Tổng cục thống kê, để sản xuất một đồng thu nhập quốc dân, nếu năm 1976 phải chi 0,74 đồng vật tư thì năm 1987 phải chi đến 0,91 đồng (theo giá năm 1982). Chỉ cần tiết kiệm 1 xu vật tư trên 1 đồng thu nhập quốc dân là thu nhập quốc dân trong năm sẽ có thêm từ 1,5 đến 1,7 tỷ đồng (theo giá năm 1982); ngược lại, nếu phải chi thêm 1 xu vật tư trên 1 đồng thu nhập quốc dân, thì thu nhập quốc dân trong năm cũng sẽ mất đi số tiền tương ứng.

Hiệu quả vốn quá thấp, cho nên đối với nhiều ngành, vốn càng quay càng thâm thủng. Đó là hiện tượng đáng lo ngại.

Ba là, trong nhiều năm qua, mặc dù nhập siêu bằng vay nợ ngày càng lớn, nhưng giá trị nội địa tương ứng của nó trong thu nhập quốc dân ngày càng giảm sút. Theo Tổng cục thống kê, một đơn vị ngoại tệ nhập nợ năm 1976 tạo ra được 35,56 đồng thu nhập quốc dân từ nguồn ngoài nước thì năm 1980 chỉ còn tạo ra được: 30,94 đồng, năm 1985: 14,53 đồng, năm 1986: 11,13 đồng (theo giá năm 1982); nếu lấy mức 35,56 đồng năm 1976 làm chuẩn, thì tổng thất thu của các khoản nhập siêu do giá trị nội địa tương ứng giảm sút trong 2 năm 1985 và 1986, lên đến 51,24 tỷ đồng (theo giá năm 1982).

Sở dĩ có tình trạng trên là do chính sách giá và tỷ giá của nhà nước đối với hàng xuất nhập khẩu không hợp lý, làm cho phần tích lũy bằng vốn vay nước ngoài của nhà nước không được bảo đảm.

Bốn là, do đầu tư xây dựng cơ bản trong nhiều năm qua có nhiều sai lầm khuyết điểm, một khối lượng vốn không nhỏ trong nền kinh tế quốc dân (trong đó hầu hết là vốn vay nước ngoài) đã bị sa lầy, không những không sinh lợi mà còn đòi hỏi nhà nước phải đổ thêm của để cứu nguy (theo kiểu đã phóng lao phải theo lao).

Thêm vào đó, do nhiều tác động chủ quan và khách quan, thị trường trong nước ngày càng ế ẩm, sản phẩm làm ra không tiêu thụ được hoặc tiêu thụ chậm, làm cho vốn không quay được. Vốn trong sản xuất và kinh doanh thiếu nghiêm trọng. Trong khi đó, vốn trong đầu tư xây dựng cơ bản lại chậm được giải phóng.

Hiện nay, nguồn vốn vay từ nước ngoài có nhiều khó khăn. Nợ nước ngoài đến hạn ngày càng lớn, nhưng khả năng trả nợ rất hạn chế. Nợ phải trả thì nhiều, nhưng vay thêm lại không được mấy. Vốn vay nước ngoài ít đi, nhập khẩu có nguy cơ giảm mạnh. Điều đó không những làm cho sản xuất đình đốn, đời sống khó khăn, mà còn làm giảm nguồn trợ lực quan trọng cho vốn trong nước.

★

Căn cứ vào những điều trình bày trên đây, có thể khẳng định nền kinh tế nước ta đang đứng trước tình trạng thiếu vốn nghiêm trọng và chưa có cách khắc phục hữu hiệu. Đặc biệt trong những năm tới, do vốn ngoại tệ khó khăn, không có đủ để nhập một khối lượng hàng có giá trị tương đương 1600 – 2000 triệu rúp và 400 – 500 triệu USD như trong

Digitized by Google

những năm 1985 — 1989, chắc chắn là nền kinh tế nước ta sẽ gặp nhiều khó khăn.

Nền kinh tế nước ta còn phụ thuộc bên ngoài rất nhiều, không những về máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, mà cả về một số nguyên, vật liệu cần thiết khác như: bông sợi, phân bón, sắt, thép, hóa chất, v.v. Không bảo đảm nhập khẩu đủ nhu cầu, thì cũng không thể bảo đảm công suất của các cơ sở sản xuất hiện có ở mức khiêm tốn như hiện nay.

Để tạo bước đi lên của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phải có tích lũy ban đầu. Trong điều kiện sản xuất nhỏ, vốn tự có trong nước nghèo nàn, xuất khẩu còn nhiều hạn chế, chúng ta không có con đường nào khác là phải nhập khẩu tư bản.

Vay vốn nước ngoài và gọi đầu tư trực tiếp từ nước ngoài để trang bị lại nền kinh tế quốc dân, cải tiến cơ cấu sản xuất theo hướng hiện đại hóa, là vấn đề có tính chất chiến lược.

Là một nước lạc hậu muốn tiếp cận nhanh với trình độ phát triển của thế giới, cần nhập khẩu không chỉ kỹ thuật mà cả công nghệ. Với sự bùng nổ của cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay, không chủ động nhập khẩu các phát minh sáng chế tiên tiến của thế giới, chúng ta sẽ có nguy cơ bị đào thải.

Nói tóm lại, khả năng xuất khẩu thì ít, nhu cầu nhập khẩu thì nhiều. Thời gian không cho phép chúng ta bị động, ngồi chờ tăng xuất khẩu (rồi mới nhập khẩu), mà phải mạnh dạn vay vốn và gọi đầu tư từ bên ngoài. Nếu không làm tốt được khâu này thì bước đi của nền kinh tế nước ta trong nhiều năm tới sẽ trì trệ.

Tuy nhiên, vay vốn và gọi đầu tư từ bên ngoài chỉ mới là khâu mở đầu. Khâu quyết định là sử dụng vốn đó như thế nào có lợi cho nền kinh tế quốc dân.

Chúng ta không sợ vay nợ nước ngoài, mà chỉ sợ vốn vay sử dụng không sinh lợi, và không có tiền để trả nợ.

Trong nhiều năm qua, với việc mở rộng hoạt động ngoại thương cho các ngành và các địa phương, chúng ta đã dàn mỏng vốn ngoại tệ trên một bình diện quá lớn. Nhà nước không đủ sức kiểm tra, kiểm soát và phối hợp hoạt động ngoại thương của các ngành và các địa phương trong một kế hoạch thống nhất của cả nước.

Theo con số tổng kết ngoại thương năm 1989 của Bộ kinh tế đối ngoại cũ (nay là Bộ thương nghiệp) thì toàn bộ số nhập siêu từ các nước xã hội chủ nghĩa nhà nước phải đứng ra thanh toán, nhưng toàn bộ hàng hóa xuất khẩu sang các nước này nhà nước lại không nắm và không chế được. Trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước đối với khu vực tư bản chủ nghĩa, kim ngạch xuất nhập khẩu của địa phương chiếm tỷ trọng ngày càng lớn. (Xem bảng dưới).

	Tỷ trọng xuất khẩu	*Tỷ trọng nhập khẩu*
1985	37,6%	31,4%
1986	86,8%	57,3%
1987	89,7%	65,8%
1988	91,3%	53,4%

Điều đáng lo ngại là trong lúc trung ương chịu nhập siêu cả đối với khu vực xã hội chủ nghĩa lẫn đối với khu vực tư bản chủ nghĩa, thì các địa phương lại cân đối thoải mái, thậm chí nhiều năm liên tiếp xuất siêu.

Rõ ràng, vốn ngoại tệ của đất nước đã khó khăn, lại bị chia năm sẻ bảy nên càng khó khăn hơn. Hiện tượng nhập khẩu bừa bãi của nhiều địa phương và cơ sở ngày càng tăng. Không ít cơ sở và địa phương đã sử dụng tùy tiện vốn vay bằng ngoại tệ để nhập hàng tiêu dùng không vì mục đích phát triển sản xuất mà chỉ vì lợi ích cục bộ, chạy theo chênh lệch giá.

Digitized by Google

Vốn vay dài hạn của nhà nước để đầu tư cho các công trình xây dựng cơ bản không hiệu quả. Vì vậy nhiều tỷ rúp và USD vay nước ngoài bị chôn chân không thể sinh lợi. Đây là một lãng phí ghê gớm.

Để có thể loại trừ những thiếu sót khách quan và chủ quan nói trên, hoàn thành tốt nhiệm vụ tạo vốn từ bên ngoài phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện nay, nhà nước không thể không quản lý tập trung toàn bộ các nguồn vốn ngoại tệ của đất nước. Muốn vậy:

1 — Nhà nước cần có chế độ, chính sách và cơ chế quản lý toàn bộ các nguồn thu chi ngoại tệ để có thể sử dụng vốn này một cách tập trung cho những mục tiêu kinh tế — xã hội chủ yếu (có chọn lựa kỹ), bảo đảm một cân cân thanh toán đối ngoại ổn định có thu có chi, có vay có trả, thống nhất trong cả nước. Chấm dứt tình trạng chia năm sẻ bảy trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngoại tệ như hiện nay.

2 — Nhà nước cần xác định rõ các mục tiêu sử dụng ngoại tệ theo thứ tự ưu tiên (trước hết đối với các ngành sản xuất có hiệu quả và quyết định cơ cấu) để có thể bố trí nguồn vốn hợp với khả năng thực tế.

Quản lý ngoại tệ thực chất là thông qua đồng tiền mà điều tiết các hoạt động xuất nhập khẩu. Cần có chế độ hối đoái hợp lý. Nếu nhà nước quản lý được ngoại tệ thì các hoạt động xuất nhập khẩu dù có mở rộng cũng không thể gây rối loạn nhiều. Tuy nhiên, để có thể quản lý được ngoại tệ một cách chủ động và linh hoạt, nhà nước phải dùng một hệ thống đồng bộ những biện pháp kinh tế và hành chính. Trong đó, chú ý đúng mức các biện pháp đòn bẩy quan trọng của nền kinh tế hàng hóa như: tiền tệ, giá cả, tỷ giá, tín dụng, lãi suất, thuế khóa, v.v.

3 — Nhà nước cần coi trọng các hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của cơ chế mới. Cần làm cho bộ máy ngân hàng gọn nhẹ, có nghiệp vụ ngân hàng giỏi. Lâu nay, chúng ta rất coi thường các mặt kỹ thuật của ngân hàng cho nên đã phạm không ít những sai lầm nghiêm trọng trong khâu ra quyết định (ví dụ: vấn đề đối tiền, vấn đề tín dụng, vấn đề tỷ giá, vấn đề thế chấp, vấn đề lãi suất, v.v).

Ngân hàng nhà nước có mạnh thì nhà nước mới thống nhất quản lý được mọi thu chi ngoại tệ trong cả nước theo nguyên tắc mọi thu chi ngoại tệ đều phải qua ngân hàng; thực hiện mua bán ngoại tệ qua ngân hàng theo tỷ giá thống nhất và người có bán ngoại tệ được ưu tiên mua (khi có mục tiêu nhập khẩu xác định); cấm mua bán ngoại tệ ngoài ngân hàng, áp dụng chế độ hối đoái để kiểm soát việc sử dụng ngoại tệ nhập khẩu.

4 — Nhà nước cần xây dựng quỹ dự trữ ngoại tệ của quốc gia trên cơ sở các nguồn ngoại tệ thu được từ xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, các khoản tô nhượng thu được từ hợp tác khai khoáng với nước ngoài, v.v.

Có quỹ dự trữ đó, nhà nước mới có điều kiện vật chất để điều hòa các quá trình lưu thông tiền tệ nói chung (kể cả cung và cầu về ngoại tệ) trong cả nước. Trong quỹ dự trữ ngoại tệ, vàng và đồng USD có vị trí đặc biệt. Sẵn vàng và đồng USD, lúc giá cao có thể bán ra, lúc giá thấp lại mua vào, như vậy sẽ làm chủ được thị trường tiền tệ trong nước. Hiện nay, thị trường tiền tệ trong nước không ổn định một phần không nhỏ là do nhà nước không nắm được vàng và đồng USD trên thị trường tự do. Không khống chế được vàng và đồng USD, chúng ta sẽ không làm chủ được thị trường tiền tệ trong cả nước.

★

Digitized by Google

Để làm được những việc trên, cần xử lý một loạt các vấn đề cụ thể sau :

1 — Thực hiện nghiêm túc chế độ chuyên gia trong lĩnh vực ngân hàng. Là soát lại và kiện toàn bộ máy ngân hàng trên cơ sở trọng tay nghề. Có thể sử dụng lại những cán bộ ngân hàng giỏi đã về hưu, các chuyên gia ngân hàng của chế độ cũ, thuê chuyên gia nước ngoài, đưa đi đào tạo gấp, v.v. Kiên quyết loại bỏ những nhân viên không đủ trình độ nghiệp vụ (và đạo đức) làm ngân hàng. Thay đổi kịp thời những cán bộ lãnh đạo không có khả năng ; đó là con đường tốt nhất để chọn cán bộ giỏi. Vấn đề nghiệp vụ rất quan trọng. Nếu không chú ý đúng mức đến việc nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn thì không thể có một đội ngũ cán bộ ngân hàng năng động và có kỷ cương.

2 — Thực hiện một quy chế làm việc nghiêm túc. Những ai làm sai quy chế cần được xử lý ngay, bởi vì ngân hàng là cơ quan quản lý trực tiếp những vấn đề về tiền, nếu kỷ luật không nghiêm, dễ nảy sinh và lây lan nạn tham ô, móc ngoạc, hối lộ... Cần chấm dứt tình trạng ngân hàng kinh doanh tiền bằng bất kỳ giá nào, lấy chênh lệch lãi suất cho vay làm mục tiêu hoạt động, coi thường nhiệm vụ chủ yếu là phục vụ sản xuất.

Ngân hàng kinh doanh không có nghĩa là ngân hàng trở thành những công ty buôn tiền thuần túy để lấy chênh lệch lãi suất. Kinh doanh tiền theo cách đó thì tiền sẽ đuổi theo tiền, không qua sản xuất, và sẽ gây hậu quả nghiêm trọng về kinh tế — xã hội.

3 — Cần kết hợp chặt chẽ hoạt động của ngân hàng trung ương với hoạt động của các ngân hàng chuyên doanh và các tổ chức tín dụng. Ngân hàng trung ương phải đóng vai trò điều tiết chung ; các ngân hàng chuyên doanh và các tổ chức tín dụng phải có tài khoản dự trữ ở ngân hàng trung ương.

Phải củng cố vị trí chủ đạo của đồng tiền của ta (VNĐ) trong nước. Vàng và đồng USD dù có quan trọng đến mấy cũng chỉ là nguồn hỗ trợ cho đồng VNĐ trong nước. Tuyệt đối không để cùng một lúc có nhiều phương tiện thanh toán tự do trên thị trường trong nước. Muốn vậy, nhà nước phải áp dụng luật ngoại tệ nghiêm ngặt và thống nhất trong cả nước.

Các ngân hàng chuyên doanh cũng như các tổ chức tín dụng cần được tổ chức chặt chẽ và hoạt động trong phạm vi cho phép, phù hợp với vốn pháp định của mình. Nhà nước phải có chính sách lãi suất thống nhất. Các ngân hàng chuyên doanh cũng như các tổ chức tín dụng không được tùy tiện dùng lãi suất cao để thu hút vốn rồi ăn quỵt vốn.

Cần áp dụng một chế độ kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, thường xuyên và gọn nhẹ. Chỉ có trên cơ sở thực hiện triệt để chế độ kế toán thống kê thống nhất mới có thể thực hiện được sự kiểm tra, kiểm soát của nhà nước. Lâu nay, thường khi có vụ việc rồi mới kiểm tra theo cách đối chất giữa người kiểm tra và bị kiểm tra, như vậy rất tốn thời gian mà không kết quả, bởi vì không có đủ chứng từ kế toán thống kê chính xác và thống nhất.

4 — Cần có biện pháp điều tiết cung, cầu về ngoại tệ một cách nghiêm ngặt. Gấp rút đưa việc mua bán ngoại tệ vào một kênh duy nhất để nhà nước có thể điều hòa cung, cầu về ngoại tệ trong cả nước. Thông qua trung tâm đó, có thể sử dụng nguồn vốn ngoại tệ tự có do xuất khẩu đưa lại một cách hợp lý nhất. Nguồn ngoại tệ đó phải trở lại phục vụ sản xuất một cách trực tiếp để có

Digitized by Google

thể, thông qua sản xuất, nhãn hiệu quả lên nhiều lần (tất nhiên, cần chú ý các ngành sản xuất có sinh lợi và tạo được ngoại tệ). Đồng thời, nghiên cứu áp dụng phương thức **đấu giá ngoại tệ** (theo kiểu Hà-lan) để có thể đáp ứng ngoại tệ cho những nhu cầu ngoại tệ có khả năng sinh lợi nhiều nhất (bởi vì khi đấu giá, các nhà sản xuất và kinh doanh ắt phải tính kỹ mức sinh lợi của các mục tiêu đầu tư ngoại tệ). Qua đấu giá ngoại tệ, có thể tạo được tỷ giá phản ánh được tương quan cung cầu. Để tập trung thị trường đấu giá ngoại tệ vào một mối, cần giao hẳn trách nhiệm tổ chức hoạt động cho ngân hàng ngoại thương. Nhà nước không can thiệp sâu vào dự trữ của ngân hàng đó. Tất nhiên, nhà nước phải nắm được dự trữ quốc gia về ngoại tệ. Quản lý ngoại tệ để sắp xếp việc trả nợ nước ngoài. Đồng thời, tập trung các khoản tài trợ từ bên ngoài cho chương trình phát triển kinh tế có trọng điểm. Cần có biện pháp kiểm soát ngoại tệ một cách nghiêm ngặt và hữu hiệu. Biện pháp quan trọng là định mức và giám sát trực tiếp mức tín dụng của ngân hàng chuyên doanh, kết hợp với giám sát gián tiếp qua ngân hàng nhà nước. Vốn ngân hàng nhà nước cho ngân hàng chuyên doanh vay, phải khớp với vốn ngân hàng chuyên doanh vay.

Quản lý nghiêm ngặt vốn ngoại tệ trên hai mặt **vay — trả** và **sử dụng** là yêu cầu cấp bách. Ở đây, vay — trả là quan trọng, nhưng **quyết định vẫn là sử dụng vốn vay như thế nào.** Hiện nay, chỉ cần khắc phục được tình trạng sử dụng vốn vay một cách phân tán, tùy tiện, là chúng ta đã có thể làm cho số vốn ngoại tệ hiện có không những không mất đi mà còn tăng thêm.

Chiến lược kinh tế đến năm 2000 rõ ràng đang đứng trước một thử thách ghê gớm. Đó là vấn đề vốn. Trong đó, vốn ngoại tệ đóng vai trò quan trọng. Nhà nước không nắm được vốn này thì chiến lược kinh tế dù có đề ra đúng, cũng không thực hiện được.

GIỚI TRÍ THỨC...

(Tiếp theo trang 36)

chúng đem lại trong thực tiễn. Mạnh dạn cổ vũ, động viên những hoạt động nghiêm túc, có hiệu quả, đồng thời kiên quyết dẹp bỏ những hoạt động mang nặng tính chất phô trương, hình thức chủ nghĩa.

— Tập hợp, lôi cuốn thật rộng rãi các nhà khoa học, lý luận vào việc hoạch định đường lối, chính sách, chiến lược và chiến thuật xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thực sự coi khoa học, lý luận là cơ sở, là điểm tựa của mọi đường lối, chính sách.

— Khắc phục những định kiến sai lầm và những quan niệm không đúng đối với giới trí thức và hoạt động khoa học, lý luận. Xây dựng một quan niệm mới đúng đắn đối với tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa. Đừng quên rằng trong bất cứ thời đại nào, tầng lớp trí thức cũng là bộ phận ưu tú của xã hội, là trí tuệ, đầu não của đảng và nhà nước, có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của xã hội.

Digitized by Google

LÝ TƯỞNG VÀ LỢI ÍCH ĐỜI THƯỜNG

KHỔNG DOÃN HỢI*

Có một sức mạnh tinh thần vĩ đại đóng vai trò động lực, người chỉ đường trong cuộc sống của mỗi con người, mỗi tập đoàn xã hội, một xã hội, một sức mạnh mà nhờ nó con người có thể vượt qua mọi chông gai, trở ngại, thậm chí hiến dâng cả cuộc sống của mình, sức mạnh đó là lý tưởng.

Con người sống không thể không có lý tưởng mặc dù lý tưởng ấy tiến bộ hay phản động, phù hợp hay không phù hợp với quy luật tiến hóa của lịch sử, tự giác hay tự phát, cao quý hay thấp hèn, vị tha hay vị kỷ... Lịch sử không vô danh. Cho đến nay lịch sử là sự đấu tranh giữa những con người, giữa những tập đoàn xã hội có lý tưởng khác nhau. Lịch sử đã chứng kiến những hành động chiến đấu « tử vì đạo » của những con người mà niềm hạnh phúc của họ được gửi ở bên kia thế giới, nơi thiên đàng! Nhà tư bản chừng nào còn là nhà tư bản thì tội treo cổ đối với họ không đáng sợ bằng sự tước đoạt quyền chiếm đoạt lợi nhuận tối đa của họ. Vì lý tưởng khoa học, con người có thể thanh thản bước lên giàn thiêu. Vì lý tưởng xóa bỏ áp bức bất công xã hội, vì lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc, không ít người sẵn sàng bước vào nhà tù, đưa đầu vào máy chém.

Tất cả những điều ấy nói lên rằng khi một tư tưởng nào đó đã được lý trí gắn chặt với lương tâm con người thành lý tưởng, thì con người không dễ gì vứt bỏ nó. C. Mác đã chỉ rõ: « Còn tư tưởng chiếm lĩnh ý nghĩ của chúng ta, bắt lòng tin tưởng của chúng ta phải phục tùng và được lý trí cột chặt lương tâm của chúng ta vào chúng – đó là những sợi dây ràng buộc mà người ta không thể bứt ra được, nếu không xé nát trái tim của mình » (1).

Cái gì đã tạo nên sức mạnh ấy? Đó chính là lợi ích của con người bao gồm lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần, lợi ích xã hội mà lý tưởng chỉ là sự phản ánh những lợi ích sâu xa nhất đó vào trong đầu óc con người. Lý tưởng là lợi ích trong quan niệm. Lợi ích được thỏa mãn, là lý tưởng trở thành hiện thực.

Lợi ích, trước hết là lợi ích vật chất, quan hệ trực tiếp, thường xuyên, hàng ngày với mọi người trong xã hội, và là vấn đề sống động, nhạy cảm nhất, với một chân lý rất giản đơn: trước hết, con người cần phải ăn, uống, ở, mặc... trước khi có thể đấu tranh để giành chính quyền, trước khi có thể hoạt động chính trị, tôn giáo, triết học v.v.

---

* Chuyên viên cấp cao, Viện Mác – Lê-nin

(1) C. Mác — Ph. Ăng-ghen: Toàn tập. Nxb Sự thật. Hà Nội, 1978, t. 1, tr. 161

Digitized by Google

Lợi ích — chính là động lực trực tiếp, mạnh mẽ thúc đẩy cuộc sống của từng người, từng tập thể, từng giai cấp, từng dân tộc. C. Mác từng nói: « Tất cả những gì mà con người đấu tranh để giành lấy đều dính liền với lợi ích của họ » (2). Còn nhà nước chẳng qua cũng chỉ là phương tiện mà các cá nhân thuộc giai cấp thống trị dùng để thực hiện lợi ích chung của mình mà thôi. Chính vì lẽ ấy, lợi ích là cái gắn bó những con người cùng giai cấp lại với nhau. Khi dự kiến về xã hội tương lai, C. Mác chỉ ra: « Nhân loại từ nay liên hiệp lại không phải bằng cưỡng bức tức là không phải bằng những thủ đoạn chính trị mà bằng những lợi ích, tức bằng những thủ đoạn xã hội » (3).

Thông qua các lợi ích mà con người nhận thức các quy luật chi phối lịch sử. Chúng là khâu nối giữa các quy luật phát triển xã hội và hoạt động của con người. Qua các lợi ích, những quy luật khách quan được nhận thức và biến thành quan điểm, xu hướng, mục đích, lý tưởng của mỗi người, của mỗi giai cấp và của cả dân tộc. Cũng thông qua các nấc thang thực hiện lợi ích mà xem xét nấc thang giải phóng con người. Theo lời C. Mác, bất kỳ sự giải phóng nào cũng bao hàm việc trả thế giới con người, những quan hệ của con người về với bản thân con người (4). Chủ nghĩa tư bản chỉ đánh dấu một nấc thang giải phóng con người, hơn nữa chưa phải là nấc thang cuối cùng, bởi vì ở đây sự giải phóng con người mới chỉ là và chỉ có thể là sự giải phóng chính trị (5). Chủ nghĩa xã hội đã giải phóng con người bằng cách trả lại quyền sở hữu lợi ích kinh tế về cho chính bản thân những người sản xuất trực tiếp, nghĩa là chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội đã giải phóng con người về kinh tế — « hình thức cuối cùng của sự giải phóng con người nói chung » (6).

Chỉ khi nào người lao động được giải phóng về kinh tế thì khi ấy mới bắt đầu kỷ nguyên tự do, sự phát triển của lực lượng con người coi như mục đích tự nó, mới bắt đầu lĩnh vực chân chính của tự do, sự giải phóng con người mới được hoàn thiện (7).

Để đi tới cái lý tưởng có tính quy luật ấy, trước hết người lao động phải, **một mặt**, chiếm hữu trực tiếp những sản phẩm được coi là những tư liệu để duy trì và phát triển sản xuất, **mặt khác**, chiếm hữu trực tiếp những sản phẩm được coi là những tư liệu để sinh hoạt và hưởng thụ. « Lao động cho mình » để thỏa mãn không ngừng mọi nhu cầu của mình — đó là lý tưởng của người lao động mà chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội sẽ làm cho lý tưởng ấy trở thành hiện thực. Cũng chính vì vậy mà làm cho người lao động phát huy tính tháo vát, tinh thần thi đua, óc sáng tạo, làm cho chủ nghĩa xã hội trở thành một địa bàn rất rộng rãi để con người lao động có thể thi thố tài năng vươn lên, đứng thẳng người lên, và tự cảm thấy mình là con người.

Như vậy, lý tưởng xã hội chủ nghĩa không phải là cái gì xa lạ mà chỉ là sự phản ánh vào trong đầu óc con người dưới dạng những mong muốn, ước vọng được sống ngày một tốt hơn, hạnh phúc hơn. Và tất cả khó khăn và sức mạnh của chủ nghĩa Mác là ở chỗ hiểu được và thực hiện được chân lý ấy.

★

Một lý tưởng dù cao đẹp đến mấy, nếu không dựa trên điều kiện vật

(2) C. Mác — Ph. Ăng-ghen : Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà nội, 1978, t. 1, tr. 78
(3) Sách đã dẫn, tr. 793
(4) Xem Sách đã dẫn, tr. 532
(5) Xem Sách đã dẫn tr. 515
(6) Sách đã dẫn, tr. 515.
(7) Xem C. Mác : Tư bản, Nxb Sự thật, Hà nội, quyển ba, t. 3, tr. 284—285

Digitized by Google

chất, xã hội chín muồi, thì chỉ là không tưởng. Chính điều này giải thích vì sao những mơ ước của Tô-mát Mo-rơ, Cam-pa-nen-la về một xã hội lý tưởng, trong đó sẽ ngự trị chính nghĩa, tự do, bình đẳng, bác ái, chỉ là mộng tưởng.

Một lý tưởng cao đẹp được coi là khách quan, cũng sẽ bị xuyên tạc, thậm chí mất đi tính nhân đạo, cao cả của nó, và trở thành một loại không tưởng, nếu những người thực hiện nó không suy tính thiết thực. Thực hiện lý tưởng như thế nào, đó cũng là một vấn đề cần được xem xét.

Những người vô chính phủ đã từng mơ ước về sự tự do tuyệt đối, về việc thủ tiêu mọi bạo lực, mọi bộ máy nhà nước. Nhưng họ đã thực hiện điều đó bằng khủng bố, bằng bom và lựu đạn (« hành động trực tiếp »). Do đó họ đã làm nổ tung không chỉ kẻ thù mà cả ước mơ của mình.

Những người theo ý chí luận của tất cả các thời đại cũng đã làm cho những lý tưởng của họ trở thành không tưởng. Cách đây một phần ba thế kỷ, có những người đã tung ra luận điểm nói rằng thế hệ ngày nay sẽ sống trong chủ nghĩa cộng sản! Vậy mà giờ đây, cuộc sống vẫn còn đầy rẫy khó khăn, khiến cho thế hệ ngày nay khi nghe đến cái luận điểm tốt đẹp ấy không khỏi mỉm cười và hoài nghi.

Cũng cần chú ý một điều: những người theo ý chí luận không thiếu nghị lực và quyết tâm. Nhưng sự tích cực quá đáng ấy phần lớn lại nhằm để cưỡng bức mọi người. Họ đã hành động chủ yếu bằng chỉ thị, mệnh lệnh. Họ ít quan tâm tới ý kiến, lợi ích thiết thân và nhu cầu của quần chúng; trên mức độ lớn họ đã cắt rời lý tưởng khỏi cơ sở của nó là nhu cầu. Niềm khát khao cháy bỏng muốn nhanh chóng đưa nhân dân tiến lên một cuộc sống ấm no, hạnh phúc mà không tính đầy đủ đến điểm xuất phát của sự thực hiện lý tưởng, đã không được thực tiễn khẳng định. Hậu quả là đã xảy ra bi kịch ở một số nơi; khá nhiều người lao động đã bỏ phiếu cho chủ nghĩa tư bản « bằng đôi chân ». Cuộc sống, chất lượng cuộc sống, trong thực tế không phù hợp với lý tưởng cao đẹp, với tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa chẳng những đã bị xuyên tạc, mà còn đang đứng trước một nguy cơ. Đã xuất hiện những dấu hiệu của sự giao động về tư tưởng, sự hoang mang bối rối, tâm trạng thất bại chủ nghĩa và đầu hàng, sự căng thẳng xã hội và lo âu, những yếu tố của sự thờ ơ và thất vọng.

Suy đến cùng, việc một bộ phận những người lao động quay lưng lại với lý tưởng xã hội chủ nghĩa có nguyên nhân là ở chỗ chủ nghĩa xã hội hiện thực chưa phát triển được một nền kinh tế có thể bảo đảm sự tiến bộ hơn nữa về chính trị — xã hội và tinh thần của nhân dân, có thể thỏa mãn những nhu cầu của nhân dân phù hợp với trình độ văn minh của xã hội, trong lúc về mặt ấy chính chủ nghĩa tư bản lại là người đi trước. Điều này nói lên rằng tính chất nhân đạo, tiến bộ, cao đẹp của lý tưởng xã hội chủ nghĩa cũng có thể bị xuyên tạc nghiêm trọng, thậm chí bị mất đi, nếu như lý tưởng ấy tách rời khỏi các nhu cầu bức xúc của những con người đang sống thực tế. V. I. Lê-nin đã khẳng định: « Những lý tưởng cao cả nhất cũng không đáng giá một xu nhỏ, chừng nào mà người ta không biết kết hợp chặt chẽ những lý tưởng đó với lợi ích của chính ngay những người đang tham gia cuộc đấu tranh kinh tế » (8).

★

(8) V. I. Lê-nin: Toàn tập. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 1, tr. 510—511

Digitized by Google

Lý tưởng của chúng ta là dân giàu, có cuộc sống ấm no hạnh phúc, là mỗi người dân đều có cơm ăn, áo mặc, được học hành, trong một nước Việt nam hòa bình, độc lập.

Nhưng để đạt tới lý tưởng ấy, cần phải thấy rõ rằng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là sản phẩm của sự tan rã của chủ nghĩa tư bản ở vùng ngoại vi lạc hậu nhất của nó. Nó lấy đà xuất phát lịch sử không phải ở một trung tâm công nghiệp, mà ở khu vực vẫn chưa có quá trình tích lũy ngu yên thủy, chưa có cuộc cách mạng công nghiệp, thị trường trong nước chưa phát triển. Do vậy sẽ là điều không tưởng, nếu chờ đợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời gian ngắn ngủi sẽ có được một năng suất lao động và mức tiêu dùng cá nhân cao như phương Tây hiện nay.

Điểm xuất phát ấy quy định nhiệm vụ căn bản của nhân dân ta và đó cũng là lý tưởng trước mắt của chúng ta. Trong môn kinh tế chính trị của chủ nghĩa xã hội đã xuất hiện khái niệm «cây mục tiêu». Trên tinh thần đó cũng có thể nói đến các «nấc thang lý tưởng», nghĩa là một lý tưởng khi được thực hiện hoàn chỉnh phải trải qua những nấc thang quá độ, trung gian.

Trong bất cứ tình hình nào, một khi giành được chính quyền nhà nước, giai cấp vô sản có một lợi ích căn bản nhất, sống còn nhất, là phải tăng số lượng sản phẩm, phải nâng cao sức sản xuất của xã hội theo những quy mô rộng lớn. Điều này càng cấp bách đối với nước ta, vì chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội từ những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa. Do vậy phải phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, sao cho lực lượng sản xuất đạt trình độ xã hội hóa cao. Trên thực tế có nghĩa là dựa trên một tổ chức lao động mà tính chất của nó về cơ bản là công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kể cả trong nông nghiệp. Không có con đường nào khác là phải huy động, khai thác đến mức tối đa những tiềm năng bên trong của đất nước. Nhằm mục đích ấy, việc sử dụng phát huy mọi hình thức quan hệ sản xuất, tức các thành phần kinh tế, là một nhiệm vụ chiến lược lâu dài. Chỉ có như vậy mới thực hiện được lợi ích căn bản nhất, sống còn nhất của giai cấp vô sản, cũng có nghĩa là thực hiện được lý tưởng của giai cấp vô sản, của toàn thể nhân dân lao động. Theo nghĩa đó, việc thực hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa không chỉ do bàn tay của người cộng sản, mà còn do những bàn tay không phải cộng sản thực hiện. Nghệ thuật ở đây là làm sao lôi kéo, thu hút được nhiều cánh tay. Nghệ thuật ấy ở đâu? Ở trong quá trình dân chủ hóa mọi mặt của đời sống xã hội mà lĩnh vực kinh tế là cơ sở. Không nên quan niệm dân chủ hóa chỉ là yêu cầu của các giai cấp, tập đoàn xã hội gắn liền với các thành phần kinh tế phi công hữu, mà phải coi đó là yêu cầu thiết thân trước hết của chính giai cấp công nhân khi lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lê-nin đã chỉ rõ: «giai cấp vô sản không thể hoàn thành được cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nếu họ không được chuẩn bị cho cuộc cách mạng đó thông qua cuộc đấu tranh cho chế độ dân chủ» (9).

Không có một bầu không khí dân chủ thì không thể nào phát huy được nhân tố sáng tạo của con người, của các tập đoàn, tầng lớp xã hội. Nhưng có được bầu không khí ấy hay không, suy đến cùng là do dân chủ hóa về kinh tế quyết định, thực chất của nó là khuyến khích làm tất cả những gì không bị cấm, và mọi thu nhập đều chính đáng nếu bắt nguồn từ những việc làm có ích cho xã hội. Theo đuổi một lý tưởng nào đó, là để thực hiện lợi ích của mình. Trong khi thực hiện lý tưởng nào đó, từng con người, từng

(9) V.I. Lê-nin: Toàn tập. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981 t. 30, tr. 167

Digitized by Google

giai cấp, từng tập đoàn xã hội phải cảm nhận được lợi ích thiết thân của mình. Do vậy, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, lý tưởng xã hội chủ nghĩa chỉ được thực hiện từng bước bằng việc thỏa mãn không chỉ lợi ích của giai cấp công nhân và những người lao động trong khu vực công hữu, mà cả lợi ích của những thành viên trong khu vực phi công hữu là lợi ích mà về cơ bản, lâu dài, là đối lập với lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Phép biện chứng của lịch sử là như vậy. Lý tưởng của chủ nghĩa xã hội là phân phối theo lao động. Nhưng điều kiện lịch sử cụ thể lại đòi hỏi cả sự phân phối theo tư bản. Làm khác đi thì rất có thể khủng hoảng kinh tế – xã hội sẽ xảy ra. Và thực tế đã và đang diễn ra.

Từ những quan điểm ấy, điều mà lâu nay ta thường nói đến là « **ba lợi ích** », không phản ánh đúng thực trạng kinh tế – xã hội ở nước ta. Khi thời kỳ quá độ chưa kết thúc, thì chưa thể có hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa thuần khiết. Nền kinh tế mới chỉ là một tập hợp những kiểu quan hệ sản xuất khác nhau, mà mỗi kiểu quan hệ ấy lại có lợi ích của bản thân nó. Vì vậy, việc thỏa mãn lợi ích phải là thỏa mãn lợi ích của toàn bộ các tập hợp ấy (ensemble), bao gồm các hệ thống lợi ích khác nhau. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, chí ít có 4 hệ thống lợi ích:

Hệ thống **ba lợi ích** gồm lợi ích của cá nhân người lao động, của tập thể, của xã hội mà nhà nước là đại biểu. Hệ thống này phản ánh quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức toàn dân và tập thể và là hệ thống lợi ích **cơ bản nhất** trong thời kỳ quá độ.

Hệ thống **hai lợi ích** gồm lợi ích của nông dân, thợ thủ công cá thể và của nhà nước.

Hệ thống **bốn lợi ích** gồm lợi ích của công nhân, nhà tư sản, tập thể xí nghiệp và nhà nước. Hệ thống này tồn tại trong loại hình **kinh tế tư bản nhà nước.**

Hệ thống **bốn lợi ích** gồm lợi ích của công nhân, nhà tư sản, tập thể xí nghiệp và nhà nước. Hệ thống này thuộc loại hình **kinh tế tư bản tư nhân.**

Còn có thể dẫn ra những mối quan hệ lợi ích khác nữa, chẳng hạn hệ thống lợi ích trong các hợp tác xã của những tư nhân, v.v. Song điều muốn nói ở đây là: lợi ích xã hội ở thời kỳ quá độ là sự tổng hòa các hệ thống lợi ích đa dạng ấy. Chúng không tồn tại biệt lập mà nằm trong sự phân công xã hội, tác động qua lại với nhau. Nhưng mỗi hệ thống lại có một cấu trúc riêng, có những đặc thù trong cơ chế tác động và vận dụng quy luật. Mặt phức tạp nhất, khó khăn nhất trong công tác quản lý nền kinh tế quá độ chính là ở chỗ nắm bắt được tính đặc thù, cơ chế tác động của mỗi hệ thống, những mâu thuẫn giữa các hệ thống, trên cơ sở đó mà kết hợp hài hòa được các lợi ích, tạo ra lực hợp thành với tính cách là động lực phát triển xã hội.

Lợi ích xã hội của đất nước ta đòi hỏi phải nhận thức và giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội theo quan điểm như vậy. Nhưng lợi ích của xã hội không tách rời lợi ích của mỗi người. Nó không chỉ tồn tại trong ý niệm như « cái toàn thể », mà còn tồn tại trong hiện thực như lợi ích của từng cá nhân.

Xuất phát từ quan niệm ấy mà nhận biết những mong muốn cháy bỏng, những lợi ích trong quan niệm của cá nhân những người lao động. Lợi ích chung của xã hội với tính cách là « cái toàn thể » là lợi ích phổ biến của những người lao động. « Cái toàn thể » ấy hiện nay là gì? Đó là **việc làm, đời sống và công bằng xã hội,** những cái đang là trở ngại lớn trên con đường thực hiện mục tiêu lý tưởng, nhưng đồng thời cũng là mục tiêu lý tưởng có tính chất giai đoạn phải vượt qua, mới mong tiến lên một « nấc thang » lý tưởng cao hơn.

Digitized by Google

Giới trí thức và vấn đề nhận thức trong chủ nghĩa xã hội

(Trao đổi với tác giả bài «Dắt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ»)

VŨ NHẬT KHẢI *

Có một tài liệu được lưu hành tương đối rộng, nhiều người đã nghe hoặc đã đọc, đó là bài « Dắt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ » của Hà Sĩ Phu. Trong bài viết trên, tác giả đã đề cập đến nhiều vấn đề lý luận của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Ở đây, tôi chỉ xin tập trung trình bày nhận thức của mình về một vấn đề mà theo tôi, Hà Sĩ Phu, cũng như nhiều người trong chúng ta, hết sức quan tâm. Đó là vấn đề nhận thức và vận dụng các quy luật của thế giới khách quan, cũng là vấn đề vị trí, vai trò và hoạt động của giới trí thức trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trước hết, trong bài « Dắt tay nhau đi... », tác giả nêu lên 3 căn cứ, 3 nhân tố chi phối thái độ và hành động của con người : 1 — lấy tri thức làm căn cứ : chủ nghĩa duy lý ; 2 — lấy lòng tin làm căn cứ : chủ nghĩa duy tín ; 3 — lấy lợi ích làm căn cứ : chủ nghĩa duy lợi. Tác giả phê phán chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã tuyệt đối hóa lợi ích, lấy sự khác nhau về lợi ích làm nhân tố duy nhất để phân chia con người ra thành những giai cấp khác nhau ; đã coi sự phân chia con người về mặt lợi ích là sự phân chia bao trùm được hết mọi xã hội và là sự phân chia duy nhất có ý nghĩa. Với quan điểm như thế, theo tác giả, chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã « rơi vào thuyết giai cấp cực đoan » và không tránh khỏi gặp lúng túng khi giải quyết vấn đề trí thức và nhiều vấn đề khác.

Có thể nói ngay : những điều mà tác giả nói là của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đưa ra phê phán, lại không phải là của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Thật vậy, trong khi khẳng định lợi ích đóng vai trò to lớn trong các hoạt động của con người, trong đó có hoạt động nhận thức, chủ nghĩa Mác — Lê-nin không hề tuyệt đối hóa lợi ích, không coi

* Phó tiến sĩ triết học

Digitized by Google

lợi ích như một nhân tố duy nhất quyết định toàn bộ kết quả của hoạt động nhận thức.

Chúng ta đều biết, sự phân chia xã hội thành giai cấp và cuộc đấu tranh giữa các giai cấp có lợi ích đối lập nhau là một hiện tượng khách quan. Nó là kết quả tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất, của chế độ tư hữu. Trong một xã hội phân chia thành giai cấp thì con người không thể đứng ngoài hoặc đứng trên các giai cấp, không thể không bị chi phối bởi lợi ích và địa vị của một giai cấp nào đấy. Lợi ích luôn luôn đóng vai trò vừa như một động lực, vừa như cái bánh lái thúc đẩy và định hướng suy nghĩ và hành động của con người, trong đó có hoạt động nhận thức. Trong lĩnh vực xã hội, chúng ta thường thấy, trước một hiện tượng, trước một vấn đề, người ta có những cách tiếp cận khác nhau và đưa ra những cách giải quyết khác nhau. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình hình đó, nhưng một nguyên nhân hết sức quan trọng là do trong quá trình nhận thức, người ta không thể không xuất phát từ địa vị, lợi ích giai cấp của mình.

Cũng có trường hợp một số nhà tư tưởng, lý luận tuy xuất thân từ các giai cấp bóc lột, nhưng nhận thức ra bản chất phản động của giai cấp mình, đã kiên quyết rời bỏ địa vị giai cấp của mình, dũng cảm đấu tranh cho lợi ích của các giai cấp tiến bộ, cách mạng. Tuy nhiên, cả trong trường hợp này, hoạt động nhận thức cũng không xa rời lợi ích. Tóm lại, tuy là một sự phân chia có ý nghĩa nền tảng, sự phân chia xã hội thành những giai cấp với những lợi ích khác nhau không phải là sự phân chia duy nhất, bao trùm tất cả.

Trong bài «Dắt tay nhau đi..», mặc dù tác giả nói rằng ba nhân tố lợi, lý và tín đan xen vào nhau, chuyển hóa lẫn nhau trong mối quan hệ vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn, mà «việc phân chia chúng trong một con người, trong một việc làm không phải là điều dễ dàng», nhưng trong quá trình phân tích, tác giả lại tách rời, thậm chí đối lập những yếu tố ấy. Chẳng hạn tác giả đã không đúng khi cho rằng «người mang tính giai cấp rõ rệt là người duy lợi... chỉ biết lấy lợi ích của mình làm căn cứ, còn những gì trái với lợi ích của mình hay của những người chung lợi ích với mình thì không chấp nhận». Cần chú ý rằng sự chi phối của lợi ích giai cấp đối với hoạt động nhận thức, bản thân nó không hẳn là một điều xấu và một nguyên nhân tất yếu làm cho con người không tiếp cận được chân lý khách quan. Vấn đề còn tùy thuộc ở chủ thể nhận thức, nhà tư tưởng đứng trên lập trường của giai cấp nào, xuất phát từ lợi ích và bảo vệ lợi ích của giai cấp nào. Không phải hễ cứ xuất phát từ lợi ích của bản thân và của những người chung lợi ích với mình, thì chủ thể nhận thức hoàn toàn mất đi khả năng thấu hiểu chân lý khách quan. Vấn đề không phải ở chỗ chủ thể nhận thức có bị chi phối bởi lợi ích hay không, mà là ở chỗ bị chi phối bởi lợi ích nào? Mỗi giai cấp (kể cả giai cấp bóc lột), cũng như mọi con người, khi còn đóng vai trò tiến bộ trong lịch sử, khi lợi ích còn phù hợp với yêu cầu của sự phát triển xã hội, thì vẫn có khả năng, ở những mức độ khác nhau, nhận thức, phản ánh được tính quy luật của thế giới, tiếp cận được chân lý khách quan. Những phần tử ưu tú của các giai cấp chủ nô, phong kiến, những đại biểu xuất sắc của giai cấp tư sản đã từng đóng được vai trò như thế trong quá trình nhận thức của loài người. Nhưng khi lợi ích giai cấp của họ không còn phù hợp với đà tiến hóa của lịch sử, khi họ đã trở thành vật cản của sự tiến bộ xã hội, thì họ cũng mất đi luôn khả năng phát hiện và bảo vệ sự thật, lẽ phải; họ xa rời, thậm chí che giấu, xuyên tạc chân lý khách quan.

Digitized by Google

Bọn tà giáo La mã thời Trung cổ đã đàn áp đã man các nhà thiên văn học Ga-li-lê và Cô-péc-ních, đã tìm mọi cách che giấu, xuyên tạc những phát kiến vĩ đại của họ về trái đất quay quanh nó và quay chung quanh mặt trời... là bởi vì những phát kiến đó đã hoàn toàn bác bỏ thế giới quan của giai cấp phong kiến quý tộc cho rằng: trong vũ trụ mặt trời luôn xoay quanh trái đất, cũng như trong xã hội mọi thần dân phải phục tùng và tôn thờ đức vua. Nói cách khác: những phát kiến đó bác bỏ cái quan niệm về địa vị và lợi ích tuyệt đối, vĩnh cửu của giai cấp phong kiến quý tộc. Ở đây, cũng không loại trừ trường hợp một số người từng có lúc đứng trong hàng ngũ chiến sĩ cách mạng, nhưng sau một thời gian ở cương vị lãnh đạo, quản lý, bị thoái hóa, biến chất và trở thành những phần tử quan liêu, những « ông quan cách mạng ». Lúc này, lợi ích cá nhân ích kỷ đã « bịt mắt », « bưng tai » họ, làm cho họ hoặc vô tình hoặc cố ý chối bỏ chân lý, che giấu sự thật, để giữ cho được cái chức, cái quyền. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội, trong một thời gian quá dài, sa vào tình trạng lạc hậu. Nhiều sai lầm hiển nhiên, đem lại những hậu quả tiêu cực, những tổn thất nặng nề cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng việc phát hiện và khắc phục chúng lại rất khó khăn, chậm chạp. Ở đây, bên cạnh những nguyên nhân về nhận thức (sự mới mẻ của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, tính phức tạp và quy mô hết sức rộng lớn của công cuộc cải tạo và xây dựng toàn bộ chế độ xã hội mới), còn có nguyên nhân về **xã hội**. Đó là do những sai lầm, thiếu sót cần phải khắc phục lại là những cái lâu nay đã trở thành nếp nghĩ, cách làm quen thuộc của cả xã hội. Đó là do tư duy mới về chủ nghĩa xã hội tuy là cần thiết và đúng đắn, nhưng lại dụng chạm, thậm chí đe dọa lợi ích của nhiều người, nhất là những người trong hàng ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Tóm lại, nhìn chung và xét từ bản chất, giai cấp công nhân có lợi ích cơ bản phù hợp với lợi ích của các tầng lớp người lao động và sự phát triển của lịch sử. Nó và đảng tiên phong của nó có khả năng nhận thức được tính quy luật của sự phát triển của thế giới khách quan. Việc một nhà lãnh đạo, một chính đảng, một nhà nước của giai cấp công nhân chưa có được những hiểu biết đầy đủ và đúng đắn, chưa tiếp cận được chân lý khách quan, có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng không phải do trong quá trình nhận thức, họ đã không thoát ra khỏi những lợi ích của giai cấp họ. Nói như vậy không loại trừ trường hợp một chủ thể nhận thức nào đó, do những điều kiện, hoàn cảnh và khả năng riêng biệt, có thể rời bỏ lập trường phản động và lợi ích ích kỷ của giai cấp mình để đi tới chân lý khách quan.

Cũng cần nói thêm: do không quán triệt quan điểm giai cấp, tác giả bài « Dắt tay nhau đi... » đã mất đi khả năng xem xét theo quan điểm lịch sử cụ thể những nhân tố phân chia xã hội thành các tập đoàn khác nhau. Trong bài viết, các phạm trù **duy lý, duy tín** và **duy lợi** mà tác giả sử dụng như những « hòn đá tảng », làm nền móng cho toàn bộ lập luận của mình, đã mang một nội dung thiếu chặt chẽ và không xác định.

Chẳng hạn, về phạm trù **duy tín**. Nếu hiểu theo nghĩa rộng, đã là một con người bình thường về tâm lý thì ai cũng có một niềm tin của mình. Đúng. Nhưng cái khác nhau căn bản, có ý nghĩa quyết định ở mỗi con người lại không phải ở chỗ: « duy tín » hay « không duy tín »; mà ở chỗ: niềm tin làm nền tảng cho tư tưởng và hành động của mỗi người là như thế nào, đó là niềm tin **khoa học** hay

Digitized by Google

là niềm tin mù quáng? Nhà thiên văn học vĩ đại ngồi trên giàn lửa vẫn khẳng định trước mọi người niềm tin sắt đá của mình bằng câu nói nổi tiếng « Dù sao thì quả đất cũng vẫn quay », và những chức sắc trong giáo hội La mã ra quyết định thiêu sống ông, đều là những người duy tín. Những nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học suốt đời đấu tranh để xây dựng một cuộc sống hạnh phúc cho con người ngay trên trái đất này, và những chức sắc trong Phật giáo và Thiên chúa giáo khuyên mọi người hãy cúi đầu chấp nhận cuộc sống trước mắt đầy khổ đau, bất công, để trông đợi vào cuộc sống sau này trên thiên đường hoặc cõi nát bàn, cũng đều là những người duy tín.

Đến phạm trù duy lý thì cũng vậy. Dù là một con người, nhất lại là một người trí thức, một nhà khoa học, thì đều có những hiểu biết và đều suy nghĩ bằng đầu óc của mình. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, những tri thức mà mỗi người trí thức, mỗi nhà khoa học thu nhận được trong quá trình nhận thức lại không như nhau, thậm chí còn trái ngược, đối lập nhau.

Tách rời, đối lập cái duy lý, duy tín và duy lợi, hoặc đồng nhất hoàn toàn những nhân tố đó với nhau, đều không đúng. Không phải cái duy lý nào cũng đúng, cũng tốt; cũng như không phải cái duy tín, cái duy lợi nào cũng sai, cũng xấu. Những giai cấp tiến bộ, cách mạng, có lợi ích phù hợp với lợi ích của quần chúng nhân dân và xu thế phát triển của xã hội, có hệ tư tưởng đúng đắn hình thành trên cơ sở tiếp thu, kế thừa và phát triển toàn bộ kết quả nhận thức của loài người, theo kịp với những bước tiến, những thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật thì cũng thường có một niềm tin sâu sắc và mãnh liệt vào lý tưởng và con đường đi tới. Xét cho cùng, chỉ có những lợi ích hợp lý, những tri thức đúng đắn và những niềm tin khoa học, mới có thể kết hợp một cách hữu cơ, chặt chẽ và bền vững trong một con người, một giai cấp, một dân tộc, và do đó mà trở thành một sức mạnh, một động lực to lớn của sự tiến bộ xã hội. Giai cấp công nhân, do những đặc điểm bản chất của nó, có thể trở thành một giai cấp như thế, mặc dầu phải thừa nhận rằng chính đảng của nó trong nhiều nước, khi nắm quyền lãnh đạo xã hội, chưa tạo ra được một sự thống nhất hữu cơ giữa ba nhân tố duy lợi, duy lý và duy tín, do đó, cũng chưa tạo ra được một động lực thật sự mạnh mẽ trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Tôi cảm thấy tác giả bài « Dắt tay nhau đi... » bị bối rối trước thực trạng khó khăn, đầy mâu thuẫn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nhiều nước hiện nay, do đó đã đi đến những kết luận bi quan về khả năng giai cấp công nhân cùng chính đảng của nó vận dụng tri thức, tập hợp và phát huy đội ngũ trí thức trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Quả là trong thực tiễn những người cộng sản chưa thực hiện được việc làm giàu trí tuệ của mình bằng toàn bộ kho tàng tri thức mà nhân loại đã tích lũy được như Lê-nin đã khuyên; chưa thu nhận được kịp thời những hiểu biết mới mẻ về những quá trình kinh tế, xã hội hết sức phong phú và phức tạp đã và đang diễn ra trong cuộc sống. Họ còn mò mẫm, thậm chí tùy tiện, ngẫu hứng trong việc xác định mục tiêu, chiến lược, sách lược, trong việc thiết kế những chương trình, kế hoạch cụ thể; còn mắc nhiều sai lầm thiếu sót, đặc biệt là bệnh chủ quan, duy ý chí trong việc lãnh đạo, quản lý kinh tế, xã hội, do đó đã gặp nhiều khó khăn, chịu nhiều tổn thất to lớn trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhận thức, với tính cách là một hoạt động, một quá trình sản xuất ra

Digitized by Google

những giá trị tinh thần, tư tưởng, cũng như sự vận dụng tri thức về các quy luật phát triển của thế giới xung quanh, đòi hỏi ở mỗi chủ thể nhận thức những yếu tố cơ bản sau đây:

– Lợi ích hợp lý và địa vị lịch sử tiến bộ của chủ thể nhận thức trong quá trình phát triển xã hội.

– Vốn liếng tri thức và phương pháp nhận thức cùng với những điều kiện tối thiểu để tiến hành công việc nghiên cứu, tìm tòi, phát hiện chân lý và tiếp cận những hệ thống tri thức mới.

– Những thiên tư, năng khiếu về hoạt động trí tuệ, sự nhạy bén và sắc sảo trong hoạt động nhận thức, những phẩm chất cần thiết cho công việc học tập, nghiên cứu, mà trước hết là bản lĩnh khám phá và bảo vệ chân lý. Quả là, trong lịch sử nền văn minh của nhân loại, ta thấy có nhiều nhà tư tưởng, nhà bác học xuất chúng, khởi xướng những tư tưởng mới, sáng tạo những hệ thống lý luận mới, xuất thân từ các giai cấp hữu sản, mà ít có người xuất thân từ những giai cấp cần lao. V.I. Lê-nin cho rằng, giai cấp vô sản trong xã hội tư bản, do những điều kiện sinh hoạt và làm việc tồi tệ, không thể tự hệ thống hóa những quan điểm phản ánh lợi ích của bản thân họ và quần chúng lao động thành hệ tư tưởng. Công việc này phải do một số trí thức tiến bộ, xuất thân từ những giai cấp khác, nhưng tự nguyện đứng trên lập trường và lợi ích của giai cấp vô sản tiến hành.

Như vậy, trong các xã hội cũ, do có áp bức, bóc lột, có đối kháng giai cấp, nên đã có sự khác biệt rõ rệt, sự chênh lệch khá xa giữa giai cấp công nhân, nhân dân lao động với các giai cấp hữu sản về những điều kiện để tiến hành hoạt động nhận thức và về vốn liếng kiến thức. Tuy nhiên, không thể từ đó mà đi đến kết luận như tác giả cho rằng: « giai cấp bị trị trong xã hội cũ không thể trở thành giai cấp lãnh đạo trong xã hội mới, vì bản thân họ không thể tiêu biểu cho trình độ tiên tiến nhất của trí thức con người thời ấy ». Không thể kết luận như trên, bởi lẽ:

Thứ nhất, không phải tất cả mọi thành viên của giai cấp nắm quyền lãnh đạo xã hội đều là những trí thức lớn, ngay từ đầu đã thâu tóm được toàn bộ kho tàng tri thức mà loài người đã tích lũy được. Trong bất cứ cuộc cách mạng xã hội nào, những giai cấp mới bước lên địa vị thống trị đều phải tập hợp, sử dụng trí thức xuất thân từ nhiều giai tầng khác nhau, sử dụng họ như những chuyên gia, những cố vấn trong quá trình xây dựng chế độ xã hội mới.

Thứ hai, trước khi trở thành giai cấp thống trị, giành được quyền lãnh đạo và quản lý xã hội, bản thân giai cấp hữu sản cùng với tầng lớp trí thức của nó và của các giai cấp khác đều đã trải qua thân phận những người bị thống trị, mặc dù họ đã chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội.

Thứ ba, giai cấp công nhân và quần chúng lao động trong quá trình lãnh đạo và quản lý xã hội, có khả năng tập hợp lôi cuốn những trí thức xuất thân từ các tầng lớp khác nhau trong xã hội tham gia vào sự nghiệp xây dựng xã hội mới, đồng thời học tập được những tri thức cần thiết cho việc lãnh đạo và quản lý xã hội mới. Trình độ thấp kém của giai cấp công nhân và những nhà lãnh đạo họ về học vấn, về những hiểu biết cần thiết để lãnh đạo và quản lý xã hội, là do những điều kiện lịch sử của xã hội cũ, chứ không phải là một hiện tượng bẩm sinh, mang tính định mệnh, không thể khắc phục được. Trong các nước tư bản chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa, có nhiều nhà trí thức có tên tuổi trên tất cả các lĩnh vực

Digitized by Google

khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và văn hóa nghệ thuật, là đảng viên cộng sản; họ tích cực tham gia sự nghiệp đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Ở nước ta, hầu hết những nhân vật nổi tiếng của nền văn hóa Việt nam trước và ngay sau Cách mạng Tháng Tám 1945, đã tự nguyện chiến đấu dưới lá cờ của đảng cộng sản; và hiện nay trên đất nước ta đã hình thành một tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa có vốn hiểu biết và trình độ nghiên cứu khá cao, thiết tha yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tích cực đóng góp trí tuệ và sức lực vào sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Mặt khác, cũng phải thừa nhận rằng, đội ngũ trí thức ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay chưa phát huy được đầy đủ tiềm lực to lớn của mình trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tình hình này có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, các chính đảng vô sản chưa có sự quan tâm đầy đủ đối với giới trí thức, do đó, chưa định ra được một chính sách thật hợp lý, thu hút và động viên được mọi hoạt động của đội ngũ trí thức. Thực tế cho thấy, để phát huy đầy đủ tiềm lực của giới trí thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần chú ý những điểm sau:

— Tạo ra một địa bàn rộng rãi, một bầu không khí cởi mở cho mỗi người được suy nghĩ độc lập, tự do phát biểu ý kiến, tự do trao đổi, tranh luận.

— Tìm hiểu với một thái độ bình tĩnh, nhẫn nại và trân trọng mọi quan điểm riêng biệt của các nhà khoa học, kể cả những tư tưởng, những suy nghĩ «mới lạ», không chỉ khác mà thậm chí còn trái ngược với những «lẽ phải thông thường», những quan niệm quen thuộc, «chính thống», lâu nay vẫn được công luận khẳng định như những «chân lý tuyệt đối và vĩnh cửu». Các Mác từng nói: Chân lý, lúc ban đầu thường xuất hiện như những nghịch lý, nên chúng ta nhìn nhận nó dưới cái vỏ bên ngoài của kinh nghiệm thông thường. Cuộc hành trình để đi đến chân lý khách quan là một quá trình lâu dài, gian khổ, chứ không phải dễ dàng, chóng vánh, một lần là xong. Con đường nhận thức không bằng phẳng, thẳng tắp mà quanh co, khúc khuỷu, không ít những lối rẽ bất ngờ, những đoạn phải vượt qua thác ghềnh, đi vào rừng rậm, có lúc tưởng như không có lối ra. Đi trên con đường đó, không thể hoàn toàn tránh khỏi những sai lầm, vấp váp. Cần phải có một thái độ khoan dung, độ lượng đối với những sai lầm, vấp váp, cần có một sự cổ vũ, khuyến khích đối với những tìm tòi, thể nghiệm, khám phá của những người làm công tác nghiên cứu lý luận. Phải chấp nhận một tình hình là trong cuộc hành trình nhận thức của cả xã hội, có thể có nhiều người bị lạc lối, nhiều cuộc thể nghiệm bị thất bại, nhiều giả thuyết không được chứng minh. Đó là cái «khoản học phí» phải trả để đi đến, để thấu hiểu chân lý.

— Định ra một chính sách hợp lý, bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết cho hoạt động khoa học, lý luận, của đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa. Trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn của sự nghiệp cách mạng hiện nay, chưa thể có một sự ưu tiên, ưu đãi gì lớn đối với tầng lớp trí thức và các ngành hoạt động khoa học, nghệ thuật, nhưng cũng không vì thế mà có thể xử lý theo kiểu «cào bằng», «xem nhẹ» các hoạt động vốn rất phức tạp, đòi hỏi một sự căng thẳng của trí tuệ và tiêu hao nhiều năng lượng thần kinh. Phải có cách đánh giá và đãi ngộ thích đáng đối với những hoạt động khoa học, nghệ thuật, trên cơ sở những hiệu quả mà

(Xem tiếp trang 25)

Digitized by Google

CÁC «KIỂU» QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NGUYỄN TĨNH GIA *

Từ một hình thái kinh tế xã hội này chuyển sang một hình thái kinh tế xã hội khác là một giai đoạn lịch sử đặc biệt với độ dài ngắn khác nhau, trải qua các « khâu trung gian » với những kết cấu và hình thức biểu hiện khác nhau.

Phạm trù « khâu trung gian » được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác—Lê-nin sử dụng gắn với thuật ngữ « quá độ » để vừa chỉ « thời gian chuyển tiếp », vừa chỉ « kết cấu chuyển tiếp » của sự vật, hiện tượng, đặc biệt khi nghiên cứu về sự phát triển của các hình thái kinh tế — xã hội.

Khi nói về **khâu trung gian — quá độ**, nhiều người thường chỉ hiểu đó là « thời gian chuyển tiếp », chứ ít hiểu đó còn là « kết cấu chuyển tiếp », một **kết cấu riêng** gồm những yếu tố cấu thành hệ thống. Đã là một kết cấu riêng thì tất yếu sẽ có một hệ thống những quy luật đặc thù. Khái niệm « thời kỳ quá độ » do đó được hiểu như thời gian chuyển tiếp từ một thời đại lịch sử này sang một thời đại lịch sử khác.

Cộng đồng thế giới hôm nay bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Những nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao như Mỹ, Anh, Pháp, Cộng hòa liên bang Đức... sẽ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như thế nào? Những siêu cường về kinh tế như Nhật bản sẽ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như thế nào? Các nước Bắc Âu như Phần lan, Thụy điển, đã quá độ lên chủ nghĩa xã hội chưa và nếu rồi thì quá độ như thế nào? Còn các nước kinh tế lạc hậu, chưa trải qua chủ nghĩa tư bản hoặc chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, thì quá độ lên chủ nghĩa xã hội như thế nào? v.v. Một loạt vấn đề đặt ra mang ý nghĩa thời đại và thời sự.

Thực tế lịch sử cho thấy, các nước trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới có lịch sử phát triển không đều nhau: có nước phát triển tới ba trăm năm (Anh, Pháp); có nước hai trăm năm (Mỹ); Nhật-bản chỉ một trăm năm từ thời Minh trị Thiên hoàng; còn Nam Triều-tiên mới trên hai mươi năm nay. Đấy là sự phát triển của lịch sử được rút ngắn. Như vậy, vấn đề đặt ra cho chúng ta hiện nay là phải tìm cho được quy luật phát triển rút ngắn của chủ nghĩa tư bản,

* Phó tiến sĩ triết học

Digitized by Google

đồng thời nghiên cứu xem các nước tư bản chủ nghĩa đã đi những « bước » như thế nào và với những « hình thức » như thế nào để rút ngắn?

Tìm hiểu quy luật phát triển « rút ngắn » trước hết phải nhận thức đúng về phạm trù này.

Trước đây, khái niệm « rút ngắn » lịch sử được người ta đồng nhất với sự « cắt bỏ » lịch sử, bất chấp quy luật khách quan.

Lịch sử phát triển có thể rút ngắn nhưng phải trên cơ sở những tiêu chí sau đây:

— Tuân theo quy luật khách quan;

— Sáng tạo trong sự vận dụng các quy luật lịch sử sao cho thời gian tác động của chúng thu ngắn lại;

— Thích ứng với thời đại và phù hợp với dân tộc.

Trong thời đại ngày nay, những thành tựu kinh tế, khoa học kỹ thuật mà nhân loại đạt được, đã ở trình độ rất cao. Các dân tộc phát triển sau, không nhất thiết phải đi những bước tuần tự, chậm chạp « kiểu cổ sinh vật », mà có thể đi nhanh hơn, có hiệu quả hơn « kiểu bào thai xã hội ». Vấn đề có ý nghĩa then chốt ở đây là: « lựa chọn hình thức, xác định bước đi ».

Đối với những nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao, quá độ lên chủ nghĩa xã hội có thể diễn ra dưới những hình thức:

Một là, có một « biến cách chính trị » diễn ra và sau đó là quá trình cải cách kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa. Quá trình này không chỉ giải quyết những vấn đề thuộc quan hệ sản xuất mà giải quyết cả những vấn đề thuộc lực lượng sản xuất. Tất nhiên, những thành tựu đạt được của lực lượng sản xuất ở đây sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình cải cách kinh tế được nhanh hơn và có hiệu quả hơn.

Hai là, không qua « biến cách chính trị » mà bằng một quá trình cải cách kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa. Hình thức này chỉ được thực hiện trong điều kiện tương quan chính trị quốc tế vừa có lợi cho chủ nghĩa xã hội, vừa trở thành xu thế thời đại, với trình độ văn minh, tiến bộ và nhân đạo của loài người ngày càng cao.

Nếu dùng tư duy triết học, khái quát tư tưởng về các « kiểu » quá độ lên chủ nghĩa xã hội của các nhà kinh điển mác xít, chúng ta có thể nêu ra hai kiểu: « quá độ trực tiếp » và « quá độ gián tiếp ».

Quá độ **trực tiếp** là kiểu quá độ đối với những nước mà ở đó những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội đã phát triển cao, tạo tiền đề cho những biến đổi cách mạng theo hướng xã hội chủ nghĩa. Nói cách khác, đó là kiểu quá độ ở những nước mà chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, những nước mà phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã trở thành phương thức sản xuất thống trị với đầy đủ những thuộc tính cơ bản vốn có của nó, trong đó mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất rất gay gắt.

Thời gian chuyển tiếp của hình thức quá độ này có thể ngắn hơn kiểu quá độ gián tiếp, vì vấn đề chủ yếu còn lại ở đây chỉ là tạo ra « thể chế xã hội » mới, làm cơ sở xã hội cho quá trình thay đổi theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mà nội dung cơ bản của nó là làm cho tính chất xã hội chủ nghĩa của quan hệ sản xuất được xác lập.

Quá độ **gián tiếp** biểu hiện dưới hai hình thức: quá độ từ « đầu » tư bản chủ nghĩa và quá độ từ « tiền » tư bản chủ nghĩa.

Quá độ từ « đầu » tư bản chủ nghĩa là kiểu quá độ đối với những nước mà ở đó **đã xuất hiện những yếu tố kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa**, nhưng

Digitized by Google

chủ nghĩa tư bản chưa giành được vị trí thống trị. Những yếu tố này đan xen, phụ thuộc vào chế độ kinh tế đang giữ vị trí thống trị.

Quá độ « tiến » tư bản chủ nghĩa là kiểu quá độ đối với những nước mà ở đó **các yếu tố kinh tế tư bản chủ nghĩa chưa xuất hiện.** Kết cấu kinh tế ở đây là kết cấu kinh tế đan xen của nhiều loại hình xã hội khác nhau trước chủ nghĩa tư bản.

Xét về thời gian, kiểu quá độ gián tiếp với hai loại hình quá độ « dầu » và « tiến » tư bản chủ nghĩa, **dài hơn** kiểu quá độ trực tiếp. Vì ở đây, cách mạng phải giải quyết cùng một lúc hai nhiệm vụ rất cơ bản: phát triển lực lượng sản xuất và cải tạo quan hệ sản xuất. Song, do điều kiện quốc tế mới (thời đại hiện nay là thời đại quốc tế hóa rất cao lực lượng sản xuất, thời đại bùng nổ thông tin và mở rộng giao lưu quốc tế...), nên độ dài trên lại có thể rút ngắn. Như vậy ta thấy các nước quá độ từ « dầu » hoặc từ « tiến » tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội cùng một lúc chịu sự tác động ngược chiều của hai yếu tố: vừa phải kéo dài lại vừa có thể rút ngắn; vừa phải đi những bước tuần tự, lại vừa có thể thực hiện những bước nhảy vọt. Đây là một « nghịch lý », một mâu thuẫn mà chúng ta cần phân tích, để tìm ra những phương thức kết hợp, những loại hình và bước đi phù hợp.

Khi giải quyết các vấn đề kinh tế trong những bước quá độ, bằng những hình thức kinh tế quá độ, không thể không thấy: vì là quá độ, những hình thức kinh tế đó không thể đã hoàn chỉnh, bền vững; trong chúng còn có mâu thuẫn giữa các yếu tố của cái cũ và các yếu tố của cái mới; các yếu tố của cái mới đan xen, kế thừa và đấu tranh với các yếu tố của cái cũ trong sự vận động và phát triển. Do đó, để phát huy tác dụng tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của những hình thức kinh tế đó, cần dùng phương pháp « **duy trì — tái sinh — lọc bỏ** ». **Duy trì** không chỉ là giữ nguyên cái cũ, mà còn là khơi dậy từ trong cái cũ những yếu tố tích cực để kế thừa. **Tái sinh** là quá trình làm sống lại các hình thức cũ trong điều kiện mới nhằm tạo « nấc thang kích thích » sự phát triển mới của lực lượng sản xuất. Như vậy, **duy trì phải trên cơ sở lọc bỏ**, còn **tái sinh phải tạo tiền đề cho lọc bỏ.** Những nguyên tắc đó bao giờ cũng là cơ sở xuất phát để nghiên cứu cái cụ thể. Thiếu những nguyên tắc đó sẽ mất phương hướng, không phân tích đúng các sự vật, hiện tượng và quá trình.

Bất cứ nước nào muốn đưa ra một đường lối kinh tế xã hội « đúng » Đảng và Nhà nước đó phải xác định « trúng » điểm xuất phát lịch sử để từ đó quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nói cách khác là phải xác định nước đó đang « đứng » ở chỗ nào của một hình thái kinh tế xã hội để xem ở đó quá độ theo kiểu gì? Bỏ qua chủ nghĩa tư bản hay bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa? Đây là hai cách đặt vấn đề khác nhau. Nếu không nhận thức đúng, sẽ ảnh hưởng đến quá trình hoạch định đường lối cũng như lựa chọn hình thức, xác định bước đi.

Trong thời đại ngày nay, cùng với sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, còn có sự quá độ từ **trước** chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Sự quá độ này được thực hiện thông qua hai trường hợp « dầu » và « tiến » tư bản chủ nghĩa, như đã nêu ở trên.

Có ý kiến đã liệt hai trường hợp này vào kiểu quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo con đường phi tư bản chủ nghĩa. Như vậy đã mở quá rộng khái niệm « con đường phi tư bản chủ nghĩa », xóa nhòa ranh giới các quá trình xã hội giữa một bên là những

(*Xem tiếp trang 43*)

Digitized by Google

Về năng lực trí tuệ của người lãnh đạo

NGUYỄN HẢI KHOÁT *

HOẠT động của người lãnh đạo chủ yếu là quá trình hoạt động trí tuệ mang tính sáng tạo. Nhưng quá trình này ở người lãnh đạo khác với những người nghiên cứu khoa học ở mấy điểm: **thứ nhất**, người lãnh đạo thường không đủ thời gian để thu thập được đầy đủ thông tin cần thiết và xử lý chúng một cách «từ từ thong thả»; **thứ hai**, người lãnh đạo phải giải quyết nhiều việc khác nhau, do đó, họ không thể tập trung chú ý vào một vấn đề được lâu dài như nhà khoa học; **thứ ba**, quyết định quản lý có tính chất bắt buộc mọi người dưới quyền phải thực hiện, nó sẽ đưa tới những kết quả nhất định về kinh tế hay chính trị v.v. cho nên người lãnh đạo phải chịu trách nhiệm về quyết định đó. Những điều trên đã quy định đặc điểm hoạt động trí tuệ của người lãnh đạo là một hoạt động có **cường độ lớn, tốc độ nhanh, tính cơ động cao**; là một hoạt động làm hao tổn nhiều năng lượng thần kinh. Không có năng lực trí tuệ phát triển cao thì người lãnh đạo khó có thể ra được các quyết định quản lý đúng đắn và kịp thời. Không có năng lực trí tuệ thì không thể làm nổi trách nhiệm người lãnh đạo. Đặc biệt trong điều kiện «bùng nổ thông tin» và đổi mới toàn diện, sâu sắc mọi lĩnh vực xã hội như hiện nay, người lãnh đạo thiếu năng lực trí tuệ thì khó có thể đáp ứng nhiệm vụ được giao.

Hoạt động trí tuệ của người lãnh đạo mang những đặc điểm chung của mọi hoạt động trí tuệ, nhưng cũng có những đặc điểm riêng:

Trước hết, đó là **tốc độ tiếp nhận thông tin và tốc độ suy nghĩ mau lẹ.** Thực tế quản lý thường đòi hỏi người lãnh đạo phải ra quyết định một cách nhanh chóng. Tính tối ưu của các quyết định này phụ thuộc vào tốc độ huy động các kiến thức và kinh nghiệm cần thiết, vào trình độ phân tích và khái quát các tài liệu nhận được. Người lãnh đạo phải kịp thời nhận ra được các mối liên hệ cần thiết, đồng thời phải bỏ qua được các liên hệ không cần thiết vốn có liên quan với một vấn đề quản lý nào đó. Đây là phẩm chất quan

* Phó tiến sĩ tâm lý học

Digitized by Google

trọng bậc nhất của trí tuệ người lãnh đạo. Song tốc độ mau lẹ, sự nhận ra kịp thời không có nghĩa là ra quyết định một cách vội vàng, hấp tấp.

Bề rộng và độ sâu là một phẩm chất rất quan trọng trong trí tuệ của người lãnh đạo. Bề rộng của trí tuệ cho phép người lãnh đạo nắm bắt được một phạm vi rộng lớn các vấn đề quản lý, nhìn thấy được và hiểu được những mối liên hệ và sự tác động qua lại giữa các vấn đề, các mặt của một vấn đề, và sự quy định lẫn nhau giữa chúng. Bề rộng này còn cho phép người lãnh đạo có thể sử dụng được các kiến thức và kinh nghiệm của nhiều lĩnh vực khác nhau theo một hướng nhất định để giải quyết sáng tạo các vấn đề quản lý của mình. Đối lập với bề rộng của trí tuệ là óc thiển cận và tính hạn chế của tư duy. Người lãnh đạo nào có nhược điểm này sẽ bị bó hẹp trong thế giới nhỏ bé của mình, trong phạm vi hoạt động chuyên môn hẹp và ngành khoa học hẹp của mình; sẽ xem xét các vấn đề quản lý một cách hẹp hòi, phiến diện, tách rời các hoạt động khác, các khoa học khác, kể cả các hoạt động tương tự và gần gũi.

Độ sâu của trí tuệ cho phép người lãnh đạo suy nghĩ sâu vào thực chất của vấn đề, phát hiện được các mối liên hệ nhân quả đang sinh ra hiện tượng đó, và dự báo được khuynh hướng phát triển của nó. Độ sâu này còn giúp người lãnh đạo nhìn nhận được các nhân tố chủ quan và khách quan, các điều kiện thuận lợi và không thuận lợi khi đề xuất một giải pháp quản lý, từ đó có thể đưa ra được các thông tin cần thiết để luận chứng có cơ sở khoa học và thực tế cho một quyết định của mình. Đối lập với độ sâu của trí tuệ là sự hời hợt. Người lãnh đạo nào có nhược điểm này sẽ không thể phân biệt được các hiện tượng riêng lẻ với các sự kiện bản chất, không thể hiểu và tìm được nguyên nhân của chúng. Không có bề rộng và độ sâu trí tuệ cần thiết thì các quyết định của người lãnh dạo sẽ phiến diện, nông cạn.

Tính linh hoạt cũng là một phẩm chất không thể thiếu được trong trí tuệ của người lãnh đạo. Tính linh hoạt đòi hỏi người lãnh đạo phải biết thay đổi kịp thời các quyết định của mình khi thấy nó không còn phù hợp với những điều kiện mới. Điều này đặc biệt khó đối với những người lãnh đạo đã làm việc lâu năm và quen suy nghĩ theo một cách nào đó, theo những yêu cầu và chuẩn mực nhất định, tức là đã có một định hình tư duy, mà nay không còn phù hợp nữa. Tình hình và điều kiện mới của chúng ta lúc này, những yêu cầu đổi mới toàn diện và triệt để do Đảng ta đề ra từ Đại hội VI tới nay đang đòi hỏi mọi người, trước hết là các cán bộ lãnh đạo, quản lý, phải có tư duy mới, tức là có nội dung tư duy và phương pháp tư duy mới, hiện đại, theo kịp thời đại hiện nay. Không có tính linh hoạt trong tư duy thì khó mà từ bỏ được nếp suy nghĩ cũ, lạc hậu, để hình thành, phát triển được kiểu tư duy quản lý hiện đại — cơ sở của mọi suy nghĩ và hành động sáng tạo, đổi mới của người lãnh đạo. Chính đầu óc xơ cứng và tính ỳ là những vật cản lớn làm cho người lãnh đạo không thay đổi được nếp tư duy cũ của mình, không kịp thời bãi bỏ các quyết định quản lý lỗi thời và đưa ra được những quyết định mới có hiệu quả hơn.

Người lãnh đạo có tư duy quản lý hiện đại sẽ thể hiện rõ ở **tính phê phán** về mặt trí tuệ. Thái độ phê phán khoa học và cách mạng cho phép người lãnh đạo đánh giá đúng các sự kiện, hiện tượng tích cực và tiêu cực, để từ đó đề ra được quyết định hợp lý nhất. Tính phê phán giúp cho người lãnh đạo tiếp thu có chọn lọc

Digitized by Google

lý luận và kinh nghiệm mới, không sao chép nguyên văn và ứng dụng máy móc chúng vào thực tế hoạt động quản lý ở đơn vị mình.

Cùng với tính phê phán, người lãnh đạo còn phải có tính độc lập trong suy nghĩ. Phẩm chất này thể hiện ở khả năng nhận thức và đặt ra được những vấn đề mới mẻ, biết xây dựng cơ sở khoa học cho vấn đề và sau đó sẽ giải quyết nó bằng sức lực của bản thân mình là chính. Đó còn là năng lực ban hành quyết định kịp thời và thực thi nó theo quan điểm và lập trường riêng của mình, không chịu sự chi phối của những người khác. Người lãnh đạo có tính độc lập thường là người am hiểu công việc của mình, có ý chí vững vàng, có mục đích rõ ràng, có trách nhiệm cao trước tập thể và cấp trên. Họ dám mạnh dạn nêu ra những tư tưởng, quan điểm mới dù rằng bị đa số phản đối. Người lãnh đạo không có tính độc lập trong suy nghĩ thường dễ dàng chịu ảnh hưởng của những người khác, đặc biệt là của cấp trên; họ thay đổi quan điểm hay các quyết định của mình nhưng không hiểu rõ được cơ sở lý luận và thực tế của điều đó. Sự « bao cấp tư duy » trong cơ chế quản lý cũ, sự « bảo trợ » của cấp trên bằng « ô dù » quyền lực và quyền lợi về thực tế đã cản trở sự hình thành tính độc lập và tính phê phán trong không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý vốn có « duyên nợ lâu dài » với cơ chế cũ. Tính phê phán và tính độc lập là hai phẩm chất không thể thiếu được đối với những ai muốn thực sự tiến hành đổi mới có kết quả.

Một phẩm chất nữa trong năng lực trí tuệ của người lãnh đạo là tính lô gíc trong suy nghĩ. Đó là sự nhất quán trong diễn đạt tư tưởng, ý kiến và sự tập trung trí lực vào các đối tượng và hiện tượng xác định. Người lãnh đạo không có tính lô gíc trong suy nghĩ thường « lẫn lộn » các sự kiện, hiện tượng với nhau; kiến thức lĩnh vực này sử dụng « nhầm » sang lĩnh vực khác; suy nghĩ « nhảy cóc » từ bước này sang bước kia, từ vấn đề này sang vấn đề khác mà không rõ sự hợp lý, sự liên tục của chúng. Do suy nghĩ không lô gíc mà họ sẽ có những kết luận và hành động thiếu lô gíc, đưa tới những hậu quả đáng tiếc. Huấn luyện cho người lãnh đạo biết suy nghĩ một cách lô gíc là một trong các yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lúc này.

Trên đây là một số phẩm chất quan trọng trong năng lực trí tuệ của người lãnh đạo hiện nay — những người đang có trọng trách trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện và triệt để theo tinh thần nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Đương nhiên, không được xem xét những phẩm chất trí tuệ của người lãnh đạo tách rời các phẩm chất chính trị, đạo đức cùng những năng lực khác đã được nói đến trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, điều cần chú ý là, tùy theo cương vị công tác cụ thể của từng người lãnh đạo, quản lý mà mức độ yêu cầu đối với các phẩm chất trí tuệ đã nói ở trên sẽ có thể khác nhau. Rõ ràng là, bề rộng, độ sâu, tính độc lập, v.v trong trí tuệ của một người lãnh đạo ở cấp cao sẽ có mức độ khác với những người lãnh đạo ở cấp cơ sở; của người lãnh đạo viện khoa học sẽ khác với người quản lý một đơn vị sản xuất, kinh doanh, v.v. Chính vì thế mà đối với một số người lãnh đạo nào đó còn có thể phải đề cập thêm vài phẩm chất trí tuệ khác nữa. Chẳng hạn, người lãnh đạo cấp chiến lược còn cần phải có tầm xa của trí tuệ. Bởi vì, những quyết định quản lý ở cấp chiến lược sẽ mang lại hiệu quả không chỉ trong vài ba năm trước mắt mà còn cho mười, hai mươi năm sau; không chỉ tác động trong một lĩnh vực mà là ở nhiều lĩnh vực thuộc một ngành, một tỉnh hay cả nước. Ở một số người lãnh

Digitized by Google

đạo nào đó, phẩm chất **nhạy cảm với cái mới** cũng rất quan trọng, chẳng hạn như ở những cán bộ lãnh đạo các cơ quan tham mưu hay nghiên cứu lý luận. Rõ ràng là nếu không bắt nhạy được với những vấn đề mới trong thực tiễn quản lý, lãnh đạo thì sẽ không thể kịp thời đề xuất được các giải pháp cần thiết; nếu không đưa ra được những vấn đề lý luận mới để kịp thời lý giải nhằm giữ được vai trò tiên phong của lý luận thì không sao tiến hành được mọi sự đổi mới trong lúc này, trước hết là đổi mới tư duy lý luận. Đương nhiên các phẩm chất tầm xa trí tuệ và sự nhạy cảm với cái mới đều cần thiết cho mọi cán bộ quản lý, lãnh đạo ở các lĩnh vực khác nữa. Và còn có một số phẩm chất trí tuệ khác mà trong bài này chưa đề cập, cần được chúng ta tiếp tục nghiên cứu.

Năng lực trí tuệ là một năng lực cơ bản và cần thiết cho mọi người, song tiếc rằng nó còn được nghiên cứu quá ít, nhất là năng lực trí tuệ của người lãnh đạo trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Hy vọng rằng, cùng với việc thừa nhận vai trò to lớn của cán bộ quản lý, lãnh đạo trong việc đưa một đơn vị, một ngành hay cả nước tiến lên mạnh mẽ, thì những vấn đề thuộc về năng lực trí tuệ của người lãnh đạo cũng sẽ được nghiên cứu ngày càng đầy đủ và sâu sắc hơn.

CÁC «KIỂU» QUÁ ĐỘ...

(Tiếp theo trang 39)

nước đã có chủ nghĩa tư bản nhưng còn yếu với một bên là những nước nông nghiệp lạc hậu vốn là thuộc địa hoặc nửa thuộc địa, hầu như chưa có chủ nghĩa tư bản.

Về mặt kết cấu kinh tế xã hội, hai loại nước nói trên đều có nền kinh tế nhiều thành phần. Nhưng ở **trường hợp thứ nhất**, các quan hệ tư bản chủ nghĩa đã có vai trò đáng kể; tuy nhiên, chúng chưa phát triển đầy đủ cho nên chưa cải tạo được toàn bộ nền kinh tế theo chủ nghĩa tư bản. Ở đây, những quan hệ tiền tư bản được duy trì với tư cách là những thành phần kinh tế xen ghép trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sự tranh chấp giữa các thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa và tiền tư bản chủ nghĩa ở đây diễn ra gay gắt.

Còn ở **trường hợp thứ hai**, ở những nước lạc hậu về kinh tế như nước ta, thì các quan hệ tư bản chủ nghĩa còn mờ nhạt; phổ biến vẫn là các quan hệ tiền tư bản. Do đó, ở đây việc kế thừa, khai thác, lợi dụng những yếu tố kinh tế của chủ nghĩa tư bản trong quá trình phát triển kinh tế theo định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội, là rất cần thiết.

Như vậy, cần nhận thức đầy đủ rằng: trong điều kiện quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, khi chúng ta nói các nước lạc hậu về kinh tế đứng trước khả năng bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa với tính cách là một giai đoạn lịch sử, một phương thức sản xuất thống trị, thì như vậy không có nghĩa là các nước đó không cần tạo ra một số yếu tố cần thiết tương tự như chủ nghĩa tư bản đã có, nhất là về lực lượng sản xuất, để đi lên chủ nghĩa xã hội. Điều quan trọng là xác định được những cái gì cần bỏ qua, cái gì không thể bỏ qua, để từ thực trạng cơ sở xuất phát của mình, mà định hướng và định hình đúng các hình thức và bước đi.

Digitized by Google

Sức khỏe thế hệ trẻ nước ta — Thực trạng và giải pháp

PHẠM SONG *

THEO quan điểm mới của y tế thế giới thì sức khỏe không chỉ là không có bệnh tật, mà còn là một trạng thái thoải mái về thể chất, tâm thần và xã hội. Sức khỏe là vốn quý nhất của con người, là tài sản quý nhất của mỗi quốc gia, là mục tiêu và nhân tố quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày nay, y học hiện đại có thể ngăn chặn hoặc chữa được rất nhiều căn bệnh đã từng gây kinh hoàng cho loài người hàng thiên niên kỷ nay. Thế mà tại các nước đang phát triển, hằng ngày vẫn có khoảng 10 000 trẻ em dưới 5 tuổi chết chủ yếu do thiếu sự chăm sóc sức khỏe trị giá khoảng hơn 1 đô la cho mỗi em, thiếu sự cung cấp thường xuyên thức ăn dinh dưỡng, nước sạch và điều kiện vệ sinh. Mỗi ngày có 8000 em chết do bệnh sởi, ho gà, uốn ván mà lẽ ra có thể ngăn chặn được qua những đợt tiêm chủng không mấy đắt đỏ, có 7000 em chết do bệnh ỉa chảy, và có hơn 6000 em chết do viêm phổi. Theo tỷ lệ cứ một trẻ em chết thì có nhiều trẻ em khác sống lay lắt do suy dinh dưỡng, sức khỏe yếu, không phát triển được mọi tiềm năng về trí tuệ và cơ thể. Người ta ước tính cuối thập kỷ này chi phí bổ sung hằng năm cho những chương trình nhằm cứu sống 50 triệu trẻ em trong những năm 1990 sẽ lên đến 2,5 tỷ đô la. 2,5 tỷ đô la là một số tiền đáng kể, nhưng nó khá nhỏ so với những chi phí khác vô ích mà nhiều người cho là đương nhiên. Trong một năm các công ty Mỹ chi tới 2,5 tỷ đô la để quảng cáo thuốc lá; cứ mỗi tháng người dân Liên xô xài một khoản tiền tương tự cho rượu vốt-ca; và mỗi ngày thế giới đổ 2,5 tỷ đô la vào chi phí quân sự.

Ở nước ta, những năm gần đây, tình trạng sức khỏe của thai nhi, trẻ sơ sinh, thiếu niên và thanh niên thật đáng lo ngại. Trẻ sơ sinh dưới 2500 gam (phải xem là suy dinh dưỡng từ trong bụng mẹ) chiếm 21,7% (tỷ lệ

* Thầy thuốc nhân dân, Bộ trưởng Bộ y tế

Digitized by Google

cho phép trên thế giới là 9%). Trẻ em từ 0 đến 5 tuổi bị suy dinh dưỡng là 51% (Thái lan năm 1985: 30%, năm 1988: 20%). 50% số trẻ em mù lòa là do thiếu sinh tố A. Có thể xem tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 6 tuổi ở nước ta qua kết quả khám chọn mẫu sau:

Bảng 1

	Đơn vị tính	Tổng số	Chia theo miền	
			Bắc	Nam
Tổng số trẻ em dưới 6 tuổi khám sức khỏe	người	3846	2118	1728
Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi suy dinh dưỡng	%	35,96	36,04	35,13
— Suy dinh dưỡng độ 1	%	20,44	23,75	16,38
— Suy dinh dưỡng độ 2	%	11,65	10.39	13,19
— Suy dinh dưỡng độ 3	%	3,87	2,50	5,56

Bảng 2

	Đơn vị tính	Tổng số	Chia theo miền	
			Bắc	Nam
Tổng số trẻ em từ 6 – 14 tuổi khám sức khỏe	%	100	100	100
Chia ra:				
— Sức khỏe tốt	%	32,43	26,60	36,97
— Sức khỏe trung bình	%	58,74	61,40	56,66
— Sức khỏe yếu	%	8,83	12,00	6,35

Trí tuệ là tiềm năng vô cùng to lớn của Việt nam đang được khắp thế giới thừa nhận, nhưng tiềm năng trí tuệ này đang bị đe dọa nghiêm trọng, nhất là ở thiếu niên. Chậm phát triển tâm thần dưới 15 tuổi có tỷ lệ 0,4% đến 2,18% dân số. Điều tra trên những mẫu 3000 — 15000 trẻ em thì 70% là do di chứng viêm não và bệnh tật của người mẹ lúc có thai. Thể lực tuổi trẻ của nước ta quá thấp, qua tuyển sinh và tuyển quân thấy nhiều tân binh chỉ như thiếu niên, học sinh phổ thông trung học tưởng như học sinh phổ thông cơ sở. Khám tuyển đi lao động hợp tác nước ngoài, thanh niên ta vào loại nhỏ nhất. Chọn thanh niên vào không quân mỗi năm chỉ được từ 5 đến 10 người, có năm không được người nào. Chiều cao và cân nặng của thanh thiếu niên trung bình cứ sau mỗi thập kỷ đều tăng (chiều cao tăng 1 cm, cân nặng tăng 1 kg; tất nhiên không phải tăng như vậy mãi). Ở Nhật bản sau 67 năm, thiếu niên con nhà nghèo cao hơn 11 cm,

Digitized by Google

nặng thêm 9,8 kg. Còn ở Việt nam sau 42 năm (1943 — 1985), thể lực tuổi trẻ không tăng mà có nơi giảm. Tiêu chuẩn về chiều cao của thanh niên quốc tế hiện nay là: nam 1m7, nữ 1m3. Nhật bản đã đạt tiêu chuẩn này. Sinh viên các trường đại học Việt nam là lớp thanh niên phát triển về chiều cao và thể lực khá, theo Bộ giáo dục và đào tạo thì năm 1980: nam cao 1m62, nữ 1m57; tới năm 1988: chiều cao cả hai giới đều giảm 1cm.

Tỷ lệ mắc bệnh tật của thanh thiếu niên nước ta quá lớn, chỉ xin dẫn ra một số bệnh tật chính: nhiễm khuẩn đường ruột. 70 — 85% ở miền Bắc, 50 — 65% ở miền Nam; sâu răng viêm lợi ở thiếu niên Hà nội 53,2%, thành phố Hồ Chí Minh 88,1%; 80.000 trẻ em từ 0 đến 5 tuổi bị khô mắt do thiếu vitamin A; 10 — 70% mắc bệnh tai mũi họng; 8% học sinh thành phố và 21% học sinh nông thôn mắc bệnh da liễu; 78% người bị bệnh hoa liễu là ở lứa tuổi thanh thiếu niên, 40% là bộ đội và cán bộ công nhân viên; trong 8 triệu dân mắc bệnh bướu cổ thì tuổi trẻ chiếm đa số. Tỷ lệ dân dọn do bướu cổ ở thanh thiếu niên khá cao. Thí dụ: trong 98 người từ 16 tuổi trở lên bị dân dọn do bướu cổ, thì 65 người đã đi học nhưng không biết đọc và làm tính, 22 người học lưu ban tới 7 năm, 85 người lao động kém, 25 người nghễnh ngãng và nói ngọng, 20 người câm điếc, 8 người bại liệt. 17% học sinh phổ thông cơ sở và 10,3% học sinh phổ thông trung học bị cong vẹo cột sống; 7 — 9% trẻ em mắc dị tật. Điều đáng lưu ý là thanh thiếu niên phạm pháp ngày càng nhiều.

Ở miền núi phía bắc, Tây nguyên và những vùng sâu đồng bằng sông Cửu long, hàng loạt trẻ em, phụ nữ có thai mắc bệnh sốt rét, dịch hạch và kiết lị. Qua khảo sát của ngành y tế những năm gần đây, chế độ chăm sóc sức khỏe thanh thiếu niên ở các dân tộc thiểu số chỉ đạt 10 — 15%. Thí dụ, 5 dân tộc ở Tây nguyên: đi chân đất, uống nước lã 100% (kể cả học sinh); từ 6 tuổi đã có thói quen uống rượu cần pha nước lã; 60% cởi trần; 21% đóng khố (người Mơ nông). Từ 20 đến 40% tổng số thanh thiếu niên nghiện thuốc lá. Con trai, con gái ở độ tuổi 15 đến 16 có khoảng 30 đến 40% bị cưa răng, hơn 90% lập gia đình trước tuổi quy định. Tỷ lệ trẻ em chết trước 5 tuổi lên tới 45,3%. Hơn 90% bà mẹ khi đẻ đều nhờ mụ vườn, và cắt rốn bằng liềm, dao, nứa. Vì vậy, cứ 100 trẻ chết thì 31 do bị bệnh uốn ván, 30 do bị sốt rét, 28 do bị ỉa chảy... Ở thành phố và các khu công nghiệp do mật độ dân số cao, nhu cầu mở rộng sản xuất, giải quyết việc làm, xây dựng nhà ở lớn, việc xử lý không thích đáng nước thải, phân, rác, bụi, khí độc, hơi nóng, tiếng ồn đã dẫn đến các vụ dịch, các bệnh nghề nghiệp và xã hội ngày càng tăng. Qua điều tra một số cơ sở có thể thấy sức khỏe công nhân đang giảm sút, ngày công thấp và độ tuổi lao động bị rút ngắn. Tỷ lệ mắc bệnh bụi phổi ở công nhân dưới 30 tuổi là 16,6%.

Do đâu mà có tình hình báo động trên đây? Do chiến tranh liên tục kéo dài, do bùng nổ dân số, do nhà nước chậm đổi mới cơ chế chính sách. Đời sống kinh tế—xã hội là yếu tố cơ bản để phát triển con người toàn diện, nhưng ở ta mặt này còn nhiều khó khăn. Thí dụ: tiêu chuẩn khẩu phần tính ra năng lượng cho người châu Á của OMS là 2350 calo/ngày (với tỷ lệ đạm 12%, béo 18%, bột đường 70%), ở ta tiêu chuẩn đó hiện nay chỉ đạt 1940 calo/ngày (với tỷ lệ đạm 11%, béo 6%, bột đường 83%). Ở những vùng gặp thiên tai, quanh năm thiếu đói, còn bi đát hơn: 21% số dân sống dưới mức 1800 calo/ngày, 6% dưới mức 1500 calo/ngày. Sinh viên là tầng lớp tri thức tương lai của xã hội, để bảo đảm học tập

Digitized by Google

và lao động bình thường cần có 2200 calo/ngày, nhưng năm 1988 cũng chỉ 1600 – 1800 calo/ngày. Giáo dục xuống cấp nhanh chóng. 80% số trường học không đạt yêu cầu vệ sinh tối thiểu. Nhà cửa, điện nước, bàn ghế cho học sinh thiếu nghiêm trọng, cơ sở vật chất cho nhà trẻ cũng hết sức tồi tàn. Việc tăng dân số quá nhanh đã làm cho nhân dân ta phải gánh chịu những hậu quả tai hại. Giáo dục và y tế không đáp ứng nổi nhu cầu học tập và chữa bệnh của thế hệ trẻ.

Tình trạng ô nhiễm môi trường nặng nề. Trong thời kỳ chiến tranh vừa qua, chỉ tính từ năm 1961 đến năm 1971 đế quốc Mỹ đã ném xuống nước ta 13 triệu tấn bom đạn và hàng trăm triệu lít chất độc hóa học, làm tổn thất nặng nề môi trường sinh thái, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe nhiều thế hệ người Việt nam. Tình trạng ô nhiễm nước và khí quyển tại một số khu công nghiệp và thành phố đã tác hại lớn đến đời sống nhân dân. Ngay ở Hà nội: 38% số nhà không có hố xí, 80% là hố xí công cộng mất vệ sinh vì thiếu nước, nhiều chợ bán phân người vẫn còn thịnh hành. Ở nông thôn việc sử dụng, mua bán thuốc trừ sâu một cách bừa bãi đã gây ô nhiễm, ngộ độc cho người và động vật ở nhiều nơi... Đó là thực tế không bình thường đang diễn ra hàng ngày và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe thanh thiếu niên nước ta.

★

Để nhanh chóng khắc phục tình trạng nói trên, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho thế hệ trẻ, chúng ta cần tập trung giải quyết những vấn đề chủ yếu sau đây:

1 – Vạch chương trình hành động cụ thể, nhằm thực hiện có kết quả Tuyên ngôn thế giới (ngày 9 tháng 3 năm 1990) về **giáo dục cho mọi người** và Công ước của Liên hợp quốc (ngày 20 tháng 11 năm 1989 về **quyền trẻ em.**

2 – Xã hội hóa cao hoạt động bảo vệ sức khỏe và luật pháp hóa hoạt động đó qua luật bảo vệ sức khỏe nhân dân. Coi trọng vệ sinh trường học, nhà trẻ, kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ bà mẹ trẻ em. Nghiêm cấm mọi hành vi đầu độc thế hệ trẻ từ phim ảnh, sách báo, vỉ đề ô, rượu, thuốc lá. Tăng cường phát triển các hoạt động thể dục thể thao, cắm trại, văn hóa nghệ thuật, khoa học và công nghệ nhằm làm phát triển toàn diện thể chất và trí tuệ của thế hệ trẻ.

3 – Nhà nước ban hành một số chính sách về thiên chức của bà mẹ trong nuôi dạy con. Coi việc nuôi dạy con cũng như việc tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội ở một giai đoạn nào đó trong đời sống người phụ nữ. Dành một tỷ lệ thích đáng các chương trình của UNDP, của các tổ chức nhân dân quốc tế cho công tác chăm sóc sức khỏe thanh thiếu niên. Đầu tư thêm kinh phí cho ngành y tế để thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động bảo vệ bà mẹ trẻ em và kế hoạch hóa gia đình.

4 – Củng cố y tế học đường. Đưa giáo dục sức khỏe vào chính khóa của Bộ giáo dục và đào tạo. (Hiện nay ngành giáo dục quản lý hàng vạn trường lớp với trên 15 triệu học sinh nhưng chưa có một tổ chức y tế học đường để phục vụ việc giảng dạy và học tập cho giáo viên và học sinh).

5 – Xây dựng và củng cố màng lưới y tế cơ sở đủ sức hằng ngày chăm sóc sức khỏe nhân dân ngay ở nơi họ sinh sống và lao động. Đây là vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ bản

(Xem tiếp trang 77)

Digitized by Google

BÀN THÊM VỀ ĐỔI MỚI ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

LÊ VĂN LÝ *

THỰC tế tiến hành đổi mới trong bốn năm qua cho thấy rất rõ rằng những hạn chế của công cuộc đổi mới gắn liền với những yếu kém về phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đội ngũ này sinh ra từ hoàn cảnh và điều kiện lịch sử cụ thể. Vì thế, đòi hỏi đổi mới cán bộ một cách đồng loạt, ngay tức khắc, là ảo tưởng. Nhưng không thấy tính chất cấp bách, khẩn trương của việc đào tạo lực lượng cán bộ thay thế, cũng rất nguy hiểm.

Nhìn lại lịch sử, chúng ta rút ra được bài học gì về vấn đề này?

Từ cuối năm 1954, sau khi miền Bắc được giải phóng, hầu hết cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành đều do cán bộ chính trị và quân sự chuyển sang đảm nhiệm. Đảng đã nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ này về văn hóa, khoa học, kỹ thuật và chuyên môn nghiệp vụ, để họ có thể đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ cách mạng mới. Một số cán bộ đã vươn lên rất nhanh. Song, do đào tạo, bồi dưỡng cấp tốc, kiến thức không toàn diện, thiếu hệ thống, cho nên hiếm có những cán bộ lãnh đạo và quản lý giỏi, nhất là về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước. Trong khi đó, rất nhiều cán bộ khoa học, kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo có hệ thống ở trong và ngoài nước, có trình độ cao, chưa được kịp thời bổ sung vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp.

Hàng chục năm trước đây, việc lựa chọn người vào các cơ quan lãnh đạo, quản lý thường dựa theo tiêu chuẩn chung chung, không cụ thể, vì thế đã bỏ rơi không ít những cán bộ có năng lực thực tế. Một thời gian dài chúng ta chỉ nặng về xem xét lý lịch, thành phần xuất thân, quá trình hoạt động cách mạng, những chức vụ đã kinh qua của người cán bộ, mà xem nhẹ chất lượng và hiệu quả công việc do họ đảm nhiệm. Cách bầu cử lại thường thiếu dân chủ. Tình trạng «sống lâu lên lão làng», đẳng cấp, tôn ti, tuần tự theo kiểu phong kiến, đã kìm hãm sức vươn lên của một số cán bộ trẻ. Có đồng chí khi trúng cử vào cấp ủy thì nghiễm nhiên trở thành người có chức, có quyền trong bộ máy nhà nước. Những năm 60 có tình trạng người trúng cử vào tỉnh ủy, dù văn

* Trưởng khoa xây dựng đảng, Học viện Nguyễn Ái Quốc

Digitized by Google

hóa lớp 5, lớp 6, cũng có thể làm trưởng ty giáo dục.

Đấy chính là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý bị hẫng, thiếu, và không đáp ứng được những đòi hỏi của nhiệm vụ kinh tế – xã hội ở giai đoạn mới.

Cuối những năm 70, Đảng ta đã phát hiện tình trạng bất hợp lý ấy. Khi đó, đảng đã đưa một số đồng chí có trình độ khoa học, kỹ thuật cao, được đào tạo có hệ thống sang lãnh đạo, quản lý các ngành, các địa phương. Nhưng vì các đồng chí này mấy chục năm chủ yếu ngồi trên ghế nhà trường, trong phòng thí nghiệm, trong viện nghiên cứu, chưa được tập dượt ở các cương vị lãnh đạo, quản lý, nên khi trở thành người lãnh đạo, quản lý, thường gặp nhiều khó khăn, lúng túng.

Từ đầu những năm 80, đảng cũng lựa chọn những đồng chí có trình độ khoa học, kỹ thuật, chuyên môn cao, nhưng phải được thử thách, tập dượt từ cơ sở và địa phương. Những đồng chí này khi bổ sung vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý phần lớn phát huy tác dụng tốt. Song, những đồng chí như vậy rất hiếm, vì mấy chục năm trước đây, những sinh viên tốt nghiệp loại ưu, những đồng chí bảo vệ luận án tiến sĩ, phó tiến sĩ xuất sắc ở nước ngoài, thường được giữ lại ở các trường đại học, viện nghiên cứu, chứ không đưa về địa phương và cơ sở. Nay cần những cán bộ vừa có tri thức, kinh nghiệm, lại vừa được rèn luyện, thử thách sàng lọc trong thực tiễn, đương nhiên tìm rất khó. Vì thế, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược, không bảo đảm được tính liên tục, tính kế thừa và phát triển. Hiện nay có 169 đồng chí trong Trung ương Đảng thì 111 đồng chí đã trên 60 tuổi.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý không thể hình thành một cách tự phát mà phải bằng con đường tự giác, tức là Đảng và Nhà nước phải có những quan điểm, chủ trương, kế hoạch, biện pháp và cơ chế, chính sách tác động một cách tích cực và có chủ đích.

Trước hết, cần **xác định nguồn và chủ động tạo nguồn bổ sung cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.**

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của đảng đang bị thiếu, bị hẫng nghiêm trọng. Nhiều cương vị cần thay thế nhưng chưa tìm được người. Nhìn nhận nguyên nhân của tình trạng đó có hai loại ý kiến khác nhau. Một số người cho rằng vì đội ngũ cán bộ của chúng ta thiếu tiềm năng. Ý kiến này không có cơ sở vững chắc nên chỉ có ít người tán thành. Đa số cho rằng do công tác tổ chức, cán bộ của đảng có nhiều sai lầm khuyết điểm. Hàng chục năm chưa hình thành một hệ thống quan điểm chủ trương nhất quán về xây dựng đội ngũ cán bộ; không có quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng người thay thế. Quy chế, chính sách cán bộ không phù hợp. Những cán bộ tốt, có tài năng không có điều kiện phát huy...

Có thể khẳng định, nguồn bổ sung cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý rất phong phú. Đội ngũ cán bộ của chúng ta chưa bao giờ phong phú, đông đảo, đa dạng và được đào tạo có hệ thống như hiện nay.

Nguồn bổ sung lâu dài, rộng lớn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý là từ các nhà trường. Người lãnh đạo, quản lý, ngoài phẩm chất, năng lực như lâu nay đã nêu, cái quan trọng là phải có năng khiếu về chính trị và hoạt động thực tiễn. Có năng khiếu đó mới có triển vọng rèn luyện mình thành người có tầm nhìn xa, trông rộng, có thể dự báo được chính xác những vấn đề sẽ xảy ra, đề ra được chủ trương, đường lối và chính

Digitized by Google

sách đúng đắn. Lãnh đạo và quản lý là một nghề rất khó, đòi hỏi phải có năng khiếu nhất định. Người có năng khiếu học tập, rèn luyện vài năm có thể trưởng thành hơn người không có năng khiếu học tập rèn luyện hàng chục năm. Do đó, ngay từ các nhà trường, phải phát hiện kịp thời các em có năng khiếu và có định hướng bố trí công tác khi học sinh vào đời. Qua thực tiễn công tác sẽ tiếp tục rèn luyện, bồi dưỡng thử thách và sàng lọc.

Nguồn bổ sung trực tiếp cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý là những người có tri thức, được rèn luyện trong thực tiễn, có năng lực và phẩm chất tốt. Nội dung của phẩm chất và năng lực đó rất phong phú nhưng nổi lên hai điểm quan trọng hàng đầu là :

— Trung thành, tận tụy với sự nghiệp cách mạng, luôn luôn vì dân, vì nước, không sa vào chủ nghĩa cá nhân, không lồng tư tưởng, tình cảm cá nhân vào việc hoạch định cũng như việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách. Tư tưởng và hành động cá nhân chủ nghĩa chi phối chủ trương, chính sách thì tác hại không thể lường hết được.

— Có năng lực lãnh đạo, quản lý. Đặc biệt phải nhạy cảm về chính trị, có tầm nhìn xa trông rộng, có khả năng dự báo chính xác và khả năng thuyết phục quần chúng thực hiện đường lối của đảng.

Như vậy, nguồn bổ sung cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý từ nay về sau phải là những người có năng khiếu về chính trị, được đào tạo có hệ thống, được tuyển chọn, rèn luyện, thử thách, sàng lọc và trưởng thành trong hoạt động thực tiễn thông qua dân chủ, công khai.

Cùng với việc xác định nguồn và chủ động tạo nguồn bổ sung cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, còn phải **đổi mới kịp thời công tác cán bộ**. Nội dung đổi mới công tác cán bộ, theo tôi, được thể hiện ở những điểm chính sau đây :

Một là, xác định đúng tiêu chuẩn cán bộ. Không thể dừng lại ở phẩm chất, năng lực chung chung mà phải cụ thể hóa tiêu chuẩn của từng chức danh lãnh đạo và quản lý. Kinh nghiệm cho thấy, nếu chỉ dừng ở việc xác định tiêu chuẩn một cách chung chung thì việc đánh giá, lựa chọn, bố trí cán bộ cũng chung chung. Không phải đã làm được bộ trưởng, trưởng ban, ở lĩnh vực công tác này thì tất cũng làm được bộ trưởng, trưởng ban ở lĩnh vực công tác kia. Có tiêu chuẩn hóa mới hạn chế được các yếu tố chủ quan duy ý chí, giải thích, vận dụng tùy tiện tiêu chuẩn cán bộ.

Tiêu chuẩn hóa từng chức danh cán bộ là vấn đề mới và khó nhưng nhất thiết phải làm, bởi vì, chỉ có như vậy mới tạo ra được một bước chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ.

Hai là, đánh giá đúng cán bộ. Đánh giá đúng cán bộ hiện nay rất khó. Khi cơ chế cũ đang bị phá bỏ, cơ chế mới chưa xây dựng xong, thì rất khó phân biệt người cán bộ năng động, sáng tạo với người cán bộ vi phạm pháp luật, vô tổ chức, vô kỷ luật. Cùng một hiện tượng, cùng một việc làm giống nhau, nhưng bản chất vấn đề lại khác nhau. Lấy « kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao » làm thước đo để đánh giá phẩm chất, năng lực của cán bộ, là một vấn đề khoa học. Nhưng trong điều kiện đổi mới, nếu không xét mục đích, động cơ hoàn thành nhiệm vụ, nếu không xem hoàn thành nhiệm vụ trong điều kiện nào, thuận lợi hay khó khăn, nhất thời hay liên tục, v.v. thì vẫn có thể đánh giá cán bộ sai lệch.

Trong quá trình đổi mới, nhưng cán bộ có tâm huyết, năng động, sáng

Digitized by Google

tạo, mày mò thể nghiệm, khó tránh khỏi những sai lầm, khuyết điểm. Nếu không cho phép những cán bộ đó có thể có sai lầm trong quá trình thể nghiệm thì như vậy sẽ bó tay những cán bộ tốt, và khuyến khích những cán bộ trung bình chủ nghĩa « vô thưởng, vô phạt », những cán bộ « trón trình » hoặc những phần tử cơ hội. Cần phân biệt rõ những cán bộ mắc sai lầm khuyết điểm do động cơ cá nhân, do bệnh phường hội, với những cán bộ có động cơ đúng nhưng chẳng may phạm sai lầm. Cần phân biệt những cán bộ vận dụng sáng tạo chỉ thị, nghị quyết của đảng, với những cán bộ chấp hành nghị quyết một cách máy móc hoặc những cán bộ nhấn mạnh đặc thù, đặc điểm riêng của ngành mình, địa phương mình để phủ nhận nghị quyết của đảng. Phân biệt những cán bộ thật sự tán thành đổi mới, có năng lực thực hiện sự nghiệp đổi mới, với những cán bộ miệng nói đổi mới nhưng trong hành động không đổi mới, hoặc nhân danh đổi mới để chống lại đổi mới. Đánh giá cán bộ trong điều kiện dân chủ và công khai cũng đặt ra nhiều vấn đề mới. Dân chủ và công khai với quy chế nào, với phương pháp nào để không hình thức, không phô trương và cũng không phải để đối phó với dư luận, là vấn đề cần được cụ thể hóa. Trong điều kiện dân chủ và công khai như thời gian qua, vẫn có một số cán bộ phẩm chất và năng lực kém, thích nghi và luồn lọt được. Thậm chí, có một số phần tử cơ hội, xu nịnh, vẫn được tín nhiệm, vẫn được phiếu cao trong các cuộc bầu cử. Những cán bộ đó hoặc đã khống chế được tổ chức, hoặc « mị dân » giỏi. Không ít cán bộ có tín nhiệm, có phẩm chất và năng lực, vẫn chưa phát huy được tác dụng. Một số cán bộ, có lúc được dư luận đánh giá cao, chỉ vì có công phá cái ràng buộc cũ chứ chưa phải đã đủ sức giải quyết vấn đề theo cơ chế mới một cách khoa học.

Đánh giá cán bộ cần kết hợp việc nhận xét, đánh giá của tổ chức đảng, của thủ trưởng với việc lấy ý kiến của quần chúng.

Ba là, tuyển chọn, bố trí và đề bạt đúng cán bộ. Đổi mới quy chế tuyển chọn cán bộ, bảo đảm lựa chọn đúng những cán bộ thực sự có tài năng và phẩm chất tốt. Bố trí, đề bạt cán bộ phải đúng người, đúng việc, đúng chỗ và đúng lúc. Đặc biệt, đề bạt cán bộ đúng lúc hiện nay rất quan trọng. Đề bạt cán bộ đúng lúc là khi cán bộ đang đi lên thì đề bạt. Như vậy, phải nắm chắc cán bộ, am hiểu cán bộ mới biết lúc nào cán bộ đi lên, lúc nào đi ngang và lúc nào đi xuống. Lâu nay, không ít trường hợp cán bộ đi ngang mới đề bạt, thậm chí bắt đầu đi xuống mới đề bạt. Khi cán bộ muốn làm việc, cần làm việc và đang sung sức thì không đề bạt, lúc không muốn làm hoặc không có sức làm mới đề bạt. Đề bạt cán bộ quá sớm hoặc quá muộn đều tai hại. Đề trẻ hóa đội ngũ cán bộ cũng cần đề bạt cán bộ đúng lúc, thậm chí có thể đề bạt vượt cấp những cán bộ đã được thử thách, rèn luyện và trưởng thành trong thực tiễn, được quần chúng tín nhiệm.

Bốn là, trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Bảo đảm mỗi cấp thường xuyên có ba độ tuổi : bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa trong cơ quan lãnh đạo mỗi cấp. Trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, là việc làm hợp quy luật, là tất yếu khách quan. Song cần tránh trẻ hóa một cách hình thức như chỉ căn cứ vào độ tuổi và học vị. Muốn vậy, phải chống thái độ thiếu tin vào cán bộ trẻ, không tích cực đào tạo và bồi dưỡng họ ; chống thói xấu « nịnh áo » nhau. Thay thế kịp thời những cán bộ không còn phù hợp với nhiệm vụ được giao. Thực hiện đúng chế độ về hưu. Đối với

(Xem tiếp trang 70)

Digitized by Google

Lãnh đạo và quản lý các hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản

TRẦN ANH

MẤY nạn dịch « vi đê ô đen », « nhạc đồi trụy ». « tranh ảnh và lịch ngoại »... vừa tạm lắng, thì lại xuất hiện ồ ạt, đặc biệt là từ cuối năm 1989 và sáu tháng đầu năm nay, nhiều ấn phẩm có nội dung xấu và độc hại.

Một trong những nguyên nhân cơ bản của tình trạng này là sự yếu kém và buông lỏng trong công tác lãnh đạo và quản lý các hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản.

Chỉ thị « Về một số vấn đề trong công tác quản lý văn hóa — nghệ thuật hiện nay » và Chỉ thị « Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác báo chí xuất bản » gần đây của Ban bí thư Trung ương Đảng ta, một lần nữa, lại nhắc nhở trách nhiệm và hiệu quả cần đạt tới trong công tác lãnh đạo và quản lý lĩnh vực này, chỉ rõ phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp cụ thể nhằm cải thiện tình hình nói trên.

Về mặt nhận thức, các chỉ thị này đã đặc biệt lưu ý phải làm cho cán bộ, đảng viên, người phụ trách ở các cấp, các ngành, các đoàn thể, anh chị em trong giới sáng tạo và hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản thấy rõ văn hóa, văn học, nghệ thuật, báo chí, xuất bản có tác dụng to lớn trong việc góp phần thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, có chức năng bồi dưỡng đạo đức, tình cảm, tri thức và năng lực thẩm mỹ của con người, thỏa mãn những nhu cầu văn hóa ngày càng tăng của nhân dân.

Do không quán triệt nhận thức đó nên trong thời gian vừa qua, « Một số báo, tạp chí, nhà xuất bản đã cho ra những ấn phẩm có nội dung xấu, chống lại đường lối, quan điểm của Đảng, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, khuếch đại những sai lầm, kích động dư luận chống đối sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Có trường hợp nhân danh « phản ánh ý kiến nhân dân » để truyền bá những quan điểm sai trái » (1).

Trong sự buông lỏng và yếu kém của công tác lãnh đạo và quản lý các hoạt động này, có nguyên nhân đáng

(1) Chỉ thị « Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác báo chí, xuất bản » (số 63—CT/TW, ra ngày 25-7-1990)

Digitized by Google

kể do nhận thức chưa đúng và đầy đủ về đặc điểm lãnh đạo và quản lý trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Phải chăng không nên và không thể lãnh đạo, quản lý lĩnh vực đặc thù này, một lĩnh vực « sáng tạo siêu cá nhân » như có người nói? Phải chăng lãnh đạo và quản lý ở đây thì chỉ tạo thêm sự gò bó, mất tự do, mất dân chủ, hạn chế sự sáng tạo của cá nhân và vì vậy, « hãy để cho công chúng tự chọn món ăn tinh thần »?

Đúng là trong thực tế đã xảy ra những sai sót, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo quản lý lĩnh vực này: điều đó đã ảnh hưởng xấu đến sự phát triển năng lực, đến tự do, dân chủ của văn nghệ sĩ trong sáng tạo và hoạt động văn hóa, văn nghệ. Nhưng những sai sót, khuyết điểm đó bắt nguồn từ sự hạn chế về nhận thức, về trình độ, về phương thức lãnh đạo, quản lý (không loại trừ thái độ quan liêu, độc đoán) của một số người lãnh đạo và quản lý, chứ không phải bắt nguồn từ bản chất, nội dung sự lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước ở lĩnh vực này.

Từ khi Đảng ta ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt nam, văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản đã trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng, đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Là một bộ phận trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo nên văn hóa, văn nghệ chịu sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu vì đường lối, mục đích của Đảng, là điều tất yếu. Đảng đã lãnh đạo toàn dân tộc giành độc lập tự do, đem lại quyền tự do sáng tác chân chính cho văn nghệ sĩ, vì vậy bản chất quyền tự do sáng tác của văn nghệ sĩ nằm trong sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo và được quy định bởi trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội. Nếu người sáng tác nắm vững cái tất yếu, tự giải phóng mình khỏi những mặc cảm, ràng buộc và định kiến sai lầm, có vốn sống, tài năng, bản lĩnh, có sự kiên định về quan điểm sáng tạo, có phẩm chất, ý thức trách nhiệm cao đối với nhân dân và cách mạng, thì sẽ tạo nên những giá trị văn học, nghệ thuật xứng đáng. Đảng ta coi việc khai thác mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo là tư tưởng chỉ đạo bao trùm để phát triển văn hóa, văn nghệ hiện nay. Đảng ta đã từng phê phán mạnh mẽ lối lãnh đạo bằng mệnh lệnh hành chính, rập khuôn, gò ép, san bằng văn nghệ với các lĩnh vực khác; và chủ trương trong sáng tác văn học nghệ thuật, cần phải « dành chỗ rộng rãi cho sáng kiến cá nhân, cho cá tính, cho sự suy nghĩ và tri tưởng tượng, cho hình thức và nội dung ». Việc luôn luôn trang bị cho mình những quan điểm, nhận thức có tính khoa học về sự nghiệp cách mạng, về đường lối, quan điểm của Đảng, về hiện thực cuộc sống; việc luôn luôn phát huy trách nhiệm công dân và bản lĩnh sáng tạo, hun đúc lòng ưu ái với nhân dân, với đất nước, với cuộc sống, nguồn cảm hứng dạt dào — đấy là những điều kiện thiết yếu nhất giúp cho người sáng tác, người lãnh đạo và quản lý, hoạt động có hiệu quả cao.

Quản lý các hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản không chỉ là làm nhiệm vụ trông coi, giữ gìn, thanh tra, kiểm soát, bảo vệ; mà chủ yếu là làm nhiệm vụ tổ chức, hướng một cách có ý thức các hoạt động này theo những yêu cầu nhất định. Có quản lý chặt chẽ các hoạt động này mới làm cho chúng không đi chệch hướng, tránh được những lộn xộn, vi phạm nguyên tắc, thể chế, pháp luật của Nhà nước đã ban hành. Do vậy, sự quản lý chặt chẽ các hoạt động này chỉ gò bó những cách làm mang tính chất tự do vô chính phủ, gò bó khuynh hướng chạy theo lợi nhuận, cốt kiếm chác được nhiều tiền, bất

Digitized by Google

chấp hiệu quả xã hội và quyền làm chủ thực sự của nhân dân về văn hóa, chứ không hề gò bó các hoạt động sáng tạo chân chính. Vì chạy theo lợi nhuận đơn thuần, một số nhà xuất bản ở các tỉnh (Tiền giang, Long an...) đã xa rời chức năng, nhiệm vụ và đối tượng của nhà xuất bản, tái bản ồ ạt những sách xuất bản dưới chế độ cũ mà bất chấp việc phải thẩm định nội dung. Trong các hoạt động xuất bản chệch hướng và phá rào, có hiện tượng nghiêm trọng là một số nhà xuất bản đã liên kết với bọn dầu nậu, để chúng lấy danh nghĩa nhà xuất bản ra sách bừa bãi. Trên lĩnh vực báo chí cũng xuất hiện tình trạng loạn đặc san, phụ trương; có những ấn phẩm như đặc san « Tư pháp Quảng nam – Đà nẵng », tạp chí « Sông Hương », « Cửa Việt »... phạm những sai lầm nghiêm trọng.

Từ đây cũng đặt ra một vấn đề rất quan trọng trong quản lý văn hóa: khẩn trương pháp luật hóa, thể chế hóa các hoạt động văn hóa. Đấy chính là cơ sở để các hoạt động này thường xuyên duy trì, giữ vững kỷ cương, nền nếp, phát triển đúng hướng, có chất lượng. Trước mắt, chúng ta cần xem lại những văn bản pháp quy, sửa đổi và bổ sung những điểm cần thiết, phù hợp với tinh thần đổi mới; cần tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các luật đã có (như luật báo chí) và tiếp tục ban hành các luật mới (như luật xuất bản).

Thường xuyên quan tâm đến các hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản, Đảng và Nhà nước ta đã ra nhiều nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách cụ thể. Hội đồng bộ trưởng đã ban hành chế độ tài trợ cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, chế độ tuổi nghề của diễn viên, chế độ nhuận bút mới. Ở các chỉ thị này, Ban bí thư Trung ương Đảng cũng nhấn mạnh những biện pháp quan trọng trong công tác quản lý nhằm tạo thuận lợi cho việc sáng tác và công bố tác phẩm tốt, tăng đầu tư, kinh phí thích đáng cho những công trình và tác phẩm có ý nghĩa lịch sử, xã hội quan trọng, tăng các giải thưởng văn học, nghệ thuật, cải tiến chế độ nhuận bút và phụ cấp nghề nghiệp để các văn nghệ sĩ chuyên nghiệp có thể sống và yên tâm hoạt động sáng tạo, bảo đảm lợi ích chính đáng của anh chị em sáng tác, đạo diễn và diễn viên. Đối với những tác phẩm được đánh giá là có những sáng tạo, tìm tòi, nhưng vì lý do nào đó thấy cần hoãn công bố hoặc công bố hạn chế, thì cần trao đổi ý kiến, thuyết phục tác giả và mua lại bản thảo theo chế độ nhuận bút hiện hành, nhằm bảo đảm quyền lợi tinh thần và vật chất của tác giả.

Tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản, đòi hỏi sự nỗ lực chủ động của chủ thể quản lý với việc sử dụng phương pháp khoa học và nghệ thuật, bởi quản lý cũng là một hoạt động khoa học và nghệ thuật. Mặt khác, để giúp cho sự quản lý có hiệu quả, chúng ta phải chú ý đến đối tượng quản lý – khách thể quản lý.

Vì không chú ý đầy đủ tính đặc thù của đối tượng quản lý để có biện pháp xử lý thích hợp, nên hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản luôn luôn vấp phải những khó khăn rất khó khắc phục. Hiểu sai lệch về chống bao cấp, nhiều cơ quan chủ quản ở địa phương đã bắt một số đơn vị văn hóa, nghệ thuật và nhà xuất bản phải cân bằng thu chi, nộp lãi như một đơn vị kinh doanh kinh tế. Kết quả là tác phẩm nghệ thuật và sách báo đã bị biến thành những « hàng hóa » đơn thuần. Để khỏi lỗ và có lãi, tác phẩm nghệ thuật và sách báo đã chạy theo thị hiếu thấp hèn của một số công chúng, chạy theo cái gu, « cái mốt hiện đại » của không ít

Digitized by Google

khán giả, độc giả, nghĩa là phải có thật nhiều pha tình tứ hấp dẫn với những xung đột, éo le, bí hiểm, oái oăm, phải có thật nhiều cảnh mô tả, biểu thị bản năng thú tính của con người. Để sách báo bán chạy, nhiều trang bìa đã được trình bày theo kiểu khêu gợi sự tò mò, «hấp dẫn», với những lời quảng cáo và tranh ảnh kỳ quặc, xa lạ với nội dung ấn phẩm.

Chúng ta đều biết, sản phẩm chỉ trở thành hàng hóa khi nó được sản xuất với mục đích trao đổi trên thị trường và đáp ứng được nhu cầu nào đó của người tiêu thụ. Tuy nhiên, con người đến với sản phẩm nghệ thuật và sách báo là để thỏa mãn không phải nhu cầu vật chất, nhu cầu bản năng sinh vật, mà chủ yếu là nhu cầu trí tuệ, nhu cầu tinh thần, tình cảm. Giá trị của tác phẩm nghệ thuật biểu hiện ở chiều sâu của vấn đề, của đối tượng phản ánh. Mục đích cao quý của sản phẩm văn hóa, văn nghệ chân chính là cung cấp những giá trị tinh thần và thẩm mỹ cao đẹp, vượt trên mọi định lượng bằng đồng tiền. Tác phẩm nghệ thuật và sách báo có khả năng lớn tạo cho con người một cái nền tình cảm thuận lợi cho sự gắn gũi với cách mạng, cho sự tiếp thu chân lý mới, khát khao hành động theo quy luật của cái đẹp, cái cao thượng. Chính cái nền đó tạo nên giá trị đích thực của con người.

Do vậy, không được xem tác phẩm văn hóa, nghệ thuật và sách báo chỉ là những «hàng hóa» đơn thuần; không được xem mọi hoạt động văn hóa nghệ thuật đều là kinh doanh, nhất thiết thu phải bù chi, có lãi. Cũng do vậy, Nhà nước không những «không chủ trương tất cả các hoạt động văn hóa nghệ thuật đều phải kinh doanh để tự trang trải mọi chi phí», mà còn khẳng định «sẽ tăng thêm mức đầu tư của ngân sách nhà nước cho các hoạt động này ở trung ương và ở các địa phương» (2).

Chỉ thị «Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác báo chí, xuất bản» của Ban bí thư Trung ương Đảng cũng nêu rất rõ: «Sách, báo là công cụ rất quan trọng trên mặt trận tư tưởng, góp phần đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong lúc bọn đế quốc và các lực lượng thù địch ra sức sử dụng sách, báo, văn hóa phẩm để truyền bá lối sống đồi trụy, kích động gây rối về chính trị và tư tưởng, chúng ta cần phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với công tác báo chí, xuất bản. Cần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động báo chí, xuất bản đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân về sách, báo tốt, giáo dục, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng tình cảm, đạo đức, lối sống lành mạnh, mở mang dân trí về mọi mặt, bồi dưỡng ý thức cách mạng, nâng cao ý thức cảnh giác chống lại những luận điệu xuyên tạc của địch; đồng thời phải kiên quyết ngăn chặn việc xuất bản, lưu hành những ấn phẩm xấu, phản động, đồi trụy».

Để hoạt động xuất bản đạt chất lượng và hiệu quả cao, dương nhiên cần có sự tăng cường quản lý về mặt **tổ chức.**

Thực trạng hoạt động xuất bản hiện nay và yêu cầu bức thiết bảo đảm cho hoạt động đó có chất lượng và hiệu quả, đòi hỏi trước tiên phải nhanh chóng chấn chỉnh, củng cố mạng lưới xuất bản, từ trung ương đến địa phương; phải xem xét lại hệ thống các nhà xuất bản, chức năng, nhiệm vụ, chất lượng và hiệu quả

(2) Chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về một số vấn đề cấp bách của ngành văn hóa, ra ngày 17-11-1989

Digitized by Google

hoạt động của từng loại nhà xuất bản và từng nhà xuất bản. Cần quy định rõ thêm chức trách của nhà xuất bản; chấn chỉnh, củng cố bộ máy lãnh đạo và đội ngũ biên tập của một số nhà xuất bản; tiêu chuẩn hóa cán bộ quản lý nhà xuất bản, kịp thời thay thế các giám đốc mà trình độ chính trị, văn hóa và năng lực nghiệp vụ thấp kém; đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ biên tập, đặc biệt ở các nhà xuất bản địa phương. Thực tế cũng cho thấy trình độ chính trị và văn hóa, phẩm chất của cán bộ phụ trách nhà xuất bản là nguyên nhân chủ yếu của những thành quả, ưu điểm và khuyết điểm, sai lầm trong hoạt động xuất bản của mỗi đơn vị.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý, phân cấp quản lý đúng đắn và thích hợp là một yêu cầu thiết yếu của công tác quản lý, là mục tiêu phấn đấu trước mắt và lâu dài của ngành xuất bản và của bộ chủ quản. Nó có tác dụng giúp cho hoạt động xuất bản đi vào thế ổn định, giữ được trật tự, kỷ cương, nhanh chóng chấm dứt sự lộn xộn và sự chồng chéo chức trách của các nhà xuất bản, chấm dứt tình trạng nhiều nhà xuất bản tái bản sách của chế độ cũ và ra nhiều sách dịch không có liên quan đến nhiệm vụ của nhà xuất bản mình.

Cơ quan nào có quyền và trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra phương hướng và nội dung kế hoạch của nhà xuất bản trực thuộc, là cơ quan chủ quản của nhà xuất bản đó. Hoạt động của nhà xuất bản có những ưu điểm hay khuyết điểm, việc xuất bản, in và phát hành các tác phẩm tốt hay xấu, là thước đo trách nhiệm của cơ quan chủ quản này. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là phải nhanh chóng quy định thống nhất cơ quan chủ quản của các báo chí và nhà xuất bản ở trung ương và địa phương; phát huy một cách có hiệu quả công tác thực thụ của đơn vị chủ quản, nhanh chóng khắc phục tình trạng khoán trắng hoặc ít chú ý đến việc quản lý nhà xuất bản.

Tăng cường hiệu lực hoạt động của các tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động báo chí, xuất bản, là yêu cầu thường xuyên cấp thiết, không thể chần chừ, trì hoãn được.

Hiện nay sách báo thường được tập trung ở thành phố, có lúc rất thừa thãi, song lại vắng bóng ở nông thôn, miền núi và các vùng xa đô thị. Vấn đề đặt ra là phải ra sức xây dựng, củng cố tổ chức của ba khâu xuất bản, in và phát hành một cách đồng bộ và ăn khớp để các loại sách, báo cần thiết đến được với các loại đối tượng thích hợp; chú ý đáp ứng nhu cầu của bạn đọc ở mọi nơi, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân và thực hiện tốt quan điểm đem ánh sáng văn hóa đến miền núi và nơi xa xôi, hẻo lánh.

Digitized by Google

Mấy kinh nghiệm thực tế từ Lâm trường Mã đà

PHẠM THẮNG

LÂM trường Mã đà (Đồng nai) được thành lập năm 1977 với tổng diện tích 75 000 ha. Đầu năm 1982, do việc tách và lập các lâm trường mới, Mã đà chỉ còn quản lý 30 000 héc ta. Cho tới lúc này, nhiệm vụ của Lâm trường Mã đà là khai thác gỗ khu vực lòng hồ Trị an, quản lý, bảo vệ rừng và trồng rừng trên đất đồi trọc. Từ năm 1986, nhờ vận dụng sáng tạo quan điểm đổi mới, đặc biệt là chủ trương tổ chức sản xuất nghề rừng theo 3 mục tiêu: **ổn định rừng, ổn định sản xuất và ổn định đời sống**, lâm trường đã thu được kết quả bước đầu đáng chú ý về một số chỉ tiêu kinh tế. Về **nộp ngân sách và thu nhập của xí nghiệp**, năm 1987 mới đạt 158 triệu và 25 triệu thì năm 1988 đã đạt 635 triệu và 526 triệu; riêng 6 tháng đầu năm 1989 đạt 402 triệu và 175 triệu. **Vòng quay vốn lưu động** cũng tăng: năm 1987: 7 vòng; 1988: 13 vòng; 6 tháng đầu năm 1989: 10,5 vòng.

Từ thực tế ở Mã đà, có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu về tổ chức sản xuất nghề rừng.

I– Tổ chức sản xuất kinh doanh trên cơ sở một phương án điều chế rừng khoa học và hợp lý

Những năm trước, do cơ chế hành chính bao cấp cùng với quan niệm sai lầm cho rằng tài nguyên rừng là vô tận, con người cứ việc tha hồ mà khai thác, lâm trường ít chú ý tính toán hiệu quả kinh tế – xã hội và mối quan hệ giữa khai thác và nuôi trồng... Điều đó đã dẫn tới khai thác rừng một cách bừa bãi, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, đến sản xuất và đời sống của người lao động. Những năm trước, lâm trường chỉ hoàn thành kế hoạch trên danh nghĩa, còn thực ra chưa bao giờ thoát khỏi tình trạng «lãi giả, lỗ thật». Nguyên nhân bao trùm là sản xuất còn manh mún, chưa có phương hướng chiến lược lâu dài; kế hoạch sản xuất nặng về khai thác, tính toán lợi ích trước mắt, chứ không tính đến hiệu quả lâu dài về kinh tế–xã hội.

Nhận rõ khuyết điểm của mình, từ năm 1985 Lâm trường Mã đà đã tiến hành kiểm kê, đánh giá lại quỹ đất,

Digitized by Google

quỹ rừng và năng lực sản xuất để xây dựng một phương án điều chế rừng khoa học, hợp lý (thực chất là phương án tổ chức lại sản xuất nghề rừng). Nội dung kinh tế cơ bản của phương án này là xác định các mục tiêu (dài hạn và ngắn hạn); các nhiệm vụ sản xuất (từ khai thác, trồng rừng... đến phát triển nông, lâm, công nghiệp); các cân đối tài chính, các nhu cầu về lao động... cho từng thời kỳ. Trên cơ sở phương án này, Mã đà đã có các giải pháp về kinh tế, kỹ thuật để tổ chức thực hiện và từng bước chuyển từ bao cấp sang hạch toán kinh doanh.

Để bảo đảm triển khai có kết quả phương án trên, phải có vốn. Lâm trường đã giải quyết vốn cho sản xuất kinh doanh bằng hai cách: *một*, mạnh dạn giao đất, giao rừng cho hộ công nhân để tận dụng nguồn vốn sẵn có của cán bộ, công nhân lâm trường; *hai*, mở rộng liên kết liên doanh, cùng đầu tư chia lãi với các đơn vị bạn để tăng nhanh nguồn vốn.

Nắm vững đặc điểm của lâm nghiệp là chu kỳ sản xuất kéo dài năm, bảy chục năm, thậm chí hàng trăm năm, Lâm trường Mã đà đã thực hiện tốt phương thức nông, lâm kết hợp, «lấy ngắn nuôi dài», phát triển mạnh các cây ngắn ngày, mở rộng diện tích trồng xen dưới tán rừng, và kinh doanh tổng hợp các ngành nghề như: gạch ngói, bột giấy, chế biến thức ăn gia súc, chế biến gỗ, nhằm tăng nhanh tốc độ chu chuyển đồng vốn.

Từ năm 1989 đến nay, nguồn vốn mà lâm trường huy động tương đối ổn định, chẳng những bảo đảm đủ vốn đầu tư cho việc xây dựng vốn rừng mà còn đáp ứng các yêu cầu trước mắt về mở rộng sản xuất và nâng cao mức sống cho cán bộ công nhân và nhân dân làm lâm nghiệp. Trong thời gian 1987—1989, bình quân mỗi năm xí nghiệp thu nhập 290 triệu đồng, trong đó thu nhập từ lâm nghiệp: 278 triệu, từ nông nghiệp: 7 triệu, và từ dịch vụ: 5 triệu.

II — Giao đất giao rừng cho các thành phần dân cư theo quy hoạch kinh tế xã hội thống nhất

Nhiều năm trước đây, do không quan tâm tới việc ổn định xã hội nghề rừng, ổn định đời sống cho những người làm rừng, nên sản xuất không ổn định. Mâu thuẫn giữa lâm trường với dân cư trong vùng kéo dài, không giải quyết được. Ngay cán bộ, công nhân lâm trường được nhà nước bao cấp nhưng vẫn mang tâm lý tạm bợ, không quan tâm tới công việc của lâm trường. Vấn đề đặt ra là muốn tạo ra một xã hội nghề rừng ổn định thì phải giải quyết tốt các chính sách kinh tế, xã hội cho các tầng lớp dân cư trong khu vực lâm trường.

Ở Mã đà có hai thành phần dân cư chính: công nhân trong biên chế với người ăn theo, và dân cư từ các nơi tới khai phá lòng hồ đã định cư. Trong những năm qua, lâm trường đã áp dụng chính sách giao đất giao rừng cụ thể cho các đối tượng này.

— **Với dân cư ngoài biên chế.** Đây là lực lượng cần phải tổ chức định cư theo quy hoạch của lâm trường. Mỗi hộ được giao ổn định khoảng 1 000m^2 để làm đất ở và vườn nhà. Tùy theo khả năng của các hộ mà lâm trường giao đất để trồng rừng, trồng cây công nghiệp theo quy hoạch và kế hoạch của lâm trường (không hạn chế diện tích). Lâm trường đầu tư vốn, giống, kỹ thuật, chịu trách nhiệm tiêu thụ sản phẩm và trao đổi hàng hóa. Giữa các hộ gia đình và lâm trường tiến hành hợp đồng kinh tế trên nguyên tắc tự nguyện, hai bên cùng có lợi. Thực tế ở Mã đà cho thấy chính sách này đã mang lại kết quả thiết thực. Sản xuất của mỗi gia đình ổn định, có thu nhập cao, người

Digitized by Google

lao động yên tâm, gắn bó với lâm trường và tuân theo sự chỉ đạo của lâm trường. Mối quan hệ giữa công nhân lâm trường và nhân dân ngoài lâm trường được cải thiện ; có sự quan tâm giúp đỡ nhau hơn trong kinh tế và đời sống xã hội. Mặt khác, làm trường thu hút được nguồn lâm, nông sản cho nhu cầu chế biến, tạo điều kiện mở rộng và phát triển công nghiệp. Về lâu dài, điều này có ý nghĩa chiến lược là hình thành mô hình sản xuất công — nông — lâm nghiệp khép kín : trồng — thu hoạch — chế biến — tiêu thụ trong khu vực lâm trường ; và ở đây, vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh được các thành phần kinh tế khác chấp nhận và tự nguyện đi theo.

— **Với công nhân lâm trường.** Để khắc phục tâm lý tạm bợ, nhất thời, trước hết phải làm cho mọi người "an cư, lạc nghiệp", bằng các chính sách và biện pháp thiết thực gắn bó bản thân và gia đình người lao động với lâm trường. Muốn vậy, phải kiên quyết chuyển các **hộ tập thể**, sống rất tạm bợ, thành các **hộ gia đình** (kể cả hộ độc thân) an cư, lạc nghiệp trong một cộng đồng xã hội ổn định. Bố trí các cụm dân cư xen với cụm cây trồng để công nhân có thể vừa làm kinh tế vườn, làm rừng, vừa trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ rừng và các tài sản khác. Sự thành công của Lâm trường Mã dà là ở chỗ : sớm nhận thức được vai trò của kinh tế hộ gia đình công nhân, mạnh dạn giao đất, giao rừng cho các hộ, và có chính sách khuyến khích (hỗ trợ về giống, vốn, kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm) để các hộ yên tâm phát triển sản xuất.

Thực tế cho thấy, với cách làm trên, cuộc sống người lao động đã ổn định và cải thiện. Theo số liệu bước đầu (chưa đầy đủ), thu nhập bình quân một năm hiện nay của các hộ nhận đất trồng rừng có các sản phẩm xen canh là 2 — 3 triệu đồng ; nếu có thêm nghề phụ nữa thì có thể đạt 6 — 7 triệu đồng. Các hộ nông dân và các hộ công nhân lâm trường thực tế đã trở thành các đơn vị sản xuất tự chủ hoạt động theo kế hoạch và quy hoạch của lâm trường. Các đơn vị này đã trở thành những vệ tinh của các trung tâm dịch vụ của lâm trường

III — Đổi mới cơ chế và bộ máy quản lý theo hướng chuyển sang làm dịch vụ và tạo ra các trung tâm phát triển ở lâm trường

Bộ máy cồ hành chính quan liêu với biên chế cồng kềnh là một trở ngại lớn khi chuyển sang hạch toán kinh doanh. Muốn làm ăn có hiệu quả, phải sắp xếp lại bộ máy quản lý theo hướng gọn nhẹ, tập trung đầu mối, bỏ bớt khâu trung gian và đổi mới sự hoạt động của bộ máy đó.

Từ năm 1986, Lâm trường Mã dà đã mạnh dạn xóa bỏ các phòng ban, thành lập 9 khối kinh doanh và 10 phân trường. Các đơn vị được hạch toán nội bộ, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình dưới sự giám sát của giám đốc. Điều đó buộc các đơn vị phải vươn lên chủ động trong sản xuất kinh doanh, phát huy sáng tạo, không ỷ lại vào cấp trên. Bộ máy quản lý của Mã dà phát huy được hiệu quả rõ rệt : Với 3 chuyên viên (kế toán tài chính, kế hoạch kỹ thuật và tổ chức nhân sự) giúp việc, giám đốc là người quyết định và điều hành toàn bộ công việc. Các phó giám đốc chuyển sang trực tiếp phụ trách các khối chủ chốt của lâm trường để hoạt động dịch vụ. Số người dôi ra được tổ chức làm ngành nghề, dịch vụ, chế biến, hoặc nhận khoán trồng rừng, chăm sóc rừng... Các phân trường và các khối kinh doanh của lâm trường trên thực tế đã trở thành các trung tâm dịch vụ với các vệ tinh là các hộ gia đình làm nông nghiệp, làm nghiệp và các ngành nghề khác

Digitized by Google

Mối quan hệ giữa lâm trường và công nhân cũng có sự thay đổi về nội dung. Trong thời bao cấp, công nhân lâm trường là cán bộ viên chức làm công ăn lương nhà nước. Thu nhập của họ về cơ bản không gắn với kết quả sản xuất và không phát huy được tính năng động sáng tạo. Nay công nhân nhận khoán, hưởng thụ theo khả năng lao động và kết quả lao động của mình. Bởi vậy, quyền lợi của công nhân gắn liền với quyền lợi của tập thể, của lâm trường. Họ hăng say lao động, chủ động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, năng suất lao động cao hơn trước. Với chế độ khoán hộ, mỗi công nhân chủ hộ là trụ cột, là lao động chính, là « ông chủ nhỏ »; họ phải tính toán sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất trong điều kiện thực tế của mình và tuân theo quy hoạch của lâm trường. Rõ ràng, Mã đà đang đi theo hướng lâm trường không có công nhân, bởi vì bộ máy hành chính bao cấp trước đây đã trở thành các đơn vị dịch vụ, còn công nhân sau khi nhận đất, nhận rừng đã trở thành các đơn vị sản xuất kinh doanh. Với bộ máy quản lý hoạt động theo hướng dịch vụ sản xuất đến tận gia đình, lâm trường đã phát huy được tốt nhất khả năng sẵn có để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Các tổ chức dịch vụ đã thu hút, lôi cuốn các hộ nông dân và các hộ công nhân đi theo quỹ đạo của lâm trường. Hơn nữa, các tổ chức này còn có ý nghĩa lớn trong việc củng cố khối liên minh công nông ngay trong phạm vi lâm trường.

★

Đến nay, Mã đà đã thu được một số kết quả bước đầu trong sản xuất và đi vào thế ổn định. Tuy nhiên, thực tế ở Lâm trường Mã đà đang đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

1. Lâm trường là một đơn vị sản xuất kinh doanh có phạm vi địa lý nhỏ, không thể là một đơn vị kinh tế hoàn chỉnh theo quan điểm sinh thái thị trường. Lâm trường chỉ có thể xác định đúng mục tiêu kinh doanh, quy mô sản xuất, cơ cấu cây con, hướng tiêu thụ... khi được đặt trong một hệ thống cộng ổn hơn. Do vậy, cần sớm có một quy hoạch tổng thể trên phạm vi tỉnh, vùng sinh thái thống nhất, để có thể đưa ra những chính sách về sử dụng tài nguyên, về khuyến lâm và giải pháp làm sinh cho từng loại rừng trong vùng.

2. Các đơn vị kinh tế cơ sở đã bước đầu có quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh, song quyền chủ động đó trên thực tế vẫn còn bị ràng buộc bởi nhiều quy chế, chính sách cũ chưa được sửa đổi, nhất là ở cấp tỉnh, huyện. Ví dụ: quyền tuyển dụng và cho thôi việc còn bị ràng buộc bởi những thủ tục phức tạp về nhân sự, hộ khẩu, chính sách xã hội; các quy định về hạch toán kinh tế còn nhiều thủ tục phiền hà, nặng về hình thức... Bởi vậy, nhà nước cần kịp thời sửa đổi các chính sách, quy định cũ đã lỗi thời, bổ sung các chính sách, quy định mới, sao cho vừa bảo đảm được quyền chủ động sáng tạo của cơ sở, vừa bảo đảm được sự kiểm tra, giám sát có hiệu lực của nhà nước.

3. Sự nghiệp trồng rừng là sự nghiệp của toàn dân, do đó, ngoài sự nỗ lực của bản thân lâm trường quốc doanh, còn phải có sự giúp đỡ của các ngành các cấp nói riêng và của nhà nước nói chung. Đây là hai mặt của một vấn đề, chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau và cần được giải quyết thỏa đáng. Thực tế Lâm trường Mã đà cho thấy: muốn làm tốt công tác trồng rừng, nhà nước phải đầu tư vốn, hỗ trợ kỹ thuật... cho các đơn vị kinh tế cơ sở

Digitized by Google

Thực chất vỡ nợ của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh

DOÃN HUỀ

GẦN đây ở Hà nội cũng như ở một số thành phố khác đã xảy ra tình trạng có những đoàn hàng trăm người kéo đến trụ sở của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh, thậm chí đến trụ sở UBND thành phố, để đòi lại tiền gửi, khi được biết các tổ chức tín dụng này không có khả năng trả nợ. Vì sao lại có hiện tượng trên ? Thực chất vỡ nợ của các tổ chức tín dụng này là do đâu ?

Tháng 10-1988, Ngân hàng nhà nước ban hành quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh với mục đích hạn chế quy mô và giới hạn hoạt động của các tổ chức đó trên phạm vi địa bàn nhất định. Theo số liệu của ngành ngân hàng, đến cuối tháng 3-1990, cả nước có khoảng 300 tổ chức tín dụng đô thị, trong đó có 130 đơn vị hợp lệ, đủ điều kiện, 165 đơn vị không hợp lệ hoặc hợp lệ nhưng không đủ điều kiện cần thiết hoạt động (trong số này có 93 đơn vị do các cấp ủy, cấp chính quyền, ngành quyết định thành lập). Tổng số vốn hoạt động của các tổ chức này là 862 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 80 tỷ đồng, vốn huy động tiền gửi của dân là 782 tỷ đồng. Các tổ chức tín dụng này đã cho các đơn vị kinh tế quốc doanh vay 349 tỷ đồng, kinh tế tập thể vay 130 tỷ đồng, kinh tế tư nhân và cá thể vay 311 tỷ đồng.

Chỉ mới ra đời và hoạt động trong một thời gian ngắn mà các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh đã huy động được và cho vay một khối lượng lớn tiền mặt, góp phần thúc đẩy quá trình lưu thông tiền tệ, phục vụ tốt hơn nhu cầu tiền mặt của hoạt động sản xuất kinh doanh. Các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh đã tạo ra một thị trường vốn ở một số khu vực, hạn chế bớt sự độc quyền về tín dụng của hệ thống ngân hàng quốc doanh, góp phần cải tiến kỹ thuật, nghiệp vụ và phong cách giao dịch ở các ngân hàng chuyên doanh.

Tuy vậy, sự hình thành và hoạt động của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh trong thời gian qua còn có nhiều khuyết điểm, nhiều tiêu cực cần được chấn chỉnh kịp thời.

Phần lớn các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh ra đời và phát triển còn mang tính tự phát, không có quy hoạch, không bảo đảm những điều

Digitized by Google

kiện cần thiết để kinh doanh, nên đã phát sinh nhiều tiêu cực (như chạy theo lợi nhuận đơn thuần, buôn bán lòng vòng không xuất phát từ mục tiêu phục vụ sản xuất, phục vụ lưu thông và góp phần ổn định thị trường vốn). Do sản xuất kinh doanh bị thua lỗ, không ít xí nghiệp quốc doanh, cũng như tư nhân, cá thể, không có khả năng thanh toán nợ. Các tổ chức tín dụng không thu hồi được vốn, nên thiếu khả năng chi trả người gửi.

Trước nguy cơ phá sản, một số tổ chức tín dụng lại tự động nâng lãi suất để tranh chấp quỹ vốn và lấy đó làm nguồn chi trả tiền gửi đến hạn, nên càng bị lỗ hơn và tất yếu dẫn đến vỡ nợ. Điều đáng chú ý là một số tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh có những cán bộ và nhân viên có nhiều hành vi tiêu cực như: móc ngoặc với con hụi, với những công ty lừa, dùng tiền của nhân dân cho vay để chơi hụi hoặc góp vốn cổ phần vào những công ty trên để hưởng lãi suất cao. Đặc biệt, sự đổ vỡ của xưởng nước hoa Thanh Hương, của trung tâm tín dụng Sacogiva, Đại Thành, Anh Đào ở thành phố Hồ Chí Minh, cũng như nguy cơ vỡ nợ của các quỹ tín dụng Nguyễn Trãi, Trúc Bạch Đông Xuân ở Hà nội, đã làm xói mòn niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh tế xã hội trong nước.

★

Thực chất vỡ nợ của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh là do đâu?

Nguyên nhân **bao trùm** là nền kinh tế nước ta còn mắt cân đối nghiêm trọng. Các đơn vị sản xuất và kinh doanh thiếu vốn và tiền mặt, phải vay vốn của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh với lãi suất cao, do đó giá thành sản phẩm cao, hàng sản xuất ra không thể cạnh tranh với hàng ngoại nhập... Hàng hóa không tiêu thụ được, bị thua lỗ, các đơn vị sản xuất và kinh doanh không có tiền để trả các khoản đã vay.

Nguyên nhân **trực tiếp** dẫn đến sự vỡ nợ của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh là những thiếu sót trong công tác quản lý và điều hành, không tôn trọng kỷ cương, pháp luật. Cụ thể là:

1. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thiếu sự kiểm soát chặt chẽ, để cho cấp ủy, chính quyền địa phương và cơ quan ngành tùy tiện cho phép thành lập các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh không đúng với thủ tục quy định. Có trên 50% tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh ra đời không hợp lệ và ngay khi ra đời đã có ý định lừa dảo chiếm dụng vốn của nhân dân. Một số tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh hoạt động nằm ngoài sự quản lý của Ngân hàng nhà nước.

Như chúng ta đã biết, chuyển sang cơ chế mới, nhiều tổ chức sản xuất kinh doanh mọc lên nhanh chóng ở các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế dưới nhiều dạng (quốc doanh, công ty hợp doanh, hợp tác xã, tổ hợp, công ty tư nhân). Nhưng các tổ chức này hầu hết lại thiếu vốn tự có để tiến hành sản xuất kinh doanh. Trong điều kiện đó, các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh ra đời nhằm phục vụ cho yêu cầu giải quyết nguồn vốn. Với cơ chế lãi suất thị trường, các tổ chức tín dụng này đã nhanh chóng thu hút được một lượng vốn và tiền mặt khá lớn, có thể tiến hành hoạt động cho vay không chỉ trong mà còn vượt ra ngoài giới hạn địa bàn quy định nhằm thu lãi chênh lệch. Nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh do làm ăn thua lỗ, không có khả năng thanh toán, đã hạn chế khả năng chi trả của các quỹ tín dụng. Ở một số quỹ tín dụng,

Digitized by Google

các tư nhân, cá thể lại chiếm dụng phần lớn nguồn vốn. Như ở Hà nội, tư nhân, cá thể vay trên 80% tổng số vốn của các quỹ tín dụng nhưng lại trây lì, chậm trả. Ngoài ra, một số người, lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý, đã lấy danh nghĩa lập quỹ tín dụng để lừa đảo, chiếm dụng vốn của nhân dân, mưu lợi riêng. Ở Hà nội, các tổ công tác đã phát hiện 53 cán bộ chủ chốt của các quỹ tín dụng đã chiếm dụng gần 1 tỷ đồng, trong đó nhiều người đã vay tiền để quay vòng kiếm lãi như trường hợp Kiều Thanh Sơn (quỹ Đồng xuân) vay 360 triệu đồng. Thậm chí, có người cuỗm một số tiền lớn rồi bỏ trốn. Điều đáng chú ý là cấp ủy và chính quyền địa phương không nắm được nguyên tắc về luật thế chấp tài sản, luật phá sản, luật kinh doanh, luật huy động vốn. Cho nên, các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh làm vào tình trạng đổ vỡ hàng loạt như hiện nay. Nhìn chung, bộ máy chính quyền cấp quận, phường công kênh và không đủ mạnh để kịp thời ngăn ngừa và trừng trị những hành động làm trái luật pháp.

2 — Cơ chế luật pháp chưa đủ bảo đảm an toàn cho hoạt động kinh doanh tiền tệ. Chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, nhưng chúng ta còn thiếu nhiều luật để tạo điều kiện và môi trường cho các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh hoạt động như: luật ngân hàng, luật thế chấp tài sản, luật phá sản, luật kinh doanh, luật huy động vốn... Mặt khác, Ngân hàng nhà nước trung ương chậm trình Hội đồng nhà nước ban hành **Luật ngân hàng** và trình Hội đồng bộ trưởng ban hành **Điều lệ ngân hàng**. Chính do những sơ hở trong khâu quản lý nhà nước bằng pháp luật mà các vụ tiêu cực đã phát sinh. Hiện nay, nợ quá hạn chiếm tới 64% tổng số vốn vay. Phần lớn những đơn vị kinh doanh là con nợ; có đơn vị do hoạt động kinh doanh thua lỗ nên không trả nợ đúng hạn, nhưng cũng có đơn vị chưa tích cực tìm cách trả nợ hoặc thiếu ý thức trách nhiệm trả nợ đúng hạn. Ngoài ra, còn phải kể một số đơn vị và cá nhân núp dưới danh nghĩa vay vốn để sản xuất kinh doanh nhưng thực ra đem chơi hụi hoặc cho vay nặng lãi hiện đã bị vỡ nợ và không có khả năng trả nợ.

3 — Ngân hàng các cấp thiếu sự theo dõi kiểm tra, giám sát và hướng dẫn giúp đỡ về nghiệp vụ đối với tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh, nhất là chưa thực hiện đầy đủ chức năng, quyền hạn quản lý nhà nước của mình. Sự buông lỏng vai trò quản lý nhà nước của ngân hàng các cấp thể hiện trước hết ở chỗ: các ngân hàng chưa định ra được các thể chế phù hợp và chưa giám sát chặt chẽ việc thực hiện các thể chế đã có, vì vậy đã để cho các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh được thành lập một cách tràn lan và hoạt động hoàn toàn theo cơ chế thị trường tự phát về lãi suất cho vay. Ngân hàng nhà nước trung ương chậm đề ra chính sách tiền tệ — tín dụng và những quy định thống nhất về nghiệp vụ buộc các tổ chức và cá nhân phải chấp hành, nhất là cơ chế điều hành quản lý vĩ mô. Do đó, nhiều quỹ tín dụng ngoài quốc doanh đã hoạt động không phải với mục đích là trợ thủ và cùng tín dụng ngân hàng, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh, làm lành mạnh hóa nền kinh tế, mà chỉ hoạt động với mục đích cốt sao thu nhiều lợi nhuận. Nhiều hành vi tiêu cực và những thủ đoạn mờ ám của những kẻ vụ lợi đã không được phát hiện, ngăn chặn kịp thời. Những yếu kém về nghiệp vụ như nghiệp vụ về hạch toán kinh doanh tiền tệ và hạch toán kế toán của nhiều cơ sở đã không được khắc phục sớm. Hầu hết các quỹ tín dụng ngoài quốc doanh đã nhập lãi của khách hàng vào vốn, tạo ra lãi giả để có tiền lương, tiền thưởng và thu nhập cao,

Digitized by Google

kết quả là ăn thâm vào ốn, dẫn đến ỡ nợ.

Xét về nguyên tắc, các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh phải chịu sự quản lý nhà nước của ngân hàng. Nhưng trong thời gian qua, Ngân hàng nhà nước trung ương thiếu biện pháp kịp thời chấn chỉnh hoạt động tín dụng, có nhiều sơ hở trong việc giao cho ủy ban nhân dân các quận ký giấy phép cho các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh hoạt động (tuy có sự ràng buộc là phải được sự đồng ý của ngân hàng). Trong khi các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh ở đó thị được hình thành và hoạt động gần như các ngân hàng nhỏ, theo quy chế của các công ty cổ phần, thì việc quản lý các tổ chức đó lại vẫn theo quy chế quản lý áp dụng cho các hợp tác xã tín dụng ở nông thôn. Khi quần chúng phát hiện những hiện tượng tiêu cực ở một số quỹ tín dụng, thì một số cơ quan ngân hàng nhà nước, cấp ủy và chính quyền địa phương lại tỏ ra thiếu kiên quyết trong việc thực hiện nghiêm túc những quy định về quản lý nhà nước đối với các quỹ này.

★

Để khắc phục tình trạng vỡ nợ của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh hiện nay, cần thực hiện kịp thời, đồng bộ các biện pháp sau:

+ Đình chỉ ngay hoạt động dịch vụ lưu thông tiền tệ của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh đang thua lỗ và có nguy cơ vỡ nợ.

Phong tỏa, kiểm kê tài sản, vốn liếng, chứng từ, hóa đơn của các tổ chức tín dụng này. Không chỉ chú ý theo dõi, giám sát hội đồng quản trị và các thành viên trong hội đồng chịu trách nhiệm chính về sự thua lỗ và nguy cơ vỡ nợ của một tổ chức tín dụng nào đó, mà còn chú ý theo dõi, giám sát cả những cơ sở kinh tế tư nhân, cá thể, tổ hợp, hợp tác xã... vay nợ của tổ chức tín dụng đó. Nhiệm vụ cấp bách hiện nay là chính quyền địa phương và ngân hàng các cấp phối hợp kiểm tra, phân tích hoạt động và phân loại các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh trên từng địa bàn để xử lý thích đáng từng trường hợp cụ thể. Tổ chức tín dụng nào hợp lệ (đủ điều kiện), làm ăn có hiệu quả, thì chính thức cấp lại giấy kinh doanh, cho tiếp tục hoạt động. Tổ chức tín dụng nào không hợp lệ (không đủ điều kiện), thì cho giải thể. Ai đã ra quyết định thành lập thì nay ra quyết định giải thể.

+ Giải quyết dứt điểm việc thu nợ và trả nợ của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh.

Phần lớn các quỹ tín dụng vỡ nợ đang muốn «đẩy bóng» sang nhà nước gánh nợ cho họ. Có nơi, họ đã kích động một số người thiếu bình tĩnh, thậm chí cả người đi vay, tham gia «đấu tranh» để đòi nợ. Đương nhiên **nhà nước không nên gánh nợ cho các tổ chức tín dụng vỡ nợ.** Có điều là các cấp chính quyền cần kết hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn, bằng các biện pháp hành chính và kinh tế, buộc các con nợ phải hoàn lại vốn cho các quỹ tín dụng để thanh toán sòng phẳng với dân. Ở là nơi hiện đã thành lập các ban chỉ đạo và các tổ công tác ở các quận, huyện gồm đại diện ủy ban nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, công an nhân dân và quỹ tín dụng, để kiểm tra việc thu nợ. Các tổ công tác đã triển khai việc sao kê các chứng từ tiền gửi, tiền vay ở từng quỹ, và đã giúp các quỹ tổ chức việc chi trả tiền lãi, tiền gửi của dân. Trường hợp khách nợ quá hạn cố tình trây ì, chậm trả, thì xử lý bằng cách cho hóa giá tài sản thế chấp để lấy tiền trả lại cho người

Digitized by Google

gửi. Đối với xí nghiệp quốc doanh nào vay vốn của các quỹ tín dụng mà nay bị thua lỗ phải giải thể, thì có thể dùng biện pháp **đảo nợ**, nghĩa là nhà nước có thể cho xí nghiệp này vay tiền để trả nợ, với điều kiện xí nghiệp phải có vật tư, hàng hóa bảo đảm. Đối với các xí nghiệp quốc doanh chưa được nhà nước cấp đủ vốn và cấp bù lỗ, thì nhà nước kịp thời cấp đủ mức, để xí nghiệp có thể sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Đối với những xí nghiệp quốc doanh vốn làm ăn tốt, nhưng do chưa kịp thích ứng với quá trình chuyển sang cơ chế mới, trước mắt có nhiều khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ quá hạn, thì nhà nước có thể cho vay bổ sung hoặc gia hạn cho vay. Cơ quan đoàn thể nào có đơn vị trực thuộc là con nợ của quỹ tín dụng thì phải có trách nhiệm trong việc thanh toán nợ cho quỹ tín dụng, nếu cần nhà nước có thể sử dụng cả biện pháp phát mại tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh. Những người điều hành và nhân viên các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh cố tình làm sai pháp luật, gây thất thoát tài sản của dân thì phải được xử lý cả về mặt kinh tế, hành chính và hình sự. Quỹ nào vỡ nợ thì cán bộ quản trị, điều hành quỹ đó, phải tự bỏ tiền ra mà chi trả. Cùng với việc thu nợ, các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh phải tiến hành việc trả nợ một cách công bằng và khách quan.

+ Sắp xếp lại các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh theo Pháp lệnh ngân hàng mới ban hành.

Cụ thể là : Giải thể các tổ chức tín dụng không đủ điều kiện hoạt động hoặc hoạt động không có hiệu quả. Giúp các tổ chức tín dụng này về mặt nghiệp vụ và phương pháp quản lý để họ tự nguyện chuyển thành ngân hàng cổ phần. Để kiểm tra, theo dõi các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh, nhà nước nên tham gia cổ phần và cử người vào ban quản trị cùng điều hành công việc.

★

Việc vỡ nợ của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh là bài học lớn cho ngành ngân hàng : không thể buông lỏng vai trò quản lý nhà nước trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Đây cũng là bài học bổ ích cho các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh : phải nghiêm chỉnh thực hiện các nguyên tắc quản lý tiền tệ tín dụng, các quy định về thế chấp tài sản (30% tổng giá trị tài sản), đặc biệt đối với những đối tượng vay tiền mặt với số lượng lớn (10 triệu đồng trở lên). Điều cần chú ý là phải giám sát chặt chẽ các đối tượng vay, thời hạn vay và cách thức sử dụng tiền vay. Đối với những đối tượng làm ăn thua lỗ hoặc có biểu hiện lừa dảo, thế chấp tài sản ở nhiều quỹ, thì phải kịp thời đình chỉ việc cho vay, buộc họ hoàn trả vốn đúng hạn định.

Digitized by Google

THÁI BÌNH CỦNG CỐ, KIỆN TOÀN CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

HỒNG PHONG

HIỆN nay, Thái bình có trên 88 700 đảng viên sinh hoạt trong 866 tổ chức cơ sở đảng. Có thể khẳng định rằng, những năm qua, đại bộ phận các cơ sở này đã cố gắng vươn lên, đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới. Sự đáp ứng đó thể hiện chủ yếu ở **những mặt tích cực sau đây:**

Hệ thống tổ chức đảng trong các đảng bộ cơ sở đã được điều chỉnh, lắp lại cho phù hợp với cơ chế quản lý mới. Bên cạnh loại hình các cơ sở đảng trong khu vực kinh tế quốc doanh, trường học, cơ quan hành chính, ở nông thôn đã tiến hành chuyển đổi các chi bộ đội sản xuất thành chi bộ xóm hành chính (quy mô phổ biến trên dưới 30 đảng viên). Đến nay, 80% số xã trong tỉnh đã tổ chức chi bộ theo mô hình này. 100% số xã ở huyện Hưng hà đã tổ chức chi bộ theo đơn vị xóm. Mô hình chi bộ xóm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế xã hội mới ở nông thôn nên nó được các cơ sở chấp nhận nhanh chóng. Chức năng, nhiệm vụ và nội dung lãnh đạo của chi bộ xóm đã dần dần được nghiên cứu và xác định cụ thể. Từ đó chức năng và nhiệm vụ, nội dung lãnh đạo của đảng ủy xã cũng nhanh chóng được điều chỉnh phù hợp với sự chuyển đổi hình thức tổ chức của các chi bộ.

Nhiều cơ sở đảng đã nắm vững và vận dụng khá sáng tạo đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng đề ra. Do đó đã tạo nên được những chuyển biến đáng kể về các mặt kinh tế xã hội, đời sống người lao động, an ninh trật tự và xây dựng cơ sở vật chất cho địa phương và đơn vị. Bất cứ huyện nào, ngành nào trong tỉnh cũng xuất hiện một bộ phận cơ sở đảng vươn lên mạnh mẽ. Mạnh mẽ nhất, đồng đảo nhất là các đảng bộ xã đã vận dụng và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh, sáng tạo cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp. Hiện nay Thái bình có 90% số xã đạt năng suất lúa cao hơn trước. Huyện Hưng hà năm 1989 không còn xã nào có năng suất lúa dưới 8 tấn/1 ha. Khu vực kinh tế quốc doanh có khoảng trên 30% cơ sở đảng bảo đảm tốt sự lãnh đạo của đảng đối với đơn vị. Nhiều cấp ủy cơ sở như đảng ủy Liên hiệp Xí nghiệp dâu – tằm tơ, Liên hiệp xí nghiệp dược, Xí nghiệp thuộc da, Liên hiệp xí nghiệp hải sản, Công ty cói, đã chủ động cùng thủ trưởng bàn bạc, xác định các chủ trương, biện

Digitized by Google

pháp sát đúng, ổn định sản xuất, bảo đảm việc làm và đời sống cho người lao động, thực hiện tốt các chỉ tiêu nộp ngân sách cho nhà nước.

Nhiều cơ sở đảng đã có nền nếp trong việc thực hiện các chế độ về công tác đảng. Qua kiểm tra 19 cơ sở đảng thuộc đủ các loại hình ở huyện Vũ thư, có trên 90% số cơ sở đảng đã thực hiện đều kỳ sinh hoạt chi bộ và đảng ủy. Huyện Đông hưng, Hưng hà, Tiền hải, Quỳnh phụ đã quy định ngày sinh hoạt chi bộ, đảng ủy thống nhất trong toàn huyện. Hầu hết các cơ sở đảng thuộc đảng bộ công an đã thực hiện sinh hoạt đều kỳ. Việc phân công đảng viên, quản lý đảng viên ở một số nơi đã phù hợp với tình hình mới. Trên 80% số cơ sở đảng đã thực hiện chế độ phân công đảng viên, trong đó khoảng 30% phân công thực sự có chất lượng. Công tác phát triển đảng được tiến hành thường xuyên và bảo đảm cơ bản yêu cầu về chất lượng.

Qua hai kỳ đại hội, đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở đã được kiện toàn và đổi mới một bước. Tính chung, ở các đảng bộ cơ sở xã mỗi kỳ đại hội đã thay đổi, điều chuyển công tác trên 40% số cán bộ chủ chốt; ở các đảng bộ cơ sở thuộc các loại hình khác, khoảng trên 30%. Số cán bộ mới bổ sung nói chung trẻ, khỏe, được đào tạo cơ bản về chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ. Qua thực tế công tác, nhiều đồng chí phát huy tốt trách nhiệm trong cương vị phụ trách và tỏ ra có năng lực tổ chức thực tiễn. Số đông nhận thức chính trị vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần rèn luyện giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng.

Nhiều cơ sở đảng đã cố gắng cụ thể hóa nội dung, yêu cầu phấn đấu xây dựng đảng bộ trong sạch vững mạnh. Qua phân loại, cả tỉnh có trên 30% số cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, trên 50% đạt loại khá. Trong số những cơ sở khá và trong sạch vững mạnh có trên 50% giữ vững và ổn định tình hình, 30% có chuyển biến đi lên. Số cơ sở yếu kém trên diện đã thu hẹp dần. Tính riêng ở các đảng bộ khối trực thuộc tỉnh ủy ba năm qua đã giải quyết được tình trạng yếu kém kéo dài nhiều năm ở 19 cơ sở. Ở 8 huyện, thị cũng giải quyết được tình trạng đó ở trên 30 cơ sở.

Những ưu điểm và tiến bộ trên đây chưa toàn diện, chưa đồng đều, song ở mỗi cơ sở đều có những mặt mạnh, mặt tốt chứa đựng những nhân tố và khả năng mới cần được tổng kết, nhân rộng ra. Mặt khác, những mặt tốt nêu trên cũng phản ánh và chứa đựng tiềm năng dồi dào của các tổ chức cơ sở đảng, nếu được giữ vững và nhân lên sẽ là yếu tố quan trọng bảo đảm vững chắc cho sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội và đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tuy nhiên, hiện nay các tổ chức cơ sở đảng ở Thái bình cũng còn bộc lộ **nhiều mặt hạn chế**:

Trước sự chuyển đổi của cơ chế quản lý kinh tế mới, nhiều cơ sở đảng tỏ ra lúng túng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và phương thức lãnh đạo của mình. Trong các tổ chức cơ sở đảng hiện nay còn biểu hiện cả hai khuynh hướng: bao biện làm thay công việc của chính quyền và các tổ chức kinh tế xã hội; buông lỏng sự lãnh đạo, kiểm tra, đứng ngoài cuộc đối với các hoạt động kinh tế xã hội của đơn vị. Khuynh hướng thứ nhất có tính phổ biến ở nhiều đảng bộ xã, phường thị trấn. Khuynh hướng thứ hai có tính phổ biến ở các cơ sở đảng thực hiện chế độ thủ trưởng trong khu vực nhà nước.

Digitized by Google

Năng lực lãnh đạo của nhiều tổ chức cơ sở đảng chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới đặt ra. Sự hiểu biết về mọi mặt của nhiều cơ sở đảng còn hạn chế, cho nên khi xử lý những vấn đề đặt ra ở địa phương, đơn vị rất lúng túng, vụng về; có việc vi phạm quyền làm chủ của quần chúng. Tình trạng cục bộ địa phương, đòi chia hợp tác xã, tranh giành ruộng đất đã tạo ra những mâu thuẫn trong nội bộ hợp tác xã và trong nội bộ đảng, có nơi khá gay gắt. Điều đáng chú ý là trước diễn biến của tình hình, nhiều tổ chức cơ sở đảng đã bó tay, bất lực không tự giải quyết được. Khá nhiều vụ việc cán bộ đảng viên lại đứng sau chỉ đạo, tổ chức quần chúng gây lộn xộn, làm cho tình hình đã phức tạp càng thêm phức tạp, có nơi kéo dài dẫn đến phân hóa trong đảng làm mất tác dụng lãnh đạo của đảng đối với quần chúng.

Nhiều cơ sở đảng, cán bộ đảng viên coi nhẹ và buông lỏng công tác lãnh đạo và vận động quần chúng. Các tổ chức cơ sở lãnh đạo quần chúng còn nặng theo kiểu hành chính, quan liêu; ít chú ý lắng nghe tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của quần chúng, nên chưa phát động được quần chúng, chưa nắm được quần chúng. Tình trạng mất dân chủ, vi phạm quyền làm chủ của quần chúng, độc đoán gia trưởng còn diễn ra ở nhiều nơi.

Chất lượng đội ngũ đảng viên ở một số cơ sở đảng rất thấp. Số đảng viên «trung bình» trong đảng còn nhiều. Đáng chú ý là một bộ phận đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo cơ sở, còn thiếu gương mẫu trong việc rèn luyện phẩm chất và lối sống, còn tham ô, đặc quyền đặc lợi, lo vun vén cho lợi ích riêng. Số này tuy không nhiều, nhưng làm cho quần chúng thiếu phấn khởi, không tin vào sự lãnh đạo của đảng.

Trên bước đường củng cố, kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng, tỉnh ủy Thái bình rút ra được một số kinh nghiệm:

Việc củng cố kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng, vực dậy các cơ sở yếu kém phải tiến hành thường xuyên bằng nhiều biện pháp đồng bộ. Trước hết, bản thân mỗi cơ sở đảng phải thực hiện đổi mới toàn diện theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Trong đó vấn đề hết sức quan trọng là kiên quyết xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, thực hiện cơ chế quản lý kinh tế mới. Đồng thời với củng cố đảng, phải củng cố chính quyền, các đoàn thể, các tổ chức kinh tế—xã hội khác ở địa phương, đơn vị. Thực tế nhiều năm qua cho thấy không thể củng cố nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, vực các cơ sở yếu kém dậy chỉ bằng các biện pháp công tác đảng đơn thuần. Trước đây Thái bình đã tiến hành nhiều đợt sinh hoạt chính trị chống tệ cửa quyền, phân phối nội bộ, tuồn hàng ra ngoài... trong ngành thương nghiệp, chống tệ rong công phóng điểm trong các hợp tác xã nông nghiệp, nhưng hầu như không đạt kết quả. Từ khi thực hiện cơ chế quản lý kinh tế mới những khuyết tật đó đã giảm dần. Rõ ràng là con người và tổ chức định ra cơ chế, nhưng cơ chế lại quy định và ràng buộc hoạt động của tổ chức và con người. Vì vậy, phải đặt công tác củng cố, kiện toàn cơ sở đảng trong mối quan hệ biện chứng với các nhiệm vụ khác.

Phải thường xuyên chăm lo củng cố kiện toàn tốt đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở. Sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng phụ thuộc rất nhiều vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở. Nhiều cơ sở đảng, nhiều cơ quan đơn vị yếu kém kéo dài, nhưng khi thay đổi được đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, bố trí đúng cán bộ, là tình

Digitized by Google

hình có chuyển biến tốt, các huyện Hưng hà, Quỳnh phụ, Đông hưng... đã có nhiều kinh nghiệm trong việc kiện toàn cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở. Tùy hoàn cảnh, điều kiện của từng nơi mà chọn phương án bố trí cán bộ cho sát hợp. Trước hết, phải chọn những cán bộ có tinh thần trách nhiệm, năng động, nhạy bén trong xử lý các vấn đề do tình hình thực tế địa phương đặt ra, có tín nhiệm với quần chúng, có khả năng quy tụ xây dựng sự đoàn kết ở địa phương. Có nơi chỉ cần thay một trong ba cán bộ chủ chốt là bí thư, chủ tịch, hoặc chủ nhiệm hợp tác xã; có nơi phải thay đồng bộ, đưa cả một ê kíp mới lên. Dù thực hiện phương án nào cũng phải tiến hành thực sự dân chủ. Phải dựa vào cán bộ đảng viên và quần chúng để chọn lựa cán bộ. Đánh giá cán bộ phải công bằng, sòng phẳng. Trường hợp người cán bộ có năng lực, nhưng có khuyết điểm thì cũng phải chỉ rõ, có hình thức kỷ luật nếu cần, nhưng vẫn phải phát huy mặt mạnh của họ ở cương vị công tác thích hợp. Nếu chỉ bảo vệ cán bộ một chiều thì chỉ làm hư cán bộ. Khi cán bộ đã ổn định, cần xây dựng quy hoạch cán bộ để bảo đảm tính kế tục lâu dài của đội ngũ cán bộ. Muốn bố trí, khai thác và phát huy tốt năng lực cán bộ, phải có chính sách cán bộ đúng đắn, phù hợp với tình hình, hoàn cảnh, điều kiện thực tế từng nơi. Bảo đảm đãi ngộ hợp lý với khả năng đóng góp của cán bộ, chú trọng cả cán bộ đương chức và cán bộ đã nghỉ hưu.

Để giải quyết những cơ sở yếu kém, cơ sở có khó khăn phải tiến hành nghiên cứu, khảo sát, xác định đúng nguyên nhân để chọn biện pháp cho sát đúng. Hiện nay tình hình yếu kém và biểu hiện yếu kém của các cơ sở đảng đã khác trước. Tình trạng phổ biến hiện nay là mất đoàn kết, cục bộ, bè cánh, mâu thuẫn nội bộ. Mâu thuẫn nổi lên thường là mâu thuẫn giữa một số đảng viên với cấp ủy, giữa quần chúng với cán bộ lãnh đạo chủ chốt, giữa thôn này với thôn kia... Không có cách giải quyết đúng đắn mâu thuẫn đó sẽ làm cho tình hình phức tạp thêm. Theo số liệu thống kê, toàn tỉnh hiện có 19 đảng bộ xã, trên 20 đảng bộ, chi bộ cơ quan xí nghiệp... nội bộ mâu thuẫn, mất đoàn kết nặng nề. Muốn giải quyết tốt tình hình trên, phải có sự chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ của các cơ quan hữu quan cấp trên, nhưng phải có người chủ trì, chịu trách nhiệm chính, tránh tình trạng cơ quan nào cũng nghiên cứu, kiểm tra rồi kết luận tùy tiện theo góc độ, quan điểm chủ quan của mình. Cán bộ nào có sai lầm khuyết điểm, nhất là sai phạm về kinh tế, phải được kết luận rõ ràng, sòng phẳng. Đối với những tranh chấp trong nội bộ nhân dân, phải hết sức bình tĩnh trong việc xử lý, dùng thuyết phục giáo dục là chủ yếu, hết sức tránh biện pháp thô bạo. Có những trường hợp phải kiên trì chờ đợi, không được để các phần tử tiêu cực lợi dụng kích động quần chúng. Trường hợp đã rõ là vi phạm pháp luật, thì phải xử lý kịp thời và kiên quyết.

Sự nỗ lực chủ quan là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng và năng lực lãnh đạo của mỗi cơ sở đảng. Song **sự giúp đỡ, hướng dẫn của cấp trên là hết sức cần thiết**, nhất là đối với các cơ sở yếu kém, có khó khăn về các mặt. Mấy năm qua các đảng ủy khối, các huyện, thị ủy đã có nhiều chủ trương biện pháp củng cố cơ sở đảng, vực các cơ sở yếu kém dậy. Nhiều đồng chí bí thư, phó bí thư các huyện, thị ủy, đảng ủy đã trực tiếp nghe và giúp đỡ cơ sở. Nhiều vấn đề nếu không có sự giúp đỡ của cấp trên thì cơ sở không thể tự giải quyết được. Kinh nghiệm cho thấy, sự giúp đỡ của cấp trên không phải là bao biện làm thay cho cơ sở, mà chủ yếu

Digitized by Google

là định hướng, tạo điều kiện cho cơ sở, nhất là giúp cơ sở kết luận rõ đúng sai khi có vấn đề phát sinh ở cơ sở, giúp cơ sở tổng kết những bài học kinh nghiệm trong xây dựng kinh tế, trong công tác xây dựng đảng, xây dựng tổ chức... Đặc biệt, cần chú ý lựa chọn, bố trí đội ngũ cốt cán vững vàng cho cơ sở.

Kiện toàn, củng cố cơ sở đảng là nhiệm vụ thường xuyên của tất cả các cấp ủy đảng. Đảng bộ Thái bình đã cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ này, tuy vậy vẫn còn nhiều hạn chế. Hạn chế trước hết là do trình độ lãnh đạo của cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác đảng ở các cơ sở chưa được quán triệt đầy đủ. Mặt khác, hạn chế còn do cấp trên chưa thật quan tâm đến cơ sở. Trước nhiều chủ trương mới của đảng, cấp trên thiếu hướng dẫn kịp thời, do đó các tổ chức cơ sở không tránh khỏi tình trạng lúng túng, bị động, nhận thức và vận dụng mỗi nơi mỗi khác.

BÀN THÊM...

(Tiếp theo trang 51)

những đồng chí còn sức khỏe, có năng lực và phẩm chất, có thể sử dụng với những hình thức và việc làm thích hợp.

Năm là, xúc tiến việc xây dựng quy hoạch cán bộ. Lâu nay, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của chúng ta bị hẫng, không bảo đảm được tính liên tục, tính kế thừa; các cấp lãnh đạo không bảo đảm ba độ tuổi. Có tình trạng đó vì không làm quy hoạch cán bộ hoặc chỉ quy hoạch một cách hình thức.

Trong thời điểm chuyển tiếp giữa các thế hệ cán bộ lãnh đạo hiện nay, việc quy hoạch cán bộ càng quan trọng. Quy hoạch cán bộ nên theo hướng trẻ hóa, trí thức hóa, chú trọng phẩm chất chính trị, năng lực trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn của cán bộ.

Ba năm qua, việc tiến hành xây dựng quy hoạch cán bộ còn hình thức, lựa chọn cán bộ dự bị còn giản đơn. Có khi bí thư tỉnh ủy chọn hết các phó bí thư vào danh sách dự bị thay thế mình, các phó bí thư chọn hết các ủy viên thường vụ vào danh sách dự bị thay mình, còn các ủy viên thường vụ lại chọn gần hết các tỉnh ủy viên vào danh sách dự bị thay mình... Làm như vậy cho nên hầu hết cán bộ lãnh đạo đều nằm trong danh sách dự bị, đều chờ đợi quyết định đề bạt, hoặc lên làm ở cấp cao hơn. Do đó, có tình trạng nhiều cán bộ chỉ nhấp nhổm, mong ngóng, trông chờ làm việc ở cấp cao hơn, chứ không yên tâm, tập trung làm tốt công tác hiện tại.

Sáu là, xây dựng cơ chế quản lý cán bộ một cách khoa học và có chính sách đãi ngộ đúng đắn đối với cán bộ. Trước đây quản lý việc và quản lý người còn tách rời nhau, nay cần gắn quản lý người với quản lý việc làm một. Cơ quan quản lý công việc của cán bộ thì cũng quản lý con người, có quyền quyết định về cán bộ. Chính sách đãi ngộ cán bộ trước đây nặng về khuyến khích chạy theo chức vụ hành chính, nay coi trọng đãi ngộ thỏa đáng đối với những cán bộ có tài năng, có cống hiến thực sự, khuyến khích những người có phát minh, sáng chế.

Digitized by Google

Tội tham nhũng phải nghiêm trị thế nào?

BÙI TIẾN SINH

ÔNG VŨ DINH là vị quan án thời Tự Đức, nổi tiếng chính trực, công bằng. Một hôm cải trang đi thị sát kho, ông chợt thấy người coi kho lấy trộm mấy đồng tiền giấu vào túi áo rồi lẻn ra quán định uống rượu. Ông Dinh gọi anh ta lại, hỏi: «Anh lấy tiền kho ra quán để làm gì?». Người coi kho không biết ông là quan án nên đáp tỉnh bơ: «Làm gì thì mặc tui. Có một đồng cóc gặm chứ trăm ngàn chi mà làm ra bộ»

Ông Dinh cho lính bắt giữ anh ta lại, rồi về công sở lập bản án rằng:

«Nhất nhật nhất tiền
Thiên nhật thiên tiền
Thằng cứ mộc đoạn
Thủy trích thạch xuyên.

Một ngày một đồng. Ngàn ngày ngàn đồng... Dây cưa thì gỗ đứt. Nước chảy thì đá mòn. Tội biển thủ nếu không trị nặng lúc mới phát sinh, một ngày kia kho tàng nhà nước sẽ thành trống rỗng. Cho nên phải chém!».

Ông dâng bản án lên vua. Nhà vua xem liền cho «y án».

Thời kháng chiến chống thực dân Pháp, Trần Dụ Châu, cục trưởng cục quân nhu, cũng bớt xén các tiêu chuẩn nhà nước cấp cho bộ đội và lấy công quỹ ăn chơi xa xỉ. Được tin này, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất giận. Người đã yêu cầu tòa án quân sự kết án tử hình để giữ nghiêm phép quân, phép nước. Tòa án binh của ta bấy giờ đã nghiêm chỉnh thực hiện ý kiến của Người.

Hai án tử hình về tội tham nhũng kể trên thi hành trong hai hoàn cảnh và thời điểm rất khác nhau, nhưng đều giống nhau ở sự nghiêm khắc, không khoan nhượng. Nhờ nghiêm khắc và công minh trong xét xử, sau vụ Trần Dụ Châu, một thời gian dài tệ tham nhũng không xảy ra nghiêm trọng trong quân đội và các cơ quan nhà nước, mặc dầu bấy giờ trình độ quản lý của ta cũng chưa giỏi giang gì lắm.

Nhưng mấy năm gần đây tệ nạn này phát triển như một bệnh dịch, ngày càng nghiêm trọng, vì sao? Vì ta còn thiếu luật? Vì luật hình quá nhẹ? Hay vì xét xử không nghiêm? Theo tôi, có thể Bộ luật hình sự của ta, dù mới được Quốc hội bổ sung,

Digitized by Google

vẫn chưa bao quát hết các trường hợp phạm tội, nhất là khi chuyển sang cơ chế mới, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. **Nhưng chủ yếu là do hình phạt của ta còn nhẹ, và hơn nữa việc xét xử còn "quá nhẹ tay, còn hữu khuynh"**, như đồng chí N.V.L. đã nhận xét trong bài «Những việc cần làm ngay», đăng báo **Nhân dân** ngày 28-9-1990.

Làm thất thoát hàng chục tỷ đồng trong ngành ngân hàng, đục khoét và lừa dảo trong việc sử dụng quỹ dự trữ thóc quốc gia cho vào túi riêng, biến kho thật của nhà nước thành kho ma, kho giả... là những hành động hết sức nguy hiểm đối với an ninh quốc gia và an toàn xã hội. Đó là những trọng tội với Tổ quốc và nhân dân. So với hai án tử hình trong lịch sử đã nêu trên đây thì mức độ tham nhũng hiện nay nặng gấp nhiều lần, nhưng chưa một ai vì tham nhũng mà phải lĩnh hình phạt cao nhất.

Biểu hiện xét xử còn quá nhẹ tay, còn hữu khuynh, là **xét xử chậm, không vận dụng thích đáng những hình phạt nặng (kể cả phạt tù và phạt tiền), và còn để xử lý nội bộ quá nhiều trường hợp.** Cho nên hiệu quả răn đe và phòng ngừa của pháp luật đối với tội tham nhũng rất thấp. Những kẻ máu mê hơi đồng hễ có dịp là bòn rút, xà xẻo của công không thương tiếc. Chúng coi thường phép nước, ngồi xổm trên dư luận xã hội, tìm cách liên hệ, móc nối, lập cánh với nhau để ngày càng ăn cắp hoặc nhận hối lộ được nhiều hơn.

Quất mạnh ngọn roi công lý vào bọn ăn cắp của công và bọn ô dù bao che chúng, kịp thời bắt chúng phải chịu những hình phạt mạnh mẽ hơn và xứng đáng hơn, là một đòi hỏi khách quan, thuận với lòng mong mỏi của tuyệt đại đa số nhân dân cả nước.

Không nên nghĩ vận dụng những hình phạt cao nhất là thiếu nhân đạo, thiếu tình người. Bác Hồ nói «ăn cắp, tham ô, là giặc ở bên trong». Để cho giặc ở bên trong hoành hành dữ quá, thì cũng nguy hiểm, có khi mất nước, chẳng kém gì giặc ở bên ngoài. Thẳng tay trừng trị bọn tham nhũng là ổn định xã hội, thực hiện công bằng xã hội, là nhân đạo với số đông, những người lao động chân chính và trung thực.

Nhưng cũng không nên nghĩ những hình phạt nặng như án tử hình, tù cấm cố là những cái đủ làm chúng sợ. Với bọn tham lam, tối mắt tối mũi vì đồng tiền, chúng có thể đánh đổi việc đi tù hai năm, năm năm, để cả gia đình sung túc vật chất suốt đời; chúng có thể nhận án chung thân để cả nhà chúng giàu có mấy đời. Nếu gặp cơ hội có thể dục khoét hàng tỷ đồng thì có đứa còn dám tử vì... «tiền», chấp nhận cả giá treo cổ.

Cái làm chúng sợ nhất là hình phạt nặng về kinh tế, sợ khuynh gia, bại sản, phải sống khổ suốt đời. Nếu tham ô một đồng mà phải đền 3 đồng, biển thủ 5 — 10 triệu mà phải bồi hoàn 30 — 50 triệu, phải bị bao vây, tịch biên và bán đấu giá tài sản để nộp phạt, và nếu không đủ, khi mãn hạn tù còn phải lao động để bồi hoàn tiếp... thì không những kẻ tham nhũng phải sợ, mà cha mẹ, vợ chồng, con cái, những người thân thích của chúng cũng phải sợ mà cảnh giác can ngăn.

Đáng tiếc, các vụ tham nhũng lớn đã xét xử ở nước ta chưa vụ nào có hình phạt kinh tế thật thích đáng, đủ sức răn đe và đánh động dư luận xã hội. Nhiều vụ thu lại không đủ số tài sản nhà nước bị chúng biển thủ hoặc làm thất thoát; chưa nói đến phần tiền đáng lẽ phải phạt thêm rất nhiều lần, vì hành động tham nhũng đã phá hoại nền kinh tế — tài chính và an toàn xã hội. Xét xử nhẹ tay như vậy làm sao dạy được bọn một

Digitized by Google

dân biết sợ phép nước? Làm sao xóa được mối ngờ vực trong dư luận xã hội? Làm sao tạo được chỗ dựa vững chắc cho những người liêm khiết thẳng thắn đấu tranh?

Muốn chống tham nhũng có kết quả, — nâng cao trình độ quản lý tài chính, vật tư, tổ chức kiểm tra phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm, rà soát để sửa đổi hoặc hủy bỏ những quy định cũ không còn thích hợp, đưa ra những quy định mới để bít chặt kẽ hở... là những việc phải làm khẩn trương, đồng bộ. **Nhưng xét xử nhanh và vận dụng hình phạt nặng, đặc biệt phạt nặng về kinh tế, mới là biện pháp hữu hiệu nhất**, có tác dụng ngăn chặn nhanh nhất tình trạng phạm tội.

Với kẻ đam mê đồng tiền bất chính, coi việc ăn cắp của công và nhận hối lộ như một tài năng, số đỏ, thì việc thẳng thừng tước đoạt lại túi tiền của chúng sung vào công quỹ, dành cho chúng và những người thân của chúng sự khốn khó về vật chất... sẽ có tác dụng thức tỉnh chúng điều chỉnh hành vi hơn gấp vạn lần những lời kêu gọi về sự tự giác, về nhân cách và đạo đức. Có phải thế chăng?

Câu chuyện dân gian

HỒNG TÂM

TÔI vào công tác ở các tỉnh miền Nam, nghe được câu chuyện sau:

Cơ quan nọ ngày thường người ra vào nhộn nhịp, cán bộ, từ thủ trưởng đến nhân viên, ai cũng vui vẻ. Bỗng nhiên mấy hôm nay không khí đổi hẳn. Thủ trưởng và các nhân viên gần gũi lo lắng, buồn ra mặt, làm cho cơ quan trở nên nặng nề. Chắc có chuyện gì mất mát lớn mới xảy ra đây. Hỏi ra mới biết: cơ quan sắp cử Ban chống tham nhũng.

Ít ngày sau, người ta đến cơ quan lại thấy một không khí khác. Mọi người trở lại vui tươi, có khi hơn trước. Thủ trưởng, phó thủ trưởng, nhân viên cười cười, nói nói, vui lạ thường, như có tin vui lớn. Hỏi ra mới biết: cơ quan mới nhận được chỉ thị ở trên là trưởng Ban chống tham nhũng phải là thủ trưởng hoặc phó thủ trưởng.

Ra đến Hà nội, tôi lại nghe câu chuyện đúng như thế. Vậy hóa ra đây là chuyện dân gian cả nước.

Digitized by Google

MẤY ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC KINH TẾ – XÃ HỘI Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG

TRẦN VINH *

XÂY dựng chiến lược kinh tế – xã hội cho đất nước là vấn đề mới mẻ, phức tạp, đòi hỏi nhiều trí tuệ và công sức. Việc xây dựng chiến lược của các ngành và các địa phương chính là tiếp tục cụ thể hóa chiến lược phát triển chung của cả nước, bổ sung và hoàn chỉnh dự thảo chiến lược chung và làm căn cứ để định hướng cho kế hoạch 5 năm 1991 – 1995. Sau khi triển khai việc xây dựng chiến lược kinh tế – xã hội, các tỉnh và thành phố vẫn còn những băn khoăn về mối quan hệ giữa cương lĩnh, chiến lược kinh tế – xã hội và kế hoạch 5 năm; vẫn còn lúng túng trong việc xác định các yêu cầu cần có của chiến lược phát triển một địa phương; vẫn còn xu hướng « nghe ngóng », chờ đợi ở sự phân công của trung ương đối với địa phương mình..

Từ những băn khoăn lúng túng đó, qua bài viết này, tôi muốn trao đổi một số kinh nghiệm đã đúc kết được trong quá trình tham gia soạn thảo chiến lược.

Trước hết, có thể hiểu **cương lĩnh** là văn kiện trong đó xác định mục tiêu chung và những quan điểm cơ bản, những định hướng có ý nghĩa xuyên suốt cho cả một thời kỳ cách mạng lâu dài mà kết thúc thời kỳ đó sẽ làm thay đổi căn bản toàn bộ hệ thống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của một quốc gia. Cương lĩnh thể hiện tư tưởng chính trị chủ đạo của một chính đảng về thời đại, về mục tiêu và các phương thức chủ yếu tiến hành cách mạng.

Chiến lược là sự cụ thể hóa mục tiêu chung và các quan điểm cơ bản của cương lĩnh cho một giai đoạn phát triển nhất định. Chiến lược kinh tế – xã hội luôn luôn là sự lựa chọn có căn cứ khoa học các mục tiêu cần ưu tiên cho một thời kỳ, thường từ 10 đến 20 năm, là việc xác định hệ quan điểm phát triển gắn với thời kỳ đó và đề ra được hệ thống các giải pháp lớn phù hợp với quan điểm phát triển nhằm thực hiện tốt các mục tiêu. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt nội dung của chiến lược là bảo đảm đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng con người, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về vật chất và tinh thần của họ trên cơ sở một tốc độ tăng trưởng nhanh về kinh tế, làm cho con người thật sự

* Phó tiến sĩ kinh tế học

Digitized by Google

vừa là mục tiêu, vừa là động lực thực hiện chiến lược. Chiến lược phải thể hiện được sự kết hợp hài hòa trong việc khai thác tối đa các lợi thế bên trong cùng với việc thu hút cao nhất các nguồn lực bên ngoài, phát huy được sức mạnh tổng hợp của dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại, với sự chú ý đầy đủ các xu hướng phát triển của thế giới. Chiến lược đứng trên quan điểm toàn cục để xem xét và giải quyết các vấn đề bức xúc như tạo việc làm, tạo nguồn vốn và sử dụng vốn, xây dựng thị trường trong nước và xâm nhập thị trường nước ngoài, trong đó có chú ý đến các cân đối lớn: cân đối tổng cung và tổng cầu, cân đối thu chi ngân sách, tích lũy—tiêu dùng, cân đối cán cân thanh toán, nhưng không sa vào các cân đối liên ngành cụ thể như trong các kế hoạch dài hạn.

Kế hoạch kinh tế quốc dân được coi là **cương lĩnh thứ 2 của Đảng**. Điều đó thể hiện ý nghĩa và sự liên quan giữa cương lĩnh với kế hoạch. Kế hoạch được lập thường xuyên và là sự cụ thể hóa của chiến lược kinh tế—xã hội, vì mỗi giai đoạn chiến lược thường bao hàm một số kỳ kế hoạch 5 năm cùng với nhiều kế hoạch hàng năm. Trong kế hoạch, người ta tiến hành tính toán có căn cứ khoa học các mục tiêu cụ thể, xây dựng các dự án, đề ra những biện pháp nhằm từng bước thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chiến lược. Kế hoạch được xây dựng với sự cân đối theo từng yếu tố của nguồn lực phát triển, khai thác các khả năng thực tế, tổ chức thực hiện có trọng điểm các nhiệm vụ trong từng thời gian.

Như vậy, việc xây dựng cương lĩnh, chiến lược và kế hoạch là những công việc rất cần thiết, đó vừa là những nấc thang trong quá trình nhận thức, vừa là các bước đi của quá trình tổ chức và chỉ đạo hoạt động thực tiễn theo yêu cầu vận động của quy luật khách quan. Quá trình này dĩ nhiên cần có sự theo dõi, bổ sung và điều chỉnh thường xuyên, liên tục.

Ở nước ta, sau **Cương lĩnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân** năm 1930 của Đảng, mỗi kỳ đại hội đảng—từ Đại hội III (1960) đến Đại hội VI (1986)—đều đề cập đến những vấn đề có tính cương lĩnh về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, những vấn đề này sẽ được đúc kết thành **Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam.**

Việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế—xã hội lần này là **mới mẻ**, mặc dù chúng ta đã có kinh nghiệm xây dựng và chỉ đạo thành công các chiến lược nhằm đánh thắng các thế lực đế quốc và phản động xâm lược nước ta. Việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế—xã hội của đất nước đã tiến hành từ nhiều năm và bản dự thảo của nó sắp được đưa ra cho nhân dân thảo luận, góp ý.

Xuất phát từ chiến lược chung của toàn quốc, cần xây dựng chiến lược phát triển kinh tế — xã hội cho từng địa phương. Tuy nhiên, không thể coi kinh tế mỗi địa phương như một cơ thể hoàn chỉnh, như một đơn vị độc lập, mà phải coi đó như một bộ phận hợp thành của nền kinh tế quốc dân, do đó, chiến lược phát triển kinh tế—xã hội của địa phương phải được đặt trong mối liên hệ chung với chiến lược phát triển kinh tế—xã hội của toàn quốc. Quan điểm xây dựng hệ thống kinh tế mở cho thấy không thể tách kinh tế địa phương ra khỏi nền kinh tế quốc dân, cũng như không thể tách nền kinh tế nước ta ra khỏi kinh tế thế giới.

Những nội dung của chiến lược toàn quốc (như các mục tiêu tổng quát, các quan điểm phát triển, định hướng chung về cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế, các chính sách lớn v.v.) có ý nghĩa chỉ đạo và đóng vai trò quan trọng tạo nên khung cảnh chung cần thiết để các

Digitized by Google

địa phương phát huy năng lực chủ động sáng tạo. Song chiến lược của địa phương không thể chỉ là sự thu nhỏ phạm vi, càng không phải là sự nhắc lại nội dung của chiến lược toàn quốc. Để việc xây dựng chiến lược cho địa phương đạt kết quả tốt, cần chú ý các yêu cầu sau đây :

1 – Mỗi địa phương cần thu thập tài liệu, điều tra chính xác, đánh giá đúng thực trạng kinh tế – xã hội, trình độ phát triển của địa phương mình, xác định đúng các nguồn lực có thể sử dụng được, tìm ra các lợi thế so sánh của địa phương mình trong mối liên hệ với các địa phương khác. Việc xác định các nguồn lực bao gồm không chỉ tài nguyên thiên nhiên, sức lao động, cơ sở vật chất – kỹ thuật mà cả vị trí địa lý tạo nên các mối giao lưu kinh tế với các vùng khác và với nước ngoài. Đánh giá tài nguyên không phải theo lối liệt kê mà trên quan điểm công nghệ hiện có và sẽ có, hiệu quả kinh tế mang lại khi khai thác và chế biến. Đánh giá lợi thế so sánh không được rập theo khuôn sáo chung, với cái nhìn bất biến, dựa chủ yếu vào điều kiện tự nhiên, mà phải gắn liền với những điều kiện kinh tế – xã hội nhất định, đặt trong bối cảnh hiện có của thị trường trong nước và quốc tế, tìm ra khả năng phát triển và nhu cầu thanh toán cho từng loại sản phẩm và ngành hàng quan trọng.

2 – Căn cứ vào đặc điểm, trình độ và lợi thế so sánh của địa phương mà vận dụng chiến lược chung của toàn quốc để xác định các mục tiêu cụ thể, tìm ra những hướng ưu tiên, các giải pháp sát hợp với điều kiện của địa phương.

Mỗi tỉnh thường tập trung vào xác định ngành và sản phẩm mũi nhọn của mình. Tuy nhiên, do chưa hiểu biết đầy đủ về ngành mũi nhọn, có tỉnh đã đề ra đến 3 – 4 ngành mũi nhọn. Như vậy là không thực tế. Khi xác định ngành mũi nhọn, phải chú ý trước hết đến tương lai phát triển trong hàng chục năm tới của ngành, cả về kỹ thuật và kinh tế, trong đó việc dự báo nhu cầu của thị trường có ý nghĩa quyết định. Ngành mũi nhọn không chỉ là ngành có tỷ trọng lớn, có khối lượng sản phẩm nhiều. Nó phải có nhịp độ phát triển nhanh, có khả năng thúc đẩy và lôi kéo nhiều ngành khác phát triển, có thể chiếm lĩnh thị trường trong nước và ngoài nước, có đóng góp đáng kể cho tích lũy, do đó, nó phải có trình độ kỹ thuật và vốn đầu tư tương ứng. Hình thành ngành mũi nhọn là cả một quá trình, không thể chủ quan nóng vội, cần có sự hội tụ các điều kiện cần thiết ở mức độ nhất định. Quá trình này cần có sự bổ sung, điều chỉnh và được kiểm nghiệm qua thực tiễn.

Vấn đề huy động vốn, tạo việc làm cho người lao động và tạo điều kiện thuận tiện cho giao lưu hàng hóa ở từng địa phương cũng đòi hỏi những giải pháp cụ thể. Phải nghiên cứu tâm lý, tập quán và nhu cầu đặc thù của nhân dân địa phương để có những biện pháp thích hợp làm cho mọi người an tâm, tin tưởng, từ đó có thể huy động vốn đầu tư lâu dài, kết hợp với các nguồn đầu tư khác, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động kinh tế. Cụ thể, có nơi phải nghiên cứu kinh tế biển, có nơi cần chú ý kinh tế rừng, có nơi lại quan tâm các cây công nghiệp, v.v.

3 – Những vấn đề xã hội chiếm một vị trí trọng yếu trong chiến lược kinh tế – xã hội, nhưng muốn thành công, chính sách xã hội phải được kết hợp nhuần nhuyễn với chính sách kinh tế. Các đặc điểm dân tộc, truyền thống địa phương, trình độ văn hóa, y tế, giáo dục, nguyện vọng của nhân dân, v.v. cần được quan tâm nghiên cứu và có giải pháp cụ thể phù hợp với từng địa phương, bảo đảm sự phát triển bình đẳng giữa các dân

Digitized by Google

tộc, đáp ứng được các nhu cầu hợp lý và động viên được sự ủng hộ của đồng bào các dân tộc ở địa phương.

4 — Từng bước hình thành môi trường sản xuất kinh doanh thuận lợi, đưa nền kinh tế — xã hội đi vào kênh phát triển mới bằng lực nội sinh của mình, thoát khỏi thế bị động, lúng túng, trì trệ. Điều này vừa liên quan đến toàn quốc, vừa mang sắc thái của từng vùng. Mỗi địa phương nghiên cứu để tạo lập các điều kiện cần thiết cho môi trường phát triển kinh tế hàng hóa (các yếu tố kết cấu hạ tầng, sự phân công lao động xã hội, tạo điều kiện cho các yếu tố của thị trường phát triển). Tùy theo ngành trọng điểm của mình, mỗi địa phương nghiên cứu xây dựng các mô hình tổ chức sản xuất và quản lý thích hợp, trong đó chú ý giải quyết các mối quan hệ giữa ngành và lãnh thổ, giữa trung ương và địa phương, v.v.

Sức mạnh của một vùng lãnh thổ là ở khả năng thu hút cũng như sức lan tỏa của nó đối với các vùng xung quanh. Bởi vậy, chiến lược của mỗi địa phương cần giải đáp vấn đề tăng cường khả năng giao lưu kinh tế của địa phương với các địa phương khác và với nước ngoài, từng bước nâng cao khả năng tham gia phân công lao động trong nước và trên trường quốc tế.

Quá trình nghiên cứu xây dựng chiến lược của từng địa phương cần được kết hợp chặt chẽ với việc xây dựng chiến lược từng ngành và chung của cả nước, đồng thời hết sức coi trọng việc tổ chức thực hiện và thường xuyên điều chỉnh chiến lược do các yêu cầu thực tiễn đòi hỏi.

SỨC KHỎE...

(Tiếp theo trang 47)

và lâu dài. Trước hết phải có đủ y sĩ, nữ hộ sinh, cán bộ y học dân tộc và dược tại trạm, có mạng lưới chân rết gồm các y tá ở các điểm dân cư, các đội sản xuất. Hướng hoạt động y tế cơ sở vào việc thực hiện giáo dục sức khỏe, dự phòng và chữa bệnh kịp thời theo chương trình GOBIF (theo dõi cân nặng trẻ em từ 0 đến 3 tuổi; uống ôrêdôn khi ỉa chảy, khuyến khích bú sữa mẹ sớm và lâu, tiêm chủng mở rộng 6 loại vác xin, và kế hoạch hóa gia đình).

6 — Nâng cao hơn nữa sự lãnh đạo của đảng, chính quyền, phát huy trách nhiệm của các ngành, các đoàn thể; tăng cường sự hoạt động của Ủy ban thiếu niên và nhi đồng đối với công tác chăm sóc sức khỏe thanh thiếu niên. Đây là khâu hết sức quan trọng, y tế cần làm tham mưu và nòng cốt trong việc xây dựng kế hoạch, quy chế, chế độ, kiểm tra, tổng kết, khen thưởng, phổ biến những kinh nghiệm tiên tiến và uốn nắn kịp thời những lệch lạc trong nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe thanh thiếu niên.

Những năm vừa qua chúng ta đã động viên toàn dân thực hiện có hiệu quả nhiều chương trình như: tiêm chủng mở rộng, chống mù lòa do thiếu vi ta min A, chống đần độn trẻ em do thiếu i ốt chống ỉa chảy, chống nhiễm trùng đường hô hấp trên, chống suy dinh dưỡng... nên tỷ lệ trẻ em chết dưới 1 tuổi là 46‰. Đây là chỉ số thấp và vượt xa các nước có thu nhập bình quân đầu người dưới 300 USD/năm. Phát huy những kết quả bước đầu đã đạt được, cùng với sự nỗ lực chung của các ngành, các cấp và toàn xã hội, nhất định chúng ta sẽ khắc phục được tình trạng báo động về sức khỏe của thanh thiếu niên hiện nay, tạo tiền đề vững chắc cho việc thực hiện chiến lược con người của Đảng ta.

Digitized by Google



BA THẾ HỆ CHỦ NGHĨA THỰC DÂN

PHAN LANG

KHÁI niệm chủ nghĩa đế quốc đã xuất hiện từ cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19. Năm 1902, Hốp-xơn (Anh) cho xuất bản một quyển sách mà theo đánh giá của Lê-nin, tuy đứng trên lập trường sai trái, nhưng « vẫn mô tả được rất hay và tỉ mỉ những tính chất chính trị và kinh tế của chủ nghĩa đế quốc ». Năm 1910, lại thêm một nhà nghiên cứu nữa tên là Hin-phéc-đinh (Áo) cho ra mắt bạn đọc một cuốn sách cũng viết về đề tài trên, và vẫn theo đánh giá của Lê-nin, tuy « có khuynh hướng nào đó muốn điều hòa chủ nghĩa Mác với chủ nghĩ cơ hội » nhưng « đó vẫn là một bản phân tích lý luận hết sức quý giá về giai đoạn mới nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ».

Tuy nhiên, chỉ từ sau khi ra đời tác phẩm nổi tiếng của Lê-nin « Chủ nghĩa đế quốc – giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản » thì lần đầu tiên, chủ nghĩa đế quốc mới được nhận dạng một cách thật đầy đủ, toàn diện, khoa học.

Ở nước ta, với cách nói hình tượng, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng vạch rõ chủ nghĩa đế quốc là con đỉa hai đầu. Trên **Tạp chí Cộng sản** có tác giả đã bàn về « đầu thứ nhất », trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được khoanh lại, tập trung bàn về cái « đầu thứ hai » – chính sách thực dân, sự bóc lột của chủ nghĩa đế quốc đối với các quốc gia trên thế giới.

Từ khi ra đời đến nay, chủ nghĩa đế quốc trước sau vẫn nhằm một cái đích bất biến : bóc lột giá trị thặng dư của lao động chính quốc và tước đoạt thành quả lao động của nhân dân các quốc gia khác. Song, do bối cảnh lịch sử mỗi giai đoạn một khác, cho nên chủ nghĩa đế quốc không thể không thiên biến vạn hóa. Tính đến nay, đã có 3 thế hệ chủ nghĩa thực dân có thể coi như là ba bộ mặt của chủ nghĩa đế quốc lần lượt ra đời.

Chủ nghĩa thực dân thế hệ 1

Đây là chủ nghĩa thực dân cũ, có tuổi thọ kéo dài trong suốt thế kỷ 19 cho đến giữa thế kỷ 20.

Đặc trưng chủ yếu của nó là thực hiện thống trị trực tiếp.

Chủ nghĩa thực dân cũ rất dễ nhận ra. Với bộ máy cai trị bao gồm các

Digitized by Google

quan lại chính quốc được bổ trợ bởi bộ máy bù nhìn bản xứ, chủ nghĩa thực dân cũ triệt để khai thác, bòn rút tài nguyên của các thuộc địa, thẳng tay tước đoạt thành quả lao động của nhân dân bản xứ, biến các thuộc địa thành thị trường tiêu thụ hàng hóa « mẫu quốc »

Chủ nghĩa đế quốc xâm chiếm thuộc địa bằng nhiều con đường khác nhau. Hoặc bằng trực tiếp xâm lược vũ trang, hoặc bằng mua bán trao tay hay chiến tranh giành giật giữa các đế quốc

Đến đầu thế kỷ này, hệ thống thuộc địa của một số nước đế quốc như sau:

Nước	Diện tích đất thuộc địa (triệu km^2)	Số dân thuộc địa (triệu người)
Anh	33,5	393,5
Nga (Xa hoàng)	17,4	33,2
Bỉ	11,5	361,2
Pháp	10,6	55,5
Đức	2,9	12,3
Mỹ	0,3	9,7
Nhật	9,3	19,2

Nhìn tổng quát, nếu năm 1800 có 35% đất đai thế giới thuộc quyền kiểm soát của một số nước đế quốc thì năm 1878 con số đó là 67% và năm 1914 là 84%.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, cao trào cách mạng giải phóng dân tộc sôi sục ở nhiều lục địa. Góp phần vào cao trào đó, cuộc kháng chiến 3 nghìn ngày của nhân dân ta với chiến thắng Điện biên phủ là một sự kiện quan trọng « đã đóng một cây thập tự » lên nấm mồ chủ nghĩa thực dân Pháp như lời thú nhận của Xanh-tơ-ni, mở ra thời kỳ tan rã từng mảng lớn của hệ thống thuộc địa của các nước đế quốc.

Là nước đế quốc sinh sau đẻ muộn, rút kinh nghiệm thất bại của những kẻ đi trước, Mỹ đã nhanh chóng chuyển sang một dạng chủ nghĩa thực dân khác

Chủ nghĩa thực dân thế hệ 2

Đặc trưng của loại hình này là thực hiện thống trị gián tiếp, thông qua bộ máy ngụy quyền tay sai bản xứ, dưới sự chỉ đạo và giám sát trực tiếp của các tòa đại sứ chính quốc.

Để có chỗ dựa xã hội, ngoài bộ máy ngụy quân ngụy quyền, chủ nghĩa thực dân mới chủ động tạo ra một giai cấp tư sản mại bản có quyền lợi gắn chặt với quyền lợi của chủ nghĩa đế quốc. Để kiểm soát chặt chẽ thuộc địa, biện pháp mà chủ nghĩa thực dân mới ưa chuộng là quân phiệt hóa bộ máy ngụy quyền. Ở Việt nam ta, những tên cầm đầu bộ máy ngụy quyền trước đây phần lớn là quân nhân được Mỹ cất nhắc, sử dụng.

Với chủ nghĩa thực dân mới, với lá cờ độc lập giả hiệu trương lên ở các thuộc địa, các thế lực đế quốc tưởng có thể xoa dịu, làm chệch hướng cuộc đấu tranh của các dân tộc, thực hiện trót lọt cái đích theo đuổi lợi nhuận tối đa. Trên thực tế, ở những nơi mà chủ nghĩa đế quốc mới bắt đầu quá trình bỏ vốn đầu tư và đang phải đối phó với cuộc kháng chiến của nhân dân bản xứ, chẳng hạn như ở miền Nam nước ta trước đây, thì mục tiêu của chủ nghĩa đế

Digitized by Google

quốc nhằm tước đoạt thành quả lao động của nhân dân bản xứ, có thể chưa triển khai được. Mặt khác, đối với nước có chiến lược toàn cầu như Mỹ, thì việc săn đuổi lợi nhuận phải được xem xét trong tổng thể. Ở các thuộc địa kiểu mới có vị trí chiến lược quan trọng thì việc biến các thuộc địa đó thành căn cứ quân sự, thành cái chốt ngăn chặn làn sóng cách mạng đang trực tiếp đe dọa toàn hệ thống thuộc địa của chúng trong khu vực, có thể được các thế lực đế quốc đặt lên hàng đầu.

Chủ nghĩa thực dân thế hệ 3

Chủ nghĩa thực dân thế hệ 3 ra đời trong bối cảnh mà chủ nghĩa thực dân nói chung đã làm vào cảnh hoang tàn, đổ nát.

Đặc trưng chủ yếu của loại hình này, theo cách nói của một số tờ báo nước ngoài, là « không hình bóng ». Nó không thống trị trực tiếp, cũng không thống trị gián tiếp, không xuất đầu lộ diện, thậm chí có thể không có quan hệ ngoại giao với các nước là đối tượng, song vẫn tìm cách đạt được cái đích kinh tế cuối cùng, bằng một loạt con đường ngoắt ngoéo không dễ nhận thấy ngay.

Nó cho các nước đang phát triển vay nợ với lãi suất « bắt chẹt » (có khi còn đi kèm những yêu sách về chính trị). Biết vậy, nhưng túng thì phải tính, nhiều nước vẫn phải chấp nhận, và như thế là một bộ phận rất quan trọng thu nhập quốc dân của các nước con nợ đã chui tọt vào hầu bao các nước đế quốc. Trên thế giới hiện nay, không ít nước con nợ sau khi trả lãi, thu nhập về xuất khẩu chỉ còn lại chút ít. Số tiền mà các nước nợ đã lên tới 1 300 tỷ đô la, trong đó, có nước đã phải thú nhận là không có khả năng trả nợ.

Theo một tài liệu nước ngoài, chỉ riêng ở các nước châu Mỹ la tinh và cũng chỉ mới bằng con đường cho vay nợ lãi, các công ty siêu quốc gia phương Tây hằng năm đã tước đoạt được hơn 30 tỷ đô la Mỹ.

Chưa hết, chủ nghĩa thực dân « không hình bóng » còn giở lá bài ép mua ép bán bất bình đẳng với các nước đang phát triển, nhất là các nước chậm phát triển gồm khoảng 42 quốc gia.

Sự chiếm đoạt của chủ nghĩa thực dân thế hệ 3 đã nặng nề tới mức làm dấy lên phong trào đấu tranh quyết liệt đòi lập lại trật tự kinh tế mới trong quan hệ Bắc — Nam, ở các nước dân tộc.

Trên đây, là thủ đoạn « đế quốc kinh tế ».

Trên các lĩnh vực khác, hoạt động của chủ nghĩa thực dân « không hình bóng » cũng không kém phần ráo riết.

Ngày nay, các thế lực đế quốc, tuy ngồi từ xa, rất xa, vẫn có thể dùng bộ máy thông tin đại chúng khổng lồ có ưu thế áp đảo, tác động hằng ngày, hằng giờ đến đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng, văn hóa của các nước thuộc thế giới thứ ba. Bọn đế quốc tính rằng, chi cho hoạt động này một đô la nhiều lúc còn mang lại cho chúng hiệu quả tốt hơn là chi 100 đô la mua sắm vũ khí chống phong trào cách mạng ở các nước. Cựu tổng thống Nich-xơn đã từng đòi quốc hội Mỹ thông qua quyết định tăng gấp mười lần chi phí cho hoạt động « thông tin đại chúng », và đúng là Nhà trắng đang làm như thế. Chỉ tính riêng khoản chi cho « Mác-ty TV » chống Cu-ba, Mỹ đã sử dụng một ngân quỹ tới hơn 700 triệu đô la. Xin chớ xem thường hoạt động này của phương Tây. Những biến động ở Đông Âu, những khó khăn hiện có ở Liên xô, cùng « làn sóng thuyền nhân » bỏ Tổ quốc ra đi ở Việt nam, đều có phần bắt nguồn từ « tác động được điều khiển từ xa » của bộ máy thông tin đại chúng phương Tây!

Digitized by Google

Trên đây là thủ đoạn «đế quốc văn hóa».

Thế giới ngày nay đang ở giữa dòng xoáy của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật. Đối với các nước đang phát triển, đây vừa là thời cơ để bứt lên thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, vừa là nguy cơ có thể tụt hậu xa hơn nữa.

Để tiến lên, các nước này có nhu cầu tiếp nhận đầu tư của nước ngoài, Nhất là về kỹ thuật, dây chuyền công nghệ mới, v.v. Kể từ những năm cuối thập kỷ 70 trở đi, cơ cấu mậu dịch thế giới có sự thay đổi rất đáng chú ý: mậu dịch kỹ thuật có tốc độ tăng trưởng gấp đôi so với mậu dịch hàng hóa nói chung. Ở một số nước phương Tây, thu nhập bằng mậu dịch kỹ thuật đạt gần bằng thu nhập của mậu dịch hàng hóa.

Công bằng mà nói, nhờ dựa vào kỹ thuật, công nghệ mới, vốn đầu tư của phương Tây, một số nước đang phát triển, trong đó có những nước cách đây vài chục năm ở cùng một vạch xuất phát với nước ta, nay đã đạt được những thành quả kinh tế đáng kể. Xin nêu lên dưới đây tốc độ tăng về tổng thu nhập quốc dân bình quân hằng năm của một số nước đó trong quãng thời gian từ 1980 đến 1987 (theo số liệu của Trung tâm thông tin — Ủy ban kế hoạch nhà nước Việt nam):

Nam Triều-tiên	:	8,6%
Hồng-kông	:	5,8%
Xin-ga-po	:	5,1%
Thái-lan	:	5,6%
Ma-lai-xi-a	:	4,5%

Trung quốc, một khách hàng rất đáng kể của phương Tây trong việc nhận chuyển nhượng kỹ thuật, công nghệ mới, cũng đạt tốc độ tăng thu nhập quốc dân tới 10,40%.

Thế nhưng, mới đây trong một công trình nghiên cứu (do Nhà xuất bản quân sự Trung quốc phát hành), tác giả Quách Châu Viên đưa ra một lời khuyến cáo rằng «các nước đang phát triển phải đặc biệt quan tâm vấn đề thế giới phương Tây dùng kỹ thuật khống chế mình». Điều làm nhiều người phải suy nghĩ, đó là cái giá đắt mà «các con rồng kinh tế» đã phải trả. Ngoài việc phải chịu để cho các nước chuyển nhượng kỹ thuật tước đoạt quá đáng, biến mình thành nơi tiếp nhận những tệ nạn xã hội của thế giới phương Tây, có nước khách hàng còn trở thành «con tin nguyên tử» để các thế lực đế quốc đặt căn cứ quân sự, căn cứ hạt nhân trên lãnh thổ nước mình.

Trên đây, là thủ đoạn «đế quốc kỹ thuật».

Việt nam ta đã có chính sách mở cửa, cũng đang cần tiếp nhận vốn đầu tư kỹ thuật, công nghệ mới của phương Tây và cũng không thể không trả giá coi như một khoản học phí, bởi lẽ đã nói giao lưu kinh tế, thì không thể có chuyện cho không nhau. Thế nhưng, đó phải là cái giá thỏa đáng, có thể chấp nhận: độc lập dân tộc của nước nhận kỹ thuật và vốn đầu tư phải toàn vẹn và không chỉ một bên mà hai bên đều có lợi.

★

Điểm lại sự biến hóa của các thế hệ chủ nghĩa thực dân, không chỉ để tự trang bị cho mình những nhận thức đúng đắn về bản chất chủ nghĩa đế quốc cho dù nó thay hình đổi dạng khôn khéo như thế nào, mà qua đó, còn hoàn thiện thêm những hiểu biết của chúng ta về nó.

Chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản — luận điểm này được Lê-nin đúc kết cách đây 71 năm, nay vẫn giữ nguyên giá trị. Tuy nhiên, tuyệt đối không thể đánh giá thấp khả năng tự điều chỉnh, khả năng thích nghi khá nhanh nhạy của chủ nghĩa đế quốc với «môi trường». Do đó, cũng «không thể hiểu một cách quá đơn giản, thô thiển về sự «giãy chết» của chủ nghĩa tư bản trong bối cảnh đầy phức tạp của thế giới hiện đại.

Digitized by Google

Cải cách ở Trung quốc
— THÀNH CÔNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ PHỨC TẠP *

VÕ THỦ PHƯƠNG — TRỊNH TẤT ĐẠT

CUỘC cải cách ở Trung quốc được bắt đầu từ mùa thu năm 1978. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế, về thực chất, đây là một cuộc cách mạng lớn lao và sâu sắc.

Cải cách được tiến hành thận trọng, từ nông thôn đến thành thị, thí điểm trên diện hẹp, kiểm nghiệm ở quy mô nhỏ rồi mới nhân rộng ra cả nước.

Cải cách ở Trung quốc có thể chia ra làm ba giai đoạn.

Giai đoạn I (từ mùa thu năm 1978 đến tháng 10-1984) : nội dung của giai đoạn này là cải cách cơ cấu tổ chức ở nông thôn mà thực chất là từ bỏ « công xã nhân dân » — một hình thức « hợp tác » mang tính cưỡng bức đã cản trở sự phát triển của sản xuất, khôi phục các cơ quan quyền lực ở nông thôn, thực hiện các biện pháp kích thích lợi ích cá nhân để tạo động lực phát triển sản xuất, đồng thời kết hợp chặt chẽ lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, duy trì sở hữu tập thể về ruộng đất. Có thể coi đây là sự vận dụng những quan điểm của Lê-nin trong « Chính sách kinh tế mới » vào tình hình thực tế của Trung quốc.

Ở nông thôn, cải cách được đánh dấu trước hết bằng việc thực hiện chế độ khoán hộ gia đình, thay thế cho chế độ công xã. Nhờ biện pháp này mà nông dân Trung quốc đã thực sự « trở về » với ruộng đất của mình, tính tích cực của họ được thức tỉnh. Biện pháp này được thực hiện rộng rãi, đã làm thay đổi tận gốc bộ mặt nông thôn. Nó là cơ sở để triển khai các biện pháp cải cách khác.

Trong việc đổi mới quan hệ giữa nhà nước và nông dân, một mặt nhà nước vẫn giữ vai trò điều tiết, mặt khác nhà nước coi trọng quy luật giá trị, thực hiện cải cách giá thu mua nông sản. Trong hai năm 1979 — 1980

* *Tài liệu sử dụng để viết bài :* một số văn kiện chính thức của ĐCS Trung quốc, và một số bài về Trung quốc đăng trên các tạp chí : *Các khoa học kinh tế* (Liên xô), số 2-1990 ; *Những vấn đề kinh tế thế giới*, số 4-1990 ; *Thông tin lý luận* số 7-1990...

Digitized by Google

đã hai lần tăng giá thu mua nông sản (với mức tăng 20,1% và 8,1%), do vậy thu nhập của nông dân đã tăng 48 tỷ đồng nhân dân tệ. Lợi ích của nông dân được tôn trọng, thuế nông nghiệp từ thu bằng hiện vật chuyển sang thu bằng tiền. Việc kinh doanh nhiều ngành, nghề bắt đầu được khuyến khích. Nhà nước đã cấp một số tín dụng và tiền hỗ trợ các « hộ chuyên » và các xí nghiệp nông thôn.

Trong giai đoạn 1 này, ở thành thị, hàng loạt cuộc thử nghiệm được tiến hành nhằm phục hồi các xí nghiệp công nghiệp. Mở đầu là cuộc thí điểm cải cách ở 5 xí nghiệp của tỉnh Tứ xuyên theo hướng giảm bớt sự tập trung quyền lực của các cơ quan nhà nước, mở rộng quyền của các giám đốc xí nghiệp. Đầu năm 1979, diện thí nghiệm đã được mở rộng bao gồm 100 xí nghiệp, và đến cuối năm 1980 đã có 6600 xí nghiệp được tiến hành cải cách.

Cũng trong giai đoạn này, một số cải cách riêng lẻ khác đã được đồng thời thực hiện, chẳng hạn những cải cách về kế hoạch hóa, về đầu tư, về chính sách tài chính, xây dựng giá...

Giai đoạn 2 (từ tháng 10-1984 đến tháng 9-1988). Trong giai đoạn này, tính toàn diện của cuộc cải cách ở thành thị được chú trọng đặc biệt. Mục tiêu là tiếp tục tăng cường sức sống của các xí nghiệp công nghiệp trên cơ sở cải cách hệ thống giá cả, nhận thức lại và phân định chức năng quản lý của các cơ quan chính phủ...

Ở nông thôn thì tiếp tục tiến hành cải cách theo chiều sâu, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế hàng hóa.

Cần nhắc lại rằng, trong giai đoạn 1, khi mới hình thành thị trường tư liệu sản xuất, được nhà nước cho phép cạnh tranh, các xí nghiệp bắt đầu phát triển sôi động. Song qua hai năm thử nghiệm, đến cuối năm 1980, tình trạng hỗn loạn đã xuất hiện, hiện tượng tranh giành thị trường và bao vây nhau giữa các xí nghiệp trở nên phổ biến. Thêm vào đó ngân sách nhà nước trong những năm 1979 – 1983 thâm hụt 39,6 tỷ nhân dân tệ. Tình hình đó đòi hỏi phải có sự chấn chỉnh và rút ra những bài học kinh nghiệm. Hội nghị thứ 3 BCHTƯ (khóa XII) ĐCS Trung quốc (10-1984) đã thông qua văn kiện « Quyết định của BCHTƯ ĐCS Trung quốc về cải cách thể chế kinh tế ». Văn kiện khẳng định « nền kinh tế của Trung quốc là nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất ». Đây là một văn kiện quan trọng, đánh dấu bước chuyển biến cơ bản trong quá trình cải cách. Nội dung chủ yếu của nó là chiến lược cải cách ở thành thị, trong đó bao gồm cả cải cách ở tầm vĩ mô và những yêu cầu quản lý vi mô.

Sau 30 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội theo « kiểu cũ », nền kinh tế Trung quốc đã trở nên dị dạng và cứng nhắc. Sự chuyển hướng sang nền kinh tế hàng hóa thực sự là một cuộc cách mạng lớn mà khâu đầu tiên là phải khắc phục ý thức và quan niệm cũ về « kinh tế xã hội chủ nghĩa ». Trong một thời gian dài, các cơ quan thông tin truyền thông đã hướng vào mục tiêu: phân tích và giải thích cho nhân dân hiểu về kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường v.v.

Để có một nền kinh tế hàng hóa, trước hết phải tạo ra một cơ chế thị trường. Thị trường hàng tiêu dùng ở Trung quốc đã được hình thành và ngày càng hoàn thiện. Đến năm 1987, đã có hơn 2200 trung tâm buôn bán và hơn 60 000 chợ, hơn 11 triệu điểm buôn bán, trong đó có 9 triệu 80 nghìn điểm buôn bán tư nhân (đã đăng ký). Thị trường nguyên liệu cũng được hình thành từng bước trong giai đoạn này : ở hơn 150 thành phố đã có thị trường xi măng, gỗ, than, thiết

Digitized by Google

bị điện v.v. Khoảng 75% sản lượng xi măng, 60% sản lượng gỗ và 50% sản lượng than được lưu thông trên thị trường này. Thị trường kỹ thuật cũng hình thành và phát triển, riêng năm 1987 khối lượng buôn bán kỹ thuật trong cả nước là 3,4 tỷ đồng. Thị trường lao động, thông qua các sở giao dịch lao động, hoạt động náo nhiệt : cuối năm 1987 đã có 7 triệu 26 vạn lao động được thuê theo nguyên tắc hợp đồng. Thị trường chứng khoán và bất động sản cũng từng bước hình thành và đi vào hoạt động. Một số thành phố như Thẩm quyên, Thượng hải đã thí nghiệm mở thị trường đất đai, bước đầu thực hiện chính sách bán nhà cho nhân dân thành phố. Ở nông thôn, ruộng đất khoán có thể đem nhượng lại.

Song song với việc tạo ra thị trường, Đảng và Chính phủ Trung quốc đã đề ra những chính sách nhằm kích thích và điều tiết hoạt động thị trường. Lối điều khiển nền kinh tế từ một trung tâm theo kiểu trước đây, từng bộc lộ nhiều hạn chế, đã được khắc phục. Phạm vi kế hoạch pháp lệnh thu hẹp lại. Từ năm 1985 số loại sản phẩm thuộc kế hoạch pháp lệnh giảm từ 123 xuống còn 60. Số mặt hàng xuất khẩu theo chỉ tiêu pháp lệnh giảm từ 70 xuống còn 36. Phần pháp lệnh trong tổng giá trị sản phẩm công nghiệp giảm từ 40% xuống còn 20%. Năm 1988 các xí nghiệp đã tự mua 2/3 số nguyên vật liệu.

Hai công cụ quan trọng để thực hiện các mục tiêu kinh tế trong một nền kinh tế hàng hóa là chính sách tài chính, thuế khóa và chính sách tiền tệ, đã được Trung quốc vận dụng tích cực.

Việc trích nộp lợi nhuận của xí nghiệp cho nhà nước như trước đây, đã được thay bằng các khoản thuế. Hệ thống thuế phức hợp được hình thành. Để ngăn ngừa sự giảm sút thu nhập của nhà nước trung ương, từ năm 1988 đã áp dụng hệ thống khoán tài chính đối với các thành phố, tỉnh trực thuộc trung ương, và các khu tự trị. Cơ quan quản lý thuế được cải tạo thành cơ quan trực thuộc Hội đồng nhà nước. Vai trò của các cơ quan thuế được nâng cao.

Trong khi cải cách tiền tệ, chức năng giám đốc vĩ mô và điều tiết của ngân hàng được tăng cường, hệ thống lưu thông tiền tệ được đổi mới. Đã xác lập chế độ bảo đảm đối với giá trị thực tế của tiền gửi ngân hàng trong thời hạn 3 năm và lâu hơn. Thị trường kinh doanh tiền tệ, thị trường tín dụng ngắn hạn được tổ chức. Ở một vài thành phố lớn đã thí điểm tổ chức thị trường hối phiếu.

Ngoài ra, các chính sách quan trọng khác như chính sách giá cả và tiền lương, chính sách kinh tế đối ngoại cũng được quan tâm đặc biệt.

Giai đoạn 3 (từ tháng 9-1988 đến nay). Cùng với cải cách kinh tế theo chiều sâu và cả chiều rộng, cuộc cải cách chính trị đã được tiến hành một cách có kế hoạch và thận trọng. Công cuộc cải cách cũng đồng thời được triển khai ở các lĩnh vực khác như khoa học, giáo dục v.v.

Qua hơn 10 năm cải cách, Trung quốc đã thu được những thành tích to lớn, đặc biệt là trên lĩnh vực nông nghiệp. Đất canh tác của Trung quốc chỉ chiếm 7% đất canh tác của toàn thế giới, vậy mà Trung quốc đã giải quyết về căn bản vấn đề ăn, mặc cho hơn 1 tỷ dân, tức là cho 20% số dân thế giới. Trong những năm gần đây, nhịp độ tăng trưởng trong nông nghiệp vẫn giữ mức gần 6% hằng năm, tức là gấp hai lần chỉ số bình quân của 28 năm trước cải cách.

So sánh năm 1988 với năm 1978 thì tổng sản phẩm xã hội tăng 3,5 lần với mức tăng hằng năm là 9,5%, thu nhập quốc dân tăng 3,4 lần với mức tăng hằng năm 9,1%, thu nhập của

Digitized by Google

nhân dân thành thị và nông thôn tăng bình quân 4,5 lần. Như vậy có thể khẳng định rằng công cuộc cải cách ở Trung quốc đã đúng hướng, tạo đà cho giai đoạn phát triển tiếp sau.

Tuy nhiên, trong hai ba năm gần đây, tốc độ phát triển kinh tế của Trung quốc có chiều hướng đi xuống. Giá cả tăng nhanh, cung và cầu mất cân đối, kết cấu kinh tế bộc lộ nhiều mặt không hợp lý, trật tự kinh tế có phần hỗn loạn. Số nợ nước ngoài lên tới 40 tỷ đô la Mỹ. Khả năng khống chế vĩ mô của nhà nước giảm sút mạnh... Các biện pháp kinh tế có tác dụng trước đây, đến nay đã tỏ ra kém hiệu lực. Có thể nói công cuộc cải cách ở Trung quốc đang gặp những khó khăn và những vấn đề rất phức tạp.

Nói đến nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch, trong đó nhà nước điều tiết thị trường, thị trường hướng dẫn xí nghiệp, tức là nói đến sự tự điều tiết của thị trường và vai trò kinh tế của chính phủ. Tuy nhiên, chính phủ thông qua thuế má, chỉ tiêu và luật lệ để tác động đến thị trường như thế nào, mối quan hệ và sự kết hợp giữa kế hoạch và thị trường ra sao, đó vẫn còn là những ẩn số đối với các nhà lãnh đạo cải cách.

Vấn đề mấu chốt được đặt ra trong cuộc cải cách kinh tế ở Trung quốc là: cải cách **giá** hay cải cách **hình thức sở hữu**? Điều này còn đang tranh luận. Nếu mấu chốt của cải cách là cải cách hình thức sở hữu, tức là tư nhân hóa sở hữu, thì cái cốt lõi của lý thuyết về chủ nghĩa xã hội — vấn đề sở hữu công cộng, — sẽ giải quyết như thế nào? Đây là câu hỏi hóc búa đối với các nhà nghiên cứu lý luận Trung quốc.

Cải cách kinh tế ở Trung quốc đã được tiến hành hơn 10 năm nay, trong khi cải cách chính trị chỉ mới được bắt đầu một cách thận trọng từ giai đoạn 3 (tức từ năm 1988). Rõ ràng là nếu chỉ tiến hành cải cách kinh tế một cách đơn thuần, thì đến một lúc nào đó cơ cấu chính trị hiện hành sẽ là trở lực của công cuộc cải cách. Tuy nhiên, cải cách chính trị như thế nào để vẫn giữ vững được chủ nghĩa xã hội ở Trung quốc, đồng thời vẫn đẩy được công cuộc cải cách tiến lên phía trước, đó cũng là một vấn đề không dễ.

Một mâu thuẫn nữa của cải cách cũng cần được xem xét, đó là mâu thuẫn giữa những nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa với mục tiêu hiệu quả kinh tế trong nền kinh tế hàng hóa.

Trong nền kinh tế hàng hóa, phải chấp nhận cạnh tranh, phải chấp nhận sự thua lỗ và đào thải yếu kém... Như vậy nó đụng chạm đến những nguyên tắc đạo đức của chủ nghĩa xã hội, nguyên tắc an toàn và đoàn kết (theo các nguyên tắc này, người yếu kém không bị đào thải mà được nâng đỡ để vươn lên, mọi người đều yên tâm trông cậy vào sự giúp đỡ của xã hội để có việc làm, không bị thất nghiệp). Mâu thuẫn này sẽ được giải quyết ra sao?

Công cuộc cải cách của Trung quốc vẫn đang tiếp diễn. Kết quả của nó phụ thuộc rất nhiều vào việc Trung quốc có giải quyết được những khó khăn và những vấn đề phức tạp đã và đang xuất hiện trong quá trình cải cách hay không.

Digitized by Google



Qua sách báo nước ngoài

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC VỀ KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ

(Lược trích chương I dự thảo của UBTƯ ĐCS Pháp về nghị quyết sẽ trình Đại hội thứ 27 của Đảng sắp tới. Đầu đề là của chúng tôi. Tài liệu do TTXVN cấp — BBT)

Những sự kiện xảy ra ở Đông Âu rồi Cận Đông đã đề ra những câu hỏi mới về sự tiến triển của thế giới: phải chăng khái niệm về đấu tranh giai cấp đã lỗi thời? Sự đối đầu Bắc—Nam đã thay thế cho đối đầu Đông—Tây?

Đặc trưng lớn nhất của thế giới ngày nay là sự tương phản giữa khả năng kỳ diệu của thời đại chúng ta làm thỏa mãn những nhu cầu của con người với sự lãng phí kinh khủng những tài nguyên thiên nhiên, trí tuệ, năng lực và cuộc sống con người. Trong khi nhân loại có thể tiến lên một trình độ văn minh cao hơn thì nó lại vấp phải những vấn đề và những bi kịch rất lớn.

Từ đó đề ra những yêu cầu mà từ nay mang tính phổ biến: yêu cầu về sự công bằng, mà hiện nay những bất bình đẳng xã hội đang đào sâu trong những nước giàu có và có biết bao nhiêu nước ở thế giới thứ ba đang lún sâu vào cảnh bần cùng. Yêu cầu tự do cho cá thể, cho các dân tộc và các quốc gia. Yêu cầu thực hiện quyền bình đẳng cho phụ nữ. Yêu cầu hòa bình và giải trừ vũ trang, trong khi gia tăng vũ khí có tính hủy diệt hàng loạt. Yêu cầu ứng dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật, công nghệ phục vụ con người, gìn giữ và phát huy giá trị của thiên nhiên. Và cốt lõi của mọi vấn đề là yêu cầu thực thi dân chủ để nhân loại có thể thắng tiến. Do vậy sản sinh một quan niệm phong phú hơn, đầy đủ hơn về các quyền của con người: quyền của nam giới và nữ giới được sống tự do, bình đẳng; quyền của các dân tộc được sống trong độc lập, công bằng và tự do; quyền của nhân loại được sống trong một thế giới đoàn kết, giải trừ vũ trang, làm chủ các tiến bộ khoa học và kỹ thuật, công nghệ, tôn trọng các cân bằng sinh thái. Cần phải có một xã hội mới thực sự nhân đạo và một trật tự kinh tế thế giới mới thì mới có thể thúc đẩy thực hiện các quyền nói trên, mà xã hội tư bản cũng như trật tự đế quốc đều không thể làm được.

Digitized by Google

Những nước giàu có nhất là những nước tư bản. Họ đã tiến một bước quan trọng về kỹ thuật, công nghệ và nắm trong tay một sức mạnh công nghiệp và thương nghiệp cao siêu, một vị trí ưu đãi trong hệ thống tiền tệ và ngân hàng. Nhưng ở những nước này, trong khi chỉ có một nhóm ít người sống trong cảnh thừa thãi, thì đa số nhân dân sống trong cảnh bất bình đẳng gia tăng, trong sự thiếu thốn, thất nghiệp thường xuyên, hàng loạt, trong sự phân biệt chủng tộc và bất an... Ở nước Mỹ, «chiếc đèn pha» của chủ nghĩa tư bản, sự giàu có ngạo đời nhất và cảnh nghèo khổ kinh khủng đứng cạnh nhau.

Chủ nghĩa tư bản, cũng có nghĩa là các nước thế giới thứ ba bị bóp nghẹt bởi các ngân hàng và những thể chế tài chính quốc tế. Chủ nghĩa tư bản, chính là chủ nghĩa đế quốc về kinh tế và chính trị, là sự nhúng tay thường xuyên vào công việc của các nước bị thống trị, là những cuộc can thiệp quân sự, là những món lợi nhuận kếch sù thu được qua việc chế tạo và buôn bán vũ khí, là hàng trăm tỷ đô la qua lưu thông ma túy.

Chủ nghĩa tư bản không thể đáp ứng được một cách tích cực yêu cầu to lớn của thời đại chúng ta là: dành ưu tiên cho con người. Bởi vì lý do tồn tại của chủ nghĩa tư bản là kiếm lợi nhuận, tích lũy tư bản, và thủ đoạn thực hiện là sự bóc lột và áp bức của con người với con người, nó là trở ngại lớn trên con đường tiến bộ của nhân loại. Đòn bẩy chủ yếu để nhân loại có thể tự giải phóng và tiến lên nền văn minh cao hơn, đó là sức mạnh của nhân dân các nước.

...Các cuộc đấu tranh vì hòa bình của các dân tộc – được phối hợp chặt chẽ theo sáng kiến của Liên xô, các nước xã hội chủ nghĩa và những nước khác – đã buộc Mỹ phải đi những bước đầu trên con đường giải trừ vũ trang. Nguy cơ của một cuộc chiến tranh giữa Liên xô và Mỹ – từ đó phát sinh xung đột thế giới – đã giảm đi đáng kể. Đặc trưng của tình hình hiện nay là: Liên xô tiếp tục có những hành động đơn phương trong khi Mỹ vẫn tăng 20% ngân sách cho kế hoạch «chiến tranh các vì sao» và vẫn giữ ưu thế của khối NATO ở châu Âu. Trong khi Liên xô rút quân ra khỏi Áp-ga-ni-xtan và bắt đầu rút quân ở Trung Âu, thì chủ nghĩa đế quốc lại không từ bỏ mục đích thống trị ở bất cứ một vùng nào trên thế giới. Ở châu Mỹ la tinh, sự thống trị của đế quốc thể hiện ở cuộc xâm lược Pa-na-ma, trong sức ép quân sự và chính trị của Mỹ ở Ni-ca-ra-goa, trong sự đe dọa đang đè nặng dân tộc Cu-ba. Ở các khu vực xung đột, người ta đều thấy bàn tay của đế quốc, như ở Li-bê-ri-a, Áp-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, Pa-le-xtin, miền nam châu Phi, và giờ đây là ở vùng vịnh Pé-xich. Ở khắp nơi, chủ nghĩa đế quốc đều tìm mọi cách làm cho các giải pháp phù hợp với lợi ích của họ thắng thế. Vì vậy, đối với các dân tộc trong vùng có liên quan, không có giải pháp nào khác là phải đứng lên hành động. Chính là do đứng lên hành động và nhờ tình đoàn kết quốc tế mà đã giành được thắng lợi ở Na-mi-bi-a chống chủ nghĩa thực dân Prê-tô-ri-a, giải phóng Nen-xơn Man-đê-la và những bước tiến của nhân dân Nam Phi chống phân biệt chủng tộc.

Dường như chủ nghĩa đế quốc cho rằng tình hình hiện nay cho phép họ chiếm lĩnh được những vị trí mới, đặc biệt là ở châu Âu và ở Cận Đông. Ở châu Âu, các nước Tây Âu xúc tiến việc hòa nhập về kinh tế, tiền tệ, chính trị và quân sự. Dưới sự dẫn dắt của Mỹ, CHLB Đức, các nước tư bản chủ nghĩa đã đóng một vai trò trực tiếp đối với các cuộc khủng hoảng

Digitized by Google

ở các nước Trung Âu, hỗ trợ về mặt chính trị, tài chính, tư tưởng cho các lực lượng khôi phục chế độ tư bản. Ngày nay, họ đang tiến hành ở khu vực này một chính sách thực dân thực sự. Sự sụp đổ của các chế độ ở các nước đó và sự thắng cử của phái hữu trong phần lớn các nước đó là thể hiện tình hình thực tế của tương quan lực lượng.. Những khó khăn trầm trọng về kinh tế, xã hội khiến cho những nước này đẩy nhanh chính sách mở cửa kinh tế với nền kinh tế thế giới, kêu gọi sự hợp tác và viện trợ của nước ngoài. Đương nhiên, các lực lượng tư bản sẽ không đứng trung lập trong những vấn đề này. Chúng tăng sức ép kinh tế và tài chính đối với Liên xô và can thiệp trong chừng mực có thể làm được vào cuộc đấu tranh giữa các lực lượng xã hội chủ nghĩa và công cuộc hiện đại của họ với những lực lượng muốn quay trở lại chủ nghĩa tư bản.

Ở Cận Đông, Mỹ và đồng minh đã viện cớ I-rắc sáp nhập Cô-oét để chiếm đóng quân sự bán đảo A rập và vịnh Péc-xích. Ngoài những nguy cơ đè nặng lên sự nghiệp hòa bình, sự hiện diện về chính trị và quân sự của các cường quốc phương Tây đã gây ra sự thua thiệt nặng nề cho các dân tộc đang đấu tranh ở vùng này như các dân tộc Pa-le-xtin và Li-băng, và mở ra con đường để cho Mỹ kiểm soát một phần lớn sản lượng dầu lửa của thế giới. Tình trạng thực tế của tương quan lực lượng còn biểu hiện ở chỗ : hành động phiêu lưu bằng sức mạnh của I-rắc, lợi thế mới và sự xâm chiếm có tính quyết định của đế quốc ở khu vực này, đứng vào lập trường thân Mỹ của một nước như Xy-ri, hiệp định ký kết giữa Liên xô và Mỹ. Rồi đi đến khẳng định một ý muốn tổ chức một « trật tự thế giới », trong đó một vài nước mạo xưng là « cộng đồng quốc tế », tự gắn cho mình cái quyền được cai quản thế giới, rút cục là để cho trật tự đế quốc được ngự trị có hại đến quyền phát triển và chủ quyền của các dân tộc.

CÙNG BẠN ĐỌC

Được sự đồng ý của Ban bí thư Trung ương Đảng, thể theo yêu cầu của bạn đọc, **Tạp chí Cộng sản** *bắt đầu* **từ số tháng 1-1991** *sẽ tiếp tục đổi mới về nội dung, đồng thời sẽ đổi khổ rộng hơn, xếp chữ bằng máy vi tính, bìa in ốpxét bốn màu.*

Giá bán mỗi số là 1.000đ.

Để giảm bớt sự bù lỗ của ngân sách đảng, **Tạp chí Cộng sản** *sẽ nhận đăng quảng cáo nhằm khuyến khích các ngành sản xuất và kinh doanh.*

BỘ BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

ХА СУАН ЧЫОНГ – Празднование Октябрьской революции в 90г. XX века. МАЙ ХЬЕН – Об исторических функциях и месте социализма. НГУЕН ФУ ЧОНГ – Обеснечивать внутрипартийную демократию. НГУЕН ТХЕ УАН – Управление и разумное использование иностранной валюты. ИССЛЕДОВАНИЯ ☆ КХОНГ ЗОАН ХОЙ – Идеалы и интересы в обыденной жизни. ВУ НЯТ КХАЙ – Интеллигенция и гносеологическая проблема при социализме. НГУЕН ТИНЬ ЖА – «Типы» перехода к социализму. НГУЕН ХАН КХОАТ – Об умственных способностях руководителя. ОБМЕН МНЕНИЯМИ И ОПЫТОМ. ☆ ФАМ ШОНГ – Здоровье молодого поколения нашей страны: реальное состояние и его улучшение. ЛЕ ВАН ЛИ – Снова об обновлении управленческих и руководящих кадров, ЧАН АНЬ – Руководить и управлять деятельностью в областях культуры, литературы и искусства, печати и издательского дела. ФАМ ТХАНГ – Практический опыт работы в лесхозе Мада. ЗОАН ХЮЭ – Суть банкротства негосударственных кредитных организаций. ХОНГ ФОНГ – Тхай Бинь совершенствует свои низовые партийные организации. ЖИЗНЬ И ИДЕОЛОГИЯ ☆ БУЙ ТЬЕН ШИНЬ – Как карать за коррупцию? ХОНГ ТАМ – Говорят в народе. ПИСЬМА В РЕДАКЦИЮ ☆ ЧАН ВИНЬ – На что следует обращать внимание при разработке социально-экономической стратегии на местах? В МИРЕ: ПРОБЛЕМЫ И СОБЫТИЯ ☆ ФАН ЛАНГ – Три поколения колониализма. ВО ТХУ ФЫОНГ – ЧИНЬ ТАТ ДАТ – Реформы в Китае: успехи и сложные проблемы. ПО СТРАНИЦАМ ЗАРУБЕЖНЫХ ИЗДАНИЙ ☆ Капитализм – империализм в экономическом и политическом отношениях.

REVIEW OF COMMUNISM No. 11-1990

HÀ XUÂN TRƯỜNG – The aniversary of the October Revolution in the nineteenth year of the 20th century. MAI HIỀN – On the position and the historic role of socialism. NGUYỄN PHÚ TRỌNG – To assure democracy in the Party. NGUYỄN THẾ UÂN – Management and proper usage of foreign capital. **Research – Exchange of views** ☆ KHỔNG DOÃN HỢI – Goals and everyday interests. VŨ NHẬT KHẢI – The intelligentsia and the problem of knowledge in socialism. NGUYỄN TĨNH GIA – Various «types» of transition to socialism. NGUYỄN HẢI KHOÁT – On the leader's intellectual capability. **Opinions and Experiences** ☆ PHẠM SONG – The health of the young generation in our country-reality and solutions ☆ LÊ VĂN LÝ – Thorough discussions on the renewal of the leaders and managers. TRẦN ANH – Leadership and management in culture, literature, arts, print media and publications. PHẠN THĂNG – Practical experiences from Ma Da forest station. DOÃN HUỀ – The reality behind the bankruptcy of non-State credit institutions. HỒNG PHONG – Renewal and consolidation of party organizations in Thai Binh province. **Life and ideology** ☆ BÙI TIẾN SINH – Which punishment should be applied to those convicted bribery. HỒNG TÂM – A popular legend. **Letters to the Editorial Board** ☆ TRẦN VINH – Some suggestions which must be paid attention to elaborating various regions' socio-economic strategies. **The World: Problems and Events** ☆ PHAN LANG – Three generations of colonialism. VÕ THỦ PHƯƠNG – TRỊNH TẤT ĐẠT – The reforms in China – sucesses and problems. **Through Foreign Publications** ☆ – Capitalism is imperialism in economy and politics.

Digitized by Google

REVUE DU COMMUNISME No 11-1990

HÀ XUÂN TRƯỜNG – L' anniversaire de la Révolution d' Octobre en l' an 90 du XXe siècle. MAI HIÊN – Sur la position et le rôle historique du socialisme. NGUYÊN PHÚ TRỌNG – Pour s'assurer de la démocratie au sein du Parti. NGUYÊN THẾ UẨN – Gérer et utiliser rationellement les fonds en devises étrangères. **Etudes – Echanges** ☆ KHỔNG DOÃN HỢI – L'idéal et les intérêts quotidiens. VŨ NHẬT KHẢI – L' intelligentsia et le problème de la connaissance dans le socialisme. NGUYÊN TĨNH GIA – Des « formes » de transition au socialisme. NGUYÊN HẢI KHOÁT – Sur la capacité intellectuelle du dirigeant. **Opinions et Expériences** ☆ PHẠM SONG – La santé de la jeunesse de notre pays – réalité et solutions. LÊ VĂN LÝ – Contribution à la révolution du contingent des dirigeants et gestionnaires. TRẦN ANH – La direction et la gestion des activités dans le domaine de la culture, des lettres et des arts, de la presse et des éditions. PHẠM THẮNG – Quelques expériences pratiques tirées de la ferme sylvicole Ma Da. DOÃN HUỀ – Cequ'est réellement la faillite des établisesements de crédit non-étatiques. HỒNG PHONG – Thai Binh: Renouvellement et consolidation des organisations de base du parti. **Vie et Idéologie** ☆ BÙI TIỄN SINH – Quel châtiment infligé aux personnes convaincues de corruption? HỒNG TÂM – Un conte populaire. **Lettres à la Rédaction** ☆ TRẦN VINH – Quelques points auxquels il faut prêter attention dans l'élaboration de la stratégie économico-sociale des régions. **Le Monde: Problèmes et Evénements** ☆ PHAN LANG – Les trois générations du colonialisme. VÕ THỦ PHƯƠNG – TRỊNH TẤT ĐẠT – Les réformes en Chine – succès et problèmes. **A travers la presse et les livres étrangers** ☆ Le capitalisme est l'impérialisme dans l'économie et la politique.

REVISTA DEL COMUNISMO No 11-1990

HÀ XUÂN TRƯỜNG – El aniversario de la Revolución de Octubre en el año 90 del siglo XX. MAI HIÊN – Sobre la posición y el rol histórico del socialismo. NGUYÊN PHÚ TRỌNG – Por asegurar la democracia en el seno del Partido. NGUYÊN THẾ UẨN – Administrar y utilizar razonablemente los fondos de divisas extranjeras. **Investigaciones – Intercambios** ☆ KHỔNG DOÃN HỢI – La ideal y los intereses cotidianos. VŨ NHẬT KHẢI – La intelectualidad y el problema de conocimiento en el socialismo. NGUYÊN TĨNH GIA – Las « formas » de transición al socialismo. NGUYÊN HẢI KHOÁT – Sobre la capacidad intelectual del dirigente. **Opiniones y experiencias** ☆ PHẠM SONG – La salud de la juventud de nuestro país – realidad y soluciones. LÊ VĂN LÝ – Contribución a la renovación del contingente de dirigentes y gestionarios. TRẦN ANH – La dirección y la gestión de las actividades en el dominio de la cultura, de letras y de artes, de la prensa y de las ediciones. PHẠM THẮNG – Algunas experiencias practicas sacadas de la granja silvícola Ma Da. DOÃN HUỀ – La realidad de la bancarrota de los establecimientos de crédito no-estatales. HỒNG PHONG – Thai Binh: Renovación y consolidación de las organizaciones del Partido. **Vida e ideologia** ☆ BÙI TIỄN SINH – ¿Cómo se juzga a los concusionarios? HỒNG TÂM – Un cuento popular. **Cartas a la Redacción** ☆ TRẦN VINH – Algunos puntos de atención en la elaboración de la estrategia económico-social de las localidades. **El mundo: Problemas y acontecimientos** ☆ PHAN LANG – Las tres generaciones del colonialismo VÕ THỦ PHƯƠNG – TRỊNH TẤN ĐẠT – Las reformas en China – éxitos y problemas. **A través de los libros y prensas extranjeros** ☆ El capitalismo es el imperialismo en la economia y la política.

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

11-1990
NĂM THỨ XXXVI(419)

HÀ XUÂN TRƯỜNG – Kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười năm 90 của thế kỷ XX 1

MAI HIỀN – Về vị trí và chức năng lịch sử của chủ nghĩa xã hội 10

NGUYỄN PHÚ TRỌNG – Dể bảo đảm dân chủ trong đảng 15

NGUYỄN THẾ UẨN – Quản lý và sử dụng hợp lý nguồn vốn ngoại tệ 20

Nghiên cứu – Trao đổi

KHỔNG DOÃN HỢI – Lý tưởng và lợi ích đời thường 26

VŨ NHẬT KHẢI – Giới trí thức và vấn đề nhận thức trong chủ nghĩa xã hội 31

NGUYỄN TĨNH GIA – Các « kiểu » quá độ lên chủ nghĩa xã hội 37

NGUYỄN HẢI KHOÁT – Về năng lực trí tuệ của người lãnh đạo 40

Ý kiến và kinh nghiệm

PHẠM SONG – Sức khỏe thế hệ trẻ nước ta – thực trạng và giải pháp 44

LÊ VĂN LÝ – Bàn thêm về đổi mới đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý 48

TRẦN ANH – Lãnh đạo và quản lý các hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản 52

PHẠM THẮNG – Mấy kinh nghiệm thực tế từ Lâm trường Mã đà 57

DOÃN HUỀ – Thực chất vỡ nợ của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh 61

HỒNG PHONG – Thái bình củng cố, kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng 66

Sinh hoạt và tư tưởng

BÙI TIẾN SINH – Tội tham nhũng phải nghiêm trị thế nào? 71

HỒNG TÂM – Câu chuyện dân gian 73

Thư gửi Bộ biên tập

TRẦN VINH – Mấy điều cần lưu ý khi xây dựng chiến lược kinh tế – xã hội ở các địa phương 71

Thế giới: vấn đề, sự kiện

PHAN LANG – Ba thế hệ chủ nghĩa thực dân 78

VÕ THỦ PHƯƠNG – TRỊNH TẤT ĐẠT – Cải cách ở Trung quốc – thành công và những vấn đề phức tạp 82

Qua sách báo nước ngoài

Chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc về kinh tế và chính trị 86

Trụ sở Bộ biên tập:
1. Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói: 52061 – 52062
Trụ sở cơ quan thường trú ở miền Nam:
19. Phạm Ngọc Thạch – Q. 3 T. P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 – 22010

Digitized by Google

In tại Nhà in NHÂN DÂN HÀ NỘI II
Chỉ số : 12651 ISSN 0866 - 7276

Digitized by Google

Giá: 800đ

+X
9
H688

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

UNIV. OF MICH.
OCT 16 1991
CURRENT SERIALS

12
1990

Digitized by Google

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
Cơ quan lý luận và chính trị của
Trung ương Đảng cộng sản Việt nam

★★★

TẠP CHÍ CỘNG SẢN bước vào năm thứ 36

Từ khi thành lập Đảng, Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng đã đặt lý luận và giáo dục chính trị là một công tác hàng đầu, coi tạp chí là công cụ sắc bén tuyên truyền và giáo dục chính trị. Nếu không kể hai tờ tạp chí **Thanh niên** *(1925) của « Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội » và tạp chí* **Người cộng sản** *(1929) của « Đông dương cộng sản đảng » — hai tổ chức tiền thân của Đảng — thì từ khi Đảng ta thành lập (3-2-1930) đến khi tạp chí* **Học tập**, *tức* **Tạp chí Cộng sản** *hiện nay ra đời (1955), Trung ương Đảng đã xuất bản năm tờ tạp chí lý luận và chính trị. Đó là* **Tạp chí đỏ, Sinh hoạt nội bộ**, *tạp chí* **Cộng sản** *(danh hiệu « Cộng sản » đã được đặt tên cho ba tờ tạp chí vào những năm 1931, 1943, 1950).* **Tạp chí đỏ** *số 3 giới thiệu « Tư sản dân quyền cách mạng », Cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta do đồng chí Trần Phú soạn thảo.*

Nhìn chung, cho đến khi tạp chí **Học tập** *ra đời, do gặp nhiều khó khăn, các tạp chí của Đảng đều bị gián đoạn, thường mỗi tạp chí chỉ ra được mấy số rồi phải đình bản. Nhưng điều nổi bật là tất cả các tạp chí đó đều do Tổng bí thư trực tiếp phụ trách. Sự quan tâm đặc biệt của Đảng đối với tạp chí, đối với công tác lý luận, còn được biểu thị ở sự chỉ dẫn đều đặn của Ban bí thư Trung ương Đảng đối với tạp chí trong mỗi chuyển biến của tình hình, ở các bài viết của Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo khác dành riêng cho tạp chí.*

Ngoài đồng chí Trường Chinh là người trực tiếp phụ trách lâu năm **Tạp chí Cộng sản**, *các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Nguyễn*

Digitized by Google

Lương Bằng,... và trong dịp này, đồng chí Nguyễn Văn Linh, đã đến thăm và nói chuyện thân mật, dặn dò cán bộ, nhân viên làm việc tại Tạp chí.

Tạp chí **Học tập**, *cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, được xuất bản theo Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 7 BCH TƯ Đảng (khóa II) họp tại Hà nội tháng 3-1955. Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ của tạp chí « lấy học thuyết Mác—Lê-nin làm cơ sở, kết hợp chặt chẽ lý luận Mác—Lê-nin với thực tiễn cách mạng nước ta, để tuyên truyền, giáo dục đường lối, phương châm, chính sách của Đảng một cách sâu sắc ». Tiếp đó Bộ chính trị quyết định Ban biên tập của Tạp chí gồm đồng chí Trường Chinh, trưởng ban, và các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hà Huy Giáp, Trần Quang Huy làm ủy viên. Ngày 15 tháng 12 năm 1955 số 1 tạp chí* **Học tập** *ra mắt bạn đọc; đến tháng 1 năm 1977, theo nghị quyết của Bộ chính trị, tạp chí đổi tên là* **Tạp chí Cộng sản** *để phù hợp với việc Đại hội IV của Đảng đổi tên Đảng thành ĐCS Việt nam. Tháng 12-1985* **Tạp chí Cộng sản** *tròn 30 tuổi, được Hội đồng nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh. Tháng 12 năm nay,* **Tạp chí Cộng sản** *thêm 5 tuổi, những năm tuổi của thời kỳ đổi mới theo Nghị quyết Đại hội VI của Đảng.*

Trong 35 năm, tạp chí ra đều đặn hàng tháng, tổng cộng 420 số, mỗi số từ 80 đến 90 trang theo khổ 17×24, nhiều số đặc biệt trên 100 trang, có số đặc biệt in tới 184 trang. Số lượng phát hành trung bình từ 50000 đến 60000 cuốn mỗi số, có những số phát hành đột xuất trên 100 000 cuốn, có số lên đến 200000 cuốn. Tuy còn lẻ tẻ, có lúc Tạp chí đã có mặt ở 25 nước; hiện nay bạn đọc nhiều nước vẫn tiếp tục đặt mua **Tạp chí Cộng sản**. *Ba mươi năm của Tạp chí đã được Đảng và Nhà nước đánh giá cao về sự đóng góp xuất sắc trên lĩnh vực lý luận, tư tưởng và truyền bá đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, được bạn đọc trong và ngoài nước, cộng tác viên khen ngợi về chất lượng tư tưởng, tính chiến đấu và sự nghiêm túc, và chỉ ra những thiếu sót cần khắc phục.* **Tạp chí Cộng sản** *đã tổng kết 30 năm công tác, phấn khởi chuẩn bị bước vào thời kỳ đổi mới, thực hiện Nghị quyết của Đại hội VI.*

Ngày 29-3-1988, Ban bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị về công tác của **Tạp chí Cộng sản**:

« Với tư cách là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương, trong tình hình mới, **Tạp chí Cộng sản** *phải soi sáng những luận điểm, kết luận của Đại hội VI trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng, an ninh, quốc phòng, đối ngoại và xây dựng Đảng; giải thích sâu sắc những bài học quý báu của cách mạng nước ta mà Đại hội VI đã tổng kết, lý giải những vấn đề mới do thực tiễn cách mạng nước ta đề ra. Tạp chí phải tích cực góp phần chuẩn bị Đại hội lần thứ VII của Đảng về mặt lý luận...* **Tạp chí Cộng sản** *phải tiên phong đấu tranh cho sự đổi mới tư duy theo tinh thần của Đại hội VI, kiên quyết chống mọi sự bảo thủ, trì trệ, mọi biểu hiện của khuôn sáo, đồng thời đấu tranh chống chủ nghĩa duy ý chí, chống mọi biểu hiện của nóng vội, chủ quan ».*

Theo tinh thần của Đại hội VI và thi hành chỉ thị của Ban bí thư, Bộ biên tập chúng tôi đã nghiêm túc xem xét lại những ưu điểm và khuyết điểm của Tạp chí, từng cán bộ biên tập tự nhìn lại quá trình lao động của mình rút ra những bài học, mạnh dạn đổi mới.

Năm năm qua, đặc biệt là ba năm nay, Tạp chí đã có một bước chuyển mình thật sự, một mặt kiên quyết giữ gìn những truyền thống tốt đẹp của Tạp chí như nắm chắc đường lối và các chính sách của Đảng và Nhà nước, kiên quyết bảo vệ các quan điểm của Đảng, đấu tranh chống những quan điểm sai trái, nâng cao vai trò lý luận của Tạp chí, luôn luôn bám sát thực tế của đất

Digitized by Google

nước và thế giới. Mặt khác chúng tôi cố vượt ra ngoài các khuôn sáo cũ về cả nội dung và hình thức, tạo nên một không khí cởi mở, tự do tư tưởng, dân chủ thảo luận trên Tạp chí, dám nhìn thẳng vào sự thật, mạnh dạn phân tích, góp phần tích cực nhất vào việc làm sáng tỏ và thêm phong phú cho đường lối và các quan điểm của Đảng. Với số trang ít ỏi dành cho phần quốc tế, chúng tôi cố gắng cung cấp có chọn lọc cho bạn đọc những thông tin mới nhất về những quan điểm, những nhận thức khác nhau của các đảng anh em trên những vấn đề lớn của chủ nghĩa xã hội, nhằm khuyến khích tinh đa dạng và sáng tạo trong tư duy. Chúng tôi còn cố gắng làm cho Tạp chí là một trung tâm tư tưởng tập hợp những trí thức lớn ngoài Đảng đóng góp ý kiến xây dựng đường lối và chính sách của Đảng, tự nguyện chấp nhận sự lãnh đạo của Đảng.

Với những mục tiêu đề ra, nhìn lại 5 năm qua, từng số tạp chí, chúng tôi thấy đạt được nhiều thành tựu, nhưng cũng không ít những điều chưa làm được hoặc làm nửa chừng, và cũng có việc làm sai sót. Trên lĩnh vực nào cũng có bài hay, có giá trị, tuy tỷ lệ còn ít so với tổng số lượng bài. Điều đáng mừng là loại bài « vô thưởng vô phạt » ngày càng ít, những bài thiếu cứ liệu chính xác hầu như không đáng kể. Tạp chí đi đúng đường lối của Đảng, có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới do Đảng đề xướng, trên lĩnh vực lý luận, tư tưởng cũng như trong các hoạt động thực tiễn. Tạp chí quan tâm đến phương pháp tiếp cận những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống. Một loạt các hội thảo khoa học về nhân tố con người, về văn nghệ đổi mới trong sự nghiệp đổi mới của Đảng, về lạm phát và chống lạm phát, về điều kiện và môi trường đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh, về thực trạng tư duy và đổi mới tư duy, về dân chủ và cơ chế thực hiện dân chủ v.v. đã làm cho Tạp chí sinh động, hấp dẫn, có tác dụng thúc đẩy sự đổi mới tư duy, tìm ra những giải pháp thiết thực cho nhiều vấn đề cấp bách đặt ra. Về tư duy, Tạp chí không chỉ coi trọng tư duy kinh tế, mà rất coi trọng tư duy triết học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, coi vấn đề thế giới quan và phương pháp luận là cơ sở của mọi tư duy. Chúng tôi cho rằng, trong một thời gian dài, chủ nghĩa giáo điều và tinh rập khuôn trong tư duy không những làm khô cứng triết học Mác — Lê-nin, mà còn bỏ qua không khai thác những kho tàng quý báu của triết học Mác — Lê-nin. Khuyết điểm đó cùng với việc tự giam mình trong « tháp ngà » không chịu tìm hiểu, tiếp cận với các khuynh hướng tư duy khác của thế giới, là một nguyên nhân chính làm cho một số nhà lý luận, một số nhà khoa học xã hội mác xít ở ta và trên thế giới dao động, thậm chí tự phủ định mình, trước sự tấn công của các tư tưởng đối lập hoặc thù địch.

Trên lĩnh vực tư tưởng, lãnh đạo có hiệu quả đòi hỏi sự thận trọng và dân chủ; nhưng, thận trọng, dân chủ không có nghĩa là bỏ qua những quan điểm sai trái chống lại đường lối của Đảng, buông lỏng trận địa tư tưởng. **Tạp chí Cộng sản** *trong suốt 35 năm đã là một trong những trụ cột bảo vệ đường lối và quan điểm của Đảng. Từ sau Đại hội VI, nhiều vấn đề mới đặt ra, do đó những cuộc thảo luận, tranh luận là việc làm cần thiết. Nổi lên trong mấy năm qua là những cuộc tranh luận về văn nghệ—lĩnh vực nhạy bén nhất của ý thức xã hội. Tạp chí một mặt khuyến khích tự do tư tưởng, tự do sáng tạo, mặt khác đã kịp thời lên tiếng chống lại những khuynh hướng phủ định văn nghệ cách mạng, nhân danh tự do sáng tác mà đối lập văn nghệ với sự lãnh đạo của Đảng, chống khuynh hướng « thương mại hóa » các hoạt động văn học, nghệ thuật v.v. Chung quanh những vấn đề đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội, Tạp chí đầu năm 1989 mở chuyên mục « Chủ nghĩa xã hội: nhìn lại và đổi mới ».*

Digitized by Google

mục này được bạn đọc hoan nghênh. Cùng mục mới này, chúng tôi vẫn duy trì mục « Nghiên cứu — Trao đổi » để tạo điều kiện cho các nhà lý luận, các nhà khoa học và quản lý, các bạn đọc có thể thẳng thắn trao đổi với nhau về những vấn đề khác nhau.

Tuy vậy, nhiều vấn đề được đề cập trên Tạp chí vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của bạn đọc. Nhiều vấn đề cơ bản, nhiều vấn đề nóng hổi của tình hình kinh tế — xã hội chưa được giải đáp. Chúng ta đang đứng trước một tình hình khủng hoảng về lý luận bắt nguồn từ sự phức tạp của thực tiễn, sự tách rời giữa lý luận và thực tiễn, hơn nữa từ cuộc khủng hoảng chung của thế giới xã hội chủ nghĩa, không dễ gì một thời gian ngắn có thể khắc phục được. Nhưng mặt khác chúng tôi tự thấy rằng sự chuẩn bị của Tạp chí về mặt này có thiếu sót, tình trạng « bắt cập » về lý luận trong đội ngũ biên tập viên của chúng tôi là phổ biến. Về mặt tổ chức, mặc dầu cố gắng nhiều, Tạp chí vẫn bị động trong khâu tổ chức các cộng tác viên, nhất là đối với những cán bộ khoa học trẻ, và chưa tập hợp được trí tuệ của toàn đảng, của giới trí thức các ngành hoạt động lý luận cũng như thực tiễn. Về mặt kinh nghiệm công tác, Tạp chí cũng chưa làm cho các đồng chí lãnh đạo các địa phương và các ngành tích cực viết bài cho Tạp chí. Mảng phản ánh tình hình và kinh nghiệm công tác của các tỉnh phía nam vẫn là mảng yếu nhất của Tạp chí.

Bước sang năm 1991, Tạp chí Cộng sản, đã chuẩn bị một kế hoạch tiếp tục đổi mới cả về nội dung và hình thức, trước hết là nâng cao chất lượng và sức hấp dẫn của nội dung. Ngày 28-9-1990, Ban bí thư Trung ương Đảng đã cho ý kiến chỉ đạo: « Trong quá trình đổi mới phải nắm vững chức năng của Tạp chí là cơ quan lý luận và chính trị của Đảng. Nhiệm vụ chủ yếu của Tạp chí là tuyên truyền những quan điểm đường lối của Đảng; nâng cao tính lý luận, tính chiến đấu, liên hệ chặt chẽ với thực tiễn, đi sát yêu cầu cuộc sống. Tạp chí có phần đăng những bài nghiên cứu, trao đổi. Việc trao đổi, thảo luận trên Tạp chí là cần thiết, nhưng có mức độ, nhằm làm sáng tỏ quan điểm, đường lối của Đảng, khuyến khích tìm tòi sáng tạo, góp phần hoàn thiện và phát triển các quan điểm của Đảng. Trong quá trình thảo luận, nếu có ý kiến trái với quan điểm của Đảng thì Ban biên tập cần cân nhắc kỹ. Trong trường hợp thấy cần đăng những loại ý kiến như thế, Ban biên tập phải có bài phân tích có tính thuyết phục những ý kiến không đúng đó, bảo vệ quan điểm của Đảng ».

Trong dịp này, Bộ biên tập chúng tôi vô cùng phấn khởi được đón đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đến thăm và ân cần dặn dò, động viên anh chị em chúng tôi. Bài phát biểu sâu sắc của đồng chí không những có tác dụng chỉ đạo rất lớn đối với Tạp chí Cộng sản, mà còn chỉ ra phương hướng và nội dung công tác lý luận của toàn Đảng ta trong quá trình chuẩn bị Đại hội thứ VII của Đảng, và cả thời gian dài tiếp sau đó.*

Tạp chí Cộng sản quyết tâm làm theo chỉ dẫn của Ban bí thư và đồng chí Tổng bí thư, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, sự tin yêu của bạn đọc.

BỘ BIÊN TẬP

* Nguyên văn bài phát biểu này sẽ đăng trên Tạp chí số 4-1991

Digitized by Google

Phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân để góp phần giải quyết những vấn đề cấp bách về kinh tế — xã hội

VŨ OANH
Bí thư Trung ương Đảng

QUYỀN làm chủ của nhân dân được nhận thức và tổ chức thực hiện ngày càng cao theo sự phát triển của cách mạng và trình độ của nhân dân lao động. Xây dựng, bảo đảm và nâng cao quyền làm chủ cho nhân dân là vấn đề lâu dài và cơ bản trong đường lối lãnh đạo cách mạng của Đảng. Trong hoàn cảnh hiện nay, phát huy quyền làm chủ của nhân dân để góp phần giải quyết nhanh chóng những khó khăn trước mắt, chúng ta cần tập trung vào những vấn đề cụ thể, trước mắt sau đây:

1 — Nhà nước chủ động đổi mới chính sách kinh tế xã hội, đổi mới phong cách quản lý để bảo đảm cho cơ chế dân chủ được thi hành có hiệu quả.

Đường lối đổi mới toàn diện của Đảng là hoàn toàn đúng đắn. Trên cơ sở những nguyên tắc mà đường lối ấy chỉ ra, Nhà nước cần chủ động đổi mới chính sách quản lý và phong cách quản lý để bảo đảm cho cơ chế dân chủ được thực hiện có hiệu quả. Chính sách đúng, phù hợp với thực tiễn, phù hợp với lợi ích của người lao động thì tất yếu sẽ khơi được nguồn sức mạnh của nhân dân. Quản lý tốt, giữ vững được kỷ cương, tăng cường sự thống nhất, bảo đảm cuộc sống cho nhân dân, thì tất yếu lòng người sẽ tập trung một mối, sức mạnh được quy tụ và nhân lên gấp bội. Trong quá trình đổi mới, cái cũ lỗi thời đang bị loại bỏ, thay thế bằng cái mới hoàn thiện hơn, đáp ứng sự phát triển mới của thực tế. Có cái mới đem lại hiệu quả lớn, hiệu quả tức khắc, nhưng cũng có cái mới vừa xuất hiện, hoặc một thời gian sau khi xuất hiện, đã thấy không phù hợp, kìm hãm sự phát triển. Vì vậy, Nhà nước phải chủ động điều hành sao cho chính sách quản lý của mình luôn luôn phù hợp, thúc đẩy thực tiễn phát triển. Muốn có chính sách đúng cần quán triệt quan điểm chính trị toàn diện, lưu tâm tới tính kịp thời, thống nhất, và trên hết, khẩn trương tổng kết thực tiễn quá trình thực hiện các chính sách ấy.

Digitized by Google

Trên ba năm đổi mới, dưới góc độ quyền làm chủ của nhân dân, chúng ta thấy nổi rõ nhiều vấn đề cần xem xét, hoàn thiện và chấp hành tốt hơn:

— Muốn đẩy mạnh phát triển sản xuất, muốn nhanh chóng có nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn kế hoạch với thị trường trong và ngoài nước, muốn chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phải tạo quyền chủ động, tự chủ cho cơ sở. Quyết định số 217 — HĐBT của Hội đồng bộ trưởng ban hành các chính sách đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh, đã mở ra nhiều đổi thay trong sản xuất công nghiệp. Nhưng từ những đổi thay ấy, trong quá trình thực hiện lại thấy xuất hiện nhiều vướng mắc về quyền sử dụng tài sản, sử dụng vốn, mối quan hệ giữa quyền quản lý của giám đốc và sự lãnh đạo của đảng ủy, quyền tham gia của công đoàn và công nhân, vai trò kiểm tra của công nhân và sự gánh chịu trách nhiệm của giám đốc... Chỉ thị 100 của Ban bí thư về khoán sản phẩm cuối cùng trong nông nghiệp, và sau đó là Nghị quyết 10 của Bộ chính trị về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, đã mở ra những bước đi cơ bản trong sản xuất nông nghiệp. Chính phong trào khoán hộ, cùng với nhiều cơ chế chính sách cởi mở khác đã huy động được tiềm năng về vốn, sức lao động của nông dân đầu tư cho sản xuất kinh doanh, đạt hiệu quả cao hơn và góp phần tạo ra năng lực sản xuất mới ở nông thôn. Nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất trên diện rộng, có hiệu quả (giống mới, kỹ thuật canh tác, phân vùng chuyên canh, các thiết bị và công nghệ hiện đại trong chế biến, nuôi trồng...). Bước đầu phát huy năng lực của nhiều thành phần kinh tế trong phát triển nông nghiệp. Đã xuất hiện và phát triển sự hợp tác đa dạng, đan xen, với hình thức và quy mô phong phú trên nhiều lĩnh vực. Nhưng cũng từ trong việc thực hiện Nghị quyết 10, nhiều vấn đề đang được đặt ra đòi hỏi chúng ta phải suy nghĩ và có hướng giải quyết thỏa đáng như vấn đề giá cả, tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm nông nghiệp, bộ máy quản lý... Quyền làm chủ trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp... cho tới nay, ai cũng thấy phải trả lại cho cơ sở; nhưng vấn đề đặt ra là phải làm gì để cơ sở đủ sức thực hiện quyền làm chủ đó. Nhà nước còn chưa đủ các chính sách cụ thể để khuyến khích tính tự chủ, sáng tạo của cơ sở. Nhiều khi chính sách đã có nhưng thi hành chậm và tùy tiện. Các chính sách phát triển kinh tế — xã hội lúc này nên tập trung chú ý tháo gỡ cho cơ sở các vấn đề: giao quyền quản lý và sử dụng tài sản xã hội chủ nghĩa cho các tập thể lao động như thế nào? Có xí nghiệp cổ phần, công ty cổ phần hay không? Giám đốc có trách nhiệm ra sao?... Vấn đề tăng nguồn vốn cho sản xuất, cho đầu tư kỹ nghệ, mở rộng ngành nghề sản xuất, đào tạo công nhân, vấn đề xuất và nhập hàng hóa, tiêu thụ sản phẩm, vấn đề quyền lợi và nghĩa vụ của cơ sở với các cơ quan chủ quản trên nó, thuế về thu nhập, tiền vay, tiền gửi... Ngoài ra còn phải chú ý việc hướng dẫn mở mang các mối quan hệ sản xuất trong công nghiệp và nông nghiệp. Mở rộng các hình thức hợp tác từ thấp đến cao theo nguyên tắc tự nguyện dân chủ. Có định hướng phát triển cụ thể cho kinh tế tư nhân, tạo mọi điều kiện thuận lợi để họ yên tâm đầu tư tiền vốn, kỹ thuật vào sản xuất. Nhà nước cần có kế hoạch tập trung huy động mọi lực lượng, mọi tiềm năng vào công cuộc phát triển kinh tế, tạo ra những vùng kinh tế điển hình, những ngành kinh tế mũi nhọn... Chẳng hạn như mở mang các đặc khu kinh tế ở vùng ven biển để thu hút vốn đầu tư

Digitized by Google

của nước ngoài, giải quyết việc làm, tạo ra hàng hóa có giá trị cao. Tiếp tục triển khai nhiều hình thức xuất khẩu lao động sang các nước có nhu cầu. Tạo ra những thay đổi căn bản về cơ sở hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân ở nông thôn, mở rộng phân công lao động ở khu vực này. Đổi mới việc khai hoang xây dựng kinh tế mới ở miền núi và vùng sâu. Có thể thành lập các binh đoàn quân đội cả nam, nữ đi làm kinh tế xây dựng cơ bản các vùng đất mới để hình thành các điểm dân cư mới đủ điều kiện để con người sống tốt và phát triển sản xuất tốt ở những nơi đó. Có chính sách ưu đãi cho các vùng kinh tế đó.

— Các chính sách xã hội gắn liền với các chủ trương, chính sách kinh tế, bao giờ cũng là động lực của quyền làm chủ. Các chính sách xã hội một khi không đi liền, không theo kịp các cải cách kinh tế, thì nó sẽ kìm hãm sự phát triển kinh tế, hạn chế rất nhiều sự sáng tạo, tự chủ của quần chúng lao động. Phải thừa nhận thời gian qua, việc định ra các chính sách xã hội và quản lý xã hội của ta còn non kém. Thực tiễn sản xuất đang đặt ra rất nhiều vấn đề xã hội cần giải quyết. Yêu cầu dân sinh, dân trí, dân chủ cho từng người dân, từng bộ phận dân cư, đòi hỏi chúng ta phải điều chỉnh lại các chính sách văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, tiền lương, nhà ở, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, chăm lo các gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ, những người về hưu, người già yếu không nơi nương tựa, người tàn tật, các chính sách tôn giáo, dân tộc, v.v. Yêu cầu cơ bản trong điều chỉnh là phải bảo đảm công bằng xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho đông đảo người lao động, khuyến khích mọi công dân làm việc có năng suất, có chất lượng và hiệu quả.

— Sự non kém trong quản lý xã hội, làm cho quá trình đổi mới kinh tế vấp phải những ngáng trở ghê gớm. Nó bó chặt quyền làm chủ của người dân, nhưng mặt khác nó lại bị bọn cơ hội, xấu xa lợi dụng để làm bậy. Vấn đề đặt ra hôm nay là Nhà nước cần phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân trong khuôn khổ pháp luật. Và, trong việc quản lý đất nước, Nhà nước cần tỏ rõ quyền lực của mình, kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, bọn gây rối, phá hoại, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội để người dân được sống trong thanh bình, yên tâm sản xuất. Các tệ nạn xã hội phải được khắc phục bằng các phương pháp giáo dục, thuyết phục và bằng cả pháp luật. Phải tạo ra một nền pháp chế thống nhất trong cả nước. Luật pháp và các chính sách của Đảng và Nhà nước phải có hiệu lực trong toàn quốc; ai chống lại, ai làm sai phải được ngăn chặn hoặc nghiêm trị kịp thời. Không thể có những khu vực riêng, khoảnh trời riêng cho những phần tử phá hoại, đục khoét làm giàu. Các chủ trương chống buôn lậu, chống tham nhũng của Nhà nước rất phù hợp với lòng dân, được nhân dân hưởng ứng, vì vậy cần triển khai nhanh và khi đã phát hiện đúng thì phải xử lý ngay, xử lý nghiêm minh...

2 — Các đoàn thể chính trị và các tổ chức xã hội khác của quần chúng lúc nào cũng có vai trò lớn lao trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Các tổ chức này vừa là người đại diện quyền lợi, vừa là người vận động tổ chức quần chúng tham gia thực hiện và bảo vệ quyền làm chủ của mình. Hiện nay các đoàn thể chính trị và các tổ chức xã hội khác của quần chúng đang ra sức đổi mới, hướng mọi hoạt động của mình xuống cơ sở, tập trung giải quyết những vấn đề thiết thực do quần chúng

Digitized by Google

trong tổ chức mình đề xướng. Phương hướng đổi mới đó đã thực sự khơi nguồn sức mạnh của nhân dân.

Tổng liên đoàn lao động đã đi sâu vào vận động công nhân viên chức thực hiện cơ chế sản xuất mới, ghé vai cùng nhà nước gánh vác, tháo gỡ khó khăn trong các xí nghiệp quốc doanh. Hội nông dân đi sâu vận động nông dân làm kinh tế gia đình. Hội phụ nữ chú trọng giải quyết các vấn đề giáo dục giới tính, bảo vệ quyền lợi người phụ nữ và trẻ em, tiếp tục đẩy mạnh các cuộc vận động như giúp nhau làm kinh tế gia đình; chống nạn trẻ em suy dinh dưỡng, học sinh bỏ học; sinh đẻ có kế hoạch; cải tiến cơ cấu bữa ăn, v.v. Đoàn thanh niên đi sâu vào tập hợp giáo dục thanh niên xung kích trên mặt trận sản xuất, khoa học, bảo vệ an ninh tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc nêu cao ngọn cờ đoàn kết mọi tầng lớp, mọi tổ chức, mọi dân tộc tích cực cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của đất nước, nhất là tham gia xây dựng, củng cố chính quyền của dân, do dân, vì dân, xây dựng pháp luật, v.v. Các tổ chức xã hội khác thu hút quần chúng vào các hoạt động nâng cao nghề nghiệp, mở mang dân trí, tham gia với Nhà nước trong xây dựng các chính sách, cơ chế phát triển kinh tế xã hội, phát triển khoa học kỹ thuật có liên quan, động viên nhân dân phát huy tinh thần tương thân, tương ái, phát triển các hoạt động nhân đạo, từ thiện...

Các hoạt động đó, với những đặc điểm, nội dung khác nhau nhưng cùng chung một mục đích là khơi dậy mọi tiềm năng, tập hợp mọi trí tuệ, gắn mọi công dân với các hoạt động xã hội hữu ích. Để các hoạt động ấy nhịp nhàng và có hiệu quả cao, các đoàn thể và các tổ chức xã hội cần chủ động phối hợp chặt chẽ với nhau, phân công nhau để tránh chồng chéo, tránh hao phí thời gian và đóng góp của nhân dân. Muốn giải quyết các khó khăn về vật chất, chúng ta coi trọng phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, nhưng nếu chỉ đi sâu vận động sự đóng góp của dân mà không lưu tâm phối hợp đáp ứng quyền lợi của nhân dân thì sẽ không bồi dưỡng và khơi dậy được sức dân. Các đoàn thể chính trị và các tổ chức xã hội khác cần chủ động phát hiện và đề xuất với nhà nước những chủ trương chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, bồi dưỡng sức dân; mặt khác cần tích cực tuyên truyền phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến nhân dân. Hơn nữa, phải cùng nhân dân kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chính sách, phát hiện xem ở đâu, ở khâu nào chính sách còn vướng mắc, còn chưa được thực hiện nghiêm chỉnh, chính sách nào, chủ trương nào còn xa rời thực tiễn, còn có nhiều kẽ hở vi phạm quyền lợi chung, quyền lợi thống nhất của đất nước, của dân tộc, vi phạm đời sống của người lao động.

3 — Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trên phạm vi cả nước có hiệu quả hay không phụ thuộc phần nhiều ở vai trò lãnh đạo của các cấp ủy ở từng địa phương, từng cơ sở.

Trước yêu cầu phát huy quyền làm chủ của nhân dân, động viên nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, hăng hái sản xuất, tiết kiệm, tháo gỡ khó khăn, cấp ủy từng địa phương, từng cơ sở cần chuyển động mạnh hoạt động của mình theo các hướng:

— Thấu suốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương mình. Vận dụng sáng tạo các chính sách, nhưng phải tôn trọng tính thống nhất của pháp chế, không vì lợi ích trước mắt, lợi ích cục bộ, mà không tích cực vận

Digitized by Google

động nhân dân thực hiện nghĩa vụ công dân, nêu cao trách nhiệm chung đối với đất nước, chấp hành tốt pháp luật. Muốn vận dụng sáng tạo thì phải nắm chắc đường lối, quan điểm đổi mới của Đảng, phải điều tra, khảo sát thực tiễn, phải lắng nghe ý kiến của nhân dân.

– Tăng cường công tác lãnh đạo có kiểm tra của Đảng. Kiểm tra để động viên, nhưng cũng là để ngăn chặn kịp thời những quyết định sai, hành động sai, tránh những hao phí tiền của, vật tư, sức lao động của nhà nước và nhân dân. Cấp ủy cần lãnh đạo các đoàn thể chính trị làm tốt công tác này.

– Làm việc có tổng kết phải trở thành phong cách làm việc mới của tất cả các cấp ủy. Trong tổng kết chú trọng tính khoa học, thiết thực, tránh lối làm hình thức, tránh tổng kết một chiều, chỉ dựa vào kinh nghiệm của những nơi làm ăn khá, coi nhẹ những ý kiến của những nơi yếu kém. Tổng kết để phát hiện và đề xuất kịp thời, tổng kết để phát triển mặt tốt, ngăn ngừa mặt xấu, vì lẽ ấy phải đề cao sự trung thực, bỏ ngay kiểu trọng thành tích và khoe khoang. Có tổng kết, cấp ủy mới thấy hết sáng kiến của nhân dân, mới tìm ra thiếu sót trong lãnh đạo của mình, vì vậy mới có thể tiếp tục lãnh đạo nhân dân phát huy hết vai trò làm chủ đất nước.

– Tổ chức cơ sở đảng và đảng viên bao giờ cũng là những vấn đề trọng tâm trong công tác xây dựng đảng. Đảng viên không gương mẫu, không nắm chắc đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì không thể tập hợp, hướng dẫn nhân dân được. Đảng viên không chấp hành pháp luật, coi thường nhân dân, trấn áp nhân dân, thì không thể bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân được. Vì lẽ đó, việc củng cố đảng, làm trong sạch đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ đảng viên, có quan hệ mật thiết với phong trào cách mạng của quần chúng, với quyền làm chủ của nhân dân lao động.

– Cần giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng và đặc biệt trong sinh hoạt cấp ủy. Cấp ủy phải chủ động trong lãnh đạo, vững vàng trong mọi hoàn cảnh, là niềm tin và chỗ dựa cho các đảng viên và quần chúng tích cực. Phải nghiêm túc thi hành chế độ định kỳ quần chúng tham gia xây dựng đảng. Thông qua phong trào quần chúng mà lựa chọn bố trí cán bộ, chọn lọc người ưu tú kết nạp vào đảng.

Digitized by Google

Xây dựng Đảng vững mạnh

HÀ HUY GIÁP

Lời BBT – *Đồng chí Hà Huy Giáp là cán bộ cách mạng lão thành đã nghỉ hưu. Tuy đã trên 80 tuổi, sức yếu, đồng chí vẫn rất quan tâm đến công tác xây dựng Đảng. Đồng chí Hà Huy Giáp là ủy viên Ban biên tập đầu tiên của Tạp chí Cộng sản. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 35 Tạp chí Cộng sản ra số đầu, đồng chí gửi cho chúng tôi bài báo tự tay đồng chí đánh máy, với nhiệt huyết của người cộng sản đóng góp vào sự nghiệp xây dựng Đảng. Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc.*

BÁC HỒ đã từng nói: Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.

Đây là một chân lý của thời đại. Chân lý này đã giải quyết được sự bế tắc về đường lối cách mạng ở nước ta.

Phất cao ngọn cờ độc lập dân tộc và dân chủ hướng tới chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã đưa cách mạng Việt nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Chính nhờ đường lối này mà Đảng ta đã tập hợp được cả dân tộc xung quanh mình, lãnh đạo họ tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, rồi tiến hành kháng chiến chống Pháp thắng lợi, tiến lên đương đầu với đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh 21 năm thắng lợi vang dội khắp năm châu, đem lại độc lập thống nhất cho cả nước và đưa đất nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhưng xã hội xã hội chủ nghĩa không phải tự phát mà có được. Nó phải là kết quả của sự phát triển khoa học, kỹ thuật cao kết hợp với sự giác ngộ chính trị cao của con người, của toàn dân.

Cho nên Bác Hồ đã nói: «Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa». Con người xã hội chủ nghĩa là con người có ý thức làm chủ nhà nước, có tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa, có tư tưởng mình vì mọi người, mọi người vì mình, coi việc nước như việc nhà.

Chúng ta bắt đầu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa với những con người còn mang nhiều dấu vết của xã hội cũ. Vết tích xấu xa nhất của xã hội cũ để lại cho chúng ta là chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân khác với quyền lợi, nhu cầu cá nhân. Mọi người đều có quyền bảo vệ, và xã hội có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi cho cá nhân, đó là điều chính đáng. Còn chủ nghĩa cá nhân là cái

Digitized by Google

gì cũng muốn mọi người vì mình, chứ không muốn mình vì mọi người. Ngay những hành động khoe khoang mình vì mọi người, như ban ơn, làm phúc... thật ra cũng đều có tính toán cá nhân, muốn thâu tóm lợi ích gì đó cho bản thân mình.

Chủ nghĩa cá nhân dưới nhiều hình dạng, đều là kẻ địch nguy hiểm nhất cho chủ nghĩa xã hội.

Những biến cố gần đây dồn dập xảy ra trong nhiều nước Đông Âu, càng chứng minh sự sáng suốt của Bác Hồ.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Bác và Đảng ta đã ra thông tri và phái một phái đoàn đi các tỉnh, cấm chỉ cán bộ hống hách với dân, và thi hành kỷ luật nghiêm đối với những người lên mặt làm quan với dân.

Về sau, Bác lại khẳng định Đảng lãnh đạo là làm đầy tớ trung thành của nhân dân. Nhân dân là người chủ xã hội, người chủ đất nước. Đảng tụ tập những người con ưu tú nhất trong nhân dân để phục vụ lợi ích của nhân dân, dân tộc và loài người đau khổ.

Đảng và các đoàn thể quần chúng do Đảng lãnh đạo đâm sâu rễ trong các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, bộ tộc, các địa phương; thấu hiểu những nguyện vọng, những thắc mắc của họ. Nếu là việc thường thì cùng với nhân dân bàn bạc mà giải quyết. Nếu là những việc có tính chất phổ biến thì cũng hỏi ý kiến của dân rồi về báo cáo với cấp ủy, phân tích một cách toàn diện, điều nào là chính đáng và hiện thực thì sau khi cấp ủy vạch hướng giải quyết, đem trở lại báo cáo với nhân dân, cho mọi người thông suốt và thực hiện. Như thế là từ dân mà ra, qua sự phân tích khách quan, khoa học của Đảng, rồi lại đưa về nhân dân, và cán bộ đảng viên cùng với dân thực hiện. Bác nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải gương mẫu chấp hành đường lối của Đảng «lội nước thì phải đi trước, ăn cỗ thì đi sau». Đảng ta lãnh đạo là như thế, làm đầy tớ thật trung thành của nhân dân cũng là như thế.

Lợi ích của Đảng là đồng nhất với lợi ích trước mắt và lâu dài của nhân dân. Đảng không có lợi ích nào khác.

Đảng phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân mới đại diện chân chính cho quyền lợi dân tộc. Ngoài đảng của giai cấp công nhân ra, không có và không thể có đảng nào khác đại diện quyền lợi thiết thực và chân chính của dân tộc được. Cho nên, Đảng phải dùng đủ mọi biện pháp không ngừng chăm lo nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên và nhân dân, nhất là trong điều kiện thế giới ngày nay đang trải qua một cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật hiện đại. Đảng viên ta có đạo đức chí công vô tư, cần, kiệm, liêm, chính, nhân, nghĩa, trí, dũng, có trình độ vận dụng một cách sáng tạo khoa học và kỹ thuật hiện đại của thế giới, thì nhất định chúng ta sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Có nâng cao trình độ văn hóa của toàn Đảng, toàn dân, thì mới phát huy được dân chủ sâu rộng. Có phát huy dân chủ sâu rộng trong Đảng và trong nhân dân thì mới thực hiện được tốt chế độ tập trung dân chủ.

Như bây giờ, vừa thiếu dân chủ, vừa không tập trung; nếu có, chỉ là tập trung quan liêu, đồng thời vẫn xảy ra tình hình vô chính phủ.

Đã nói Đảng tập hợp những người con ưu tú nhất trong công nhân, nhân dân lao động và dân tộc, thì như đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh nói, trong Đảng không thể có những đảng viên trung bình hay là kém.

Digitized by Google

Thà ít mà tinh còn hơn là đông mà phức tạp. Chính bây giờ nhân dân đang chờ đợi thanh lọc những đảng viên kém đi. « Con sâu làm rầu nồi canh ». Đảng mất uy tín trong dân là vì những con sâu này. Mà con sâu này lại nhan nhản trong nồi canh. Một hai con thì người ta đã ngán rồi, không muốn dụng đến nồi canh nữa, huống chi mức thìa nào cũng có ít ra một vài con thì người ta muốn đập đổ ngay nồi canh.

Đảng ta — Đảng của Bác Hồ — đã hy sinh vô bờ bến, đã đem lại vinh quang cho dân tộc, được cả thế giới ca ngợi. Nhưng từ khi Đảng ta nắm chính quyền trên cả nước, nhiều đảng viên đã biến chất. Những người cương trực, trung thực đóng góp những ý kiến tốt cho Đảng thì lại bị những người xấu trù dập, thậm chí bị chụp mũ cho là phản động. Hiện tượng đó không còn là cá biệt. Thế là, bà con thân thích hay những người nịnh bợ kẻ xấu thì được giới thiệu vào Đảng. Trên, họ có dù che chở; dưới, họ tha hồ hống hách.

Họ dốt, không có trình độ, ỷ mình thuộc thành phần cơ bản, cho nên đi đâu cũng vỗ ngực tự xưng mình « lập trường nhất »; nếu thủ trưởng có trình độ văn hóa mà trái với ý họ, thì họ nện cho là không có lập trường giai cấp.

Trong quyển « Đường cách mệnh », tóm tắt những bài Bác dạy ở Quảng châu cách mạng, hồi 1925 — 1927, ở trang bìa đầu, Bác nêu lên câu của Lê-nin: « Không có lý luận cách mạng thì không có cách mạng vận động... Chỉ có theo lý luận cách mạng tiền phong, Đảng cách mạng mới làm nổi trách nhiệm cách mạng tiền phong ». Trang sau, Bác nêu lên tư cách, thái độ người cách mạng đối với mình, với người, với công việc. Có đường lối đúng mà không có tư cách, thái độ thích ứng của cán bộ, đảng viên, thì không thể thực hiện được đường lối đúng đo. Bác nhắc nhiều đến đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Bác cho đạo đức là gốc, là nguồn, cũng như cây có gốc mới sống được, như sông có nguồn mới có nước. Người cách mạng có đạo đức cách mạng mới ăn sâu bám rễ vào trong quần chúng nhân dân. Dân là gốc, là nguồn, là chủ cách mạng. Người cách mạng có sâu rễ trong nhân dân thì gốc mới bền, cách mạng mới vững.

Thời kỳ Đảng hoạt động bí mật, thời kháng chiến chống ngoại xâm, cán bộ, đảng viên bám vào dân, được dân che chở, mới lãnh đạo được nhân dân làm cách mạng, làm kháng chiến.

Năm 1949, tôi ra Việt bắc, thấy rừng và thung lũng liên tiếp cả miền Trung du Bắc bộ, tôi thưa với Bác: « Ở ngoài này lập căn cứ trong rừng rất dễ ». Bác nói: « Chú nói đúng, nhưng chỉ đúng một nửa thôi, rừng cây che ta, nhưng nó cũng che địch. Các chú trong Nam bộ, các chú hoạt động trong rừng người, trong lòng người. Rừng người chẳng những biết che chở cho ta mà còn giúp ta phát hiện địch để giúp ta tránh địch và đánh địch. Xây dựng căn cứ trong rừng người, trong lòng người là tốt nhất. Nhân dân Nam bộ và miền Nam nói chung lại có tinh thần yêu nước cao, là thành đồng của Tổ quốc ».

Có một lần, ngành văn hóa xin phép dựng tượng Bác, Bác không cho. Bác nói: « Nhân dân ta, từ cụ già đến em bé, gái trai rất anh hùng dũng cảm, chiến đấu oanh liệt với giặc, thế mà các chú không dựng tượng. Một mình mình thì làm được cái gì? » Sau khi Bác mất, để nhớ ơn, dựng tượng Bác, thiết lập bảo tàng về Bác là cần thiết, nhưng phải cân nhắc, vừa phải. Làm như hiện nay là không nên, ở đâu cũng dựng tượng Bác là trái với ý Bác, nhất là khi dân còn nghèo

Digitized by Google

Đúng như Bác nói, ta thắng địch là nhờ có dân.

Cho nên địch tìm cách gom dân vào những ấp riêng biệt để cách ly với cách mạng. Chúng cho đó là một chiến lược, gọi là ấp chiến lược. Nhưng chúng không thành công, vì dân ta biết đâu là chính nghĩa, đâu là phi nghĩa.

Nhưng, đến lúc ta thắng giặc ngoại xâm đem lại độc lập thống nhất, hòa bình cho đất nước, thì cán bộ ta lại xa dân, đứng trên đầu dân, hống hách với dân.

Hòa mình với dân giúp ta gần chân lý, tiếp cận được với chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Xa dân, chỉ dùng mệnh lệnh hành chính, làm cho Đảng, các đoàn thể quần chúng và chính quyền cũng đông loạt quan liêu, không thể gần chân lý, không thể tiếp cận được với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, cán bộ, đảng viên và các loại đoàn viên sẽ biến chất.

Thế thì bây giờ đổi mới Đảng phải như thế nào?

— Là trở về với Bác Hồ. Trở về với Bác Hồ là phải coi dân là gốc, là người chủ cách mạng. Kinh nghiệm đã cho thấy, dù tranh phê bình trong nội bộ các chi bộ nhiều khi không đi đến nơi, không đạt được sự nhất trí, nhưng đưa ra cho nhân dân tham gia phê bình thì đem lại kết quả tích cực, vì nhân dân hiểu rất rõ ảnh hưởng các hoạt động của cán bộ và đảng viên, làm cho cán bộ, đảng viên có ngoan cố mấy thì cũng phải chấp nhận những lý lẽ rành mạch của nhân dân, nhờ đó mà chi bộ lành mạnh hơn, thậm chí có chi bộ phải khai trừ cả bí thư. Nhưng nhân dân cũng rất khoan hồng. Có lúc bí thư bị khai trừ, một thời gian, nhân dân thấy bí thư này chịu khó sửa chữa khuyết điểm của mình, thì nhân dân lại yêu cầu Đảng khôi phục đảng tịch, thậm chí còn đề nghị Đảng khôi phục cả chức bí thư trước đây.

Chỉ có phát huy dân chủ sâu rộng trong Đảng và trong dân, thì chúng ta mới lành mạnh hóa Đảng được, lành mạnh hóa cả trên lẫn dưới.

Phải thương yêu, tin tưởng, kính trọng nhân dân, đó là điều chủ chốt nhất để coi dân là gốc, là người chủ cách mạng. Đồng thời Đảng phải giáo dục cho dân tinh thần, ý thức làm chủ, đặt trách nhiệm tối đa cho họ và tạo điều kiện cho dân có khả năng làm chủ. Bây giờ trong nhiều việc làm ta chẳng những không tin dân mà không tin ngay cả cán bộ, đảng viên trung thực và sợ người nói sự thực. Nhiều cán bộ ưa người xu nịnh. Do đó những người tốt không được vào Đảng, mà bản thân họ cũng không thiết tha vào cái đảng như thế.

Bác Hồ nói: Sở dĩ Đảng ta được toàn dân tin nhiệm mà cả thế giới ca ngợi là vì cán bộ, đảng viên của Đảng ta rất hy sinh vì sự nghiệp của Đảng, của cách mạng, hy sinh đến cả tính mạng của mình nữa. Nhưng Đảng không phải luôn luôn được sự tin nhiệm đó, nếu có nhiều cán bộ tự tư tự lợi, thoái hóa biến chất. Hồi trước — thời Đảng hoạt động bí mật — vào Đảng là chờ máy chém không biết khi nào chặt vào cổ mình, ít ra cũng ngồi chờ tù rục xương. Nhưng bây giờ, Đảng nắm chính quyền cả nước rồi, đáng lý phải nghĩ rằng mình vào Đảng là để cúc cung tận tụy phục vụ nhân dân, thì nhiều người lại không nghĩ như thế, họ cho Đảng là công cụ vinh thân phì gia, là một cái thang để leo lên làm ông này, bà nọ. Thật là làm ô nhục cho cái danh hiệu cao quý là người cộng sản — người đầy tớ trung thành của dân.

Khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã giành được chính quyền, Đảng phải đứng vững trên lập trường giai cấp của mình — lập trường khoa học chứ không phải lập trường công nhân chủ nghĩa, thành

Digitized by Google

phần chủ nghĩa – để trở thành Đảng của dân tộc, bênh vực quyền lợi chính đáng của cả dân tộc kết hợp với chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, bài trừ mọi biểu hiện của chủ nghĩa sô vanh nước lớn (hay nước nhỏ) đối với các dân tộc các nước và các bộ tộc và dân tộc trong nước; đồng thời bài trừ sự tự ti dân tộc. Đảng phải tự hào nhưng khiêm tốn.

Toàn Đảng, toàn dân phải am hiểu, nhạy bén với những chuyển biến tích cực cũng như tiêu cực trên thế giới. Đồng thời, cũng phải am hiểu tình hình trong nước. Cần phải tăng cường hệ thống thông tin liên lạc bằng mọi phương tiện.

Một nhiệm vụ hàng đầu của Đảng là nhanh chóng nâng cao trình độ văn hóa và nghiệp vụ của toàn Đảng, toàn dân, nhất là đối với thanh niên, theo đúng lời dạy của Bác Hồ. Đặc biệt đối với dân tộc ít người, cần chú ý giúp cho họ mau nâng cao trình độ quản lý.

Đối với các em nhỏ, phải kết hợp học tập với lao động sản xuất để giúp các em chẳng những nâng cao trình độ học vấn mà còn biết cần, kiệm, liêm, chính. Việc giáo dục trong nhà trường phải kết hợp các mặt: trí, đức, lao, thể, mỹ.

Muốn đổi mới tư duy, đổi mới con người, mà không đổi mới nền giáo dục phổ thông và đại học, thì không đổi mới được gì cả. Đổi mới tư duy thì trước tiên phải đổi mới tư duy đối với ngành giáo dục. Coi trọng con người, phát huy khả năng tự do phát triển của con người là mục đích, cứu cánh, cũng là phương tiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì phải coi trọng hàng đầu ngành giáo dục. Có diệt được giặc dốt mới diệt được giặc đói và giặc ngoại xâm, giải phóng hoàn toàn con người.

«Đảng ta là văn minh, là đạo đức», đòi hỏi đảng viên, cán bộ vừa phải có trí tuệ, vừa phải có phẩm chất đạo đức cách mạng cao quý.

Đảng muốn luôn luôn ngang tầm với nhiệm vụ, thì phải thường xuyên đổi mới, đổi mới tư duy, đổi mới con người. Có vậy mới xứng với lý tưởng chủ nghĩa cộng sản là thanh xuân của thế giới.

Phải luôn chú ý trẻ hóa đội ngũ của Đảng. Một mặt, phải thường xuyên tiến hành tự phê bình và phê bình, coi đó là quy luật phát triển của Đảng và của xã hội ta. Dù việc to hay việc nhỏ, nói cho nhau biết ngay, như thế để giúp nhau đỡ sai lầm, đỡ sa đọa mà không đụng đến tự ái của nhau. Khi nào anh em cố chấp, không chịu sửa, thì mới đưa ra chi bộ, chứ lâu lâu mới đưa ra chi bộ tự phê bình và phê bình, thì dễ quan trọng hóa vấn đề, dễ phát sinh xung đột.

Mặt khác, thường xuyên nâng cao trình độ hiểu biết cho nhau. Mỗi cuộc họp có tác dụng giáo dục như thế cũng là một cách trẻ hóa tư duy cán bộ, đảng viên.

Cần lựa chọn trong thanh niên những người tốt, có năng lực, có phẩm chất, có sức khỏe, giới thiệu vào Đảng.

Chẳng những trong nội bộ Đảng phải tiến hành thường xuyên tự phê bình và phê bình, mà Đảng cũng phải thường xuyên để nhân dân nhận xét Đảng, cán bộ và đảng viên, bằng cách định kỳ tiếp dân hay đi xuống cơ sở để nghe dân góp ý kiến với Đảng, với các bộ đảng viên.

Thực hiện được như thế và phải thực hiện cho được như thế thì mới biến Đảng là Đảng duy nhất và độc nhất lãnh đạo. Vì độc nhất lãnh đạo, nên phải thật sự dân chủ. Trên cơ sở phát huy dân chủ sâu rộng, phải phát huy tự do tư tưởng, bàn luận với nhau, cùng nhau đối thoại đi đến nhất trí với nhau, hoặc giả có vấn đề sau khi bàn luận mà chưa đi đến nhất

Digitized by Google

trí, thì thiểu số phải phục tùng đa số. Một chủ trương nào cũng ảnh hưởng đến quyền lợi của nhân dân và do nhân dân thực hiện, nếu không phục tùng đa số mà mạnh ai nấy làm theo ý mình, thì hại cho người khác và người ta cũng không cho mình làm.

Có người viện cớ rằng trong lịch sử thiếu gì trường hợp chân lý lúc đầu bị bác bỏ, cấm đoán, nhưng về sau lại được thực tiễn chứng minh là đúng, cho nên nếu có xảy ra bất đồng ý kiến trong Đảng hay là trong nhân dân, thì cứ mặc kệ để họ làm theo ý họ.

Bác Hồ hồi 3/2/1930, lúc hợp nhất ba nhóm cộng sản lại, thành lập Đảng cộng sản Việt nam, trong Chính cương tóm tắt và Điều lệ tóm tắt, Bác cũng nêu lên nhiệm vụ cách mạng là phản đế và phản phong, nhưng Bác tập trung mũi nhọn vào nhiệm vụ chống đế quốc và chống đại địa chủ. Về sách lược, Bác phân hóa cao độ giai cấp địa chủ, chia ra ba loại: đại, trung, tiểu địa chủ, cố gắng lôi cuốn tiểu, trung địa chủ và những đảng phái chưa ra mặt phản động tập hợp lại chung quanh công nông. Chủ trương đó của Bác bị Trung ương phê bình là rơi vào chủ nghĩa dân tộc cơ hội hữu khuynh. Nhưng Bác phải chờ đợi, chứ một mình Bác thì không làm được. Mãi đến khóa họp Trung ương lần thứ 6 tháng 11/1939, dưới sự chủ trì của các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Lê Duẩn, Võ Văn Tần, Đảng ta mới trở lại đường lối mà Bác đã nêu ra từ lúc đầu. Khóa họp Trung ương lần thứ 7 tháng 11/1940, dưới sự chủ trì của đồng chí Trường Chinh, cũng khẳng định đường lối này. Cho nên, khi Bác về Pắc bó, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8, 19/5/1941, Bác lại khẳng định một lần nữa và phát huy đường lối của mình lên một bước cao hơn. Bác nói, bây giờ mà không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng thì vạn năm cũng không tranh được quyền lợi cho bộ phận, giai cấp. Bác đề nghị hội nghị lập ra Việt nam độc lập đồng minh gọi tắt là Việt minh để tập hợp toàn thể dân tộc xung quanh Đảng, xung quanh Việt minh.

Vấn đề dân tộc là vấn đề tế nhị. Chúng ta không phải là dân tộc lớn nhưng cũng phải là dân tộc nhỏ. Một khi cách mạng thành công, chúng ta sẽ thành lập một nước Cộng hòa dân chủ Việt nam, còn các bạn Lào, và Khơ-me thì tùy ý bạn.

Đường lối của Bác đến lúc đó mới thắng lợi hoàn toàn. Đường lối đó đã phát huy được lòng yêu nước của nhân dân ba nước Đông dương, đem lại thành công rực rỡ cho Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến thắng lợi. Sau đó, Bác nói: Đảng ta là đảng Việt nam nghĩa là đảng của cả dân tộc.

Công việc gì dụng chạm đến quyền lợi người thứ hai thì cũng đòi hỏi sự nhất trí giữa hai người, mới thực hiện được, huống hồ công việc dụng chạm đến quyền lợi của cả dân tộc, thì càng đòi hỏi ít nhất phải có sự nhất trí của đa số trong Đảng, đa số trong các giai cấp cơ bản. Cách mạng không phải chỉ làm bởi những người đảng viên mà còn phải làm bởi đại đa số quần chúng. Chỉ mình đảng viên làm, không có sự hưởng ứng của giai cấp và của dân tộc, thì Đảng bị cô lập.

Các cuộc cách mạng dân chủ tư sản Âu Mỹ nói là nêu cao tự do, bình đẳng chung cho mọi người nhưng thật ra đó chỉ là tự do, bình đẳng cho bọn nhà giàu mà thôi. Ngay cả trong bọn nhà giàu với nhau, trong bọn chủ tư bản, cũng thường xảy ra hiện tượng cá lớn nuốt cá bé, chứ không có tự do bình đẳng thực sự. Không thể nào có tự do, bình đẳng giữa chủ và tớ, giữa tư bản và vô sản.

Chỉ nói ngày nay thôi, tại sao Mỹ ngang nhiên đưa quân đội ào ạt vào Pa-na-ma mượn cớ là bắt tướng

Digitized by Google

Nô-ri-ê-ga buôn lậu ma túy. Cho dù tướng Nô-ri-ê-ga có buôn lậu ma túy chăng nữa, thì Mỹ cũng không có quyền gì đưa quân đội xâm chiếm nước người ta. Vậy mà đến bây giờ quân Mỹ vẫn ở lại Pa-na-ma, viện cớ là để lục soát, tước súng ống mà dân Pa-na-ma dùng để tự vệ chống sự xâm lược của Mỹ. Sự thật ai cũng biết là nhân dân Pa-na-ma không muốn để đất nước mình bị Mỹ chiếm đóng lâu dài và làm thuộc địa của Mỹ. Nhưng Mỹ không tha thứ ý muốn độc lập của họ.

Đối với Ni-ca-ra-goa, cũng vậy. Nhân dân Ni-ca-ra-goa dưới sự lãnh đạo của đảng của Oóc-tê-ga đã giành được chính quyền về tay mình. Thế mà trên 10 năm nay, Mỹ đã can thiệp bằng đủ cách: giúp súng ống cho bọn phản động và bọn chư hầu đánh lại nhân dân Ni-ca-ra-goa và phong tỏa kinh tế làm cho nhân dân Ni-ca-ra-goa điêu đứng. Khi hai bên đã thỏa thuận mở cuộc tổng tuyển cử thì Mỹ lại tung tiền ra mua phiếu và hăm dọa nhân dân, làm cho nhân dân lo sợ chiến tranh kéo dài. Thế là Mỹ đã gạt được Oóc-tê-ga ra khỏi chính quyền.

Tự do, bình đẳng gì mà Mỹ cứ chiếm đóng Gu-an-ta-na-mô của Cu-ba và khiêu khích Cu-ba, hòng đặt Cu-ba vào vòng lệ thuộc mình.

Mỹ can thiệp vào khắp nơi, nhất là các nơi yếu kém, và tìm mọi cách lấn át đối với các cường quốc tư bản thế giới như Nhật bản và Cộng hòa liên bang Đức...

Đối với Việt nam, Mỹ đã làm cuộc chiến tranh 21 năm trời; cuộc chiến tranh hủy diệt định đưa nước ta về thời kỳ đồ đá đã vấp phải một thất bại ê chề. Chiến tranh đã kết thúc 15 năm rồi mà Mỹ vẫn phong tỏa kinh tế đối với ta, và bắt các nước tư bản khác không được quan hệ buôn bán với ta. Mỹ nuôi ảo vọng biến nước Việt nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Các nước tư bản cho chế độ của chúng là tự do dân chủ nhất, có đa nguyên, đa đảng. Nhưng đối với Đảng cộng sản thì chúng tìm mọi cách chèn ép; thậm chí ở một số nước chúng cấm hoạt động; chúng còn vu khống những người cộng sản là giáp điệp của nước ngoài và bị buộc tội phản quốc.

Sau khi Liên xô đánh bại phát xít Đức, Ý và quân phiệt Nhật, cứu nhân loại khỏi chế độ nô lệ đã man của bọn phát xít, chúng buộc phải cho các đảng cộng sản và những người cộng sản hoạt động, bởi lẽ những người cộng sản tham gia chiến đấu chống phát xít hăng hái nhất và góp phần cho sự thắng lợi, nhưng những người cộng sản luôn luôn bị làm khó dễ, chỉ được làm những chức vụ thứ yếu nào đó, hoặc là bị đuổi khỏi xí nghiệp.

Hiến pháp các nước tư bản còn kiềm chế số đại biểu của các nơi đông dân nghèo, nhất là nơi có đông công nhân. Thành thử ở các nước đó, số đại biểu cộng sản trong quốc hội bao giờ cũng ít hơn nhiều so với số đại biểu tư bản...

Trong các cuộc tuyển cử ở các nước tư bản, thường các tập đoàn tư bản bỏ ra hàng triệu đô la để mua phiếu cho ứng cử viên của mình.

Như cuộc tuyển cử ở Ni-ca-ra-goa vừa qua, Mỹ vừa chi 17 triệu rưỡi đô la cho các ứng cử viên được Mỹ ủng hộ, vừa đe dọa khủng bố sẽ tiếp tục chiến tranh và phong tỏa kinh tế, nếu Đa-ni-en Oóc-tê-ga thắng. Khi ứng cử viên của Mỹ thắng, tổng thống Bu-sơ liền ra lệnh cho quân Côn-tơ-ra rút về, và lập tức hứa hẹn viện trợ ào ạt cho Ni-ca-ra-goa. Ông Bu-sơ la lớn: « Dân chủ đã thắng ».

Chung quy các cuộc tuyển cử ở các nước tư bản chỉ là những cuộc tranh giành quyền lợi giữa các tập đoàn tư bản này với các tập đoàn tư bản khác

Digitized by Google

mà tốn kém hàng chục, hàng trăm triệu đô la.

Dưới bề ngoài là tự do, bình đẳng chung cho mọi người, kỳ thực bọn tư bản kếch sù nắm độc quyền tất cả các phương tiện tuyên truyền, thông tin đại chúng.

- Những đảng đại biểu quyền lợi cho dân nghèo như các đảng phái tả có tiền đâu mà thuê các phương tiện đó, huống chi còn bị quyền thống trị của bọn tư bản làm khó dễ.

Tự do dân chủ tư sản, chế độ đa nguyên đa đảng, theo quan niệm của bọn tư bản, là như vậy đó!?

Ta phải trở lại với những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh để mà hoàn thiện chuyên chính vô sản, nghĩa là xây dựng một chính quyền của dân, do dân, vì dân.

Có người chấp nhận một đảng lãnh đạo, nhưng lại đòi đa nguyên. Người ta lầm tưởng đa nguyên là tự do tư tưởng. Chủ nghĩa đa nguyên chính trị chủ trương có nhiều khuynh hướng chính trị cùng tồn tại. Chúng đòi hỏi các nước xã hội chủ nghĩa phải cho phép các đảng chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội được tồn tại và phát triển. Điều đó là tuyệt đối không thể được, vì nó rất nguy hiểm cho cách mạng và có hại cho lợi ích của nhân dân. Còn tự do tư tưởng thì khác: đối với một vấn đề gì dù to dù nhỏ, có liên quan đến quyền lợi của nhân dân, nhiều người có ý kiến khác nhau, thì phải để cho tự do tranh luận, nếu đi đến nhất trí thì tốt, nếu không nhất trí với nhau thì phải biểu quyết, khi đó, thiểu số phục tùng đa số. Không như vậy thì sẽ hỗn loạn. Cần phát huy dân chủ, nhưng cần phải chú ý dân chủ có kỷ cương.

Bác Hồ luôn nhắc chúng ta phải đoàn kết. Nói đoàn kết ngụ ý có sự bất đồng ý kiến, nhưng phải nhất trí chung quanh một nhiệm vụ lớn bao trùm, như thời kháng chiến, thì đòi hỏi mọi người phải nhất trí chống ngoại xâm, giành độc lập cho dân tộc và dân chủ cho nhân dân.

Khi đã giành độc lập cho đất nước, cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội – khát vọng lâu đời của cả loài người khổ đau – thì mọi người phải thông suốt mục tiêu này; còn về phương pháp, biện pháp, thì chúng ta phải bàn luận nhiều lần, phải có nhiều hình thức cho sát hợp với mỗi nơi, mỗi lúc, mỗi tầng lớp, mỗi bộ tộc, mỗi dân tộc..., phải có sách lược mềm dẻo để lôi cuốn mọi người trong cả nước vào sự nghiệp cách mạng chung.

Như trên đã nói, xã hội xã hội chủ nghĩa không phải tự phát mà có; nó đòi hỏi phải có trình độ khoa học kỹ thuật cao, đồng thời đòi hỏi mọi người phải thấm nhuần đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Do đó, phải có những biện pháp sát đúng để giáo dục cho mọi người vừa có trình độ văn hóa cao, vừa có đạo đức cách mạng vững; lại phải có đường lối và chiến lược phát triển kinh tế – xã hội đúng, như Đảng ta bây giờ chủ trương một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Càng phải đi vòng vèo (chân lý là như vậy, không có con đường thẳng tắp dẫn tới xã hội chủ nghĩa), càng không được chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Cho nên, Đảng lãnh đạo phải phát huy cao độ tinh thần dân chủ và kỷ luật, tập hợp cho được những phần tử ưu tú của giai cấp và của dân tộc. Qua những giai đoạn đấu tranh, Đảng phải thanh lọc những hạng người bảo thủ hay bất lực, và thường xuyên bổ sung bằng những lực lượng mới tiến bộ, làm cho Đảng luôn luôn trẻ trung, thanh xuân.

TP Hồ Chí Minh
tháng 10-1990

Digitized by Google

Dân chủ hóa từ nền kinh tế hàng hóa trong chủ nghĩa xã hội

ĐÀO XUÂN SÂM *

TRONG công cuộc đổi mới ở nước ta, dân chủ hóa mọi mặt đời sống xã hội với định hướng xã hội chủ nghĩa là một nội dung cơ bản, đồng thời là một quá trình rất phức tạp. Chế độ xã hội chủ nghĩa mang bản chất dân chủ bao hàm trong nó một nền kinh tế dân chủ. Thực tiễn tìm tòi, thể nghiệm đã cho thấy nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo con đường xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế mang tính chất dân chủ, tiến bộ, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta hiện nay.

Sự phát triển nền kinh tế ấy và những thành tựu bước đầu của nó đã và đang tác động rõ rệt đến toàn bộ nền dân chủ xã hội và góp phần trực tiếp vào việc xác lập nhận thức mới về chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa và quá trình xây dựng chế độ ấy.

Nền kinh tế mới — bước khởi đầu, tạo đà thúc đẩy quá trình dân chủ hóa xã hội

Sau cuộc chiến tranh giải phóng, đất nước ta chuyển sang thời kỳ lịch sử mới, nhiệm vụ xây dựng được đặt lên hàng đầu. Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, nước ta không tránh khỏi tình trạng rập khuôn mô hình chủ nghĩa xã hội hành chính nhà nước (thịnh hành ở các nước xã hội chủ nghĩa nhiều thập kỷ qua). Về kinh tế, tiếp tục áp dụng chính sách công cộng hóa, hiện vật hóa, với cơ chế quản lý rất tập trung và bao cấp (cộng thêm tính mệnh lệnh như trong thời chiến). Chuyển sang điều kiện hòa bình, chính sách và cơ chế quản lý kinh tế đó trở nên mất dân chủ, kìm hãm sản xuất, ách tắc lưu thông, đưa đến hậu quả nghiêm trọng: xã hội trì trệ, rối loạn, không được lòng dân. Chính từ thực tế đó, cuộc đổi mới có tính cách mạng đã được Đảng và Nhà nước ta đề ra. Công cuộc đổi mới đó chính là sự dứt bỏ mô hình cũ, tìm tòi, sáng tạo, nhận thức lại và từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội với ý nghĩa là một chế độ kinh tế xã hội mang bản chất dân chủ.

Sự ra đời, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội đã diễn ra như là một tất yếu lịch sử, một đòi hỏi bức xúc về tự do, về quyền dân chủ của đông đảo nhân dân lao động. Đó là bước khởi đầu của quá trình dân chủ hóa.

Đảng ta từ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành trung ương khóa IV (1979) đến Nghị quyết Hội Nghị lần thứ 6 Ban chấp hành trung ương khóa

* Giáo sư kinh tế học

Digitized by Google

VI (1989), trải qua 10 năm mò mẫm, trăn trở, để đi đến khẳng định một đường lối đúng đắn. Đó là **đường lối phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội.**

Nền kinh tế hàng hóa của ta **khác về chất** so với nền kinh tế hàng hóa phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Nó ra đời trong điều kiện có nhà nước cách mạng do đảng cộng sản lãnh đạo trên cơ sở đã xóa bỏ các giai cấp địa chủ và tư sản. Trong nền kinh tế mới tuy vẫn còn người giàu, người nghèo, **nhưng không có và không thể có** tiền đề để phục hồi các giai cấp thống trị, bóc lột, càng không thể phân cực xã hội thành giai cấp tư sản và vô sản. Trong điều kiện công hữu là nhân tố chủ đạo, các thành phần và hình thức kinh tế tư hữu không có đất để phát triển thành đại tư bản, mà hoàn toàn có khả năng theo con đường của **chế độ hợp tác xã hội chủ nghĩa** (nền kinh tế xã hội chủ nghĩa được hiểu như chế độ kinh tế hợp tác theo tư tưởng Lê-nin). Dĩ nhiên, trong nền kinh tế ấy, sự bình đẳng vẫn chưa vượt ra ngoài khuôn khổ của nguyên tắc pháp quyền tư sản. Nhưng dẫu sao, nó có triển vọng phát triển, đang từng bước tạo ra những nhân tố mới, xóa dần sự bất công và bất bình đẳng.

Quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần mang tính quần chúng sâu rộng và đã tác động tích cực đến việc giải phóng tiềm năng lao động sáng tạo, phát triển sản xuất, mở rộng lưu thông, xác lập một bước quyền và trách nhiệm của cả người sản xuất, người tiêu dùng trong xã hội. Không khí cởi mở dân chủ từ kinh tế đã lan tỏa, trở lại thúc đẩy mạnh mẽ các mặt đổi mới khác, đặc biệt tạo tiền đề hình thành con người mới, con người công dân có khả năng làm chủ trong một xã hội công dân.

Hình thành con người công dân mới trong xã hội công dân — một yếu tố quan trọng của nền dân chủ

Từ khi nước ta chuyển sang phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, xuất hiện ba hiện tượng kinh tế đáng lưu ý:

— Chế độ hợp đồng, chế độ giao khoán đã thay dần chế độ lao động biên chế (trong khu vực quốc doanh) và chế độ thống nhất quản lý ăn chia phân phối (trong hợp tác xã)

— Xu hướng hữu sản hóa một bộ phận quan trọng những người lao động trong kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể (do khuyến khích phát triển kinh tế gia đình và các hình thức giao thầu, giao khoán, hùn vốn kinh doanh...)

— Xu hướng phát triển quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết các thành phần theo nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, cùng có lợi (với công hữu là chủ đạo), hoạt động theo luật kinh doanh thống nhất.

Những hiện tượng mang tính tất yếu và tiến bộ về kinh tế đó đã tác động tích cực đến sự ra đời của con người mới — con người lao động công dân tự do trong xã hội công dân kiểu mới. Hình thức lao động hợp đồng và giao khoán, gắn liền với việc hữu sản hóa một bộ phận quan trọng những người lao động trong kinh tế quốc doanh và tập thể, chính là sự xác lập quyền tự chủ của cá nhân về lao động và vốn sản xuất kinh doanh. Hình thức đó đã đẩy lùi những xu hướng không lành mạnh phổ biến trong khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể: một lớp người lao động không hề chú ý đến tiết kiệm, đến tích lũy; một lớp người cố tình lẩn trốn lao động và nghĩa vụ xã hội nhưng rất nhanh nhạy, khôn khéo trong giành suất ăn chia, hưởng chênh lệch giá; một lớp người chuyên tìm

Digitized by Google

ỷ dù, lo lót để giành vị trí an nhàn, đặc quyền, đặc lợi. Nó còn dẫy lùi một dạng bất công giữa một bên là người có chức có quyền trong bộ máy quản lý ngày càng đông đúc với một bên là những người lao động dưới quyền bị nghèo đi, làm việc bị động, chỉ biết thừa hành mệnh lệnh, không có bản lĩnh, không biết tự chủ, không chịu trách nhiệm, không cần sáng tạo, miễn sao được lòng cấp trên. Nay trong điều kiện thực hiện chính sách và cơ chế quản lý kinh tế mới, trong đó có sự phân công lao động và phân chia quyền hạn hợp lý, mỗi người được làm chủ về lao động và vốn sản xuất kinh doanh của mình, tạo khả năng để họ tự lựa chọn, tự quyết định phương án kinh tế, tự chịu trách nhiệm vật chất với kết quả sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ những khế ước, hợp đồng và luật pháp. Hình thức kinh tế như vậy thường xuyên tác động, hình thành dần phẩm chất cơ bản của người lao động kiểu mới: vì lợi ích thiết thân mà đua tranh lao động, hăng say với hiệu quả cao, chăm lo tích lũy vốn và nâng cao trình độ; cũng vì lợi ích thiết thân mà quan tâm, có ý thức trách nhiệm với lợi ích người khác, lợi ích tập thể và toàn xã hội. Nói cách khác, lẽ sống «nhất nghệ tinh nhất thân vinh» và triết lý «cùng có lợi trong lao động hợp tác» đã có cơ sở kinh tế để bảo đảm. Đó thực sự là bước tiến quan trọng trong tiến trình dân chủ.

Trong không khí đổi mới, với sự đua tranh của nhiều thành phần kinh tế, hoạt động thị trường xã hội cũng trở nên sôi động, nhộn nhịp. Người tiêu dùng ngày nay quả có phần phấn khởi và tự tin hơn trước. Người lao động (đồng thời cũng là người tiêu dùng) đã có thể được tự do lựa chọn không phải chỉ vài mặt hàng thiết yếu, mà đã quan tâm đến tất cả những gì cần cho cuộc sống, phù hợp với nhu cầu, thị hiếu và túi tiền của mình (điều mà trước đây không ai dám nghĩ đến). Người tiêu dùng bước đầu đã được tôn trọng. Các nhà sản xuất kinh doanh ngày càng phải chú ý lắng nghe, tìm hiểu, cân nhắc, thận trọng và nâng cao dần ý thức phục vụ người tiêu dùng. Cái thời mất dân chủ, người sản xuất thì cứ việc sản xuất vô tội vạ hàng loạt sản phẩm kém chất lượng, người kinh doanh tha hồ găm hàng, định giá tùy tiện, cửa quyền, hạch sách người tiêu dùng, đã dần dần qua đi. Trong nền kinh tế mới, rồi đây nhà nước sẽ còn pháp luật hóa các quyền và lợi ích của người tiêu dùng.

Như vậy là với nền kinh tế mới, cả xã hội đang có không khí mới trong mối quan hệ dân chủ, cùng hợp tác, cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau.

Một điều đáng quan tâm hơn nữa là, trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta, cũng đã xuất hiện cơ cấu và quan hệ giai cấp mới. Không thể đơn giản như cách nghĩ trước đây rằng xã hội ta, ngoài giai cấp công nhân, nông dân tập thể, tầng lớp trí thức, còn có thêm thành phần kinh tế tư nhân và cá thể (coi nó như một cái gì đó tất yếu có mặt trong thời kỳ quá độ và nằm ngoài chủ nghĩa xã hội). Ngày nay, qua thực tế, chúng ta đang dần dần có một ý niệm mới về giai cấp và cơ cấu giai cấp trong xã hội có nền kinh tế hàng hóa. Đại thể có hai đặc trưng đáng chú ý:

— Trong điều kiện của chế độ kinh tế với tư cách là một hệ thống *mới về chất* (công hữu là chủ đạo, định hướng lên chủ nghĩa xã hội) mọi phần tử thuộc các thành phần kinh tế khác nhau trong hệ thống, ít nhiều đều mang tính chất của hệ thống và ngày càng gắn bó, đan kết trong hệ thống (vừa có đua tranh, cạnh tranh, vừa có liên kết hợp tác, và điều quan trọng là không để nảy sinh mâu thuẫn đối kháng).

Digitized by Google

– Trong nội bộ nhân dân có một liên minh chiến lược đã thay đổi cơ cấu nhưng luôn hợp tác chặt chẽ với nhau từ lĩnh vực kinh tế đến lĩnh vực chính trị. Lực lượng này làm nòng cốt đẩy xã hội đi lên.

Khối đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đã bước đầu được đặt trên cơ sở nền kinh tế mới, có sự chuyển dần cơ cấu xã hội, cơ cấu giai cấp, phù hợp với quy luật phát triển, tiến bộ. Các đoàn thể quần chúng cũng phải tự đổi tên: Tổng công đoàn nay đổi thành Tổng liên đoàn lao động Việt nam; Hội nông dân tập thể nay thành Hội nông dân Việt nam... Đây là một thành quả trong sự nghiệp dân chủ hóa xã hội.

Tiếp tục khắc phục khó khăn để phát huy dân chủ

Từ năm 1989, với đặc điểm cơ bản nhất là bước ngoặt sang nền kinh tế hàng hóa trên thực tế, nước ta đã có những chuyển biến quan trọng: sản xuất từng bước phát triển, hàng hóa dồi dào hơn; mở rộng xuất nhập khẩu gắn liền với việc đẩy lùi siêu lạm phát, tạo khả năng ổn định giá cả và giá trị đồng tiền.

Tuy vậy, chúng ta vẫn còn những khó khăn phải vượt qua:

– Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội có sự bừng nở công khai, mạnh mẽ, lại có sự phát triển mang tính chất lộn xộn, phân tán nhỏ lẻ (trong sản xuất kinh doanh) và sự hoạt động của nền kinh tế ngầm rất lớn, của việc làm ăn phi pháp bất lương nghiêm trọng.

– Hiệu lực quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh của hệ thống quản lý kinh tế xã hội và quản lý sản xuất kinh doanh thuộc khu vực nhà nước vốn đã thấp kém, nay càng bộc lộ sự yếu kém, ngỡ ngàng, lúng túng trước bước ngoặt sang nền kinh tế thị trường. Hơn nữa, hệ thống ấy còn là nơi trú ngụ chính của hai tệ nạn: buôn lậu và tham nhũng.

Từ thực trạng đó có thể rút ra kết luận gì?

Trước hết, bước tiến kinh tế từ 1989 thể hiện bước ngoặt mới từ chính sách và cơ chế cũ sang chính sách và cơ chế mới; đồng thời, thể hiện sự chỉ đạo dứt khoát ở cấp vĩ mô (cả trên quan điểm cũng như trên một loạt biện pháp điều hành) nhằm mở thông thị trường trong nước và xuất nhập khẩu, chấp nhận giá cả và tỷ giá thị trường, xử lý lãi suất... Nhờ chính sách mới và sự chỉ đạo chiến lược nhất quán đã tạo ra bộ mặt mới của xã hội và tạo ra thế chiến lược, ngay trong khi bộ máy quản lý kinh tế và khu vực kinh tế nhà nước còn rất yếu kém và nhiều tiêu cực. Điều đó càng nói lên rằng, chính sách kinh tế mới là một tất yếu và vai trò chỉ đạo của tầm vĩ mô là vô cùng quan trọng.

Thứ hai, tình trạng vô chính phủ ở một số nơi trong hoạt động sản xuất kinh doanh và trong đời sống xã hội, sự yếu kém và những tệ nạn quan tiêu, tham nhũng trong bộ máy quản lý và trong khu vực kinh tế nhà nước tuy có nhiều nguyên nhân, nhưng xét cho cùng, là di hại của chính sách và cơ chế quản lý kiểu cũ. Nay đổi mới chính sách và cơ chế quản lý kinh tế với quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần mang tính thần dân chủ, đặt nó ở vị trí chiến lược lâu dài, có thể làm cho người lao động, người sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần, vì lợi ích thiết thân mà từ bỏ cách làm ăn đối phó lẩn trốn chính sách và cơ chế chính thống hợp pháp trước đây, tự nguyện đi vào xu hướng làm ăn công khai, lương thiện hợp pháp trong sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội.

Giải quyết những khó khăn, lúng túng hiện nay chỉ có thể bằng cách

(Xem tiếp trang 37)

Digitized by Google

Phải chăng chúng ta trở lại với nền kinh tế tiểu nông?

TRẦN ĐỨC

TRONG thập kỷ còn lại, chúng ta đang sơ kết những gì đã làm được về mặt nông nghiệp để bàn giao cho thế kỷ 21 một hệ thống nông nghiệp tiêu biểu cho vùng nhiệt đới, và đi liền với nó, là một quan hệ sản xuất phù hợp với những chính sách phù hợp.

Bước ngoặt lớn trong nông thôn nước ta được thực hiện từ tháng 4 năm 1988 khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị về đổi mới quản lý, khẳng định mỗi gia đình là một đơn vị kinh tế tự chủ. Quy mô bình quân một nông hộ trên phạm vi cả nước là 0,59 ha. Ở vùng châu thổ sông Hồng, mỗi hộ tiểu nông chỉ có dưới 0,3 ha, so với các nước trong khu vực châu Á — Thái bình dương (Ấn độ 2 ha, Phi-líp-pin 3 ha) thì quy mô đó quá nhỏ, chúng tôi tạm gọi đó là **micro tiểu nông** (1).

Kinh tế tiểu nông có ưu điểm lớn được thể hiện trên mảnh đất 5% mà trước đây hợp tác xã đã từng giao cho xã viên để làm kinh tế gia đình. Có người gọi đó là «mảnh đất thần kỳ» vì trên diện tích nhỏ nhoi đó, người xã viên đã tập trung hết sức mình nhằm tạo ra quá nửa số thu nhập, và hiệu quả đạt được trước hết nhờ vào đầu tư lao động của mọi thành viên trong gia đình. Nhưng người tiểu nông không chỉ tận dụng lao động mà còn tìm cách tăng hiệu suất lao động. Tuy vậy, thu nhập của họ vẫn thấp và để cực đại hóa thu nhập bằng con đường kinh doanh tổng hợp, ngoài trồng trọt còn có chăn nuôi, làm thêm nghề thủ công, hoặc cày thuê cuốc mướn... Bên cạnh những ưu điểm kể trên, kinh tế tiểu nông cũng có những mặt hạn chế như thiếu vốn, làm marketing kém v.v. Khi tham gia hợp tác xã, những mặt mạnh và mặt yếu của nó bị biến dạng: ưu thế sử dụng lao động và đất đai của người tiểu nông bị hạn chế (như ngày làm việc ít, hình thức trồng xen, trồng gối, luân canh hầu như biến mất...) do cách quản lý của hợp tác xã có những mặt gò bó, thậm chí cấm đoán; còn những nhược điểm thì bị che lấp do xã viên ỷ lại vào hợp tác xã, mọi việc đều do ban quản

(1) Tiểu nông cực nhỏ

Digitized by Google

trị hoặc đội sản xuất định đoạt, việc đưa cuộc cách mạng xanh vào đồng ruộng tuy ít nhiều có tiến bộ nhưng mức độ, quy mô và điều kiện đều có những hạn chế nhất định.

Lấy gia đình làm đơn vị kinh tế tự chủ, điều đó phải chăng có nghĩa là chúng ta để người nông dân trở lại nền kinh tế tiểu nông truyền thống xưa kia với cái cảnh «chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa» trong ao tù tự cấp tự túc chật hẹp?

Không, không thể như thế được. Sau 30 năm đi theo con đường hợp tác hóa, nông thôn tuy ít nhiều có đổi mới, nhưng nhìn tổng quát, đó vẫn là «cây đa bến cũ». Phải đổi mới nông nghiệp, đổi mới nông thôn, đổi mới người nông dân; muốn vậy, phải có «con đò khác đưa». Con đò gì vậy? Trước tiên, phải có những điều kiện kinh tế – xã hội.

Nổi lên hàng đầu là vấn đề **ruộng đất**. Để có sản xuất hàng hóa, một mặt cần phát huy năng lực sản xuất trên diện tích đã có, nhưng mặt khác, không thể không có thêm quỹ đất mới. Song từ nay đến năm 2000, khả năng khai hoang chưa thể tiến hành với nhịp độ nhanh, giỏi lắm đất mới khai phá chỉ bù đắp được số diện tích mất đi trong bình quân ruộng đất của mỗi hộ.

Hướng thứ hai: chủ trương ai giỏi nghề gì làm nghề ấy, tập trung ruộng đất vào những hộ có khả năng làm giàu, số còn lại chuyển sang làm nghề khác. Thoạt nhìn, chủ trương này có nhiều khả năng thực thi, nhưng khi bàn đến các biện pháp thực hiện thì thấy vấn đề không giản đơn. Sau khi có Nghị quyết 10, ở tất cả mọi nơi, nông dân yêu cầu được cấp ruộng đất, kể cả số cán bộ về hưu và thợ thủ công. Tình trạng những người không có khả năng làm nông nghiệp xin trả lại ruộng đất rất ít xảy ra. Thật ra, với bình quân ruộng đất thấp, nông thôn không đủ việc làm. Muốn điều chỉnh sự phân công lao động theo hướng trên, phải có hàng loạt chính sách kèm theo, như phát triển ngành nghề, xây dựng công nghiệp ngay trong lòng nông thôn, đền bù cho những ai tự nguyện trả lại ruộng đất để chuyển nghề. Ở đồng bằng sông Hồng, có điển hình Ngô Văn Kích (ngoại thành Hải phòng) nhận khoán của hợp tác xã 4,8 ha ruộng đất, trong nhà có 5 lao động, với sự hỗ trợ của cơ giới hóa, đã thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất. Giả định mô hình này phổ biến cho toàn vùng thì chỉ cần 716 000 lao động, như vậy sẽ có 3 triệu lao động thất nghiệp, không tài nào bố trí được việc làm cho họ.

Hướng thứ ba là mua bán ruộng đất của nhau, điều này có thể trở thành hiện thực. Theo luật đất đai hiện hành, ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân, nông dân chỉ có quyền sử dụng. Rồi đây, nếu luật đó được bổ sung thêm điều khoản công nhận các quyền chuyển nhượng, có bồi hoàn, thừa kế, thế chấp... trong vòng 20 – 50 năm, thì điều đó sẽ có tác dụng hợp pháp hóa một sự việc đang diễn ra từ mấy năm nay, và đẩy mạnh thêm một bước việc chuyển nhượng ruộng đất, nhất là ở những vùng có cơ sở hàng hóa phát triển như đồng bằng sông Cửu long. Còn ở những vùng mới ngày nào đang ngưng đọng ở tình trạng tự cấp tự túc như đồng bằng sông Hồng, thì khả năng mở rộng quy mô ruộng đất của các nông hộ không nhiều. Việc mua bán ruộng đất ở những vùng ngày xưa có tỷ lệ ruộng công khá lớn, ít nhiều không phù hợp với tâm lý của nông dân. Ở đây, còn phải kể đến tác động không nhỏ của ý thức hệ xã hội chủ nghĩa: với quan niệm cũ kỹ về chủ nghĩa xã hội lấy việc công hữu hóa làm mục tiêu chính yếu, thì vượt qua trở ngại đó đâu có dễ dàng.

Sau ruộng đất là vấn đề vốn. Từ khi có Nghị quyết 10, trong nông thôn đã

Digitized by Google

có sự chuyển hướng về đối tượng cho vay. Để huy động tiền nhàn rỗi trong nhân dân và cho vay phát triển sản xuất, cần chú ý điều chỉnh lãi suất tiền gửi và tiền cho vay một cách hợp lý; điều quan trọng nữa là mở rộng mạng lưới ngân hàng nông thôn. Đối với các hộ tiểu nông, điều đáng chú ý không phải là tăng cường các khoản trợ cấp của chính phủ, mà là cấp vốn tín dụng kịp thời, nhanh chóng và thuận tiện, đồng thời giảm nhẹ những yêu cầu về thế chấp tài sản. Về phía nhân dân, cũng phải tăng cường tích tụ, tập trung vốn. Trong thu nhập của một hộ thường có ba phần: một là từ sản xuất trên mảnh đất của từng nông hộ; hai là đi làm thêm; ba là tiền từ nơi khác gửi về (chẳng hạn tiền lương của con em làm công nhân viên chức hoặc đi lao động nước ngoài gửi về). Hai phần sau, nhất là phần thu nhập không phải từ nông nghiệp, nếu biết huy động có thể góp phần đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Lại còn phải chú ý thu hút vốn của các thành phần kinh tế khác. Kinh nghiệm của huyện Hoài đức ngoại thành Hà nội cho thấy, do biết huy động tư nhân đi mua và vận chuyển sắn từ các tỉnh trung du và miền núi về xuôi, mở rộng mạng lưới chế biến thủ công và nửa cơ khí trong thôn xóm, đã tạo một khối lượng không nhỏ về bột, miến, bánh kẹo cung cấp cho các vùng nông thôn.

Tiếp sau vốn là vấn đề **chuyển giao kỹ thuật**. Phải dùng những hình thức thích hợp để tiến bộ kỹ thuật có thể len lỏi đến từng nông hộ. Nếu không thay đổi quy mô và trình độ cũng như hình thức cơ động tuyên truyền thì kết quả sẽ hạn chế. Vì vậy, đi đôi với xây dựng những điển hình thâm canh tăng năng suất, phát hiện những hộ biết cách làm ăn, phải lấy người thật, việc thật để thuyết phục nông dân bằng các phương tiện thông tin đại chúng như vô tuyến truyền hình, Vidêô, truyền thanh, bươm bướm, mở các hội nghị thao diễn kỹ thuật, tập hợp một lúc hàng trăm nông hộ. Không nên có ý nghĩ cho rằng lấy hộ làm đơn vị kinh tế tự chủ thì ruộng đất sẽ càng manh mún, làm cho việc tiếp thu tiến bộ kỹ thuật kém hơn lúc còn hợp tác xã (kiểu cũ).

Điển hình là việc cung cấp công cụ và tiến hành cơ giới hóa nông nghiệp. Đối tượng chính hiện nay không phải là mấy vạn hợp tác xã mà là 8,5 triệu nông hộ. Sau 2 năm hoạt động từ khi có Nghị quyết 10, qua điều tra sơ bộ về kết quả đạt được, tôi nhận thấy nông dân có yêu cầu cao hơn về công cụ và cơ giới hóa so với lúc còn hợp tác xã. Có thể phân loại như sau:

Một, 60—70% nông hộ còn bàn tự cấp tự túc, chỉ cần công cụ cổ truyền như cày, bừa, cào cỏ v. v.

Hai, 25—30% nông hộ trở thành khá giả, yêu cầu được bổ sung công cụ cải tiến như xe đạp thồ, xe vận chuyển cải tiến, guồng tuốt lúa, bình bơm thuốc trừ sâu đeo vai, bộ máy nghiền thái các loại củ.

Ba, số nông dân giàu (khoảng 5—10% nông hộ), với diện tích bình quân mỗi hộ một vài héc ta trở lên (đồng bằng sông Hồng) hoặc cao hơn (đồng bằng sông Cửu long và Tây nguyên), có khả năng sắm một máy kéo nhỏ loại 12 sức ngựa (có khi kèm theo rơmoóc), một máy bơm nước, một máy nghiền, một máy xay xát. Hiện nay, trên cả hai miền, có khoảng 5 000 máy kéo lớn, 20 000 máy kéo nhỏ và 200 000 động cơ xăng đã tư nhân hóa, do các trạm máy kéo và các hợp tác xã nông nghiệp bán cho nông dân. Vì thay đổi sở hữu nên máy móc được chăm sóc bảo dưỡng tốt, quản lý có hiệu quả hơn so với lúc thuộc sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể. Một thực thể đang lớn lên, thúc đẩy quá trình cơ khí hóa ngay cả ở những vùng như đồng bằng sông Hồng, trước đây

Digitized by Google

trưởng lấm nông dân khó tiếp thu máy móc. Có những nông dân khá giả mua máy MTZ cũ đem về tân trang và đi cày thuê cho nông dân trong vùng rất được ưa thích vì công làm đất bằng máy rẻ hơn công làm bằng trâu, không những bảo đảm thời vụ mà cách thanh toán cũng không phiền hà khách hàng.

Để có nhiều sản phẩm hàng hóa, kinh tế gia đình, đặc biệt kinh tế tiểu nông, phải gắn với chế độ hợp tác xã, nhưng không phải theo **kiểu cũ** như những năm trước đây, dựa trên cơ sở ngày công lao động đã từng là nguồn gốc của sự trì trệ sản xuất, kéo theo tệ tham ô lãng phí. Giờ đây là những hình thức tương trợ hợp tác *kiểu mới*, phong phú và đa dạng về tính chất, trình độ và quy mô, tập hợp dăm ba hộ, có khi vài chục hộ, dựa trên nguyên tắc thực sự tự nguyện và cùng có lợi, cung cấp đầu vào và giải quyết đầu ra cho nông dân, chẳng hạn bán tư liệu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, xây dựng kết cấu hạ tầng trong thôn xóm. Những loại hình hợp tác kiểu mới đó hình thành trong lòng hoặc bên cạnh các hợp tác xã cũ trên cơ sở góp lao động và vốn dưới hình thức công ty cổ phần : phân phối vừa theo lao động, vừa theo cổ phần. Trong các nông lâm trường quốc doanh cũng có một tình hình mới xuất hiện với các hình thức kinh tế hỗn hợp giữa các hộ công nhân, nông dân với kinh tế quốc doanh ; đơn vị nhận khoán không phải là đơn vị làm gia công như trước, mà tự chủ kinh doanh ; các loại hình kinh tế trên có sự gắn bó mật thiết với kinh tế quốc doanh, thông qua vai trò dịch vụ và kết cấu kinh tế — xã hội của kinh tế quốc doanh. Ở đây, lợi ích của người lao động được quan tâm đầy đủ, trong khi kinh tế quốc doanh vẫn thuộc sở hữu nhà nước ; kinh tế gia đình, kinh tế hợp tác xã đan xen vào kinh tế quốc doanh, có sự kết hợp hài hòa giữa các thành phần kinh tế dựa trên cơ sở đổi mới sở hữu, biến kinh tế gia đình dần dần trở thành trang trại, trong khi kinh tế quốc doanh làm nhiệm vụ cung cấp đầu vào, giải quyết đầu ra và xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ kinh tế gia đình. Con đường của nông thôn nước ta đã bắt đầu sáng tỏ. Đó là con đường kinh tế trang trại nhỏ như các nước trong khu vực châu Á — Thái bình dương ; con đường đó lâu dài, gay go và phức tạp, với nhịp độ phát triển từng vùng có khác nhau : chẳng hạn, các vùng như đồng bằng sông Cửu long (bình quân hiện nay 0,94 ha một hộ), như Tây nguyên (0,88 ha một hộ), có thể nhanh hơn so với đồng bằng sông Hồng (0,3 ha một hộ). Con đường kinh tế trang trại nhỏ không tách khỏi làng xã với những lũy tre xanh và ngôi đình truyền thống chứa đựng nội dung mới của nhà văn hóa nông thôn, kết tinh những thuần phong mỹ tục, truyền bá nền văn hóa mới, xây dựng con người mới, tổ chức những cuộc giải trí vui chơi lành mạnh.

Lấy gia đình làm đơn vị kinh tế tự chủ, điều đó có nghĩa là nhà nước không bỏ mặc nông thôn cho thị trường mà phải can thiệp để khuyến khích hoặc đổi hướng sự phát triển của nông thôn. Muốn vậy, ngoài những chính sách nêu trên, trong các chương trình và dự án, tư tưởng chủ đạo phải nhằm kích thích mọi tầng lớp xã hội để dù lợi ích riêng tư có khác nhau, họ vẫn hướng vào những mục tiêu chủ yếu, bảo đảm lợi ích xã hội. Điều đó đòi hỏi phải điều chỉnh phương pháp luận và thực tiễn kế hoạch hóa phát triển nông nghiệp, vừa chú ý lợi ích của kinh tế tiểu nông, vừa quan tâm đến khu vực trang trại ngày càng được mở rộng. Trong việc bố trí chỉ tiêu, phải vừa chú ý chỉ tiêu **tổng sản lượng** để bảo vệ quyền lợi của tiểu nông, vừa chú ý chỉ tiêu **mức độ gia tăng**,

(Xem tiếp trang 42)

Digitized by Google

Kích thích tính tích cực của người lao động thông qua lợi ích cá nhân

LÊ HỮU TẦNG *

SUỐT một thời gian dài, với kinh nghiệm của những năm kháng chiến, chúng ta thường nghĩ rằng chỉ cần kích thích tính tích cực của người lao động bằng sự động viên tinh thần, bằng lời kêu gọi về lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, là đủ. Mặt khác, do quan niệm ấu trĩ về chủ nghĩa xã hội, do hiểu sai và vận dụng sai quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, chúng ta cho rằng chỉ cần tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất cũ, nhanh chóng thiết lập sở hữu công cộng đối với tư liệu sản xuất, là lập tức sẽ thu được những kết quả tích cực trong sản xuất. Trong bối cảnh ấy, mọi sự quan tâm tới lợi ích, nhất là lợi ích cá nhân và lợi ích kinh tế, đều bị coi là sa vào vũng bùn của chủ nghĩa tư bản, là cá nhân chủ nghĩa, là nhỏ nhen, tầm thường. Hậu quả của những quan điểm sai lầm này là, khi cách mạng đã chuyển giai đoạn, khi nhiệm vụ xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa đã nổi lên hàng đầu, nhiều người trong chúng ta vẫn chậm nhận ra vai trò của lợi ích với tính cách là động lực trong giai đoạn mới của cách mạng. Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở ta cũng như ở một số nước anh em cho thấy: dù có xây dựng được một nền công nghiệp nặng ở mức độ nhất định, dù có đưa được các phương tiện kỹ thuật mới, thậm chí hiện đại, vào sản xuất, điều đó vẫn chưa nâng cao được hiệu quả sản xuất. Điều quan trọng, thậm chí có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của xã hội, là thái độ của người lao động đối với công việc của mình. Có thể nói rằng, khi người lao động không còn thiết tha với lao động nữa, thì đấy là dấu hiệu của khủng hoảng.

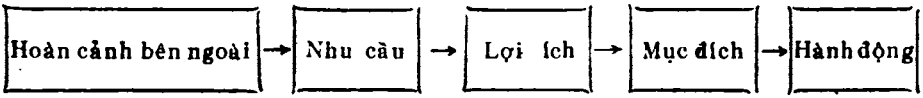
Dấu hiệu khủng hoảng này đã xuất hiện ở nước ta từ những năm 70 và bộc lộ ngày càng rõ. Điều đó buộc chúng ta phải suy nghĩ một cách

* Phó viện trưởng Viện Khoa học xã hội Việt nam

Digitized by Google

nghiệm túc, đòi hỏi chúng ta phải có cái nhìn khách quan về vai trò của lợi ích trong sự phát triển của xã hội

Từ đầu những năm 80 chúng ta buộc phải chống lại thiên kiến cũ, công khai thừa nhận tầm quan trọng của lợi ích. Tuy nhiên, cần phải nhận rằng trong những năm qua chúng ta vẫn chưa thấy hết tầm quan trọng của lợi ích, bởi lẽ lợi ích vẫn còn bị xem xét một cách biệt lập, không trong hệ thống các động lực của sự phát triển xã hội. Có thể nói rằng, dưới áp lực của những sự thật diễn ra trong cuộc sống, những sự thật ngoan cố, bướng bỉnh, chúng ta đã tự phát nhận ra tầm quan trọng của lợi ích Nhưng vì sao lợi ích lại có tầm quan trọng ấy ? Ngoài lợi ích ra, có những hiện tượng xã hội nào nữa có thể đóng vai trò động lực của sự phát triển xã hội ? Liệu có thể sử dụng các động lực khác thay cho lợi ích để kích thích tính tích cực của người lao động không ? v.v. Tất cả những vấn đề này sẽ nổi rõ khi chúng ta xem xét lợi ích không phải một cách biệt lập, mà trong hệ thống các động lực của sự phát triển xã hội, đặc biệt trong **chuỗi quy định nhân quả khách quan** gây nên các biến cố xã hội với các khâu chủ chốt liên tiếp như sau :



Trong chuỗi quy định nhân quả khách quan nói trên, **lợi ích** là một trong những khâu trung gian, nhưng đó là **khâu trung gian trực tiếp nhất trong việc chuyển hóa những đòi hỏi khách quan của hoàn cảnh bên ngoài thành động cơ tư tưởng bên trong trực tiếp thúc đẩy con người đi đến hành động.** Vì lẽ đó, không phải ngẫu nhiên khi ta thấy lợi ích là khâu nhạy cảm nhất trong toàn bộ chuỗi quy định nhân quả gây nên hoạt động của con người, là huyệt mà sự tác động vào sẽ gây ra phản ứng nhanh nhạy nhất của cơ thể xã hội. Chính vì chưa thấy hết vị trí đặc biệt trên đây của lợi ích nên có thể nói, trong những năm qua, chúng ta vẫn chưa thấy hết tầm quan trọng mà nó vốn có một cách khách quan, không gì có thể thay thế trong việc kích thích tính tích cực của người lao động. Điều này thể hiện khá rõ trong việc xử lý mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội.

Trước đây, chúng ta hiểu chủ nghĩa xã hội như một khối đồng nhất, một chế độ mà trong đó mọi tư liệu sản xuất trở thành tài sản chung. Tài sản chung này liên kết mọi người lại, gắn bó họ với nhau như những thành viên có chung lợi ích, và khi lợi ích chung này được thực hiện thì lợi ích cá nhân cũng được thực hiện. Cũng vì vậy, trước đây chúng ta nghĩ, nguyên tắc sống trong chủ nghĩa xã hội là : lợi ích chung phải được đặt trên lợi ích riêng. Như vậy ở đây lợi ích riêng đã bị đặt xuống hàng thứ yếu, bị xem thường, và cuối cùng, khi nguyên tắc sống này bị tuyệt đối hóa, thì lợi ích riêng, trên thực tế, không còn được thừa nhận nữa. Mọi sự quan tâm đến lợi ích riêng, lợi ích cá nhân, đều bị coi là một quan niệm sống xa lạ với chủ nghĩa xã hội. Kết quả là lợi ích riêng, với tính cách là một động lực mạnh mẽ của sự phát triển xã hội, đã bị phủ định, và điều này đã dẫn đến thái độ thờ ơ của bản thân người lao động đối với lao động.

Nhận ra sai lầm đó, từ cuối những năm 70, chúng ta đã tính đến vai trò

Digitized by Google

của lợi ích cá nhân trong các biện pháp nhằm kích thích tính tích cực của người lao động. Nhưng từ chỗ đồng nhất hoàn toàn lợi ích toàn xã hội với lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân, chúng ta, từ đầu những năm 80, lại rơi vào một thái cực khác: tách biệt hoàn toàn ba loại lợi ích đó với nhau, coi chúng là những cái hoàn toàn biệt lập, không gắn bó gì với nhau. Chính đó là «cơ sở lý luận» cho chủ trương thực hiện «ba lợi ích», thực hiện các kế hoạch A, B, C ở các đơn vị kinh tế, trong đó kế hoạch A bảo đảm lợi ích của toàn xã hội, kế hoạch B bảo đảm lợi ích của tập thể, còn kế hoạch C bảo đảm lợi ích của cá nhân người lao động.

Sai lầm của các quan niệm trên đây là ở chỗ không thấy mối quan hệ biện chứng vừa thống nhất, vừa khác biệt, vừa mang tính độc lập tương đối của lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích của toàn xã hội.

Vấn đề là ở chỗ xã hội là một hệ thống được tạo nên từ những con người cụ thể. Những con người cụ thể này không thể tồn tại một cách hoàn toàn biệt lập với nhau. Trong cuộc đấu tranh vì sự sống còn của chính bản thân mình, họ có nhu cầu phải liên kết nhau lại. Sự liên kết đó làm nảy sinh ở họ những nhu cầu chung. Chính những nhu cầu chung ấy là cơ sở làm nảy sinh những lợi ích chung giữa họ. Song ngoài những lợi ích chung này, ở mỗi con người cụ thể tùy hoàn cảnh cụ thể còn có vô vàn nhu cầu, và do đó, còn có những lợi ích riêng khác. Những lợi ích riêng ấy có thể phù hợp, cũng có thể không phù hợp, thậm chí có thể đi ngược lại với lợi ích chung. Điều đó không chỉ xảy ra trong mối quan hệ giữa các lợi ích chung và lợi ích riêng khác loại, mà còn xảy ra ngay trong mối quan hệ giữa các lợi ích chung và lợi ích riêng cùng loại. Do vậy, trong hoạt động thực tiễn, sẽ là sai lầm nếu chỉ thấy sự thống nhất mà không thấy sự khác biệt, hoặc ngược lại, chỉ thấy sự khác biệt mà không thấy sự thống nhất giữa các loại lợi ích đang xem xét.

Trong các loại lợi ích trên đây, lợi ích nào có tác động trực tiếp hơn cả trong việc thúc đẩy con người đi vào hành động? Để trả lời câu hỏi này, trước hết cần lưu ý rằng, lợi ích tự bản thân chưa có được tác động ấy. Tác động ấy chỉ xuất hiện khi lợi ích **đã được nhận thức, và qua đó, đã biến thành mục đích, thành động cơ tư tưởng bên trong** trực tiếp thúc đẩy con người hành động, như đã trình bày ở trên. Nói cách khác, giữa «lợi ích» và «mục đích» còn có một khâu trung gian nữa, đó là «nhận thức lợi ích»; và chuỗi quy định nhân quả **«Lợi ích — nhận thức lợi ích — mục đích — hành động thực hiện lợi ích»** khiến cho vai trò động lực của các loại lợi ích khác nhau không còn như nhau nữa. Trong các loại lợi ích, lợi ích cá nhân của từng người cụ thể dễ được nhận biết hơn cả, vì nó đáp ứng ngay các nhu cầu cá nhân của bản thân người ấy. Lợi ích tập thể khó nhận biết hơn. Lợi ích toàn xã hội lại càng khó nhận biết hơn, nhiều khi đòi hỏi phải có một quá trình nhận thức lâu dài. Điều đó giải thích vì sao **hành động của mỗi con người cụ thể thường bao giờ cũng diễn ra trước hết nhằm thực hiện lợi ích của bản thân mình.** Dù muốn hay không chúng ta vẫn buộc phải thừa nhận sự thật ấy, mà thừa nhận nó có nghĩa là thừa nhận rằng **lợi ích cá nhân bao giờ cũng là động lực trực tiếp và mạnh mẽ nhất kích thích tính tích cực của con người.** Còn lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội thì chỉ có thể «thực hiện» được vai trò động lực của mình thông qua lợi ích cá nhân. Trong thực tế, cũng có những trường hợp lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội có tác động mạnh mẽ hơn

Digitized by Google

lợi ích cá nhân, nhưng điều đó thường chỉ diễn ra nhất thời, còn về lâu dài, trong đa số trường hợp, các lợi ích ấy chỉ có thể phát huy tác động của mình thông qua lăng kính của lợi ích cá nhân. Đó là bài học mà mãi gần đây chúng ta mới nhận ra và đã được ghi vào Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu BCH TƯ (khóa VI) của Đảng.

Nếu lợi ích cá nhân bao giờ cũng là động lực trực tiếp và mạnh mẽ nhất kích thích tính tích cực của con người thì trong quan hệ hợp tác giữa người này với người khác, hay mở rộng ra, giữa cộng đồng người này với cộng đồng người khác, giữa dân tộc này, quốc gia này với dân tộc khác, quốc gia khác, nguyên tắc **cùng có lợi** bao giờ cũng là nguyên tắc chi phối quan hệ hợp tác ấy. Nếu trong quá trình nương tựa nhau để tồn tại và phát triển, một trong các bên tham gia hợp tác chỉ muốn mình được cả mà không chịu thua thiệt gì, thì quan hệ hợp tác ấy hoặc sẽ không thực hiện được, hoặc nếu thực hiện được thì cũng không thể lâu bền. Có lẽ đó cũng là bài học phải rút ra nếu chúng ta muốn tìm được những điều kiện để đi lên trong bối cảnh hết sức phức tạp và đầy biến động, hơn nữa, biến động vô cùng nhanh chóng, như hiện nay trên thế giới.

Trong số các lợi ích cá nhân, lợi ích nào đóng vai trò quan trọng nhất? Đó là các lợi ích kinh tế, vì chúng trực tiếp đáp ứng các nhu cầu bức thiết sống còn của bản thân con người. Vì vậy, coi trọng lợi ích kinh tế, sử dụng lợi ích kinh tế để khơi dậy và phát huy tính tích cực của người lao động là một chủ trương hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, không nên vì thế mà coi nhẹ các lợi ích khác thuộc các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, v.v. Tiếc rằng các lợi ích này chưa được chúng ta coi trọng một cách thỏa đáng. Nếu như trước đây lợi ích kinh tế không những không được chú ý mà còn bị coi là cái gì xấu xa, lạc lõng đối với chủ nghĩa xã hội, đối với phẩm chất của người cách mạng, kết quả dẫ dẫn đến cách làm ăn rất phi kinh tế, thì trong thời gian vừa qua, trong quá trình sửa chữa sai lầm, chúng ta lại rơi vào một thái cực khác, chỉ nhấn mạnh lợi ích kinh tế, tuyệt đối hóa nó, mà không thấy rằng ở nơi này, nơi kia, vào lúc này, lúc khác, đối với một cá nhân hay một tập thể nhất định, nhiều khi nổi lên hàng đầu lại không phải là lợi ích kinh tế, mà chính là lợi ích chính trị, tư tưởng, văn hóa... Thậm chí có nơi, có lúc, vì những lợi ích này mà phải hy sinh lợi ích kinh tế. Chẳng hạn, để đảm bảo sự phát triển lành mạnh của lĩnh vực văn hóa văn nghệ, không thể nào chỉ nhấn mạnh đến hạch toán kinh doanh, đến việc tính toán lời lãi đơn thuần, như đã xảy ra trong thời gian vừa rồi. Cái được ở đây về kinh tế, không bù đắp nổi cái hại do xu hướng thương mại hóa các hoạt động trong lĩnh vực này gây ra. Hoặc như trong tình hình hiện nay, khát vọng **dân chủ, tự do** — một trong những lợi ích chính trị — tinh thần của con người — đang nổi lên không kém phần bức xúc so với lợi ích kinh tế. Có thể nói ở nơi này, nơi kia, vào lúc này, lúc khác, việc thỏa mãn khát vọng ấy cũng tạo nên sự kích thích mạnh mẽ đối với quá trình phát triển kinh tế — xã hội, không những không kém, mà có khi còn hơn cả việc đáp ứng các lợi ích kinh tế.

Vì vậy, **quan tâm đầy đủ đến mọi loại lợi ích cá nhân, trước hết là lợi ích kinh tế, nhưng đồng thời cũng không quên các lợi ích khác, tìm ra cơ chế xử lý chúng một cách thỏa đáng,** đó là một trong những biện pháp cực kỳ quan trọng để kích thích tính tích cực của người lao động.

Tuy nhiên, nhấn mạnh việc coi trọng lợi ích cá nhân, xem lợi ích cá

Digitized by Google

nhân là động lực trực tiếp và quan trọng nhất mà việc thực hiện nó tạo cơ sở cho việc đáp ứng các lợi ích khác, không có nghĩa là khuyến khích thực hiện lợi ích cá nhân bằng mọi cách. Vì sao vậy? Vì lợi ích của con người rất đa dạng, trong đó lợi ích của người này chưa hẳn đã là lợi ích của người khác, thậm chí còn có thể làm tổn hại đến lợi ích của người khác, đặc biệt là tổn hại đến lợi ích của tập thể và của toàn xã hội. Chúng ta đều quen thuộc với nhận xét của F.J. Đôn-ninh được C. Mác dẫn lại trong bộ **Tư bản**: "Với một lợi nhuận thích đáng thì tư bản trở nên can đảm. Được bảo đảm 10 phần trăm lợi nhuận thì người ta có thể dùng tư bản vào đâu cũng được; được 20 phần trăm thì nó hoạt bát hẳn lên; được 50 phần trăm thì nó thật sự táo bạo; được 100 phần trăm thì nó chà đạp lên mọi luật lệ của loài người; được 300 phần trăm thì không còn tội ác nào là nó không dám phạm, dù có nguy cơ bị treo cổ" (1). Dương nhiên, nhận xét trên đây rất đúng khi nói tới động cơ hành động của nhà tư bản. Nhưng theo tôi nghĩ, nhận xét ấy, *ở một mức độ nào đó*, cũng có thể áp dụng khi nói tới động cơ hành động của con người nói chung, bởi vì mọi người, như đã nhận xét ở trên, bao giờ cũng hành động trước hết theo tiếng gọi lợi ích của bản thân mình. Lợi ích càng lớn thì sức kích thích càng mạnh. Đôi khi, để đạt cho được lợi ích lớn, con người có thể lao vào hành động bất chấp mọi hiểm nguy, mọi hậu quả tiêu cực cho người khác, thậm chí cho bản thân mình. Sự kích thích mạnh mẽ của lợi ích có thể làm nảy sinh ở con người nhiều sáng kiến hay, độc đáo, táo bạo, nhưng đồng thời cũng có thể làm nảy sinh cả những mưu mô, thủ đoạn xảo trá, thâm hiểm, thậm chí tàn ác, bất chấp mọi luật lệ, mọi đạo lý, cốt sao lợi ích của bản thân hay phe nhóm mình được thực hiện. Vì vậy, chúng ta cần đặc biệt chú ý phân biệt lợi ích chính đáng với lợi ích không chính đáng, lợi ích được thực hiện bằng những hành vi chính đáng với lợi ích được thực hiện bằng những hành vi không chính đáng.

Với **lợi ích được thực hiện bằng những hành vi không chính đáng** như trộm cắp, lừa dảo, tham ô, hối lộ, sách nhiễu, cố ý làm sai chế độ chính sách để mưu lợi riêng... – những hiện tượng mà rất đáng tiếc hiện nay đang diễn ra ngày càng phổ biến, với quy mô ngày càng lớn, với mức độ ngày càng nghiêm trọng, làm thất thoát tài sản của nhân dân hàng trăm tỷ đồng, làm băng hoại cả đạo đức, nhân phẩm... – chúng ta dĩ nhiên không những không thể khuyến khích, mà còn phải tìm mọi cách xóa bỏ.

Còn với **lợi ích chính đáng** thì sao? Về nguyên tắc, đây chính là loại lợi ích mà chúng ta cần ra sức khuyến khích. Tuy nhiên, ngay cả ở đây, lời giải đáp cũng không đơn giản.

Cái khó là ở chỗ ranh giới giữa lợi ích chính đáng và lợi ích không chính đáng không phải khi nào cũng rạch ròi, dứt khoát. Có những lợi ích hôm nay là chính đáng nhưng ngày mai chưa hẳn đã là chính đáng, hoặc có thể là chính đáng về phương diện này, trong phạm vi này, nhưng chưa hẳn đã là chính đáng về phương diện khác, trong phạm vi khác. Chẳng hạn, việc theo đuổi mục tiêu làm giàu, cho dù làm giàu bằng kinh doanh hợp pháp, mới chỉ vài năm trước đây bị coi là không chính đáng, nay lại là việc làm chúng ta khuyến khích. Hoặc việc thuê mướn nhân công trước đây là hành vi trái với phẩm chất, đạo đức của người cách mạng, hôm nay lại là cái chúng ta chấp nhận, v.v. Vì vậy, cũng dễ hiểu

(1) C. Mác: *Tư bản*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va và Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, *tập thứ nhất, quyển I, phần III*, tr. 315

Digitized by Google

vì sao hiện nay ở nước ta, không ít kẻ đã có thể lợi dụng những kẽ hở trong cơ chế mới đang hình thành, núp dưới chiêu bài «đổi mới», «làm ăn năng động», để mưu lợi riêng, gây nên những tổn thất rất lớn mà tất cả chúng ta phải gánh chịu.

Mặt khác, điều nói trên cũng buộc những người hiện đang làm nhiệm vụ quản lý các quá trình xã hội ở mọi ngành, mọi cấp, phải rất **tỉnh táo** khi xử lý những tình huống cụ thể. Nếu không thì một lợi ích vốn là chính đáng, nhưng do được khuyến khích thái quá, có thể trở thành lợi ích không chính đáng, và việc thực hiện nó có thể dẫn đến những hậu quả tiêu cực khó lường. Có lẽ đây cũng là điều, theo tôi, khó hơn cả và cần được chú ý hơn cả trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, khi sử dụng các biện pháp kích thích lợi ích cá nhân của người lao động nhằm khơi dậy, nuôi dưỡng và phát huy tính tích cực của họ.

Vấn đề ở đây không chỉ giản đơn là phải tìm mọi cách để kích thích lợi ích, nhất là lợi ích cá nhân của người lao động. Điều quan trọng hơn là phải biết **kích thích lợi ích cá nhân một cách hợp lý**, sao cho việc thực hiện lợi ích cá nhân không làm tổn hại đến lợi ích của người khác, nhất là không làm tổn hại đến lợi ích của tập thể và của toàn xã hội.

Làm thế nào thực hiện được điều ấy? Làm thế nào, một mặt, vừa ra sức khuyến khích thực hiện lợi ích cá nhân của người lao động và bằng cách đó kích thích tính tích cực hoạt động của họ; **mặt khác**, vừa kết hợp được một cách hợp lý lợi ích ấy với lợi ích của tập thể và của toàn xã hội? Ở đây, do sự vô tận và đa dạng của các lợi ích và các phương án kết hợp chúng, chắc khó có một quy trình nào mà người xử lý mối quan hệ giữa các lợi ích chỉ cần tuân thủ một cách thật nghiêm ngặt, là sẽ giải quyết được một cách tối ưu vấn đề được đặt ra cho từng trường hợp cụ thể. Ngược lại, chính do sự đa dạng của các lợi ích và các phương án kết hợp chúng mà việc xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa các lợi ích trong từng hoàn cảnh lịch sử, không gian và thời gian nhất định, đòi hỏi một **sự sáng tạo** rất lớn, trước hết ở những người làm nhiệm vụ quản lý các quá trình xã hội. Có thể nói, sự sáng tạo ấy vừa là trách nhiệm, vừa là phẩm chất cần có ở người quản lý. Thiếu nó thì người quản lý sẽ không còn thực sự là người quản lý nữa, mà chỉ còn là người thừa hành nhiệm vụ một cách thụ động. Vì vậy, theo tôi nghĩ, cùng với việc có **cơ chế thích hợp**, đúng đắn, chặt chẽ, rõ ràng, có **pháp luật bảo đảm**, thì việc **chọn cho được những người quản lý giỏi**, những người thực sự có năng lực đưa ra được những phương án giải quyết tối ưu cho từng trường hợp cụ thể vốn rất phong phú và phức tạp trong đời sống thực tế, là một trong những khâu quan trọng trong toàn bộ quá trình chọn lựa các biện pháp nhằm xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa các lợi ích.

Digitized by Google

Những yếu tố có tính động lực của xã hội hiện nay

THIỆN NHÂN — HOÀNG CÔNG

Xã hội loài người, trải qua hàng triệu năm phát triển cho đến nay, dù được tổ chức theo kiểu nào, đều có động lực riêng. Xã hội phát triển nhanh hay chậm đều do động lực. Thật khó mà vươn lên được, nếu xã hội không xác định và tạo ra được động lực của mình.

Ngày nay, trước những bước tiến như rồng bay ở một số nước mà cách đây 10, 15 năm còn là những xã hội lạc hậu, và nhất là trước những thay đổi không thể ngờ tới ở các nước Đông Âu mà chỉ mới đây tưởng chừng như vẫn tiến bước bình thường, người ta càng muốn xem xét lại vấn đề động lực của xã hội.

Vậy thế nào là động lực của xã hội? Đó là nguồn khởi động, thúc đẩy những quá trình tiềm tàng, kích thích, tiếp thêm năng lượng cho những quá trình đang diễn ra, tạo lập điều kiện cho những quá trình mới nảy sinh, để đem lại cho xã hội những biến đổi thực tế. Động lực của xã hội là cái tạo nên sự vận động, phát triển của xã hội. Vì thế, nó phát triển theo quy luật của xã hội. Nó gồm nhiều yếu tố: vật chất và tinh thần, khách quan và chủ quan, xã hội và con người. Động lực của xã hội biến đổi, khi điều kiện khách quan và chủ quan cho sự tồn tại của nó không còn. Song, thay đổi và tạo ra động lực của xã hội là điều không dễ dàng: nó đòi hỏi phải giải quyết hàng loạt mâu thuẫn trong xã hội.

Có ý kiến cho rằng giải quyết những vấn đề cấp bách trong xã hội hiện nay chính là giải quyết vấn đề động lực của xã hội. Không phải thế.

Không nên nhầm lẫn những công việc cấp bách trong xã hội với những động lực của xã hội. Đành rằng khi giải quyết được một số việc cấp bách thì cũng có nghĩa giải quyết được một số mâu thuẫn gay gắt, do đó, tạo điều kiện phát huy các động lực. Song động lực là nguồn sức mạnh thúc đẩy việc giải quyết công việc, chứ không phải là bản thân công việc. Nếu không có nguồn động lực thường xuyên, thì chẳng những công việc cấp bách, mà cả công việc bình thường cũng không được giải quyết.

Digitized by Google

Cũng không nên nghĩ đơn giản rằng: cứ giải quyết cho được những vấn đề cấp bách, là sẽ tạo ra được động lực. Bởi vì, để trở thành một động lực của xã hội, thì cần có sự kết hợp hài hòa trong một thể thống nhất các yếu tố vật chất và tinh thần, khách quan và chủ quan, xã hội và con người.

Vậy cái gì là động lực của xã hội? Nếu xét xã hội như một thể thống nhất liên tục, thì **lao động sản xuất** chính là **động lực của xã hội**; nguồn gốc khách quan của lao động sản xuất là quan hệ vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn, giữa sự tồn tại của con người với tự nhiên. Chính trên cơ sở và bằng lao động sản xuất, con người đã thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.

Nhưng xã hội lại không đồng nhất, cả trong không gian và thời gian. Điều này trước hết do trình độ lực lượng sản xuất mà các thế hệ con người đã tích lũy được. Song, đây là điều quan trọng: nó liên quan đến mối quan hệ giữa người và người. Sự ràng buộc và hạn chế của người này đối với người kia, sự tổ chức và quản lý lao động không hợp lý, là nguyên nhân của sự trì trệ. Nói một cách khác: sự phát triển nhanh hay chậm tùy thuộc kiểu quan hệ giữa người và người, kiểu quan hệ sản xuất trên cơ sở lực lượng sản xuất nhất định. Sự hình thành các quan hệ sản xuất lại không phải bao giờ cũng diễn ra một cách khách quan, phù hợp với những yêu cầu của lực lượng sản xuất. Vì là quan hệ giữa người và người, các quan hệ sản xuất liên quan chặt chẽ với sự thay đổi vị trí, vai trò của những con người cụ thể, với những lợi ích vật chất cụ thể của họ mà trên bình diện toàn xã hội, có được hệ thống pháp luật nhà nước bảo đảm hay không.

Vậy dựa vào những tiêu chuẩn nào để nói quan hệ sản xuất phù hợp hay không phù hợp với yêu cầu của lực lượng sản xuất? Có thể dựa vào hai tiêu chuẩn sau: **Một là**, xét về mặt hiệu quả vật chất đối với xã hội, các quan hệ sản xuất có thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, làm tăng rõ rệt những nguồn của cải xã hội hay không. **Hai là**, các quan hệ đó có đáp ứng được những nhu cầu về vật chất và về tinh thần – nhân cách của con người, của tất cả mọi thành viên trong xã hội (tất nhiên, không thể như nhau) hay không. Tại sao lại nói những nhu cầu về tinh thần – nhân cách? Bởi vì đây không chỉ là những nhu cầu liên quan tới sự hưởng thụ về mặt tinh thần, mà còn là những nhu cầu liên quan tới những khía cạnh của một nhân cách có giá trị trong mỗi xã hội cụ thể (xã hội càng phát triển thì điều này càng trở nên quan trọng đối với mỗi con người). Chúng ta đều biết, con người luôn luôn tồn tại trong hai mối quan hệ cơ bản. Là kẻ đối mặt với tự nhiên, con người ngày càng thống nhất hơn và do đó, có sức mạnh hơn. Nhưng là một cá thể trong cộng đồng, con người lại ngày càng khác biệt, phân hóa hơn. Ý thức của họ về cá nhân mình ngày càng mạnh hơn, mang nội dung hoàn chỉnh hơn, bao hàm cả khát vọng vươn lên so với người khác trong hưởng thụ về vật chất, và đặc biệt, về mặt tinh thần. Mỗi người không chỉ là một cá thể xã hội tiêu thụ vật chất ngày một nhiều hơn và có chất lượng cao hơn do ít phụ thuộc vào thiên nhiên hơn, mà còn là một cá thể sáng tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần ngày càng tinh vi, hoàn thiện hơn, có giá trị thẩm mỹ hơn, mang dấu ấn của mình hơn. Tóm lại, mỗi người mang tính tự do cá nhân hơn, tất nhiên trong khuôn khổ những quan niệm mang tính lịch sử về giá trị con người. Quan niệm về **danh dự, phẩm giá, lòng kiêu hãnh, quyền lực, lợi ích... cũng nảy nở theo khuynh hướng đó.**

Digitized by Google

Đa dạng hóa cá nhân, hướng tới tự do toàn diện của cá nhân, là khuynh hướng xuyên suốt lịch sử và ngày càng cao. Điều quan trọng là mỗi xã hội phải nắm bắt được khuynh hướng đó với nội dung cụ thể của nó và thể hiện được điều đó trong các quan hệ xã hội, trước hết là trong các quan hệ sản xuất. Những nhu cầu, khát vọng thỏa mãn về vật chất và tinh thần nảy sinh trong khuôn khổ trình độ lực lượng sản xuất hiện tại, một khi được nhận thức thì chuyển hóa thành những quan niệm về lợi ích cá nhân. Song không phải ai trong các tầng lớp xã hội cũng nhận thức được điều đó. Nhìn chung, phát hiện và phát ngôn về những lợi ích đó thường là các nhà tư tưởng, các nhà trí thức. Nhiều khi, họ thực sự là những người khơi mào cho cuộc đấu tranh tư tưởng và đấu tranh chính trị để giải quyết những đòi hỏi đó. Khi lợi ích của người tham gia quá trình sản xuất — tức đòi hỏi của cá nhân trong sản xuất — được thực hiện, thì khi đó có yếu tố cơ bản bảo đảm sự phù hợp của quan hệ sản xuất với những yêu cầu của lực lượng sản xuất. Sự phù hợp ấy cũng tạo nên những điều kiện để kích thích các cá nhân phát huy bản chất sáng tạo và tích cực vốn thuộc con người nói chung. Khi lợi ích đã nảy sinh và được nhận thức mà không được thực hiện, thì khi đó xuất hiện mâu thuẫn, trước tiên là mâu thuẫn giữa người lao động với bản thân sự lao động và những tư liệu sản xuất, và sau đó, là mâu thuẫn giữa người lao động với những người nắm giữ tư liệu lao động muốn duy trì những quan hệ cũ. Về điều này, Mác đã phân tích khi bàn về sự tha hóa của lao động trong chủ nghĩa tư bản. Sự tha hóa đó là kết quả của sự chuyển hóa trong mối quan hệ giữa một bên là lao động và tư liệu sản xuất với một bên là người sản xuất: lúc đầu quan hệ này là thống nhất, là phương thức để người sản xuất thực hiện những khát vọng, những lợi ích cá nhân của mình; nhưng sau trở thành mâu thuẫn (người lao động bị chính lao động và tư liệu lao động thống trị), trở thành phương thức để kẻ chiếm hữu tư liệu sản xuất bóc lột người lao động. Thế là xuất hiện mâu thuẫn đối kháng giữa công nhân và nhà tư bản. Để thỏa mãn lợi ích kinh tế, lợi ích vật chất, những nhu cầu về tinh thần - nhân cách của mình, giai cấp vô sản không có cách nào khác: đấu tranh chính trị, lật đổ giai cấp tư sản.

Lịch sử loài người đã cho thấy mỗi thời đại đều có những giai cấp, những bộ phận tiên tiến đóng vai trò động lực chính của sự phát triển xã hội. Trước hết, đó là bộ phận đi đầu trong việc nhận thức những mâu thuẫn nảy sinh từ trong sản xuất và những quan hệ chính trị — xã hội đang ngăn trở việc giải quyết những mâu thuẫn đó. Họ phải là những người có tri thức mới nhất về tổ chức sản xuất, tổ chức các quan hệ chính trị — xã hội. Và điều quan trọng nhất là họ có lợi ích căn bản phù hợp với việc xóa bỏ tình trạng duy trì và điều hòa những mâu thuẫn đang cản trở xã hội tiến lên. Nói cách khác: lợi ích của họ gắn với và cơ bản phù hợp với lợi ích của toàn thể những người lao động khác. Cũng vì vậy, họ có được hậu thuẫn xã hội, liên minh được với các giai cấp và các tầng lớp khác trong cuộc đấu tranh kinh tế và chính trị. Giai cấp phong kiến thắng và thay thế giai cấp chủ nô chính vì nó làm cho người nông dân tự do hơn, thỏa mãn được nhu cầu cá nhân của mình hơn so với người nô lệ. Do đó, phương thức sản xuất phong kiến có sức sống hơn so với phương thức sản xuất chiếm hữu nô lệ. Giai cấp tư sản thắng và thay thế giai cấp phong kiến cũng chính vì nó làm cho người công nhân có phần tự do hơn, thỏa mãn hơn so

Digitized by Google

với người nông dân. Do đó, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng phát triển nhanh hơn nhiều so với phương thức sản xuất phong kiến.

★

Một thời đại mới đang nảy sinh trên toàn thế giới, trong đó có xã hội ta. Hiện nay, về tiền đề vật chất, xã hội mới chưa đạt tới trình độ khác về chất so với xã hội cũ. Xã hội cũ này, trước đây, khi vừa thoát thai từ xã hội cũ trước nó, cũng vậy. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cho thấy một điều rất khác trước. Chúng ta đều biết, cuộc cách mạng lật đổ tư bản là nhằm khắc phục mâu thuẫn về chính trị, giành lấy quyền chi phối về nhà nước và pháp luật rồi dùng quyền đó để giải quyết mâu thuẫn về kinh tế, tức mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, mâu thuẫn mà giai cấp tư sản giỏi lắm cũng chỉ có thể điều hòa phần nào, chứ không thể giải quyết triệt để. Nhưng vì nền sản xuất ở các nước sau cách mạng vẫn như cũ (nghĩa là nhìn chung vẫn thấp hơn so với nền sản xuất ở các nước tư bản hiện đại), vì quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa vẫn bao trùm trên toàn thế giới và là khuynh hướng phát triển tất yếu của những nền sản xuất tiền tư bản, cho nên việc làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất ở các nước này không thể tùy tiện. Nó phải đặt trong khuôn khổ của trình độ lực lượng sản xuất cho phép. Chỉ khi nào lực lượng sản xuất đã đạt đến trình độ phát triển rất cao, phương thức sản xuất và trao đổi đã khác trước về nguyên tắc, thì khi đó mới có thể xác lập quan hệ sản xuất mới về chất, thực hiện phân phối kết quả lao động theo nhu cầu cá nhân, làm cho người lao động được tự do hoàn toàn, thoát khỏi sự lệ thuộc vào khả năng lao động.

Tính kế thừa đối với quan hệ sản xuất, nhất là đối với lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa, là ở chỗ: xã hội đang trong thời kỳ quá độ phải thật sự dựa trên những gì mà xã hội trước nó đã có, tiếp tục thích ứng, cải tạo và xây dựng những cái đã có trong điều kiện mới, để dần dần có một xã hội mới về chất, cao hơn xã hội tư bản chủ nghĩa. Ở những nước còn chưa qua chủ nghĩa tư bản, thì ngay từ đầu, xã hội quá độ đó phải xây dựng những yếu tố cần thiết, cả về quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất tựa như của chủ nghĩa tư bản, để có điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tuyệt đối không vì tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội mà đối lập hoàn toàn với những cái đã có của xã hội cũ. Trên cơ sở kế thừa và xây dựng mới, xã hội quá độ cần giải quyết từng bước những vấn đề vì quyền lợi của người lao động và phát triển không ngừng lực lượng sản xuất. Không thấy và không đáp ứng yêu cầu tất yếu đó sẽ dẫn đến chỗ: quan hệ sản xuất không những không phù hợp thêm mà còn mâu thuẫn thêm với lực lượng sản xuất.

Chủ nhân của thời đại quá độ là ai? Hay nói cách khác: Ai là động lực chính của xã hội trong thời đại này? Đó là giai cấp công nhân, nông dân, trí thức. Song để thật sự trở thành chủ nhân và động lực chính của xã hội, **một mặt**, họ phải đại diện cho một tri thức mới về khoa học tự nhiên và xã hội, về ngay những vấn đề của sản xuất, và **mặt khác**, họ phải giải quyết được những mâu thuẫn của xã hội, của sản xuất.

Tạo nên lực lượng sản xuất hùng hậu và từ đó làm nảy sinh mâu thuẫn gay gắt giữa công nhân và bản thân mình, giai cấp tư sản đã dùng nhà nước và các công cụ pháp luật, cảnh sát... để duy trì lợi ích ích kỷ của

Digitized by Google

mình, ngăn cản việc giải quyết mâu thuẫn đó. Do đó, nó không thể là chủ nhân của thời đại quá độ, không thể là người đơn phương giải quyết mâu thuẫn đó. Nhưng do có tri thức quản lý, do có khả năng thích ứng với những quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa còn đang phổ biến, và do lợi ích bản thân còn gắn với quá trình làm tăng lực lượng sản xuất, nên giai cấp tư sản vẫn còn có thể tham gia quá trình phát triển tiến bộ của xã hội. Cũng vì vậy, nó còn cần được xem như một bộ phận của động lực xã hội. Chỉ có điều là nó không thể là người nắm nhà nước, nắm hệ thống chính trị và pháp luật nữa.

Với tư cách là những người lao động trực tiếp tạo ra của cải xã hội, công nhân, nông dân và trí thức là động lực chính của xã hội. Nhưng họ không thể đứng riêng rẽ. Giai cấp công nhân trong xã hội quá độ chưa đại diện cho một phương thức sản xuất mới về nguyên tắc; trong công nhân còn có sự khác nhau về khả năng lao động, nên còn có sự phân biệt giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa công nhân và trí thức. Vì thế, công nhân cũng chưa phải là người đơn phương tổ chức lao động, sáng tạo và áp dụng những thành quả khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Điều mà công nhân trực tiếp cần là, trên nền tảng trình độ kinh tế hiện có, khắc phục một phần đáng kể sự lệ thuộc vào khả năng lao động, giải quyết những lợi ích kinh tế bằng một chế độ phân phối hợp lý hơn. Sử dụng những hình thức trung gian trong quản lý, hạn chế sự độc đoán của tư bản — đó là hình thức thích hợp cho nhu cầu đó. Tuy nhiên, nếu không có đấu tranh của công nhân, không có hệ thống chính trị trong đó công nhân là nền tảng, là bộ phận chủ yếu của quyền lực, thì không thể có thời kỳ quá độ.

Tri thức khoa học kỹ thuật có vai trò ngày càng quan trọng, nhưng nó không tự thân phát triển mà do yêu cầu của cơ chế kinh tế. Sự cạnh tranh đòi hỏi, và có khả năng hấp thụ khoa học kỹ thuật. Đó chính là động lực của khoa học kỹ thuật (Ăng-ghen từng nói: sản xuất thúc đẩy khoa học gấp mười trường đại học). Khoa học kỹ thuật phát triển trên quỹ đạo như thế, sẽ trở thành một động lực của xã hội.

Phân tích lợi ích và khả năng của các giai cấp và tầng lớp trong thời kỳ quá độ, sẽ giúp đánh giá đúng vai trò thực tế của họ và xác lập đúng mối quan hệ giữa họ. Đánh giá không đúng mối quan hệ giữa họ sẽ dẫn đến xác lập không đúng kết cấu và vai trò của thượng tầng chính trị, dẫn đến mâu thuẫn giả tạo giữa chính trị và kinh tế. Cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu; nền kinh tế thoát ra khỏi các quan hệ hàng hóa, thị trường; sự áp đặt một cách chủ quan các hình thức quan hệ sản xuất đối với các lực lượng sản xuất — đó là những thí dụ. Vì vậy, xóa bỏ mâu thuẫn giữa chính trị, pháp luật và kinh tế, cũng là một điều kiện, một động lực cho việc giải phóng lực lượng sản xuất, giải phóng các quan hệ kinh tế theo nhu cầu tất yếu của nó.

Suy cho cùng, cái làm cho con người hoạt động tích cực là những động lực bên trong, những khát vọng cá nhân của họ, được thực hiện. Với tư cách cá nhân, họ phải được tự do hơn, được thỏa mãn những nhu cầu chính đáng của mình hơn. Tất nhiên, những nhu cầu về vật chất và những khát vọng về tinh thần — nhân cách của họ được xác lập theo quan điểm lịch sử cụ thể, phụ thuộc vào mỗi thời đại, mỗi trình độ lực lượng sản xuất. Điều đó liên quan tới cơ chế quan hệ xã hội, tới thước đo mà xã hội tạo ra để đánh giá các giá trị cá nhân. Cơ

Digitized by Google

chế đó phải bao hàm sự phân biệt, sự khác nhau, sự riêng tư của mỗi người. Một xã hội đồng nhất mọi con người, thì không còn cá nhân, không còn ý niệm về giá trị cá nhân; điều đó trái với con người. Do đó, để phát huy động lực của cá nhân con người và biến nó thành động lực của xã hội, phải xác lập cho được những điều kiện, những quan hệ xã hội trong đó mỗi cá nhân, ngoài nguồn động lực riêng vì lợi ích cá nhân chính đáng, còn quan tâm tới lợi ích chung của toàn xã hội. Sự công bằng, lòng nhân đạo, niềm tự hào, sự khen thưởng, hình phạt... tồn tại phổ biến trong xã hội, có tác dụng bảo vệ những giá trị cá nhân, nhân cách con người, góp phần tạo nên nguồn động lực của xã hội.

Trong xã hội ta hiện nay, việc giải quyết thỏa đáng những vấn đề như vậy, sẽ khơi dậy tính tích cực của mỗi người. Đặc biệt, trong lĩnh vực kinh tế, phải bảo đảm thước đo những đóng góp cá nhân vào quá trình tạo ra những lực lượng vật chất mới cho xã hội: những giá trị (dưới hình thức vật chất khác nhau) thu về phải tương xứng với lượng giá trị có ích về mặt xã hội, với sức lao động cá nhân bỏ ra. Nếu chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản không làm được, thì xã hội mới **phải và có thể** làm được điều đó. Đó là một điều kiện quan trọng về mặt xã hội để tạo nên động lực của xã hội mới.

DÂN CHỦ HÓA...

(Tiếp theo trang 21)

tiếp tục chuyển mạnh, chuyển đến cùng sang nền kinh tế hàng hóa với quan điểm, một thị trường xã hội thống nhất, thông suốt cả nước, gắn với thị trường thế giới; chấp nhận giá cả, tỷ giá và lãi suất thị trường, đồng thời học cách làm chủ và điều tiết thị trường chủ yếu bằng thực lực và công cụ tiền tệ, tài chính. Không làm được điều đó, rất dễ mắc kẹt và có nguy cơ quay lại lối quản lý cũ với nhược điểm tệ hại của nó.

Như vậy, chính sách kinh tế mới mang tinh thần dân chủ, phù hợp lợi ích đông đảo quần chúng, tạo khả năng vượt qua những khó khăn hiện nay. Duy trì và nhất quán đổi mới chính sách kinh tế xã hội, thực chất là từng bước xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa từ nền tảng các quan hệ kinh tế, quan hệ xã hội. Trên nền tảng ấy, mới có điều kiện để đổi mới hệ thống chính trị, đặc biệt là để xây dựng một nhà nước kiểu mới có thực lực về kinh tế, có sự liên minh chặt chẽ giữa các giai cấp, các tầng lớp khác nhau trên tinh thần tự nguyện, cùng làm chủ xã hội.

Digitized by Google

Từ « dân là gốc » đến « dân là chủ »

DƯƠNG TÙNG

PHẢI tới một giai đoạn lịch sử phát triển nhất định, người ta mới nhận thức được và thừa nhận vai trò của quần chúng nhân dân, và vai trò đó ngày càng được nâng cao theo đà tiến hóa của nhân loại. Một trong những tư tưởng lớn về vai trò của quần chúng nhân dân, nảy sinh từ thời kỳ phong kiến, là tư tưởng: « nước lấy dân làm gốc » hay « dân là gốc của nước ». « Gốc » thường được hiểu như là nền tảng, là cội rễ, là chỗ dựa, là lực lượng vật chất, tinh thần hết sức to lớn. « Nước » là hiện thân của cộng đồng, của quốc gia, dân tộc. Tuy vậy, khái niệm « dân », « nước », « gốc » có nội dung mỗi thời một khác. Nó biến thiên, phát triển và mang đậm màu sắc giai cấp khác nhau.

Sách Hoài Nam tử, Chương chủ thuật huấn (thời phong kiến hậu kỳ Trung quốc) có ghi: « Ăn là gốc của dân, dân là gốc của nước ». Dẫu « trọng dân », muốn « an dân », xếp « dân là gốc », song các thế lực phong kiến Trung quốc thời đó vẫn không giải quyết nổi mâu thuẫn giai cấp đang tồn tại trong lòng xã hội. Tư tưởng « dân là gốc » vẫn nằm trong khuôn khổ khắc nghiệt: « Quân tử chuyên làm điều lễ, tiểu nhân làm hết sức mình » (1); nghĩa là xã hội chia ra hai hạng người: « hạng thượng lưu » có đặc quyền cai trị thiên hạ; « hạng thứ dân » là tôi tớ, phục tùng « hạng thượng lưu ».

Do hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước ta, tư tưởng « dân là gốc » chứa đựng nhiều ý nghĩa khác. Trên cơ sở thực tế của đất nước: dựng nước luôn đi đôi với giữ nước, và vì sự chấn hưng nền văn hóa Việt nam, mỗi triều đại phong kiến nước ta mang lại cho tư tưởng « dân là gốc » những giá trị tinh thần cao quý, vừa có tính kế thừa, vừa có nét sáng tạo, độc đáo. Có thể nói, tư tưởng đó bao hàm mấy nội dung chủ yếu sau:

Một, coi dân là một lực lượng to lớn, có sức mạnh tiềm tàng. Sức mạnh ấy biểu hiện trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Nó có thể đánh tan các đội quân xâm lược lớn

(1) Tả chuyện, Thành công năm 13

Digitized by Google

hơn mình nhiều lần. Sức mạnh vật chất, tinh thần của dân một khi được phát động, có thể làm nên nhiều chuyện long trời lở đất. Triều đình, vua chúa không có sức mạnh này thì không làm nên chuyện gì, và có khi còn bị lật đổ. «Gốc» ở đây có nghĩa là biết dựa vào sức mạnh của dân để làm nên sự nghiệp. Nguyễn Trãi đã ví sức dân như nước triều lên, có khả năng lật thuyền, phá hủy cả một thể chế. Phan Bội Châu ca lên rằng:

Người: dân ta, của: dân ta
Dân là dân nước, nước là nước dân...

Hai, gần dân, coi trọng ý nguyện của dân; chăm lo bồi dưỡng sức dân. Trần Quốc Tuấn coi «ý dân như bức tường thành». Ông chủ trương «Khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc». Lý Thường Kiệt quan niệm «Đạo làm chủ dân cốt ở nuôi dân». Nguyễn Huệ nói: «Sinh dân phải nuôi dân làm trước». Trần Thái Tông muốn ra khỏi cung điện, đến các miền dân dã để nghe dân, xem xét lòng dân...

Ba, lòng yêu nước thương dân; niềm xót xa, đồng cảm với nhân dân. Tổ quốc luôn bị ngoại bang xâm lược. Giai cấp thống trị nhìn thấy cái phần chung giữa mình với nhân dân — thần phục của kẻ mất nước. Dân lúc này gắn với cái gì rất dỗi thiêng liêng, hệ trọng: với chủ quyền; với giang sơn bờ cõi; với binh lửa, xích xiềng... Lý Thường Kiệt nói: «Ta nay ra quân cốt để cứu muôn dân khỏi nơi chìm đắm». Nguyễn Huệ coi nghĩa lớn của mình là «cứu vớt dân trong vòng nước lửa». Niềm thương cảm nhân dân rất sâu sắc như trong sớ dâng vua của Nguyễn Trãi: «Ngày nay, định ra lễ nhạc, chính là phải thời lắm. Song không có gốc thì không đứng vững... Dám mong bệ hạ rủ lòng thương yêu và chăm nuôi muôn dân, khiến cho trong thôn cùng xóm vắng không có một tiếng hờn giận oán sầu».

Trên nền kinh tế tiểu nông, một «xã hội lý tưởng», vua—quan—dân trên dưới đồng lòng, bước đầu được xác lập, phản ánh trình độ phát triển mới của trật tự phong kiến, phản ánh ý nguyện chính đáng của nhân dân muốn có cuộc sống thanh bình, yên ấm. Sau này, các nhà nho duy tân đặt chủ quyền «quốc gia — dân tộc» lên vai người dân đã đánh dấu bước tiến dài trong lịch sử phát triển tư tưởng «dân là gốc».

Dương nhiên, tư tưởng «dân là gốc» còn có mặt hạn chế của nó. Vào buổi vận nước đang lên, vương triều đang thịnh, vua, quan, dân cố kết cùng chống giặc ngoại xâm, xây nền độc lập, củng cố vương triều, tư tưởng «dân là gốc» được phát huy mạnh mẽ tính tích cực. Đến giai đoạn chính thể suy tàn, vua bất lực, quan quấy nhiều, tham nhũng, lòng dân ly tán, tư tưởng «dân là gốc» dẫu có được trương lên, nhắc tới, nhưng chỉ còn là khẩu hiệu tượng trưng, một giáo lý trống rỗng.

Ngay trong thời kỳ Duy tân, các chí sĩ yêu nước nhấn mạnh đến tính đồng chủng, con Lạc cháu Hồng, nhưng con người «quốc dân — đồng bào», hình mẫu thời đại lúc đó, vẫn quẩn quanh trong nếp nghĩ cũ: lấy gia đình suy ra xã hội; lấy cuộc sống họ hàng, đồng bang thân tộc để giải quyết mối quan hệ đất nước, quốc gia. Và xét cho cùng, chủ thể bao trùm lên toàn bộ cuộc sống hàng trăm năm trong xã hội vẫn là hình bóng vị hoàng đế. Đến như Nguyễn Huệ, tự xưng «người áo vải, ở Tây sơn, không có một thước đất, vốn không có chí làm vua», khi lập chiếu lên ngôi, cũng sang sảng nói với dân rằng: «Đăng thánh nhân vâng theo đạo trời để làm chủ tể trong nước, làm cha mẹ dân». Vậy là người dân vẫn ở phận «thần dân»,

Digitized by Google

« con dỏ », là đối tượng được ủy trị, cần chăn dắt, dạy dỗ. Bức tranh xã hội được phác ra rõ nét : Bên trên là Đức vua – đại diện cho nước, cho quyền lực tối thượng. Bên dưới, thần dân – được mệnh danh là « gốc », nhưng chỉ như một phương tiện thụ động, phục tùng, yếm thế, một lực lượng luôn chịu ơn bề trên.

Từ trong hạn chế của lịch sử, trong vòng cương tỏa của thể chế vương quyền, tư tưởng « dân là gốc » dù tiến bộ đến đâu cũng chỉ dừng lại ở đó : không có và không thể có bước phát triển cao hơn, kể cả khi các chí sĩ của thời Duy Tân mong muốn một xã hội « dân là chủ ». Lòng ước ao, kỳ vọng của các nhà nho yêu nước – những con người tiên tiến nhất thời đại lúc đó, tầm nhìn đã bị che lấp bởi ràng buộc giai cấp, bởi giáo lý quen thuộc. Các vị đâu hình dung ra được ở chân trời xa xôi, cách mạng tư sản đã lật đổ ách thống trị của nền quân chủ chuyên chế, lập nên nhà nước tư sản, một nền dân chủ mới, xác lập quyền con người với tư cách cá nhân và công dân. Các vị cũng không biết được có một nhà tư tưởng, người thầy của cách mạng vô sản – Các Mác – lần đầu tiên đã phát hiện và khẳng định vai trò quyết định của quần chúng nhân dân, người sáng tạo chân chính ra lịch sử. Nhân dân tham gia vào mọi hoạt động sản xuất, tạo ra của cải vật chất và tinh thần của xã hội, bảo đảm điều kiện cho sự tồn tại xã hội. Nhân dân là lực lượng hùng hậu của cách mạng, là động lực thúc đẩy tiến bộ xã hội. Mác đã phân tích đúng đắn mối quan hệ giữa cá nhân và quần chúng trong tiến trình lịch sử nhân loại. Và chính ông, đã mang lại cho khái niệm « dân chủ » một nội dung khoa học.

★

Sau khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam làm cách mạng thắng lợi, giành được chính quyền từ tay giai cấp thống trị, nhân dân ta đã chuyển từ địa vị người nô lệ lên địa vị người chủ xã hội. Trong tư thế mới, cả ngọn và gốc, nhân dân là người có quyền lực cao nhất, thành lập và xây dựng nhà nước của mình, do mình và vì mình.

Những ngày đầu xây dựng chính quyền, dẫn lời người xưa « Nước lấy dân làm gốc », Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ vai trò to lớn của nhân dân, đồng thời vạch ra ngay 12 điều răn cụ thể, giáo dục bộ đội, cán bộ khi « tiếp xúc và chung sống với nhân dân » cần tuân theo. Cuối cùng, Người kết luận :

Gốc có vững cây mới bền

Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân (2).

Đảng ta tiếp thu tư tưởng « Nước lấy dân làm gốc » không chỉ trên tinh thần kế thừa tinh hoa truyền thống của cha ông, không chỉ khẳng định một chân lý giản đơn : nhân dân là lực lượng hùng mạnh, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Mà điều cốt tử là từ bài học kinh nghiệm lịch sử vô giá đó, Đảng ta đã khẳng định : cần thắt chặt hơn nữa quan hệ máu thịt giữa mình với nhân dân, chính Đảng cũng từ nhân dân, là bộ phận tiên tiến của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân thật sự là người chủ, trực tiếp tham gia vào công việc quản lý đất nước, quản lý xã hội trong giai đoạn mới.

« Nhân dân » với ý nghĩa là một phạm trù lịch sử, bao gồm nhiều bộ phận, tầng lớp, giai cấp khác nhau, có địa vị xã hội khách quan khác nhau, có khả năng tham gia việc xây dựng và phát

(2) Hồ Chí Minh : *Về quan điểm quần chúng*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1974, tr. 41

Digitized by Google

triển đất nước trong một thời kỳ nhất định. Là phạm trù xã hội học, «nhân dân» phản ánh sự thay đổi kết cấu xã hội của xã hội. Đất nước trải qua biến động của các cuộc cải cách, các cuộc cách mạng, đặc biệt cách mạng vô sản, khiến đời sống con người bị lay động đến tận gốc rễ. Các thành phần xã hội, tầng lớp tạo nên nhân dân, không thể không thay đổi.

Ở nước ta ngày nay, công cuộc đổi mới đất nước với nền kinh tế đa dạng, nhiều thành phần, các giai cấp, các tầng lớp trong nhân dân với tư cách là các công dân, đều có quyền bình đẳng về pháp lý, và được đối xử công bằng trên thực tế. Tiêu chuẩn quan trọng để thừa nhận nhóm dân cư nào đó có là bộ phận của nhân dân hay không, phải chăng là ở chỗ: họ có cùng chí hướng và thật sự tham gia xây dựng nước ta thành một nước giàu mạnh có cuộc sống ấm no, hạnh phúc hay không?

Giờ đây, dân «là gốc» phải đồng thời «là chủ» và bắt đầu «làm chủ». «Gốc», biểu tượng cho sự năng động sáng tạo, cho trí tuệ và tài năng đã được giải phóng, tự do, «có thể làm được những kỳ công» (3). Vì thế, «gốc» cần được luôn chăm nom, vun xới, bồi đắp. Nhưng khác xưa («gốc» chịu ơn bề trên, lép vế và bị động), ngày nay «gốc» có khả năng tự xây gốc cho mình bền chặt hơn, vững chắc hơn. Trên đất nước ta, nhân dân tự củng cố và xây dựng lực lượng bằng các tổ chức chính trị và xã hội rộng lớn của mình.

«Dân là gốc», «dân là chủ», trong tư tưởng và hành động ngày nay phải coi là sự thống nhất và gắn bó hữu cơ. Tuy nhiên, bước vào cuộc sống mới, «người chủ» chưa thể làm chủ ngay trên tất cả các mặt hoạt động xã hội. «Người chủ» cần có người đại diện mình, thay mặt mình để làm chủ. Còn bản thân «người chủ» phải được học làm chủ, tập làm chủ trên một số mặt, để tiến tới có thể tự làm chủ trên mọi mặt của đời sống xã hội. Đây là một quá trình lâu dài. Cho nên, để phát huy vai trò «dân là gốc», «dân là chủ», trong điều kiện hiện nay của nước ta, cần giải quyết mấy vấn đề cơ bản:

1 — Thật sự bảo đảm các quyền của «người chủ» được thực hiện trong thực tế cuộc sống, chứ không phải chỉ trên văn bản pháp lý hoặc trên lời nói. Đây cũng là điều khác căn bản với tư tưởng «dân là gốc» trước kia, và khác về chất với nền dân chủ tư sản.

Quyền «người chủ» trước hết thể hiện trong quyền được lao động để sống và có cuộc sống phù hợp với khả năng của nền kinh tế xã hội, với lẽ sống nhân đạo và công bằng; quyền được đối xử bình đẳng theo pháp luật, không bị phân biệt đối xử trong xã hội công dân; quyền tự do cá nhân, v.v. Tóm lại, là làm sao cho người dân «biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm» (4).

2 — Người đại diện, cơ quan đại diện cho sự làm chủ của người dân phải được tuyển chọn một cách nghiêm ngặt. Phải xây dựng một cơ cấu tổ chức, một cơ chế vận hành sao cho việc trao quyền, ủy quyền của dân, không dẫn đến chỗ người dân bị mất quyền, người đại diện cho dân trở thành kẻ dân áp dân. Muốn làm được điều này, trước hết người đại diện phải «có ý thức phục vụ dân», «làm đày tớ dân», đừng coi mình là «vị cứu tinh» của dân. Phải đặt lợi ích nhân dân lên trên hết; liên hệ chặt chẽ với dân; bàn bạc với dân; có khuyết điểm thật thà tự phê bình và hoan nghênh dân phê bình mình;

(3) V.I. Lê-nin: Toàn tập. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t. 11, tr. 131

(4) Hồ Chí Minh: *Về quan điểm quần chúng*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, tr. 98

Digitized by Google

sẵn sàng học hỏi dân, tự mình gương mẫu cần kiệm liêm chính. Đó chính là những bài học mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn cán bộ, đảng viên từ lâu. Khi những người được dân ủy nhiệm không còn xứng đáng nữa, thì dân có quyền bãi miễn họ. Đây là hình thức dân chủ « trực tiếp, triệt để, tức khắc » (5), nhằm làm cho bộ máy đại diện của dân giữ được trong sạch, không bị xơ cứng, quan liêu và tham nhũng. Tiếc thay, hình thức này lâu nay ta rất ít làm.

3 — Tạo ra nhiều hình thức thiết thực để dân học, dân tập dượt làm chủ, nâng cao ý thức, năng lực làm chủ, kiểm tra giám sát được các cơ quan đại diện cho mình. Chúng ta cần tạo ra một « mặt bằng học vấn phổ thông » trong nhân dân, giáo dục và tập luyện cho nhân dân có một thói quen tôn trọng kỷ cương và pháp luật của nhà nước.

Một xã hội lấy luật pháp làm chuẩn mực giá trị, sẽ do được mọi hành vi của người dân thường cho đến người có địa vị cao trong xã hội, sẽ tạo ra bầu không khí công bằng, nhân đạo. Chỉ có một xã hội như vậy, mới ngăn chặn được bọn mị dân luôn mồm tụng niệm: « dân là gốc », « dân là chủ », « trước hết phải vì dân », nhưng hành động thì lại xấu xa, thể hiện rất rõ: « mình là gốc », « mình là chủ », « trước hết phải vì mình ».

★

Từ « dân là gốc » đến « dân là chủ », gắn « dân là gốc » với « dân là chủ và làm chủ », đó là một đặc trưng nổi bật của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng. Nhận thức rõ nội dung quan trọng đó của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là điều rất cần thiết, nhưng điều cần thiết hơn là làm sao biến nó thành hiện thực trong cuộc sống của đất nước ta.

(5) V.I. Lê-nin : Toàn tập, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1978 t. 35 tr 132.

PHẢI CHĂNG CHÚNG TA...

(Tiếp theo trang 25)

nghĩa là phần sản lượng tăng thêm trong kỳ kế hoạch, để khuyến khích kinh tế trang trại phát triển. Cần tôn trọng **tính ngang giá** và **sự tự điều chỉnh** hiện nay được coi là hai nguyên lý cơ bản của kế hoạch trên thế giới, loại bỏ những luận điểm cũ kỹ như **kế hoạch kết hợp với thị trường, kế hoạch hiện vật kết hợp với kế hoạch giá trị.**

Nằm trong khu vực châu Á — Thái bình dương và trên mảnh đất kinh tế tiểu nông từ nghìn xưa, nước ta không tránh khỏi những sai lầm của các nước trong khu vực, như tập trung làm công nghiệp nặng và coi nhẹ nông nghiệp, vội vã tiến lên sản xuất lớn và rơi vào tư tưởng chủ quan, duy ý chí trong việc hoạch định chiến lược. Đảng ta đã nhận ra những sai lầm đó, chỉ tiếc chậm hơn các nước trên 10 năm. Nhưng nhờ có kinh nghiệm của người đi trước, chúng ta tin tưởng có thể theo kịp các nước trong khu vực trong một tương lai không xa.

Digitized by Google

Một số ý kiến về cơ cấu xuất khẩu của nước ta từ nay đến năm 2000

TRIỆU LẬP *

TĂNG cường xuất khẩu là một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của nước ta hiện nay. Để thực hiện thành công nhiệm vụ đó, trước hết phải xác định đúng cơ cấu xuất khẩu dài hạn đến hết năm 2000. Nếu không có cơ cấu xuất khẩu dài hạn rõ ràng thì không thể có mục tiêu để tập trung đầu tư và một số biện pháp chính sách khác nhằm đẩy nhanh quá trình phát triển sản xuất hàng xuất khẩu.

Theo nghĩa hẹp, xuất khẩu là đưa các sản phẩm sản xuất ở trong nước ra nước ngoài tiêu thụ để thu ngoại tệ. Xét về góc độ này, xuất khẩu thuộc hành vi hàng—tiền. Hàng xuất khẩu được coi là điều kiện vật chất hay phương tiện cụ thể, còn doanh thu ngoại tệ là mục tiêu. Muốn có doanh thu ngoại tệ, rõ ràng phải có hàng xuất khẩu, tức các đối tượng trao đổi với bên ngoài.

Hàng xuất khẩu phải có khả năng cạnh tranh với hàng nước ngoài. Điều này tùy thuộc điều kiện sản xuất ở trong nước và khả năng thích ứng nhanh với biến động của cung cầu trên thị trường thế giới. Chúng ta đều biết định hướng cho sản xuất hàng xuất khẩu thường là thị trường ngoài nước. Nhưng có sản xuất được hàng xuất khẩu theo định hướng hay không, lại là do khả năng và điều kiện cụ thể của nền kinh tế quốc dân. Vì vậy, sản xuất trong nước luôn luôn là yếu tố quyết định. Đối với các nước kinh tế kém phát triển như nước ta, xuất khẩu nói chung dựa vào góp nhặt, có gì xuất nấy, nên rất bị động.

Không phải thứ gì cũng có thể đưa ra thị trường thế giới. Thực tế cho thấy, cạnh tranh trên thị trường thế giới diễn ra ngày càng gay go và phức tạp. Hàng không có khả năng cạnh tranh thì không thể chen chân vào thị trường thế giới, nói gì đến loại bỏ đối thủ cạnh tranh. Trong nhiều năm qua, có tình trạng ngoại thương của ta có hàng mà không xuất được dù bán với giá thấp hơn giá quốc tế rất nhiều. Tất nhiên, cũng phải chú ý một điều là thị trường quốc tế không mang tính chất thương mại thuần túy, mà còn chịu sự chi phối ác liệt của rất nhiều yếu tố chính trị, xã hội và ngoại giao giữa các nước khách hàng với nhau

* Phó tiến sĩ khoa học kinh tế

Digitized by Google

Đối với nước ta cũng vậy, cơ cấu xuất khẩu không thể định hình một cách chủ quan tùy tiện, mà phải xuất phát từ các điều kiện và cơ cấu sản xuất của nền kinh tế quốc dân và mối quan hệ nhiều mặt có đi có lại giữa nước ta với các nước khác.

Song, trong bất kỳ tình huống nào, khả năng cạnh tranh của bản thân hàng hóa xuất khẩu, luôn đóng vai trò quyết định.

Trên thị trường thế giới đã hình thành hai nhóm hàng hóa cơ bản rất khác nhau : hàng máy móc thiết bị và hàng phi máy móc thiết bị. Nói chung, nhóm thứ nhất xuất khẩu bao giờ cũng có ưu thế hơn nhóm thứ hai. Điều đó có những nguyên nhân khách quan. Máy móc, thiết bị (kể cả quy trình công nghệ) là những yếu tố tạo năng suất. Nhu cầu về máy móc thiết bị không ngừng tăng, do đó, tiêu thụ thuận lợi và giá cả có xu hướng tăng liên tục và tăng nhanh. Ngược lại, nguyên liệu và nông sản chỉ là những yếu tố sản xuất và tiêu thụ, nhu cầu lại tăng giảm thất thường do chịu ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố chu kỳ, vì vậy tiêu thụ khó khăn, giá cả nhiều rủi ro.

Trong buôn bán quốc tế đã hình thành cánh kéo giá giữa hai nhóm hàng trên có lợi cho xuất khẩu máy móc thiết bị và bất lợi cho xuất khẩu nông sản và nguyên liệu. Tình hình đó khiến cho trong buôn bán với các nước tư bản phát triển, các nước đang phát triển luôn ở thế bất lợi.

Câu hỏi đặt ra là liệu có thể thay đổi cơ cấu xuất khẩu dài hạn của nước ta đến năm 2000 để tránh được thế bất lợi trên không? Chắc chắn không thể được, bởi vì cơ cấu xuất khẩu của một nước trước hết phải xuất phát từ cơ cấu sản xuất của nước đó. Đối với nước ta, trong thập kỷ 90 cơ cấu sản xuất của nền kinh tế quốc dân vẫn dựa vào nông nghiệp là chính.

a) Sản lượng nông nghiệp trước sau vẫn chiếm một tỷ trọng áp đảo trong tổng thu nhập quốc dân được sản xuất ra, đạt khoảng 51% thu nhập quốc dân cả nước.

b) Lao động nông nghiệp chiếm khoảng 72—73% tổng lao động trong cả nước. Số dân dựa vào nông nghiệp chiếm 81%. Như vậy, nông dân là người sản xuất và tiêu thụ chính của đất nước.

c) Sản xuất nông nghiệp là khu vực kinh tế thu hút được nhiều vốn đầu tư của nhân dân. Đầu tư của nhà nước vào nông nghiệp nói chung không lớn so với các ngành khác. Ví dụ, năm 1986 chỉ đầu tư vào nông nghiệp khoảng 19,8% tổng vốn đầu tư của nhà nước, trong lúc đầu tư cho công nghiệp 35,7%

d) Trong sản xuất nông nghiệp, hiệu quả đồng vốn cao. Hao phí vật tư trên 1 đồng thu nhập quốc dân được sản xuất ra ở đây nói chung thấp hơn nhiều so với trong công nghiệp : năm 1987, hao phí đó chỉ khoảng 0,44 đồng, so với 1,88 đồng trong công nghiệp.

e) Kinh nghiệm lâu đời của nhân dân ta trong sản xuất nông nghiệp (kể cả trồng trọt và chăn nuôi) cũng là một ưu thế so với sản xuất công nghiệp. Đồng thời, sản xuất nông nghiệp cũng là nơi có điều kiện vật chất và kỹ thuật tương đối đồng bộ để có thể ứng dụng các thành tựu của khoa học nông nghiệp hiện đại.

Ngoài nông sản ra, các ngành gia công xuất khẩu và khai khoáng (đặc biệt là dầu mỏ) cũng có nhiều hứa hẹn phát triển nhanh trong thập kỷ này, bởi vì có khả năng gọi vốn đầu tư từ bên ngoài.

Xét về thị trường ngoài nước và trình độ ngoại thương hiện nay của ta, tiêu thụ nông sản, nguyên liệu và sản phẩm gia công nói chung thuận lợi

Digitized by Google

hơn so với tiêu thụ máy móc, thiết bị và nhiều hàng công nghiệp tiêu dùng khác. Trong nước, khả năng tiêu thụ nông sản, nguyên liệu và sản phẩm gia công cũng khá lớn, do đó có khả năng kết hợp nội tiêu với ngoại tiêu để có một thị trường tiêu thụ an toàn hơn.

Có thể thấy phần nào thực trạng nói trên của nền kinh tế nước ta qua những số liệu sau đây về cơ cấu xuất khẩu của nước ta:

	1976	1980	1985	1986	Bình quân 76 – 80	Bình quân 81 – 85
– Tổng xuất khẩu	100	100	100	100	100	100
– Công nghiệp khai khoáng	16	10,9	9,4	7,8	14	10,0
– Công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp	38,7	47,1	33,7	27,7	45,5	36,5
– Nông sản – nông sản chế biến, lâm sản và hải sản	45,3	41,7	56,9	44,5	40,5	53,5

Nguồn: Số liệu của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế 1976–1980, Hà nội 8-1987.

Qua những số liệu trên, chúng ta thấy trong cơ cấu xuất khẩu, nhóm hàng nông sản nói chung chiếm trên dưới 50%. Năm 1989 tỷ trọng đó lên 53,3%. Nếu không tính cao bằng giá trị đồng rúp và đồng USD thì tỷ trọng nhóm hàng nông sản trong cơ cấu xuất khẩu còn lớn hơn nhiều.

Hiện nay nền kinh tế nước ta đang trong tình trạng có nhiều khó khăn lớn.

– *Thứ nhất*, khó khăn về *vốn*. Do không đủ khả năng trả lãi suất cũng như nợ đến hạn và quá hạn, nên không chỉ việc vay thêm vốn ngoại tệ của nước ngoài gặp khó khăn, mà ngay cả việc gọi vốn đầu tư của nước ngoài cũng bị ảnh hưởng. Vốn ngoại tệ do xuất khẩu đưa lại thì hiệu quả sử dụng không cao do quản lý lỏng lẻo. Năm 1989 kiểm tra 1136 đơn vị kinh doanh đã phát hiện: 100 tỷ đồng và 354 triệu USD thuộc diện ngân sách nhưng đã không được đưa vào ngân sách (báo *Nhân dân* số ra ngày 27-1-1990). Chạy theo chênh lệch giá, không ít ngành và địa phương đã dùng ngoại tệ không phải để nhập các hàng phục vụ trực tiếp cho sản xuất mà để nhập rất nhiều hàng tiêu dùng xa xỉ.

Vốn ngoại tệ càng khó khăn thì nhập khẩu càng bị hạn chế. Nếu nhập khẩu không đủ các mặt hàng thiết yếu thì sản xuất và đời sống trong nước sẽ gay go. Trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay, việc nhập siêu bằng vay nợ nước ngoài giảm đi nhanh chóng là một hiện tượng đáng lo. Hiện nay không chỉ vốn ngoại tệ gặp khó khăn, mà cả vốn trong nước cũng khan hiếm do sản xuất đình trệ, nguồn thu chủ yếu bị cạn kiệt. Không đủ vốn đầu tư cho sản xuất, sản xuất ắt càng gặp khó khăn hơn.

– *Thứ hai*, khó khăn về *thị trường*. Về thị trường ngoài nước, lâu nay khu vực Liên xô và Đông Âu được coi là thị trường chủ chốt của nước ta. Nhưng hiện nay, do những biến động rất lớn từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung chuyển sang cơ chế thị trường, do tình hình kinh tế – xã hội của các nước trong khu

Digitized by Google

vực trên có nhiều xáo trộn, chắc chắn việc buôn bán sắp tới giữa nước ta với các nước này sẽ có nhiều khó khăn và trở ngại. Những mặt hàng như hàng tiêu thủ công nghiệp, mỹ nghệ, hàng may mặc, gia công xuất khẩu, v. v. có thể sẽ khó tiêu thụ. Trong lúc đó, quan hệ của nước ta với thị trường tư bản chủ nghĩa tuy có mở rộng hơn trước, song vẫn chưa thoát khỏi tình trạng buôn bán nhỏ, thường xuyên lúng lúng và bị động. Quan hệ với thị trường xã hội chủ nghĩa trước đây bị thu hẹp, trong lúc quan hệ với thị trường tư bản chủ nghĩa như vậy, dương nhiên xuất khẩu sẽ gặp không ít khó khăn.

Về thị trường trong nước, do sản xuất đình đốn, thu nhập quốc dân (phần giá trị mới) sản xuất ra giảm đi trông thấy, phần lớn lại được tái phân phối thông qua một thị trường rất bất lợi cho người sản xuất, nên sức mua của xã hội rõ ràng là giảm đi.

Thêm vào đó, do không có chính sách bảo hộ đúng mức thị trường trong nước, để cho hàng ngoại xâm nhập đánh bạt hàng nội, gây trì trệ cho sản xuất, nên thị trường nói chung không tránh khỏi bị bế tắc.

— *Thứ ba*, khó khăn về *cơ chế*. Hệ thống quản lý kinh tế — xã hội của nhà nước ta hiện nay nói chung không những không thúc đẩy được sản xuất và điều hòa được phân phối lưu thông và tiêu dùng, mà còn làm cho các quá trình đó rối loạn thêm. Tiêu cực xã hội gia tăng, nạn tham nhũng trong bộ máy nhà nước đến mức báo động. Vốn nhà nước bị tầu tán và mất mát ngày càng nhiều. Ngân sách nhà nước bội chi nghiêm trọng và kéo dài. Tiền tệ — tín dụng khủng hoảng. Khó khăn về cơ chế đã thực sự ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống.

Trong hoàn cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn như đã nói ở trên, việc xác định một cơ cấu xuất khẩu hiện thực, khả thi của thập kỷ 90, là rất cần thiết. Muốn vậy, cần chú ý mấy điểm sau:

— Tập trung cao độ đẩy mạnh sản xuất nông sản xuất khẩu kể cả sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi, lâm sản và hải sản. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp hàng tiêu dùng để có thể xuất khẩu và thay thế nhập khẩu. Nếu giải quyết được tốt vấn đề chất lượng sản phẩm và vấn đề thị trường thì việc xuất khẩu các mặt hàng nông sản và tiểu thủ công nghiệp có thể chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu xuất khẩu của thập kỷ 90.

— Tranh thủ đến mức tối đa sự hợp tác với nước ngoài để đẩy nhanh nhịp độ khai thác các nguồn khoáng sản trong nước, trước hết là dầu khí, để có thể tăng nhanh xuất khẩu nhóm hàng này. Đồng thời, phát triển nhanh các loại dịch vụ xuất khẩu thu ngoại tệ, như vận tải đối ngoại, bưu điện viễn thông, du lịch quốc tế, và các hoạt động kinh doanh về tài chính và tiền tệ v.v.

Để cụ thể hóa cơ cấu xuất khẩu dài hạn của thập kỷ 90, có thể sắp xếp như sau:

1 — Về *nông sản — nông sản chế biến* (kể cả lâm sản và hải sản). Cần tập trung vào cả ba mũi nhọn:

— Tăng sản phẩm trồng trọt: nông sản nhiệt đới, lương thực và phi lương thực;

— Tăng sản phẩm chăn nuôi trâu bò, lợn;

— Tăng khai thác, nuôi trồng hải sản. Chú ý trang bị kỹ thuật hiện đại cho khâu đánh bắt, để có thể sử dụng đến mức tối đa các cơ sở chế biến và đông lạnh hiện có.

2 — Về *sản phẩm công nghiệp nhẹ* (kể cả tiểu thủ công nghiệp). Cần chú trọng mấy điểm:

Digitized by Google

– Cải tiến kỹ thuật, tăng cường chất lượng, đáp ứng được thị hiếu của thị trường, để có thể đẩy mạnh xuất khẩu. Chú ý vấn đề marketing, vì đối với nhóm sản phẩm này việc tiêu thụ trong thập kỷ 90 có thể còn nhiều khó khăn.

– Tiếp tục mở rộng các hình thức gia công xuất khẩu. Hình thức này rất phù hợp với nước ta hiện nay, vì nó giúp ta: *một là*, có thể tranh thủ được vốn, nguyên liệu từ bên ngoài; *hai là*, tạo được công việc làm cho người lao động; *ba là*, chủ động được thị trường tiêu thụ. Ở đây ta lại có lợi thế: lao động rẻ; đào tạo tay nghề nhanh; đã có kinh nghiệm khá trong quan hệ giao dịch với bên ngoài.

– Tiếp tục duy trì và phát triển các mặt hàng truyền thống với chất lượng ngày càng cao như: gốm sứ, sơn mài, chạm khảm, thêu ren, y dược dân tộc, v. v.

3 – Về *sản phẩm khai khoáng*. Cần chú ý các mặt hàng có khả năng hiện thực sau đây:

– Dầu khí và sau đó, các sản phẩm dầu khí.

– Than anthracit và các loại khoáng sản khác như apatit, crômit, ôxit ti tan, đá xây dựng, đá trang trí, v. v.

Nhóm mặt hàng này, đặc biệt là dầu khí, có khả năng tăng nhanh xuất khẩu, song tốc độ khai thác tùy thuộc vào vốn đầu tư bên ngoài. Trước mắt, tập trung vào thăm dò và khai thác dầu khí.

4 – Về *các loại lao vụ và dịch vụ xuất khẩu*. Tiềm năng về các loại lao vụ và dịch vụ xuất khẩu lớn, nhưng chưa được khai thác nhiều, vì chính sách, chế độ, biện pháp và cơ chế hiện hành chưa đủ kích thích. Cần chú ý đúng mức các loại hình sau:

– Xuất khẩu lao động trực tiếp.

– Xuất khẩu lao động gián tiếp qua nhận thầu xây dựng quốc tế.

– Hoạt động vận tải, giao nhận, bưu điện đối ngoại thu ngoại tệ.

– Dịch vụ ở các cảng, sân bay quốc tế và các ga biên giới, v. v.

– Du lịch và xuất khẩu tại chỗ.

Cơ cấu xuất khẩu nêu trên có nhiều khả năng hiện thực, bởi vì nó thích ứng với điều kiện phát triển của nền kinh tế quốc dân nước ta trong thập kỷ 90.

Xuất phát từ cơ cấu xuất khẩu đã hình thành trong nhiều năm qua, đặc biệt là năm 1989 (năm dầu mỏ và gạo đã trở thành những mặt hàng xuất khẩu lớn), phải chăng có thể xác định *cơ cấu xuất khẩu của nước ta từ nay tới năm 2000* như sau: 55% là nông sản, nông sản chế biến, lâm sản và hải sản; 25% là các sản phẩm công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp; khoảng 20% là khoáng sản. Ngoài ra, khai thác tiềm năng các dịch vụ xuất khẩu để hỗ trợ cho tăng cường kim ngạch xuất khẩu.

Cần có chính sách đúng, đầu tư tập trung để thúc đẩy sản xuất theo cơ cấu trên nhằm tạo nhanh cơ sở vật chất để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xuất khẩu của thập kỷ 90.

Tuy nhiên, xuất khẩu mới chỉ là bước tạo nguồn thu ngoại tệ cho đất nước. Sử dụng ngoại tệ đó như thế nào để có lợi nhất cho nền kinh tế quốc dân, phải thông qua nhập khẩu. Ở đây, cơ cấu nhập khẩu có ý nghĩa quyết định. Và đây cũng là một bộ phận quan trọng của chiến lược kinh tế dài hạn của đất nước.

Digitized by Google

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG NƯỚC TA

PHAN THU *

Do tầm quan trọng đặc biệt của nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, nhiều nước, với biện pháp khác nhau, đều có nỗ lực lớn lao phát triển nền công nghiệp quốc phòng độc lập, theo những mục tiêu nhất định, phù hợp với tình hình cụ thể về chính trị, quốc phòng, kinh tế và khoa học kỹ thuật của mỗi nước. Nước nào cũng có chính sách bảo đảm cho công nghiệp quốc phòng tồn tại và phát triển thuận lợi, theo ý đồ chiến lược quốc phòng; khi cần nhà nước huy động mọi tiềm lực quốc gia đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng.

Thực tế cho thấy, việc phát triển công nghiệp quốc phòng ngoài kết quả vô giá cho đất nước chủ động có vũ khí, trang bị thực hiện mục tiêu quốc phòng, còn đáp ứng lợi ích kinh tế lớn lao. Đó là việc tạo ra việc làm, thúc đẩy tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sản xuất. Một số nước còn coi công nghiệp quốc phòng là một ngành kinh tế có giá trị xuất khẩu cao. Công nghiệp quốc phòng có ưu thế về con người, về thiết bị và công nghệ tiên tiến, trong thời bình có thể huy động phần lớn năng lực sản xuất các mặt hàng kinh tế. Nhiều phát minh về khoa học kỹ thuật nảy sinh do yêu cầu quân sự, được ứng dụng trước trong công nghiệp quốc phòng, sau đó cũng có thể được ứng dụng cho kinh tế.

Hiện nay đất nước ta đã có hòa bình, đang tập trung vào công cuộc xây dựng kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng vẫn còn những âm mưu thù địch nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, chống lại độc lập chủ quyền của Tổ quốc ta. Tình hình trong khu vực vẫn chưa yên, còn nhiều diễn biến phức tạp. Xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc luôn luôn là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, được kết hợp với nhau một cách chặt chẽ. Trong thập kỷ tới, xây dựng kinh tế xã hội phải là nhiệm vụ trọng tâm, để nhanh chóng vượt qua được ngưỡng nước nghèo. Đó là yêu cầu bức thiết nhất của đời sống nhân dân. Đi đôi với việc xây dựng đất nước giàu về kinh tế, chúng ta phải xây dựng một nền quốc phòng toàn dân đủ mạnh, trong đó có sức mạnh của nền công nghiệp quốc phòng đất nước

* Giáo sư, trung tướng

Digitized by Google

Do tính chất ác liệt của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhu cầu chuẩn bị vũ khí, trang bị quân sự là rất lớn, đa dạng và phức tạp. Đảng ta coi việc xây dựng và phát triển nền công nghiệp quốc phòng từng bước đủ sức cung cấp vũ khí, trang bị cần thiết cho các lực lượng vũ trang của ta, là vấn đề chiến lược hết sức quan trọng.

Chúng ta phải thực hiện nhiệm vụ lịch sử này trong tình hình đất nước còn nghèo, có nhiều khó khăn về kinh tế, nền công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng chưa phát triển; các cơ sở công nghiệp quốc phòng hiện có, tuy là vốn rất quý, nhưng được xây dựng trong chiến tranh giải phóng, bị khiếm khuyết nhiều mặt (như phân bố khu vực, trình độ kỹ thuật và công nghệ, cơ cấu ngành nghề, nguồn vật tư nguyên liệu đảm bảo...), nay lại khó khăn về việc làm, về đổi mới kỹ thuật, về khả năng tiêu thụ sản phẩm quốc phòng và hàng kinh tế. Hơn nữa, việc đầu tư cho phát triển công nghiệp quốc phòng lại thường rất tốn kém.

Tình hình đó đặt ra một số vấn đề phải nghiên cứu, giải quyết thật nghiêm túc với tinh thần khoa học và thực tế: công nghiệp quốc phòng nước ta cần được xây dựng và phát triển như thế nào để vừa chủ động đáp ứng mọi yêu cầu quốc phong theo tình hình, nhiệm vụ trước mắt, đồng thời chuẩn bị tiền đề hướng tới mục tiêu lâu dài; vừa tận dụng, kế thừa được ở mức cao nhất cơ sở công nghiệp quốc phòng hiện có, lại tranh thủ đầu tư phát triển sao cho phù hợp với khả năng thực tế nền kinh tế đất nước, và đáp ứng yêu cầu phát triển của kỹ thuật quân sự và nghệ thuật quân sự.

Dù hoàn cảnh thế nào, công nghiệp quốc phòng nước ta cũng phải hướng tới mục tiêu chuẩn bị cho các lực lượng vũ trang nhân dân ta có đủ vũ khí, trang bị tối cần thiết với chất lượng ngày càng được nâng cao để chủ động trong mọi tình huống thực hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Trước mắt bảo đảm duy trì được khả năng sẵn sàng chiến đấu của số vũ khí, trang bị quân sự hiện có, nghiên cứu cải tiến nâng cao hiệu quả chiến đấu của một số loại vũ khí cho phù hợp với con người, địa hình và nghệ thuật quân sự Việt nam; từng bước sản xuất hoàn thiện một số vũ khí với khối lượng phù hợp, đáp ứng yêu cầu huấn luyện trong thời bình và dự trữ cần thiết cho yêu cầu của chiến đấu.

Để thực hiện được mục tiêu đó trong tình hình thực tế của đất nước hiện nay, chúng tôi thấy cần trao đổi một số vấn đề quan trọng sau đây:

— Cần xem xét nền công nghiệp quốc phòng trong tổng thể nền công nghiệp đất nước, coi nó là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Nhiều nước trên thế giới, nhất là ở những nước kinh tế phát triển, người ta đặt công nghiệp quốc phòng trực thuộc nhà nước và được quản lý như các ngành kinh tế khác, nhưng cũng có những nước, nhất là ở một số nước đang phát triển, vừa mới ra khỏi chiến tranh giải phóng, chưa công nghiệp hóa nền kinh tế, lại giao cho bộ quốc phòng quản lý.

Thực tế hiện nay và những năm trước mắt, nền công nghiệp quốc phòng nước ta cần được xây dựng như một hệ thống gồm hai bộ phận. Bộ phận các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng do bộ quốc phòng quản lý; và bộ phận các xí nghiệp công nghiệp do các ngành kinh tế quản lý, có thể tham gia sản xuất và sửa chữa vũ khí, trang bị quân sự. Bộ phận thứ hai này được gọi là các xí nghiệp công nghiệp động viên. Bộ phận công nghiệp quốc phòng gồm các xí nghiệp sản xuất vũ khí, trang bị quân sự, các xí nghiệp sửa chữa lớn, có thể sản

Digitized by Google

xuất được phụ tùng thay thế, là bộ phận nòng cốt trong nền kinh tế quốc phòng quốc gia có nhiệm vụ sản xuất và sửa chữa những sản phẩm có tính năng không thể thay thế được và những công nghệ đặc biệt quan trọng trong hệ thống sản xuất, sửa chữa vũ khí, trang bị quân sự. Đối với những sản phẩm quân sự cần huy động công nghiệp nhà nước sản xuất, thì ngành công nghiệp quốc phòng có nhiệm vụ chuyển giao tài liệu kỹ thuật, định mức vật tư kỹ thuật và nghiệm thu để lắp ráp và đồng bộ hóa hoàn chỉnh thành sản phẩm quân sự cuối cùng.

Tuy nhiên, để các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng hiện có, vốn được xây dựng trong chiến tranh, bị hạn chế nhiều mặt, có thể đóng được vai trò nòng cốt trong nền công nghiệp quốc phòng quốc gia, thì ngoài các cố gắng chủ quan của ngành công nghiệp quốc phòng, cần có sự quan tâm đặc biệt của nhà nước và các cấp, các ngành có liên quan. Sẽ là không đúng nếu đánh giá không đúng khả năng và vai trò của các cơ sở công nghiệp quốc phòng hiện có, từ đó không quan tâm giữ gìn và tạo điều kiện cho các cơ sở này khắc phục khó khăn và nhược điểm, phát huy thế mạnh sẵn có để tồn tại và phát triển, vươn lên ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ.

Vì vậy cần quan tâm đầu tư, đặc biệt là đầu tư chiều sâu, cho các cơ sở công nghiệp quốc phòng hiện có, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và đồng bộ hóa một số dây chuyền hoặc công đoạn sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài quan trọng. Đồng thời, từng bước xây dựng thêm một số cơ sở mới nhằm bổ sung năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu bức thiết về một số sản phẩm quân sự cho các lực lượng vũ trang. Mặt khác, cũng cần đầu tư và tạo điều kiện để trong thời bình, các cơ sở công nghiệp quốc phòng có thể, trên cơ sở bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, bảo đảm tốt các thiết bị, vật tư chuyên dùng cho sản xuất vũ khí, trang bị quân sự **có thể sản xuất đạt hiệu quả các mặt hàng kinh tế** có yêu cầu kỹ thuật, vật tư và công nghệ đồng dạng với sản phẩm quốc phòng. Đây là một biện pháp rất cơ bản để giữ gìn năng lực sản xuất, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề, đồng thời có điều kiện tái đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất cho công nghiệp quốc phòng và thiết thực góp phần thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội của đất nước. Vừa qua, các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng đã tích cực hưởng ứng ba chương trình kinh tế lớn, sản xuất được một số tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng có giá trị, trong số đó có một số mặt hàng được cấp dấu chất lượng, được tặng thưởng huy chương ở các hội chợ triển lãm kinh tế kỹ thuật.

Như thế, công nghiệp quốc phòng phải được xem xét như một bộ phận không thể tách rời của nền công nghiệp quốc gia, phải được xây dựng theo một ý đồ chiến lược vừa đảm bảo làm nòng cốt vững chắc cho việc sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị quân sự, vừa là một nguồn năng lực sản xuất tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng đạt chất lượng cao cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Việc này không những phải được xem xét và giải quyết không chỉ theo quy hoạch và kế hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp quốc phòng, mà còn phải được cụ thể hóa bằng các giải pháp thiết thực và khoa học cho từng xí nghiệp công nghiệp quốc phòng theo khu vực và theo vùng.

— **Tiềm lực kinh tế xã hội là cơ sở cho tiềm lực quốc phòng.** Công nghiệp đất nước là nền tảng của công nghiệp quốc phòng, trong đó có bộ phận các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng động viên. Chỉ có dựa vào nền công nghiệp đất nước và phối hợp mật

Digitized by Google

thiết với bộ phận công nghiệp động viên, ngành công nghiệp quốc phòng mới có khả năng đáp ứng nhu cầu bảo đảm vũ khí, trang bị quân sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, từ tiềm lực kinh tế, tiềm lực công nghiệp chuyển thành tiềm lực và năng lực thực tế của công nghiệp quốc phòng, quá trình đó diễn ra không giản đơn, mà bị chi phối bởi nhiều điều kiện hoạt động thực tiễn của từng xí nghiệp. Khả năng đáp ứng tốt yêu cầu động viên phục vụ quốc phòng, không hình thành ngẫu nhiên từ năng lực sản xuất có sẵn trong các ngành công nghiệp, mà cần được xây dựng theo các quy hoạch và kế hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế do nhà nước quản lý, theo một cơ chế thống nhất và quy định đặc biệt. Cần có sự chuẩn bị rất chu đáo trong thời bình, kể cả việc xây dựng các thể chế có tính pháp lý trong việc chuẩn bị động viên công nghiệp trong thời bình và tiến hành động viên công nghiệp trong thời chiến. Ngoài ra, cần có một khoản ngân sách riêng trong kế hoạch nhà nước để thực hiện.

Vừa qua, chúng ta chưa coi trọng đúng mức và triển khai tốt công tác động viên công nghiệp. Do đó, chưa phát huy được tiềm lực công nghiệp đất nước trong việc bảo đảm vũ khí, trang bị cho các lực lượng vũ trang. Có thể nói, với năng lực hiện có, nếu kết hợp tốt kinh tế với quốc phòng, chúng ta có thể làm được tốt hơn cả cho kinh tế và cho quốc phòng.

Đã đến lúc phải gắn quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp, nhất là cơ khí, hóa chất cơ bản, luyện kim, điện tử... với quy hoạch phát triển công nghiệp quốc phòng. Vấn đề này phải được đặt ra thật rõ ràng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước và được cụ thể hóa trong các kế hoạch, chương trình đầu tư phát triển kinh tế xã hội. Trong chiến lược phát triển các ngành công nghiệp quan trọng, cần tính đến một cơ cấu năng lực như thế nào đó để có thể trực tiếp hoặc nhanh chóng chuyển hóa thành năng lực công nghiệp quốc phòng. Điều ấy được biểu hiện ở cơ cấu thiết bị, khả năng công nghệ và các giải pháp bảo đảm vật tư, nguyên liệu (đặc biệt là loại vật tư chuyên dùng cho công nghiệp quốc phòng). Việc này không chỉ cần được xem xét theo tổng thể cả nước, mà còn cần được xác định cho từng khu công nghiệp, cho từng vùng lãnh thổ, nhất là những vùng chiến lược kinh tế và quốc phòng. Cần có quy định về mặt pháp lý khi xem xét luận chứng kinh tế kỹ thuật các công trình công nghiệp, bảo đảm cho các công trình đó có những yếu tố cần thiết sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phục vụ công nghiệp quốc phòng.

— Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong việc chuẩn bị đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề để đáp ứng nhu cầu sản xuất và sửa chữa vũ khí, trang bị quân sự, là điều có ý nghĩa lớn. Do tính chất phức tạp và đa dạng của kỹ thuật công nghiệp quốc phòng và sự phát triển rất nhanh của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, nên hàm lượng chất xám tăng nhanh trên một đơn vị sản phẩm quân sự theo hướng hiện đại. Từ đó có nhu cầu lớn về chuyên gia có trình độ cao và công nhân lành nghề phục vụ công nghiệp quốc phòng. Bởi vậy, cùng với việc lập kế hoạch và quy hoạch động viên công nghiệp, có phương án động viên cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân có tay nghề cao phục vụ công nghiệp quốc phòng khi có nhu cầu. Cần và có thể giao cho các trường đại học và các viện nghiên cứu phối hợp với các tổ chức có liên quan trong quân đội, triển khai nghiên cứu một số đề tài phục vụ nhu cầu sản xuất và sửa chữa vũ khí, trang bị quân sự, nhằm tận dụng tiềm

Digitized by Google

năng chất xám của đất nước phục vụ công nghiệp quốc phòng ngay trong thời bình, và tập dượt đáp ứng nhu cầu lớn hơn trong thời chiến. Việc cải tiến những vũ khí hiện có theo hướng hiện đại, thiết kế chế tạo những loại vũ khí mới, là một yêu cầu của sự phát triển công nghiệp quốc phòng nước ta. Nó đòi hỏi sự đóng góp quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật và thiết kế thử nghiệm. Cần và có thể đưa vào giảng dạy trong các trường công nhân kỹ thuật một số kiến thức và ngành nghề cơ bản liên quan tới việc chế tạo và bảo đảm-kỹ thuật một số loại vũ khí và trang bị quân sự thông thường. Điều này có lợi là tạo ra đội ngũ dự bị về kỹ thuật và công nghệ cho công nghiệp quốc phòng.

— Công nghiệp quốc phòng phải được định hướng theo quan điểm chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân, thể hiện trên khía cạnh sản xuất vũ khí trang bị quân sự. Phải trả lời được những câu hỏi đặt ra như: Sản xuất cho ai sử dụng? Với cách đánh như thế nào để có hiệu quả cao? Đánh ở đâu?... Do đó việc sản xuất vũ khí trang bị quân sự phải đáp ứng yêu cầu tác chiến của khu vực phòng thủ, thích hợp với chiến tranh tại chỗ, tại các địa phương, giải quyết các vấn đề mà chiến lược quân sự Việt nam trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đặt ra cho ngành công nghiệp quốc phòng. Chúng ta cần có những vũ khí phù hợp với một chiến trường có địa hình đa dạng, nhiều rừng núi, bờ biển... với một đất nước có khí hậu nhiệt đới ẩm. Công nghiệp quốc phòng nước ta cũng được xây dựng, phát triển trong nền kinh tế mở cửa. Do đó, việc mở rộng hợp tác quốc tế để tiếp thu những thành quả cách mạng khoa học – công nghệ mới của loài người, là điều rất cần thiết.

— Cần có cơ chế quản lý hợp lý đối với các hoạt động sản xuất quốc phòng. Trong cơ chế mới, các xí nghiệp quốc phòng dù sản xuất sản phẩm quân sự hay sản phẩm kinh tế, thì cũng phải thực hiện hạch toán kinh tế. Nhưng đồng thời phải thấy rằng sản phẩm quân sự, trong điều kiện nào cũng vẫn là một loại hàng hóa đặc biệt. Ngay ở các nước tư bản chủ nghĩa, các xí nghiệp sản xuất vũ khí, trang bị quân sự, do các công ty tư nhân hoặc do các công ty nhà nước quản lý, cũng không phát triển theo cơ chế thị trường tự do; chúng được hoạch định và quản lý theo một chiến lược xác định. Mọi dự án nghiên cứu, đầu tư chế thử và triển khai sản xuất loạt lớn và tiêu thụ sản phẩm, nhất là những loại vũ khí, trang bị quân sự quan trọng, đều phải qua sự kiểm tra, giám sát của bộ quốc phòng hoặc cơ quan an ninh nhà nước. Đối với nước ta, công nghiệp quốc phòng được hình thành và phát triển trong một hoàn cảnh rất đặc biệt, nay lại được tổ chức quản lý theo cơ chế mới. Sự chuyển biến ấy đòi hỏi sự quan tâm của các cấp lãnh đạo và một cơ chế quản lý thích hợp, để công nghiệp quốc phòng đi lên được.

Bên cạnh cơ chế quản lý hợp lý, cần có những chính sách riêng nhằm gìn giữ, phát huy đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật, và bảo đảm chất lượng (không có loại 2) của sản phẩm quân sự.

Kết hợp sửa chữa lớn, sửa chữa hồi phục và sản xuất vũ khí, trang bị quân sự, là biện pháp thích hợp để khai thác tối ưu hệ thống các xí nghiệp quốc phòng (sửa chữa và sản xuất) hiện có. Giảm bớt sự phụ thuộc vào nhập khẩu phụ tùng sửa chữa, cũng là một yêu cầu cấp bách hiện nay. Chúng ta có nhiều xí nghiệp sửa chữa lớn có khả năng sản xuất phụ tùng, cũng như có nhiều xí nghiệp sản xuất có khả năng sửa chữa hồi phục vũ khí đạn được. Tạo nên sự cách biệt hoặc bố trí không hợp lý về mặt tổ chức

(Xem tiếp trang 77)

Digitized by Google

ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ THỊ TRƯỜNG Ở NƯỚC TA

NGUYỄN THÀNH BANG*

QUÁ trình chuyển từ kế hoạch hóa trực tiếp trong nền kinh tế hiện vật sang kế hoạch hóa gián tiếp trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội, tất yếu dẫn đến những thay đổi cơ bản trong nhận thức đối với thị trường và cơ chế thị trường ở nước ta.

Dưới đây trình bày những luận điểm chủ yếu làm cơ sở cho quá trình đổi mới nhận thức về những vấn đề nói trên.

I — Thị trường trong nền kinh tế hiện vật

Trong nền kinh tế hiện vật, thị trường nói chung không có tác dụng gì đáng kể trong việc kích thích các hoạt động kinh tế. Vì vậy, chức năng thông tin của thị trường nhiều khi lại góp phần làm méo mó, sai lệch các cân đối hiện vật. Ở đây chỉ có thị trường độc quyền của người bán và bao gồm vẻn vẹn thị trường hàng tiêu dùng luôn luôn ở trong tình trạng thiếu hụt.

Đối với các tư liệu sản xuất, do không được coi là hàng hóa, nên chỉ được phân phối theo các kênh lưu thông độc quyền của nhà nước và theo các địa chỉ xác định trong các kế hoạch 5 năm và hằng năm. Do phải qua nhiều cửa ải quyền lực của bộ máy quản lý tập trung quan liêu bao cấp, việc phân phối hiện vật trong thực tế thường khác xa so với phân phối theo kế hoạch trên giấy

Ngay đối với thị trường hàng tiêu dùng thiết yếu ở nước ta cũng có vấn đề: người được mua theo giá cung cấp (thấp xa so với giá thị trường) thường bị đặt vào thế buộc phải mua, còn người bán thì ở thế cửa quyền, cho nên thực tế người tiêu dùng không được tự do chọn lựa mặt hàng mà mình ưa thích trên thị trường.

Cơ chế áp đặt giá đối với mọi sản phẩm trên thị trường cũng như trong phân phối, đã loại trừ khả năng cạnh tranh và triệt tiêu mọi động lực phát triển, biến các đơn vị kinh tế thành vật phụ thuộc vào sự ban ơn của cấp trên, còn người tiêu dùng thì bị tước mất quyền được lựa chọn.

Như vậy, thông tin về thị trường trong nền kinh tế hiện vật không có tác động kích thích các hoạt động kinh tế, không làm được chức năng phân phối lại tài nguyên, các nguồn vốn và thu nhập, không khuyến khích áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế theo chiều sâu.

Ngoài ra, quan hệ giá cả sai sẽ kéo theo những quyết định sai trong lựa chọn các giải pháp kỹ thuật, các phương án tổ chức và quản lý sản xuất, các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh, và cuối

* Tiến sĩ kinh tế học

Digitized by Google

cùng, sẽ dẫn đến sai lệch trong phân phối thu nhập giữa các đơn vị kinh tế. Đấy là những yếu tố kìm hãm sự phát triển kinh tế.

Mặt khác, nếu giá bán một số sản phẩm lại cao hoặc thấp hơn nhiều lần so với giá quốc tế thì như vậy sẽ tạo ra chênh lệch giá, và đây chính là cội nguồn của hoạt động "kinh tế ngầm" bất hợp pháp trong nền kinh tế hiện vật, mà mọi biện pháp ngăn chặn theo kiểu hành chính quan liêu đều không có hiệu quả do tác động của quy luật cung cầu, quy luật giá trị và trao đổi ngang giá.

II — Thị trường trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần

Trong nền kinh tế hàng hoa nhiều thành phần, để thực hiện kế hoạch hóa gián tiếp một cách có hiệu quả đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế, ngoài việc tách dự toán tài chính của xí nghiệp ra khỏi ngân sách nhà nước, cần xây dựng một thị trường dân tộc thống nhất, thông suốt trong cả nước trên cơ sở phân công lại lao động xã hội theo hướng chuyên môn hóa, tạo các tiền đề cần thiết để chủ động tham gia vào phân công lao động quốc tế dựa trên lợi thế so sánh của nước ta.

Thị trường đó phải bao gồm đầy đủ các yếu tố của quá trình tái sản xuất xã hội. Cơ chế thị trường phải tương đối hoàn chỉnh để buộc các đơn vị kinh tế chủ động tiến hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và tự điều chỉnh hoạt động kinh doanh của mình. Đồng thời, kết cấu hạ tầng của thị trường phải được khẩn trương xây dựng và không ngừng hiện đại hóa.

1 — Để sớm hình thành thị trường dân tộc thống nhất, thông suốt trong cả nước, cần xóa bỏ mọi sự chia cắt theo địa giới hành chính, tạo cơ hội cạnh tranh cho các đơn vị kinh tế trên các vùng lãnh thổ thông qua việc sắp xếp lại khu vực quốc doanh, xóa bỏ mọi hình thức cát cứ địa phương. Sớm ban hành luật kinh doanh, luật thuế, luật ngân hàng, các tiêu chuẩn và các đơn vị đo lường, các tiêu chuẩn và quy chế kiểm tra đối với chất lượng sản phẩm, nhất là đối với các hàng hóa có ảnh hưởng trực tiếp đến sinh mệnh của người tiêu dùng như thuốc men, thực ăn, thức uống...

2 — Thị trường là điều kiện và môi trường, hay nói cách khác, là yếu tố quyết định cho sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Muốn cho nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phát triển lành mạnh và có hiệu quả, cần chấp nhận không chỉ thị trường hàng tiêu dùng, mà cả thị trường tư liệu sản xuất và thị trường các yếu tố sản xuất (bao gồm thị trường vốn, thị trường bất động sản, thị trường kỹ thuật, thông tin và dịch vụ, thị trường lao động).

Ngoài thị trường hàng tiêu dùng đã trở thành thực thể trong xã hội ta, cần sớm hình thành thị trường tư liệu sản xuất, và khẩn trương tăng cường, củng cố thị trường vốn nhiều thành phần để huy động mọi nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu ngày càng tăng về vốn. Trước hết, cần xây dựng cơ cấu giao lưu vốn giữa các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong các thành phần kinh tế sao cho phần lớn vốn đầu tư phải thông qua thị trường vốn để phân phối.

Để có thể sớm chấm dứt tình trạng hỗn độn trong thị trường vốn hiện nay, cần gấp rút cải tổ hệ thống ngân hàng, ban hành ngay luật ngân hàng, tăng cường chức năng (bao gồm cả quyền hạn và trách nhiệm) của ngân hàng nhà nước trong việc quản lý lưu thông tiền tệ và kiểm soát thị trường vốn nhiều thành phần. Cần sớm xây dựng các quy chế về phát hành trái phiếu, về lãi suất chiết khấu mua bán

Digitized by Google

trái phiếu để xóa bỏ ấn tượng có sự ép buộc từ phía nhà nước là ấn tượng đã làm giảm tác dụng điều tiết mà việc phát hành trái phiếu tạo ra, trên cơ sở đó, từng bước mở rộng và phát triển thị trường trái phiếu và cổ phiếu, tiến tới tổ chức thị trường chứng khoán

Thị trường bất động sản, trước hết là thị trường nhà đất, là một yếu tố cực kỳ quan trọng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Xóa bỏ tình trạng bao cấp, đặc quyền, đặc lợi trong thị trường này càng sớm càng tốt, vì ở đây có thể tạo ra sự năng động trong chu chuyển vốn, biến những đồng *vốn chết* trong nền kinh tế hiện vật thành những đồng *vốn sinh lời*.

Ngoài ra, thị trường kỹ thuật, thông tin và dịch vụ cũng là yếu tố không thể thiếu trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Nếu có chính sách đúng, nơi đây sẽ diễn ra quá trình chuyển giao các bí quyết công nghệ – nguồn động lực chủ yếu thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo chiều sâu

Cuối cùng, mặc cho chúng ta có thừa nhận hay không thừa nhận và bất chấp chúng ta bàn cãi ra sao, thị trường lao động cũng đã tồn tại và đang trở thành một thực thể trong xã hội chúng ta. Nếu chúng ta tiếp tục phủ nhận vai trò khách quan của nó trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thì cuối cùng chúng ta vẫn không thể xóa bỏ được nó, mà chỉ làm nó biến dạng đi, gây trở ngại không nhỏ cho quá trình phân công lại lao động xã hội, thực hiện chuyên môn hóa và phát triển ngành nghề, nhất là ở nông thôn. Điều đó sẽ cản trở quá trình phát triển sức sản xuất và hạn chế đáng kể tác động kích thích của cơ chế thị trường đối với các hoạt động kinh tế.

Kết luận duy nhất có thể rút ra ở đây là: **hãy công khai chấp nhận thị trường lao động như đứa con đẻ của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, tạo điều kiện và môi trường pháp lý cần thiết để nó có thể phát triển lành mạnh và dùng sức mạnh quyền lực của bộ máy quản lý nhà nước hướng dẫn nó theo quỹ đạo đúng đắn nhằm bảo đảm công bằng xã hội và lợi ích chính đáng của người lao động.**

3 – Điều kiện quan trọng hàng đầu để có thể thật sự chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là sự hình thành và chấp nhận cơ chế giá thị trường đối với mọi hàng hóa và dịch vụ, tức chấp nhận hệ thống giá hình thành dựa vào quan hệ cung cầu trên thị trường, theo quy luật giá trị và trao đổi ngang giá.

Muốn vậy, cần xóa tận gốc quan niệm quá lỗi thời coi giá chỉ là công cụ để hạch toán, và xác lập quan niệm mới coi giá là đòn bẩy quan trọng để phân phối tài nguyên và các nguồn vốn, phân phối thu nhập, là công cụ quan trọng để kích thích và điều tiết các hoạt động kinh tế. Cần phá bỏ quan niệm truyền thống coi ổn định giá là cố định giá và không thay đổi vật giá; xác lập quan niệm mới kết hợp ổn định về cơ bản mặt bằng giá với điều chỉnh linh hoạt mức giá tương đối giữa các loại hàng hóa. Ngoài ra, cần phá bỏ quan niệm cũ cho rằng chỉ có nhà nước mới được quyền định và điều chỉnh giá; xây dựng quan niệm mới kết hợp điều chỉnh có hướng đích đối với một số vật giá xuất phát từ những yêu cầu chính trị, xã hội với việc mở rộng phạm vi giá thị trường để tiến tới trao đổi thương mại dựa trên cơ sở giá quốc tế.

Điều kiện không thể thiếu để thực hiện cơ chế giá trên đây là chấp nhận tỷ giá hối đoái theo cơ chế thị trường, ổn định sức mua của đồng tiền Việt nam, thống nhất quản lý ngoại tệ và tạo ra dự trữ ngoại tệ và hàng hóa, đảm bảo khả năng chuyển

Digitized by Google

đồng tiền Việt nam ra ngoại tệ, tạo điều kiện thực hiện cơ chế mua bán ngoại tệ thuận tiện cho các đơn vị kinh tế, cho sự hoạt động bình thường của các tổ chức tài chính, ngân hàng của các nước hoạt động ở nước ta, cũng như của nước ta hoạt động ở nước ngoài

Cùng với *cơ chế thị trường*, tất yếu phải chấp nhận *cơ chế cạnh tranh* trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần để phát huy cao độ tính năng động, sáng tạo của mọi người, đẩy nhanh tốc độ phát triển sức sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả và điều tiết các hoạt động kinh tế. Cạnh tranh tất yếu sẽ kèm theo những hậu quả tiêu cực không thể nào tránh khỏi, song mặt lợi lại nhiều hơn. Thử hỏi có sự tiến bộ nào trong lịch sử mà không kèm theo mặt trái của nó và có thành quả nào mà không phải trả giá ? Bằng các quy phạm và luật pháp trong hoạt động kinh doanh, nhà nước xã hội chủ nghĩa có đầy đủ các điều kiện để hạn chế mặt xấu của cạnh tranh, làm cho nó phát triển lành mạnh hơn trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội.

4 — Đi đôi với các giải pháp đồng bộ trên đây đối với cơ chế thị trường, cần khẩn trương xây dựng theo hướng hiện đại hóa kết cấu hạ tầng của thị trường. Ngoài việc tăng cường luật pháp kinh tế có liên quan đến hoạt động của thị trường, cần sớm tổ chức lại hệ thống thông tin quốc gia về thị trường ; chấn chỉnh hệ thống thống kê và phân tích kinh tế, thiết lập hệ thống kế toán thống nhất trong phạm vi cả nước ; hình thành các trung tâm bán buôn, mạng lưới các hợp tác xã và đại lý bán lẻ đến tận các phường xã ; xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát kinh tế độc lập.

Ở nước ta hiện nay, người làm thống kê kinh tế vừa ít, vừa lệ thuộc vào chính quyền các cấp, thiếu các phương tiện tối thiểu cần thiết, phương pháp lạc hậu, thông tin liên ngành, liên khu vực kém phát triển ; vì vậy, các quyết định về quản lý và điều chỉnh các hoạt động kinh tế đều tiến hành trong tình trạng thiếu thông tin hoặc thông tin không chính xác, bị sai lệch, méo mó hoặc không kịp thời, cho nên thường khó đi vào cuộc sống, và nhà nước luôn luôn phải đứng trước những vấn đề nóng bỏng, phải đối phó thường xuyên với những vấn đề cấp bách trước mắt và sa lầy trong việc khắc phục hậu quả của những quyết định thiếu căn cứ.

Những sự kiện vi phạm kỷ luật kinh tế, những hiện tượng tiêu cực, rối ren triền miên trong các ngành tài chính, ngân hàng, thương nghiệp, v.v. cho thấy rằng các ngành, các địa phương, và thậm chí các đơn vị kinh tế, thường hay vì lợi ích cục bộ mà xâm phạm hoặc làm thiệt hại nghiêm trọng lợi ích quốc gia. Cho nên, việc tăng cường vai trò và trách nhiệm của bộ máy quản lý nhà nước trong chức năng giám sát, kiểm soát và điều tiết các hoạt động kinh tế là cực kỳ quan trọng. Chỉ có dựa trên cơ sở đó, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần mới có thể phát triển một cách lành mạnh theo đúng quỹ đạo mong muốn, và cơ chế thị trường cũng như cơ chế cạnh tranh mới có thể phát huy đầy đủ tác động tích cực của mình.

Như vậy, thị trường — dưới sự giám sát, kiểm soát và điều tiết của nhà nước trong những điều kiện đã nói trên đây của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội — sẽ tạo ra môi trường lành mạnh nuôi dưỡng các nhân tài kinh doanh, thúc đẩy áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, kích thích các hoạt động kinh tế, và do đó, sẽ góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Digitized by Google

Lại bàn thêm về quyền sở hữu ruộng đất

ĐOÀN ĐÌNH HOÈ *

TRÊN cơ sở quan điểm duy vật lịch sử, tôi cho rằng, ngay trong những buổi ban mai của xã hội loài người, người nông dân, giai cấp nông dân đã là chủ giang sơn, đất nước, đồng ruộng. Ngay từ thời nguyên thủy, quyền sở hữu về ruộng đất thuộc người nông dân, dù rằng ở thời đó, con người chưa có một chút khái niệm nào về «giai cấp», về «quyền sở hữu» trong xã hội loài người và giữa con người với nhau. Tuy nhiên, trong quá trình vận động và phát triển, bằng hành động thực tiễn, con người đã tỏ rõ cái quyền sở hữu đó về vùng rừng, vùng đất, vùng trời, vùng nước mà họ khai phá, canh cải, xây dựng và bảo tồn, nhằm chống đói, chống khát, chống rét, chống hiểm nghèo ngoại nhập (bệnh tật và thú dữ). Nói chung lại, họ sản xuất, tổ chức sản xuất và quản lý sản xuất; tổ chức tiêu dùng và quản lý tiêu dùng; tổ chức chống bệnh tật và trị bệnh tật; tổ chức việc tự vệ, phòng vệ, và quản lý công việc này. Tất cả những công việc nói trên, họ làm dựa vào cộng đồng, trên cơ sở cả cộng đồng. Đương nhiên, trong thời kỳ dài dằng dặc đó, chưa có sự tách rời giữa thủ công nghiệp và nông nghiệp (thủ công nghiệp chỉ tách khỏi nông nghiệp một cách rõ nét từ chế độ nô lệ). Vì vậy, lúc đó, chỉ có một cộng đồng là cộng đồng nông dân; chỉ có một nền kinh tế là kinh tế nông nghiệp (tự nhiên); chỉ có một quyền sở hữu, đó là quyền sở hữu cộng đồng (trong đó có sở hữu về ruộng đất). Điều đó cũng có nghĩa là quyền sở hữu về ruộng đất thuộc giai cấp nông dân, trong thời đại cộng đồng nguyên thủy, cộng sản nguyên thủy

★

Chế độ nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản tiếp theo nhau, leo lên những nấc thang lịch sử ngày càng cao. Ruộng đất là một loại hình tư liệu sản xuất cơ bản và quyết định nhất đối với đời sống sinh học của các

* Chuyên viên kinh tế

Digitized by Google

loại hình sinh vật mà trước hết là con người, xã hội loài người. Cho nên, như Uy-li-am Pét-ti, nhà kinh tế học cổ điển Anh, đã nói: Lao động là cha, đất đai là mẹ của xã hội loài người. Nhưng nhân khẩu của cộng đồng cứ tăng lên, trong khi tốc độ và khối lượng sản phẩm mà đất đai cho ra đời lại chậm chạp và ít ỏi, không đáp ứng được nhu cầu của các thành viên cộng đồng. Nhân khẩu tăng, nhu cầu tăng, cũng có nghĩa sức sản xuất và nhu cầu sản xuất tăng, nhưng tăng không đồng đều. Sự phá vỡ quan hệ sản xuất cộng đồng, phá vỡ quyền sở hữu cộng đồng về ruộng đất ngày càng lộ rõ. Ruộng đất ngày càng tập trung vào tay những người hoặc những tập đoàn có thế lực về kinh tế và có sức mạnh về quân sự, về con người (nô lệ)... Nói cách khác: ruộng đất ngày càng tập trung vào tay tư nhân. Quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất bắt đầu xuất hiện.

Xã hội loài người bước dần qua các nấc thang lịch sử: **nô lệ, phong kiến, tư bản**... thì quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất cũng lần lượt trải qua các loại hình. **nô lệ** (ruộng đất tập trung trong giai cấp chủ nô), **phong kiến** (ruộng đất tập trung trong tay giai cấp quý tộc và địa chủ phong kiến), **tư bản chủ nghĩa** (ruộng đất tập trung trong tay giai cấp tư sản)..

Hiện nay, ở nhiều nước trên thế giới (thường là các nước thuộc thế giới thứ ba), ruộng đất tập trung trong tay các chủ tư bản, địa chủ phong kiến và quý tộc... Ở một số nước xã hội chủ nghĩa, ruộng đất (ở một số khu vực) được tập thể hóa hoặc hợp tác hóa, tập trung trong tay nông dân tập thể (kể cả vô sản nông nghiệp), hoặc được phân phối lại cho những hộ nông dân riêng lẻ tự quản, tự canh. Thế là xuất hiện thêm một số loại hình nữa về quyền sở hữu ruộng đất: **sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân hộ riêng lẻ phi tư bản chủ nghĩa**

★

Như mọi người đều biết, trải qua các thời đại, xã hội loài người trên hành tinh đã bị chia thành nhiều xã hội của nhiều dân tộc, nhiều nước. Lịch sử chung của xã hội loài người trên hành tinh cũng bị chia thành nhiều lịch sử riêng biệt của nhiều dân tộc, nhiều nước. Trong các nước đó, có những nước bị các nước đế quốc xâm lược thống trị và bóc lột. Để thực hiện sự thống trị và bóc lột ở các nước này, chủ nghĩa đế quốc thường dựa vào giai cấp tư sản mại bản, bọn quan lại và địa chủ phong kiến sở tại. Nhân dân các nước này nổi lên làm cách mạng. Và cuộc cách mạng này, như ở Việt nam chẳng hạn, do tất cả các thành phần lao động và yêu nước trong dân tộc (nông dân, công nhân, trí thức khoa học kỹ thuật, văn nghệ sĩ, binh lính, một bộ phận tư sản dân tộc, địa chủ kháng chiến) thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản (đảng của giai cấp vô sản và của dân tộc), đã lật đổ được ách thống trị của bọn đế quốc xâm lược cùng bè lũ tay sai, giành lại độc lập và chủ quyền trong cả nước. Điều đó có nghĩa là quyền sở hữu của những kẻ thống trị, bóc lột và áp bức trước kia, đã hoàn toàn bị xóa bỏ. Toàn bộ đất đai, lòng đất, vùng trời, vùng biển, thềm lục địa và hải đảo xa xôi của Tổ quốc đều thuộc **sở hữu toàn dân**, nghĩa là không thuộc quyền sở hữu của riêng một giai cấp hoặc một tầng lớp nào, mà thuộc quyền chung của mọi người dân trong nước. Ruộng đất không chỉ của giai cấp nông dân; nhà máy, xí nghiệp hầm mỏ

Digitized by Google

không chỉ của giai cấp công nhân; các công trình khoa học kỹ thuật và văn hóa nghệ thuật không chỉ thuộc giới khoa học kỹ thuật và văn hóa nghệ thuật... Như vậy, quyền sở hữu công cộng thời nguyên thủy trước kia bị tan vỡ và chuyển hóa thành quyền sở hữu tư nhân (cá thể, tập thể rồi toàn giai cấp) thì nay quay trở lại thành quyền sở hữu công cộng thời hiện đại—sở hữu toàn dân. Lịch sử dân tộc Việt nam và đất nước Việt nam, qua các thời kỳ cổ đại, trung cổ, cận đại và hiện đại, bị xâm lược rồi tự giải phóng, lại bị xâm lược rồi lại tự giải phóng v.v. cho đến cuối thập niên 70 của thế kỷ này, đã diễn ra như vậy

★

«Người cày có ruộng», «Ruộng đất về tay dân cày!»... Đó là chủ trương của Đảng cộng sản Việt nam, đảng của giai cấp vô sản và dân tộc Việt nam. Cách mạng thành công, Đảng và giai cấp vô sản Việt nam đã hoàn thành một cách xuất sắc nhiệm vụ dân tộc. Giờ đây, nước ta đã có 3 tiền đề có ý nghĩa quyết định cho sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là «luận cương chính trị» năm 1930 của Đảng cộng sản Việt nam; là kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cả nước; là sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam trong công cuộc đổi mới đất nước. Ý nghĩa sâu sắc và hiện thực của các tiền đề này là ở chỗ: giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp gắn bó hữu cơ với nhau. Nhìn toàn cục về giải phóng dân tộc, có giải phóng được nông dân (chiếm trên 90% số dân nước ta) mới thực là giải phóng dân tộc. Còn về giải phóng giai cấp, có giải phóng được vô sản nông nghiệp mới giải phóng được vô sản công nghiệp, vô sản binh lính, vô sản trí thức khoa học kỹ thuật, vô sản văn hóa nghệ thuật. Tất cả chỉ vì trước mắt chúng ta, giai cấp «dân cày, người cày» vừa là dân tộc, lại vừa là giai cấp. «Tất cả ruộng đất phải về tay dân cày!». Điều đó có nghĩa là: nếu giai cấp nông dân nguyên thủy là chủ nhân nguyên thủy của toàn bộ ruộng đất, thì ngày nay, khi đã chuyển hóa thành giai cấp nông dân (người cày) hiện đại, họ phải trở thành chủ nhân hiện đại của toàn bộ ruộng đất trên giang sơn, Tổ quốc mình. Đương nhiên, toàn bộ ruộng đất này, tuy thuộc quyền sở hữu của giai cấp «dân cày», vẫn nằm trong phạm trù và khuôn khổ sở hữu toàn dân. Xét về mọi mặt, giai cấp «dân cày» phải là chủ sở hữu đối với toàn bộ ruộng đất trên thực tế chứ không phải chỉ trên nguyên tắc. Điều lô gích nhất, theo quan niệm duy vật lịch sử, là chia ruộng đất cho các hộ «dân cày» trong cả nước với sự cân bằng về lợi ích giữa các hộ đó với nhau, và giữa các hộ đó với nhà nước xã hội chủ nghĩa (người đại diện chân chính, duy nhất, hợp pháp của toàn dân để quản lý, chăm lo bảo tồn và phát triển quyền sở hữu toàn dân). Ruộng đất thuộc quyền sở hữu cục bộ của mỗi hộ gia đình, do mỗi hộ tự quản, tự tổ chức sản xuất và kinh doanh (kể cả tự đầu tư). Đương nhiên, nhà nước cần chú ý giúp đỡ sao cho sở hữu cục bộ này dù phát triển cũng không đối lập với sở hữu toàn dân (trước hết là sở hữu của toàn bộ giai cấp dân cày). Chúng ta cần khẳng định một điều: phần ruộng đất đã chia lại cho hộ «người cày» tư nhân, là thuộc quyền sở hữu riêng của họ. Họ có toàn quyền tự do canh tác trên phần ruộng đất đó và sử dụng số sản phẩm thu hoạch được. Họ có thể trao quyền thừa kế phần ruộng đất đó cho bất cứ ai (kể cả người không phải con cháu họ) miễn

Digitized by Google

là người đó là « dân cày » Tuy nhiên, họ không có quyền bán, hoặc cho thuê phần ruộng đất đó để thu tô. Họ có nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước. Họ hoạt động sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ luật pháp nhà nước với tư cách là một đơn vị kinh tế hộ gia đình « dân cày » tư nhân. Họ giàu có lên thì nhu cầu phát triển sản xuất cũng sẽ tăng. Để tăng năng suất lao động, cây trồng và vật nuôi, có hai nhu cầu thực tế : nhu cầu về **cải tiến kỹ thuật** và nhu cầu về **hợp tác lao động**. Nói gọn lại, đó là nhu cầu **hợp tác**.

Hộ kinh tế gia đình « dân cày » tư nhân, nói đúng ra, là một **tổ hợp sản xuất nông nghiệp phi tư bản chủ nghĩa**. Vì vậy, sự phân công lao động, sự phân phối thu nhập và chi thu trong tổ hợp đó, phải có lý, có tình ; nếu không, sẽ đẻ ra « sự cố » Để phát triển sản xuất, tất yếu nảy ra nhu cầu hợp tác, một nhu cầu tự thân. Thật vậy, trong điều kiện người « dân cày » đã giàu lại muốn giàu mãi, thì họ không có con đường nào khác là đi vào hợp tác, đẩy mạnh « hợp tác hóa » Vì như vậy, hai bên hoặc nhiều bên đều có lợi ; quy luật cân bằng về lợi ích (dương nhiên theo một tỷ lệ nào đó) giữa hai bên hoặc nhiều bên sẽ được bảo đảm. Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh : không được coi « hợp tác hóa » (hay « tập thể hóa ») là một pháp quyền, vì như vậy sẽ triệt tiêu ngay cái chất « hợp tác » (hay « tập thể ») trong lòng nó. Cũng đừng nghĩ rằng: xu thế « hợp tác hóa » (hay « tập thể hóa ») sản xuất nông nghiệp có thể đi vào quỹ đạo xã hội chủ nghĩa mà không cần sự lãnh đạo của đảng cộng sản.

Ngày nay, chúng ta đang trên con đường hoàn tất phương thức sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa. Đối với hợp tác xã « dân cày » (1) làm tốt, đối với các hộ gia đình được giao ruộng đất ổn định mà làm tốt, nhà nước cần giúp đỡ và khuyến khích để họ làm tốt hơn, có thu nhập cao hơn. Vấn đề đặt ra là: hoàn tất việc trao lại ruộng đất cho « dân cày », bảo đảm sự cân bằng về lợi ích và đi vào thế ổn định. Đối với các vấn đề nói trên, tuyệt đối không được dùng biện pháp áp đặt, tuyệt đối không được đặt thêm các thứ thuế hoặc phụ thu theo kiểu các tổng lý, kỳ hào ngày xưa. Đặc biệt, không được tự tiện bán hoặc thuê ruộng đất cho người nước ngoài (2). Điều đó thuộc thẩm quyền toàn dân. Được như thế, chỉ có đi lên !

---

(1) « Dân cày » ở đây hiểu theo nghĩa : người nông dân cày ruộng, người nông dân làm nghề muối, làm nghề rừng, làm nghề sông nước

(2) Người nước ngoài ở đây hiểu theo nghĩa : người gốc nước ngoài hoặc gốc Việt có quốc tịch nước ngoài

Digitized by Google

ĐỂ NÂNG CAO VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG CÁC XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH

TRẦN ĐÌNH HUỲNH *

MẤY năm qua, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu khảo sát hoạt động của tổ chức cơ sở đảng trong nhiều xí nghiệp quốc doanh (cả trong công nghiệp và trong nông nghiệp thuộc kinh tế trung ương và kinh tế địa phương).

Do chức năng của mình, chúng tôi chỉ đi sâu nghiên cứu sự lãnh đạo của đảng bộ, mối quan hệ giữa bí thư đảng ủy và giám đốc xí nghiệp, sự hoạt động của các tổ chức quần chúng, các tập thể lao động. Nói cách khác, chúng tôi coi xí nghiệp như một cơ thể hoàn chỉnh, bao gồm **một hệ thống tổ chức** được vận hành với tư cách là **chủ thể quản lý** mà **đối tượng quản lý là con người, là những người lao động** trong xí nghiệp, để tìm hiểu xem sự tác động qua lại giữa chủ thể quản lý và đối tượng quản lý phải như thế nào mới có thể đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh với ba yêu cầu: nộp lãi cho nhà nước; đổi mới được công nghệ, tăng vốn tự có, tích lũy và mở rộng sản xuất; bảo đảm được việc làm và đời sống của người lao động.

Thực tiễn các xí nghiệp vẫn đứng vững và làm ăn phát đạt trong mấy năm qua chứng tỏ, muốn việc đổi mới cơ chế quản lý xí nghiệp đạt kết quả, càng cần tăng cường sự lãnh đạo của đảng. Sự lãnh đạo của đảng luôn luôn là nhân tố quyết định trong các loại hình xí nghiệp quốc doanh. Và cũng chính vì thế, các tổ chức cơ sở đảng ở các xí nghiệp quốc doanh phải phấn đấu vươn lên, thực hiện cho được những yêu cầu sau:

1 — Nội bộ đảng thật trong sạch, vững mạnh. Phải kiên quyết, có kế hoạch và quy định thời hạn đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi đảng. Việc này khó, nhưng quyết tâm thì làm được. Không cần chờ đợi «sự chuyển biến ở cấp vĩ mô», như một số người vẫn nói. Trong xí nghiệp, xây dựng cho được các tiêu chuẩn chức danh công tác, công khai thảo luận ở cả trong đảng và trong các tổ chức quần chúng. Khi xây dựng tiêu chuẩn chức danh, cấp ủy đồng thời cụ thể hóa luôn tiêu chuẩn đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng. Sau khi xây dựng, tiêu chuẩn chức danh sẽ là **mực thước để xét**: Ai còn xứng đáng đứng trong hàng ngũ đảng? Ai chưa đủ tiêu chuẩn thì còn phải phấn đấu bao lâu nữa? Ai xứng đáng được tuyên truyền kết nạp vào đảng? Từ đó, đảng bộ xí nghiệp có thể làm tốt việc **đưa ra**

* Phó viện trưởng Viện xây dựng đảng thuộc viện Mác—Lê-nin

Digitized by Google

cũng như việc **kết nạp vào** đảng, làm cho đảng bộ đổi mới được cả về tư tưởng và tổ chức, đảm bảo được cả hai yêu cầu **trong sạch** và **vững mạnh**.

2 – Công khai, dân chủ và công bằng trong công tác cán bộ, trước hết là ở khâu bầu cử cấp ủy. Tiêu chuẩn người bí thư đảng ủy và các ủy viên ban chấp hành, cần thật cụ thể. Từ khâu chọn lựa, ứng cử và giới thiệu cho đến quá trình đại hội bầu cử, cần công khai lấy ý kiến quần chúng. Đảng bộ tồn tại là do xí nghiệp cần có sự lãnh đạo của đảng, cho nên cũng nên coi việc mọi người trong xí nghiệp tham gia lựa chọn bầu cấp ủy là bình thường. Việc thường xuyên tổ chức để cán bộ và công nhân ngoài đảng góp ý kiến với đảng bộ về nội dung, chủ trương công tác của đảng bộ, kể cả vấn đề nhân sự, là cần thiết. Cần loại bỏ sự « phân vai » trước trong nội bộ đảng. Người bí thư và các đảng ủy viên phải là những người thực sự ở trong guồng máy sản xuất kinh doanh.

3 – Các đảng viên cần phấn đấu **nâng cao trình độ mình về mọi mặt**: phải giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có hiểu biết cần thiết về quản lý kinh tế – kỹ thuật, có đạo đức tốt, sống gắn bó với quần chúng. Chỉ với điều kiện như thế, những đảng viên xứng đáng nhất trong họ mới có thể, cùng với những người ngoài đảng ưu tú nhất, được giao các chức vụ then chốt.

Nếu tổ chức đảng ở xí nghiệp thực sự trong sạch và vững mạnh, nếu đảng viên ở đây thật sự là những người ưu tú nhất, họ sẽ được quần chúng tín nhiệm và yêu mến.

Thực tiễn ở các xí nghiệp tiên tiến như Xí nghiệp liên hợp thực phẩm 19-5, Công ty xây lắp công nghiệp Hà nam ninh, Nhà máy sợi Hà nội, Nhà máy chế tạo thiết bị lương thực I, Nhà máy chè Kim anh, Nhà máy kẹo Hải hà, Nhà máy dệt lụa Nam định, v.v. cho thấy: đảng viên ở đây nắm hầu hết các chức vụ then chốt nhưng không hề có vấn đề mất dân chủ, vấn đề « đảng trị », đảng tiếm quyền, đoạt lợi. Ở đây, đảng viên luôn thể hiện rõ nhân cách và bản lĩnh trước quần chúng: họ vừa có phẩm chất đạo đức tốt vừa giỏi chuyên môn nên được tập thể lao động tin yêu và trao cho nắm những chức vụ then chốt.

Trái lại, ở các xí nghiệp yếu kém, việc khảo sát cho thấy, đảng viên không phải như vậy. Cũng vì thế, ở đây thường có hai tình trạng: **Một là**, tổ chức đảng ở đây cố nắm quyền lực, cố « áp đặt » và « phân vai », nhưng do uy tín và năng lực đảng viên không tương xứng với chức quyền, quần chúng không tín nhiệm, nên tổ chức đảng đã trở thành lực cản của phong trào. **Hai là**, đảng viên bị loại khỏi các chức vụ, do đó đảng trở thành « thừa », mất quyền lãnh đạo, từ « đội tiền phong » tụt xuống thành « đội hậu vệ ».

4 – Phát huy sức mạnh tổng hợp của tất cả các tổ chức trong xí nghiệp hợp thành chủ thể quản lý. Mỗi tổ chức trong xí nghiệp tác động đến đối tượng theo một phương thức riêng, song phải góp phần tạo ra một tổng hợp lực của toàn xí nghiệp. Muốn vậy, từng xí nghiệp phải xây dựng cho mình một **quy chế làm việc** thật khoa học. Điều đó càng cần thiết trong tình hình hiện nay, khi chỉ thị, nghị quyết, thông tư, quyết định của cấp trên có rất nhiều nhưng lại không đồng bộ và đầy đủ.

Quy chế của xí nghiệp là sự cụ thể hóa ở cấp xí nghiệp các chỉ thị, nghị quyết của đảng và luật pháp, chính sách của nhà nước. Nó được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, thảo luận, bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp quy đã có. Nó là « luật riêng » của từng xí nghiệp mà mọi người trong xí nghiệp phải tuân theo. Mọi người có thể làm tất cả những gì

Digitized by Google

mình thấy cần thiết, miễn là không vi phạm quy chế.

Khi Quyết định 217 của Hội đồng bộ trưởng ra đời, giao quyền tự chủ cho xí nghiệp, xác định, đề cao vai trò của giám đốc, thì ở không ít xí nghiệp đã hiểu và làm sai, dẫn đến làm lu mờ vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng và quyền làm chủ của công nhân viên chức; biến người giám đốc thành ông chủ duy nhất của xí nghiệp. Nếu hiểu và làm đúng quyết định đó như ở Công ty xây lắp công nghệ Hà nam ninh, thì tình hình sẽ khác. Ở đấy, vai trò và uy tín của giám đốc rất cao, nhưng không vì thế mà vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng bị lu mờ. Chính đảng ủy ở đây đã chủ động đặt vấn đề: «mệnh lệnh của giám đốc phải được thực hiện thông suốt từ đầu đến cuối như một dòng chảy, không có bất cứ vật cản nào làm ách tắc». Mặt khác, nhờ có quy chế rõ ràng, giám đốc không thể chuyên quyền, độc đoán, tách rời quần chúng.

Việc xây dựng và thực hiện quy chế ở các xí nghiệp làm cho nguyên tắc tập trung dân chủ ở đây trở nên sinh động và hoàn toàn có thể thực hiện; các yếu tố tập trung và dân chủ không hề đối lập hoặc triệt tiêu nhau.

5 — **Bố trí đúng hai chức vụ chủ chốt của xí nghiệp là bí thư đảng ủy và giám đốc.** Nói «bố trí» không có nghĩa là tổ chức sắp sẵn trước rồi lắp ráp vào như lâu nay ta vẫn thường làm. Nói «bố trí» là nói việc tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa họ vào công việc thực tiễn để họ bộc lộ năng lực, đua tài cùng mọi người. «Bố trí» là xác định được tiêu chuẩn cụ thể cho từng chức danh. Chúng tôi đã từng nghe một số nhà tổ chức và cả các nhà hoạt động thực tiễn ở cơ sở thảo luận nên bố trí bí thư kiêm giám đốc, bí thư kiêm phó giám đốc, hay bí thư chuyên trách? Mỗi «phương án» đều có lý lẽ riêng, nhưng theo chúng tôi, các phương án ấy đều chưa xuất phát từ tiêu chuẩn, còn ít nhiều «phân vai» và rơi rớt của tác phong hành chính.

Từ những điển hình tiên tiến, qua tổng kết và suy nghĩ, chúng tôi rút ra một công thức tổng quát trong việc chọn lựa bí thư đảng ủy và giám đốc xí nghiệp như sau:

$$A + (\pm b) + (\pm c)$$

A là tiêu chuẩn chung, bắt buộc người giám đốc và bí thư đảng ủy phải có; nó là cái cần thiết đối với từng xí nghiệp cụ thể; nó là «cái độ» phải đạt tới, nếu thiếu thì không thể giao nhiệm vụ. Đây cũng là yếu tố để giám đốc và bí thư đảng ủy «cùng hiểu nhau», «cùng ngang tầm», và có thể bổ sung cho nhau trong công việc.

b là những hiểu biết cần thiết về công tác đảng, là những cái tạo thành phong cách riêng của người cán bộ đảng, là khí chất, tinh tinh... của người cán bộ đảng như mềm dẻo, dễ cảm hóa, thuyết phục người khác, gần gũi quần chúng, sâu sát và nêu gương.

c là những hiểu biết cần thiết tạo thành khả năng nghề nghiệp của giám đốc, là năng khiếu đòi hỏi sự năng động, nhanh nhạy, kiên quyết trong chỉ huy điều hành..

A là điều kiện **cần**, b hoặc c là điều kiện **đủ** để người này có thể làm bí thư, người kia làm giám đốc, hoặc người khác có thể kiêm nhiệm.

Từ công thức trên, tùy từng xí nghiệp và con người cụ thể, ta có những kết quả khác nhau:

A + b − c = bí thư

A − b + c = giám đốc

A + b + c = giám đốc kiêm bí thư.

Tất nhiên, công thức trên chỉ mang ý nghĩa tổng quát, nó cho ta những gợi ý cần thiết và giúp ta tránh được sự áp đặt có hại.

Digitized by Google

Thông tin tuyên truyền trong công tác tư tưởng hiện nay

VŨ PHÒNG

Từ sau Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, thông tin tuyên truyền đã và đang đổi mới theo hướng tiến bộ, tích cực, bước đầu đáp ứng từng phần đòi hỏi của công tác tư tưởng. Chúng ta đã và đang bảo đảm quyền của người dân trong thu nhận thông tin. Thông tin công khai và mở rộng tới mọi tầng lớp nhân dân. Chúng ta đã định hướng và tổ chức thông tin phục vụ tốt công tác lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước, phục vụ tốt sản xuất và đời sống tinh thần của nhân dân. Thông tin tuyên truyền đã bớt nói một chiều và đã nói cả ưu điểm lẫn khuyết điểm, nói từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên, nói trong nước và cả ngoài nước. Thông tin nhanh, kịp thời, và đã cố gắng bảo đảm tính chân thật, chuẩn xác. Thông tin tuyên truyền đã đi đầu trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực trong đảng, trong bộ máy nhà nước và ngoài xã hội. Mặt khác, kịp thời tuyên truyền, biểu dương những điển hình tiên tiến và cổ vũ tích cực cho nội dung xây dựng cuộc sống mới và con người mới. Lực lượng làm công tác thông tin tuyên truyền đã lớn mạnh, được tập hợp chặt chẽ. Các phương tiện kỹ thuật, kỹ xảo ngày càng được tăng cường. Nhà nước đã ban hành luật báo chí và có nhiều chủ trương biện pháp tích cực trong việc quản lý thông tin, bảo đảm quyền được thông tin của nhân dân.

Những tiến bộ đó rất đáng ghi nhận, nhưng vẫn chưa tương xứng với đòi hỏi của công cuộc đổi mới nói chung và đòi hỏi của công tác tư tưởng hiện nay. Thông tin tuyên truyền, cũng như các thông tin khác, gồm có: nguồn tin, truyền tin và tiếp nhận tin. Chúng ta chưa quản lý tốt quá trình đó. Chúng ta chưa khai thác hết nguồn tin, có lúc lẫn lộn nguồn tin, chưa phân biệt chính xác đâu là tin đúng, tin có thể sử dụng, đâu là tin của địch và các phần tử phá hoại bất mãn tung ra để đánh lạc mục tiêu. Thậm chí có lúc vô tình đã tuyên truyền không công cho địch. Mất cảnh giác để lộ nguồn tin cũng là một sai lầm cần phải tránh trong quản lý nguồn tin. Nhiều tin mới chỉ là dự báo trong các cơ quan tham mưu, cơ quan khoa học, cơ quan lãnh đạo, đã vội vàng chuyển tải ra ngoài. Việc xử lý nguồn tin và truyền tin thiếu tổ chức, thiếu phân công, phối hợp,

Digitized by Google

vì vậy có tình trạng một hiện tượng nhỏ, bình thường, nhưng đề cao khách, tất cả đều rầm rộ đưa tin. Tin không chính xác, không khách quan, đã vậy bình luận và kết luận lại vội vã. Việc truyền tin chưa kịp thời, chưa nhanh nhạy, và không đến đủ mọi miền, mọi người. Ở các thành phố thì quá nhiều tin, còn ở các vùng xa xôi, hẻo lánh thì lại đói tin. Có xã miền núi không có một tờ báo, một chiếc dài. Có khi có đài mà không bắt nổi sóng của đài trung ương và địa phương, đành phải nghe đài nước ngoài bằng tiếng Việt. Hiệu quả của công tác thông tin tuyên truyền phụ thuộc vào tính chân thật, tính kịp thời, nhưng cũng phụ thuộc cả vào thái độ sẵn sàng tiếp nhận thông tin của nhân dân. Chúng ta đã thiếu chuẩn bị nhận thức mới cho nhân dân về sức mạnh và những đặc điểm của thông tin trong việc thực hiện dân chủ hóa, về công khai hóa thông tin trong giai đoạn mới, vì vậy một bộ phận quần chúng nhân dân choáng ngợp thông tin, tiếp nhận thụ động và có tình trạng sa vào cạm bẫy chiến tranh tâm lý của kẻ thù.

Lợi dụng thành tựu khoa học kỹ thuật thông tin, lợi dụng những non kém của ta trong quá trình đổi mới thông tin tuyên truyền, địch đã và đang tiến hành chiến tranh phá hoại tư tưởng khá mạnh mẽ với nội dung thông tin mập mờ, thông tin sai lệch, bịa đặt, vu cáo và kích động, với thủ đoạn, hình thức hấp dẫn thị hiếu, tận dụng mọi sơ hở của ta. Chúng ta phát hiện, phản kích không kịp thời, yếu ớt. Lực lượng phản kích của ta khá đông, khá mạnh, có trình độ, nhưng thiếu chuẩn bị và chậm tập hợp. Trong khi đó chúng ta lại buông lỏng quản lý về mặt nhà nước đối với công tác phát hành báo chí, ấn phẩm, đối với truyền tin, truyền hình. Một bộ phận nhân dân xuất hiện tư tưởng không đúng, có tâm trạng xã hội nặng nề, đáng lý chúng ta phải kịp thời dẫn giải, định hướng, thì lại bỏ qua. Nhiều nơi nhiều lúc, còn rất coi nhẹ sinh hoạt tuyên truyền, đấu tranh trong nội bộ...

Những yếu kém lệch lạc đó làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân khó nhận ra đâu là cái cơ bản trong biển cả thông tin, đâu là những lời bình luận, định hướng, đâu chỉ là sự thông báo liệt kê. Giai đoạn qua, nhiều vấn đề quan trọng bậc nhất của quốc gia, có lúc lại hóa ra là những vấn đề khó nhận thấy được trên thực tiễn. Nguyên nhân của những yếu kém trên phải chăng do chúng ta nhận thức chưa đầy đủ về vị trí và đặc điểm của thông tin tuyên truyền trong giai đoạn mới, dẫn đến thiếu một chiến lược về lãnh đạo và quản lý thông tin, chưa định ra được một chính sách thông tin tuyên truyền cụ thể và có hiệu lực, và chưa xây dựng được một đội ngũ đông đảo cán bộ thông tin tuyên truyền giỏi và kiên định lập trường. Khi điều hành, lại thiếu chủ động, hệ thống, kiên quyết và nhạy bén.

Thông tin trong công tác tư tưởng hiện nay diễn ra trong hoàn cảnh đặc biệt. Quá trình đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới về kinh tế ở nước ta đang tác động mạnh đến ý thức xã hội, ý thức từng người dân, vì vậy diễn biến tư tưởng trong xã hội khá phức tạp. Do trình độ giác ngộ của mỗi người khác nhau, bên cạnh những tư tưởng tích cực, không tránh khỏi những tư tưởng không đúng và tiêu cực. Tình hình thế giới đang có nhiều biến đổi, sự tác động của công cuộc cải tổ, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa cũng như sự tác động của thế giới tư bản chủ nghĩa vào nước ta với đủ mọi loại thông tin, ngày càng mạnh. Nếu trong công tác tư tưởng, thông tin chỉ đóng vai trò bị động, chỉ cung cấp

Digitized by Google

thông tin tư liệu, thì thật là sai lầm. Phải biết thu nhận, biết xử lý, để rồi giữ vai trò hướng dẫn một cách có ý thức, có hệ thống, có định hướng cho đối tượng, tức cho toàn dân, với trình độ không ngừng được nâng cao. Hoàn cảnh đó, trách nhiệm đó, buộc công tác thông tin tuyên truyền phải bám chặt vào nhiệm vụ cơ bản của công tác tư tưởng do Đại hội VI của Đảng xác định là: «đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản, khơi dậy ý chí cách mạng của quần chúng». Từ đó, theo tôi, thông tin tuyên truyền cần tập trung vào những nội dung lớn, chủ đề lớn sau:

– Động viên nhân dân thực hiện tốt ba chương trình kinh tế. Cụ thể là: tuyên truyền để nhân dân nhận thức đúng về các thành phần kinh tế, về các chính sách khuyến khích và quản lý của nhà nước đối với các thành phần kinh tế. Phát huy quyền làm chủ của các đơn vị kinh tế cơ sở, tạo điều kiện để kinh tế quốc doanh từng bước vươn lên giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Phát triển nền kinh tế nông nghiệp sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa. Nâng cao ý thức trách nhiệm của mọi công dân, tích cực lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm.

– Giáo dục nhân dân nhận thức đúng đắn về mở rộng dân chủ và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nêu cao cảnh giác cách mạng, nhận rõ bản chất của kẻ thù, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

– Bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức mới, tích cực đấu tranh chống mọi hiện tượng tiêu cực.

Thông tin tuyên truyền, muốn đạt hiệu quả cao, phải tích cực đổi mới. Phương hướng đổi mới của thông tin tuyên truyền là: dân chủ, công khai, chân thật, nhưng phải thể hiện rõ tính chiến đấu, tính định hướng theo đường lối lãnh đạo của Đảng. Bản thân thông tin tuyên truyền cần đi sâu giải quyết tốt các vấn đề như:

– Nội dung và chủ đề tuyên truyền phải bám sát những vấn đề của cuộc sống, những vấn đề mà toàn dân quan tâm.

– Thông tin tuyên truyền phải khách quan, toàn diện và tôn trọng sự thật, tôn trọng đặc điểm và phong tục tập quán của các dân tộc. Tuyên truyền mặt tích cực và tiến bộ, phê bình mặt tiêu cực và lạc hậu. Phê bình lãnh đạo, phê bình nhân dân, phê bình cấp trên và cấp dưới. Tuyên truyền phổ biến những yếu tố tiến bộ của thế giới và ngăn ngừa nọc độc bên ngoài xâm nhập vào ta.

– Thông tin tuyên truyền phải giúp mọi người phân tích, đánh giá đúng các vấn đề trong nước và quốc tế. Muốn vậy, phải có một đội ngũ cán bộ am hiểu và chuyên sâu làm công tác tuyên truyền. Nên bồi dưỡng để có nhiều nhà báo, nhà tuyên truyền chuyên sâu, nắm chắc từng loại vấn đề. Những người làm thông tin tuyên truyền không chỉ nghe tiếng nói của lãnh đạo mà còn phải biết nghe tiếng nói của chuyên gia. Hơn lúc nào hết, giờ đây người làm thông tin tuyên truyền phải có tâm hồn trong sáng và nghiệp vụ sắc sảo. Tăng cường các cuộc họp báo, và đổi mới các cuộc họp báo quốc tế và trong nước. Nên truyền hình tại chỗ các cuộc họp báo để các nhà báo bớt đi vai trò quan sát im lặng mà tăng thêm trách nhiệm đưa tin, trách nhiệm bình luận mang tính tích cực của mình. Đổi mới nhiều hơn nữa các hình thức đưa tin, đưa hình, các hình thức in ấn báo chí, các buổi nói chuyện, đối thoại, tọa đàm, làm sao hấp dẫn và thu hút được sự chú ý của mọi người.

Digitized by Google

Để lãnh đạo và quản lý có hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền, Đảng và Nhà nước nên khẩn trương chủ động giải quyết tốt những vấn đề trước mắt sau đây:

– Coi trọng và đổi mới hơn nữa sinh hoạt tư tưởng nội bộ, bảo đảm thông tin nhanh, đầy đủ, chính xác và có hướng dẫn, tạo ra sự thống nhất trong Đảng, làm cho mọi đảng viên phấn khởi, tin tưởng, từ đó thuyết phục, giác ngộ quần chúng có hiệu quả hơn. Các cơ sở đảng cần có đủ và sử dụng có hiệu quả báo và tạp chí của Đảng. Thông tin tuyên truyền ở từng cơ sở đảng, ở từng cụm dân cư, phải làm sao để mỗi cấp ủy, mỗi đảng viên đi đầu trong việc đập lại những luận điệu tuyên truyền của địch, hướng dẫn và tập hợp nhân dân đoàn kết chặt chẽ xung quanh Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

– Có chính sách cụ thể xây dựng một đội ngũ đông đảo cán bộ làm công tác thông tin tuyên truyền kiên định lập trường, thành thạo nghiệp vụ. Đặc biệt coi trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có tinh thần chủ động và trách nhiệm cao.

– Có chính sách thông tin ưu tiên cho những người làm công tác thông tin tuyên truyền, trước hết là các nhà báo. Các cấp lãnh đạo thường xuyên tiếp xúc với người làm công tác thông tin tuyên truyền, nhất là với các nhà báo, không chỉ với các tổng biên tập mà cả với các phóng viên bình thường. Coi trọng các ý kiến của họ, trực tiếp đối thoại, tranh luận để tìm ra chân lý và giải pháp đúng cho các tình huống và ý kiến khác nhau. Có chính sách đúng và ổn định đối với đội ngũ những người làm công tác báo chí, trước hết là chính sách về tiền lương, về nhà ở, về đào tạo, nghiên cứu, để có thể lập quỹ báo chí (trích tỷ lệ phần trăm từ quỹ nhuận bút của các báo, đài, tạp chí...) sử dụng vào việc xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi khác như nhà nghỉ, trung tâm bồi dưỡng và đào tạo. Hiện nay chúng ta có gần một vạn người làm công tác báo chí, tuyên truyền, thế mà chưa có một nhà nghỉ, một trung tâm bồi dưỡng thường xuyên cho họ.

– Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội nhà báo Việt nam, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa các cấp quản lý nhà nước với Hội, tạo mọi điều kiện để Hội hoạt động nhằm động viên hội viên tích cực rèn luyện, hoạt động, góp phần đắc lực vào công cuộc đổi mới đất nước, đổi mới báo chí...

– Tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với công tác xuất bản báo chí, ấn phẩm, băng nhạc, băng hình và các chương trình phát sóng. Chính quyền các cấp phải tuân thủ tinh thống nhất của pháp chế xuất bản, và phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về mọi quyết định của mình liên quan đến công tác xuất bản ở địa phương. Các cơ quan pháp luật cần tăng cường kiểm tra việc nhập khẩu văn hóa phẩm và xử lý nghiêm minh các vi phạm về xuất bản và kinh doanh văn hóa phẩm. Cần có các cuộc kiểm kê và đăng ký lại trong phạm vi toàn quốc các phương tiện in sao các ấn phẩm, các phương tiện phát sóng và tần số phát sóng phát hình. Cần có các quy chế cụ thể trong công tác quản lý các công việc này, kiên quyết lập lại trật tự, kỷ cương xuất bản và phát sóng, phát hình.

– Xác định chính sách tài chính trong hoạt động thông tin tuyên truyền, tạo điều kiện cho thông tin tuyên truyền thoát khỏi tình trạng quan liêu bao cấp mà không sa vào khuynh hướng thương mại hóa. Công tác tư tưởng nói chung và thông tin tuyên truyền nói riêng, không thể coi là ngành kinh doanh hốt bạc. Chống bao cấp kiểu cũ là đúng và cần thiết, nhưng thả nổi để thông tin tuyên truyền đi vào con đường kinh doanh

Digitized by Google

kiếm lời thì hậu quả rất tai hại. Nhà nước cần có chính sách đầu tư vốn thích đáng để củng cố và tăng cường các phương tiện, thiết bị cho báo chí, thông tấn xã, phát thanh, truyền hình, để các cơ quan đó có thể duy trì hoạt động và phát triển, đáp ứng nhu cầu thông tin của xã hội.

— Có một chính sách quốc gia toàn diện lâu dài về thông tin, đặc biệt là thông tin tuyên truyền. Chính sách này nên vạch rõ định hướng và cơ chế đổi mới thông tin các ngành như: thông tin khoa học, thông tin kinh tế, thông tin quân sự, thông tin tuyên truyền. Vạch rõ hệ thống quản lý, chính sách tập hợp, phân công phối hợp giữa các ngành thông tin chuyên ngành, giữa các lực lượng làm công tác thông tin, giữa các cơ quan nghiên cứu và quản lý thông tin. Từ đó, có quy hoạch xây dựng và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật cho thông tin, trước hết là thông tin tuyên truyền. Từ đó, có quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và các chính sách có liên quan đến mọi hoạt động của thông tin tuyên truyền.

CÙNG BẠN ĐỌC

Được sự đồng ý của Ban bí thư Trung ương Đảng, thể theo yêu cầu của bạn đọc, **Tạp chí Cộng sản** *bắt đầu* **từ số** *tháng* **1-1991** *sẽ tiếp tục đổi mới về nội dung, đồng thời sẽ đổi khổ rộng hơn, xếp chữ bằng máy vi tính, bìa in ốpxét bốn màu.*

Giá bán mỗi số là 1000đ.

Để giảm bớt sự bù lỗ của ngân sách đảng, **Tạp chí Cộng sản** *sẽ nhận đăng quảng cáo nhằm khuyến khích các ngành sản xuất và kinh doanh.*

BỘ BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

Suy nghĩ về giá trị của một công trình khoa học

ĐÀO VĂN TIẾN *

TRONG thời gian qua, để động viên công tác nghiên cứu, chúng ta đã tổ chức khen thưởng công trình khoa học. Nhưng trong các hội đồng xét khen thưởng, không chỉ những ủy viên không chuyên ngành mà ngay cả những ủy viên chuyên ngành cũng đều thấy rất khó đánh giá chất lượng một công trình khoa học. Bài viết này bàn về giá trị một thành tựu khoa học và thử tìm xem có cách nào đánh giá thích hợp không.

Công trình nào cũng có hai loại giá trị : giá trị tức khắc (hay giá trị trước mắt) và giá trị hy vọng (hay giá trị ảo).

Giá trị tức khắc

Trong hoạt động văn hóa, định lượng giá trị của một số hình thức không khó khăn : kỷ lục của các kiện tướng thể thao, số bàn thắng của các đội bóng, số lượng công trình khoa học thông báo...

Nhưng chất lượng của một công trình khoa học không thể đánh giá bằng con số ngay tức khắc. Không thể nêu số công sức dành cho công trình để định giá : công trình này đã cần tới 1000 thí nghiệm, công trình kia ít hơn.. vì, hàng ngàn quan sát tinh tú có khi không quan trọng bằng một lần phát hiện ra hành tinh lạ.

Cũng không thể ước lượng giá trị của công trình – ngay cả giá trị tương đối, bằng cách so sánh với các công trình khác loại. Ai dám nói : quy luật cảm ứng có giá trị hơn quy luật bảo toàn năng lượng hay kém phát minh ra kính hiển vi ! Cả ba thành tựu đều rất quan trọng vì đã mở đường phát triển cho nhiều khoa học và ứng dụng khoa học khác nhau.

Một khó khăn nữa là công trình khoa học lớn hay nhỏ cũng có tính chất tập thể, giá trị của cá nhân chỉ là giá trị tham gia. Khoa học không là tập hợp kết quả mà mỗi kết quả có giá trị riêng biệt, giá trị của công trình là của cộng đồng khoa học, cũng như chất lượng của một công trình xây dựng là chung cho kiến trúc sư, thợ xây, thợ mộc, v.v.

* Giáo sư khoa học (chuyên ngành động vật học)

Digitized by Google

Thêm nữa, thành tựu khoa học, ngoại lệ một số bằng sáng chế phát minh, chưa phải là giá trị thương mại, nên ước lượng tầm quan trọng của công trình rất tế nhị. Ta đành phải chấp nhận : dụng cụ nào càng đáp ứng đủ chức năng thì càng tốt ; phương pháp nào cho phép đạt kết quả càng nhanh, càng sâu thì càng hay ; và nhà bác học nào làm tốt công việc của mình thì càng có giá trị. Kính viễn vọng càng tập trung nhiều ánh sáng, nhìn càng xa trong không gian thì càng có chất lượng. Galva kế càng nhạy và chính xác đối với dòng điện cực nhỏ thì càng có giá trị...

Người ta đã thử tìm tính khái quát của phát minh để xác định giá trị của nó. Định luật I của Ke-ple (Kepler) : « Quỹ đạo của Hỏa tinh là một ellip mà mặt trời là một tiêu điểm ». Nhưng định luật của Niu-tơn (Newton) lại nêu : « Tùy theo tốc độ ban đầu, quỹ đạo của một hành tinh chịu sức hút của mặt trời có thể là ellip, parabol, hyperbol » Như vậy, định luật Niu-tơn không những bao trùm định luật Ke-ple mà cả định luật vận động của Sao chổi. Rõ ràng có thể khẳng định định luật Niu-tơn có giá trị hơn định luật Ke-ple. Nhưng muốn định giá tức khắc định luật Niu-tơn, đã phải có sẵn định luật Ke-ple để so sánh

Tựu trung, đánh giá tức khắc chất lượng một thành tựu khoa học riêng rẽ không phải dễ dàng. Phải xem vị trí của nó trong lâu đài kiến thức chung, phải so sánh nó với thành tựu trong cùng bậc thang giá trị. Có thể nói không quá là mỗi bác học muốn được đánh giá đúng phải cần tới đồng nghiệp có công trình nghiên cứu cùng kiểu. Do nguyên nhân này mà các bác học tên tuổi thời trước như Pa-xtơ, Pi-e Cu-ri không được bầu vào Viện hàn lâm khoa học Pháp (thành viên viện này lúc bấy giờ không có ai là nhà hóa học và vật lý học)

Giá trị hy vọng

Ngoài giá trị tức khắc mà việc ước lượng còn gặp khó khăn, mỗi công trình nghiên cứu đều có một giá trị hy vọng (hay giá trị ảo) Vì có giá trị này nên trước mỗi công trình khoa học, không một ai dám khẳng định là công trình đó không bao giờ quan trọng.

Trong nhạc hay họa, một tác phẩm kém chất lượng có thể đánh giá được ngay, nhưng trong khoa học, một tác phẩm hiện nay có thể là tầm thường nhưng lại rất quan trọng sau này do chỗ : một thành tựu khoa học có thể ngày nào đó được « thụ tinh » bởi một công trình khác ; giá trị của một công trình không chỉ do bản thân nó mà còn do nó tham gia thế nào vào lâu đài kiến thức chung.

Hậu quả của phát minh thường không thể nhìn thấy trước. Khi Ru-dơ-pho (Rutherford) làm thí nghiệm về sự khuếch tán của tia an pha lên các lá kim loại nóng, ông không thể ngờ ảnh hưởng lớn của thí nghiệm này tới sự phát triển của khoa vật lý : rằng 40 năm sau, nhiều nước đã bỏ ra hàng triệu đô la để thực hiện ở quy mô lớn hiện tượng bắn phá hạt nhân mà ông là người báo hiệu.

Khi mới phát minh ra tổng hợp khí axêtylen, không ai nghĩ tới tầm quan trọng thực tiễn của khí này : nhiều lĩnh vực công nghiệp sẽ dùng tới hàng nghìn mét khối để chiếu sáng.

Khi mới phát minh ra khí hiếm của không khí, cũng không ai ngờ tới giá trị thực tiễn của nó. Ngày nay bằng cách chưng cất không khí lỏng, người ta sản xuất khí trơ để chế bóng đèn huỳnh quang, và dùng trong nhà máy nguyên tử.

Nhà hóa học Hac-đi (Hardy), trong mở đầu cuốn sách của ông về học thuyết số, đã tự cho mình là đã hoàn thành một tác phẩm « không giúp ích được gì về sau này ». Nhưng ông đã

Digitized by Google

nhầm, khi tác phẩm được tái bản, khoa học đã sử dụng tư liệu trong đó để giải đáp vài bài toán về cơ học tĩnh liên quan tới các phản ứng hạt nhân.

Pa-xtơ đã diễn giải giá trị hy vọng của công trình khoa học trong bài nói với môn đồ: « Các anh không nên tán thành ý kiến hẹp hòi coi thường mọi cái trong khoa học không có ứng dụng ngay tức khắc. Hãy nhớ câu nói lý thú của Phran-klin (Franklin). Ông đi dự buổi biểu diễn đầu tiên về một phát minh về điện. Có người hỏi ông: « Phát minh này dùng làm gì? ». Phran-klin trả lời: « Trẻ sơ sinh dùng làm gì? Vâng, thưa các ngài, trẻ sơ sinh dùng làm gì? Thế mà, đúng ở tuổi này của thời thơ ấu, các ngài đã có sẵn những mầm mống tài năng của từng người. Cũng như thế, một phát minh lý thuyết chỉ có giá trị hiện sinh. Nó gợi niềm hy vọng và thế thôi. Nhưng hãy vun trồng nó, để nó lớn lên, các ngài sẽ thấy nó trở thành cái gì! ».

Nhưng thành kiến con người khá vững chắc. Đại chúng và các cấp quản lý vẫn chưa thông lắm về giá trị tiềm tàng của kết quả khoa học. Nhớ lại cách đây khoảng 30 năm, khi bắt đầu nghiên cứu phân loại chuột, tác giả bài viết này được nhiều gợi ý: « Anh hãy nghiên cứu cách giết chuột, ý nghĩa đề tài thực tiễn hơn ». Họ không ngờ rằng hơn 10 năm sau, nghiên cứu ổ dịch thiên nhiên ở nhiều khu dân cư mở rộng, bảng phân loại đã giúp xác định loài chuột, một thành phần quan trọng của ổ dịch, mà thiếu nó không thể xây dựng được biện pháp phòng ngừa dịch tễ có hiệu quả.

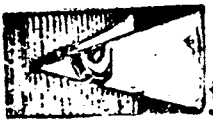
★

Điểm qua hai loại giá trị của thành tựu khoa học, ta thấy đánh giá ngay một công trình nghiên cứu thật khó. Ngay các chuyên gia trong ngành cũng khó ước lượng chính xác giá trị công trình trong lĩnh vực của họ, huống chi người ngoài ngành.

Tại sao Ủy ban giải thưởng Nô-bên của Thụy-điển vẫn tổ chức đánh giá được công trình khoa học đều đặn hằng năm? Đấy là nhờ tổ chức đánh giá đã loại bỏ được nhiều phiền hà can thiệp vào tính khách quan và tính thông tin rộng rãi của khoa học. Hằng năm, ủy ban có gửi giấy trưng cầu ý kiến khoảng 12 nhà bác học lớn trên thế giới về từng lĩnh vực (lý, hóa, sinh...) cho biết công trình khoa học trội nhất trong thời gian qua về mặt phát triển ngành và ứng dụng rộng rãi trong thực tiễn. Các phiếu được tập trung lại cho Ủy ban giải thưởng gồm các nhà bác học Thụy-điển trong từng lĩnh vực. Đa số công trình đề xuất không phải là thành tựu khoa học gần đây trong năm, mà là những thành tựu cách đây ít nhất 5 năm và xa nhất là 30 năm. Chúng có đủ thời gian để phát huy hiệu quả đầy đủ, bộc lộ rõ ràng giá trị tiềm tàng.

Trong hoàn cảnh nước ta còn thiếu chuyên gia đầu ngành trong không ít lĩnh vực, thông tin khoa học trong, ngoài nước có nhiều trở ngại, chưa nên đặt chuyện khen thưởng công trình khoa học mà nên cung cấp học bổng nghiên cứu hằng năm để hoàn thành một đề tài khoa học nào đó, sau một năm nếu có hứa hẹn sẽ cấp tiếp theo. Ở một số nước ngoài, chế độ học bổng như thế đã động viên không ít tài năng trẻ đi vào con đường khoa học và trở thành bác học.

Digitized by Google



ĐIỀU TRA

Vì sao thuế công thương nghiệp còn thất thu lớn?

DOÃN ĐÌNH

Ở Hà nội cũng như nhiều địa phương, từ khi nhà nước có chính sách cho tự do lưu thông hàng hóa, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh, thì tình trạng trốn, lậu thuế càng trở nên nghiêm trọng hơn.

Theo số liệu của Cục thuế Hà nội, tính đến hết tháng 6 năm 1990, tổng số hộ kinh doanh ở Hà nội là 58 vạn hộ (so với năm 1989, tăng 6000 hộ). Ngoài ra, các xí nghiệp của tư nhân cũng phát triển, đến nay có hơn 60 xí nghiệp. Đáng chú ý là sự mở rộng của thương nghiệp không chuyên: 126 cơ quan trung ương mở 165 quầy hàng; 53 cơ quan thành phố mở 88 điểm bán hàng; 39 cơ quan của 4 quận nội thành mở 44 điểm bán hàng; 30 trường đại học, viện nghiên cứu, các đơn vị lực lượng vũ trang cũng có quầy hàng; ngoài ra còn phải kể 50 trạm giao dịch mua bán của các tỉnh trên địa bàn Hà nội.

Mặc dù công nghiệp thành phố gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhưng 9 tháng đầu năm 1990 giá trị tổng sản lượng công nghiệp thành phố so với cùng kỳ năm 1989 vẫn tăng 4,9%, một số sản phẩm chất lượng khá, tiêu thụ được cả ở trong và ngoài nước, như giầy da, may mặc quạt điện, xe đạp, một số mặt hàng dệt và sản phẩm cơ khí (+).

Điều nghịch lý là với nhịp độ sản xuất ổn định, kinh doanh phát triển, đáng lẽ tổng số tiền thuế công thương nghiệp thu được phải tăng lên, nhưng thực tế 6 tháng đầu năm 1990 ngành thuế ở Hà nội chỉ thu được 17 tỷ đồng, bằng 37% kế hoạch cả năm (quý 3 năm 1990, số thuế thu được có khá hơn). Vì sao thuế công thương nghiệp ở Hà nội còn thất thu lớn? Làm thế

(+) Một số kết luận của Hội nghị Ban thường vụ Thành ủy về một số vấn đề kinh tế — xã hội cấp bách, họp ngày 3 — 4/10/1990

Digitized by Google

nào để tăng nguồn thu cho ngân sách?

★

Tình trạng thất thu thuế ở Hà nội có thể do nhiều nguyên nhân, nhưng theo tôi, có mấy nguyên nhân chính sau đây:

1 — Điều tra ở Hà nội cho thấy, không chỉ các cơ sở sản xuất kinh doanh của tư nhân, cá thể, mà cả các đơn vị sản xuất kinh doanh của nhà nước và tập thể cũng trốn thuế. Nhiều cán bộ tài chính phàn nàn với chúng tôi rằng: «Các đơn vị sản xuất kinh doanh của nhà nước và các cơ quan hành chính, đoàn thể bung ra kinh doanh, trốn thuế không kém so với các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, tư nhân». Không ít đơn vị cơ quan, đoàn thể mở dịch vụ từ khi khai trương đến nay chưa đóng một đồng thuế nào. Nhiều cửa hàng dịch vụ của các cơ quan, xí nghiệp hoạt động với mục đích cải thiện đời sống (như Cửa hàng vàng bạc và điện máy số 17 Đinh Lễ (Hà nội), Xí nghiệp dịch vụ đời sống số 127 Lò đúc (Hà nội), Xí nghiệp vật tư kỹ thuật công nghiệp nằm trên địa bàn quận Đống đa...) đã trốn thuế. Nhiều đơn vị thương nghiệp quốc doanh mượn danh nghĩa sử dụng tay nghề tư thương để giảm mức thuế và mức thu quốc doanh. Ngoài ra, không ít cơ quan đã cho tư thương núp bóng mình để kinh doanh và trốn thuế, miễn là mỗi tháng họ nộp cho mình một khoản tiền nhất định.

Nhiều quận, huyện và phường đã tự ý tạo ra nguồn thu không hợp lý như cho các tư thương mở các điểm buôn bán (kể cả vỉa hè), với danh nghĩa là bán chỗ mỗi mét vuông từ 200 nghìn đến 400 nghìn đồng. Tình hình này chẳng những gây rối thị trường mà còn làm mất trật tự, an ninh đường phố.

2 — Trong khi chuyển sang cơ chế mới, bộ máy thu thuế chưa được đổi mới về chất, nên việc thu thuế còn rất khó khăn. Vấn đề đặt ra là phải sắp xếp lại bộ máy thu thuế trên các địa bàn sao cho có hiệu quả; và phải bố trí cán bộ thuế có nghiệp vụ chuyên môn giỏi ở các địa bàn trọng điểm.

Trong công tác thu thuế cũng chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành thuế với các cơ quan chức năng như công an, quản lý thị trường, với chính quyền địa phương... Trong tình hình kinh tế — xã hội nhiều tiêu cực, để chống thất thu thuế, ngành thuế không thể hoạt động một cách «đơn thương độc mã». Thực tiễn cho thấy rằng, nếu có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trên, thì công tác thu thuế sẽ thu được kết quả tốt đẹp. Chỉ tính riêng trạm thuế ở ga Hà nội, phố Trần Quý Cáp (Hà nội), nhờ có sự phối hợp của Cục cảnh sát kinh tế (Bộ nội vụ), trạm đã đưa số thuế thu được từ 3 đến 5 triệu đồng bình quân một tháng (quý 1, quý 2 năm 1990) lên 80 triệu đồng bình quân một tháng (quý 3 năm 1990).

3 — Bất cứ chính sách kinh tế nào, dù đúng, nhưng nếu người thực hiện vô trách nhiệm, thì tác dụng cũng rất hạn chế. Trong ngành thuế hiện nay, có không ít cán bộ thuế tha hóa, thông đồng với các cơ sở sản xuất kinh doanh, tư thương, cá thể để thỏa thuận số thuế phải nộp. Ngoài ra, nhiều hộ kinh doanh giấu doanh số, cán bộ thuế không nắm được để tính đúng mức thuế, do đó đã để thất thu rất lớn cho ngân sách. Qua kiểm tra, mức chênh lệch giữa doanh số tự khai với doanh số thật rất lớn. Có hộ doanh số tự khai là 7 triệu đồng, nhưng doanh số thật là 29 triệu đồng (gấp hơn 4 lần doanh số tự khai).

Digitized by Google

Về xử lý những vụ buôn chuyến, phát hiện đường dây buôn lậu, ngành thuế cũng còn nhiều sơ hở. Bằng những thủ đoạn trao «tiền» và trao «tình», có nơi bọn buôn lậu đã mua chuộc được cả cán bộ thuế áp tải hàng cho chúng.

Cùng với yếu kém về phẩm chất, cán bộ thuế ở Hà nội còn yếu cả về nghiệp vụ chuyên môn. Phần lớn số cán bộ nhân viên làm công tác thuế ở Hà nội hiện nay đều là «tay ngang», chưa qua đào tạo về nghiệp vụ một cách có hệ thống; số cán bộ thuế tốt nghiệp đại học tài chính chiếm tỷ lệ thấp.

★

Để khắc phục tình trạng thất thu thuế công thương nghiệp, cần tập trung vào mấy điểm sau đây:

1 — Cải tiến cách tính thuế sao cho dễ tính, dễ hiểu.

Trong một hội nghị thế giới về công tác thuế, các chuyên gia thuế đã rút ra một kết luận: «các loại thuế phải dễ tính, dễ hiểu». Lâu nay, cách tính thuế ở ta còn mang nặng tính chất hình thức, áp đặt. Việc tính thuế chưa xuất phát từ doanh thu của từng cơ sở kinh doanh mà chủ yếu dựa vào sự thỏa thuận giữa hộ kinh doanh và cán bộ thuế. Người kinh doanh thường giấu doanh số bán và doanh số thu, nên cán bộ thuế khó xác định được mức thuế cho hợp lý. Kiểm tra cho thấy: nhiều cơ sở kinh doanh không có sổ sách mua vào bán ra, doanh số tự khai thấp rất nhiều so với doanh số thật. Ví dụ, theo tờ khai của 183 hộ buôn bán ở phường Hàng Đào thì doanh số của họ trong tháng 3-1990 là 524 triệu 325 nghìn đồng, nhưng qua điều tra, doanh số thật của họ là 1 tỷ 260 triệu đồng. Như vậy, nhà nước thất thu thuế rất lớn.

Vấn đề đặt ra hiện nay là nhà nước cần xem lại thuế suất các loại cho phù hợp với mặt bằng lãi có hạn hiện nay trên thị trường.

Đồng thời, có biện pháp hữu hiệu buộc tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh của tư nhân, cá thể, tập thể phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ giữ sổ sách kế toán, lập chứng từ hóa đơn. Cùng với việc tăng cường công tác kiểm tra kế toán, cần xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm chế độ kế toán của nhà nước. Đối với cơ sở kinh doanh nào không thực hiện nghiêm túc các quy định nói trên, cần kiên quyết đình chỉ hoạt động. Thông qua việc đăng ký lại kinh doanh của các thành phần kinh tế và sắp xếp lại hệ thống thương nghiệp, dùng chính sách thuế để điều tiết các hoạt động buôn bán.

2 — Củng cố và tăng cường công tác tổ chức thu thuế.

Chuyển sang cơ chế mới, công tác tổ chức thu thuế cần được sắp xếp lại theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Việc thành lập Cục thuế hoạt động dưới sự chỉ đạo chung của Tổng cục thuế trực thuộc Bộ tài chính, là nhằm thực hiện có hiệu quả Luật thuế mới ban hành. Vấn đề đặt ra là cần sắp xếp lại cán bộ thuế vụ ở những tụ điểm đầu mối giao thông quan trọng như ga Hà nội, sân bay Nội bài, cầu Chương dương, các bến xe khách.., cần tăng cường cán bộ thuế có trình độ chuyên môn giỏi cho những nơi ấy. Ngành thuế cần phối hợp với các cơ quan chức năng như công an, hải quan, quản lý thị trường, với chính quyền địa phương, để xử lý những vụ trốn lậu thuế, kiểm tra việc thu thuế.

Nên tách hai nhiệm vụ **tính thuế** và **thu thuế** thành hai bộ phận độc lập trong cơ quan quản lý thuế, để bảo đảm tính khách quan và nghiêm

(Xem tiếp trang 85)

Digitized by Google

ĐÃ ĐẾN LÚC «TƯỚNG» PHẢI XUẤT

HOÀNG ĐIỀN *

XIN đừng lẫn với việc xuất tướng của người chơi cờ khi bị chiếu bí. Ở đây, tôi muốn nói đến người làm «tướng» với tư cách là người chủ trì – chỉ huy – lãnh đạo các mặt công tác, các địa phương, trên ý nghĩa: cán bộ quyết định hết thảy.

Tình hình kinh tế – xã hội nước ta đang có những chuyển biến đáng khích lệ, tuy chưa thật to lớn và cơ bản. Song điều đáng buồn là đang còn diễn ra, phổ biến và phức tạp, nhiều vụ việc nhức nhối, có việc thất nhân tâm, mà báo chí đã đưa tin khiến những người lương thiện, chính trực phải có những lo lắng và phẫn nộ chính đáng. Từ các vụ «tiêu cực» ngân hàng, «vỡ nợ» tín dụng, «thụt» thóc dự trữ quốc gia, xuất lậu gạo, dông và các mặt hàng quý hiếm khác ra nước ngoài, nhập lậu hàng ngoại xa xỉ, đến các vụ sách đen, videô «đen», lễ hội lu bù, v.v. Việc khai thác tài nguyên bừa bãi, cướp phá tài sản công cộng, trốn thuế, cấp «cô ta» trái quy định... Còn phải kể đến vấn đề dân chủ ở nông thôn, vấn đề an ninh trật tự xã hội, v.v. Những hiện tượng trên đã khiến cho kẻ thù vui mừng, nhân dân đau lòng, Đảng xót xa lo lắng. Vì về khách quan, kết quả của các hiện tượng trên là làm cạn kiệt tài nguyên, tài sản vật chất của nhân dân, làm thâm thủng công quỹ, xói mòn lý tưởng cách mạng, nếp sống tinh thần và đạo đức xã hội, làm suy yếu lực lượng cách mạng, giảm uy lực và sức đề kháng của đất nước. Công luận đã nhiều lần phê phán, dư luận bất bình, lên án. Việc đó cũng có tác dụng to lớn trong việc áp dảo, đẩy lùi từng bước tà khí tiêu cực. Điều đó rất cần thiết và cấp bách, còn cần làm nhiều, làm mạnh hơn nữa. Song dù sao, chỉ nói suông, kêu gọi suông, phê bình tự phê bình suông là chưa đủ, là không thể phá vỡ đinh lũy tiêu cực được.

Mấy năm trở lại đây, hưởng ứng các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước, chúng ta đã có rất nhiều hoạt động, tốn biết bao công sức, tốn biết bao giấy mực, mà chuyển động ở từng ngành, từng địa phương nào đã được mấy.

Tại sao vậy? Có thể kể rất nhiều nguyên nhân. Song, rõ ràng khâu cán bộ hành động thực hiện là nguyên nhân quan trọng nhất. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân. Đảng ta từ lâu đã xác định: sau khi có chủ

* cán bộ về hưu

Digitized by Google

trương đúng, vấn đề quyết định là cán bộ. Nhưng cũng không thể nói cán bộ chung chung được. Vì trong hệ thống tổ chức hành động, phải có cán bộ chủ trì – chỉ huy – lãnh đạo, có cán bộ chuyên môn giúp việc và cán bộ thừa hành, nghĩa là phải có cấp trên, cấp dưới. Mọi việc quyết định là ở cán bộ cấp trên, tức là cấp người làm « tướng », người chủ trì – chỉ huy – lãnh đạo. Bác Hồ đã từng kêu gọi: đảng viên đi trước, làng nước theo sau. Suy rộng ra, câu đó cũng có thể là: cấp trên làm trước, cấp dưới làm theo. Thông báo Hội nghị lần thứ chín của Trung ương Đảng mới đây cũng đã nhấn mạnh tới ý thức trách nhiệm và vai trò quan trọng của tất cả các đồng chí ủy viên trung ương ở các cấp, các ngành và của Hội đồng bộ trưởng trong việc chỉ đạo điều hành. Từ ý nghĩ ấy, tôi cho rằng nay đã đến lúc « tướng » phải xuất, nghĩa là « tướng » phải ra tay.

Kinh nghiệm ở các nước tiên tiến đều cho thấy người đứng đầu một địa phương hoặc một ngành có trách nhiệm rất cụ thể, điều hành công việc theo một tuyến. Không có hiện tượng kiểu « bốn lắm » (lắm thầy thối ma – lắm cha con khó lấy chồng – lắm mối tối nằm không – lắm sãi không ai đóng cửa chùa) như không ít nơi ở ta. Thành công có thưởng (kèm vật chất). Hỏng việc hoặc thất bại là cách chức hoặc truy tố. Địa phương bê bối, cấp dưới làm sai, người đứng đầu cũng phải chịu trách nhiệm liên đới. Ở nước nọ, để lọt một máy bay thể thao nước ngoài vào nước mình, nguyên soái không quân bị cách chức; tàu thủy đâm nhau, bộ trưởng giao thông cũng bị mất chức và bị truy tố; v.v. Ở nước ta nhiều việc xảy ra với tính chất tương tự, chẳng ai việc gì cả. Trước những đòi hỏi của công luận, họ thường có thái độ hoặc là « im lặng đáng sợ », hoặc chuyển vị, chuyển ngành để đỡ búa rìu theo kiểu « đánh bùn sang ao ». Công ty ngoại thương huyện nợ vỡ nợ, huyện ủy viên phụ trách công ty được đưa đi công tác khác với cương vị cao hơn, lương cao hơn, hoặc về hưu với nguyên lương, nguyên tài sản cuỗm theo. Có tỉnh ủy viên phụ trách công tác thương binh xã hội, bị lộ vì ăn chặn tiền lương, chỉ bị thôi tỉnh ủy viên. Tiền lương giáo viên bị chặn lại, chẳng ai việc gì. Tỉnh nọ, có nhiều cán bộ và cơ quan của tỉnh đi buôn lậu, xuất lậu hàng quý hiếm qua biên giới tỉnh mình mà bí thư, chủ tịch tỉnh vẫn ăn ngon ngủ yên. Để mất tài sản, mất lương thực dự trữ, mất tài nguyên, hỏng môi trường sinh thái, có vị « tướng » đầu ngành, đầu tỉnh vẫn yên trí, vì mình là cấp trên chỉ ra chủ trương, còn thực hiện là cấp dưới và quần chúng cơ sở, v.v. và v.v. Cách mạng là sự nghiệp quần chúng, lẽ nào « tướng » lại chỉ biết « tọa hưởng kỳ thành ». Có công các vị hưởng, có thưởng các vị lĩnh, có tiệc các vị đi ăn, diễn đàn thi thao thao bất tuyệt... Sao không « xắn tay áo » lao vào làm, chí ít là trực tiếp chỉ đạo, tổ chức và huy động lực lượng thực hiện, cho đến khi xong việc?

Đã là « tướng », thì bất kể cấp nào, đều phải CHÍ CÔNG VÔ TƯ; phải biết chắt chiu khi tiêu từng hạt gạo của DÂN và phải ăn không ngon, ngủ không yên khi còn một người đói rét, vô gia cư, bị ức hiếp, bị oan ức, thất học...

Bản thân người « tướng » phải giữ nghiêm kỷ luật, làm gương cho cấp dưới. Phép tắc không nghiêm là do người trên phạm trước. Tướng có **nhân** thì dưới không làm ác, có **nghĩa** thì dưới không dối trá, có **liêm** thì dưới không cướp bóc, có **trí** thì biết dùng người tài, xa lánh kẻ cơ hội, xiểm nịnh, có **dũng** thì mới dám chịu

Digitized by Google

trách nhiệm đến cùng, làm những việc thiết thực, tránh lời sao rỗng, phù phiếm. Cho nên, «tướng» phải có tinh thần tự giác cách mạng rất cao, luôn luôn chủ động vì lợi ích cách mạng mà tự đấu tranh tu thân, rèn đức. Thấy sai thì sửa ngay, kiên quyết, triệt để, không đợi đến khi cái sai bị vạch mặt chỉ tên mới sửa.

Phải đề cao và tăng cường kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Giáo dục không thể chỉ là thuyết giáo suông, mà phải đi đôi với kỷ luật. Không thể để tình trạng đến mức nghỉ hưu cũng là một hình thức kỷ luật cán bộ. Không thể đổ cho «tại cơ chế» mà ăn cắp, tham ô. Có cơ chế nào (dù dưới bất cứ xã hội nào) cho anh ăn cắp, tham ô? Cùng một khuyết điểm, ai ở cương vị càng cao, kỷ luật càng phải nặng.

Đã có ban công tác đặc biệt chống buôn lậu, cũng cần có ban công tác đặc nhiệm chống tham nhũng. Hiện nay, tham nhũng và buôn lậu có liên quan nhằng nhịt với nhau rất chặt chẽ. Trong khi chống buôn lậu, xin chư «tướng» hãy xuất tay chống tham nhũng, triệt bỏ bọn sâu mọt hại dân hại nước đang đục khoét ngôi nhà xã hội chúng ta, góp phần lập lại kỷ cương và công bằng xã hội, khôi phục và củng cố lòng tin của dân đối với Đảng và chế độ mới.

Gần đây, trong hội nghị truyền đạt chỉ thị 19 của Thành ủy Hà nội cho cán bộ chủ chốt của thành phố, đồng chí Bí thư thành ủy đã nhấn mạnh: «phải làm từ Tôi, từ thành ủy trở xuống. Đã là đảng viên, đều phải thực hiện cuộc vận động này». Đúng! Xin «tướng» «xuất» cho!

Tôi tin tưởng và mong rằng, đã là «tướng» thì các vị hãy tin và dựa vào quần chúng dũng mãnh ra quân.

MỘT SỐ SUY NGHĨ...

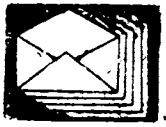
(*Tiếp theo trang 52*)

giữa hai loại xí nghiệp này sẽ ảnh hưởng đến sự phát huy đúng sức mạnh và khả năng của các xí nghiệp quốc phòng. Mặt khác, từ sửa chữa, cải tiến đi đến sản xuất, cũng là một mô hình đi lên của nền công nghiệp quốc phòng nước ta.

★

Công nghiệp quốc phòng là một bộ phận của nền công nghiệp đất nước. Sự phát triển của nó lệ thuộc vào kết quả của công cuộc công nghiệp hóa đất nước. Mặt khác, công nghiệp quốc phòng còn phải đáp ứng yêu cầu cao của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, của chiến lược quân sự. Chúng ta thực hiện nhiệm vụ này trong tình hình đất nước ta có nhiều khó khăn gay gắt về kinh tế, xã hội. Vì vậy, công cuộc xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đòi hỏi chúng ta phải có những suy nghĩ, quan điểm đúng, có bước đi thích hợp, thu hẹp mâu thuẫn lớn giữa khả năng và yêu cầu.

Digitized by Google



Thư gửi Bộ biên tập

MỘT VỤ ÁN — PHIÊN TÒA SƠ THẨM ĐÃ KẾT THÚC NHƯNG DƯ ÂM CÒN NHIỀU

(Thư từ TP Hồ Chí Minh)

THANH THỦY

Đó là vụ án Thanh Hương, vụ lừa đảo lớn nhất nước cho đến nay (và mong sẽ không để xảy ra một vụ tương tự).

Kết quả phiên tòa 11 ngày có nhiều đánh giá khác nhau, nhưng có thể khẳng định một điều là tòa án đã được tiến hành đúng luật, bảo đảm tất cả những điều cần thiết cho các bên tham dự phiên tòa (kể cả bị cáo và người bào chữa) thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm của mình.

Kết án Nguyễn Văn Mười Hai và đồng bọn là việc làm công bằng, thỏa đáng. Thế nhưng, không thể dành dồi một Mười Hai và đồng phạm bằng nỗi khổ của trên trăm ngàn người bị lừa đảo, trong đó có cả các cụ hưu trí với đồng lương dành dụm cả đời, các cụ già cô đơn mong có đồng tiền để sống đỡ qua ngày, các chiến sĩ mới nhập ngũ, các sinh viên xa nhà với học bổng ít ỏi, thậm chí cả các cháu bé có ít tiền lì xì trong dịp tết...

Công lý là thế, nhưng những người bị nạn đang nghĩ gì về vụ án Thanh Hương? Họ mượn câu thơ của Nguyễn Du để nói lên tâm trạng của mình:

« Rằng hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào ».

Thật là cay đắng! Sau vụ án, kẻ đi lừa đảo, hối lộ, bị kết án, nhưng người bị nạn thì không sao thu lại đủ số tiền đã bị lừa đảo. Toàn bộ tài sản tịch thu của xưởng nước hoa Thanh Hương sau khi vỡ nợ chỉ khoảng 34,5 tỷ đồng, trong khi số vốn mà Thanh Hương huy động của 120 000 người gửi là 154,7 tỷ đồng. Theo quyết định của tòa án, phần còn thiếu hụt, Nguyễn Văn Mười Hai và đồng bọn có trách nhiệm bồi hoàn cho người gửi. Bất kể khả năng hoàn trả của đương sự đến đâu, công lý không những làm hả dạ người bị hại, mà còn làm cho xã hội thấy được cái giá phải trả cho một sự thiếu cảnh giác.

Bất bình và cay đắng của người bị hại còn là ở chỗ Nguyễn Văn Mười Hai và đồng bọn đã đem số tiền chắt bóp dành dụm của họ để chi tiêu bừa bãi, thực hiện những việc làm mờ ám phi pháp. Chúng bỏ 3 tỷ 669 triệu đồng cho các khoản chi tạm ứng, mua sắm đồ dùng tiếp đãi ngoại giao.

Digitized by Google

Chúng tổ chức thường xuyên các cuộc du lịch, nghỉ mát, ăn nhậu, chơi bời, mỗi lần chi từ 3 đến 7 triệu đồng. Chúng bỏ ra 1899 lượng vàng và 900 triệu đồng tiền mặt để mua 21 ô tô các loại và 18 ngôi nhà lớn nhỏ. Riêng Nguyễn Văn Mười Hai dùng một ô tô kiểu mới trị giá 400 triệu đồng, vợ y (tức Nguyễn Thị Nhu) cũng có một ô tô riêng, trị giá 80 lượng vàng.

Thật là cay đắng, vì trong vụ án Thanh Hương, cùng với việc tuyên xử bọn lừa đảo, hối lộ, tòa án đồng thời cũng tuyên xử 17 cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước ăn hối lộ của Nguyễn Văn Mười Hai để làm việc bao che, dung túng, làm kẻ trung gian móc nối, trực tiếp yểm trợ cho y thực hiện tội phạm. Nhưng dư luận cho rằng Nguyễn Văn Mười Hai không chỉ có quan hệ với 17 cán bộ đã bị truy tố. Công luận vẫn còn tiếp tục đưa ra ánh sáng những điều chưa được sáng tỏ. Ngay cáo trạng ban đầu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố cũng đã thừa nhận: «qua công tác điều tra vụ án, đã phát hiện nhiều việc làm phi pháp của Nguyễn Văn Mười Hai và đồng bọn ở xưởng nước hoa Thanh Hương, nhưng Viện kiểm sát nhân dân thành phố chưa có điều kiện cụ thể để kết luận». Những ngày gần đây, báo chí thành phố đã đề cập đến những việc làm phi pháp của Nguyễn Văn Mười Hai liên quan đến một số người: với Lê Công Thanh, phó giám đốc Sở tài chính, chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố Hồ Chí Minh trong âm mưu trốn thuế; với Trần Sanh Thoại, giám đốc Sài gòn công thương ngân hàng trong âm mưu phân tán, cất giấu, đầu cơ vàng, với Trần thị Hoàng Thanh (vợ Phan Công Trinh) trong việc vay 120 triệu của xưởng nước hoa Thanh Hương. Ngoài ra, báo chí thành phố còn yêu cầu các cơ quan công lý làm rõ một loạt vụ việc khác: việc Nguyễn Hữu Đô chỉ sau 3 tháng thi hành án phạt giam 5 năm về tội bắt giam giữ người trái phép đã được tại ngoại (Ai quyết định rút mức án cho Đô?); việc hợp thức hóa 2 chiếc xe nhập lậu của Nguyễn Văn Mười Hai và Nguyễn Thị Nhu (Ai cho đăng ký và kiểm tra việc đăng ký? Chi phí 33 cây vàng cho việc hợp thức hóa chiếc xe của Nguyễn thị Nhu đã vào túi ai?); việc Nguyễn Văn Mười Hai cấp sổ khống cho khoảng hơn 10 người (Đó là ai?); việc 17000 phiếu gửi ở Thanh Hương đến nay vẫn không có người nhận, nhất là 2000 phiếu có giá trị trên 20 triệu đồng (Ai là chủ những phiếu đó?)... (*Sài gòn giải phóng*, 3-11-1990).

Vụ án nước hoa Thanh Hương là vụ án lừa đảo có tổ chức, có nhiều người tham gia với nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt trắng trợn, gây thiệt hại về mặt vật chất vô cùng to lớn. Vụ án Thanh Hương không phải là vụ án cá biệt, vì tại thành phố Hồ Chí Minh còn có các vụ án lớn tương tự chưa được xét xử, như vụ XACOGIVA Phạm Công Tước, vụ hợp tác xã tín dụng ANĐACO, hợp tác xã tín dụng Đại Thành, đã gieo bao khốn khổ cho người bị hại, gây tác động xấu trên nhiều mặt của đời sống xã hội, làm mất lòng tin của quần chúng đối với các cơ quan nhà nước.

Phiên tòa sơ thẩm đã kết thúc, nhưng vụ án Thanh Hương còn để lại nhiều nghi vấn chung quanh một số cán bộ có chức có quyền khác. Kẻ vi phạm pháp luật sẽ tiếp tục bị trừng trị. Cái giá đã trả và tiếp tục trả là một số cán bộ đã đánh mất cả một quá khứ vinh quang bởi sự cám dỗ của thế lực đồng tiền. Chúng ta đều biết, thói quen của kẻ lừa đảo muốn làm ăn nhanh chóng, trót lọt, là «lót tay» cho những người có thế lực, có khả năng hỗ trợ, hoặc có quyền chi phối hoạt động kinh doanh của họ. Chính Nguyễn Văn Mười Hai đã đi theo con đường đó, bỏ ra tới 291 triệu đồng

Digitized by Google

và 22 lượng vàng để lôi kéo một số cán bộ, nhân viên nhà nước làm chỗ dựa cho hoạt động bất chính của mình. Rõ ràng, vai trò của một số cán bộ đảng viên thoái hóa là đã «góp phần» tạo ra thanh thế để Nguyễn Văn Mười Hai thực hiện hành vi lừa đảo với quy mô to lớn, làm thiệt hại đến tài sản của nhân dân. Việc xưởng nước hoa Thanh Hương huy động vốn lớn như vậy, để sản xuất hay với mục đích gì khác, Nguyễn Quang Lộc đã từng làm giám đốc Xí nghiệp bột giặt miền Nam, có trình độ trong hoạt động kinh doanh, không thể không biết. Bởi vì Nguyễn Quang Lộc và đồng bọn đều biết rất rõ doanh số sản xuất hằng tháng của xưởng nước hoa Thanh Hương hầu như không đáng kể.

Một thói quen nữa của kẻ lừa đảo muốn khuếch trương thanh thế, là dùng con đường quảng cáo qua các cơ quan thông tin đại chúng. Nói một cách công bằng, trên báo chí không có nhiều bài viết «ca ngợi» trực tiếp hoạt động kinh doanh của Thanh Hương, nhưng việc quảng cáo cho Thanh Hương thì không phải ít.

Qua vụ án Thanh Hương, cũng bộc lộ nhiều sơ hở trong các biện pháp quản lý nhằm ngăn chặn những ý đồ lợi dụng chính sách để lừa dảo và trục lợi. Cũng vì thế, ngay trong phiên tòa xử vụ án Thanh Hương, lời buộc tội của công tố viên và lời bào chữa của các luật sư có cự ly quá xa nhau. Điều đó chứng tỏ chính sách cụ thể và hệ thống luật pháp của chúng ta chưa hoàn chỉnh, chưa phù hợp với tình hình thực tế của đất nước. Bản án mà tòa án dành cho từng bị can (dù có thể chưa vừa lòng một số bà con bị hại muốn xử phạt nặng hơn nữa) cũng như lời bào chữa của các luật sư (dù muốn cho các bị can là vô tội) đều không thể tăng giảm tội theo ý muốn chủ quan, vượt qua các khung hình phạt hiện hành.

Trong lúc Đảng và Nhà nước ta đang tập trung giải quyết tình trạng tham nhũng, hối lộ và tiêu cực khác trong xã hội, việc xét xử vụ án Thanh Hương một cách công minh là thước đo sự quyết tâm của cơ quan pháp luật trong việc làm lành mạnh hóa xã hội.

Từ bài học vụ án Thanh Hương và các vụ án khác tương tự, ai cũng đều nhận thấy bọn tội phạm chỉ gieo khốn khổ cho người hị nạn mà còn giúp cho mọi người thấy được cái giá phải trả cho một sự thiếu cảnh giác, cho sự sa sút về đạo đức phẩm chất của người cán bộ đảng viên trước sự cám dỗ của vật chất và đồng tiền, thấy được sự cấp bách phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trước dân của các cơ quan quản lý nhà nước.

5-11-1990

Digitized by Google



Về mối quan hệ giữa những người cộng sản và những người dân chủ—xã hội

NGUYỄN XUÂN SƠN *

LỊCH sử phát triển của nhân loại là một quá trình trong đó con người luôn trăn trở, tìm tòi những con đường, những phương pháp để không ngừng cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội ngày càng tốt hơn. Lịch sử phong trào công nhân quốc tế là lịch sử của cuộc đấu tranh của những người lao động chống lại những nhóm người có đặc quyền chiếm hữu về tư liệu sản xuất, chống lại những hành vi bóc lột tàn bạo, tinh vi cùng với những tha hóa về đạo đức do chính sự đặc quyền đó gây ra. Việc xuất hiện sự đa dạng về tư tưởng và quan điểm trong một phong trào chính trị xã hội rộng lớn như vậy là một điều dễ hiểu. Những người cộng sản và những người dân chủ—xã hội là hai trào lưu chính trong sự đa dạng đó.

Cuộc đấu tranh về tư tưởng và quan điểm đã có rất sớm, ngay từ buổi khởi đầu của phong trào công nhân. Các phương pháp đấu tranh chống giai cấp tư sản càng phong phú; tính chất rộng rãi của phong trào, sự tham gia của các tầng lớp khác nhau trong hàng ngũ công nhân, là cơ sở nảy sinh những khuynh hướng tư tưởng khác nhau trên hàng loạt vấn đề lớn như mục tiêu, con đường, phương pháp, hình thức và lực lượng lãnh đạo của phong trào.

Cuộc đấu tranh tư tưởng gay gắt giữa khuynh hướng cách mạng và khuynh hướng cải lương đã diễn ra trong Quốc tế II, và kết quả là phân thành hai trào lưu vào đầu năm 1919:

* Phó chủ nhiệm khoa « Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế », Học viện Nguyễn Ái Quốc

Digitized by Google

trào lưu cộng sản và trào lưu dân chủ–xã hội. Giữa những người cộng sản và những người dân chủ–xã hội có sự đối lập nhau trên hầu hết những vấn đề cơ bản. Hai định nghĩa «cách mạng» và «cải lương» hoàn toàn phản ánh đúng bản chất tư tưởng của họ.

Chủ nghĩa tư bản lúc bấy giờ đã phát triển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Hàng loạt nước tư bản lớn bước vào sân khấu chính trị quốc tế. Chúng xâu xé nhau để phân chia lại thuộc địa, nhưng chúng lại liên kết chặt chẽ với nhau để giữ vững vị trí thống trị. Chúng thống nhất về tư tưởng với nhau trong việc bóc lột và đàn áp phong trào công nhân. Các công đoàn vàng, các tầng lớp công nhân quý tộc, sự khuyến khích đấu tranh nghị trường và bãi công kinh tế, là những sáng kiến của giai cấp tư sản nhằm tránh một cuộc đụng độ một mất một còn với giai cấp vô sản.

Trong điều kiện như vậy, những luận điểm của chủ nghĩa Béc-xtanh ở Đức hay của phái Min-lơ-răng ở Pháp, của Hội pha biêng ở Anh hay của phái kinh tế ở Nga, rõ ràng không thể chấp nhận được. Các phái đó thực sự là những người biện hộ cho giai cấp tư sản.

Ngược lại là quan điểm của Ăng-ghen, Rô-da Lúc-xăm-bua, Các Líp-nech, Lê-nin... muốn tiến hành một cuộc cách mạng cứng rắn để lật đổ giai cấp tư sản. Và cũng chỉ bằng cuộc cách mạng đó, mới có thể giành lấy dân chủ và quyền lợi kinh tế cho số đông là những người vô sản.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga là một kiểm chứng lịch sử cho tư tưởng cách mạng của những người cộng sản. Cả thế giới đã hưởng về chủ nghĩa Lê-nin và Cách mạng Tháng Mười. Sự phân hóa trong nội bộ các đảng dân chủ–xã hội ở châu Âu chuyển sang một giai đoạn quyết liệt hơn. Việc thành lập Quốc tế III, **Quốc tế cộng sản**, vào tháng 2-1919 đánh dấu sự đoạn tuyệt hoàn toàn giữa những người cộng sản và những người dân chủ–xã hội truyền thống cả về mặt tư tưởng và tổ chức.

Sau Cách mạng Tháng Mười cho đến đầu những năm 50, ảnh hưởng và uy tín của những người dân chủ–xã hội yếu hơn nhiều so với những người cộng sản. Quốc tế cộng sản đã quy tụ hầu hết những người thuộc phái tả trong các đảng dân chủ–xã hội ở châu Âu. Với tinh thần Cách mạng Tháng Mười, Quốc tế cộng sản được coi như Bộ tham mưu phối hợp các lực lượng thuộc đội tiền phong cách mạng của giai cấp vô sản để giành thắng lợi cho cuộc «cách mạng vô sản toàn thế giới».

Trong điều kiện đó, Lê-nin một mặt đấu tranh không khoan nhượng chống những biểu hiện của lập trường cải lương của những người dân chủ–xã hội, mặt khác luôn tìm tòi những giải pháp thỏa đáng để cùng với những người dân chủ–xã hội tổ chức cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa tư bản. Người bác bỏ mọi hành vi, lời nói làm gay gắt thêm sự đối lập với những người dân chủ – xã hội. Tư tưởng của Người là phải đảm nhiệm việc «tổ chức một cuộc đấu tranh chính trị toàn diện dưới sự lãnh đạo của Đảng» để chống giai cấp tư sản, nhưng phải làm thế nào để «tất cả mọi tầng lớp trong phe đối lập đều có thể giúp sức và thực sự giúp sức theo khả năng của họ» cho cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản (1).

Dưới sự lãnh đạo của Lê-nin, Quốc tế cộng sản đã đưa ra khẩu hiệu nhằm lập các chính phủ công nông dựa trên sự hợp tác giữa những người cộng sản và những người dân chủ–xã hội, coi đó là một đối sách

(1) Xem V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t. 6, tr. 109

Digitized by Google

chống giai cấp tư sản. Quốc tế cộng sản cũng đã có một kế hoạch nhằm xây dựng một chính sách mặt trận công nhân thống nhất, trong đó tăng cường phối hợp hành động giữa những người cộng sản và những người dân chủ – xã hội.

Đáng tiếc là tư tưởng đó của Lê-nin đã không được kế tục và phát triển, mà ngược lại, đã bị lãng quên sau khi Người qua đời. Một thời kỳ dài, lẽ ra những người cộng sản và những người dân chủ – xã hội phải phối hợp chặt chẽ với nhau hơn để chống nguy cơ chủ nghĩa phát xít, thì ngược lại, sự đối đầu giữa họ lại tăng lên. Coi những người dân chủ – xã hội là «chủ nghĩa phát xít xã hội», là «tay sai của giai cấp tư sản», là «kẻ thù nguy hại hơn cả chủ nghĩa phát xít», chủ nghĩa Xtalin đã khoét sâu hố ngăn cách và thù địch giữa các đảng cộng sản và các đảng dân chủ – xã hội.

Đến Đại hội VII của Quốc tế cộng sản, khi mọi người thấy rõ tính cấp bách của sự phối hợp hành động giữa các đảng cộng sản và các đảng dân chủ – xã hội để chống chủ nghĩa phát xít, thì chủ nghĩa phát xít đã bành trướng gần khắp châu Âu.

Sự phối hợp muộn màng và yếu ớt đó đã ảnh hưởng không nhỏ tới cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản quốc tế chống chủ nghĩa phát xít. Trong những năm 1923 – 1940, các đảng dân chủ – xã hội tập hợp trong một tổ chức quốc tế lỏng lẻo mà ngày nay nhiều người nghiên cứu vẫn gọi là Quốc tế cải lương.

Khi kết cục cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đã rõ, trước khả năng ra đời của một hệ thống thế giới mới gồm một loạt nước đi theo con đường chủ nghĩa cộng sản, 13 đảng dân chủ – xã hội đã họp bàn với nhau nhằm thiết lập một ủy ban trù bị để tiến tới thành lập lại một tổ chức quốc tế của các đảng dân chủ – xã hội. Hoạt động của các đảng dân chủ – xã hội từ tháng 3-1945 bắt đầu thể hiện một quan hệ đối đầu gay gắt với trào lưu cộng sản.

Hiện nay có một số ý kiến cho rằng lập trường của các đảng dân chủ – xã hội trong khoảng thời gian từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu những năm 70, là sự tiếp tục chủ nghĩa cải lương của Béc-xtanh, Cau-xki trong Quốc tế II. Sự đánh giá như vậy là hời hợt. Thực ra chủ nghĩa cải lương của Béc-xtanh, Cau-xky là một thứ chủ nghĩa cơ hội, một khuynh hướng mà theo Lê-nin, là «mập mờ và ít dứt khoát», nếu xem xét không thận trọng, có thể cho là «cách mạng». Còn lập trường của các đảng dân chủ – xã hội trong giai đoạn 1945 – 1970, là chuyển hẳn sang chủ nghĩa chống cộng một cách công khai.

Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội thành lập Quốc tế xã hội chủ nghĩa, đã tuyên bố đoạn tuyệt hẳn với truyền thống mác xít trong phong trào dân chủ – xã hội, tuyên bố sự trung lập về thế giới quan, và thay thế lý luận mác xít bằng một hệ thống gọi là những giá trị đạo đức với mục tiêu hướng dẫn cải cách xã hội hiện tại. Lập trường của các đảng dân chủ – xã hội đã thể hiện sự công khai bênh vực cho chính sách chống cộng của các cường quốc đế quốc và khối NATO. Họ coi hòa bình là mục tiêu hàng đầu, nhưng lại ủng hộ đế quốc Mỹ xâm lược Triều tiên. Trước sự lớn mạnh của chủ nghĩa xã hội, của phong trào đấu tranh cho hòa bình và phong trào giải phóng dân tộc, Quốc tế xã hội chủ nghĩa đã bắt buộc phải có những bổ sung mới cho các nghị quyết của mình. Tuy nhiên, họ vẫn giữ lập trường chống Liên xô, chống chủ nghĩa xã hội, vẫn giữ thái độ bất hợp tác và thường xuyên công kích các đảng cộng sản cầm quyền.

Từ Đại hội VIII, nội bộ Quốc tế xã hội chủ nghĩa không phải lúc nào cũng

Digitized by Google

có được quan điểm thống nhất của các đảng thành viên về các vấn đề quốc tế. Ở diễn đàn đại hội này, các đại biểu của Đảng xã hội Nhật bản đã chống lại xu hướng bài xô và xu hướng chống cộng.

Ở Đại hội X, Đảng dân chủ – xã hội Đức đã đề nghị tiến hành trao đổi kinh nghiệm giữa các đảng dân chủ – xã hội và những người cộng sản

Ở Đại hội XI, các đại biểu của Đảng xã hội Nhật bản, Đảng dân chủ – xã hội Phần lan đã phản đối các nghị quyết có tính chất chống cộng. Có thể nói từ những năm 70, trong các đảng thành viên của Quốc tế xã hội chủ nghĩa đã phát triển những lực lượng quan tâm tới các vấn đề hạn chế chạy đua vũ trang, lên án chế độ phân biệt chủng tộc. Tại các Đại hội XII và XIII của Quốc tế xã hội chủ nghĩa, những vấn đề như « trật tự kinh tế thế giới mới », cuộc chiến tranh do Mỹ gây ra tại Việt nam, nợ nước ngoài của các nước đang phát triển.. đã được thảo luận sôi nổi.

Đầu những năm 80, xu hướng chống cộng, bài xô của các đảng dân chủ – xã hội đã giảm đi. Họ bắt đầu quan tâm tới nhiều vấn đề thiết thực trong đời sống chính trị thế giới mà chính những người cộng sản cũng đang quan tâm Ở một số nước châu Âu, nơi các đảng dân chủ – xã hội nắm chính quyền, họ đã giải quyết có kết quả một số vấn đề chính trị xã hội của đất nước họ. Vì thế, việc mong muốn phát triển theo mô hình chủ nghĩa xã hội dân chủ đang là một khuynh hướng có thực trong đời sống chính trị thế giới.

Trong giai đoạn hiện nay, khi trước nhân loại đang đặt ra hàng loạt vấn đề chung cần giải quyết, thì việc tăng cường trao đổi kinh nghiệm và hợp tác giữa những người cộng sản và những người dân chủ – xã hội, là rất cần thiết. Lặp lại những khuynh hướng biệt phái, đối đầu, chủ quan trong chiến lược phát triển của từng trào lưu, sẽ gây trở ngại cho cuộc đấu tranh để giải quyết những vấn đề chung.

Những lợi ích của giai cấp công nhân và toàn nhân loại đang là yếu tố tác động cơ bản tới đời sống chính trị quốc tế và tác động trực tiếp tới quan hệ giữa hai trào lưu. Từ Đại hội VIII của Quốc tế xã hội chủ nghĩa đã có sự tham gia của các đại biểu của các đảng cộng sản. Trong dịp kỷ niệm lần thứ thứ 60 và 70 Cách mạng Tháng Mười, Liên xô đã mời nhiều đoàn đại biểu các đảng dân chủ – xã hội. Sự hợp tác của các đảng cộng sản với các đảng dân chủ – xã hội, đặc biệt là với lực lượng thiên tả trong các đảng này, ngày càng phát triển.

Hàng loạt quan điểm của Quốc tế xã hội chủ nghĩa đã có những nội dung mới. So với cương lĩnh được thông qua tại Đại hội I đầu năm 1951, cương lĩnh mới được công nhận tại Đại hội XVIII ở Xtốc-khôm năm 1989 đã có sự phát triển trên nhiều vấn đề quốc tế quan trọng. Được thông qua trong thời gian « chiến tranh lạnh », cương lĩnh 1951 mang tính chất đối đầu căng thẳng. Còn cương lĩnh mới 1989, bắt đầu thể hiện tinh thần xây dựng, quan tâm tới việc làm lành mạnh hóa những quan hệ quốc tế, tới những vấn đề như : bảo đảm hòa bình, an ninh quốc tế, giải trừ quân bị, tăng cường đối thoại Đông Tây, bảo vệ sinh thái, nhân quyền, giúp đỡ các nước chậm phát triển..

Trong tình hình hiện nay, các nước xã hội chủ nghĩa, ở những mức độ khác nhau, đang tiến hành công cuộc cải tổ, đổi mới toàn diện. Đó chính là một quá trình nghiêm túc xem xét điều chỉnh con đường và phương pháp đi đến mục tiêu chiến lược của chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình đó, việc mở rộng giao lưu và đấu tranh về tư tưởng và lý luận cùng với những sự

Digitized by Google

kiện chính trị xảy ra mau lẹ ở hàng loạt nước đã cho thấy rõ một vấn đề : Trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lê-nin và thực tế phát triển của thế giới mà đổi mới cách nhìn nhận chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội dân chủ, chủ nghĩa tư bản.

Cuộc sống đang đòi hỏi một sự hợp tác, thống nhất hành động có hiệu quả. Vì lợi ích của giai cấp công nhân và của mỗi dân tộc. Nhưng hợp tác không có nghĩa là xóa bỏ đấu tranh, xóa nhòa ranh giới giữa cách mạng và cải lương. Trong khi hợp tác và phối hợp hành động với những người dân chủ – xã hội, những người cộng sản một mặt tránh định kiến, mặt khác phải đứng vững trên lập trường, quan điểm của mình. Cần phê phán một cách nghiêm túc những quan điểm và khuynh hướng cải lương cố hữu trong trào lưu dân chủ – xã hội. Cần vạch trần những thủ đoạn mị dân của một số người dân chủ–xã hội mưu toan bảo vệ quyền lợi của giai cấp tư sản, quay lưng lại với giai cấp công nhân, chống lại chủ nghĩa xã hội.

VÌ SAO...

(Tiếp theo trang 74)

mình trong công tác thu thuế. Để tránh các hiện tượng tiêu cực trong việc thu thuế, có thể để cho các cơ sở kinh doanh của tư nhân, cá thể... nộp thuế tại ngân hàng, cán bộ thuế chỉ là người đốc thu.

Cũng cần tăng cường bộ máy thanh tra thuế vụ với một đội ngũ có nghiệp vụ cao, có kinh nghiệm, để làm công tác thanh tra **trước** và **sau** khi thu thuế, kiểm tra hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh và kiểm tra **ngay cả đội ngũ cán bộ ngành thuế**. Những cán bộ thuế nào thoái hóa biến chất, vi phạm những điều quy định, tham ô, nhận hối lộ... cần được xử lý công khai và đưa ra khỏi ngành thuế.

Cùng với các biện pháp trên, cần làm tốt công tác quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thuế có nghiệp vụ giỏi, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Trên cơ sở tiêu chuẩn hóa cán bộ thuế theo chức danh mà tuyển chọn nghiêm ngặt người vào làm trong bộ máy. Không để cán bộ không ngang tầm nhiệm vụ làm lãnh đạo suốt đời trong ngành thuế, dễ tạo nên những « ê kíp cánh hầu » ngăn cản công cuộc đổi mới hiện nay. Mặt khác, cũng thường xuyên thanh lọc đội ngũ cán bộ thuế để bảo đảm yêu cầu về phẩm chất và nghiệp vụ chuyên môn. Về chính sách đối với cán bộ thuế, cần coi trọng: chế độ khen thưởng về vật chất cũng như về tinh thần, chế độ thâm niên công tác, chế độ đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ ngành thuế.

Digitized by Google



Qua sách báo nước ngoài

TÔI ĐÃ NHẠY CẢM VỚI TÁC PHẨM «DÂN CHỦ» CỦA C. MÁC-SE *

GIĂNG RI-XTA **

TÔI thường thức giấc vào nửa đêm để ghi nhớ một câu thơ, một lời nói, một mơ ước. Nhưng những đêm trăng, giấc ngủ không đến. Tôi nhìn trời xem mây đuổi nhau. Không khí trong xanh. Ngôi sao mà người xưa gọi là nữ thần Ác-tê-mít, dường như đắm chìm trong nước của những mặt gương. Còn mặt trăng thì tựa như một con thuyền hay một chiếc xe đang chở linh hồn người chết tới những vùng ma quỷ. Những tháng qua, nhìn trăng dưới gió tiếp tục con đường vĩnh cửu của mình, một câu thơ của A-ra-gông cứ ám ảnh tôi hoài: "Các bạn tôi ơi, mọi cái đã mất cả sao?».

Vì sao tôi không nói điều đó? Phải chăng chúng ta không có nhiều người tự vấn nỗi lòng thầm kín? Và có người chiến sĩ nào lại không tự cảm thấy có lúc nào đấy bị dao động do nghi ngờ, do cảm giác thất bại? Và không chỉ những chiến sĩ, mà ngay cả những người cộng sản hay không cộng sản có một lý tưởng và muốn có một xã hội công bằng và hữu ái hơn? Những người đặt đời mình vào một liên đồ trong đó từ thế hệ này qua thế hệ khác, những hy sinh của hiện tại nói lên niềm hy vọng vào một tương lai tốt đẹp hơn. Người ta không chiến đấu cho riêng mình mà cho cả những người khác nữa. Người ta nhìn LỊCH SỬ như đường chân trời ngày một xa. Người ta sẽ nhắm mắt mà không nhìn thấy lá cờ mơ ước đã trở thành hiện thực tung bay. Người cách mạng biết rằng cuộc chiến đấu là không cùng. Có một sự nối tiếp. Những người khác sẽ hát tiếp bài ca bị ngắt quãng. Bản hợp xướng là toàn bộ những khúc điệu mà mỗi người phải góp phần mình vào.

* Xem báo *Luy-ma-ni-tê*, cơ quan trung ương của ĐCS Pháp, số ra ngày 7-7-1990, tr. 6

** Nhà thơ

Digitized by Google

«Chúng ta không phải những người duy nhất trên thế giới hát» và «hãy biết rằng bao giờ bản hợp xướng sâu sắc cũng trở lại khúc điệu bị ngắt quãng» Các bạn sẽ cho tôi là trích dẫn A-ra-gông nhiều quá. Quả như vậy. Dưới con mắt tôi, phần kết tập «Các nhà thơ» là một di chúc chính trị, triết học của ông. Nó được viết vào những năm 60. Ai đã đọc nó, tán thành nó? Tôi nói về những người lúc này đây, đang trách cứ chúng ta là mù quáng. Ôi, các nhà đạo đức trung thực!

Nó đã khiến chúng ta luôn gắn mình với một sự dảo lộn ghê gớm của LỊCH SỬ. Mọi cái dường như chao đảo cả. Nhưng hãy chú ý, đừng lẫn lộn cách mạng với trở lại trạng thái trước. Câu nói sau đây của Xác-tơ-rơ khiến tôi phải suy nghĩ những ngày này: «Tôi thường nhận thấy: một luận cứ «chống Mác» chỉ là sự trẻ hóa bề ngoài một tư tưởng «trước Mác».

Lâu nay tôi vẫn im lặng... Tôi cảm thấy đau đớn chứng kiến việc đưa mình tới chỗ chết: tôi phải sống vào giây phút kết thúc, thất bại của những gì vì nó mà tôi sống. Đừng nhắc lại với tôi một cách huênh hoang: Chúng ta đang sống vào giờ phút kết thúc của chủ nghĩa cộng sản. Vậy thì hôm nay, ở Pháp, là người cộng sản có nghĩa là thế nào? Chúng ta đã tự lừa dối mình ư? Và phải chăng chúng ta, cũng như cái con người mà Đê-các (Descartes) nói tới ấy, đã mưu phản những mơ ước của mình? Tôi đã tự nói với mình như vậy. «Các bạn tôi ơi, mọi cái đã mất cả sao?».

Tôi đã nhạy cảm với tác phẩm «Dân chủ» không chỉ bởi vì cuốn sách đó là tác phẩm của Tổng bí thư đảng tôi, mà còn bởi vì nó là của một người không muốn nắm lấy «ở khắp nơi» việc trả lời mọi câu hỏi của tôi. Giooc-giơ Mác-se đang dấn thân. Tôi thích sự trung thực và dũng cảm của ông. Ông cho mọi người thấy rõ những ưu tư của mình; ông không che giấu những đối đầu ghê gớm mà thế giới đang trải qua. Theo tôi nghĩ, vấn đề cơ bản mà ông đề cập là vấn đề tên đảng của chúng ta. Nên hay không nên tiếp tục gọi nó bằng tên: Đảng cộng sản Pháp?

Ai thay đổi tên gọi sẽ mất đi bản sắc của mình để kiếm lấy một bản sắc khác. Nếu tôi nói mình không còn là cộng sản nữa, tôi sẽ từ bỏ lý tưởng của tôi! Tôi sẽ phủ nhận lịch sử của tôi, phủ nhận lịch sử của tất cả những ai muốn thay đổi cuộc sống bằng cách biến đổi thế giới. Tôi sẽ thừa nhận là mình đã bị lạc hướng. Giống như chiếc chong chóng, tôi sẽ quay theo chiều gió. Đó quả không phải là cái mà tôi gọi là tính tới thực tế, mà đúng hơn là một thứ chủ nghĩa cơ hội, lẫn lộn phương thức với cách mạng. Và nếu tôi giữ lý tưởng của tôi và chấp nhận việc thay hình đổi dạng, tôi sẽ lừa dối chính mình và lừa dối những người khác. Một thứ sùng bái tên gọi chăng?

Vì sao chúng ta là người cộng sản, hay nói đúng hơn, vì sao chúng ta trở thành người cộng sản? Đối với tôi hôm nay, là đảng viên ĐCS Pháp có nghĩa là thế nào? Có rất nhiều người thay đảng như thay áo sơ mi. Từ **Liên minh vì nền cộng hòa mới** (UNR) tới **Tập hợp vì nền cộng hòa** (RPR), từ **Đảng bộ Pháp của Quốc tế công nhân** (SFIO) tới **Đảng xã hội chủ nghĩa** (PS), từ các phái trung tâm tới **Liên minh dân chủ Pháp** (UDF), tôi còn biết điều gì nữa, người ta đang tìm cách che đậy cái gì? Sự «kết hợp» trong việc sắp xếp lại và thay đổi những chữ cái đầu trong tên gọi tắt các đảng phái kể trên, tóm lại, những thủ đoạn chính trị nhằm mục đích kiếm phiếu bầu bất chấp nhu cầu của mọi người, mới tinh vì làm sao! Giờ đây, vấn đề cơ

Digitized by Google

bản cần trở lại tức thì, cho dù để trả lời trước hết cho mình, là vấn đề: Tôi nói gì, khi tôi tự xưng là cộng sản ? Hãy đọc lại bản « Tuyên ngôn » và mở to mắt ra. Hãy trở lại với cái bản kháng nghị đó của con người đang đòi phẩm giá của mình. Chắc chắn tôi cũng như nhiều trí thức đã để cho mối bận tâm về lý luận yên ngủ. Tôi đã có những điều tin chắc sẵn rồi mà. Tôi là nạn nhân của sự lười biếng của tôi. Tôi không đánh giá thấp những sai lầm có khi là tội ác đã phạm. Tôi nhìn thẳng vào chủ nghĩa Xta-lin. « Chúng ta đã phạm những điều kinh khủng ». Nhưng tôi hướng về tương lai. Tôi mang trong mình nỗi đau về điều đã làm. Tôi không bỏ hoạt động. Tôi không xấu hổ về đảng tôi. Tôi tự hào về đảng tôi. Năm 1990, thật dễ mà nói, như A-ra-gông, điều ông đã buộc phải làm và phải suy nghĩ trong thời kỳ tệ hại nhất của chiến tranh lạnh và chủ nghĩa Xta-lin. Chúng ta hãy ghi nhớ quá khứ. Tôi là con của các bà và các ông đã hy sinh đời mình để thế giới được công bằng, tự do và tốt đẹp hơn. Là con của các bà và các ông đã đấu tranh để giải phóng các dân tộc thuộc địa, và hôm nay đang chiến đấu, chẳng hạn, cho thế giới thứ ba. Người ta sẽ không bao giờ biết đủ rằng ba phần tư số dân trên hành tinh đang chết đói. Nhưng nói thế thì cũng chẳng đem lại bánh mì ! Hãy xem sự thèm muốn ngạo nghễ đối với đồng mác Đức. Bức tường Bec-lin vừa bị phá, lập tức mọc lên ngay bức tường tiền ! Và « con vật nhơ bẩn » của chủ nghĩa chủng tộc, của chủ nghĩa bài Do thái, lại ngóc đầu dậy ở nước ta. Và cũng đừng nói tới những cuồng tín tôn giáo ! Tôi tự nhủ là trên quy mô thế giới cũng như trong phạm vi nước ta, hơn bao giờ hết đang cần có những người cộng sản. Cuộc cách mạng chưa bao giờ kết thúc, ở Liên xô cũng như ở nơi khác. Có lúc mặt trời của một thắng lợi mỏng manh làm chúng ta lóa mắt. Sẽ không có nghỉ ngơi đối với chúng ta.

Không, dứt khoát, tôi sẽ không bỏ lá cờ của tôi vào túi.

Người dịch : **HỒNG LÊ**

Digitized by Google

ТАПТИ КОНГШАН № 12-1990

☆☆☆ ТАПТИ КОНГШАН вступает в свой 36-й год. ВУ ОАНЬ – Полнее осуществлять право народа – хозяина, чтобы содействовать решению актуальных социально – экономических проблем. ХА ХЮИ ЗИАП – Строить сильную партию. ДАО СУАН ШАМ – Демократизация товарного производства при социализме. ИССЛЕДОВАНИЯ☆ ЧАН ДЫК – Разве возвращаемся мы к мелкокрестьянскому хозяйству? ЛЕ ХЫУ ТАНГ – Личными интересами стимулировать активность трудящихся. ТХИЕН НЯН – ХОАНГ КОНГ – Динамичные факторы современного общества. ЗЫОНГ ТУНГ – От «народа как основы основ» до «народа как хозяина». ЧЬЕУ ЛАП – Некоторые соображения о структуре экспорта в нашей стране отныне до 2000г. ОБМЕН МНЕНИЯМИ И ОПЫТОМ ☆ ФАП ТХУ – Об оборонной промышленности нашей страны. НГУЕН ТХАНЬ БАНГ – Обновлять понимание рынка в нашей стране. ДОАН ДИНЬ ХОЭ – Снова о праве собственности на землю. ЧАН ДИНЬ ХЮИНЬ – Повышать руководящую роль первичных парторганизаций на государственных предприятиях. РАССЛЕДОВАНИЯ ☆ ЗОАН ДИНЬ – В чём причины большого недобора торгово – промышленных налогов? ЖИЗНЬ И ИДЕОЛОГИЯ ☆ ХОАНГ ДЬЕН – Пора «генералам» пойти в бой. ПИСЬМА В РЕДАКЦИЮ ☆ ТХАНЬ ТХУЙ – Закончен процесс предварительного следствия, но слухов о нём не стало меньше. В МИРЕ: ПРОБЛЕМЫ И СОБЫТИЯ ☆ НГУЕН СУАН ШОН – Об отношениях между коммунистами и социал – демократами.

REVIEW OF COMMUNISM № 12-1990

☆☆☆ – **Review of Communism** enters its 36th year. VŨ OANH Further promotion of people's mastery so as to contribute to solving urgent economic and social problems. HÀ HUY GIÁP – Building a strong Party. ĐÀO XUÂN SÂM – Democratization of a socialist market economy. **Research – Exchanges of Views** ☆ TRẦN ĐỨC – Are we returning to an economy of small-scale agriculture? LÊ HỮU TẦNG – Stimulating workers' productivity by encouraging individual interests. THIỆN NHÂN – HOÀNG CÔNG – Dynamic elements of the present society. DƯƠNG TÙNG – From «people, the roots» to «people, the masters». TRIỆU LẬP – Suggestions on how to structure exports from now until the year 2 000. **Opinions and Experiences** ☆ PHAN THU' On our military industries. NGUYÊN THÀNH BANG – Renewal of our conceptualization of the home market. ĐOÀN ĐÌNH HOÈ – Discussions on the right of land ownership. TRẦN ĐÌNH HUỲNH – Upholding the leadership of Party units in state-run enterprises. **Investigations** ☆ ĐOÃN ĐÌNH – Why have we lost a large sum in collecting commercial and trade taxes? **Life and Ideology** ☆ HOÀNG DIỆN – It's high time the «general» appeared. **Letters to the Editorial Board** ☆ THANH THỦY – A trial-the lower court has passed judgment but the fallout continues. **The World: Problems and Events** ☆ NGUYÊN XUÂN SƠN – On the relations between the communists and the social-democrats

Digitized by Google

REVUE DU COMMUNISME N° 12-1990

☆☆☆ – **La revue du Communisme** entre dans sa 36e année. VŨ OANH – Mettre davantage en valeur le droit de maître du peuple pour résoudre les problèmes économiques et sociaux urgents. HÀ HUY GIÁP – Edifier un Parti puissant. ĐÀO XUÂN SÂM – Démocratisation à partir de l'économie marchande socialiste. **Etudes — Echanges** ☆ TRẦN ĐỨC – Se peut-il que nous revenions à une économie de petite production agricole? LÊ HỮU TẦNG – Encourager le travailleur par des intéressements matériels. THIỆN NHÂN – HOÀNG CÔNG – Les facteurs ayant un rôle moteur dans la société à l'heure actuelle. DƯƠNG TÙNG – De l'expression « tout émane du peuple » à celle « le peuple est maître ». TRIỆU LẬP – Quelques opinions sur la structure des produits exportés de notre pays d'ici à l'an 2.000. **Opinions et Expériences** ☆ PHAN THU – Quelques réflexions sur l'industrie au service de la défense nationale de notre pays. NGUYỄN THÀNH BANG – Renouveau dans le point de vue du marché dans notre pays. ĐOÀN ĐÌNH HOÈ – Encore des délibérations sur le droit de propriété des terres. TRẦN ĐÌNH HUỲNH – Pour élever le rôle dirigeant des organisations de base du Parti dans les entreprises d'Etat. **Enquêtes** ☆ ĐOÀN ĐÌNH – Pourquoi y-a-t-il de grandes pertes dans la rentrée des impôts sur l'industrie et le commerce? **Vie et Idéologie** ☆ HOÀNG DIỆN – Le moment est venu de sortir « l'atout maître ». **Lettres à la Rédaction** ☆ THANH THỦY – Le tribunal de grande instance a prononcé son verdict mais de nombreux échos du procès se prolongent. **Le Monde: Problèmes – Evénements** ☆ NGUYỄN XUÂN SƠN – Sur le rapport entre les communistes et les socio – démocrates.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 12-1990

☆☆☆ – **La revista del Comunismo** entra en el 36 to año. VŨ OANH – Desarollar mas el derecho del pueblo de hacerse dueño a fin de contribuir a resolver los problemàs urgentes económi os — sociales. HÀ HUY GIÁP – Edificar el Partido sólido y fuerte. ĐÀO XUÂN SÂM – Democratizar la economía mercantil en el socialismo. **Investigaciones – Intercambios** ☆ TRẦN ĐỨC – Acaso volvemos a la economía agricultural de pequeña escala? LÊ HỮU TẦNG – Estimular el espíritu positivo de los trabajadores a traves de los intereses individuales. THIỆN NHÂN – HOÀNG CÔNG – Los elementos esenciales de la fuerza motriza de la sociedad actual. DƯƠNG TÙNG – Desde « el pueblo es la base » hasta « el pueblo es el dueno ». TRIỆU LẬP – Algunas opiniones sobre el organismo de exportacion de nuestro país de hoy hasta el año 2 000. **Opiniones y experiencias** ☆ PHAN THU – Algunas reflexiones sobre la industria de defensa nacional de nuestro país. NGUYỄN THÀNH BANG – Renovar la percepción sobre el mercado de nuestro país. ĐOÀN ĐÌNH HOÈ – Deliberar de nuevo sobre el derecho a la propiedad del suelo cultivable. TRẦN ĐÌNH HUỲNH — A fin de elevar el papel dirigente de la organización de base del Partido en las empresas estatales. **Informe** ☆ ĐOÀN ĐÌNH – Porqué hay gran déficit en los impuestos industriales y comerciales? **Vida e ideologia** ☆ HOÀNG DIỆN – Es momento quando el « general » debe aparecer. **Cartas a la Redacción** ☆ THANH THỦY – Un juicio — la audencia en primera instancia ha sido concluida, pero el eco se queda mucho. **El mundo: Problemas y acontecimientos** ☆ NGUYỄN XUÂN SƠN – Sobre las relaciones entre los comunistas y los demócratas sociales.

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

12-1990
NĂM THỨ XXXVI (420)

☆☆☆ **Tạp chí Cộng sản** bước vào năm thứ 36 1

VŨ OANH – Phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân để góp phần giải quyết những vấn đề cấp bách về kinh tế – xã hội 5

HÀ HUY GIÁP – Xây dựng Đảng vững mạnh 10

ĐÀO XUÂN SÂM – Dân chủ hóa từ nền kinh tế hàng hóa trong chủ nghĩa xã hội 18

Nghiên cứu – Trao đổi

TRẦN ĐỨC – Phải chăng chúng ta trở lại với nền kinh tế tiểu nông ? 22

LÊ HỮU TẦNG – Kích thích tính tích cực của người lao động thông qua lợi ích cá nhân 26

THIỆN NHÂN – HOÀNG CÔNG – Những yếu tố có tính động lực của xã hội hiện nay 32

DƯƠNG TÙNG – Từ « dân là gốc » đến « dân là chủ » 38

TRIỆU LẬP – Một số ý kiến về cơ cấu xuất khẩu của nước ta từ nay đến năm 2 000 45

Ý kiến và kinh nghiệm

PHAN THU – Một số suy nghĩ về công nghiệp quốc phòng nước ta 48

NGUYỄN THÀNH BANG – Đổi mới nhận thức về thị trường ở nước ta 53

ĐOÀN ĐÌNH HOÈ – Lại bàn thêm về quyền sở hữu ruộng đất 57

TRẦN ĐÌNH HUỲNH – Để nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong các xí nghiệp quốc doanh 61

VŨ PHÒNG – Thông tin tuyên truyền trong công tác tư tưởng hiện nay 64

ĐÀO VĂN TIẾN – Suy nghĩ về giá trị của một công trình khoa học 69

Điều tra

DOÃN ĐÌNH – Vì sao thuế công thương nghiệp còn thất thu lớn ? 72

Sinh hoạt và tư tưởng

HOÀNG ĐIỂN – Đã đến lúc « tướng » phải xuất 75

Thư gửi Bộ biên tập

THANH THỦY – Một vụ án – phiên tòa sơ thẩm đã kết thúc nhưng dư âm còn nhiều 78

Thế giới : vấn đề, sự kiện

NGUYỄN XUÂN SƠN – Về mối quan hệ giữa những người cộng sản và những người dân chủ – xã hội 81

Qua sách báo nước ngoài

GIĂNG RI-XTA – Tôi đã nhạy cảm với tác phẩm « Dân chủ » của G. Mác-se 86

Trụ sở Bộ biên tập :
1. Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói : 52061 – 52062

Trụ sở cơ quan thường trú ở miền Nam :
19. Phạm Ngọc Thạch – Q. 3 T. P. Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768 – 22040

Digitized by Google

流圖書公司

In tại Nhà in NHÂN DÂN HÀ NỘI II
Chỉ số : 12651 ISSN 0866 - 7276

Digitized by Google

Giá : 800đ

MỤC LỤC

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
NĂM 1990

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
1 — Kinh tế		
– Những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch kinh tế — xã hội năm 1990	* * *	1
– Có nên giải thể hợp tác xã không?	Trần Đức	1
– Lập lại kỷ cương, từng bước ổn định, tiến tới cân bằng ngân sách nhà nước	Lê Như Bách	1
– Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh phải thể hiện bằng hiệu quả kinh tế — xã hội	Huỳnh Tư	1
– Mở rộng phạm vi kế hoạch hướng dẫn	Trần Kiên	1
– Ba mươi năm thực hiện Tết trồng cây theo lời dạy của Bác Hồ	Phan Xuân Đợt	2
– Về cạnh tranh kinh tế và thi đua xã hội chủ nghĩa	Đan Tâm	2
– Tư tưởng của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước và việc vận dụng ở nước ta hiện nay	Nguyễn Văn Kỷ	2
– Kế hoạch hóa và mở rộng quan hệ thị trường	Phạm Tất Thắng	3
– Rừng tài nguyên và môi trường — suy nghĩ và kiến nghị	Nguyễn Văn Trương	3
– Trung quốc: chính sách kinh tế mở cửa	Nguyễn Quỳnh Uyển	3
– Thuế giá trị tăng (TVA) và việc vận dụng nó trong cuộc cải cách chế độ thuế của nước ta	Nguyễn Sâm	3
– Một số quan điểm mới về kinh tế đối ngoại	Lưu Văn Đạt	4
– Sự bung ra của các quỹ tín dụng — điều mừng và nỗi lo	Huy Minh	4
– Về bao bì, nhãn hiệu hàng tiêu dùng và xuất khẩu ở nước ta	Phạm Phú Uynh	4
– Lâm trường Buôn Gia Vãm quản lý kinh doanh tốt vốn rừng	Nguyễn Thành Văn	4
– Đón chào một thời đại mới của kinh tế thế giới	Lê Tịnh	4
– Hướng đi đúng của một liên hiệp công nghiệp địa phương	Nguyễn Ngọc Khiêm	4
– Tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp ở nước ta	Hoàng Mạnh Tuấn	4
– Lãi suất tín dụng ngân hàng — bài toán khó	Lê Văn Tư	5
– « NEP » và sự vận dụng quan hệ hàng hóa — tiền tệ	Cao Duy Hạ	5

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Hướng giải quyết việc làm ở thành phố Hồ Chí Minh	Chu Thái Thành	10
– Sức khỏe thế hệ trẻ nước ta – thực trạng và giải pháp	Phạm Song	11
– Lãnh đạo và quản lý các hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản	Trần Anh	11
– Kích thích tính tích cực của người lao động thông qua lợi ích cá nhân	Lê Hữu Tầng	12
– Suy nghĩ về giá trị của một công trình khoa học	Đào Văn Tiến	12
IV – Chủ nghĩa xã hội (lý luận)		
– Tính tất yếu lịch sử và bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội	Hoàng Chí Bảo	1
– Sở hữu toàn dân và quyền sở hữu cá nhân – Lợi ích và quyền làm chủ của người lao động	Hà Xuân Trường	1
– Vận dụng đúng đắn tư tưởng của Lê-nin về mô hình chủ nghĩa xã hội	Xã luận	3
– Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa từ đâu ?	Nguyễn Chính	3
– Về bước đi của quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta	Khổng Doãn Hợi	3
– Lê-nin với vấn đề mâu thuẫn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Phạm Ngọc Quang	6
– Vai trò của các « khâu trung gian » trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	Nguyễn Ngọc Long	6
– Dân chủ xã hội chủ nghĩa và tự quản của nhân dân	Vũ Tiến	7
– Tư tưởng Lê-nin về chế độ hợp tác và sự ra đời nền kinh tế mới ở nước ta	Đào Xuân Sâm	8
– Về sự tha hóa của lao động dưới chủ nghĩa xã hội		8
– Kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười năm 90 của thế kỷ XX	Hà Xuân Trường	11
V – Văn kiện – Tư liệu		
– Một bài báo có giá trị lớn của Nguyễn Ái Quốc	★	1
– Hội nghị lần thứ tám BCHTƯ Đảng cộng sản Việt nam (khóa VI)		4
– Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân (Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám BCH TƯ Đảng)		5
– Hội nghị lần thứ chín BCHTƯ Đảng cộng sản Việt nam		9
– Nghị quyết về dự thảo Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ và dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000		9
– Tìm lại bản chính Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ngày 2-9-1945	Nguyễn Thành	9

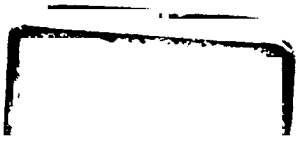
Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 5114





Digitized by Google

